

ĐỜI TÔI

NGUYỄNLIỆU ● 3

ĐỜI TÔI

*Hồi ký * NGUYỄN LIỆU*

TIẾNG QUÊ HƯƠNG ấn hành

Mẫu bìa và trình bày: TỪ PHONG

*

Xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ

Virginia 2008

Tác giả giữ bản quyền

NGUYỄN LIỆU

ĐỜI TÔI

Hồi Ký



MỘT THỜI THỂ và NHỮNG NỖ NIỀM

* Uyên Thao

Một câu hỏi có thể được đặt ra: Nguyễn Liệu là ai? Dù Nguyễn Liệu không là nhân vật chính trường trọng yếu, không nổi tiếng như nghệ sĩ ngôi sao, câu trả lời cũng khá dễ với người từng theo dõi thời cuộc Việt Nam trước 1975.

Nguyễn Liệu từng bị kết án lưu đày Côn Đảo bởi Toà Án Quân Sự Đặc Biệt của chế độ Đệ Nhất Cộng Hoà, từng bắt chấp khuôn phép hành xử thông thường khi đối đầu với Cộng Sản và tề trạng tham nhũng dưới chế độ Đệ Nhị Cộng Hoà. Trong khoảng 10 năm kể từ 1960 khi chưa tới tuổi ba mươi, Nguyễn Liệu đã là đề tài của báo chí qua các hành vi tham gia đảo chánh tổng thống Ngô Đình Diệm, ra lệnh xử bắn công khai cán bộ Cộng Sản, ngang nhiên chiếm toà tỉnh Quảng Ngãi bắt các viên chức cao cấp có hành vi tham nhũng ra cạo đầu cảnh cáo, đồng thời chỉ với hai bàn tay trắng đã tạo dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục, một cơ sở giáo dục miễn phí cho học sinh nghèo cuốn hút sự lưu tâm hưởng ứng khắp miền Nam và nhiều tổ chức quốc tế.

Năm 2000, khi vừa có mặt tại Mỹ và tham dự một buổi sinh hoạt cộng đồng tại đại học George Mason, tôi gặp một người bạn trẻ. Vừa bắt tay tôi, người bạn trẻ vừa tự giới thiệu bằng một câu thật lạ: *“Anh không biết gì về em đâu, nhưng nếu không có những việc làm trước đây của các anh tại Việt Nam thì có lẽ không có em ngày hôm nay.”*

Người bạn trẻ đó là nhà văn Trần Trung Đạo.

Trần Trung Đạo giải thích trước 1975, anh đã vượt qua hoàn cảnh khó khăn của bản thân nhờ chương trình học bổng

Hà Thúc Nhơn và Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Tôi không rõ Trần Trung Đạo nhận sự giúp đỡ ra sao hay chỉ nhận từ đó một khích lệ tinh thần để tự vươn lên. Nhưng ngay lập tức, tôi bỗng nhớ tới Nguyễn Liệu qua những chìm nổi truân chuyên của rất nhiều người, từ hết thầy bạn bè tới người xa lạ và cũng ngay lập tức, một câu hỏi quen thuộc hiện lên: Tất cả đã mong ước gì để bị xô chìm vào cảnh sống truân chuyên kia?

Cái tên Nguyễn Liệu gợi nhắc rất nhanh về một lớp người mà mọi mong ước an lành đã biến thành những ngọn lửa tự thiêu tàn khốc. Trong khoảnh khắc im lặng nhìn Trần Trung Đạo, tôi nghĩ một mong ước chung của tất cả không là gì khác ngoài sự hiện diện trên mảnh đất Việt Nam những con người như người bạn trẻ đang đứng trước tôi — một mong ước không mang tai hoạ nào về cho cuộc sống, ngược lại chỉ giúp cuộc sống có những bàn tay xây dựng, những con tim cháy bỏng nhiệt tình và những trí tuệ phân biệt nổi trắng, đen.

Mong ước không thành thực tế mà còn đưa nhiều thế hệ vào cảnh sống bị huỷ hoại. Tại sao? Thắc mắc đã có từ lâu và gần như luôn gắn liền với những hình ảnh chết chóc, đạn bom.

Ký ức thiếu thời của tôi vẫn sống động hình ảnh một toán thanh niên với gậy dao chạy ngược chiều đám đông tị nạn lao về phía quân Pháp đang xuất hiện để tìm cách cản đường giúp dân chúng có thời gian chạy xa hơn vào một sớm mùa đông 1947. Tôi cũng chưa quên chuyện những người ôm bom ba càng trên đường số 5 cho thân xác nổ tan cùng trái bom để cản bánh xe tăng Pháp và một bài ca về hàng ngũ Bình Xuyên đang đối mặt với quân Pháp tại miền Nam sau ngày 23-9-1945 mà lớp tuổi chúng tôi từng gào trên các nẻo đường Hà Nội năm 1946. Tới giờ này, lời ca còn đọng trong ký ức tôi:

*Bình Xuyên, Bình Xuyên anh hùng muôn năm
Đoàn chiến sĩ máu sôi lòng hờn căm
Gươm vung lên máu trào, muôn đầu rơi sát khí
Ầm vang hét: Chốn sa trường không tiếc thân.
Cùng đi, cùng đi một lòng cùng tiến,
Thề quyết chiến đấu can trường vô biên
Sống thác nào cần chi, giết hết quân thù đi
Lừng tiếng khắp nơi quân Bình Xuyên.*

*Việt Nam, trời Việt miền Nam
Súng bao lần gầm vang,
Quân Bình Xuyên đi lên hiên ngang.
Cờ máu loè bay ánh sao quân Bình Xuyên
Nguyễn đem máu đào dâng Việt Nam yêu dấu
Bốn phương cờ bay
Hồn nước đang hò reo ngàn khúc chiến thắng.
Quân Bình Xuyên, quân Bình Xuyên
Dòng máu anh dũng không hề nguôi
Hỡi ai nhớ chẳng lời nguyện...*

Thuở đó, âm vang tiếng súng *Nam Bộ kháng chiến* cùng những lời ca gần như luôn đặt Hà Nội vào mùa hội lên đường chiến đấu. Nét rạng rỡ trên gương mặt những người ra đi luôn rọi sáng hình ảnh trên đoạn đầu dài của người thanh niên 20 tuổi mang tên Phó Đức Chính mà tôi được nghe kể vào một đêm hè năm 1943 — đúng 13 năm sau ngày 13 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng bị đưa ra pháp trường tại Yên Bái. Chuyện kể về ân huệ cuối cùng dành cho tử tội mà Phó Đức Chính xin được hưởng là bỏ tấm vải che mắt, nằm ngửa trên máy chém để nhìn lưỡi dao chạy thẳng xuống họng mình. Thái độ ngạo nghễ đón nhận cái chết tàn bạo nói lên trọn vẹn tầm mức vô bờ của tình yêu đất nước nơi con tim những con dân Việt Nam. Nhiều thế hệ đã coi mạng sống như mảnh lá khô, tự đi tìm cái chết trong tâm cảnh nhẹ nhàng mà những người từ các phương trời xa thăm cũng không nên nổi cảm xúc ghen ngào khi ghi lại:

“Tôi nghĩ tới những tự vệ công giáo trẻ của Hồ Nai, những thiếu niên 15, 16 tuổi chỉ với một khăn choàng cổ và hai quả lựu đạn vẫn đương đầu với các chiến xa cộng sản! Cùng lúc đó, dưới ánh sáng ở thánh đường, cha mẹ chúng quỳ gối cầu xin Chúa ban cho chúng đủ can đảm để không chùn bước trước cái chết... Ngày mai này, những em bé kia chắc chỉ còn là những xác chết không mồ mả, bỏ mặc làm mồi cho chuột bọ và lũ chó hoang giữa dẫu tích diêu tàn của một thị trấn câm lặng và tang tóc..”

Đó là ý nghĩ của một nhà báo Pháp, Pierre Darcourt, vào đêm 28 tháng 4 năm 1975 khi từ Sài Gòn nhìn về phía Biên Hoà đang đỏ rực lửa dưới cơn mưa đạn pháo. Chiều hôm trước, Pierre Darcourt có mặt tại Hồ Nai đã biến thành tuyến đầu sau

trận Xuân Lộc và chứng kiến người dân tại đây chuẩn bị cho giờ phút đối mặt các đoàn chiến xa Cộng Sản trong cảnh tượng đó (1). Tôi luôn nhớ giây phút cuối cùng của Phó Đức Chính trên máy chém, luôn nhớ những cảnh chiến trường thấm đẫm nước mắt suốt cuộc chiến kéo dài tới ngày 30-4-1975 nhưng không tìm nổi mức hy sinh lớn lao nào, mức đau đớn cùng cực nào, mức cao cả tuyệt vời nào so ngang buổi nguyện cầu của người dân Hồ Nai chỉ xin Chúa ban cho những đứa con giữa tuổi trẻ thơ của mình đủ can đảm bước thẳng tới cái chết. Buổi nguyện cầu bi tráng trong cơn tuyệt vọng vì hơi thở sự sống chỉ còn thoi thóp ngay giữa cái chết cũng diễn tả mức vô lượng của nỗi khát khao được sống bằng quyết định lao vào chính cái chết.

Cho nên, khi nhìn lại ngày kết thúc cuộc chiến Việt Nam, một sử gia đã thấy hiển hiện vết nhơ trong lịch sử nước Mỹ qua phát biểu đầy phần uất của một tướng lãnh Mỹ — thiếu tướng Vernon Walters: “*Chúng ta đã để 39 triệu người rơi vào vòng nô lệ... Tại sao ngay từ đầu chúng ta không chỉ gửi đến đây những người đào mỏ và họ có thể chôn sống miền Nam Việt Nam từ năm 1965, mỏ yên mã đẹp. Lại rẻ hơn nữa...*” (2)

Với riêng tôi, buổi nguyện cầu bi tráng đó đã khua động những âm vang trong ký ức từ nhiều năm trước.

Đầu năm 1955, khi theo đoàn quân tiếp thu từ Sa Huỳnh về thị xã Qui Nhơn, tôi đã lạng người trước cảnh một bà già từ

(¹) Pierre Darcourt — *Vietnam, qu’as-tu fait de tes fils? — Việt Nam, Quê Mẹ Oan Khiên, Dương Hiếu Nghĩa dịch, Tiếng Quê Hương 2007. Vài cảnh chiến trường Việt Nam cuối tháng 4-1975 được Pierre Darcourt kể: “Đến Trảng Bom, lúc tôi rời đám dân lính nạn mà không đủ can đảm nói với họ nửa lời thì một thiếu tá chỉ huy đơn vị Dù tưởng tôi là nhà báo Mỹ chụp cổ tôi và cho tôi một câu với giọng khinh bỉ: “Này! Anh Mỹ kia, ở chiến trường về, anh hãy viết rõ trong tờ báo của anh là lính Dù miền Nam chúng tôi không cần có đô la mới có đủ can đảm chết cho đất nước chúng tôi đâu nghen!” và ở ngay ngã tư Hồng Thập Tự - Lê Văn Duyệt Sài Gòn, “chỉ vồn vện 4 anh lính Dù với súng liên thanh và súng không giật đã quyết chiến trong hơn 50 phút, bắn cháy nhiều quân xa cộng sản, rồi vì hết đạn, họ ra khoảng trống giữa đường, nắm vai nhau thành một vòng tròn, cho nổ một xâu lựu đạn để cùng tự sát”.*

(²) Larry Berman — *No Peace, no honor * Không hoà bình, chẳng danh dự, Nguyễn Mạnh Hùng dịch, Viet Tide 2003.*

đám đông bên đường vụt lao ra ôm một người lính, nói trong tiếng nức: *“Sao các con để mẹ chờ lâu quá vậy? Sao các con không về sớm hơn cho mọi người bớt cực?”*

Câu nói của bà già tả tôi, ràn rụa nước mắt, hai tay run run ôm cánh tay người lính hoàn toàn xa lạ như mũi tên bắn thẳng vào tim tôi. Tôi nghĩ ngay tới cảnh bão táp dập vùi khiến cuộc sống nơi đây chỉ còn là nỗi khát khao căm nín trong xót xa tủi nhục kéo dài gần như vô tận.

Đầu năm 1966, tôi cũng theo một đoàn quân khởi bước từ Sa Huỳnh. Khác với mười năm trước, lần này mỗi bước đi của chúng tôi đều chìm giữa lửa đạn mịt mù khiến nhiều người quanh tôi đã bị vớt lại cho các toán cứu thương hoặc chỉ còn là những cái xác bết máu. Tôi bị vớt lại tại Bồng Sơn không do bom đạn mà do ngất xỉu sau gần trọn bảy ngày đêm căng mắt giữa những trận đánh liên tục. Hình ảnh đầu tiên tôi nhận được là một gương mặt chan hoà nước mắt và câu nói nghẹn ngào: *“Bao nhiêu ngày rồi lúc nào chúng tôi cũng cầu mong các anh sớm trở lại. Khổ cực quá, anh ơi!”* Người nói là một thiếu phụ trong đám dân địa phương vừa giúp tôi tỉnh lại. Tôi ngỡ như đang nghe những lời từ mười năm trước và hình dung mức triển miên bão táp mà người dân nơi đây phải gánh.

Gần như tôi vụt quên hẳn cảnh ngổn ngang giữa trận đánh chưa tàn và sống lại mấy ngày trước với người sĩ quan trẻ chung phòng tại Câu Lạc Bộ Sĩ Quan Quân Đoàn II. Tôi chỉ về phòng vào lúc khuya và luôn thấy anh tắt đèn, ngồi lặng trước cây nến leo lắt đặt trên chiếc bàn nhỏ kê đầu giường. Anh ngồi như thế hàng giờ rồi nằm xuống, không nói một lời. Đêm cuối, trước khi tôi lên đường đi Sa Huỳnh, anh không tắt nến, bước tới ngồi xuống bên tôi và tự giới thiệu. Anh thua tôi mười tuổi, mang nửa dòng máu Việt Nam. Anh cho biết được nghe kể cha anh là người Pháp, nhưng anh chỉ thấy anh là người Việt Nam dù với mái tóc nâu nhạt và cặp mắt pha một chút màu xanh. Anh bị động viên vào Thủ Đức, sau khi ra trường đã có mặt liên tục ba năm tại vùng đất Cao Nguyên. Mấy tháng trước, anh bị thương trong một trận đánh tại Phù Ly, được rút về Quân Đoàn và đang đứng trước hai chọn lựa. Anh có thể giải ngũ hoặc muốn lưu ngũ sẽ được làm việc tại Ban 3 Quân Đoàn. Anh kể

mấy ngày anh luôn ngồi với cây nén vì suốt ba năm qua vào mấy ngày đó đều có đồng đội của anh nằm xuống. Anh thấp nển ngồi nhớ về bạn và để mong những người bạn không may dù ở nơi nào vẫn thấy đồng đội không bao giờ quên sau khi họ ra đi mãi mãi. Cuối cùng, bằng giọng bình thản, anh chậm rãi nói:

- Tôi sẽ xin lưu ngũ để chuyển qua hiện dịch và xin được trở về đơn vị chiến đấu chứ không ngồi ở Ban 3.

Trước cái nhìn thắc mắc của tôi, anh giải thích:

- Tôi đã có mặt nhiều nơi ở Pleiku, Phú Yên, Bình Định nên thấy rõ dân mình cay cực thế nào và đang trông chờ ra sao ở những người cầm súng. Đất nước này là quê của mẹ tôi nên tôi không thể quên những người là đồng bào của tôi. Vả lại, chắc chắn các đồng đội đã nằm xuống cũng không bao giờ muốn tôi bỏ dở công việc. Tôi quyết định rồi. Sáng mai tôi sẽ nộp đơn xin lưu ngũ và xin về bất kỳ đơn vị chiến đấu nào.

Tôi không biết gì về anh từ sau giây phút đó, ngoài một điều chắc chắn là anh có mặt tại một vùng ngập tràn khói lửa hoặc đã biến thành một xác chết bị bỏ làm mồi cho chuột bọ và lũ chó hoang như cách diễn tả của Pierre Darcourt. Nhưng ánh mắt nặng trĩu và giọng nói bình thản của anh đã in vào ký ức tôi bên nỗi đau nhức nhối tiếp tục vò xé cuộc sống của người dân.

*

Mảnh đất Việt Nam không thiếu những con tim sôi sục nhiệt tình, những ý chí sẵn sàng dâng hiến và mạng sống nhiều thế hệ con dân đã biến thành tro bụi, nhưng khắp nơi vẫn chỉ là nỗi khát khao được sống chứ chưa hề có cuộc sống. Tại sao?

Giải đáp được đồng tình hơn hết là Việt Nam do hoàn cảnh đặc thù đã vô phương thoát khỏi đoạn đường bi thương trong thế kỷ bi thương nhất của nhân loại là thế kỷ 20.

Ngay thuở mịt mù với nếp sống văn minh khoa học, Việt Nam đã phải đổ máu cho cuộc thế chiến 1914-1918 ở phương trời xa thẳm với ít nhất 100 ngàn con dân chiến đấu tại Âu Châu mà nhiều người không còn cơ hội trở về.⁽³⁾ Nói tiếp là thế chiến

(³) Stein Tonnesson, *Hanoi's long century — A companion to the Vietnam War*, của Marilyn Young & Robert Buzzanco, Blackwell Publishing, 2002.

1939-1945 mà con em những người từng đổ máu 20 năm trước lại phải đối diện với họng súng Đức Quốc Xã để bảo vệ bờ cõi nước Pháp! Mảnh đất Việt Nam cũng không thoát hậu quả đạn bom nhắm vào quân đội Nhật tàn phá từ Nam ra Bắc mà người dân Hà Nội thuở đó khó quên trận mưa bom trút xuống khu Chợ Hàng Da huỷ diệt trong chớp mắt một đám người hoàn toàn xa lạ với cuộc tranh hùng quốc tế.

Thế chiến 1939-1945 còn biến ít nhất hai triệu người thành bầy ma đói vật vờ mang hình hài những túi da khô héo trước khi trút hơi thở tàn xót xa uất nghẹn trên mọi nẻo đường. Tôi không bao giờ xoá nỗi cảm giác kinh hoàng do một xác người đổ xum ngay trước mặt khi tôi vừa mở cửa vào một buổi sáng và những cỗ xe bò đẩy ấp xác người kéo đi trên đường phố, cùng hình ảnh những cặp mắt hờn sâu như hố thẳm, những thân hình chỉ còn là nắm xương dựa vào bờ vách hoặc gốc cây với hai cánh tay quắt queo vẫn vươn ra như cố cất lời van xin câm nín tuyệt vọng giữa cơn đau xé tận cùng.

Hình ảnh này là bức chân dung sống động và trọn vẹn về cảnh sống Việt Nam suốt thế kỷ qua.

Trong lời giải đáp, mấy tiếng hoàn cảnh đặc thù hàm nghĩa bất khả cưỡng của một tiểu nhược quốc trước các thế lực quốc tế, nhất là trước cuộc cờ lưỡng cực sau Đệ Nhị Thế Chiến đã biến Việt Nam thành trận địa của bốn cuộc chiến — 1945-1954 với Pháp, 1954-1975 giữa hai miền Nam - Bắc, 1976-1989 tại Campuchia và 1979 với Trung Quốc.

Cuộc chiến mở đầu ngày 23-9-1945 dù do tham vọng thực dân của Pháp vẫn thấp thoáng bóng dáng các thế lực quốc tế ở phía sau. Cho tới 1947, Mỹ luôn phản đối Pháp về chủ trương tái chiếm thuộc địa, nhưng một phần ngân quỹ Marshall cùng thiết bị quân sự Mỹ dành cho Âu Châu vẫn được Pháp sử dụng tại Việt Nam (4) và chính giới Pháp vẫn diễn tả cuộc chiến qua khía cạnh ý thức hệ (5). Sau 1947, lập trường Mỹ nghiêng về

(4) Mark Atwood Lawrence, *Assuming the Burden: Europe and the American Commitment to War in Vietnam*, California University, 2005.

(5) Ngày 14-4-1947, dân biểu Maurice Violette nói tại Quốc Hội: “Tình thần quốc gia ở Việt Nam chỉ là phương tiện. Cứu cánh là thực dân Liên Xô.” — *Chính Đạo, Việt Nam niên biểu 1947-1954*. Nxb Văn Hoá 1997.

phía bảo thủ do Pháp chấp nhận giải pháp Bảo Đại trong lúc tín hiệu cộng sản rõ hơn từ tập thể chỉ đạo kháng chiến Việt Nam, đặc biệt do sự kiện Cộng Sản nắm quyền tại Hoa Lục năm 1949.

Đầu năm 1950, tác động quốc tế hiển lộ khi Nga Xô, Trung Quốc thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh và Tây Phương thừa nhận chính phủ Bảo Đại, trong lúc quân Pháp còn hiện diện tại Việt Nam. Ngày 17-4-1950, quân uỷ trung ương đảng Cộng Sản Trung Quốc thành lập nhóm cố vấn quân sự đầu tiên gồm 79 cố vấn cùng một số trợ lý theo yêu cầu của Hồ Chí Minh đề nghị Trung Quốc gửi chuyên viên quân sự qua Việt Nam với tư cách cố vấn ở đại bản doanh và tư cách chỉ huy ở cấp trung đoàn, tiểu đoàn. Viên tướng 47 tuổi nổi danh của Trung Quốc lúc đó là Trần Canh có mặt tại Việt Nam ngày 7-7-1950 và mở ra chiến dịch biên giới Cao Bắc Lạng giữa tháng 9-1950 với chiến thuật “*công đồn dã viện*”.(6)

Việc Trung Quốc trực tiếp tham gia cuộc chiến Việt Nam được xác định bằng chỉ thị ngày 14-3-1950 của Lưu Thiếu Kỳ gửi các cơ sở đảng Cộng Sản Trung Quốc: “*Sau khi cách mạng chúng ta chiến thắng, việc giúp đỡ bằng mọi cách để các đảng Cộng Sản và nhân dân các quốc gia bị áp bức tại Á Châu giành thắng lợi là trách nhiệm quốc tế mà đảng Cộng Sản và nhân dân Trung Quốc không thể thoái thác.*”(7)

Cụm từ “*trách nhiệm quốc tế*” hay “*nghĩa vụ quốc tế*” trong thế giới cộng sản chứa một ý nghĩa cụ thể là mọi đảng cộng sản đều phải chiến đấu chống kẻ thù tư bản Tây Phương trong sự tuyệt đối tuân thủ đường lối của khối Cộng Sản Quốc Tế do Nga Xô lãnh đạo. Từ 1955 tới 1975, Việt Nam được Nga Xô, Trung Quốc và các quốc gia cộng sản khác viện trợ hơn 2 triệu 360 ngàn tấn hàng trong đó có hơn 1 triệu 860 ngàn tấn vũ khí gồm

(6) Trong báo cáo với Đảng Cộng Sản Trung Quốc ngày 22-7-1950, Trần Canh ghi mục tiêu chiến dịch biên giới là “*hủy diệt lực lượng cơ động của địch trên các chiến trường và chiếm một số đồn nhỏ, nhằm giành thắng lợi ban đầu để tích lũy kinh nghiệm và kích thích tinh thần binh sĩ. Sau khi giành thế chủ động hoàn toàn, ta có thể tiến dần tới các trận đánh quy mô lớn.*” — *Xin đọc China and the Vietnam Wars 1950-1975.*

(7) Qiang Zhai — *China and the Vietnam Wars 1950-1975, North Carolina University, 2000.*

hơn 3 triệu 700 ngàn súng đủ loại, hơn 10 ngàn tên lửa và 458 máy bay chiến đấu.(8) Bản thống kê bỏ sót nhiều mặt như số liệu đạn dược, xe tăng, thiết giáp v.v... nhưng con số được nêu đã đủ chỉ tỏ tính quốc tế của cuộc chiến kéo dài trên đất nước Việt Nam sau 1945. Khó thể tin khối lượng súng đạn chiếm 90 phần trăm tổng số viện trợ đó chỉ do “sự ủng hộ chí nghĩa, chí tình của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN anh em”.(9) Và lại, Nga Xô, Trung Quốc luôn khẳng định cuộc chiến Việt Nam là một phần cuộc chiến chống đế quốc và Hồ Chí Minh luôn chỉ thị: “Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa... Cách mạng Việt Nam được cách mạng thế giới ủng hộ và góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đó”.

Thêm nữa, khó thể viện tính chí nghĩa, chí tình ủng hộ cho sự kiện 320 ngàn quân Trung Quốc có mặt tại Bắc Việt từ tháng 6-1965 và việc Trung Quốc xây hải cảng bí mật tại Hải Nam đặc trách đưa vũ khí vào miền Nam Việt Nam.(10) Sự kiện này chỉ khẳng định cuộc chiến Việt Nam không còn là cuộc chiến của người Việt Nam nữa, dù chỉ tẩm máu người Việt Nam.

Tính quốc tế cũng hiển hiện trên trận tuyến đối đầu.

Từ 1947, áp lực chiến tranh lạnh dồn Pháp vào thế phải hạ giảm tham vọng tái chiếm thuộc địa nên giải pháp Bảo Đại hình thành với sự xuất hiện những người Việt Nam yêu nước không chấp nhận Cộng Sản bên cạnh người Pháp. Áp lực chiến tranh lạnh gia tăng do Cộng Sản nắm quyền tại Hoa Lục và sự ra đời của hiệp định Genève 1954 giúp vai trò của hàng ngũ yêu nước được thực sự khẳng định. Nhưng đây lại là thời điểm Hoa Thịnh Đốn nhìn miền Nam Việt Nam như một tiền đồn trọng yếu ngăn chặn Cộng Sản nên ngày 28-4-1956 — ngày người lính Pháp cuối cùng rời khỏi Việt Nam — cũng là ngày miền Nam với tư cách một quốc gia độc lập đã tiếp nhận vai trò miễn cưỡng trước

(⁸) *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước — Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 1996.

(⁹) Như chú thích (10).

(¹⁰) *Vũ Thư Hiên — Đêm Giữa Ban Ngày*, Nxb Văn Nghệ California 1997 & *Eva-Maria Stolberg — America, the Vietnam War and the World*, Cambridge University 2003.

đó của Pháp trong chiến tranh lạnh. Nguy cơ Cộng Sản và hấp lực thuyết Domino khiến Mỹ coi Việt Nam là vấn đề của chính mình tới mức xuất hiện sự mô tả “*biên giới Mỹ mở rộng tới Việt Nam.*” Viện trợ kinh tế Mỹ trở thành đương nhiên cùng với việc Mỹ tích cực giúp miền Nam xây dựng một quân đội hùng mạnh.

Chiến dịch khủng bố của Cộng Sản từ 1956 và chủ trương tấn công bằng vũ lực với việc quân đội miền Bắc xâm nhập miền Nam từ 1959 khiến tình hình nóng bỏng dẫn tới việc 400 cố vấn quân sự Mỹ có mặt tại Việt Nam năm 1961 với nhiệm vụ trực tiếp giúp về tổ chức và huấn luyện. Cuối cùng, mức quyết tâm của Mỹ trong mục tiêu duy trì miền Nam Việt Nam như một vùng đất hoàn toàn vắng bóng cộng sản được thể hiện bằng quyết định trực tiếp tham chiến từ đầu năm 1965.

Thuyết Domino trở thành lạc hậu vào bảy năm sau đó, khi Nga Xô tuy không bỏ giấc mơ nhuộm đỏ thế giới vẫn thấy cần sống chung với Tây Phương, và Trung Quốc đã mở rộng vòng tay đón chào các nhà lãnh đạo Mỹ. Mức quyết tâm của Mỹ hết lý do tồn tại và cách thức tham chiến bất cập gây nhiều khó khăn nội tại khiến Mỹ có cái nhìn hoàn toàn mới: *Dù Việt Nam rơi hẳn vào vòng tay cộng sản cũng chẳng nguy hại gì cho nước Mỹ nên Việt Nam không còn là vấn đề của Mỹ nữa.* (11)

Tác động quốc tế về phía miền Nam tự nguyện triệt tiêu trong khi Nga Xô, Trung Quốc tăng gấp bội mức quân viện cho miền Bắc để dứt điểm cuộc chiến. Vòn vẹn 2 năm từ sau hiệp định ngưng chiến Paris 1973 tới cuối 1974, Bắc Việt nhận 649 ngàn 245 tấn vũ khí — bằng 60 phần trăm mức vũ khí viện trợ 8 năm từ 1965 tới 1972 — còn Mỹ đi từ hạn chế đến ngưng hẳn viện trợ cho miền Nam Việt Nam.

Hồi kết của cuộc chiến không còn gây ngạc nhiên. Cộng Sản Việt Nam đã thắng do chủ trương hoà hoãn từng bị miệt thị là *bợ dít — ass-kiss*— Nga Xô, Trung Quốc của Henry Kissinger.

(11) Tài liệu giải mật của Mỹ công bố ngày 25-7-2006 cho biết ngày 22-6-1972, Kissinger đến Bắc Kinh gặp Chu Ân Lai và đã nói với Chu Ân Lai: “Chúng tôi không nhắm tiêu diệt Hà Nội và ngay cả chuyện thắng Hà Nội, chúng tôi cũng không nghĩ đến. Nếu có thể sống với một chính phủ cộng sản ở Trung Quốc, thì chúng tôi cũng có thể chấp nhận một chính phủ cộng sản ở Đông Dương.”

Nhưng dù “*sạch bóng kẻ thù*” và đất nước hoàn toàn thống nhất, Việt Nam chưa thoát gọng kìm quốc tế mà thời điểm này là tác động từ Nga Xô và Trung Quốc. Chủ trương của Mỹ giúp Nga Xô, Trung Quốc trút được gánh nặng đối đầu với Tây Phương cũng lập tức đặt hai quốc gia này trước mục tiêu tranh giành vai trò lãnh đạo khối Cộng Sản từng dẫn tới xung đột võ trang từ đầu thập niên 1960. Trung Quốc luôn chủ trương không chế các tiểu nhược quốc lân bang trong khi Nga Xô không chấp nhận bị hắt chân khối Đông Nam Á. Việt Nam do quan hệ sẵn có với Nga Xô trở thành con cờ trong cuộc cờ quốc tế mới để gánh chịu thêm hai cuộc chiến — tiến quân vào Campuchia diệt tập đoàn Pol Pot sản phẩm của Bắc Kinh và bị Trung Quốc *tân công trừng phạt* năm 1979.

Gánh nặng trên vai Việt Nam được gỡ bỏ năm 1986 khi Gorbachev hoà giải với Bắc Kinh và đưa ra khuyến cáo: “*Vấn đề Campuchia cần được giải quyết giữa Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia xã hội chủ nghĩa*”.⁽¹²⁾ Khuyến cáo của Gorbachev ngày 28-7-1986 tại Vladivostok khẳng định sự phải tay của Nga Xô với Việt Nam, y hệt tuyên bố của tổng thống Mỹ Gerald Ford tháng 4-1975 là “*hãy gạt vấn đề Việt Nam ra sau lưng*”. Mỹ không còn nhớ những ngày tuyên dương nghĩa vụ bảo vệ nguyện vọng sống trong tự do của người dân miền Nam Việt Nam và Nga Xô cũng quên hẳn nghĩa vụ cách mạng quốc tế từng gắn Việt Nam vào cuộc chiến tiêu diệt tập đoàn Pol Pot.

Nhìn lại từ 1914 tới 1989 khi người lính Việt Nam cuối cùng rút khỏi Campuchia là hơn 7 thập kỷ người Việt Nam liên tục đổ máu cho các mục tiêu của ngoại bang. Hai cuộc thế chiến không dính tới Việt Nam nhưng con dân Việt Nam vẫn phải có mặt ngoài trận tuyến. Cuộc chiến kéo dài 30 năm từ 1945 tới 1975 chỉ nhằm ngăn chống ý đồ bành trướng giữa hai thế lực thù nghịch Tây Phương - Cộng Sản thì cuộc chiến Campuchia từ 1976 tới 1989 do mục tiêu củng cố thế đứng của Nga Xô - Trung Quốc tại Đông Nam Á. Các thế lực quốc tế phải chịu hao tổn các khối lượng tài lực vật lực khổng lồ nhưng tất cả đều đạt dự tính — dù ngoài mong mỏi vẫn do chủ động chọn lựa. Riêng

⁽¹²⁾ Hoàng Dung — *Sau Bức Màn Đỏ, Tiếng Quê Hương 2007*.

đất nước Việt Nam biến thành chiến địa cho đạn bom tàn phá và dân tộc Việt Nam phải đem thân xác nhiều thế hệ con dân ra hứng chịu sức tàn phá của đạn bom chỉ nhận được sự dửng dưng từ mọi phía trước một tương lai mù mịt. Mạng sống người Việt Nam là vật hy sinh không tiếc xót cho các cuộc cờ và khi các cuộc cờ chấm dứt, thân phận dân tộc Việt Nam bị vứt bỏ như một mớ giẻ rách.

*

Giải đáp trên luôn bị phản bác bởi cả hai phía đối đầu tại Việt Nam. Sự phản bác không chỉ nhằm trình bày một quan điểm lịch sử mà khởi từ cách thức đẩy hành động. Sau khi nắm chính quyền, Hồ Chí Minh tuyên hứa chỉ có mục tiêu duy nhất là phụng sự dân tộc và long trọng công bố giải tán đảng Cộng Sản ngày 11-11-1945 để chứng minh giá trị trung thực của lời tuyên hứa trên. Tiếng súng đêm 19-12-1946 được gọi là *“tiếng súng kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.”* Sau hiệp định Genève 1954, ngọn cờ dân tộc tiếp tục giương cao với mục tiêu *“giải phóng miền Nam bị đế quốc Mỹ xâm chiếm”* — dù chính quyền Hồ Chí Minh ký kết chấp nhận chia đôi đất nước. Vai trò Nga Xô, Trung Quốc luôn được diễn tả là do *“nhiệt tâm hỗ trợ của những người bạn chí tình, chí nghĩa, yêu chuộng hoà bình giúp đỡ dân tộc Việt Nam giành lại cuộc sống tự do hạnh phúc trong độc lập.”* Từ 1965, khi Mỹ thực sự tham chiến, ngọn cờ chống xâm lược càng được nêu cao, dù Mỹ luôn giới hạn sự hiện diện ở phía Nam vĩ tuyến 17 và các cuộc tấn công bằng không lực vào miền Bắc được định rõ mục tiêu là ngăn chặn việc xâm nhập binh lực vào miền Nam. Hơn 30 năm sau cuộc chiến, Việt Nam vẫn tuyên dương thành tích *“chiến thắng xâm lược Mỹ để giải phóng miền Nam”* và toàn bộ đau thương phải nhận lãnh là mức hy sinh cần thiết để đạt toàn nguyện vọng dân tộc. *“Đất nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản — dù đảng tuyên bố giải tán từ cuối năm 1945 — đã qua giai đoạn lịch sử hào hùng với sự mạng đập tan tham vọng của một đế quốc sừng sỏ muốn đặt ách thống trị lên đầu dân tộc Việt Nam.”*

Cách diễn tả tương tự nhưng theo hướng trái ngược cũng hiện diện từ hàng ngũ quốc gia Việt Nam. Chưa đầy hai tháng

sau ngày bùng nổ cuộc chiến 19-12-1946, đại diện các tổ chức không chấp nhận cộng sản lưu vong tại Trung Hoa kết hợp thành Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Toàn Quốc với 3 mục tiêu: *tranh thủ độc lập, thống nhất quốc gia và thực thi chế độ tự do dân chủ*. Sự việc diễn ra tại Nam Kinh ngày 17-2-1947 và Mặt Trận đề nghị cựu hoàng Bảo Đại đảm nhiệm vai trò lãnh đạo. Vận động ngoại giao sau đó dẫn đến bản Tuyên Ngôn Chung Pháp - Việt ngày 5-6-1948 khẳng định “*Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam*”.(13)

Chính giới Pháp gồm cả cánh Tả và cánh Hữu đều không chấp nhận bản tuyên ngôn này. Cánh Hữu nói Bảo Đại yêu sách nhiều hơn Hồ Chí Minh và Pháp phải nhượng bộ quá đáng như từ bỏ quyền sở hữu thuộc địa Nam Kỳ, đặt quyền lợi Pháp tại Đông Dương vào thế mất bảo đảm. Riêng cánh Tả đòi thương thuyết với Hồ Chí Minh, vì theo quan điểm của cánh Tả, Hồ Chí Minh là người tranh đấu cho quyền lợi dân tộc Việt Nam còn Bảo Đại chỉ là nhân vật ham hưởng thụ, nhất là đã giao Đông Dương cho Nhật.(14) Hơn một năm sau, chính quyền Pháp mới vượt qua sự chống đối để ký kết thoả ước Elysée ngày 21-6-1949 giữa tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại mở đường cho chính phủ Bảo Đại ra mắt ngày 1-7-1949 với tư cách đại diện một quốc gia độc lập là Quốc Gia Việt Nam. Đầu năm 1950, chính phủ Bảo Đại được Mỹ, Anh, Thái Lan vv... công nhận và là thành viên tại hội nghị Genève năm 1954 bên cạnh Anh, Mỹ,

(13) Đại diện Pháp Bollaert cùng 8 đại diện Việt Nam họp trên chiến hạm Duguay – Trouin trong vịnh Hạ Long ngày 5-6-1948, ký bản tuyên ngôn 3 điều với điều 1 nguyên văn như sau: “La France reconnaît solennement l’indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l’Union Française en qualité d’État associé à la France — Pháp Quốc long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam, theo đó Việt Nam tự do thực hiện thống nhất lãnh thổ. Về phía mình, Việt Nam tuyên bố gia nhập Liên Hiệp Pháp với tư cách quốc gia hợp tác với Pháp.”

(14) Dân biểu J. Guillon mặt sát Bảo Đại là dày tớ Nhật (*valet des Japonais*), dân biểu Marc Dupuy kết án Bảo Đại giao Đông Dương cho Nhật, còn cựu thủ tướng Léon Blum phát biểu trên báo *Le Populaire* ngày 6-8-1947 “chỉ có Hồ Chí Minh mới xứng đáng đại diện cho dân chúng Việt Nam”. *Chính Đạo — Việt Nam Niên Biểu 1947-1954, Văn Hoá 1997.*

Pháp, Nga Xô, Trung Quốc và chính phủ Hồ Chí Minh. Ngày 6-6-1955, Phạm Văn Đồng tuyên bố sẵn sàng cùng chính phủ Ngô Đình Diệm chuẩn bị tổng tuyển cử thống nhất theo hiệp định Genève. Ngày 6-7-1955, thủ tướng Ngô Đình Diệm nêu điều kiện cần thiết cho một cuộc tổng tuyển cử công bằng là miền Bắc phải tôn trọng tự do ngôn luận, đồng thời tuyên bố chính phủ do ông lãnh đạo đã từ chối ký vào bản hiệp định chia đôi đất nước nên không bị ràng buộc bởi điều khoản nào.

Tình hình diễn biến trở trên là miền Nam không ký hiệp định Genève 1954 nhưng trong hành động luôn tuân thủ quyết định chia đôi đất nước, còn miền Bắc từng ký hiệp định lại hành động như không có bản hiệp định. Chiên dịch đồng khởi năm 1956 với hoạt động ám sát, phá hoại do lực lượng cài đặt bí mật từ tháng 7-1954 đe dọa nặng nề đời sống miền Nam và cuộc chiến kết thúc bằng hiệp định Genève 1954 thực sự tái diễn từ 1959, khi miền Bắc đưa quân xâm nhập. Trước quốc tế miền Bắc diễn tả là “*dân chúng miền Nam đói khổ vì bị áp bức bóc lột đang nổi dậy chống tập đoàn nguy quyền tay sai đế quốc để giải phóng đất nước khỏi ách xâm lược Mỹ.*” Ngược lại, chính quyền miền Nam kết án tập đoàn lãnh đạo miền Bắc nối gót Lê Chiêu Thống, Trần Ích Tắc làm công cụ cho Nga Xô, Trung Quốc theo đuổi tham vọng cộng sản hoá toàn cõi Việt Nam, gây chiến đặt miền Nam vào thế bất buộc phải tự vệ. Miền Nam không chối bỏ vai trò của các quốc gia cùng chia xẻ gánh nặng chiến tranh nhưng khẳng định *cuộc chiến nhằm bảo toàn đời sống an bình của miền Nam trước hiểm hoạ xâm lược cộng sản.*

Bằng chứng được cả hai phía viện dẫn là vô tận hành vi tự nguyện dâng hiến của người dân từ khi nổi tiếng súng kháng Pháp tại Sài Gòn ngày 23-9-1945 tới khi cuộc chiến kết thúc ngày 30-4-1975 từng được không ít người trên thế giới ngưỡng mộ. (15) Không thể quên phóng đại — thậm chí bịa đặt — vốn

(15) Tác phẩm *Vietnam Will Win* của Wilfred Burchett phát hành năm 1968 và tái bản nhiều lần với lời nhấn mạnh về nội dung là “ghi lại những thực tế chứng minh lý do dân chúng miền Nam Việt Nam chiến thắng đế quốc Mỹ và khiến lịch sử Việt Nam trở thành một phần lịch sử thời đại — ... Why the people of South Vietnam have already defeat U.S imperialism ... Vietnam have become a part of the history of our times”

là công tác chủ yếu trong kế sách tuyên truyền Cộng Sản nhưng không thể phủ nhận quyết tâm phụng sự ý hướng chung của toàn dân nơi hầu hết những người thực sự đối đầu với súng đạn, dù ở chiến tuyến nào.

Tuy nhiên thực tế sáng chói truyền thống yêu nước lại chỉ dẫn tới những dòng nước mắt tức tưởi trong tâm trạng bị lườm gạt và phản bội. Đó là những dòng nước mắt của Dương Thu Hương khi đặt chân tới Sài Gòn năm 1975 để thấy cảnh tượng trước mắt hoàn toàn khác những điều từng nghe từ tuổi trẻ thơ, những dòng nước mắt của Vũ Cao Quận *sau khi đi suốt một chặng đường dài máu lửa để chỉ thấy thân phận dân tộc chẳng khác gì lũ chim cánh được chuyển từ cái lồng sắt đen sì của chế độ thuộc địa sang cái lồng sơn son thiếp vàng lòe loẹt của chủ nghĩa xã hội* (16), những dòng nước mắt giữa mặt trận Bồng Sơn năm 1966 của người thiếu phụ quê mùa khát khao được sống hay những dòng nước mắt của người lính miền Nam, trung tá Trần Ngọc Tấn, hai mắt đỏ hoe ngày 28 tháng 4 tại Sài Gòn, vừa níu tôi vừa hỏi trong tiếng nấc: *“Tại sao bản thân tôi, một thành Trung Tá sẵn sàng cầm súng vẫn phải vứt súng, bỏ xe để tháo chạy”*... Những dòng nước mắt đó có lẽ chan hoà trên khắp nước, bởi sau khi vắt kiệt máu để phụng sự công ích, mọi người đều thấy mình đang đối diện với một thực tế phũ phàng.

Tại sao?

Phải chăng vì Việt Nam vô phương thoát cảnh bị chi phối và cuối cùng bị bỏ rơi tàn nhẫn bởi các thế lực quốc tế? Phải chăng các tập thể đấu tranh đã lạc đường vì tham vọng quyền lực? Phải chăng công lệ lịch sử luôn đặt người dân và các tập thể cầm quyền vào hai hướng ngược chiều nên người dân dù có vắt kiệt máu để phụng sự công ích thì cuối cùng vẫn phải ôm nỗi *khát khao được sống thay vì được sống?*

*

Trên thực tế, tác động quốc tế và truyền thống yêu nước của người dân đều hiện diện trong thời thế Việt Nam và là lực đẩy Việt Nam vào cảnh tương tàn không cho mục tiêu nào trong

(16) Vũ Cao Quận — *Gửi Lại Trước Khi Về Cõi, Tiếng Quê Hương* 2006.

khát khao được sống của người dân. Truyền thống yêu nước đã hình thành và nuôi dưỡng mọi cuộc chiến trong khi diễn biến mọi cuộc chiến nằm gọn trong tay các thế lực quốc tế. Người dân Việt Nam với truyền thống yêu nước tự nguyện lao vào cuộc chiến nhưng quên hẳn kẻ thù mà mình đang cố tàn sát chỉ là người chung huyết mạch, chung nỗi khát khao. Với hàng ngũ cộng sản, cho tới đầu năm 1965, kẻ thù đế quốc Mỹ hoàn toàn vô hình trong mọi vụ ám sát, tấn công. Ngược lại, với hàng ngũ quốc gia tại miền Nam, kẻ thù Cộng Sản chỉ là hoả tiễn Sam, tiểu liên AK, chiến xa T.54 ... Thực sự đối mặt với đạn bom dù ở chiến tuyến nào đều là người Việt Nam và đều mang niềm tin đang phụng sự dân tộc. Khi đạn bom ngưng tiếng, cơn mê sáng tàn sát biến thành cơn mê sáng tự hào để kéo dài cảnh phân tranh vô nghĩa và mục tiêu vun bồi cuộc sống người dân tiếp tục là một chiêu bài, không hơn không kém. Đoạn đường đầu rơi máu chảy tang tóc đau thương đã qua, nhưng tiếp nối chỉ là đoạn đường tê bại của cả con tim lẫn khối óc để hình thành một thời thế với đặc trưng nổi bật là vô cảm vì nhẫn tâm và mù loà vì xuẩn ngốc. Vì thế, cuộc chiến Việt Nam đã được coi là cuộc nội chiến bi thảm trong khung cảnh ý thức hệ.⁽¹⁷⁾ Tính bi thảm không chỉ do nòi da xáo thịt như thời Trịnh - Nguyễn phân tranh mà bởi trí não tối tăm của người lao vào cuộc chiến nhưng không hề hay biết — hoặc biết hoàn toàn sai — về mục tiêu cuộc chiến. Vượt xa hơn, cuộc chiến còn đặt toàn thể dân tộc vào tình thế chia lìa chưa biết thuở nào hàn gắn nối.

Dù có tổn thương lòng tự hào dân tộc cũng phải nhìn nhận chính bản sắc phân hoá và trình độ giới hạn đã khiến Việt Nam rơi vào vòng chi phối. Bởi sau đệ nhị thế chiến, Việt Nam không phải tiểu nhược quốc duy nhất chịu ảnh hưởng chiến tranh lạnh hay tiểu nhược quốc duy nhất đối đầu với thế lực thực dân. Nổi bật hạnh không hoàn toàn khởi từ yếu tố khách quan mà phần quan trọng nằm ngay trong quyết định chủ quan giữa một tình thế đòi hỏi thận trọng cân nhắc.

Truyền thống yêu nước và trình độ giới hạn — hay thuộc

⁽¹⁷⁾ *Larry Berman — No Peace, no honor * Không hoà bình, chẳng danh dự, Nguyễn Mạnh Hùng dịch, Viet Tide 2003.*

tính nhẹ dạ? — đã giúp củng cố vị thế của đảng Cộng Sản vốn chỉ mượn mục tiêu giải phóng dân tộc làm chiêu bài để biến dân tộc thành công cụ. Kế tiếp, bản sắc phân hoá từ nếp sống xã thôn biệt lập lâu đời đã dễ dàng tạo tinh thần tự mãn tự tôn với thái độ cố chấp quyết liệt phủ nhận mọi dị thể bằng biện pháp tận diệt. Trắng đen, thật giả, phải trái, thiện ác, lợi hại... không là chuyện cần cân nhắc trước cơn thôi thúc nặng tính bản năng của yêu cầu tự mãn tự tôn u tối. Từ đây, việc nhúng tay vào máu đồng loại, tàn sát người cùng huyết mạch trở thành nhiệm vụ tất yếu để tạo thế độc tôn cho thứ chân lý của riêng mình và hậu quả tất yếu đã hình thành lực lượng chống đối không kém quyết liệt để sống còn.(18)

Cuộc chiến tương tàn trở thành bất khả tránh.

Thực ra, từ hai thập kỷ trước khi thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, cuộc chiến đã khởi nguồn do chủ trương độc chiếm chính trường của đảng Cộng Sản và phản ứng đối đầu của các tổ chức chống thực dân đương thời. Cho nên, dù không thể phủ nhận tác động quốc tế trong mọi cuộc chiến tại Việt Nam cũng không thể phủ nhận chính Việt Nam đã tạo cơ hội cho các thế lực quốc tế tranh hùng bằng xương máu người Việt Nam và tinh thần tự mãn tự tôn u tối còn đặt Việt Nam vào thế tình nguyện tiếp tục đóng vai công cụ hiến dâng xương máu (19), kéo dài tình trạng đối kháng giữa hàng ngũ dân tộc cho

(18) Bức thư của Bảo Đại là Phạm Văn Bình ghi lại khi đại diện Việt Nam gặp tổng thống Vincent Auriol tại Paris vào dịp vận động cho thỏa ước Elysée đã trả lời một câu hỏi của tổng thống Pháp: “Tổng thống hỏi tại sao Bảo Đại và tôi bỏ Hồ Chí Minh ư? Sự thật không phải Bảo Đại và tôi bỏ Hồ Chí Minh mà chính Hồ Chí Minh đã bỏ chúng tôi. Nếu Hồ Chí Minh không dùng chính sách đảng trị độc tài để cộng sản hóa toàn thể dân tộc Việt Nam thì tới bây giờ Bảo Đại vẫn còn là Cố Vấn Tối Cao của chánh phủ Hồ Chí Minh và tôi vẫn còn là một viên chức ngoại giao của Việt Nam. Chúng tôi không may có một ông chủ tịch đầy kinh nghiệm, đầy khôn ngoan, đầy tư cách lãnh đạo nhưng lại hoàn toàn nhuộm đỏ. Chúng tôi muốn sống trong tự do tín ngưỡng, tự do dân chủ nên chúng tôi phải ủng hộ một giải pháp quốc gia thuần túy để chống lại nạn độc tài cộng sản” — Tuần báo Đồi số 28, Sài Gòn 4-1970.

(19) Tháng 8-1976, tại hội nghị các quốc gia không liên kết ở Tích Lan, Phạm Văn Đồng tuyên bố Việt Nam coi hết thấy các quốc gia ASEAN lân bang như công cụ của đế quốc Mỹ và Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ nhân

đến ngày giờ này,(20) khi chủ thuyết cộng sản đã được nhận diện là nguồn cội gây ra các tội ác cho nhân loại.

Khó thể tìm nổi diễn tả nào chính xác hơn hai tiếng *bi thảm* để nói về đoạn đường lịch sử Việt Nam từng trải nghiệm. Bi thảm không do nỗi đau thương phải nhận chịu mà do chính sự tự nguyện gieo rắc và nhận chịu mọi đau thương bằng thái độ tự hào ngay cả khi cầm dao chặt đầu một người cùng huyết mạch. Mọi kẻ thù ngoại bang chỉ là chiêu bài, là lý có thôi bùng ngọn lửa hận thù giữa con dân Việt Nam để lừa tất cả vào vòng tàn sát lẫn nhau không hề bận tâm về nguyên do thúc đẩy và mục tiêu nhắm tới. Ghê hãi chém giết chắc chắn luôn là tâm trạng chung của con người, nhưng với riêng người Việt Nam trên đoạn đường vừa qua, chém giết cũng là nguồn cung ứng những cảm xúc thoải mãn, những kích động kiêu hùng cuốn hút. Đây là điều được chứng minh bằng vô vàn hình trạng sinh hoạt từ nội dung các sáng tác nghệ thuật đến mọi tiêu hướng chính trị, xã hội luôn ngưỡng mộ tôn thờ hành vi nhúng tay vào máu đồng bào như công ơn lớn. Ánh sáng chỉ đạo cuộc sống được thấp lên bằng máu và chân lý cuối cùng phải đạt tới là tận diệt bất kỳ kẻ nào không tụng chung bản kinh cầu. Hai tiếng dân tộc

dân các quốc gia này đạt một nền “độc lập thật sự” — Hoàng Dung, Sau Bức Màn Đỏ, Tiếng Quê Hương 2007.

(20) Ngày 9-11-2004, qua đài BBC vẫn có những phát biểu về cuộc chiến Việt Nam tiêu biểu cho một nỗi trạng tự hào u tối: “Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là tất yếu của lịch sử. Trước khi Đảng Cộng Sản ra đời, đã có nhiều Đảng phái ra đời, nhưng có Đảng phái nào tập hợp nổi lực lượng để đấu tranh giành được độc lập cho dân tộc đâu... Còn sự nghèo đói và dốt nát là do mỗi người không tự cố gắng để vượt qua... Cuộc chiến Việt Nam là do Đảng Cộng Sản Việt Nam tiên hành nhằm chống lại Đế Quốc Mỹ muốn biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới... Đây là cuộc chiến của người Việt Nam chống chính quyền Mỹ.” và “Với chiêu bài “ánh sáng văn minh hiện đại cho một dân tộc nghèo”, Mỹ dùng đôla, xe tăng, máy bay B52... mượn tay Ngô Đình Diệm đàn áp người dân nghèo, đem máy chém đi khắp nơi khủng bố tinh thần người dân chung dòng máu Việt Nam. Cho đến những tay sai sau này...đều chỉ vì túi riêng mà dựa vào thế lực ngoại bang hà hiếp người dân chung dòng máu Việt Nam. Ngày nay có những người đang hưởng sự tự do của chính quyền hiện tại là Đảng Cộng Sản Việt Nam mang lại mà không biết lo báo đáp, chỉ biết nghĩ và đòi hỏi những lợi ích thấp hèn cá nhân ...”

được nhắc nhở nhiều hơn bất kỳ giai đoạn lịch sử nào cũng chỉ là chiêu bài, là lý cứ để xé nát tập thể dân tộc thành những nhóm tử thù không đội trời chung.

Người trên trận tuyến quốc gia tại miền Nam có thể biện minh bằng tính tự vệ để tồn tại và tính chính nghĩa vì chủ thuyết cộng sản đã hiện hình là một nguồn cội tội ác. Tuy nhiên thay cho sự toả rạng của thực tế sáng tỏ như ánh trăng rằm đó chỉ là nỗi tuyệt vọng của con tim nóng bỏng nhiệt tình giữa những nỗ lực vô bổ của trí não. Trước đòi hỏi của tình thế luôn nằm trong vòng chi phối mật mù gần như các tập thể nắm quyền chỉ đạo đều tuyệt đối tin tưởng tương lai đất nước hoà nhập hoàn toàn với ý hướng của các thế lực quốc tế và đều sẵn sàng tuân theo mọi dẫn dắt. Sự mù lòa không thể phủ nhận đó cùng với bản sắc phân hóa và tham vọng quyền uy khiến ánh sáng chính nghĩa tự vệ để tồn tại luôn bị đẩy qua bên lề cuộc sống.

Sẽ không làm lần khi cho rằng suốt cuộc chiến khởi từ 1954, hàng ngũ quốc gia yêu nước tại miền Nam luôn nằm trong cảnh cố giành cơ hội để phụng sự chứ chưa hề được phụng sự. Những nỗ lực cao cả nhất đều không vươn tới tầm mức đóng góp cho hướng đi chung và cũng xảy ra cảnh hướng tương tự trận tuyến đối đầu là người trực tiếp tham gia cuộc chiến hoàn toàn mù mịt về mục tiêu cuộc chiến hoặc chỉ ngộ nhận mục tiêu cuộc chiến phù hợp với nguyện vọng chung của dân tộc. Cho nên thái độ trách cứ đồng minh phản bội dễ dàng che lấp thực tế là tình trạng u mê của chính bản thân đã đưa mình lạc hướng.

Nhưng trận tuyến quốc gia không gồm riêng người miền Nam từ chối cộng sản, bởi không ít người do thúc đẩy của lòng yêu nước đã đặt mình dưới sự chỉ đạo của cộng sản như Vũ Cao Quận, một đảng viên cộng sản có 38 tuổi đảng từng tâm sự: “*Sự tự nguyện dấn thân của lũ chúng tôi vào cuộc chiến lâu dài của đất nước... là do lòng yêu nước từ ngàn xưa của tổ tiên truyền lại, nó ngấm vào máu thịt chúng tôi, chứ chủ nghĩa Mác-Lênin không hề can dự gì vào đấy cả.*”⁽²¹⁾ Sẽ không khó khăn nếu muốn nêu tên hàng loạt người cùng chung tâm sự với Vũ Cao Quận và không hề là nghi vấn khi xác định suốt cuộc chiến 30 năm qua

⁽²¹⁾ Vũ Cao Quận — *Gửi Lại Trước Khi Về Cõi, Tiếng Quê Hương* 2006.

trên cả hai trận tuyến tại Việt Nam đều hiện diện những người mang tâm nguyện vì dân vì nước.

Tất cả đều thất bại và đều không thể chối bỏ trách nhiệm đưa dân tộc xuống hố lầy tang tóc, đổ vỡ cùng cực dù hậu quả này mãi mãi nằm ngoài ý nghĩ của hết thảy.

Sau ngày ngưng tiếng súng năm 1975 đã có không ít biện giải về nguyên do tạo nên hậu quả đau thương mà dân tộc Việt Nam phải gánh chịu. Người đối đầu với cộng sản nêu nguyên do là sự phản bội nhân tâm của đồng minh trắng trợn vứt bỏ mọi cam kết khiến kẻ ác đã thắng. Người trong hàng ngũ do cộng sản chỉ đạo oán trách sự suy thoái phẩm cách đạo đức và chao đảo về chỉ hướng đấu tranh của tập đoàn chỉ đạo khiến mục tiêu vì dân vì nước biến thành hại nước hại dân.

Mọi biện giải đều được dẫn chứng bằng nhiều thực tế không thể chối bỏ để xô gánh nặng trách nhiệm khỏi bờ vai những người có mặt suốt 30 năm trên các chiến hào. Nhưng dù gắn liền với thực tế tới mức nào, mọi biện giải cũng không xóa mờ nỗi tính quyết định nằm trong chọn lựa tự nguyện của bản thân. Lịch sử không thể hình thành bằng lý thuyết, không thể hình thành bằng tham vọng hay cao vọng nếu thiếu hành động của con người. Mọi lý thuyết, mọi mưu đồ sẽ mãi mãi nằm bên lề cuộc sống nếu con người không thể hiện thành thực tế. Ma quỷ dù thường trực vây quanh vẫn không lãnh thay trách nhiệm cho con người về việc đưa ma quỷ xâm nhập cuộc sống. Tất nhiên càng không thể oán trách ma quỷ đã xoay cuộc sống ngược chiều với nguyện ước của con người. Các tác động quốc tế và tập đoàn cộng sản chi phối mọi diễn biến tại Việt Nam không bao giờ phải gánh chịu hết trách nhiệm về sự hình thành định mệnh đau thương của dân tộc Việt Nam. Cũng không thể quy kết hoặc nguyên rủa các thế lực đó đã phản bội dân tộc Việt Nam, vì hết thảy đều không liên quan tới đất nước Việt Nam và đều có mục tiêu định sẵn với chủ tâm khai thác xương máu người Việt Nam để đạt mục tiêu theo đuổi. Trách nhiệm mãi mãi chỉ đè nặng trên vai những người Việt Nam đặt mình vào vòng chi phối của các thế lực đó.

Con dân Việt Nam đã tự bước vào nẻo cạm bẫy chông gai, đặc biệt là tiếp tay gây dựng đảng Cộng Sản với niềm tin tạo

dựng một lực lượng đấu tranh vì nước vì dân, bất kể thế lực chỉ đạo phía sau là Đông Phương Cục của Đệ Tam Quốc Tế với huấn thị phải coi chủ nghĩa ái quốc và tinh thần dân tộc là các mối nguy cần quét sạch. ⁽²²⁾ Thực tế đó không tàng ẩn mà hiển lộ từ giờ phút đầu đã khiến Phan Bội Châu lặng lẽ ngưng mọi giao dịch với đại diện Nga Xô tại Trung Quốc ⁽²³⁾ và Phan Chu Trinh dứt bỏ quan hệ với người thanh niên do mình dìu dắt nâng đỡ nhiều năm tháng mà sau này mang tên Hồ Chí Minh. Tuy vậy đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn hình thành vì vẫn có sự tán trợ chân tình như Huỳnh Thúc Kháng từng bày tỏ: “*Đã là người Việt Nam thì không ai thiếu lòng yêu nước, dù là người Cộng Sản.*” Vào thời điểm 1945-1946, đảng cộng sản với quyền lực trong tay dồn sức triệt hạ các tổ chức yêu nước bằng mọi thủ đoạn khiến nguy cơ tan vỡ khối đoàn kết dân tộc là mối ưu tư của mọi người. Nhưng thay vì nhìn thẳng vào chủ trương đích thực của đảng Cộng Sản, nhiều người lại nghĩ tình trạng xung đột chỉ do các đòi hỏi quyền lợi phe phái. ⁽²⁴⁾

Nếu có thể ngẩng cao đầu tự hào về nhiệt tình yêu nước của mọi người thì cũng không thể chối bỏ vết đen u tối trong trí não của hết thảy là sự mù loà đã đưa đất nước vào vòng tai hoạ. Nhận thức về thực tế này đã nảy sinh một hối tiếc là thảm cảnh Việt Nam có thể không diễn ra nếu không có vết đen đó. Sẽ

⁽²²⁾ Nghị quyết đại hội V Đệ Tam Quốc Tế tháng 6-1924 ghi: “Điều mà chúng ta bắt buộc các đảng Cộng Sản phải làm là tìm cách vận dụng các phần tử dân tộc... Dĩ nhiên chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc ... mà chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản”. Thực thi nghị quyết này, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, tiền thân của đảng Cộng Sản Việt Nam do Hồ Chí Minh thành lập tại Quảng Châu đã nêu một tâm niệm cho các đoàn viên trên báo Thanh Niên số đề ngày 20-12-1926: “Dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất và chủ nghĩa ái quốc là một điều nguy hiểm”.

⁽²³⁾ Phan Bội Châu Niên Biểu — Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Sài Gòn 1973.

⁽²⁴⁾ Võ Nguyên Giáp kể lại: “Tới Hà Nội gặp chúng tôi, cụ Huỳnh tỏ ra lo lắng về cái mà cụ gọi là tình hình “đảng tranh” hiện thời. Theo ý cụ thì Việt Minh, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội đều tranh đấu cho dân, các vị lãnh đạo đều là người yêu nước đã bôn ba hải ngoại, giờ phải đặt quyền lợi quốc gia lên trên, phải đoàn kết lại, không nên xung đột vì chuyện đảng phái.”— Võ Nguyên Giáp, Những Năm Tháng Không Thế Nào Quên, Nxb QĐND, Hà Nội 2001.

không có tình trạng phân ly dân tộc, không có điều kiện khai thác cho các thế lực quốc tế và chưa chắc đã bùng nổ cuộc chiến với Pháp ngày 19-12-1946 để mở ra nhiều cuộc chiến khác. Bởi không có vết đen đó, đảng Cộng Sản Việt Nam chưa chắc có mặt hoặc chỉ có mặt ở vị thế không đủ sức chi phối tình hình nên mọi diễn biến đã theo chiều hướng khác. Diễn biến đã có chỉ khởi nguồn từ chủ trương độc chiếm chính trường của đảng Cộng Sản. Để đạt toàn chủ trương đó, đảng Cộng Sản đã tàn sát những người yêu nước vào thời điểm 1945-1946, gieo rắc hận thù sâu sắc giữa tập đoàn dân tộc và cũng chính đảng Cộng Sản đã chủ động gây cuộc chiến tương tàn 1954-1975 với không biết bao nhiêu tang tóc bi thương cho đất nước. ⁽²⁵⁾.

Đảng Cộng Sản không ngừng tuyên xưng công ơn giải phóng dân tộc, kết án đế quốc Mỹ trút đạn bom tàn sát người Việt Nam, trút chất độc da cam gây di hại cho nhiều thế hệ vô tội...Nhưng, hết thấy tai hoạ đó có xảy ra chẳng nếu đảng Cộng Sản không đưa quân tấn công miền Nam? Trên thực tế, miền Nam có bị Mỹ xâm lược áp chế tàn khốc đến mức phải hao tổn xương máu hàng triệu người để giải cứu không? Ngót 200 triệu tấn đạn bom của Nga Xô, Trung Quốc đổ vào miền Nam phải chăng không huỷ hoại một mái nhà nào, một mảnh đất nào, không gây tổn thương, tang tóc nào cho người dân?

Như vậy, dân tộc được ban ơn hay ngược lại, chính dân tộc đã ban ơn bằng sự hy sinh xương máu cho đảng Cộng Sản thủ đắc quyền lực trên toàn cõi Việt Nam?

Khẳng định của sử gia Trương Vĩnh Kính về đích nhắm của Hồ Chí Minh ⁽²⁶⁾ có thể coi là lời đáp chính xác nhất cho

⁽²⁵⁾ Theo Stein Tonnesson, mức hy sinh nặng nhất về sinh mạng tại miền Bắc không do bom đạn của không lực Mỹ, mà do việc gửi quân vào Nam gần như không còn bao nhiêu người trở về. Stein Tonnesson còn cho rằng tác động chính từ các cuộc đánh bom của không lực Mỹ tại miền Bắc chỉ giúp cho nỗ lực của chính quyền miền Bắc động viên nhân dân hy sinh thêm.— Stein Tonnesson, *Hanoi's long century — A companion to the Vietnam War, hợp tuyển của Marilyn Young & Robert Buzzanco, Blackwell Publishing, 2002.*

⁽²⁶⁾ “Mối ưu tư của Hồ Chí Minh không phải là sớm khôi phục độc lập cho Việt Nam mà là bằng cách nào có thể giành đoạt và nắm chắc quyền lực tại Việt Nam”— Trương Vĩnh Kính, *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc* * Bản dịch của Thượng Huyền, Hoa Kỳ 1999.

mọi câu hỏi trên. *Độc lập, thống nhất, hạnh phúc tự do* chỉ là các ngôn từ kích động người dân công hiến xương máu mở đường cho đảng Cộng Sản bước lên địa vị độc tôn. Cho nên, thực tế hiện ra sau giờ hân hoan về đích với thắng lợi cuối cùng chỉ là thực tế phũ phàng hoàn toàn khác xa tâm nguyện của hết thảy. *Độc lập, thống nhất* hoàn toàn mơ hồ trong cảnh hưởng đảng cầm quyền là chi thể của một thể lực quốc tế và tâm lý phân ly càng sâu đậm hơn giữa tập thể dân tộc. *Hạnh phúc tự do* cũng nằm trong cõi mịt mù. Chỉ một điều hiển nhiên là mọi hoạ hoạ trong đời sống Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 vẫn tồn tại với mức độ nặng nề gấp bội và đảng Cộng Sản trở thành chủ nhân đất nước, mặc sức coi nhân dân như cỏ rác không được quyền có ý kiến riêng — bất kỳ ai dám suy nghĩ ngoài chỉ hướng đã vạch đều bị thẳng tay trừng trị.

Không nhìn thẳng vào thực tế này chỉ kéo dài ngộ nhận về tính chất cuộc hành trình lịch sử vừa qua và tiếp tục gia tăng mức bi thảm cho nhiều cuộc hành trình sẽ tới. Bởi, hậu quả tất yếu của sự trạng này chỉ tiếp tục củng cố vai trò chi phối của các thể lực phi dân tộc đồng thời duy trì vai trò công cụ lạc hướng của chính bản thân.

Trọn cuộc đời Nguyễn Liệu từ tuổi học trò là nỗ lực tránh xa các tác lực nhân danh vì nước vì dân. Nhưng kết quả thực tế chỉ là trở thành kẻ phản động trước Toà Án Cộng Sản Liên Khu V, kẻ phản loạn trước Toà Án Quân Sự của Đệ Nhất Cộng Hoà ... Những thời điểm thuận lợi nhất để lên tiếng cũng chỉ là tiếng kêu trên sa mạc như khi xúc tiến chiến dịch Về Làng ... vì chưa bao giờ thoát khỏi thân phận châu rìa bên chiếu bạc.

Đây là thân phận chung của hết thảy con dân Việt Nam nhận chân được bóng đêm mịt mù phủ trùm đất nước nhưng luôn phải sống bên lề mọi diễn biến trong khi nhận lãnh tất cả bão táp do các diễn biến mang lại.

Cảnh sống bên lề này chưa ngưng trong khi những dấu hiệu bi thảm từng có tiếp tục hiển hiện.

Khó thể nghĩ khác rằng tình trạng u mê từ đầu thế kỷ 20 vẫn nguyên vẹn nơi trí não nhiều con dân Việt Nam với mức khô héo bi thảm của con tim qua những ý nghĩ sau: “*Tôi thấy thật đáng thương cho một bộ phận người Việt Nam bị các thể lực bên*

ngoài dụ dỗ mà đi theo tiếng gọi của thức ăn Mỹ để làm mất thể diện của đất nước, vi phạm luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế, bỏ nước ra đi, chết hàng trăm ngàn người chỉ để phục vụ cho chiến dịch tuyên truyền tâm lý chiến chống Việt Nam thời hậu chiến của những kẻ xâm lược thua trận tại Việt Nam. Những tấm bia tưởng niệm này cũng là những hồi chuông cảnh tỉnh cho những ai ít học, thiếu hiểu biết chống lại tổ quốc, phục vụ cho việc tuyên truyền tâm lý chiến của họ. Nhà nước Việt Nam cũng nên dùng những cái bia kỷ niệm ô nhục này mà cảnh tỉnh một số phần tử chống phá tại Tây Nguyên ngày nay.”

Đó là phát biểu qua đài BBC của một người trẻ vào lúc tấm bia tưởng niệm những người vượt biên xấu số tại Indonesia bị đục bỏ theo yêu cầu của chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

Thảm cảnh di cư của hơn một triệu người miền Bắc năm 1954-1955 và cuộc vượt biên sau 1975 của người dân Việt Nam là những trang sử nhức nhối về tình trạng đầy đọa con người khiến hầu khắp thế giới đều xúc động, bất bình. Cuộc vượt biên chưa hề có trong lịch sử nhân loại chính là tầm mức cực đại của buổi nguyện cầu cuối tháng 4-1975 của người dân Hồ Nai xin Chúa phù trợ cho con em mình đủ đảm lược đối mặt với cái chết. Đó là chọn lựa cuối cùng để hy vọng gặp lại sự sống đã hoàn toàn vắng bóng tại quê hương.

Người cộng sản do chỉ hướng phân lập diên loạn luôn ngụt lửa hận thù đốt thành tro bụi mọi xúc động, mọi tình nghĩa đồng bào, đồng loại có thể nhẫn tâm vô cảm và hả hê lãng mạ những người chết đập vùi trong đau đớn oan khiên. Nhưng sẽ phải nghĩ sao về những người viện dẫn tình yêu nước, nghĩa đồng bào để bày tỏ niềm tự hào đang phát cao ngọn cờ chính nghĩa bằng các lời hần học rủa xả người đã nằm xuống?

Quả là không thể tìm được diễn tả nào khác hơn hai tiếng *bi thảm* và cũng khó tránh hãi hùng khi nhìn về đoạn đường trước mắt. Vì tiếng súng đã ngưng nhưng cuộc tương tàn vẫn tiếp diễn do mức tối tăm trí não — *hoặc do mức hèn nhát tồi tàn không dám thú nhận một thực tế đã hiển lộ ?* — để kéo dài thân phận tự hiến dâng cho cuồng vọng buộc con người hiền lương phải cúi đầu tôn xưng tội ác. Khó thể tránh nghĩ tới cảnh sống chan hoà nước mắt của người dân Tây Nguyên giữa giờ này vẫn

phải xuyên rừng vượt núi, bất chấp thú dữ rắn độc chỉ để cố rời xa mảnh đất quê hương và cũng không để quên chuyện xảy ra với em nhỏ đã được Trần Trung Đạo ghi lại thành thơ:

*Bên bờ biển Palawan
Có một em bé gái
Tuổi mới chùng lên sáu lên năm
Đang ngồi đếm từng viên sỏi nhỏ
Và nói chuyện một mình*

.....
*Em chỉ ra ngoài Đông Hải mênh mông
Cho tất cả những câu hỏi khác
Mẹ em đâu ?
- Ngủ ngoài biển cả
Em của em đâu ?
- Sóng cuốn đi rồi
Chị của em đâu ?
- Nghe chị thét trên mui
Ba em đâu ? Em lắc đầu không nói*

.....
*Lạ lòng thay một em bé mồ côi
Đã sống sót sau sáu tuần trên biển
Họ kể lại em từ đâu không biết
Cha mẹ em đã chết đói trên tàu
Chị của em hải tặc bắt đi đâu
Sóng cuốn mất đứa em trai một tuổi*

.....
Tôi nhớ lại nụ cười chịu đựng của Phan Như Thức và ánh mắt hiền hoà của Đĩnh Hoàng Sa năm 1987 khi tìm gặp tôi vừa trở lại cuộc sống Sài Gòn. Cả hai đều nói nhỏ như thì thầm: “Nguyễn Liệu thoát rồi!”

Đó là lời báo tin Nguyễn Liệu hoàn tất cuộc vượt biên.

Ý nghĩ nổi lên lúc đó vẫn nguyên vẹn trong trí tôi lúc này là cảm giác cay đắng cho thân phận chúng tôi và thân phận hết thấy con dân Việt Nam suốt một thế kỷ qua. Bởi lối thoát cuối cùng để còn hơi thở chỉ là con đường từ bỏ quê cha đất tổ mà hết thấy từng sẵn sàng vứt mạng sống để giữ gìn vun đắp.

Nhưng, hết thấy có thực sự thoát không sau khi vượt mọi sóng gió hiểm nghèo, vượt qua chính cái chết để đến được vùng đất lạ với những ngày tàn là cảnh sống tha hương?

Hình ảnh em nhỏ trong thơ Trần Trung Đạo và những dòng cảm xúc nơi trang cuối hồi ức của Nguyễn Liệu chỉ đem lại cho tôi một lời phủ nhận.

Cuộc tương tàn do tham vọng điên loạn và mức u tối của trí não đã xô tất cả vào đoạn đường dài bi thảm chỉ có thể tránh xa bằng cái giá chia lìa với mọi thứ thân thương kể cả mạng sống người thân. Đoạn đường đó đã qua nhưng cuộc tương tàn chưa hề chấm dứt để tránh những đoạn đường tương tự bởi sự tê liệt của con tim và khối óc vẫn kéo dài.

Em nhỏ dù lớn lên với bất kỳ thành đạt nào trong cuộc sống có thể dứt nỗi nỗi đau đã phủ xuống đời em từ tuổi ấu thơ? Và, người từng ước mong sớm dứt hết oan khiên cho người cùng huyết mạch có thực sự bình tâm trước viễn ảnh ngày cũ chưa rời khiến ước mong vẫn chỉ là ước mong?

Tôi hiểu do đâu Nguyễn Liệu đã nâng niu những cảm xúc trong ngày người Đông Đức đập tan bức tường ô nhục Bá Linh. Cảm xúc không của riêng một người mang tên Nguyễn Liệu bày tỏ nỗi niềm còn áp ủ tới giây phút cuối đời không của riêng một người Việt Nam ở chân trời nào.

Viễn ảnh đổi thay còn xa hút và hai tiếng *thoát rồi* chưa hề tìm được chỗ đứng. Dù sống ở nơi đâu, giữa cảnh ngộ tốt lành nào, tâm não hết thấy vẫn in hằn những vết thương nhức nhối và tâm nguyện chưa tròn.

Cho nên trang cuối hồi ức của Nguyễn Liệu vẫn thấm đẫm nước mắt giữa cảnh bơ vơ sau những mất mát tận cùng từ ước mong tan vỡ đến khuất bóng bạn bè:

“Thôi, anh Thiệu ạ, đêm nay tôi buồn quá.

Anh chết rồi. Chị Rô chết rồi. Tạ Ký chết rồi. Tôn Nghĩa chết rồi. Phan Nhự Thức chết rồi. Bùi Giáng chết rồi. Nghiêu Đề chết rồi. Đĩnh Hoàng Sa chết rồi...

Tôi không thể viết nữa.”

Virginia, May 20, 2008

● UYÊN THAO

ĐỜI TÔI

Mục Lục

07 * MỘT THỜI THẾ VÀ NHỮNG NỖ NIỀM

● *Uyên Thao*

Phần 1 : 1945 – 1954 ● Trg 37

Lớp Năm trường làng — Nhật đảo chánh ngày 9-3-1945 — Khởi nghĩa 1945 — Anh chị em tôi — Chém Việt gian — Đem cơm tù — Trở lại trường làng — Đi Huế — Thành phố Huế — Thi tiểu học — Trường trung học Lê Khiết — Trường Lê Khiết bị dội bom — Tư tưởng phản động — Các thầy bị bắt — Thầy Lê Học — Các thầy trường Lê Khiết — Công tác Hè — Trốn — Trung vay — Tòa án nhân dân — Chuẩn bị trốn lần thứ hai.

Phần 2 : 1954 – 1963 ● Trg 159

Hiệp định Genève — Hiệp định ký kết — Đêm gác biển cuối cùng — Ra đi — Đêm chợ Được — Hội An — Tiếp thu tỉnh Quảng Ngãi — Ám sát Hồ Thiết — Vụ ám sát hụt — Hồ Thiết chết hụt — Chiến khu Nghĩa Kỳ — Mặt trận đoàn kết ủng hộ Ngô Đình Diệm — Gặp thủ tướng Ngô Đình Diệm — Nghỉ việc đi học lại — Truất phế Bảo Đại — Tướng Lê Quang Vinh bị xử chém — Dạy học — Bị cấm dạy ở trường công lập — Mở trường tư — Ngũ Sáu Sài Gòn — Đảo chánh hụt — Bị bắt — Nhà tù của Mật Vụ Miền Trung — Trung tâm thẩm vấn — Tổ chức giải cờ tướng — Trưa Mừng Một Tết, Mẹ vào thăm — Nhà lao Chí Hoà — Tòa án quân sự đặc biệt xử vụ đảo chánh hụt 11.11.1960 — Đày Côn Đảo.

Phần 3 : 1963 – 1975 ● Trg 295

Đảo chánh — Báo Xuân Việt Nam — Về thăm nhà — Nhập ngũ Khoá 20 trường Bộ Binh Thủ Đức — Chiến dịch Về Làng — Huấn

luyện cán bộ chiến dịch Về Làng — Lễ xuất phát — Phá địa đạo —
Xử bắn cán bộ Cộng Sản — Làng Đức Hải — Cộng Sản tấn công
chiến dịch Về Làng — Làm quận trưởng — Đoàn người nghèo —
Đại hội người nghèo — Tịch thu lúa của Việt Cộng — Bị bắn trong
chiến dịch gặt lúa — Quận Mộ Đức chỉ còn một ấp an toàn — Đền
bù nhà cháy — Hoàn ngân — Tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông
Thôn — Trung tướng Nguyễn Đức Thắng — Đoàn phát lương bị
phục kích — Suýt chết ở ấp đời mới miền Đông quận Tư Nghĩa —
Diệt tham nhũng — Quảng Ngãi Nghĩa Thục — Học sinh tự trồng
hoa chuẩn bị lễ khánh thành — Sáng lập viên của QNNT — Giáo sư
QNNT — Học sinh QNNT — Trí dục — Đọc sách — Viết nhật ký —
Thể dục thể thao — Kỹ luật — Môn tinh thần dân tộc — Giúp đỡ
QNNT — Danh sách giáo sư QNNT — Dựng tượng Lương Văn Can
— Đập tượng Lương Văn Can — Trong tù viết hồi ký về QNNT —
Những chuyện bên lề QNNT — Ký yếu Quảng Ngãi Nghĩa Thục —
Phép lạ do con người.

Phần 4 : Sau 1975 ● Trg 451

Mất Ban Mê Thuật — Đêm cuối cùng ở Chợ Đũi — Chạy giặc
— Chết hụt — Bị bắt — Đến trại Kim Sơn — Đội trưởng Lò Gạch —
Một ngõ ngàng — Ngõ ngàng thứ hai — Sóng gió ở Lò Gạch —
Cán bộ đánh tù — Kiểm điểm Trương Ngọc Hồng — Thêm một sóng
gió — Vượt ngục Lò Gạch — Kế hoạch A và B — Bị kiểm thảo —
Đến trại Xuân Phước — Một cuộc kiểm điểm chua xót — Cá thieu
— Được thăm nuôi — Mãn tù — Nghĩ về những ngày tù — Ra tù —
Lấy gì ăn — Làm đậu hủ — Cắt quần áo — Đứa con đau nặng —
Mẹ qua đời — Cuộc đời lưu vong — Giấc mộng đưa con vào Havard
— Hai con gái vượt biên đến Bidong — Những cái may trong đời —
Rửa tay gác kiếm — Cuối đời nhìn lại — Một ngày quan trọng: Ngày
phá bức tường Berlin.

Phụ Lục ● Trg 681

Lê Vinh Thiệu — NGUYỄN LIÊU
Thơ : HÀ THƯỢNG NHÂN – VÕ THẠNH VĂN
Lưu bút : NGUYỄN HOÀ KIM SON



PHẦN 1

1945 - 1954

Tôi lấy mức 1945, vì năm 1945 cực kỳ quan trọng cho cả thế giới và Việt Nam. Thế giới hoàn toàn mới sau 1945. Tôi sinh vào tháng 10 năm 1932.

Mẹ tôi nhiều lần nhắc lại năm sinh ra tôi, nước lụt ngập cả vườn, sân, đường cái. Nhà cha mẹ tôi vừa là tiệm buôn vừa là nhà ở. Sau khi làm ruộng thất bại ở Vạn An, một làng nhỏ thuộc quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, cha tôi bỏ nghề nông chuyển qua buôn bán tạp hóa gần chợ Long Phụng, bên kia bờ sông Vệ. Đây là một điểm quan trọng trong cuộc đời của cha mẹ tôi và gia đình chúng tôi. Mỗi khi trên bốn mươi tuổi tôi mới hiểu một cách thấm thía cái ý nghĩa quan trọng trong quyết định lớn của cha tôi: bỏ làm ruộng chuyển qua một làng xa lạ để buôn bán. Một hướng đi mới, táo bạo và rất sáng suốt.

Về sau, nhiều lúc tôi tự hỏi tại sao cha tôi quyết định như vậy, một quyết định mà đa số nông dân, kể cả các bác, các cậu, các dượng tôi không ai có. Quyết định táo bạo đó, lúc bấy giờ đã làm phật lòng một số đông, nhất là các bậc trung niên, các cụ các ông, vì cha tôi đã bỏ quan niệm căn bản “*dĩ nông vi bản*” — lấy nghề nông làm gốc. Cha tôi làm sĩ không thành công, vì hồng khoa thi Hội khóa chót, bỏ bút lông cầm bút sắt học quốc ngữ và tiếng Pháp vài năm rồi bỏ cuộc, nên chấp nhận giai tầng thứ tư: buôn bán — *Nhất sĩ nhì nông tam công tứ thương*.

Nói là tiệm buôn, nhưng thật ra là một căn nhà tranh nhỏ, ngó ra mặt đường qua cái sân hẹp. Cũng như phần lớn nhà tranh loại trung bình ở đồng ruộng, một phòng rộng, tương đối gọn gàng sạch sẽ để thờ, tiếp khách gọi là nhà trên, rồi một phòng nữa tiếp theo gọi là phòng ngủ, phần còn lại gọi là nhà dưới, dùng làm bếp, chỗ ăn sát bên cạnh là ảng nước, nơi chăn nuôi heo gà. Nhà chúng tôi là một nhà dài dọc theo đường cái, không có vườn rộng phía sau. Vách làm bằng gạch, tô vôi trắng, cửa rộng nhìn ra mặt đường. Nhà trên cha tôi dành để buôn bán. Bán đủ thứ lật vặt dùng hàng ngày, gọi là bách hóa nhưng ở thuở đó, lại là vùng đồng quê, nên rất đơn sơ. Phía trước là cái kệ để các bánh kẹo loại rẻ tiền cho trẻ con, bánh trắng, bún khô, hủ tiếu khô, năm ba cái chổi đót quét nhà, chổi lông gà quét

bàn ghế. Cái kệ tiếp theo phía sau là giấy, vở, bút chì các lọ mực, cán bút, ngòi bút sắt, các lọ dầu cù là, dầu xanh để xoa khi bị đau đầu, sốt nóng. Trong một hộp đẹp, phía trên lồng kính, đựng kim chỉ, nút áo, kẹp tóc, lược chải tóc, máy lửa, vài con dao nhỏ... Đó là các hàng hóa để phía ngoài cửa sổ lớn, trên vỉa hè. Trong cửa sổ một cái giường tre lớn, trên giường từ ngoài nhìn vào, là các khối xà bông, các chai rượu có nhãn in, nắp đóng kỹ gọi là rượu “vân cư” (loại rượu bình dân lúc ấy), thường khoảng 45 độ, các chồng giấy bồi, giấy vàng bạc, giấy tiền (để cúng), các thẻ nhang, đèn sáp. Vào trong là các cây đèn kim khí, thủy tinh, thấp bằng dầu hỏa. Phía trong cùng, những thùng thiếc tráng dầu hỏa có nắp đóng kỹ, một cái bơm thụt dầu (dùng tay để bơm dầu trong thùng thiếc), trên thùng đặt cái phễu lớn. Người bán hàng ngồi bên góc giường vừa quan sát, canh chừng hàng hóa, vừa tiếp khách mua, vừa trả giá nhận tiền, thối tiền... Phía sau người bán hàng, vài chum có nắp, đựng rượu trắng nấu bằng gạo, loại rượu thường dùng, nhất là trong dịp Tết. Phía trong cùng sát vách tường, một cái kệ cao chất chứa ngăn nắp gọn gàng các món hàng như giấy học trò, nhang đèn, các loại chén, bát, tô, đĩa rẻ tiền thường dùng của dân làng. Các loại bóng đèn bằng thủy tinh, tròn, dài (hai loại thông dụng lúc ấy), một số phong pháo, nhang, khăn lông, hành khô, tỏi khô, tiêu bột...

Dưới mái tranh, ngang qua cửa sổ, một sợi dây kẽm lớn căng thẳng, một số hàng hoá kẹp vào đó như để quảng cáo, để lôi cuốn khách mua hàng. Năm ba đôi guốc sơn đỏ hoặc để nguyên màu gỗ, vài khăn lông lớn, nhỏ, màu trắng, xanh đậm, vài cái áo thun màu trắng, là những vật xa xỉ ở nhà quê. Tôi phải kể linh tinh, dông dài để thấy những món hàng ở một tiệm tạp hóa nhà quê lúc ấy.

Chị lớn tôi tên là Ba vì là thứ ba trong mười hai anh chị em tôi. Anh hai tôi tên Ngôn chết khi chưa tròn một tuổi. Chị tôi có nhan sắc nên có chồng lúc mười bảy tuổi. Chị là người quản trị, thu ngân, kế toán tiệm buôn...

Tôi gần như không nhớ gì về cái tiệm buôn đó. Vì đến năm tôi ba tuổi, cha tôi làm nhà lớn ra ngoài phạm vi chợ Long Phụng, chuyển nghề buôn tạp hoá thành buôn thổ sản, buôn đường mía. Tuy là tiệm duy nhất ở vùng đó nên có nhiều khách hàng nhưng vẫn không khá bởi dân làng đa số nghèo khổ nên

chỉ đến Tết mới mua chút ít thôi. Phần khác, vì chị tôi đi lấy chồng nên cha tôi mất người thu ngân và kế toán vừa giỏi vừa tin cậy.

Chị tôi có biệt tài kể chuyện. Chuyện không đâu vào đâu, chuyện đã nghe nhiều lần mà nghe chị kể lại cũng rất thích thú. Chị chăm chỉ vui vẻ, chịu đựng cuộc đời thiếu thốn, đông con, phải bỏ ruộng vườn tản cư ra thành phố, sống dựa vào đồng lương của chồng. Chị qua đời năm 72 tuổi, có bốn con trai hiện ở Hoa Kỳ, đều rất khá, khiến chị rất vui lòng. Chồng chị, anh Lê Đảnh người hiền lành và cũng rất chăm chỉ. Anh thọ 90 tuổi, vẫn khoẻ mạnh và không rời cảnh gió mát ở đồng ruộng quê nhà Long Phụng, Quảng Ngãi.

Nhà mới của cha tôi là ngôi nhà lớn trong một vườn rộng. Tôi còn nhớ nửa vườn còn lại đã mấy lần làm sân đá bóng cho thanh niên vào dịp Tết. Trong vườn, nhiều loại cây ăn trái rất rậm rạp. Vườn nhà nhìn ra đường cái quan từ Sông Vệ xuống An Chuẩn, vùng biển. Trước là sân vận động, tiếp ra là một công viên rồi đến sông Vệ.

Tôi lớn lên trong ngôi nhà đồ sộ đó.

LỚP NĂM TRƯỜNG LÀNG

Nhà cha tôi cách con đường đất nhỏ là đình chùa, trường học của làng Long Phụng, gọi là trường Long Phụng. Có ba lớp: lớp đồng ấu, lớp nhì, lớp ba. Hai phòng dính liền vách, một phòng rời ra. Phòng rời ra là phòng của lớp ba, lớp cao nhất, thầy hiệu trưởng dạy lớp này. Khoảng 1936-37, tôi năm tuổi bắt đầu học lớp đồng ấu. Chúng tôi đều mặc quần đùi, áo bà ba dài tay phần nhiều mặc đồ mới may, cấp một cuốn vở mỏng, một cây thước, một cây viết chì, một cây viết mực ngòi bằng sắt và một hũ mực nhỏ. Cha tôi dẫn tôi đến trường. Tôi nhớ rất rõ, sáng hôm đó, thầy dạy lớp tôi là thầy Tú. Sau này tôi mới biết thầy là người thi khoa chót và đậu tú tài chữ Hán nên dân làng kính trọng gọi là thầy Tú. Cha tôi lễ phép thưa: *"Tôi đến xin anh cho thằng nhỏ học"*. Sau khi nói với cha tôi vài câu gì đó, thầy nhìn tôi từ đầu đến chân làm tôi hồn vía lên mây. Thầy lấy cuốn sách trên bàn lật trang đầu đưa cho tôi bảo *"Trò đọc thử"*. Tôi ù tai như bất động, cha tôi vỗ nhẹ nhẹ vào đầu tôi bảo *"Thầy bảo con đọc thử, đừng sợ, đọc đi"*. Như cái máy, tôi đỡ cuốn sách,

lục chụp đánh vắn được vài chữ. Cha tôi cười nói “*Anh cho nó học, về nhà tôi chỉ thêm*”. Thầy cười bảo tôi ngồi bàn đầu ngay chỗ cha tôi và thầy đang đứng. Mồ hôi tôi đổ như tắm, tôi kéo vạt áo trước lau mặt, hoàn hồn. Lúc bấy giờ tôi mới thấy độ bốn, năm đứa trai có, gái có ngồi như các pho tượng trong lớp. Trong phòng có khoảng mười cái bàn mới đóng còn thơm mùi gỗ. Cái bàn dính liền với bàn làm tôi rất ngạc nhiên, vì lần đầu tiên tôi thấy cái bàn học trò, khác hẳn những cái bàn ở nhà cha tôi. Phía tay mặt tôi, hai cửa sổ lớn nhìn ra hàng rào keo xanh. Phía trái tôi, hai cửa lớn mở toang nồng nặc mùi sơn mới. Tường mới quét vôi trắng toát, trên cửa viết các câu mà sau này tôi mới hiểu nghĩa, như “*chăm học*”, “*kỷ luật*”, “*vâng lời thầy, mến bạn*”... Gần cửa ra vào là cái bàn của thầy, bên tấm bảng đen dựa nghiêng vào tường. Bảng mới sơn, đen lánh chưa có dấu phấn.

Thầy Tú bắt tôi đọc thử vài chữ là một cách tuyển lựa học sinh. Học sinh nào đọc được thì ngồi một bên, học sinh chưa biết đọc thì ngồi bên kia. Lớp học có độ 40 học sinh, tất cả đều mặc áo bà ba và đi chân trần, không một học sinh nào mang giày dép, đầu tóc đều hót ngắn trụ...

Tôi còn nhớ một số kỷ niệm trong ba năm học trường làng. Kỷ niệm khủng khiếp nhất là quan huấn về thanh tra. Trước đó một tuần, bác phu trường ⁽²⁷⁾ làm việc hùng hục suốt ngày — dọn cỏ trên sân trường, quét xung quanh rào, chùi tẩy các vết bẩn trên tường... Học sinh phải hót tóc ngắn, cắt móng tay, hai bàn tay và tai phải rửa thật sạch, nhất là vành tai. Quần áo cũng phải thật sạch. Tập ngồi ngay lưng, hai tay vòng trên bàn, không được liếc mắt qua bên cạnh, chỉ chăm chú nhìn lên bảng và tuyệt đối im lặng. Các thầy lạnh lùng, nghiêm nghị, cầm cây thước, lăm lăm đi kiểm soát từng học sinh, nhìn từ tóc, vành tai, cổ, xem bàn tay móng tay tới đầu gối, bàn chân... Thầy dặn đi dặn lại rất nhiều lần học sinh phải nhờ cha mẹ, anh chị ở nhà giúp đỡ vì nếu tự làm thì không đạt. Vở phải thay tờ bao mới, có nhãn đề tên họ rõ ràng, các góc cuốn phải vuốt thật thẳng lại, nếu không phải thay vở mới, tuyệt đối không có một vết mực đổ. Hũ mực phải đặt vào cái lỗ trước mặt ở trên bàn. Thước, viết, hòn tẩy phải đặt đúng khe sâu trên đầu mặt bàn. Mặt bàn phải tuyệt đối sạch sẽ, chỗ nào dính mực phải chùi lau, nếu lau

(27) *Người dọn dẹp vệ sinh trong trường.*

không sạch, ông phu trưởng sơn lại chỗ đó.

Về mặt các thầy đăm chiêu, nghiêm nghị quá, làm chúng tôi phát sợ, ngọt ngọt, không dám đùa, cười hay nói lớn. Thầy dặn nhiều lần, khi quan huấn vào vừa đến cửa là tất cả học sinh đồng loạt đứng dậy và đứng thẳng lưng, nhìn lên bảng đen, không được nhìn ngang ngửa, liếc qua liếc lại, tuyệt đối không được gây tiếng động. Để chúng tôi làm nhuần nhuyễn, thầy ra ngoài sân đóng vai quan huấn nghiêm nghị bước vào, vừa đến cửa, chúng tôi đồng loạt đứng dậy, đầu thẳng, mắt chăm chăm nhìn tấm bảng đen. Mỗi buổi học đều làm như thế vài chục lần khi nào thầy thấy tạm được mới cho nghỉ. Chúng tôi hết sức lo lắng, sợ đứng không thẳng, hoặc tạo một tiếng ồn. Cả tuần gần như không học hành gì, mỗi buổi thầy khám một lần, rồi đứng lên ngồi xuống, luyện tập mãi cho thuần thục.

Buổi chiều trước ngày quan huấn đến, thầy hiệu trưởng đi từng lớp kiểm soát lần chót, đầu tóc, quần áo, sách vở... và đứng lên ngồi xuống. Lớp tôi có vài học sinh tóc hơi quá lú vì chưa có tiền hớt bắt buộc phải nghỉ học ngày quan huấn đến. Và mấy học trò tuy gọn gàng sạch sẽ nhưng chưa biết đọc cũng phải ở nhà vì sợ quan huấn bắt đọc thử thì nguy cho cả trường.

Sáng hôm đó, chúng tôi gần như rón rén bước nhẹ vào lớp, không dám ồn ào, ngồi ngay ngắn tại chỗ, mặc dù chưa tới giờ vào lớp. Cả trường im phắc. Thầy nghiêm nghị quá, chúng tôi không dám nhìn thẳng vào thầy. Ngồi ngó chăm chăm lên bảng, lần đầu tiên tôi thấy cặp mắt thừa thãi. Thầy bước ra sân, tôi liếc nhẹ theo. Chờ lâu quá, không ai bảo ai, chúng tôi đều lén nhìn ra sân. Ba thầy đứng lóng ngóng trên sân trường nhìn ra đầu đường vì gần đến giờ quan thanh tra đến. Thầy Tú dạy lớp tôi cùng hai thầy khác đều mặc áo dài đi guốc gỗ, riêng thầy Tú đội chiếc khăn đen ngày thường chúng tôi không thấy.

Một chiếc xe kéo từ xa vào cổng trường.

Các thầy vội vã sửa áo, ra cổng trường đón rước.

Xe dừng lại, một ông già, mặc đồ tây xám, chậm chạp bước xuống. Ba thầy cúi thấp đầu kính cẩn chào. Thầy hiệu trưởng đứng phía trước, vừa cúi đầu vừa đưa hai tay bắt tay quan thanh tra. Khung cảnh cực kỳ nghiêm trang. Quan huấn vóc người ốm xương xương, cao, mắt to, hai gò má cao, má hóp vào khiến sống mũi đã cao càng cao hơn. Hàng râu mép bạc trắng làm cho gương mặt có vẻ một ông già quắc thước và

nham hiểm, nhất là thêm cặp kiếng trắng gọng vàng đeo xệ xuống. Quan huấn trạc năm mươi, không giống bất cứ ai trong làng tôi. Thầy hiệu trưởng khúm núm mời quan vào lớp thầy, tức lớp ba, lớn nhất của trường. Hai thầy kia cúi đầu kính cẩn bước theo sau. Chúng tôi ngồi im phắc như nín thở, nhìn chăm chăm lên bảng đen.

Chúng tôi quá chăm chú gần như không còn đủ sức tập trung nhìn lên bảng, vì rất lâu, lâu lắm, ba thầy cùng quan huấn mới đến phòng chúng tôi. Họ nói tiếng Tây ⁽²⁸⁾. Quan huấn nói với ông hiệu trưởng, hai thầy kia im lặng. Đến cửa phòng chúng tôi, cả ba đều dừng lại. Chúng tôi đều nín thở, mắt liếc ra cửa lớn vì thầy Tú đã dặn nhiều lần và đã thực tập nhiều lần cho chúng tôi, chú ý khi thầy bước vào cửa, phải đồng loạt đều đứng dậy, không được kẻ trước người sau lồi chồi. Bởi vậy chúng tôi đều chờ dấu hiệu của thầy.

Nhưng họ dừng lâu quá, nói líu lo, chúng tôi không nghe được gì. Nhìn nét mặt thầy hiệu trưởng, chúng tôi hơi yên tâm, vì thầy không có vẻ lo lắng dăm chiêu như lúc quan huấn mới đến. Không hiểu sao, quan huấn bỗng đưa tay bắt tay thầy hiệu trưởng và hai thầy khác rồi trở ra sân. Các thầy theo sau.

Mãi khi chiếc xe kéo khuất hàng rào trường, ba thầy mới cười nói lớn và thầy Tú về lớp chúng tôi. Chúng tôi nhẹ người. Thầy Tú cho biết quan huấn khen trường Long Phụng, học sinh lễ phép, học hành tiến bộ. Nét mặt hớn hờ của thầy Tú làm chúng tôi vui lây. Thầy cho chúng tôi ra chơi để bù lại những phút căng thẳng. Sau này tôi biết quan thanh tra, quan huấn đạo ấy là người Việt chứ không phải quan Tây... Đó là năm đầu bậc sơ học yếu lược — bây giờ gọi là lớp một.

Một kỷ niệm nữa tôi còn nhớ kỹ ở năm thứ hai.

Thầy tôi, thầy Phạm Khuê bị đổi đi dạy ở một làng khác. Buổi chiều, thầy cùng gần bốn chục học sinh khóc sụt sướt, khi hay tin thầy phải rời bỏ chúng tôi. Chúng tôi như không muốn gì nữa hết vì thầy phải đi xa. Chiều hôm đó, thầy không dạy, vừa khóc vừa bảo "*các trò ở lại gắng học, chăm chỉ và vâng lời thầy giáo mới, thầy phải xa các trò...*" nói không hết câu, thầy úp mặt xuống bàn, đầu rung rung bật khóc. Chúng tôi khóc rống lên như đám tang. Thầy hiệu trưởng nét mặt cũng u buồn khi thấy thầy

(28) Tiếng Pháp theo cách gọi thông thường tại Việt Nam thuở đó.

trò chúng tôi khóc. Chúng tôi nghe phong phanh thầy Tú cũng sắp nghỉ dạy vì quan trên thấy thầy già rồi. Chúng tôi đâm ra lo vì sao có sự xáo trộn kẻ ở người đi. Một hôm, thầy hiệu trưởng tập họp cả ba lớp trước sân trường, cho chúng tôi biết việc thay đổi là do thượng cấp, theo luật lệ của quan trên, vì các thầy là công bộc (lúc đó chúng tôi không hiểu công bộc là gì), nên ở trên bảo sao ở dưới phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Năm thứ ba cũng là năm cuối cùng trường làng của chúng tôi. Rất hãnh diện mình là học trò lớp lớn, sắp đi thi bằng “sơ học yếu lược”. Tôi không hiểu đi thi là làm gì, chắc là vui lắm và bằng yếu lược là bằng gì, để làm gì. Năm đó tôi tám hay chín tuổi gì đó, ở nhà quê nên không biết gì hết, so với tám, chín tuổi ngày nay thì thua xa quá.

Năm ấy tôi học thầy Âm Giới. Chúng tôi thường gọi là thầy Âm. Là con quan giàu có, nhưng thầy ăn mặc rất giản dị. Thầy thường mặc chiếc áo dài đen đã phai màu, đi đôi guốc gỗ không sơn. Từ lớp này, chúng tôi học tiếng Pháp. Lúc nào thầy cũng gắt gỏng với chúng tôi. Tay thầy như luôn cầm cây roi bằng cành tre hoặc bằng cành dương liễu, có khi cầm cây thước gạch lớn bản và dài. Chúng tôi khiếp sợ khi bước vào lớp. Không hiểu nghĩa, chúng tôi mãi miết học thuộc lòng các câu tiếng Tây do thầy dạy hàng ngày. Mỗi chiều các lớp khác ra về, lớp chúng tôi vẫn im phăng phắc. Thầy dò động từ, thầy gõ nhịp đều đều xuống bàn, chúng tôi đọc nhanh cho đúng nhịp, trò nào đọc không kịp bị phạt. Năm thứ ba này tiếng Tây hành hạ chúng tôi kinh khủng. Tối tối ăn cơm xong ngồi vào bàn, dưới ánh đèn dầu lửa le lói tụng động từ. Tôi sợ thầy phạt nên rất chăm chỉ, học xanh người, do đó tương đối ít bị đánh hơn các bạn. Tới giờ học tiếng Tây, chúng tôi gằn như khiếp vía, cả lớp im phắc, con ruồi bay cũng nghe, không một tiếng động nhỏ, mồ hôi toát ra như tắm, ngồi thẳng lưng, chăm chăm nhìn lên bảng. Thầy kêu từng người lên bảng viết rồi đọc, đọc nhanh theo nhịp thước thầy gõ cốc cốc lên bàn. Học sinh nào đọc chậm, vấp không theo kịp, đừng nói chi không thuộc bài hoặc viết sai trên bảng, lập tức bị điểm zéro và quì ngay trước bảng. May lắm mới khỏi bị quì. Dò bài xong cả lớp, thầy đứng dậy trừng phạt số học sinh bị quì.

Chúng tôi đầu chun vào dưới bảng đen, chổng đít cao, lảnh từ năm đến mười roi, tùy mức độ không thuộc bài. Tiếng la, tiếng khóc, tiếng ré như nơi tra tấn. Đánh xong số học sinh

không thuộc bài, thầy cũng mệt như, quần áo xốc xếch, trở về ghé, thở hổn hển và cho bài mới. Cứ thế chúng tôi bị hành hạ suốt gần chín tháng.

Trước khi rời lên trường tỉnh học, anh cả tôi dạy Toán, Pháp văn cho chúng tôi. Anh tôi bảo nếu không cố gắng học Pháp văn thì lên các lớp trên bị thầy đuổi. Suốt ba tháng hè, chúng tôi không đi chơi, ở nhà lo học. Nói là anh cả, nhưng anh ở hàng thứ tư, thua chị ba của tôi hai tuổi. Anh tên Nguyễn Xáng. Cha tôi bảo anh em tôi đều thuộc bộ hoả và cũng tượng trưng cho sự sáng như lửa.

Tên tôi là Liệu, thứ tám trong gia đình, anh bảy tôi tên Hoán và Cự là em tôi, thứ chín. Cả mấy tên đều mang bộ hỏa. Cha tôi bảo Liệu là đuốc, đáng lẽ lót chữ *đình* vì *đình liệu* là đuốc thấp ở sân nhà vua để các thí sinh thi tiến sĩ, nhưng vì người miền Trung ít dùng chữ lót, nên thay vì Nguyễn Đình Liệu, cha tôi đặt Nguyễn Liệu. Cha tôi giải thích vậy, tôi rất tiếc nếu có lót chữ Đình thì đọc nghe dịu hơn, hay hơn. Tên họ hai chữ nghe cộc lốc, nhất là chữ Liệu nghe vừa dở vừa nặng nề chát chúa. Cha tôi chỉ lưu ý đến ý nghĩa của cái tên mà quên phần âm thanh và hình ảnh. Sau này, tôi đặt tên cho các con đều có chữ lót, cố nhiên là có ý nghĩa và nghe cho dịu, cho xuôi tai.

Cả ngày anh cả tôi hay nằm võng đọc sách, sau này tôi mới biết đó là sách giáo khoa kỳ thi tốt nghiệp năm thứ tư trung học. Anh bực bội nhăn nhó suốt ngày tạo không khí quá nặng nề trong nhà. Mỗi lần dò bài chúng tôi, anh la hét mạt sát là ngu như bò, ngu như heo. Tôi cố gắng tối đa nên ít bị la hơn anh Bảy, nhưng bị cú đầu hoặc đánh vào bàn tay vì viết chữ xấu và hay làm mực đổ vào vở. Nhờ sự la rầy nhăn nhó đó mà những năm tiếp theo, chúng tôi học dễ dàng hơn. Để tiết kiệm đỡ tốn kém, anh Bảy và tôi không ra tỉnh học mà học tại quận Tư Nghĩa.

Chúng tôi ở trọ nhà bà Long, căn nhà sát quốc lộ 1, ngay ngã ba lên quận lỵ, không có nhà nào gần. Tôi không hiểu sao bà Long ở chỗ vắng vẻ vậy. Bà chuyên nấu cơm tháng. Căn nhà trên bên trái và bên phải kê hai bộ phản gỗ lớn, chúng tôi, ba đứa nằm một phản. Bà chứa sáu học sinh. Giữa hai bộ phản kê một cái bàn, cũng là bàn học của chúng tôi. Phản kê sát bàn nên còn dùng như cái bàn. Khi có khách thì chúng tôi ra ngoài sân chơi. Nghĩa là căn nhà trên vừa để thờ, vừa tiếp khách, vừa

chứa học trò học và ngủ. Chỉ một cửa chính ra vào, trong cùng sát vách kê tủ thờ. Một bên quốc lộ 1 và xung quanh là đồng ruộng.

Mùa mưa ngồi nhìn ra quốc lộ tiêu điều buồn bã quá, lâu thật lâu một chiếc xe ngựa chạy qua nhưng không dừng ở ngã ba này. Họa hoằn mới có chiếc xe hơi chạy qua. Những năm học ở đó chúng tôi thường bị sốt rét. Anh Bảy tôi nhiều lúc buồn bực nói “*Anh Bốn hồi nhỏ ra tỉnh học vui biết mấy, tao với mấy cha lại bắt học ở chỗ chó ăn đá gà ăn muối này.*” Anh tôi nói vậy, chứ ở đây đồng ruộng tốt lắm, chó không ăn đá, gà không ăn muối. Ở đây chỉ buồn quá, nhớ nhà quá, nhất là tháng chín, tháng mười. Chiều thứ bảy (hồi đó tuần học 5 ngày rưỡi) chúng tôi không ăn cơm nhà trọ, tan trường là vội vã về nhà và chiều chủ nhật trở lại. Lần nào trở lại nhà trọ cũng buồn khóc. Hai anh em tôi đi bộ, qua đò sông Vệ, qua làng Thế Khương quê mẹ tôi, băng Vạn An dưới, quê cha tôi, lên Vạn An trên, thẳng lên La Hà gặp quốc lộ 1 và nhà trọ tại đó. Đoạn đường băng làng băng ruộng đó gần mười cây số. Chiều thứ bảy về nhà nét mặt vui tươi, chiều chủ nhật ra đi nặng nề buồn bã. Cứ thế kéo dài hai năm học.

Đến năm thứ ba, năm cuối bậc tiểu học, tôi lại về sông Vệ học trường Sông Vệ của thầy Cống, một trường tư trên bờ sông Vệ ở thị trấn Sông Vệ. Tôi về đó vì bị sốt liên miên và nghe nói ở Tư Nghĩa, vùng nhà bà Long nước độc lắm, dân vùng này mười người sốt chín, và cũng vì anh tôi quen thân ông giáo Cống nên giúp ông bằng cách đưa chúng tôi về đó học. Lần này tôi có thêm mấy người bạn trong làng. Các anh Nguyễn Tấn Lương, Lê Vinh Ninh, Hiệp, Sơn... cùng anh em tôi, sáng chạy tới trường, chiều chạy về nhà, đoạn đường chừng năm cây số.

Gà gáy hồi hai, độ bốn giờ sáng, chị Năm tôi thức dậy nấu cơm cho cả nhà ăn sáng. Chị dùng mo cau gói một gói cơm, bỏ đồ ăn mặn ở trong, để hai anh em tôi đem theo ăn trưa tại trường. Trong đám học sinh sáng chạy lên trường, chiều chạy về, tôi nhỏ tuổi nhất, ban đầu chạy mệt, mồ hôi đổ như tắm ướt đầm áo quần như nhẩy xuống nước, nhưng dần dà cũng quen. Không chạy thì phải đi bộ một mình càng buồn hơn nên tôi cố chạy cho kịp các bạn đàn anh. Thầy Cống sáng lập trường gọi là chủ trường, cũng là hiệu trưởng, là thầy dạy lớp nhất (lớp lớn nhất của cấp tiểu học lúc bấy giờ) của tôi. Vóc người mảnh,

nước da trắng, cặp mắt to, nhất là mái tóc quăn và dài, đẹp, thầy không giống người nào trong làng tôi. Thầy ở một ngôi nhà đẹp, ngói đỏ vách sơn màu vàng nghệ, mảnh vườn xinh xinh đầy hoa hồng, ngay đầu ngã ba con đường từ quốc lộ 1 về làng Long Phụng của chúng tôi. Thầy có hai cô con gái, tên Thọ và Trường, cả hai cùng học lớp với chúng tôi. Mỗi khi rời quốc lộ rẽ ngã ba về làng, tôi thường nhìn vào vườn hoa thầy Cống, tìm hình bóng mảnh mai của Trường cô gái nhỏ. Anh em trong bọn hay đùa “cặp đôi” tôi với Trường, tôi đỏ mặt phản đối, nhưng cũng thích thích và vì vậy mỗi khi gặp Trường, tôi thấy ngượng ngượng. Chúng tôi học được một tháng thì phía bên kia sông Vệ thành lập một trường tiểu học khác tên là Bồ Đề của thầy Hiếu. Thầy Nguyễn Hiếu cũng là bạn học của anh tôi lúc học ở Huế. Anh tôi bảo khi còn học trường Việt Anh ở Huế, thầy Hiếu nói với bạn bè là khi học xong thầy sẽ mở một ngôi trường kiểu mẫu dạy con em trong làng và lời nói như nói chơi này biến thành sự thực. Trường Bồ Đề xuất hiện làm cho trường Sông Vệ lo lắng. Thầy Cống bắt đầu tuyên bố sẽ có giải thưởng và miễn phí cho học sinh giỏi và một nửa phí cho hai anh em ruột... Người ta đồn hai bên cạnh tranh chữ bới nhau, có hay không, chúng tôi không biết. Trường Sông Vệ có ba lớp, lớp Nhất là lớp lớn chuẩn bị thi bằng tiểu học, tôi đang học và thầy hiệu trưởng dạy. Lớp giữa là lớp nhì đệ nhị thầy Ngũ dạy, lớp chót là lớp nhì đệ nhất thầy Kim dạy, cả ba lớp hoàn toàn học bằng tiếng Pháp. Thầy giảng bài, la học trò hoàn toàn bằng tiếng Pháp.

Qua kỳ thi lục cá nguyệt, thầy rất lo lắng, vì chúng tôi phần đông ở nhà quê nghèo khổ không có điều kiện học, nên kết quả thi thử rất kém. Thầy buồn rầu cho biết phải cố gắng nhiều nếu không thì cả lớp đậu chừng vài người. Nghe thầy nói chúng tôi toát mồ hôi. Thầy bảo thi khó nhất là bài orthographe (bài chính tả) bị năm lỗi là rớt. Từ đó, chiều nào chúng tôi cũng học thêm 30 phút viết chính tả và cũng vì chiều về tối quá, tôi đành tách đoàn chạy, phải ở trọ tiệm buôn của người anh con bác tôi, còn anh Bảy tôi vẫn sáng chạy đi chiều chạy về như thường lệ.

Tiệm buôn của anh tôi ở ngay góc chợ Trạm của tiểu thị trấn Sông Vệ. Gọi là trạm, vì ngày xưa nơi đó là địa điểm chuyển tin tức của chánh quyền, cứ mười dặm có một địa điểm như vậy. Tiệm buôn của anh là một căn nhà nhỏ bề 6m, bề 15m, bên trong chất đầy hàng tạp hoá, có một quầy hàng để tính tiền, một

ghế đầu đặt bên trong quầy hàng, chủ tiệm ngồi đó thu tiền, thổi tiền cho khách. Một người bạn hùn vốn với anh tôi, đứng phía ngoài để mời khách, giới thiệu hàng, lấy hàng cho khách xem. Ban ngày không có chỗ nào cho tôi ngồi học bài, nhất là ngày nghỉ học. Cũng may có một thùng tròn đựng mắm, cao cỡ một mét và đường kính cũng cỡ đó. Thùng có nắp đậy và bỏ không. Tuy mùi nước mắm vẫn thoang thoảng, tôi chun vào thùng, đậy nắp, hé một chút để ánh sáng lọt vào và để thở. Đó là chỗ học gạo lý tưởng của tôi. Ngày nghỉ, giờ nghỉ tôi chun vào thùng tụng bài. Ban đêm, tôi học ở quầy hàng. Anh Một, người bạn hùn buôn với anh tôi, đọc chính tả cho tôi viết và chấm chính tả cho tôi. Anh Một đậu bằng tiểu học trước đó mười năm, còn nhớ khá nhiều Pháp văn nên biến thành người kèm tôi học rất hiệu quả. Cách ba tháng đến kỳ thi tôi không về nhà những ngày chủ nhật nữa. Thầy hiệu trưởng bảo chúng tôi đóng tiền chụp ảnh căn cước, gửi thư xin đơn dự thi và làm thẻ học sinh để đi thi...Tôi nôn nao quá, lúc nào cũng dăm chiêu lo lắng. Cha tôi bảo nếu thằng Hoán, thằng Liệu đưa nào thi đậu thì cho đi Huế học.

NHẬT ĐẢO CHÁNH NGÀY 9 THÁNG 3 NĂM 1945

Một buổi sáng tôi dậy sớm như thường lệ.

Mấy người lớn đi ngoài đường nói gì với anh chủ tiệm, khiến anh tái mặt. Tôi hỏi, anh cho biết hồi hôm Nhật đánh Pháp và chiếm hết các cơ sở. Phần lớn người Pháp bị bắt, một số chạy trốn. Tôi theo đoàn người chạy lên phố xem Tây chạy trốn tại nhà ông xã Tánh, nguyên là lý trưởng ở Sông Vệ. Trên hè nhà ba chiếc va li mở nắp, quần áo bỏ lung tung, hai người Pháp một già, một trẻ lật đật thay áo quần, mặc bà ba của ông xã Tánh. Bộ đồ lụa lưng thụng của ông xã Tánh bó sát thân hình hai người Pháp chạy trốn Nhật. Tôi chạy lên trường không thấy học trò, chỉ một vài trò đến xem thử như tôi, và chỉ thấy một miếng giấy viết vội vàng mấy chữ "*Trường tạm đóng cửa, ngày mở cửa sẽ thông báo sau*" dưới viết hai chữ "*Hiệu trưởng*". Đó là sáng hôm sau đêm cuối cùng của người Pháp cai trị ở Việt Nam.

Tôi về nhà. Nhà trên của cha tôi đông nghẹt khách, chưa vào sân đã nghe tiếng nói lớn, tiếng cười đắc chí của cha tôi. Tôi tránh đám đông đi vào nhà ngang, hỏi mẹ tôi trong nhà có

chuyện gì mà đông vui như vậy. Mẹ tôi cho biết “hai ngày nay nhà vui như ngày Tết, bạn bè bà con trong làng đến chơi và mừng Tây chạy trốn. Mẹ nghe nói vậy thôi chứ mẹ đâu có biết chuyện của mấy ông.”

Cha tôi vui vẻ hơn hồ, cười nói oang oang: “Tám mươi năm nay, biết bao lần vùng lên đánh thực dân Pháp đều thất bại, rồi xử chém, xử bắn, tù đày, đàn áp dân Việt Nam. Ngày nay chỉ một đêm thôi, nói cho đúng chỉ một giờ thôi, Nhật đuổi cổ Pháp chạy khỏi Việt Nam, dành lại độc lập cho Việt Nam. Chúng ta phải cảm ơn, mang ơn người Nhật, đã đem lại độc lập cho chúng ta. Vì người Nhật không muốn bọn da trắng cai trị ở Á Châu nên thực hiện chính sách “Đại Đông Á” để giải phóng các nước nghèo yếu như nước ta chẳng hạn...”

Cha tôi thao thao bất tuyệt ca tụng sức mạnh vô địch của quân đội Nhật bách chiến bách thắng và kêu gọi mọi người biết ơn nước Nhật. Chúng tôi ở nhà quê, không có báo chí, đài phát thanh, nên không rõ thời cuộc. Chỉ biết Nhật hùng mạnh vì bảo vệ giồng da vàng mà đứng ra chống bọn da trắng cai trị ở châu Á. Lâu lâu có một tờ báo ở tỉnh về và cố nhiên các tờ báo đó hoàn toàn ca tụng sự hùng mạnh của Nhật. Thật ra trong lúc cha tôi khoái chí ca tụng Nhật tối đa thì những ngày tháng đó, Nhật đang bị thất bại nặng nề...

Tôi về nhà chơi được nửa tháng thì anh cả tôi bảo tôi lên Sông Vệ học lại lớp luyện thi tiểu học bằng tiếng Việt, theo chương trình mới của chánh phủ Trần Trọng Kim, chánh phủ đầu tiên do người Việt Nam điều hành. Cụ Trần Trọng Kim là một học giả khả kính, cũng vì tính chất nhà giáo dục khả kính mà người Nhật mời cụ ra lập chánh phủ. Cụ giành lại tiếng Việt cho nền giáo dục Việt Nam, điều mà các cụ mơ ước từ lâu, nhưng không thực hiện được. Cụ cũng như phần lớn người cùng thế hệ, đã học chữ Hán, rồi tiếp theo tiếng Pháp làm ngôn ngữ chính, chữ Việt chỉ dành cho lớp bình dân. Lần này cụ mạnh dạn đưa tiếng Việt thay thế hoàn toàn tiếng Pháp trong nền giáo dục là một điểm sáng suốt và cũng là một thành tích quan trọng đáng kể trong cuộc đời của cụ. Vì ở cấp tiểu học, chúng tôi không khó khăn trong việc chuyển ngữ. Trường Sông Vệ mở lại, nhưng chỉ mở lớp luyện thi do thầy Ngũ dạy. Cũng như cha tôi thầy Ngũ ca tụng quân Nhật và chương trình giáo dục tiếng Việt. Ngày thi dời lại đến đầu tháng 9, như vậy tôi có

ba tháng để luyện thi. Lớp học chỉ có hai mươi người, trong đó có vài người lớn tuổi, muốn thi lại lấy bằng tiểu học vì họ đã thi hỏng nhiều lần. Họ bỏ lâu quá, quên hết về toán tính, thầy Ngũ phải chỉ thêm cho họ ngoài giờ.

Tuy gần ngày thi nhưng tối tối tôi cũng dành thì giờ ra đường xem quân đội Nhật di chuyển. Vì cây cầu xe lửa bắc qua sông Vệ bị máy bay B29 của Mỹ đánh sập, nên xe lửa chỉ vào đến đó là hết đường. Lính Nhật phải đi bộ xuống tiểu thị trấn Sông Vệ để qua cầu xe hơi ở quốc lộ 1 rồi vòng lên lại xe lửa đi tiếp chuyến tàu khác. Lúc ấy xe lửa hoàn toàn dành cho quân đội Nhật. Nghe cha tôi ca tụng rồi nghe thầy Ngũ ca tụng quân đội Nhật hùng mạnh, đội quân vô địch thế giới nên tôi rất thích thú và khâm phục quân đội Nhật. Họ mang kiếm đi hùng hồn quá, sĩ quan cưỡi ngựa, lính đi bộ, họ mang nhiều quá, dắt một số ngựa, không phải để cưỡi mà để chuyên chở. Tôi mê sự hùng mạnh và nhất là về phi cơ thần phong, tinh thần võ sĩ đạo, một loại phi công xem cái chết quá nhẹ. Rồi những cuộc tự tử oai hùng của các tướng tá Nhật khi đụng chạm đến danh dự, nhất là trận Trân Châu Cảng. Tôi đọc trong một tạp chí không biết xuất phát từ đâu mà cha tôi có và ông xem như một bằng chứng hùng hồn nhất và cụ thể nhất để nói lên sự hùng mạnh của quân đội Nhật. Khoái người Nhật, tôi bắt đầu mê học tiếng Nhật. Tôi mua vài cuốn sách nhỏ, mỏng, một bên tiếng Nhật một bên tiếng Việt, những câu đàm thoại giản dị, viết theo kiểu chữ a,b,c, chứ không theo lối chữ Hán. Mặc dù gần ngày thi tôi vẫn học tiếng Nhật khi rảnh rỗi.

Thuở đó, thị trấn Sông Vệ là một khúc quốc lộ 1 độ 300 mét, từ cầu Sông Vệ chạy ra hướng Bắc. Hai bên đoạn đường 300 mét đó, nhà kẻ sát nhau vừa để ở vừa để buôn bán. Hầu hết xây gạch lợp ngói đỏ, xen một ít nhà tranh. Phố Sông Vệ chỉ có một nhà lầu của ông xã Bảy ở ngã ba đường lên ga xe lửa Hoà Vinh Tây. Phố có một ngã ba: Một lên ga, một dọc theo bờ sông xuống chợ Trạm để về nhà quê. Phía Bắc chợ có một cơ sở làm ăn lớn, nhà buôn của ông Chế Hoàng. Ông phải mở một con đường ngắn từ cơ sở của ông lên quốc lộ 1 để xe hàng chở hàng hóa đến tiệm buôn của ông. Hầu như chỉ có một cơ sở làm ăn lớn nhất lúc bấy giờ đó là cơ sở của ông Chế Hoàng. Tôi thường hay đến trước cổng sắt của cơ sở này để xem xe hơi ra vào, và dừng lại xuống hàng, một cảnh hoàn toàn khác cảnh

sống của chúng tôi.

Đọc quốc lộ có vài quán cơm, có lẽ loại bình dân, tôi cũng chưa bao giờ dám bước vào. Ban đêm người đi lại tấp nập hai bên lề phố khác hẳn cảnh im lìm tối thui, thỉnh thoảng nghe tiếng chó sủa ở nhà quê. Điện đèn đường, một số điện đèn nhà, một số lớn thấp đèn dầu hỏa, làm cho phố xá sáng lên giữa khung trời quê mịt mù. Phương tiện di chuyển chính lúc ấy là xe ngựa.

Bến xe ngựa nằm cuối phố phía Bắc. Nói là bến, nhưng đó là lề đường dưới bóng hàng cây dầu lai cao, rậm rạp, năm ba chiếc xe ngựa đậu chờ khách. Xe ngựa có hai bánh bằng gỗ cứng đường kính độ 1 mét 20, một vòng cao su đặc cứng bao quanh vành bánh xe. Nối hai bánh xe bằng một trục sắt, có nhíp sắt lớn đỡ phần trên bánh xe và thùng khách ngồi. Chỗ ngồi là một thùng hình chữ nhật cao chừng 1 mét. Hai bên thành gỗ, mỗi bên ngồi ba người đối diện nhau, phía trước cũng trên thành gỗ hai người ngồi nhìn thẳng phía trước.

Lên xuống xe ở phía sau. Hai thanh gỗ tròn dài nối thùng xe với con ngựa. Trên cần sát thùng xe là chỗ người điều khiển xe ngồi. Ngựa kéo xe, móng ngựa phía dưới được đóng cứng vào một vành sắt gọi là vành móng ngựa. Có lẽ vì móng chân ngựa là chất vôi nên khi móng sắt được đóng vào bằng những đinh sắt ngựa không cảm thấy đau. Mỗi bước chân ngựa móng sắt chạm mặt đường nhựa kêu cộp cộp tạo vẻ hùng mạnh. Hai mắt ngựa bị che bởi hai miếng da để ngựa chỉ nhìn về hướng duy nhất phía trước. Khi đủ khách cho xe chạy, người đánh xe (tức người điều khiển xe) so đôi cương ngựa rồi dụt dụt làm cho ngựa ngẩng đầu lên và di chuyển. Người đánh xe chạy bộ bên ngựa dục ngựa tiến lên, những phút đầu có vẻ loạng quạng khó khăn, chờ ngựa chạy đều và ngoan ngoãn, người đánh xe nhảy lên ngồi trên cần xe. Khi ngựa đến bến, người đánh xe tháo ngựa rời khỏi xe, dẫn ngựa đi bộ độ năm ba chục mét cho đi chậm chậm hồi sức, rồi cho ngựa uống nước có pha mật ngọt.

Tôi hay ra bến xe ngựa coi những chuyện vớ vẩn như vậy, nhưng rất thích thú, nhất là những lúc giành khách, cãi vã có khi đánh lộn. Anh Sáu Cự cầm đầu đám người đánh xe ngựa đó. Cỡ trên 30 tuổi, người lực lưỡng khoẻ mạnh, có lẽ vì khoẻ mạnh và tánh ầu đả của anh khiến đồng bọn tôn sùng anh và cũng có lẽ là người từng vào tù ra tội nên anh em cùng bọn nể anh, thường gọi anh là “đại ca”, dân làng gọi anh là anh Sáu.

Đời anh Sáu có nhiều điểm lạ lùng.

Một hôm, dân làng nhất là trẻ con hấp tấp chạy ra bến xe ngựa để xem anh Sáu đánh một người lính khổ đờ, trói vào gốc cây ở bến xe. Không ai biết tại sao người lính bị đánh trọng thương và bị trói, dân làng càng khiếp nể anh Sáu, người táo bạo dám làm, dám chịu, dám chống đối. Không thấy chánh quyền địa phương can thiệp, chỉ thấy tối hôm đó, một xe chở độ mươi người lính từ thị xã vào để giữ trật tự và xử vụ đánh lộn. Dân chúng không biết người xử là ai, chỉ biết khi người đi xem chen chúc òn ào mất trật tự, một phát súng chỉ thiên thị uy làm tất cả im lặng và nghe nói bắn xong phát súng, người xử bắt lý trưởng phải trả tiền phát súng ấy. Xử xong xe ra về, chở người lính bị đánh về nhà thương thị xã. Mọi người đi lại bàn tán, nhất là thán phục anh Sáu, vì dám đánh lính, rồi trói vào gốc cây nhưng khi xử thì kiếm anh không ra, anh trốn mất tiêu. Nhưng 20 phút sau, cảnh đánh trả thù diễn ra. Vài chục người lính, mặc thường phục, có lẽ là bạn của người bị đánh, len vào đám đông ở Sông Vệ đánh trả thù. Đánh bất cứ người nào họ gặp và đập phá bất cứ cái gì có thể đập phá. Người đi xem, người đi dạo mát, người đi đường, người đang ăn uống trong quán xá...chạy tán loạn, rồi tung phỏ Sông Vệ vốn im lìm từ lâu, nhất là về đêm.

Những ngày khởi nghĩa năm 1945, anh biến thành một người hùng, trực tiếp cầm đầu đám người có võ trang tham gia bí mật cuộc khởi nghĩa trong vùng, đốn cây cổ thụ dọc đường để chặn đường đánh Nhật. Được dân làng sợ sệt tôn sùng, sẵn sủng trong tay, sẵn có sức mạnh, và vốn thiếu học hành, không một chút hiểu biết, đầu đội trời chân đạp đất, bất kể nguyên tắc, không cần luật lệ, không nghe lời ai, anh muốn bắn ai thì bắn, muốn giết ai thì giết, chỉ cần la lớn lên rằng người đó là thù, là phong kiến, là chống cách mạng...Sau đó anh được chánh quyền cách mạng tuyên dương, nhưng có lẽ vì thiếu thể lực, anh cứ lẩn quẩn trong xóm làng, rồi đâm ra bất mãn, làm nghề đánh mướn, giành đất, đòi nợ...uống phí một *“anh hùng cách mạng”* vô sản.

Những ngày ở Sông Vệ rất lý thú. Tôi yêu khu phố nhỏ, yêu cây cầu Sông Vệ, đoạn đường nhựa quanh co, bến xe ngựa và khâm phục quân đội Nhật Bản hàng đêm di chuyển qua phố, mê *“anh hùng”* Sáu Cự, người đánh xe ngựa hung hãn. Đó là thời gian tôi qua vài cuộc thi thử và hi vọng đậu kỳ thi tiểu học

đặc biệt bằng tiếng Việt sắp tới.

KHỜI NGHĨA 1945

Khoảng nửa đêm, tôi đang ngon giấc ngủ, cô tôi đập mạnh vào chân gọi: “*Liệu, Liệu, dậy lệ đi, dậy, dậy*”. Tôi ngồi dậy, bụi mắt hoảng hốt, không biết gì, cô tôi nói nhỏ “*Đi ra mau, cộng sản nổi lên rồi cháu ơi*”. Như cái máy, tôi bước theo ra cửa sau. Dưới ánh sao sáng ban đêm, tôi thấy vợ chồng con cái ông Bưu nằm dọc bờ thành phía sau. Ông quệt diêm đốt thuốc, nói nhỏ với tôi “*Anh tỉnh ngủ chưa, anh nằm sát rào để phòng bọn nó đánh nhau bắn bậy bạ, sáng mai sẽ vào nhà.*” Tôi ngơ ngác, lặng lẽ nằm sát đất theo lời ông dặn. Tôi gọi Bùi Bưu bằng dượng, vì là rể của cô ruột tôi. Cha tôi thứ bảy, cô thứ tám. Cô Tám có người con gái duy nhất, chồng cô chết sớm, cô ở vậy nuôi con. Cha tôi thương em gái nên đứng ra gả chồng cho con gái cô Tám, chứ cô không biết gì lai lịch người rể. Ông Bưu có ba anh em trai cách biệt người vài tuổi. Nhà rất nghèo ở đầu chợ Long Phụng. Một bà mẹ già tàn tảo quét chợ nuôi con. Đặc biệt ba anh em đều rất cao lớn. Lúc bấy giờ người Việt Nam cao quá 1 mét 70 là điều đặc biệt. Mất to, mũi cao, lông mày rậm, giống như người Pháp. Nhìn ba anh em khó đoán họ thuộc một gia đình nghèo khổ ở xóm chợ quê. Bưu đậu bằng tiểu học, nói thạo tiếng Pháp, do đó, cha tôi quyết gả con gái của cô tôi cho Bưu dù người trong họ dèm pha chống đối về thiếu môn đăng hộ đối.

Cô tôi bán ruộng, lo lót các ông quản, lãnh trong làng đã về hưu cho Bưu thi vào trường hạ sĩ quan. Nói được tiếng Pháp, cao lớn, đẹp trai, làm cai rồi làm đội khổ xanh, cuộc đời Bưu khác hẳn, dân trong làng kính trọng. Cha tôi hãnh diện về điếm này, tự hào chọn đúng người và nhất là phản đối cái gọi là môn đăng hộ đối. Vì thế, gia đình Bưu đối với gia đình tôi càng mật thiết. Bưu làm đội đóng tại đồn khổ xanh ở Sông Cầu, Tuy Hòa. Nhật đảo chánh, Tây bỏ chạy, nên rã đám. Bưu cùng gia đình gồm vợ, mẹ vợ và ba con, về quê thuê ở Sông Vệ, định buôn bán sống cuộc đời dân sự. Tôi trọ nhà Bưu để học thi tiểu học.

Tôi nằm im. Trên quốc lộ 1, tiếng người qua lại la ó, nói gì nghe không rõ và cũng không hiểu. Tôi nghe tiếng rìu chặt vào gốc cây trước nhà. Chốc chốc một cây cỏ thụ đổ xuống, tiếng la ó lớn lên. Tôi không hiểu gì hết, cô tôi nói trong tiếng khóc “*Con*

oi, cộng sản nổi lên rồi, chết rồi họ đốt phá, giết hết, khổ quá con oi. Cô nhớ hồi nhỏ cô đã thấy cảnh này rồi, con oi". Tôi giật mình nghe tiếng la lớn "Anh Sáu, cây này có đốn không?" và tiếng Sáu Cự ra lệnh "Đốn, đốn hết, cho ngã ngang đường để chặn xe". Giọng Sáu Cự sang sảng quyết liệt đầy sát khí. Tiếng cây đổ và mọi người la to hơn. Tôi nghĩ ở ngoài đường chắc vui lắm, tại sao mình phải nằm sát rào đầy mùi nước tiểu. Tôi ngóc đầu nhìn qua khoảng trống, trời lúc ấy gần sáng. Ngoài đường người qua lại một cách vội vã. Anh Sáu mặc quần soọc, áo cánh, tay cầm cây súng trường, loại súng lính khổ xanh dùng, vừa đi vừa la hét ra lệnh đốn cây, kéo cây... Vài chục thanh niên cũng quần đùi áo cánh cầm gậy, mác được anh chỉ cho chỗ nằm phục kích chờ Nhật đến. Anh Sáu hô lớn các câu:

- Đả đảo phát xít Nhật
- Đả đảo thực dân Pháp
- Tiêu diệt cường hào ác bá.

Chữ phát xít, chữ cường hào ác bá, tôi không hiểu nghĩa và mới nghe lần đầu. Người ngoài đường đông quá. Họ đi vội vã và hô lớn "Đả đảo! Đả đảo! Tiêu diệt! Tiêu diệt!", mỗi khi anh Sáu lớn tiếng hét trọn câu khẩu hiệu. Trời sáng hẳn, nhìn rõ bàn tay. Bưu hút thuốc liên tục, ánh lửa nhỏ lại, rồi sáng lòe, nhỏ lại rồi sáng lòe, mỗi lần hít dài hơi thuốc. Ông không nằm, ngồi dựa gốc cây, hút thuốc liên tục. Rồi Bưu đứng thẳng dậy, nói nhỏ với tôi "Anh Liệu vào thay quần áo đi với tôi" và nhắc vợ "Minh, đưa con vào nhà như không có gì hết, ở trong nhà, khép cửa kỹ, tôi với anh Tám đi có chuyện, ai hỏi, nói tôi không có nhà, mình nhớ chưa?" Vợ ông mặt tái xanh, không trả lời, nước mắt chảy xuống gò má.

Bưu nói tiếp với tôi "Đừng nói gì hết, tôi đi đâu anh đi đó, anh đi cách tôi một khoảng, xem tôi như người lạ. Ai có hỏi, nếu tôi dừng lại anh cứ tự nhiên đi, như không quen biết tôi, rồi tôi tiếp theo anh, anh hiểu tôi nói gì chưa?" Không cần tôi trả lời, Bưu đi thẳng ra đường một cách tự nhiên. Hoang mang và sợ quá, tôi không muốn đi, nhưng như bị thôi miên cứ bước theo ra đường, đi vào ngã ba Sông Vệ. Rất bình thản, vẫn lập lòe, lập lòe điều thuốc trên môi, rẽ đám đông, ông ra bến đò sông Vệ, trả giá, đưa tiền tận tay bà lão chèo thuyền. Bà đẩy chiếc ghe con rời bến, không để ý gì đến tôi.

Chiếc thuyền con chòng chành, chao qua đảo lại rồi cân

bằng trôi theo dòng nước. Bà lão lẩm bẩm “Trời ơi, con ông con cha gì mà đốn hết cây dọc đường, bỏ nghênh ngang. Trồng cây hàng trăm năm, họ đốn một đêm là ngã sạch, tiếc quá, nếu được một cây, bữa chụm suốt đời người chưa hết củi, tiếc quá.” Bà có vẻ không thắc mắc gì hết chỉ tiếc cây cổ thụ bị đốn.

Trời sáng hơn, mặt trời gần lên, vùng đồng đỏ như máu. Hai bên bờ sông Vệ, người lên xuống tấp nập cũng hô to các câu “đả đảo, tiêu diệt” như ở phố sông Vệ. Bưu không nói một tiếng, lông mày nhíu lại, đăm đăm nhìn xuống nước, đầu tóc bờ phờ, hút thuốc liên tục.

Ba tháng tôi chưa về nhà, vì phải ở lại học thi, nay được về, tôi mừng nghĩ đến cha mẹ và anh em đang vui vẻ ở nhà. Nếu Bưu không ghé Long Phụng, tôi cũng xin cho tôi về nhà. Nhưng chiếc thuyền ép dần vào, rồi dừng lại sát bờ xe nước gần công viên Long Phụng. Tôi thở phào nhẹ người. Bưu lấy lại gương mặt bình thản, mỉm cười nói với bà chèo thuyền “Bà chờ ở đây một lát, nếu tôi không ra thì bà hãy rời bến nhé.” Bà lão lễ phép đáp “Dạ, tôi chờ thầy”.

Tôi và Bưu xuống ghe. Từ trong làng một thanh niên đi ra bờ sông. Tôi nhận ra anh Chín, người ở xóm dưới nhà tôi. Anh đá banh rất hay nên trong làng ai cũng biết anh, nhất là đám trẻ chúng tôi. Thấy chúng tôi, anh hỏi “Họa, đi đâu mà sớm vậy, khi hôm không sao hả?” Câu hỏi kỳ lạ, tôi không hiểu anh Chín muốn nói gì.

Bưu có vẻ lúng túng, nhưng lập tức giấu sự ngạc nhiên bằng cách rút điếu thuốc mời Chín, mỉm cười “Lâu quá không gặp, anh khoẻ luôn chứ?” Chín nhận điếu thuốc, vừa đốt vừa trả lời, không lưu ý đến câu hỏi của mình nữa “Dạ, em vẫn vậy thôi”. Rồi anh thao thao kể cho Bưu nghe đêm nổi loạn trong làng vừa qua... Việt Minh nổi dậy bắt rất nhiều người. Tôi lại nghe một danh từ mới nữa, sao không gọi Việt Nam mà lại gọi Việt Minh? Từ sáng sớm tới giờ, tôi nghe nhiều từ mới quá và không hiểu gì. Chín nhìn tôi nói: “Bác trai, anh ba, anh bốn đều bị bắt khi hôm cả thầy tú Kinh cũng bị.” Tôi hoảng hốt, như nghẹt thở và lặng người. Bưu hỏi liên tục, hai người nói chuyện lâu lắm nhưng tôi không còn nghe được gì. Tai tôi ù, mắt như mờ đi. Chín xuống sông tắm hồi nào tôi không hay biết.

Bưu suy nghĩ, miệng không rời điếu thuốc, rồi bước đến tôi, cúi xuống nói nhỏ mặc dù vắng vẻ “Cậu, anh Xáng, anh

Đánh đều bị bắt khi hôm... trong làng nhiều người bị bắt, thầy tú Kinh suốt đời không làm chết cây cỏ cũng bị bắt. Không sao đâu, anh đừng sợ, anh nói với mẹ không sao đâu, bây giờ tôi trở lại. Anh còn con nít, cứ đi về tự nhiên, không ai để ý gì đâu. Anh nghe lời tôi, đừng nói gì hết, đừng nói tôi có về với anh. Nhớ chưa, nhớ kỹ chưa, đừng nói gì hết, ai hỏi cái gì anh cũng nói không biết, hiểu chưa anh Liệu, bây giờ tôi trở lại sông Vệ.”

Tôi không cầm được nước mắt, không trả lời, không nói gì được, cúi đầu bước vội về nhà. Chiếc thuyền con chở Bưu rời bến ngược dòng.

Rời khỏi bờ sông, nhìn thấy rõ nhà cha mẹ tôi. Con đường trước nhà người qua lại tấp nập, có những đoàn đi đều, tôi chỉ nghe những tiếng thét lớn “Đã đảo!”, một cảnh tượng chưa bao giờ có ở làng tôi. Người lớn, thanh niên nam nữ, hàng ba đi đều như lính, bước ngắn, dậm mạnh làm bụi bay tứ tung. Tất cả đều vác dao, mác, gậy trên đầu gậy cột một đoạn dây dùa được cuốn gọn. Đàn ông mặc quần đùi áo cánh bỏ vào quần, đàn bà, quần dài cột túm ống ngang mắt cá. Về mặt đằng đằng sát khí. Người điều khiển đi bên ngoài, tay kẹp con dao dài mũi nhọn mài sáng loáng, nhìn vào tờ giấy cầm nơi tay, hô to “Đã đảo phát xít Nhật”... Mọi người nắm chặt bàn tay tung lên trời hét lớn “Đã đảo!” Cứ thế họ hô nhiều câu, lặp đi lặp lại nhiều lần. Những gương mặt đằng đằng sát khí, hận thù ngùn ngụt như có thể ăn tươi nuốt sống quân thù. Hầu hết là người trong xóm, nhiều người rất quen thân và cả những người hàng ngày đến nhà tôi làm. Họ hiền lành, chất phác nhưng sáng nay bỗng dữ tợn, hung hãn khiến tôi thắc mắc không biết sự thật thà dễ thương của họ khiến tôi triu mến thôn làng đồng ruộng mà tôi thường tự hào, hãnh diện với bạn bè ở thành thị...và sự đằng đằng sát khí sáng nay, cái nào thật, cái nào không thật. Tôi đứng bên đường nhìn đoàn người, rối như tơ vò không hiểu gì. Cứ thế đoàn người ùn ùn đi khắp xóm làng. Vài khẩu hiệu viết chữ đỏ trên tấm vải trắng căng ngang đường. Lần đầu tôi đọc những câu “*đã đảo phát xít Nhật, đã đảo thực dân Pháp, đã đảo bọn phong kiến, đã đảo bọn Việt gian bán nước...*”

Trước đây, làng tôi yên tĩnh vô cùng, nhất là khu nhà của cha tôi. Nhà tôi ở gần khu đình, chùa và một trường nhỏ ba lớp, bên cây đa cổ thụ có từ xa xưa, tàng cây lớn bao phủ cả một vùng. Mỗi năm chỉ khi nào cúng đình rước sắc, dân chúng mới

tụ về ồn ào, ngoài ra rất vắng lặng. Bây giờ người đi tập nập ngoài đường, hô những câu sắt máu và hát những bài hát lạ kỳ, không giống các bài hát tôi thường hát ở trường, hoặc nghe trong các cuộc trình diễn trên sân khấu. Họ hát hay họ la “*Đánh tan đánh tan Nhật lùn, về phe Anh Mỹ cho mau, liên minh với dân chúng Tàu...*” Chợ không họp, quán xá tiệm buôn đóng cửa, tất cả đều xuống đường, tập đi đều, dậm mạnh chân, cát bụi mịt mù các đường làng.

Vừa bước lên đường cái lớn để vào cổng nhà, một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mắt tôi, cảnh tượng chưa bao giờ tôi thấy: mẹ tôi ngồi bệt trên đất, đầu tóc rối bù khóc nức nở, đang van xin mọi người tha cho chồng cho con. Như cái lò xo bung mạnh, tôi nhào tới ôm lấy mẹ và khóc oà “*Mẹ đừng dậy, đi vô nhà*”. Mẹ tôi khóc to lên, vừa khóc vừa kể “*Cha con, anh con bị bắt khi hôm nốt ở đâu, sống chết như thế nào mẹ không biết, mẹ xin dâng hết tài sản để cho cha, anh con được về, nhưng không ai ngó ngang gì hết.*” Tôi kéo mẹ vào sát cổng để đoàn người qua lại khỏi đụng. Mọi người có vẻ muốn xa lánh mẹ tôi. Họ đi ngang như không nghe tiếng than thảm thiết, kể lẽ cha tôi vô tội, chưa làm mịch lòng một đứa con nít, chỉ lo buôn bán làm ăn, anh tôi nhỏ dại còn đi học, nay hai cha con bị bắt trời dẫn đi mất biệt, sống chết thế nào không biết. Mẹ tôi kể lẽ khóc than như trong đám tang. Bỗng một người đang điều khiển một đoàn người đi qua, bước đến nắm tay đỡ mẹ tôi dậy, nói “*Chị đi vào, đừng làm vậy họ quở, ít bữa rồi cách mạng xét cho anh và thằng Xáng về, chị vào đi.*” Lật đật trở lại hàng, ông ta còn quay lại nói với tôi “*Mày đưa mẹ vào đi.*”. Lời vội vã cà lăm cà lạp nhưng chân tình của ông khiến mẹ tôi an lòng. Đó là ông Kha. Cha mẹ tôi làm sui với anh của ông. Ông là phú nông, gần như không làm gì, con trai ông là bạn học trường làng với tôi. Người ta đồn ông là thầy võ và nhiều huyền thoại về ông như ông biết gồng và khi gồng, dao chém không đứt. Ông có thể nhảy qua hàng rào, nhảy qua cả mái nhà. Có người còn nói ông có bùa ngải uống vào ma quỷ cũng phải né và súng bắn không chết...Tôi chỉ thấy ông là người mảnh khảnh, năm ấy độ trên bốn mươi tuổi. Ông hay mặc đồ bà ba lụa lúc nào hình như cũng cũ. Đầu đội nón nỉ đen cũng đã phai màu. Ông nói rất nhanh nhiều khi nghe không kịp. Hôm ấy ông mặc áo cánh đen quần dài đen, buộc túm trên mắt cá chân, mang đôi dày vải cũng màu đen. Quần áo gọn

gàng làm cho vóc dáng ông đã gầy càng gầy thêm. Đeo một thanh kiếm dài sáng loáng, ông như người đang đóng tuồng. Tuy chỉ gặp thoáng qua nhưng hình ảnh ông cứ ám ảnh tôi mãi.

Vào nhà, tôi mới hay nhà bị niêm. Cửa sổ, cửa lớn đều đóng kín dán giấy niêm, viết tay đóng dấu đỏ. Mẹ tôi và anh em tôi được ở nhà ngang và nhà bếp. Tôi hỏi em tôi có lấy được sách vở ra ngoài không, nó cho biết vì sợ quá không lấy ra được cái gì. Tôi thấy như mất sạch. Em tôi kéo tôi ra sau nhà nói nhỏ *“Bọn mình đi báo Nhật để họ về diệt bọn nổi loạn”*. Tôi rợn người, ngạc nhiên nghe những lời từ đứa em trai ốm yếu, cả ngày nằm nhà, không ra khỏi vườn, không đi chơi, gầy như không bận bèo. Thế mà có cái ý “kinh khủng” trả thù cho cha và anh. Tôi ngắt lời *“im đi, coi chừng họ cắt lưỡi, mình còn nhờ biết Nhật ở đâu mà báo, mình lại không biết tiếng Nhật và tao nghe người ta xầm xì Nhật đã đầu hàng Mỹ.”* Em tôi im lặng, chỉ nói mấy tiếng *“làm gì có chuyện đó”*. Tôi cho nó biết ở sông Vệ dân chúng cũng đi rầm rập, họ đốn cây bỏ ngang đường để chặn đánh lính Nhật, và từ sông Vệ về nhà đâu đâu người cũng đi rầm rập. Mình còn nhỏ không nên biết chuyện của người lớn. Tuy nó là em, nhưng từ đó tôi nhìn nó hơi khác, không coi nó con nít nữa, không coi nó là thằng bạc nhược, một con gà chết, một đứa chỉ ru rú ở nhà với mẹ, chân chưa bao giờ đụng trái banh. Tôi đã thấy nó có cái gì khác những đứa khác, có cuộc sống bên trong, một cuộc sống kín đáo và có cái mầm nham hiểm. Tóm lại, tôi nhìn em tôi khác hơn, lớn hơn.

Nhà cha mẹ tôi rất rộng, có lẽ ông bà nghĩ rằng đông con khi lớn lên chia riêng tư thì có chỗ tá túc. Hơn nữa, có lẽ trước kia vì ở chật chội quá, nhất là lúc cha tôi buôn bán tạp hoá nên khi làm nhà mới, cha tôi làm rất rộng trên cái vườn cũng rất rộng. Nhưng nhà, trại đều bị niêm, chỉ còn được ở nhà ngang và nhà bếp.

ANH CHỊ EM TÔI

Anh em tôi cả thảy mười hai người, ngày xưa người ta cho đó là nhà có phước. Ba người chết khi còn rất nhỏ, anh hai, Nguyễn Ngôn, chết lúc chưa đầy một tuổi. Chị ba tên Kiên, sau đổi lại là Nguyễn Thị Cẩm Ba. Trước khi có chồng, chị là một tay đắc lực giúp cha tôi buôn bán. Chị là người có nhan sắc, lúc

nào cũng vui vẻ, làm việc chăm chỉ. Chị không đến trường, cha tôi dạy chị học ở nhà, nhưng chị ăn nói rất hoạt bát, có nhiều tài, nhất là tài kể chuyện. Những chuyện đơn sơ nhưng đến chị trở thành chuyện hay, duyên dáng. Mãi sau này khi tôi đã lớn rồi, cũng bị chị thu hút ngồi cả buổi nghe chị kể chuyện, có những chuyện nghe nhiều lần rồi, vẫn thấy hay. Có thể nói chị là người đẹp, tôi rất hãnh diện có một bà chị đẹp. Bây giờ viết về chị, tôi còn nhớ rõ cặp mắt chị. Năm tôi 12 tuổi chị 24 đã có chồng và tôi đã biết nhìn cái đẹp. Tôi bắt đầu cảm mến những hình bóng vu vơ. Chị có cặp mắt tuyệt đẹp. Cặp mắt đó mãi hai mươi năm sau tôi mới gặp lại. Chị thường đọc chuyện cho cha tôi nghe, giọng chị thanh, đọc rõ ràng, nhất là chị diễn được tinh thần câu nói của từng nhân vật trong sách, làm cho người nghe thích thú. Cha tôi bảo già rồi đọc mỗi mắt nên ưng nghe hơn đọc. Sau này anh em chúng tôi cũng thường đọc sách cho cha nghe, nhưng không ai làm cho cha vừa ý bằng chị. Chị có nhiều tài, nấu ăn, làm bánh rất khéo. Nhờ chị trong những ngày Tết và giỗ, nhà cha mẹ tôi bánh trái rất đầy đủ. Ở thời kỳ đó mà chị biết làm kẹo gương, làm đường phèn, làm mạch nha, mè sừng, biết làm bánh cưỡi con rồng con phụng... Vì con đông, mặc dù sức yếu chị vẫn chăm chỉ làm việc. Cuộc đời chị là cả một cuộc đời gian khổ, gặp chiến tranh, sinh ra, lớn lên làm việc quần quật để nuôi bầy con đông, luôn đóng vai một bà mẹ đảm đang, một bà mẹ hi sinh cho con. Có lẽ sự vui sướng hãnh diện của chị là có bốn con trai học hành làm ăn thành đạt ở Mỹ. Chị qua đời năm 1992, thọ 72 tuổi.

Người anh thứ tư, chúng tôi gọi là anh Bốn, tên là Nguyễn Xáng. Cha tôi kể lại lúc nhỏ anh học rất thông minh. Năm anh thi tiểu học, thiếu một tuổi cha tôi phải làm đơn xin, anh mới được dự thi. Anh rất ngây thơ, thi xong về nhà đi chơi với đám con nít trong xóm, người đi xem bảng về báo tin mừng, người lớn trong nhà vui mừng nhưng anh vẫn thản nhiên. Cha tôi quá sức vui cho anh ra Huế học trường tư Việt Anh. Bốn năm sau, qua các kỳ thi trung học không thành, anh xếp bút nghiên về quê lập gia đình, giúp cha tôi buôn bán. Khởi nghĩa 1945, anh 22 tuổi. Cha tôi quá trông mong ở anh tôi, quá thiết tha vào mảnh bằng để anh tôi trở thành ông thông ông phán, vì lúc bấy giờ các ông thông ông phán được dân làng quý trọng. Cha tôi nhiều lúc buồn rầu kể lại ngày xưa ông nội tôi tuy giàu có nhưng không đi học nên làng xóm khinh thường, vì vậy ông tôi quyết cho cha tôi đi

học và ra Huế thi hương kỳ chót năm 1916 nhưng không đậu tú tài. Đến phiên cha tôi nỗ lực cho anh tôi đi học, dù rất tốn kém nhưng anh tôi cũng không thành. Cha tôi bảo vì ép anh tôi học nên khi lớn lên anh mất sức và thất bại. Anh tôi suốt đời tận tụy lo cho vợ con, và nay con cái cũng thành đạt lớn ở Mỹ.

Người chị thứ năm tên là Nguyễn Thị Phán. Cũng như chị Ba tôi, chị Phán chỉ học ở nhà. Từ nhỏ chị nổi tiếng đứng đắn, nghiêm nghị. Khác hoàn toàn chị Ba, chị hay nhăn nhó, bất bình, ít có điều gì khiến chị vừa lòng. Chị không có tài ăn nói, không thích nấu nướng bánh trái, chị bắt mẫn mọi người và cả chính bản thân, có lẽ vì thế chị không có bạn bè, không thích đi chợ, không thích sắm sửa. Nói gọn lại, chị là người cực kỳ khó tính, nếu cha mẹ tôi nghèo thì có lẽ chị ở vậy suốt đời. Nhưng chị có chồng là anh Bùi Ngọc Cẩn, đẹp trai rất dễ thương, ngây ngô, kéo dài tuổi học sinh quá nửa đời người. Tính cực kỳ khó của chị làm cho nhà chồng chị bất mãn, nhưng chồng chị, là loại nai tơ, không dám quyết định cuộc sống riêng, quá sợ dư luận khắc nghiệt một cách bất công nên cắn răng cam chịu cái gọi là mệnh số. Rồi chị sinh một loạt con năm trai, hai gái. Hiện còn một người ở Việt Nam làm ăn thuộc loại giàu có, hai người ở Đức, hai người ở Mỹ, một người ở Canada, một người con gái qua đời. Tôi không quên được, trước 1945, lúc chị chưa lập gia đình, tôi học tiểu học ở sông Vệ, sáng sáng chị thức dậy lúc gà gáy đầu, dù mùa đông lạnh lẽo, nấu cơm cho tôi ăn sáng và gói cho hai anh em tôi gói cơm ăn trưa. Tính tình kỳ lạ của chị khiến chị phải trả một giá khá đắt cho quãng đời về già, chỉ còn lại niềm hãnh diện cuối cùng là có những đứa con thông minh thành đạt, những đứa con lý tình phân minh, tuy có vẻ lạnh nhạt, nhưng giữ được phong độ Đông phương.

Người thứ sáu, anh Nguyễn Cán, hình như mất lúc chưa đầy hai tuổi. Hàng năm vào tháng chạp, tôi thường theo người đi tảo mộ, mỗi khi đến ngôi mộ lều tèo của anh trong một nghĩa địa mênh mông, tôi thấy anh cô đơn, lạnh lẽo vô cùng.

Anh Bảy tôi, anh Nguyễn Hoán, hơn tôi hai tuổi. Anh năng động, lúc còn rất nhỏ suốt ngày gần như ở ngoài đường tụ tập đám con nít chơi đủ thứ, đá banh, đá kiện, bắn bi, bắn ná cao su, bắt chim, nhứ chim, nuôi chim, nuôi cá lia thia, nuôi gà đá, tắm sông lặn hụp cút kiểng và đánh lộn... Không trò chơi nào của trẻ con ở nhà quê mà anh không chơi và thuộc loại chơi xuất

sắc. Tánh tình rất hào hiệp, rộng rãi, trong số anh em tôi, anh là người có nhiều tánh tốt nhất, được bà con, người làng thương mến. Nhưng tính hào hiệp khiến cho anh khá vất vả trong cuộc sống và tính lãng nhăng trăng gió đã làm anh phải trả một giá rất đắt. Nhiều khi tôi không quên được hình ảnh chỉ nghe nói chứ không thấy, lúc anh rời Sài Gòn khoảng 1980 sau khi nghe bác sĩ cho biết anh bị ung thư gan nên về quê tĩnh dưỡng. Cụ đưa anh ra bến xe đò để ra đi và không bao giờ trở lại.

Tôi thứ tám, người em thứ chín của tôi là Nguyễn Cụ. Cụ hoàn toàn khác biệt với anh Hoán. Ồm yếu, nước da xanh mét, cực kỳ thụ động, không bạn bè, không bước ra khỏi ngõ, ru rú nằm nhà đọc sách. Tôi không hoạt động như anh Hoán, nhưng từ nhỏ đam mê thể dục, đá bóng, chơi bóng chuyền, mê quyền Anh, mê trở thành lực sĩ đẹp. Tôi và Cụ có rất nhiều kỷ niệm, vì hai anh em từ nhỏ cùng học trường làng, trường Sông Vệ, trường Lê Khiết, cùng vào Sài Gòn, rồi dạy chung trường Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho. Một kỷ niệm khó quên là lúc tôi bị trường Lê Khiết đuổi học vì chống những cái ngu dốt dị hợm do các thầy là đảng viên Cộng Sản và những người nịnh bợ để được vào đảng nên tôi tính bỏ Quảng Ngãi ra Đà Nẵng tìm đường tự do. Cụ vì là em ruột của tôi cũng bị loại khỏi trường. Vì ham học, Cụ lên trường Lê Khiết ở làng An Ba tự học, để cuối năm thi “bằng lớp 9” rồi ra Thanh Hoá học lớp 10. Tôi theo Cụ nằm ở nhà trọ đọc sách cho qua ngày. Cụ đứng ngoài hè nghe thầy giảng để học chực, nhưng khi thầy thấy được liền bước ra cửa đuổi. Có lần Cụ làm thử một bài lý hoá đem đến trường nhờ thầy Nguyễn Thiện Tụng chấm hộ, nhưng thầy Tụng từ chối. Một lần Cụ làm bài luận nhờ thầy Lê Trí Viễn chấm, nhưng thầy Viễn không chấm. Cụ về buồn bã nói với tôi không ngờ hai thầy quen biết, nhất là Lê Trí Viễn về nhà cha mẹ tôi được đãi cơm nước tử tế, còn hứa hè sang năm về Long Phụng nghỉ mát và tìm vợ, nhưng trở mặt sớm quá. Cụ nói có lẽ vì họ là người tiến bộ chẳng, người cộng sản chẳng. Tôi bác lời Cụ, nói người tiến bộ, người cộng sản không trở mặt sớm như vậy. Họ sẽ chấm bài và nếu trong bài có tư tưởng “lệch lạc” sẽ phê bình. Đây là bọn ti tiện xu phụ bằng mọi giá tâng bốc để được kết nạp vào đảng, và một lúc nào đó, khi con người thực trối dậy, nó sẽ thấy xấu hổ trong cuộc đời dạy học. Bây giờ Nguyễn Thiện Tụng và Lê Trí Viễn là hai giáo sư quan trọng ở Việt Nam, có lúc nào con người

thật trối dật? Sau này, lúc đi dạy học, tôi đem chuyện đó kể cho giáo sư và học sinh nghe, không mấy ai tin chuyện có thể có, cho là tôi đặt ra để chống cộng sản, dù tôi cho biết tôi có nhiều ông thầy cộng sản chính cống, nhưng tôi vẫn kính mến họ, vì họ là những con người chân thật.

Nguyễn Cự thông minh nhưng dè dặt, chín chắn quá hóa ra nhút nhát, do đó lỡ nhiều cơ hội tốt trên cuộc đời. Bù lại, Cự có ba người con học rất thông minh, đều là giáo sư đại học, con gái tên Nguyễn Thị Mỹ Châu đậu tiến sĩ tại Nhật, là người đầu tiên trong họ Nguyễn của tôi đậu tiến sĩ. Có lẽ ở bên kia thế giới cha tôi mỉm cười.

Người thứ mười, em gái tôi tên Nguyễn Thị Mười. Những năm 1952-1953 ở tỉnh tôi, người ta đồn sẽ bắt con gái của gia đình địa chủ gả cho thương binh hoặc người tàn tật có công với đảng. Cha mẹ tôi sợ quá, bèn gả em gái tôi, tuy mới 17 tuổi đang học dở dang lớp sáu. Tôi kịch liệt phản đối, bảo em mới 17 tuổi, rất thông minh nhưng học chưa đến đâu hết, gả chồng sớm quá, hại cả một đời. Cha tôi la tôi bảo thà có chồng sớm, chịu dốt còn hơn bắt làm vợ để hầu hạ bọn già cả cụt chân, cụt tay. Cha tôi nổi nóng *“Tao chịu không nổi phải thấy con tao đi hầu hạ bọn tàn tật, bay cản trở; nếu con Mười mà bị nộp cho bọn cụt chân cụt tay thì tao cắn lưỡi tao chết”*. Tôi cũng không nhường, lớn tiếng *“Tục lệ tảo hôn không còn nữa, cha là người có tinh thần mới cải tiến, sao cha còn duy trì tục lệ cổ hủ đó”*. Tôi đại dột vô lễ quá, làm cha tôi nổi nóng *“Mày nói tiếng nữa tao cắn lưỡi tao chết”*. Tội nghiệp mẹ tôi phải lên tiếng *“Thằng Liệu đừng dậy tránh chỗ, chuyện đâu còn đó, cha con làm gì mà to tiếng như đánh lộn.”* Tôi ra ngoài sân, tự giận mình sao lại cãi vã vô lễ với cha. Mẹ tôi nói nhỏ với cha tôi *“làm gì mà ông cãi với nó dữ vậy, để từ từ rồi tôi với ông tính, chứ thằng Liệu nó biết cái gì mà ông cãi với nó”*. Đúng như lời mẹ tôi nói, em Mười có chồng lúc 17 tuổi, chồng em là con trai một của một gia đình địa chủ, rất thương vợ, chiều vợ, không rượu chè, bài bạc, chơi bời, chỉ lo cho vợ con nên Mười sung sướng suốt đời, có mười người con học hành thành đạt, một người làm bác sĩ. Tất cả lần lượt qua sống ở Mỹ. Sự lo lắng của cha không ngờ đưa em tôi vào cuộc đời khá sung sướng, nhưng tiếng đồn ép con địa chủ gả cho thương binh vẫn là tiếng đồn.

Người em gái tên Nguyễn Thị Thanh Lưu là người con thứ

mười một. Lưu nhỏ hơn Mười một tuổi, nhưng cuộc đời của Lưu hoàn toàn khác. Năm 1954, chia đôi đất nước, Quảng Ngãi thuộc vùng quốc gia. Trong khi Lưu hờ hờ bỏ đời cùi đày của kháng chiến vào trường thị xã học thì Mười đường bộ là một đầu trường phải lo cai quản cả giang sơn nhà chồng, nào họ hàng, giỗ chạp, nào lo việc đồng áng... Vị thế này khiến Mười phải lựa lời, phải chừng chặc, thành ra trong một năm cô nữ sinh thơ dại lớp 6 trung học biến thành một bà chủ, còn Lưu chỉ sinh sau một năm mà sống như hai thế hệ khác biệt. Con nhà giàu, xã hội tự do cởi mở, tất cả đều thuận tiện, cả một tương lai chào đón Lưu. Nhưng Lưu lụi bụi quá, tuy có chăm chỉ cần cù đành phải đem câu “*học tài thi phận*” mà an ủi.

Lưu vào Sài Gòn học không thành, đành tìm việc làm rồi có gia đình. Vì sợ tốc độ thời gian, vì bấy nay bị khuôn khổ đại gia đình gò bó, hay vì phải tá túc nhà ông anh quá đông con và cực kỳ khó tính, Lưu vội vã lấy người chồng mà lần đầu tiên trình diện bị người anh cả thẳng thừng bác bỏ. Lưu nhờ tôi xin anh xét lại để đại diện cha mẹ vì cha mẹ già và ở xa quá. Tôi nói chuyện với anh tôi, hỏi sao mới gặp chưa biết lai lịch mà đã vội chê e có phần vội vã. Anh bảo nhìn tướng thì biết chứ cần gì phải điều tra, nếu tôi không tin thì tương lai sẽ thấy. Tôi biết tánh anh nên không cãi nhưng thấy chỉ qua cảm nghĩ đầu tiên mà kết luận về một người thì có vẻ nông nổi, hơn nữa, đây là việc chồng vợ, không thể vội vã quyết đoán. Cuối cùng Cụ và tôi đứng ra tổ chức đám cưới cho Lưu. Lúc đó tôi ở Côn Đảo mới về, nhật báo Lễ Sống nhận đăng truyện dài “*Đi đày Côn đảo*” của tôi. Tôi trình bày sự thật với anh chủ báo Ngô Công Minh, anh liền đưa cho tôi 3000 đồng để lo đám cưới cho đứa em gái. Cụ lúc nào cũng lo cho gia đình em út hơn tôi, quá thương đứa em gái, sợ nó tủi thân, vì nó đã nghe kể lại ở thời huy hoàng nhất của cha tôi, những đám cưới chị Ba, anh Bốn mãi sau này người trong làng còn nhắc đi nhắc lại, nào nhóm họ ba ngày, nào bốn cây lọng, bốn người khiêng heo gánh xiềng, nào đi thuyền đi cáng, đi xe kéo, nào áo rộng xanh chữ thọ và bà con dân làng tấp nập say sưa... Cho nên Cụ mời khá đông, ngoài bà con bạn bè còn một số nhân vật trong chánh quyền và chính giới ở Sài Gòn. Vì anh Bốn không chấp nhận lễ thành hôn nên địa điểm rước dâu là nhà Cụ. Tối hôm đó, vì sáng hôm sau là ngày cưới, tôi và Cụ đến nhà anh tôi, cha tôi vào dự đám cưới ở đó.

Hai anh em tôi năn nỉ anh cả đổi ý tham dự để làm vui cho cha, vì người cha nào cũng sợ sự bất hoà của các con, nhưng anh không thay đổi. Gặp sự khó khăn bây giờ không phải là các con chia hai phe rõ rệt, một bên tổ chức đám cưới một bên hủy bỏ mà là cha tôi vào Sài Gòn để dự đám cưới của con gái, tội nghiệp cho nó vì nó tự tìm chồng chứ không phải cha mẹ tác thành, bây giờ chả lẽ vào đến đây mà không dự đám cưới. Cha tôi vừa khóc vừa ra xe cùng chúng tôi về nhà Cự để ngày mai chủ hôn. Thê thảm là lời đoán đầy thiên kiến của anh tôi lại trúng sự thật. Chồng của em tôi tuy còn trẻ mà như một ông cụ ở thế kỷ 18 luôn đóng vai chồng là người biết tất cả, nhất là về đạo đức Khổng Mạnh, xem vợ như một tên học trò hạng bét, một đứa ở, một tên nô lệ, phải cúi đầu cúi gối cung phụng vụng, mà thực sự ông ta là người ngu dốt không biết gì. Sau 1975, em tôi lâm cảnh thất thế, chỉ một thân yếu đuối bệnh hoạn làm bất cứ việc gì để ba đứa con còn quá nhỏ khỏi chết đói. Biết không còn nhờ được một điểm nhỏ nào nữa, chồng em tôi đành bỏ vợ bỏ con theo người đàn bà khác có tài sản khá hơn.

Người thứ mười hai, tên Nguyễn Đức Thắng chết lúc chưa đầy ba tuổi. Tôi còn nhớ người anh thứ bảy tôi khóc như thế nào khi đi chơi về thấy đứa em đã chết. Cũng lần đầu tiên, tôi thấy một người sống khóc một người chết tới cái độ như vậy. Tôi không khóc, nhưng nhìn cảnh đó, nước mắt tôi chảy ròng ròng.

Người em út, thứ 13, tên Nguyễn Vỹ. Khoảng 1956, tôi và Cự bỏ làm việc ở Quảng Ngãi vào Sài Gòn tiếp tục học lại, vài năm sau anh cả tôi là anh Nguyễn Xáng đem gia đình vào Sài Gòn. Lúc bấy giờ Vỹ bắt đầu học tiểu học. Vì là con út, cha mẹ tôi già nên quá nuông chiều, gần như Vỹ muốn gì được nấy. Vỹ lại ốm yếu hay đau, mẹ tôi càng cưng chiều. Có tiền trong túi, cậu mười ba dễ dàng kết nạp đàn em. Bắt đầu lơ là việc học, nhiều khi nghỉ cả tuần không có phép của phụ huynh. Nhà trường báo về nhà, cha tôi nhiều lần đến văn phòng để xin và bảo đảm kiểm soát việc học của con. Vỹ bỏ nhà một tuần, cha tôi đến trường, nhà trường cho biết tuần vừa qua Vỹ không đến trường và cũng không có giấy xin phép. Cha mẹ tôi hoảng hốt cho người đi tìm, nhưng biệt tích. Sau cùng một đàn em của Vỹ cho biết Vỹ cùng sáu đồng bọn đã tình nguyện đi hải quân. Cả nhà mừng biết Vỹ còn sống, cha tôi đánh điện tín cho Cự ở Sài Gòn tìm thăm Vỹ và xin cho xuất ngũ. Cự phải khó khăn lắm mới

kéo Vỹ ra khỏi trại nhập ngũ vì Vỹ tình nguyện có chữ ký đồng ý của cha mẹ. Vỹ đã ký đại tên cha tôi vào tờ đơn cho hợp lệ vì chưa đủ tuổi lính. Thời gian này tôi đang bị giam ở nhà lao Chí Hoà nên Cụ quyết định Vỹ ở lại Sài Gòn học trường tư. Vỹ đưa điều kiện: thứ nhất, ở riêng một mình không ở chung với anh em ruột, thứ hai, ngoài tiền cơm hàng tháng phải có khoản tiền để tiêu vặt. Cụ đánh điện về cha mẹ thỉnh thị ý kiến. Cha tôi chấp nhận điều kiện và bảo nếu em tôi chịu trở lại học thì đòi gì ông cũng chịu, miễn học đàng hoàng, học cho có kết quả. Nhưng mẹ tôi viện lẽ con đông mà không có đứa nào ở nhà nên Vỹ phải về quê học. Hai ông bà dằng co, cuối cùng Vỹ ở lại Sài Gòn nhưng để cho mẹ tôi đỡ nhớ thì các dịp lễ lớn, dịp Tết, Noel và dịp hè phải về quê thăm nhà. Ba tháng sau, xuất chiêu đầu tiên Vỹ đậu bằng trung học đệ nhất cấp. Vỹ vào thăm nuôi tôi báo tin thi đậu tôi tưởng nói xạo, nhưng sau biết chính thức, tôi rất mừng có đứa em thông minh học chơi chơi mà đậu.

Nhưng rồi tánh nào tật đó, Vỹ vẫn chơi nhiều hơn học, và tới tuổi lính phải nhập ngũ, rồi có vợ. Năm 1975 Vỹ vào tù nhưng sức yếu quá bệnh phổi nặng được tha về một thời gian sau qua đời, thọ 38 tuổi.

Ngày nay, trên bảy chục tuổi, nhìn lại mấy chục năm qua, tôi thấy đó là một chuỗi buồn và thất bại.

CHÉM VIỆT GIAN

Đình làng đã thành cơ quan khởi nghĩa xã Long Phụng. Chiều hôm đó quanh đình treo nhiều biểu ngữ viết chữ đỏ trên các cuộn bươm: "*Tiêu diệt bọn Việt gian phản quốc*". Lần đầu tiên tôi nghe hai chữ Việt gian, thì ra có Việt gian và Việt không gian. Chữ là lạ tạo hình ảnh khủng khiếp. Dân làng kéo đi biểu tình đông lắm, có lẽ không còn ai ở nhà vì hình như có người vào từng nhà kêu gọi, bắt buộc đi. Có những đứa nhỏ hai ba tuổi cũng được bồng bế theo. Có lẽ nhà tôi bị liệt vào loại Việt gian, nên không ai vào bắt đi. Từ hôm khởi nghĩa, bà con lánh giềng sợ liên lụy không ai đến nhà tôi. Đoàn biểu tình chiều hôm ấy nét mặt có vẻ nghiêm nghị, lo lắng báo trước một việc rất nghiêm trọng sắp xảy ra. Họ đi theo từng giới nam phụ lão ấu, đàn ông đi riêng, đàn bà đi riêng, người già đi riêng và trẻ em cũng đi riêng, vừa đi vừa hô các khẩu hiệu sắt máu — *tiêu diệt bọn Việt*

gian phản quốc, đã đảo phát xít Nhật, đã đảo thực dân Pháp, đã đảo bọn phong kiến bóc lột... Tiếng hô vang xóm làng. Tất cả kéo đến đình làng rồi ra bờ sông Vệ. Không ai kêu gọi, nhưng tôi cũng nhập vào đám thiếu nhi, gặp một số bạn bè cũ ở trường làng. Bọn nó thấy tôi nhưng không gần gũi chuyện trò như xưa. Đám đông thật đông chưa từng có bao giờ, đủ mặt bà con trong làng. Chúng tôi đi ép một bên đường để nhường chỗ cho đoàn thanh niên đặng đặng sát khí đi ngược chiều. Họ hàng ngũ chỉnh tề, dậm chân mạnh, bụi bay tung. Tay mặt mỗi người đều cắp dao lưỡi dài, sắc gọi là dao bầy, cán dài bằng gỗ độ hai tấc, lưỡi to bản dài độ năm tấc mài rất bén. Tôi nghe mấy đứa trong hàng xầm xì chiều nay chém ông C., ông N. và một số nữa, ba ông. Một thằng hỏi sao mày biết, thằng kia quả quyết: *“Cha tao bảo, vì chính cha tao chém, hồi trưa ông không ngủ mài mãi lưỡi dao rồi xoa dầu phụng vào lưỡi cho lóng lánh. Bà nội tao bảo đừng chém, kẻo trời trả báo, để người khác làm cái ác đức đó, nhưng cha tao la bà tao bảo bà già biết gì mà nói.”* Thằng khác hỏi *“Vậy chiều nay ba mày cầm dao chém?”* Thằng kia hãnh diện đáp *“Đúng, cha tao chỉ huy toán lính làng mà, vả lại cha tao có võ nên cha tao biết chém”.* Bọn nó kể chuyện thản nhiên, từng tiếng rõ ràng làm cho tôi choáng váng. Trời ơi, chém người trong đó có cha, anh tôi không? Bất giác tôi nắm bàn tay, duỗi ra từng ngón 1,2, 3...đến 7. Tôi rùng mình nhiều quá, 7 người làm sao tránh được cha và anh. Tôi nghĩ trước đây, cha tôi thường binh vực bọn Nhật bản. Ông hãnh diện về quân đội Thiên Hoàng vì người Nhật làm cho người da vàng châu Á, trong đó có Việt Nam rất hãnh diện với bọn da trắng Tây phương. Trong nhà có những tập *“Trung Nhật chiến tranh”* mà tôi thường đọc và rất khâm phục sự chiến đấu anh dũng của quân đội hoàng gia Nhật. Tôi quá ngạc nhiên và gần như không tin tại sao quân đội Nhật hùng hồn như vậy mà lại thua, thua cả đám dân làng như thế này. Cha tôi lại vào đảng Tân Việt của ông Đào Duy Anh, một học giả nổi tiếng lúc bấy giờ. Cha tôi cho biết sẽ mua chiếc xe đạp để đi họp cho tiện, nhất là họp ở quận, ở tỉnh. Tôi đã mừng nếu cha tôi có xe đạp thì tôi tập cỡi để dằn hơn tập cỡi lên xe của anh tôi thường canh lúc người lớn ngủ trưa, dắt rất nhẹ nhàng, dờ hồng xe khỏi đất, đem ra sân, lấy dây cột kỹ cái chuông lại, dựa vào bực cấp mà xích tới, xe lình quỳnh vài ba thước rồi té. Đời người nào cũng có những kỷ niệm ngây ngô về

lúc tập cỡi xe đạp. Anh tôi, khi Nhật đảo chánh Pháp, thôi học về nhà giúp cha buôn bán, rồi vào đoàn thanh niên của ông Phan Anh, một luật gia tên tuổi và là bộ trưởng thanh niên của chánh phủ Trần Trọng Kim, chánh phủ đầu tiên độc lập của Việt Nam sau thời gian dài bị Pháp cai trị... Bây giờ Nhật thua, cha anh tôi có thể bị chém. Tôi không dám nghĩ xa, cố xua đuổi hình ảnh chém, nhưng hình ảnh kinh khủng ấy cứ ám ảnh. Miên man với ý nghĩ kinh hoàng đó, đoàn thiếu nhi ra đến bãi sông tôi không hay. Trên bãi cát đã đầy người từ bao giờ. Người ta nhón nháo, bọn thiếu niên trong đoàn tôi la lớn “*Kìa họ dắt ra kìa. Ồ! ông C., ông N.*”. Tôi nhìn bên trái, một toán thanh niên như toán lúc nãy, cũng dao bẫy, cũng đi đều, giữa toán có hai ông già, ở trần, có lẽ bị lấy áo bịt mắt. Hai bàn tay tội nhân nắm đầu cây gậy, đầu kia một thanh niên nắm dắt đi. Nhìn nhanh, tôi giật mình, ông già này nước da trắng, hơi mập. Trời ơi! cha tôi! Tôi muốn oà la lên nhưng kịp dừng lại vì nghe “*Ồ! Ông C., ông C!*”. Nhiều người nói cùng lúc. Nước mắt tôi trào ra chảy trên gò má, chảy vào miệng. Tôi liếc mắt bên trái lần nữa, tiếp theo cũng một ông già. Ông này có râu đen dài, cũng ở trần bịt mắt đi chậm chậm tay nắm một đầu gậy. Tôi chỉ thấy hai người bước nặng nề chậm chậm, làm cho người dẫn cũng chậm lại. Phía trước, người ngồi đồng thật đồng, ngồi tròn quanh hai cây cọc chôn từ hồi nào, bên hai cây cọc, hai cái hố đào sẵn. Như vậy là chỉ chém hai người chứ không phải bảy như người ta xâm xì. Tôi hơi yên tâm vì hai tử tội này không phải là cha, là anh tôi. Lấy lại tinh thần, tôi ngẩng đầu lên quan sát kỹ. Hai tử tội quỳ xuống cát trắng, hai tay đưa về sau lưng buộc chặt vào cây cọc đã chôn sẵn, đầu cúi gằm như quạ xuống. Họ nói gì hay không, tôi không rõ vì ngồi xa, vả lại quá khiếp sợ. Độ bốn năm chục người đi qua lại gần hai tử tội, trong đám đó, một người bước lên đứng trên cái bàn học trò, sau này tôi biết đó là ông Sáu Thụy. Ông Thụy là ủy viên quân sự xã, ở xóm dưới nhà tôi, tướng người lùn nhưng rắn chắc, nước da ngăm đen. Ông là võ sư, cũng như ông Kha, người ta đồn về võ nghệ của ông nhiều lắm. Ông có đứa con trai nhỏ hơn tôi, thường biểu diễn quyền cước, đánh côn mỗi khi có lễ trong làng, được dân làng khen ngợi. Ông mặc bà ba đen, ống quần cột chặt vào cổ chân, đi chân trần đầu đội mũ vải màu vàng, một tay cầm tờ giấy để công bố tội ác của hai tử tội, một tay cầm kiếm sáng ngời. Tôi không nghe hết câu vì quá sợ, nhưng tôi

nghe được tên hai ông, tội hai ông đều là người theo đạo Cao Đài, làm tay sai cho Nhật. Mỗi khi đọc một tội, ông Thụy tung mũi kiếm lên trời. Mọi người im phắc, mặt cúi gằm xuống cát. Tôi cũng vậy, không dám ngược nhìn ông sáu Thụy nữa. Lời tuyên án dứt, một khoảng im lặng khủng khiếp. Tôi cúi đầu gằm sát cát, nín thở, nghiêng chặt hai hàm răng như để chịu đựng. Bỗng ba tiếng chát chúa set, set, set, như xói vào đầu tôi sắc lẹm, rồi im bật. Thời gian như ngừng lại, tôi nhắm mắt, trán chạm vào cát. Tiếng set set lại tiếp theo, lần này không phải ba tiếng mà nhiều tiếng không thể đếm được. Tôi nghe bốn phía đều vang lên “Ô! Ô! Ô!” Tôi như chợt tỉnh và mọi việc đã xong rồi, ngừng đầu lên nhìn vào hai cây cọc. Máu đỏ vung một vùng cát đỏ lờm, một người nằm quy xuống, không còn cái đầu, người kia còn dính vào cây cọc, cái đầu ngã qua một bên lưng lẳng, máu phun ra thành vòi. Đám đông không còn trật tự nữa, mạnh ai nấy chạy, họ chạy lung tung tứ phía, không hàng không ngũ, họ chạy xa ra khỏi vùng máu đỏ. Tôi cũng theo đám đông chạy khỏi bãi cát, mệt thở hút hơi, vội vã cầm cúi về nhà. Trên đường, nhiều người mặt tái ngắt, im lặng, rất im lặng, rảo bước không ai đợi ai. Vào nhà, tôi không kể lại chuyện khi chiều, lặng lẽ ngồi vào mâm ăn. Tôi nuốt không nổi, mẹ tôi bảo tôi đau rồi đó. *“Thằng Hoán đau liệt giường, không thuốc men phải uống nước hồ, coi chừng tới mấy nữa.”* Tôi biết tôi không đau cảm gì, chỉ khiếp quá thôi. Hình ảnh cái đầu lưng lẳng một bên vai, máu phun ra thành vòi, ám ảnh mãi. Đêm đó, tôi không ngủ được, hể chớp mắt là hình ảnh cái đầu ngoẻo lưng lẳng một bên, máu phun thành vòi lại hiện về. Tôi nằm sấp, úp mặt sát giường vẫn thấy rõ mồn một cảnh ban chiều....

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, chạy lên nhà hội đình làng, nơi nhốt cha tôi, anh tôi và vài chục người nữa. Thường tôi chạy lên để dòm thử có gì lạ không, nhưng phần nhiều không thấy vì các cửa đều đóng và giấy dán kỹ các đường kẻ, chỉ chừa một cửa lớn phía sau để ra vào nhưng hai cánh khép kín. Nhà hội hình chữ nhật dài độ vài chục mét, ngang độ mười mét. Hai bên tường dọc theo bề dài, hai cái bực lớn đúc bằng cement, thường thường các chức sắc, trong các kỳ hội họp, ngồi trên đó để bàn cãi công việc làng xóm, hoặc đấu giá công điền công thổ. Bây giờ tạm thời làm nhà lao để nhốt Việt gian trong xã. Các tội nhân nằm ngồi trên hai bực đó. Vì là trẻ con, tôi dễ dàng chạy ra phía

sau ngay cửa lớn để dòm vào trong mong được thấy cha anh tôi, nhưng ít khi được thấy vì hình như những người bị bắt cầm đi lại. Sáng hôm đó, không thấy người canh, các cửa sổ mở rộng. Tôi chạy uà vào, không thấy ai hết, vắng tanh, chỉ thấy tàn thuốc vút đầy nền, mùi nước tiểu bốc lên làm tôi lúi ra ngoài, nhìn ngơ ngác. Tôi hỏi một người đang đi trên sân đình *“Mấy người bị nhốt đâu, chú”*. Ông ta nhìn tôi có vẻ thương hại *“Họ đi hết rồi”*. Tôi ù chạy về nhà khóc oà báo với mẹ *“Họ đưa cha và anh Bốn đi rồi, không còn ở trên nhà nhóm nữa.”* Mẹ tôi hốt hoảng *“Mày nói cái gì nói lại, sao mày biết”*. Tôi kể lại và mẹ tôi run lập cập, phải dựa lưng vào vách hỏi tiếp tôi *“Mày có hỏi đưa đi đâu không?”* Tôi đáp *“Con quýnh quá lật đật chạy về báo cho mẹ biết, quên hỏi”*. Tôi bật khóc rống ngà vào người mẹ. Chưa bao giờ mẹ tôi đau khổ tiêu tụy như vậy.

Sau này, cha tôi kể lại đêm đi khỏi nhà nhóm thật kinh hoàng. Quá nửa đêm tù nhân đang ngủ yên lặng, bỗng có tiếng người rì rầm, tiếng mở ổ khoá và cánh cửa mở rộng. Một người bước vào, một người nữa xách chiếc đèn bão, theo sau một toán cầm dao lăm lăm bén nhọn. Họ im lặng. Người đi đầu cầm tờ giấy, lớn tiếng: *“Tất cả ngồi tại chỗ!”* Câu nói chắc nịch từng tiếng như những tảng đá đè lên đầu một cách khủng khiếp trong đêm khuya. Tù nhân đều run lẩy bẩy ngồi im phắc. Người thứ ba bước lên tay cầm kiếm lóng lánh chỉ vào mặt từng người, miệng lảm nhảm. Ông ta đếm đi đếm lại hai lần rồi nói nhỏ với người đi đầu: *“Đủ”*. Cha tôi nằm phía ngoài nên rất gần người chỉ huy toán lính. Nét mặt người này bỗng đỏ lên, mắt trừng vào tờ giấy như tìm kiếm điều gì. Không khí nghẹt thở, im lặng một cách tuyệt đối. Hai hàm răng đập vào nhau nghe cạp cạp, cha tôi cố giữ im nhưng không kìm lại được. Cha tôi nhớ lại những câu bàn tán, diễn tả về cảnh chém đầu Việt gian ở các làng đều vào ban đêm. Họ khời hài một cách hận thù, người máu tốt phun thành vòi, người máu xấu phun yếu, người thì đầu rơi sau vài nhát dao, người thì sáu bảy nhát đầu vẫn còn lũng lảng. Ông cứu T. ở làng bên kia sông, một địa chủ, bạn cha tôi, ăn sương nên máu tốt quá, phun lên như suối... Những câu chuyện hàng ngày của lính canh tù dội vào phòng làm cho đám tù lạnh người. Hình ảnh đó giờ này hiện rõ trước mắt cha tôi. Lạnh quá, cha tôi lấy thêm áo mặc vào nhưng run không gài nút được. Ông nghĩ đã 50 tuổi, già rồi chết cũng được, nhưng thằng con trai đầu còn

nhỏ quá, nó mới có vợ chưa đầy một năm, nghĩ đến đó nước mắt ông trào ra chảy qua má, xuống miệng, ông lấy tay quạt chùi. Ông chưa kịp nghĩ gì hết thì bỗng hét lớn: *“Tên nào Nguyễn Xáng ra đây.”* Cả phòng im phắc. Một lực gì tổng mạnh vào ngực, cha tôi rối loạn, ngất xỉu. Mọi người khủng khiếp đều hướng vào góc phía sát tường của cái bục cement. Vẫn im lặng hình như không ai nhận ra, ông ta nói gì. Tiếng than dài ngạc nhiên *“Trời!”* từ miệng anh tôi tuy nhỏ, nhưng là âm thanh duy nhất, khủng khiếp nhất, và cũng thê thảm nhất trong căn phòng đằng đằng sát khí. Người cầm giấy, toán lính và tất cả mọi người mắt nhìn vào anh tôi. Im lặng, vô cùng im lặng. Phía trước anh tôi, tù nhân nghiêng qua một bên chữa chỗ cho anh tôi chậm chạp nặng nề lê ra. Tuy hăm một tuổi, anh tôi dáng mảnh khảnh, da trắng xanh, vẻ còn con nít như một vị thành niên, mặc sơ mi ngắn tay trắng toát, quần đùi xanh, đầu tóc hớt cao, ngây ngô như một học trò trung học. Phút đầu nghe đúng tên, anh tôi hơi bối rối, nhưng lấy được bình tĩnh, anh biết đây là phút chót cuộc đời. Anh bắt đầu hận đời thì đời cũng không để cho anh hận. Người đầu tiên hiện ra trong đầu óc anh là người vợ mới cưới, một cô gái 18 tuổi mặt tròn trĩnh dễ thương, con địa chủ cách nhà trên mười cây số, rồi mẹ, rồi bày em đồng đúc... Anh không kịp nghĩ hết vì hai người lính bước tới trói tay anh. Một người cởi áo anh cuốn lại rồi bịt chặt cặp mắt. Họ làm công việc ấy một cách rất thận trọng trong sự im lặng. Trong khi đó, cha tôi quỳ trước người cầm giấy gọi tên, hai bàn tay ông chắp lại, vừa lạy người ấy vừa van xin trong tiếng khóc thảm thiết: *“Trăm lạy ông, ngàn lạy ông, xin ông tha cho con tôi để cho tôi được chết thể. Lạy ông, con tôi còn nhỏ quá, mới có vợ, chưa bao giờ làm hại ai, xin ông tha cho nó, xin ông cho tôi được chết thể nó...”* Mặc cho cha tôi vừa lạy xin, vừa kể thảm thiết, để được chết thể cho con, người chỉ huy và cả toán lính không trả lời, vẫn im lặng làm công việc của họ. Người chỉ huy chậm rãi tiếp tục kêu tên, và mãi đến khi người tử tội bị cởi áo bịt mắt, trói kỹ hai tay, dắt đứng một bên, thì tên người kế tiếp mới được xướng lên. Trong khi đó, cha tôi tiếp tục tranh với thời gian, với thần chết, lạy lạy van xin được chết thể cho con. Rồi đến khi tên Nguyễn Kính, tên cha tôi được gọi lên, như cái máy cha tôi đứng thẳng, hai người lính chụp tay ông cởi áo, bịt mắt, trói chặt hai tay như những người đã kêu tên. Vừa dắt qua đứng một bên, cha tôi liền nói

lớn cho anh tôi nghe: “*Xáng ơi, con ơi, cha cũng chết với con đây! Con yên tâm cha cũng chết với con đây! Trời đất ơi, dù sao tôi cũng già rồi, còn con tôi còn nhỏ quá, chưa biết gì hết phải chết non quá, Trời ơi là Trời!*” Rồi đoàn tử tội, 22 người, hàng một, hai tay người sau vịn vào vai người trước, nặng nề chầm chầm ra khỏi phòng giam. Anh tôi đi đầu hai tay nắm một đầu cây, đầu cây kia một người lính nắm dẫn đi, toán lính số đi trước, số đi sau. Đoàn tử tù mò mẫm đi như những bóng ma sờ soạng trong đêm khuya vắng, lạnh lẽo bơ vơ. Họ dò từng bước, vì hồn vía như bay mất, không nhắc nổi đôi chân. Ra khỏi khu đình làng, anh tôi liền kéo miếng che mắt, nhưng anh cũng không biết đi hướng nào, vì đêm khuya và vì chính anh, ít có dịp ở nhà lâu để đi đây đó quanh làng, nên chỗ nào đối với anh cũng lạ. Nắm chắc cái chết, anh không sợ nữa, anh chửi tuớ, nào là bọn dã man, bọn súc vật, nào là bọn cướp của giết người v.v... Đi một lúc lâu, chân chạm cát mịn, đoàn người la lên, “*Trời ơi, dẫn ra bãi cát để chém rồi, trời ơi.*” Tiếng khóc tiếng kể lẽ thảm thiết nổi lên. Không hi vọng gì nữa, cả đoàn tử tù đều khóc, có người xin được chôn riêng để cho thân nhân dễ tìm xác... Đoàn áp tải tử vẫn im lặng bước như những pho tượng di động. Trong đêm khuya lạnh, tay run lẩy bẩy hai hàm răng chạm vào nhau kêu cộp cộp, bước chân lún sâu dưới cát, nghe tiếng sóng rì rào, đoàn tử tù biết đã đến pháp trường.

Cảm nghĩ sau cùng trong phút ngắn ngủi này của cha tôi là hối tiếc, hối tiếc đủ thứ, từ học hành, buôn bán làm ăn và cả hưởng thụ nữa. Một cuộc đời quá thiếu thốn, quá yếu hèn, chưa làm được gì, nay phải chết mất đầu, chết không toàn thân. Cha tôi cảm thấy thương xót, hối hận đối với mẹ tôi, một người vợ quê mùa hiền lành và một đàn con dại. Chân lạnh tê cóng không còn cảm giác, đoàn tử tù diu nhau bước rất chậm. Bỗng dừng lại, người dẫn đường ra lệnh “*Đưa từng người vào.*”

Hú hồn, thì ra được đưa đến nhà lao khác, sát bờ biển. Cũng như nhà lao ban đầu, nhưng căn nhà này nhỏ hơn. Giữa nhà một cái đèn treo lơ mờ, tử nhân được mở miếng bịt mắt, cời trói và sắp hai dãy mỗi dãy mười người... Cha tôi lấy thuốc lá ra hút, hít từng hơi khói dài, bình tĩnh trở lại, biết rằng đây là một cuộc đời chớ, chứ chưa phải đem ra chém như câu chuyện nghe hàng ngày. Đi mấy tiếng đồng hồ nhưng di chuyển chậm nên còn lẩn quẩn trong làng, ở gần ven biển, vì nghe tiếng sóng và

cát mịn quá, dù các cửa đều bít kín không xác định được vị trí.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời lên cao, hai người ở ủy ban cách mạng bước vào. Một người độ năm mươi, người kia còn trẻ độ hai mươi, theo sau là ông cầm giấy khi hôm. Họ đi một vòng nhìn trừng trừng từng người, không nói gì. Khi ra gần đến cửa như trực nhớ điều gì, người kia hỏi: *“Nghe nói khi hôm di chuyển có người nào chửi bới mặt sát cách mạng. Anh chỉ người ấy cho tôi.”* Người dẫn tù đáp *“Đâu có, di chuyển rất trật tự, tuy chậm chạp vì trời tối quá chứ không có ai chửi bới gì hết. Ai báo cáo bậy với đồng chí như vậy?”* *“À ra thế, nếu có tên nào phản nghịch, tôi cho chém tức khắc, cách mạng nói một là một, nói hai là hai phải tận diệt bọn phản động bán nước buôn dân.”*

Cha anh tôi nổi da gà khi nghe những lời kinh khủng. Khi ba người ra khỏi cửa mọi người đều ngó anh tôi, hú hồn mừng cho anh. Cha tôi bảo ông hút thuốc liên tục để chặn sự hồi hộp vì sợ, vì mừng anh tôi thoát bị chém.

Người dẫn tù khi hôm là ông Sáu Chiêm.

Ông tên Chiêm, thứ sáu là dân ăn chơi cờ bạc.

Người ta nói tổ tiên ông là hành khát, tuy tới đời ông không còn làm cái nghề thê thảm đó, nhưng trên bàn thờ vẫn thờ cây gậy và cái bị, vật tượng trưng cho giới hành khát. Gậy vừa để chống đi vừa để đánh chó, còn bị để đựng đồ xin được. Xóm Sáu Chiêm ở tên là xóm Mới, có người gọi là xóm Tân Lập, có người gọi là xóm Ân Mây.

Xóm Mới được lập chừng vài chục năm, vừa được tổng huyện thừa nhận và cho phép dựng một cái dinh trong xóm để thờ. Dinh lợp ngói đỏ quét vôi vàng, xung quanh có xây thành thấp quét vôi trắng nổi bật hẳn trong cái xóm có độ năm mươi mái nhà xiêu vẹo, tòi tàn kể cả những nhà gàn như không vách, bên trong chỉ có cái giường cũ ọp ẹp và một cái bếp tro, ba viên gạch bể làm ống táo. Nhà Sáu Chiêm khang trang nhất ở trong xóm đó. Nhà cất trên nền cao đất nện, vách quét vôi trắng, mái lợp tranh được chấn cất ngay ngắn, ra vào có cổng tre đóng chặt. Trong vườn trồng ngay thẳng các hàng bông tí ngọc, gần trưa hoa nở rộ màu đỏ thắm nổi bật trong vùng cát trắng sát bờ biển. Nhìn sáu Chiêm không ai đoán được con người đó có một quá khứ thê thảm không dám nhắc đến và ở trong một xóm xác xơ, xóm Mới. Ông trên bốn mươi, nhưng như người dưới ba mươi, vóc cao mảnh, da trắng. Cặp mắt to, lông mày rậm, cân

xúng với cái miệng rộng, hay nói trong tiếng cười để lộ hàm răng thật đều đặn, trắng ngần. Thường mặc bộ bà ba lụa màu mỡ gà, hơi rộng, khiến vẻ đi của ông thông dong chừng chạc như một nho sĩ. Khác với hầu hết nông dân, ông hút thuốc vắn sẵn cắm vào cái đót ngà. Ông đeo đồng hồ dây bằng vàng sáng ngời. Cặp kính đen gọng lớn tạo cho ông nét kín đáo trong vẻ ngoài của một kẻ ăn chơi sang trọng. Nhiều chuyện lạ về ông, nhất là việc xem đồng tiền rất nhẹ. Ông bước vào quán ăn, bồi bàn dành đến phục vụ để được món tiền típ hời nhất. Trong sòng bài, người thua trận, biết ông hỏi mượn, ông vui vẻ giúp, không cần nghĩ có được trả lại hay không. Người ta cũng nói ông có ngón cao lắm, mưu mẹo đánh bạc, thậm chí có người nói ông đổi con bài trong tay mà không ai biết. Có lúc thấy ông bước vào sòng, chủ chứa vội vã lễ phép: *“Anh Sáu, cho tụi em kiểm chút cháo mà, anh Sáu!”* Thế là ông cười khà khà vui vẻ đứng coi, chứ không đánh. Còn nhiều chuyện lắm về ông sáu Chiêm.

Ông làm chủ tịch cách mạng trong xóm Mới và chịu trách nhiệm dẫn 22 người tù từ đình Long Phụng khi hôm. Chưa từng quen biết với cha tôi, với gia đình tôi thế mà ông bao che cho tội hận thù chửi bới của anh tôi lúc ra đi trong đêm khuya. Chỉ cần đưa tay chỉ vào anh tôi, là anh tôi bị chém đầu vì tội phản động chửi cách mạng. Lòng tốt, sự bao che, đức độ tuyệt vời của ông làm cho anh tôi, cha tôi, cả gia đình tôi vô cùng tri ân.

Sau đó một thời gian khi mọi sự đều lắng dịu và hận thù quên dần, cha tôi có mời ông Sáu tới nhà chơi. Với sự thành kính nghiêm nghị, cha tôi đứng thẳng chấp tay lạy ông Sáu, nói: *“Tôi xin lạy ông vì ông đã cứu sống con tôi, trong những đêm mới khởi nghĩa, ông sinh nó lần thứ hai”*.

Ông Sáu vội đỡ cha tôi không cho lạy, và rói rít *“Thầy làm con tửn thọ, con đâu có dám nhận sự biết ơn của thầy, các ông coi mạng người như mạng con kiến, cậu nhà còn nhỏ quá, cho nên con giấu biệt coi như họ báo cáo bậy”*. Có lần ông Sáu vào Sài Gòn, anh tôi mời về nhà, tỏ hết nỗi biết ơn trời biển và tiếp đãi ông hơn một thượng khách.

Chuyện cha tôi lạy người cai tù xin chết thế cho anh tôi làm chúng tôi càng kính phục, càng thương mến cha hơn. Chúng tôi biết được lòng thương của cha đối với con, gần như không có gì sánh được, như trời biển.

Tôi vô cùng sung sướng có người cha như cha tôi.

ĐEM CƠM TÙ

Cả nhà tôi như có đám tang. Mẹ tôi, chị tôi chạy đi hỏi đủ chỗ, không ai biết số tù đưa đi đâu. Người ta chỉ xác quyết chưa chém một người nào, vì dù chém lén trong đêm thì vài ngày dân chúng cũng biết. Có người quả quyết số tù này đưa đi xa lắm, lên dãy Trảng Sơn kín đáo vì sợ Nhật giải thoát. Họ nói lung tung khó hiểu nổi. Anh Hoán đau nặng sợ qua không khỏi, không thuốc không bác sĩ, không bệnh viện, chỉ nằm rên. Đứa em út khóc nhẹ nhẹ suốt ngày. Tôi nghĩ nếu anh tôi, cha tôi đều bị xử chém như hai ông Cao Đài hôm trước thì gia đình toàn đàn bà con nít như gia đình chúng tôi sẽ ra sao, tôi không dám nghĩ tiếp. Con chó vàng trước đây rất hoạt động chạy nhảy sủa lớn mỗi khi có người vào nhà, bây giờ nằm dài ở sân sau, lông xù mắt nhắm hình như cũng biết chủ nó buồn quá. Vài ảng cây kiểng mà cha tôi thường chăm sóc lá đã vàng úa vì không ai tưới nước. Nhà không quét, sân không quét, cả nhà đều tê liệt không ai làm gì hết, chỉ than khóc và rên rĩ. Anh tôi bệnh tình trầm trọng, cả ngày mẹ tôi phải ngồi một bên đổi hết tay phải sang tay trái quạt liên tục. Thỉnh thoảng chúng tôi phải quạt để cho mẹ nghỉ chốc lát.

Bỗng có người vào nhà cho biết ủy ban cách mạng cho phép đem cơm cho người hiện bị giam tại nhà hội xóm Mới. Như trúng số, cả nhà mừng quýnh. Chị tôi vội đi làm gà để đem cơm cho cha tôi, anh tôi, anh rể tôi. Trưa hôm đó, chị tôi xách tiem đồ ăn, tôi xách tiem cơm đi tắt đồng đến nhà giam. Hai chị em hớn hờ hởi đường đi xóm Mới.

Phòng giam xóm Mới bằng phân nửa phòng giam ở Long Phụng. Bốn phía xơ xác, không nghiêm trang như ở Long Phụng. Không có một cây to chỉ toàn là cây gai lười long mọc lè tè sát mặt cát. Lơ thơ vài đám dứa dại trong cảnh một vùng cát trắng tiêu điều. Không nhìn được sáng, vì chúng tôi bị bờ cát che khuất. Vài luồng gió biển buổi trưa thổi mát rượi. Đặt cái tiem trên chiếc bàn học trò, người gác tù dỡ nắp tiem xem bên trong, rồi đập lại. Cửa mở rộng, chúng tôi đứng sát cửa đưa đồ ăn vào bên trong. Mới mấy tuần mà trông cha tôi như người bệnh nặng, râu dài tóc bạc trắng, áo quần dơ nhớp. Còn anh tôi cũng khó nhìn ra nếu gặp trên đường. Mặt hốc hác, râu lồm chồm, tóc bù

xù, nước da xanh như tàu lá chuối. Mặc quần đùi, ở trần, xương sườn xương sống lộ hẳn, trông anh gần như một bộ xương. Từ phía ngoài tôi hỏi lớn tiếng “*Cha, anh Ba, anh Bốn có mạnh không*”. Chị Phán, chị Năm tôi đứng khóc sùt sùi, không nói nên lời. Bên trong cha tôi mếu máo: “*Mẹ và anh em con có mạnh không*.” Những người đem cơm khác đang chờ phía sau, người lính đưa tay ra hiệu đuổi chúng tôi ra ngoài. Anh tôi bên trong vội nói lớn “*đem cho khăn rửa mặt, áo quần thay*”.

Bên ngoài chúng tôi gạt đầu tỏ ý hiểu và ra về.

Vừa vào đến cổng mẹ tôi hỏi tới tấp “*Cha con có mạnh không, thằng Xáng, thằng Đảnh ra sao, xanh lăm không, cha có khóc không, ăn được không...*” Chúng tôi không kịp trả lời vả lại chỉ thấy cha anh trong vài phút, nói vài câu nên đâu có biết gì nhiều. Mẹ tôi như được uống thuốc hồi sinh, bắt đầu nói cười tươi tỉnh. Đại gia đình chúng tôi bình tĩnh lại. Sáng hôm kế tiếp, hai chị em tôi đi sớm vì nghĩ đi sớm may ra được đứng trước cửa phòng giam lâu hơn do phía sau mình không có ai chờ. Chưa quen đi qua cái cầu một cây, chị em tôi sợ té xuống rạch nước. Tôi không hiểu tại sao người ta tiết kiệm quá chỉ bắt có một cây để làm cầu qua con lạch? Con lạch rộng độ 10 mét cầu dài độ 15 mét, chỉ dùng hai cây tre nối đầu lại. Cầu có tay vịn cũng chỉ một cây, có chỗ nghiêng qua nghiêng lại, có chỗ đưa tay ra không tới...Hôm đầu tiên đến đó hai chị em tôi phải dừng lại chờ có ai đi qua nhờ xách hộ. Chờ một lúc chỉ có một đứa nhỏ cỡ tôi đang tắm trâu dưới cầu. Nó tắm trâu thực ra nó tắm nó, còn hai con trâu nằm ngâm dưới nước, ló đầu cao khỏi mặt nước vừa nhìn trời vừa nhai liên tục. Hàm răng trâu trắng quá phản ánh lớp da đen lánh của trâu, tôi thấy hay hay. Thằng nhỏ leo lên đầu trâu đứng trên hai sừng trâu, nhảy lộn nhào xuống nước làm nước tung trắng xóa, rồi nó bơi, lặn lại trâu tiếp tục nhảy nữa. Con trâu vẫn thản nhiên nhai đều đặn và nhìn trời, mặc thằng nhỏ đứng hai chân lên hai cái sừng cong vòng để nhảy. Trâu và thằng nhỏ thân mật quá. Chờ lâu chị bảo để chị xách qua trước rồi trở lại xách cho tôi. Tiếng chị làm tôi giật mình nhớ là đang chờ người qua cầu. Tôi kêu thằng nhỏ “*Ê, ề, mầy giúp tao qua cầu*”.

Thằng nhỏ ngừng bơi cười đáp:

- Dễ ợt mà sao mầy nhát vậy.
- Lần đầu tiên tao qua, tao sợ quá..

- Vậy để tao dắt mày qua.
- Mày qua có được không?
- Tao chạy qua cầu không cần vịn cho mày coi.
- Mày nói dóc.

Thằng nhỏ bơi tới đầu cầu bên kia rồi chạy một mạch qua phía chị em tôi. Tôi vỗ tay khen:

- Ô, mày giỏi quá, tao phục mày.
- Dễ ợt, tao dắt mày qua.

Chị tôi cười nói

- Em xách dùm cái tiếm này qua cầu cho chị, nhưng em đừng chạy đổ tội nghiệp.

- Dễ ợt, chị đưa em xách, mày đứng đó tao trở lại dắt mày qua.

Nó đòi xách hai tay hai tiếm nhưng chị tôi không cho. Bước lên cầu, tôi thấy thà đi chậm, vịn vào cây dễ hơn là để thằng nhỏ dắt. Chị tôi đi trước, tôi theo sau.

Đi một quãng xa, nhìn trở lại vẫn thấy thằng nhỏ nhảy tung nước trắng xoá. Vì ở đầu cầu lâu quá nên có người cũng đem cơm theo kịp chúng tôi. Một bà và một đứa nhỏ cỡ tôi. Khi lại gần tôi mới biết đứa nhỏ đó là Lê Vinh Thiều, bạn học với tôi ở lớp 3 trường làng năm trước. Thiều đi với bà kế mẫu. Tôi và chị tôi ngả nón chào bà.

Thấy tôi, Thiều hỏi:

- Liệu, mày đem cơm cho bác ?
- Còn anh đem cơm cho ai, cho cha anh?
- Ủ, cha tao hôm qua họ đưa về đây và cho đem cơm, nay mới là lần đầu tiên. Mày đem mấy lần rồi ?
- Mới hôm qua, nay lần thứ hai. Mỗi ngày đem một lần ăn hai bữa.

Thiều học với tôi ba năm trường làng nhưng ít khi chơi với nhau, ít thân mật vì hình như có khoảng cách hai cuộc sống. Thiều là con ông lý trưởng phái Lê trong làng. Làng tôi phái Lê là phái chính, phái tiền hiền, còn gia đình tôi là dân cư ngụ. Lúc đó dân cư ngụ bị coi thường. May là cha tôi là chức sắc ở làng bên kia sông, có hàm cửu phẩm, lại là người giàu có, nhà cao vườn rộng, nhất là khi xưa cha tôi cũng từng ứng thí, còn anh tôi là học sinh Tây học ở Huế. Những yếu tố đó giúp gia đình tôi khỏi bị kỳ thị. Dân cư ngụ thường bị khinh rẻ, đến dịp cúng đình, rước sắc thần, phải đến làm tạp dịch như quét dọn v.v... Tôi còn nhớ

năm học lớp ba trường làng, gần nghỉ hè nhà trường tổ chức đi xem biển Mỹ Khê một ngày bằng hai chiếc thuyền lớn, sáng đi chiều về. Tất cả học sinh ba lớp đều ngồi trong khoang thuyền được dặn dò rất kỹ, không đưa tay ra cửa sổ, không vọc nước, không di động nếu chưa được đồng ý của thầy... Nhưng riêng Thiều được ngồi trên mui ghe với các thầy. Anh học giỏi, viết chữ đẹp, ít khi bị phạt. Da trắng, ốm, mảnh khảnh chứng tỏ anh ít ra nắng như phần đông chúng tôi.

Sáng hôm đó, sau khi đưa cơm cho cha, bước ra ngoài tôi thấy Thiều đứng khóc trước cha anh. Tôi nghe rõ cha anh vừa khóc vừa nói *“Con coi chừng người ta đánh con vì thù cha, thế là cuộc đời con hết những ngày sung sướng rồi”*... Đặc biệt cha anh được ra sân nói chuyện. Sau này tôi mới biết vì cha anh là ông lý trường Lê Vinh Hoàng lập ra xóm Mới, tức là tiền hiền xóm này, như thế theo lệ dân xóm Mới phải thờ cúng ông khi ông qua đời.

Vì cùng cảnh ngộ, hai đứa cùng đi thăm cha trong tù, chúng tôi mền nhau và từ đó chúng tôi trở thành bạn chí thân suốt cả cuộc đời. Tôi đi về Thiều còn rằm rì với cha. Sáng nào cũng vậy, cũng gặp Thiều rồi cũng về trước.

Một hôm, tôi dậy thật sớm, nghe tiếng ồn ào trên sân đình chạy ra xem. Một đám đông đang đứng, một số hút thuốc khói bay dày đặc, trong đó có cha tôi, anh tôi, anh rể tôi và những người tôi thấy quen quen... Tôi chạy ào tới, cha tôi cho biết được tha về để góp sức xây dựng đất nước, nhưng phải về quận để nhận hiểu thị. Tôi hỏi nhận hiểu thị là thứ gì, cha tôi cho biết đại khái là nghe những lời giảng dạy. Tôi hơi ngại hỏi có thực sự họ cho về không và anh Bốn, anh Ba có được về không. Cha tôi cười nói chắc họ cho về vì họ dặn về nhà lo làm ăn, đừng oán ghét cách mạng vì cách mạng là của nhân dân... Cha tôi còn định nói thêm thì một người ôm cái cặp da đã mòn rách bước đến tươi cười nói: *“Mời các bác các anh đi, đi sớm về sớm”*. Rồi ông đi trước mọi người theo sau. Anh rể tôi (chúng tôi gọi là anh Ba, vì chị tôi thứ 3) mãi nói chuyện bây giờ mới thấy tôi, cười rất tươi, vừa đi vừa quay đầu lại nói *“Em tin cho chị ba chiều nay anh về sớm”*. Ra đi tự do, nói chuyện ồn ào, tôi chắc chắn họ được tha. Bỗng nhiên tôi giật mình tại sao không có cha anh Thiều. Mãi suy nghĩ vào đến nhà mà tôi không hay. Mẹ tôi còn nằm vì suốt đêm thức quạt cho anh bảy Hoán vẫn đang đau

nặng. Mẹ nằm giữa, một bên là đứa con đau nặng, một bên là thằng con út lẹ nhẹ làm nũng suốt ngày. Vào nhà tôi la lớn “*Mẹ ơi, cha về rồi, cha về rồi.*” Mẹ tôi vùng dậy chạy ra tay vẫn cầm cái quạt mo, tóc dài thả xoã chưa kịp bới, hốt hải hỏi “*Cái gì, Liệu, cái gì?*” Tôi la lớn “*Về hết rồi, về hết rồi, cha, anh Bốn, anh Ba về rồi, về rồi.*” Mẹ tôi tiếp “*Thiệt hả con, hay mấy nói giỡn, sao mấy biết?*” Tôi thuật lại cho mẹ mọi chuyện. Mẹ tôi nước mắt rùng rùng, cho biết mấy tháng nay ăn không ngon, ngủ không được vừa vì lo sợ, vừa vì phải thức quạt cho anh tôi đang đau nặng, mà hễ chớp mắt một chút lại thấy bậy bạ, thấy đầu rơi máu đổ...

Tôi vội vã chạy xuống nhà chị tôi báo tin. Chị mừng quá, ôm lấy tôi, nước mắt chảy tràn gò má, trông chị thật đẹp, thật dễ thương.

Chiều hôm đó, cha và các anh tôi được về nhà. Cha tôi đem về cái ảnh Hồ Chí Minh. Ảnh lớn hơn tờ giấy học trò, in trên giấy láng dày. Cha tôi nói sau khi làm lễ ăn xá và giải thích đường lối chủ trương của chánh phủ, ông chủ tịch huyện gọi tên cha tôi, yêu cầu mua ủng hộ một bức ảnh Hồ chủ tịch. Ông nói bức ảnh quý này tương đối nhiều tiền và thượng cấp giao cho quận chỉ hai tấm và giá ủng hộ do trên định. Ông biết cha tôi có khả năng nên đề nghị cha tôi ủng hộ. Cha tôi vui vẻ nhận lời. Chị tôi bảo giá bức hình bằng hai lượng vàng. Bức ảnh được lồng khung trang trọng đặt trên bàn ở phòng khách làm cho nhiều người đến thăm cha tôi và xem ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước đó, nhà tôi vắng hoang, không ai dám bước tới, từ ngày cha tôi về và thêm bức ảnh, nhà tôi biến thành nơi đông đúc và cha tôi trở thành người được tín nhiệm. Khoảnh khắc cái không khí Việt gian phản động như biến mất. Người ta đến xem ảnh rồi đồn rằng *cụ Hồ* có bốn con người. Bước vào phòng, người ta kính cẩn nhìn rồi qua bên trái, qua bên phải, đứng bên nào cũng thấy *cụ* nhìn họ và thấy *cụ* có bốn con người rõ ràng. Các *cụ* già, các nhân sĩ, các nhà cách mạng từng vào tù ra tội ở trong làng và các làng lân cận đều đến xem ảnh và bàn tán đủ chuyện nhưng hầu hết không biết *cụ Hồ* là ai. Cha tôi dè dặt nhưng cũng đóng góp tích cực vào sự tìm hiểu. Cha tôi bảo qua báo chí trước kia mà ông được đọc thì chỉ thấy có tên Nguyễn Ái Quốc, tên Lý Thụy chứ không thấy tên Hồ Chí Minh, hay chính Hồ Chí Minh là bí danh của hai tên kia. Lại có người quả quyết Hồ Chí Minh là

bí danh của vua Duy Tân, một ông vua bị Pháp đày và khi chấm dứt chiến tranh, được đưa về nước... Họ nói đủ thứ, không đến một kết luận nào, ngoài một điều *cụ Hồ* là lãnh tụ có công giành lại độc lập cho nước Việt Nam và là chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà như đã ghi rõ bằng chữ in dưới tấm ảnh. Nhà chúng tôi có bộ lư đồng lớn rất đẹp do anh tôi mua ở Hà Nội trước đó một năm, lúc bấy giờ rất hiếm nhà có, cho nên đặt cái ảnh trước bộ lư đồng tạo vẻ trang nghiêm, và tên tuổi lý lịch vị lãnh tụ chưa bao giờ dân chúng biết đến lại tạo sự hấp dẫn vì vẻ bí mật. Lúc bấy giờ ủy ban xã hay họp dân, mỗi lần họp đều lập bàn thờ tổ quốc, vì vậy bộ lư đồng và bức ảnh rất đặc dụng, luôn được mượn. Rồi các đoàn thể nhân dân như thân hào, phụ nữ, thanh niên và cả thiếu niên nhi đồng hàng tuần họp vài ba lần cũng mượn bức ảnh và bộ lư đồng của nhà tôi để làm bàn thờ tổ quốc. Ban đầu còn vui vẻ vì được xoá bỏ cái tiếng phản động, không còn bị cô lập, và cán bộ ra vào để xem vị lãnh tụ có bốn con người, một dị nhân, *cha già của dân tộc*... nhưng rồi chúng tôi mệt quá vì gần như ngày nào cũng đưa ảnh và lư ra, rồi cất vào. Mẹ tôi có ý kiến là cha tôi nên hiến bộ lư và bức ảnh cho ủy ban xã để khỏi mở cửa đóng cửa nhà trên, khỏi bị quở trách thiên vị người này xem thường người kia... Chúng tôi đồng ý, nhưng cha tôi không chịu bảo tiền của ông là tiền xương máu, làm ăn buôn bán tần tảo mới có chứ không phải tiền đánh bạc, tiền cướp giựt. Ông bỏ mấy lượng vàng mua bức ảnh là quá sức do ở thế lui không được, đành cắn răng mua hai chữ “bình an” nay đem cho sao được. Cha tôi còn bảo mẹ tôi và anh em tôi chưa làm ăn nên chưa thấy giá trị đồng tiền. Cuối cùng cha tôi dung hòa ý kiến bằng cách đem cả hai thứ (mẹ tôi gọi lén là *cửa nợ*) gửi ủy ban để họ chịu trách nhiệm cất giữ, phân chia làm lễ khỏi trở ngại và hoàn lại chúng tôi khi ủy ban sắm được các thứ đó. Chủ tịch ủy ban vui vẻ viết giấy nhận, chúng tôi thoát được cái nạn mở cửa đưa ra, mở cửa đưa vào rồi cái vả trả thiếu cái này cái nọ...

TRỞ LẠI TRƯỜNG LÀNG

Cuối tháng 10 năm 1945, trường làng tôi mở lớp nhì, là lớp cao nhất và 3 ba anh em tôi đều học lớp đó. Anh Hoán và tôi nếu không có vụ Nhật đảo chánh đã thi tiểu học từ tháng 6 năm

1945, và nếu không có cuộc khởi nghĩa thì thi vào tháng 8, chương trình tiếng Việt đầu tiên ở nước ta. Nay tôi phải lùi lại hai năm để học chung với Cụ người em nhỏ hơn tôi hai tuổi. Tôi không hiểu sao cha tôi lại bảo tôi học như vậy, có lẽ thấy gần nhà học cho tiện. Như vậy, ba anh em tôi đều học lớp nhì. Thầy dạy tên Vũ Minh Đức, người Quảng Nam. Thầy khoảng 25 tuổi nhưng da trắng mảnh khảnh nên trông như trên dưới hai mươi. Thầy thổi sáo rất hay và dạy chúng tôi thổi sáo. Thầy bắt làm thủ công ống sáo và tất cả học sinh lớp nhì chúng tôi mỗi người đều có một ống sáo bằng cây trẩu, một loại tre ống nhỏ, thường nhỏ hơn ngón chân cái, thẳng và lóng dài độ 30 phân. Chúng tôi dùng dùi hơi lửa cho đỏ để dùi thành lỗ, rồi dùng dao nhọn mũi khoét rộng lỗ, để màu nám đen do lửa tạo nên mất đi, trông lỗ ống sáo có vẻ sạch sẽ hơn. Thầy tập cho chúng tôi thổi bài *Thiên Thai* của nhạc sĩ Văn Cao, có lẽ lúc đó là bài hát được nhiều người thích, gần như bất cứ học sinh nào, người lính nào, nói chung lớp trẻ tuổi, đều hát bài hát này.

Từ ngày thầy Minh Đức về làng dạy, âm nhạc bắt đầu phát triển ở làng chúng tôi. Tôi còn nhớ, ba anh em tôi thổi sáo suốt ngày nghỉ và những giờ ngoài giờ học. Anh tôi và em tôi cũng như quá nửa lớp, đều đạt kết quả. Cụ, em tôi, vào loại khá, biết ngân tiếng sáo, biết truyền cảm vào loại âm thanh kỳ diệu này. Trong lớp ba người đạt tới mức đó là Lê Vinh Thiệu, Lê Vinh Ninh và Nguyễn Cụ. Riêng Lê Vinh Ninh về sau trở thành một tay sáo trong ban nhạc. Tối tối làng Long Phụng dễ thương của chúng tôi, ngân nga tiếng sáo. Tôi biết tuy đèn tắt sớm, đi ngủ sớm nhưng tiếng sáo réo rắt của học trò thầy Minh Đức đã khiến nhiều người phải ray rứt trong đêm khuya. Riêng tôi thật thê thảm, tôi thổi sáo đến tắt tiếng nhưng chẳng đi đến đâu. Ngoài ra, thầy Minh Đức còn tập chúng tôi trồng hoa, và mỗi học sinh trồng một giỏ cúc vàng. Học sinh nhà quê đan giỏ bằng tre, trồng hoa vào giỏ chính tay mình đan, rồi đem đến trường làm đẹp cho ngôi trường thương mến. Thầy Minh Đức đã tạo cho chúng tôi những kỷ niệm dễ thương quý hoá của tuổi học trò, nhưng thầy chỉ dạy nửa năm rồi đổi về quê thầy. Khi nghe tin thầy ra đi cả lớp chúng tôi khóc nức nở làm thầy cũng khóc như chúng tôi. Cả lớp vừa khóc vừa đưa thầy lên sân ga Hòa Vinh Tây.

Thầy Thái Đức Nhuận thay thế. Thầy Nhuận đã dạy học trên hai mươi năm. Thầy về làng tôi, các bậc anh tôi đều kính

trọng thầy vì lúc nhỏ đều học thầy. Dáng to lớn mập mạp, đi lại chững chạc nặng nề, thầy thường đội nón cối màu trắng rộng vành như nón của các cố đạo Tây — các bậc đàn anh của tôi nói vậy. Mỗi chiều, giờ cuối là giờ thể dục, thầy thường bảo tôi dẫn học sinh ra sân vận động tập, thầy đứng xem và cho điểm.

Lên lớp nhất, thầy Trần Đạo dạy được nửa năm, nửa năm sau thầy Trần Duy Sum dạy. Thầy Trần Đạo ở trọ nhà cha tôi, rất thích thể dục thể thao. Thầy rất thương tôi có lẽ vì tôi cũng chăm chỉ tập thể dục như thầy, nhất là tôi luôn đứng đầu lớp và rất lễ phép.

Cả nhà tôi ai cũng mến thầy, nhất là cha tôi. Sau đó vài năm, thầy được lên dạy trường Lê Khiết, có lần làm tôi rất khổ tâm do cố đưa tôi vào đảng cộng sản bằng cách cho tôi vào sinh hoạt trong hiệu đoàn học sinh tiên bộ. Thầy biết tôi chăm chỉ và học giỏi nên thầy hứa nếu tôi chịu sinh hoạt thì thầy bằng mọi cách giới thiệu tôi ra Thanh Hóa thuộc liên khu IV học trường Nguyễn Thượng Hiền, trường nổi tiếng lúc bấy giờ, rồi được đưa sang Liên Xô học đại học. Thầy nói thầy tích cực lo cho tương lai tôi vì tôi có đầy đủ tiêu chuẩn từ sức khỏe, ý chí đến năng lực, đều vào loại xuất sắc, nếu thêm phần tư tưởng tiên bộ thì nhất định thành công lớn. Hơn nữa, gia đình tôi quá tốt với thầy, nhất là cha tôi, bây giờ thầy có điều kiện thầy muốn đền ơn bằng cách lo cho tương lai tôi. Mãi đến nay, tôi vẫn tin những lời thầy Trần Đạo nói là những lời chân thành, thực sự thầy muốn tôi trở thành con người thành công trong xã hội cộng sản.

Tôi biết thầy thật lòng nên không nỡ nói với thầy là tôi chẳng những không theo mà còn quyết liệt chống cộng sản. Tôi chỉ còn cách tránh gặp mặt thầy chừng nào hay chừng ấy, vì chỉ một thời gian ngắn nữa tôi sẽ bỏ trường, bỏ bạn, bỏ gia đình, bỏ cha mẹ, bỏ làng Long Phụng thân thương... và bỏ cả người con gái mà tôi yêu thầm nhớ trộm, bỏ tất cả để sang vùng tự do, học hỏi nền văn hoá tự do, rồi trở về xây dựng xứ sở theo mô hình các nước thực sự dân chủ, thực sự tự do ở Âu Mỹ. Sau này, theo thầy Phạm Khuê kể lại thầy đã rất hối hận vì chưa tích cực xây dựng tôi và thầy rất buồn khi biết toà án liên khu kết án tôi về tội trốn ra vùng “*bị chiếm*”. Thầy Trần Đạo chết tại Củ Chi sau Mậu Thân 1968. Nghe tin, tôi rất buồn, nhưng thực sự kính phục thầy là người can trường, một người cộng sản lý tưởng, không bao giờ dao động trước khó khăn, nguy hiểm. Tuy tôi quyết liệt

chống đối thầy, nhưng vì đầu óc tự do nên tôi nói thật là tôi kính phục thầy, và tôi vẫn thường nói thật với bạn bè, nếu trước 1975 thầy gặp tôi, tôi sẽ đưa thầy an toàn về vùng thầy, bởi tôi kính trọng thầy, nhưng nếu thầy bắt được tôi, chắc thầy không để tôi sống, bởi vì thầy là cộng sản, và tôi là người tự do.

Sau thầy Đạo là thầy Trần Duy Sum. Thầy Sum mới ra trường nên rất trẻ, mảnh khảnh gầy như ốm yếu, hình như không ở nông thôn, nước da trắng mịn. Nếu con gái được làn da như da thầy, má đồng tiền, gương mặt sáng thì đó là một giai nhân tuyệt sắc. Tuy vậy, thầy rất năng động, rất thích đá bóng. Chiều chiều đến giờ thể dục, thầy thường dẫn học sinh ra sân vận động, chia phe đá bóng. Tôi còn nhớ thầy thuận chân trái và thích ở hàng tiền đạo cánh trái. Thầy với anh Thiệu như một cặp bạn thi sĩ. Hai người làm thơ xướng họa. Năm ấy tôi 15, Thiệu 16, nhưng anh có vẻ trưởng thành hơn tôi cả “một thế kỷ”. Anh chơi với thầy như bạn, giờ ra chơi, anh ra ngoài hè cùng với một số bạn lớn tuổi học lại như anh Lê Mỹ Đại, Huỳnh Tấn Công hút thuốc, nói “chuyện đời”, còn tôi hoặc đá banh trên sân trường, hoặc đánh giặc giả... Tôi không biết làm thơ, chưa biết thích thơ, chỉ thích làm toán, tập thể dục, đá banh dù Thiệu hay đọc cho tôi nghe các bài thơ xướng họa của anh và của thầy Sum. Tôi còn nhớ tôi cực lực phản đối qua Thiệu về tựa đề một bài thơ của thầy Sum. Thầy làm bài thơ diễn tả mưa ở miền Trung, mưa liên miên, có khi mưa suốt ngày, suốt đêm, suốt tháng. Thầy làm bằng tiếng Việt, cố nhiên, nhưng lại lấy đề là “*It rains*”. Tôi lên giọng ngang bướng cãi với anh Thiệu, tiếng Việt thiếu hay sao mà phải lấy tiếng Anh để làm đề cho bài thơ. Và cũng vì óc trẻ con và thực thà, tôi cãi với Thiệu một số câu thơ mà tôi cho là không chính xác. Trong bài thơ họa bài *It Rains* của thầy Sum, Thiệu có câu “*Mưa tầm tã tuôn rơi như lệ chảy*”. Tôi cãi sao đem mưa, mưa lớn, mưa to, mưa tháng 10, mưa lụt mà ví với nước mắt thì tội cho mưa quá. Nên nói ngược lại, lệ tầm tã như mưa mới đúng, để diễn tả nước mắt khóc nhiều quá, nhiều như mưa. Tôi lớn tiếng “cãi cối cãi chày” với Thiệu, ví dụ người ta muốn nói một quả núi cao, có thể tạo một hình ảnh “núi cao thấu trời”, chứ có ai bảo ngược lại “trời cao bằng núi.” Thiệu với giọng thân mật trả lời “*mày là thằng nhà quê, làm sao hiểu cái bóng bẩy của thơ. Thơ không cần thực tế, thơ chỉ là một hình ảnh để diễn tả cảm xúc v.v...*” Có lẽ vì học lại, không có đối thủ, nên hai năm

trường làng tôi chơi nhiều hơn học, nhưng lúc nào cũng nhất lớp và làm trưởng lớp.

ĐI HUẾ

Vì bị bắt, bị niêm nhà nên số đường chế biến xong chỉ còn một việc là bỏ vào bao chõ đi bán, bị nghẹt lại một thời gian mấy tháng. Khi nhà hết niêm, và việc làm ăn bắt đầu thì giá đường lên vun vút nên năm ấy cha tôi phát tài về số đường bị tích trữ. Bán đường xong, cha tôi sợ đồng bạc ngày càng mất giá nên ông mua ruộng đất. Qua báo chí, cha tôi tin lời chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời một ký giả người Pháp. Ký giả hỏi ông có phải cộng sản không, ông trả lời chỉ là một người Việt Nam yêu nước, không chịu cảnh nô lệ nên tổ chức cuộc cách mạng nhân dân để lật đổ ách thống trị ngoại bang và phong kiến phản động, đem lại độc lập tự do dân chủ và hạnh phúc cho toàn dân. Cha tôi tin có thể mua ruộng đất mà không sợ quốc hữu hóa. Rất ít người bán ruộng, vì ở nhà quê, nông thôn, kẻ nào bán ruộng là người đó thất bại suy sụp. Cha tôi phải mua ruộng của con cháu ông Nguyễn Thân. Nguyễn Thân là đại thần triều Nguyễn có công dẹp giặc mọi Đá Vách ở Quảng Ngãi và sau đó rất được Pháp tín nhiệm vì đã lập công với Pháp tiêu diệt lực lượng yêu nước của chí sĩ Phan Đình Phùng. Nguyễn Thân rất giàu có và con cháu cũng giàu có. Nguyễn Hy con cả Nguyễn Thân ở Huế. Cha tôi mang tiền ra Huế trả cho ông Hy khoảng cuối năm 1946.

Anh Hoán, tôi và Cự, ba anh em như đồng trang lứa, mỗi người cách nhau hai tuổi, không hiểu sao cha tôi lại chỉ định tôi theo ông ra Huế. Đi Huế, hai chữ ấy đối với chúng tôi thật kinh hoàng. Năm học lớp ba trường làng, tôi đã biết trên bản đồ ba thành phố quan trọng của ba vùng là Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Tôi biết thêm Huế là kinh đô của triều Nguyễn. Anh cả tôi học ở Huế, mỗi dịp hè về nghỉ có kể cho chúng tôi những chuyện ở kinh đô Huế. Hồi đó tôi đã nghe câu Trường Tiền, chùa Thiên Mụ, lăng vua Tự Đức, thôn Vĩ Dạ... Cũng hồi đó, anh tôi thường nhắc đến tên các giáo sư với sự hãnh diện như Đào Duy Anh, Tôn Quang Phiệt, Bùi Xuân Bào, Hoài Thanh... Tôi thấy anh tôi sững quá, được học các ông thầy vĩ đại, các ông đó vừa đi dạy vừa viết sách, ngay trong nhà tôi ở quê mà vẫn có sách của ông Đào Duy Anh, cuốn *Tự Điển Hán Việt* cha tôi thường tra cứu và

khen hết lời, bảo ông này tây học, học chữ nho bằng bút sắt chứ không phải bút lông mà tú cử cũng khó bằng, và cuốn *Thi Nhân Việt Nam* của ông Hoài Thanh, do anh tôi đem từ Huế về. Tôi cho lên anh Thiệu cuốn này và nó là sách đầu giường của anh lúc bấy giờ. Tôi nghĩ nó cũng đóng góp một phần về sự khởi hứng nguồn thơ của anh. Lúc bấy giờ, 1946, tại quê hương nghèo và rất ít người đi học bậc trung học như quê hương tôi, sách rất hiếm, cực kỳ hiếm.

Có lần cha tôi nói: “*Thằng Liệu ráng học giỏi, tao cho đi Huế học*”. Tôi biết cha tôi thích cho con học cao, lớn lên, có gia đình có con, tôi mới biết không phải cha mẹ nào cũng đặt việc học của con quan trọng như nhau, nhiều gia đình giàu có nhưng con cái chỉ học cho biết viết biết đọc rồi thôi, lo ở nhà làm ăn. Cha tôi có thể nhịn ăn, nhịn tiêu, hà tiện tới đa để cho con đi học. Nhưng anh em chúng tôi không làm mãn nguyện cha vì bất tài, kém nghị lực cũng có, vì hoàn cảnh cũng có một phần. Mãi thế hệ con chúng tôi, một số mới đạt ý nguyện của chúng tôi.

Con đường khoa hoạn quá lận đận, anh tôi trở về lập gia đình, theo cha buôn bán. Tuy vậy cha tôi không tuyệt vọng, đã nghĩ đến tôi và tin tưởng vào tôi nên có ý định cho tôi đi Huế học. Nhưng biến cố lịch sử quá lớn, khởi nghĩa 1945, rồi chiến tranh tiếp tục úp lên đầu chúng tôi, vì độc lập cũng có, vì giai cấp, vì chủ nghĩa cũng có, và vì ngu xuẩn nhiều lắm. Từ 1940 đến 1975 là những năm thâm nhất lịch sử Việt Nam. Mọi người Việt Nam ở khoảng thời gian này đều chịu thiệt thòi nhất, gần trọn sinh lực của con người dồn vào chém giết lẫn nhau, nhân danh đủ thứ, làm mọi thứ tồi bại ti tiện nhất. Con cái tổ cha tổ mẹ chỉ có trong thời gian 35 năm này, nói láo nói xược, lừa gạt biến thành nghề nghiệp được trọng vọng cũng phát triển mạnh trong thời gian này. Và suốt thời gian này, những người cầm đầu dân tộc Việt Nam không ai có lòng thương dân thương nước dù họ nổi tiếng là lãnh tụ yêu nước, vì phương pháp tuyên truyền đầu độc, vì đám đàn em muối mặt, vì tư lợi mà nhắm mắt hoan hô. Hẳn có người nổi nóng khi thấy những dòng này rồi mạt sát người viết và cung kính đưa ra một vị cha già dân tộc, một nhà ái quốc vô địch, đến nổi tự đặt tên mình là Ái Quốc, một người được đệ tử cho là tuyệt vời, là Hồ Chí Minh, là Nguyễn Ái Quốc. Hoặc họ cũng cung kính đưa ra một vị anh minh, một vị suốt đời tận tụy lo cho dân, cho tổ quốc đến nỗi không dành một

chút thì giờ lo cho bản thân để lập gia đình có vợ, có con, một vị xem công danh như phù vân, đã từng rũ áo từ quan để bôn ba lo cứu dân cứu nước...vị đại anh minh ấy là Ngô Đình Diệm. Xin bình tâm đem hết khả năng hiểu biết, cố gắng vô tư tối đa để đánh giá, để xét công, tội của Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm thì sẽ thấy sự việc rõ như ban ngày, nhưng chỉ vì một lý do nào đó, mà bạn khó nói ra thôi...

Trở lại việc tôi đi Huế, anh tôi đề nghị may cho tôi một bộ đồ tây. Đó là cái quần soọc và cái sơ mi bằng kaki màu rêu, còn gọi là màu cứt ngựa. Hồi đó, rất ít người mặc đồ tây, nhất là ở tỉnh nhỏ. Ngay các vị tuần vũ ⁽²⁹⁾, tri huyện, các nhân viên làm việc ở các nha, các bộ hầu hết đều áo dài, khăn đóng, đi giày hạ. Hầu hết học sinh, sinh viên đều mặc đồ Việt Nam, nghĩa là áo dài, quần bà ba, đi guốc gỗ. Thậm chí lính lệ, lính khổ xanh ⁽³⁰⁾ cũng không mặc đồ tây, chỉ mặc áo không có tai lật như áo sơ mi, quần bà ba, một miếng vải quấn chặt từ đầu gối xuống đến mắt cá. Thế mà tôi sẽ có một bộ đồ tây, thật là ngạc nhiên. Anh tôi bảo tôi khỏe mạnh, mập mạp, mặc đồ sọt rất thích hợp. Ông Thoảng là thợ may khéo nhất làng, cũng là bà con với gia đình chúng tôi, có lẽ đây là lần đầu tiên may bộ đồ tây. Ông nghĩ khéo tay thì may gì không được, vả lại may cho một đứa nhỏ ở nhà quê thì khỏe quá. Tuy vậy ông đo kích thước rất tỉ mỉ và luôn luôn có ý kiến của anh tôi. Còn độ mười ngày đi Huế, tôi bỗng chồn lo lắng, mừng vui nôn nao đủ thứ chuyện. Tôi xin phép thầy nghỉ ở nhà một tuần để đi Huế. Tin tôi đi Huế truyền khắp năm lớp học, làm cho học sinh nhìn tôi thán phục và thêm muốn. Thầy Trần Giới dạy lớp nhì, tìm gặp tôi đưa một danh sách tên sách mua về cho thư viện. Cứ mua đi rồi nhà trường trả lại cho cha tôi. Thầy phân vân mãi không biết có còn tạp chí "*Cậu Ấm Cô Chiêu*." Thầy bảo tạp chí này trước kia, tức 1945, rất hay, nếu còn thì đặt mua. Thầy Đạo bảo mua loại sách Hồng, sách hướng đạo. Tôi dạ dạ vâng lời, không có ý kiến gì, vì chưa bao giờ mua sách. Anh tôi tả cho tôi về một tiệm sách. Anh bảo cũng như tiệm tạp hoá, ngoài cửa lớn phía trên treo một bảng hiệu và bảng hiệu có chữ tiệm sách. Trong tiệm có các kệ dựa sát

⁽²⁹⁾ *Quan đầu tỉnh.*

⁽³⁰⁾ *Loại lính chỉ ở trong nước chứ không đưa ra nước ngoài.*

tường với nhiều ngăn chứa sách. Anh dặn thêm là sách xếp theo từng loại, ví dụ sách toán, sách khoa học, tiểu thuyết... loại nào để theo loại đó. Nếu muốn mua tiểu thuyết thì đến ngăn tiểu thuyết mà tìm. Anh còn dặn mạnh dặn đừng sợ, nếu mua không được thì ra chứ không sợ gì hết và cũng mạnh dặn hỏi người bán sách nếu tìm không ra sách, đặc biệt nhớ sách có giá nhất định, không trả giá như những món hàng khác. Anh tôi còn dặn đủ thứ như cách mặc quần áo ra sao, phải nhớ gài nút quần khi đi tiểu xong, lên xuống xe lửa như thế nào, ban đêm ra phố coi chừng bọn móc túi, cướp dợt... Dặn đủ thứ làm tôi phát hoảng, không biết có đi được không, đi chơi mà sao khổ sở, khó khăn dữ vậy và tôi gần như không nhớ được điều gì. Tôi hỏi làm thế nào biết sách mình mua là tiểu thuyết. Câu hỏi ngây thơ của tôi lại khiến anh tôi lúng túng. Anh đáp cứ thấy chữ tiểu thuyết viết trên kệ sách thì biết sách tiểu thuyết để chỗ đó. Tôi bảo tôi hiểu rồi, nhưng thực ra tôi không hiểu gì hết và rất phân vân. Mang một sứ mệnh lớn quá không biết có làm nổi không, tôi lo lắng gần như mất vui.

Tôi chạy xuống tiệm may mấy lần để mặc thử khi thì áo, khi thì quần và cảm thấy đồ tây sao chật quá, khó chịu quá. Cái quần tôi phải thót ruột vào mới gài nút được, tôi than chật, ông Thoảng trấn áp tôi:

- Chú không biết đồ tây, chứ bọn tây nó mặc chật sít sao lắm, cho nên thấy nó mạnh bạo to lớn, còn đồ mình mặc rộng trông yếu ớt bạc nhược. Hơn nữa, quần không sửa được nữa vì đã may kỹ ba đường dưới đáy rồi. Nếu có sửa thì sửa hẹp lại cho đẹp, chú mặc quần này coi mạnh bạo quá, đẹp quá.

Cái chemise bó sát vào da thì thật thê thảm, làm cho ngực tôi như căng ra. Áo hơi ngắn nên bỏ vào trong quần rồi thì phải thận trọng vì đưa tay lên cao có thể kéo áo ra khỏi quần. Lần đầu mặc đồ tây mà mặc như thế tôi thấy khó chịu. Tôi muốn nói với cha để tôi mặc bộ bà ba cho dễ chịu, nhưng cả nhà đều la, bảo bà ba để tối mặc ngủ, còn đi Huế phải mặc đồ tây để khỏi bị khinh thường. Mặc thử bộ đồ mới, tôi e dè bước ra sân. Gió thổi lạnh cặp đùi và hai cánh tay. Tôi không dám đi mạnh sợ áo sút ra ngoài quần và hình như ai ai đi qua cũng chăm chú nhìn bộ đồ mới của tôi. Tôi nghĩ chắc mình chưa quen nên thấy vậy và ý nghĩ ấy giúp tôi đỡ khó chịu. Ông Thoảng, thợ may có nói với tôi là mặc lâu lâu nó giãn ra thì vừa. Tôi hơi yên tâm nhưng vẫn mất

về tự nhiên như khi mặc bộ bà ba.

Một buổi chiều, tôi mặc bộ đồ tây, cố giữ tự nhiên, xách cặp đựng quần áo của cha tôi và tôi, hai cha con ra ga Hòa Vinh Tây, nhà ga gần nhất, cách nhà khoảng 7 cây số. Vào nhà ông sui phía vợ anh cả tôi, ở đó, ăn cơm tối xong, 7 giờ ra sân ga mua vé đi Huế.

Hòa Vinh Tây là một ga nhỏ dành cho tàu chợ, chỉ có vồn vện một căn nhà nhỏ lợp ngói đỏ, tường gạch sơn trắng. Hình như chỉ có một ông xếp ga với một nhân viên giúp việc làm mọi thứ từ bán vé, điện tín, soát vé vào cửa và ra hiệu cho xe di chuyển. Trên sân ga lơ thơ chừng mười người, kể cả một em bé với một bà già bán thuốc lá và bánh kẹo. Một người đàn ông cỡ 30 tuổi gầy ốm ngồi trong quầy vé. Tôi nghe những tiếng “lộp cộp” chát chúa như búa đập mạnh xuống miếng gỗ rồi ông rút ra hai cái thẻ bì cứng bằng hai ngón tay đưa cho cha tôi. Lần đầu tiên tôi thấy cách bán vé xe lửa. Tôi cứ tưởng vé xe lửa như tờ giấy học trò, không ngờ đó là một miếng dày cứng, có in chữ đậm nét và in dấu đỏ. Cha tôi thận trọng xếp, bọc bỏ vào túi áo, gài kỹ bằng cây ghim kim khí trắng. Đã đi xe lửa nhiều lần, cha tôi có vẻ thành thạo, dắt tôi qua cửa soát vé vào sân ga chờ lên tàu. Với tôi, cái gì cũng là lần đầu và mới lạ. Tôi chỉ thấy xe lửa in trên sách báo, chưa bao giờ thấy xe lửa thật. Tôi nôn nao chờ, mắt đăm đăm nhìn hướng Nam, vì xe lửa sẽ chạy từ Nam ra Bắc do Huế ở phía Bắc Quảng Ngãi. Trời tối đen, tôi không thấy gì hết. Đèn trong sân ga mờ quá. Bỗng ông xếp ga và một người xách một cái đèn giống như đèn bão ở nhà tôi chỉ khác một chút là trong các miếng kính bao quanh đèn có một miếng sơn màu đỏ thắm. Cha tôi thềm thì “*Tàu tới rồi!*”. Tôi vẫn chưa thấy gì hết. Chợt một tiếng còi tàu rú lên làm tôi giật mình. Tiếng còi kéo dài như xé cả không gian, phá tan cảnh tịch mịch. Mọi người láo nháo đứng dậy. Tiếp theo hai tiếng hú ngắn hơn chát chúa là tiếng “*xịch, xịch, xịch..*”. Từ xa, con tàu lộ dần, một làn khói đen tỏa ra làm mờ những ngọn đèn ở đầu máy. Cha tôi vội nắm tay tôi kéo xa đường rầy sợ sức hút của tàu kéo tôi nhào vào tàu. Đầu máy nhả khói đen ngòm chậm chậm qua trước mặt chúng tôi, than đá cháy đỏ rực, tàn than rơi tấp xuống đường. Tàu chạy chậm chậm, một hồi còi rú lên, tiếng bánh sắt nghiến vào đường tạo âm thanh ghê rợn. Con tàu ngừng hẳn, tiếng nước sôi trong đầu máy rào rào. Trên tàu đông đúc, chen chúc

toàn là lính. Âm thanh đầu tiên từ các toa tàu tỏa xuống là tiếng hát du dương bài *Thiên Thai*, một bài hát đang thịnh hành. Lần đầu tiên tôi lên sân ga, lần đầu tiên tôi thấy xe lửa, cái gì đối với tôi cũng mới lạ, nhưng cái làm tôi ngạc nhiên lý thú là tiếng hát trầm buồn của bài *Thiên Thai*, từ những người lính trẻ trên tàu vang xuống, ngân nga kéo dài trong đêm buồn trên sân ga. Cha tôi kéo tôi lên ngay toa tàu trước mặt. Tàu chật quá, chúng tôi phải ép vào một góc. Trên tàu tối mờ, không thấy rõ mặt từng người. Cha tôi bảo đây không phải toa hành khách, vì toa hành khách có chỗ ngồi đằng hoàng, đây là toa chở hàng.

Tàu ngừng độ ba bốn phút rồi tiếng còi hú dài, khói thổi mạnh hai bên thành tàu, tiếng xích xích chậm chậm bắt đầu. Qua cửa sổ, tôi thấy hai người cầm đèn, ra hiệu đưa tới đưa lui, hình như là hiệu lệnh cho tàu khởi hành. Tiếng xích xích nhỏ dần và nhanh dần, một tiếng hú tiếp và con tàu khuất vào đêm. Một số lính nằm trên võng đu đưa theo nhịp tàu chạy, một số nằm trên miếng trải bằng nhựa. Cha tôi và tôi ngồi một góc xa cửa lên xuống để tránh rủi ro. Các đốm lửa thuốc cứ loé rồi tắt, lập loè khắp trong toa hòa với giọng buồn buồn bài ca *Thiên Thai*.

Gió khuya mát thổi vào làm tôi thấy dễ chịu. Cha tôi kê cái cặp da sau lưng, dựa vào thành tàu, bình thần hút thuốc. Tôi hỏi chừng nào tới Huế, cha tôi cười bảo "*Đi Huế xé tới*". Đó là câu người Quảng Ngãi thường nói, vì tàu khởi hành ở Quảng Ngãi vào ban đêm và cỡ ba bốn giờ chiều hôm sau đến Huế. Tàu chạy một lúc lâu, tôi thiu thiu ngủ.

Một hồi còi rú dài, xé tan cảnh tĩnh mịch đêm khuya, rồi tiếp hai ba tiếng còi ngắn hơn, khói tàu phụt mạnh, tỏa dài ra sau vào các toa làm mắt cay cay, mũi khét lẹt. Tàu chậm hẳn lại. Cha tôi bảo tàu đến ga Quảng Ngãi. Nhìn qua cửa, trên sân ga người chen chúc. Đèn điện sáng như ban ngày. Những đèn hiệu giờ lên hạ xuống chậm chậm, con tàu thở phì phì rồi ngừng hẳn. Lính trên tàu bước xuống và rất đông người bước lên. Các tiếng rao "*nước đây! Bánh mì nóng đây! Hột vịt lộn đây!...*" inh ỏi. Nhiều đàn bà và trẻ con vừa rao vừa hấp tấp bước lên tàu. Người bán rất đông nhưng ít người mua. Khác hẳn ga Hoà Vinh Tây, sân ga Quảng Ngãi đông quá. Cha tôi bảo đây là ga chính của tỉnh nên tàu đậu lâu cả tiếng đồng hồ.

Rồi lại những hồi còi liên tục hú dài. Một chiếc tàu chậm chậm chạy đến dừng một bên, các toa có ghé ngồi. Hành khách

tay xách cặp bước xuống và người bước lên chen lấn đông quá, nhưng đa số là người thường, không phải binh sĩ. Đám bán hàng rong nhào qua chiếc tàu mới đến với tiếng rao ồn ào. Tàu tôi chuyển bánh sau một hồi còi lớn, dài, chạy nhanh bỏ lụi ga Quảng Ngãi. Tôi cảm thấy ngầy ngật mỗi mệt, đầu tóc bơ phờ, vì đói bụng và vì hít thở khí than, mặt như đánh phấn đen mốc lỗ mũi ra toàn màu than đen. Cha tôi không di chuyển ngồi một chỗ dựa lưng vào thành tàu, hút thuốc liên tục. Nhiều người bán hàng rong rao inh ỏi chìa trước mặt chúng tôi, nhưng cha tôi khoát tay từ chối.

Đến ga Đà Nẵng tàu dừng lâu quá. Có lẽ là ga lớn, tôi đếm không hết số đường rầy trên một khu đất rất rộng. Luôn luôn có tiếng còi tàu hoặc ngắn sắc, hoặc kéo dài. Tàu đến, tàu đi, tàu ngược chiều, tàu đổi đầu máy, cắt bỏ hoặc móc thêm toa. Ban ngày, những người làm dấu hiệu cho tàu di chuyển đều cầm cờ nửa trắng nửa đỏ. Nhiều cảnh sát đồng phục giữ trật tự ở sân ga, sẵn sàng nổ súng và đuổi bắt bọn trộm cắp. Những chữ Tourane ngày xưa vẫn còn mờ mờ dưới lớp sơn quét xóa bỏ không lấp được khiến tôi nhớ lại sách địa lý trước 1945 có nhắc đến thành phố và cảng Tourane. Theo hiệp ước Patenotre, cửa Hàn tức Tourane là nhượng địa cho người Pháp cũng như Hải Phòng và Nam Kỳ. Hiệp ước Patenotre chấm dứt từ ngày Nhật đảo chính Pháp và lúc tôi ra Huế thì từ Đà Nẵng trở ra do quân đội Trung Hoa Quốc Gia tước vũ khí quân đội Nhật, còn từ Đà Nẵng trở vào do quân đội Anh.

Tàu rời Đà Nẵng, cha tôi bảo sắp qua chín cái hầm, hầm dài nhất non 2 cây số. Ra khỏi Đà Nẵng thấy những dãy núi cao sừng sững gần như chấm da trời, trên đỉnh mây trắng bao phủ. Đó là đèo Hải Vân. Người ta bảo Pháp xử dụng tù nhân làm những việc nặng nề nguy hiểm, đục núi thành hầm xuyên qua để khỏi lên cao, vì xe lửa khó leo lên độ dốc quá cao. Hơn nữa đục núi thành hầm để chui qua thì đường được rút ngắn. Sắp tới hầm, hành khách vội đóng cửa sổ để tránh khói than thổi lồng vào toa. Tiếng xạch xạch của máy, của bánh sắt nghiền trên đường rầy nghe rõ và chát chúa hơn khi chạy ngoài hầm. Cha tôi bảo nên nhắm mắt lại, nín thở, hai tay bịt mặt để bớt sợ và khỏi hít khói than vào phổi. Có những hầm ngắn, ở phía bên này nhìn thấy ánh sáng phía bên kia, duy một hầm dài, tôi nín thở nhiều lần vẫn chưa hết, mờ mắt không thấy gì, tối mịt như ban

đêm, khói than cay quá, chảy nước mắt. Nín thở càng lâu khi hết nín được, lại hít vào nhiều quá, khí than làm tôi muốn xỉu.

Cảnh hùng vĩ của núi rừng ở đây làm tôi khiếp sợ. Con đường sắt quanh co uốn khúc, một bên là vách núi cao sừng sững, một bên là vực thẳm, xa tít dưới sâu là biển xanh đen, bọt sóng trắng sát bờ như một đường ranh giữa rừng và biển, không thấy một chiếc thuyền đánh cá, một bóng người, núi đèo rừng biển hoang nguyên quá. Toa tàu tôi gần đầu máy, nhìn ra cửa sổ, thấy những toa sau cùng, người đông đúc lố nhố bên trong. Hình như chỉ có mình tôi hồi hộp, bồn chồn, xúc động, có lẽ do lần đầu thấy cảnh hùng vĩ của đèo Hải Vân. Làng Long Phụng quê hương thân thương của tôi cũng có núi Đất, núi Bạc, có chùa Ông Rau, có bãi biển dài... nhưng núi biển hiền quá, không hùng vĩ, kinh hoàng như núi biển ở đây.

Trong toa, người ngủ, người đọc sách, năm ba người nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng cười rú lên. Cha tôi chăm chú đọc tờ báo cũ đã nhàu nát tìm thấy nơi ông ngồi. Con tàu phẳng phẳng chạy thẳng vào dãy núi kế tiếp, khi ẩn khi hiện, khi bị mất hút như bị dãy núi sừng sững nuốt vào, khi lao vào khu rừng hoang rậm, lên dốc, xuống dốc, khi chạy sát vực thẳm, một màu biển xanh đen. Tôi khâm phục và thương con tàu quá. Rồi những hồi còi kéo dài, con tàu rời khu núi rừng, mùi than đá khét nghẹt loảng dăn, không khí thoáng nhẹ, cha tôi bảo đến ga Lăng Cô. Nhìn xa tấp, tôi thấy những mái ngói đỏ. Nhiều người trong toa lố nhố, sửa soạn rời tàu. Tàu chạy chậm rồi ngừng hẳn. Người trên tàu ồ ạt bước xuống, toả ra các quán xung quanh sân ga. Hình như tất cả đều xuống, chỉ hai cha con tôi còn lại trên toa. Cha tôi mở gói cơm nếp và trứng gà luộc ra ăn. Đồ ăn nguội quá, tôi không ăn được, mỗi mệ, mắt điu lại, tôi ngã lưng vào thành toa ngủ.

Khi cha tôi đánh thức tôi thì đã đến ga Huế, người trên tàu xuống gần hết. Cha tôi cho biết để khách đi tàu xuống gần hết rồi mới xuống để phòng bọn móc túi lợi dụng đám đông. Lần này cha tôi mang số tiền khá lớn để trả tiền mua ruộng đất. Số tiền được may kỹ trong cái áo lót, phía ngoài mặc thêm hai áo nữa. Để qua mắt bọn lưu manh nổi tiếng ở chợ Hàn, cha tôi mặc như một nông dân nghèo, luộm thuộm dơ dáy. Bởi vậy, cha tôi ngồi mãi trên toa và mở gói cơm nguội ra ăn, hút thuốc rê quán bằng bao bấp trong lúc hầu hết khách xuống ga ăn uống giải trí.

THÀNH PHỐ HUẾ

Ga Huế nhỏ hơn ga Đà Nẵng, ít xe, ít nhộn nhịp hơn.

Vừa ra khỏi ga, một số người to lớn vạm vỡ, quần cụt áo cánh, đội nón lá nhỏ vừa đủ che đầu, nhào tới đám khách mới xuống tàu, lễ phép mời "*Mời bác đi xe, mời chú đi xe, mời cậu mời cô lên xe...*". Cha tôi khoát tay từ chối bảo nhà rất gần đi bộ được. Tôi gần như choáng váng bởi cái gì cũng lạ, không giống những cái tôi thấy ở làng, đến nỗi tiếng nói cũng khác quá, giọng trọ trẹ khó nghe, ban đầu tôi cứ ngỡ không phải họ nói tiếng Việt. Những người lực lưỡng giành giật mời khách là người kéo xe. Xe có hai bánh như bánh xe đạp, được gắn dưới một cái thùng trong có nệm để ngồi và có chỗ dựa. Thùng xe gắn liền hai cây cần phía trước, người kéo xe đứng giữa hai cần để kéo. Tôi choáng váng vì người đi lại tấp nập, xe cộ đông đúc. Xe đạp, xe kéo, xe ngựa, xe chở lính, xe chở hàng hoá chen chúc. Là con nít ở nhà quê, tôi không hiểu tại sao người ta sống chen chúc, nguy hiểm như thế và đi đâu mà đi đông như thế. Cha tôi cho biết ngày chủ nhật, ngày lễ còn đông hơn nữa và bảo đi gần với nhau, đừng ngó nhìn lung tung rất dễ lạc. Mỗi khi băng qua đường tôi sợ quá, nhất là qua các ngã tư. Chúng tôi đi lâu lắm, thật lâu mới tới nhà ông chủ điền bán ruộng cho cha tôi.

Cổng sắt gài bên trong, hai cánh làm bằng hai miếng sắt dày, phía trên chừa một lỗ nhỏ bằng bàn tay. Cha tôi bảo đứng chờ có ai đi trong sân, gọi họ sẽ mở cổng. Nhà giàu sợ ăn cướp nên phải đóng cổng kỹ. Qua một đêm một ngày gần như không ăn uống, rồi đi bộ xa quá, tôi mệt như, đành ngồi bên lề đường. Cha tôi đứng nhìn chăm chăm qua cái lỗ trống ở cửa vào sân. Tôi đang thiu thiu ngủ thì tiếng la lớn của cha tôi làm tôi giật mình: "*Cô! cô! chị! chị!*". Người đàn bà chạy ra tận cổng. Cha tôi lễ phép nói: "*Cô làm ơn vào trình cụ thượng có người nhà ở Quảng Ngãi ra hầu thăm cụ*". Hình như người bên trong còn e dè, cha tôi nói tiếp chính cụ thượng nhấn ra và cha tôi cho biết tên của cha tôi, bảo vào trình rõ ràng.

Lập tức cụ thượng bước ra sân, người đàn bà giúp việc vội vã ra mở cổng cúi đầu chào mời cha tôi vào. Cụ thượng vui vẻ đưa tay bắt tay cha tôi, bảo: "*Tôi tưởng ông ra chiều hôm qua, làm tôi đợi ông, mời vào*" Cha tôi đưa hai tay bắt tay cụ

thượng. Cụ cao và ốm, mặc áo vạc hò⁽³¹⁾ và quần lụa màu vàng lợt. Nhìn cụ là biết cụ an nhàn suốt một đời. Bước vào căn phòng rộng, tôi chơi vơi, vì không biết đứng đâu, ngồi đâu. Chỗ nào cũng lạ, cũng sang, cũng sạch quá. Như bị thôi miên, tôi ngơ ngáo trong căn phòng sang trọng kinh khủng này. Hai người lớn không để ý đến sự có mặt của tôi và có lẽ thấy tôi thừa thãi quá, cha tôi bảo tôi ra ngoài hè. Ngồi trên cái ghế mây dài trên hiên rộng, gió hiu hiu tôi thấy dễ chịu. Vườn phía trước tuy hẹp nhưng rất sạch, những ảng cây lạ tôi chưa bao giờ thấy ở đâu. Tôi đang ngắm mấy cái ảng lớn xung quanh chạm những con rồng xanh, bông từ công, ba cô gái bước vào làm tôi bối rối. Hai người cỡ tuổi tôi, một người lớn hơn có lẽ là chị. Hai cô nhỏ đi thẳng vào nhà, người chị nhìn tôi, cười thân mật hỏi: “*Em mới từ Quảng ra?*” Tôi đứng dậy lễ phép thưa: “*Dạ, em mới đến.*” Chị vỗ nhẹ nhẹ trên đầu tôi bảo ngồi tự nhiên rồi vừa đi vào nhà chị vừa nói “*Chị sẽ đem nước cho em uống.*” Tôi bối rối không trả lời. Chị rất đẹp và hiền quá, lời nói nhỏ nhẹ, giọng Huế. Chị đem cho tôi ly nước trong nhưng uống lạnh, ngọt. Tôi cẩn thận cầm cái ly thủy tinh bằng hai tay chỉ sợ rớt bể.

Sự ân cần của chị khiến tôi tự nhiên hơn. Chị chỉ tôi cách dùng cầu tiêu máy, cách mở vòi nước để tắm. Những thứ này anh tôi đã dặn kỹ nên chị nói qua tôi hiểu ngay. Bữa tối hôm đó, chị, hai cô nhỏ và tôi ngồi quanh cái bàn tròn gần nhà bếp, cha tôi và cụ thượng ăn ở nhà khách.

Thấy tôi rụt rè kè kè, chị bảo: “*Con trai ăn uống tự nhiên chứ, em rụt rè như con gái vậy.*” Hai người con gái kia không nói chuyện với tôi, ăn xong vào phòng riêng, một cô đến chơi dương cầm, hồi đó tôi mới thấy lần đầu. Chị tiếp tục hỏi tôi, trong khi người giúp việc đem hai ly nước cho chị và tôi: “*Em học lớp mấy?*” Giọng nói nhẹ nhàng thân mật giúp tôi như gần chị hơn, tôi vui vẻ đáp: “*Em học lớp nhất trường làng em.*” Rồi tôi kể cho chị nghe sự học của tôi, nếu không có Nhật đảo chánh thì tôi đã thi tiểu học, nếu không có khởi nghĩa tháng Tám thì tôi đã thi tiểu học bằng tiếng Việt, rồi phải về làng học lại lớp nhì cho nên bây giờ mới sắp thi tiểu học. Chị bảo chị thi tiểu học năm 1944, và bây giờ đang học năm thứ hai trung học. Tôi giật mình hiểu ra chị chỉ hơn tôi một hai tuổi mà tôi tưởng chị lớn ngang chị tôi ở

(³¹) Áo hàng nút dưới nách, chứ không gài phía trước.

nhà. Thái độ của chị như bà chị cả. Thấy chị vui vẻ, tôi hỏi chị gần nhà có tiệm sách không. Chị cho biết khu chị ở là khu nhà của quan chức ngày xưa nên xa nơi buôn bán, tuy vậy chị bảo ngày mai chị sẽ dẫn tôi đi phố và đến các tiệm sách lớn. Tôi mừng ra mặt vì điều lo nhất là mua sách cho trường làng tôi, bây giờ có chị vui vẻ giúp, rồi rít cảm ơn và nói thật với chị về nỗi lo mua sách. Chị chỉ cho tôi chỗ ngủ là cái divan bằng gỗ kê gần cửa sổ trong một phòng nhỏ, trên đó có sẵn gối và mền xếp cẩn thận. Chị bảo: *“Em thay bộ quần áo đang mặc dính đầy bụi than, bỏ trong buồng tắm, chị bảo chị giúp việc giặt gấp cho em để mai em đi phố”* Nói xong, chị ra khỏi phòng khép kín cửa. Tôi làm theo ý chị, rồi ngả người trên divan. Tôi không quen dùng gối và mền như thế này, nhất là nằm trên một chiếc divan và ở vắng vẻ một mình. Tôi ở nhà quê gần như chưa bao giờ nằm một mình, thường ba bốn anh em nằm chung trên một cái phản và đắp chiếu chung khi mùa lạnh. Bây giờ nằm trên divan một mình, một cái gối, một cái mền thơm phức khiến tôi bối rối. Tôi đẩy mền gối qua một bên và nằm một bên. Mỗi mền nhưng tôi không chợp mắt được, có lẽ lạ nhà, lạ chỗ. Và hình ảnh dụ hiền của chị cứ lảng vảng trong đầu tôi.

Sáng hôm sau, chị dẫn tôi đi phố. Tôi còn nhớ chị mặc chemise màu xanh lơ, ngắn tay, quần tây dài cũng màu xanh lơ, đi đôi guốc sơn đen. Mái tóc xoã trên vai, đôi mắt to, gương mặt sáng. Chị đẹp thật, tôi chăm chăm nhìn bóng bắt gặp cái nhìn của chị, tôi vội nhìn nơi khác và cảm thấy kỳ kỳ. Tôi cho cha tôi biết tôi đi với chị ra phố mua sách. Theo chị ra cổng, tôi mới biết đường đến nhà cụ thượng là Lý Thường Kiệt. Chị cho biết đi hết đường Lý Thường Kiệt, gặp đường Phạm Ngũ Lão quẹo phải hết con đường đó bắt đầu đến phố buôn bán. Nhà khu chị ở đều giống nhau, bên ngoài rào bằng những cây sắt tròn bằng cổ tay, độ bảy tám thước xây một trụ gạch, rồi cổng sắt phần nhiều hai cánh khép chặt. Trong vườn có cây xanh, có hoa. Hai bên đường, cỏ thụ rậm rạp, gần như ngăn khuất ánh nắng xuống mặt đường. Rất ít người qua lại. Vừa đi chị vừa giải thích đây là khu ở thanh tịnh, hoặc giàu có, chỉ các quan chức ngày xưa mới được ở khu này. Chị hỏi tôi thành phố ở Quảng ra sao. Tôi thưa thật đây là lần đầu tôi biết thành phố. Chị tươi cười cho biết chị chưa biết cảnh đồng ruộng ra sao vì chưa có dịp về nhà quê. Chị hỏi tôi nhà quê có vui không, tôi trả lời nhà quê

không vui và nghèo lắm. Chị bảo nhà quê chắc nghèo nhưng nhà tôi không nghèo vì cha tôi đã mấy lần mang tiền ra mua ruộng. Câu chuyện vu vơ lỡ dở chúng tôi đã vào con đường bắt đầu đến phố. Lần đầu tiên tôi thấy phố. Mặt trời lên cao, ánh nắng tỏa sáng. Nhà cửa san sát, cao vút, dây chằng chịt trên cao. Hai bên đường, lề dành cho người đi bộ rộng, lót gạch vuông đỏ xẫm, có chỗ tráng xi măng màu xám, người qua lại đông đúc. Mặt đường tráng nhựa đen láng, xe đạp, xe kéo, xe ngựa, xe hơi qua lại. Thỉnh thoảng vài chiếc xe chở lính người ngoại quốc, chị bảo đó là lính Pháp. Chị cho biết lính Pháp lịch sự, dễ chịu hơn lính Nhật và hiện lính Pháp thay thế lính Nhật còn tạm ở đây. Tiếng ồn ào của xe cộ, của người rao hàng, nhất là tiếng guốc gõ chạm vào mặt đường, tạo âm thanh náo nhiệt ồn ào không dứt, nên tôi không nghe rõ chị nói những gì.

Vào tiệm sách, tôi nhớ là tiệm Hương Giang. Đó là căn phòng rộng hơn một lớp học, quanh tường là những kệ cao chứa đầy sách. Các loại sách sắp riêng biệt. Tôi đưa tờ giấy ghi các loại sách cho chị. Hầu hết sách định mua đều có, trừ tạp chí “*Cậu Ấm Cô Chiêu*”. Hỏi các người trông coi tiệm không ai biết, thậm chí họ chưa bao giờ nghe cái tên kỳ lạ ấy. Chị dẫn tôi vào tiệm cà-rem mua hai cây cà-rem. Lần đầu tôi được ăn loại “*bánh*” này. Chị chỉ cho tôi cách ăn, không phải như ăn bánh, phải mút từ từ. Chị ăn thử cho tôi xem. Chị lè lưỡi liếm cây kem gọn gàng thật xinh, tôi vụng về làm nước kem chảy tùm lum.

Tối hôm đó, chị dẫn cha tôi và tôi đi xem trình diễn nhạc. Ban đêm điện sáng hơn ban ngày. Đèn xanh đỏ vàng rực rỡ quảng cáo. Chỗ nào đối với tôi cũng lạ, cũng rực rỡ, lộng lẫy. Ban đêm hình như đâu đâu cũng đổ ra đường để đi, lớn bé, già trẻ, gái trai chen chúc, tiếng guốc chạm đường tạo âm thanh rộn rịp. Thành phố ban đêm khác hẳn, đèn điện sáng và đèn màu làm cho khung cảnh trắng lệt, rực rỡ. Tôi hớn hờ, rộn ràng hòa vào đám đông đang ùn ùn kéo đi. Đến một góc đường thật rộng, ngã năm ngã sáu gì đó, cảnh sát sắc phục chặn xe lại, chỉ cho người đi bộ vào thôi. Đó là địa điểm trình diễn âm nhạc. Chị bảo hàng tháng có một lần trình diễn như vậy, cho mọi người được tự do xem. Bởi vậy người đến xem đông quá. Cha tôi luôn dặn tôi ngó chừng theo sát chị kẻo lạc không biết đâu mà kiếm. Có lúc chị nắm tay tôi, tôi nắm tay cha tôi kéo sát vào gần sân khấu. Tiếng la ó ồn ào lẫn với tiếng khóc, tiếng gọi tên tìm kiếm thất

lạc, tạo một âm thanh hỗn độn, không còn nghe phân biệt gì hết.

Bỗng một hồi kèn rộ lên át hết tiếng ồn, mọi người đều đứng im tại chỗ. Chưa bao giờ tôi nghe tiếng kèn này nên khi chỉ bảo chào cờ tôi mới nhận ra đó là bài quốc ca mà chúng tôi thường hát mỗi buổi sáng trước khi vào lớp.

Tiếng kèn đột ngột chấm dứt. Im lặng, thật im, rồi tiếng kèn nhỏ rả rích thấp dịu như tiếng nước chảy. Bài truy điệu bắt đầu. Tất cả đứng im đầu cúi xuống.

Trên sân khấu, độ năm sáu chục người đồng phục kaki màu vàng như cùng trang lứa, đứng ba hàng ngang, đội beret đen, mang giày đen bóng loáng. Không người nào còn quá trẻ, họ trạc trên dưới bốn mươi. Theo chị, đó là đội kèn nổi tiếng trước 1945, gọi là đội kèn lính khố xanh của Trung Kỳ, bây giờ trở thành đội kèn số một, có nhiệm vụ đi trình diễn lưu động khắp nước. Tôi không biết đó là những kèn gì, chỉ thấy màu vàng ánh mỗi khi họ cử động như có tia sáng lóng lánh chói ra. Phần nhiều cong vồng và ngoài cùng loa ra to bằng chiếc nón lá rộng vành. Hai hàng đầu toàn kèn đồng loá mắt. Người nhạc trưởng đứng trên một bục gỗ cao hơn sân khấu vài gang tay. Hai tay ông luôn cử động, mặt nghiêm nghị, nhìn vào đám người đang thổi kèn, lưng quay về đám đồng. Tôi ngạc nhiên chăm chú nhìn người nhạc trưởng. Hai bàn tay kỳ diệu của ông khi lên, lên nữa, lên thật cao, ông rướn người lên tột cùng, rồi đột ngột hạ xuống, xuống nữa, ông cúi xuống, hai bàn tay dang thẳng về phía trước và bất động, tiếng nhạc ngừng hẳn. Hình như tiếng nhạc toát ra từ bàn tay của ông. Có lúc rầm rộ ồn ào náo nhiệt, bỗng dịu dần dịu dần, rồi các cây kèn đồng đều ngừng, chỉ còn tiếng sáo réo rắt của những người đứng hàng sau cùng. Rồi tiếng sáo cũng tắt dần, nhỏ dần như tiếng nước nghẹn và tắt lịm.

Năm giây, mười giây, hai mươi giây im lặng. Bỗng hai bàn tay kỳ diệu của nhạc trưởng phát cao lên tỏa ra hai vòng tròn tung lên trời, cả sân khấu như rung động, cùng lúc tiếng kèn đồng bốc lên, xé tan bầu không khí im lặng. Một bài nhạc hùng rầm rộ tuôn ra.

Cuộc trình diễn kéo dài độ hai tiếng đồng hồ. Mỗi lần dứt tiếng kèn, tiếng vỗ tay vang lên tán thưởng. Tôi không hiểu gì, chỉ nghe tiếng kèn khi cao khi thấp, khi lớn khi nhỏ và thích thú nhìn hai bàn tay điều khiển của nhạc trưởng. Cuối cùng, nhạc trưởng quay lại nhìn thẳng xuống đám đồng cùng đoàn nhạc

công cúi rạp người kính cẩn chào. Những tiếng vỗ tay vang lên, đám đông bắt đầu ra về.

Về khuya, ánh trăng tỏa xuống làm cho ánh điện như mờ đi, bót về lộng lẫy lúc bắt đầu vào đêm. Đường Lý Thường Kiệt lặng lẽ với những tàng cây rậm rạp xanh đen và vài vạt trắng phớt nhẹ mặt đường. Ba chúng tôi chậm chạp bước. Tôi hỏi nhỏ chị: “*Chị là con gái cụ thượng?*” Câu hỏi đột ngột làm chị ngạc nhiên: “*Không phải đâu em, chị là người bà con.*” Tôi không hiểu sao lại hỏi vu vơ có thể khiến chị không vui. Chị chậm lại để tôi bước kịp, hỏi: “*Nghe bác nói mai em về Quảng?*” Tôi đáp một tiếng nhỏ như vừa đủ nghe: “*Dạ*”.

Sáng hôm sau, lúc quá nửa buổi, cụ thượng gọi tôi lên cho tôi mấy đồng bạc: “*Cháu cầm ăn kẹo.*” Tôi hoảng hốt lúng túng không dám cầm. Cha tôi nói: “*Cụ cho, con cầm ơn cụ đi.*” Tôi đưa hai tay nhận cúi đầu hồi hộp, sợ hãi thưa: “*Dạ, con cảm ơn Cụ, chào cụ con về.*” Cụ thượng cười vỗ nhẹ trên tóc tôi. Cụ đưa cha tôi đến cổng. Chị bước ra ngoài cổng: “*Thôi bác và em về*”. Tôi nhìn chị, nghẹn nghẹn định chào nhưng không nói được. Chị đỏ bừng mặt, cha tôi cười nói: “*Cảm ơn cô, chào cô chúng tôi về.*” Cha tôi vừa dứt câu chào về, nước mắt tôi chảy dài trên má. Chị không trả lời lặng lẽ bước theo sau. Đi hết con đường Lý Thường Kiệt chị nói: “*Thôi em về nhớ gắng học hành nhé.*” Tôi gục đầu cảm ơn chị rồi lặng lẽ bước theo cha. Sắp sửa quẹo phải theo con đường đến ga xe lửa, tôi quay đầu lại, chị vẫn còn đứng nhìn chúng tôi.

Tôi thần thờ theo cha bước lên xe lửa. Hình ảnh dịu hiền của chị lảng vảng trong tâm trí tôi. Tại sao các chị tôi không ai ngọt ngào dễ thương, hiền lành như chị. Tôi buồn quá, không muốn nhìn cảnh vật bên ngoài, hình ảnh chị hiện rõ trong tâm trí tôi, mỗi mệt, đi vào giấc ngủ.

Mười năm sau, tôi trở lại Huế.

Nhờ chiếc cyclo đạp đi mấy tiếng đồng hồ, tôi bắt đầu con đường từ ga đi theo trí nhớ mười năm trước. Con đường xưa vẫn nguyên vẹn, nhưng tên đường đã đổi. Lên xuống nhiều lần tôi tìm được ngôi nhà cũ. Cổng đóng kín.

Sau một lúc quan sát, tôi gõ cửa. Không một ai ra. Tôi ngồi trên lè đường hút liền mấy điếu thuốc.

Cảnh vật vắng lạnh. Trời sắp tối, uể oải ra về, tôi tự hỏi “*Không quên được chị?*”

THI TIỂU HỌC

Thời thế đổi thay, hơn hai năm sau tôi mới thi tiểu học. Ba anh em tôi, anh Hoán, tôi và Cự, cùng thi một khoá tại huyện Mộ Đức. Tôi rất bình thản bởi học đến hai lần, tôi nghĩ khó có thể hỏng. Nhưng anh tôi có phần lo vì tính phải thi đậu rồi nghỉ học. Anh không muốn đi học nữa. Thầy dạy chúng tôi đi thi là thầy Trần Duy Sum. Thầy đậu xong trung học đệ nhất cấp⁽³²⁾ về dạy chúng tôi thi tiểu học. Tôi còn nhớ thầy luyện cho chúng tôi những câu “thường thức” để đi thi. Chúng tôi trúng đề được hai câu. Câu thứ nhất hỏi: *Định nghĩa điểm là gì?* Câu thứ hai hỏi: *Học lịch sử để làm gì?* Chúng tôi nhờ thầy giảng trước nên vào thi hầu hết thí sinh trả lời: *Điểm là chấm, học lịch sử để có điểm v.v...* Tôi nhắc lại để thấy thầy của tôi lúc ấy mới ra trường nên còn sinh, nôn cho học sinh hiểu biết nhiều.

Thi độ mười ngày có kết quả.

Tôi đi coi kết quả về, vừa vào cổng nhà, cha tôi hỏi: “*Kết quả ra sao?*” Tôi đùa: “*Hỏng hết, cha*”. Cha tôi đỏ mặt môi run run: “*Mày cũng hỏng à?*”. Tôi không dám đùa dai nữa vội nói: “*Con nói đùa, ba đưa đậu hết cha*.” Cha tôi cười: “*Ừ, vậy mới phải chứ, chả lẽ mày cũng rớt*.” Anh thứ bảy, anh Hoán nhất định không đi học nữa. Cha tôi khuyên bảo, giải thích kể cả la rầy, nhất là anh cả tôi la rầy nhiều trận, nhưng anh một mực không đổi ý kiến, nhất định ở nhà chơi vài năm rồi xin đi dạy các lớp vỡ lòng, và có vợ.

TRƯỜNG TRUNG HỌC LÊ KHIẾT

Hình như trước đó vài năm đã có trường Lê Khiết ở quận Nghĩa Hành, rồi sau đó dời về Sông Vệ. Cụ Lê Khiết, quê ở Nghĩa Hành, là nhà ái quốc chống thực dân Pháp những năm đầu của thế kỷ 20 và bị xử chém. Trường được xây cất sơ sài trên một khoảnh đất rộng cách trung tâm tiểu thị trấn Sông Vệ chừng non năm trăm mét, dọc con đường lên ga xe lửa. Trường

⁽³²⁾ *Học xong bậc tiểu học, lên bốn năm trung học, qua một kỳ thi gọi là bằng trung học.*

gồm hai dãy dài, vách đất, lợp tranh. Hình như đó là niên khóa 1947-48, và cũng là niên khoá đầu tiên của trường ở Sông Vệ. Lúc đó, tỉnh Quảng Nam có trường Phan Chu Trinh, tỉnh Bình định có trường Nguyễn Huệ. Vì an ninh, số người tản cư về Quảng Ngãi ngày càng nhiều nên học sinh Lê Khiết rất đông.

Cuộc thi tuyển vào trường thật rầm rộ. Trước ngày thi, thầy dạy trường làng tôi dặn dò rất kỹ, và luôn luôn bảo tôi cố gắng đậu thủ khoa đem lại danh dự cho trường, vì các thầy tin tưởng vào sức học của tôi, làm cho tôi hơi lo. Sáng hôm đó, thị trấn Sông Vệ náo nhiệt, người các nơi, kể cả những tỉnh ở xa cũng tấp nập đến. Cha mẹ, anh chị dẫn thí sinh dự thi. Lớp tôi thi vào là lớp đầu tiên của bậc trung học, lúc ấy gọi là “lớp đệ nhất niên”⁽³³⁾. Nghe nói học sinh dự thi trên một ngàn, nhưng nhà trường chỉ thu nhận độ ba trăm, cho sáu lớp đệ nhất niên.

Cuộc thi ấy tôi đậu thứ mười mấy, chỉ vì viết đề toán nhầm. Tôi còn nhớ, một chục chén giá 3 đồng 25, tôi làm 3 đồng 50. Tôi thử đi thử lại đúng, người bạn ngồi cạnh tôi, Lê Quang Lộc, bạn học của tôi, cho tôi biết tại sao không giống đáp số của những người xung quanh, tôi xầm xì với anh ta hãy tin tôi. Sau đó, Lộc báo động một lần nữa là thầy coi thi gạt đầu bảo đúng theo đáp số của người bên cạnh, tôi vẫn một mực xác nhận với Lộc tôi đúng, thầy nói sai, hãy tin ở tôi. Một hồi trống, bỏ viết nạp bài, lúc bấy giờ tôi mới biết tôi nhầm. Lộc khóc vì nghe lời xác quyết của tôi. Tôi an ủi Lộc “*Không đậu cao chứ không rớt đầu mà khóc.*” Năm ấy Lộc cũng đậu. Tôi không thủ khoa nhưng bạn thân của tôi Lê Vinh Thiệu đậu đầu, vì bài luận được điểm tối đa. Trường Long Phụng rất mừng. Sau này đi dạy học, những lúc dặn dò học sinh sắp đi thi, tôi thường đem trường hợp của tôi kể lại cho học sinh cẩn thận đọc kỹ đề thi. Không biết qua gần sáu chục năm Lê Quang Lộc còn nhớ không ?

Hiệu trưởng trường Lê Khiết lúc đó là thầy Nguyễn Vỹ, một nhà giáo kỳ cựu ở Quảng Ngãi. Trước năm 1945, thầy là một ông quan đốc học. Suốt cuộc đời của thầy làm nghề giáo dục qua các thời đại. Thời Pháp đô hộ, thầy làm giáo dục, thời kháng chiến 1945-54, thầy làm giáo dục, thời quốc gia 1954-75, thầy

⁽³³⁾ Đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ là 4 lớp bậc trung học đệ nhất cấp.

làm giáo dục. Tôi còn nhớ một số điểm đặc biệt của các giáo sư dạy tôi lúc bấy giờ.

Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu dạy âm nhạc, nước da trắng, người mảnh khảnh, đặc biệt rất hiền lành, không còn cách gì hiền lành hơn. Mỗi tuần hai giờ nhạc. Năm sau thầy không dạy nữa, tôi học nhạc thầy Hoàng Quý và học toán thầy Hoàng Tụy.

Thầy Hoàng Tụy rất trẻ, tóc hớt thấp, chải rất láng. Thầy rất nghiêm, chưa bao giờ thấy thầy cười. Các bạn học người Quảng Nam cho biết thầy đậu tú tài âm khoa, vì Nhật đảo chánh Pháp nên thi toàn tiếng Việt. Thầy giảng rõ ràng dễ hiểu, trình bày rất lưu loát. Thầy cho biết tầm cực kỳ quan trọng của môn toán. Thầy là ngôi sao sáng nhất về khoa toán ở trường Lê Khiết và cũng có nhiều chuyện vui về thầy.

Trường có hai người chuyên dạy toán, ngoài thầy Hoàng Tụy, còn có cô Cúc Hoa, người Quảng Ngãi, năm ấy độ trên hai mươi tuổi, đậu tú tài toán dưới thời Pháp. Lúc bấy giờ, cái bằng trước 1945 và sau, có sự khác biệt kinh khủng vì trước 1945 học bằng tiếng Pháp, sau năm đó học bằng tiếng Việt. Chúng tôi thấy rõ thầy Hoàng Tụy rất khổ tâm về việc bị xem nhẹ dưới con mắt các thầy có bằng cấp bằng tiếng Pháp. Cô Cúc Hoa rất bình thản, không nói nhiều về giá trị của toán học. Năm sau, cô chết cùng 18 học sinh vì máy bay Pháp thả bom bắn cháy trại trường học. Cái chết của cô giáo trẻ trong trận oanh tạc đó khiến dân chúng xúc động vô cùng.

Một thầy khác tôi còn nhớ là Nguyễn Quới. Thầy là con trưởng của thầy hiệu trưởng, độ hăm ba hăm bốn tuổi nhưng có vẻ già trước tuổi. Thầy hiền lành ít nói, gần như không thích tiếp xúc với học trò nhưng nhờ tướng người thấp, đầu hói, đeo cặp kính trắng cận thị nặng, uy tín thầy lên cao do học trò đồn thầy là nhà bác học vì suốt ngày chỉ đọc sách. Học sinh còn đồn thầy học giỏi được toàn quyền Pháp thưởng và cho đi du lịch toàn cõi Đông Dương. Sau đó mấy năm, nhân dịp hè đi công tác thuế nông nghiệp với thầy, tôi hỏi về vụ giải thưởng xuất sắc và được thầy kể cho nghe việc học của thầy trước 1945. Trong một cuộc thi concours trung học, thầy đứng đầu bài luận Pháp văn nên được thưởng một cuộc du lịch vòng quanh Đông Dương. Đậu tú tài xong, thầy học năm dự bị trường thuốc, nửa chừng Nhật đảo chánh nên dở dang việc học. Có lẽ thầy là người học hành nhiều nhất trong số thầy ở Lê Khiết.

TRƯỜNG LÊ KHIẾT BỊ BOM

Năm ấy tôi học lớp đệ nhị niên. Trường có sáu lớp đệ nhị, tôi học lớp đệ nhị B4. Chiều hôm đó, lớp tôi không có hai giờ đầu. Nhà trọ tôi ở cách trường chừng nửa cây số. Tôi chuẩn bị đi học hai giờ sau thì nghe tiếng máy bay, vội chạy ra hầm trú ẩn. Tôi vừa đến hầm, một tiếng nổ long trời, lửa xẹt sáng lên cao. Một chiếc máy bay từ dưới thấp xé không gian vọt thẳng lên trời. Một chiếc khác từ cao tít trên từng mây, đâm bổ nhào xuống gần như thẳng đứng, tiếng động cơ gầm thét kinh hoàng, hai quả bom đen lách, ánh mặt trời buổi chiều phản chiếu, sáng như hai khối lửa ập xuống khu trường. Một vùng lửa bốc lên, bốn cột khói đen nghịt cao thấu mây xanh. Khu trường biến thành biển lửa. Hai chiếc máy bay gầm thét thay phiên nhào xuống, lộn lên nhả những tràng đại liên chát chúa. Khói đen che phủ cả vùng trời. Tiếng đại liên liên tục chát chúa hơn nửa tiếng đồng hồ. Hai chiếc máy bay bình cánh song song bay khuất về chân trời phương bắc hướng Đà Nẵng. Mùi thuốc súng, mùi khói bay khét nghẹt. Vừa dứt tiếng máy bay, mọi người chạy ủa về khu trường. Một cảnh tượng kinh hoàng. Tất cả lớp học đều cháy sạch. Học trò sống sót từ dưới hầm lên hoảng hốt khóc la thảm thiết. Tất cả đều rời nơi trú ẩn chạy khỏi khu trường và phần nhiều hốt hải chạy về nhà. Một quả bom trúng ngay hầm dành cho học sinh lớp 2B6. Cô Cúc Hoa đang dạy toán lớp 2B6, cùng mười tám học sinh lớp này bị vùi dưới hầm chết tức khắc. Một em nhỏ độ mười hai tuổi hằng ngày đội thúng bánh rán bán cho học sinh cũng bị chết. Nhờ bánh rán vãn vài tứ tung, và hai bàn chân quá nhỏ, mới biết đó là em bán bánh rán. Vì sức ép quá mạnh những người chết áo quần không còn gì hết. Có những người chỉ nhìn bàn chân mà nhận diện.

Càng lúc người kéo đến càng đông. Tiếng khóc than thật thảm thiết. Mười tám chiếc chiếu tử mười tám xác không toàn thân đặt trên sân trường. Xác cô giáo để trong văn phòng.

Hận thù nghẹn đến cổ, cắn chặt răng, nước mắt tôi trào ra.

Anh Cận, người anh họ tôi ở xa khoảng năm cây số hốt hải chạy lên tìm anh em tôi. Tối hôm ấy, chúng tôi tự động về nhà và nghỉ học, chờ thông cáo mới.

Một tuần sau, học sinh tập họp nơi sân trường đổ nát làm

lễ truy điệu. Học tạm một tháng ở làng Đè An cách trường cũ chừng bảy cây số, rồi nghỉ hè.

Cuộc đời học sinh, theo tôi, lý thú nhất không phải những ngày đi học mà là những ngày hè, ba tháng nghỉ nắng, như một nhà thơ nói là: *“Xếp vở lại sách thiên nhiên sẵn mở”*. Tuy ở đồng ruộng, tôi không thích bắn ná cao su, không nuôi chim, không bắt cá lia thia, trong khi anh Hoán tôi rất sở trường các môn đó. Trong lớp học, anh nhường mọi người, nhưng trong sân chơi anh là loại “anh hùng kiệt xuất”. Anh bắn ná cao su rất tài tình. Mỗi khi anh dắt cái ná sau quần bước ra khỏi nhà là đám trẻ con chạy theo anh xem tài thiện xạ bá phát bá trúng. Tôi đi trên bờ ruộng không thấy gì hết ngoài lúa và lúa, nhưng anh bỗng dừng lại, hai bàn tay lanh lẹ túm vào một gốc lúa, một cặp cá lia thia xanh đỏ nằm gọn trong tay và anh liền bỏ vào cái chai tôi cầm theo sau. Tôi chỉ mê, có thể nói là say mê thể thao thể dục, mê lực sĩ đẹp. Một ngày hè của tôi thường là sáng dậy thật sớm khi cả nhà còn ngủ, mở cửa nhẹ ra sân, chạy ra sân vận động trước nhà cha tôi. Tôi thường chạy xung quanh sân vận động hơn một tiếng đồng hồ, mặt trời mới ló rạng. Làng tôi sát bờ biển, sát bờ sông Vệ nên nhìn mặt trời ló rạng thật đẹp. Sáng nào tôi cũng nhìn thấy cảnh mặt trời ló rạng và lúc nào đối với tôi cũng đẹp, một vẻ đẹp hùng vĩ. Mặc quần đùi, mình trần, da cháy nắng, thân hình nở nang, mồ hôi nhễ nhại, tôi say sưa chạy dưới ánh mặt trời đang lên. Người tuổi trẻ nào có lúc “phụng thờ bấp thịch” hẳn cũng có cảm giác như tôi. Tôi không thể đếm bao nhiêu vòng chạy mà chỉ biết chạy từ tờ mờ sáng cho đến lúc mặt trời lên cao. Ánh mặt trời làm nóng da, tôi mới ngừng chạy, đi chậm hít thở. Tiếp theo, tôi tập nhảy dài, xà ngang...rồi ra sông Vệ bơi. Tôi mê bèn tắm con sông trước nhà. Nước sông trong xanh nhìn thấy đáy cát trắng, đầy ắp, bơi lội rất thích thú. Độ chín giờ sáng tôi về nhà thay quần đùi, ăn sáng. Sau đó là giờ tôi chuẩn bị trái banh cho buổi chiều. Thuở đó, trái bóng đá có hai phần, bên ngoài là vỏ bằng da thuộc, bên trong là cái vessie bằng cao su. Cái vessie cũng như ruột xe, phải bơm hơi thật cứng rồi thử trong nước để tìm chỗ bị xì, nếu có, phải vá lại. Sáng nào tôi cũng thử vessie và phoi vỏ banh. Ăn trưa xong tôi bơm banh. Thường đến giờ này, anh Nguyễn Tấn Lương và Lê Vinh Thiều đến phụ. Lương lớn hơn tôi ba bốn tuổi, ốm cao, đá bóng rất hay, chạy nhanh, rất tích cực. Độ hai giờ chiều chúng tôi đem

banh ra sân vận động dưới nắng gắt của mùa hè, bắt đầu đá cho đến tối. Sau bốn giờ chiều, thanh niên trong các xóm lân cận kéo ra chơi. Thường đủ mười người chúng tôi chia hai phe để chơi. Bao giờ tôi cũng là người chơi sau cùng. Nhiều hôm chơi quá mệt, về nhà ăn cơm tối nuốt không nổi. Một ngày trong mùa hè của tôi là như thế. Có thể nói không làm gì hết, chỉ tập thể dục, đá bóng, tắm sông, bơi lội.

Trường Lê Khiết dời về làng An Ba, quận Nghĩa Hành gần sông Vệ. Có lẽ không làng nào nhiều tre như làng này. Chỗ nào cũng có tre che khuất đường đi, che khuất nhà cửa. Trường là những mái tranh vách đất, không quét vôi, cứ hai lớp ở một chỗ núp kín dưới các lùm tre. Năm ấy, tôi học lớp đệ tam niên, còn một năm nữa thi trung học. Ban đầu, tôi ở trọ nhà ông thầy thuốc bắc, ông giáo Tuy. Ông là một nhà nho lỡ vận, sống nghèo khổ, có người con trai tên Thận, làm giám thị trường Lê Khiết. Nhà chật nên ông làm thêm một chái lợp tranh vách đất cho chúng tôi ở trọ và vợ anh Thận nấu cơm tháng. Có lẽ anh Thận là một đảng viên cộng sản được đưa qua trường để theo dõi các thầy. Hầu như học trò ai cũng biết điều đó, vì một số giáo sư tỏ vẻ sợ anh. Nhóm chúng tôi gồm tôi, Cự, em tôi, Phạm Huệ, em vợ anh Hoán, hai anh em Bạo và A cùng anh Thức và người em gái tên Duyên. Chúng tôi sáu người ở trong cái chái hẹp còn Duyên ở trong nhà. Hằng ngày, anh Thận đi về, ôm cái cặp da đầy giấy tờ có vẻ quan trọng. Chúng tôi đùa gọi anh là Cử Thận. Giáo sư Lê Khiết lúc bấy giờ có bằng cao nhất là Tú Tài, thế mà gọi anh Thận là Cử Thận. Tất cả học sinh đều không ưa giám thị nên loan truyền lời nói đùa rất nhanh. Một hôm anh Thận hỏi tôi tại sao học sinh gọi anh là Cử Thận, như thế có ý gì. Tôi bảo có lẽ thấy anh vui tánh học sinh đùa thôi. Lời giải thích của tôi không làm anh vừa lòng và cũng từ đó anh không ưa tôi.

Niên khoá đang lỡ dở, lệnh động binh, phần lớn học sinh tình nguyện đi lính. Minh hỏi tôi *“Anh khoẻ mạnh mà sao anh không đi lính”* Tôi trả lời: *“Tại vì tôi không muốn, vả lại tại Minh không đi”*. Minh đỏ mặt đáp: *“Anh xảo”*. Thật ra, tôi ôm mộng có bằng cấp cao. Tôi thích học toán và cảm thấy có năng khiếu toán. Chính thầy Hoàng Tuy tạo cho tôi giấc mơ đó. Năm học đầu tiên thầy đã cho chúng tôi biết về thạc sĩ toán Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Xiển, giáo sư toán lừng danh Lê Văn Thiêm. Thầy bảo học toán cao cấp *“không còn là con số nữa mà là*

những vấn đề(?)". Tôi và Trần Đình Thám, bạn cùng lớp mà tôi phải nhường một bước, cả ngày chúm đầu giải các bài toán khó. Chúng tôi có thể dịch từ tiếng Pháp nên có nhiều bài toán hay, những bài toán trong sách của lớp đàn anh trước 1945. Thầy Hoàng Tụy thích Thám và tôi nên chúng tôi hay đến nhà trọ thăm thầy. Thầy tin nhiệm tôi nên bảo làm thư ký riêng cho thầy về Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Max mà thầy là chủ tịch nhưng thực tế không có việc gì để làm cả. Về sau, tôi học nhiều thầy toán, nhưng chỉ thấy thầy Hoàng Tụy giảng rõ ràng, lưu loát nhất và cũng là người say mê toán nhất. Tôi còn nhớ lần đầu thầy cho in li-tô ⁽³⁴⁾ cuốn hình học phẳng lớp năm, sáu gì đó. Sắp sửa phát hành, thầy đem một cuốn vào lớp giới thiệu với học trò nên mua dùng cuốn sách cần thiết đó, trong đó có vài trăm bài tập. Đợi thầy nói dứt, tôi xin nói và nói tôi và Thám đã làm xong những bài tập trong sách đó rồi. Thầy ngạc nhiên hỏi sách chưa phát hành sao tôi và Thám đã làm xong. Tôi thú thật là chúng tôi đến nhà in xin những tập in bị lem về làm cả tháng nay. Thầy hỏi tiếp có bài nào khó không, tôi bảo có một bài khó, đó là bài 161. Sẵn cuốn sách trên tay thầy giải bài 161. Kềng tan học nổi lên, học trò nôn nao, thầy lúi húi vẽ xóa, vẽ xóa... vẫn chưa ra. Chiều hôm đó, thầy nhờ một học trò khác nói lại với chúng tôi rằng trên đường về nhà, chưa tới nhà thầy đã nghĩ ra cách giải rồi. Thầy đã đạt ước mơ thành nhà toán học vì hiện thầy đứng đầu viện toán học ở Việt Nam. Tôi có đọc được bài báo thầy viết rất bi quan về nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Năm sau tôi ở trọ nhà ông Cửu Thuộc, nhà ngói làm theo kiểu tây phương, có thể là nhà đẹp nhất trong làng. Ông là tù phái tòa công sứ tỉnh trước 1945. Bây giờ ông sống rất khổ vì quá sợ máy bay, cả ngày ngồi dưới hầm, chiều tối mới vào nhà. Ngõ nhà đồ sộ tọa lạc trên một vườn rộng vuông vức, trồng cây ăn quả ngay hàng thẳng lối. Sau nhà, một giếng nước rất trong, thành giếng cao, tráng cement, có buồng tắm khiến khu vườn có vẻ tươi mát. Ông sợ bom thả trúng nhà nên làm hầm trú ẩn ở một góc vườn xa. Hầm núp giống như căn phòng ở. Đường xuống hầm quanh co để tránh các loạt đạn đi thẳng. Trong hầm có thể đứng, một giường tre kê sát cái bàn nhỏ bên trên để một bình trà, một cái ly và vài cuốn sách. Hầm được nguy trang rất

⁽³⁴⁾ *Viết ngược chữ trên tấm đá mềm rồi in vào giấy.*

khéo, khi dậy nắp, người đứng trên khó biết đó là nơi ẩn núp. Ông hay khoác áo choàng bằng nỉ đã sờn rách, đội cái nón nỉ cũng cũ rách. Không hút tó, không cạo râu, ông tự ví là Hàn Dũ đi đây ngày xưa. Hai cuốn sách ông thường đọc là *Minh Tâm Bảo Giám* và *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim. Ông bắt mắt tốt cùng, nhất là với chánh quyền hiện tại. Ông thường đọc các câu sấm rồi giảng theo ý muốn. Ông có hai con trai, đứa lớn cỡ tuổi tôi, đứa nhỏ chừng bảy tám tuổi. Con trai lớn “*biệt tích giang hồ*” là đề tài đêm nào ông cũng cần nhằn vợ. Ông thường dùng chữ “sính” phát âm kéo dài khó chịu để phê phán vợ và người đời. Có lẽ vì nhớ đứa con trai ra đi biệt tích, ban đêm tôi thường nghe ông đọc với giọng rất hằn học: “*Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*”.

Người vợ và đứa con nhỏ ở nhà dưới, nhà bếp. Ban đêm, ông cũng ngủ trên chiếc võng treo ở đó. Cả ngôi nhà ngói đồ sộ giao cho tôi, Nguyễn Cự, Phạm Huệ, Nguyễn Tuyên, Lê Sử. Một phòng riêng hướng tây có Nguyễn Thượng Chí, Hùng ... và người đẹp của trường Lê Khiết, Lâm Thị Giàu. Trường Lê Khiết có ba ngôi sao sáng, ba hoa khôi là Huỳnh Xuân Lý, Lâm Thị Giàu và Lê Thị Minh. Có lẽ Minh và Lý đẹp hơn, nhưng Giàu lại được nhiều người chú ý. Năm mười hai, mười ba tuổi, tôi đã sững sờ trước sắc đẹp của Minh là người cùng làng. Tôi còn nhớ những ngày đó, chiều thứ bảy, Minh đi học ở tỉnh về ngang qua nhà tôi. Những chiều đó, tôi thường ra ngồi trên bờ thành dưới bóng mát của cây đa, nhìn về phía tây trên con đường vào làng để ngắm một hình bóng. Rất nhiều lần không gặp. Một hôm, từ cổng nhà vừa bước ra, định leo lên thành chờ đợi bỗng đột ngột thấy Minh cách chừng vài chục thước, tôi hốt hoảng quay trở lại chạy vội vào nhà. Những lúc như vậy, tự trách mình, có khi tự mạt sát về sự hèn nhất của mình.

Khi lên trung học Lê Khiết, tôi không được sắp ở lớp B1 như Cự, anh Thiệu, Huệ, Sử, Tạ Ký, tức học chung với nữ sinh, nhưng những dịp sinh hoạt hè chúng tôi thường gặp nhau. Một dịp hè, tôi tập diễn vở kịch thơ Yêu Ly Khánh Kỳ tại nhà tôi. Minh đóng vai Yêu Cơ, vợ của hàn sĩ Yêu Ly. Cự đóng vai Tiêu Khâu Tố, Lê Vinh Thiệu đóng vai Ngũ Tử Tư, Phạm Anh đóng vai Yêu Ly, còn tôi xem như “đạo diễn”. Mỗi sáng độ 8 giờ, tập họp ở nhà tôi để tập kịch. Tôi khó quên mùa hè lý thú đó với những rung động tận đáy tim. Nhiều bạn hay đến trễ, nhất là anh Thiệu,

và Phạm Anh ở xa nhưng Minh rất kỷ luật, luôn đúng giờ. Những hôm thần tiên đó, tôi và Minh thường nói chuyện với nhau. Những câu chuyện bằng quơ, không đầu vào đầu, nhưng thú vị vô cùng. Thường tôi gọi bằng chị, khi không có ai tôi mới gọi tên: “Lớn lên Minh định làm gì?” Minh đỏ mặt cười: “Làm gì cũng được”. Minh rất đứng đắn, lúc nào cũng coi tôi như anh, hơn thế, như người chỉ huy. Tôi không phải là thiên tài nên không phá nổi cái vỏ kiên cố bằng lý trí này và thú thật, tôi đã đau khổ.

TỰ TƯỜNG PHẢN ĐỘNG

Tôi sắp sửa lên lớp đệ tứ niên thì chương trình giáo dục đổi hệ mười hai thành hệ mười và như vậy tôi lên lớp 7. Chúng tôi bắt đầu học môn chính trị. Thầy chính trị của tôi là thầy Liêm. Thầy lùn, cao hơn những người lùn trong các gánh xiếc một chút nên học trò xem thường thầy, nhất là thầy dạy môn chính trị — cố nhiên dạy chủ nghĩa Max. Tới giờ chính trị, nhiều khi chúng tôi hỏi bậy bạ làm hết giờ, có lúc quá trớn làm thầy hơi cáu. Một hôm thầy giảng về giá trị lao động, thầy bảo giá trị lao động là giá trị tuyệt đối, nếu không có lao động thì không có giá trị. Rồi thấy học sinh có vẻ không hiểu, thầy nói đi nói lại mãi. Thường thường tôi “khai hỏa” đầu tiên, tôi hỏi:

-Thưa thầy, có trường hợp nào có giá trị mà không nhờ lao động không?

Nheo trán suy nghĩ, thầy trả lời:

- Tôi đã bảo lao động là giá trị tuyệt đối mà, anh không hiểu chữ tuyệt đối à?

Học sinh trong lớp cười ồ, biết là “chiến tranh sắp bùng nổ”. Tôi không ngời xuống, tiếp tục hỏi:

- Dạ thưa thầy, em hiểu chữ tuyệt đối lúc còn học trường làng ⁽³⁵⁾, em hiểu điều thầy giảng nếu không có sự làm việc của giai cấp công nhân thì cục sắt không có giá trị gì hết, nhưng nhờ sự lao động mới có chiếc xe hơi, vậy giá trị của xe hơi là giá trị của lao động. Xin thầy giảng cho em điểm này: Ví dụ viên ngọc trai của con ốc dưới biển có giá trị, trường hợp này có phải do lao động không?

⁽³⁵⁾ Tôi không nhớ tại sao trước 1945 chúng tôi xưng con, xem thầy cô như cha mẹ, nhưng sau 1945 chúng tôi xưng em với thầy cô.

Cả lớp cười rộ. Mặt thầy đỏ bừng, thầy nói:

- Anh không hiểu gì hết nên luôn có tư tưởng lạc hậu và có thể trở thành phản động. Anh biết viên ngọc trai dưới biển có một quá trình lao động kinh khủng, anh biết bọn tư bản bóc lột, bọn phong kiến tàn ác đã bắt biết bao người lặn để mò dưới đáy biển, chết biết bao giai cấp công nhân ưu tú mới tìm được viên ngọc trai. Thôi, anh ngồi xuống.

Mặc dầu thầy đưa tay ra hiệu ngồi xuống, tôi không ngồi, hỏi tiếp:

- Thưa thầy, vậy viên ngọc trai có giá trị là do giai cấp công nhân lặn xuống nước hay tự nó đã có giá trị?

Thầy có vẻ bực mình nhưng đáp ngay:

- Anh chậm hiểu thế à! Tôi đã nói nhiều lần mà anh không chịu hiểu. Tôi bảo nhờ sức lao động, vì giá trị lao động là tuyệt đối, anh hiểu chưa? Thôi anh ngồi xuống.

Tôi vẫn không ngồi, nói lớn:

- Thầy cho em hỏi ba câu, trước khi em ngồi xuống.

Thầy quát lớn:

- Hỏi đi!

Tôi chững chạc hỏi:

- Thầy bảo nhờ sức lao động mới có giá trị, vậy giả sử, nước biển cạn khô, không cần người lặn, một em nhỏ lượm hạt trai ấy trên mặt cát, vậy viên ngọc trai ấy có giá trị không? Câu thứ hai, giả sử bỏ một đồng mua vé số, trúng một triệu, rõ ràng không có sức lao động, vậy triệu bạc ấy có giá trị không? Câu thứ ba, thưa thầy, một người con gái đẹp có giá trị, vậy có do sức lao động không?

Một số học sinh vừa vỗ tay vừa cười. Mặt đỏ như huyết, tay run run thầy đập mạnh xuống bàn thét lớn:

- Im! Im! Vô kỷ luật.

May là một hồi keng vang lên báo hiệu hết giờ, thầy xếp cặp da, bước ra mặc cho học sinh vỗ tay cười hét.

Sáng hôm sau, trong giờ ra chơi, anh Thiện, giám thị, gọi tôi ra góc sân vắng nói vì năm trước tôi ở trọ nhà anh, anh biết tôi chăm chỉ, học giỏi, đang hoàng nên anh mến tôi. Anh khuyên không nên gây rối trong lớp sẽ khiến học sinh không "thu nhập" tốt, và đừng để các thầy hiểu lầm sẽ bắt tội. Nói xong, anh đi với vẻ mặt bực bội.

Mấy hôm sau, trên đường về nhà trọ, thầy Nguyễn Khải,

giáo sư toán được học trò kính nể, gặp tôi bảo trưa mai gặp thầy có việc cần. Thầy nói nhanh rồi vội vã bước. Từ hôm “cà chớn” với thầy dạy chính trị, tôi thấy mình như lớn hơn và được bạn bè ưa thích hơn. Vì máy bay bắn phá quá, chúng tôi phải học ban đêm, bắt đầu 6 giờ chiều đến 10 giờ. Mỗi học sinh cầm thêm một đèn thấp dầu dứa, khi vào lớp để ngay chỗ bàn mình. Trên bảng đen, hai đèn lớn bằng hai cái vung đậy nồi nấu ăn, lật ngược, chứa đầy dầu dứa, đặt chín mười cái tim bằng vải. Ban đầu khó chịu nhưng rồi quen cũng thấy đủ ánh sáng. Học ban đêm có lợi là có nhiều thì giờ ban ngày để học, vì xem như nghỉ trọn ngày và khoảng từ 6 giờ đến 9 giờ tối thường là giờ ăn và nói chuyện bậy bạ, nhất là trong nhà trọ có nhiều học sinh. Tôi có nhiều thì giờ để làm toán. Em gái tôi năm ấy mới vào năm thứ nhất, tức lớp 5. Tôi gửi em ở chung nhà trọ với Minh và Lý. Trường Lê Khiết có ba người đẹp, một người ở cùng nhà trọ với tôi, hai người kia ở chung với em gái tôi. Lý và Giàu là đảng viên cộng sản rồi, còn Minh thì chưa, nhưng ở chung với hai người chính thức hẳn rồi cũng biến thành chính thức. Minh và Lý coi em tôi như em trong nhà, tôi thấy vui vui. Có lần Minh nói về em tôi: *“Con bé giỏi toán lắm anh à, anh em giống nhau đấy”*

Câu nói bình thường, nhưng tôi xúc động vô cùng. Tôi biết rõ các giờ trống của Minh, vì anh Thiệu học chung lớp với Minh. Tôi thường lựa các giờ đó giả vờ đến thăm em để gặp người đẹp. Tôi đã tự mạt sát thậm tệ, tại sao cho mình là can trường, đội trời đạp đất, có hoài bão “vá trời lấp biển” mà gặp người đẹp run quá, phải tạo có đi thăm em ruột, đến chỉ cho nó học thêm. Đúng là “miệng hùm gan sứa!”. Nhiều lúc tôi nhát đến nỗi đã bước vào sân rồi lại lui về. Mỗi lần như vậy tôi lại tự nhục mạ.

Bình thường khi tôi hỏi hớp bước vào, Minh cười bảo: *“Con bé đi học”*. Tôi lúng túng hỏi bằng quơ *“Chùng nào nó về”* rồi như Từ Hải chết đứng giữa trận tiền. Minh đẹp quá, áo cánh đen bó sát làn da trắng mượt, căng đầy. Cặp mắt to sáng, mày đậm, tóc phủ vai, một ít xõa trên khuôn mặt bầu bầu. Má núm đồng tiền, miệng hơi rộng, hàm răng trắng đều, môi dưới sề sệ. Ôi, cái miệng đẹp hấp dẫn lôi cuốn một cách dị thường. Tôi không còn biết gì nữa — Minh hay Chị? — rồi thăm thì: *“Thôi tôi về, né chị!”*. Và, bước ra sân, như kẻ phạm tội. Ngoài trời tối mịt. Men theo đường mòn, tôi ra đường chính về nhà. Gió đêm mát rượi, tôi bình tĩnh trở lại và bực mình tại sao lại gọi Minh

bằng *Chi*. Chữ *Chi* lý trí quá, lạnh nhạt, hèn nhát, quê mùa, chia cách hơn đại dương, ngăn chặn như thành quách. Nếu không đủ can đảm gọi bằng *Em*, ít nhất cũng gọi tên, sao ngu xuẩn hèn mọn gọi bằng *Chi* để tự đập đổ hủy hoại. Dày vò mãi trong đầu, tôi đến nhà không hay. Bước vào phòng, chưa ai về, chỉ mình tôi trốn học. Căn nhà trở nên rộng mênh mông và lạnh lẽo vô cùng. Tôi ngã lưng trên giường, ôm chiếc gối, người nóng ran như sốt, nước mắt chảy xuống má.

Phải qua cánh đồng rộng chừng một cây số mới đến chỗ thầy Nguyễn Khải, ở làng Chu Me. Thầy giải thích sở dĩ phải ở xa vì sợ máy bay thả bom bắn phá trường, hơn nữa, ở xa dễ tìm nhà trọ. Thầy có bằng tú tài toán. Một dịp hè, thầy về Long Phụng ở tại nhà tôi dạy hè cho học sinh trung học trong làng, do đó thầy rất mến chúng tôi. Thầy vừa ăn trưa, vừa nói chuyện với tôi. Thầy vô đề ngay: “Tôi biết anh, anh *Cự*, anh *Thám* là những học sinh có tương lai, hơn nữa, tôi rất mến bác (cha tôi) nên tôi cần gặp anh. Tôi đâu có bảo học trò tìm anh, chính tôi đi tìm. Tôi biết anh ở vùng đường xe lửa, gần nhà ông thông Thanh nên giờ tan học, tôi đi ngược chiều gặp anh. Gặp như thế tự nhiên hơn, nếu tôi bảo bọn nó tìm anh thì...chắc anh cũng biết rồi, bọn nó nói đủ chuyện, nhức cái đầu. Anh còn thanh niên tính, đừng nóng nảy, anh muốn làm gì tùy anh, nhưng nhiều người biết thì bọn nó trị anh. Năm khởi nghĩa, tôi còn trẻ, có bằng tú tài Tây, ngang tàng làm thông ngôn cho Nhật, cả làng ai cũng ghét tôi, thế mà ra tòa người ta không giết tôi, anh biết tôi khôn tới cỡ nào. Anh nhớ, “con ếch nó chết vì tiếng kêu”. Thành Thận nó dốt như con bò mà bọn tôi phải sợ nó. Nói vậy, anh đủ hiểu. Anh phải hứa với tôi những điều tôi nói hôm nay, ra khỏi nhà này, anh bỏ hết, đừng nhắc với ai rất có hại cho anh và tôi, anh rõ chưa? Bọn tôi cũng vậy, không dám tin ai. Tôi chỉ giao du với ông Chu, ông Cảnh, đến văn phòng tôi chỉ nói toán mà thôi. Nói ra xấu hổ, các thầy cũng đi rình mò, rồi báo cáo, tăng công để được cho vô cảm tình, tức dự bị vào đảng. Trừ vài thầy thôi, anh đừng đại dột bộc lộ với ai. Tôi nghe xầm xì bọn nó bực anh lắm, nó bảo anh phản động, mà anh biết, bị ghép tội phản động là mệt đấy. Mục đích muốn gặp anh là vậy đó. À quên hỏi, hai bác có mạnh không? Anh nói tôi có lời thăm hai bác. Tôi nói chuyện nhiều với bác trai, khoái ông nhiều điểm lắm, ông hi vọng ở anh lắm đấy. Thôi được rồi, anh uống nước rồi về.” Tôi đứng dậy, lễ phép

thưa: “*Dạ, em mới uống ở nhà, em cảm ơn thầy, em xin vâng lời thầy. Chào thầy em về*”. Thầy đi với tôi ra cổng, dặn nếu có ai hỏi thì phải nói cho nhất trí là tôi vào nhà thầy mượn sách toán về làm bài tập, nhưng không có, vì nặng quá thầy không mang theo. Thầy cẩn thận nhắc đi nhắc lại ý đó.

Tôi ra về buồn rười rượi, không ngờ những người gọi là trí thức mà bần tiện quá. Tôi hoài nghi, biết đâu thầy Khải vì khó tính hay sao đó mới bi quan vậy hoặc là thầy không muốn tôi ăn nói bừa bãi nên hù tôi. Nghĩ như vậy, tôi cảm thấy dễ chịu một chút.

CÁC THẦY BỊ BẮT

Ba thầy bị bắt là Bùi Đặng Hà Phan, Phạm Đình Nghị và Hoàng Vinh. Sau này tôi mới biết ba thầy liên hệ đến vụ nhà thờ Kim Chua ở Bình Định, một vụ chống đối chánh quyền. Mấy tháng sau, các thầy được trả tự do nhưng không còn dạy học nữa. Tin các thầy bị bắt loan truyền rất nhanh. Học sinh rất thương và phục các thầy. Riêng tôi vừa xúc động vừa suy nghĩ nhiều về chiến tranh, về cuộc đời và chánh quyền, nhất là khi tôi nghe ông Lộc và ông Thoan bị tử hình vì chống đối chánh quyền. Tôi bất bình vì sao không đoàn kết chống thực dân Pháp mà lại giết những người có tài. Từ đó, tôi thấy chánh quyền hẹp hòi và nảy sinh ý thức chống cộng sản. Tôi hoàn toàn không đồng ý việc bảo vệ Hồ Chí Minh có tinh thần dân tộc, vì một người chủ trương tiêu diệt giai cấp, chỉ biết có giai cấp công nhân, sao gọi là có tinh thần dân tộc. Tôi đã nghĩ vậy.

Trong khi đó, tôi say mê nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, nói chung nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Hồi nhỏ tôi thích đọc sách Hồng của Tự Lực Văn Đoàn, lớn lên tôi say mê các tiểu thuyết *Nửa Chừng Xuân, Bướm Trắng, Đôi Bạn, Tục Lụy, Gió Đầu Mùa, Hồn Bướm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ...* Ba cuốn tôi say mê nhất, đọc đi đọc lại là *Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt, Tiêu Sơn Tráng Sĩ*. Riêng cuốn *Đôi Bạn* là sách “gối đầu giường” của tôi. Dũng là nhân vật lý tưởng của tôi. Tôi thấy mình là Dũng và yêu Loan. Dũng thoát ly gia đình, để làm cách mạng, làm gì không rõ, nhưng tôi rất thích những nét phơn phớt không rõ ràng. Về tình yêu cũng vậy, chỉ có tính chất lãng mạn. Từ lúc còn học tiểu học, tôi đã biết yêu, yêu nhẹ nhàng, yêu để mà yêu, dù người

mình yêu biết hay không, mình vẫn yêu, yêu một hình bóng. Cũng từ tuổi đó, tôi bắt đầu có ý thức chính trị, cách mạng, dù không rõ đó là gì. Tất cả những thứ đó đến với tôi rất sớm là do cuốn *Đôi Bạn* và cũng từ đó nảy sinh ra tình bạn chí thân, bạn đồng chí hướng. Tôi tự cho mình là Dũng, Lê Vinh Thiều, bạn thân của tôi là Cận, những nhân vật trong *Đôi Bạn*. Còn Loan ..? Có lần chờ đợi tập diễn kịch *Yêu Ly* tại nhà tôi, tôi hỏi Minh: "*Chị có thích Dũng trong Đôi Bạn không?*" Minh ngơ ngác đáp: "*Chưa đọc*". Tôi cảm thấy lẻ loi. Tôi nhớ khi đứng trước tòa án nhân dân liên khu V, để nghe những lời buộc tội phản quốc, tôi nói với Thiều đứng bên cạnh, đây là do ảnh hưởng Tự Lực Văn Đoàn, tôi nói với một sự hãnh diện. Trong khi đó, cộng sản lên án Tự Lực Văn Đoàn, xem là một bọn phản động, lên án giá trị các tác phẩm của nhóm này. Khởi nghĩa 1945 giết nhà văn cả nước đều mền phục Khải Hưng. Tiêu diệt các đảng phái không cộng sản, trong đó có đảng của Nguyễn Tường Tam, mưu sát ông lúc ông đang giữ chức bộ trưởng ngoại giao chính phủ liên hiệp khiến ông phải bỏ xứ trốn sang Tàu.

Trong phạm vi trường, qua lời thầy Nguyễn Khải, tôi phi nhỏ đám người nịnh bợ để được vào đảng vì lợi ích cá nhân. Một hôm, trong giờ ra chơi, bên ngoài trời mưa lất phất, đa số học sinh ngồi trong lớp. Cái bảng đen nhánh, lau sạch, sẵn có viên phấn trắng, đột nhiên tôi cảm hứng cầm phấn viết lớn nét trên bảng: "*Nguyễn Tường Tam muôn năm*". Chưa đã, tôi viết tiếp: "*Đả đảo Cộng Sản*". Dưới hai chữ cộng sản, tôi vẽ cái búa cái liềm. Tất cả đều ngó lên bảng rồi ngó tôi, bối rối, không biết phải làm gì, phải nói gì, vì chưa bao giờ có chuyện như thế. Học sinh trưởng lớp bước lên lau sạch những câu tôi viết. Trưởng lớp là một đảng viên, bực bội nói: "*Nếu anh viết lần nữa, tôi sẽ trình thầy hiệu trưởng.*"

Cả trường đồn ầm lên đến nỗi thầy Khải lắc đầu thất vọng khi gặp tôi trên đường. Học sinh sợ cho tôi nhưng rất thích. Chiều thứ bảy tuần đó, về nhà, tôi thấy trong nhà có vẻ lạnh lạnh như có gì khác. Cơm tối xong, cha tôi lên phòng chúng tôi, gọi là chái tây, vì ở phía tây. Tôi rất thích phòng này vì đó là phòng riêng của anh em chúng tôi, thật ra là của Cự và tôi. Anh cả tôi thường ở phía vợ nhiều hơn, còn anh Hoán ban đêm ngủ trên tấm phản ở phòng khách và cũng là nơi thờ ông bà.

Khách của cha tôi được tiếp ở phòng khách, khách đàn bà

của mẹ tôi và khách quen thuộc được tiếp ở nhà cầu, nhà nằm giữa nối với nhà trên, là nơi sinh hoạt nhiều nhất. Lúc nhỏ, Cự thường bên lển rú rú trong nhà, nếu không có tôi ở nhà thì Cự đọc sách ở chái tây, nhưng khi có tôi, Cự đọc sách ở phòng khách của cha tôi. Rốt cục nói là phòng của mấy anh em nhưng thật ra chỉ có tôi thường ở phòng này.

Không biết có phải là lần đầu không, nếu không thì cũng ít lắm, ít khi hai cha con tôi ngồi đối diện trên cái bàn học của chúng tôi để nói chuyện. Tôi không biết chuyện gì, đoán không ra hay là do ai “mắng vốn”.⁽³⁶⁾ Tôi ngồi im lặng chờ. Tôi, cũng như Cự, ít bị la rầy bởi không chọc gheo phá phách ai, học hành chăm chỉ và học giỏi. Môi cha tôi run run, nước mắt ông chảy trên gò má, ông nói:

- Ông tú Kính chiều hôm qua ghé đây cho biết, nhà trường sắp đuổi con vì tội phản động. Ông bảo đáng lẽ tuần này ông không về, nhưng vì nghĩ đến con, đến cha, đến gia đình mình nên ông về chiều thứ sáu vì để thứ bảy về gặp con bất tiện cho ông. Theo cha, tùy con, con thích cộng sản hay không thích tùy con, nhưng con phải khôn ngoan đừng dại dột bộc lộ sẽ bị họ trị. Con nhớ rằng họ với họ mà khi có gì khác biệt là triệt hạ đẫm máu, giết nhau không gớm tay, huống chi con là người không theo họ, chống với họ, thì họ không tha. Cũng may cho con, vì là học sinh nhỏ dại nên họ trừng trị có thể nhẹ. Mai ngày nghỉ, cha bảo anh con lên An Ba ghé nhà ông hiệu trưởng thăm và cố xin cho con, không biết được không nhưng cứ làm thử. Ông tú Kính bảo cha đi lên xin, nhưng cha nghĩ anh con đi tiện hơn vì anh con học ở Huế, có học ông hiệu trưởng đó, may ra tình thầy trò ông có châm chước chăng.

Nói dứt, cha tôi lấy thuốc ra hút. Ngó xuống mặt bàn, tay lẩn lẩn cây viết chì, tôi thấy những ngày sắp tới chắc tôi làm cha tôi khổ lắm. Nghĩ đến đó tôi thấy thương cha, tội nghiệp cho cha, nhưng biết làm sao. Cha tôi im lặng, hút thuốc liên tục như để nén xúc động. Trời về khuya, gió biển thổi vào phòng lạnh lạnh, dưới ánh đèn dầu lờ mờ, một mái tóc bạc trắng như cước, một

⁽³⁶⁾ Trên 60 năm rồi, tôi mới gặp lại hai chữ “mắng vốn”. Khi một đứa bé ngỗ nghịch làm điều gì bất bình với người láng giềng, họ đến nhà mách lại với cha mẹ thường với thái độ bức bối muốn cha mẹ đứa bé đó trừng phạt nó, tức là “mắng vốn” với cha mẹ nó.

mái tóc đen im lặng như đang rình bước đi của thời gian. Nặng nề cha tôi đứng dậy bước về phòng: *"Thôi, cha về nằm."*

Ngọn đèn dầu phụng yếu dần, nằm rạp xuống dưới sức gió, kéo dài ra rồi trở lại như cũ. Ngọn đèn mỏng manh quá, mấy lần tôi tưởng tắt nhưng vẫn cháy. Nhìn ra cửa sổ trời tối đen ngịt, mình tôi đơn côi giữa cảnh vật buồn bã. Bỗng tôi nhớ đến Minh, chắc em buồn lắm, ngán tôi lắm. Trước khi về nhà, tôi lên thăm em gái vì tuần này nó ở lại sinh hoạt tổ học tập. Em tôi bảo hai chị nói nhiều về tôi nhưng em nghe không rõ và cũng không hiểu hết, bởi thấy em vừa vào cửa thì hai chị im lặng, nhưng em đoán việc gì đó khá nghiêm trọng. Tôi biết thế là hết, hết thật rồi, Minh hận tôi rồi. Bỗng nhiên, tôi nghĩ đến hai câu thơ Phạm Anh ngậm rất thâm thiết khi Yêu Ly vĩnh biệt vợ, mà vợ là Minh đang khóc nức nở:

Hiền thê ơi, hôm nay ta lên đường

Đời lủi thủi mình ta sống trọn...

Nhưng trên khổ đau hãy còn nghĩa lớn

Trên kiếp người còn lẽ khác thiêng liêng.

Tôi chính là Yêu Ly vĩnh biệt vợ hiền con thơ để đi vào cõi chết và Minh cũng chia tay tôi đi vào cõi chết, thì ra cõi chết là cõi xum họp những người đau khổ, bất hạnh? Tôi đang thả hồn đi về cõi u tịch, đang sống những phút đoạn trường đứt ruột với Minh mà mẹ tôi đứng bên cạnh bàn tôi không hay. Có lẽ mẹ tôi đến lâu lắm hay mới đến, nhẹ nhẹ mẹ nói, gần như thầm thì trong miệng:

- Con thức chi mà khuya dữ vậy. Cha con cứ gặp nhau là cãi, con làm mẹ buồn lắm. Sao cha con lại không hợp nhau, hể ổng gặp thằng Hoán là la rầy, to tiếng người ngoài họ tưởng đâu đánh lộn, còn gặp con là cãi, tại sao con không nhin ổng được à? Ổng già rồi, sống bao lăm nữa mà hể gặp là cãi, gặp là la như giặc, mẹ đứng giữa mẹ chịu không nổi. Gặp thằng Cự, thằng Xáng không sao mà hể gặp con là cãi, hơn thua với người ngoài, chứ cha con mà hơn thua cái gì.

Tôi mệt nhoài người như cục đá, ngồi trơ dưới mưa gió qua thời gian năm này qua năm khác.

Luồng gió mạnh, cánh cửa sổ đập rầm, ngọn đèn tắt hẳn, màn đêm phủ kín cả phòng, tối quá tôi hoàn toàn không còn thấy gì, chỉ nghe tiếng mẹ tôi chầm chậm, nhẹ nhẹ như từ một cõi nào thật xa vọng lại. Tiếng mẹ nhỏ dần rồi dứt hẳn. Hoàn toàn

im, thật im, chỉ còn tiếng thở nhỏ nhỏ của mẹ. Tôi vẫn im, nước mắt chảy dài trên gò má nóng, tôi mới hay mình khóc. Tôi gục đầu xuống mặt bàn nước mắt ràn rụa. Trong màn đêm tôi nghe tiếng chân đi của mẹ nhỏ dần rồi im bật.

THẦY LÊ HỌC

Thầy quê Quảng Nam, có bằng tú tài bản xứ. Trước khởi nghĩa 1945, thầy là một giáo sư trẻ dạy trường Việt Anh ở Huế. Anh cả tôi học thầy môn sử ký, địa lý. Năm đó thầy làm hiệu trưởng trường Lê Khiết. Thầy thích nói tiếng Pháp, hồi đó gọi là nói tiếng Tây. Trong văn phòng mỗi lần thầy gặp thầy Phan, thầy Chu, thầy Khải nhất là thầy Phạm Đình Nghị, các thầy bật tiếng Tây như pháo nổ. Tôi rất hào hứng nghe các thầy nói, phục vô cùng, nguyện sau này sẽ nói dòn tan như các thầy. Tôi và Trần Đình Thám thường rủ nhau lên văn phòng nghe nói tiếng Tây. Trong khi đó, các thầy không có bằng tú tài, hình như mặc cảm ngòi xa láng vãng. Thầy Nguyễn Diễn, thầy dạy Pháp văn lớp tôi, ngồi một góc bàn chăm chú chấm bài. Còn anh “cử Thận” đi qua lại ở ngoài như thừa thãi. Lúc ấy, giáo sư Lê Khiết tự chia nhiều loại. Các thầy lớn tuổi từng là công chức cho Pháp, thường chơi với nhau. Các thầy có tú tài nhưng muốn tiến bộ để được vào đảng thường chơi với nhân viên nhất là anh Thận, mà chúng tôi gọi là cử Thận.

Một lần, tôi, Thiều và Tạ Ký rất lấy làm lạ trường phải nghỉ dạy để đón đoàn “*hàng binh Âu Phi*”. Dưới một trăm người không còn vẻ lính, có người đi chân trần, một số đi giày rách nát, một số choàng giày qua vai bằng các dây giày buộc lại. Người da trắng thì đỏ như gạch nung cháy, người da đen thì không cách gì đen hơn. Quần áo họ rách vá nhiều miếng màu và vải khác loại. Họ cười la hét, huyết gió làm ồn hẳn khu trường. Năm tôi đi Huế với cha, tôi và chị có thấy những đoàn xe chở lính Pháp, tôi trở mắt ngơ ngác nhìn, họ đẹp quá, oai hùng quá. Tôi đã đứng thật lâu trước cổng đồn lính Pháp ở Huế, say sưa nhìn những thân hình cao lớn trẻ trung, nước da trắng, đội bê-rê đỏ, quần áo rằn ri vừa lạ vừa hùng dũng. Năm 1945, tối tối tôi đón coi đội quân Nhật hùng dũng, tuy ăn mặc xốc xệch, nhưng có phong độ hiệp sĩ giang hồ. Bây giờ nhìn đoàn hàng binh thật tội nghiệp. Tôi nhớ đã thấy bốn lần thầy Hoàng Tụy đi giữa, hai

người ngoại quốc đi hai bên, thầy nói tiếng Tây to hơn, điệu bộ hùng hồn hơn hai anh lính già. Buổi chiều hôm ấy thật vui, tôi tưởng như không phải ở nông thôn Việt Nam mà ở một xứ xa lạ nào. Học sinh các lớp lớn vài ba anh bao vây một người nói chuyện. Tôi, Ký và Thiều đến với một anh lính già hình như chưa có khách. Tôi sẵn một câu thông thường chào hỏi mà ai ai không học tiếng Tây cũng biết, nhưng anh ta ngỡ ngáo không hiểu. Dù vậy, anh vui vẻ đưa tay ra bắt thật chặt tay tôi. Lần đầu tôi bắt tay người Pháp. Bàn tay to nắm trọn bàn tay tôi. Ký hỏi, anh ta hiểu trả lời vui vẻ. Giọng nói lạ quá tôi nghe không được nhưng tôi hiểu những câu Ký hỏi, đại khái ở tỉnh nào, qua Đông Dương bao lâu, có vợ chưa. Hấn cười rất cảm động, cho biết có một con, từ ngày bị bắt không có tin gì.

Tôi không ngờ học tiếng Pháp mấy năm, sắp thi tiểu học, được sắp hạng hi vọng đậu, rồi học mấy năm sinh ngữ chính là Pháp mà nói một câu Tây không hiểu. Tôi không ngờ thế thảm vậy. Thi ra các thầy dạy tôi phát âm sai. Tôi hiểu tại sao một số thầy không xáp vào nói chuyện với thầy Nghị, thầy Phan.

Tối hôm đó, tất cả học sinh tập họp ở sân bóng để dự lễ chào mừng đoàn hàng binh Âu Phi. Trên sân khấu, ánh đèn dầu nhiều ngọn sáng rạng một vùng. Thầy hiệu trưởng đọc diễn văn bằng tiếng Pháp chào mừng hàng binh. Tiếp theo, thầy đọc một bài dài nói về thắng lợi lớn lao của nhân dân Việt Nam. Thầy đọc to hùng hồn, nhưng ở dưới học sinh từng cụm rầm rì, luyện nói tiếng Pháp.

Rồi tới lời giới thiệu một đại diện hàng binh lên đáp từ. Tất cả im phắc chờ đợi. Thầy Hoàng Vinh bước ra sân khấu làm thông dịch. Chờ mãi không thấy ai đứng dậy, lâu quá không khí nặng nề như có cái gì trở ngại. Sau cùng một người lính già ngồi hàng trên cùng đứng dậy. Những tràng pháo tay vang lên như sấm. Thầy Hoàng Vinh mỉm cười phấn khởi. Thầy mặc bộ vét trắng, cà vạt đỏ chói. Không biết bao lâu rồi, hôm ấy tôi mới thấy “bộ đồ tây complet”. Thầy Vinh cao người, đeo kiếng trắng, có vẻ một ông quan tây, một nhà trí thức, một tài tử điện ảnh. Tất cả chờ đợi đáp từ của một người ngoại quốc mà cả trường nghỉ học để đón. Quả thật người Việt Nam thật hiếu khách. Người lính viễn chinh già đứng hơi xa máy phóng thanh nên nói hơi nhỏ vừa đủ nghe cho những người ngồi phía trước. Thầy Vinh đồng dạng dịch: *“Tôi xin cảm ơn các giáo sư, học sinh đã tiếp*

chúng tôi niềm nở và cho chúng tôi ăn bữa cơm tối thật ngon". Vừa hết câu, ông ta cúi đầu chào, bước lẹ xuống chỗ ngồi. Quá ngạc nhiên, mọi người ồ lên một tiếng vang cả sân vận động.

Cởi chiếc xe đạp luồn hết xóm này qua xóm khác, anh tôi không tìm ra nhà ông hiệu trưởng. Sau cùng anh tới văn phòng nhà trường nhờ một học sinh dẫn đi. Vì phòng gian bảo mật nên văn phòng không để dấu vết gì chứng tỏ là nơi làm việc của một cơ quan. Anh tôi lưỡng lự không rõ có phải văn phòng nhà trường hay là chỗ làm gì vì theo anh nói lại, có vẻ dơ dáy quá. Anh định quay xe về thì bỗng một người mở cửa bước ra, tay ôm cặp da đầy giấy tờ. Đó là giám thị Trần Văn Thận kiêm bí thư đảng bộ nhà trường. Anh tôi liền lễ độ chào: "*Dạ, xin chào ông, xin ông làm ơn...*" Không đợi anh tôi nói hết câu, ông giám thị hỏi thẳng thừng: "*Từ đâu tới, cơ quan nào, anh biết hôm nay là ngày gì không? Anh có xin xỏ, khiêu nại, thắc mắc gì thì cũng để ngày mai, hiểu không?*" Nói chưa hết câu, ông giám thị biến mất dạng. Anh tôi chừng hững, đành dắt xe đạp đi và nghĩ nhân viên văn phòng một trường học mà ăn nói như thế thì làm sao gặp được hiệu trưởng. Anh hơi nản, dựng xe vào gốc cây rút thuốc lá ra hút để hạ cơn bực. Năm sáu học sinh vừa đi vừa vòng trái bóng xuống mặt đường đất cứng kêu bịch bịch đều đặn, anh tôi liền hỏi đại cậu nhỏ đi sau cùng:

- Em làm ơn chỉ giúp nhà thầy Học, thầy hiệu trưởng.

Cậu bé không nói, đưa tay chỉ thẳng vào căn nhà đơn độc độ năm chục thước trước mặt. Anh tôi ríu rít cảm ơn nhưng cậu bé đã chạy nhanh cho kịp bạn không hề lưu ý đến. Hút xong điếu thuốc, anh xốc lại quần áo rồi dắt xe hướng về căn nhà. Cũng như căn nhà làm văn phòng nhưng một giàn su xanh um, trái đầy nhóc che khuất cửa ra vào. Bên góc trái, một cái giếng thành xây cao bằng đá ong, có buồng tấm lợp tranh che kín bằng những miếng cót. Dưới giàn su, ngay trước cửa ra vào, một ăng lớn chứa đầy nước trên gác ngang một cái gáo dừa, bên cạnh lót sáu viên gạch nung chín đỏ, đó là nơi rửa chân.

Anh tôi vừa dựng xe thì một bà độ bốn mươi, tóc quăn quanh đầu kiểu người Bắc đứng tuổi, nhỏ nhẹ hỏi: "*Ông tìm ai?*" Lấy nón, lễ phép anh tôi thưa: "*Thưa bà, em là học trò cũ của thầy ở trường Việt Anh ở Huế, xin ghé thăm thầy.*" Mặt bà như sáng lên, nhìn chăm chú người học trò cũ của chồng, vui vẻ nói: "*Mời anh vào nhà.*"

Một phòng rộng, nền đất nhưng quét sạch sẽ, giữa kê một bàn dài, mỗi bên bàn ba cái ghế dựa, trên bàn một bình trà, sáu cái chén uống trà hai ba loại. Bên trái, một kệ sách lựa thưa năm bảy cuốn không rõ sách gì. Bên phải, một cái phản bốn tấm ván kê sát nhau, trên phản trái chiếc chiếu hoa nhỏ hẹp hơn bề rộng của phản. Anh tôi rất xúc động nhìn cảnh nghèo nàn của thầy hiệu trưởng, mà cách đây gần mười năm là một giáo sư trẻ, đẹp dạy sử địa các lớp trung học ở Huế. Có tiếng guốc trong phòng bước ra, anh tôi vụt đứng dậy, bà hiệu trưởng đi trước tay xách ấm nước, vừa đặt chân trên phòng khách, bà nói:

- Học trò cũ của ông ở Huế đang chờ thăm ông đây.

Anh tôi giật mình, thầy Học ngày xưa nay như thế này! Nhờ bà vợ nói trước, nếu không, khó nhận ra thầy cũ. Chỉ cặp mắt cận thị nặng là hình ảnh còn lại của thầy. Mái tóc hớt cao, bạc nhiều, da tái xám của người thiếu dinh dưỡng. Năm tháng và những ngày nhọc nhằn làm cho lưng thầy hơi rùa nên thầy như nhỏ ốm lại. Cái bụng to, nhưng quần rộng, làm thầy có thói quen từng lúc nắm dây nịt kéo lên. Vừa thấy anh tôi, thầy hiệu trưởng tươi cười, đưa tay bắt, nói với giọng Quảng Nam nặng:

- Anh tên gì học Việt Anh hả?

Anh tôi cúi đầu đưa hai tay bắt tay thầy đáp:

- Dạ, kính thầy, em tên Xáng, Nguyễn Xáng học trò nhỏ của thầy ngồi bàn đầu, gần bảng đen.

Không biết thầy thực sự còn nhớ không, nhưng thầy vẫn nói:

-Thầy nhớ rồi, hồi đó học trò ít, mỗi lớp ba bốn chục học sinh làm sao không nhớ được. Đông như bây giờ thì chịu đấy. Quê anh ở đâu, hiện công tác ở cơ quan nào?

Anh tôi kể lại sau ngày khởi nghĩa, anh học trường lục quân, ra trường anh đi huấn luyện các đơn vị quân đội trong tỉnh, bây giờ công tác tuyên huấn. Anh kể một tua, làm thầy hiệu trưởng có vẻ nể sự tích cực công tác của một học trò cũ.

Quá trình công tác của anh tôi là có thực, nhưng thực sự vì chán ngán chế độ, anh đã tìm mọi cách xin nghỉ việc một cách hợp pháp. Anh tôi hỏi thăm về thầy hiệu trưởng Đào Duy Anh, thầy Tôn Quang Phiệt, nhất là thầy Bùi Xuân Bào, mặc dầu anh biết các ông Đào Duy Anh và Tôn Quang Phiệt đang giữ những chức vụ quan trọng trong chánh quyền.

Thầy Học cho biết hai ông Anh và Phiệt đang nắm các

chức vụ chủ trì của chánh quyền, còn ông Bào, thầy phàn nàn vô cùng. Theo thầy, ông Bào bị nền văn hóa tư bản đầu độc, là một trí thức phản động nên đã bỏ dân tộc sang bên Pháp, nghe đâu đã đậu tiến sĩ.

Nói đến đây thầy nổi nóng, mặt đỏ, lớn tiếng:

- Tiến sĩ mà làm gì, tiến sĩ như thế hại dân hại nước, tiến sĩ như thế, nói như Mao chủ tịch vĩ đại anh minh “Trí thức không bằng cục phên”.

Anh tôi hoảng vì lỡ hớ hỏi đến ông thầy mà anh và bạn bè lúc bấy giờ rất hâm mộ, một giáo sư trẻ, đẹp trai, tài hoa, người Việt mà dạy tiếng Pháp ở lớp cao là điều hiếm lúc bấy giờ. Anh liền chuyển qua vấn đề khác:

- Thưa thầy, thầy được mấy anh mấy chị?

Thầy trở lại bình thường, thân mật cho biết được một trai, một gái. Người con trai đi bộ đội, người con gái đi dạy học. Chưa người nào có gia đình.

Thầy hỏi anh tôi:

- Anh ở làng nào?

- Em ở làng Long Phụng huyện Mộ Đức, thầy ạ.

Nghe nói Long Phụng, thầy vui vẻ như nhắc đến một kỷ niệm chưa quên. Thầy bảo thầy biết Long Phụng rất nhiều, là nơi ở rất tốt, vừa gần sông vừa gần biển, mùa gió nồm rất mát mẻ dễ chịu, đất đai phì nhiêu, cây cối xanh tươi quanh năm, cây ăn quả đủ bốn mùa, người trong làng dễ mến, hiếu khách, nhiều nhà giàu có, mực sống cao, người đi học nhiều, nhiều trí thức...

Thầy cười cười mở tiếp tục ca ngợi làng tôi, bảo ở Long Phụng có thầy Lê Kính, một tú tài Hán học, biết tiếng Pháp, thông thạo quốc ngữ, hiện dạy ở Lê Khiết. Rồi thầy bảo năm tổ chức đại hội giáo chức toàn cấp, toàn tỉnh tại làng tôi, thu nhập kết quả rất tốt, được “chỉ đạo và tổ chức” khen. Thầy quanh quẩn hỏi về cá nhân anh tôi ;

- À, suýt tôi quên, anh còn ông cụ bà cụ, có đồng anh em không, có đứa nào học ở đây không?

Anh tôi mừng thầm đi vào vấn đề chính được rồi:

- Cảm ơn thầy, cha mẹ em năm nay đã già yếu, em rất đồng anh em trên mười người, hiện có ba đứa đang học trường của thầy, trường Lê Khiết. Nói thầy thương cho, hôm nay lên trước là thăm thầy cô, lâu quá em cũng nhớ đến thầy cũ trường cũ, và sau, kính xin thầy, xét tha cho đứa em của em nó đại dột,

vì nó học được và nó biết ăn năn nên em mới mạnh dạn lên hầu thăm thầy, vì thương cha mẹ em và em mà thầy khoan lượng cho nó.

Thầy ngạc nhiên nhìn trừng trừng, nghe anh tôi kể một dây dài. Anh tôi vừa dứt, thầy tiếp:

- Nó bị gì, tên gì, học lớp mấy, nói thầy nghe thử.

- Nó học lớp 8 tên là Liệu, Nguyễn Liệu.

Nghe đến tên Liệu, thầy ồ lên một tiếng lớn:

- Ồ, thằng đó là thằng du côn, thằng phá hoại, tư tưởng réactionnaire! Nó tự cao tự đại, con nhà địa chủ xem thường anh em lao động, dám ngang nhiên lên bảng công khai trước đồng đũa học sinh, viết ca tụng tên đại phản quốc Nguyễn Tường Tam. Ngu xuẩn hơn nữa, nó mạ lị đảng công nhân anh hùng của nhân dân ta, rồi vẽ búa liềm, huy hiệu về vang oai hùng của công nông, giai cấp tiên phong. Em thử xem có ai chịu nổi không.

Tuôn một hơi dài, thầy hiệu trưởng hơi mệt, thở hổn hển, cầm ly nước uống một hơi. Anh tôi im lặng vì biết lúc này nói gì cũng trật, mở miệng là trật, lặng lẽ để cho lòng yêu nước, yêu nhân dân, yêu đảng của thầy lắng xuống. Anh im lặng mặt ngó mặt bàn. Thầy Học phờ người, uể oải nhìn ra cửa. Không khí nặng nề chầm chầm trôi.

Tiếng guốc từ phòng bên bước ra. Bà hiệu trưởng đồng dục lên tiếng trước sự sững sốt của thầy và anh tôi:

- Nãy giờ ở trong, tôi nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Theo tôi, ông nên tha cho thằng nhỏ, để giáo dục nó. Nó còn con nít, còn học trò, mới lỡ một lần nên tha cho nó, cho nó cơ hội hối cải. Nghe nói nó học giỏi, con nhà khá giả, anh nó là người có đi học ở Huế, lại đang công tác quan trọng, theo tôi, bấy nhiêu quá đủ để cho các ông tha cho nó rồi. Chính hoàn cảnh gia đình của em đó là hoàn cảnh gia đình của tôi và ông đấy, những gia đình đáng quý mình phải bảo vệ. Tôi nghĩ ông nên có bổn phận đừng để bọn nó lợi dụng hai chữ tiến bộ rồi hễ ai có chút khuyết điểm là xé to ra, phê phán tới, để chứng tỏ mình tiến bộ...

Anh tôi hơi lo lắng nếu để bà nói tới sẽ chạm tự ái thầy hiệu trưởng và kết quả có thể ngược lại, nên xen vào:

- Cảm ơn cô, vì cô đã có những ý kiến rất xây dựng, và thưa cô, thầy cũng như cô, xin thầy sẽ tìm cách để hội đồng châm chước tha thứ cho thằng em của em.

Anh tìm cách nói xả là để không cho bà tấn công nhiều quá. Quả nhiên thầy lên tiếng:

- Thôi, ta mở xẻ như thế đủ rồi, tôi sẽ hội ý với lãnh đạo giải quyết cho thằng Liệu tiếp tục học, nhưng anh và gia đình phải theo dõi giáo dục nó, để khắc phục các điểm yếu, các điểm tiêu cực, để nó trở thành người hữu dụng.

Thế là tôi được tiếp tục lên lớp 8.

Tôi không bị đuổi học, cha tôi rất mừng vì sợ tôi ở nhà buồn, rồi “nhàn cư vi bất thiện”. Thực sự tôi không mừng lắm, bởi tôi không có lối thoát. Anh tôi thuật lại những ý nghĩ, lý luận, quan niệm về giá trị mới, gọi là giá trị tiến bộ của thầy hiệu trưởng làm tôi nản vô cùng. Tôi rất tán đồng đả phá óc phong kiến vì là óc tôn sùng vua chúa, tôn sùng bọn điền chủ, bọn bóc lột v.v... Nhưng cộng sản có khác không, hay còn tệ hại hơn. Thay vì tôn sùng mù quáng vua chúa, cộng sản lại tôn sùng mù quáng lãnh tụ của họ. Mỗi khi nói đến lãnh tụ là phải có vĩ đại, anh minh, anh hùng...mà nhiều khi những người đó không đủ trình độ, tư cách để cho họ suy tôn. Riêng thầy Lê Học, hiệu trưởng trường Lê Khiết, là người trí thức mà phải lý luận theo kiểu “công nông”, giai cấp nghèo khổ nhất, dốt nát nhất, là giai cấp sáng suốt nhất, đạo đức nhất, sáng tạo nhất. Thật là lý luận của người điên! Thế mà cái đám trí thức giáo sư trường Lê Khiết, trừ một số rất ít, như thầy Nguyễn Khải nói, đều hòa theo, cổ gột bỏ quan niệm cũ về giá trị để thay bằng quan niệm dị hợm này. Ngày nào cũng nghe những lý luận yêu ma như thế rồi quen dần đến cảm thấy tự nhiên như bị thôi miên vậy.

Minh, Lý, Giàu, ba người đẹp của Lê Khiết cũng bị cuốn theo luồng gió lốc đó. Ba người không còn dám thấy Thúy Kiều, Tây Thi, không còn dám thấy Loan (*Đôi Bạn*), Mai (*Nửa chừng Xuân*) là người đẹp, là đáng thương mà phải thấy và la lớn lên chỉ người đàn bà đói khát quê mùa nhất, dốt nát nhất là người gương mẫu nhất và cũng đẹp nhất. Tôi thấy Minh bắt đầu mặc áo vải thô rộng, đầu tóc không cần chải, phải lúi xùi, bần cùng hóa, hình thức nội dung sao cho gần người nghèo đói chừng nào hay chừng ấy. Và, người yêu của ba người đẹp phải chăng cũng là người ở giai cấp công nông nghèo đói dốt nát nhất? Tôi cố quên hình ảnh em nhưng càng cố quên, hình ảnh em càng quuyền rũ càng ám ảnh. Tôi nghĩ tới hình ảnh chị, người chị diêu kỳ không bị cơn lốc cuốn, tôi mãi mãi tin như vậy.

CÁC THẦY TRƯỜNG LÊ KHIẾT

Năm tôi học lớp 8 thì một số giáo sư không còn dạy, vì không theo kịp sự tiến bộ của giai cấp công nông. Thực sự tôi không hiểu đồng lương có đủ sống không mà một số thầy thiết tha với nghề nghiệp quá. Giai đoạn đó thầy dạy Việt văn phải là đảng viên cộng sản.

● Thầy Lê Trí Viễn lúc ấy bao hết các giờ Việt văn lớp 7, lớp 8, lớp 9. Học sinh bàn tán nhiều về thầy vì thầy có bằng tú tài trước 1945, nghe nói thầy là con nhà nghèo, vừa làm thư ký cho trường trung học ở Huế vừa tự học v.v... Với học sinh, thầy hiểu biết quá nhiều, thầy là cuốn “Bách khoa tự điển”. Chửi là phương pháp hữu hiệu nhất để giảng văn chương của kẻ thù. Tôi còn nhớ thầy cho đề thi đại khái so sánh những câu ca dao nói về nỗi nhớ mong như “*Nhớ ai như nhớ thuốc Lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên. Nhớ ai bồi hồi bồi hồi, như đứng đống lửa như ngồi đống than. Nhớ ai cơm chẳng muốn ăn, đã đưa chén xuống lại dẫn chén lên*” v.v... với những đoạn nhớ của Thúy Kiều, của người Chinh Phụ... Tôi biết thầy muốn gì nên tỏ rõ lập trường tiến bộ. Tôi phạt thẳng tay những câu nhớ nhưng của Kiều, của Chinh Phụ, cho đó là những lời giả dối của bọn phong kiến. Còn những lời chất phác thì chân thành, lành mạnh, là hình ảnh cụ thể, thực tế v.v... Hình ảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích tuy có trời mây, có sóng nước, có những cánh buồm nhấp nhô... nhưng không đẹp, không giá trị bằng hình ảnh thuốc Lào, hình ảnh đứng đống lửa, ngồi đống than. Rồi về kỹ thuật, âm điệu về... về.. cái gì bọn phong kiến bóc lột cũng thua sạch. Kết quả bài tôi được điểm tối đa, thầy đọc cho cả lớp nghe, xem như bài mẫu, một bài có lập trường lành mạnh. Thầy vui tính trẻ trung, nhỏ thấp, hay mặc quần sort, chemise cụt tay, đặc biệt dùng khăn lông lót dưới cổ áo để dù mặc lâu ngày cổ áo ít dơ. Đó cũng là óc sáng tạo của thầy. Thầy nhận lời mời của Thiệu và tôi về Long Phụng, quê chúng tôi, trong một cuối tuần, Thầy muốn lập gia đình ở đất lành triu mến này, sau đó thầy phê bình tôi và Thiệu còn tư tưởng tiểu tư sản... Sau 1975, nghe nói thầy đậu mấy bằng tiến sĩ về văn chương, tôi mừng cho thầy và cho nền đại học Việt Nam. Tôi chắc thầy chưa quên tôi và Lê Vinh Thiệu cùng những kỷ niệm tôi kể trên.

● Thầy Hoàng Tụy bắt đầu dạy ở Lê Khiết lúc còn ở Sông Vệ, khi tôi học năm thứ nhất. Học trò nào cũng phục thầy, vì thầy trẻ và dạy rất hay. Thầy nói lưu loát, đặc biệt rất say mê toán, xem toán học là quan trọng số một. Chính hấp thụ sự say mê toán của thầy mà lúc đó tôi cũng “tất cả cho toán” đến nỗi dù có những người bạn thật thân là thi sĩ, có người thành danh mà tôi không làm nổi một câu thơ — điểm này về già làm tôi hối hận. Năm học tam niên (bây giờ hình như là lớp 7), thầy rất vừa lòng về tôi nên phê vào học bạ của tôi mà bây giờ tôi còn giữ: “*Có thể nói là học sinh giỏi và đứng đầu nhất lớp*”. Tôi hãnh diện về hai chữ *đứng đầu* và đã khuôn vàng thước ngọc hai chữ đó cho đời tôi. Năm đó thầy làm chủ tịch hội nghiên cứu chủ nghĩa Marx tỉnh Quảng Ngãi và bảo tôi làm thư ký. Thầy đưa cho tôi cuốn sổ để ghi chép, nhưng cuốn sổ ấy mãi mãi là giấy trắng. Có lẽ chủ nghĩa Marx chưa bao giờ thực sự tới Việt Nam! Hồi đó tuy còn nhỏ, dưới mười tám tuổi, chúng tôi đã cười thầy vì thấy thầy ngây ngô tội nghiệp. Chúng tôi viết thư cho người đẹp, trích dẫn những câu thơ tình tha thiết của Xuân Diệu, Huy Cận, Đinh Hùng... trong khi thầy gửi cho người yêu những bài toán hay nhất. Nhưng kết quả chúng tôi không đi đến đâu, còn thầy thì biến người yêu thành bạn trăm năm. Tôi rất mừng, tuy không ngạc nhiên, thầy đã có bằng tiến sĩ toán, nhưng công trình hồi nhỏ thầy thường nói với chúng tôi về cách chứng minh vòng tròn 9 điểm Euler không biết nó đến đâu. Tôi nghe nói thầy làm viện trưởng toán học ở Việt Nam. Tôi cũng có đọc bài phê bình của thầy về việc phá sản nền giáo dục hiện nay ở Việt Nam trong tờ *Tuổi Trẻ*. Theo tôi, tuy thành tích của thầy nghe kêu như vậy, nhưng thầy là người “sinh bất phùng thời”. Thực sự, nhiều lúc tôi rất tiếc, nếu thay vì đi Liên Xô, thầy đi Mỹ chắc tạo được nhiều thành tích thực tế có ích cho mọi người hơn. Thầy không nói ra nhưng không lẽ thầy không thấy điều này ?

● Thầy Nguyễn Gia Tiên là con một gia đình cực kỳ giàu có ở Quảng Ngãi. Thầy đậu bán phần tú tài, thời ấy là trí thức rồi. Thầy nói chuyện rất hay, rất lý thú, vì thầy rất nhiệt tình, biết nhiều thứ dù chỉ biết chút chút thôi. Thầy rất ốm. Thầy bị tang cha một cách oan ức, tôi nghĩ con cháu suốt đời khó quên. Cuộc khởi nghĩa 1945 có lẽ là cuộc khởi động đau thương nhất đối với thầy. Tôi hiểu, thầy làm hiệu trưởng trường Trung học Bình Dân, rồi hiệu trưởng trường Lê Khiết là để chứng tỏ thầy coi tang cha

không quan trọng bằng việc giáo dục. Kể cả câu chuyện của thầy với lớp tôi, lớp 7, lớp đầu tiên thầy tiếp xúc khi thầy mới đến Lê Khiết. Thầy chửi bọn tôi tới tấp và đọc một câu của Voltaire, một nhà văn Pháp, đã biến thành như ca dao của Việt Nam “*Science sans conscience n’est que ruine de l’âme*”. Rồi thầy bảo chữ conscience này phải dịch thành “*tư tưởng*” mới đúng tức phải dịch “*khoa học mà không có tư tưởng chỉ phá hoại tâm hồn*”. Tuy lúc ấy mới mười mấy tuổi, tôi đã thấy được cái thân phận con cò thí, nhất là loại tốt biên, hoặc dưới tốt biên nữa của thể hệ chúng tôi.

Năm 1954, phe quốc gia tiếp thu Quảng Ngãi. Tuy không có chút chuyên môn, tôi được chỉ định cùng thầy Phạm Đình Nghị làm trưởng ban điều tra ty công an đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Một buổi sáng, chừng vài chục người ngồi trên chiếc bàn dài trong ty công an trong số có thầy Nguyễn Gia Tiên. Tôi ngạc nhiên, mừng và lo thầy bị bắt mà sao tôi không biết. Tôi chạy tới chụp tay thầy hỏi:

- Sao thầy ngồi đây?

Tôi kéo thầy vào chỗ tôi làm việc, mời ngồi, đưa thầy một ly trà nóng. Thầy sững sờ, hoàn toàn bị động. Hỏi sau trở lại trạng thái bình thường, thầy nói:

-Tôi muốn xin làm căn cước để dễ... đi lại.

Tôi hỏi các chi tiết về thủ tục và hẹn “*mười phút sau em đem căn cước ra cho thầy*”. Tôi thấy môi thầy run run, mắt nhìn tôi đầy xúc động.

Tôi hỏi thăm thầy đủ thứ rồi hỏi đến hai người con trai thầy Phương và Đồng học sinh Lê Khiết. Thầy buồn buồn trả lời:

- Hai đứa nó đi tập kết rồi, anh ạ. Khi nào anh có gia đình, có con anh mới hiểu tâm trạng của tôi lúc này.

Tôi không dám động đến nữa, “chiếc bình vỡ” của Sully Prudhomme. Thầy cầm căn cước sẫm soi, bìa cứng con dấu nổi in thật đẹp, thầy mừng mừng tủi tủi, cảm ơn:

- Nếu không gặp anh, hai ba năm nữa chưa chắc tôi được làm căn cước, nhưng tôi phải ra xin làm để họ bớt nghi ngờ tôi. Mà họ nghi là đúng vậy thôi, anh à.

Đưa thầy ra đường, tôi căn dặn nếu gặp khó khăn thì thầy cho tôi biết. Thầy siết tay tôi thật lâu, mắt rơm rớm.

● Thầy Trần Đức Oanh là người mà tôi thích và thực sự phục vì thầy có tài. Nhiều người bằng cấp cao, học nhiều, nhưng

không có tài. Trước hết, tài làm trọng tài bóng đá, bóng chuyền, theo tôi, khó có ai qua nổi thầy Oanh. Những người từng xem thầy làm trọng tài thuở thầy còn trẻ rồi so sánh với các trọng tài World Cup bây giờ hay những cuộc bóng chuyền quốc tế mới thấy tài của thầy Oanh. Ngày đó đi xem bóng đá ở địa phương nhiều khi thấy đá dở quá thì thay vì coi đá banh, tôi coi thầy làm trọng tài. Thầy to lớn, thân hình lực sĩ vì xuất thân trường lực sĩ Phan Thiết trước 1945. Những dịp đá bóng quan trọng ở địa phương, thầy thường được mời làm trọng tài. Khán giả chờ đợi nôn nao, bỗng một hồi còi réo. Thầy chạy ra trước, quần cụt xanh đậm, T shirt trắng, nón lưỡi trai trắng, giày trắng. Không như các trọng tài khác, thầy vừa chạy vừa phô trương, trình diễn thân hình lực sĩ đẹp. Thầy dùng điều bộ rất nhiều. Mọi trọng tài chỉ cố giữ cho trận đấu được công bình, đúng luật là kể như trọng tài tốt, trọng tài giỏi. Thầy Oanh cũng vậy, nhưng thêm những phần quan trọng của người điều dắt nghiêm khắc bảo vệ luật chơi, người giáo dục giữ đúng tinh thần thể thao cao thượng, người ngăn tránh những hành động xấu và cuối cùng người quản trò cuộc chơi, thúc đẩy cuộc chơi càng lúc càng hào hứng. Vì thế tôi bảo thầy Oanh có tài. Tôi đã đi học, dạy học nhiều trường, đã tổ chức trường học, đã đặt nặng môn thể thao thể dục nhưng chưa gặp ai giỏi như thầy. Nhiều đấu thủ ra sân, thấy thầy, ngoan ngoãn chơi, không dám chơi xấu, chơi gian lận... Cái uy của thầy làm cho cuộc chơi hào hứng kỷ luật. Tôi rất phục người nào đề cử thầy làm chủ tịch “*Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*” của tỉnh Quảng Ngãi. Thầy đã làm tốt công việc, bởi vì có tài.

Trở lại trường Lê Khiết, thầy đã đưa môn thể thao, thể dục lên cao, dù gặp toàn nghịch cảnh như phải học ban đêm, có khi học thật sớm và thật tối, học núp dưới các tàng cây... Thầy rất thích tôi vì tôi hăm mộ thể thao thể dục như thầy, cũng vạm vỡ như thầy, tích cực như thầy, nhưng có lẽ điểm chính là thầy biết tôi khám phá ra thầy có tài. Thầy khen tôi hết lời, thường nói tôi học giỏi, có sức khỏe, có ý chí, có cái *ton commendement* — chữ của thầy — chắc chắn thành công lớn. Đến giờ thể dục thầy thường đưa còi cho tôi để tôi dẫn lớp ra sân vận động tập.

Năm 1954, quốc gia tiếp thu Quảng Ngãi, Nguyễn Tiến Lữ làm trưởng ty công an, tôi làm trưởng ban điều tra, thầy bị bắt vì theo ông trưởng ty, dính dáng vào vụ “ám sát ông trưởng ty.”

Không nói cũng biết những lúc ban đầu đó mà dính vào vụ ám sát thì bị tra tấn như thế nào. Ba ngày sau, tôi ghé nơi tạm giam thăm thầy. Thầy không còn phong độ hùng dũng trẻ trung như ngoài sân đá bóng nữa. Tôi dẫn thầy ra ngoài, đưa thuốc lá cho thầy hút, rồi nói: *“Em, thằng Liệu đây, học trò của thầy hỏi thầy chứ không phải công an hỏi, nếu thầy có dính đến vụ định ám sát thì cho em biết để em gỡ cho, nếu không, thầy về ngay bây giờ.”* Thầy không suy nghĩ trả lời ngay:

- Hoàn toàn không có, không có.

Tôi nói:

-Thầy nói vậy thì tối nay thầy về, bây giờ em đi gặp thầy Nghị.

Gần khuya tôi mới đến đưa thầy về nhà. Kỷ niệm này, có lẽ thầy Oanh khó quên được. Sau này, trong gần tám năm tù cộng sản, có lúc anh Thiệu nói: *“Năm 54, thằng cha Trần Đức Oanh bị bắt, mầy tha cho nó về, thằng Huỳnh Đoàn Mai, mầy thương như tình nhân, cho tiền cho súng giúp nó đi trốn, thằng Niên mầy cho nó nhậu trước khi nó chạy núi... thế mà bây giờ mầy sa cơ ngồi tù, đéo có thằng chó nào đến thăm mầy. Mầy thấy chưa, cái ngu của thằng quốc gia là chỗ đó, cho nên thua là phải.”* Tôi chỉ cười đáp: *“Thái độ của tôi là thái độ khoan dung của vĩ nhân đấy, anh ạ.”*

● Thầy Nguyễn Diễm, theo tôi, là người dạy học có kết quả nhiều nhất tại trường Lê Khiết lúc ấy, vì thầy chăm dạy, tích cực dạy, bắt học trò phải giỏi. Thầy là người cùng huyện với tôi, bạn học với anh cả tôi trước 1945 và là người âm thầm cạnh tranh với người khác. Hồi ở Lê Khiết, học sinh chúng tôi biết, do không có bằng tú tài, thầy rất khổ tâm nên tự ép thầy, ép học trò học cho hơn những lớp khác. Tôi học Việt văn với thầy thì thầy bắt phải hơn các lớp thầy Phan, thầy Cảnh dạy, vì hai thầy này có bằng tú tài. Tôi học Pháp văn lớp thầy thì thầy ép học cho hơn lớp của thầy Quới có bằng tú tài và nổi tiếng giỏi Pháp văn. Nước lụt ngập đầy, học sinh lội nước bắt đé hơn hờ, chúng tôi im lặng ngồi nghe thầy giảng. Sốt rét run lập cập, vẫn mặc áo ấm đến trường. Mỗi lần dò bài, dò hết lớp, không chừa một tên. Suốt mấy năm học, chưa bao giờ thầy bỏ một giờ, trừ dịp cưới vợ, thầy nghỉ đúng một ngày rước dâu! Thầy nhăn nhó quanh năm, vô địch về khó tính. Khi học năm thứ hai trường Lê Khiết, tôi rất phục thầy về việc thầy chinh phục được hoa khôi nhà

trường làm vợ, khiến vài thầy và một số học sinh thất vọng. Thầy không hào hoa, không bảnh bao, không có bằng cấp cao, tức là không có điểm nào thuận lợi, nhưng thầy thẳng vì chân thành, chất phác và đạo lý. Những người lãng mạn, yêu đương, thơ mộng, tận hưởng thời chưa cưới cho là thời đẹp nhất...Thầy đi ngược lại, cưới hỏi đằng hoàng trước, đưa đạo quân đạo đức đi trước cho chắc ăn, tính chất pháp lý vững vàng rồi sau đó mới lãng mạn, mới tạo một cuộc sống hạnh phúc...nên thầy thành công. Cha mẹ hai bên lúc nào cũng muốn con cái mình đi con đường đó. Nhưng dù bằng con đường nào, thầy chinh phục được người đẹp là có quyền tự hào. Những người nhút nhát bạc nhược thấy người đẹp là mắt tinh thần nói chỉ đến việc cưới hỏi. Thầy ở lại với phe quốc gia và cũng thuộc loại quốc gia quá khích.

Thần tượng trong lịch sử đối với thầy là ông Nguyễn Tường Tam. Do đó, thầy theo hệ phái Quốc Dân Đảng Nguyễn Tường Tam. Tôi kính trọng thầy, nhưng phần nhiều chúng tôi phóng khoáng hơn, nếu thấy đảng phái gò bó mất tự do, chúng tôi lui khỏi đảng, chỉ còn dân tộc. Riêng thầy đã theo đảng là chết sống theo, chỉ coi đảng mình là giá trị nhất nên nhiều khi hẹp hòi cố chấp và cũng từ đó sinh đủ thứ mặc cảm. Tuy nhiên dù không thích thầy cũng phải thừa nhận thầy là người rất đúng đắn.

CÔNG TÁC HÈ

Để phục vụ thuế nông nghiệp, trường cho học sinh nghỉ vài tuần. Tôi, Lê Vinh Thiệu tình nguyện theo toán do thầy Nguyễn Quới hướng dẫn, công tác tại làng Hành Thiện, quê của thầy. Toán có bốn người, hai người đi kêu gọi dân chúng nộp thuế đúng thời hạn, phải đến từng nhà giải thích theo tài liệu đã học tập, và phải cho họ rõ rằng nộp thuế là *được nộp* chứ không phải *bị nộp*. Thiệu trách nhiệm về kế toán, giúp ban thu thuế lập danh sách và tính toán cho rõ ràng, người nào chưa nộp, người nào còn thiếu bao nhiêu, người nào nộp đủ. Tôi lo việc cân lúa nên tiếp xúc trực tiếp với đồng bào nộp thuế. Thật là thâm! Hầu hết, nhất là đàn bà, khóc lóc, kể lể, bảo nếu nộp đủ thuế thì họ chết đói. Tiếc của, công lao suốt năm, chịu cực, chịu khổ, nhịn ăn, nhịn mặc, bây giờ thu hoạch không đủ nộp thuế, họ run

lấy bấy khi nhắc lúa lên cân. Vì vậy tôi phải thay họ, gánh từ ngoài sân, đem lên cân, rồi gánh đổ vào kho là những việc họ phải làm. Tôi có sức khoẻ nên làm cả ngày không cần thay thế, và ngày này qua ngày khác suốt mười lăm ngày. Dân làng và cán bộ ở đó thấy tôi làm việc tận lực, xúc vác nên bầu tôi là người xuất sắc. Họ bầu tôi, vì ngoài sự làm việc tích cực, tôi còn xoá cho họ một số nợ thuế đáng kể. Nếu họ còn thiếu chừng một phần tư số thuế, tôi ghi đủ cho họ và cho biết họ đã nộp đủ. Hoặc họ còn thiếu nhiều tôi ghi họ thiếu chút ít. Cái “ân huệ” đó làm cho họ mến nên bầu tôi. Rồi từ các tổ đưa về tỉnh, về liên khu, tôi được xuất sắc toàn liên khu V. Báo chí đăng tin, bằng khen thưởng gửi về trường, các giáo sư và học sinh đảng viên nhìn tôi với cặp mắt thiện cảm, cho là tôi đã thấy được sai lầm, đã cố gắng lao động, đã thấy được giá trị lao động là giá trị tuyệt đối. Anh bí thư học sinh đoàn cũng là trường lớp tôi, tìm thăm tôi nói chuyện thân mật, tin chắc tôi sẽ tiến bộ và có ý xây dựng tôi bằng cách giao cho tôi một số công tác thử thách. Thầy Trần Đạo, dạy tôi ở bậc tiểu học, được đưa lên dạy chính trị các lớp thấp, tìm tôi cho biết thầy quá sức vui khi thấy liên khu tuyên dương tôi. Thầy tin rằng tôi đã mạnh dạn ly khai giai cấp để tiến bộ, để phục vụ giai cấp tiền phong vô sản. Thật buồn cười, tôi nghĩ, vì muốn tiến bộ cũng dễ dàng, đơn giản, chỉ lao động vài tuần là thoát ly giai cấp phân động, biến thành con người tiến bộ! Hèn chi lâu nay một số giáo sư đua nhau bản cùng hoá từ ăn mặc đến ngôn ngữ cùng cách sống. Nghĩ đến những điều đó, những điều mà con người hầu như đóng kịch một cách lố bịch để được tin tưởng trở thành trung kiên, tôi ngao ngán vô cùng.

TRÓN

Tôi hồi tiếc nghĩ hè vừa rồi không theo Tạ Ký. Từ trường Phan Châu Trinh ở Quảng Nam, Tạ Ký vào học lớp 7 trường Lê Khiết. Lê Vinh Thiệu và Tạ Ký cùng thích làm thơ, cùng học một lớp nên hai anh trở thành bạn thân rất nhanh, do đó Tạ Ký cũng là bạn với tôi. Tuy tôi không làm thơ nhưng ba chúng tôi ngồi uống trà nói chuyện thơ rất tâm đầu ý hiệp.

Hôm đầu tiên gặp Tạ Ký, tôi đã nhận xét anh khác với tất cả học sinh Quảng Nam vào học Lê Khiết, có vẻ thật thà chất phác, quê mùa như chúng tôi. Sau đó gặp Tạ Ký nhiều lần,

Thieu và tôi thấy nhận xét ấy rất đúng. Phần nhiều học sinh Quảng Nam cũng như các tỉnh khác đến trường Lê Khiết là con nhà giàu, học giỏi, và từ lớp 7 trở lên vì các nơi khác không có lớp 7. Lúc ấy dân chúng quá nghèo làm ruộng là gần chết đói vì thuế nông nghiệp, chỉ những người còn chút ít của kìn lâu nay cất giấu, hoặc những người buôn bán lậu tức là phi pháp, thì con cái mới có thể đi học xa được. Học sinh Quảng Nam phần nhiều ở gần vùng Pháp chiếm đóng, gọi là vùng tạm chiếm. Mỗi lần khai giảng, học sinh vào trường thường mang theo ít đá lửa, vải áo len, vải xấp vải dưới hình thức tấm đắp, vải bộ đồ mới vải ngoại xem như quần áo đang dùng. Riêng Tạ Ký không có các thứ đó. Có lần tôi hỏi, anh bảo không dám mang vì sợ bị bắt do Ký không thể giữ được gương mặt thản nhiên như anh em khác.

Một hôm Ký đến tìm tôi và Thieu, mời đi ăn chè đậu xanh đánh của chị Ngọc Trai là món chè ngon sang nhất ở trường Lê Khiết lúc ấy. Một nhà tranh bên đường sát bìa rừng Gò Đé. Một góc nhỏ dành làm phòng ngủ, còn toàn căn nhà dành cho quán. Chị bán một thứ chè, chè đậu xanh đánh. Chị độ ba mươi tuổi, đẹp, nói trong giọng cười, gương mặt sáng, hình như lúc nào cũng vui. Chị đẹp và vui vẻ, chè ngon, thu hút học sinh nên quán lúc nào cũng đông khách. Tôi ít thấy học sinh các lớp nhỏ và nữ sinh đến quán này. Nhiều hôm đến quán, chị đang đứng gần lửa nấu chè, lửa nóng làm mặt chị ửng hồng, mồ hôi chảy trên trán dính ít sợi tóc, chiếc áo bó sát thân hình, tôi nhìn chị say mê rồi tự hỏi, sao mình không yêu chị.

Thế rồi một buổi chiều, tôi thấy chị mặc bộ quần áo đẹp, sóng đôi đi với người lính trẻ, cỡ tuổi tôi chậm chạp dọc theo bờ rừng Gò Đé. Một tuần sau tôi lên quán, chị không còn nữa, chủ quán mới là một bà già, không bán chè. Bà nói nhỏ cho biết chị đã về vùng bị chiếm. Tôi cảm thấy bơ vơ, và từ đó, tôi già biệt Gò Đé.

Ngồi một góc nhà vắng, Ký nói với chúng tôi:

- Vài hôm nữa tôi về và khó có dịp gặp lại hai ông, chán đây quá rồi.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Bỏ học à?

Ký trả lời:

- Đừng tiết lộ nhé, về vùng bị chiếm và học ở bên đó.

Thieu lặng người không nói gì còn tôi bồn chồn hỏi:

- Đi có dễ không, ông dẫn tôi theo với.
Ký ngạc nhiên trở mắt nhìn tôi:
- Ông đùa à, đang học ngon lành, công tác tiên bộ được tuyên dương cả liên khu mà trốn theo giặc à.
Tôi hơi bực vì bị chọc quê, cãi liền:
- Để rồi anh Thiều nói cho ông rõ, tâm trạng tôi thế nào, tư tưởng tôi thế nào, tôi không thể sống quá ngọt ngào trong xã hội này.
Ký cười:
- Thôi đừng nóng, ông tướng. Thiều nói với tôi hết rồi, trong số anh em, dám liều chỉ có ông thôi, vì vậy tôi mới mời ông đi ăn chè để xem thử ông có ý đó không.
Tôi nhẹ người, nắm chặt tay Ký:
- Có thể chứ, tôi xem ông như người anh từ giờ phút này, nếu ông đồng ý, tôi theo ông ngay bây giờ càng tốt, không cần về thăm gia đình lần chót.
Bây giờ Thiều mới lên tiếng:
- Làm gì mà gấp rút dữ vậy, việc hệ trọng, nguy hiểm mà xem như chơi. Ông Ký mới nói vậy mà làm gấp gáp rồi, dù đi là phải, không thể ở với bọn bần tiện này được.
Ký ngắt lời:
- Bây giờ như thế này, chuyến này tôi về quan sát thử, lâu nay chỉ nghe nói thôi, độ mười ngày sau tôi vào gặp các ông, mình tính, nhớ đừng nói với ai, ông Liệu đừng nói với thằng gì đó, thằng Sửu, biết nó ra sao.
Tôi đáp:
- Ông yên tâm. Sửu và tôi như một, tướng thư sinh ốm yếu vậy mà rất can trường. Khi ông vào sẽ gặp nó, nếu nó thích cho nó đi luôn, qua bên kia có ba đứa, mình bớt cô đơn.
Sử cùng làng với tôi, nhỏ hơn tôi ba tuổi. Khi tôi lùi về học lớp nhì trường làng Long Phụng thì Sửu học chung lớp. Sửu có người chị cùng tuổi với tôi và học cùng lớp. Người chị là bạn của Minh và từ đó tôi bắt cái cầu làm quen với Minh. Chị Sửu chết rất trẻ vì bệnh sốt rét. Gia đình Sửu giàu có, đông anh em, người cha rất giỏi về buôn bán. Tuy học cùng lớp ở trường làng, nhưng khi lên lớp bảy Lê Khiết, tôi mới thân với Lê Sửu.
Câu "*Ta thương người bởi vì người khác ta*" hình như đúng trong trường hợp tôi với Sửu. Sửu ốm gầy, hơi cao, gọn gàng, chải chuốt, đẹp trai và rất hào hoa phong nhã. Tôi thì như một nông

dân, dềnh dàng, vụng về, ăn mặc lôi thôi và chưa bao giờ dùng cái lược. Nhưng chúng tôi thương mến nhau hơn anh em ruột. Từ nhỏ chúng tôi rất tự hào về bè bạn và thường lấy làm lạ, tại sao nhiều người không có bạn. Bài thơ *Khóc Bạn* của cụ Yên Đỗ thật hay, nhưng tôi bất bình sao bạn thân mà lại “*Trước ba năm gặp bác một lần*”... trong khi chúng tôi hàng ngày gặp nhau và gần như đêm nào tôi cũng lên nhà Thiều nói chuyện, đọc thơ, uống trà thật khuya sáng hôm sau mới về. Hễ cứ thấy Thiều là thấy Sử, thấy Sử là thấy Liệu, bà con trong làng nói như vậy.

TRUNG VAY

Người ta xâm xi ngoài Bắc, tức từ liên khu IV trở ra, cải cách ruộng đất đúng theo ở Trung Hoa, chém giết địa chủ nhiều lắm. Cùng với lời đồn đó, tờ *Nhân Dân* và tờ *Cứu Quốc* chạy những hàng chữ lớn ca tụng cuộc cách mạng cải cách ruộng đất thành công vĩ đại. Quảng Ngãi bắt đầu chuẩn bị phát động phong trào “*vĩ đại*” này. Dân chúng từng tổ học tập ngày đêm về “*chương trình đại cách mạng, đại thành công của nước Trung Hoa vĩ đại*”. Cô lập các gia đình địa chủ, phú nông không cho dự học tập. Sau khi các tổ, các giới học tập về tội ác địa chủ và phú nông, đảng tổ chức những buổi học tập toàn xã để vạch trần, bới móc tận cùng tội ác của địa chủ, phú nông không chỉ ở hiện tại mà từ mấy đời trước. Rồi “*nhân dân*” quyết định mức thuế nông nghiệp thường dựa theo gấp ba lần số có thể thu hoạch và ước đoán về cửa kín, cửa bóc lột cất giấu từ các đời trước. Tiếp theo, ủy ban nhân dân xã thừa lệnh “*nhân dân làm chủ*” đó, tổng đạt lệnh thu thuế nông nghiệp và tịch thu tất cả của bóc lột mấy đời. Thường thường kỳ hạn trong vòng mười ngày phải nộp đủ. Cha tôi là địa chủ nên cả nhà buồn như có tang, bà con không ai dám vào nhà. Mẹ tôi định gửi người quen một ít lúa, nhưng không dám mang ra khỏi nhà vì bị rình mò. Người mua heo vừa khiêng ra, liền có người lập biên bản tịch thu. Cả gia đình như bị giam lỏng. Cha tôi mượn người gánh lúa nộp cơ quan nhưng dù nộp hết số lúa có được cũng chỉ đủ một phần ba mức nhân dân bình nghị.

Một cuộc đấu tố tổ chức tại đình làng. Dân chúng chuẩn bị đấu tranh quyết liệt với địa chủ, phú nông. Tin đồn cứ nói tới nay sẽ đấu người này, tố người kia, nhưng thực sự bị đấu tố ở sân

đình là ông Phó. Chiều hôm đó, vài tấm vải trắng viết chữ đỏ những khẩu hiệu sát máu như “*Triệt hạ bọn địa chủ bóc lột*”, “*Tiêu diệt giai cấp bóc lột*” treo quanh sân đình. Trên hè đình kê ba cái bàn dài đặt sát cạnh, phía sau để một hàng ghế dựa.

Mặt trời chưa khuất, thanh niên nam nữ xuống đường rầm rập trống, chiêng, kèn, mõ, náo nức ồn ào kêu gọi dân làng tập họp đấu tố bọn địa chủ phong kiến bóc lột. Trừ các gia đình địa chủ, ai ai cũng phải đến dự. Sân đình không đủ chỗ, phải ngồi trên đám đất chưa trồng trọt xung quanh. Khác với những bữa tập họp thường lệ, tối nay trang nghiêm, im lặng quá.

Bỗng đám đông hét lớn “*Đả đảo! đả đảo! đả đảo!*” vang dậy cả khu đình. Toán dân quân từ trong đình dắt ra một ông già hai tay trói quặt phía sau. Vừa thấy ông già, những tiếng đá đảo ầm lên. Vài người nhào đến ông già nhưng bị hàng rào trật tự chặn lại, tiếng hô đả đảo càng lớn hơn. Một lúc sau mới lấy lại trật tự. Khó đoán ông già khốn khổ này bao nhiêu tuổi, vì ông ốm gầy, xơ xác có lẽ vì sợ, lạnh và đói. Tiếng la, tiếng hét bắt ông quỳ xuống. Ông ngoan ngoãn quỳ giữa sân đình, đầu cúi gần chạm đất. Hàng ghế dựa người đã ngồi chiếm hết, đàn ông đàn bà lẫn lộn, bí thư xã ngồi giữa. Chủ tịch xã đứng dậy nói lý do nhưng không ai nghe nổi nói gì vì ồn quá. Một người trong số người ghế bước xuống sân đọc lớn bản cáo trạng. Bắt đầu từ ông nội là chánh tổng hách dịch bóc lột nông dân, đến đời cha... rồi đời con, một phó tổng, địa chủ phong kiến ác ôn. Đọc vừa hết một câu, dân chúng la ó, đả đảo, những người ngồi hàng đầu nhảy vào đánh túi bụi tội nhân già cụt đang nằm sát đất, những người giữ trật tự khó khăn lắm mới can ngăn được.

Trong làng không khí nặng nề quá. Tôi thấy ai cũng hung bạo, găm găm khi thấy chúng tôi. Nhiều tin đồn khủng khiếp, nào ngoài Bắc chôn sống cả gia đình địa chủ, nào nhốt không cho ăn, không cho uống, đó là sáng kiến của ông đệ nhất bí thư Trường Chinh, tiết kiệm dành đạn cho chiến trường. Những tin này khiến gia đình tôi, nhất là cha tôi khiếp sợ. Rồi có tin đã có quyết định về xã bắt con gái địa chủ phục vụ thương phế binh, hầu hạ các chiến sĩ phế binh anh hùng. Họ sẽ bắt con gái địa chủ lập đoàn “hộ lý” cho các đơn vị quân đội ưu tú. Không biết hư thiệt thế nào, nhưng chính cán bộ ở xã ấp nói ra. Người ta còn quả quyết đó là quyết định từ bộ chính trị, chứ không phải của cán bộ thừa hành cấp dưới. Họ hãnh diện đó là bài học qui

báu mà Mao chủ tịch vĩ đại đã học từ đại lãnh tụ Lênine khi triệt hạ bọn hoàng gia phản bội, áp dụng có kết quả chất lượng cao đối với tàn dư phản động Tưởng Giới Thạch và bây giờ Việt Nam triệt để thi hành. Bởi vậy, cha tôi hoảng quá, gả gấp đứa em gái tôi mới mười bảy tuổi cho con trai người bạn của ông.

Tin cứ đồn nhưng chẳng thấy gì, kể cả việc đấu tố cũng im luôn. Rốt cuộc chỉ một mình ông địa chủ phó tổng bị đấu tố. Tuy vậy, vấn đề thuế nông nghiệp và trưng vay vẫn tiếp tục. Cha mẹ Lê Sử, bị bắt giam tại nhà lao tỉnh, vì nộp không đủ số lúa nhân dân qui định. Mãi sau này chúng tôi mới biết cán bộ ở liên khu V phải ra Bắc quan sát thực tập việc cải cách ruộng đất cho đúng chủ trương của đảng, rút kinh nghiệm để về thực hiện ở khu nhà. Vì Trường Chinh hăng say quá độ cố làm trội hơn Trung Hoa nên giết người nhiều quá, thậm chí người chỉ có vài sào ruộng cũng bị đấu. Dân chúng bất mãn cùng cực nên có những người liều mạng chống đối. Việc đấu tố tạm ngưng lại, rồi Trường Chinh bị kiểm điểm hạ chức đệ nhất bí thư, đưa qua làm chủ tịch quốc hội, và sau 1975, làm chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Chưa đúng mười ngày, Tạ Ký đã vào Long Phụng gặp chúng tôi. Trên một trăm cây số phần nhiều phải đi bộ. Thời đó ai ai cũng đi bộ giỏi. Vì ngoài đi bộ chẳng còn phương tiện nào tốt hơn. Máy bay bắn quá sá, không còn cái đầu máy xe lửa nào có thể sử dụng được. Con đường xe lửa gần như duy nhất ở miền Trung là đoạn Bồng Sơn đi An Tân độ tám chục cây số. Xe lửa không còn, thay thế bằng xe “goòng” là một toa tàu xe lửa dùng sức người đẩy. Cũng như thường lệ, hành khách mua vé vào ga, lên một toa. Độ hai chục người khoẻ mạnh, gần như lúc nào cũng ở trần, chỉ mặc quần đùi. Một người xướng: “Hò dô hò, hò dô hò, là hò dô ta dô hò!..” những người khác hò rập ràng “Dô hò!”, toa tàu nặng nề nhúc nhích. Họ hò tiếp mấy câu, tiếng bánh sắt nghiêng trên đường rầy nghe rùng rợn, rồi toa tàu chạy, dần dần đến tốc độ đều, chỉ còn bốn người hai tay bám chặt vào tàu, một chân đặt trên thành tàu, chân kia đạp mạnh lên đường rầy tiếp lực đẩy con tàu chạy mãi đến ga gần nhất. Những người còn lại lui về ga để đẩy toa khác. Thường chỉ vài chuyến ban đêm mà thôi, ban ngày sợ máy bay bắn.

Thấy Ký, tôi mừng quá. Trong mấy ngày chờ đợi Ký tuy không khí đấu tố nặng nề nhưng chúng tôi luôn bàn chuyện ra

đi. Lê Sử rõ ràng chịu thua rồi vì cha mẹ đều bị nhốt ở nhà lao vùng núi An Ba gần trường Lê Khiết. Nhà còn lại một đứa em ba tuổi, nhớ mẹ nhẹ nhẹ khóc tặc tiếng suốt ngày. Những người giúp việc, người ở cùng bà con nghèo hay lui tới bây giờ đều tránh xa và một số đang tập dượt cho những ngày đầu tổ sắp tới. Sử phải đóng vai mẹ, chị trong gia đình lo đủ thứ, nhất là chăm sóc đứa em ba tuổi. Bởi vậy không bàn đến Sử nữa. Còn Thiều cũng sa vào hoàn cảnh bất khả giải quyết. Thiều còn bà nội trên tám mươi. Từ ngày cha Thiều bị chết chém, cái chết quá thê thảm khiến mẹ, tức bà nội Thiều, không đêm nào không khóc vì nhớ con, tuy chuyện xảy ra bảy tám năm rồi mà cụ vẫn tưởng như mới đêm qua. Mất con, nhớ con, cụ càng thương Thiều. Những đêm Thiều đi chơi về khuya, cụ thắp đèn chờ đợi. Thiều biết nếu anh trốn đi thì chỉ vài ngày sau, bà anh sẽ chết do không đủ sức chịu đựng. Thêm nữa, Thiều vừa yêu một cô gái xinh xinh ở xóm dưới, nhưng sợ tội cho là bạc nhược nên anh chỉ đưa lý do bà nội già trên tám mươi. Tôi với Thiều nhiều đêm thức đến một hai giờ khuya nói đủ thứ chuyện, đọc thơ, uống trà và cũng nghĩ sẽ chia tay trong những ngày sắp tới.

Thấy Ký đến, tôi nôn nao hồi hộp vì những lý do như thế. Sau khi nghe rõ hoàn cảnh của Sử và anh Thiều, Ký khuyên tôi không nên đi chuyến này vì tôi đi ắt sẽ gây khó khăn cho hai người. Cả hai sẽ không bao giờ bước ra khỏi nhà được và như thế chỉ mình tôi thoát mà hi sinh hai người bạn. Ký bảo đi rất dễ, ra nhà Ký ở Quế Sơn, một quận miền núi Quảng Nam xem như nghỉ hè ra nhà bạn chơi, vào khoảng ba giờ chiều đi lần ra bờ sông, qua một xóm nhà không người vì máy bay bắn cháy sạch, dân làng tản cư cả chục năm rồi. Nếu bị công an hỏi, không có lý do để trả lời thì dúm cho nó ít chỉ vàng. Cho nên trong túi lúc nào cũng cần có vài chỉ vàng để hộ mệnh. Qua được xóm cháy rồi kể như an toàn vì đến đó nhờ bia rừng, chui vào nằm chờ vào khoảng hai ba giờ sáng, những đêm không trăng sẽ ra sông Thủ Bồn, bơi qua một khúc ngắn, vì mùa hè nước sông cạn gần hết. Xuống sông là an toàn, nhưng coi chừng phía bên kia sông, lính liên hiệp Pháp đi tuần. Tỉnh thoảng ở nơi đùn xa xa bắn lên vùng trời trên con sông vài quả đạn chiếu sáng để các toán canh quan sát. Ký dặn trường hợp đó nếu còn đi trên bờ thì nằm im đừng cử động, nếu đang lội dưới nước thì đừng cựa quậy vì chất lân tinh dưới nước xao động dễ thấy hơn ban ngày. Quan

sát bên kia sông không có lính đi tuần thì bò lên bờ. Thế là an toàn đến đất tự do, cuộc đời mới đang chờ đợi.

Ký kể một hơi. Tôi và Thiệu im lặng theo dõi từng cử chỉ, điệu bộ như nghe chuyện trinh thám hấp dẫn. Tôi hỏi:

- Qua bên kia sông có bị bắt không?”.

Ký cười trả lời:

- Bị bắt không sao! Nếu không, mình cũng phải tìm chánh quyền trình diện để họ xác nhận mình từ vùng cộng sản trốn qua, rồi từ đó đi lại dễ dàng. Nếu không làm thế, sau này họ tưởng mình là tình báo kháng chiến thì nguy to. Bởi vậy phải đem theo cái gì chứng tỏ mình là học sinh đi trốn, nếu không sẽ bị nhốt để điều tra thì lâu lắm.

Sáng hôm sau, tôi, Thiệu đưa Ký đoạn đường năm cây số. Chia tay tôi trở về sống những ngày tăm tối. Tuy việc đầu tở tạm ngưng nhưng tận thu thuế nông nghiệp, rồi trời không mưa, lúa ngoài đồng gần như cháy. Dân chúng đói khổ, người đi ăn xin càng ngày càng đông, và dân miền biển đói trước. Do đó, họ phải bỏ quê hương lần lượt đi xa. Ban đầu còn xin phép để chánh quyền xét thành phần tốt, tức giai cấp công nhân mới cho đi. Sau đó, cứ tối tối người ta xuống ghe chèo ra cửa biển rồi đi đâu không rõ. Nạn đói càng hoành hành người ra đi càng đông, chánh quyền đành làm lơ. Đó là cơ hội tốt để chúng tôi tổ chức ra đi. Nguyễn Tuyên cho biết như vậy.

Tuyên là anh em cô cậu với Lê Vinh Thiệu cùng học với tôi ở trường làng và Lê Khiết. Tuy là anh em cô cậu nhưng Thiệu xem Tuyên như anh em ruột. Tuyên nhỏ hơn tôi hai tuổi, đứng đắn, khoẻ mạnh, rất thích thể dục, thường chung nhà trọ với tôi. Tôi còn nhớ khi học tiểu học, tôi và Tuyên tập cưỡi xe đạp và tập barre fixe. Tuy tôi khoẻ hơn Tuyên nhưng lúc nào Tuyên cũng đi trước tôi vài bước. Năm 1950 tổng động binh, Tuyên tình nguyện đi lính nhưng mắt cận nặng quá. Tôi vào lựa thể cho Tuyên nhưng cha Tuyên không đồng ý xin rút tên.

Sau 1954, Tuyên vào học ở Sài Gòn. Đậu tú tài, Tuyên nhập ngũ trở thành một đại úy Biệt Động Quân rất can trường và hiện ở Hoa Kỳ từ 1994.

Tuyên ở gần cửa Cổ Lũy, cửa sông Trà Khúc ra biển, cho tôi biết dân làng Phú Thọ đi đông lắm, tối tối người ta kéo nhau lên ghe, đi cả gia đình, già trẻ, gái trai, lớn bé. Bà con tiễn ra ghe, chia tay khóc thảm thiết, họ bảo đi để may ra khỏi chết đói.

Chánh quyền địa phương biết nhưng làm lơ, cả công an xã cũng tiền bà con ra đi. Tuyên bảo có một người bạn sắp đi, anh ta quen với chủ ghe, nếu tôi, Thiều đi thì Tuyên thương lượng với người bạn, và nếu chúng tôi đi thì Tuyên cũng đi theo. Nghe Tuyên nói tôi mừng quá, vì gần như lúc nào tôi cũng nghĩ về vấn đề này:

- Tuyên à, quả là Trời cứu, chúng ta phải gấp rút theo họ. Mất cơ hội với Tạ Ký rồi, lần này phải chụp cơ hội ngay. Nhưng cần xem kỹ người bạn của Tuyên có đi thực không, có đáng tin không, hay là công an gài vào.

Tuyên quả quyết:

- Bảo đảm trăm phần trăm anh ta đi. Nhớ rằng anh ta là con cậu Hai Vỹ, cháu nội cụ Cần thì anh biết như thế nào rồi. Các anh cứ tin tôi đi.

Tôi và Sử dứt khoát đi càng sớm càng tốt. Riêng Thiều chưa biết tính sao. Không đi thì biết bao giờ có dịp mà đi thì bà già ra sao. Hay tin Thiều đi hẳn cụ buồn, lo, nhớ không chịu nổi. Suốt hai ngày đêm, tôi và Thiều bàn tính mãi vẫn chưa ngã ngũ. Thiều nặng nề quá, cuối cùng quyết định đi. Chúng tôi nghĩ nếu không đi chúng tôi chịu không nổi, nhất là ở Quảng Ngãi.

Thiều còn một ông chú, bà kế mẫu và hai đứa em khác mẹ. Bà kế mẫu vẫn xem Thiều như con ruột và hai đứa em cũng rất thương kính Thiều.

Tuy Thiều không nói ra, sợ bọn tôi chê “không có chí lớn”, sợ mang tiếng “nữ nhi thường tình.” Thật ra, anh nặng với cô tình nhân xinh xinh.

Thế là chúng tôi quyết định ra đi tìm cuộc đời cởi mở tự do hơn. Thật ra, không biết ngày mai sẽ ra sao nhưng chắc khác hẳn cái xã hội dễ ghét này. Chúng tôi nghĩ như thế và hăng hái ra đi. Còn một ngày nữa lên đường, tối hôm đó, tôi như thường lệ ở nhà Thiều. Đó là đêm cuối cùng ở với quê hương.

Xúc động quá, chúng tôi vừa viết thư vừa khóc suốt đêm. Đêm đó tôi mới thấy xa quê hương, xa cha mẹ, xa gia đình, từ biệt người thân yêu vô cùng khó. Bình thường không ai thấy gì, ngỡ như lơ là với xóm làng bà con, khi phải xa những thứ quen thuộc tầm thường đó, không ngờ lòng ray rứt, tiếc xót vô cùng, nhớ thương vô cùng.

Tôi viết một thư cho cha mẹ, ít chữ cho Cụ và ít dòng cho Minh nhờ Cụ chuyển.

Kính cha mẹ,

Thư này đến cha mẹ thì con đã đi xa. Con không dám tin cha mẹ biết trước bởi vì sợ cha mẹ buồn, nhất là mẹ. Cha mẹ, nhất là cha thấu rõ tại sao con phải ra đi, xin cha giải thích cho mẹ được yên lòng, cho mẹ thấy rằng không còn cách nào khác ngoài cách con phải ra đi. Con đành chịu sự bất hiểu, đã lớn rồi mà chưa làm được một việc dù rất nhỏ để giúp cha mẹ, điều này làm con áy náy. Cha mẹ tin nơi con, ra đi không phải để tìm nơi hưởng thụ vật chất, tìm nơi ăn chơi hư đốn, trái lại con ra đi để học, học và mãi mãi chăm chỉ học, vì quê nhà không dung túng con, trái lại, như cha đã biết, cha cũng thường xa gần khi kín khi hở tâm sự với con về thời thế. Con xin cha mẹ tin con, con tích cực học hỏi để trở thành một người có đầy đủ tài năng phục vụ tổ quốc, đem lại danh dự cho chính con và cho gia đình. Nếu Trời bất dung, con bị gãy gánh giữa đường thì cũng xin cha mẹ biết cho hoài bão ôm ấp của con từ lúc còn tấm bé.

Rồi đây chắc chắn cha mẹ, gia đình mình sẽ bị làm khó khăn, và người ta sẽ chửi bới bọn con thậm tệ, xin cha mẹ ráng chịu đựng, không cần và cũng không nên bào chữa thanh minh, vì việc đó không giá trị gì hết đối với loại người thiên cận chỉ biết cúi đầu nghe theo lệnh trên.

Con viết gì cũng không diễn tả hết được nỗi lòng của con kính thương cha mẹ, và sự áy náy của đứa con bất hiếu. Con cầu lạy Trời Phật phù hộ cha mẹ, phù hộ gia đình chúng ta, con xin cúi lạy cha mẹ, con ra đi !

Đứa con bất hiếu và hoang đàng của cha mẹ.

Nguyễn Liệu.

Tôi viết xong, gục đầu xuống bàn khóc thành tiếng. Thieu cũng òa khóc vì anh cũng vừa viết xong thư cho bà nội. Một đêm nước mắt. Tôi viết thư ngắn cho Cự và sau đây những lời gửi cho Lê Thị Minh.

Em Minh,

Trước đây anh viết rất nhiều thư định gửi em nhưng rồi anh xé hết, kể cả cuốn nhật ký viết thuần một thứ yêu em, khi hôm anh cũng xé nát, như lâu nay em đã vô tình xé nát tim anh. Đây không phải là bức thư yêu, mà là bức thư hận em, thù em, oán em, một người đẹp tàn nhẫn, một người đẹp ác hơn bất cứ người tàn ác bậc nhất của loài người. Em có biết anh đau khổ tới mức nào không, đã bao năm rồi em luôn vô tình một cách tàn

nhẫn. Thôi nói làm chi với người được Thượng Đế cho một sắc đẹp “ngiên thành đồ nước”, nhưng Thượng Đế quên cho em trái tim !

Em ơi, người anh yêu điên cuồng, yêu thác loạn, yêu đến hủy hoại cả tim gan, xương thịt... vĩnh biệt em, vĩnh biệt em, mãi mãi vĩnh biệt em. Anh hận tất cả, hận đời, hận quê hương, hận mọi người, hận đảng cộng sản đã lấy, đã cướp trái tim em. Và em nhớ cho rằng anh dù chết đi, mãi mãi và mãi mãi vẫn còn yêu em.

Nguyễn Liệu.

Thư của tôi bỏ vào một bì, của Thiều bỏ vào một bì, tất cả bỏ vào một bì lớn. Thiều đưa gói thư này cho đứa em trai Lê Vinh Ân, người em khác mẹ, nhưng Thiều rất thương và dặn kỹ ba ngày sau đưa cho ông chú ruột Lê Vinh Truật.

Lê Sử bày tôi ăn cắp vàng của mẹ rồi giấu trong vành mũ cối. Mũ cối vành dày, làm bằng cây điên điên rất nhẹ, xốp, dùng dao rạch phần xốp đó nhấn vàng vào, may lại. Trời hè nóng bức, lợi dụng lúc mẹ tôi ngủ trưa, tôi vào cái tủ nhỏ để trên đầu giường, hời hợt quá, tôi kéo cánh cửa bóc cây kiềng vàng, lặng lẽ bước nhanh ra khu nghĩa địa sau nhà. Trời nắng chang chang, cảnh vật yên lặng, nghĩa địa mênh mông không một bóng người. Tôi ngồi núp vào một bia mã, khoét cái khe trên vành mũ để nhấn cây kiềng vào. Cây kiềng bị bóp nhỏ gọn thành một tấm mỏng để dễ nhấn vào vành mũ. Tôi sừng sốt nghe tiếng mẹ tôi gọi ở bia gò mã. Biết bị lộ rồi, tôi đứng lên, nước mắt tràn trề. Thấy tôi, mẹ tôi chạy tới hỏi lớn:

- Liệu, mày có lấy vàng không?

Nước mắt tuôn làm nghẹn họng, không nói được tôi đưa cây kiềng đã bẻ nát cho mẹ tôi. Tìm được của rồi, mẹ tôi yên tâm, la tôi:

- Cần tiền thì xin, sao con ăn cắp, hỏi nhỏ hiền lành, lớn lên hư hỏng sinh ra ăn cắp, con định đi đâu hả, có đi đâu cũng phải bàn với cha chứ sao lại hoang dử vậy.

Tôi nghẹn ngào nói với mẹ:

- Con không đi đâu hết, con lỡ lấy vàng của mẹ, mẹ đừng nói với cha, mẹ nói con tự tử, con chết cho mẹ coi.

Mẹ tôi lặng lẽ bọc vàng vào túi áo buồn bã về nhà.

Ngồi một lúc, ráo nước mắt, tôi gắng giữ vẻ tự nhiên về nhà như không có chuyện gì.

Bỏ vào bao lát một bộ quần áo, tôi nói nhỏ với mẹ:

- Mẹ đừng nói với cha chuyện con đại dột đó nhé, chiều nay con đi với anh Thiệu ra nhà thằng Tuyên, mai ăn giỗ, chiều mai con về, nói mẹ biết chừng.

Mẹ tôi vẫn buồn buồn không nói, nước mắt tôi bỗng dưng trào ra, tôi vội chạy ra ảng nước ở nhà bếp, rửa mặt. Bình tĩnh trở lại, tôi vòng ngõ bên hông nhà ra đi.

Ngồi trên chiếc đò từ từ sang bên kia bờ Sông Vệ, nhìn Long Phụng, làng tôi lần cuối. Tầng xanh đậm cây đa bên cạnh nhà tôi hiện rõ trong vòng tre xanh, tôi buồn vô tận, biết ra đi là vĩnh biệt. Sử có vẻ hồn nhiên, còn anh Thiệu cúi gằm nhìn dòng nước trong veo, cổ nén khóc.

Tối đó, ba anh em chúng tôi cùng Tuyên ngủ trong chùa Phú Thọ. Tuyên bảo chùa này của cụ Cần ngày xưa thành lập khi về hưu. Cả khu đất rộng mênh mông cây cỏ thụ um tùm rậm rạp. Cảnh chùa tịch mịch, không một bóng người, trên các bệ thờ những pho tượng Phật lặng lẽ, nghiêm trang. Gần như không có sự sống ở khu trầm lặng này. Gió biển thổi vào lạnh lạnh. Lặng lẽ ngồi dựa góc cột chùa, sau một ngày căng thẳng mệt nhọc, tôi đã rạo rờ mớ màng. Hình ảnh Minh mờ dần, nhỏ dần, hình ảnh Chị rõ nét... Tôi đi vào giấc ngủ. Tôi chiêm bao thấy tôi cùng Chị sống trên chiếc thuyền bồng bênh trôi thật xa, xa quá, xa không còn thấy bờ, chỉ có nước xanh, trời xanh, tôi và chị trong một khoang thuyền. Chị đẹp quá, tôi loạng quạng không còn biết gì nữa. Giật mình, Tuyên gọi to vỗ mạnh tôi gọi dậy đi coi người ta lên ghe đi trốn. Qua vài giây, tôi mới định được đây là chùa Phú Thọ mới đến khi chiều.

Đông quá, đông gần như một cuộc vui trong làng. Ba chiếc ghe bầu cỡ lớn người chen chúc ngồi. Họ đi cả gia đình trẻ con người già đều có đủ. Cầu bắt lên ghe đã rút mà vẫn còn những thanh niên lội ướm quần trèo lên ghe. Đặc biệt thật đông nhưng không ồn ào, không to tiếng. Họ nói rầm rì như tiếng ong kêu không phân biệt được nói gì. Sử bảo xuống đi đại, rồi ra khơi sẽ đưa tiền cho họ, bây giờ lộn xộn không phân biệt người ra đi và người tiễn biệt. Tôi đồng ý với Sử vì biết tối mai có như thế này hay không. Nhưng anh Thiệu bảo chúng tôi đi do anh Ý tổ chức, và đã thỏa thuận ngày mai, nếu bây giờ đi ầu, không có ý kiến của Ý rui trục trặc thì sao. Chờ chỉ một ngày cho chắc thì nên chờ. Ba chiếc ghe nối đuôi khuất trên dòng sông mênh mông

dưới ánh trăng vàng vạc. Đám người tiễn đưa buồn bã ra về.

Bốn chúng tôi nằm trên chiếc chiếu rộng trải một góc nền có lẽ nhà ăn của chùa. Gần như không ai ngủ được, im lặng, sống với tâm tư riêng của mình. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng thở dài, có lẽ của anh Thiều. Tự nhiên tôi thấy thương Thiều nhiều hơn. Nặng nề quá, nhưng anh vẫn ra đi. Ngoài trời trăng khuya sáng trắng chảy dài trên các hàng cây kiểng làm nổi bật khu sân chùa. Về khuya gió lạnh, tiếng mõ đều đều theo giọng kinh dồn dập, khi to khi nhỏ khi kéo dài ngân nga như bất tận. Tiếng kinh tỉ tê tha thiết, miên man như dìu tôi vào cõi u tịch. Suốt đời tôi khó quên tiếng kinh huyền diệu trong đêm ấy ở chùa Phú Thọ.

Cách chúng tôi ra đi thế này: Thuê sẵn một chiếc ghe nhỏ, bốn người dùng ghe đó ra ngoài cửa Cổ Lũy chờ ghe bầu lớn. Ý ở trên chiếc ghe bầu đón chúng tôi.

Một bà già cỡ bảy mươi, gầy còm nhẹ nhàng đưa chiếc thuyền con chở chúng tôi chậm chậm tiến ra cửa. Không rõ bà nặng tai khó nghe, hay bị câm, tôi hỏi nhiều lần bà vẫn không lên tiếng. Bà gắng sức đưa con thuyền tiến tới, nhưng con thuyền tiến chậm quá, nhiều lúc gần như muốn dừng lại. Tuy bà không trả lời, tôi vẫn dùng cây dầm chèo tiếp với bà. Con thuyền chòng chành, nhưng tiến khá nhanh. Tất cả thuyền lớn nhỏ đều chạy gần trạm kiểm soát. Thuyền lớn phải vào trình giấy tờ trước khi xuất khẩu, thuyền con được tự do qua lại trừ trường hợp bị gọi vào. Thuyền con chúng tôi chạy sát vào nhưng không bị kiểm soát, chúng tôi vui mừng cảm thấy như gần bến bờ tự do. Chẳng mấy chốc, thuyền chúng tôi ra cửa chính. Mong manh quá, tuy trời rất trong, gió nhẹ, gần như không có sóng, nhưng chúng tôi như ngồi sát mặt nước. Người lái thuyền buộc thuyền vào sợi dây to cứng của bè rở nên thuyền không lắc lư có vẻ vững chắc. Bây giờ vào quãng nửa đêm. Thiều hút thuốc liên tục, chúng tôi nôn nao hồi hộp chờ. Đêm nay sao trễ quá. Theo lời Tuyên thì Ý dặn không quá hai giờ sáng ghe bầu sẽ đón chúng tôi, bây giờ quá ba giờ sáng gần ba rưỡi. Không nói ra nhưng tôi cảm thấy như có gì bất ổn. Thiều hồi hộp hỏi Tuyên:

- Mà có nghe rõ thằng Ý nói hai giờ không?

Tuyên bực bội trả lời:

-Tôi nghe rõ, sợ quên còn ghi vào vành nón. Chắc là có gì trục trặc. Nhưng theo tôi nếu có trở ngại là lý do kỹ thuật thôi. Khi hôm, mình đã thấy tận mắt, người ta ra đi như đi chợ có ai

ngăn cấm đầu.

Tự nhiên tôi thấy nguy rồi, không khéo bị đưa cả bọn vào rọ. Hay Ý là cò mồi của chánh quyền hoặc tổng trải quá, nhiều người biết rồi có người báo công an họ giữ chiếc ghe lớn lại. Nhiều ý nghĩ bị gạt, bị bắt lộn xộn quay cuồng làm tôi mất bình tĩnh. Chỉ riêng Sử thân nhiên như không có gì bất thường. Thật ra, Sử còn nhỏ và lúc nào cũng tin tưởng vào tôi và cũng vì Sử tin ở tôi làm tôi thấy mình có trách nhiệm về sự ra đi liêu lĩnh của Sử. Bốn giờ sáng, trời Đông bắt đầu ửng màu hồng, mặt trời sắp mọc. Thất bại thấy rõ, tôi đưa ý kiến, bây giờ còn một cách là thương lượng người chủ giàn lưới rờ này cho vàng ông ta, bảo đưa ra đảo Lý Sơn, hay chạy dọc theo bờ biển may ra gặp tàu tuần của Pháp xin họ vớt, hoặc là chịu thất bại quay vội về, nếu gặp ghe của mình thì tốt, nếu không, tấp sớm vào bờ gấp rút vào xóm đưng để công an phát hiện khi hôm mình đi trốn không thành. Anh em có người đưa ý kiến táo bạo, đề nghị bà chèo ghe này đã già rồi, lạy bà vài lạy rồi đưa bà xuống biển, bọn mình chèo đại ghe ra biển rồi tới đâu thì tới, hơn là trở vào sẽ tù cả lũ. Tôi bác bỏ ý kiến táo bạo này bảo chưa phải cùng đường đến nỗi sát hại bà già. Nếu sát hại bà già thì suốt đời mình áy náy dù có thành công cũng mất vui. Hơn nữa trong số anh em chỉ có tôi biết chèo ghe nhưng chèo ở sông chứ chưa bao giờ chèo biển và chiếc ghe này là ghe đi sông.

Cuối cùng chúng tôi đành quay về. Mệt mỏi, chán ngán cùng tận. Chúng tôi âm thầm đi như kẻ phạm tội. Bước vào nhà, cả nhà sững sốt nhìn vì không ngờ tôi trở lại. Cơm nước xong, cha tôi lên phòng tôi, buồn buồn nói:

- Cha sững sốt thấy con trở lại, cha cũng không ngờ sự việc như thế. Cha không khuyên, nhưng rất muốn con đi khỏi xã hội cộng sản này. Con ở đây sẽ chết dần chết mòn, họ không để con làm gì. Minh là thù nghịch của họ, từ nay con sẽ bị kiểm soát chặt chẽ, phải thận trọng.

Còn muốn nói thêm nữa, nhưng như sắp bật khóc, cha tôi ra khỏi phòng. Một ngày sau, tôi biết tối hôm đó ghe bầu không ra đón tôi vì công an bắt giữ chiếc ghe đó, bắt chủ ghe, bắt Ý, người tổ chức việc đi trốn của chúng tôi. Được tin này, tôi liền báo cho anh Thiều. Chúng tôi rất lo lắng cho những ngày sắp tới. Tuy bảo đề phòng nhưng làm sao đề phòng, đành bắt lực phó cho số mạng.

Tôi bàn với Thiều xem có cách gì đi trốn khi họ chưa khám phá ra mình, nếu để họ bắt đưa vào tù thì hết đời.

Hai ngày sau Thiều bị bắt. Mấy ngày sau cơ quan xã đòi tôi xuống có cán bộ ở ty công an về hỏi cung. Họ chỉ hỏi qua loa, bảo Nguyễn Ý đã khai Thiều, Tuyên, Sử và tôi có đúng không, nếu đúng thì ký vào lời khai. Thấy không có gì khó khăn, tôi ký. Độ mười ngày, Thiều được trả tự do. Thiều cũng ký như tôi nhưng anh bị giam mười ngày. Chúng tôi vẫn đến trường như không có gì xảy ra. Lúc này, tôi chán trường Lê Khiết. Sử và tôi thường về trường Tư Nghĩa chơi, do đó, tôi quen rồi say mê Trương Kim Anh. Năm đó, Anh học lớp 6, rất đẹp, đẹp hơn các người đẹp ở Lê Khiết. Anh nói giọng Huế, lần đầu mới gặp tôi tưởng gặp chị, nhưng chị cao hơn có vẻ lớn hơn. Sau này nhờ Nguyễn Đăng Anh, có tên là Cao Chu ở ngay khu chợ Long Phụng dưới nhà tôi non nửa cây số, đưa tôi ra tận nhà Kim Anh ở thị xã Quảng Ngãi. Mới gặp lần đầu, tôi ngây ngất vì sắc đẹp của Anh, không phải sắc đẹp của tiên nữ, của các bức tranh mà là sắc đẹp của con người, sắc đẹp lôi cuốn, sắc đẹp hấp dẫn dễ đưa người con trai vào tội lỗi, nói như những nhà đạo đức. Thi sĩ Đinh Hùng nói hộ cho tôi:

*Ôi cám dỗ! cả mình em bằng tuyết
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân,
Ta gần em mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão...*

...

*Ta sẽ chết, sẽ vì em mà chết
Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn.*

Có phải vì quá bị dồn ép trong một sức khoẻ thừa thãi sinh lực, hay vì tôi không xua đuổi nổi hình ảnh Chị cứ ám ảnh về đêm, hay vì hận thù Minh, tôi điên cuồng say mê Anh. “*Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân*”. Nhưng Sử, thấy tôi đắm đuối nói: “*Ông có yêu mẹ gì, thấy thân hình khêu gợi quá, ông đắm đuối về xác thịt, thỏa mãn rồi, ông lại hết yêu.*” Tôi biết Sử nói đúng nhưng vẫn cãi. Lần này tôi sợ mất Anh quá, quyết định cưới Anh làm vợ. Sau khi ra đi bị thất bại, mẹ tôi có ý muốn tôi có vợ, vì bà tin người vợ sẽ can ngăn không cho tôi liều lĩnh làm bậy nữa, người vợ sẽ “*trói chân Kỳ Kỳ tra vào rọ*”, nhưng tôi chẳng những không nghe mà nhiều khi khiến mẹ bực mình. Tôi đem chuyện này nói với Thiều và Sử trước, Thiều cười chế tôi:

- Mày thua me gỡ bài cào. Ba con quỉ ở Lê Khiết nó đã mày để nó tiến bộ theo cộng sản, bà chị ma nào ở Huế ảnh ảnh mày, bây giờ mày lấy cái hồn, cái hình ảnh con quỉ ở Huế cứ ảnh ảnh mày mấy năm nay, để nhập vào cái xác con Kim Anh, tội nghiệp con nhỏ vô phước gặp mày. Mày ôm nó mà cứ nghĩ đến bà chị mày ở Huế. Tao thấy bất nhẫn quá.

Tôi làm thình, nhưng phục Thiệu nhận xét đúng và tôi cũng cảm thấy hơi tồi. Dù vậy, tôi vẫn thấy phải cưới, vì không chiếm được thân xác của Anh chắc tôi sẽ điên loạn mà chết, còn chiếm đoạt rồi mà chết cũng thoả mãn không ân hận. "*Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn*"

Sử bảo yêu thì yêu, tại sao phải cưới. Tôi đem việc cưới vợ trình bày với anh cả tôi. Anh tôi hỏi sao lâu nay không bao giờ nghe nói đến cưới vợ, lúc này, cả gia đình đang gặp khó khăn lại lo chuyện vợ con, nên ở độc thân cho khoẻ, vì học hành chưa xong nghề ngỗng chưa có, một mình lo chưa nổi đèo thêm vợ nữa làm sao sống. Anh tôi nói đúng, nhưng không có Kim Anh, tôi cũng khó sống. Tôi nghĩ vậy nhưng không nói ý đó với anh tôi. Tôi chỉ làm thình ngoài việc yêu cầu anh giúp cho đi hỏi vợ. Thấy tôi buồn buồn im lặng, anh tôi hỏi:

- Em hỏi con ai, có phải con anh Cẩm ở dưới anh Ba, con nhỏ gì đó học Lê Khiết với em đó hả?

Biết anh tôi không bỏ qua chuyện này, tôi vui vẻ đáp:

- Anh nói con Minh đấy hả? Không, anh! Bọn nó bây giờ tiến bộ hết, coi địa chủ là kẻ thù mà, em ưng một đứa nhỏ hơn, mới lớp sáu rất đẹp, hoa khôi của trường mà có lẽ hoa khôi của cả tỉnh, của liên khu nữa. Nó lẳng mạn lắm không thù con địa chủ, không chê em là phản động, trái lại thích thích nữa là khác.

Anh tôi cười thân mật hỏi:

- Vậy hả, con ai ở đâu, ai mai mối cho em?

Tôi hơi lúng túng:

-Thưa anh, không có ai mai mối hết, dĩ chơi nghe anh em họ đồn cô ta đẹp, em và Sử cũng thấy cô ta đẹp thật nên em muốn cưới cô ta.

Tôi như con nít tập nói ấp a ấp úng, anh tôi hỏi dồn:

- À, em thấy rồi phải không, có dám nói chuyện với người đẹp chưa?

Thấy anh tôi có vẻ chiều thương và như vậy là không trở ngại, tôi liền rút trong túi cái phong bì đưa cho anh:

- Đây, thư của Kim Anh viết cho em đây.

Anh tôi ngạc nhiên vì tôi có được lá thư này, vui vẻ xem bì thư vừa quan sát vừa như nhớ lại một cái gì trong quá khứ. Anh bảo lâu lắm mới thấy cái phong bì thời Pháp thuộc, thời anh còn học ở Huế. Anh cho biết phong bì hai lớp bây giờ không còn nữa, hồi xưa cái gì cũng sang cũng quý. Rút lá thư ra, anh trầm trồ khen chữ viết đẹp, viết bay bướm. Anh cười nói:

- Cô này kiểu cách quá, bây giờ mà còn Bungalow ngày... tháng.

Tôi không hiểu Bungalow là gì nhưng cũng không hỏi tại sao gọi là kiểu cách. Thư viết dài lắm, anh tôi đọc chậm như cố tìm hiểu cô này. Tôi vừa sung sướng như có một chiến tích về vang, vừa lo lo không biết anh đọc kỹ quá có tìm ra cái gì không đồng ý. Anh tôi chừng chắc xếp thư bỏ vào bì đưa lại cho tôi, chậm rãi nói:

- Theo anh, trong thư này không có chỗ nào cô ta đồng ý làm vợ em, tuy có nói một cách dè dặt cô ta thấy thích thích em do bạn bè và thằng Cao Chu nào đó ca tụng em, cô ta muốn về Long Phụng để xem cánh đồng lúa chín vàng vì từ nhỏ cô bị nhốt trong thị trấn chật hẹp đầy thành kiến, cô ta thèm không gian rộng rãi của cánh đồng bát ngát. Cô ta khen hai chữ làng Long Phụng đẹp quá. Anh nói em đừng tự ái, qua cái thư, anh thấy cô này không phải con nít như em nói đâu, lớp sáu không thể có những ý vừa lẳng mạn vừa trưởng thành, dè dặt chín chắn như thế này. Em là học sinh giỏi của trường Lê Khiết, chưa chắc em viết hay và chín chắn như thư này. Nó mà làm vợ em chắc nó xỏ mũi em, dắt đi đâu em theo đó.

Tuy hơi tự ái nhưng thấy khen Kim Anh, tôi thích thích. Anh hỏi cô ta con ai, tôi cho biết tôi ra nhà chỉ thấy có mẹ và chị cô ta, người nào cũng đẹp, nghe nói chị cô ta là hoa hậu thời Pháp thuộc, mẹ cô ta là bà thông Nhuận. Anh tôi bảo vì anh học ở Huế không học ở thị xã Quảng Ngãi nên không biết những người này. Anh hứa sẽ về bàn với cha tôi rồi quyết định. Tôi nghiệp Cao Chu là người chạy ra chạy vào liên lạc giúp tôi. Chu cho biết hỏi Anh thì Anh chỉ cười không trả lời dứt khoát, nhưng lại nói năm nay đã lớn có chồng được rồi còn đùa bảo tôi bớt "gạo", bớt thể thao ra tỉnh chơi, sao đã mấy tuần không thấy. Nghe nói vậy tôi rất mừng.

Tiếng đồn tôi cười Kim Anh đến trường Lê Khiết. Sở dĩ

học sinh đồn vì Kim Anh là người đẹp ở trường trung học Tư Nghĩa, lãng mạn, tiểu tư sản, một số giáo sư và thầy để ý, nhưng Cao Chu cho biết chưa có ai dám nhào vô. Còn tôi là học sinh phản động cũng tiểu tư sản lãng mạn. Thực sự lúc bấy giờ chỉ trừ số học sinh đảng viên, đa số học sinh rất thích tôi nhưng không dám thổ lộ. Vì vậy tin đồn lan nhanh. Người ta nói xấu gia đình Anh nhiều quá, cha mẹ Anh ly dị từ lâu và cha cô đã có vợ, có con. Người ta đồn hai bà chị đều đẹp nên bỏ bịch với quan công sứ Pháp. Đồn tới tai thầy Tú Kính, một nhà nho, dạy chữ Nho trường Lê Khiết, thầy về nói lại với cha tôi là không nên làm sui với gia đình như vậy. Những thầy tôi hay lại nhà trọ thăm như Trần Như Cảnh, Bùi Đức Chu, Nguyễn Khải, Trần Tương đều khuyên tôi không nên cưới người vợ lãng mạn, không chăm chỉ, nhất là gia đình không đàng hoàng ...

Tôi thấy thật tội nghiệp cho Anh, tự nhiên vì tôi định đi hỏi làm vợ mà bị xúc phạm danh dự. Chỗ nào tôi cũng nói tại sao bây giờ còn nói đến “môn đăng hộ đối”, hơn nữa chắc gì cô ta yêu tôi cho tôi cưới. Cha tôi nói ông Tú Kính nói như vậy, nhưng tùy tôi, nếu tôi đồng ý thì ông lo nghi lễ đàng hoàng. Mẹ tôi là người muốn tôi có vợ, nhưng nghe lời thầy Tú cũng hoang mang, bảo tôi bồng bột sau có bắt trặc thì khổ. Có vẻ ai ai cũng không tán đồng tôi có vợ một cách bừa bãi như vậy, nhưng tôi nhất quyết không lay chuyển ý định.

Tôi nhờ anh cả tôi và chú Sáu Truật đem lễ vật ra nhà Kim Anh xin làm lễ đính hôn.

Tội nghiệp anh tôi luôn hỏi tôi có nhất định không, có bị lung lạc không. Tôi xác định với anh là đời tôi bây giờ chỉ có Kim Anh, ngoài ra không còn gì nữa. Dù cưới Kim Anh trong một thời gian ngắn, rồi đổ vỡ tôi cũng an tâm. Thấy tôi cương quyết và khẩn thiết, hai người chấp nhận giúp tôi. Lê Vinh Truật là chú ruột Lê Vinh Thiều và thương Thiều rất nhiều, nhất là sau khi cha Thiều bị chết một cách thâm, uất hận. Rất sợ máy bay, lúc ấy máy bay hay bắn phá ban ngày nhưng chú Truật vẫn tích cực giúp, cùng với anh tôi mang lễ vật ra nhà Kim Anh. Tôi rất mừng biết mẹ và chị Kim Anh vui vẻ nhận lễ và cũng muốn chúng tôi tác thành tuy phải chờ ý kiến của Kim Anh.

Một tháng sau, đi lễ lần thứ hai, anh tôi và chú Truật đều có gặp Kim Anh và rất thích, khen tôi có con mắt nhìn người đẹp. Ngay dịp đó, tôi nhận lệnh trình diện tòa án nhân dân liên

khu V xét xử vụ trốn theo giặc. Phiên tòa sẽ mở đêm 14 tháng tư tại sân vận động Xuân Quang.

Tờ trát gọi ghi phải trình diện trước 5 giờ chiều tại Ủy Ban Nhân Dân xã Nghĩa Hà.

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Chiều hôm đó, tôi chuẩn bị ra sân vận động chơi bóng thì người công an xã bước vào tổng trát tòa, bắt tôi ký nhận. Mẹ tôi sợ quá cứ hỏi tờ giấy đó là gì. Cha tôi buồn buồn hút thuốc liên tiếp. Phút đầu tôi hơi xúc động, nghĩ đến nước này là hết. Tôi nghe nói tòa án nhân dân rất kinh khủng vì điều hành tòa án là những bản cổ nông hận thù giai cấp. Như mọi buổi chiều thường lệ, tôi ra sân vận động nhưng không giấu được nỗi buồn, chỉ chơi một lúc rồi ra ngoài, nằm trên bãi cỏ nghĩ đến hai tuần nữa không còn “tự do”. Tôi biết đây là trở ngại quá lớn cho việc thành hôn của tôi. Chiều hôm đó là lần đầu, trong lúc anh em hăng say chơi banh, tôi nằm bên bờ cỏ. Một số xâm xì như đã biết chuyện mới xảy ra cho tôi. Sử thường ở bên ngoài bên kia sông, còn Thiều không xuống sân vận động. Tôi đoán Thiều đã nhận trát tòa án.

Thường lệ gần như tối nào tôi cũng lên Thiều và buổi sáng Thiều xuống nhà tôi, tại phòng chái tây của tôi, nói đủ thứ chuyện văn thơ, chính trị, nhất là thể thao và tình yêu. Về mùa hè ở làng tôi, phòng chái tây nhà tôi gần như hội quán của thanh niên, còn tôi biến thành chuyên viên vá ruột banh, bơm banh sẵn sàng cung ứng cho buổi chiều trên sân bóng. Buổi chiều, tôi gặp Thiều trên sân cỏ, tối đến tôi lên nhà Thiều.

Tối đó tôi lên nhà Thiều sớm hơn thường lệ. Thiều có vẻ bối rối. Qua mấy tiếng đồng hồ nằm nhìn trời xanh cao của mùa hè, trên sân vận động, lòng tôi bỗng gần như lạnh lùng. Tôi biết chúng tôi sẽ qua một giai đoạn mới của cuộc đời, có thể là giai đoạn đổ vỡ và đau khổ. Tôi sớm biết trong lúc cùng cực, lòng can đảm và tâm hồn lãng mạn phóng khoáng là những vũ khí sắc bén hữu dụng nhất. Đêm nay hình như khác, uống xong một ấm trà, tôi vào đề:

- Anh Thiều, đã đến lúc mình xuống địa ngục rồi đó, theo tôi, hơn lúc nào hết, mình phải thấy trước để khỏi ngỡ ngàng khi hoàn cảnh đó đến.

Thiều buồn buồn đáp:

- Theo tao, tới đâu hay đó, vấn đề quan trọng là mình gắng giữ tư cách. Tao lúc nào cũng vậy, nặng gánh gia đình quá, vì bà nội già, tuy có chú Truật và thằng Ân mà cũng như không. Như mày biết, thằng Ân quá nhỏ, còn chú Sáu thì bà vợ ông làm ông điền cái đầu rồi.

Tôi nói:

- Chắc chắn trường sẽ đuổi bọn mình và bọn mình sẽ bị tù. Trường đuổi thì nhà tù sẽ dạy, và như vậy, dù muốn dù không mình bắt đầu làm chính trị rồi. Theo tôi, dù tài hèn sức mọn nhưng cố gắng sống có đạo đức thì nhất định sẽ thành đạt. Điều quan trọng là bọn mình phải đi khỏi cái chế độ ngột thở này, phải ra vùng tự do học hành thành tài mới thực hiện chí lớn được, nếu không đi sẽ chết dần chết mòn ở cái xã hội ngu dốt tàn ác này.

Tòa án nhân dân liên khu V lưu động, kỳ này thiết lập trên sân vận động làng Xuân Quang, làng của Nguyễn Tuyên. Chiều hôm đó tôi mặc quần sọt trắng, chemise trắng. Lâu lắm rồi vì sợ máy bay khủng bố, không ai mặc màu trắng. Vóc dáng nở nang với bộ quần áo trắng làm tôi nổi bật trong đám đông. Trước đó một tuần, Cao Chu hớt hải tìm tôi nói:

- Chuyện ghê quá vậy, sao không cho tôi biết. Chị Anh bảo nhà trường loan báo một bọn học sinh tiểu tư sản phản động có tình trốn theo giặc đã bị bắt và tòa án nhân dân sẽ xét xử... trong số ấy có tên anh. Chị Anh chán nản vô cùng, bảo không ngờ người như anh, có vẻ đứng đắn mà lại như vậy. Chị cho biết nhà trường lựa một phái đoàn đi dự phiên tòa để rút tĩa kinh nghiệm... chị nói nhiều lắm tôi không nhớ hết.

Do Cao Chu cho biết, không chỉ trường Lê Khiết mà các trường trung học ở quận huyện đều có phái đoàn học sinh đến tham dự. Nghe tin đó, thú thật, tôi rất thích vì cảm thấy mình quan trọng, là mục tiêu nhiều người để ý.

Tại góc sân vận động, người ta dựng một sân khấu như những đêm diễn kịch ngoài trời. Trên sân khấu, ba bàn kê dài sát cạnh, phía sau là một hàng ghế dựa. Một tấm vải trắng căng trên cao với hàng chữ lớn màu đỏ "*Tòa án nhân dân liên khu V*". Trước sân khấu treo bốn cái đèn dầu hỏa lớn, ánh sáng xanh nổi bật một góc sân vận động. Công an dẫn chúng tôi đến sau sân khấu, bắt ngồi trên hai ghế dài của học sinh. Dân chúng đầy

ngheet sân vận động. Tiếng nói cười ồn ào chen lẫn tiếng loa của người sửa máy chốc chốc lại trỗi lên. Toà khởi sự hơi trễ vì máy móc trục trặc. Công an sắp bốn bị cáo chúng tôi đứng một hàng nhìn vào sân khấu: Nguyễn Ý, Nguyễn Tuyên, Lê Vinh Thiệu và tôi. Theo hình rẽ quạt bên trái và bên phải dành cho học sinh các trường về dự. Mỗi bên độ vài chục học sinh ngồi trên ghế dài. Liếc nhìn hai đoàn học sinh không có Kim Anh, cũng không có Minh, Lý, Giàu, tôi hơi tiếc.

Tiếng loa phóng thanh ré lên chào chánh án liên khu V và bồi thẩm đoàn. Chúng tôi đứng nghiêm, dân chúng vẫn ồn ào. Chánh án trạc năm mươi, mặc chemise màu nâu, quần xanh đậm, ôm một cặp nặng hồ sơ vào ghế giữa. Sáu phụ thẩm, ba đàn ông ba đàn bà ngồi hai bên ông chánh án. Sau khi mọi người đã ngồi vào ghế, người thư ký tòa án, ngồi riêng một bàn để phía trái, đứng lên tuyên bố lý do phiên tòa. Thư ký vừa dứt lời, ông công tố ngồi đối diện thư ký, đứng lên đọc bản buộc tội. Bản buộc tội dài quá, một xấp giấy dày, đánh máy chữ lí nhí, ông đọc khó khăn nhiều khi phải dừng lại để nhận mặt chữ. Có những chữ ông đọc sai, nhưng rồi cũng đọc đến hết tờ chót. Đại khái ông nêu tình hình khả quan vì liên tiếp nhiều chiến thắng nhờ có *Đảng sáng suốt, bác Hồ vĩ đại, nhân dân làm chủ và kháng chiến anh dũng...* Sau khi lạc đề một đoạn, ông trở lại kêu tên từng người chúng tôi và chửi đủ cách. Riêng bị can Nguyễn Ý, ông chửi từ cụ Cần, chửi thân sinh anh rồi đến anh. Đến chúng tôi, ông chửi ít hơn không nói đến ông nội, chỉ chửi cha mẹ chúng tôi và cố nhiên chúng tôi bị chửi tàn tệ. Sau cùng, ông yêu cầu tòa lên án tử hình tên cầm đầu Nguyễn Ý và những tên kia chung thân khổ sai. Ông công tố vừa dứt lời, đám đông hô lớn "*đả đảo bọn Việt gian bán nước*".

Tiếng đả đảo vừa dứt, ông chánh án kêu tên Nguyễn Ý. Người ta đã dặn trước, khi chánh án kêu thì phải bước lên hai bước rồi trả lời "*có mặt*". Ông chánh án phân tích Ý đã lớn tuổi, không lao động, nổi nghiệp ăn bám giai cấp lao động. Ý là người tổ chức đi trốn làm Việt gian. Ý không cãi, ngó xuống đất, im lặng nên tuy Ý tổ chức, cầm đầu ... nhưng thời gian xử Ý mau hơn chúng tôi.

Kế tiếp Ý là phiên tôi với cách ăn mặc, đi đứng có vẻ khác lạ. Thực sự tôi ý thức từ đầu phải chứng tỏ cho đám học sinh dự phiên tòa thấy việc chúng tôi làm có ý thức, việc làm phải, làm

đúng, chứ không do chán nản, thiếu suy nghĩ. Câu đầu tiên ông chánh án hỏi tôi:

- Anh đang học trường Lê Khiết, một trường lớn của Nam Nghĩa Bình Phú, có mấy ngàn học sinh, chắc anh biết trong lúc toàn dân tích cực kháng chiến, bao nhiêu chiến sĩ anh dũng hi sinh cho nền độc lập dân tộc, những anh hùng liệt sĩ đó cỡ tuổi các anh hoặc nhỏ hơn. Các anh không ra mặt trận, được nhà nước, được nhân dân cho đi học để thành người hữu ích xây dựng đất nước, nhưng cá nhân anh, lại cố tình trốn theo bọn thực dân Pháp để làm tay sai cho chúng. Anh cho biết tại sao anh phản bội như vậy, ai giật dây xúi anh làm việc hại dân hại nước như thế?

Tôi cố tỏ vẻ xem thường tất cả, kể cả ông chánh án có học. Tôi đã biết ông đậu bằng tú tài Tây, làm nhân viên trong văn phòng quan Án Sát tỉnh. Tôi còn nhớ một lần mở phiên tòa tại đình làng tôi, chính ông ở nhà cha tôi một ngày cùng những người đi theo ông. Lần đó, tôi mở cửa chính đón ông vào nhà, tay còn cầm cuốn sách đang đọc, cuốn *Graciel* của Alfred de Musset. Thấy tôi, ông hỏi giọng trìu mến: *“Em đọc cuốn gì thế?”*. Tôi vui vẻ đưa cho ông xem. Vừa thấy cái đề sách ông nói liền: *“Sao em lại đọc cuốn này, em có biết tác giả là ai không, một nhà văn đòi truy, lãng mạn. Sao em không đọc những cuốn có tính hiện thực hơn, những cuốn nói lên cái vĩ đại của giai cấp lao động, của hiện thực xã hội chủ nghĩa, có lãng mạn thì đó là lãng mạn cách mạng chứ không lãng mạn đòi truy”*. Tôi dạ dạ rồi lui ra ngoài để cha tôi tiếp ông chánh án tòa án liên khu. Về phòng chái tây của tôi, tôi lằm bằm, ông này nói dóc, không thực lòng, hỏi nhỏ các ông mê Musset bỏ mẹ, bây giờ bên ngoài làm bộ tiến bộ chứ thật lòng chưa chắc như vậy. Lý luận thế, tôi thấy yên tâm hơn, và thương người trí thức thời trước còn lại. Tôi nay, tôi lại gặp ông và cũng nghĩ về người có học thời trước, lời nói bên ngoài không đúng điều suy nghĩ thật bên trong.

Tôi đồng dạc trả lời:

- Thưa ông chánh án, tôi rất kính trọng ông. Nhưng xin thưa rằng tôi làm theo ý tôi, không ai xúi tôi. Tôi xin phép nói thẳng là tôi không bao giờ làm Việt gian, tôi là một học sinh đứng đắn gương mẫu, được toàn liên khu V tuyên dương và qua nhật báo *Nhân Dân*, được toàn quốc tuyên dương về việc giúp đỡ thu thuế nông nghiệp. Thưa ông chánh án, một người

như vậy, không thể nói là Việt gian. Tôi qua vùng bị chiếm, mục đích để đi học, vì thừa ông, tôi là một học sinh chăm học, xin lỗi, được nói thẳng, một học sinh học giỏi về toán học, khoa học, được hầu hết các thầy ở Lê Khiết thương mến và tin tưởng. Tôi đi học quyết đạt cho được những bằng cấp cao, rồi trở về phục vụ kháng chiến (*Tôi đứng thật thẳng nhìn vào mắt ông chánh án. Tôi thấy được một thoáng vui trên gương mặt ông, một trực giác thấu suốt vào tận đáy lòng người trí thức cũ này, tôi cảm nhận ông phục tôi, một thằng nhỏ sinh bất phùng thời, đáng thương, tôi thao thao như đang nói chuyện trước đám đông, vì việc này tôi quen làm từ nhỏ, lúc học lớp ba trường làng.*) Tôi xin minh chứng, tôi không nguy hiểm, tôi không bao giờ là Việt gian, trái lại, tôi là người cố gắng để tiến bộ, còn bằng chứng rõ ràng, tôi hiện là thư ký của ông chủ tịch Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Karl Marx tỉnh Quảng Ngãi, là giáo sư Hoàng Tụy, một giáo sư có uy tín bậc nhất của trường Lê Khiết. Thừa ông chánh án, thừa quý vị bồi thẩm, đó là những lời chân thành nhất, những bằng chứng cụ thể nhất, tôi kính trình lên ông chánh án cùng quý vị bồi thẩm, và xin tất cả đồng bào có mặt trên sân vận động này cứu xét những lời trình bày của tôi. Tôi xin cảm ơn và xin hết.

Có lẽ vì giọng nói rõ, hùng hồn của tôi, nhất là các thành tích như được liên khu, toàn quốc tuyên dương và thư ký hội nghiên cứu Marx v.v.. khiến mọi người có vẻ sửng sốt. Sáu bồi thẩm im như sáu cái tượng, hoang mang không biết hư hay thực, ngược hẳn những điều họ được mách bảo trước khi vào ngồi ghế dự thẩm. Tiếng nói lớn của tôi và việc bày tỏ tôi kính trọng họ, nhờ họ minh xét làm đám đông im phắc. Để phá vỡ cái không khí im lặng ngớ ngàng khó chịu này, ông chánh án nói vừa đủ các dự thẩm nghe: "*Xin ý kiến các vị dự thẩm*".

Một bà dự thẩm đứng lên rồi lại ngồi xuống. Tôi nhìn trừng trừng thẳng vào bà. Bà hét lớn:

- Mày là thằng Việt gian, mày là thằng chó săn, là tên liếm gót giày cho Tây. Bọn phong kiến cường hào ác bá của bay là đi liếm gót giày cho Tây. Bọn bay ăn cơm thừa canh cặn của tây. Bọn bay bóc lột giai cấp vô sản là giai cấp tiên phong cách mạng. Mày ngu lắm ba dòng thác cách mạng, một phần sáu quả địa cầu, bọn phong kiến đế quốc đầu sỏ ta đều đánh hết. Hồ chủ tịch vĩ đại lãnh đạo kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi, giai cấp công nhân, anh em vô sản thế giới hãy đoàn kết lại.

Mày liếm gót giày của thực dân tư bản phong kiến thối nát...

Bà lớn tiếng thao thao, lặp nhiều lần liếm gót giày cho Tây, ăn cơm thừa canh cặn. Nói xong bà mệt quá thở hổn hển. Một ông dự thẩm, nói chậm chậm vừa đủ nghe:

- Bọn này ngựa quen đường cũ, con bọn địa chủ bóc lột, bọn bán nước buôn dân. Chúng có rõ ràng bọn này tuy còn nhỏ, còn học trò, nhưng cố tình làm Việt gian, để kiếm cơm thừa canh cặn của thực dân. Để trừng trị đích đáng làm gương cho những đứa khác tôi đề nghị xử chung thân tên lưu manh ác ôn này. Tôi xin hết.

Năm vị dự thẩm kia vỗ tay đôm đốp tán đồng.

Ông chánh án gọi tên Lê Vinh Thiều. Thiều chững chạc bước ra. Thiều chỉ hơn tôi một tuổi, nhưng phong độ của anh khiến tôi kính thương như người anh ở một thế hệ khác. Anh chững chạc đến độ bọn tôi nhiều lúc gọi đùa anh là Lưu Bị, tôi còn thêm là “Lưu Bị già”, vì thật ra Lưu Bị không chậm chạp như vậy. Anh mặc bộ bà ba màu nâu đã ngả màu, tóc hớt thấp, tuy mới đúng hai mươi tuổi, nhưng có tác phong một đạo sĩ uyên thâm. Ông chánh án hỏi:

- Anh có trong tổ chức trốn ra vùng địch chiếm để làm tay sai cho giặc?

Thiều chậm rãi trả lời ;

- Thưa ông chánh án, nếu tôi làm tay sai cho giặc thì tôi không trốn ra vùng địch chiếm.

Câu trả lời của Thiều hay quá, “kê sô” ông chánh án làm ông hơi bực và biết gặp thứ dữ. Ông đổi cách hỏi:

- Thế thì anh ra vùng địch có ý gì, đang học một trường đảng hoàng sao lại ra đi.

Thiều rất bình tĩnh trả lời:

- Thưa ông chánh án, trường Lê Khiết không có giáo sư văn chương dạy chúng tôi.

Ông chánh án định hỏi tiếp anh học trò bướng bỉnh, thì một dự thẩm đập mạnh tay xuống bàn hét:

- Im cái mồm đi, kiêu ngạo hách dịch không xem ai ra gì. Cha anh cũng vì kiêu ngạo nên bị nhân dân trừng trị năm khởi nghĩa, bây giờ đến lượt anh cũng kiêu ngạo, anh bảo trường như trường Lê Khiết không đủ sức dạy anh à. Các anh muốn liếm gót giày cho Tây, muốn ăn cơm thừa canh cặn của địch, ngoan cố chối tội. Các anh là Việt gian bán nước. Tội của các

anh đáng đem bằm nát cho vịt ăn cũng chưa hả dạ.

Có lẽ ông chánh án thấy nếu để vị bồi thẩm này nói cho đã giận, cứ liếm gót giày và cơm thừa canh cặn nói mãi thì nhiều thời giờ quá nên ông ngắt ngang hỏi:

- Anh bảo anh không làm tay sai, vậy anh học hành xong rồi anh đi làm việc cho bọn nó, như vậy không phải là tay sai à?

Thiều đáp:

- Học xong, tôi không làm việc, xưa nay có nhiều người học hành đỗ đạt không ra làm việc.

Chánh án bực mình hỏi vặn:

- Anh cho tôi biết ai đi học rồi không ra làm việc.

Thiều không nhượng bộ:

- Ông tú Trung, học hành đỗ đạt rồi ở nhà, thừa ông.

Ông chánh án không giấu được nổi bực mình:

- Anh biết tú Trung là người thế nào không. Là kẻ tự cao tự đại, không coi ai ra gì, coi thường giai cấp công nông nên bị nhân dân lên án tử hình, anh có biết không?

Đền phiến Nguyễn Tuyên bước ra với vẻ hiên ngang. Tuyên nhận có liên lạc với Ý và chúng tôi. Tuyên bảo:

- Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm những việc tôi làm, ông chánh án xử sao cũng được. Tôi xin hết.

Những lời ngắn gọn của Tuyên khiến ông chánh án không còn gì để nói nữa, nhưng lại khiến đám dự thẩm bực mình vì bị thằng nhỏ thách thức. Hai bà dự thẩm chụm đầu nói nhỏ điều gì, rồi một người đứng dậy chỉ tay thẳng vào mặt Tuyên la lớn:

- Mày thách hả, mày không sợ nhân dân hả, mày là thằng liếm gót giày thực dân đế quốc, mày ăn cơm thừa canh cặn của bọn phong kiến, tiểu tư sản bóc lột. Nhân dân anh hùng không tha mày đâu, họ sẽ bằm nát mày ra.

Có tiếng đám đông cười rộ. Bà dự thẩm có lẽ nghĩ dân chúng nghe bà nói hay quá nên đồng ý. Hứng khởi, bà hô lớn các khẩu hiệu đả đảo thực dân Pháp, đả đảo bọn phong kiến, đả đảo bọn Việt gian... đám đông hô theo.

Ông chánh án đưa cao cánh tay ra lệnh mọi người im lặng và gọi tên Lê Sử. Ông đọc tên Lê Sử hai lần nhưng không thấy Sử bước ra. Ông hỏi "*tại sao bị can Lê Sử vắng mặt*". Chúng tôi đều ngạc nhiên vì Sử không có trát đòi, không ngờ ông chánh án gọi tên. Các vị trên sân khấu đều ngơ ngác, tôi bước đại ra nói lớn:

- Thừa ông chánh án, thừa quý vị bồi thẩm, Lê Sử không nhận được trát của tòa nên không dám trình diện.

Nói xong, tôi đứng nguyên chỗ không lui về vị trí. Ông chánh án tiếp tục xử vắng mặt bị cáo Lê Sử:

- Theo điều tra, chúng tôi biết Lê Sử là con đầu của tên địa chủ ngoan cố nhất nên hành động của Lê Sử cũng như các tên Thiều, Liệu, Tuyên, là những học sinh trốn ra vùng tạm bị chiếm để theo địch, chúng đã nêu gương xấu cho thanh niên.

Ông chánh án vừa dứt lời, tôi liền nói:

- Kính thưa ông chánh án, Sử là học sinh còn nhỏ, một học sinh ốm yếu, tôi xem Sử như đứa em để thương, chính tôi rủ Lê Sử đi trốn, chứ Sử không có ý trốn, Sử là một học sinh hiền lành gương mẫu, vì tôi rủ rê, gần như ép buộc nên Sử mới ra đi, tôi xin chịu tội, xin ông chánh án tha cho Lê Sử.

Ông chánh án như không quan tâm tới lời xin chịu tội thế cho Lê Sử. Ông đứng dậy nói lớn, kêu gọi đồng bào cho ý kiến để tòa quyết định. Cả đám đông im lặng. Chờ lâu quá, vài người ngồi hàng trên cùng cho ý kiến là nên trưng trị để làm gương cho thanh niên. Trong khi đó, một thanh niên đứng lên bình vực chúng tôi. Anh ta viện lý chúng tôi là học sinh còn nhỏ tuổi, lại là những học sinh ham học, học giỏi. Vì ham học nên cố trốn để đi học chứ không có ý đồ chính trị, anh đề nghị tòa tha bổng giao cho gia đình giáo dục. Sau này chúng tôi biết thanh niên can đảm ấy là Bùi Minh ở làng Xuân Quang, nơi mở phiên tòa.

Sau khi ông chánh án nói nhỏ với bồi thẩm đoàn vài ba phút, ông tuyên bố bản án. Mọi người im phắc, nhìn tờ giấy đánh máy sẵn. Ông chánh án lớn tiếng tuyên án:

- Xét vì tên Nguyễn Ý là chủ mưu tổ chức lôi kéo đám học sinh trẻ tuổi trốn ra vùng địch để làm tay sai cho địch, xét vì gia đình Nguyễn Ý là gia đình phản động mấy đời, tòa tuyên án Nguyễn Ý 15 năm khổ sai. Xét vì những tên Lê Vinh Thiều, Nguyễn Liệu, Nguyễn Tuyên, Lê Sử, là những học sinh ham học, chỉ do nông nổi nghe lời tên Nguyễn Ý trốn ra vùng địch, xét vì gia đình chúng không phải là những gia đình xấu, tòa quyết định giảm án phạt tù, giao cho địa phương giáo dục chúng.

Ông chánh án vừa dứt lời cả sân vận động vỗ tay hoan nghênh phiên tòa. Công an đến xiềng tay Ý dẫn đi. Dân chúng ồn ào ra về. Tôi lặng người nhìn Ý đi cùng bốn người công an khuất trong đám đông. Ông chánh án còn đứng phía sau sân

khẩu. Chúng tôi đến chào ông và cảm ơn. Ông bắt tay vồn vã khuyên tôi về nên tuân theo sự giáo dục của địa phương và gắng học hành. Tự nhiên tôi thấy có cảm tình với ông. Một số người làng đến mừng cho tôi, tôi còn nhớ trong đó có ông Nguyễn Thanh, anh ruột Nguyễn Tấn Lương, bạn thân trong làng của tôi. Năm 1975 cộng sản chiếm miền Nam, anh tự tử. Anh Trần Dư, chú Trần Đình Thám, bạn học của tôi, nắm tay bọn tôi kéo ra, vui vẻ nói lớn:

- Tôi khoái quá. Nghe anh em đối đáp với tòa án tôi thích quá, nhất là thằng Liệu nó nói hay quá, ngoài này ai cũng mê, nó cũng như con “xám tro” của ông Khảm, đá gãy cần bỏ mẹ nó, tôi đãi các chú ăn bánh bèo.

Dư là người trực tính, con nhà giàu nhất vùng, gần như suốt đời thích thú đá gà, quí gà hơn bất cứ thứ gì trên cõi đời này,

Không biết do tôi thấy vậy, hay thực tế, hình như bà con trong làng gặp tôi họ ké né, không tự nhiên như trước. Bây giờ rõ ràng rồi không còn úp mở gì nữa, tôi là người chống chế độ cộng sản. Hội đồng giáo sư Lê Khiết họp và quyết định đuổi bọn tôi, riêng cá nhân tôi ghi thêm trong học bạ, đuổi và không cho học ở tất cả các trường trong nước. Theo tôi, có lẽ đây là lời phê của người đang nóng giận, đuổi không cho học trường Lê Khiết chứ có quyền gì cấm không cho học các trường khác. Nhưng lúc ấy, tôi xem việc này không quan trọng vì chúng tôi xác định phải ra đi, trước sau, sớm muộn cũng phải đi không thể sống trong một xã hội thế này. Không phải ngày hè nên sân banh vắng bóng chúng tôi, nhưng tôi vẫn tập đều mỗi sáng sớm. Trong làng như vắng lạnh.

Vì không còn là học sinh, tôi bị ghép vào đội gác biển, cứ ba tối, toán tôi lại đi gác. Trên bãi biển chừng vài ba trăm mét có một nhà tranh mái rất thấp, mỗi toán độ hai chục người có thể ngủ trong chòi. Phân công cứ hai người một phiên, mỗi phiên vài giờ gác. Chúng tôi thường ra sát mé sóng ngồi, càng về khuya càng dành cho đám trẻ như chúng tôi. Nguyễn Tấn Lương, bạn tôi làm toán trưởng toán tôi. Để không buồn ngủ và canh gác hữu hiệu thường sắp phiên gác có một nam một nữ. Ban đầu tôi không quen được đám người quá bình dân này, rồi cũng thấy dễ chịu vui vui. Chuyện chòi gác ban đêm, không có đèn, vì sợ tàu địch ngoài biển bắn vào nên những đêm tối trời, người đi cách

ba thước không thấy, thường là chuyện tiểu lâm và nhiều chuyện trai gái rất lố lăng nhưng quen dần nghe cũng lý thú. Toán tôi có con nhỏ độ mười lăm tuổi, đi gác thế cho cha, con nhỏ không đẹp nhưng dễ thương, rất hồn nhiên, tên Chanh. Anh Lương gọi là Citron và tôi cũng cho em một cái tên Tây như vậy.

Citron rất nghèo, phải đi lao động hằng ngày, hình như chỉ biết đọc biết viết. Cao lớn so với độ tuổi, con bé chắc chắn, khỏe mạnh, da ngăm đen, rất dạn dĩ không sợ tôi như những cô gái quê khác vì cách biệt giai cấp giàu nghèo. Lương sắp Citron với tôi một phiên. Xa trường học, sách vở, bạn bè, về quê nhà sống với Thiều, Lương và Citron tôi cũng cảm thấy vui vui. Tôi gọi theo cách anh Lương, gọi con bé, thật ra tôi hơn có ba tuổi.

Thường phiên của tôi vào khoảng hai ba giờ sáng, bờ biển vắng vẻ không cách gì vắng hơn, xem như một thế giới đang ngủ, chỉ còn tiếng sóng rầm rì với tôi và Citron thôi. Con bé quá tự nhiên, dạn dĩ làm tôi cũng dạn theo và đã cho tôi cái cảm giác đầu tiên ôm một người con gái. Tôi sợ sợ bảo “*Anh Lương thấy la chết*”. Con bé cười: “*Chú Lương mà dám la anh à!*” Có phải đó là tình yêu không? Thực sự tôi yêu thương em bé nghèo, thất học, tự nhiên, khỏe mạnh và chân tình này.

Ban ngày ở nhà buồn chán quá, chỉ những buổi gác biển là vui thôi. Mỗi lần có tàu thủy dừng ngoài khơi thì một anh dân quân dẫn tôi đi tản cư trước. Vì vậy người làng, kể cả em bé, đều biết tôi chống đối chánh quyền. Máy bay thường bắn lung tung, có khi bắn mấy em chăn bò trên gò mả nên chúng tôi chuyển qua chơi bóng chuyền để vừa ít người vừa dễ núp. Sân bóng chuyền làm ngay trên sân trường học sát nhà tôi. Nhờ có bóng chuyền, Thiều và tôi dễ gặp nhau hàng ngày. Nói cho cùng, chúng tôi lì rồi không còn sợ công an nữa, nhưng sợ cha mẹ tôi. Cha tôi không muốn tôi gặp Thiều và Sử, thỉnh thoảng vẫn nói ra điều ấy, còn mẹ tôi lo đêm lo ngày sợ tôi bị bắt. Tôi lên Thiều nhưng không dám chường mặt gặp bà nội và chú Truật, vì hai người tội nghiệp quá.

CHUẨN BỊ TRÓN LẦN THỨ HAI

Thiều và tôi đều thấy vừa rồi thất bại vì lộ bí mật và do Nguyễn Ý coi thường bởi thấy dân chúng đi dễ quá. Theo Tuyên và Ý, chiếc ghe của chúng tôi bị giữ lại là chiếc ghe thứ bốn

mươi tám, có đêm đi hai chiếc, có đêm đi ba chiếc. Sự thật chánh quyền không khuyến khích đi nhưng không ngăn cản vì dân chúng đói quá. Và đó cũng là cái bẫy gài và chúng tôi đại đột sa bẫy. Từ đó tôi rút kinh nghiệm là làm việc nguy hiểm phải tự đứng ra tổ chức, không thể phó thác cho người khác, nhất là khi mình chưa hiểu kỹ về họ. Kế tiếp, dùng đường biển không nên kéo dài trên sông xa quá, và đi ra cửa biển nguy hiểm hơn đi nơi bãi ngang, tức không dùng cửa biển vì ở cửa biển có nhiều người canh gác. Kế nữa, nên tổ chức ít người. Không nên viết nhiều thư để lại, không viết tốt hơn. Không từ già, không cho bất cứ ai biết khi ra đi.

Lần này, chúng tôi quyết định đi biển ngang, tức tránh cửa biển cửa sông. Làng Long Phụng ở sát biển, nếu chúng tôi có ghe, trong đêm tối trời chỉ cần năm phút ra khỏi bờ là thoát, là an toàn. Chúng tôi rất thận trọng, bởi nhất cử, nhất động đều bị theo dõi, và hình ảnh tòa án nhân dân còn in sâu trong đầu óc. Thiều cho biết vừa rồi ăn giỗ trong họ, anh có gặp người anh rể của anh Lê Vinh My, sống về nghề đánh cá. Thiều hỏi có nên nhờ anh ta giúp cho việc ra đi không. Chúng tôi tính đi tính lại mãi. Nếu anh ta giúp thì tốt, ngược lại anh ta tiết lộ thì chúng tôi chỉ còn đường chết. Lê Vinh My thiết tha đứng đắn, cùng họ với Thiều và là bạn học với tôi ở trường làng. Chúng tôi đồng ý nói thật với My nhờ My nhắn người anh rể về gặp. Chúng tôi cũng biết thận trọng, chỉ để một mình Thiều đi gặp, xem như tôi và Sử không biết. Với Thiều chắc chắn My không tiết lộ, vì là bà con, nhà ở gần, ra vô thấy nhau làm sao tố cáo được. Đợi khi ra đi, tôi và Sử mới tham gia. Cũng tháng đó, My cho Thiều biết nhà anh có giỗ, anh đã mời người anh rể về dự, nhân đó Thiều sẽ bàn chuyện với anh ta và như thế mới tự nhiên không ai để ý. Chúng tôi nhất định không để thất bại.

Qua bữa giỗ, tối đó Thiều cho biết công việc tốt đẹp. Anh Ba — gọi anh là anh Ba vì là con thứ ba — rất vui vẻ hứa sẽ giúp tôi đa để Thiều đi cho được. Theo Thiều, anh Ba to lớn như Tây, khỏe mạnh, năng động, rất thiết tha, tóm lại, có thể tin được. Kế hoạch của anh là đợi đêm không trăng, Thiều xuống nhà anh chơi, vào buồng trong nằm không cho ai biết, chờ quá nửa đêm, thiên hạ ngủ say, anh đưa Thiều ra ghe, cách nhà năm chục mét, đẩy ghe xuống nước, thế là xong. Theo anh Ba, nhiều lắm là hai phút đồng hồ, anh chèo nhanh khỏi bờ chừng

trăm thước, kéo buồm lên, ghe sẽ cỡi sóng đi như bay. Ra ngoài xa, không còn ai phân biệt được vì nó chính là ghe đánh cá lẫn trong ghe đánh cá. Nếu gặp tàu Pháp, anh sẽ kéo miếng vải trắng làm hiệu cho chúng không bắn, nếu không gặp tàu Pháp, anh trực chỉ đến đảo Lý Sơn, nơi Pháp đóng, bốn phận tiếp xúc với Pháp thì anh Thiều lo, anh Ba không biết đến. Anh Thiều phải xin bọn Pháp cho anh Ba trở lại với vợ con của anh, xem như anh đi đánh cá như thường lệ. Anh Ba trình bày ngắn gọn đầy tin tưởng. Chuyện còn lại là phải có chiếc ghe thì anh bảo khi mọi người ngủ, anh ăn cắp ghe quá dễ. Nhưng làm sao anh trở về với làng được? Thêm nữa, anh cần có năm ngày gạo cho vợ anh và sáu đũa con nhỏ vì sợ có gì trục trặc anh về trễ thì vợ con đói. Thiều mừng quá, hỏi anh có thể mua ghe không? Anh Ba trả lời chưa bao giờ nghĩ đến việc mua ghe, anh luôn luôn *đi bẹn* — làm thuê — cho người ta, nếu bây giờ anh đường đột mua ghe thì e sẽ có sự nghi kỵ. Nghe Thiều kể đến chi tiết đó, tôi thấy anh Ba tuy chất phác nhưng rất khôn ngoan, chín chắn. Sau cùng anh Ba quyết định, anh phải mua một chiếc ghe rất cũ, gần như hết dùng nổi, đem về sửa chữa, dặm nan, quét dầu rái lại với mục đích tiến tới tự túc làm ăn cho có vẻ hợp lý hợp tình. Thiều hỏi chừng bao nhiêu tiền, anh bảo không rõ vì chưa bao giờ để ý đến những cái ngoài tầm tay, nhưng có lẽ không dưới hai chục ngàn. Hỏi anh nếu có đủ tiền xong thì chừng bao lâu hoàn thành, anh cho biết ít nhất hai tháng, vì anh vừa đi làm vừa sửa, hơn nữa phải để dầu hai lớp thật khô mới cho ghe xuống nước được.

Vấn đề còn lại của chúng tôi là làm sao chạy cho ra hai mươi lăm ngàn đồng — hai chục mua ghe, năm ngàn cho vợ con anh. Số tiền quá lớn nhưng có thể Sử và tôi lo được vì chúng tôi có chỗ chạy. Phía ngoại Sử vốn giàu có và rất thương Sử nên Sử có thể chạy được một nửa còn tôi sẽ nhờ anh tôi giúp cho một nửa.

Một buổi trưa, tôi lên anh tôi. Anh ở quê vợ, làng Bách Mỹ. Gia đình vợ anh là địa chủ giàu có nhất trong làng. Bách Mỹ cách nhà tôi chừng mười cây số. Cố nhiên lúc bấy giờ đi bộ là chính. Anh tôi có chiếc xe đạp rất mới và tốt, cả tỉnh chừng bốn năm người có loại xe thượng đẳng đó. Xe đua, chế tạo từ Pháp, rất nhẹ. Tôi thường đi bộ trên mười cây số lên anh mượn xe đi ra nhà Kim Anh, chiếc xe đạp đất giá ấy tạo cho mình cái “uy tín”

giàu có, trong một xã hội nghèo khổ. Nhưng lần này lên anh không phải để mượn xe mà để xin tiền. Từ ngày ra tòa án nhân dân, tôi không mượn xe anh nữa, vì không ra Kim Anh. Cao Chu cho biết, mọi việc gần như thất bại, phải chờ một thời gian xem sao, vì khi nghe tôi trốn, Kim Anh tức phát khóc không hiểu sao một người học giỏi, đang có tương lai hứa hẹn lại đại đột nghe lời bọn phản động hủy hoại tương lai của mình để bị đồng bào nguyên rủa, có tội với dân với nước. Nghe Cao Chu thuật lại tôi thất vọng vô cùng. Tôi bảo Cao Chu nói với Anh là tôi không ngờ Anh không hiểu gì về tôi, chẳng những không hiểu mà còn hiểu sai một cách tệ hại. Và từ đó, tôi không gặp Kim Anh nữa.

Ngồi trên thành giếng dưới tàng cây cổ thụ trong khu vườn rộng, tôi trình bày chi tiết việc sắp ra đi của bộ ba chúng tôi, Thiều, Sử, Liệu. Anh rất ngạc nhiên không ngờ bọn tôi không bỏ việc đi trốn, nhất là anh nghĩ Thiều yếu mềm mà vẫn chưa ngán. Cuối cùng, tôi xin anh mười ngàn để mua ghe. Anh trả lời ngay là anh không có tiền. Tôi thất vọng, òa khóc vì thấy sụp đổ tất cả. Tôi chào anh lủi thủi ra về, không vào nhà chào người lớn vì mặt đầy nước mắt. Đi bốn năm cây số, tôi xuống con đò bến Đông Mỹ. Đò ra nửa sông bỗng nghe tiếng gọi lớn tên tôi. Nhờ chiếc xe đạp sáng chói, tôi biết là anh tôi.

Hai anh em ngồi giữa bãi cát trắng nói chuyện, vì anh tôi nghĩ một ngày rất gần đây sẽ chia tay và khó còn dịp gặp nhau nữa. Anh cho biết khi tôi đột ngột khóc ra về, anh thấy thương tôi nhiều, vào nhà mót máy hết đủ mười ngàn, lật đật phóng xe theo tôi. Nói chuyện thật lâu, khi mặt trời xuống núi, chúng tôi chia tay, qua bên kia sông nhìn lại, anh tôi vẫn còn ngồi tại chỗ nhìn tôi. Số tiền đủ hai chục ngàn, anh Ba mua chiếc ghe cũ và đã bắt đầu sửa. Chúng tôi cố gắng đi trong dịp hè thu, không để trễ qua mùa đông, sóng lớn nguy hiểm. Để đánh lạc hướng, chúng tôi ít gặp nhau, nhất là Sử thường ở bên ngoại bên kia sông.

PHẦN 2

1954 – 1963

HIỆP ĐỊNH GENÈVE.

Hơn một tháng nữa sẽ đúng kỳ hạn hai tháng của anh Ba. Một buổi chiều, tại nhà anh Lương, tôi đọc tờ *Cứu Quốc*, tờ báo hàng ngày ở liên khu V, vô cùng ngạc nhiên thấy hàng chữ lớn ở trang đầu: “*Đàm phán Geneva tiến triển khả quan.*”

Qua bài báo, tôi biết có cuộc hội nghị quốc tế tại Genève, phái đoàn kháng chiến do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng phái đoàn, phái đoàn phe vua Bảo Đại do ngoại trưởng Nguyễn Quốc Định làm trưởng phái đoàn. Như thế cấp trưởng đoàn là bộ trưởng bộ ngoại giao.

Tôi mừng quá, cầm tờ báo tay run run. Hai phái đoàn đã họp gần một tuần rồi nay tinh cò vớ được tờ báo nếu không cũng không biết gì hết. Tôi nói với Lương mỗi ngày nên đem về một hai tờ nếu có và chiều chiều tôi sẽ đến lấy. Lương bảo xã mua tờ *Nhân Dân* và tờ *Cứu Quốc*, nhưng không ai đọc, cũng không có gì hay mà đọc, hỏi tôi ưng lấy tờ nào. Trong cảnh tối tăm bưng bít, không có một phương tiện tối thiểu về thông tin, tôi bảo tờ nào cũng được hoặc hai tờ càng tốt.

Tôi vội vã chạy lên Thiều báo tin có thể có hòa bình.

Chúng tôi đọc đi đọc lại nhiều lần.

Cuộc đàm phán bắt đầu từ 26 tháng 4 năm 1954 mà lúc này, đầu tháng 5, chúng tôi may mắn vớ được tờ báo ở nhà anh Lương mới biết.

Tôi và Thiều đều nhận định sẽ có hòa bình, nhưng không biết bao lâu, vì đọc những bài bình luận thì thấy ông bộ trưởng ngoại giao bên phía vua Bảo Đại bị chửi quá sá nên tôi sợ cuộc họp kéo dài. Đây là tin tức quá quan trọng cho anh em chúng tôi vì may ra có cửa thoát.

Tôi vui như chưa bao giờ có, nói với Thiều:

- Lạy Trời Phật Thánh Thần giúp cho Việt Nam có hòa bình, một ngày cũng được, bọn mình sẽ chạy nước rút qua vùng tự do trong một ngày Trời cho đó.

Chúng tôi khát khao tự do, thèm tự do quá.

Thieu xúc động, mặt xanh tái, bảo:

- Mừng thì mừng thật nhưng khó tin mấy ông nội cộng sản này, nói một đường làm một ngõ. Tao cũng đồng ý với mày, chỉ cần xả căng năm ba ngày, bọn mình cấp tốc thoát là tốt.

Tôi bàn với Thieu vì tình thế biến đổi thuận lợi, chắc không lâu sẽ có ngưng bắn nên tạm ngưng việc anh Ba tổ chức đi trốn.

Từ đó mỗi ngày anh Lương đem đến tận nhà tôi có khi hai, có khi một tờ nhật báo. Qua những tờ báo, chúng tôi biết trận Điện Biên Phủ đang quyết liệt và quân Pháp đại bại. Điện Biên Phủ là một thung lũng bề dài dưới hai chục cây số, bề ngang chừng tám chín cây số, nằm trên trục lộ lưu thông duy nhất từ Bắc Việt sang bắc Lào. Quân Pháp lập cứ điểm ở đó để cắt đứt con đường lưu thông quan trọng này.

Ban đầu chúng tôi nghĩ tờ báo tuyên truyền nên xuyên tạc sự thật, lúc nào cũng cho quân Pháp thất bại, nhưng lần này thực sự quân Pháp đại bại. Ngày 7 tháng 5 năm 1954, Điện Biên Phủ thất thủ, Việt Nam toàn thắng. Sau này đọc báo chí Tây phương, chúng tôi càng phục quân đội Bắc Việt đã chiến thắng vẻ vang. Gần 60 ngày kịch chiến, số tử thương quân đội Pháp 2200 người, bị bắt trên 10 ngàn người. Phía Việt Nam chết từ 8 đến 10 ngàn người. Mặc dù không thể sống dưới chế độ cộng sản, cố tình trốn tránh cộng sản, nhưng tôi rất hãnh diện về chiến thắng Điện Biên Phủ. Tôi nghĩ tổ tiên chúng ta, những vị anh hùng cứu quốc ở thế giới bên kia, chắc sẽ mỉm cười vì đánh đuổi được thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ gần một trăm năm trên tổ quốc chúng ta. Tôi phục tướng Võ Nguyên Giáp đã chiến thắng oanh liệt trận Điện Biên Phủ

Cùng lúc đó, chánh quyền xã ngang nhiên cho người vào nhà phía vợ anh cả tôi cướp sạch lúa và đe dọa. Anh tôi tạm thời về Long Phụng ở với chúng tôi, do đó, anh em cả ngày bàn luận, ước đoán tình hình đang đổi thay.

Trong đời tôi đây là những ngày lý thú khi nhà tôi dần dà như biến thành một trung tâm bình luận thời sự. Nhiều người đến hỏi tin tức, những dự đoán chủ quan của chúng tôi cũng làm cho người ta vui lòng và tin như sự thực.

Theo báo chí, vua Bảo Đại đưa ông Ngô Đình Diệm về làm thủ tướng thay ông Bửu Lộc. Cố nhiên hai tờ báo đua nhau chửi ông Ngô Đình Diệm. Cha tôi rất mừng nghe tin Ngô Đình Diệm về nước làm thủ tướng chánh quyền của vua Bảo Đại. Ông cho

biết Ngô Đình Diệm là người yêu nước, từng “rũ áo từ quan” vì chánh kiến khác với ông Thượng Thư Phạm Quỳnh, và chúng tôi cũng được biết gia đình cụ Ngô là một gia đình thế phiệt, thân phụ của cụ là một quan đại thần.

Trong dân chúng xôn xao đủ loại tin đồn trái ngược, hoang mang không biết vùng nào, tỉnh nào sẽ thuộc cụ Hồ, vùng nào sẽ thuộc cụ Ngô. Theo báo chí, cuộc đàm phán đang bàn về vĩ tuyến 17, do đó nếu không thất bại thì 17 vĩ tuyến trở vào Nam thuộc chánh phủ Ngô Đình Diệm.

25 tháng 6, cụ Ngô Đình Diệm về nước và chính thức nhậm chức ngày 7-7-1954 gọi là ngày Song Thất và cũng là ngày quốc khánh thời đó. Chúng tôi sống những ngày hồi hộp theo dõi tiến triển các cuộc họp ở Genève, hy vọng thoát cảnh sống tù túng. Tôi thấy hình như ai cũng hớn hờ và hình như ai cũng tử tế với nhau.

Một tin từ trong đảng đưa ra, hình như tỉnh ủy Quảng Ngãi chống vụ Quảng Ngãi bị bỏ lại cho “địch” vì cho là nơi cốt cán của cách mạng, cái nôi của cách mạng, nơi suốt chín năm kháng chiến chưa bao giờ mất một tấc đất v.v... Cũng nghe có lời la rầy, giải thích từ trung ương rằng nếu các đồng chí ngoan cố đại đột thì Mỹ nó biến nước ta thành vũng bùn (ý nói thả bom nguyên tử), các đồng chí đầy óc công thần chủ nghĩa, thiện cận của bọn tư sản, xa quê quán chỉ có hai năm rồi trở lại có gì mà thối mắc.

Không biết tiếng đồn đó có thực hay không, nhưng dù sao dư luận và sự đồn đãi đó đem lại cho chúng tôi một niềm tin phần khởi. Tờ báo chữi bác sĩ Trần Văn Đỗ, ngoại trưởng chánh phủ cụ Ngô, vì vị ngoại trưởng này phản đối việc áp đặt của các cường quốc, nhất là ngoại trưởng Pháp. Làn này tuy đọc lời chữi bới nặng nề, nhưng chúng tôi không sợ. Chúng tôi nghĩ vì tự ái của nhà trí thức, vì tư cách không cho phép bác sĩ Đỗ muối mặt chịu đấm ăn xôi như Phạm Văn Đồng, chứ không phải sự việc đổ vỡ.

HIỆP ĐỊNH KÝ KẾT

Ngày 21-7-1954 ký kết hiệp định ngưng bắn giữa Tạ Quang Bửu, đại diện chánh phủ ông Hồ và tướng Henry Delteil, đại diện chánh phủ Pháp với sự chứng kiến của đại diện Anh,

Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Ai Lao, Campuchia.

Các điều khoản chính trong Hiệp Định Genève 1954:

- Định giới tuyến từ cửa sông Bến Hải theo lòng sông đến làng Bồ-hồ-su và biên giới Lào Việt. Lập khu phi quân sự 5 cây số bề rộng bên này và bên kia giới tuyến.

- Thời hạn tối đa để rút quân hai bên là 300 ngày, kể từ ngày hiệp định có hiệu lực. Trong thời gian 300 ngày dân chúng được tự do di cư từ khu này sang khu bên kia.

- Trong khi chờ tổng tuyển cử, mỗi bên phụ trách quản trị hành chính ở khu tập hợp quân đội thuộc quyền.

- Phóng thích tù binh và thường dân bị giữ. Cấm thêm quân đội, vũ khí hoặc lập thêm căn cứ quân sự mới.

- Một ủy ban giám sát quốc tế được thành lập để giám sát và kiểm soát thi hành hiệp định.

- Cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7 năm 1956 dưới sự kiểm soát quốc tế.

Đối với chúng tôi, điều khoản quan trọng là thời hạn 300 ngày tự do đi lại từ vùng này qua vùng khác. Nhưng làm sao tin chắc điều khoản đó được tôn trọng và tôn trọng bao lâu. Tôi đã ước nếu chỉ có một ngày hoà bình, thì chạy trốn chế độ ngay trong ngày đó. Bây giờ có ba trăm ngày, có ba cường quốc ký bảo đảm nhưng làm sao chúng tôi tin được. Bởi vậy, tôi quyết định ra đi càng sớm càng tốt.

ĐÊM GÁC BIÊN CUỐI CÙNG

Lệnh ngưng bắn có hiệu lực trên mười tám tiếng đồng hồ rồi. Vì không có lệnh trên nên tuy biết có ngưng bắn mọi người vẫn đi gác như thường lệ. Trưởng toán Nguyễn Tấn Lương cho biết từ nay không còn đi gác biển nữa vì ngưng bắn đã có hiệu lực hơn một ngày rồi. Anh cảm ơn mọi người và tất cả về nhà, hưởng cảnh thái bình. Chanh bước ra đi dọc bờ đê với sóng. Lương nói với tôi:

- Thôi, Liệu ở lại đêm cuối cùng nhé, tôi về sáng mai lên Thiều chơi.

Tôi cười:

- Ở lại ngủ với ma à!

Lương hồn nhiên:

- Citron cũng ở lại mà.

Tôi đáp:

- Tôi không rõ, hình như con bé về khi này!

Tôi vừa dứt lời, bỗng có tiếng reo vui về:

- Em còn đây.

Rồi con bé hát và cười tươi như không có chuyện gì.

Lương nói nhỏ với tôi:

- Tôi ở lại một lát rồi tôi lên ra về.

Ba chúng tôi ngồi ngoài chòi cùng có một cảm giác buồn buồn vì cả ba đều cùng ý nghĩ là những giờ phút cuối ở đây và mãi mãi không bao giờ có dịp trở lại chỗ này.

Lương đứng dậy ra đi, không nói một tiếng nào. Tôi bước vào chòi, Chanh không bước theo, đứng ngoài gọi bảo biển đêm nay đẹp quá nên đi theo bờ sóng. Cả một vùng yên lặng, trời tối đen, biển cũng xanh đen. Hai đứa đi gần nhau một khoảng dài lắm, im lặng. Âm thanh duy nhất bây giờ chỉ là tiếng sóng rì rào. Hai đứa hình như tôn trọng sự im lặng. Gió biển thổi vào bờ rờn rợn mát, những chòm mây đen ùn ùn theo gió. *“Từ nay mình không còn gác biển nữa”* tôi thầm thì như nói riêng cho mình. *“Nghĩa là từ nay mình không còn gặp nhau nữa, phải không anh.”*

Em vừa nói vừa ôm chặt lấy tôi, khóc nức nở.

Tôi đứng lại, siết chặt người em vào tôi. Mặt em úp vào ngực tôi, người em nóng ran. Chúng tôi không còn đứng vững được nữa, quỵ dần xuống mặt cát...

RA ĐI

Trước đây chúng tôi mơ ước nếu có một ngày tự do đi lại, lập tức đi ngay ngày đó. Chúng tôi ra đi trong ngày thứ hai, mặc dầu thỏa ước dành cho ba trăm ngày tự do đi lại. Tôi, Lê Sử, Lương Bá Phưởng cùng đi. Lương Bá Phưởng là cậu của Lê Sử và là bạn học của tôi. Chánh quyền Quảng Ngãi lúc ấy rất hoang mang, vì việc xảy ra quá mới lạ với họ. Họ cứ bị ám ảnh sao đã đổ nhiều xương máu để bảo vệ quê hương bây giờ lại bỏ ra đi. Hầu hết họ là nông dân nên phải bỏ ruộng vườn, mồ mả cha ông để ra đi là điều đau khổ. Họ không còn tích cực làm việc, do đó việc ra đi của chúng tôi rất dễ dàng.

Sáng sớm, Phưởng, Sử và tôi rời nhà đi trên quốc lộ 1 ra hướng bắc thuộc quận Bình Sơn để đi khỏi vùng đất tàn ác của

chúng tôi. Mục đích chúng tôi nhắm tới là đến Hội An, tỉnh lỵ Quảng Nam, từ lâu được sự bảo vệ của quân đội liên hiệp Pháp, nay thuộc quân đội Việt Nam của cụ Ngô Đình Diệm. Chúng tôi được biết phải qua một cửa ải khó khăn có thể nguy hiểm là đồn công an ở Dốc Sỏi. Trên đường, chúng tôi không đi gần nhau, để phòng người đi trước bị kiểm soát gặp khó khăn thì hai người sau lập tức rẽ xuống đường ruộng giả như người địa phương. Bởi vậy hai người sau luôn theo dõi người đi trước. Đi chừng mười cây số tới một quán nước, chúng tôi gặp một người vui tính độ bốn mươi tuổi. Ông ta nói về vùng bị chiếm thăm nhà. Chúng tôi hỏi thăm biết ông là người Quảng Nam được chánh quyền cho phép về thăm nhà trong vòng một tháng. Thế là có thêm một bạn đường nhưng chúng tôi không dám lộ ý định của mình. Chừng nửa cây số đến bót công an, tôi mới thưa thật với ông là tôi cũng về vùng bị chiếm thăm bà con nhưng không biết cách đi nên nhờ ông chỉ vẽ và xin theo ông. Rất vui vẻ, ông bảo sẵn sàng dẫn tôi đi. Tôi nhờ ông đi qua bót gác nếu thấy họ làm gắt quá thì lấy nón khỏi đầu làm hiệu cho chúng tôi, nếu họ gác lấy lệ thì cứ đội nón tự nhiên.

Chúng tôi hỏi hợp chờ dấu hiệu của ông, dự trừ bót gác làm khó khăn, sẽ đi vòng lên phía tây khuất vào xóm làng rồi quanh ra hướng bắc để tránh sự kiểm soát của công an. Chúng tôi rất mừng thấy ông ung dung đi qua không lấy nón, còn ngó lại chúng tôi cười nữa. Chúng tôi hỏi hợp đi nhanh qua, liếc vào bót gác. Một người đang gục đầu vào bàn ngủ, một người đang chăm chú đọc báo. Mừng sợ lo nôn nao hỏi hợp đủ thứ. Tôi bảo đừng chủ quan gắng đi hết địa phận Quảng Ngãi. Năm ấy, tôi đã hai mươi hai tuổi nhưng chưa bao giờ đi quá bên kia sông Trà Khúc nên đối với tôi, đường đi hoàn toàn xa lạ. Ông bảo sắp đến Bến Ván rồi và đó là biên giới Quảng Ngãi - Quảng Nam. Từ xa, chúng tôi thấy một lá cờ trắng phất phới trên nóc một tấm vải lớn căng như một cái lều. Bên lề đường một tấm ván sơn trắng, viết 4 chữ đỏ đậm nét: “Ủy Hội Quốc Tế”. Chúng tôi lật đật đi nhanh qua. Trong lều năm ba người lính ngoại quốc, đen có trắng có, ai cũng vui vẻ, ăn mặc sạch sẽ. Lúc ấy đúng ba giờ chiều. Chúng tôi mừng thấy được ủy hội quốc tế, vì nghĩ một cách rất trẻ con rằng cả hai bên đều phải tôn trọng ủy hội và ủy hội có uy quyền giữ được hòa bình. Mặc dầu đi bộ từ sáng sớm, đầu óc căng thẳng, vừa khát vừa đói, nhưng chúng tôi thấy nhẹ người,

hết mệt. Phấn khởi quá, tôi hít mạnh không khí trong lành và nói lớn: “Ồ! Không khí tự do, bầu trời tự do, tổ quốc tự do..”

Định tìm chỗ nào bán nước vào uống thì tiếng máy xe hơi ở trong chạy ra. Chúng tôi vội rạt ra. Một chiếc xe chạy đến, dừng lại. Bánh xe xiết vào mặt đường rít lên, làm chúng tôi hoảng hốt chạy xuống lề đường. Người lái xe nghiêng người ra, cười đưa tay vẫy chúng tôi. Thấy ông vui về chúng tôi chạy lại, ông bảo lên xe. Bốn người chúng tôi lật đật leo lên xe. Sau này tôi biết đó là loại xe Jeep của nhà binh. Trong ba chúng tôi, khá Pháp văn nhất là tôi, nhưng tôi bị khớp không dám nói. Ông ngồi ghé trước chỉ nói đệm đệm vài tiếng, người lái xe là một đại úy Pháp, (sau này tôi mới biết) da trắng nhưng có lẽ vì nắng gắt nên trở thành ngăm đen, mặc sọt, chemise ngắn tay, kaki vàng, béret đen, kiếng đen, râu xồm gần như che kín miệng. Tay và chân phía ngoài quần áo đầy lông dài. Lần đầu tiên tôi thấy một người râu và lông nhiều như thế. Một cái sẹo lớn vắt ngang má bên phải khiến gương mặt dữ hơn. Tuy khớp không dám nói, nhưng tôi nghe rõ người sĩ quan diễn tả trận đánh kinh hoàng ở miền Lạng Sơn, năm đó ông là trung úy, bị thương rất nặng ở má, máu ra nhiều quá, bị xỉu. Khi ông tỉnh thì đã ở quân y viện rồi. Nằm bệnh viện hai tháng, ông được lên lon đại úy, được huy chương anh dũng bội tinh và xuất viện, nghỉ phép mười lăm ngày, rồi về Đà Nẵng coi an ninh phi trường. Ông cười to có vẻ hãnh diện về đời chiến binh của mình. Dứt câu chuyện, xe ngừng trước cổng nhà thờ, bắt tay chúng tôi, ông bảo sáng mai ông về Đà Nẵng. Chiếc xe vào sân nhà thờ. Đó là nhà thờ Tam Kỳ. Tôi thấy lính qua lại rất đông và đều đưa bàn tay lên khoe mắt chào viên sĩ quan Pháp trông rất oai nghiêm. Xe nhà binh chạy ra chạy vào cổng nhà thờ ồn ào náo nhiệt.

Trước nhà thờ Tam Kỳ, quán ăn nhiều quá, gần như các nhà ở dọc đường gần nhà thờ đều biến thành quán và khách ra vào là lính. Tôi nhận xét về người lính, trước hết qua áo quần, nói chung rất đẹp, hùng mạnh. Cái quần nhiều túi, cái áo nhiều túi khiến con người như lớn hơn, nhất là đôi giày cao cổ và cái nón sắt tạo vẻ mạnh mẽ, dứt khoát. Còn cái nón lưỡi trai làm cho người lính trẻ trung hơn. Tôi nói với Sử và Phụng cái nhìn đầu tiên của tôi về người lính quốc gia và nghĩ phải trải một quá trình nghiên cứu bỏ khuyết mới có được bộ quân phục hoàn mỹ như thế và hẳn rất tốn kém. Tôi thấy mọi người lính đều vui, trẻ

trung, linh hoạt, gương mặt không căng thẳng, sợ kỷ luật, sợ cấp trên như người lính Nhật lúc nhỏ tôi chạy theo coi. Họ cũng không mang nặng về hận thù, mặc cảm tự ti, như người lính trong vùng cộng sản. Tôi có cảm tưởng đó là một đám thanh niên trong một câu lạc bộ bóng đá, hoặc sinh viên trong một đại học, vì họ hồn nhiên thoải mái, chung một bàn, mời hút thuốc, uống bia với sĩ quan không có vẻ kè kè, sợ sệt.

Chúng tôi vào một quán uống nước, ngồi vào bàn. Ông đi chung kể như hướng dẫn chúng tôi trên đường, cho biết tên Hưng, sắp có vợ Quảng Ngãi ở Long Phụng, con gái một gia đình thuộc phái Lê. Hưng nói một hồi dài rồi hỏi chúng tôi có biết Long Phụng không. Chúng tôi cho biết tôi và Sử đều ở Long Phụng và gia đình Hưng sắp làm rể là bà con trong họ của Sử, và người anh của cô gái sẽ là vợ của Hưng là bạn học của tôi, nhưng mới qua đời. Chúng tôi nói trúng và biết kỹ quá làm Hưng ngạc nhiên, cảm thấy thân mật hơn. Bốn ly ca cao sữa nóng thơm phức trong bốn ly sứ trắng trên bốn cái đĩa cũng trắng, bốn cái muỗng bằng kim loại trắng khiến tôi thấy một thế giới hoàn toàn khác cái thế giới nghèo nàn ti tiện nhớp nhúa mà tôi đã trải qua suốt thiếu thời. Hình ảnh bốn anh em uống ca cao đó khó phai nhòa trong đầu óc tôi. Ra khỏi quán chúng tôi chia tay Hưng.

ĐÊM CHỢ ĐƯỢC

Chúng tôi đi gần một ngày ghe mới tới chợ Được. Tôi đã nghe nhiều về địa danh này, địa điểm buôn bán bất hợp pháp, cửa ngõ đưa lậu hàng hóa từ vùng bị chiếm qua vùng kháng chiến. Có những người ở Quảng Ngãi đi bộ, có những đoạn đường có xe ngựa, có những đường ghe theo sông...mấy ngày mới đến địa điểm này. Trước hết mua một bộ bà ba, mặc ngay vào người. Bộ bà ba vải phin đen lúc ấy là bộ quần áo sang, đẹp, thông dụng. Tôi nói sang vì bộ quần áo “thời trang” này là hàng ngoại, không phải sản phẩm trong nước. Nhà nước luôn tuyên truyền chống hàng ngoại hóa, kêu gọi dùng sản phẩm nội địa nhưng cán bộ ít nhất từ cấp huyện trở lên mới mua nổi bộ bà ba này. Một số giáo sư trường Lê Khiết mặc bộ bà ba này. Lúc ấy tôi rất muốn nhưng không thể mua nổi. Sử, Thiều, Tuyên đều có bộ bà ba đẹp này. Người buôn lậu, mua thêm một ít đá lửa

(loại đá bỏ vào máy quạt lửa) giấu trong người. Về đến quê nhà ít nhất cũng còn bộ quần áo đang mặc, đem bán bộ đủ kiếm một số lời đáng kể.

Người chủ ghe nói ghé chợ Được ngủ một đêm, sáng hôm sau đi sớm thì đến Hội An khoảng ba bốn giờ chiều, và dặn cứ im lặng ở trên ghe sẽ được đưa tới nơi, đừng cho các ghe khác làm rắc rối. Trời xẩm tối, ba đưa chúng tôi xuống bến, tìm quán cơm. Quán ở đây cũng chỉ là nhà ở, dành phòng trước và hè làm quán với chùng bốn cái bàn, trên bàn có một ống tre khô đựng dũa, một bình đựng nước mắm, một bình trà và bốn cái tách. Như thế quán cũng nghèo nàn như quê tôi. Ở đây không ồn ào, người qua lại, âm thầm không vui vẻ phấn khởi như ở Tam Kỳ. Trong quán cũng vậy, bà chủ buồn bã, chúng tôi hỏi có gì ăn, bà trả lời nho nhỏ: *“Có, nhưng các cậu ngồi vào trong không ngồi ngoài này”*. Về mặt bà như lo lắng điều gì. Nhìn quanh không có ai, bà nói vừa đủ nghe: *“Ở đây học tập cấm chúng tôi giao thiệp với người lạ, người các nơi tới, họ bảo chúng tôi bất hợp tác với chánh quyền mới, nhưng làm nghề này mà không bán cho người lạ thì còn bán cho ma.”* Thì ra thái độ có vẻ thờ ơ buồn sợ của dân vùng này như chúng tôi nhận thấy là vì trước khi tập kết ra Bắc, cán bộ bắt dân không được hợp tác với chánh quyền mới. Bà chủ quán vờ cúi gằm mặt lau chõ nước đổ, nói rất nhỏ với tôi *“Các cậu ăn xong nên đi ngay không nên ở đêm ở đây”*. Chúng tôi về ghe gấp, bảo bà chủ ghe rời bến không chờ sáng. Bà chủ ghe tán đồng, vì bà cũng sợ ngủ đêm ở đây có thể bị soát xét khó khăn và nếu chúng tôi bị giữ lại thì sáng mai bà không có khách về Hội An.

Hai vợ chồng chủ ghe vừa nhỏ sào đẩy ghe ra vài ba thước thì tiếng tù và, tiếng mõ, tiếng còi thổi rộ. Đông quá, nhiều người cầm đuốc, đèn pin, cây, gậy, ào ào xuống bến. Họ vừa chạy vừa la *“Bắt Việt gian, bắt Việt gian”*. Chúng tôi hoảng hốt thấy nguy hiểm đang đến. Một số người lội xuống nước hướng về chiếc ghe chúng tôi. Vợ chồng chủ ghe bối rối. Lập tức tôi bước lên mũi ghe đứng thẳng nói lớn: *“Thưa đồng bào, hãy bình tĩnh, ghe chúng tôi không rời bến, luôn luôn tuân lệnh của đồng bào và của cơ sở. Hãy bình tĩnh cho tôi thưa với đồng bào, chúng tôi là học sinh trong vùng cách mạng kháng chiến, chúng tôi xin phép chánh quyền về thăm gia đình trước khi chúng tôi ra Bắc tiếp tục học...”* Tiếng hét lớn làm mọi người dừng lại và

chúng tôi biết ở đây hoàn toàn khác với Tam Kỳ vì ở đó là khu vực nhà thờ, là nơi có quân đội trú đóng, cho nên tôi phải đứng trên lập trường một người kháng chiến kêu gọi dân chúng bình tĩnh để giải quyết vấn đề. Tôi thấy có công hiệu vì mọi người im lặng nên tôi xuống giọng xin đồng bào thông cảm cho gia đình anh chủ ghe nghèo khổ này, anh ta không dám trái lệnh chỉ đưa ghe ra khỏi chỗ nước cạn và khi được đồng bào đồng ý, anh ta mới dám chở chúng tôi đi. Tôi mới nói đến đó có tiếng xen vào *“Thôi, để cho họ đi, bọn nghèo với nhau mà”*. Dựa vào lời nói thuận lợi đó, tôi nói lớn *“Có một số ý kiến cho phép chúng tôi được rời bến, bởi vậy tôi xin phép đồng bào có mặt, có đồng ý cho chúng tôi ra đi không”*. Tiếng *“đồng ý”* vang dội cả bến đậu. Đuốc tắt, đèn pin tắt, mọi người trở vào bờ.

HỘI AN

Vợ chồng chủ ghe cảm ơn bảo nếu không có sự trình bày năn nỉ của tôi chắc gặp khó khăn vì họ không cho liên lạc với vùng bị chiếm. Người chồng bảo những người làm khó khăn vì ghe ông lạ, họ muốn dành mỗi để chở với giá cao. Ông khuyên chúng tôi khi trở lại quê để đi tập kết đừng đi ghe, nên đi bộ, vì đường sông có thể nguy hiểm do họ nghĩ rằng những người về thăm nhà vùng *“tê”* trở lại thường mang theo của quý của bà con gia đình cho. Ông cho biết chúng tôi lên bờ là ông rời bến tức khắc, vì ông không có giấy tờ gì hết nên rất sợ cảnh sát và nếu cảnh sát có hỏi thì nhờ chúng tôi xin hộ...

Bến Hội An ghe thuyền và người lên xuống tấp nập. Ghe chúng tôi đi thẳng đến chỗ cảnh sát đang soát người và hành lý. Ba anh em chúng tôi vừa bước lên bờ, hai cảnh sát mặt đồng phục trắng, nón kê-pi cũng màu trắng bước tới, đưa tay chào kiểu nhà binh, lịch sự hỏi:

- Các anh ở đâu đến, cho chúng tôi xem giấy tờ.

Tôi liếc nhìn ông bà chủ ghe, hai người gục gục đầu như chào chúng tôi. Chiếc ghe nhẹ nhàng lui khỏi bến, biến vào đám ghe chen chúc qua lại. Sử tươi cười trả lời:

- Chúng tôi là học sinh ở Quảng Ngãi, nhờ có đình chiến về thăm bà con và xin học ở vùng tự do.

Người cảnh sát nghiêm nghị hỏi:

- Anh cho biết bà con của anh là ai, làm gì và ở đâu, để

chúng tôi liên lạc họ bảo lãnh anh.

Phường mau miệng trả lời:

- Dạ thưa, anh ruột tôi làm cảnh sát ở nha cảnh sát Trung Việt và người bà con là ông Lê Trung Chi, hiện là tỉnh trưởng Quảng Nam, xin ông liên lạc hộ cho.

Người cảnh sát đang lục các xách tay của chúng tôi bỗng dừng lại. Cả hai trở mắt nhìn chúng tôi, hỏi:

- Thực hả?

Rồi ông nói tiếp:

- Nếu thực vậy thì ba anh theo tôi, (nhìn đồng hồ đeo tay) bây giờ hết giờ rồi, đến tư dinh ông tỉnh trưởng.

Tôi hồi gần hay xa, người cảnh sát rất lịch sự bảo gần, đi vài con đường, chừng vài chục phút. Trên đường đi anh hỏi chúng tôi đã đậu trung học chưa, còn anh vừa đậu trung học xin đi học khoá cảnh sát sáu tháng ở Huế được bổ dụng ở Hội An và nếu làm việc giỏi một năm sau sẽ được về lại Huế. Anh vui vẻ hồn nhiên khuyên chúng tôi nếu đậu trung học nên đi cảnh sát lương lớn hơn đi quân đội, vả lại, đi hạ sĩ quan dễ chết, anh có hai người bạn đi lính đều chết hết. Câu chuyện đang ròn rã, anh ngừng nói, dừng lại trước một tòa nhà lớn có lầu cao, bờ rào là những cây sắt bằng cổ tay, sơn xanh bên trên nhọn hình mũi mác, hai cánh cổng đóng chặt, cảnh sát đứng gác bên trong. Thấy chúng tôi cùng người cảnh sát dừng trước cổng, bên trong người cảnh sát vội bước ra. Người cảnh sát đi với chúng tôi nói:

- Vào trình có ba người bà con cụ tỉnh từ trong Quảng ra xin thăm cụ.

Người cảnh sát bên trong cổng nhìn ba chúng tôi, không nói gì, quay trở vào. Trong vườn, tàng cây cổ thụ gần như che khuất sân, dưới mỗi góc cây có bồn hoa màu sắc rực rỡ vòng quanh. Ba bốn con công đang múa nhảy trong sân. Người cảnh sát ra tận cổng nói:

- Dạ, xin lỗi ba ông, cụ tỉnh chưa về, chiều nay có cuộc họp, người quản gia nhờ tôi thưa ba ông mời ba ông khoảng chín giờ tối trở lại gặp cụ tỉnh tại tư thất đây.

Chúng tôi cảm ơn lui ra. Người cảnh sát hỏi có nhớ chỗ không, chúng tôi bảo tòa nhà lớn thế này dễ tìm, vả lại ở dọc bờ sông. Chúng tôi nhờ anh chỉ chỗ trọ ban đêm.

Đúng chín giờ tối, chúng tôi đến trước cổng tư dinh tỉnh trưởng. Vừa thấy chúng tôi người cảnh sát vội vã mở cửa mời

vào. Phòng khách rộng đèn sáng lóa mắt. Lần đầu chúng tôi thấy những đèn điện ống dài, sáng trắng xanh như thế. Chúng tôi ngỡ ngàng, ngỡ ngác nhìn các bóng đèn, các bức tranh trên tường. Hình cụ Ngô treo trên cao dưới lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ. Dưới bức hình một hàng chữ màu đen: *Thủ tướng Ngô Đình Diệm*. Người hầu gái bưng khay nước bước vào chào, hỏi chúng tôi uống gì. Chúng tôi cười, bảo nước gì cũng được và được mời ngồi nhưng không ngồi chỉ đứng nhìn các bức tranh.

Người hầu gái nép qua một bên, cúi đầu, ông tỉnh trưởng Lê Trung Chi bước vào. Độ trên bốn mươi, người mập hơi thấp, miệng rộng môi trên nơi khoé miệng có vết sẹo nhỏ, mặc bộ đồ lụa màu vàng lợt. Vừa vào đến cửa ông vui vẻ nói:

- Xin lỗi các em, chờ tôi hơi lâu, mời các em ngồi tự nhiên.

Chúng tôi chưa dám ngồi. Tôi trịnh trọng thưa:

- Kính thưa cụ tỉnh trưởng, chúng tôi là học sinh ở Quảng Ngãi, anh này là con cụ Lương Bá Tiên, anh này con ông Lê Thiệp, người rể trưởng của cụ Lương Bá Tiên, còn cháu là bạn học của hai anh này.

Ông bắt tay rất thân mật, vồn vã bảo chúng tôi ngồi uống nước. Ông Lê Trung Chi là cháu nội của ông cử nhân Lê Trung Đình, người Quảng Ngãi, là một lãnh tụ phong trào Xin Xâu Khất Thuê và bị xử chém, một nhà ái quốc ai ai cũng kính mến. Lê Trung Chi đậu bằng tú tài Pháp, có lẽ nhờ thanh thế lớn của dòng họ nên được bổ dụng làm tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam. Ông mời chúng tôi uống nước và chỉ Phường nói:

- Em giống anh Lương Bá Thận quá, tôi thường gặp anh Thận ở Huế, em đã gặp anh Thận chưa?

Phường đáp:

- Dạ chưa, mới tới đây chiều hôm qua, vào thăm ông rồi sáng mai đi thăm anh Thận.

Tuy gốc Quảng Ngãi, nhưng ông sinh và lớn ở Huế nên nói giọng Huế. Ông bảo biết rất ít về Quảng Ngãi, hỏi thăm về gia đình Phường, sau cùng hỏi về tình hình trong tỉnh. Ông bảo sợ quê nhà quá, năm 1945 ở Quảng Ngãi rất nhiều người vô tội bị giết, ông lo cứ trả thù qua thù lại tạo một tỉnh toàn là hận thù thì đáng tiếc. Đưa chúng tôi ra tận cổng, ông bắt tay không quên dặn nên tiếp xúc với ông và khi cần điều gì nói với ông.

Chúng tôi nôn nao tràn ngập sung sướng vì đã đặt chân lên đất tự do. Chúng tôi thấy ai cũng vui, ai cũng như gần gũi

thân mật, lòng mở rộng và dễ dãi vô cùng. Ba anh em chúng tôi phần khởi ra bến xe đi Huế hỏi thăm giá vé, vì chúng tôi muốn đến Huế để gặp anh Lương Bá Thận, anh ruột của Phưởng, cậu của Sử và cũng là bạn học của anh cả tôi. Chúng tôi thường nhắc đến anh Lương Bá Thận, vì chúng tôi nghĩ khi đến được vùng tự do, phút đầu chắc sẽ bị bắt giữ điều tra vì là người từ vùng kháng chiến trốn qua. Chúng tôi tính sẽ khai có người quen là Lương Bá Thận đang làm việc ở Huế và tin là sẽ được trả tự do khi họ xét điều khai trên đúng sự thật. Không thể diễn tả hết nỗi sung sướng lần đầu tiên đi trên phố vùng tự do.

Chúng tôi đang huyền thiên đủ thứ chuyện bỗng gặp ông Phạm Đình Nghi, thầy dạy tôi ở trường Lê Khiết. Ông người Quảng Ngãi, con một vị thống chế (một chức quan võ triều Nguyễn), bạn học với ông Lê Trung Chi, đậu tú tài Pháp, làm thừa phái thời Pháp thuộc trước 1945. Dáng nhỏ thấp, gầy, nhưng đặc biệt cặp mắt to, sáng, mày đậm, mũi cao, tạo một vẻ oai nghiêm khiến người đối diện kính nể. Tôi học thầy môn lịch sử, nhưng thầy hay bỏ giờ dạy vì đau ốm, đau thực cũng có mà đau vì bất mãn cũng có. Thầy kể chuyện hấp dẫn nên được học trò thích. Chúng tôi kính mến thầy vì thầy là người chống chế độ. Thấy chúng tôi, thầy vui mừng hỏi:

- Các chú ra bao giờ, ở đâu, đi với ai nữa..?

Chúng tôi mừng quá, cho thầy biết ngày mai đi Huế thăm bà con, rồi sau mới tính vì chúng tôi không quen ai. Thầy Nghi khoát tay:

- Không! Không được! Các chú không thể làm thế được, các chú lo phần các chú, còn tình mình bỏ cho ai, ít nhất trong giai đoạn đầu mình phải xây dựng chánh quyền cho căn bản rồi đi đâu thì đi.

Tôi tiếp lời:

- Thừa thầy, bọn em còn nhỏ, biết gì mà thầy bảo xây dựng chánh quyền. Thừa thật với thầy bọn em thiết tha đi học quá, mấy năm kháng chiến như thầy biết đâu có học cái gì, phí biết bao thì giờ, bây giờ dưới trời quốc gia tự do, chúng em phải học gấp rút để bù lại, thưa thầy.

Nghe tôi nói nỗi ước mơ được đi học, thầy có vẻ xúc động:

- Thầy rất cảm động nghe em nói khát khao việc học. Thầy có theo dõi vụ các em trốn đi vùng bị chiếm, cả vụ xử án nữa, thầy nói thật, thầy rất thương các em, qua vụ đối đáp trước tòa,

thầy phục các em hiên ngang, đúng là truyền thống Quảng Ngãi. Nhiều chuyện lảm từ từ rồi nói, bây giờ thầy giải quyết như thế này. Chiều qua tại tòa tỉnh, ông Duyên đại biểu chánh phủ Trung Việt gọi ông Lê Trung Chi, tỉnh trưởng nói chuyện với thầy, họ giao tỉnh nhà cho thầy lo xây dựng chánh quyền, đều là chỗ quen thân cũ, thầy phải nhận, nhưng việc này không phải một hai người mà làm nổi. Nếu mình không làm, người các nơi tới đâu có hiểu hoàn cảnh đặc biệt của tỉnh mình, sẽ làm hư hết, tội nghiệp dân chúng đã khổ quá lâu rồi. Các em phải ở lại với thầy, dựng xong chánh quyền các em đi học cũng không muộn. Nghe thầy đi, việc đi Huế không cần thiết. Bây giờ, dọn về nhà ông Vưu Minh, bạn thầy ở, nhà rộng, gặp những anh em thiện chí đưa họ về đó. Gấp lắm rồi, phải cho kịp cái lịch tiếp thu đã qui định mình không được trễ. Các em có biết anh Bùi Bưu không, hiện thầy đã đưa về ở đó.

Thêm một ngạc nhiên nữa, tôi cho thầy biết Bưu là anh em với tôi, trước khi Bưu ra đi, chúng tôi có một cuộc họp rồi quyết định đưa ông ta đi trước, với sứ mạng là đi Huế. Thầy Nghị ngắt lời, cho biết cũng vì gặp ở đây, nên thầy kéo tập trung một chỗ.

Trước đây một tuần, chúng tôi quyết định Bùi Bưu ra trước quan sát tình hình thế nào vì không thể tin vào mấy tờ báo một chiều. Sở dĩ đưa Bưu đi vì ông rành đường, giao thiệp giỏi, sành đời hơn...Chúng tôi đưa cho ông chiếc xe đạp của Phưởng, chiếc xe tốt bậc nhất lúc bấy giờ. Không ngờ Bưu lại gặp thầy Nghị. Chúng tôi đồng ý cùng với thầy thành lập chánh quyền Quảng Ngãi.

Từ những ngày đen tối cùng cực trong kháng chiến, bước đến Hội An như hai thế giới khác nhau. Mỗi buổi sáng, chúng tôi ra tiệm Hòa Bình ăn sáng, có đủ món ăn sang trọng Pháp, Tàu, Việt, trưa và tối ra ăn những bữa ăn sang trọng và ghi sổ. Hội An là một phố nhỏ nhưng với chúng tôi lúc ấy là nơi tập nập, vui vẻ. Hai cửa hàng tạp hóa Phi Anh, Phi Yến làm cho chúng tôi choáng váng, nhất là về đêm. Đèn điện trước đây thỉnh thoảng có thấy chỉ là những bóng tròn thôi, nay thấy những đèn không phải bóng tròn mà là bóng dài lại còn màu sắc nên Hội An cho tôi nhiều mới lạ, nhiều ngạc nhiên. Đi vòng vòng các tiệm xem những món hàng kỳ lạ, không biết để làm gì, nhưng biết là sang và đắt tiền. Chúng tôi được may mỗi người hai bộ quần áo tùy ý chọn thứ vải nào mình thích. Chúng tôi chọn vải kaki vì thực ra

không biết thứ vải nào ngoài kaki. Tất cả đều ghi số. Mới mấy ngày chúng tôi thay đổi hoàn toàn về hình thức áo quần, không còn hình ảnh của một học sinh trong kháng chiến nữa.

Vài ngày sau, Phạm Huệ và Lê Văn Tư ra.

Chúng tôi mừng thấy những người thân lần lượt gặp nhau tại nhà Vụ Minh ở Hội An. Rồi anh cả tôi với Nguyễn Cự đi xe đạp ra. Tiếp là Lê Vinh Thiệu, Phạm Anh, Trần Đình Thám. Như thế anh em thân chúng tôi đều ra Hội An. Có nhiều người tôi không quen biết như ông Lữ Đình Hiễn nguyên là giáo sư trường trung học Bình Dân thời kháng chiến, ông ở trong một nhà thờ ở Hội An. Trước khi về tiếp thu Quảng Ngãi, tất cả chúng tôi ra Đà Nẵng hai tuần.

Thành phố Đà Nẵng rất ồn ào náo nhiệt, xe chạy rộn rịp, phần đông là xe nhà binh Pháp. Chúng tôi phải rất thận trọng khi qua đường vì gần như lộn xộn ít tôn trọng luật đi đường. Trên trời máy bay tuần tiễu bay suốt ngày đêm. Phố xá tấp nập, người qua lại đông đúc, vì Đà Nẵng là một hải cảng, tàu bè đậu san sát trên bến, hàng hoá chất cao như núi. Hơn nữa, Đà Nẵng chẳng những là một căn cứ quân sự quan trọng mà còn là một trung tâm thương mại lớn của Việt Nam.

Tất cả chúng tôi tập họp trong phòng họp lớn của tòa hành chánh Đà Nẵng để phân chia công việc, phần lớn do ông Phạm Đình Nghị, có nghị định tạm thời do đại biểu chánh phủ Trung Việt ký. Chạy vòng ngoài lo cho ông tỉnh trưởng có ông Phạm Văn Diêu là cháu Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt, có Trần Hoàng, người quận Bình Sơn, đậu tú tài Pháp, làm nghề dạy học, ít nói, tự ty, làm cố vấn cho ông Phạm Đình Nghị. Tôi, Thiệu, Sử ở danh sách công an. Cự, Thám, Huệ ở danh sách thông tin. Anh cả tôi và Phạm Anh không có trong danh sách, cũng không nói lý do tại sao. Mãi mười lăm năm sau lúc thầy Nghị ở chung với tôi và Sử ở Sài Gòn, tôi hỏi lại chuyện đó, thầy cho biết lúc ấy vì Trần Hoàng khó tính hẹp hòi không thích những người có vẻ bất cần như anh tôi và Phạm Anh.

TIẾP THU TỈNH QUẢNG NGÃI

Đoàn xe đưa chúng tôi tới Chu Lai, biên giới tỉnh Quảng Ngãi. Lòng sôi rạo rục, lần đầu tiên tôi yêu thương quê hương, đường quốc lộ, cây cỏ thụ dọc đường, đồng lúa xanh, những đồi

núi hai bên dòng nước chảy trong veo... Trời sáng hôm nay đẹp quá, đẹp hơn bao giờ hết, hình như vạn vật hân hoan chào đón chúng tôi, hình như tất cả đã lâu lắm rồi trông chờ chúng tôi, và hôm nay hội ngộ. Tôi trở về, thực sự tôi đã về. Hình như ai ai cũng vui. Buổi lễ đầu tiên chánh quyền trình diện đồng bào rất cảm động. Nhưng dân chúng không tham gia đông đúc vì một số e ngại hai năm sau cộng sản trở lại. Chúng tôi biết dân chúng chẳng những được học tập kỹ về việc bất hợp tác mà còn phải đấu tranh với chánh quyền mới.

Ngay buổi chiều đầu tiên, chúng tôi họp từng ngành riêng. Tỉnh trưởng Phạm Đình Nghị giới thiệu ông Nguyễn Tiến Lữ làm trưởng ty công an, một người từ nhà tù cộng sản mới ra, trạc bốn mươi, lùn thấp, gương mặt hơi dữ, mắt lớn, mắt nhỏ, râu xồm xuề. Ông nói giọng Quảng Ngãi trăm phần trăm và tự giới thiệu là người Mộ Đức, ở tù ba năm nếu không có hiệp định đình chiến chắc là chết trong tù. Ông tố cáo sự tàn ác dã man của cộng sản. Theo dõi cuộc nói chuyện của ông rất khó, bởi ông quá cảm xúc khi nói, nhiều khi hận thù, ông chửi lung tung và đòi bắn bỏ tất cả bọn phản động. Ông kêu gọi mọi người làm cách mạng, và định nghĩa cách mạng là *“không giấy tờ, không cần nguyên tắc”* Lên tiếng bài trừ phong kiến, tư bản, phát xít, cố nhiên cộng sản là kẻ thù số một vì bọn nó cầm tù ông. Nói lung tung, ông kêu gọi làm cách mạng, rồi sắp xếp công việc. Trước hết, ông giới thiệu Nguyễn Ý làm phụ tá trưởng ty. Ông bảo Nguyễn Ý là “đồng chí” của ông trong tù, một người chống cộng sản quyết liệt. Sau khi giới thiệu vài người làm trưởng ban, ông giới thiệu tôi làm “trưởng ban điều tra”. Bất ngờ quá, như cái lò xo tôi đứng dậy nói: *“Dạ thưa, tôi là một học sinh, tôi không biết gì hết làm sao làm trưởng ban?”*. Ông cho biết đó là sắp xếp của ông tỉnh trưởng, hơn nữa, theo ông có tinh thần cách mạng là làm được hết.

Từ đó tôi tập bắn súng lục. Toán chúng tôi gồm mười bốn người chưa có chút kinh nghiệm gì về công an tình báo. Do đó, chúng tôi làm đủ việc tạp nhạp như đi bắt người, bắt thuốc phiện, đi dẹp các cuộc đấu tranh v.v... Cứ mỗi sáng, tôi phân công một số địa điểm, thường lấy xã, tiểu thị trấn làm đơn vị, giao công tác cho anh em đến điều tra, theo dõi tình hình, trước hết và quan trọng hơn hết là tư tưởng dân chúng trong đơn vị đó, truy tầm cán bộ cộng sản bí mật ở lại, các địa điểm trú ẩn

nhất là hàm bí mật, đặt người, mạng lưới để theo dõi. Mỗi ngày nhân viên các toán báo cáo tình hình cho tôi và tôi tổng kết tất cả báo cáo trình lên trưởng ty. Đại khái công việc là vậy! Tôi tự bày ra mục tiêu chính là làm thế nào tìm hiểu tư tưởng và hành động chính trị của dân chúng. Trong tháng đầu, nhân viên toán tôi lên tới bảy, tám chục người. Nói là ty, thực ra mới chỉ có chừng dưới mười người làm văn phòng ty, một đội canh gác ty và văn phòng tình trưởng lúc đầu đặt tại nhà ông tình trưởng. Tất cả công an khác đều trực thuộc ban điều tra của tôi. Công việc của tôi có vẻ nhộn nhịp và rõ ràng nên ông trưởng ty rất mừng, nếu không có ban tôi thì ty không có việc gì để làm! Tôi chiếm một phòng rộng có nhân viên văn phòng làm tổng kết báo cáo, có tủ khoá kỹ để cất giữ hồ sơ mật và phòng tôi có người canh gác cẩn thận, hạn chế người ra vào ...

Những ngày đó, tôi, Thiều, Sử thuê nhà ở chung trước một quán ăn ngon nhất và gần như duy nhất lúc bấy giờ. Thời gian này, tôi có người bạn gái là Nguyễn Thị Sáng. Sáng có anh trai tên Trứ, học trên tôi một lớp ở trường Lê Khiết. Trứ học giỏi và thích văn nghệ, biết làm thơ nên quen với Thiều. Sáng học dưới tôi ba lớp, năm đó nàng chừng mười bảy. Tôi nhớ mãi vở kịch nhan đề là *"Quán bên đường"* diễn tại trường, Sáng đóng vai cô con gái của chủ quán, có những người yêu mê cô đến điên cuồng... Sáng rất đẹp, rất lộng lẫy dưới ánh đèn sân khấu.

Tôi và Thiều ngồi uống bia trong quán thấy Sáng đi qua. Thiều nhận ra nhưng không ngờ Sáng còn ở lại. Chúng tôi nghĩ gia đình cô đi tập kết. Nhà Sáng gần trường Lê Khiết bên kia sông Vệ còn là vùng cộng sản ba trăm ngày chót nhưng là khu đệm nên qua lại dễ dàng. Thiều vì quen với Trứ, anh của Sáng, nên xem nàng như đứa em. Thiều chạy ra mời nàng vào uống nước. Tôi hỏi:

- Sáng uống gì?
- Dạ, nước chanh
- Nước chanh không ngon đâu, uống nước cam?
- Dạ, anh cho em.

Những tiếng nhẹ nhàng của nàng dễ thương quá.

Tôi không ngờ mới hơn một năm mà Sáng thấy lớn khác hẳn, cao hơn, da trắng hơi mập, hình như ở tuổi mới chớm phát triển của người con gái. Tối đó Thiều đi họp, tôi bỏ họp ở nhà với Sáng. Khuya rồi, nàng đòi đưa nàng về nhà bà dì bên kia

cầu Trà Khúc, tôi bảo ở lại sáng mai về. Nàng đỏ bừng mặt cúi đầu e thẹn. Tôi hỏi:

- Em còn nhớ kịch “*Quán Bên Đường*” năm xưa?

- Dạ làm sao em quên được, đó là lần đầu anh Trứ em bảo em đóng, em mắc cỡ cả tháng sau, vì nhiều anh để ý đến em quá, hồi đó anh còn nhỏ đâu có biết để ý như các bạn của anh Trứ phải hông?

Nàng nũng nịu làm tôi không còn tự chủ nữa, tôi ôm nàng vào người nói:

- Còn nhỏ nhưng em biết hông, đêm đó, đêm em trình diễn đó, anh ngủ không được ôm chặt cái gối tưởng tượng ôm em...

Cùng thời gian này có tin dân làng Châu Sa bị Việt cộng xúi dục biểu tình. Tôi liền đưa một số bảy tám người xuống điều tra. Tôi đi vào xóm, dân chúng nhìn chúng tôi có vẻ sợ sệt. Nhờ sự điều tra tích cực, chúng tôi bắt được mấy người cầm đầu trong xã và từ đó không lộn xộn nữa.

ÁM SÁT HỒ THIẾT

Một buổi sáng, tôi đang ngồi uống cà phê trong một quán gần ty công an, một thanh niên cỡ tuổi tôi, hơi lùn, da trắng trông rất thư sinh, hơi rụt rè đến bàn tôi hỏi:

- Anh Liệu còn nhớ tôi không?

Tôi chỉ nhớ như có gặp ở đâu đó, nhưng cười đáp:

- Quên sao được, mời anh ngồi uống ly cà phê.

Anh ta cười cười vừa khuấy ly cà phê vừa nhìn vào mặt tôi hình như để dò thử, tôi có hi vọng nhớ không. Tôi nhớ ra rồi:

- À, ra là tiếng sáo Thiên Thai, anh Xử, làm sao tôi quên được, mà sao chậm vậy, cha?

Anh tên Lê Văn Xử, giáo viên trẻ tuổi tài hoa, có một dịp hè học bổ túc sư phạm ở làng tôi. Anh là người trẻ nhất khoá, hát và ngâm thơ rất hay, đặc biệt tiếng sáo của anh làm cho anh em tôi say mê. Tôi còn nhớ anh thổi bài *Thiên Thai*, tiếng sáo réo rất trong đêm khuya, khi vút cao, khi lửng lơ, khi ẻo lả thướt tha, khi trầm sà, sà mãi xuống mặt cỏ. Rồi lại vút lên, lên mãi, đột nhiên hạ thấp, âm thanh như không dứt khoát, dùng dằng nửa ở nửa về, tiếng sáo nghèn nghẹn nức nở như oán như than... Chúng tôi bị tiếng sáo của anh thôi miên thu hút. Thực sự tháng hè năm đó, tôi và Cụ quán quýt bên Xử để thụ huấn tiếng sáo của anh.

Hết một tháng, Cự cố nhiên không bằng “sư phụ” nhưng cũng khá réo rắt, còn tôi thì không có kết quả tôi bỏ cuộc. Vẫn nụ cười rất dễ mến, Xử đáp:

- Từ ngày anh tiếp thu chánh quyền, tôi có biết, nhưng đang có một việc theo dõi từ lâu để nắm cho được chắc chắn rồi ra bàn với anh thử như thế nào. Lát uống cà phê xong, tới chỗ nào thuận tiện anh cho tôi trình bày câu chuyện để anh quyết định.

Trên đường đi về văn phòng, tôi hỏi thăm về gia đình, anh cho biết cha anh bị chém trong cuộc khởi nghĩa 1945, mẹ anh ở vậy nuôi anh và đưa em gái. Anh chưa có vợ, mới có người yêu, còn em gái anh đã có chồng. Hiện anh và người yêu sống trong một chiếc ghe chạy dọc bờ sông Vệ phía bên quốc gia, vì đó là ranh giới khu đệm

Khép cửa lại, Xử nói nhỏ nhỏ:

- Tôi muốn bàn với anh một việc rất hệ trọng nếu anh chấp nhận thì tốt, nếu không, xin anh hiểu giùm cho chuyện này chỉ có anh với tôi và trời biết mà thôi.

Tôi cười đáp:

- Việc gì mà kinh vậy, cố nhiên anh dặn thì tôi tuân hành, hơn nữa việc riêng tư làm sao cho người khác biết.

Xử nghiêm nét mặt nói:

- Tôi muốn trình anh một kế hoạch giết tên Hồ Thiết. Sở dĩ tôi bán tên này vì chẳng những nó giết cha tôi chín năm về trước mà như anh biết nó và thằng Từ Ty giết mấy ngàn người Quảng Ngãi vô tội, nếu anh đồng ý thì tôi tiếp tục trình bày, nếu không thì tôi ngừng ở đây mình nói chuyện văn nghệ.

Tôi không ngờ anh thư sinh có vẻ nghệ sĩ này lại có ý định dữ dội. Tôi nén xúc động giữ bình thản trả lời:

- Đồng ý hay không cũng phải suy nghĩ kỹ, vì như anh biết lúc chiến đấu thì dễ, bây giờ là hòa bình, tuy không ai dám chắc hòa bình được bao lâu, nhưng phải suy nghĩ cho kỹ, nếu không ủy hội quốc tế nó có biện pháp với mình. Tuy vậy, trên đại thể, tôi đồng ý với anh, vậy anh có thể trình bày tiếp cho tôi rõ để dễ bề quyết định.

Xử vui vẻ kể tiếp:

- Nói thật với anh, nó là bà con phía ngoại của tôi, phía ngoại tôi họ Hồ. Nó có thằng cháu hiện làm uỷ viên kinh tế tỉnh, nhà ở đập Bến Thóc gần trường Lê Khiết. Ngoài tính chất là một

đưa cháu, không biết còn thứ gì nữa không mà nó hay lên nhà thằng cháu này lắm. Thường thường mỗi tháng ít nhất nó đến nhà đó một lần. Tôi nói ít nhất một lần vì có khi ba bốn lần trong một tháng. Thế mà hai tháng nay, nó chưa về lần nào vì nghe nói nó đang lo sắp xếp đi tập kết và chắc chắn nó sẽ về thăm một lần chót rồi ra Bắc, lợi dụng cơ hội này, tôi giết nó.

Anh nói tới đó rồi ngồi thừ nặng nề như người làm một việc quá xúc động đến nỗi cơ thể không chất chứa hết được, mồ hôi rướm trên trán. Tôi tiếp lời:

- Anh nên đi vào chi tiết để tôi góp ý với anh, ý tôi muốn hỏi anh là cụ thể giết như thế nào, điều này rất quan trọng vì sợ sót một chút có thể thất bại mà khi thất bại thì hậu quả không thể lường được, vậy phải nghiên cứu kỹ điểm này. Công việc chẳng những quan trọng mà còn rất nguy hiểm nên phải tính kỹ, việc này không làm thì thôi, mà đã làm, không được thất bại.

Xử chậm rãi đầy tự tin kể tiếp:

- Tôi có đưa em của tôi, tức là đưa em phía vợ tương lai, tuy nói em nhưng nó lớn hơn tôi bốn tuổi, gia đình nó rất thân với gia đình thằng ủy viên kinh tế tôi nói vừa rồi, rất nhiều khi Hồ Thiết về nhà thằng cháu chơi gặp thằng em tôi chuyện trò, ăn nhậu cả buổi chiều. Kế hoạch của tôi là thằng em đó có bốn phận theo dõi gia đình thằng cháu, khi thấy Hồ Thiết về lập tức báo tôi đồng thời làm bộ như vô tình đến chơi gặp và chắc chắn chuyện trò thân mật vì lần này thăm và từ giã. Còn tôi từ cổng chính đường hoàng đi thẳng vào, nếu bọn gạt-đờ-co nhào ra cản trở thì tôi hạ bọn đó trước, trong khi đó thằng em rút súng ngắn giấu trong người bắn tên Hồ Thiết, xong chúng tôi chạy ra bờ sông xuống ghe chờ sẵn. Anh thấy chưa, kế hoạch chu đáo, hai sát thủ chứ không phải một. Thằng em phải chờ tôi vào mới bắn, trừ ngoại lệ đặc biệt. Tại sao phải chờ, vì nếu một người tự động bắn thì nhiều khi khó thoát khỏi bọn cận vệ sẽ bắn hạ mình tại chỗ. Và phải chờ vì khi xong việc hai đứa hỗ trợ để chạy ra ghe vì cả gần hai cây số mới tới bờ sông, biết đâu khi nghe tiếng súng bọn an ninh ngầm của nó tiếp bắt mình.

Xử có vẻ thỏa mãn về kế hoạch đã vạch và chờ ý kiến của tôi. Tôi để cho anh nói xong mới có ý kiến:

- Tôi, hoàn toàn đồng ý với anh, vì Hồ Thiết là cái máy chém năm 1945, ai ai cũng sợ tên hung thần này. Từ Ty cũng kinh khủng, nhưng Từ Ty chỉ chém trong quận Tư Nghĩa thôi,

còn Hồ Thiết là cả một tỉnh. Năm tôi học Lê Khiết ở trọ nhà ông Trần Bạt Tụy. Lúc bấy giờ, ông Phạm Quang Lược, là một dân biểu, thường đến nhà ông Tụy chơi, họ chê bai Hồ Thiết, bảo Thiết là người hay trai gái bậy bạ, bị kiểm điểm nhiều lần và là con người ích kỷ tối đa. Họ đưa một ví dụ, Thiết cùng một số bạn bè tìm được bộ sách hay và rất hiếm, khó tìm là “*Ngũ hổ bình Tây*”, dự định người này đọc xong chuyển qua người khác. Thiết đọc trước, học thuộc, rồi đốt! Đấy một con người chẳng những tàn ác, cực kỳ tàn ác mà còn ích kỷ một cách ti tiện, tôi tán đồng cho nó chết để hàng mấy ngàn gia đình người Quảng Ngãi có thân nhân bị nó giết, đỡ oán hận. Vậy bây giờ tôi hỏi anh, để thực hiện kế hoạch đó, anh cần những thứ gì, cụ thể là vũ khí, tiền nong v.v... Tôi sẽ đem chuyện này bàn riêng với ông Tỉnh Trưởng.

Không cần suy nghĩ, Xử vui vẻ đáp:

- Tôi chỉ cần hai khẩu súng, một khẩu súng lục cho thằng em xử dụng, súng càng nhỏ càng tốt, tôi nghe họ nói có nhiều loại súng nhỏ để giấu trong áo và một khẩu tiểu liên để tôi quạt hết bọn bảo vệ nó. Thú thực với anh, nếu tôi có súng có thể tôi không cần làm phiền anh, tôi rình chờ nó về là tôi bắn nát đầu nó rồi tôi chạy qua vùng Quốc Gia, nhưng vì không có súng nên phải ra xin anh cho súng.

Tôi e Xử không rõ hết ý của tôi nên giải thích thêm:

- Xử ạ, sở dĩ tôi nói sẽ bàn với thầy Nghị về vụ này là có ý hỏi thầy Nghị phải có chút gì gọi là phần thưởng công lao của anh, chứ cá nhân tôi, thực sự tôi có đủ súng đưa cho anh và ít nhiều anh em tôi chia sẻ với anh vì chúng mình là những thằng đều đói khổ cả. Giả sử ông tỉnh trưởng sợ sệt, sợ pháp lý v.v... thì tôi hứa chắc tôi hoàn toàn lo cho anh. Tôi và anh đã biết nhau từ trước, xin anh đừng ngại lại nhà tôi ở, để anh em mình còn nhiều chuyện tâm sự. Thôi, bây giờ tôi đi gặp thầy Nghị, anh ghé nhà tôi ngay bây giờ, có anh em quen biết với anh ở đó, chỗ tôi ở vui lắm, anh hùng Lương Sơn thường tụ tập tại đó, nay có thêm anh chắc anh em mừng lắm.

Tôi chỉ nhà tôi, Thiều, Sử thuê từ ngày mới tiếp thu Quảng Ngãi, rồi đưa anh ra đường chỉ hướng cho anh đi. Tôi gặp ông tỉnh trưởng trình bày câu chuyện. Ông rất vui khuyến khích nên làm nhưng dặn đừng để dính tới chánh quyền, tránh bị ủy hội quốc tế tố cáo qua phủ Thủ Tướng thì chịu tội cả đám. Ông cho

biết mới lập chánh quyền mấy tháng mà đã có kẻ báo cáo bậy bạ nào Quảng Ngãi như một “vương quốc” riêng, không muốn theo lệnh nha đại diện Trung Việt, nào Quảng Ngãi không lo làm việc chỉ lo tổ chức Quốc Dân Đảng, nào không biết chút gì về hành chánh, chút gì về công an.

Những điều ông tỉnh trưởng bực bội vừa nói, thật ra rất đúng, trường hợp tôi là một, vì có bao giờ tôi được huấn luyện về công an, chỉ đem thiện chí ra gắng làm việc. Khi mới vào tiếp thu, nha đại biểu chánh phủ chỉ cho một công chức già làm phó tỉnh trưởng coi về hành chánh. Vị phó này như ngồi trên lửa, tuyên bố rằng ông vì “*trâu già không sợ dao phay*” nên mới dám vào cái “*nước Quảng Ngãi*”, còn bọn trẻ không đứa nào dám đi, vì phần sợ loại cộng sản ngu xuẩn cuồng tín, phần sợ loại quốc gia quá khích. Tôi thấy ông phó già này hiểu rõ đặc tính của người Quảng Ngãi, một nơi nhiều khi coi mạng người rất rẻ. Cái người coi mạng người rất rẻ đó là Hồ Thiết. Tôi hỏi thẳng ông tỉnh trưởng chỉ cho một số tiền để làm công việc đặc biệt đó. Ông suy nghĩ một lát rồi nói:

- Có lẽ em hiểu thầy, chứ ông Lữ (trưởng ty công an), ông Bảo (phó tỉnh trưởng nội an) nhiều lần giải thích mà không chịu hiểu, kể cả ông Trần Hoàng nữa, các ông không cần nguyên tắc, miễn được việc là được, nhất là tài chánh, thầy rất sợ có ngày ở tù cả đám. Mỗi lần thầy bước vào bộ vào sở thì họ nói toàn là nguyên tắc, chỗ nào cũng nguyên tắc, nguyên tắc, có ngày chúng ta mất nước vì các nguyên tắc ràng buộc trói tay trói chân chúng ta. Thầy đã có lúc bực quá lớn tiếng với cụ Nguyễn Đôn Duyệt, bảo trả lại cụ chức tỉnh trưởng, không làm được vì các nguyên tắc do thực dân để lại. Cụ cười bảo thầy mới bực bội có mấy tháng còn bản thân cụ bực bội trên ba chục năm rồi. Trở lại vấn đề của mình, thực ra đó là việc đáng làm, nên làm, phải làm, nhưng em phải biết đó chính là việc ngoài nguyên tắc. Bởi thế, thầy mới nói mình bị nguyên tắc kể cả luật pháp bó tay để cho bọn cộng sản không nguyên tắc tha hồ đánh mình, đó là cái cay đắng của người Quốc Gia. Bây giờ thầy giải quyết việc đó là bọn mình rút tiền túi ra chi, chứ đợi các quan trên chi nhiều khi ba năm nữa chưa chắc có, nhưng thầy hứa chắc khi xong việc thầy cho tất cả số anh em có công đó vào làm việc tùy sở thích và khả năng của họ, cấp thời, đừng đầu đoán đó, thầy bảo ty xã hội chi cho họ một số áo quần vải sò, đồ hộp thuốc lá... thứ gì có thì

chi cho các anh hùng thiện chí đó.

Tôi biết ông tỉnh trưởng nói rất đúng, nhưng hơi thất vọng, buồn buồn đáp:

- Thôi thầy để bọn em lo. Thầy nhớ cho họ làm việc khi họ xong việc. Còn việc này, xin lỗi thầy, nếu nhiều người biết thì sẽ thất bại trước khi bắt tay vào việc.

Ông tiến tới ra tận cổng vui vẻ nói:

- Thầy hiểu, thầy không để cho bọn “ruột như rỏ sảo” đó biết đâu, đây là việc tối mật, thầy giao em toàn quyền quyết định, thầy tin ở khả năng và tinh thần yêu nước chống cộng sản của em.

Ba ngày đêm, Xử ở nhà tôi. Chúng tôi rầm rì nói chuyện rất khuya. Tôi luôn dặn Xử phải lạnh lẽ, bình tĩnh là hai đức tính không thể thiếu của một sát thủ. Mất bình tĩnh và nhút nhát, dự dè dù chỉ “tíc tắc”, là chết, là thất bại. Tôi kể cho Xử nghe những chuyện từ một số sách trinh thám đã đọc, thêm suy luận của tôi và nói với anh:

- Việc này cực kỳ nguy hiểm, khó khăn, nếu không chuẩn bị đầy đủ nhiều khi chỉ một trở ngại rất nhỏ mà hỏng việc lớn. Rất tiếc tôi không gặp được em của anh, bởi anh ấy là vai trò quyết định. Anh ấy không cần phải thiện xạ, nhưng rất cần dứt khoát, quyết liệt, quyết tâm. Khi vừa thấy bóng hấn vào địa phận là nhanh như chớp con mồi phải gục ngã. Nếu anh ấy sợ sệt không dứt khoát, anh ấy sẽ bị tên Thiết bắn chết trước khi anh vào, cho nên tôi bảo người em anh là vai trò chính chứ không phải anh. Nếu anh ở vị thế đó thì tôi tin hơn, nhưng anh không quen biết với Thiết làm sao gần được hấn, nhất là lúc này. Nói thật với anh cái khó là chỗ đó, điều đó ngoài tầm tay của anh và tôi. Anh nên nhớ nghĩ đến kẻ thù mình tưởng có thể ăn tươi nuốt sống nó, nhưng khi đối diện, kẻ súng vào người nó, coi chừng, hầu hết bị “phản ứng tâm lý phản hồi”, nghĩa là muốn dừng lại trong khoảnh khắc. Đó là phút quan trọng nhất, thành bại ở phút đó. Làm sao cho người em của anh hiểu được sự cực kỳ quan trọng của phút đó. Tóm lại, rút súng là dứt khoát bắn ngay vào đầu hấn, bắn bồi thêm, và muốn chắc ăn trên trăm phần trăm thêm một phát vào “màng tang” của nó, rồi cũng nhanh nhẹn rút lui. Anh nên nhớ năm khởi nghĩa 1945, làng Long Phụng là nơi bồi dưỡng những người lính chống quân Nhật, chính mắt tôi thấy có những anh bị cả băng đạn vào người mà cuối cùng vẫn

sống. Đó là bài học mà các sát thủ phải học thật kỹ nếu không sẽ hối tiếc đến chết. Còn một điểm nữa, anh phải lưu ý, trường hợp này thì tức chết được. Khi chín mười tuổi, tôi đọc trong tạp chí “*Trung Nhật chiến tranh*”, một toán du kích Trung Hoa phục kích bắn chết sạch một trung đội lính Nhật đang bảo vệ một sĩ quan đi ngựa qua một đường đèo. Chiến thắng oanh liệt đó làm toán du kích nhảy múa vui mừng, báo chí đăng tải tin chiến thắng vì giết được tên sĩ quan hung ác nhất. Nhưng tên sĩ quan là một con cáo già, anh ta chỉ bị thương nhẹ, lăn trong vũng máu kéo xác người đồng đội chặn trên đầu mình, toán du kích đại thắng thu dọn gấp chiến lợi phẩm. Trừ bộ quần áo đầy máu, người sĩ quan bị lột sạch, nhất là huy hiệu cấp bậc để đem về trình cấp trên. Tránh bọn Nhật tiếp viện, toán du kích rút nhanh về sào huyệt. Khi đoàn quân viện đến truy kích và lấy xác, biết chắc là quân mình, người sĩ quan tốt số đứng dậy để được hộ tống về bệnh xá. Đấy, anh thấy chưa, nếu anh là toán trưởng toán du kích kia, sau vụ mừng hụt anh sẽ hối tiếc đến chết được. Nếu anh du kích đó chín chắn thì sẽ bắn bồi ít loạt đạn vào tim người sĩ quan thì trời cũng chết hưởng chi người. Anh học ngay bài học ấy cho tôi.

Xử nghe có vẻ thích thú lắm.

Tôi đèo Xử sau xe đạp chở mười cây số đến bờ sông Vệ. Ngồi bên này nhìn qua bên kia bờ, cảnh vật thật vắng vẻ. Chưa đến mùa mưa, con sông chỉ còn khoảng ngắn giữa hai bãi cát trắng thăm thẳm. Thật xa bên kia sông là những hàng tre xanh và những đồng bắp mía, tuyệt nhiên không bóng người. Tôi giật mình nghĩ đến cảnh chết. Hai chúng tôi ngồi thật lâu, lặng im không một tiếng động, tôi có linh cảm đây là lần chót tôi gặp Xử. Bất giác liên tưởng đến một chiều mùa đông âm u Thái Tử Đan đưa Kinh Kha qua Sông Dịch. Nặng nề quá, chịu hết nổi tôi đứng dậy đưa cái xách tay cho Xử, buồn buồn dặn:

- Trong xách này có đủ hai vật anh yêu cầu, thêm một số đạn, và gửi anh ít tiền để chi tiêu hàng ngày. Đã xem là anh em, anh đừng khách sáo, cần gì thêm, nhất là hết tiền xài, anh hoặc sai em út ra gặp tôi. Nên xài rộng rãi một chút đừng khắc khổ quá, nhiều khi cũng ảnh hưởng đến chuyện lớn. Tôi gửi lời hỏi thăm chị và người em dũng sĩ của anh. Tôi cầu trời đất phù hộ anh thành công.

Xử đưa hai tay đỡ cái xách hơi nặng, nước mắt rơm rớm,

cúi đầu chào tôi không phát thành lời, sợ bật khóc. Anh lặng lẽ bước nhanh trên bãi cát, chiếc bóng dài của buổi chiều tà in hình anh xuống nền cát trắng như hai con người vội vã sang sông, sợ mặt trời khuất bóng.

Tôi băng khuâng trở về.

VỤ ÁM SÁT HỤT

Trưởng ty công an bị mưu sát hụt. Tôi chưa dậy, đã có người đập cửa nhà, bảo ông ty trưởng gọi ra gấp. Khi hôm có người vào ám sát hụt, ông suýt chết. Tôi không đợi người công an nói hết lời, vút xe đạp thật nhanh ra nhà ông trưởng ty. Thấy tôi tới, ông bảo anh em khoan đi chờ tôi. Tóc lù xù, mặt nhăn nhó mắt nhắm mắt mở, tay lăm lăm cây rouleau, ông bảo tôi vào trong nhà. Câu đầu tiên tôi nói là nhắc ông hạ súng xuống bàn, đừng hươ hươ rũi cướp cò. Về quan trọng và kín đáo, ông kể lúc hai giờ sáng đêm rồi, ông đang thức đọc hồ sơ, bỗng có tiếng động trên mái nhà. Ông vừa ngó lên, một tiếng nổ chát chúa, đạn véo qua tóc ông phá cây cột gỗ một miếng lớn. Ông tung cửa lao ra ngoài. Một bóng người từ mái nhà phóng xuống lùm cây rồi mất hút trong đêm. Không bắt được hung thủ nhưng ông đoán hung thủ đó thuộc toán chuyên ám sát lâu nay ông theo dõi nắm từng cử chỉ, hành động nhỏ của cả bọn. Ông đưa một danh sách tám người, danh sách chính nét chữ của ông, ba người bị gạch đỏ dưới tên, trong đó có Trần Đức Oanh. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Oanh nào, có phải Oanh trọng tài bóng đá không?

Ông cười có vẻ khoái chí vì đã nắm trọn ổ cộng sản nằm vùng phá hoại:

- Chớ còn ai nữa, tên đầu sỏ này cực kỳ nguy hiểm, có đủ tài liệu, đủ chứng cứ rõ ràng.

Tôi ngạc nhiên không người nào trong số này được các toán điều tra của tôi để ý. Qua các toán điều tra, tôi được biết sau vụ cây Cốc ở Quảng Nam và vụ chớm hành động ở Châu Sa thuộc Quảng Ngãi, cộng sản hoàn toàn bất động, mọi người đều vui vẻ lo làm ăn hoặc hợp tác chặt chẽ hoặc lơ là với chánh quyền quốc gia, không ai chống đối ra mặt. Tôi lấy làm lạ tình thế này không ai đại gì đi ám sát để tất cả cơ sở bị tiêu diệt. Và lại, nếu ngông cuồng làm ẩu thì ám sát ông tỉnh trưởng có giá

hơn nhiều tại sao lại bắt ông vô danh tiểu tốt này.

Tôi thấy có gì mờ ám nên hỏi:

- Tại sao tám người này không có ai nằm trong sổ tình nghi do chúng tôi lâu nay theo dõi.

Ông như cũng ngạc nhiên, đáp:

- Ủ, ban đầu tôi cũng ngạc nhiên như anh nhưng suy kỹ thì biết toán ám sát chuyên môn này quý quyết lắm có lẽ toán điều tra của anh bị bọ nó qua mặt. Tôi đoán thế thôi, bây giờ sự việc rành rành ra đó, bẻ cây cột một miếng bằng cái chén ăn cơm là một bằng chứng cụ thể.

Nhìn theo tay ông chỉ, tôi thấy viên đạn đồng đỏ chói nằm lút trong xa khó khăn lắm mới gắp ra được. Tôi hỏi:

- Hiện những người này như thế nào?

Có vẻ rất thỏa mãn, ông trả lời:

- Tóm cổ hết, trong một tiếng đồng hồ tóm cổ hết. Hiện nhốt trong nhà lao tạm trên vườn ươm. Tôi sẽ đích thân hỏi cung vì toàn là thứ cứng đầu. Xong, chuyển qua phòng nhì cho bọn nó tra điện bả mẹ nó, tôi muốn anh phụ tôi vụ này.

Tôi vờ như không nghe, đến quan sát cây cột bị bẻ.

Nhà lao là một lều lớn của quân đội. Lều có thể chứa một trung đội lính. Xung quanh kẽm gai dăng nhiều lớp. Bên ngoài công an gác nghiêm mật. Vài lều nhỏ gần đó có lẽ là văn phòng hoặc nơi thăm tù. Lần đầu tôi đến vườn ươm cây, có lẽ có tên này vì khi xưa nơi đây là chỗ ươm cây giống, nay không còn dấu vết gì của vườn ươm, cỏ mọc hoang vu. Một người to lớn từ trong lều chun ra, theo sau một công an cầm súng trường dài. Có lẽ ông không ngờ người tìm thăm là tôi. Nhìn ngơ ngác không thấy ai, khi nhận ra tôi, ông reo to:

- À! té ra anh Liệu, toa đến bao giờ, sao biết moa bị giam đây?

Tôi cười:

- Mời thầy qua đây.

Tôi đi trước, ông theo sau vào cái lều nhỏ bên cạnh. Trong lều, một cái bàn bốn cái ghế đầu không có chỗ dựa lưng. Tôi xúc động thấy thầy Trần Đức Oanh sa sút thấy rõ, tuy còn vạm vỡ, nhưng lưng hơi khòm, tóc đã bạc.

Tôi thân mật hỏi:

- Mấy năm rồi mới gặp thầy, em rất xúc động, không ngờ

lại gặp ở chỗ này.

Ông ngắt lời tôi:

- Thấy toa, moa mừng quá độ, Trời Phật còn cho moa sống. Bây giờ không hiểu tại sao moa bị bắt, chắc là ai đâm thọc gì đây. Thế với trời đất moa không có hành vi nhỏ nào gọi là chống đối chánh quyền. Toa biết moa hỏi ở Lê Khiết chỉ đi dạy nuôi bầy con đồng không đủ ăn, toa hay đến nhìn thấy rõ những bữa cơm của gia đình moa, người ta, anh em bảo moa ra Bắc moa từ chối hi vọng ở lại với Quốc Gia làm ăn buôn bán nuôi đám con tránh cuộc đời đói khổ. Nếu moa tiến bộ moa đã đi tập kết rồi.

Tôi an ủi vài lời, dúi vào tay ông bao thuốc lá, hộp diêm một ít tiền. Ông lấy thuốc nhưng từ chối tiền, bảo không dám chê, nhưng nội qui mới đọc khi sáng, tù không được nhận tiền của bất cứ ai. Tôi nói nhỏ đủ ông nghe:

- Thầy yên tâm, em gặp ông Nghị sẽ trả tự do cho thầy vài ngày tới, vì ông Nghị sáng mai mới về, hiện ông ta ở Sài Gòn.

Bắt chặt tay tôi, ông theo người công an về lại lều lớn vừa đi vừa hít những hơi dài thuốc lá.

Tôi đến thầy Phạm Đình Nghị lúc 11 giờ khuya hôm sau. Tôi biết thầy về buổi sáng, nhưng thầy phải xem giấy tờ và cũng để thầy rõ vụ ám sát hụt ông trưởng ty công an.

Tôi vào, thầy đang ăn tối. Tôi ngồi ngay cái ghế trong bàn ăn nói chuyện. Thầy hỏi tại sao anh em ở nhà không chặn để ông trưởng ty làm tùm lum. Tôi biết tánh ông Nghị hỏi thì hỏi vậy nhưng rồi ông tiếp tục nói tới nên tôi yên lặng. Sau cùng, tôi đề cập đến ông Trần Đức Oanh, lúc bấy giờ ông mới biết trong tám người đó có ông Oanh. Thì ra khi chiều có trình danh sách toán ám sát mà ông tỉnh trưởng không đọc. Tôi hỏi:

- Thầy có nghĩ thầy Trần Đức Oanh ám sát ông Lữ không?

Ông Nghị lắc đầu lia lịa:

- Thằng lưu manh đó mà cộng sản gì, nó là tên tiểu tư sản, tên dân buôn mà, đại gì nó vô toán ám sát, ăn cái gì, tên đó giờ nuôi cái mộng đi buôn.

Tôi lợi dụng lúc ông đang vui, tiếp tục:

- Như vậy em xin thầy cho tám người ấy về. Ông Lữ làm một việc, xin lỗi thầy, em thấy xấu hổ, là muốn bắt ai thì bắt. Em xin lỗi thầy lần nữa, một chánh quyền như vậy sao gọi là chánh quyền tốt.

Không biết vì lời nói thẳng của tôi mà ông thầy không vui hoặc vì ông sợ bây giờ đã thành sự thực là chánh quyền của ông Phạm Đình Nghị thiếu khả năng và độc tài muốn bắt ai thì bắt, thả ai thì thả, xem pháp luật không ra gì.

Suy nghĩ hồi lâu, ông đáp:

- Được cho nó về, nhưng dù sao phải che chở cho thằng Lữ vì anh em cùng ở tù, cùng cực khổ chả lẽ khi bị hoạn nạn mình bỏ hay sao. Chú mày phải cố gắng giảng giải cho nó biết là đừng dại dột mà theo bọn cộng sản, nếu bị một lần nữa là không có ngày về.

Nói xong ông bảo tài xế chở tôi lên nhà lao thả ông Oanh và đưa ông ta về tận nhà. Trên xe về nhà, rất chân tình tôi góp ý:

- Em không dám khuyên thầy, nhưng có vài ý kiến xin trình bày với thầy. Thầy có nhiều kinh nghiệm trên cuộc sống, trước 1945, thời Pháp thuộc thầy đã vật lộn với đời, sau 1945 thầy đã qua thời gian kháng chiến, đến bây giờ, thầy không đi Bắc hẳn đã suy nghĩ tính toán rồi và là một quyết định vô cùng quan trọng. Vậy thầy nên sống theo sự chọn lựa kỹ càng của mình. Em chỉ có ý kiến thực tế vậy thôi. Tuy vậy, nếu có ai làm khó trong những ngày tới, thầy cho em biết để em giúp thầy khi em còn ở quê nhà.

Tôi thấy thầy xúc động thấy rõ. Gần đến nhà, thầy cảm ơn và khuyên tôi nên đi học, không nên làm việc. Tôi cho thầy biết lẽ ra tôi đã đi học từ đầu, nhưng thầy Nghị khuyên về làm việc với thầy rồi sẽ đi học sau, có lẽ cuối năm nay tôi đi Sài Gòn học.

HỒ THIẾT CHẾT HỤT

Sắp hết ba trăm ngày, hạn định cuối cùng di chuyển của hai miền Nam Bắc. Hải Phòng, Qui Nhơn, Cần Thơ là những cứ điểm cuối cùng của quân đội, dân chúng hai miền theo hiệp định Genève. Kế hoạch của Xứ là chờ Hồ Thiết về thăm gia đình người cháu lần cuối trước khi tập kết ra Bắc. Đặt người canh chừng nếu thấy Thiết về lập tức báo cho người em, từ người em báo cho Xứ. Trong khi đó người em giả vờ đến thăm gia đình người cháu Thiết, cố nhiên gặp Thiết ở đó, vì chỗ bà con nên nói chuyện nhiều với Thiết, làm thế nào kéo dài ít nhất mười lăm phút để đủ thì giờ cho Xứ từ bờ sông vào nơi đó.

Quá trưa, khoảng một giờ, người em được báo có hai

chiếc xe đạp đi vào địa điểm đó chính là Hồ Thiết và người cháu, vì người cháu cũng về thăm nhà rồi đi tập kết, vợ con hẳn ở lại. Xử mừng quá vội cầm cây guitar, ở trần dùng áo che nắng cây đàn, cây tiêu liên dưới áo, theo con đường quanh co vào mục tiêu.

Theo Xử kể lại, đến cổng anh hồi hộp quá, toát mồ hôi, không nghe tiếng nổ trong nhà. Anh muốn đi ra nhưng sợ trong nhà đang có người chăm chú ngó ra ngoài. Thấy hai chiếc xe đạp, anh biết Thiết còn trong nhà. Mọi việc xảy ra nhanh quá. Ném cây đàn và áo, cầm súng ở thế xung phong, như chớp, Xử băng qua sân thẳng vào nhà. Trong nhà cũng như chớp, một bóng trắng ào ra la lớn: “*Đứng lại! Vào làm gì?*” Bóng trắng đó là một người đàn ông to lớn, nhìn thấy khẩu súng, hoảng hốt nhào đến chụp, hai lực tối mạnh ngược chiều chạm nhau khiến cả hai té nhào. Xử vọt dậy nhảy lên hè. Người áo trắng lẹ làng không kém, phóng đến chụp được một bàn chân của Xử cắn mạnh, một loạt súng nổ chát chúa, xé tan bầu không khí yên tĩnh ban trưa. Chim trong vườn vọt bay lên trời, chó hoảng sợ, chạy sủa vang. Máu phun ra thành vòi, nhuộm đỏ áo trắng đang lẫn lộn dưới bậc cấp. Sự việc ngoài dự tưởng, quá khủng khiếp. Xử đứng dậy chạy tung vào nhà, một người đàn bà như pho tượng run lấy bầy quỉ xuống chấp tay, miệng đờ lưỡi không nói ra lời. Xử hét: “*Già Thiết đâu?*”. Người đàn bà như chết cứng ú ớ trong miệng. Xử như con thú say máu điên, đạp cho một phát, tung cửa bùng bên trong tim. Chớp nhoáng tìm nơi bàn thờ ở nhà trên. Không một bóng người, xuống nhà bếp, ra cửa sau, ra vườn, nhào ra hàng tre xanh không thấy gì hết, chun qua hàng rào băng vào những đám mía kế tiếp. Xử biết đã thất bại hoàn toàn, chạy thẳng ra bờ sông.

Ngồi trên ghe, Xử mới biết ngực và mặt đầy máu.

Anh nhảy xuống nước rửa sạch. Nước sông nóng quá, nhưng vẫn giúp anh hồi sức, anh lầm nhảm “*Thất bại rồi, thất bại*”. Ngồi bên sông nhìn lại đoạn đường anh đã bỏ chạy, mọi vật vẫn im lặng, thiên nhiên như không để ý đến những gì của con người.

Xử bước vào nhà chúng tôi, nước mắt chảy giàn giụa, vừa thấy tôi anh la lớn:

- Anh Liệu ơi! thất bại hết rồi, công trình mấy tháng trời, đổ xuống sông xuống biển hết, anh ơi. Tôi chỉ bán chết thằng cháu

nó thôi, nó chạy ngỗ sau trốn thoát. Đáng lẽ tối hôm qua ra gặp anh nhưng tức quá tôi phải ở lại đêm để biết kỹ tại sao thằng em không bắn tên Hồ Thiết. Sáng hôm nay, tôi mới được tin chính xác là tại thằng em quá nhát, run không dám bắn. Bình thường nó nói ngon lành lắm, nhưng hữu sự thì quá nhát. Nó thú thật đi nửa đoạn đường, tự nhiên mặt mày choáng váng chân tay run lập cập, nó phải ngồi một lúc bên lề đường, khi nghe loạt đạn nổ ròn nó nghĩ tên Thiết chết rồi, không ngờ vợ thằng cháu dẫn Thiết chạy ngỗ sau chun trong đám mía nằm, quá nửa đêm mới mò ra đập Bến Thóc...

CHIẾN KHU NGHĨA KỲ

Đó là một làng đa số theo Thiên Chúa giáo cách thị xã Quảng Ngãi ba bốn cây số về phía Tây Bắc. Sở dĩ muốn lập chiến khu vì lúc ấy cụ Ngô mới về nước làm thủ tướng, hầu hết dân chúng đều kính mến, nhưng quân đội còn trong tay tướng Nguyễn Văn Hinh là người của Pháp. Do đó giữa chánh quyền và quân đội luôn có bất hòa. Một số người miền Trung tự động lên núi lập chiến khu tạo lực lượng hậu thuẫn cho chánh phủ Ngô Đình Diệm. Tại Quảng Ngãi, trung úy Thăng, quyền chỉ huy trưởng lực lượng biệt chính cùng trưởng ty công an Nguyễn Tiến Lữ, tỉnh trưởng Phạm Đình Nghị định lập một chiến khu ở Nghĩa Kỳ. Nhưng cả ba không dám thoát ly trực tiếp chỉ huy chiến khu mà chỉ điều khiển trong bóng tối. Trung úy Thăng là người Bắc, đảng viên Cần Lao Nhân Vị được ông Ngô Đình Cẩn đưa vào Quảng Ngãi, do đó rất hách dịch. Ông tỉnh trưởng đưa tôi, Sử, Thiều, Hồ Văn Mãng, Đỗ Huy Lợi lên túc trực tại chiến khu. Chúng tôi gần như bắt buộc phải lên chiến khu để hứng chịu tính chất phi pháp thay cho ba vị thành lập kể trên. Bởi vậy chúng tôi đợi ông tỉnh trưởng đi họp về sẽ xin trở lại thị xã, nếu không được, chúng tôi sẽ nghỉ việc vào Sài Gòn học.

Vài ngày sau, trung úy Thăng bắn chết một đại úy vừa được lệnh tới làm chỉ huy trưởng lực lượng bảo an tỉnh Quảng Ngãi. Sau này chúng tôi biết đại úy từ Sài Gòn ra để làm chỉ huy trưởng, trung úy Thăng làm phó, nhưng Thăng là người của ông Ngô Đình Cẩn nên rất cao ngạo xem thường pháp luật. Ngô Đình Cẩn là em út của thủ tướng Ngô Đình Diệm, học hành không bao nhiêu, lâu nay chỉ trông coi nhà thờ của họ Ngô,

không có chức tước gì trong chánh quyền, dù anh em thủ tướng Diệm mỗi người đều có chức tước. Ông Cần tự phong chức “*Cố vấn miền Trung*” và từ đó ngôi nhà thờ ông ở biến thành văn phòng của cụ cố vấn. Người ta mô tả ông Cần thường mặc bộ bà ba trắng, hút thuốc lá Cẩm Lệ (loại thuốc lá rất nặng), ngồi xếp bằng tròn ở một góc phản, giữa phản đặt bộ bình điều thuốc lào. Tác phong của ông là tác phong quan lại ngày xưa dưới thời phong kiến. Ngày trước, nhà thờ họ Ngô cũng như những nhà thờ khác, chỉ vào dịp cúng giỗ mới có người ra vào. Từ ngày ông Cần làm cố vấn, ngôi nhà thờ vắng vẻ đó biến thành trung tâm chính trị, trung tâm tuyển chọn chức vụ quan trọng trong hành chánh, trung tâm chạy lên cấp trong quân đội, trung tâm kiểm soát các đảng phái, quan trọng hơn hết là trung tâm mật vụ tình báo. Dân miền Trung đều lạ là anh em trong gia đình đều có học đảng hoàng mà riêng ông Cần lại gần như thất học. Có lẽ vì thế ông luôn mặc cảm, luôn hằn học với giới có học, giới trí thức. Dân chúng coi rẻ ông thì ông tàn bạo với dân chúng. Người ta đồn ông thường nói một câu mà ông rất thích nhưng dân chúng càng coi thường: “*Trong anh em, tôi là người dốt nhất, tôi chỉ biết hai phép toán thôi, ai theo tôi thì tôi Cộng, ai chống tôi thì tôi Trừ*”. Thật vậy, ông giết nhiều người chống đối chánh quyền Ngô Đình Diệm. Vì thế, trung úy Thăng là tay chân của ông, chỉ cần báo cáo một đại úy thân Pháp chống Ngô Đình Diệm và xin thủ tiêu là ông đồng ý và ra lệnh miệng cho giết ngay. Cho nên Thăng bô bô tuyên bố tôi bắn nó chết rồi báo lên “*Cậu*”.

Trước những cảnh như thế, chúng tôi bắt đầu nản. Tôi thất vọng cả với chánh quyền tỉnh của thầy Phạm Đình Nghị. Ông trưởng ty Nguyễn Tiến Lữ, ù ù cạc cạc, không bao giờ kiên nhẫn đọc hết một trang giấy, luôn hô hào làm cách mạng theo cách “*cách mạng là không giấy tờ*”. Ông cũng như ông Cần, không ưa người có học vì cho rằng bọn có học không dám làm cách mạng, dù tôi không hiểu ông làm thứ cách mạng gì. Tôi biết rõ một điều là ông thỉnh thoảng nhờ tôi ký nhận một số tiền không biết là tiền gì. Ông chỉ nói tiền này để làm việc nghĩa. Sau này, tôi biết đó là một cách hợp thức hoá việc ăn cắp. Rồi một ông trung úy dựa thế lãnh chúa muốn giết ai thì giết, ngang nhiên bắn hạ người thay thế mình. Thêm ông Trần Hoàng, có được cái mảnh bằng tú tài thì tự cao tự đại, hẹp hòi ích kỷ chả hiểu gì về hành chánh, về kinh tế mà làm quân sư cho tỉnh trưởng. Đó là

phạm vi một địa phương nhỏ. Nhìn rộng ra phạm vi quốc gia, tôi thắc mắc sao khi nghe tin cụ Ngô về nước, gần như ai cũng vui vẻ, tin tưởng cụ sẽ đem lại hạnh phúc cho dân chúng, nhưng chỉ sau thời gian ngắn nhiều người lại chán nản? Và, cái hiện tượng quái đản ông cố vấn miền Trung đóng vai lãnh chúa như ở một bộ lạc man rợ, xem luật pháp quốc gia như cỏ rác. Tôi vô cùng thất vọng, quyết định nghỉ việc, đi học lại.

MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT ỦNG HỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Tôi được ông Phạm Đình Nghị đề cử vào phái đoàn nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đi Sài Gòn dự đại hội toàn dân thành lập mặt trận đoàn kết ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm. Thế là tôi được đi Sài Gòn, đạt được mơ ước đến nơi mà người Pháp gọi là “*Hòn ngọc Viễn Đông*”, đến thủ đô của miền Nam Việt Nam. Phái đoàn gồm có ba mươi người do ông Võ Bảo, thầy dạy tôi môn Sử Địa ở trường Lê Khiết làm trưởng đoàn. Thầy Nguyễn Diễm cũng có trong phái đoàn. Thời gian đó vào khoảng tháng 6 năm 1955, Quảng Ngãi chưa có sân bay, chúng tôi phải ra Đà Nẵng đi máy bay hãng Air France. Với tôi, cái gì cũng mới lạ, cũng lần đầu. Ba mươi người trong phái đoàn có lẽ cũng lần đầu đi máy bay. Nhiều người lớn tuổi trong đoàn tỏ vẻ lo lắng, dăm chiêu. Tôi là người trẻ nhất và thầy Nghị nói với tôi: “*Mấy ông nói em còn nhỏ quá nên đưa người lớn tuổi đi, nhưng thầy thấy em tích cực làm việc và có ý thức quốc gia nên thầy quyết định em đi.*” Tôi vui vì được đi Sài Gòn và đi bằng máy bay. Cả đoàn chưa ai có dịp đi máy bay nên đều hồi hộp lo lắng dù rất hân hoan. Chúng tôi sống cực khổ trong phạm vi chật hẹp, đi đâu cũng dùng hai bàn chân là chính nay được đi máy bay, được đi Sài Gòn mà không tốn một đồng thì thú biết bao. Lần đầu tiên chúng tôi vào phi trường, đúng ra là phòng làm việc trong phi trường. Sạch sẽ khác hẳn những nơi làm việc khác và nhận xét đầu tiên của tôi là người nào cũng quần áo đàng hoàng. Các cô gái mặc đầm đi giày cao gót, bước nhanh tiếng giày kêu cộp cộp, cô nào cũng trẻ và đẹp. Nhộn nhịp tươi trẻ vui vẻ hình như chỉ ở phi trường mới có. Người trưởng đoàn dặn kỹ ngồi yên tại chỗ, không đi lung tung để bị lạc, vì máy bay tới giờ là bay, không chờ khách nên nếu bị lạc thì đành ở lại. Cả đoàn ngồi yên

chiếm ba hàng ghế dài. Chóc chóc tiếng loa phóng thanh, tiếng the thé giọng nữ, nói tiếng Pháp rồi tiếp tiếng Việt thật nhanh, chúng tôi nghe không rõ, kể cả tiếng Việt. Nhiều người trẻ mặc đồng phục đồ đầm đẹp quá, giật mình tôi nghĩ đến chị. Hồi đó chị bảo vài năm nữa chị sẽ làm hàng không, lúc ấy tôi không hiểu hàng không là gì, thì ra chị sẽ làm việc như những cô gái trẻ đẹp dễ thương ở đây. Cô thu vé đứng đầu cầu thang luôn luôn cười chúc một cuộc đi vui vẻ. Chúng tôi bước vào máy bay, ba hàng ghế màu đỏ tươi thẳng tắp, tiếng nhạc nhỏ nhỏ. Tôi bước vào trước ngòai sát cửa sổ. Khi đi, anh tôi dặn ngòai sát cửa sổ, xa cánh máy bay thì thấy rõ, tôi may gặp chỗ tốt chứ không chọn lựa.

Máy bay cất cánh lên cao, tôi mới thấy thành phố Đà Nẵng nhỏ quá. Chỉ toàn núi rừng và biển mênh mông còn nơi con người xử dụng chiếm không bao nhiêu. Máy bay dọc theo bờ biển bay vào Nam. Tôi say mê nhìn núi biển, đường quốc lộ, những đường mòn trên núi, khiếp phục thiên nhiên với màu xanh da trời, màu xanh núi rừng, màu xanh bao la của biển. Tôi say mê nhìn qua cửa sổ mãi đến khi nghe lời báo máy bay vào địa phận Sài Gòn hạ độ cao. Máy bay chúm xuống, tôi không còn thấy núi thấy biển mà toàn là rừng, sông, kênh, rạch nước đầy ắp như lụt. Cảm giác đầu tiên là tôi ngạc nhiên sao Sài Gòn mà như thế này. Máy bay xuống thấp, thấy rõ người đi, ghe thuyền qua lại, rồi khi nghiêng cánh, tôi thấy cả một vùng rộng sáng như sao. Đó là Sài Gòn! Người trong đoàn chúng tôi đều nghiêng qua cửa sổ, trầm trồ nhìn Sài Gòn từ trên cao.

Hai chiếc xe bus đưa chúng tôi đi ăn rồi đưa về ở trường nữ trung học Gia Long, vì gặp lúc học trò nghỉ học. Sáng hôm sau, chúng tôi đến nơi hội họp, người ngòai đông nghẹt từ trong hội trường rất rộng tới ngoài sân trường, ngòai tràn ra sân dưới bóng các cây cổ thụ không còn nhìn thấy bên trong, chỉ nghe qua máy phóng thanh. Thì ra tỉnh nào cũng có một đoàn đến tham dự. Nhìn qua các tấm vải viết khẩu hiệu treo đầy trong sân, trên hành lang, chúng tôi biết mục đích của đại hội toàn dân là thành lập “Mặt Trận Đoàn Kết” để ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm. Người lên đọc diễn văn khai mạc là ông Hồ Hán Sơn, rồi tiếp nhiều người lên đọc bản tham luận. Lúc bấy giờ tôi có nhận xét hầu hết người lên đọc diễn văn là người Bắc mới di cư vào Nam và hầu hết bài nói chuyện lập đi lập lại cùng một ý ủng hộ

lãnh tụ anh minh Ngô Đình Diệm. Theo chương trình, họp ba ngày và đúc kết thành một kiến nghị dâng lên thủ tướng. Tôi thấy sự hiện diện của tất cả chúng tôi chỉ có giá trị để cho báo chí chụp hình thấy toàn dân tham dự, thế thôi. Do đó tôi bỏ cuộc, ra gọi taxi đến tìm Phạm Huệ và Trần Đình Thám.

Hai anh này đã vào Sài Gòn trước đó vài tháng, có viết thư cho tôi biết địa chỉ và chỉ cho tôi cách đi taxi, khuyên tôi vào càng sớm càng tốt.

Thám và Huệ ngạc nhiên không ngờ đoàn đại biểu Quảng Ngãi có tôi. Xa nhau vài tháng, gặp lại mừng quá, chúng tôi đi ăn và nói đủ thứ chuyện, rồi đi xem sở thú, xem chợ Bến Thành, xem dinh Độc Lập, lúc bấy giờ còn gọi là dinh Norodom. Tôi nói với Huệ và Thám tháng sau tôi sẽ thôi việc, vào Sài Gòn học. Sài Gòn chẳng chịt, tôi hỏi Huệ làm sao khỏi lạc, anh bảo đi riết rồi quen, chỉ cần nhớ các con đường chính. Đúng là “*ngựa xe như nước*”, đủ loại xe. Huệ giảng cho biết có nhiều loại xe hơi và chiếc nào là taxi, xe bus, cyclo, có cả xe ngựa. Xe đạp nhiều vô số. Tất cả đua nhau chen lấn chạy, tôi hỏi ngớ ngẩn “*xe chạy đi đâu mà nhiều thế*”. Tôi nghĩ chắc phải ở lâu mới có thể cỡi xe đạp đi được trong cái thành phố quá rộng này.

GẶP THỦ TƯỚNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

Chúng tôi vào dinh Độc Lập vốn do người Pháp xây lấy tên là dinh Norodom, giòng họ vua Campuchia, được đổi tên từ ngày cụ Ngô về chấp chánh. Dinh tọa lạc trên một miếng đất rộng mỗi bề độ ba trăm mét. Trong vườn cỏ thụ sum suê, giữa vườn một tòa nhà lớn một tầng lầu rất cao, kiến trúc theo kiểu La Mã. Tòa nhà quá đồ sộ, nguy nga, ngói đỏ, tường sơn màu vàng lợt, đứng sừng sững như chế ngự cả một vùng. Mặt trước là sân cỏ rộng, có hồ nước phun cao, bên trong, trụ cờ bằng kim khí sáng ngời. Xung quanh rào bằng những cây sắt cao đầu nhọn, cách khoảng là những trụ gạch lớn sơn màu vàng. Cổng chính rộng, có hai cổng phụ, bốt gác sát bên. Lính mặc lễ phục canh gác rất nghiêm trang. Qua cổng chính hai con đường vòng cung vào hành lang phía trước. Cổng chính luôn đóng trừ trường hợp thủ tướng hoặc khách đặc biệt ra vào. Người làm việc trong dinh thường đi các cổng khác.

Hai xe chờ chúng tôi dừng ở cổng, để trưởng toán gác gọi

phone nói chuyện một lúc, được vào thẳng hành lang cửa trước dinh, có người chờ sẵn dẫn lên lầu. Trên lầu, một phòng họp rộng, nhiều cây cột cao to, trang hoàng rất cổ kính. Có khoảng trên trăm người, đoàn chúng tôi ba chục, chúng tôi nhiều tỉnh không lên dự, hoặc cử vài người thôi. Phóng viên đứng đầy một góc, có cả người ngoại quốc. Lần đầu tiên tôi thấy các ký giả, người quay phim hấp tấp chuẩn bị công việc, qua lại, có người đứng trên ghế, dây điện lung tung dưới chân. Tất cả đều hướng về hành lang bên trái, có lẽ thủ tướng ra từ hướng đó. Trừ ký giả, tất cả đều mặc vest, cà vạt đảng hoàng, chỉ phái đoàn chúng tôi mặc giản dị quá, ngoài ông tỉnh trưởng không ai mặc vest. Nghe nói bốn giờ chiều đang kiến nghị, tất cả đều sẵn sàng, nhưng đã bốn giờ hai mươi lăm vẫn chưa thấy gì. Bỗng nhiên máy phóng thanh báo "*Chuẩn bị đón tiếp thủ tướng*". Ký giả nhón nháo, một hàng cảnh sát đi vòng phía sau chúng tôi. Tôi nhìn vào hành lang bên trái. Cửa mở, thủ tướng bước ra trước. Dáng người lùn, mập, nước da đỏ au, mắt sáng, lông mày đậm, tóc hớt thấp chải láng. Thủ tướng mặc vét trắng, cà vạt đen, quần ống rộng phủ gót đôi giày đen bóng loáng. Bước ngắn có vẻ vội vã. Chúng tôi vỗ tay chào mừng vị thủ tướng kính mến. Sáu bảy người theo sau thủ tướng cũng mặc đồng phục như thủ tướng. Thủ tướng đưa cao tay chào với nụ cười tươi hiền hậu, dừng lại trên cái bục trái thảm đỏ, mỗi bên ba người, có lẽ là bộ trưởng, đứng hàng ngang. Ông chủ tịch liên minh đoàn kết dâng kiến nghị. Ông đọc các điều khoản rồi đưa tờ giấy đang đọc cho thủ tướng. Tôi còn nhớ thủ tướng bảo suýt chút nữa ông phải chịu tội trước đồng bào vì các giáo phái phản loạn, bây giờ đã dẹp yên, nhưng một tin buồn là tướng Trịnh Minh Thế tử trận, ngày mai sẽ đưa về an táng tại Tây Ninh... Nói xong, thủ tướng đi bắt tay từng người, lật đặt như làm cho có lệ. Khi đến trước tôi, có lẽ vì tôi là người trẻ nhất và cũng vì cách ăn mặc giản dị của đoàn chúng tôi, thủ tướng dừng lại, hỏi có phải đại biểu ở Quảng Ngãi không, đã lập xong chánh quyền xã ấp chưa... Tôi trả lời đã xong hết, nhưng dân chúng khổ lắm, đang có người chết đói, xin chánh phủ cứu trợ đồng bào ở duyên hải... Nhìn thẳng mắt thủ tướng, tôi thấy rõ ông có vẻ xúc động khi nghe dân chết đói. Vị bộ trưởng đứng sau như ái ngại vì thủ tướng đứng hơi lâu, vả lại, để thủ tướng biết một chuyện không đáng biết nên ông đưa tay ra hiệu cho thủ tướng tiếp tục bắt tay

những người khác. Thế là thủ tướng bỏ dở chuyện người dân đói đang chờ cứu trợ.

Ra về, tôi hơi thất vọng, có cảm tưởng cụ Ngô không biết gì về hạ tầng xã ấp và hình như cụ chỉ chú trọng thủ đô Sài Gòn thôi còn những tỉnh miền Trung xa xôi không được lưu ý đến. Đã mấy tháng tiếp thu Quảng Ngãi mà cụ không biết ở đó có chánh quyền xã chưa, nghe tin về người dân chết đói mà vị bộ trưởng rất thản nhiên, muốn thủ tướng đừng để ý đến chuyện nhỏ đó. Ngoài ra tôi thắc mắc tại sao một vị có uy tín lớn như cụ Ngô, cả dân tộc đều kính mến mà các giáo phái lại chống đối không chỉ bằng lời nói mà bằng vũ khí. Còn một điều tôi bất bình là qua các ngày họp thành lập liên minh ủng hộ cụ Ngô, người ta công khai đặt vấn đề truất phế Bảo Đại, người đã chỉ định cụ Ngô thay thế hoàng thân Bửu Lộc làm thủ tướng. Khi chưa vào Sài Gòn, tôi nghe nói và không tin nhưng nay đã rõ. Qua lịch sử, theo tôi, Bảo Đại là ông vua tầm thường nhất, không có điểm nào để kính phục. Tuy vậy, nếu cụ Ngô truất phế Bảo Đại thì làm sao tránh được tiếng xấu là người bất tín. Hơn nữa, cụ là người theo Nho giáo, cụu thần nhà Nguyễn dưới triều Bảo Đại, được nhà vua cho làm thượng thư bộ Lại, là chức vị cao nhất của chánh quyền lúc ấy. Chẳng lẽ lâu nay tôi bị tuyên truyền sai về con người thực của cụ sao. Chính cha tôi cho biết các đức tính cao quý của cụ Ngô và còn nói ở Việt Nam không ai có thể sánh với cụ, nhất là giai đoạn khó khăn đương đầu với cộng sản trong cuộc bầu cử sắp tới để thống nhất đất nước. Cha tôi còn nhấn mạnh chỉ có cụ Ngô mới thắng nổi cụ Hồ. Nhiều lần cha tôi bảo làm đến chức thượng thư mà vì chống thượng thư Phạm Quỳnh tức là chống Pháp, rồi “rũ áo từ quan” mới chỉ có cụ Ngô mà thôi... Tôi hoang mang về các nhận xét quá tốt đối với cụ Ngô và tự nhiên cảm thấy tội nghiệp cho cha tôi và những người nho học lỡ thời tôn sùng cụ Ngô rồi một ngày nào thấy được sự thật về người họ tôn sùng thì khổ chùng nào !

NGHỈ VIỆC ĐI HỌC LẠI

Tôi về Long Phụng để thăm nhà rồi đi Sài Gòn học. Nghe tôi đi học lại, cha tôi rất vui, bảo khi tôi bị đuổi khỏi trường Lê Khiết, ông nghĩ là bé tắc hoàn toàn, nay “quốc gia đến” là cơ hội tốt cho tôi. Cha tôi luôn muốn con học hành, dù tốn kém ông

cũng gắng lo. Mẹ tôi thì khóc, bảo:

- Con làm việc ở tỉnh còn có thể về thăm nhà, nay con đi xa vào tận Sài Gòn thì biết bao giờ con về nhà. Con lớn rồi nên có vợ, có gia đình chứ đi học mãi, bao giờ có gia đình. Rồi sẽ cha già con muộn thì khổ lắm.

Cuộc chia ly đầm đìa nước mắt với những người bạn gái da diết như Sáng, Túc cô gái Bình Định lẳng mạn, chị em Mang như nai tơ ở “Thạch Bích Tà Dương”. Tôi cùng Lê Sử người bạn thân nhất, tôi xem như em tinh thần, ra đi. Tôi nghẹn nghẹn ở cổ nước mắt rơm rớm rời thành phố thân thương vào một buổi sáng đầy sương.

Vào Sài Gòn, chúng tôi ở trọ chỗ trọ của Thám và Huệ. Đó là nhà ông Chín, người cùng làng với Thám. Nhà trong hẻm ở ngã Sáu Sài Gòn, có hai phòng, một gác lửng tole là chỗ ngủ và học ban đêm của bốn anh em chúng tôi. Ban ngày chúng tôi ngồi tới lúc chịu hết nổi sức nóng mới xuống phòng khách. Phòng khách cỡ bề 4 mét bề 3 mét. Trong cùng là bàn thờ bên ngoài kê một cái bàn, bốn cái ghế, sát vách một chiếc ghế bố. Sau phòng khách là phòng ngủ của ông bà Chín chật vừa kê một cái giường nhỏ không cửa sổ ban ngày cũng tối đen, bên ngoài kéo tấm màn làm con đường xuống nhà bếp và chuồng nuôi heo. Bà Chín suốt ngày lo rửa chuồng heo, cho heo ăn, mỗi khi chậm trễ bầy heo chín mươi con kêu rống không ai chịu nổi, nhất là khi ông Chín có nhà thì chịu không nổi tiếng la rầy mạt sát của ông. Tôi đau đầu vì mùi phân heo nhưng dần dà cũng quen. Ông Chín vào Sài Gòn từ thuở còn nhỏ, hỏi về quê, ông biết ít quá. Quan điểm chính trị của ông hoàn toàn theo cộng sản. Chúng tôi không dám nói với ông về chính trị, bởi ông chửi từ trên xuống dưới, nhất là ông chửi đứa cháu ông, cấp bậc đại tá chỉ huy ngành truyền tin của quân đội. Đó là đại tá Soại, nguyên trong quân đội Pháp. Khi ở bên Pháp, Soại đậu kỹ sư về điện thoại nên về Việt Nam được cử làm phó truyền tin. Từ ngày cụ Ngô về, Soại được quyền trưởng ngành truyền tin thay người Pháp. Ông Chín chửi Soại tàn tệ, nhưng khi có mặt Soại thì ông im lặng. Ông bảo chiến thắng Điện Biên Phủ khiến ông mừng ngủ không được trong khi Soại buồn khóc suốt một tuần. Soại không biết dưỡng của anh đối nghịch với anh đến mức nào. Ông Chín làm tài xế lái xe cho trưởng ty công chánh, chiều đem xe về nhà, hút xăng để đốt réchaud, chửi chánh quyền, ca tụng

cộng sản. Thám, Cự và tôi chuẩn bị thi tú tài bán phần.

Ngày 6 tháng 6 năm 1955, thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng kêu gọi chánh quyền miền Nam, theo hiệp định Genève, tổ chức bầu cử thống nhất. Báo chí đăng lời kêu gọi của thủ tướng cộng sản và dân chúng miền Nam hoang mang không biết ý kiến thủ tướng miền Nam ra sao. Nếu Ngô thủ tướng chấp nhận lời kêu gọi của Bắc Việt thì khó thể thắng cuộc bầu cử, bởi miền Nam thực sự chưa ổn định, và như vậy có khác gì cụ Ngô dăng miền Nam cho cụ Hồ. Ngược lại, không chấp nhận bầu cử trở thành phá hoại hiệp định Genève. Chúng tôi đang suy luận, lo lắng thì sáng hôm sau thủ tướng Ngô đình Diệm tuyên bố không thể chấp nhận lời kêu gọi của cộng sản vì miền Nam không ký hiệp định. Dân chúng miền Nam nhẹ người, nhất là những người từ vùng “địa ngục” mới ngoi lên như chúng tôi, dù chưa được hưởng cái gì nhưng đã có không khí tự do, được thoải mái đi lại, cuộc sống khác hẳn không còn cùi đày như một lũ ăn mày, nhất là bớt phải nghe và thấy những dị hợm của người cộng sản, giả dối, dốt nát mà ưa nói nhiều, nói bậy — đặc tính của người cộng sản Quảng Ngãi nói riêng. Chúng tôi cũng thoát cái không khí sinh hoạt chính trị tại trường Lê Khiết của đám học trò và đám giáo sư “*tiến bộ*” cổ chừng tỏ yêu lao động tay chân, yêu sản xuất, yêu giai cấp vô sản, ly khai giai cấp tiểu tư sản bằng mọi cách xin xỏ, rình mò, bịa đặt tố cáo lẫn nhau...và giai đoạn đầu gọi là “*giai đoạn cảm tình*”. Chúng tôi đã ói mửa với những cảnh đó nên vui mừng khi biết cụ Ngô không đồng ý nói chuyện với cộng sản để gọi là bầu cử thống nhất nhưng cũng là dăng trợn miền Nam cho cộng sản. Nhưng đã sống với cộng sản, nhất là cộng sản liên khu V, cộng sản Quảng Ngãi ai cũng đều biết cộng sản không bao giờ bỏ ý định thôn tính miền Nam và tương lai chắc chắn sẽ phải đối đầu với Bắc Việt bằng quân sự.

TRUẤT PHÉ BẢO ĐẠI

Tại cuộc họp lập liên minh ủng hộ thủ tướng Diệm, tôi đã nghe về truất phế vua Bảo Đại. Lúc ấy tôi nghĩ đây là đám “*nịnh thần*” cố lập công với thủ tướng Diệm, nếu không thì là đám “*thân Pháp*” chơi xỏ ngụy tạo khiến người Pháp và vua Bảo Đại bực mình loại thủ tướng Diệm như đã loại thủ tướng Bửu Lộc, rồi đưa chính khách Việt Nam hiện ở Pháp về thay thế. Tôi nghĩ

thế bởi tin chắc cụ Diệm là người kết hợp hai nguồn giáo dục Nho giáo và Thiên Chúa giáo là điển hình tính chất quân tử khuôn mẫu, trong sạch, trung thành, vô cầu, trung dung. Cho nên, tôi không tin có việc truất phế vua Bảo Đại và sùng sốt khi thấy các nhật báo ở Sài Gòn đều chạy tít lớn nói ngày 23 tháng 10 năm 1955 là ngày trưng cầu dân ý. Gấp rút trong thời gian rất ngắn, tổ chức trưng cầu dân ý xem người dân chọn thủ tướng Ngô Đình Diệm hay chọn vua Bảo Đại làm người lãnh đạo quốc gia. Thành phố đầy hình ảnh, đầy khẩu hiệu. Hình vua Bảo Đại có hai đường đậm gạch chéo và dưới ảnh đề “*Bảo Đại hại Dân*”. Tôi choáng váng thấy lại những hình ảnh tuyên truyền thiếu giáo dục, thiếu trung thực kiểu cộng sản. Tôi không ủng hộ Bảo Đại vì đánh giá ông rất thấp, có lẽ thấp nhất trong các vua triều Nguyễn, nhưng tôi không chấp nhận lối tuyên truyền ti tiện. Và, tôi bị sụp đổ hoàn toàn hình ảnh đẹp về chí sĩ Ngô Đình Diệm trước ngày ký hiệp định Genève từng khiến anh em chúng tôi — Sử, Anh, Thám, Huệ và tôi — nhân danh “*Lực lượng thanh niên phản cộng Việt Nam*”, can đảm đem bài diễn văn của thủ tướng Ngô Đình Diệm đi tuyên truyền lôi cuốn bạn bè hãy ở lại thay vì tập kết.

Ba ngày sau tức ngày 26 tháng 10 ban tổ chức trưng cầu dân ý tuyên bố kết quả 98.2% tín nhiệm Ngô Đình Diệm. Lập tức ông tuyên bố hiến ước tạm thời thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa và lên làm Tổng Thống. Vụ truất phế Bảo Đại làm uy tín cụ Ngô sa sút với lớp người lớn tuổi. Nhiều người nhìn cụ Ngô là người soán đoạt ngôi vua. Một số quá mẫn cụ phải cho rằng vì đàn em xúi bẩy chứ thật lòng cụ không bao giờ làm sai. Tôi không đồng ý lối lập luận bá vợ này.

Đậu xong bằng tú tài hai, Sử xin dạy giờ trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Tôi ghi danh học Luật khoa và nghe lời Tạ Ký, người bạn ở trường Lê Khiết năm xưa, ghi tên thêm ở đại học Văn khoa. Tết năm đó, tôi Sử, Cụ về thăm nhà. Như vậy ra đi ba năm, chúng tôi về quê ăn Tết. Ngày Tết thật vui vẻ vì dân chúng no ấm, được mùa không bị thuế nông nghiệp. Nhà chúng tôi rất vui vì anh em tôi đều đậu tú tài. Cha tôi phấn khởi thấy rõ. Nghe chúng tôi từ Sài Gòn về ăn tết, bà con trong làng đến thăm thật đông, bày tỏ mối chân tình với gia đình chúng tôi. Tết năm đó, tôi đến thăm Chanh. Cô bé lớn rộ và rất đẹp. Nhận ra tôi, bé mừng quá mời vào nhà, hỏi đủ thứ. Một

thanh niên vui vẻ bước ra, bé giới thiệu là chồng mới cưới hơn một năm. Và giới thiệu tôi là bạn chú Tám Lương cùng toán gác biển ngày xưa. Người chồng tên Nhân vui vẻ nói vợ anh kể rất nhiều về vụ gác biển ngày xưa và nói nhiều về tôi mà anh gọi là thầy. Tôi bảo tôi vào Sài Gòn đi học chứ không đi dạy nên gọi tôi là trò đừng gọi thầy. Mọi người đều cười rộ. Chanh rót nước mời tôi uống và bảo: *“Năm mới thầy chịu khó ghé thăm vợ chồng em chắc năm nay bọn em phát tài”*. Tôi bảo tài cũng cần nhưng cần đưa cháu trai. Chanh cười đỏ mặt. Người chồng bảo rất muốn vậy vì ông nội mong có cháu nội để bông.

Chanh vẫn về trẻ con hỏi tôi:

- Sài Gòn đông đúc và con gái Nam đẹp lắm, hả thầy?

Nhìn gương mặt tươi sáng, má hồng, tôi đáp:

- Đông thì thật đông, nhiều người đẹp nhưng chưa thấy người nào dễ thương.

May tôi kịp dừng lại. Vợ chồng tiễn tôi ra tận ngoài xóm, tôi bảo gần năm năm nay, tôi mới về quê nhà sau này có dịp về, tôi ghé thăm. Chiều xuống tôi lững thững về nhà, gần khuất xóm ngoảnh lại còn thấy Chanh đứng lặng nhìn hướng tôi đi. Tự dưng tôi cảm thấy buồn buồn.

Mùng bốn Tết, mưa xuân lất phất, chúng tôi trở lại Sài Gòn. Chưa Tết nào nhà chúng tôi vui như Tết này vì cha tôi rất ham thích con học hành mà nhà có hai người đậu Tú Tài. Hai anh em tôi và Sửu, là ba người đầu tiên trong làng đậu đạt kể từ ngày chấm dứt nền khoa bảng chữ Hán 1918. Những ngày Tết, Lê Vinh Thiều gần như ở trọn với chúng tôi, dù anh vừa cưới vợ. Tôi và Sửu có gửi mừng anh câu đối bằng chữ Nho, do thầy Ung Thiều giáo sư chữ Hán trường đại học Văn Khoa Sài Gòn cho chữ và chính thầy nhờ người bạn Trung Hoa viết chữ đẹp viết hộ. Nhưng khi treo lên tường, thầy tú tài Lê Kinh và cha tôi đều không cho là câu đối hay vì vừa cũ vừa sáo ngữ... Sau những ngày Tết nhộn nhịp đông đúc bây giờ ra đi, nhà vắng vẻ kinh khủng. Mẹ tôi ngồi trong nhà khóc:

- Mẹ đông con, thời Việt Minh tuy khổ sở nhưng đầy đủ xum họp ra vô thấy nhau, nay quốc gia đến có hòa bình, đầy đủ hơn nhưng con mỗi đứa mỗi ngã bỏ lại cái nhà rộng như cái đình cho hai người gần đất xa trời và đứa con út, mẹ có nhớ thương cũng ngồi trong nhà mòn mỏi ngó ra cửa thôi. Các con nên về thăm mẹ thăm cha.

Lời than của mẹ làm tôi đứng sững như trời trồng, không cầm được nước mắt. Tôi thưa với mẹ:

- Thưa mẹ, vào đến Sài Gòn con sẽ viết thư về cho mẹ ngay. Ở nhà với cha mẹ vẫn có em Vỹ. Khi học xong, con về sống với cha mẹ.

Câu nói vu vơ của tôi không thể giúp mẹ bớt nhớ thương con. Chiếc xe lam ba bánh chở chúng tôi còn thừa chỗ. Cha tôi bước lên ngồi tiền chúng tôi một đoạn đường. Đi được nửa cây số, tôi bảo người lái xe dừng lại và từ giã cha. Bước xuống xe, cha tôi cố chận tiếng khóc, nước mắt ứa ra, chỉ nói được tiếng “đi” rồi ông nghiêng nghiêng sát lề đường trở về nhà. Cả người lái xe lẫn chúng tôi đều im lặng, chỉ có tiếng máy ù ù. Tôi không ngờ cảnh chia ly buồn quá và hiểu lâu nay tôi vô tình không nghĩ đến nỗi nhớ nhung của cha mẹ đã về già. Để phá không khí nặng nề, Sử nói:

- Thấy ông bác khóc, tôi chịu không nổi. Gia đình anh yếu mềm quá, tôi ra đi, nhà coi như không.

Người lính Pháp cuối cùng rời Việt Nam ngày 28 tháng 4 năm 1956. Nếu kể từ hiệp ước 1884, thực sự người Pháp cai trị Việt Nam đúng 72 năm. Tôi, Lê Sử, Phạm Anh, Lê Vinh Thiều gặp nhau gợi lại những điều tủi hổ và oanh liệt của dân tộc non một thế kỷ, từ thời các ông Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương khoảng 1859 cho đến ngày 7 tháng 5 năm 1954 gần một trăm năm biết bao anh hùng hào kiệt xuất hiện. Từ Bắc chí Nam không lúc nào thực dân Pháp được ngồi yên cai trị. Hiệp ước năm Nhâm Tuất 1862 chưa ráo mực, các anh hùng Việt Nam yêu nước vùng lên ở miền Nam có Nguyễn Trung Trực Trương Công Định, Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân, Phan Liêm, Phan Tôn..., miền Trung có Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng, Mai Xuân Thưởng, Tăng Bạt Hổ, Tống Duy Tân, Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Cầm Bá Thước..., miền Bắc có Nguyễn Thiện Thuật, Kỳ Đồng, Đội Văn, Đốc Ngữ, Đề Kiêu, Đốc Tích... Tại triều đình, vua Hàm Nghi bỏ Huế lập căn cứ chống Pháp... Hầu như lúc nào cũng có những anh hùng yêu nước xuất hiện, người này ngã người khác kế tiếp với tinh thần bất khuất.

Đầu thế kỷ XX, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu hai nhà trí thức khoa bảng kiệt xuất đứng lên thành lập các hội đoàn thúc đẩy phong trào kháng Pháp. Năm 1905, Phan Bội Châu, Tăng

Bạt Hồ xuất dương mở đầu phong trào Đông Du và Phan Chu Trinh đề xướng phong trào Duy Tân, đề xướng Dân Chủ Dân Quyền. Làm sao người Việt Nam quên được năm 1908, dân chúng các tỉnh miền Trung, từ Quảng Nam, Quảng Ngãi do giới sĩ phu lãnh đạo với thủ lĩnh là nhà yêu nước nhiệt thành Phan Chu Trinh, trở thành phong trào quần chúng “xin râu khát thuế”.

Cuộc cách mạng Tân Hợi do bác sĩ Tôn Dật Tiên lãnh đạo thành công ở Trung Hoa năm 1911, là khích lệ lớn lao và là bài học quý báu cho Việt Nam. Cương quyết lật đổ ách thống trị của Pháp hoặc đòi hỏi cải cách tự do dân chủ cho Việt Nam là hai đường lối luôn hỗ trợ trong việc giành độc lập cho dân tộc. Thực dân Pháp mất ăn mất ngủ vì cuộc kháng chiến trường kỳ gần hai mươi lăm năm của vị anh hùng Yên Thế Hoàng Hoa Thám. Một cuộc kháng chiến tự lực tự túc cả hai mặt lương thực và vũ khí. Người hùng họ Hoàng vừa ngã xuống thì hai nhà yêu nước Trần Cao Vân, Thái Phiên phò vua Duy Tân, một nhà vua trẻ tuổi can trường đứng ra khởi nghĩa. Một năm sau năm 1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng lên do Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn lãnh đạo, làm cho phong trào kháng Pháp lan khắp nước. Ngày 19 tháng 6 năm 1924, Phạm Hồng Thái ám sát toàn quyền Merlin tại khách sạn Sa Điện, thất bại, người anh hùng Việt Nam tự tử ở Ô Giang. Lòng yêu nước và sự can trường của Phạm Hồng Thái đã giành được sự kính trọng của người Trung Hoa nên ông được cải táng vào nghĩa trang bảy mươi hai liệt sĩ Hoàng Hoa Cương.

Tháng 6-1925, cụ Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải, đưa về Việt Nam, bị kết án tử hình. Toàn dân từ Nam chí Bắc kể cả Hoa kiều đều nhất tề đứng lên xin tha án cho cụ. Đình công bãi thị, học sinh bãi khóa, già trẻ nam nữ... miền núi thành thị thôn quê đều xuống đường thành một phong trào toàn dân yêu nước. Trong lịch sử Việt Nam chỉ cụ Phan được toàn dân kính mến, tin tưởng, yêu thương và tôn sùng như vậy.

Ngày 24 tháng 3 năm 1926, cụ Phan Chu Trinh qua đời, toàn dân tự động tổ chức lễ tang lại khiến thực dân Pháp lo lắng và thế giới kính nể dân tộc Việt Nam.

Hai sự việc trên trở thành động cơ thúc đẩy và cũng từ đó đào tạo thêm người yêu nước, người dám hành động vì nước. Cuối năm 1927 Nguyễn Thái Học thành lập Việt Nam Quốc Dân đảng và lần đầu tiên ở Việt Nam có một đảng chính trị. Ngày 9

tháng 2 năm 1929, Quốc Dân Đảng giết chủ hãng mộ phu đồn điền Bazin. Thực dân Pháp lùng bắt khủng bố khiến cuộc khởi nghĩa phải thực hiện sớm. Ngày 10 tháng 2 năm 1930, cuộc khởi nghĩa bùng nổ, nhưng thất bại. Pháp dùng máy bay dội bom đốt cháy làng Cổ Am, tiêu diệt sào huyệt Quốc Dân Đảng. Đảng trưởng Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí trong ban tham mưu bị bắt, bị lên đoạn đầu đài ngày 17 tháng 6 năm 1930 tại Yên Bái. Cả thế giới xúc động trước cảnh đàn áp dã man của thực dân Pháp. Ngày hôm sau cô Nguyễn Thị Giang người yêu của đảng trưởng Nguyễn Thái Học, tự tử.

Ngày 12 tháng 9 năm 1930, cuộc khởi nghĩa của nông dân gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh ở Nghệ An, Hà Tĩnh do đảng Cộng Sản lãnh đạo thất bại và Pháp lại đàn áp dã man. Hàng ngàn người bị bắt và bị giết.

Năm 1940, là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ do cộng sản Nam Kỳ chủ xướng có nhiều người ngoài đảng tham dự như kỹ sư Phan Khắc Sửu, ông Trần Quốc Bửu. Hai người này đều bị đày ra Côn Đảo. Nhóm lãnh đạo Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... bị xử bắn.

Năm 1941 cuộc khởi nghĩa Nghệ An do đội Cung cầm đầu bị dập tắt. Đội Cung bị tử trận.

Đêm 9 tháng 3 năm 1945 quân Nhật đảo chánh Pháp ở Đông Dương, toàn quyền Decoux và tất cả người Pháp đều bị bắt làm tù binh.

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, Viện Cơ Mật triều đình Huế tuyên bố: Hủy bỏ hiệp ước bảo hộ 1884, Việt Nam hoàn toàn có chủ quyền. Chánh phủ Trần Trọng Kim được thành lập. Như thế, trên 60 năm bấy giờ mới có chánh quyền thực sự có chủ quyền.

Ngày 6 tháng 8 năm 1945, Mỹ thả trái bom nguyên tử đầu tiên xuống đảo Hiroshima của Nhật. Ngày 8 tháng 8 quả bom nguyên tử thứ hai thả xuống thành phố Nagasaki. Hai ngày sau Nhật đầu hàng vô điều kiện.

Chánh phủ Trần Trọng Kim cầm quyền 5 tháng thì ngày 19-8-1945, Việt Minh cướp chánh quyền thành lập chánh phủ do Hồ chí Minh lãnh đạo. Quân đội Anh có nhiệm vụ vào phía nam vĩ tuyến 16 trước vũ khí quân đội Nhật và người Anh phát vũ khí cho 1400 tù binh Pháp bị Nhật bắt. Số lính này bắt đầu đánh phá miền Nam.

Từ đó cuộc chiến với Pháp kéo dài suốt 9 năm đến ngày

7-5-1954 với việc Điện Biên Phủ thất thủ. Sau 56 ngày kịch chiến, quân Pháp tê liệt phải đầu hàng. Gần 3000 binh sĩ tử thương, trên 12 ngàn tù binh trong số có tướng De Castrie. Trận Điện Biên Phủ là một chiến thắng của người Việt Nam đối với thực dân Pháp, một thành tích của Võ Nguyên Giáp. Tuy không bao giờ chấp nhận nổi cộng sản, nhưng tôi hãnh diện về trận Điện Biên Phủ và phục tài quân sự của tướng Giáp. Tôi nghĩ mọi người Việt Nam cảm hận thực dân Pháp đều vui với chiến thắng này và những anh hùng liệt sĩ ở bên kia thế giới sẽ mỉm cười mãn nguyện với ngày 28 tháng 4 năm 1956, ngày không còn hình bóng thực dân Pháp trên tổ quốc Việt Nam.

TƯỚNG LÊ QUANG VINH BỊ XỬ CHÉM

Tối 12 tháng 7 năm 1956, Phạm Huệ tìm tôi cho biết ngày mai ông Ba Cụt bị xử chém. Chúng tôi ngồi lặng không thể nói gì. Đêm buồn quá. Ngày mai, một lãnh tụ nổi tiếng can trường, binh dân phải chịu hành hình tại Cần Thơ. Trước khi cụt Ngô về nước, tại Nam kỳ các lực lượng giáo phái hùng cứ nhiều nơi. Vùng Tây Ninh có quân đội Cao Đài của tướng Nguyễn Thành Phương, quân đội Cao Đài Ly Khai tức Lực Lượng Liên Minh Quốc Gia Kháng Chiến của tướng Trình Minh Thế. Miền Tây có quân đội Hòa Hảo do tướng Nguyễn Giác Ngộ, Trần Văn Soái, Lê Quang Vinh tức Ba Cụt cầm đầu. Bình Xuyên không phải một tôn giáo mà là lực lượng quy tụ bởi những nhân vật có tính hảo hán giang hồ do tướng Lê Văn Viễn làm thủ lãnh. Địa bàn hoạt động của lực lượng này là vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, căn cứ chính ở bên kia cầu chữ Y. Ngoài trừ hai lực lượng của tướng Lê Quang Vinh, Trình Minh Thế vừa chống Cộng Sản vừa chống Pháp, các lực lượng giáo phái đều được Pháp tiếp tế vũ khí, tài chánh và cả chức tước, cấp bậc để chống cộng sản. Dù vậy, các lực lượng này đều tự trị không trực thuộc bộ quốc phòng. Riêng nhóm Bình Xuyên được Pháp giao cho tổ chức cảnh sát ở Sài Gòn - Chợ Lớn và thâu hai sông bạc Kim Chung và Đại Thế Giới. Năm 1955, sau khi lực lượng Bình Xuyên bị đánh bật khỏi Sài Gòn, các tướng giáo phái đều quy thuận chánh quyền, duy có tướng Ba Cụt tiếp tục chống đối.

Ai ai cũng đồng ý phải chấm dứt tình trạng lực lượng giáo

phái hùng cứ từng vùng để thống nhất quân đội dưới sự điều khiển của bộ quốc phòng. Nhưng chúng tôi hết sức bất bình với cách lừa gạt để bắt tướng Ba Cụt. Thực sự lực lượng giáo phái đã qui thuận hết chỉ còn một nhóm của Ba Cụt đang trong thời gian thương thảo. Đốc Phủ Sứ Nguyễn Ngọc Thơ, một công chức già từ thời Pháp, làm tỉnh trưởng Long Xuyên mời Ba Cụt tới gặp và khi ra về, Ba Cụt bị vây bắt, đưa ra xử khẩn cấp rồi hành hình bằng cách đem máy chém ra chém đầu. Hành động này không giấu nổi tính tàn ác. Tôi thấy lâu nay tôi tôn sùng nhằm cụ Ngô, nhất là khi người em dâu của cụ, bà Ngô Đình Nhu, bắt đầu tỏ lộ nhiều điều ngu xuẩn và ngang ngược.

DẠY HỌC

Năm 1957, tôi xin dạy kế ược trường trung học Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho. Cụ và Sử dạy ở Nguyễn Đình Chiểu trước tôi hai năm. Năm đó tôi đã có hai chứng chỉ Văn Chương Việt Nam và Lịch sử Triết Học Đông và Tây Phương của đại học Văn Khoa Sài Gòn nên ông hiệu trưởng Nguyễn Văn Lực cho tôi dạy Việt văn lớp Đệ Nhị. Niên khoá đầu, tôi chỉ dạy ba ngày thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy trong tuần. Mỗi tuần, tôi ở Sài Gòn từ chiều thứ bảy đến tối thứ năm, những ngày còn lại ở Mỹ Tho.

Tôi trọ chung với Sử và Cụ tại nhà ông Năm Thường ở Cầu Bắc thị xã Mỹ Tho. Ông Năm Thường sống thanh bần với nghề hốt thuốc Bắc. Đó cũng là gia đình bên vợ của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lúc ấy còn là sĩ quan cấp tá. Khi ông Thiệu làm tổng thống nhiệm kỳ hai thì khu nhà lụp xụp đó biến thành hai tòa lầu nguy nga.

Mới đi dạy mà được giao cho ba lớp đệ nhị, thi tú tài bán phần⁽³⁷⁾, tôi không hiểu sao ông hiệu trưởng tin tôi như vậy, nên chăm chỉ soạn bài, cho bài tập, chấm sửa bài, cố tạo không khí hào hứng học văn chương Việt Nam cho học sinh. Lúc còn đi học, tôi thường khó chịu với các ông thầy tự cao tự đại, huyênh hoang đủ thứ. Thuở đó, chúng tôi thường dùng chữ “*biết hết*” để mỉa mai các vị “*sư phụ*” đó và tôi cũng biết những lỗi bịch của thầy thường in sâu vào trí óc thành kỷ niệm suốt đời của học trò. Tôi cố tránh tối đa điều đó bằng cách nói thật với học trò, nhất là

(³⁷) Năm đó trường chưa có lớp đệ Nhất, tú tài toàn phần.

có những học trò ngang tuổi tôi và đã có gia đình. Tôi nói tôi chỉ hướng dẫn hơn là dạy vì tôi chỉ học trước ít năm. Tuy nhiên, nếu học sinh có điều chưa hiểu hay điều muốn hiểu, dù trong hay ngoài chương trình cứ hỏi, nếu biết tôi trả lời, nếu không biết hoặc chỉ biết lờ mờ, tôi sẽ hỏi các bậc thầy rồi nói lại... Chương trình lớp đệ Nhị những năm đó rất phong phú, để dạy vì trong đó có truyện Kiều, là cuốn sách “gối đầu giường” của tôi. Đã vậy, trước đó một năm, khi tôi học chứng chỉ Văn Chương Việt Nam, giáo sư Nghiêm Toàn suốt niên khoá toàn dạy truyện Kiều. Thêm nữa, vì thích thú tác phẩm này nên tôi đã tìm đọc tới đa mọi sách giảng giải bình luận chê khen v.v... truyện Kiều. Có thể nói tôi chuẩn bị khá đầy đủ tài liệu nên dù mới đi dạy tôi không gặp trở ngại nào. Ông hiệu trưởng nói là ông rất vui vì biết học trò thích thú khi học môn Việt văn với tôi. Ông bảo đó là kết quả ngoài mong ước của ông.

Từ đó và về sau, tôi luôn bước vào lớp với tâm nhiệt tình trút hết sự hiểu biết cho đám trẻ đang khao khát hiểu biết. Tôi trình bày bài học bằng khối óc và cả con tim nên tạo được sức lôi cuốn làm cho học sinh hào hứng theo dõi. Tôi cũng cố tạo cho học sinh tính tích cực, chăm chỉ để mỗi ngày đều có một tiến bộ. Học là luôn luôn đổi mới, tiến lên. Khi giảng bài tôi thường dựa vào đó, hoặc dành thì giờ nhắc nhở học sinh hướng tới xây dựng một tương lai tốt đẹp, một cuộc đời phong phú hơn. Tôi không dừng ở cái hay cái đẹp của văn chương, xem như một thụ hưởng trong cuộc đời, trái lại tôi có niềm tin đem văn chương xây dựng cuộc đời tốt đẹp hơn. Tôi muốn tạo cho học sinh niềm tự tin, đánh tan mặc cảm tự ti nghèo khổ, đem tinh thần “nhật tân” ứng dụng vào đời bằng sự học hỏi không ngừng và giảng cho học sinh lời khuyên của triết gia Trình Tử “*Học như đi thuyền ngược nước, không tiến tất thoái*”.

Gần như tôi đã đóng vai cố vấn về xây dựng cuộc đời và với tinh thần tích cực đó, tôi đã tạo không khí sôi động, tin tưởng trong giờ học. Áp dụng quan niệm “*tri hành hiệp nhất*”, biết tức là làm và cả hai là một, tôi cố thúc đẩy học sinh nỗ lực trau dồi hiểu biết để xây dựng cuộc đời, trước hết cho bản thân mình, rồi cho cộng đồng, cho xã hội. Từ đó, tôi vẽ cho học sinh thấy người trí thức không thể trốn trách nhiệm xây dựng tổ quốc và luôn có ý thức về chính trị... Với quan điểm giáo dục đó, với tinh thần hăng say xây dựng, với cái nhìn cao quý về con người... tôi tạo

được niềm tin, tạo được ý chí cầu tiến, tinh thần độc lập... cho học sinh trong ý hướng học để tạo cho mình cuộc sống cao hơn và để góp sức xây dựng một cộng đồng, một xã hội đẹp hơn. Nói cách khác, học để hiểu rằng không thể tách rời bản thân ra ngoài xã hội mà trái lại phải gắn thân vào xã hội với trách nhiệm của người trí thức.

Một năm sau, tôi dạy thêm môn Việt văn tại các trường tư thực ở Sài Gòn như trung học Đạt Đức của ông Phan Thuyết, trường Tân Thanh và trường Tân Thanh của ông Phan Út, trường Văn Hiến của ông Phan Ngô. Ba ông chủ trường họ Phan này đều là người Quảng Nam. Ngoài ra, tôi còn dạy các lớp luyện thi tại trường Võ Tánh của ông Phan Minh. Các lớp này là lớp chuyên cho học sinh thi tú tài phần một. ⁽³⁸⁾ Thi sĩ Bùi Giáng và nhà văn Vũ Hạnh đều dạy ở Đạt Đức và Tân Thanh. Bùi Giáng là một thiên tài về thi ca, nhưng các chủ trường không dám sắp cho ông dạy các lớp thi vì sợ ông không dạy theo chương trình của bộ giáo dục. Còn Vũ Hạnh chỉ được nói đến nhiều sau 1975, vì ông có công “*nằm vùng*” nên dường như có lúc làm chủ tịch Hội Nhà Văn và chủ tịch Hội Trí Thức Yêu Nước ở Sài Gòn, thực sự về nghề giáo vì không có bằng cấp nên chỉ các chủ trường người Quảng Nam nghĩ tình đồng hương cho dạy các lớp nhỏ để tạm sống qua ngày.

Thời kỳ đó, tôi dạy mười một tiếng một ngày, sáng bốn giờ, chiều bốn giờ, tối ba giờ. Tôi và Sử mua một chiếc vespa mới toanh của Pháp, lúc đó chưa có vespa Ý. Sử, Tạ Ký và tôi chỉ còn rảnh sau 10 giờ đêm và chủ nhật.

Trường tư lúc ấy chưa biến thành nơi xô bồ buôn bán chữ nghĩa. Làn sóng Bắc Việt di cư vào Nam khiến ngành tư thực phát triển mạnh, giáo sư tư thực người Nam Kỳ lần lượt nhường chỗ cho người Bắc, vì phần nhiều người Bắc nói lưu loát, giọng nói hay, dễ nghe. Nói giọng Quảng phải sửa giọng nhiều, nếu không, học sinh không nghe được. Dạy tư lúc bấy giờ, thầy không dám đỏi trò nhưng trò đỏi thầy dễ dàng. Học sinh nghe không được kéo lên văn phòng báo cho giám học biết thì tức khắc vị giáo sư ấy có uyên thâm cỡ nào cũng phải bỏ trường. Tôi may mắn nói lưu loát, cách nói lôi cuốn người nghe, lại thêm dáng vóc to lớn khỏe mạnh và còn rất trẻ nên mới có nhiều giờ

⁽³⁸⁾ Lúc ấy, tú tài hai không có môn Việt văn.

dạy lúc ấy ở Sài Gòn và cạnh tranh được với giáo sư tư thực người Bắc ở thủ đô đông đúc và khá phức tạp này. Tôi cũng dạy trường công và phải thú thật dạy trường tư khó gấp nhiều lần dạy trường công. Bởi học sinh công lập qua thi tuyển nên trình độ đồng đều, tương đối khá, và có kỷ luật, nề nếp từ lớp nhỏ trở lên. Mỗi lớp công lập chỉ chừng bốn chục học sinh trong khi tư thực mỗi lớp ít nhất tám chục học sinh, nếu số học sinh ít hơn thì phải nhập lớp, dồn lớp. Học sinh tư thực trình độ không đồng đều, tuổi tác chênh lệch, còn thêm một số hư hỏng, du đãng. Tóm lại, tư thực là cái giỏ chứa đủ thứ học sinh. Một giáo sư vào một lớp tư thực, từ lớp mười trở lên mà dò bài một phần ba thời giờ, giảng một phần ba rồi cho chép bài một phần ba, chắc chắn không dạy quá một tuần lễ vì không khí buồn tẻ học sinh sẽ xin đổi qua lớp khác. Tôi có một bạn đồng nghiệp lớn tuổi có bằng cử nhân toán — lúc bảy giờ bằng cử nhân rất hiếm — dạy lớp luyện thi toán tú tài một, rất nghiêm khắc lại thêm nói giọng miền Trung khó nghe. Lớp của anh ban đầu gần một trăm học sinh cứ giảm dần rồi phải giải tán. Cạnh đó, một lớp cũng luyện thi toán do một giáo sư trẻ không có bằng cấp cao, nhưng học sinh luôn cười rộ từ đầu đến cuối giờ, chen chúc không còn chỗ, phải ngồi trên bệ cửa sổ cười mà học.

Tôi theo lối dạy riêng của mình, vì nếu theo phương pháp sư phạm thì mất chỗ dạy, còn theo kiểu kể tiểu lâm cho học sinh cười thì tư cách không cho phép. Thực sự, tôi cũng không có năng khiếu ve vuốt chiều học sinh, dù mỗi cách dạy đều có những điểm có thể chấp nhận, ngoại trừ thầy dạy không thể để cho trò khinh rẻ. Tôi vẫn nghĩ điều cần thiết để trò đừng coi thường là thầy phải đứng đắn. Người đi dạy giữ được tác phong đứng đắn thì đã thành công được sáu mươi phần trăm. Để trò kính phục, thầy phải thực sự có tài, có hiểu biết chắc chắn trong lĩnh vực mình dạy. Để dạy tư nổi ở Sài Gòn lúc ấy, tôi phải dung hòa, vừa đóng vai người hướng dẫn, người cố vấn nói chung là người thầy, nhưng rất thân mật với học sinh, rút thật ngắn khoảng cách giữa thầy với trò bằng tinh thần trẻ, đã phá quan niệm cổ hủ về “*Quân-Sư-Phụ*”. Đó là cách cư xử. Về phương pháp dạy, chúng tôi không nghiêm khắc khô khan cũng không theo kiểu mị học trò. Phải làm sao cho học sinh học để thiết thực có một tương lai tốt đẹp. Tôi không dò bài kiểu dạy tiểu học, nhưng bắt học sinh phải hiểu bài qua các bài tập tại lớp hoặc

làm ở nhà. Giờ dạy của tôi biến thành giờ trần thuyết, giờ diễn thuyết. Học sinh phải biết nghe và ghi. Tôi dạy theo kiểu ở các giảng đường đại học. Lớp học có vẻ im lặng, thụ động, nhưng kiểu dạy này giúp học sinh chăm chú thu nhận rồi biến hóa thành hiểu biết thực thụ. Rồi một bài giảng, có những câu hỏi mỗi học sinh làm vào giấy để tôi về nhà kiểm soát và đánh giá thu nhận của học sinh. Phương pháp này ngược hẳn với phương pháp thường áp dụng, vì thầy chỉ gợi ý để học sinh tìm tòi khám phá, trả lời những câu hỏi gợi ý biến thành một bài học... Phương pháp hay, nhưng khó thích hợp với số học trò quá đông và thực sự khó đi sâu vào vấn đề đang học, khó đi vào chỗ hay, chỗ giá trị, sâu sắc của vấn đề, nhất là để đưa cả lớp vào giấc ngủ tập thể. Thêm nữa, muốn thực hiện phương pháp này cũng không dễ, nếu thiếu khả năng nói hấp dẫn, không nói lớn tiếng được — vì phòng rộng, đông học sinh, không có máy phóng thanh — và không đủ sức khỏe để nói hết giờ này qua giờ khác, nói suốt mười một giờ mỗi ngày như tôi đã làm. Tuy vậy, tôi áp dụng phương pháp này suốt thời gian đi dạy và đã để lại những kỷ niệm tốt đẹp đối với nhiều học sinh ...

BỊ CẤM DẠY Ở TRƯỜNG CÔNG LẬP

Một buổi sáng tôi đang ngồi ở phòng giáo sư trường Nguyễn Đình Chiểu đọc báo trước giờ vào lớp, ông hiệu trưởng với vẻ mặt xanh tái tới nói nhỏ vào tai tôi:

- Mời thầy qua phòng tôi có chuyện quan trọng.

Tôi theo ông và trực giác cho biết có điều gì không tốt xảy ra. Ông mời tôi ngồi, rót cho tôi ly trà, có vẻ đang khó khăn không biết mở đầu câu chuyện thế nào. Rồi ông rút trong cặp cái thư đưa cho tôi và nói;

- Tôi rất buồn phải đưa cái thư này cho thầy.

Ông chăm chú nhìn tôi. Tôi trấn tĩnh đọc và gượng cười:

- Không sao thầy, họ không cho dạy thì tôi dạy tư ở Sài Gòn khỏi xuống lên hằng tuần. Chỉ tiếc là đang dạy dang dở, bỏ học trò tội nghiệp và không được làm việc với thầy là người mà tôi kính mến từ lâu.

Ông cười tiếp:

- Thầy không dạy chỗ này thì dạy chỗ khác còn sướng hơn, nhưng tôi rất tiếc là thầy không dạy trường tôi. Như thầy rõ,

chúng tôi khó khăn lắm mới mời được các thầy, nhất là môn Việt văn, người Nam chúng tôi không quen dạy. Thế mà Bộ không biết gì hết, không chịu điều tra kỹ vội vã như thế này. Chịu thiệt là học trò, chúng là học trò thi mà chắc gì bộ có người đưa xuống thay thế.

Tôi cảm ơn ông và xin phép được xuống thăm lớp tôi sắp dạy. Ông xin lỗi vì sợ lớp không có thầy sẽ làm ồn nhất là nghe tôi bị cấm dạy, học trò có thể phản ứng mạnh thì tai họa cho trường nên ông đã cho chúng đi về.

Đưa tôi ra tận cổng trường, ông ân cần nói:

- Tôi sẽ khiếu nại lên Bộ vụ này, sẽ làm cho ra lẽ. Tôi hi vọng thầy sẽ trở lại dạy vì tôi biết học trò rất thích thầy do thầy tận tụy. Nếu tôi khiếu nại được thì xin thầy vì tôi và vì học sinh đang lỡ dở mà trở lại.

Tôi cảm ơn và bắt tay già từ. Người ta loại tôi không cho dạy trường công vì kết tội “chống đối chánh quyền làm lợi cho cộng sản”.

Trên đường về Sài Gòn, tôi nghĩ lời kết tội chỉ đúng một nửa và sai một nửa.

Đúng, tôi chống chánh quyền do tôi cảm thấy bị lừa vì người ta bảo Ngô Đình Diệm là người yêu nước yêu dân tộc. Nhưng sau thời gian nắm chánh quyền, ông lộ chân tướng không yêu nước, không phải vị lãnh tụ anh minh như những cụ già trong đó có cha tôi bảo. Tôi thấy chân tướng Ngô Đình Diệm là một quan lại với tất cả nghĩa xấu của nó. Ông về nước được toàn dân, trừ cộng sản, đều phấn khởi mến phục. Người ta đồn đãi thêm thắt tô điểm cho vị lãnh tụ yêu nước nghiêng đòn cân so với Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Chúng tôi tránh vỏ dưa gặp vỏ dưa, tránh vị “cha già dân tộc” gặp vị “lãnh tụ anh minh”. Tôi thất vọng vô cùng vì nghĩ Ngô Đình Diệm chưa đủ tư cách lãnh tụ một quốc gia phải đứng đầu với loại cộng sản sát máu. Phải là người thiên chúa giáo, phải là cựu quan lại hoặc con cháu các quan lại mới được dùng. Có thể ông bị chi phối bởi sự cố vấn người em là ông Ngô Đình Nhu thiếu hiểu biết, thiếu thông minh⁽³⁹⁾. Đã thế, theo dư luận bà Nhu là người vợ mất nết, ngu dốt

⁽³⁹⁾ Chỉ là người trung bình, không cần thông minh thì con một gia đình đầy đủ phương tiện đi học sao ông Nhu không dám học các ngành giá trị như y, luật, khoa học mà lại học ngành bảo quản thư khô?

làm xấu hổ cả dân miền Nam. Con một nhà giàu, có học như luật sư Trần Văn Chương mà chỉ học ba năm trung học, nếu không phải ngu thì làm sao giải thích điều nghịch lý đó. Rồi có lẽ mặc cảm thiếu học nên cao ngạo dị hợm như với tư cách dân biểu mà vào nghị trường, chửi từ trên xuống dưới, lúc nào cũng nói tiếng Pháp như khinh khi tiếng Việt. Tôi được biết đại gia đình Ngô Đình làm quan lớn nhưng không phải gia đình khoa bảng. Cụ Ngô Đình Khả, thân phụ ông Diệm, làm quan lớn trong triều nhưng không vì có học, cũng không phải người võ lược. Người ta bảo cụ Khả nhờ thế Thiên Chúa giáo mà làm lớn. Rồi vì cha làm quan nên con cũng làm quan. Ông Diệm làm thượng thư nhưng không có bằng cấp gì đáng kể. Các ông Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Luyện không khác hơn. Tôi không hiểu sao cụ Ngô Đình Khả không biết phận mình thiếu học nên trở ngại trên công việc, trên hoạn lộ, bị xem thường mà khuyên bảo các con gắng học hành tạo sự hiểu biết vững chắc. Có lẽ cụ nghĩ một cách đơn giản rằng cha làm quan thì đời đời kiếp kiếp con cháu làm quan, cần gì học hành nên ông Cẩn chưa bao giờ đến trường. Một gia đình thiếu sót về học hành và tư cách như thế mà bao thầu việc trị quốc thì thật thảm hại! Người ở thế hệ sau khó thể chia xẻ cảm giác ê chề của tôi dưới chế độ gia đình trị ngu dốt của dòng Ngô Đình ... Vì lẽ đó, tôi chống chánh quyền. Thực sự ông Diệm muốn làm vua, muốn biến Việt Nam thành một nước quân chủ hơn là dân chủ.

Về việc bảo tôi làm lợi cho cộng sản thì hoàn toàn sai. Nếu không muốn nói làm lợi cho cộng sản chính là một chánh quyền bất lực, gia đình trị, tham nhũng khiến người dân chán nản. Trên thực tế, danh hiệu "*lãnh chúa Miền Trung*" gán cho một người chưa hề biết trường học là gì như ông Cẩn cùng cách hành xử coi pháp luật quốc gia như cỏ rác, mặc tình tác oai tác quái đã chứng tỏ một chánh quyền gồm những người như thế có thuận lợi cho công việc chống cộng sản hay không. Chúng tôi vẫn nghĩ nếu Ngô Đình Diệm, Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Thiệu có đủ tài năng, có lòng yêu dân yêu nước thực sự, chắc chắn cộng sản không chiến thắng năm 1975.

MỜ TRƯỜNG TƯ

Sau khi tôi bị cấm dạy trường công, chúng tôi sang lại ngôi

trường Chân Phúc Minh của nhà thờ ở thị xã Mỹ Tho lúc đó chỉ có mấy lớp lều tều. Học sinh các tư thực trong tỉnh kéo đến thật đông, phải bỏ ngăn vách mở rộng phòng chứa đủ trên một trăm học sinh, dùng micro giảng bài. Mở các lớp luyện thi và học ba xuất sáng, chiều, tối. Chúng tôi mời một số giáo sư ở Sài Gòn đến dạy. Uy tín trường lên cao, chúng tôi định năm sau sẽ phát triển thành tư thực lớn nhất Mỹ Tho và Lê Sử đã tính cuối năm sẽ mua xe hơi mới. Tình trạng này gây thiệt hại cho một số trường tư ở đây và đã xảy ra sự đáng buồn là một số du đảng kéo đến phá khiến chúng tôi phải nhờ cảnh sát can thiệp.

Đây cũng là thời kỳ sai lầm, sa ngã của chúng tôi.

Đi dạy đến mười giờ khuya rồi sau đó, có khi đến hai ba giờ sáng, là giờ ăn chơi sa đọa. Đời tôi hư hỏng nhất là lúc đó. Sẵn tiền sẵn xe, tôi và Sử mua vespa mới⁽⁴⁰⁾, xài tiền như để trả thù đời. Trong số bạn gái lúc bấy giờ không thể không kể Mai, Vũ Hồng Mai, học trường tư thực Nguyễn Bá Tông, là con một gia đình người Bắc di cư. Sử, Cự, Thiều và tôi thuê một căn gác ở đường Da Bà Bầu, gần sát vách nhà bà Bưư, người em cô cậu của tôi. Chúng tôi thường ở chung hoặc ở gần, để ăn cơm nhà bà Bưư như một sự tương trợ trong bà con. Đường Da Bà Bầu là đường của người nghèo đa số là người Bắc di cư. Hai dãy nhà đối diện trên con đường rải đá chưa tráng nhựa. Nhà toàn bằng gỗ có gác lợp tôn, bề ngang chừng ba mét. Nhà nào cũng như nhà nào. Mưa Sài Gòn như trút nước, chúng tôi ngồi trên gác nhìn những nhà đối diện và đám trẻ con chạy ra hứng nước, tắm mưa. Nhớ lại thuở nhỏ ở nhà quê khi trời mưa to về mùa hè, chúng tôi cũng chạy chơi và tắm mưa đến khi lạnh môi tím ngắt. Bọn con nít la chạy đuổi bắt náo nhiệt hai bên đường, trong đám đó có con bé đẹp quá, cao hơn, tóc dài hơn bọn kia. Mặc bộ quần áo màu đen làm lộ nước da trắng, nước mưa làm bết tóc vào mặt vào bộ ngực bắt đầu nảy nở. Chúng tôi im lặng nhìn mưa nhưng như đều dán mắt vào con bé đẹp ngay thơ hấp dẫn đó. Tôi trầm trồ:

— Trời ơi, con bé đẹp quá, chưa thấy con bé nào đẹp như vậy.

Sử tiếp lời đùa nhắc tôi coi chừng kẻo bị cảnh sát bắt vì tội dụ dỗ gái vị thành niên. Mưa càng lớn, con bé càng hoạt động

⁽⁴⁰⁾ Năm 1957-58 xe vespa rất có giá trị.

trước mắt chúng tôi. Không biết bọn tôi đang say sưa nhìn, con bé tự nhiên đứng dưới nước giọt, lùa hai bàn tay trắng muốt vào mái tóc bông bênh. Nước mưa theo mái tóc chảy xuống móng xuống ngực. Xong, hai bàn tay chạy xuống ngực vò bóp ngoài áo. Tôi như nín thở, người nóng phùng phùng. Tối hôm đó, tôi cố xua đuổi hình ảnh con bé, cảm thấy mình như phạm tội nhưng tôi đã yêu con bé tắm mưa.

Con bé học trường tư Nguyễn Bá Tòng. Dậy sớm, dắt xe đạp ra khỏi nhà đạp xe như đua. Tôi rà rà chiếc vespa theo sau, đến trường cổng trường chưa mở. Tôi không hiểu sao con bé nôn nao vậy. Rất tự nhiên và như quen biết từ lâu, tôi hỏi:

- Đi chi sớm vậy, Mai?

Con bé cười rất tươi:

- À, anh ở nhà cô Hai Lê?

Tôi đáp:

- Đúng rồi. sao Mai biết?

- Em ở đối diện đó, làm sao không biết, một anh ốm như cái tằm nhang, một anh to như tây. Cô Hai còn nói với em hai anh đều là giáo sư cấp ba, hồi trước ở ngoài Trung, giàu lắm và cũng...hoang lắm, có đúng không anh?

Tôi mừng quá, kéo dài câu chuyện:

- Em nói sai hết, chỉ đúng một điều là ở nhà đối diện thôi. Nhưng hình như có người đến mở cổng sắt kia, mấy giờ em tan học.

Con bé bảo đúng 9 giờ và nói *“sáng nay chỉ có một giờ sử thôi, ông thầy khó quá, em không dám cúp cua”*.

Tôi ghé cà phê Gia Long lụp xụp ở đầu con hẻm đường Gia Long gần chợ Bến Thành nhưng là quán cà phê nổi tiếng ở Sài Gòn lúc ấy. Một số ngòì trong nhà, phần lớn ngòì dọc lề đường, trên những chiếc ghế thấp như ghế thợ đóng giày. Từ sớm đến thật khuya quán luôn đông khách. Hình như cả nhà đều làm việc trong quán này. Vợ chồng chủ quán lụi hụi bên sáu bẫy lò lửa than phùng phực, trên mỗi lò là một ấm đất lớn. Phía ngoài một chút, một cái bàn dài với vô số ly tách và phin cà phê đựng sẵn bột cà phê. Hai em bé cỡ mười bốn, mười lăm tuổi lo đem cà phê, dọn ly tách, tính tiền, lau bàn... Họ làm việc quần quật từ sáng đến chiều, tất cả đều vui vẻ, lịch sự, lễ độ. Có hai loại cà phê, phin và bít tất. Cà phê bít tất là loại cà phê đổ trong một lọc lớn thả vào ấm đất và tiếp tục đun sôi. Loại này vừa

ngon vừa rẻ, nhất là có liền không phải chờ lâu như cà phê phin. Khi nhỏ, tôi không thể uống cà phê phin vì không đủ kiên nhẫn, không phải mẫu người lặng nhìn từng giọt cà phê rơi để chiêm về chân lý cuộc đời. Mua hai điếu thuốc lá thơm Ruby hay Cotab và một ly cà phê, theo tôi, lúc đó, là một món ăn tinh thần vô cùng lý thú. Ba loại khách hàng chính ở quán cà phê Gia Long này là sinh viên văn khoa vì trường đại học văn khoa sát bên quán, là nhà báo và các cầu thủ bóng đá. Tôi thường gặp các cầu thủ nổi danh lúc bấy giờ như Được, Thành, Cảnh, như Hồng cao cảnh sát, Thận hải quân, Diệp tham mưu... Phải nói thật là tôi ghiền cà phê và tới nay đã uống cà phê rất nhiều chỗ kể cả ở ngoại quốc nhưng chưa thấy nơi nào ngon hơn cà phê Gia Long! Một ly cà phê sữa đá của quán Gia Long ⁽⁴¹⁾, vài điếu thuốc thơm là vô cùng lý thú.

Sáng nay tôi bỏ bốn giờ dạy trường Tân Thanh, thứ bảy sẽ dạy bù. Uống ly cà phê, hút hai điếu thuốc lẻ, đọc xong tờ báo nhìn đồng hồ còn mười lăm phút, tôi trở lại trường Nguyễn Bá Tòng. Tôi cứ tưởng còn sớm không ngờ đến nơi đã thấy Mai đứng bên lề đường. Thấy tôi, Mai tươi cười:

- Em cứ tưởng anh quên 9 giờ chứ.

Tôi đưa tay đeo đồng hồ cho Mai xem, nói:

- Bây giờ mới đúng 9 giờ, thầy cho em ra sớm đấy, bây giờ em đem xe đạp gửi nơi kia rồi anh chở đi chơi, đi uống nước.

Mai nói

- Nhưng mà anh phải hứa với em hai điều.

Tôi đáp:

- Một trăm điều, anh cũng hứa, nói đi.

Con bé nhõng nhẽo:

- Thứ nhất là phải đưa em về đây lấy xe trước mười rưỡi để em về nhà trước mười hai giờ, được hông?

Sau khi tôi hứa, Mai nói nhỏ:

- Thứ hai rất quan trọng là anh không cho bạn anh và gia đình cô Hai biết, vì cô Hai mà biết, bà hay qua nhà mẹ em chơi sẽ cho mẹ em biết thì em chỉ còn nước dọn thổ thổ, mẹ em sẽ đốt sách vở và đuổi em ra khỏi nhà.

Tất nhiên, tôi hứa hết. Mai nhí nhảnh xem tôi như người

(⁴¹) Tên do chúng tôi gọi chứ thật sự chủ quán không đặt tên cho quán.

anh trong nhà, còn tôi bỗng thấy như lúc học tiểu học. Tôi đưa con bé vào tiệm kem Mai Hương đường Lê Lợi, tiệm kem sang và đẹp, học sinh thích vào, tuy kem mắc tiền hơn nhưng ngon và có nhiều loại, nhất là ba phía đều là mặt đường nên ngồi nhìn thấy nhiều người qua lại. Vào nửa buổi, quán ít khách chỉ dăm ba cặp học sinh ngồi rải rác. Mai trở mắt nhìn tấm bảng ghi các loại kem ngạc nhiên tột độ có lẽ lần đầu vào tiệm kem sang trọng.

Mai nhìn tôi nũng nịu:

- Anh cho em ăn loại nào, em chưa bao giờ biết các loại này, hồi bé tới giờ em chỉ ăn loại kem bán dạo ngoài đường, không ngờ nhiều loại kem như thế này.

Tôi gọi loại cao giá nhất theo kinh nghiệm đánh giá một vật, là món ăn hay đồ dùng, khi không biết loại nào tốt xấu thì dựa vào bản giá để chọn có lẽ sẽ đúng. Tôi chỉ người bồi bàn loại kem ba màu mùi vani, còn phần tôi, tôi gọi chai bia 33 lạnh. Trời nóng như thiêu hớp ngậm bia ướp đá mát thấu ruột gan, nhìn con bé đẹp đang say sưa ăn kem cũng là một kỳ thú. Mai đẹp thật, không son phấn, không ăn mặc kiêu cách, thuần là học sinh nghèo, áo dài trắng, quần như quần tây có hai túi hai bên. Cặp mắt hơi to đẹp như mắt nai. Em ăn một cách thích thú, cái miệng nhỏ xinh xinh vọt kem hồng hồng đầy ắp, cái miệng hơi rộng, cặp môi dày môi mọng, lưỡi dài uốn cong rà trên bì môi bên này qua bên kia... Tôi rùng mình tự nhiên cũng đưa lưỡi liếm môi, vội rút tờ giấy lau trên bàn, hớp một miếng nước đá lạnh vô vị nhạt nhẽo để lấy lại bình tĩnh. Thấy con bé vết sạch ly kem một cách ngon lành, tôi hỏi:

- Em ăn bánh hay ăn kem nữa?

Con bé nói rất tội nghiệp:

- Anh cho em ăn kem nữa nhì!

Ôi, giọng Bắc nghe dịu ngọt làm sao. Thượng Đế cho em hoàn toàn quá, ở em cái gì cũng lên đến đỉnh. Lần này người bồi bàn đem cũng kem ba màu nhưng loại dâu tây, hương vị khác lạ con bé ăn say sưa. Ra xe tôi hỏi:

- Bây giờ cương ưng đi đâu, anh đưa cương đi.

Con bé nhìn tôi cười có vẻ thích thú chữ “cương”:

- Cho em đi coi phim. Mà anh có thích xem không?

Tôi ngạc nhiên vì em tự nhiên quá. Tôi đưa Mai vào rạp Eden ở Catina cũ vừa đổi tên là Tự Do. Duy nhất ở rạp này, mỗi

hai ghế đều có vách ngăn cao người bên cạnh không thấy nên rất thuận tiện cho những cặp yêu đương.

Rạp tối quá không thấy gì hết ngoài màn ảnh đang trình diễn phim cao bồi. Theo ánh đèn pin của người dẫn đường soi sáng nhẹ nhẹ dưới chân để thấy bực cấp đi khỏi sụp, tôi dất tay Mai vào một góc ở trên cao. Gần 10 giờ sáng và không phải cuối tuần nên rạp rất vắng khách.

Từ đó cứ mỗi cuối tuần, tôi thường đưa Mai đi ăn kem và xem chiếu phim.

NGÃ SÁU SÀI GÒN

Do Tuyên, em anh Thiệu giới thiệu, chúng tôi tìm chỗ trọ ở Ngã Sáu Sài Gòn. Đó là toà nhà một tầng, chủ là người Pháp trước kia buôn bán thổ sản. Một nha sĩ Việt Nam, có lẽ là bạn thân của chủ có trách nhiệm trông coi toà nhà. Trừ một phòng nhỏ dành cho nha sĩ đó làm phòng mạch, còn toàn nhà cho ông Thanh Lợi, người Quảng Nam thuê. Phòng rộng dưới làm tiệm phở Thanh Lợi. Tầng lầu hai phòng lớn, một phòng nhỏ. Chúng tôi thuê một phòng lớn. Phòng lớn kia là phòng ngủ của gia đình ông Thanh Lợi, còn phòng nhỏ cho hai mẹ con bà người Bắc thuê. Bà già gần sáu mươi, cô gái tên Bích độ hai mươi không thuộc loại gái đẹp nhưng duyên dáng dễ thương. Bích luôn luôn cười vui vẻ với mọi người, nhất là với chúng tôi. Lên thang lầu vào phòng, chúng tôi phải ngang trước cửa phòng Bích. Ngay hôm đầu thấy Bích vui vẻ, tôi hỏi:

- Bây giờ cô học ở đâu và làm gì?

Bích đáp:

- Em không học ở đâu, không làm gì, trả lời như vậy có đúng cú pháp không hai giáo sư Nguyễn Đình Chiểu?

Tôi ngạc nhiên và đùa lại:

- Cô học trò nói trật văn phạm, nhưng tại sao cô biết bọn tôi dạy ở Mỹ Tho?

Cô ta cười rất duyên dáng:

- Bí mật! Em sẽ nói sau.

Tôi nghĩ cô này "*cà chớn rồi*". Trong khi khiêng đồ lên lầu Sử nói đùa:

- Thôi nhé cha, tôi mách con Mai đấy. Hề ông thấy là đớp đớp, để cho anh em kiếm chút cháo chứ?

Tôi đùa lại:

- Mày với anh Thiệu no gần thương thực, thuộc địa mày nhiều như nước Anh, nước Tây Ban Nha thế kỷ XIX, mày nhà bột cho tao thì có.

Má Bích làm nghề bán ngọc hoặc chạy mỗi bán kim khí quý nên gần như đi suốt ngày, do đó Bích rất tự do với chúng tôi. Sau 10 giờ đêm, tôi, Sử cùng Bích thường đi chơi phòng trà, uống rượu. Một hôm, tôi, Sử và Bích vào khoảng 11 giờ khuya uống rượu trên tàu Mỹ Cảnh, nhà hàng nổi sang trọng trên chiếc tàu ở bến Bạch Đằng. Bích thường chỉ uống Coke nhưng đêm đó uống Martel với chúng tôi. Rượu làm Bích đẹp hơn, có vẻ phong sương bắt sá pha ít bụi đời man rợ. Bích trình bày với chúng tôi đang gặp vấn đề nan giải và kết quả chắc là cùng cực thể thảm. Bích đòi kêu bồi đem rượu uống tiếp và kể thật dài.

Cách đây gần một năm, má Bích quyết gả Bích cho một người Bắc giàu có. Anh ta là sĩ quan an ninh quân đội lớn hơn Bích độ mười lăm tuổi. Bích cực lực phản đối vì đang yêu một sinh viên du học ở Đức. Mẹ Bích than khóc kể lể lúc Bích lên năm ba Bích bị ung thư gan qua đời, bà vẫn ở vậy lo làm ăn nuôi Bích. Khi di cư bà dẫn Bích trốn về Hải Phòng để vào Nam và bà bảo thầy bói nói nếu năm nay Bích không có chồng thì bà sẽ bị bệnh và chết. Nếu Bích muốn mẹ sống thì phải có chồng trong năm nay. Bởi vậy, Bích đang học lớp đệ Nhị nhưng chán nản bỏ học. Bà cụ chiều con, không la rầy việc bỏ học và cả việc đi chơi khuya. Sử chỉ có chiều thứ bảy và chủ nhật ở Sài Gòn, những ngày khác lo trường tư ở Mỹ Tho. Tôi thì năm ngày ở Sài Gòn, hai ngày ở Mỹ Tho nên mỗi khi tôi đi dạy về là Bích sống chung với tôi. Bà cụ rất khổ tâm nhưng không dám la con.

Rồi cái nhất định đến phải đến, ngày Bích về nhà chồng đã định, đặt tiệc cưới nơi nhà hàng sang trọng bậc nhất Sài Gòn, nhà hàng Caravelle. Khách tham dự không dưới năm trăm người, phần lớn là sĩ quan và các quan chức trong chánh quyền. Nhìn thiệp báo hỉ và thiệp mời dự tiệc cưới chúng tôi biết đám cưới này rất chuộng hình thức. Chúng tôi gửi quà mừng Bích có chồng. Bà cụ nhờ ông Thanh Lợi nói lại với chúng tôi vì hạnh phúc con gái bà, xin tôi đừng tham dự bữa tiệc, sợ có chuyện không hay xảy ra. Cố nhiên, tôi nghe lời bà cụ. Ngày cưới nhằm ngày chủ nhật, chúng tôi uống rượu suốt buổi chiều. Tôi bảo rất buồn vì từ nay mất một đứa em đặc biệt lý thú. Sử bảo rất mừng

vì nếu không có đám cưới thì sự việc sẽ về đâu vì tôi không chịu xem Bích là vợ và sẽ kéo theo nhiều đổ vỡ thê thảm khó lường. Nhưng cả hai chúng tôi đều uống rượu như uống nước lạnh, uống không ngừng. Say quá sá chúng tôi ngủ ngay trên bàn rượu.

Gần 12 giờ khuya ông Thanh Lợi bước vào chỗ chúng tôi đang ngủ say, vỗ vai tôi đánh thức, nói:

- Nguy quá các anh ơi, làm sao nguy quá.

Chúng tôi tỉnh dậy ông với giọng hốt hoảng cho biết, tiệc cưới lớn lắm có ông tướng tham dự, sĩ quan rất đông có cả người Mỹ. Đang ăn uống chúc tụng và âm nhạc vui vẻ, cô dâu uống rượu nhiều quá rồi đi vào buồng vệ sinh khoá cửa không thấy ra. Chờ lâu, cảnh sát mở cửa thấy cô dâu nằm lăn lộn dưới nền cầu nhớp nhúa, quần áo cưới xé rách tả tơi, giầy giữa khóc nước nỡ, gọi tên tôi. Không giấu được sự việc, khách xông xáo, một số người rời bàn tiệc lui ra hành lang. Một số đi từng bàn trấn an bảo cô dâu không biết uống rượu hôm nay vui quá, bạn bè mời cô ta uống quá chén nên say gần như bất tỉnh. Tuy vậy khách vẫn ra về trước dự định. Thuật xong, ông kết luận:

— Tôi thấy việc này quá trầm trọng, như thế là cô dâu tự phá hủy lễ thành hôn, và tôi thấy rõ thẳng rẻ và nói chung phía đảng trai, họ rất bất bình. Tôi gấp tin cho anh biết để tính trước không khéo chậm mất.

Sáng hôm đó, tôi đi chuyển xe sớm nhất về Mỹ Tho, bảo với anh em rằng vì bảo vệ hạnh phúc gia đình cặp vợ chồng mới cưới, nhưng thực sự là tôi hèn nhất thiếu trách nhiệm đối với Bích, người con gái đã yêu tôi điên cuồng.

ĐẢO CHÁNH HỤT

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, tôi đang dạy tại trường tư của chúng tôi ở Mỹ Tho. Mới vào lớp chừng mười phút, Cự gõ cửa mạnh. Tôi vội vã bước ra. Với giọng xúc động run run, nước da tái mét, Cự la lớn:

- Đảo chánh! đảo chánh!

Tôi sửng sốt hỏi "*ai đảo chánh?*" Cự trả lời: "*Dù!*".

Tôi bỏ lớp chạy xuống văn phòng. Sử đang ngồi một góc bàn, tai áp sát cái radio phát tiếng nhỏ nhỏ bản tuyên bố cuộc đảo chánh. Tôi hỏi lại "*ai đảo chánh?*". Sử bảo "*Đại tá Nguyễn*

Chánh Thi, tư lệnh lữ đoàn Dù”. Sử sợ xáo trộn trong trường nên không dám mở radio lớn. Bản tuyên bố rất ngắn chừng ba phút, đọc lấp vấp có vẻ thiếu chuẩn bị. Tôi bảo: *“Tao với mày về gấp gặp anh em.”* Sử bình tĩnh: *“Anh về trước đi, chiều tôi về.”*

Gặp lúc học sinh đang đóng học phí, tôi kéo tủ đựng tiền, hốt đầy cặp không đếm, vội vã ra bến xe về Sài Gòn. Tài xế cho biết còn hai chỗ nữa mới đủ số chạy. Tôi bảo tôi trả tiền cho chạy gấp. Tài xế vui vẻ phóng về Sài Gòn. Chiếc radio trên xe lặt đi lặt lại bản tuyên bố của đại tá tư lệnh lữ đoàn dù. Bản quân nhạc vừa dứt, giọng Huế của đại tá Thi đọc vội vã, đọc lộn một tiếng rồi sửa lại. Nội dung bản tuyên cáo, phần đầu tố cáo sự độc tài gia đình trị của tổng thống Ngô Đình Diệm, phần hai kêu gọi dân chúng đoàn kết với quân đội để chiến thắng cộng sản. Cuối cùng ký đại tá Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh lữ đoàn Dù, chủ tịch ủy ban cách mạng.

Trước đó mấy tháng vẫn có tin đồn đảo chánh nhưng toàn là thất thiệt. Hơn một giờ đồng hồ ngồi trên xe nghe lặt đi lặt lại chỉ có lời tuyên cáo của chủ tịch ủy ban cách mạng, ngoài ra không có tin gì khác. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi là xúc động, nhưng tôi hơi lo khi người cầm đầu chỉ là một sĩ quan cấp tá. Tôi cố xua đuổi ý nghĩ về vài sĩ quan bất mãn, vì thời tổng thống Diệm rất nhiều sĩ quan bất mãn do khó lên lon, thậm chí có người bảy tám năm không được lên lon. Nghe giọng đọc hấp tấp vấp vấp, tôi nghĩ cuộc đảo chánh không được chuẩn bị chu đáo. Tôi thấy lạ không có bản tin nào cho biết về các đơn vị và nhân vật tham gia cùng số phận của tổng thống v.v...

Tôi vừa ngồi vào taxi, người tài xế hỏi: *“Thầy về đâu?”* Tôi định đến nhà ông Nguyễn Chũ, nơi ông Nghị, thầy của tôi, thường hay hội họp và thỉnh thoảng tôi có họp ở đó. Nhưng muốn nhìn cảnh đảo chánh nên tôi bảo người tài xế cho tôi xuống nhà thờ Đức Bà. Tự nhiên người tài xế nói *“Đảo chánh gì mà như cò mò, nổ ít loạt súng rồi thôi, không nghe nói gì hết, lính Dù đứng xung quanh dinh Độc Lập, nhưng tản ra ngoài tán gẫu với mấy con quỉ, có lẽ Mỹ nó không cho vậy, thầy.”* Tôi thấy anh taxi này có ý thức về chính trị nên hỏi: *“Khi hôm nổ súng hồi mấy giờ?”* Người tài xế đáp: *“Khoảng 3 giờ sáng, rồi cứ bao vây không tiến vào, có lẽ vì một xe tăng bị cháy nên không xung phong, đảo chánh gì mà ngó như đóng phim vậy.”*

Quả đúng như người tài xế nói, lính Dù từng nhóm kẻ

đứng người ngồi ở thế nghỉ chơi. Quanh nhà thờ Đức Bà lính Dù rất đông nhưng không ở tư thế chiến đấu, hình như chỉ huy không có ở đó. Vòng xuống đường Hai Bà Trưng, xe chạy đến nhà ông Chử ở Tân Định. Thành phố vẫn bình thường như không có gì lạ. Nhìn quang cảnh đó tôi nghi cuộc đảo chánh bị trở ngại, biết đâu anh tài xế nói đúng là Mỹ nó không cho nên dậm chân tại chỗ thế này.

Trong nhà ông Chử đầy chật người nhưng tôi chỉ biết luật sư Trần Văn Tuyên, ông Nghị, anh Nguyễn Thành Vinh, còn toàn người lạ. Thấy tôi, ông Nghị chạy ra nói:

- Sáng giờ không thấy chú mày, tao biết chú mày ở Mỹ Tho.

Tôi ngắt lời:

- Đảo chánh gì kỳ lạ vậy thầy? Bây giờ ra sao, thiệt hay giả, thầy?

Ông Nghị nhăn nhó khó chịu:

- Không hiểu sao Ủy ban Cách Mạng lại không liên lạc với các nhóm chính trị bên ngoài. Sáng giờ cho người liên lạc vẫn chưa được. Ông Nguyễn Văn Lực có mặt ở đây có con làm không quân cố liên lạc, nhưng cũng không liên lạc được. Chưa bắt được Diệm nên Diệm đang kêu gọi quân đội ủng hộ, cũng chưa thấy quân đội lên tiếng. Hình như các quân khu đều án binh bất động.

Tôi ngắt lời:

- Bây giờ thầy và các ông có ý kiến gì, làm gì ở đây? Mình phải tìm mọi cách đẩy cuộc đảo chánh lên chứ.

Ông Nghị đáp:

- Có chứ, sáng giờ Mặt Trận Thống Nhất có cụ Phan Khắc Sửu, có ông Tam⁽⁴²⁾, nhưng ông Tam cho anh Vinh đại diện, đã họp bàn giao cho anh Vinh thảo tờ truyền đơn kêu gọi đồng bào ủng hộ cách mạng lên án chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Bản thảo coi như tạm được rồi, chỉ còn bàn về những người đứng tên trên lời tuyên cáo thế nào cho đủ màu sắc các thành phần chính trị quốc gia, sợ cộng sản xen vào thì tai hại, do đó nên còn thảo luận.

Nghe ông Nghị nói tôi hơi bực vì bây giờ còn bàn cãi. Tôi bước đại vào nhà và nói lớn:

(42) Nguyễn Tường Tam.

- Thừa quý vị, không còn thì giờ để bàn nữa. Chúng ta phải ra tay, phải tức khắc xuống đường ủng hộ đảo chánh. Theo tôi, quá chậm rồi. Đảo chánh là chớp nhoáng, quyết liệt, càng nhanh càng tốt, chúng tôi sẵn sàng đây, quý vị bảo làm gì, chúng tôi thi hành lệnh của quý vị. Chậm là hỏng, chậm là thất bại, là chết. Tôi có nghe nói quý vị đang thảo luận về người ký tên trên danh sách. Tôi đề nghị cho in ngay tờ đầu tiên rải gấp cho dân chúng tin, cho ngọn lửa cách mạng bùng lên, cho dân chúng ủng hộ, rồi tờ thứ hai, thứ ba hãy bàn kỹ hơn, nếu quý vị bàn mãi tôi e sẽ không kịp vì chánh quyền Diệm sẽ phản ứng lại và tiêu diệt lực lượng đảo chánh nếu chúng ta chậm chạp...

Mọi người la lớn “*Đúng! Đúng! Phải phổ biến gấp.*”

Tôi rất phấn khởi nói lớn:

- Như quý vị đã thấy, hiện giờ quân đảo chánh án binh bất động, như thế là hỏng. Nếu chúng ta không tạo được sức mạnh trong dân chúng thúc đẩy quân đội, chánh quyền sẽ tiêu diệt lực lượng đảo chánh trong đó có chúng ta. Tôi chịu trách nhiệm in và phổ biến tờ truyền đơn này trong vòng một giờ sau. Phải khẩn cấp như cứu lửa, tôi chịu tiền in và phân phát truyền đơn. Xin đưa tôi ngay.

Ông Phạm Đình Nghị đưa tờ giấy viết dở trên bàn cho tôi nói:

- Chú giải quyết hay quá, chú đi gấp đi.

Tôi quen nhà in Ban Mai ở đường Công Lý, nơi tôi thường in sách và bài vở cho học trò nên đến để thương lượng in. Gặp ông Chấn, chủ nhà in, tôi đưa cho ông tờ nháp truyền đơn, nói in gấp với giá nào ủy ban cách mạng cũng chịu. Tôi rút một nắm giấy bạc bỏ trên bàn:

- Ông kiểm và ghi số tiền thiếu đủ, tôi đưa thêm, miễn là ông in nhanh, một tiếng nữa tôi lại lấy. Vì biết ông lâu nay nên tôi đem cái việc danh dự này đến ông chứ ở Sài Gòn này hiếm gì nhà in.

Ông nhìn tôi, nhìn số bạc, nhìn tờ truyền đơn nói:

- Ông là chỗ quen lâu nay, hơn nữa làm cho cách mạng nên tôi vui lòng làm nhưng... có gì ông chịu trách nhiệm cho.

Tôi nói dĩ nhiên tôi chịu trách nhiệm.

Tôi về nhà để lấy chiếc xe vespa, đi lại cho tiện. Tại nhà, một số anh em đang chờ chúng tôi, trong đó có Tạ Ký. Tôi nói qua về tình hình mà thực ra tôi không biết gì hơn anh em. Tôi

nói nhiệm vụ chung là làm cho dân chúng tham gia đảo chánh thì nhất định thành công. Anh em đều cảm thấy còn có cơ hi vọng. Tôi chỉ vài địa điểm để chừng một giờ sau anh em đến đó nhận truyền đơn, phân phát và kêu gọi dân chúng chuẩn bị đi biểu tình ủng hộ đảo chánh,

Tôi chờ Tạ Ký xuống nhà in. Đựng truyền đơn vào cái giỏ, Ký ngồi phía sau rồi, tôi lái quanh chợ Bến Thành và những khu phố đông. Người đi đường thấy truyền đơn rất dè dặt, có vẻ sợ, nhìn chúng tôi như dò xét. Tôi có cảm tưởng xa lạ và như chúng tôi đang gài bẫy họ. Tôi trở lại nhà in chờ hết số truyền đơn đi phân phát các địa điểm tôi đã nói trước. Vài địa điểm không có người nhận. Tình thế thật bi đát, đồng bào không hưởng ứng, không tin tưởng cuộc đảo chánh. Suốt ngày không ăn, chúng tôi vào tiệm uống nước. Một nhóm ngồi xung quanh cái bàn tròn nghe hiệu triệu của tổng thống Diệm. Đại khái tổng thống báo cho dân chúng biết vừa có cuộc binh biến do đám sĩ quan trung cấp chủ xướng, nhưng tổng thống đã dàn xếp xong, đã giao cho quân đội thành lập chánh phủ quân nhân, kêu gọi các đơn vị tích cực tiêu diệt cộng sản và đề phòng âm mưu của cộng sản. Tiếp lời hiệu triệu là quân lệnh của trung tướng Lê Văn Ty, tổng tham mưu trưởng ra lệnh cho lực lượng Dù phải rút về các trại không được vô kỷ luật. Ngoài ra, tướng Ty nói thêm tổng thống đã giao cho ông lập chánh phủ quân nhân.

Chúng tôi vô cùng chán nản. Như thế là cuộc đảo chánh thất bại. Tổng thống chơi kế hoãn binh để các đơn vị trung thành với tổng thống về cứu tổng thống. Bây giờ chỉ còn một cách tuy rất khó khăn nhưng “còn nước còn tát” là kêu gọi dân chúng biểu tình ủng hộ đảo chánh, yêu cầu tổng thống từ chức.

Tôi đến cư xá sinh viên Minh Mạng, tung truyền đơn và kêu gọi sinh viên tự động tổ chức biểu tình, sáng mai tập họp tại chợ Bến Thành để cùng đồng bào đòi tổng thống Diệm từ chức. Một số sinh viên bước ra gặp tôi, hứa ngày mai có mặt, một số ngồi trong nhà nhìn ra e ngại.

Chúng tôi về nhà, ông Thanh Lợi chủ nhà, bảo võ sư Phạm Lợi đến tìm tôi và ông Phạm Đình Nghị, dặn tối đến gặp ông tại võ đường ở đường Phan Đình Phùng. Ăn uống xong, tôi và Tạ Ký tới võ đường. Khoảng trên trăm người, có lẽ hầu hết là môn sinh của võ sư Phạm Lợi, trẻ trung khoẻ mạnh, ai nấy đều hăng hái tham gia biểu tình. Khi tôi phát số truyền đơn còn lại thì

đám người cuồng nhiệt la ó đã đảo Ngô Đình Diệm và đòi đi biểu tình tức khắc. Võ sư Phạm Lợi phải nhắc không thể bốc đồng, thiếu tổ chức, cần chờ sáng mai có nhiều đoàn thể chính trị và tôn giáo tham gia, cuộc biểu tình đồng đảo đủ màu sắc mới tạo nổi sức mạnh quần chúng, mới quật ngã được Diệm. Chúng tôi đồng ý điểm tập họp để xuất phát cuộc biểu tình là nhà thờ Đức Bà và giờ khởi hành là 8 giờ sáng.

Tối hôm đó, đài Sài Gòn cho biết đám sĩ quan phản loạn đã dùng máy bay trốn sang Campuchia và mọi sinh hoạt trở lại bình thường. Lời tuyên bố của đại tá Nguyễn Chánh Thi không đọc nữa, thay vào đó, lời kêu gọi của tổng thống Diệm lặp đi lặp lại cùng nhật lệnh của tướng Ty. Chúng tôi rất hoang mang vì tuy thấy lính dù còn đứng quanh dinh Độc Lập nhưng đoàn ngũ rời rã. Có tin quân của đại tá Nguyễn Khánh và đại tá Tôn Thất Đính kéo về bảo vệ tổng thống. Khánh và Đính được kể như con nuôi của ông Diệm theo kiểu dùng người xem tướng tá như con cái trong nhà, cho nhiều đặc quyền để trung thành.

Tôi nghĩ chỉ còn hy vọng lật thế cờ bằng cố gắng vận động dân chúng đòi hỏi ông Diệm từ chức hay ít nhất giữ lời hứa cải tổ chánh phủ bớt đặc quyền của các ông Nhu, Cần. Tôi với Tạ Ký xuống nhà ông Phạm Đình Nghị được ông cho biết phần lớn lính Dù đã về trại, một số lang thang phá phách, đại tá Thi bỏ trốn qua Campuchia, các chính khách phản động đi ẩn vì sợ Diệm trả thù...

Tôi trình bày kế hoạch khích động dân chúng biểu tình. Ông Nghị chăm chú nghe nhưng không tin vì cuộc đảo chánh hụt đã khiến dân chúng hết tin tưởng... Chúng tôi đến nhà Phạm Lợi ở đường Trương Tấn Bửu. Ông Lợi vẫn hăng say và tin tưởng ngày mai sẽ là ngày lịch sử, ngày cáo chung chánh quyền Ngô Đình Diệm.

Bảy giờ sáng, tôi xuống chợ Bến Thành chờ anh em sinh viên đến để đi biểu tình. Chỉ ba sinh viên đến. Chúng tôi chờ thêm mười phút, không thấy ai đến nhưng thấy xe nhà binh chở lính đổ xuống ngay chỗ chúng tôi. Hình như lính ở sư đoàn V kéo về, được phân tán dọc đường Lê Lợi. Bỗng nhiều loạt súng nổ chát chúa ở hướng dinh Độc Lập. Chúng tôi nghĩ đã có đụng độ giữa lính Dù còn lảng vảng đâu đó với lính vừa mới đổ đến. Phản ứng tự nhiên, chúng tôi chạy về hướng dinh Độc Lập.

Thấy đoàn người hốt hải chạy tán loạn, hỏi không ai trả

lời, tôi tóm một người lại. Anh này cho biết đoàn biểu tình của Nhu Đạo bị bắn ...

Chúng tôi đi tiếp nhưng lính chặn đường không cho lưu thông. Trừ lính, không ai được đến khu dinh Độc Lập. Nhiều xe cứu thương còi hú chạy về bệnh viện Đô Thành. Biểu ngữ truyền đơn vút đầy lề đường chứng tỏ đoàn biểu tình bị giải tán. Nhìn xe cứu thương tôi biết có người bị thương và người chết. Tôi trở lại bệnh viện Đô Thành để biết tin tức. Dân chúng bị cảnh sát chặn lại đứng chen chúc trước bệnh viện. Tôi nghe đủ loại tin trái ngược, có người nói lính trong dinh bắn ra đoàn biểu tình, có người nói chính đoàn biểu tình lia lựu đạn vào dinh trước v.v... Xe cứu thương tiếp tục lui tới hú còi náo động. Sáng qua là buổi sáng đảo chánh nhưng thành phố im lặng như chết, sáng nay súng nổ, còi hú liên tục, lính tráng đông đúc như thành phố đang có giặc. Tôi theo đoàn ký giả vào bệnh viện, cảnh sát cho qua. Vào trong, tôi thấy người nằm la liệt ở phòng cấp cứu. Một ký giả cho biết số chết trước cổng dinh Độc Lập là 5 người, không rõ vào bệnh viện có chết thêm không, còn số bị thương có lẽ không dưới một trăm. Chết và bị thương do lính phòng vệ dinh tổng thống bắn ra. Chưa bao giờ tôi nản như giờ phút đó, vì kế hoạch phát động dân chúng hoàn toàn thất bại. Tôi, Sử và Ký uống rượu li bì, không ai nói ra nhưng đều thấy sắp tới là những ngày cực kỳ đen tối.

Về sau, khi gặp Phạm Lợi trong tù, ông cho biết sáng hôm đó ông đến nơi tập họp sớm. Số môn sinh của ông đến chừng dưới năm mươi người, con số ít quá. Chờ non một tiếng đồng hồ, ông cho xuất phát cuộc biểu tình. Tuy môn sinh của ông ít, nhưng thanh niên không phải học trò của ông nhiều lắm. Ông không biết con số chính xác chỉ ước chừng vài trăm. Chính số thanh niên này làm sôi nổi cuộc biểu tình, ông không kiểm soát được. Ông tính kéo đoàn biểu tình từ Bưu Điện đến chợ Bến Thành làm một cuộc mít tinh tại khu bùng binh rồi từ đó vòng ra bến Bạch Đằng và sau cùng đến dinh Độc Lập. Ông nhắc lộ trình cho người hướng dẫn đi đầu, nhưng không thể điều khiển được đám đông vô tổ chức. Ông vẫn nghĩ số môn sinh của ông sẽ hướng dẫn cuộc biểu tình, không ngờ trái lại, các môn sinh của ông bị động hoàn toàn, do đó biến thành một đám đông hỗn loạn, ai muốn làm gì thì làm. Theo ông, hình như các băng du đảng đều có mặt, nhất là nhóm du đảng Đa Kao và chợ Cầu

Muối. Suốt một ngày cảnh sát trốn biệt không lộ ra đường, quân đội cắm trại 100%, thành phố bỏ ngõ, du đảng hoành hành như chỗ không người. Vì lý do đó, đám biểu tình chạy ào đến trước cổng chính dinh Độc Lập đã đảo tổng thống Ngô Đình Diệm. Hai người lính gác phía ngoài cổng vội lui vào trong. Đoàn biểu tình “*thừa thắng xông lên*” ủa đến cổng bám vào cánh cửa sắt rung mạnh cố ý xô nhào. Tức khắc một loạt súng nổ rồi cả tràng súng liên thanh...Người biểu tình chạy tán loạn, tiếng la hét tiếng khóc lẫn với tiếng súng... Võ sư Phạm Lợi nằm rạp núp dưới gốc cây thông trong vườn thông trước dinh. Khi ngưng tiếng súng, ông chạy theo đám đông rút lui, leo lên xe taxi, về nhà người bạn ở ngoại ô, gần một tháng sau ông bị bắt...

Chúng tôi không ký tên vào truyền đơn nên nghĩ không có bằng cứ đã tham gia thúc đẩy đảo chánh, không sợ bị bắt, tuy vậy chúng tôi vẫn đề phòng. Tôi bắt đầu dùng căn cước giả, thực ra, là một căn cước thật do tôi lấy ảnh căn cước của tôi dán vào căn cước của anh Phạm Anh. Đó là lòng tốt của Phạm Anh đối với tôi, một sự hy sinh cho tôi vì bạn biết tôi đang bị theo dõi.

Sau ngày đảo chánh, Sài Gòn căng thẳng, cảnh sát luôn luôn bố ráp soát nhà. Trên đường, nhất là ở các đầu cầu, cảnh sát soát giấy rất nghiêm. Không trạm kiểm soát nào nghi ngờ căn cước của tôi và tôi vẫn sinh hoạt bình thường. Nhưng tôi dặn ông chủ nhà nếu có ai đến hỏi thì bảo tôi lâu lâu mới về và tìm cách cho tôi biết ...

Gần ngày Noel năm đó, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, một luật sư nổi tiếng trước 1945, công bố thành lập “*Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*” thu hút một số trí thức ở Sài Gòn. Chánh quyền cho đó là công cụ của cộng sản miền Bắc. Do tình thế bất lợi như thế, chánh quyền áp dụng biện pháp mạnh để kiểm soát dân chúng. Trước đó một năm, tháng 10 năm 1959, tổng thống Diệm ban hành sắc luật đặc biệt trừng trị các phần tử phiến loạn, không theo thủ tục tố tụng hình sự thông thường, nhưng chỉ thực sự áp dụng sau cuộc đảo chánh hụt và xem như vũ khí đe dọa phe đối lập. Cuộc đảo chánh thất bại nhưng rất có tác dụng trong dân chúng, nhất là trong giới làm chánh trị ở miền Nam. Đa số dân chúng bàn tán, tiếc cho cuộc đảo chánh không thành. Một số nhà bình luận cho rằng có thể đó là âm mưu của tổng thống Diệm tạo đảo chánh giả để tóm hết phe đối lập. Điều nghi ngờ này bị đánh tan ngay bằng sự tăng cường lực lượng cảnh

sát, nhất là lực lượng mật vụ. Thêm nữa, Ngô Đình Cẩn ở Huế còn lên tiếng chỉ trích Ngô Đình Nhu bắt lực để xảy ra cuộc biến loạn. Ông Cẩn cho đồ đệ Dương Văn Hiếu vào Nam đem theo một toán mật vụ đặc lực để tiếp tay trừng trị bọn phiến loạn, thực chất là phe quốc gia đối lập. Cuộc đảo chánh hụt là tiếng chuông báo cho biết nội bộ quân đội có nhiều mầm mống chống đối và cũng thức tỉnh các chính khách hành động...⁽⁴³⁾

BỊ BẮT

Tôi đang ở Mỹ Tho tiếp tục dạy thì người em dâu của ông Thanh Lợi xuống tìm gặp cho biết đừng về Sài Gòn vì mật vụ đến nhà hỏi thăm về tôi. Đó là chị Tư, chúng tôi thường gọi anh Tư chị Tư. Cặp vợ chồng này còn trẻ, buôn bán thuốc tây giàu có ở Sài Gòn. Chị độ ba mươi tuổi người Nam, rất đẹp. Hai vợ chồng vẫn đến nhà ông Thanh Lợi chơi nên thường gặp chúng tôi, người chồng có vẻ bẽn lẽn, người vợ hay cười, ít nói. Chúng tôi rất trọng anh chị. Tôi ngạc nhiên khi thấy chị Tư tìm tôi, nói nhỏ: *“Mình ra quán nước nói chuyện, ở trong nhà không tiện.”* Vào quán, chị cho biết chị xuống tìm tôi gấp vì có người đến nhà ông Thanh Lợi hỏi thăm rất kỹ về tôi. Chị bảo: *“Nghe anh Lợi nói, mình run lên lo quá nhưng giả vờ không quan tâm. Mình nói dối với anh Tư đến con bạn đòi tiền, rồi đi gấp xuống đây tin cho Liêu biết. Như vậy là bọn nó cho người lẫn quần ở đó hể về là nó tóm. Cũng may là gặp, nếu không gặp không biết làm sao.”* Tôi xúc động về việc chị lén chồng xuống tin cho tôi và rất lo vì tôi bị tìm bắt.

Chị không cho tôi trả tiền, bảo:

- Dành tiền mà xài, từ nay đâu có đi dạy nữa, đừng đi nhiều nhé, đừng chờ bồ đi chơi nhiều đấy, cậu. Cần liên lạc thì đây là địa chỉ, cứ tự nhiên, anh Tư không nghi ngờ gì đâu, từ từ rồi tính. Thôi, mình về cho kịp chuyến xe chót.

Tôi đưa chị đi một đoạn, chị bảo:

- Thôi, về thu xếp dờn nhà gấp, đừng chủ quan, nguy hiểm đấy. Mình luôn đi nhà thờ cầu nguyện cho được may mắn. Đừng

⁽⁴³⁾ Ngày 27-2-1962, hai phi công Nguyễn Văn Cử, Phạm Phú Quốc thuộc nhóm Quốc Dân Đảng của ông Nguyễn Văn Lực oanh tạc phá xập dinh Độc Lập, nhưng không lật đổ nổi chánh quyền Diệm.

đi nữa, ở đây nhiều người quen với gia đình mình, rủ họ thấy thì... khó nói với anh Tư. À, đừng nói cho anh Tư, anh Lợi và anh Sừ biết mình xuống đây nhé.

Chị gượng cười, mắt chớp chớp hình như nước mắt chảy trên gò má. Tôi ngẩn người bất động như pho tượng nhìn chị đi khuất khúc quanh con đường...

Tôi chấm dứt nghề dạy từ giờ phút đó. Tôi viết thư cảm ơn các chủ trường và nói thực với họ là chánh quyền đang tìm bắt vì tình nghi có dính dáng đến đảo chánh, nên không thể đến trường được. Tôi phải nói thật, nếu không, họ có thể nghĩ tôi coi nhẹ việc học của học trò hoặc có thể nghĩ tôi được các trường khác trả lương cao hơn nên bỏ trường họ. Ở Mỹ Tho khó trốn tránh nên tôi về lại Sài Gòn nhưng không trở lại nhà cũ.

Tôi đến nhà ông Lam Giang. Tên thực của ông là Nguyễn Quang Trứ cỡ tuổi đàn anh, đàn thầy của tôi. Người An Khê, nói giọng Bình Định trầm trầm nên rất khó nghe. Ông rất giỏi chữ Nho và tiếng Pháp. Lớp đàn anh cho biết ông có trí nhớ phi thường. Vì ông là bạn của ông Phạm Đình Nghị nên tôi quen biết, dần dà ông mến tôi. Tôi nói thật đang bị tìm bắt nên xin trốn ở nhà ông. Vui vẻ, ông nói: *“Chứa một quốc phạm là vinh dự cho tôi chứ. Chú cứ ở đây không sao hết. Cả khu này toàn dân lao động tắm tối không ai để ý gì, không ai biết mình, mình cũng không cần biết ai. Sắp nhỏ và bà xã ngủ trên gác, dưới này tôi với chú tha hồ đàm đạo, tha hồ viết lách. Đóng kỹ cửa trước, ai có gõ, dòm thử, nếu người lạ chú chuồn ngõ sau theo các con hẻm, có thánh cũng không bắt được chú. Chỗ này ngó vậy mà là “cứ địa” an toàn đấy.”*

Tôi tạm yên tâm vì chẳng những ông không sợ mà còn thích thú có tôi ở chung và nói chuyện với ông. Ông hiểu nhiều về Nho giáo và tôi học được từ ông về kinh Dịch và Đường Thi. Là thi sĩ, ông thuộc nhiều thơ Pháp, thơ Đường. Nói chuyện với ông không dám nói ầu, không biết, nói không biết nên ông rất thích tôi. Bạc đàn anh của tôi kể lại trước 1945, Lam Giang còn trẻ đậu tú tài, rất cao ngạo không phục người nào. Người ta còn đồn chuyện ông cãi với học giả Đào Duy Anh về chữ Nho và về Nho giáo. Nhưng khi tôi biết ông thì hoàn toàn khác hẳn có lẽ vì năm tháng và thực tế cuộc đời đã khiến ông điềm đạm chững chạc gần như chậm chạp và làm ông như lạc lõng trong dòng đời đầy tranh đua quyết liệt này. Đầu bạc trắng, lưng hơi gù ần

mặc giản dị, ông không thể dạy tư ở Sài Gòn được dù chủ trường quý trọng ông nhưng học trò không tin ông. Ông chỉ dạy Đạt Đức với tôi ít giờ còn ông làm khế ước cho đài phát thanh Sài Gòn, viết những bài khảo luận. Nhà tỷ phú Nguyễn Đình Quát mượn ông làm từ điển Hán Việt và viết điển văn. Đoạn thơ nào tôi không thuộc, điển tích nào tôi không rõ, hỏi ông. Cho nên những ngày trốn ở nhà ông, tôi biết thêm rất nhiều và là những ngày yên tĩnh lý thú. Tôi nhờ ông liên lạc với Phạm Đình Nghị, với Lê Sử, với Thanh Lợi... Ông Thanh Lợi cho biết hiện nơi phòng tôi ở luôn có một người túc trực chờ tôi ló đầu về lấy quần áo sách vở. Thêm một lần nữa, tôi cảm ơn chị Tư. Ông cho biết gần như ngày nào cô nữ sinh tên Mai cũng đến hỏi thăm và ông Thanh Lợi thấy tội nghiệp nói thật tôi có dính vào vụ đảo chánh nên đi trốn biệt ở đâu ông không biết. Ông bảo cô ta nếu tới hoài họ tình nghi họ bắt thì khổ. Cô ta có gửi cho tôi cái thư:

“Anh L.

Em nhớ anh không ăn không ngủ được, thất thơ như người điên. Má la em khuyên em cũng không tác dụng. Nếu không gặp được anh, em làm sao, chắc là chết mất. Hình như... nhưng chắc là không phải đâu, em ước gì nó phải, thì em đỡ nhớ thương anh hơn vì nó là tác phẩm của chúng mình mà. Em cầu nguyện cho anh đây.

Em hôn anh rất lâu... Mai”.

Tôi đọc thư nước mắt chảy vào miệng mặn mặn. Tôi thù người, không ngờ những ngày êm đềm ngắn quá.

Một hôm đi làm về, ông thầy Lam Giang nói với tôi: “*Có con nhỏ cứ giở ra chơi, nó theo tôi hỏi chú ở đâu sao bỏ lớp nó, cho nó biết để nó gặp chú. Tôi bảo hoàn toàn không quen chú, nó không tin bảo rằng người ngoài Trung biết với nhau, tôi nói gì nó cũng không nghe, con nhỏ đẹp gái lắm.*” Tôi nhắc ông: “*Thầy hỏi nó tên gì và tại sao lại đòi gặp em.*” Chiều hôm sau, đi làm về, vừa vào đến hè ông nói với tôi con bé tên Trang, Lê Thanh Trang, nhắc tôi trả mấy cuốn sách cho nó nếu không, ba nó sẽ la rầy nó, và cho nó gặp tôi một phút cũng được... Tôi nghĩ mãi có nên cho con bé gặp trong khi mình đang trốn không. Thật kỳ lạ, có lẽ chưa quen trốn nên tuy sợ bị bắt, sợ gặp người quen nơi trốn của mình, nhưng lúc nào cũng ưng gặp người quen, lúc nào cũng ưng có khách đến nói chuyện cho vui. Có lẽ con nhỏ muốn gặp nên đặt chuyện mình mượn sách để cho thầy Lam

Giang tin và cần phải nói cho mình biết. Chuyện nữ sinh lãng mạn yêu thích thầy trẻ trung không có gì lạ, nhất là trường tư, và nhất là những lớp ban đêm, những lớp chuyên luyện thi như tại trường Võ Tánh của ông Phan Minh, các thầy trẻ mới ra trường nhút nhát khó thể nào dạy nổi vì học trò, đặc biệt là nữ sinh trêu chọc đến phải bỏ lớp. Tôi nhớ lại Trang đẹp thật nhưng ít nói ít đùa trong lớp. Hình như có lần trong giờ thi giảng văn, chuông réo hết giờ, học sinh hấp tấp nộp bài ra về, Trang làm không kịp nên ở lại ra sau cùng. Tôi lấy làm lạ nữ sinh này học chăm vào loại giỏi sao làm bài không kịp giờ, khi nộp bài không còn có ai, hình như con bé muốn hỏi gì nhưng e dè lại thôi. Khi chấm bài, tôi hơi bực mình con bé viết “*Có ghét Trang không?*” Tôi xoá các chữ bậy bạ đó sợ rui học sinh khác thấy được thì nhiều chuyện. Có lẽ vì chuyện vợ vẫn đó con nhỏ muốn gặp mình chẳng?

Sáng hôm sau, khi thầy ra đi, tôi dặn: “*Nếu hôm nay con nhỏ còn tìm xin gặp thì thầy cho nó địa chỉ nhà nhé*”. Thầy Lam Giang dừng lại như nghĩ đến cái gì rồi lại thôi, trả lời tôi: “*Được, nếu nó hỏi tôi cho.*” Ông đi rồi tôi cảm thấy như mình phạm tội, tại sao quyết định như vậy trong lúc này. Tôi đang lảng vảng mấy ý đùa giỡn của Thiều, Sử, bỗng có tiếng gõ cửa. Quên đề phòng, tôi vội mở cửa. Trời ơi! Trang nhào đến tôi, khóc nức nở, không nói nên lời.

Hơn cả điên cuồng, hơn cả thác loạn.

Tôi bất ngờ quá gần như hốt hoảng.

“*Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ..*”

Có lẽ ông thầy tu viết câu ấy cho mình chẳng.

Những ngày sau gần như ngày nào Trang cũng đến gặp tôi. Một buổi chiều trong lúc uống trà, ông bảo tôi:

- Chú hỏi con nhỏ sinh năm nào tôi xem thử có hợp tuổi chú không. Theo tôi, tướng con nhỏ là tướng giàu sang đấy, chú ạ. Chú có vợ được rồi. Khổng Mạnh có bảo “*phu phụ chi đại đạo*”, mà phải có gia đình mới làm chánh trị, chú ạ. Chú thấy không, miền Nam một ông không vợ, miền Bắc một ông không vợ cai trị nát như thời Chiến Quốc. À, tôi quên nói với chú cách đây vài hôm tôi có gặp ông Phạm Đình Nghị. Ông ta khấn thiết nhắn chú lên gặp ông gấp, ông nói đi nói lại hai lần như vậy. Đây, địa chỉ của ông Nghị đây. Đừng cho ai biết, ông bảo số nhà bỏ con số trước và con số sau thì còn là số thực, ông ta thật là kỹ, không ầu như chú đâu.

Ông Nghị ở trong khu gần hãng thuốc Mic của Pháp ngày xưa. Ông vẽ đường vào tỉ mỉ, nhưng tôi vào hai lần vẫn phải ra đường lớn để vào lại mà cứ lạc vì đi vào sâu là hết đường, gặp bờ thành chặn ngang. Lần thứ ba đến bờ thành, tôi dừng lại, nhìn bên trái chừng vài chục mét bức thành như có chỗ bẻ, một người có thể lách qua. Tôi đi đại, quả nhiên qua bên kia thành, nhóm nhà chen chúc ấy tiếp tục và tôi tìm được ông Nghị. Thấy tôi, ông ngạc nhiên:

- Làm sao chú vào được? Tôi đưa cho ông Lam Giang mà quên dặn cách qua thành nên không nghĩ chú vào được. Giới đây, tuổi trẻ xóc vác có khác. Khách của tôi phải dẫn mới vào được.

Tôi hỏi:

- Khu dân cư đông thế này chả lẽ phải chun kẽ bề của bờ thành mà vào à?

Ông Nghị cười:

- Đâu có, đó là đường đi tắt. Dân khu này họ dùng cổng chính. Nguyên đây là chỗ công nhân hãng thuốc lá ở, ra vào phải trình giấy cổng chính, nhưng sau khi hãng bán lại cho người mình thì xô bồ, công nhân hay không công nhân cũng ở, họ làm nhà thêm chen chúc vô trật tự, chỗ tôi ở là một thí dụ. Chú thấy không, lên cái thang gác ọp ẹp bằng gỗ đã mục. Mình ở căn gác, phía dưới thuộc khu sản xuất rồi, không có bồn phàn sản xuất không được vào đó. Tôi may lắm mới tìm ra chỗ này, chú ạ. Nói giấu gì, nhờ thằng Long Hồ Hội, một tay anh chị Bình Xuyên cũ, cho tôi thuê lại, chỗ này là chỗ nó làm việc phi pháp và trốn ở đây, cảnh sát vào đây là tới số, bọn nó chặn đường thịt ngay. Khi thằng Long Hồ Hội kẹt cũng chạy về đây với mình. Để rồi tôi giới thiệu nó với chú. Cam đoan gặp nó là chú thích ngay. Nó cao to như tây, hào sảng lắm, mình đang dùng nó chú ạ, bọn đấm đá đó thích hợp lúc đầu sôi lửa bỏng.

Ông vừa chế trà vừa nói vui vẻ như thỏa mãn. Mới không gặp hơn tháng mà thấy ông già xạm, xơ xác, nhưng cặp mắt to sâu, mày đậm nhất là cái mũi cao làm gương mặt ông lúc nào cũng sống động. Ông vừa nói tiếp vừa đẩy cái tủ áo nhích qua một bên chỉ cho tôi thấy tấm vách ván có một chỗ trống vừa một người chun qua rồi đẩy nhẹ tấm ván bít chỗ trống đó:

- Chú thấy không, nhảy xuống đất, nơi trống các giống thuốc đó, là nơi an toàn. Hầu hết đám người ở chen chúc bên

này và bên kia bờ thành là thủ hạ của Long Hồ Hội. Hắn sống như lãnh chúa ở khu này đây. Cho nên tôi muốn chú và thằng Sửu, thằng Thiều lên đây cho an toàn để mình còn bàn tính việc lớn.

Tôi nghe ông Nghị nói như ông kể chuyện Tam Quốc quên mất mình đang trốn. Tự nhiên tôi lại nghĩ đến Trang con nhỏ liều lĩnh, rồi đây sẽ thế nào? Nếu tôi đi khỏi nhà ông Lam Giang thì làm sao gặp em. Tôi đang suy nghĩ về Trang, tiếng gõ cửa làm tôi giật mình. Ông Nghị hơi đổi sắc mặt, đưa ngón tay lên miệng ra dấu im lặng, rón rén đến cửa dòm qua khe hở, rồi vội tươi cười mở cửa:

- Tôi tưởng ai chứ, đây cụ Vũ Đình Lý, và đây Liễu học trò của tôi, là anh em làm việc chung với nhau cả.

Tôi bước qua góc phòng có kê một bàn nhỏ trên đặt cái bếp nấu dầu hỏa. Tôi nấu nước sôi pha trà. Ông Lý, người Nam Định, hơi lùn, trạc tuổi ông Nghị nhưng khỏe mạnh hơn. Trán cao, tóc hói làm trán cao hơn, mũi cao, cặp mắt nhỏ rất sắc khiến gương mặt có vẻ hơi dữ. Ông nói liên tục từ vấn đề này qua vấn đề nọ không để cho người đối diện nói. Đứng chờ ấm nước sôi, tôi cố nhận hết lời ông nói vì giọng nói khó nghe, hơn nữa có lẽ ông là người nổi tiếng lạc đề. Đại ý ông bảo phần ông đã sẵn sàng, đàn em mấy trăm người, ông kết tất cả khối Đại Việt mà nhóm Đại Việt “quan lại” là nòng cốt. Tôi chợt nhớ có lần ông Nghị nói với tôi về ông giám đốc công an Bắc Việt tên Lý. Nếu là ông Lý đó thì ông vào loại giỏi, vì theo ông Nghị, ông Lý giám đốc công an rất giỏi về tình báo và quen biết nhiều chính khách Bắc. Tuy vậy, lối nói nhiều và có vẻ khoác lác làm tôi giảm niềm tin. Khi ông về rồi, ông Nghị cho biết chính ông Lý đó là người từng làm giám đốc công an Bắc Việt, trung ương ủy viên Đại Việt và hiện đang cùng với ông Nghị tổ chức đảo chánh Ngô Đình Diệm. Có vẻ xúc động, ông Nghị nói:

- Như chú biết, đời tôi đã tù tội, đã khổ nhiều. Dù là con nhà giàu, gia đình làm quan, nhưng lúc nào tôi cũng đứng về phía quần chúng nghèo khổ. Lúc cụ Diệm mới về nước, không ai không ủng hộ, tin tưởng, không ngờ vào việc rồi mới biết, cụ không có khả năng lãnh đạo quốc gia, nhất là quốc gia có chiến tranh chống cộng sản như nước ta. Cụ muốn đem lại chế độ phong kiến úp lên đầu dân Việt Nam. Đã thế, cụ để cho anh em giòng họ đặc quyền cai trị. Chú thấy vợ chồng mẹ Nhu tác oai

tác quái muốn làm gì thì làm. Chồng là tên nghiện thuốc phiện mà tự cho là sáng chế ra triết thuyết “Nhân Vị”, lập ra đảng “Cần Lao Nhân Vị” để diệt các đảng phái quốc gia khác. Hai mẹ con mẹ Nhu làm nhiều trò dị hợm, lập phụ nữ bán quân sự v.v...thực ra để xài một số tiền của tụi Mỹ. Làm sao kể hết được nỗi thống khổ của người dân. Ngoài Bắc thì cộng sản kìm kẹp, bày Cải Cách Ruộng Đất giết hại không biết bao nhiêu người, miền Nam thì đàn áp đảng phái quốc gia, buộc dân chúng theo đạo thiên chúa, đâu đâu cũng có nhà thờ. Cần người theo đạo đến độ tới các nhà lao bỏ loa gọi ai theo đạo thì được ra về, quả là xả cảng cho bọn Việt Cộng. Vì những hành vi hại dân hại nước đó nên chúng ta phải ra tay lật đổ chế độ thối nát hư hỏng này. Chú yên tâm, lần này không sống sót như đám sĩ quan trẻ thiếu kinh nghiệm vừa rồi. Đáo chánh phải chắc ăn, không phải chuyện đùa. Lần này có các đoàn thể chính trị, các chính trị gia có uy tín như đám Caravelle chẳng hạn và chẳng những Phật giáo mà cả công giáo đều ủng hộ tích cực.

Tôi hỏi:

- Có giới quân sự cao cấp tham gia không?

Có vẻ cân nhắc điều gì đó, ông đáp:

- Với chú là người trong cuộc và tôi tin nên tôi nói thật là có cấp tướng tham gia, nhưng để bảo vệ an toàn cho họ nên không tiết lộ sớm danh tánh được. Lần này tổ chức qui mô và cẩn mật lắm. Chú tin không, chúng tôi nhờ thầy giỏi xem số tử vi của ông Diệm, thầy bảo Diệm năm nay bị sao la hầu nặng lắm, không thoát nổi, cộng thêm tướng ngũ đoản nữa thì hết cứu.

Tôi đáp:

- Cảm ơn thầy nghĩ đến em và cho em biết việc vô cùng quan trọng. Em góp với thầy vài ý kiến, trước hết vấn đề bảo mật, thầy biết sau cuộc thất bại vừa rồi Diệm rút kinh nghiệm đề phòng kinh khủng, em nghe nói ông Diệm khiển trách nặng nề đám chỉ huy cảnh sát, nhất là an ninh quân đội và tình báo. Nghe nói giữa ông Nhu và bác sĩ Tuyển cãi vã dữ dội, có lẽ bác sĩ Tuyển có thể nghĩ việc dù ông Diệm rất thích ông ta. Theo em, xin lỗi thầy, nói thật nếu có gì thầy bỏ qua cho, em thấy cụ Lý có vẻ ồn ào nói nhiều quá em e khó giữ kín. Thầy có kiểm chứng điều ông ta nói không, sao em khó tin ở ông ta quá.

Ông Nghị cười:

- Chú mày trượt võ dựa thấy võ dựa thì sợ. Thầy kiểm soát

việc làm và thực lực của ông ta chứ. Hơn nữa ông ta chỉ là một lực lượng, còn những lực lượng khác nữa. Em nói đúng, ông ta nói nhiều. Đó là tánh người Bắc, em lạ gì, nhưng ông không bịa chuyện. Em nhớ rằng ông ta là công an cao cấp nên tuy nói nhiều, nhưng chỗ nào đáng nói ông mới nói.

Tôi nói tiếp nguyên tắc đảo chánh là bất ngờ, nhưng yếu tố này mất hiệu nghiệm, ít nhất trong lúc này vì chánh quyền chết hụt nên từ nay đề phòng tối đa không để sơ hở nữa. Đó là điểm bất lợi cho phe đảo chánh. Để bù vào chỗ đó, phải có lực lượng hùng mạnh đánh phủ đầu, điều này cũng bị trở ngại vì các lực lượng ở xa không thể kéo về. Tôi đề nghị ông Nghị nên dùng Không Quân, không cần nhiều chỉ cần vài ba chiếc máy bay san bằng dinh Độc Lập là yên chuyện. Chuyện này có thể làm được vì dù, bộ binh, đều bị nghi ngờ và theo dõi, Không Quân nhất là vài ba phi công thì không ai ngờ. Việc ấy chỉ cần vài chục phút, nửa tiếng đồng hồ, liền khi đó phải có sự lên tiếng của đám tướng lãnh thì những đơn vị con nuôi của ông Diệm không dám ngóc đầu dậy. Vả lại, khi gia đình họ Ngô tan nát dưới đồng gạch vụn rồi thì không còn một tên nào dám đứng lên chống đảo chánh. Nếu đại đột kéo quân bao vây rồi thương lượng thì chết tức khắc. Nên nhớ, táo bạo, không nương tay, không thương lượng, chớp nhoáng, quyết liệt, là những yếu tố cần thiết của việc đảo chánh.

Hai ngày sau, ông Nghị báo tôi tin là ông đưa ý kiến về việc san bằng dinh Độc Lập, mọi người tán đồng và nhắm vào việc móc nối Không Quân. Người thì nói có con Không Quân, người nói có rể làm đại úy Không Quân... Ông cho biết ông Trần Văn Lý chịu tham gia và chịu hi sinh một số tiền lớn để làm chi phí. Hội nghị quyết định thành lập ủy ban vận động đảo chánh, và sẽ biến thành ủy ban đảo chánh rồi giao cho ông Trần Văn Lý lập chánh quyền. Ông rất tôn sùng ông Trần Văn Lý, một cựu giới chức thanh liêm và uy tín với cả Pháp lẫn Mỹ. Tôi không dám làm ông thầy mất hứng, nhưng tôi hơi ngán ngán khi nghe kể quá khứ từng làm này làm nọ, vì đối với tôi người từng làm mà không có gì đặc sắc thì công việc sắp tới liệu có đặc sắc không? Ông Diệm cũng là cựu quan lại, nay ông Trần Văn Lý cũng cựu quan lại, vậy có gì khác? Tại sao không có những người trẻ đứng ra? Ông bảo tôi viết tuyên ngôn của ủy ban cách mạng. Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Làm sao em viết được, bản tuyên ngôn cực kỳ quan trọng, phải là người trong cuộc, người chủ chốt nắm vững đường lối mới, chủ trương mới, mới viết được, thầy đã thấy rồi đó, đại tá Nguyễn Chánh Thi đọc vấp vấp một bài nội dung nghèo nàn nên nghe bản tuyên ngôn đó người ta ít tin tưởng. Mà tại sao thầy lại nhận viết, đáng lẽ ông Trần Văn Lý hoặc người chuyên viết cho ông ta viết mới đúng chứ, em không thể làm ầu như vậy.

Ông Nghị đáp:

- Chú mày nói đúng, nhưng nói ông Lý chứ thực ra ông ta có uy tín đứng ra cho bọn mình làm mà thôi. Thầy sẽ đưa ý kiến cho em viết, vì thầy nghĩ dù gì em cũng quen viết hơn anh em. Việc cần giữ kín nên đâu có dám nhờ bọn nhà văn. Thầy đã nhận trước cuộc họp rồi, em đừng lo, cứ viết rồi đưa cho các ông coi và sửa đi sửa lại thật kỹ.

Tôi viết rồi đem bản nháp cho Phạm Anh và Sử cho ý kiến. Sử bảo:

- Anh ầu quá, nếu cảnh sát chặn soát giữa đường mà bắt được thì nó bắn anh tại chỗ, tại sao phải mang đi đâu trong lúc anh bị theo dõi.

Thấy Sử nói rất đúng, từ đó tôi giao cho ông Nghị.

Ông Nghị cho biết ông chịu trách nhiệm điều hành cuộc đảo chánh, và nếu thành công, sẽ làm bộ trưởng quốc phòng còn ông Vũ Đình Lý làm bộ trưởng nội vụ. Vì miền Bắc, nhiều chánh khách tên Lý nên để khỏi lầm lẫn, người ta gọi ông Lý công an này là Lý thuốc Lào, vì ông hút thuốc Lào kinh khủng. Ngày nào ông Nghị cũng đi họp chiều tối mới về, và chúng tôi có dặn chừng nếu quá 8 giờ tối mà không về tức là có vấn đề, có thể bị bắt thì người còn lại phải tìm cách báo cho anh em biết để tránh né.

Tôi vẫn thường ghé nhà ông Lam Giang để gặp Trang. Hình như có biểu lộ trên mặt hay do trực cảm, Trang nũng nịu:

- Sao em thấy anh không bình thường, hay là anh không yêu em, hỏng chịu đâu, khi hôm em mơ thấy anh đi chơi với em trên đỉnh núi rất đẹp, nhưng rồi em lạc mất anh, em khóc quá sá, giật mình biết là chiêm bao, em mừng ghê. Đừng nghe anh, đừng bỏ em nghe anh.

Khoảng một giờ sáng, tôi chưa ngủ nhưng ông Nghị đã

ngày từ lâu. Có lẽ do lớn tuổi ông ngủ sớm dậy rất sớm và vì bệnh suyễn nên ông ngáy quá sá. Tôi đang ôn lại chương trình làm việc và cố giúp ông thực hiện tốt công việc ông Lý giao cho ông. Qua cuộc đảo chánh hụt vừa rồi của đại tá Thi, chúng tôi rút nhiều kinh nghiệm. Phải phối hợp chặt chẽ và chớp nhoáng giữa hành động quân sự dân sự. Vừa chấm dứt oanh tạc san bằng dinh Độc Lập, lập tức ủy ban cách mạng lên tiếng và lập tức dân chúng vùng lên biểu tình ủng hộ đảo chánh. Phải ồ ạt hành động như vậy để phía chống đảo chánh không kịp trở tay. Cũng không thể chuẩn bị lâu vì dễ lộ, và nhất là sau cuộc đảo chánh hụt vừa rồi, nhiều nhóm đối lập có thể cướp thời cơ, nói cách khác, nhiều âm mưu đảo chánh đang gấp rút thực hiện ai chậm sẽ mất cơ hội “ngàn năm một thuở”. Ngoài bản tuyên cáo, tôi còn soạn thảo sẵn một số kêu gọi và thông cáo do cuộc đảo chánh thất bại vừa qua, vồn vện chỉ một bản tuyên bố đọc lụp chụp lập đi lập lại suốt ngày. Tôi viết mấy thông cáo kêu gọi dân chúng bình tĩnh sinh hoạt, thông cáo kêu gọi công chức, kêu gọi cảnh sát đi làm như thường lệ và luôn luôn theo dõi lệnh mới của Ủy Ban Cách Mạng rồi viết thêm nhật lệnh cho quân đội cắm trại 100% đề phòng cộng sản phá hoại v.v...Tôi đánh số thông cáo 1,2,3,4... và chuẩn bị một số bản nhạc hùng mạnh có tính cách yêu nước để đệm giữa các thông cáo.

Tôi chưa ngủ bỗng nghe có tiếng động nhẹ nhưng không rõ tiếng gì nữa như con mèo đang đi bên ngoài nữa như không phải mèo. Rồi tiếng động im bặt và tôi linh cảm có ai rình bên ngoài. Như đã nói, chỗ tôi ở rất kín đáo, muốn vào phải chui qua bờ thành bị bể rồi lên thang gác rất yếu ớt, mỗi bước đều kêu ọp ẹp, đến trước cửa chỉ còn một miếng ván mỏng, vừa một người đứng vô ý sẽ rớt xuống mặt đất, vì tôi đã tháo hết các thanh gỗ cản xung quanh. Tôi bàn kỹ với ông Nghị nếu ban đêm công an đến gõ cửa soát nhà thì ông ra cửa sau, nơi tôi để sẵn một cây gỗ chống vào bờ thành, ôm cây gỗ đó tuột xuống bờ thành chạy theo ngõ nhỏ ra đường nhựa thoát thân. Còn tôi giả vờ chậm chạp tìm chìa khoá mở cửa và cửa vừa hé mở tôi đạp mạnh ra ngoài, người bên ngoài nhất định lộn nhào xuống đất. Lúc đó, tôi bước ra cửa sau khép lại khoá phía ngoài tuột xuống thành, rút cây gỗ cho nằm xuống đất và tẩu thoát theo con đường đã định. Người bị té bắt ngờ khó đủ sức tiếp tục công việc, những người khác hoặc lo cứu đồng đội bị té nặng, hoặc vào nhà để truy bắt,

sau khi tìm không thấy có thể phá cửa sau, nhưng họ sẽ chỉ nhìn thấy một bức thành sâu hóm và tối mù. Thầy Nghị vượt thử hai lần rất tốt đẹp, chừng 3 phút đã từ trên gác ra đến đường nhựa đón taxi hoặc lẩn vào ngõ hẻm khác.

Thế mà đêm nay hình như có gì lạ, không ổn. Rồi tiếng gõ cửa mạnh và tiếng la “*Mở cửa!*”. Tôi nhồm dậy và vì chưa ngủ nên rất tỉnh táo. Tôi vỗ mạnh ông Nghị. Ông quơ cái áo bước đến mở cửa sau. Tôi chăm chăm nhìn, đợi ông bước ra là lập tức thi hành việc đã định, tức lên tiếng tuân lệnh mở cửa và tống mạnh vào người đứng ngoài. Nhưng một tiếng la lớn phía sau:

- Vào, tao bắn bẻ đầu!

Tôi muốn xỉu vì ngõ sau mà chúng tôi tin an toàn trăm phần trăm đã có công an ở đó rồi. Ông Nghị như bị sét đánh bước lui vào phòng. Tôi vội mở cửa. Trong giây đầu, tôi tính chạy nhưng phía sau hai người phía trước ba người nên đành chịu. Mấy khẩu súng lục lăm lăm hướng vào chúng tôi, bảo đứng im tại chỗ. Một người to lớn có lẽ là chỉ huy toán hỏi:

- Người nào tên Phạm Đình Nghị?

Ông Nghị không trả lời chỉ đưa tay cao lên. Người đứng bên cạnh cầm sẵn cái kiềng số 8. Một âm thanh sắc ngắn, hai tay ông Nghị nằm trọn trong hai khoanh tròn của chiếc kiềng sắt. Trưởng toán hất hàm hỏi tôi có giấy tờ gì không. Tôi rút bóp lấy thẻ căn cước đưa ra. Xem đi xem lại, anh ta hỏi còn giấy tờ gì nữa không. Tôi nói không còn giấy tờ gì khác. Suy nghĩ vài phút, người trưởng toán bảo tôi đi theo. Ra đến xe, tôi mới bị còng tay và ngồi trên chiếc Toyota dân sự. Ông Nghị ngồi trên xe khác và cả hai chuyển bánh mất hút trong đêm tối...

Trong xe bốn người đều có súng. Tôi ngồi giữa ở ghế sau với hai người ngồi kèm hai bên. Quá quen thuộc đường sá Sài Gòn nên tôi ngạc nhiên thấy xe chạy thật nhanh, vượt cả đèn đỏ, chạy lung tung như để đánh lạc hướng người ngồi trên xe. Lúc đó khoảng hai giờ sáng thành phố đang ngủ, thỉnh thoảng chỉ vài chiếc taxi đưa khách về khuya, vài quán ăn còn mở cửa... Tôi nghĩ đến những ngày sắp tới, nghĩ đến cha mẹ ở quê nhà hay tin tôi bị bắt chắc buồn lắm, nhất là mẹ tôi. Lâu lắm rồi đến giờ phút cùng đường tôi mới nghĩ đến cha mẹ... Chạy lung tung cuối cùng xe đưa vào nhà tạm giam của an ninh quân đội cuối đường Hai Bà Trưng. Hai cánh cửa sắt lớn đóng xăm lại. Chúng tôi xuống xe vào trong lúc 3 giờ 15 sáng ...

Ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là tìm cách trốn, vì những ngày đầu chưa đưa vào nhà lao chính có thể dễ trốn. Cách dễ thực hiện nhất là vờ đau nặng để được đưa vào bệnh viện. Ngay sáng hôm sau, tôi không ăn không uống nằm rên hừ hừ như người sốt nặng. Một y tá trung sĩ vào thăm bệnh, hỏi nhưng tôi chỉ trả lời phì phào qua hơi thở nặng nề. Đặt ngón tay trên mạch tay của tôi, miệng lầm nhảm đếm... rồi anh lắc đầu đi ra. Qua một ngày nữa thực sự không ăn không uống nên tôi đói và mệt quá, ôm bụng rên la lớn. Thợ y tá trưởng đến đo áp suất máu, nghe ngực tôi rồi anh quyết định cho tôi đi bệnh viện. Cơ may lớn đã đến, tôi hi vọng giả đau nặng để người ta không lo tôi trốn thì tôi dễ trốn.

Chiếc jeep quân đội chở tôi vào tổng y viện Cộng Hòa, bệnh viện quân sự lớn nhất miền Nam. Bệnh viện quá rộng, xe chạy quanh co rất lâu mới dừng lại. Tôi được đưa lên xe bệnh nhân, hai người đẩy qua cổng sắt vào thẳng một phòng rộng có độ mười giường. Trời ơi, tôi được đưa vào cái chuồng hai ba lớp cửa sắt khóa kỹ. Mười lăm phút sau, bác sĩ cùng một y tá và một người lính đi theo vào thăm bệnh. Bác sĩ đặt ống nghe vào ngực tôi, viết tên thuốc đưa cho y tá rồi đi ra, không nói một tiếng. Người lính ra sau khóa cửa kỹ. Thế là hỏng hết ý đồ vượt ngục. Bên ngoài cửa sắt phòng tôi, là một hàng song sắt lớn bằng cổ tay có cửa ra vào khoá kỹ. Ngoài nữa là căn nhà nhỏ đủ cho một tiểu đội lính ở bên cạnh kê một bàn để giấy tờ hoặc để uống nước. Ngoài căn nhà nhỏ này là thành xây thật cao bên trên có treo những cuộn kẽm gai gắn đầy mảnh chai bể. Cổng chính ra vào làm bằng hai miếng sắt dày, bên ngoài không nhìn thấy bên trong. Đây là một nhà tù nhỏ rất kiên cố trong bệnh viện. Trước đây qua báo chí, tôi biết có những tù nhân đi bệnh viện rồi trốn, nhưng nếu có chỗ nhốt tù nhân bị bệnh như thế này thì làm sao trốn được. Thôi, đành bỏ kế hoạch trốn, tôi thầm nghĩ như vậy. Trong phòng có hai bệnh nhân, một người Hoa lớn tuổi nằm một chỗ từ đầu đến bụng đều quấn chặt băng trắng, và một người trẻ tuổi ốm như con nộm, hai người này đều là lính cộng sản. Tôi không nói chuyện với họ vì họ mệt quá không đi lại được, hơn nữa tâm trạng tôi rất buồn chán. Tôi nghĩ không ra tại sao chỗ trốn của tôi rất kín đáo, nhất là cách rút lui khi công an tìm ra chỉ có tôi và ông Nghị biết mà sao công an biết rõ chi tiết rất bí mật đó. Tại sao ông Nghị vừa ló ra cửa sau

đã có công an mai phục sẵn rồi? Cũng may các bản nháp tôi viết cho ông Nghị về việc đảo chánh không để ở chỗ tôi bị bắt.

Mỗi buổi sáng, lính gác mở cửa phòng đưa cho khúc bánh mì hoặc ly cà phê sữa. Nửa buổi, y tá vào cho uống thuốc, thay băng, rửa các vết thương cho bệnh nhân. Trưa và chiều lính đưa cơm vào. Có thể nói cuộc đời ở tù của tôi những ngày ngắn ngủi đó là những ngày ăn uống đàng hoàng nhất, vì ăn uống theo tiêu chuẩn của người lính bị bệnh. Hai bạn tù của tôi trong nhà lao nhỏ bé này hoàn toàn bị cô lập, mỗi lần y tá vào có lính cầm súng theo sau. Một hôm, quãng ba giờ chiều, hai y tá vào phòng chúng tôi không phải để cho thuốc mà để ghi chép lý lịch. Đến giường tôi, một y tá hỏi sơ sài vài câu, người thứ hai cúi vào tay tôi một miếng giấy xếp nhỏ rồi cả hai vội vã đi ra. Tôi vừa sung sướng vừa hồi hộp. Vắng quá, hai người cùng phòng với tôi như hai xác chết, không ai nhòm ngó. Tôi mở tờ giấy thì ra là của Sử gửi tiền cho tôi. Sử viết gọn ít chữ bảo tôi gắng giữ sức khỏe và khi được phép sẽ vào thăm. Sử viết đẹp và bay bướm chỉ mấy chữ thôi. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần, thấy ấm áp tình bạn. Sau đó tôi mới biết sử dĩ Sử biết tôi ở đó vì cô y tá tên Nguyệt là bạn gái của Sử thời kháng chiến trước 1954. Cô đã được Sử cho biết tôi mang tên Phạm Anh và nhận ra tên tôi trên danh sách nên báo cho Sử biết, do đó tôi nhận được thư và tiền của Sử.

NHÀ TÙ CỦA MẬT VỤ MIỀN TRUNG

Sáng ngày thứ tư, tôi được lệnh xuất viện. Tôi chỉ kịp chào hai người cùng phòng rồi rời bệnh viện trên chiếc Jeep dân sự. Bốn người áp tải đều mặc thường phục súng lục dắt lưng quần, đặc biệt nói toàn giọng Huế. Họ để tôi lên xe ngồi giữa băng sau rồi mới còng tay, bịt mắt và bảo tôi dựa ngửa như người đang ngủ. Trước khi xe chuyển bánh, họ lên đạn kêu rộp rộp, không nói gì hết. Xe chạy khá nhanh quanh co nhiều lần, nhiều khi quanh gấp nghe tiếng bánh xe rít rít mùi khét lẹt, tôi ngã hẳn một bên đê mạnh người bên cạnh. Tôi không đoán nổi hướng đi và không hiểu tại sao lái xe ầu như thế.

Xe thắng gấp, tuy nằm ngửa, đầu tôi đập mạnh vào phía trước. Hai người mỗi người nắm một cánh tay tôi lôi nhanh lên bậc cấp rồi xuống bậc cấp, rồi đi trên nền lát gạch. Cuối cùng, họ ấn mạnh vai tôi cho ngồi xuống một cái ghế không có tựa

lưng. Tôi nghe tiếng giày đi xa dần và tiếng đóng cửa, tiếng khoá cửa chát chúa. Vẫn hai tay bị còng ở sau lưng, vẫn bịt mắt, tôi không đoán được điều gì, chỉ biết dưới chân là nền gạch và cái ghế ngồi không có chỗ dựa. Tôi nhớ khi ra khỏi cổng bệnh viện xe queo phải rồi đi lung tung đủ hướng không thể nhớ được, nhưng đi chừng nửa giờ thì không còn nghe tiếng xe và còi xe nữa chứng tỏ đã ra ngoài thành phố, và ra ngoài thành phố gần một tiếng đồng hồ như vậy có thể về đồng quê như Tây Ninh, Biên Hòa chẳng hạn... Tự nhiên tôi nghĩ đến chuyện thủ tiêu, vì đã nghe có những vụ thủ tiêu kín người đối lập, nhất là ở miền Trung. Gia đình Tạ Chí Diệp đi tìm mãi người thân bị bắt bí mật, sau cùng nhờ trẻ chăn bò khám phá mới biết một xác chết cất từng khúc tay chân là Tạ Chí Diệp, người tuổi trẻ tích cực đề nghị tổng thống cải tổ. Một số đảng viên Đại Việt và Quốc Dân Đảng cũng bị mất tích nhưng không tìm ra xác. Những hình ảnh rừng rợn đó ám ảnh đến nỗi tôi thấy tôi sắp trở thành nạn nhân như thế và mồ hôi toát ra như tắm. Tôi nghĩ đến những lời tôi viết cho ông Nghị đã kích ông Diệm nặng nề đến nỗi Sử bảo nếu họ soát bắt được họ có thể bắn tại chỗ! Tôi cố xua đuổi ý nghĩ kinh khủng đó bằng cách lý giải dù là người trọng tội ít nhất cũng phải lấy lý lịch, hỏi cung rồi mới quyết định tội trạng chứ lẽ nào không cần hỏi một tiếng, cứ còng tay bịt mắt, nhốt như nhốt con heo sắp làm thịt. Tôi mất hết ý niệm thời gian, người nóng ran, tim đập mạnh, ngồi mãi trên chiếc ghế không có chỗ dựa lưng. Chịu hết nỗi, tôi bèn đứng lên và vì hai tay còng sau lưng nên tôi quì rồi nằm sấp xuống nền gạch. Gạch mát làm tôi dễ chịu một chút và hình như tôi mê đi.

Tiếng mở cửa và tiếng chân đi làm tôi tỉnh lại. Trong vài giây đầu, tôi không biết đang ở đâu và tại sao như thế. Hình như một đám đông ủa đến. Tôi không nghe tiếng nói chỉ nghe tiếng chân đi nhanh gần như chạy. Một quá tôi không phân biệt cái gì rõ ràng. Hai tay tôi bị kéo xóc lên gần như gãy xương bả vai, đau nhói tới não khiến tôi thoát ra khỏi trạng thái mê và nghĩ đây là một cuộc hành hình, một cuộc thủ tiêu, giết người lén lút.

Tôi nói lớn và nghĩ đây là lời nói cuối cùng:

- Các ông cho biết lý do tôi có tội gì mà phải như thế này. Xin hãy mở trói và cứ hỏi. Tôi sẽ cho các ông biết các ông đã làm hại người vô tội

Chẳng những không nghe trả lời mà còn bị đập vào lưng

hết cú này tiếp cú khác khiến tôi ré lên rồi cắn răng chịu đựng. Tôi bị treo lên trong không và nhào từ bên này qua bên kia bởi những cú đánh cực mạnh. Điều lạ là không ai hỏi một câu, không ai nói một tiếng, hình như quanh tôi chỉ là những người câm và mỗi khi thân xác tôi đưa về phía nào thì người đứng phía đó ra đòn...

Khi tỉnh lại, toàn thân đau nhức, không cử động nổi, áo ướt và dính xuống nền gạch, nhưng tôi bắt đầu nghĩ.

- Ô, tỉnh rồi, sống rồi, mô Phật, ông uống đỡ ngụm nước...

Tôi cố mở mắt nhưng như có gì nặng đè lên hai con mắt, không thấy gì hết. Nghe tiếng nước, tôi muốn uống vì khát đắng miệng nhưng không ngóc nổi đầu lên. Một ly nước kề vụng về, đưa vào miệng tôi chỉ một chút nước. Tôi nuốt vội. Nước tới đầu, mát và khỏe tới đó, nhưng phần lớn chảy xuống cằm, xuống cổ tôi. Cái khăn chặm nhẹ nhẹ vào cằm, vào cổ lau chỗ nước đổ, tôi bảo "*kệ nó để cho mát*". Cảm thấy khỏe hơn, tôi mở được một mắt, nhìn thấy một cái đầu bạc trắng, râu trắng dài dưới cằm, nhìn tôi có vẻ đau xót. Tôi phì phào qua hơi thở: "*Cảm ơn cụ, phiền cụ quá.*" Cụ già cười hiền lành: "*Ông tỉnh được tôi mừng, quá nửa đêm tới giờ, tôi ngồi bên ông khấn Trời Phật phù hộ cho ông mau tỉnh, bây giờ ông nói được rồi. Trời Phật linh thiêng thật, để tôi cho ông uống nước thêm.*" Cụ luồn một tay dưới cổ, cố nhắc đầu tôi lên nhưng nặng quá làm không được. Cụ bèn lấy muỗng múc nước đổ nhẹ vào miệng tôi. Lâu lắm rồi, có lẽ từ ba bốn tuổi đến bây giờ ngót ba mươi tuổi, tôi mới có lại cảm giác được mẹ đút cháo cho ăn, đổ nước cho uống. Cảm giác thân ái giữa người với người và đã được cái khát đắng miệng giúp tôi tỉnh hẳn. Nhưng tôi không cử động nổi, toàn thân nặng như có rất nhiều khối đá đè lên người, lên đầu, lên tay chân. Càng tỉnh, sự đau đớn càng hành hạ. Tôi bắt đầu rên và hỏi cụ già đây là đâu. Cụ kè sát tai tôi nói: "*Đây là trại Võ Tánh*" và cho biết "*Ngay trong Sài Gòn, ngay trước tổng tham mưu*", khi tôi hỏi ở tỉnh nào, có xa Sài Gòn không. Tôi hỏi tiếp "*Mấy giờ rồi, cụ.*" Cụ bảo: "*Không có đồng hồ, nhưng mới đổi phiên gác, khoảng bốn giờ sáng.*"

Tôi rên đều đều và thấy nhẹ người, đỡ đau nhức.

Vừa tảng sáng, người trong phòng láo nháo dậy lấy nước, chuyên ca nhựa cho người nằm sát cửa để người ngoài cửa múc từng gáo nước sôi đưa qua song sắt đổ đầy từng ca. Tôi

thấy cụ già bỏ trà vào ca rồi đưa đến bệ cửa sổ. Cụ ngồi phía trên đầu tôi, còn tôi nằm sát chân tường. Cụ mở nắp ca hớp một ngụm trà, vẻ thư thả như một nhà nho, mắt lim dim tận hưởng hương trà nóng buổi sáng. Trong phòng khoảng trên hai chục người ngồi, tất cả đều ở trần, mặc quần cụt, trừ vài người nói giọng Bắc, hầu hết nói giọng Quảng Nam nặng nề. Đúng 7 giờ sáng người lính gác, nói giọng Huế mở cửa cho ra rửa mặt, làm vệ sinh. Tôi không nhúc nhích nổi, nằm tại chỗ, nhưng người lính cẩn thận khóa cửa rồi theo toán tù ra cầu tiêu. Độ nửa giờ tất cả vào lại phòng. Đến 9 giờ, người lính mở cửa cho bác sĩ vào khám bệnh cho tôi. Bác sĩ độ bốn mươi tuổi, người mập hơi lùn, da trắng, tóc quăn dài chấm tai, mặc bộ pijama lụa mờ gà, vẻ nhanh nhẹn hỏi tôi:

- Hiện giờ toa đau sao, có tức ngực không?

Vừa nói, ông vừa đặt ống nghe lên ngực tôi, bảo hít mạnh và tiếp:

- Không sao đâu, toa còn trẻ khỏe, vài hôm sẽ bình thường lại. Moa chích B1 cho toa, nay toa ghi cháo, mai mới ăn cơm, à toa tên gì?

Tôi đáp:

- Cảm ơn bác sĩ, tôi tên Phạm Ánh.

- Nghề gì, toa ?”

- Dạ, tôi sinh viên văn khoa, dạy học.

Đó là bác sĩ Bùi Hoàn người Quảng Nam. Ông mặc pijama nên tôi biết cũng là tù chứ không phải công chức.

Thấy tôi khỏe lại cụ già rất mừng. Cụ bảo tôi bị đánh nhiều quá và cho biết ai vào đây cũng bị đánh dần mặt trước, già như cụ cũng bị đánh. Cụ khuyên khi bị đánh càng la lớn càng tốt vì chúng không muốn nhiều người biết việc làm dã man của chúng. Cụ cho biết tên là Lý Xuân Lâm, một lãnh tụ Quốc Dân Đảng kỳ cựu. Năm 1946, khi Hồ Chí Minh đàn áp các nhóm không thuộc đảng cộng sản, cụ cùng các ông Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam và nhiều người khác chạy sang Tàu. Bây giờ cụ bị bắt vì không chịu hợp tác với Ngô Đình Diệm chứ không có tội gì hết. Cụ cho biết anh em trong phòng này đều là người miền Trung thuộc vụ Phan Thông, là Quốc Dân Đảng ở Quảng Nam, đã lập chiến khu chống chánh quyền Diệm, bác sĩ Bùi Hoàn cũng trong nhóm đó. Cụ cho biết thêm ở trại tạm giam này phải hết sức cẩn thận vì đây là cơ quan mật vụ riêng

của Ngô Đình Cẩn, lãnh chúa miền Trung, việc làm của họ hoàn toàn ngoài pháp luật. Cụ bảo Cẩn cho là Ngô Đình Nhu bị pháp luật, bị dư luận quốc tế... bó tay, thêm vào đó, theo Cẩn, Nhu là người nhu nhược, sợ vợ không làm được việc lớn nên Cẩn biệt phái một toán “mật vụ” vào Nam để triệt hạ tận gốc rễ bọn đối lập phản quốc. Toán mật vụ của Cẩn coi mạng sống của những người bị giam giữ rất rẻ, muốn giết muốn bắn tùy thích. Cụ nói tiếp:

- Tôi thấy anh còn trẻ chưa có kinh nghiệm, chưa gặp thứ gian manh nham hiểm nên nói cho anh rõ để phòng thân chứ tôi già rồi, trâu già nệ gì dao phay, chết cũng không sao. Lớp trẻ các anh còn phải làm nhiều việc cho xã hội, cho tổ quốc...

Tôi lặng lẽ nghe cụ kể đủ thứ chuyện. Tuy chưa có kinh nghiệm đời như cụ nói, nhưng thiếu thời của tôi không hẳn là quãng đời êm đềm trái lại còn không ít sóng gió, chông gai... nên tôi cũng bắt đầu “thăm dò” trong môi trường tranh đấu chánh trị tại một nước nhỏ, nghèo nàn trình độ văn hoá còn thấp. Tôi nhớ lại năm mười tuổi, tôi đã theo cha ra bờ biển trong làng, nằm trên đụn cát để xem máy bay đồng minh, tức của Mỹ dội bom đoàn tàu thủy Nhật. Những tiếng nổ kinh hoàng, rồi chiếc tàu thủy khổng lồ như quả núi chìm dần xuống đáy biển. Tôi đã núp phía sau nhà, xem máy bay Mỹ - Nhật không chiến lượn lên nhào xuống và cuối cùng một chiếc biến thành ngọn đuốc sáng rực bay thẳng ra khơi biển dạng. Cũng những năm ấy, tôi nghe cha tôi kể trận thủy chiến vĩ đại có tên Trân Châu Cảng. Với vẻ đặc ý say sưa, cha tôi kể cho nhiều người lớn nghe. Vì hận người Tây phương xem thường người da vàng nói chung, cha tôi cho trận chiến này làm cho người châu Á, trong đó có Việt Nam, mở mặt mở mày với thế giới. Rồi Nhật đảo chánh chỉ trong vài giờ lật đổ nền thống trị của người Pháp trên toàn cõi Đông Dương gần một thế kỷ! Tất cả như một phép thần tạo cảm tưởng quân đội Thiên Hoàng là bách chiến bách thắng. Rồi cụ Trần Trọng Kim, ông Phan Anh, bác sĩ Trần Đình Nam lập một chánh phủ hoàn toàn Việt Nam.

Chuyện thần tiên sụp đổ khi Nhật phải đầu hàng và hai trái bom nguyên tử Mỹ thả trên đất Nhật nối tiếp là cuộc khởi nghĩa 1945, Hồ Chí Minh thành lập chánh phủ, vua Bảo Đại thoái vị...

Từ tám chín tuổi đến mười ba tuổi, tôi đã nghe và thấy tận mắt nhiều việc kinh khủng của đời người, vừa thú vị, vừa hào

hùng và thật là phong phú nhiều khi hàng trăm năm chưa chắc đã xảy ra. Từ đó, những ý nghĩ, những cảm xúc đã tạo cho tôi quan niệm con người sinh ra không phải chỉ để đi học, tạo một cuộc sống riêng đầy đủ, báo đáp chữ hiếu với cha mẹ, rồi sinh con và cứ tiếp tục như vậy mà còn phải làm cái gì cao hơn, còn phải có công danh, uy quyền. Những chữ công danh, uy quyền, ám ảnh tôi, dần dần biến thành ước mơ, biến thành mục đích của đời tôi. Năm chín mươi tuổi, nghe kể lại và qua báo chí, tôi say mê Hitler, coi là thần tượng. Đầu óc non nớt khiến tôi chỉ thấy Hitler là con người hào hùng, tự mình tạo nên sự nghiệp vĩ đại khó có ai sánh được. Tôi cũng say mê thủ tướng Đông Triều (Tojo) của Nhật đã oai hùng chiếm gần hết Á châu, đánh đuổi người da trắng khỏi các thuộc địa...

Tôi đang sống lại với tuổi mười ba, người lính mở cửa làm tôi giật mình trở lại thực tại. Bác sĩ Bùi Hoàn vào xem bệnh cho biết sức khỏe tôi bình phục rất mau, các vết bầm tím dần dần sẽ hết, không có thương tích trầm trọng.

Khoảng 9 giờ tối, chưa người nào ngủ được, phần vì quá chật không thể nằm, phần vì quá nóng. Tất cả đều mặc quần cụt, trừ tôi vẫn với bộ quần áo bê bết máu khô sánh cứng lại. Bỗng cửa mở, cả phòng im phắc chờ đợi.

- Phạm Ánh ra!

Lệnh giọng Huế lạnh lùng gắt gao. Cả phòng đều ái ngại nhìn tôi nhưng không ai dám nói gì. Tôi đứng lên không nổi. Mấy người cố đỡ tôi ngồi dậy. Tiếng quát bên ngoài làm cả phòng hoảng sợ:

- Để nó đi. Làm bộ cái gì. Vậy chứ hờ là ù chạy biến dạng.

Bên ngoài, ba người đón dìu tôi lên căn nhà chính giữa, căn nhà có lầu cao rộng. Làn này không bị mất nên tôi thấy rõ, ngôi nhà chính ở giữa rộng có lầu cao, cửa kiếng, tường sơn màu vàng đậm trông thật sang trọng. Từ nhà chính xuống nhà bếp độ năm chục mét, có con đường nền cao lợp ngói. Căn bếp biến thành phòng nhốt chúng tôi. Bên trái sát bờ tường, một dãy nhà lợp tôn có vẻ tạm bợ mới làm để lính ở. Bên phải cũng sát hàng rào, một dãy nhà tôn dài để tù ở, ban đêm các phòng ở dãy nhà này không khóa cửa. Nghe nói ngôi nhà này của một gia đình người Pháp giàu có, khi Pháp rút về nước, chánh phủ tịch thu. Đèn điện ở nhà lầu sáng trưng. Tất cả đều im lặng, im lặng đến dễ sợ. Tôi được đưa vào một phòng rộng trên tầng có

treo tám bảng đen vẽ cái đầu lâu trắng và hai lóng xương dài sắp chéo hình chữ X, tám bảng thường chỉ nơi nguy hiểm. Giữa phòng một người mập béo phì, bụng phệ, quần cụt kéo cao trên rốn, dài trên đầu gối, không mặc áo. Sau này tôi biết đó là đại úy Giai ⁽⁴⁴⁾, trưởng trại tù này. Ông ta hát hàm hỏi tôi:

- Anh tên gì?

Tôi đáp:

- Dạ, tôi tên Phạm Ánh.

Có vẻ bực bội, ông hỏi tiếp:

- Còn tên gì, còn bí danh gì?

Tôi trả lời một cách chắc chắn:

- Tôi không có bí danh, không có tên nào khác.

Đại úy phát nhẹ bàn tay. Ba người nhào tới bịt mắt, trói hai tay tôi ra sau lưng và kéo tôi hồng lên không.

- Còn tên gì nữa nói ra, nếu không thì chết.

- Tôi là Phạm Ánh, không có tên nào khác.

Tôi vừa dứt lời, một cú đập vào hông đưa người tôi lao về phía trước và lập tức một cú đánh mạnh vào bụng đẩy ngược lại sau. Tiếp theo là những cú đánh vào vai, vào chân, vào khắp người. Ba người đứng ba phía đánh tôi như quả banh. Đau điếng, thấm tới não, tôi nghiến chặt răng, nín thở, chịu đựng, nhắm nghiền mắt, nước mắt trào ra. Mấy đầu ngón tay tôi siết chặt, cắm sâu vào lòng bàn tay, mọi thứ thịt trong người đều căng lên như muốn đứt. Tôi không phân biệt nổi điều gì, không còn biết gì nữa, tai ù ù, người nóng ran. Bỗng một tiếng “phụt!”. Đầu tôi đập vào cái gì kinh khủng và tôi hoàn toàn không biết gì nữa...

Rồi, tôi nghe tiếng xa xa vọng lại không rõ, những tiếng khác nối tiếp nhỏ quá, rồi im lặng...

Một mùi thơm thơm như mùi rượu phảng phất, tiếng vọng từ xa lại cất lên:

- Tỉnh rồi! Qua được!..

Nhiều âm thanh khác mà tôi không phân biệt nổi rồi lại nghe tiếng động và im lặng. Đầu nặng quá, tôi cố ngoi lên nhưng bị nhấn vào vật gì như nước khiến tôi nghẹt thở. Tôi cố ngoi lên, ngoi lên nữa và thở được, bật ra tiếng rên nhẹ. Cùng lúc một âm

(44) Tôi chỉ nghe gọi đại úy Giai chứ không biết họ và cũng chưa bao giờ thấy ông ta mặc quân phục.

thanh rõ hơn:

- Tỉnh rồi, khỏi chết nhưng mạch yếu lắm.

Tôi cố mở mắt nhưng chỉ thấy lò mờ có nhiều người đứng xung quanh. Mùi thơm của hơi rượu làm tôi thấy dễ chịu. Tôi hỏi nhỏ nhỏ:

- Ở đâu đây, sao thế này?

Nhiều tiếng người láo nháo và một vị ngọt ngọt trong miệng tôi chảy dần xuống cổ. Tôi uống ực thứ nước có đường này và tỉnh hẳn nhưng bất động trong cảm giác đau buốt khắp người. Bác sĩ Hoàn ngồi bên tôi nói nhỏ:

- Toa tỉnh rồi, không sao.

Tôi lập lại hỏi:

- Tại sao ở đây, chỗ nào đây?

Bác sĩ đáp:

- Im lặng nhắm mắt cho khỏe, tôi sắp chích B1 đây.

Tôi ngủ thiếp và khi tỉnh không còn ai ở bên, không một tiếng nói, chỉ nghe tiếng xe hơi chạy xa xa. Tôi cố ôn lại sự việc. Bị đưa lên lầu, hỏi chỉ một câu còn tên nào nữa không. Tôi cố nhớ kỹ có trả lời tên nào nữa không nhưng không rõ và không hiểu tại sao nằm ở đây thay vì ở phòng có cụ Lý Xuân Lâm. Thì ra tôi bị đánh bất tỉnh rồi đem bỏ vào chỗ này và được bác sĩ Hoàn cứu chữa. Hình ảnh một người to lớn mặc quần cụt, bụng phệ, trần trụi trực hiện lên. Tôi càng xua đuổi, hình ảnh hiện ra càng rõ. Tôi buồn thê thảm và thấy tủi hổ cho thân phận thấp kém của mình dưới mức mèo chó trâu bò, dưới nữa, dưới cả loài giun dế. Tại sao cùng là người mà đối xử như vậy, tại sao quá nửa thế kỷ XX, văn minh đã soi rọi mà vẫn còn người đánh người! Người bị đánh không còn là người, không còn tư cách con người, nhưng người đánh người cũng không cao hơn. Cái bi đát của thân phận con người ở chỗ đó. Không oán, không thù, nhưng buồn, rất buồn, buồn quá! Toàn thân như kim đâm, dao cắt, tôi cố ngủ nhưng không sao ngủ được. Tôi sa vào tình trạng cực khó khăn. Nếu nhận là tên giả thì bạn tôi cho mượn căn cước sẽ chịu tội nặng và trăm sự rắc rối vì tôi phải chịu tội liên quan đến cuộc đảo chánh, còn không khai tên thật thì tôi có chịu nổi mãi cuộc tra tấn này không? Cụ Lâm đã cho biết đây là đám thủ hạ trung thành của Ngô Đình Cẩn, xem mạng người như cỏ rác, có thể giết người vô tội vạ. Cuối cùng, tôi nghĩ theo cách nào cũng nguy hiểm nhưng thà chịu cực hình tra tấn còn

hơn gây họa cho bạn mà rồi mình cũng bị tội. Tôi quyết định không khai tên thật, dù tra tấn mức nào cũng cố chịu đựng. Tự nhiên tôi thấy nhẹ người, có vẻ ổn định. Tôi hơi yên tâm.

Bác sĩ Hoành dậy sớm nấu nước sôi chung kim chích thuốc và để uống sữa. Trời sáng, nhìn bộ pyjama màu xanh lơ, tôi liền hỏi:

- Chắc là bộ áo quần bác sĩ thay cho tôi khi hôm.

Bác sĩ cười hiền lành:

- Bộ đồ của toa dính đầy máu dơ quá rồi, không thể mặc được, moa đưa mặc tạm của moa, nhưng chắc là chật và ngắn vì toa cao lớn hơn nhiều.

Tôi cảm ơn và xem đó là điều an ủi lớn trong những ngày hoạn nạn này. Bác sĩ Hoành được ở riêng một ngăn nhỏ xem như chỗ chữa bệnh. Người tù nào đau nặng được đưa sang phòng này và bác sĩ được xử dụng một đèn cồn để nấu nước sôi. Trong phòng, ngoài bác sĩ còn một người nữa, ốm nhỏ đeo cặp kiếng cận thị rất nặng là giáo sư Vũ Ký, người Quảng Nam, Quốc Dân Đảng thuộc nhóm Phan Thông. Do kế hoạch tiêu diệt đối lập của chánh quyền, Vũ Ký và Phan Văn Đức cũng người Quảng Nam, cùng nhiều anh em Quốc Dân Đảng khác bị bắt. Công an dùng biện pháp tra tấn thời trung cổ ép cung những người này là cộng sản để nhốt mà khỏi bị tiếng là diệt đối lập quốc gia. Hành động ấu trĩ này không che được mắt ai. Vũ Ký đã vào tù nhiều lần kể cả trước 1954, từng suýt bị xử bắn vì tham gia vụ Quế Sơn chống cộng sản. Biết cuộc đời gian nan tù tội của ông nên tôi kính nể khi được gặp ông.

Bác sĩ Hoành khuyên tôi nên quý mạng sống vì ông là thầy thuốc nên trọng sinh mạng con người. Ông nói xa xa gần gần là muốn làm gì cũng phải sống đã, không hèn nhát tham sống, nhưng cũng không phí phạm cuộc sống. Khi tối, tôi bị đánh nhiều quá và lâu quá. Ông hỏi có phải tôi bị nhận khăn vào miệng hay không mà sao chỉ nghe tiếng đánh chứ không nghe tiếng la như thường lệ. Sự thật tôi cắn răng nín thở chịu đau và sau đó là ngất xỉu.

Phòng bác sĩ Hoành là nơi để người bệnh nặng ở chữa bệnh và cũng là nơi chích thuốc cho tù nhân nào có thuốc chích và cho cả người giữ tù. Do đó, tôi được gặp các chính khách đối lập “nặng ký”.

● Ông Trần Văn Văn lúc ấy độ năm mươi tuổi, người

Nam, xuất thân giàu có, đậu bằng thương mại tại Pháp. Ông đề xướng nhóm Caravelle, một nhóm chính khách đối lập, viết kiến nghị đề nghị tổng thống Ngô Đình Diệm thay đổi đường lối, tiến tới dân chủ thực sự. Người nhỏ ốm, tóc húi ngắn, mỗi buổi sáng, ông thường đi qua lại trong khoảng vài chục thước dưới ánh nắng. Ông có thể đi như vậy hai ba giờ đồng hồ. Lúc ấy, tôi phục sự bên bờ của ông. Ông vui vẻ cho biết vì ông đau gan nên cần thể dục, cần phơi nắng. Ông nói ông rất phục người Trung và nhất là người Quảng Nam, Quảng Ngãi vì tính chất tích cực và trung thành. Sau cuộc đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 lật đổ chánh quyền Ngô Đình Diệm, ông được mời vào hội đồng nhân sĩ với vai trò cố vấn cho chánh phủ Dương Văn Minh, và làm chủ tịch hội đồng này. Nhưng đến 30 tháng 1 năm 1964, tướng Nguyễn Khánh lật đổ tướng Minh, hội đồng bị giải tán. Sau đó ông làm dân biểu quốc hội, đến ngày 7 tháng 12 năm 1966 ông bị ám sát ở Sài Gòn. Vụ ám sát này do Cộng Sản tổ chức để gây chia rẽ giữa chánh quyền và nhóm chánh khách Nam Kỳ. Trần Văn Văn cũng như những nhóm chính trị người Nam vẫn có tư tưởng muốn tách riêng Nam Kỳ thành một nước. Sự thiên cận và đầu óc hẹp hòi này làm lợi cho cộng sản không ít. Nhưng có điều rất xúc động là con trai ông là Trần Văn Bá, sau 1975 ở Pháp về Việt Nam hoạt động chống chánh quyền cộng sản, bị bắt và bị xử tử.

● Luật sư Trần Văn Tuyên, người Bắc di cư vào Nam năm 1954. Trước 1945 ông là một tri huyện. Ông ở trong đám người chạy sang Trung Hoa năm 1946 để tránh sự khủng bố của Hồ Chí Minh. Ông cũng có mặt trong phái đoàn quốc gia dự hội nghị đình chiến Đông Dương tại Genève. Sau đó, ông làm phó thủ tướng thời bác sĩ Phan Huy Quát là thủ tướng. Rồi ông làm dân biểu quốc hội trong nhóm Phật Giáo Ấn Quang. Sau 1975, ông bị tù và chết trong tù. Luật sư Trần Văn Tuyên là người thông minh, uyên bác.

● Ông Trần Văn Hương, người Nam, một thời là Đô Trưởng Sài Gòn. Người ta còn nhắc lại lúc làm Đô Trưởng, ông đi lại bằng xe đạp, đó cũng là tượng trưng cho sự thanh liêm. Ông từng làm thủ tướng và phó tổng thống của chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu. Nhóm chính khách trẻ Nam kỳ tôn sùng ông là một lãnh tụ trong sạch, cứng rắn, đứng đắn và can trường. Riêng tôi chưa thấy ông chứng tỏ nổi các đức tính đó. Thứ nhất,

ông làm phó tổng thống một chánh quyền tham nhũng, bất lực, như thế có thể gọi là có tài và trong sạch không? Thứ hai, ông gần như chuyên nghiệp làm chánh quyền tức không có bản lĩnh riêng, không có đường lối riêng. Có lẽ mục đích của ông là làm chánh quyền, bất kể chánh quyền nào, im lặng để được làm việc nên không bao giờ làm phật lòng những người cầm đầu trên ông. Thứ ba, ông nói hai câu để đời: “Diệt tham *những thì lấy ai mà làm việc!*” Câu nói này có thể hiểu là phải che chở cho tham nhũng hoặc cũng có thể phải nhúng tay vào tham nhũng để hòa mình với họ. Câu thứ hai, khi được chỉ định làm thủ tướng trong lúc lựa các bộ trưởng, ông bảo “*Tôi đi chợ không có cá thì tôi mua tôm cũng được*”...

● Luật sư Lê Ngọc Chấn, người Thanh Hóa, trước 1945 làm tri huyện. Là một lãnh tụ Quốc Dân Đảng, có thời làm bộ trưởng quốc phòng của chánh phủ quốc gia, có lúc làm đại sứ Anh quốc, hành nghề luật sư. Cũng như Trần Văn Tuyên sau 1975, ông bị cộng sản giam giữ và chết trong tù.

● Trương Bảo Sơn, nhà giáo, nhà văn và lãnh tụ Quốc Dân Đảng nhóm Nguyễn Tường Tam. Cùng chạy sang Trung Hoa năm 1946 với Nguyễn Tường Tam. Khi về nước không tham gia chánh quyền chỉ ở nhóm đối lập.

● Nguyễn Thành Vinh, một thanh niên trẻ tuổi, Quốc Dân Đảng thuộc nhóm Nguyễn Tường Tam.

● Ông Trần Bá Nhật, một nhân sĩ miền Nam, cháu cụ Phan Khắc Sửu.

● Cụ Phan Khắc Sửu, năm đó độ sáu mươi, nhưng có vẻ già quá, tóc bạc trắng như bạch kim. Cụ người Cần Thơ, học ở Pháp có bằng kỹ sư. Năm 1940, cụ tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, bị bắt và bị đày Côn Đảo. Cụ có chân trong nhóm Caravelle, cùng ông Nhất Linh lập “*Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia*”, tích cực ủng hộ cuộc đảo chánh của đại tá Nguyễn Chánh Thi.

● Ngoài ra, còn một số người nữa như nhạc sĩ Vĩnh Lợi, ông Lê Tài Hòa người Long An, sau làm dân biểu đơn vị Long An....

Tôi ở phòng bác sĩ Hoàn được ba ngày, rồi bị đưa trở lại phòng khóa cửa. Tối hôm đó, tôi bị kêu lên phòng tra tấn. Cũng những bộ mặt làm lì tàn nhẫn cùng vài người tù giúp đỡ và sẵn sàng chờ lệnh để sai vặt. Phòng tra tấn điện sáng đến chói mắt.

Một người trong bọn hỏi tôi với giọng đe dọa:

- Mày phải nói tên thật nếu không tao sẽ dùng biện pháp mạnh, tao sẽ dùng điện đốt cháy mày.

Tôi đáp một cách lễ độ:

- Thưa ông, tôi không còn tên nào khác, tôi đại gì để các ông phái đánh đập tra tấn như thế này.

Tôi bị bắt cởi hết áo quần, chỉ còn quần lót và ngồi xuống nền gạch. Từ lâu, tôi đã nghe về tra điện nhưng không hình dung sự việc như thế nào. Hôm nay, tôi đang đối diện với nó. Rất giản dị, chỉ một hộp điện hình chữ nhật lớn bằng cái cặp học trò, giữa có tay quay và hai sợi dây chuyền ra ngoài. Một người tù buộc hai đầu dây điện vào ngón chân cái của tôi. Hai sợi dây đồng lạnh làm tôi rùng mình và cơ thể tôi hơi run run vì cảm giác sợ. Nhưng tôi vẫn tỉnh táo luôn tự nhủ nhất định không nói tên thật, dù tra tấn đến mức nào. Một người tù lên tiếng:

- Anh ngu quá. Sao lại để bị tra tấn thế này, cứ nói hết còn tên nào nữa, có bút hiệu, bí danh, có cái gì nói hết ra, nếu không sẽ hết còn dịp về gặp lại vợ con cha mẹ.

Tôi đáp:

- Tôi chỉ có một tên là Phạm Ánh mà thôi không còn tên nào khác.

Vừa dứt lời tự nhiên tôi ngã ngửa. Điện đã giật tôi. Tôi vừa ngồi lại thì lại ngã ngửa. Tôi không còn nghe biết gì nữa, có lẽ cũng khá lâu mới tỉnh dậy, đầu nặng như bị thương. Tôi đưa tay xoa đầu thử có dính máu hay không, nhưng không có thương tích như những trận trước. Tôi cố định thần nhớ lại những gì xảy ra và cũng nhớ rõ chưa chịu khai tên thật. Tôi an tâm, cảm thấy thương cho thân mình chịu nhiều cực hình, đồng thời tự tin và cảm phục sức chịu đựng của mình. Người tù bước vào đưa cho tôi xấp giấy và cây bút bảo tôi dựa vào các mục đó mà khai. Đọc lướt qua các mục, tôi thấy đây chỉ là bản lý lịch. Điền vào và đặt bên cạnh, tôi nằm xuống cố ngủ, nhưng cả người mỗi như và khát nước gần như không chịu đựng nổi. Tôi lại nghĩ nếu cha mẹ tôi biết tôi bị tra tấn như thế này chắc không thể chịu nổi. Hôm tôi mới vào, cụ Lâm có kể cho nghe, cách chừng một tháng cũng trên lầu này, một người cha đã nhảy lầu tự tử vì chịu không nổi khi bị buộc chứng kiến việc tra tấn người con. Ở đây, nếu cha con hoặc vợ chồng bị bắt, thường khi một người bị tra tấn thì người kia bị buộc ngồi trước mặt để chứng kiến cảnh tra tấn

để rồi tự khuyên bảo khai sự thật. Cung cách này thường đưa người bị tra tấn vào hai ngã, hoặc nhận đại để được sống, hoặc có thể chết vì bị tra tấn quá sức, nhất là đối với đám mật vụ ngoài pháp luật của Ngô Đình Cẩn. Chính giáo sư Vũ Kỳ cho tôi biết ông chịu không nổi sự đánh đập nên nhận đại là cộng sản và chứa nhiều vũ khí tại nhà. Khi họ đưa ông về để lấy vũ khí, ông chỉ bậy bạ giấu dưới giường, giấu trong tủ sách... tìm không ra vì sự thực không có, họ đánh ông trước mặt vợ con. Chịu không nổi ông khai chôn dưới bếp, họ quật bếp lên không thấy vũ khí... trong khi hỏi đồng bọn, nhớ tên người nào ông khai đại người đó và cuối cùng vào tù cả lũ quen biết. Mật vụ Ngô Đình Cẩn tức “Đặc Cảnh Miền Trung” lúc bấy giờ rất tự hào là không có vụ phản động nào thoát khỏi sự khai thác của họ. Kiểu làm việc thú vật này khiến nhà lao nhốt đầy người vô tội, có người chịu đi đầy hai ba năm chờ được ra tòa phản cung hoặc lo lót hối lộ để được tự do. Năm ấy, tôi chưa tới tuổi ba mươi, sức khoẻ dồi dào, tôi chỉ sợ khi mê man không kiểm soát được ngôn ngữ, hoặc bị chích thuốc, hay bị máy “nói sự thật”, ngoài ra không có cách gì làm cho tôi phải nói sự thật. Tôi quả quyết như vậy và thấy yên tâm, thấy mình đang sống giờ phút anh hùng. Đại úy Giai bước vào, bực tức chỉ mặt tôi nói:

- Mày gan lắm, thằng gốc Quảng Ngãi cứng đầu ngu xuẩn. Để coi thử mày chịu bao lâu, bọn tao nhiều cách bắt đá cũng phải nói thật, hưởng chi mạng chó của mày, khôn thì sống, đại thì chết.

Rồi quay đầu lại đám đàn em:

- Đánh cho đến khi nó nói sự thật, chết ném nhà xác.

Cả bọn ùa vào không bịt mắt, không trói như những lần trước, đánh túi bụi lên người tôi bất kể chỗ nào. Đánh bằng tay, bằng đầu gối động mạnh vào bụng và đánh bằng cây. Phản ứng tự nhiên, hai tay tôi xếp phía trước bảo vệ ngực, đầu rút xuống. Tôi ngã bên trái, ngã bên phải, nhào tới trước, lùi lại sau. Máu căm hận phùng phùng bốc lên đầu, tôi nín thở, cắn chặt răng. Trừ ngực ra, chỗ nào trên người tôi cũng lãnh đòn cho đến lúc tôi không còn phân biệt nổi gì nữa. Cả bọn ngưng tay có lẽ do đại úy Giai thấy tôi sắp chết nên ra lệnh thôi đánh. Một tia sáng trong đầu cho tôi biết phải giả vờ chết, hoặc gài chết. Tôi quì ngay và vờ bất tỉnh. Chúng hỏi gì tôi cũng không nói. Khi nghe tiếng giày đi xa dần, tôi biết đã “chiến thắng”. Chưa bao giờ tôi

thương xót thân thể tôi bằng lúc này. Máu bê bết đầy áo nhưng lần này tôi không hoảng hốt như lần đầu vì biết máu chảy thấm đầy áo vẫn không sao, tay chân mặt mũi sưng vù chỉ chừng tuần lễ sẽ trở lại bình thường. Thực sự ở tuổi đó, tôi khỏe hơn người cùng trang lứa, tuy vậy, tôi luôn giả vờ gần chết để anh em trong tù tăng sự phần nộ và hi vọng tránh bớt những trận đòn. Bốn người tù dùng mền khiêng tôi xuống phòng giam. Thấy thân thể đầy máu của tôi, cụ Lâm chép miệng:

- Bọn chúng coi mạng sống con người như cỏ rác. Anh gắng chịu đựng. Giai đoạn đầu, ai cũng phải chịu vậy. Năm 1946, tôi chạy sang Tàu có gặp Diệm và sinh hoạt chung một thời gian kể cả ông Trần Văn Tuyên thế mà bây giờ tôi và ông Tuyên vẫn bị người của ông đánh. Người ta không biết tướng Diệm là người đạo đức nhưng thực ra là tên độc ác, ích kỷ, ngày trước giành quyền với Phạm Quỳnh rồi thua nên bỏ việc trốn ra nước ngoài, thế mà dân chúng cứ bảo rữ áo từ quan.

Sáng hôm sau hai người tù dìu tôi lên phòng tra tấn.

Tôi chuẩn bị tinh thần để chịu đựng một trận nữa, được đặt ngồi trên cái ghế dài của học trò, dựa vào vách, đầu ngã qua một bên, mắt lim dim. Tôi rên từng hồi như người bệnh rất nặng, mắt nhắm nghiền.

Tôi nghe tiếng nói của đại úy Giai, giọng Huế ở vùng quê thật nặng và nói nhỏ quá, tôi không hiểu nói gì. Một người tù đỡ lưng tôi, hai tay giữ đầu tôi, bắt tôi ngồi thẳng, nhìn ra phía trước. *“Một trận đòn bắt đầu”*.

Tôi nghĩ và chuẩn bị nín thở chịu đựng cú đánh đầu tiên, cú đánh kinh khủng. Nhưng không thấy gì hết, tôi thở ra lấy lại sự tự nhiên. Một câu lệnh:

- Mở mắt nhìn biết ai đây?

Tôi mở mắt và suýt la lên.

Một ông già da bọc xương chỉ còn hai con mắt và cái sống mũi cao, lóm thóm như một xác chết. Ông già thấp, thấp quá như đứa bé, lê từng bước chậm chạp đi qua nhìn tôi, rồi đi lại nhìn tôi. Đó là ông Phạm Đình Nghị, thầy tôi, bị bắt cùng lúc với tôi cách nhau chưa đầy hai tháng mà khác biệt kinh khủng. Tôi mừng vì thấy lại ông Nghị, nhưng thê thảm quá. Trong giây lát, tôi biết đây là một sự nhận diện, nhưng không thể biết ông Nghị có nhận tôi là Nguyễn Liệu không. Lại thêm một việc khó cho tôi. Chỉ chừng nấy thôi. Họ không cho ông Nghị gặp tôi hoặc đối

chất với tôi.

Đứng sau lưng tôi, đại úy Giai hỏi:

- Anh có biết ông già mới đi ngang cửa đó không?

Tôi vờ lim dim mắt vì mắt tôi sưng húp, trả lời:

- Dạ tôi không thấy rõ, cũng không biết ông già nào bé nhỏ quá như vậy.

Không hỏi thêm, đại úy Giai lệnh cho tôi về phòng giam.

Tôi lo lắng không biết ý ông Nghị thế nào.

Sáng hôm sau, tôi thấy ông Nghị đến phòng bác sĩ Hoàn khám bệnh. Không bỏ cơ hội tốt, tôi xin phép khám bệnh. Ông Nghị ngồi sát tôi nhưng chúng tôi không ngó mặt nhau, vì phải nhìn ra ngoài đề phòng có người đến gần. Ông Nghị nói rất nhỏ, cho tôi biết chính ông Vũ Đình Lý vì sợ bị đánh chết nên đã khai hết. Ông Lý sợ mặt vụ không bắt được ông Nghị thì sẽ bị tra tấn để tìm nơi ở của Nghị. Ông Lý đã thú thật với ông Nghị vì sống còn nên bất đắc dĩ phải khai chỗ ở và cách thoát của ông Nghị, khi bị công an vào bắt. Do đó, ông Nghị không thoát được đêm đó, và cũng vì cần phải tồn tại nên ông phải nói thật tên Phạm Ánh với tên Nguyễn Liệu là một. Ông khuyên tôi nên nhận sự thật để sống rồi còn nhiều việc phải làm, nếu để bị đánh chết là đại đột. Ông nhắc tôi nhẫn nhục và cho biết khi ông làm tỉnh trưởng Quảng Ngãi, cứng đầu không chịu nghe lời ông Cẩn nên bị đề ý rất nhiều và đã bị ghi tên vào danh sách những người có ý mưu phản. Ông khuyên bảo và an ủi tôi rất nhiều, nhưng thú thật lúc ấy tôi nản vô cùng và khinh bỉ ông Vũ Đình Lý, người mới gặp lần đầu tôi đã thấy khó chịu vì nói nhiều và khoác lác. Tôi bực mình là ông ta hèn đến mức chỉ mới bị dọa tra tấn đã khai tất cả, khai không còn cái gì để khai nữa. Tôi hết tin tưởng những người lớn tuổi có thể làm các việc bí mật nguy hiểm. Quan niệm này, tôi giữ mãi và xem là một chân lý. Tôi cũng có thêm bài học là người nói nhiều, khoe khoang, phản đồng không đáng tin cậy.

Ngay hôm đó, tôi bị kêu lên phòng hỏi cung.

Lần này tôi không lo lắng phải giấu tên tuổi nữa. Người hỏi cung chỉ tôi ngồi vào cái ghế đối diện qua cái bàn vuông. Hai bên tôi, hai người tù đứng nghiêm chờ lệnh. Tôi ngồi thẳng, nhìn người hỏi cung. Anh ta có vẻ khó chịu trước thái độ của tôi, rút xấp hồ sơ trong cặp, đặt trên bàn. Tôi không nhìn tập hồ sơ. Anh ta hát hàm hỏi:

- Anh tên là Nguyễn Liệu, phải không?
- Tôi không trả lời, nhìn anh ta. Anh ta hỏi tiếp:
- Có nghe rõ không, sao không trả lời?
- Tôi chậm rãi đáp:
- Tôi chỉ trả lời trước đại úy chỉ huy của anh.

Người hỏi cung có vẻ bất ngờ trước câu trả lời. Đúng lúc đó, đại úy Giai từ phòng bên cạnh bước sang, không như mấy đêm trước chỉ mặc quần cụt, ở trần chứng kiến những vụ tra tấn tôi, lần này, mặc quân phục Dù nhưng không đội nón, không đeo lon. Người hỏi cung đứng dậy nhường chỗ. Ông Giai mỉm cười có vẻ hiền lành, ngồi vào ghế hỏi tôi:

- Anh muốn gặp tôi, tốt lắm. Vậy bây giờ tôi hỏi. Anh tên thật là Nguyễn Liệu, phải không?

Tôi đáp:

- Đúng, tôi tên Liệu, Nguyễn Liệu.

Người hỏi cung lúc này ngồi ở góc bàn ghi chép. Đại úy Giai gật gật đầu, vẻ đắc thắng tiếp:

- Anh mang tên giả Phạm Ánh để làm gì?

Tôi trả lời thẳng thừng:

- Để tránh sự truy tầm của các ông.

Đại úy Giai như hải lòng:

- Theo bản cung của ông Phạm Đình Nghị thì anh là người đã chi một số tiền lớn để in tất cả truyền đơn chống chánh quyền, ủng hộ bọn phiến loạn Nguyễn Chánh Thi, và cũng chính anh xúi dục sinh viên, dân chúng biểu tình chống chánh phủ, có không?

Vừa dứt câu hỏi, tôi đáp “có!”

Tiếng “có” cộc lốc khiến ông không biết hỏi gì nữa. Ngừng một chút, ông nói:

- Tôi hoan nghênh anh can đảm, có làm có chịu. Bây giờ cho tôi biết, theo bản cung của ông Vũ Đình Lý và Phạm Đình Nghị, anh tham gia tích cực vào âm mưu đen tối là cố tình lật đổ chánh phủ hợp pháp hợp hiến của Ngô Tổng Thống, có như vậy không?

Tôi trả lời:

-Tôi luôn có ý thức chống đối chánh quyền, tôi ủng hộ việc làm của thầy tôi là ông Phạm Đình Nghị, nhưng trên thực tế ông Phạm Đình Nghị chưa hành động, nên tôi chưa có cái gì ủng hộ ông ta một cách rõ ràng cụ thể.

Đại úy Giai cười:

- Với anh, tôi biết cái gì có bằng chứng chối không được anh mới nhận. Nếu thầy anh, ông Nghị không khai thật về anh thì dù đánh chết anh cũng không chịu. Đến đây, tôi tạm ngưng để tiếp tục điều tra sau. Bây giờ, tôi tâm sự với anh chứ không hỏi cung. Tại sao anh chống một chánh quyền vì nhân dân, một chánh quyền dân chủ và nhất là chống cộng sản. Bọn nó chống vì bị thiệt thòi quyền lợi, còn anh ở tuổi sinh viên còn trong trắng vô tư tại sao nghe lời bọn phản động hành động bậy bạ. Tôi thương hại tuổi trẻ của anh, nhiều tương lai đang chờ sao anh đại dột vậy. Tôi mong anh ăn năn hối cải quay về con đường chính nghĩa quốc gia mà Ngô chí sĩ đã suốt đời phụng sự diu dắt dân tộc tới hạnh phúc tự do dân chủ thực sự...

Với giọng tâm tình, tôi trả lời:

- Thừa đại úy, tôi không biết đại úy biết và tôn sùng cụ Ngô lúc nào, chứ qua sự sùng kính của thân phụ tôi, năm 1954, tôi còn là học sinh ở vùng cộng sản đã cùng một số bạn thân đi tuyên truyền cổ động cho cụ Ngô. Đó là một việc hứng khởi tự phát, không có ai bảo hoặc không có tài liệu nào cho biết, chỉ nghe cha tôi kể lại, chúng tôi rất hâm mộ cụ, nhất là vì chúng tôi thù địch với cộng sản. Chính tôi là một người được vinh dự tham gia phái đoàn đại biểu Quảng Ngãi vào Sài Gòn ủng hộ cụ Ngô truất phế vua Bảo Đại. Nhưng, xin lỗi đại úy phải nói thật lòng, tôi vô cùng bất mãn khi biết gia đình họ Ngô đã đặt quyền lợi cá nhân, gia đình bè nhóm lên trên quyền lợi tổ quốc, dân tộc. Tôi nghĩ đại úy cũng biết điều này, vì cả nước ai ai cũng biết. Tôi biết tình trạng này kéo dài chính gia đình Ngô tộc sẽ dâng miền Nam cho cộng sản Bắc Việt, do đó tôi cực lực chống chánh quyền vì không bao giờ tôi thỏa hiệp hay đầu hàng cộng sản.

Thấy tôi hăng say nói lớn tiếng, ông Giai trở lại thật tại, đưa tay ra lệnh tôi im:

- Tôi cấm anh nói những điều xúc phạm đến danh dự Ngô tổng thống. Thôi, cho anh về phòng để chờ ngày ra tòa, nếu anh cần khai thêm điều gì cho chúng tôi biết.

Nói xong, ông nặng nề đứng dậy trở về phòng riêng.

Sau đó, tôi bị hỏi nhiều lần về vụ làm căn cước giả và người nào ngồi sau xe vespa tôi vào ngày đảo chánh đi kêu gọi sinh viên và rải truyền đơn trong đô thành v.v... Về căn cước giả, tôi khai thật được căn cước của người nào có tên Phạm

Ảnh, rút ở dọc đường, đem về lột ảnh căn cước của tôi dán vào nên có căn cước thật, dấu nổi thật, chữ ký thật. Còn người ngồi sau lưng tôi không thể nhớ vì những thanh niên trong thành phố hôm đó quá hăng say, ngồi đợi trên xe tôi để đi rải truyền đơn. Rất nhiều lần hỏi, vì họ nghi ngờ có tổ chức làm giả giấy tờ và muốn truy lùng đồng bọn trong tổ chức phản động. Cuối cùng khi tôi nói chuyện đại sự, chuyện chết là lật đổ chánh quyền mà tôi không chối thì các chuyện nhỏ này nhằm nhò gì mà tôi phải chối thì từ đó họ không gọi lên phòng hỏi cung nữa.

TRUNG TÂM THẨM VẤN

Ở trại Võ Tánh một thời gian, chúng tôi được đưa qua trung tâm thẩm vấn Nha Cảnh Sát Đô Thành. Nha Cảnh Sát Đô Thành nằm ngay trung tâm thành phố, trên đại lộ Trần Hưng Đạo, cách chợ Bến Thành chỉ một cây số theo đường chim bay. Không ai ngờ ngay giữa thành phố có một nhà lao nhốt cả ngàn tù. Nha Cảnh Sát chiếm khu đất khá rộng, phía trước nhiều toà nhà kiến trúc theo kiểu mới thật đẹp, trong cùng là hai dãy nhà nằm gần nhau, bốn bề tường bít kín, bên trên cùng bức tường chứa một khe trống chắn song sắt lớn, bề ngang chừng một tấc tây, bề dài bằng bề dài của tường. Mái ngói hạ thấp làm cho người đứng ngoài khó nhìn thấy khe trống, còn người tù tìm cách leo cao để dòm qua khe trống chỉ thấy mái ngói không thấy cảnh bên ngoài. Hai bức tường phía hông nhà chứa hai cửa lớn, cánh cửa bằng song sắt chắc chắn, đó là cửa ra vào chính.

Ngăn đầu là nơi toán cảnh sát canh gác làm việc. Giữa nhà là hành lang suốt từ đầu này đến đầu kia. Hai bên hành lang, những ngăn nhốt tù hướng mặt ra hành lang, có những ngăn mặt tiền chỉ hai mét, có những ngăn mặt tiền đến sáu mét, tám mét. Những ngăn hai mét thường nằm gần phòng cảnh sát canh gác dành cho các tù nhân nguy hiểm cần coi chừng. Bên ngoài tường cao bao kín hai dãy nhà này, trên cùng cắm đầy mảnh ve chai, trên nữa là những cuộn kẽm gai xoắn tròn. Bốn góc tường bốn vọng gác cao có mái lợp, ở đó lính canh túc trực ngày đêm. Mỗi vọng gác một khẩu đại liên sẵn sàng nhả đạn theo một mặt tường và hai đèn pha cực sáng.

Sau khi vào sân khu nhà lao, qua một cửa rộng hai cánh làm bằng hai tấm sắt dày luôn luôn đóng kín, khóa kỹ, có lính

canh, chúng tôi được mở xiềng và khám xét rất kỹ. Vừa bước vào sân, chúng tôi nghe nhiều tiếng ồn ào chừng tỏ bên trong tù đông lắm và được tự do nói chuyện. Khám xét xong, chúng tôi được phân ra nhiều toán tám người, hai mươi người, bốn mươi người. Mỗi toán được dẫn vào một ngăn riêng. Người lính mở khoá, cánh cửa vừa hé ra, một mùi thúi kinh khủng khiến muốn mửa. Đó là hơi người tù ở trong xông ra theo lối hành lang chính. Thật khủng khiếp, người là người, tất cả đều mặc quần lót, ở trần, da bọc xương, chen chúc giành phía trước để xem, để chào đón chúng tôi. Nhiều cánh tay thò ra hết chiều dài, bàn tay vẩy vẩy như muốn bắt tay và tiếng kêu tên. Chúng tôi ngạc nhiên không nói nổi, vì nhiều người mới rời chúng tôi vài tháng, nay khác hẳn, xanh như tàu lá, ốm teo, mắt sấu, hốc hác, tóc dài phủ vai, râu đầy cằm và đều rất dơ dáy. Ngăn chúng tôi hai mươi người, số B.16 ở gần cuối nhà. Cánh cửa mở sẵn, người canh tù vỗ vào vai chúng tôi đếm đủ số hai mươi. Cửa đóng lại, khoá cẩn thận, xem lại ống khoá nhiều lần, người canh tù lặng lẽ bước đi như không có gì lạ. Cảm giác đầu tiên của tôi là ê chề, ngao ngán. Trong phòng một bục bằng gạch cao độ ba tấc. Góc phòng phía trong, một thùng bằng nhôm có nắp đậy dùng cho việc tiêu tiểu của tù. Tất cả chúng tôi đều kinh hoàng, khó chịu. Nóng quá, chúng tôi cũng chỉ mặc quần lót. Không một chút gió lọt vào. Đúng là một cái lò đang nung chúng tôi. Căn phòng chứa năm người là vừa mà chúng tôi gồm hai mươi người! Mỗi người chỉ được mang vào hai bộ quần áo, khăn lau mặt, kem đánh răng, một đôi dép, một tô nhựa, một ca uống nước cũng bằng nhựa. Những thứ khác đều phải gửi trên kho nhà giam. Ban ngày chúng tôi đều ngồi hoặc đứng, rất khó di chuyển vì không còn chỗ để đi. Ban đêm, 10 giờ là giờ ngủ, 6 giờ sáng là giờ báo thức. Chúng tôi phải chia làm hai nhóm, một nằm ngủ, một đứng hoặc ngồi, rồi đổi lại. Nhóm nằm phải nằm nghiêng và nằm trở đầu. Người ít đi tiểu mỗi đêm cũng phải một lần, những người lớn tuổi có khi bốn năm lần nên âm thanh nước tiểu chạm vào thùng nhôm, kêu ro ro gần như liên tục. Mỗi lần nắp thùng mở ra, mùi hôi thối đầy phòng. Nhưng mệt quá rồi cũng ngủ được. Tiếng ngáy, tiếng thở dài, tiếng mớ, tiếng đập muỗi, tiếng muỗi vo ve tạo thành các âm thanh buồn thảm. Nghe nói nhà tù có từ thời Pháp và lúc ấy qui chế được áp dụng là mỗi người tù chiếm một khoảng không gian bao nhiêu, cụ thể như phòng tôi

đang ở tụy thực dân Pháp nổi tiếng dã man cũng chỉ nhốt chừng bốn người. Bây giờ vì lý thuyết “nhân vị” của Ngô Tổng Thống anh minh, chúng tôi được ở hai mươi người. Một anh bạn tù than: “Ô, *chật như cá hộp*”. Một người nữa nói: “*Có khác gì Hitler nhốt Do Thái*”. Hitler tàn ác thiêu người Do Thái nhưng có lẽ không nhốt chật thế này, nếu căn cứ qua báo chí và những cuốn nhật ký còn sót lại. Cuối cùng chúng tôi tìm được thứ có thể tạm so với kiểu nhốt tù ở Nha Cảnh Sát Đô Thành thời đó là nhốt “*chó đổi mây*”. Tôi không biết các tỉnh khác có không, tại Quảng Ngãi quê tôi có chó đổi mây. Đó là những người buôn bán với miền núi, với những người Thượng ngày trước gọi là Mọi. Những người này cũng bị xem thường gọi là “*bọn buôn Mọi*”. Họ mua mây — loại dây dùng để cột, để đan thành các đồ dùng trong nhà. Mây vốn mọc hoang trong rừng và người Mọi bứt các dây mây cuốn thành từng cuộn tròn đem đổi cho người buôn lấy chó để ăn thịt. Người buôn mọi gánh hai giỏ có nắp đậy chừa một lỗ vừa bỏ con chó lọt vào trong. Một số cuộn mây để trên hai nắp giỏ và một số luồn qua đòn gánh. Họ đi rong khắp làng này qua làng kia và rao: “*Có chó đổi mây khôô..ng!*”

Vùng quê Việt Nam, nhà nào cũng nuôi vài con chó không phải để nựng nịu như người Tây phương mà để giữ nhà, để ăn cứt trẻ con và có khi để ăn thịt. Con chó nào già, bệnh, nuôi không lớn, hay cắn trộm (cắn lén), hung dữ ... đều bị đổi cho người rao hàng “*chó đổi mây*”. Một cuộc đổi chác vui vẻ cả đôi bên, không nhất thiết mấy cuộn mây một con chó. Người có chó tổng khứ được con chó bất khiến dụng nên mấy cuộn mây cũng được. Người buôn nhận được con chó là mối lợi đem lên miền núi phình đám Mọi lấy mây, hoặc lấy lúa. Lúc còn nhỏ, tôi luôn bất bình vì thấy người ta tàn ác với loài chó quá. Hai giỏ đã đầy chó, con này nằm chồng lên con kia, gằm gừ mắt đỏ đầy hận thù, nhưng nếu có ai kêu đổi thì người ta vẫn vui vẻ đưa mây ra nhận thêm chó, nhận thêm mây cũng được. Bây giờ phòng chúng tôi bị nhốt có khác gì giỏ chó đổi mây. Tôi không tin có nhà lao nào trên thế gian này nhốt ác như thế! Tại sao? Giản dị vì bắt người nhiều quá mà không xét xử và cũng không dám trả tự do. Khắp nước, nhà lao đầy ắp, cuối cùng dù chưa xử vẫn đầy đi Côn Lôn, Phú Quốc.

6 giờ sáng, bắt đầu cho tù ra đổ thùng cầu, tắm rửa giặt giũ, làm vệ sinh cá nhân. Mở cửa từng phòng, chừng mười phút

dẫn về khóa kỹ, mở phòng kế tiếp. Trước khi mở cửa chừng vài chục phút, tù đã chuẩn bị sẵn sàng, người nào tới phiên thì chuẩn bị bọ thùng tiểu, nếu già yếu thì nhờ bạn thân phụ giúp, những người khác đều đánh răng trước, miệng đầy bọt, cầm sẵn ca uống nước, khăn lau... Cánh cửa vừa hé, vội vã tuôn ra tranh chạy về hướng cầu tiêu ở cuối toà nhà. Một dãy cầu tiêu tám lỗ cầu, không vách ngăn, không bàn cầu, ngồi chồm hổm. Phải chạy để chiếm lỗ cầu, nếu không làm sao có chỗ. Nhiều lúc hai người phải ngồi xĩa một lỗ, cực kỳ khó ỉa, hoặc ỉa ngay vào thùng tiểu rồi dội nước rửa. Cũng may không người tù nào chiếm cầu lâu vì còn cần tắm, rửa mặt nên nhảy vào cầu biết ỉa không kịp đành nhảy ra, người khác đang tắm lại bỏ tắm nhảy vào chiếm cầu. Cứ thế mà hai mươi người tù tắm được, ỉa được, rửa mặt được. Khi ra thì chạy, khi về thì lững thững càng chậm càng tốt để hưởng hết khoái cảm của không gian rộng rãi trên đường đi dù người canh tù thường lên tiếng thúc giục. Theo tôi, sức khỏe con người cần thiết không phải để làm việc, để ra trận mà là để ở tù, nhất là tù dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Khi cửa phòng khóa là lại bắt đầu thêm một ngày tù. Cũng kẻ đứng người ngồi, nhưng dần rồi cũng quen.

Một sinh hoạt trong tù là chơi cờ tướng. Có đặt cho được bàn cờ tướng và chơi như đánh tập thể. Một người vừa vào pháo đầu thì người khác nắm con pháo kéo lại, đưa ngựa lên, người nữa hạ ngựa xuống ghềnh tượng... Mỗi lần đưa một con cờ đi hoặc kéo về đều cãi vã om sòm. Kẻ đứng người ngồi, cả chục người lom khom quanh bàn cờ. Một số năm không rõ suy nghĩ gì, vài người đọc các tờ báo cũ... Tôi vì không thích domino, không thích cờ tướng nên học Anh văn. Tôi ngồi sát thùng cầu, vì nơi này ít ai muốn gần, ban đầu khó chịu, nhưng cũng quen dần, không còn đau đầu nữa. Trước đây đi dạy 11 tiếng một ngày, nay ngồi co rút một chỗ, tôi cố không để phí thì giờ. Tôi tập đọc tiêu thuyết tiếng Anh và tích cực học tự điển Anh Việt của Lê Bá Kông. Tôi nhớ hình ảnh cụ Huỳnh Thúc Kháng học tiếng Pháp trong tự điển Petrus Ký ở nhà lao Côn Sơn, chép nơi "*Thi Tù Tùng Thoại*." Nhờ học suốt mấy năm, tôi biết nhiều từ có thể đọc sách báo tuy phát âm không đúng.

Trung Tâm Thẩm Vấn do cảnh sát điều khiển nằm trong khu cảnh sát Đô Thành theo một số qui tắc, luật lệ, khác với trại Võ Tánh là trung tâm ngoài nguyên tắc thuộc đặc vụ miền Trung

của ông Cẩn. Đặc vụ tại trại Võ Tánh có thể đánh chết tù không tội vạ. Tôi còn nhớ ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử dội bom dinh Độc Lập, chúng tôi bị nhốt hết vào một phòng và nếu đảo chánh thành công thì mật vụ liệng lựu đạn vào phòng để hạ sát sạch tù nhân đối lập trước khi chạy trốn. May mắn là cuộc dội bom không đưa tới kết quả nào nên chúng tôi còn sống. Hơn nữa vì không có ngân sách riêng nên tù ở trại Võ Tánh ăn rất đói. Trại Võ Tánh đánh chúng tôi bằng những cây củi hoặc gậy vật gì đánh được thì đánh, đánh trong sự trả thù. Tại trung tâm thẩm vấn, chính tôi thấy, người đánh là một chuyên viên được huấn luyện cách đánh không gây thương tích, nhưng có kết quả làm cho người bị đánh phải thú tội. Tôi thấy người ta trái một tấm cao su dày trên ngực người tù nằm ngửa, rồi dùng những thanh gỗ mà đánh. Thái độ người đánh rất thân nhiên không nóng giận, không bực bội, không chửi bới khác hẳn đám mật vụ.

Tuy nhiên, việc ăn uống vẫn rất tệ hại vì nạn tham nhũng, nhà thầu cấu kết với trung tâm cải huấn và nạn nhân là tù. Suốt mấy tháng ở trung tâm thẩm vấn, chúng tôi chỉ ăn một thứ cá mỗi uơn thúi. Chúng tôi quen được với mùi thùng cầu, nhưng không quen được với mùi cá mỗi thúi. Chúng tôi không hiểu nhà thầu tìm đâu ra loại cá này, có lẽ đó là cá còn thừa ở nhiều chợ được chở về để làm phân bón, nhà thầu mua với giá để làm phân bón, rồi đem nhúng nước sôi cho tù ăn!

Đúng 11 giờ trưa, 3 giờ chiều, xe nhà thầu đến. Tù hình sự trộm cắp được ra khuôn vào, phân phát cho chúng tôi. Giỏ cần xé cơm và cá mỗi làm muồn nửa. Thường chúng tôi chỉ lấy cơm và rau, không lấy cá. Ít nhất, một nửa phòng tôi khai ăn chay trường để lãnh rau.

Một hôm nghe tin có phái đoàn báo chí và Hồng Thập Tự vào thăm tù. Các phòng sửa soạn sạch sẽ. Trưa hôm đó, chúng tôi được thịt gà thay thế cá mỗi. Nhưng phái đoàn chỉ tới văn phòng trung tâm nghe thuyết trình rồi dự tiệc trưa, không thăm tù. Chúng tôi đã chuẩn bị tố cáo trước báo chí chế độ lao tù, nhất là trại nhốt bí mật tức trại Võ Tánh — vì ở đường Võ Tánh nên gọi là trại Võ Tánh chứ nhà lao này không có tên — nhưng vì tham nhũng ngăn chặn nên phái đoàn chỉ ăn tiệc rồi về, viết báo ca tụng chế độ lao tù “nhân đạo”. Ngày nào chúng tôi cũng nguyện rửa nhà thầu và nguyện sau này khuyên con cái không

bao giờ làm nghề thâu cung cấp đồ ăn cho nhà tù.

Tại trung tâm thẩm vấn, chúng tôi không được thăm nuôi nhưng được nhận đồ tiếp tế của thân nhân mỗi tháng một lần vào chủ nhật. Nhà tù qui định thứ gì đem vào được và thứ gì bị cấm.

Lê Sử lo việc tiếp tế cho tôi và em trai út tôi tên Nguyễn Vỹ lo việc mang đến trại. Đồ tiếp tế được kiểm soát rất kỹ trước khi đưa vào phòng tù. Tuy vậy, dù bị nhốt ở phòng cách ly, vẫn có thể nhận được các thứ bị cấm như thư từ, rượu, kể cả thuốc phiện... nếu khéo chi tiền cho người gác.

Không bao giờ chánh quyền cho thân nhân biết người tù nhốt ở đâu trừ trường hợp người tù chết trong tù. Nhưng tù cũng tự tìm được cách tin cho người nhà biết. Viết thư sẵn, đề rõ địa chỉ, khi di chuyển ném ra đường chỗ đông người, trong thư ghi “*nhờ ân nhân gửi hộ*”. Phần nhiều thư được chuyển có lẽ người đời thường thương hại cho kiếp sống tù đầy.

Nếu di chuyển trên nước thì bỏ thư vào cái chai bịt kín nút và thả trôi trên dòng nước với hy vọng người đánh cá vớt những thứ này và có thể chuyển hộ. Cụ Phan Bội Châu có dịp đi gần Côn đảo viết bài thơ bỏ vào chai thả xuống biển hy vọng sóng tấp chai vào bờ và ngày nào đó người trên bờ bắt gặp, nội dung bài thơ cụ tiếc không được làm người tù Côn đảo và chúc tụng anh em tù giữ vững lòng son sắt.

Cách nay không lâu, tôi đọc thấy trên báo tin người đánh cá bắt được một chai đựng thư của người tù gửi cho gia đình, xem ngày tháng thì bức thư đó đã ba trăm năm!

Dời trại mật vụ Võ Tánh đến trung tâm thẩm vấn, việc đầu tiên chúng tôi lo là làm thế nào tin cho gia đình biết để tránh gây hoang mang cho người thân sợ bị thủ tiêu rồi. Đứng trong song sắt tôi vẫy tay với người gác tù đang đi ngang, lễ phép chào anh ta, xin mời điếu thuốc. Tôi nói thầm vừa đủ nghe: “*Làm ơn anh chuyển miếng giấy này đến nhà tôi, anh lấy hai trăm*”⁽⁴⁵⁾. Nét mặt anh tái đi, giọng nói hơi run run: “*Đừng cho ai biết, lúc đổi gác tôi lại lấy*”. Thế là sáng hôm sau, tôi được một thư dài đầy đủ chi tiết cần biết. Từ đó, người lính gác này biến thành *mailman* cho anh em chúng tôi.

(45) Lúc đó 200 đồng mua được bốn chục tờ phở ở Sài Gòn, ngang với khoảng 300 Mỹ kim hiện nay, tính theo giá bán phở ở Mỹ.

Trên thế giới vẫn có những vụ vượt ngục ly kỳ, nhất là những tù trọng tội chịu đủ hệ thống kiểm soát, kể cả cứ ba chục phút còn có người vào khám... Thế mà tội phạm vẫn vượt thoát, bằng cách dùng những tấm đắp cát nhỏ nối lại thành dây, đu từ lầu tư xuống, sau khi cửa song sắt. Người ta không hiểu do đâu tội phạm lại có những thứ ấy.

Theo tôi, hỏi người gác tù thì biết.

TỔ CHỨC GIẢI CỜ TƯỚNG

Còn một tháng nữa tới Tết. Với người Việt Nam, Tết cực kỳ quan trọng nên giàu nghèo đều lo Tết. Ca dao có câu: *“Nghèo cũng ngày Tết, hết cũng ngày mùa.”*

Mỗi phòng một đơn vị tranh giải, chúng tôi có hai chục phòng tham gia. Tôi xướng xuất nên là trưởng ban tổ chức. Chia làm hai bản đánh tính điểm, nếu thắng được hai điểm, hòa được một điểm và thua không điểm. Hai người đầu hai bảng đấu trận chung kết để lấy giải nhất nhì. Mỗi nước suy nghĩ tối đa ba phút, trong phòng có quyền góp ý, khi trọng tài xướng lên thì không được thay đổi. Mỗi phòng có một bản cờ ghi số, ví dụ hàng ngang ghi số 1 là vị trí con xe, số 2 con ngựa, số 3 con tượng, số 4 con sĩ, số 5 là Tướng, số 6 con sĩ, số 7 con tượng, số 8 con ngựa và số 9 con xe. Thống nhất qui định đánh số từ trái — trái của người đang ngồi đánh cờ — sang phải và từ dưới đi lên. Ví dụ vào pháo đầu, nếu dùng con pháo phía trái thì xướng lên: *“Pháo 2 bình 5”*; nếu đi con pháo bên phải thì xướng: *“Pháo 8 bình 5”*. Đi ngang là bình, đi lên là tiến, đi xuống là thoái hoặc lui. Tôi thường làm người xướng và cũng là trọng tài. Ví dụ phòng 4 đánh với phòng 19, nếu phòng 4 chọn đỏ thì phòng 19 chọn xanh. Chọn màu không quan trọng, nhưng đi trước đi sau rất quan trọng. Việc này bốc thăm bằng cách tôi dùng đồng xu “xin keo” rồi hỏi, nếu phòng nào nói trúng thì đi trước, nếu cả hai đều nói trúng thì tôi xin keo lại mãi cho đến khi tìm ra phe nào đi trước. Ví dụ phòng 4 đi trước và vào pháo đầu thì một người trong phòng đó la lớn *“Pháo 8 bình 5.”* Tôi chờ vài ba giây coi có thay đổi không. Nếu tôi xướng: *“Đỏ, pháo 8 bình 5.”* thì không còn hoàn được nữa. Khi nghe tôi xướng, phòng 19 đưa con pháo đỏ bên tay phải vào vị trí pháo đầu. Tất cả các phòng đều có bản cờ và sắp theo lời xướng của trọng tài để theo dõi. Ví dụ

phòng 19 lên ngựa để giữ tốt đầu thì người trong phòng 19 la lớn “*Xanh, ngựa 2 tấn 3*”. Chờ chừng hai ba giây, tôi xướng: “*Xanh, ngựa 2 tấn 3*.” Tôi cũng có bàn cờ trước mặt để kiểm soát hô có đúng không. Cứ thế đánh xong ván cờ. Mỗi buổi sáng, sau khi tắm rửa xong về phòng là bắt đầu xe, ngựa, pháo... tiến, bình, thoái... la đến bốn năm giờ chiều. Chúng tôi đánh như thế suốt một tháng mới tìm ra hai đối thủ đứng đầu hai bảng để ngày 30 Tết vào chung kết và ngày mừng Một Tết phát giải thưởng. Mức hào hứng về giải cờ tướng này ngoài hẳn tưởng tượng của tôi. Ban đầu tôi tưởng chỉ một số thích cờ tướng tham gia, nhưng không ngờ tất cả đều tham gia, cả phòng góp ý và đều cố giành phần thắng về phòng mình. Một số thấy lạ là tù nhốt không cho liên lạc với nhau nhưng lại tổ chức trò chơi chung nên càng thích thú. Ngày mừng Một Tết, gia đình được thăm tù. Chúng tôi nhận quà gia đình góp một số làm giải thưởng. Anh Phan Thông giải nhất, ông Vũ Đình Lý giải nhì.

TRƯA MỪNG MỘT TẾT, MẸ VÀO THĂM

Tôi không ngờ mẹ tôi từ Quảng Ngãi vào ở nhà anh tôi hai tháng để chờ dịp Tết vào thăm tôi. Trung tâm thăm vẫn không cho thăm, nghĩa là không cho gặp mặt người thân, chỉ trừ ngày Mừng Một Tết. Tôi không nghĩ có người thăm vì những ngày Tết, gia đình anh tôi, gia đình Sử đều bận rộn, may lắm cũng phải mừng ba Tết mới hi vọng có người thăm. Không ngờ tôi lại là người được thăm sớm nhất. Không chuẩn bị nên tôi đi ra không xách giỏ và quá ngạc nhiên thấy anh chị Tư, vợ chồng Nguyễn Cự, Lê Sử và mẹ tôi. Sáu năm rồi, tôi không về quê nên không gặp mẹ, nay bất ngờ gặp nơi này tôi quá xúc động. Mẹ tôi oà khóc. Tôi chỉ còn đủ sức gọi tiếng “*Mẹ*” và đứng như trời trồng, cắn mạnh môi nén khóc thành tiếng, nhưng nước mắt tuôn ra. Mẹ tôi nói trong tiếng khóc: “*Mẹ vào đây hai tháng để chờ thăm con rồi về ăn Tết với cha con, nhưng không thăm được. Ông Sử nói ngày Tết, họ cho thăm nên mẹ gắng ở lại thấy mặt con rồi mai mẹ về quê.*” Nói đến “*mai mẹ về*”, mẹ tôi khóc lớn lên và tôi cũng hoàn toàn chịu thua tiếng khóc, gục đầu vào mẹ tôi khóc như thuở bé. Sử, Cự, anh chị tôi tản ra xa để mẹ tôi và tôi khóc.

Trưởng phòng trung tâm thăm vẫn nguyên là trưởng phòng ty

công an ở Mỹ Tho, quen biết Sử nên khi thấy Sử, ông chạy ra vồn vã. Liên đó, mấy cảnh sát dưới quyền ông dọn cho chúng tôi một bàn lớn, có ghế ngồi đằng hoàng, có nước uống. Ông cũng ngồi nói chuyện với chúng tôi.

Thăm xong, trở về phòng, tôi buồn quá. Mẹ tôi già hẳn đi, da nhăn nhiều và gầy ốm quá. Tôi cố xua ý nghĩ lần này là lần chót gặp mẹ, nhưng ý nghĩ ấy cứ hiện trong đầu. Hối hận sao lâu rồi không về quê thăm cha mẹ, tôi tự trách tôi ngu dại, thích tưởng tượng có cuộc sống giang hồ nơi quê người rồi chiều cuối năm tìm cảm giác của một lữ khách lang bạt. Từ lúc nhỏ, tôi vẫn tưởng tượng mình là một khách giang hồ và say mê câu thơ của Thế Lữ “*Rũ áo phong sương trên gác trọ*”, nên mấy cái Tết vẫn ở lại Sài Gòn để chiều 30 sống với cảm giác “*lặng nhìn thiên hạ đón Xuân sang*”. Tôi cũng thường thích những hành động, những ý nghĩ mà nhiều người không thích. Người đời lên án Ngô Khởi, Tào Tháo thiếu đạo đức. Tôi lại phục và khoái hai nhân vật này. Họ có những đặc tính kỳ lạ và tài giỏi, nhất là sự quyết tâm. Tôi khoái Ngô Khởi khi trẻ bỏ làng ra đi, qua con sông, thề với trời đất nếu ra đi không lập được nghiệp lớn không trở lại con sông này. Mức tự tin và quyết tâm tới đó là cùng. Suốt mấy ngày buồn quá, tôi nằm ép một xó không nói, không học Anh văn, không đọc sách... Tôi nghĩ đến cha mẹ, anh em và làng Long Phụng quê hương tôi. Sự hồi tưởng lần lượt theo thời gian từ lúc 5 tuổi như một cuốn phim chiếu lại. Đã 28 tuổi, tôi chưa có sự nghiệp nào. Tôi lo lắng nếu không cố gắng thì hóa ra nói không không, và rồi chả đi đến đâu, hết cuộc đời tay trắng vẫn hoàn trắng tay.

Một buổi chiều thứ Bảy, người lính gác cho biết nghe văn phòng nói chúng tôi sắp chuyển đi Chí Hòa. Anh em xôn xao, tìm cách tin cho gia đình biết. Chúng tôi cũng theo cách liên lạc lâu nay, viết giấy gấp nhỏ lại rồi đưa cho người lính gác từng đem thư ra ngoài rồi lấy tiền tại nhà. Ngay chủ nhật đó, hầu hết gia đình trong đám tù chúng tôi đều biết tin chúng tôi đi Chí Hòa. Một số lo sợ vì nghĩ đi Chí Hòa là sắp ra tòa, là lãnh án tù chính thức mà đã có án thì khó lo lót để được về... Riêng tôi, thú thật tôi mừng. Vì thứ nhất, ra khỏi trung tâm thăm vấn là đã hoàn tất cuộc hồi cung mà đời tù mệt nhất là thời gian hồi cung. Thứ hai, trung tâm thăm vấn quá chật chội, đêm cứ phải chia phiên nửa

số nằm, nửa số ngồi. Các phòng bên dãy B còn tồi tệ hơn vì phòng lớn nhất hàng trăm, hơi người hầm hập, hôi hám quá. Các phòng này phải chia nhóm nằm, nhóm ngồi và ba bốn người đứng quạt vào những đêm hè. Tủ không được dùng đồng hồ nên người đứng quạt tự đếm từ 1 đến 1800 tức khoảng nửa giờ thì gọi nhóm khác thay thế. Sự việc không đơn giản gây cãi vã hoài vì đếm lộn và nghi ngờ đếm lộn. Có khi gọi không chịu dậy, nhất là mỗi lần bị đánh thức tới phiên quạt thường ngại ngủ bước đi dẫm lên người khác, rồi la ó có khi nổi nóng chửi bới, đánh lộn. Vì thế, những đêm nóng nực trại B thường ồn ào khó ngủ nổi. Ăn uống cực khổ, ở chật chội dơ dáy, gần như cả ngày chỉ ngồi, rồi nằm, không có chỗ đi lại, không bao giờ thấy ánh mặt trời, khi ra ngoài nắng choá mắt quờ quạng. Bởi vậy trung tâm thẩm vấn không giữ tù lâu. Thường trên dưới một năm hoặc tù được cho về, hoặc chuyển qua nhà lao chính thức để ra tòa, hoặc đưa ra các trại an trí, nếu không có tội rõ ràng để kết án nhưng lại là nhân vật nguy hiểm. Những nhân vật gọi là nguy hiểm, phải qua một ban duyệt xét để quyết định. Riêng người ám sát hụt Tổng Thống Diệm, vì không đưa ra tòa nên nhất mãi ở trung tâm thẩm vấn từ 22 tháng 2 năm 1957. Sát thủ này tuy còn thanh niên nhưng mắt gần như đui và gầy ốm đi không nổi, bị nhốt riêng trong một phòng nhỏ, không được liên lạc với các tù nhân khác. Sau này, có người gần với Tổng Thống Diệm cho biết, sở dĩ không đưa ra tòa do tuân theo ý Tổng Thống muốn giữ vẹn hình ảnh một lãnh tụ anh minh vì dân vì nước, một cứu tinh dân tộc khó ai sánh nổi. Bởi đưa ra xử, báo chí sẽ có cơ hội kể về một thanh niên quyết giết Tổng Thống vì muốn loại một kẻ độc tài, tàn ác là điều không thể chấp nhận. Nhưng không đưa ra xử cũng không đủ bản lĩnh tha kẻ định giết mình nên Tổng Thống cho nhất mãi sát thủ này để chết mòn trong lãng quên.

NHÀ LAO CHÍ HÒA

Đa số tù đều lo nếu ra tòa, thành án mà ở cho mãi án cũng hết kiếp. Những ngày ở đây, trung tâm thẩm vấn, tuy cực khổ, nhưng còn hi vọng được về, nhất là gần đúng một năm nhưng không thấy người nào bị thẩm vấn, không ai bị kêu lên ký cung, chứng tỏ chánh quyền âm thầm cho về không muốn ồn ào, tránh báo chí khai thác... Là người nhỏ tuổi nhất nhưng tôi

không nghĩ thế. Tôi cho rằng các ông Diệm Nhu theo chân các lãnh tụ cộng sản, độc tài... khi ôm được một chức vụ thì bằng mọi giá ôm suốt đời như Staline, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông ... Mọi hình thức dân chủ như phổ thông đầu phiếu, đa đảng, tự do báo chí v.v.. đều là trò giả tạo.

Cũng có lẽ vì tôi còn trẻ, chưa có gia đình sự nghiệp, nên nhẹ nhàng hơn các bậc anh chị, chú bác. Điều chắc chắn là tôi lãng mạn hơn tất cả. Từ nhỏ, tôi đã say mê chính trị, say mê những vị anh hùng dân tộc, say mê những người hoạt động đấu tranh, kể cả các nhân vật tiểu thuyết như Dũng, Cận... của nhóm Tự Lực. Tôi luôn tôn thờ cụ Phan Bội Châu, vị chí sĩ mà theo tôi là tấm gương sáng cho mọi người yêu nước. Hơn nữa, tôi thấy ở tù tuy khổ thật, *“nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”* nhưng là tù chính trị thì thật giá trị. Tôi nhớ lời nói của Gandhi, bậc yêu nước vĩ đại của Ấn Độ: *“Trong một xã hội hư hỏng, chỗ ngồi của con người đứng đắn là nhà tù.”* Cho nên tôi luôn lạc quan, nhìn cảnh tù với tinh thần cực kỳ lãng mạn và vui vẻ chấp nhận. Vì thế, tôi phấn khởi khi nghe tin dời sang Chí Hòa, nhà lao lớn nhất Việt Nam. Tôi nói như đùa: *“Chúng ta sắp vào trường đại học lớn của Đông Nam Á.”* Theo báo chí Chí Hòa là nhà lao lớn nhất Đông Nam Á.

Năm 1955, tôi vào Sài Gòn, ở tại khu ngã ba Lê Văn Duyệt - Chí Hòa. Hai bên đường Chí Hòa lúc ấy là xóm lao động, gồm phần lớn người Bắc di cư. Từ đường Lê Văn Duyệt lên nhà lao Chí Hòa chừng non cây số. Hai bên đường còn nhiều đất bỏ hoang. Tôi đã đi bộ tận cùng đường để xem nhà lao nổi tiếng này. Chí Hòa là tên một làng, làng Chí Hòa. Trước đó, tôi từng lấy làm lạ sao đặt tên cho một nhà lao mà dùng hai chữ Chí Hòa. Hết con đường sừng sững một bức tường cao ngất không nhìn thấy gì bên trong kể cả ngọn cây cỏ thụ. Một cửa chính ra vào thật rộng, hai cánh cửa bằng sắt dày đóng kín, một cái khoá lớn. Lần đầu tôi thấy cái ống khóa lớn như thế, một khúc xích sắt bằng cổ tay buộc vào ống khóa thêm vẻ thô bạo. Tôi đứng nhìn từ xa, vì bên cổng chính có lính gác. Phía trên cổng chính, trên bức tường tô nổi bốn chữ lớn nét màu vàng như *“Nhà lao Chí Hòa”*. Không một bóng người qua lại, vào buổi chiều thật là hoang liêu, nặng nề...

Đúng như lời nói của người canh tù, sáng thứ hai đầu tuần giám thị xuống nhà giam tuyên bố: *“Các anh dọn đồ dời nhà lao.”*

Lạnh lùng phát những âm thanh ngắn gọn như thế. Tuy đã biết trước nhưng khi nghe ông giám thị nói mọi người đều xúc động, có người rơi nước mắt. Ông Vũ Đình Lý chung phòng với tôi, xúc động quá run lập cập, tôi phải phụ sắp xếp đồ đạc. Riêng tôi rất vừa lòng nhưng không dám thổ lộ vì mọi người lo lắng quá. Tôi nói lớn cho các phòng lân cận nghe: *“Đi đến chỗ mới không biết chúng ta còn được ở chung hay không nên giờ này tôi cầu xin cho các bác các ông được mạnh khỏe, sớm về sum họp gia đình, xin chúc anh Trí ở lại mạnh khỏe.”*

Tôi nghe tiếng *“cảm ơn”* rất lớn nơi biệt phòng giam người ám sát hụt Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Độ mười phút sau, theo lệnh giám thị, cửa phòng mở chúng tôi xếp hàng một đi ra. Tôi gật đầu chào những người canh tù. Họ vờ về mặt nghiêm trọng không chào lại. Ngoài sân, cảnh sát và cả quân cảnh, lính chiến đấu đều có vẻ nghiêm trọng khiến tù ớn ớn. Ông giám thị đọc tên, hai người chung một xiềng lần lượt lên xe. Có lẽ vì tôi trẻ và khỏe mạnh, nhất là tự nhiên gần như vui vẻ nên bị xiềng hai tay. Mọi người nhìn tôi ái ngại. Tôi nghĩ hay tại mình nói câu từ giả lúc nãy và chào chia tay tên tù quan trọng, nguy hiểm nhất? Tiếng còi hụ của xe quân cảnh dẫn đầu các xe hộ tống, đoàn xe chúng tôi rời trung tâm thẩm vấn vào khoảng 10 giờ sáng.

Qua khỏi cổng chính xe dừng, cửa mở.

Chúng tôi được lệnh xuống xe sắp hàng ngay ngắn.

Điểm danh một lần nữa, hai giám thị đếm đi đếm lại vài lần rồi cho mở xiềng. Nhiều căn nhà nhỏ xây thật đẹp, lợp ngói đỏ có rào gỗ thấp xung quanh. Đang mùa Xuân, các thứ hoa đua nhau khoe màu rất đẹp. Có những cụm trúc, những hòn non bộ, những vòi nước phun lên cao. Đường đi không tráng nhựa mà trải sỏi màu gạch đậm sang trọng như một trang viên giàu có ở châu Âu thường thấy qua tiểu thuyết. Có một ngôi nhà thờ nhỏ, một dãy nhà dài có lẽ là văn phòng nhà lao. Có sân bóng chuyền, sân bóng rổ và nhiều xà ngang để tập thể dục. Một biệt thự trong vườn cây um tùm, xung quanh rào kỹ, có lính gác nơi cổng ra vào, hình như là nhà của giám đốc nhà lao. Chúng tôi đi bộ vòng vòng xa lắm, hết khu đẹp để đó mới đến nhà lao. Bốn phía là thành cao nhưng không khuất phần trên của những dãy nhà lầu. Không cao bằng thành bên ngoài nhưng cũng như thành bên ngoài nghĩa là có một cửa chính đóng kín khoá kỹ,

trên thành dựng nhiều cuộn kẽm gai, cắm đầy miếng chai với nhiều chòi canh có lính gác túc trực ngày đêm. Đến cổng chính của nhà lao, tiếng ồn ào bên trong vọng ra như cái chợ đông người. Nhà lao chiếm diện tích cỡ một sân đá bóng, hình tám cạnh, bốn tầng lầu, bên trên mái đúc bằng xi măng. Tất cả sơn vàng đậm, cửa sắt xanh chàm. Trung tâm hình tám cạnh là bồn cột cờ thật uy nghiêm. Để bồn cột cờ có nhiều bậc cấp đi lên, gọi là kỳ đài. Lá cờ vàng ba sọc đỏ phát phới cao hơn từng lầu trên cùng. Tầng dưới cùng phần nhiều là đường để đi, văn phòng mỗi khu. Có 8 khu, có câu lạc bộ, có nơi bán tạp hóa lặt vặt, có thư viện, có chỗ bán giải khát, có phòng chiếu phim, phòng kỹ luật... Quả là ở nhà lao Chí Hòa cái gì cũng có như vẫn nghe nói nhưng chỗ nào cũng song sắt, cũng cửa sắt khóa, khó đếm được bao nhiêu cửa sắt trên đường đi này. Rất nhiều tù trẻ tuổi mặc quần cụt, áo cánh màu xanh ngả màu, đeo băng nhỏ ghi số bên ngực trái, đi lại làm việc. Một số tù làm việc văn phòng mặc bà ba trắng. Chúng tôi được đưa đến dãy B. Mỗi cạnh được đặt tên A, B, C... Giữa là hành lang rộng, hai bên hai dãy phòng nhốt tù, mỗi phòng có một cửa ngó vô hành lang, ban ngày mở ban đêm đóng kín và một khe cửa thông hơi ra ngoài trời ở gần sát trần nhà. Phòng nhỏ nhất nhốt 4 người, phòng lớn nhất nhốt 20 người. Trong phòng có cầu tiêu riêng. Từ trung tâm thẳm vẫn đến Chí Hòa như từ địa ngục lên thiên đường. Lâu lắm rồi mới được nằm ngửa, được trở mình thoải mái, mỗi người nằm trên một chiếc chiếu rộng. Tha hồ đánh cờ tướng, chơi domino.

Sáu giờ sáng một hồi kèn báo thức y như ở quân trường. Giám thị đi mở cửa các phòng cho chúng tôi đi vệ sinh buổi sáng. Đúng 7 giờ còi báo hiệu chuẩn bị chào quốc kỳ. Tù sắp hàng trong hành lang theo sự điều khiển qua loa phóng thanh và bài quốc ca bắt đầu. Tiếp theo bài quốc ca là bài “*Suy tôn Ngô Tổng Thống*”. Một số đồng chúng tôi vào phòng khi vừa dứt bài quốc ca, không hát bài “*suy tôn*”. Chừng vài tháng sau, không còn người tù nào đứng nghiêm khi kèn thổi bài suy tôn nữa.

Chúng tôi đến Chí Hòa, mỗi người mang một dãy số, thay cho tên gọi. Số tôi mang trước ngực là số 77277B. Tôi còn nhớ số tù ở Chí Hòa vì dễ nhớ gồm con số 2 xen giữa bốn con số 7. Tập nghe quen số của mình, khi máy phóng thanh gọi nhiều dãy số phải lắng tai nghe, nhiều khi thân nhân bạn bè vào thăm, hoặc có việc gì. Trừ giờ giới nghiêm, đóng cửa phòng từ 9 giờ

khuya đến 6 giờ sáng. Chúng tôi có quyền qua lại các phòng trong khu vực và có quyền xuống quán cà phê ở tầng dưới cùng. Có 4 quán cà phê mỗi quán bán cho hai dãy. Dãy A và B chung một quán. Nhà thầu bên ngoài vào thầu bán cho tù, giá mắc hơn chút ít. Trước khi vào quán cà phê, chúng tôi phải qua cổng có người canh sát ghi số tù và khi ra quán người canh sát gạt bỏ số đã ghi để biết tù đã về phòng. Quán cà phê được trang trí và bán đủ thứ như các quán ngoài đời. Cạnh quán cà phê là quán chạp phô bán áo quần, khăn tắm, bàn chải đánh răng, kem đánh răng, kim chỉ, dép hai quai... những thứ cần dùng cho tù. Lâu lắm rồi tôi mới trở lại cảnh ngồi uống ly cà phê phin hút thuốc lá nói chuyện với vài người bạn hoặc uống bia nghe nhạc... như thời là sinh viên. Từ quán cà phê, chúng tôi biết được nhiều tin tức bên ngoài, do những cô bán hàng ra vô hàng ngày. Cũng từ đó, chúng tôi gửi thư ra dễ dàng. Không bị hạn chế số bia được uống nên người nào say thì bạn bè dìu về phòng không bị kỷ luật. Nội qui không cho phép đem vật bén nhọn, dầu cháy, chai lọ, đồ kim khí, nhưng không cấm đem rượu vào phòng. Chúng tôi thường tổ chức những bữa nhậu tập thể, mua bia đổ vào xô xách nước, thường mười chai bia và một cục nước đá lớn vừa một xô, chừng năm bảy xô uống cả phòng, rồi ca hát ngâm thơ... Ngoài giờ giới nghiêm, lúc nào cũng ồn ào náo nhiệt. Thật là thú vị trong cảnh tù! Có dễ dãi như thế, những người bị án lâu năm mới sống được, nếu ở cực khổ như nơi trung tâm thăm vấn thì người khỏe cũng khó qua nổi năm năm.

Thêm một điều nữa là chúng tôi được nấu nướng trong phòng dù chỉ được dùng đèn cầy, không được dùng dầu hỏa dầu xăng... Đèn cầy và lò nấu đèn cầy bán tại các quán chạp phô. Đó là cái lon bằng thiếc có trở những lỗ thông hơi, bẻ đèn cầy làm nhiều đoạn bỏ vào lon, giữa luôn một cái tim lớn bằng vải, đốt cháy tim, sáp đèn cầy chảy thành nước, tim càng kéo cao càng nóng nhiều. Phía trên đặt xoong nấu đồ ăn hoặc nước sôi... Khoảng hai người có một lò nấu và khi dời nhà lao những đèn đặc biệt đó không được mang theo. Đồ ăn nhà thầu phát hàng ngày hầu hết nguội lạnh, tanh tưởi, cần phải nấu lại. Nhiều người tù không ăn cơm tù, tự nấu cơm với thức ăn của gia đình gửi vào nên sức tiêu thụ đèn cầy rất mạnh. Nhà lao Chí Hòa là nhà lao lớn nhất nằm ở Sài Gòn nơi *thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ* nên được tổ chức rất chu đáo. Tù mặc đồng phục gọn gàng

sạch sẽ vì các phái đoàn báo chí nước ngoài, phái đoàn y tế quốc tế, các hội hồng thập tự ... thường hay viếng thăm. Đường đi luôn sạch sẽ, phòng ở gọn gàng. Kỷ luật cũng khá nghiêm khắc, người nào vi phạm nội qui, nhất là có ý trốn bị phát giác thì bị cùm hai chân dưới phòng gọi tiếng lóng là “*phòng điện ảnh*”. Phòng kỷ luật này nằm tầng dưới cùng, đào sâu xuống đất một nửa, một nửa trên mặt đất. Khi bị kỷ luật, tùy nặng nhẹ không được thăm nuôi, không được đi lại, không được xuống quán cà phê. Nghe nói và tôi tin là ở Chí Hòa muốn gì cũng có kể cả thuốc phiện và ngủ với gái điếm, hoặc mượn tù phục vụ nấu ăn giặt giũ đấm bóp hàng ngày.

Chỗ nhốt tù phân biệt rõ ràng. Tù chính trị nhốt riêng, tù hình sự phạm tội trộm cướp của, giết người, lường gạt ... nhốt riêng. Quân nhân đào ngũ nhốt riêng. Tù cộng sản nhốt riêng... Nếu có địa vị lớn trong xã hội như công chức từ giám đốc trở lên, quân nhân từ đại tá trở lên, hoặc giáo sư đại học, hoặc có danh trong xã hội, hoặc có bằng cấp bác sĩ, luật sư, các tu sĩ cao cấp... được nhốt phòng riêng có giường nệm, có tủ lạnh, tivi và có tù phục dịch, thăm nuôi ở phòng riêng theo qui chế đặc biệt. Có tiền và bên ngoài chạy chọt lo lót giỏi cũng có thể được qui chế đặc biệt. Có khu riêng cho người ngoại quốc nhưng chỉ dành cho người sang trọng, còn nghèo khổ thì cũng như người Việt Nam bình thường. Cùng vụ đảo chánh với chúng tôi có cụ Phan Khắc Sửu và bác sĩ Phan Quang Đán được nhốt riêng theo qui chế đặc biệt.

Mỗi buổi sáng được xuống sân tắm nắng một giờ, chúng tôi mặc quần lót, phơi dưới ánh mặt trời, tập thể dục, nói đủ thứ chuyện, trao đổi tin tức. Khoảng 15 phút sau cùng, chúng tôi tắm tập thể dưới cái giàn rộng, bên trên là những ống dẫn nước có đục lỗ nhỏ, nước xuống như mưa lớn. Có lẽ vì còn trẻ, mới một tuần lễ sau nước da tôi đã rám đen khỏe mạnh thấy rõ. Mỗi tháng được nhận quà hai lần, được thăm một lần, trừ những vụ thăm đặc biệt và nhận quà đặc biệt. Thùng quà được tù hình sự mang đến tận phòng. Trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ nghỉ việc, ngày nào cũng có thăm nuôi, khác với các nhà giam khác chỉ cho thăm nuôi trong ngày đầu tháng. Thường khoảng 10 giờ sáng, máy phóng thanh bắt đầu gọi số của những người được thăm nuôi. Ai không nghe được thì bèn nghe được báo cho biết. Quần áo chỉnh tề, xuống phòng giám thị mỗi khu đều ở tầng

dưới gầm quán cà phê, có người tù dẫn ra phòng chờ thăm. Nếu không có đủ năm người thăm thì phải chờ một giờ mới được vào phòng thăm. Phòng thăm sát bên cạnh phòng đợi. Một bàn dài cỡ tám thước rộng cỡ một thước, hai bên hai ghế dài bằng chiều dài bàn. Tù ngồi một bên chờ thân nhân bước vào sau chừng vài phút và ngồi đối diện với tù. Người cảnh sát ngồi đầu bàn, giữa hàng tù và thân nhân như để kiểm soát ngôn từ trong cuộc thăm viếng. Thường thường người cảnh sát ngồi đọc báo. Độ 10 phút người cảnh sát thối còi chấm dứt việc thăm, tù nhất loạt đứng dậy nhận đồ tiếp tế đã kiểm soát từ tay thân nhân rồi tù giã thân nhân về phòng. Những người có qui chế đặc biệt thì mỗi người ngồi một bàn ở phòng riêng và thì giờ nhiều hơn.

Ngoài người có qui chế đặc biệt và tù chính trị như chúng tôi, những tù khác thăm nuôi thường bị hạn chế và phòng thăm cũng khác hẳn. Độ hai chục người tù đứng sát nhau, trước họ là song sắt. Đối diện là một hàng song sắt cách chừng hai mét, thân nhân cũng chen chúc đứng. Giữa hai hàng song sắt có hai cảnh sát đi qua đi lại để kiểm soát. Thật ồn ào không còn phân biệt gì hết, chỉ nghe tiếng la lớn bên này, bên kia “*Có khỏe không? Khỏe! Không! Mạnh khỏe? Không! Khỏe không, mạnh không? Khỏe mạnh!...*”

Càng cố cho thân nhân nghe rõ hét càng lớn, thân nhân cũng cố hét lớn tới đa cho tù nghe rõ nên không còn phân biệt nổi ai nói gì, chỉ nghe “*khỏe không, không khỏe...*” Rồi tiếng còi réo, tù đổ mặt đứng dậy qua phòng khám xét nhận quà, còn thân nhân ứa nước mắt ra ngả trước đi về, mọi dự tính chuyện trò dặn chồng, dặn con khi gặp mặt đều rút lại trong mấy tiếng “*khỏe không?...*”

Thường thường được thăm nuôi khi về lại phòng rất buồn có lẽ do hình ảnh gia đình hiện về. Đặt giỏ đựng quà xuống chỗ nằm, anh em bạn thân sắp xếp giúp còn riêng mình nằm thừ người mệt mỏi vì hình ảnh vợ con tội nghiệp quá. Hình ảnh những người vợ mặt cúi xuống giấu nước mắt dắt con nhỏ ra bến xe về nhà lúc nào cũng thể lương.

Từ ngày qua Chí Hòa, chúng tôi sống dễ dãi hơn, nhờ quán cà phê, nhờ các cuộc thăm nuôi đặc biệt, nhờ một số người ngoại quốc bị bắt vì buôn lậu và những lý do khác. Đám này khoảng trên mười người được hưởng một qui chế “siêu đẳng”, vì chánh quyền cố trình diễn bộ mặt dân chủ tôn trọng

nhân quyền, tôn trọng pháp luật quốc tế đối với tội nhân, thêm nữa vì họ có quá nhiều tiền nên áp dụng câu ngạn ngữ “*có tiền mua tiên cũng được*”.

Đám tù “cha” này ban đêm vào phòng ở Chí Hòa, ban ngày ngao du thành phố Sài Gòn. Họ cho chúng tôi rất nhiều tin “nóng bỏng” về thời sự trái với đài phát thanh lái nhãi mãi những huấn thị của tổng thống, những chiến tích, những thành tích vĩ đại của “quốc sách ấp chiến lược” do ông cố vấn Ngô Đình Nhu sáng chế và trực tiếp điều khiển. Chúng tôi có kinh nghiệm cứ hiểu ngược lại thì gặp được sự thật. Mỗi buổi sáng, chúng tôi trông đến giờ tám nắng để tìm tin tức, rồi tắm rửa xong về quán cà phê bình luận xem thử tin nào thật, tin nào sai lệch. Tin tức thu lượm được có khá nhiều tin vịt.

Sau vụ đảo chánh hụt chánh quyền sợ hãi, hoài nghi tất cả và ngay nội bộ gia đình đã có sự phê phán, chỉ trích lẫn nhau. Ông Cẩn vốn không ưa tánh ngang bướng của bà Trần Lệ Xuân, coi dịp này là cơ hội tốt để lên tiếng yêu cầu tổng thống gạt Trần Lệ Xuân khỏi bộ tham mưu hầu thu phục lại nhân tâm. Ông Nhu bất bình cho rằng ông Cẩn không hiểu về chính trị, không hiểu tình hình thế giới mỗi ngày một thay đổi và sự hẹp hòi của ông Cẩn đã khiến dân chúng miền Trung xa dần rồi đối lập chánh quyền. Trong một cuộc họp gia đình, ông Nhu trách ông Cẩn không đủ sức thu phục các đảng phái quốc gia, nhất là đối với Quốc Dân Đảng, đại đột đẩy đảng phái có uy tín này trở thành kẻ thù của chánh quyền. Ông Ngô Đình Thục phải giảng hòa, với tinh thần “ba phải” cho bên nào cũng có cái đúng, cái sai... Trong khi đó, bà Lệ Xuân cao ngạo khoe con nhà giòng dõi khoa bảng, thực ra bà chưa học hết bậc trung học. Riêng ông Nhu lo hết mọi việc từ đối phó với cộng sản, với Phật giáo, với các giáo phái miền Nam... tới theo dõi từng tướng lãnh đề phòng phản bội, rồi còn coi chừng Mỹ muốn cái gì nên cô độc kinh khủng vì không có người mạnh dạn góp ý, xung quanh chỉ là một đám chờ lệnh. Mối lo lớn nhất với ông vẫn là Mỹ, vì Mỹ mới lạ với ông quá. Vạn bất đắc dĩ ông phải đi với Mỹ do thế của Pháp không còn nhưng đầu óc thủ cựu của anh em ông vẫn tin nền văn hóa chính trị Pháp mới thực sự có giá trị, còn Mỹ chỉ là sự bông bột nhất thời... Nằm ôm bàn đèn rồi chủ quan tưởng tượng theo nạng tiên nâu, ông Nhu muốn lợi dụng cả hai cường quốc đồ trắng, kết các nước Đông Dương thành một khối trung

lập, không chịu sự chi phối của Mỹ. Những ý nghĩ chỉ được phát biểu để chứng tỏ mức nhìn xa thấy rộng đó lại không lọt khỏi mắt trùm CIA, đại tá Lansdale. Viên sĩ quan tình báo này liền liên hệ đến bữa tiệc do Chu Ân Lai khoản đãi năm 1954 tại Genève trong đó ông Nhu được mời dự. Ngoại trưởng Chu giữa đám đông khuyên ông Nhu nên đặt văn phòng văn hóa thông tin tại Bắc Kinh. Có lẽ họ Chu cố bắn một mũi tên trúng nhiều đích, trước hết khiến Mỹ nghi ngờ chánh quyền Ngô Đình Diệm, thứ hai khiến Hà Nội thấy Bắc Kinh có thể bang giao với Sài Gòn nếu có lợi. Ông Nhu thích làm lý thuyết gia hơn người hành động, cũng như tưởng tượng về “áp chiến lược”. Bất chước Mã Lai và Indonesia diệt cộng sản có hiệu nghiệm, nhưng ông quên hai nước này hoàn toàn khác Việt Nam về cả hai phe quốc và cộng. Ông nghĩ gom dân vào một chỗ kiểm soát để không cho dân theo cộng sản và nuôi cộng sản thì nhất định cộng sản sẽ tự tiêu diệt. Hướng suy nghĩ này khiến ông không thấy một trong những điều tiên quyết để chiến thắng cộng sản là làm cho dân chúng tin tưởng chánh quyền đem lại cho họ cuộc sống càng ngày càng tốt đẹp về vật chất lẫn tinh thần. Riêng ông Diệm vốn từng theo Nho học và chắc chắn đã nghe về cái khuôn vàng thước ngọc của Mạnh Tử: “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*”. Nhưng dường như câu nói ấy không có tác dụng gì với ông. Cho nên, cuối cùng chính quyền do ông lãnh đạo chỉ lấy đàn áp, khủng bố để buộc dân chúng khiếp sợ tuân theo. Đây là phương pháp mà các nhà độc tài như Tần Thủy Hoàng, Hitler, Staline, Mao Trạch Đông và các nước cộng sản áp dụng để duy trì chánh quyền. Bởi thế, ngày 15 tháng 10 năm 1961, tổng thống Ngô Đình Diệm ban bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc. Trước đó, ngày 5 tháng 5 năm 1959, chánh quyền ban hành luật số 10/59 thành lập tòa án quân sự đặc biệt xét xử các phần tử phiến loạn không theo thủ tục tố tụng hành sự thông thường.

Anh em ông Diệm đã tiến vào tử đạo, vì nhân tài trong nước bị cầm tù hoặc tiêu diệt, đảng phái quốc gia biến thành kẻ thù, kẻ dưới quyền chỉ luôn hát bài “suy tôn” chứ không dám đóng góp ý kiến. Cộng sản Bắc Việt đã chụp cơ hội tốt xâm nhập miền Nam. Tháng 4-1959, Bắc Việt lập đoàn 559 do bộ chính trị điều khiển đưa cán bộ miền Nam tập kết trở lại miền Nam hoạt động, gọi là phong trào hồi kết. Ngày 20-12-1960, Bắc Việt công bố Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam do luật sư

Nguyễn Hữu Thọ cầm đầu. Trước biến chuyển như thế, chánh quyền Ngô Đình Diệm chỉ tăng cường thị uy đàn áp, đem luật 10/59 sát nhân, vi hiến xét xử vụ đảo chánh 11-11-1960, để trấn áp các phần tử quốc gia đối lập.

TÒA ÁN QUÂN SỰ ĐẶC BIỆT XỬ VỤ ĐẢO CHÁNH 11/11/1960

Ngày 8 tháng 7 năm 1963, toà án quân sự đặc biệt xử chúng tôi tại toà thượng thẩm Sài Gòn. Trước đó cả tháng, hàng ngày chúng tôi phải đi ký bản cung và tiếp xúc với luật sư biện hộ. Cũng trong tháng đó, ngoài đời xảy ra những vụ động trời, rất tai hại cho chánh quyền. Tại quán cà phê trong nhà tù, cũng như những giờ tắm nắng, chúng tôi gần như chỉ phổ biến, bình luận về các tin sốt dẻo đó.

Ngày 8 tháng 5 năm 1963, Phật giáo biểu tình ở Huế. Thiếu tá trưởng ty cảnh sát Đặng Sỹ đàn áp, giải tán làm chết năm người biểu tình. Tín đồ Phật giáo ò ạt đứng lên chống đối. Lợi dụng cơ hội vàng, cộng sản xen vào tạo nên cuộc tranh đấu hùng mạnh ⁽⁴⁶⁾. Phong trào Phật giáo đấu tranh bùng lên khắp nước. Chánh quyền luôn nêu đạo luật số 10 từ 1950 qui định Phật giáo như một hội đoàn, bị hạn chế khá nhiều trong khi Thiên Chúa giáo không bị hạn chế. Gia đình họ Ngô vốn là tín đồ Thiên Chúa giáo. Giám mục Ngô Đình Thục với uy thế anh ruột Tổng Thống đã phát triển tín đồ bừa bãi. Trừ Sài Gòn, tại các tỉnh nếu can phạm đang bị nhốt mà chịu theo đạo đều được trả tự do. Không ít cán bộ cộng sản bị bắt đã chịu rửa tội để được tự do và nhiều tù hình sự đã tình nguyện xin rửa tội. Những người thực sự chống cộng sản vô cùng bất bình ⁽⁴⁷⁾. Nhiều tin tức nói chính đức cha Ngô Đình Thục ra lệnh cho chánh quyền Huế hạ cờ Phật giáo trong ngày Phật đản. Quân nhân công chức, nếu không phải tín đồ Thiên Chúa giáo rất khó thăng cấp và giữ các chức vụ quan trọng — Thiếu tá Nguyễn Văn Thiệu phải vào đạo Thiên Chúa mới được lên lon. Một số tu sĩ Thiên Chúa lộng hành biến thành người cố vấn, gần như trực tiếp điều

⁽⁴⁶⁾ Đến nay vẫn chưa sáng tỏ ai là người liệng những quả lựu đạn giết hại người biểu tình lúc đó.

⁽⁴⁷⁾ Nói thực sự vì trên thực tế đã có nhiều loại chống cộng sản giả vờ.

khiến chánh quyền.

Ngày 11-6-1963, hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn phản đối chánh quyền đàn áp Phật giáo làm xúc động cả thế giới

Những tin tức quan trọng kể trên, chúng tôi được nghe hàng ngày. Dân chúng bất mãn đến cao độ, rất bất lợi cho việc chống cộng sản. Chúng tôi chờ đợi không thấy thái độ Mỹ như thế nào, chỉ thấy một sự im lặng đáng sợ. Các tướng lãnh cũng không làm gì vì cuộc đảo chánh hụt năm 1960 cho họ bài học giá trị. Một số được tổng thống ưu ái xem như con, hưởng rất nhiều quyền lợi. Theo tôi, cung cách này đã hạ thấp giá trị người quân nhân và làm giảm sức mạnh của quân đội Việt Nam.

Miền Nam chưa bao giờ rối loạn tới mức đó, nhưng chánh quyền cố giả tạo bình tĩnh vững chắc, xem dân chúng nổi loạn là chuyện nhỏ nên vẫn đưa chúng tôi ra xét xử. Tâm trạng tôi lúc ấy rất phấn khởi như thành đạt một điều gì giá trị. Tôi nghĩ đám tù chúng tôi chỉ có hai đường hoặc là tiếp tục bị giam giữ hoặc đưa ra tòa xét xử. Tôi mong được đưa ra tòa xử. Tôi nói với các bạn tù là chúng ta học lâu nay bây giờ sắp được phát bằng thật. Có một số do gia đình bên ngoài đang lo lót nên không thích ra tòa vì e thành án khó xin ra hơn là chưa thành án.

Một tin khiến tôi bật khóc: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự tử ngày 7 tháng 7 năm 1963. Chúng tôi đều sùng sốt. Tôi kéo chặn trùm đầu giấu nước mắt của mình. Khi bình tĩnh lại, tôi vô cùng khâm phục cái chết của ông. Theo gia đình anh Nguyễn Thành Vinh và gia đình ông Trương Bảo Sơn kể lại, trát toà đòi ông ra trình tòa, ông uống thuốc độc tự tử, để lại vài hàng phản đối chánh quyền đàn áp dân chúng, đòi ông do ông tự xử và lịch sử sẽ xét xử. Khi người nhà biết ông uống thuốc độc, vội vã đưa đi bệnh viện, ông bình tĩnh cho biết ông uống loại thuốc cực độc không thể cứu chữa nên không đi. Cái chết của Nguyễn Tường Tam khiến toàn dân thương tiếc, mến phục và thế giới lưu ý nhiều hơn về Việt Nam.

Lúc nhỏ bắt đầu biết đọc sách, tôi đã mê Nhất Linh. Cuốn sách đầu tiên tôi đọc là cuốn *Đôi Bạn* do anh cả tôi đang học trung học ở Huế mua về cho anh em tôi tập đọc. Đó là những năm 1940-41. Sau đó, nối tiếp những biến cố lớn rồi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, Nhật Bản đầu hàng, cuộc khởi nghĩa 1945 với sự xuất hiện lãnh tụ Hồ Chí Minh rồi Việt Minh, đảng cộng sản

và những cuộc giết người tàn khốc ở tỉnh tôi...Hàng loạt sự việc kinh hoàng tạo một ấn tượng không ngừng ám ảnh tôi. Đó là những nguyên nhân khiến tôi sớm có ý thức chính trị và những cuốn *Đôi Bạn, Bướm Trắng*... đã cho tôi nhiều cảm xúc hứng khởi về tình bạn, tình yêu lãng mạn, về cách mạng. Chính những tác phẩm của Nhất Linh đã vạch con đường đi tới của đời tôi từ lúc tôi mới 14 tuổi. Năm học trường trung học Lê Kiết, giữa lớp học tôi đã lớn tiếng hô: "*Nhất Linh Nguyễn Tường Tam muôn năm*".⁽⁴⁸⁾ Lời hô từ con tim xúc động cũng khai mạc cuộc đời chống cộng sản của tôi, đưa tôi thành một học sinh phản động, bị đuổi khỏi trường và phải ra đứng trước toà án nhân dân. Với tôi, tài năng và ý chí của nhà văn có một ảnh hưởng khó lường. Do đó, khi nghe Nhất Linh tự tử, tôi đau xót vô cùng... và tôi đã khóc!

Bây giờ sáng, chúng tôi sẵn sàng lên xe ra tòa.

Gần ba năm nay, tôi mới chỉnh tề như thế, áo quần đàng hoàng, thắt cà vạt. Tất cả chúng tôi đều bị xiềng tay lên xe buýt bùng (loại xe chuyên chở tù). Chỉ những người có liên can đến vụ đảo chánh mới ra tòa, còn những vụ khác như vụ Caravelle, vụ Quảng Nam của Phan Thông thì không. Chúng tôi gồm khoảng hai mươi người, trong đó có cụ Phan Khắc Sửu, bác sĩ Phan Quang Đán, nhà văn Trương Bảo Sơn, võ sư Phạm Lợi,

⁽⁴⁸⁾ Nguyễn Tường Tam sinh năm 1905, mất năm 1963, bút hiệu Nhất Linh. Hai người em của ông cũng nổi danh trên văn đàn là Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và Thạch Lam Nguyễn Tường Lân. Năm 1927, ông đậu cử nhân tại Pháp, về nước năm 1930 dạy học, viết văn và làm cách mạng. Năm 1932, ông chủ trương tờ Phong Hóa với sự cộng tác của Khải Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ... Năm 1933, ông thành lập Tự Lực Văn Đoàn. Năm 1935, chủ trương tuần báo Ngày Nay. Để cải tiến xã hội, ông lập đoàn "Ánh Sáng". Tác phẩm nổi tiếng của ông, Đoạn Tuyệt, là cuốn tiểu thuyết luận đề chủ trương cải tổ xã hội. Năm 1938, ông lập đảng Hưng Việt rồi đổi thành Đại Việt Dân Chính, sau đó nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng. Bị Pháp lùng bắt, ông trốn sang Trung Hoa tới 1945, về nước. Năm 1946, ông tham gia chính phủ liên hiệp của Hồ Chí Minh làm bộ trưởng ngoại giao, cầm đầu phái đoàn dự hội nghị với Pháp ở Đà Lạt, nhưng vì bất đồng với Việt Minh, ông bỏ đi Trung Hoa. Năm 1951, ông về nước lập nhà xuất bản Phương Giang ở Sài Gòn, xuất bản tạp chí Văn Hoá Ngày Nay. Năm 1960, ông lập mặt trận "Quốc Dân Đoàn Kết" ủng hộ cuộc đảo chánh 11.11.1960. Đảo chánh thất bại, ông không bị bắt giam nhưng vẫn bị đưa ra tòa quân sự đặc biệt cùng các đồng chí bị bắt. Ông tự tử trước một ngày ra tòa để phản đối chánh quyền đàn áp dân chúng.

giáo sư Nguyễn Thành Vinh, ông Nguyễn Chử... nếu văn hào Nhất Linh không tử tử hôm qua thì hôm nay cũng ngồi trên xe này. Báo chí Sài Gòn đều chạy chữ lớn trang đầu: *Vụ đảo chánh 11/11/60 ra tòa đặc biệt*. Hàng trăm thân nhân và hiệu kỳ tụ tập trước tòa án ở đường Công Lý. Một toán cảnh sát hùng hậu canh chừng. Thành phố đang trong tình trạng khẩn cấp nghiêm trọng. Tôi thấy Lê Sử, bạn tôi, chen chúc trong đám đông. Xe chạy vòng vào cổng sau vì tù nhân không được vào cổng trước.

Vụ án có tính lịch sử và là vụ án chính trị đầu tiên của tòa đặc biệt áp dụng luật 10/59. Ngồi trong hàng ghế bị cáo, tôi nói với bác sĩ Phan Quang Đán:

- Toàn dân đang lưu ý đến phiên tòa, có nhiều ký giả trong và ngoài nước. Bác sĩ là nhân vật chính, tôi đề nghị bác sĩ lợi dụng phiên tòa tố cáo chánh quyền.

Suy nghĩ một lúc, bác sĩ Đán trả lời:

- Ý của anh hay lắm, nhưng tôi thấy không lợi, bọn thằng Nhu bây giờ như con trâu điên đụng đâu nó quơ đó, mình nên ôn hòa tốt hơn.

Tôi hơi thất vọng vì bác sĩ Đán là nhân vật sáng giá, có uy tín lúc này. Ông ra tranh cử dân biểu quốc hội, dân chúng dồn phiếu tối đa cho ông, chánh quyền phải bằng mọi cách gạt ông ra khỏi quốc hội.

Tôi quay lại nói với anh Nguyễn Thành Vinh:

- Anh là người thân tín nhất của ông Nguyễn Tường Tam. Khi khai mạc phiên tòa, anh xin tòa cho chúng ta ra dự đám tang ông Tam. Chắc chắn tòa không cho nhưng sẽ tạo một hùng khí trong giới đối lập.

Nguyễn Thành Vinh cũng không đồng ý, nói:

- Không nên, tôi có bàn với anh em rồi. Trong lúc này, Diệm Nhu như lũ điên, mình chọc tức không lợi, chúng ta sẽ làm lễ truy điệu ngay trong nhà lao.

Một người tôi phục, một người tôi mến đều không chấp nhận ý kiến của tôi, thực sự tôi rất buồn. Sau này Nguyễn Thành Vinh nói với tôi rất tiếc đã không nghe lời của tôi lúc đó về việc xin đi đưa đám tang "*anh Tam*".

Mấy chục luật sư có mặt, áo thụng đen, khăn quần cổ, những luật sư nữ, tay xách cặp, qua lại nhón nháo cả phòng xử. Ký giả chiếm gần hết gian phòng, phỏng vấn chụp hình, quay phim náo nhiệt. Thân nhân không thấy người nào chỉ có Lê Sử

được một luật sư dẫn vào lọt.

Một hồi chuông réo, tiếp theo tiếng hô lớn: “*Nghiêm!*”

Tất cả im phắc, chúng tôi đứng dậy.

Đại tá chánh án cầm kiếm bước ra ngồi vào ghế giữa. Hai trung tá bồi thẩm ngồi hai bên, một đại úy ngồi ghế công tố viện, tất cả đều mặc lễ phục trắng. Ký giả chụp hình quay phim. Sau tuyên bố ngắn của đại tá chánh án, luật sư trưởng luật sư đoàn Sài Gòn, có lẽ luật sư cao tuổi nhất trong đoàn bước ra đề nghị đình chỉ phiên tòa vì thiếu những nhân chứng quan trọng như ông cố vấn Ngô Đình Nhu, ông bộ trưởng nội vụ, và nhất là chánh phạm đại tá Nguyễn Chánh Thi...

Tòa tuyên bố nghị án, chánh án cùng hai dự thẩm công tố viện đều đứng dậy bước vào phòng.

Tòa án Sài Gòn do người Pháp xây đã lâu, trên khoảnh đất rộng giữa đô thành, nền cao phải lên nhiều bậc cấp, kiểu cổ điển La Mã với những cột lớn chạm trổ công phu các hình tượng khó hiểu. Tòa gồm nhiều phòng xử nhỏ. Phòng xử lớn nhất có tính cách trình diễn là phòng đang xử chúng tôi. Trên sân khấu cao, một bàn dài cũng theo kiểu cổ điển, phía sau là những ghế bành lớn chạm trổ, tất cả đều màu đen bóng loáng. Dưới sân khấu là “*vành móng ngựa*” hình cung hơi cong cong, nơi bị cáo đứng. Sau nữa là các hàng ghế cho bị cáo, cho nhân chứng, cho thân nhân... Tất cả đều màu đen láng nghiêm trang. Một hồi chuông réo dài, đại tá chánh án bước ra, chúng tôi đứng dậy rồi ngồi xuống. Ông chánh án tuyên bố phiên tòa tiếp tục vì đủ yếu tố pháp lý. Ông vừa dứt lời, cụ Phan Khắc Sửu bước ra trước vành móng ngựa, nói lớn:

- Chúng tôi truy điệu cố chí sĩ Nguyễn Tường Tam.

Bất ngờ quá, phản ứng tự nhiên, tôi hô “*Nghiêm!*”

Tất cả đứng dậy. Ông chánh án, qua mấy giây sững sốt liền gõ búa xuống bàn, nói:

- Trong phiên xử án, không được phép làm như vậy, bị can phải tuyệt đối tuân hành luật lệ của tòa án.

Tuy búa đập lên bàn và lời nói đanh thép của chánh án nhưng trong phòng vì quá ngạc nhiên và kính phục cụ Sửu nên vẫn râm rì bàn tán. Ký giả chạy lại chụp hình cụ. Tôi không ngờ cụ Phan Khắc Sửu đầu tóc bạc trắng như cước, có vẻ ốm yếu, lại rất hiên ngang, khẳng khái. Khi đến phiên cụ ra trước vành móng ngựa, cụ tuyên bố:

- Tôi không có tội gì hết, nếu bảo có tội là lúc dưới thời Pháp cai trị, năm 1940, tôi tổ chức cướp lại Sài Gòn nhưng thất bại.⁽⁴⁹⁾

Tất cả bị cáo lần lượt ra trước vành móng ngựa trả lời các câu hỏi. Tới phiên tôi, đại tá chánh án hỏi:

- Trong bản cung, anh chịu tội bỏ tiền in truyền đơn ủng hộ bọn phiến loạn đảo chánh ngày 11 tháng 11 năm 1963. Anh có biết gây rối trị an, phản nghịch, anh làm lợi cho kẻ thù cộng sản hay không?

Tôi trả lời hơi lớn tiếng:

- Thưa đại tá chánh án, trước hết xin đại tá chánh án lưu ý, chính tôi đã buộc ông chủ nhà in Ban Mai tên là Nguyễn Văn Chấn đang ngồi ở ghế bị can, in truyền đơn ủng hộ đảo chánh, như tôi đã xác nhận trong bản cung sau cùng. Ông Nguyễn Văn Chấn vì sự bắt buộc của tôi mà in chứ ông không có ý thức chánh trị, đó là tội của tôi, tôi xin chịu. Ông Nguyễn Văn Chấn hoàn toàn vô tội. Trả lời câu hỏi của đại tá chánh án, xin thưa đại tá, tôi không phản nghịch, tôi có ủng hộ cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960 vì chánh quyền hiện tại là một chánh quyền độc tài tham nhũng, có lợi cho bọn cộng sản đánh phá miền Nam.

Giọng nói lớn và lời lẽ có vẻ thẳng thừng khiến mọi người nhao nhao quay về phía tôi. Báo chí lúc ấy bảo tôi gây sóng gió trong phiên xử, và câu nói của tôi bị kiểm duyệt bỏ gần hết. Sáng hôm sau, trong lúc chờ phiên tòa tại phòng xử, có lẽ vì tôi lớn tiếng chiều hôm trước, hai ký giả người Việt làm cho đài BBC tới hỏi tôi và thu băng. Tôi đã nói hết cảm nghĩ của mình về chánh quyền.

Mấy ngày kế tiếp, cứ sáng chúng tôi đến tòa lúc 8 giờ, 9 giờ tòa làm việc, trưa 12 giờ chúng tôi về nhà lao, chiều 2 giờ đến tòa, xử từ 3 giờ đến 4 giờ, chúng tôi trở về nhà lao, cứ thế đến chiều thứ sáu kết thúc phiên tòa. Gần như ngày nào bạn tôi, Lê Sử, cũng nghỉ dạy theo luật sư vào dự phiên tòa. Buổi cuối cùng, Lê Sử rất cảm động và cũng lần đầu tiên tôi thấy bạn tôi xúc động, khi nghe tôi bị 5 năm khổ sai.

Tôi phải gượng cười đưa tay ra hiệu nói lớn với bạn: "*Chuyện nhỏ không sao!*" rồi tôi đưa hai tay cho người cảnh sát

⁽⁴⁹⁾ Ý nói đến sự tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và bị đày Côn Đảo.

xiềng, bước lên xe tù.

Ánh nắng chiều còn chiếu sáng các hàng me bên đường Công Lý.

ĐÀY CÔN ĐẢO

Có lẽ lúc này là lúc giàu tin tức nhất và cũng nhiều tin chính trị hấp dẫn nhất. Nhưng tin thật và tin “phịa” lẫn lộn khó phân biệt. Tòa xử chưa xong đã có tin đồn tất cả tù chính trị đều đi Côn Đảo. Tội nghiệp ông chủ nhà in, người vì tôi đã in truyền đơn chống chánh phủ. Trước tòa, tôi xin chịu cái tội đó, nhưng vô ích. Bây giờ tin đồn đi Côn Đảo khiến ông hoảng hốt mất hết tinh thần tới phát bệnh. Tôi muốn an ủi, khuyên ông đừng sợ, nhưng thấy mọi lời lẽ đều khó có tác dụng vì nhiều lần ông không giấu giếm nỗi lo lớn là ông sẽ chết trong tù và vợ con sẽ chết đói vì con còn quá nhỏ, vợ thì bệnh tiểu đường, chưa biết chết ngày nào. Tôi chỉ nhắc ông cố chống lại buồn nản, nếu không rất dễ bị bệnh. Trong tù hoặc chụm lại chuyện trò, chụm lại hút thuốc lào, domino, cờ tướng, nói dóc, tiểu lâm hoặc đọc sách, viết lách, học sinh ngữ, học cách nấu các món nhậu, các món “thập toàn đại bổ”, các món giả cầy, hoặc phổ biến xạo các toa thuốc Minh Mạng, Võ Tắc Thiên, Mao Trạch Đông, kể chuyện kiếm hiệp, trinh thám, chiến tranh. nhất là chuyện sex... Kể trúng càng tốt, kể trật không chết ai, bịa ra kể càng hay... Tóm lại, trong tù cần phải hòa mình với mọi người hơn bất cứ ở chỗ nào. Vậy mà ông chủ nhà in, một nạn nhân của tôi, không hút một hơi thuốc, không hớp một miếng rượu, không chơi cờ, không đánh bài, cái gì cũng không, cứ nằm ngửa ngó trần nhà, thờ ra não ruột. Ông thăm thì với tôi là ông đã liên lạc với gia đình chạy cho ông khỏi đi Côn Đảo với giá hai trăm ngàn. Ông bảo hiện nhiều người đang chạy áp phe này, nếu chịu giá năm trăm ngàn thì dù có xuống tàu rồi cũng kéo lên được. Tôi nói đùa là nếu họ chịu thì tôi xin ở luôn phần tù của ông để ông về với gia đình. Ông cười cảm ơn tôi đã nhận tội thế cho ông trước tòa, dù không kết quả nhưng cũng nói lên được sự hi sinh vì ông. Lối lý luận của tôi là nếu không được trả tự do thì nên được đến các nhà lao có tiếng, đã được đi Chí Hòa rồi, bây giờ được đi Côn Đảo nữa thì tuyệt. Tôi thích thú nhưng không dám thổ lộ vì cả đoàn tù ai cũng lo ra mặt.

Nguyễn Thành Vinh hỏi tôi:

- Theo anh, tại sao bọn nó đưa gấp mình đi Côn Đảo, có dụng ý gì?

Tôi đáp:

- Khó mà đoán nổi việc làm của bọn mất trí, đang hốt hoảng. Nhưng, có thể chỉ còn nhà lao Chí Hòa mình đang ở đây và nhà lao Phú Quốc, Côn Sơn là an toàn, còn tất cả những nhà lao khác đều bị đe dọa giải thoát. Cho nên loại tù nguy hiểm phải đưa về các chỗ đó. Phú Quốc dành cho tù binh cộng sản và quân lao quốc gia, chỉ còn Côn Sơn, mà Côn Sơn chỉ nhốt loại có án nặng ít nhất năm năm trở lên, nên chúng ta thuộc loại phải đi. Với anh, tôi nói thật, tôi thích đi Côn Sơn, đi cho biết nơi những anh hùng, những nhà ái quốc từng ở đó như các cụ Lương Văn Can, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tổng, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu... và nhiều người nữa. Tôi nói thật, để gì được đi Côn Sơn, phải hoạt động chính trị, phải chống chánh quyền tới mức nào, phải có án cỡ nào mới được đi Côn Sơn, vì ngay như nhóm Caravelle là những người có danh, nhưng không có án cũng bị nhốt trong đất liền mà thôi, nhóm Quốc Dân Đảng Quảng Nam cũng vậy. Theo tôi hoặc được ra khỏi tù, hoặc đi Côn Sơn.

9 giờ sáng ngày 30 tháng 7 năm 1963, những người có án cùng vụ chúng tôi bị đưa xuống "*phòng điện ảnh*" là phòng kỹ luật ở tầng dưới cùng, rộng bằng một lớp học trường làng, nền tráng xi-măng ẩm ướt nhớp nhúa. Nghe nói thuở trước nơi đây là nơi tra tấn các tù nhân vượt ngục bị bắt lại nên gọi đùa là *nơi đóng phim* rồi thành *phòng điện ảnh*, trên giấy tờ là phòng 320. Trong phòng không có gì hết, chỉ có bốn dây cùm sát mặt nền. Cùm làm bằng hai cây sắt tròn đường kính bằng cổ chân con người. Cây sắt dưới được gắn chặt xuống nền, mỗi khoảng 1 mét có khoét lõm hai cung vòng tròn vừa sát cổ chân, hai chỗ lõm cách nhau chừng một gang tay. Nếu cùm hai chân thì hai cổ chân đặt ngay trong hai lõm đó, nếu cùm một chân thì một cổ chân đặt ngay trong một lõm. Cây sắt thứ hai kích thước cũng như cây sắt cố định trên, nhưng không khoét lõm. Cây sắt này di động chạy tiếp xúc phía trên với cây sắt cố định, có những vòng sắt giữ hai cây sắt không tách rời ra. Di chuyển cây sắt trên do người ở bên ngoài vách tường điều khiển. Bên ngoài nói lớn

“Cùm hai chân!”, tù bên trong tự đưa hai cổ chân vào hai lỗ hõm trước mặt. Người ra lệnh bên ngoài đẩy cây sắt phía trên chạy vào ngang hai cổ chân người tù và cây sắt bên trên được khóa kỹ từ bên ngoài không di chuyển được nữa. Khi mở cùm, bên ngoài mở khoá cây sắt di động và kéo cây sắt khỏi phạm vi người tù. Ban ngày cùm một chân, ban đêm hai chân, khoảng 10 người một cây cùm. Khi mở cùm cho một người thì rút cây sắt qua khỏi vị trí người đó, khi cùm một người thì đẩy cây sắt vào quá vị trí người đó nên cả ngày, có khi cả đêm, cây sắt thường di động rút ra, đẩy vào. Tù có cổ chân hơi lớn hoặc không lưu ý tự ép chân xuống cây sắt dưới khi cây sắt trên di chuyển rất dễ bị trầy xước da rồi lở lóí. Một số rơi nước mắt tủi thân khi đặt chân vào cùm. Chưa quen bị cùm rất khó chịu vì phải nằm ngửa và dù cố cẩn thận vẫn bị trầy hai cổ chân vì cây sắt phía trên thường di chuyển qua lại. Người gác cho biết trước khi đi đảo đều phải xuống đây một thời gian. Thời gian ở *phòng điện ảnh* không được thăm nuôi, không được tiếp xúc với bất cứ ai, nhưng ông chủ nhà in của tôi được kêu thăm nuôi. Ông rất mừng, nhìn tôi nháy mắt ra hiệu có tin vui. Độ hai chục phút ông trở lên, trong lúc chờ người giám thị đến cùm, ông nói nhỏ cho biết thất bại vì vụ án đảo chánh ngoại lệ, bọn nó chưa dám hành động như các vụ án khác, tuy vậy nó vẫn chạy, chạy lên cấp giám đốc an ninh. Qua chuyện đó đủ thấy hệ thống tham nhũng của chánh quyền rất tinh vi và cũng khá phổ biến. Nhiều cán bộ cộng sản quan trọng bị bắt nhốt rất kỹ nhưng rồi vượt ngục, vì bằng bất cứ giá nào tổ chức cộng sản bên ngoài cũng đút lót, hối lộ để đưa ra và báo cáo là vượt ngục.

Ở phòng kỷ luật đến ngày thứ ba, chúng tôi được lệnh đi tắm để rời trại. Tù không bao giờ được cho biết đi đâu, chỉ nghe nói rời trại tức đi trại giam khác. Xe đưa chúng tôi xuyên trung tâm thành phố rồi ra bến Bạch Đằng. Tôi mừng vì chắc chắn đi Côn Đảo. Một nhóm chừng vài chục người toàn đàn bà chạy ủa đến xe, cảnh sát chặn lại đuổi ra xa. Đó là thân nhân những người đi đày, sau này chúng tôi biết trong đó có vợ ông chủ nhà in. Vùng chúng tôi xuống xe không một bóng người qua lại, toàn là lính, súng ống sẵn sàng đề phòng cướp tù. Bước đi trên cầu tàu, ngoảnh nhìn Sài Gòn một lần nữa. Sài Gòn đẹp quá, dễ thương quá! Tôi không buồn, không lo, trái lại là khác, thế mà nước mắt tôi chảy. Chúng tôi bị đưa xuống hầm tàu chật cứng.

Bốn bề bịt bùng không nhìn thấy bên ngoài. Những quân cảnh làm lì không cười nói, không cau có, im lặng xiềng một chân chúng tôi vào một dây xích sắt dài người này tiếp đến người kia. Thế là dưới hầm tàu, chúng tôi bị xiềng hai tay và một chân. Không có ánh đèn điện nhưng qua ánh sáng ban ngày lờ mờ, chúng tôi có thể nhìn thấy nhau. Ông Vũ Đình Lý mắt lim dim đọc kinh hấp tấp như nhờ tiếng kinh để xa cái thực tại đày đọa này. Những người khác im lặng có lẽ theo dòng suy tư về gia đình, vợ con. Tôi cũng rất rạo rức nhưng không dừng hẳn với ý nghĩ gì vì mọi hình ảnh đều vụt đến rồi vụt đi dồn dập trong tâm cảnh nôn nao. Đây là lần đầu tiên, tôi bước xuống tàu. Chưa từng đến một hòn đảo nào nên tôi không hình dung nổi Côn Đảo ra sao. Tiếng máy tàu nổ rì rì êm êm nhẹ nhẹ là âm thanh duy nhất ở đây. Tôi mất hẳn ý niệm thời gian, không đoán nổi đang là mấy giờ, chỉ thấy thứ ánh sáng mờ mờ như không thay đổi. Bỗng dưng tôi nghĩ đến mẹ tôi, tới hình ảnh mẹ thăm tôi ngày mừng một Tết và lời nói “*thăm con mai mẹ về.*” Tôi xúc động khi nghĩ có thể đó là lời trần trối, lời cuối cùng của mẹ và thắc mắc nếu mẹ thấy cảnh tôi bị bỏ dưới hầm tàu như đồ vật thế này, mẹ có đủ sức để nhìn hình ảnh ấy không. Đang miên man với ý nghĩ về người thân thương thì tiếng máy tàu nổ lớn hơn, lớn nữa, mùi dầu cặn lọt vào hầm tàu, thân tàu hơi chao chao. Nhiều người nói lớn “*tàu rời bến*”, ông chủ nhà in bật khóc, ông Vũ Đình Lý đọc kinh lớn tiếng như cổ át tiếng máy nổ và hôn liên tục tượng đức Chúa. Tôi lầm nhảm “*ta thực sự sống cuộc đời một chí sĩ đi đày.*”

Từ khi xuống tàu, chúng tôi không nhận một lệnh nào bảo phải làm gì khi cần uống nước, cần đi tiểu hoặc đau ốm bất ngờ. Chỉ giản dị: xiềng chân tay bỏ xuống hầm tàu là xong. Ánh sáng mờ dần rồi tắt hẳn, chúng tôi biết trời tối rồi. Có lẽ độ 6 giờ chiều.

Tàu chao lắc mạnh, tôi đoán ra cửa biển, vì sóng ở bờ biển và cửa biển thường mạnh hơn sóng ngoài khơi. Tối quá chẳng thấy gì hết, tối một cách rùng rợn. Chưa bao giờ tôi biết được cái tối như thế này. Khí ẩm ướt lạnh lạnh tạo cảm tưởng không khí chết, “*ở đây âm khí nặng nề*”. Tôi ngỡ như đang nằm trong quan tài đậy nắp kín. Tự nhiên, tôi nghĩ đến cái chết và thấy đây là biên giới của cái chết. Mồ hôi toát ra ướt đẫm áo quần, tôi mất hết ý niệm về thời gian, không gian. Không biết tàu

có đi không mà như đứng một chỗ và lác lác. Tôi cố gắng tìm nghe một dấu hiệu gì của sự sống nhưng, tuyệt nhiên không nghe gì ngoài tiếng máy đều đều. Tôi là người nằm xuống...

Khi thức giấc, tôi không biết ở đâu trong máy giầy đầu. Định thần nhớ lại mình đang đi đày và mừng vì còn sống, sẽ tới Côn Đảo là nơi tôi rất muốn tới nhưng không dám thổ lộ do mọi người đều đang quá lo âu, cho bị đày Côn Đảo đồng nghĩa với sự chết.

Ánh sáng rõ lần, không còn tối tăm kinh khủng như cảnh địa ngục nữa. Tất cả đều nằm bất động có lẽ mệt mỏi rã rời vì buồn chán, vì sợ sệt và cũng vì đói và khát nước. Chỉ năm bảy người ngồi dậy như tôi. Tôi nhìn họ, cười tỏ vẻ thông cảm nhưng họ ngơ ngơ như những bức tượng. Tiếng máy tàu vẫn đều đều, và bây giờ tôi cảm thấy con tàu có di chuyển, thân tàu chao chao đều đều. Tự nhiên tôi thấy thương con tàu. Nghe tiếng động khá mạnh như có ai ném vật nặng trên boong, chúng tôi rùng mình. Cửa trên boong mở, năm sáu cảnh sát bước xuống cho biết tàu sắp tới bến, cho chúng tôi đi vệ sinh. Cứ năm người một được mở xiềng chân, mở xiềng một tay, còn tay kia vẫn đeo xiềng, theo người cảnh sát dẫn lên và được dọn không quá 5 phút một chuyến. Tôi cởi vớ quần áo, mở mạnh vòi nước, vừa uống vừa tắm thật mau... Chưa bao giờ tôi thấy hết giá trị của nước lạnh như lúc này và cảm thấy khoẻ mạnh như không có gì hết. Trở về chỗ, chúng tôi bị xiềng lại hai tay, không xiềng chân. Đi đi lại lại khu vực hầm tàu, chúng tôi bắt đầu chuyện trò. Ông chủ nhà in còn bơ phờ quá, nói không ngủ được và khóc suốt đêm rồi, hỏi: “Đi thế này có ngày về thấy vợ con không, ông Liệu?”

Tôi cười đáp:

- Nay mai thôi, rất sớm. Diệm chịu hết nổi, cùng đường, hoảng hốt mới đưa bọn mình đi vớ thế này. Thường xử án phải sớm lắm nửa năm, một năm, mới đưa đi đày, đảng này mới chỉ một tuần vớ thế tổng mình đi thì ông đủ thấy rồi. Hơn nữa, hiện nay toàn dân, Phật giáo hay không Phật giáo, đều công khai chống chánh quyền. Cả thế giới đều hướng về Việt Nam lên án chánh quyền, tôi chắc chánh phủ Mỹ không thể ngồi yên để xem Tivi như xem vụ đảo chánh vừa rồi đâu. Ông tin tôi đi, không phải nói để an ủi ông đâu, sự thật là vậy, bất cứ ai cũng nhận định như tôi. Điều quan trọng bây giờ là cố giữ sức khỏe,

đừng quá lo, nhà in tuy bị niêm phong nhưng luật sư của ông đang làm đơn khiếu nại để họ sẽ cho mở cửa lại...

Tôi nói chưa hết ý thì ào ào quân cảnh xuống chỗ chúng tôi. Người trung sĩ bảo đã đến nơi, tất cả sắp hàng một đi lên, mỗi người đi cách nhau năm bước, không được nói chuyện, theo hướng dẫn của giám thị. Tôi là người thứ ba bước lên.

Mặt trời vừa mọc, ánh nắng rực rỡ trên các ngọn cỏ thụ dọc bờ biển. Đi chậm chậm trên cầu tàu, nhìn Côn Đảo từ xa tôi buột miệng "*Ồ ! Đẹp quá!*"

Chúng tôi xuống ba chiếc ghe máy chuyển vào bờ.

Biển xanh, sóng nhẹ, gió mát. Hàng cỏ thụ xanh đen chạy dài trên bờ biển trước chúng tôi, chạy mãi mắt hút tầm mắt. Bên trái thật xa, vùng đất cao như những ngọn đồi thoải thoải. Một đường trắng xóa của bọt sóng biển khi vỗ vào thành bờ, chạy dưới chân hàng cây tạo nên bức tranh thật sống động. Phía trong hàng cây, xa hơn nữa những mái ngói đỏ, trông như một làng giàu có ở bờ biển. Tôi không ngờ Côn Đảo đẹp thế, đẹp ngoài sức tưởng tượng của tôi. Người quân cảnh quẹt lửa cho tôi đốt điếu thuốc. Nhả làn khói trước trời biển bao la, tôi hát khe khẽ "*Kìa xa xa nơi Côn Đảo. ớ hờ.. ớ hờ...Sóng nước muôn trùng...sóng nước muôn trùng...*" của nhạc sĩ Đỗ Nhuận mà tôi được tập hát năm 13 tuổi, năm 1945.

Chưa bao giờ tôi cảm khái và cất giọng hát rung động tới mức đó. Trên thuyền im lặng như đang chìm vào khung cảnh thiên nhiên vừa hiền hòa vừa hùng vĩ, lời ca buồn buồn lắng mạn như ru tôi đi vào một thế giới khác.

Thuyền cập bến cầu tàu, một con đường rải đá non trăm thước đâm thẳng ra biển. Mặt trời lên cao, nắng chói chang. Chúng tôi sắp hàng trên đường, dăm bảy người choáng váng vì vừa xuống mặt đất, ngồi đại xuống mặt đường. Mặt đất cao hơn mặt nước chừng vài thước, được xây những tảng đá xanh to, có những tảng đá rất lớn sắp chồng ngay thẳng công phu. Nhìn những tảng đá nặng tôi nghĩ đến xương máu của người tù khổ sai từ thời thực dân Pháp, bất giác nhớ lại câu thơ can trường khảng khái của nhà chí sĩ Phan Chu Trinh:

Những kẻ vá trời khi lỡ bước,

Sá chi nào những việc con con...

Trên đường vào nhà lao, chúng tôi thấy nhiều tù đang làm việc. Họ ngừng tay, nhìn chúng tôi như thăm chia xẻ cuộc đời tù

tội. Họ đã đi trước và còn tiếp tục đi. Chúng tôi đến trước một bức thành cao, xây bằng những tảng đá lớn màu xám, giữa có cửa sắt dày đóng kín. Trên cổng một chữ B cao bằng con người, chữ nổi, sơn đen. Đây là trại B, trại tù B. Bên trong có ba dãy nhà thấp lợp ngói, lâu ngày ngói đỏ đã ngã màu, rêu xanh bám đầy. Mỗi dãy có một cửa lớn ở giữa và mỗi bên một cửa sổ hẹp với những song sắt lớn bằng cổ tay màu xanh đã cũ. Cánh cửa lớn làm bằng sắt dày cũng màu xanh đã cũ, rất nặng nề. Trong sân, những cây bàng lâu đời, gốc to, sần sùi, cành lá xanh đen. Một ông già lưng còng, tóc trắng dài gần chấm vai, lông mày rậm dài cũng trắng như tóc, cặp mắt sắc như đầy lửa hận thù, da mặt nhăn nheo, hai má hóp. Tay xách cái giỏ nhỏ đan bằng mây, đan kín, ông già đi chậm chạp trên sân lượm rác, lá bàng khô rụng. Chốc chốc ông quanh về đổ vào cái giỏ lớn đặt bên gốc bàng già, dù cái giỏ nhỏ ông xách mới có chừng vài ba chiếc lá khô. Nhìn ông già làm việc, tôi cảm thấy mệt mỏi rã rời. Phía trong, xa về bên trái, một cái giếng thành tô xi-măng lở lói vài chỗ. Nền thành giếng cũng tô xi-măng sạch sẽ. Nhìn chung, sân nhà tù rất sạch.

Một toán tù kiểm soát chúng tôi dưới sự chứng kiến của bốn năm giám thị. Chưa có trại tù nào khám kỹ như ở đây. Gối thuốc tháo hết khám từng điếu một, một số điếu bị ngắt làm hai để xem trong ruột. Máy lửa, bao diêm đều bị tịch thu. Dây nịt, khăn tắm, tấm đắp không được đem vào phòng. Trừ ly chén bằng nhựa, mọi thứ bằng pha lê, sành, kim khí đều tịch thu. Những thứ không được đem vào phòng được bỏ vào bao ni lông có ghi tên người tù, số hiệu mới và chắt vào kho.

Đến Côn Đảo, chúng tôi được đổi số tù khác con số của Chí Hòa. Mỗi người tù nhận hai bộ đồ màu xanh lợt. Nội qui bắt buộc lúc nào cũng mặc đồ tù và đeo bảng số trên ngực. Chúng tôi thay quần áo ngay nơi khám xét và quần áo cũ không được mang theo. Rất nhẹ nhàng, mỗi người đều có một bộ đồ tù, cái chén, cái ly nhựa, đôi đũa, cái bàn chải đánh răng và kem đánh răng nếu có. Toán chúng tôi chia ba, mỗi nhóm vào một nhà trước mặt. Phòng thấp ảm mốc, mùi không khí tù đọng, mùi cầu tiêu, nói chung mùi dơ dáy trong phòng thật khó chịu. Tường bốn phía xây bằng những tảng đá chắc chắn, trần nhà thấp, cao khỏi đầu chừng một gang tay, đúc bằng xi-măng kiên cố. Hai bực cho tù nằm cũng bằng xi-măng, giữa là đường đi. Ngoài sân

rất sạch, trong phòng nhớp quá, dưới hành lang đầy tàn thuốc như lâu lăm không quét dọn. Cảnh trong nhà tù làm tôi hơi nản, nghĩ phải một thời gian nữa mới quen được không khí dơ dáy này. Trong phòng chỉ vài người già yếu ngồi hút thuốc nói chuyện. Người tù làm trật tự đeo miếng vải trắng ở cánh tay viết hai chữ “trật tự”, dẫn chúng tôi vào phòng, chỉ chỗ nằm.

Buổi trưa, chúng tôi ăn thật ngon bữa cơm gạo lức đỏ, vì đói cả một ngày trước đó. Tôi không ngờ ở Côn Đảo, bốn bề là biển mênh mông không thấy gì hết mà nhà tù xây kiên cố hơn trong đất liền.

Khoảng 4 giờ chiều, một đoàn tù non một trăm, rần rần kéo vào phòng tôi. Họ không ngờ chúng tôi chiếm mất phần chỗ nằm của họ. Nhiều người nhìn chúng tôi nói lớn: “Ồ! *Lính mới, chào lính mới.*” Trong tù thường dùng chữ *lính mới* để chỉ những tù mới được chuyển đến. Người đông, chật chội, nóng và như tổ ong, mạnh nói mạnh nghe, ồn ào như cái chợ. Bất đắc dĩ đi tiểu mới đi còn không thì đành ngồi một chỗ vì chật chội quá. Chuyện ăn uống của tù quá giản dị, tất cả cơm và đồ ăn vào cái tô nhựa với một cái muỗng nhựa, thế là đủ. Ăn xong tráng rửa sơ, úp phía trên chỗ nằm.

Mười lăm phút đầu, tôi biết số đông trong phòng là loại cán bộ quan trọng của cộng sản. Họ nghe đồn cả tháng sẽ đưa tù tham gia đảo chánh ra đảo, mãi tới hôm nay mới ra. Họ biết chúng tôi không cùng phe với họ, nhưng vì chống chánh quyền nên họ kính nể. Từng nhóm, hoặc ca hát ngâm thơ, toàn thơ cộng sản phần nhiều của Tố Hữu, hoặc chụm lại hút thuốc lào nói chuyện, vài người có vẻ mỗi một năm ngựa nhìn trần nhà. Một ông già da đỏ au, tóc trắng vóc dáng khoẻ mạnh, cúi gầm xuống đánh cây đờn kiềm, tiếng đàn chắc nịch sắc sảo. Một người trẻ hơn ca cổ nhạc, bài *Mã Chiếm Sơn*, nhại lời thơ Tố Hữu thật xuất sắc. Một ông già ngồi một mình hút thuốc có vẻ cô đơn. Tôi lại gần hỏi chuyện thì ra đó là ông già khi mới đến thấy đang lượm rác trên sân:

- Thưa cụ, tôi muốn hỏi thăm cụ.

Ông già nhướng mắt nhìn tôi, như xem có quen biết không, lùi vào trong nhường chỗ cho tôi ngồi:

- Anh ngồi chơi.

Tôi ngạc nhiên ông là người Quảng Ngãi, vì ông nói giọng Quảng Ngãi trăm phần trăm. Tôi vui vẻ vì gặp người cùng quê :

- Cụ người Quảng Ngãi, cụ ra đây bao lâu rồi?

Ông chậm rãi trả lời:

- Phải đấy, tôi người Quảng Ngãi, ra đây tám năm, trong đất liền một năm. Tôi là Từ Ty đây, còn anh ở đâu, vụ gì ra đây?

Nghe tên Từ Ty, tôi giật mình.

Từ nhỏ tôi đã biết danh ông là một cái máy chém năm mươi nhĩa ở quê tôi. Chính ông đã giết Tạ Thu Thâu, người tôi rất kính phục. Thật không ngờ gặp ông ở nơi đây, tôi đáp:

- Thưa cụ, tôi quê ở Mộ Đức, có dính dáng trong vụ đảo chánh vừa rồi, mới ra đây sáng nay.

Ông gục gặc đầu rồi nói:

- Thiếu quan điểm quần chúng, nhân dân không ủng hộ nên thất bại, anh ít tuổi mà chí khí như vậy đáng khen.

Nghĩ đến Tạ Thu Thâu, tôi hận ông nên hỏi thẳng:

- Xin lỗi cụ, khi còn nhỏ, tôi nghe người ta nói chính cụ giết Tạ Thu Thâu, một nhà cách mạng chống thực dân Pháp. Nghĩ thế nào mà cụ lại giết một người trí thức yêu nước như vậy?

Ông không trả lời ngay, tay quần áo vuốt râu hơi run run không rõ vì tuổi già hay vì câu hỏi có tính cách buộc tội và thẳng thừng của tôi. Đốt điếu thuốc, hít một hơi dài, nhả khói bay lên trần, ông chậm rãi đáp:

- Có lẽ lúc đó anh còn quá nhỏ nên không biết và miệng người đời ác độc đồn bậy bạ, lúc đó tôi làm chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, ông Thâu chết trong huyện tôi nên tôi chịu trách nhiệm. Mà anh biết không, ông ta là người trí thức nhưng là người phản động, người theo đệ tứ, kẻ thù của nhân dân lao động, chết là phải.

Tôi bực mình vì thấy ông già vừa ngang bướng vừa hèn nhát. Ông giết Tạ Thu Thâu, chuyện rõ như ban ngày, không người Quảng Ngãi nào không biết, thế mà không dám nhận. Việc ông trung thành với cộng sản, tôi không nói, nhưng tôi nghĩ ông không còn tính khí hiền ngang thường có ở người Quảng Ngãi.

Tại Côn Đảo có ba trại, A-B-C. Trại A và B nhốt tù khổ sai, tức tù phải đi làm việc nặng nhọc. Một số tù tử hình cầm cố, nhốt một phòng riêng biệt ở khu A. Tù cầm cố thường không nhốt quá ba năm, vì chịu không nổi cảnh tù túng trong phòng luôn khóa cửa, mất thường mờ mắt, phù thũng, tệ hại nhất là tâm thần điên loạn, cho nên sau ba năm được đưa ra lao động khổ sai. Trại C

ngày xưa cũng như hai trại kia nhốt tù khổ sai, nhưng những năm sau này dùng để giam người thuộc “*thành phần nguy hiểm cho quốc gia*”, là người không có hành động gì để đưa ra tòa, nhưng để tự do thì trở ngại cho an ninh.

Tù ở tuổi sáu mươi trong đất liền không bị đưa đi Côn Đảo. Nhìn rằng người tù ở Côn Đảo có thể biết họ ở đây bao lâu. Nếu hàm răng không còn cái nào tức người đó ít nhất phải mười năm ở chốn này, có những người đã ở hai chục năm vì mang án khổ sai chung thân. Hầu hết tù bước xuống tàu đày đi Côn Đảo đều quan niệm không có ngày về. Những người tù đã ở mười năm, khi nghe hỏi thăm về gia đình, đều rất buồn cho biết chỉ có liên lạc hỏi ở Chí Hòa. Một người Bến Tre, tóc bạc, rụng hết răng, cỡ trên sáu mươi, nhưng khi nói chuyện tôi biết anh chỉ bốn mươi hai. Anh cho biết ở đây mười hai năm. Cách đây ba năm, tình cờ gặp người cùng làng mới ra Côn Đảo chừng một tháng, anh mừng quá hỏi thăm gia đình mới hay cha anh đã qua đời, vợ anh có chồng khác khi biết anh bị đày Côn Đảo, đưa con gái duy nhất của anh về ở với bà nội. Anh nói anh buồn muốn chết, nhưng rồi qua năm tháng, anh quen dần, anh hỏi hận thà đừng gặp người làng, thà đừng biết tin gia đình còn hơn. Anh cười cay đắng nói với tôi, sáu bảy chục phần trăm người có án trên mười năm đều tan nát gia đình như anh, có người còn thê thảm hơn. Đưa tay chỉ những người xung quanh, anh nói:

- Anh coi kỹ đi, họ ngồi thừ ra, đi lại ngơ ngáo... như xác ở đây mà hồn đã rời xác từ lâu. Có thấy vậy anh mới thấy hết cái thê thảm của kiếp tù đày. Ở đây với thời gian lâu, chúng ta thấy rõ được cái gì thực sự giá trị của người đời và của đời người.

Chúng tôi ở trại B cỡ một tuần thì được lệnh mang “đồ đạc” tới tập họp ở hội trường. Hội trường nằm ngoài bờ thành gần sân vận động. Thiếu tá trại trưởng còn gọi là thiếu tá tỉnh trưởng Côn Sơn. Thực ra, Côn Sơn không phải đơn vị hành chánh, chỉ là một nhóm chừng mười đảo, đảo lớn nhất bằng chừng một huyện trong đất liền, cách tỉnh Phan Thiết chừng bốn trăm cây số về phía Đông Nam. Ban đầu Pháp tìm những hòn đảo xa như vậy để đày biệt xứ người chống đối với dã tâm đưa người tù đến chỗ chết, chỗ không còn thấy hình bóng nào của xứ sở họ. Ở đó chỉ có tù, lính canh tù, cai tù mà thôi. Đến thời Ngô Đình Diệm, số tù ngày càng tăng vì chánh quyền cố diệt các

đảng phái quốc gia và dân chúng ngày càng bất mãn thì số người chống đối càng nhiều. Thêm vào đó, cộng sản thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, cho nên tù tăng thêm. “*Bắt làm hơn để sót*”, rồi các chiến dịch tổ Cộng có hiệu quả, chánh sách “*không tha, không xét xử*” khiến không đủ chỗ để nhốt tù nên nhà tù Côn Đảo càng ngày càng lớn, càng qui mô nên đưa nhiều đơn vị lính ra bảo vệ. Lính đi, vợ con đi theo, từ đó Côn Đảo có dân ở. Vì vậy, Côn Sơn biến thành đơn vị hành chánh nhưng trở thành đơn vị tỉnh là nhờ sáng kiến của luật sư Trần Trung Dung, bộ trưởng bộ nội vụ vừa là cháu rể tổng thống, vừa cố vấn cho tổng thống. Không có dân ở định cư mà cũng xem như một tỉnh thì sự chi ngân sách của trung ương cho tỉnh không khác so với các tỉnh trong đất liền. Đó là một cách tham nhũng hợp pháp hợp hiến! Rồi ngân sách thành lập các ty sở, trường học bệnh xá, chợ...

Thiếu tá tỉnh trưởng Côn Sơn, cũng là giám đốc nhà tù, thường gọi là thiếu tá Sáu, thiếu tá đồng hóa từ quân đội Cao Đài của trung tướng Nguyễn Thành Phương. Khi chúng tôi còn ở nhà lao Chí Hòa, thiếu tá Sáu làm giám đốc nhà lao này. Lúc đó, tôi thường làm trọng tài các cuộc đấu bóng chuyền giữa các khu, do đó thường tiếp xúc với ông, vì ông rất hâm mộ bóng chuyền. Tôi thấy rất rõ ông cố đánh tan mặc cảm là sĩ quan giáo phái đồng hóa, vì vậy có nhiều điều lố bịch gây khó chịu. Tuy vậy, ông là người rất hiền và khôn ngoan. Ông bỏ lên tới giám đốc Chí Hòa, rồi tỉnh trưởng Côn Sơn thì đủ biết “khéo” mức nào. Trước anh em tù chúng tôi, ông nói chuyện một lúc, hình như ông cũng ở trong hàng ngũ đối lập chánh quyền. Khi ở Chí Hòa, chúng tôi không hát “*Suy tôn Ngô tổng thống*”, giám thị lập biên bản báo lên, chúng tôi chuẩn bị chịu phạt, nhưng ông cho qua. Ông được tiếng là cai tù đạo đức.

Gặp lại chúng tôi trong hội trường, ông mừng rỡ, đi bắt tay từng người và ân cần hỏi thăm sức khỏe các người lớn tuổi. Ông nói vì bận nhiều công việc nên không sắp xếp kịp phải để anh em trong trại B chật chội tù túng là điều ông áy náy. Cho nên hôm nay đưa chúng tôi ra trại Nhà Lá. Nhà Lá là dãy trại gần biển làm bằng cây rừng, lợp bằng lá rừng. Qua một thời gian nhận xét, người tù nào không bị kỷ luật, ngoan ngoãn tuân hành nội qui, có nghề nghiệp càng tốt, sẽ được đưa ra Nhà Lá để làm việc và cho mặc bộ đồ tù màu trắng. Từ trại B ra nhà lá là

hai thế giới. Ở Nhà Lá, mỗi người ngủ trên một giường chiếc, chân thấp, đầu giường có bản ghi tên họ, số tù và cả tội trạng. Ngoài giờ làm việc, được nấu nướng tự do. Nấu nướng tự do là điều cực kỳ quan trọng với tù. Theo nội qui, những người ở đây sau 12 giờ khuya là giờ giới nghiêm, không được đi khỏi trại quá một trăm mét.

Cơm tối xong, tha hồ chuyện trò, ca hát, uống trà cà phê, nấu chè ăn khuya... tùy ý. Chúng tôi sáng sớm thường ra chợ mua cá, đồ hộp, sữa bò lon, rất nhiều hôm có thịt sữa, vich và vài loại rau ngày nào cũng có. Chợ xây thật đẹp, lợp ngói đỏ, nền cao lát gạch vuông, đẹp hơn các chợ miền quê trong đất liền, vì có ngân sách trung ương chi. Người bán chừng vài chục, toàn là gia đình quân nhân, khách hàng mua hầu hết là tù trại Nhà Lá.

Chúng tôi được chỉ định người làm ở ty, người ở tòa tỉnh trưởng gần như chỉ đến chơi, không có việc gì. Bác sĩ Phan Quang Đán khám bệnh ở bệnh viện và khám cho tù các trại ABC. Công việc của ông thật nhiều, nhưng chúng tôi không ai giúp được. Tôi và anh Nguyễn Thành Vinh dạy kèm ba người con của đại úy phó tỉnh trưởng Côn Sơn, đại úy Khỏe. Đại úy Khỏe cho biết vì ở Sài Gòn độ này lộn xộn quá, học sinh, nhất là sinh viên thường bãi khóa xuống đường chống chánh phủ, ông sợ con ông bị ảnh hưởng, không học hành được và có thể bị bắt bớ thì hỏng một đời, nên ông đưa hết ra đây để nhờ chúng tôi dạy. Ông cho biết đứa lớn đang học lớp 12, cuối niên khóa thi tú tài phần hai, đứa giữa là con gái đang học lớp chín trường công lập ở Sài Gòn, đứa thứ ba cũng con gái đáng lẽ học lớp ba rồi nhưng vì hơi tàng tàng nên chưa cho đến trường. Anh Vinh nhận đứa nhỏ nhất, vì anh có học triết về tâm lý trẻ con, anh cố gắng giúp cho con bé may ra trở thành người bình thường. Đứa học lớp 9 thì dễ rồi, chỉ có đứa lớp 12 gặp trở ngại, vì tôi và anh Vinh không thể dạy toán lý hóa vốn cần có bằng cử nhân khoa học. Tôi trình bày với đại úy tỉnh phó như vậy. Ông lo lắng, hỏi:

- Vậy theo anh, bây giờ làm sao, tôi lỡ đưa cháu ra ngoài này rồi, anh nghĩ giùm cho tôi thử.

Tôi đáp:

- Tôi chắc chắn cả ba trại ABC và Nhà Lá chỉ có một người giỏi thừa sức dạy toán lý hóa cho cháu. Tôi là nhà giáo nên biết rõ hiện nay ở Sài Gòn giáo sư toán lý hóa lớp 12 giỏi lắm cũng

cỡ ông này, nhưng không biết đại úy có chịu rút ông ta không, dù trên nguyên tắc đại úy hoặc thiếu tá rút là được. Thêm nữa, xin lỗi đại úy, còn việc ông ta có chịu ra không.

Đại úy rất mừng tuy cảm thấy bị xúc phạm, nhưng vì lo cho đứa con lớn, ông hỏi:

- Anh cho tôi biết ông ấy là ai?

Tôi đáp:

- Đó là ông Hồ Hữu Tường, người bị án tử hình hiện đang nhốt phòng kín ở đây.

Đại úy Khỏe ngạc nhiên trố mắt:

- Anh có làm không, một ông già lùn, phù thũng mà biết dạy toán à?

Tôi đáp:

- Tôi đâu có làm, đại úy xem kỹ hồ sơ lý lịch của ông ta thì rõ. Ông ta rất thông minh được học bổng sang Pháp, đậu cử nhân toán đang học tiếp tiến sĩ thì vụ khởi nghĩa Yên Bái thất bại. Pháp xử tử đảng trưởng Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí, Hồ Hữu Tường cùng một số bạn biểu tình phản đối nên bị trục xuất khỏi Pháp.

Sau đó chừng một tuần, Hồ hữu Tường dạy toán cho đứa nhỏ, nhưng đứa nhỏ mỗi buổi trưa phải vào trại.

Trong cuộc đời tù của tôi lúc này là lúc sung sướng nhất. Sát biển buổi sáng đến sớm hơn và mỗi buổi sáng tôi dậy sớm, chạy trên bờ biển, xem mặt trời lên. Ngày nào cũng như ngày nào nhưng vẻ đẹp tươi trẻ hùng vĩ của mặt trời không thay đổi, tạo cho mình yêu đời tích cực. Nhìn mặt trời lên luôn tưởng như bắt đầu vào cuộc đời mới rục rờ đầy hứa hẹn. Lâu lắm rồi từ ngày lớn lên, rời quê nhà, tôi ít có dịp nhìn mặt trời lên trên mặt biển. Nay gần biển — hình như biển nào cũng như biển nào, vẫn những đợt sóng bạc đầu vỗ bờ với tiếng rầm rì bất tận — tôi ra bờ biển sớm từ lúc phía Đông chỉ là một vùng mây màu hồng lớn rộng. Ban đầu màu hồng lợt rồi đậm dần, đậm hơn nữa tới đỏ như cục than đang cháy. Mặt trời nhú lên, một vòng cung lớn, chân trời như gần lại, biển từ xanh đen biến thành xanh lợt, sáng hơn. Mặt trời đỏ đậm, tròn thật tròn lên nhanh, từ một cung tròn rồi nửa mặt tròn, rồi cả khối tròn hiện rõ tiếp xúc với chân trời mặt biển. Đó là lúc đẹp nhất của buổi bình minh.

Từ sáng đến chiều bờ biển hoang dại vắng lặng, không có ghe đánh cá, không người qua lại. Bờ biển là nơi tù không được

phép tới nên dù trại Nhà Lá sát biển, tù vẫn ngại vi phạm một điều không cần thiết phải vi phạm, vì thế, bãi cát trắng dài từ cầu tàu đến mũi Lò Vôi không có dấu chân người. Từ hôm dạy con của đại úy Khỏe, tôi được phép đi lại trên bờ biển hoang vắng này. Mặt trời lên cao vài con sào, tôi bắt đầu bơi. Khi học tiểu học, tôi đã ham mê thể thao thể dục, gần sông, gần biển, gần sân bóng đá nên môn chạy, môn bơi là môn tôi thích và cũng là môn tôi đạt thành tích cao. Bây giờ trở lại biển, như cá gặp nước, tôi thú vô cùng. Cũng thuở nhỏ, anh tôi học ở Huế về cho tôi cuốn sách có hình vẽ về “Phương pháp bơi lội”. Tôi say mê bắt chước từng động tác sách chỉ kiểu bơi, cách thở, cách nằm trên mặt nước, cách giảm sức cản của nước... nhất là khi bơi biết cách đối phó với trở ngại như gặp luồng nước khác biệt, gặp vật lạ như đĩa biển chẳng hạn, hay bị “vọp bẻ” (cramp)... Vì thế tôi có thể bơi ba bốn cây số ở nước biển. Khoảng 11 giờ, trưa tôi về trại ăn trưa rồi một, hai giờ đến tư thất đại úy Khỏe dạy học. Mười bữa như chục, lúc nào tôi bước vào phòng dạy, trên bàn đã đặt sẵn ly cà phê phin đang nhỏ từng giọt. Vì không phải lớp thi nên tôi dạy sơ sài, cho bài tập rồi tôi đem ly cà phê ra ngồi dưới gốc cây bàng trước nhà nhìn trời bao la, biển mênh mông vô tận, gió mát rượi, hơi mặn mặn... Nghĩ đến người thân yêu, nghĩ đến từng thằng bạn đang lưu lạc phương nào, tôi đọc khẽ những câu thơ, những bài thơ còn nhớ được. Không nhàm không chán, lúc nào cũng cảm hứng với cảnh sắc trời biển. Vào những chiều mát, Nguyễn Thành Vinh và Trần Tương cũng ra bãi biển bơi. Riêng tôi, cả ngày trừ giờ ăn và giờ dạy con đại úy Khỏe còn tất cả thì giờ tôi dành cho bờ biển. Vốn thích biển, yêu biển, mỗi lần thấy biển tôi đều vui vui yêu đời, bây giờ được ở sát bờ sóng, đầu không cần nón, đi chân không, tôi lang thang trên bờ biển, tắm bơi, rồi lại lang thang, lại tắm. Cứ thế, tôi qua lại nhiều lần khu bờ biển được phép đi — từ mũi cầu tàu đến mũi Lò Vôi là bờ biển mặt tiền, nơi các tư dinh của tỉnh trưởng, tỉnh phó, các cơ quan ... Những bờ biển khác, các hòn đảo khác có quân đội canh gác và các toán trật tự thì tù không được đến.

Toán trật tự được lựa từ số tù khỏe, chưa vi phạm về vượt ngục, không thuộc loại nguy hiểm. Phần nhiều lấy tù thường phạm hoặc quân phạm. Toán trật tự được ở riêng, không đi làm, đi lại tương đối tự do. Tù thường ghét và sợ đám trật tự này.

Ở những nhà tù trong đất liền, tù có thể tìm cách liên lạc

với gia đình, nhưng ở Côn Đảo đành chịu. Tù chỉ được nhận đồ tiếp tế mỗi tháng một lần khi có chuyến tàu chở thực phẩm và đưa nhân viên đến ... Mỗi khi nghe một hồi trống dài thưa, tù đều vui mừng vì hồi trống báo hiệu tàu tiếp tế đã hạ neo. Trước hết, tù được thư gia đình, quà tiếp tế là điều trông mong nhất, thứ hai là được ăn tiêu chuẩn thịt suốt tháng dồn vào một ngày, vì số thịt này không thể cất giữ lâu. Trong đất liền, nhà thầu cung cấp từng ngày, ở đây một tháng một lần, tuy số thịt không bao nhiêu nhưng dồn hết ba mươi ngày làm một nên ngày tàu ra là ngày vui của tù. Ở đây, thân nhân có thể gửi tiền cho tù bằng ngân phiếu, ty bưu điện ở đảo lo dịch vụ này. Lê Sử thường gửi tiền cho tôi nên về vật chất tôi tương đối đầy đủ vì có cửa hàng bán đồ ăn, bán bia rượu.

Chưa đầy hai tháng mà tôi khỏe hẳn lên và vì phơi nắng, tắm biển tôi đen hơn người châu Phi. Anh em tù lâu năm kể cho tôi nghe những cuộc vượt ngục ở Côn Đảo thật phi thường. Những người có án nặng, khỏe, can đảm mới nghĩ đến vượt ngục. Muốn vượt ngục phải chuẩn bị trước hàng năm trời và cần có hai người mới thuận tiện cho việc đi trốn. Trước hết phải ngoan ngoãn tuân theo giám thị, tôn trọng nội qui, chứng tỏ hối cải hầu được giảm án, mục đích để khỏi bị liệt vào thứ tù cần theo dõi từng giờ từng phút. Hàng ngày đi đốn củi trên rừng, vì Côn Đảo toàn rừng xanh âm u, khi thuận tiện đốn những cây đường kính non vài tấc, dài vài mét, cất giấu trong rừng. Để tránh tò mò của người trong toán, lâu lâu mới hạ một cây và cất giấu nhiều chỗ để rủi vô tình giám thị thấy đoạn cây đó không nghi ngờ gì. Cất giấu năm sáu cây dài và ba bốn cây ngắn bằng một phần ba cây dài độ ba, bốn tháng cho cây khô và nhẹ trong khi tìm cách đem ra rừng giấu kỹ vài tấm đắp còn mới do gia đình gửi tiếp tế. Thường trước mùa gió chướng chừng một tuần, giám thị dẫn trật tự đi từng phòng tịch thu tất cả tấm đắp, khăn lớn, dây nịt v.v... chôn vào kho tới hết mùa gió mới trả lại. Tù già yếu hoặc đau ốm cũng bị tịch thu vì sợ người khác ăn cắp để trốn. Mùa gió chướng là mùa khổ nhất của tù Côn Đảo vì lạnh mà không được dùng mền, dùng áo vải dày, áo ấm v.v... và bị theo dõi rất gắt, nhất cử nhất động đều bị để ý. Trong mùa gió chướng, cát bụi bay đầy trời. Khi ăn, nếu không cẩn thận, gió thổi cát vào đầy chén cơm. Những cây cất giấu đã khô chờ thời điểm quyết định là ngày gió mạnh nhất, đêm không có trăng. Gió

chương là gió thổi từ Đông Nam đến Tây Bắc, tức là thổi từ Côn Sơn vào đất liền thường vào bờ biển Phan Rang, Phan Thiết. Những ngày bắt đầu mùa gió chương, cất dây trong rừng có thể buộc cột như dây mây... và chôn giấu kín. Thế là đã đầy đủ, chỉ còn chờ cơ hội thuận tiện là lên đường.

Gió thổi cực mạnh, trời không trăng là thời cơ đến. Hai người tù quyết vượt ngục vẫn theo toán đồn củi như thường lệ, nhưng lần này không lo đồn củi cho đủ tiêu chuẩn qui định mà gấp rút đào những cây cất giấu từ lâu, dùng dây rừng ghép thành bè. Bè được chôn trên cát gần bờ sóng. Thường lệ vào lúc 4 giờ 30 chiều, toán đồn củi nghỉ việc tập hợp, điếm danh về trại. Điềm đi điềm lại vẫn thiếu 2 người, giám thị lật đật dẫn toán tù về trại và báo động. Trước khi điếm danh về trại chừng một tiếng đồng hồ, hai người trốn vào rừng sâu. Toán trật tự, giám thị, lính canh tù... cấp tốc lục soát tìm kiếm khắp nơi trên đảo nhất là dọc theo bờ biển. Tìm kiếm từ 5 giờ chiều đến 10 giờ khuya, tất cả đều mệt. Trật tự cũng như giám thị, nói chung người đi kiếm, không dám đi từng nhóm ít người vì rất sợ tù vượt ngục liều lĩnh, và phải có đèn nên người vượt ngục dễ thấy người đi tìm mình. Đêm rất tối, cách nhau vài mét không thấy, gió thổi mạnh, sóng gầm thét, những đợt sóng cao như cái nhà đập vào bờ tóa bọt trắng xoá. Quan sát kỹ, người vượt ngục đẩy mạnh bè xuống nước nằm trên bè lấy dây rừng buộc quanh bụng vào bè để không bị văng ra ngoài khi gặp đợt sóng quá lớn. Gió thổi mạnh nên chỉ vài phút bè theo gió ra nhanh khỏi bờ. Đêm mùa đông không trăng, bè ra khỏi bờ chỉ mươi thước là trong bờ hết nhìn thấy nữa. Thế là an toàn không còn sợ đám người đi kiếm. Rồi tấm đắp được căng lên làm buồm cho bè chạy tối đa theo gió tấp vào bờ. Có khi mờ sáng tới bờ, thường tấp vào các tỉnh miền Trung. Khi lên bè ra khỏi bờ sóng, người vượt ngục chỉ có một việc là cố giữ đừng để văng ra biển, nghĩa là luôn bám vào bè và chịu đựng cái lạnh của đêm khuya mùa đông. Tới được đất liền, phần nhiều đóng vai ăn xin len lỏi trong dân chúng để dễ đi lại. Gần như mùa gió chương nào cũng có tù vượt ngục, nhất là thời phương tiện truyền tin còn quá thô sơ và chưa có máy bay trực thăng. Tuy vậy, kết quả khá bi đát vì tuy tổ chức dễ dàng nhưng thường bị chết trước khi đến đất liền do dây cột cây ghép thành bè bị đứt hoặc bị rút xuống biển, có khi bị gió thổi lạc hướng không vào đến bờ...

PHẦN 3

1963 -1975

ĐẢO CHÁNH

Buổi chiều đó, chúng tôi đá banh giao hữu giữa trại A và B. Tù ra xem thật đông, đang sôi nổi vui vẻ bỗng có lệnh vào trại gấp. Chúng tôi sắp hàng điểm số cẩn thận rồi giám thị dẫn vào trại B, không được về trại Nhà Lá. Ngay lúc đó, tất cả tù ở ba trại A-B-C đều phải vào trại, kể cả trật tự ở các hòn đảo khác. Chật không còn chỗ đứng mà vẫn dồn tù vào. Chúng tôi vừa mệt vừa đói, vì tù đang làm việc ở nhà bếp cũng bị đưa vào trại cùng với tù đang nằm ở bệnh xá. Đến nửa đêm, không còn người tù nào ở ngoài ba trại chính A-B-C. Không được nghe radio, không tiếp xúc với người trong đất liền, chúng tôi suy luận, nếu Phật giáo tranh đấu mạnh thì nơi đây quá xa không ảnh hưởng gì hết, như vậy, theo tôi có thể có tin Việt Cộng hay lực lượng quân sự nào muốn giải thoát tù và tin khẩn cấp lắm nên mới gấp dồn tù vào các trại kiên cố.

Quá nửa đêm, chúng tôi đang bực bội vì quá chặt, đại úy Khỏe đi ngang phòng, ném vào một miếng giấy nhỏ viết mấy chữ *“Tin vui, đảo chánh ở Sài Gòn”*. Chúng tôi mừng quá, nhưng vẫn lo chánh quyền tổ chức đảo chánh giả để bắt đả đối lập. Mờ sáng, đại úy Khỏe vào cho biết quân đội đảo chánh thành công và mở cửa cho chúng tôi ra ngoài. Làm sao nói hết được nỗi sung sướng! Chúng tôi nhảy, la hét, ôm nhau nước mắt rùng rùng. Ôi! sung sướng quá sung sướng! Chỉ trừ tù Cộng Sản, còn chúng tôi và tất cả tù ở Nhà Lá, trật tự đều về chỗ cũ.

Qua đài phát thanh, chúng tôi biết tướng Dương Văn Minh tổ chức đảo chánh trưa 1 tháng 11 năm 1963 và sáng hôm sau Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị quân đảo chánh giết. Chúng tôi chắc chắn sẽ được trả tự do chỉ vài ngày sau. Chúng tôi xin phép đại úy Khỏe đi thăm mộ nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh trước khi về vì không bao giờ có dịp đi thăm. Đại úy Khỏe nói:

- Với tôi và thiếu tá Sáu, anh em không còn là tù nữa. Anh em tự do đi lại khỏi phải xin phép, nhưng nhớ không nên đi xa vì nếu phải về gấp thì chúng tôi tìm các anh cho nhanh.

Tôi cảm phục Nguyễn An Ninh khi còn tuổi học trò. Hình

ảnh Nguyễn An Ninh thật đẹp, ở tuổi hai mươi đầu cử nhân luật tại Pháp, dư điều kiện ra làm quan để sống cảnh vợ đẹp con sang, nhưng Nguyễn An Ninh⁽⁵⁰⁾ làm báo, dùng phương tiện ngôn luận chống thực dân. Người miền Nam luôn kể lại hình ảnh ông Ninh bán dầu cù-là ở bến xe, trên xe lửa, vừa rao bán vừa tuyên truyền chống Pháp. Lớp trí thức Nam Kỳ yêu nước thuở đó như Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Phạm Văn Bạch, Hồ Hữu Tường và nhiều người nữa... đều nể phục, xem ông như bậc thầy về ý chí chống Pháp. Vì yêu nước, yêu dân tộc, ông đã trả giá đắt. Ông chết lúc 43 tuổi ở trong tù. Khi ông chết, tù tổ chức truy điệu, một số bị giám thị hành hạ. Mật thám Pháp còn cho người lén canh mộ ông để theo dõi những người thương tiếc ra thắp nhang. Mãi sau này, mộ ông mới được xây đàng hoàng.

Thấp nhang trước mộ Nguyễn An Ninh, tôi vừa khâm phục ông vừa buồn vì chắc không bao giờ trở lại đây nữa. Chúng tôi lấy làm lạ tại sao đảo chánh đã bốn năm ngày rồi mà chưa cho chúng tôi về. Có người bảo chánh quyền Dương Văn Minh chỉ là chánh quyền Diệm không có Diệm và chứng minh cho nhận định đó là việc ông Nguyễn Ngọc Thơ làm thủ tướng.⁽⁵¹⁾ Ông Thơ cộng tác với ông Diệm đến giờ cuối mà thành thủ tướng của phe

⁽⁵⁰⁾ Nguyễn An Ninh sinh năm 1900, mất năm 1943 tại nhà tù Côn Đảo. Ông đầu cử nhân luật tại Paris rất sớm, rồi về nước làm báo, sáng lập tờ *La Cloche Félée* (Tiếng Chuông Rè năm 1923-1924).

⁽⁵¹⁾ Lúc bấy giờ có hai nhân vật, theo tôi, làm xấu hổ cho người Việt Nam, làm xót xa cho giới cổ học là Nguyễn Ngọc Thơ và Vũ Văn Mẫu. Hai người này một Nam, một Bắc đều là con nhà giàu có, “con nhà quan”, đều có bằng cấp tại Pháp. Vũ Văn Mẫu từng làm tri huyện dưới thời Pháp thuộc nên khi về nước làm thủ tướng, ông Diệm vốn tin cậy giới quan lại và khoa bảng đã ưu tiên trọng dụng. Ông Mẫu làm ngoại trưởng từ phút đầu kiêm luôn chức khoa trưởng Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Năm 1957, tôi học môn Dân Luật do ông giảng dạy và sinh viên rất kính trọng ông. Nhưng khi ông Diệm lâm nguy do phong trào Phật giáo tranh đấu, thì ông bỏ ông Diệm, và lộ bịch hợn nữa, cạo đầu theo Phật giáo, đi An Độ gọi là đi hành hương...! Biết bao tiện nhân gặp những trường hợp như vậy đã lui một cách rất đẹp như cụ Nguyễn Khuyến về vườn dạy học sống trong âm thâm. Nhưng các ông Mẫu, Thơ không lui, không một chút ơn nghĩa, không một chút tình bằng hữu, bỏ cũ theo mới, chạy theo nhanh để lập công, để giành cơ hội, để khỏi tù tội mà còn được trọng dụng. Trong một cuộc họp báo thủ tướng chánh phủ “cách mạng” Nguyễn Ngọc Thơ trả lời câu hỏi ác độc của một ký giả ngoại quốc có ý xoi mói tại sao tổng thống chết mà phó tổng thống lại được mời làm thủ tướng, tôi còn nhớ rất rõ thủ tướng Thơ trả lời: “Làm chính trị phải biết nhìn xa, thấy rộng, thời thế biến chuyển theo cấp số cộng, người làm chính trị phải biến theo cấp số nhân mới kịp.” Cả hội trường đều cười ồ và ông cười lớn hơn hết.

giết Diệm!

Riêng tôi nghĩ không thể vì ông Thơ làm thủ tướng mà bảo chánh quyền này là chánh quyền Diệm. Tôi nói với anh em, sự việc có thể rất giản đơn là các tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính tổ chức đảo chánh chắc chắn do Mỹ bật đèn xanh, không chuẩn bị, khi thành rồi thì lúng túng trước bộ máy hành chánh nên tướng Minh với bản chất hề hề hà hà, vừa dễ dãi vừa nhu nhược chỉ thấy ông thầy mình đã quen làm hành chánh nhiều năm bèn giao cho ông ta việc khó khăn phức tạp nhưng không nguy hiểm, không hại ai mà quên mất yếu tố dân tâm nên đưa ông Thơ làm thủ tướng, biến thành gáo nước lạnh dập tắt ngọn lửa cách mạng đang phừng phừng trong dân chúng. Còn việc chúng tôi chậm được về có thể bởi hai lý do. Thứ nhất, rất giản dị, các ông tướng đó không tổn xương máu, không tổn tiền của, nhất là không tổn tâm trí, (có thể tổn tâm trí là tổng thống Kennedy và các cố vấn an ninh của ông) chỉ nghe lời Mỹ và thành công trọn vẹn, quá sướng nên quên mất số tù chính trị quốc gia đang bị nhốt. Thứ hai, vì sợ uy tín của bác sĩ Phan Quang Đán đang lên ngàn ngụt, nếu đưa ông Đán về với sự đón tiếp nồng nhiệt của dân chúng khác gì tự hại mình nên kéo dài thời gian chờ dân chúng lạnh dần trở lại với cuộc sống thực tế hằng ngày rồi mới cho ông Đán về trong âm thầm như trăm ngàn tù nhân khác. Trong số tướng lãnh đảo chánh, có thể tướng Kim, Khiêm và con cáo già Mai Hữu Xuân lo xa, còn các tướng Minh, Đôn, Đính thì thế là xong, chờ có lệnh gì làm tiếp, không quen suy nghĩ, không quen làm gì ngoài vòng quân kỷ... Tôi nghĩ về các tướng lãnh như thế vì đã được nghe các luật sư Trần Văn Tuyên, Lê Ngọc Chấn nói, nhất là luật sư Chấn từng làm bộ trưởng quốc phòng. Một số chi tiết khác thì do Bùi Bưu, người bà con, làm việc lâu năm trong dinh tổng thống Ngô Đình Diệm kể.

Ngày mùng 8, tức 7 ngày sau đảo chánh, thiếu tá Sáu mời chúng tôi đến tỉnh đường để gặp ông. Thiếu tá cho biết ba giờ chiều chúng tôi ra tàu về và mời tất cả ăn cơm trưa với ông tại tòa tỉnh. Cái gì phải đến đã đến.

Trưa hôm ấy, chúng tôi có một bữa tiệc thật ngon, tiệc mừng được tự do, mừng sự cáo chung chánh quyền Ngô Đình Diệm. Bác sĩ Phan Quang Đán thay mặt chúng tôi cảm ơn thiếu tá lâu nay đã đối xử tốt với anh em.

Trên mũi cầu tàu, gia đình thiếu tá Sáu, gia đình đại úy Khỏe và rất đông tù Nhà Lá đưa tiễn chúng tôi. Nhìn hàng cây bàng, nhìn mũi Lò Vôi, bắt tay anh em, lòng vô cùng mừng nhưng nước mắt tôi rưng rưng. Em nữ sinh lớp 9 do tôi dạy mỗi buổi chiều, khóc nức nở tiễn chúng tôi. Hai chiếc ghe máy đưa chúng tôi ra tàu lớn ngoài xa, lúc ấy gần 5 giờ chiều ngày 8 tháng 11 năm 1963.

Trên boong tàu, thiếu tá thuyền trưởng chào mừng, nói nhân danh đại diện đơn vị đưa chúng tôi về Sài Gòn. Ông bảo đêm nay các sĩ quan trên tàu nhường phòng cho chúng tôi nằm thoải mái, và vì kính trọng những người đã hi sinh cho tự do, dân chủ, nhân quyền, ông sẽ cho tàu chạy ra Phan Thiết rồi quanh vào để tránh sóng lớn, tàu bớt chao và 6 giờ sáng mai tàu sẽ cập bến Bạch Đằng.

Đứng trên boong tàu nhìn lại, Côn Sơn nhỏ dần, nhỏ dần rồi như lẫn lộn với mây chiều. Tàu qua mũi Cá Mập, có lẽ là nơi sâu nhất ở vùng đó, nước xanh đen. Những người vượt ngục sợ nhất nơi này, không may gió tấp vào đây thì biến thành mồi cho cá. Tàu chao chao, gió bắt đầu, bầu trời như thấp xuống, tầm nhìn xa rút gần lại. Thiếu tá thuyền trưởng đã bảo đêm nay có gió lớn, nhưng đừng lo lắng, hãy ngủ cho ngon. Tôi theo cầu thang bước xuống phòng ngủ, nồn nao với nhiều hình ảnh, ý nghĩ hiện rồi biến rồi hiện, hình ảnh Côn Đảo, hình ảnh Sài Gòn chen lẩn. Tôi không hận Côn Đảo, chỉ thấy tội nghiệp những người tù ở lại, người nào bắt tay tôi cũng rơm rớm nước mắt. Tôi đã chúc họ một câu lạt lẻo *“ở lại mạnh khỏe rồi sẽ về với gia đình”*. Ôi, Côn Đảo thật dễ thương nhưng cũng vô cùng buồn thảm! Vĩnh biệt Côn Đảo!

Càng về khuya gió càng nhiều. Tàu chao mạnh, không quen phải vịn vào thành mới đi được, cố ngủ nhưng không thể nào ngủ. Rất thận trọng, tôi nắm chặt tay vịn cầu thang, lần từng bước lên boong tàu. Một cảnh tượng thật kinh khủng. Sự chắc chắn bền vững của con tàu khi chiều, giờ như không. Con tàu nhỏ quá, mong manh trên mặt biển đang gầm thét. Những đợt sóng đập vào thân tàu tung nước trắng xóa lên boong. Tôi bám chặt hai tay vào dây cáp giăng quanh boong tàu, một chân ngoéo chắc cây trụ sắt để khỏi văng xuống biển mỗi khi con tàu cỡi đợt sóng lớn. Nước trắng xóa hai bên thành tàu, trước mũi tàu. Bầu trời đen ngịt thấp hẳn xuống, không còn phân biệt

được gì, ngoài màu trắng mờ mờ xung quanh. Trời tối quá không cách gì tối hơn. Trên từng lầu cao chót vót chỉ có một đèn pha chiếu về phía trước, tắt rồi sáng, tắt rồi sáng. Con tàu chồm lên cao, cao nữa, cao chót vót, rồi chúi xuống, chúi chìm xuống, cứ thế, hết đợt sóng này qua đợt sóng khác, đâm đầu mãi vào một vùng tối tăm mịt mù. Chưa bao giờ tôi thấy biển trời khủng khiếp như giờ phút đó. Nhớ lại câu nói của thuyền trưởng khi chiều “*Đêm nay có sóng lớn, nhưng xin quý vị an tâm, chúc quý vị có một giấc ngủ ngon...*” tôi rùng mình nghĩ đến những người tù vượt ngục, ôm chặt chiếc bè liêu lĩnh qua những đợt sóng lớn như thế này. Nước tung tóe lên boong tàu như mưa lớn khiến tôi ướt hết áo và ớn sợ, thận trọng lui xuống cầu thang về phòng, vào phòng tắm. Lâu lắm rồi, tôi mới được tắm với nước búp sen. Một như, qua một ngày chịu những cảm xúc vui buồn và chứng kiến cảnh hung hãn của biển, của sóng trong đêm tối, tôi có cảm tưởng như trời và biển khắng khít với nhau cùng một phe đối lập với chiếc tàu mỏng manh của con người. Tôi thiếp đi không biết bao lâu. Những giây đầu tỉnh lại, tôi không biết mình ở đâu, khi định thần tôi mừng quá biết đã được tự do và đang trên đường về Sài Gòn nhớ thương.

Loa phóng thanh báo lời mời của thuyền trưởng. Chúng tôi kéo lên boong tàu. Con tàu đã lấy lại phong độ vững vàng sừng sững sau một đêm kinh khủng quyết liệt sát phạt với sóng gió để đưa chúng tôi trở về với quê hương. Thuyền trưởng tươi cười bắt tay từng người chúc chúng tôi vui về với gia đình. Ông bảo khi về bến sẽ bận rộn với việc đậu tàu nên khó có thì giờ chào chia tay và báo cho biết theo dự định tàu sẽ về bến Bạch Đằng khoảng 7 giờ sáng, nhưng khi hôm ông được lệnh không ghé bến trước buổi trưa vì lý do an ninh. Do đó tàu sẽ chạy rất chậm để đến nơi vừa đúng 12 giờ. Như thế chúng tôi còn 6 giờ nữa mới được bước lên cảng Sài Gòn.

Nhìn hai bên bờ cảnh vật vui tươi, tàu thuyền qua lại tấp nập, tự nhiên tôi thương con sông Sài Gòn. Trước đây tôi từng qua lại con sông này nhưng luôn dừng dưng. Sáng nay yêu đời quá thấy cái gì cũng dễ thương. Ánh nắng sáng chiếu dọc những hàng cây xanh hai bên bờ tạo thành bức tranh sống động thật đẹp. Tất cả náo nức đứng trên boong tàu, y phục đàng hoàng như khách du lịch, chỉ thiếu việc mang theo máy chụp hình. Riêng tôi, vẫn mặc bộ quần áo tù, bởi chiều hôm qua, khi

nói chuyện với anh Nguyễn Thành Vinh, tôi nêu ý kiến mặc nguyên đồ tù và được anh đồng ý. Bây giờ có lẽ tất cả đều mặc đồng phục nên anh Vinh đổi ý, còn tôi đã cho anh em ở lại tất cả đồ đạc từ bàn chải đánh răng đến cái khăn lau mặt, chỉ mặc một bộ đồ tù. Tàu di chuyển chậm vì không được phép đến trước 12 giờ trưa. Tôi lấy làm lạ điểm này nhưng vì vui nên không suy nghĩ gì. Khi đến khu Nhà Bè, tàu hú còi mạnh như báo hiệu sắp vào cảng Sài Gòn. Tôi ngỡ ngàng trước những tàu quân sự Mỹ - Việt đậu san sát. Lâu nay đi trên bờ, hoặc đứng ở bến Bạch Đằng, không thấy được mức lớn rộng và tàu bè chen chúc của cảng Sài Gòn. Trên boong các tàu hai bên đều có những toán binh sĩ hải quân y phục trắng, nghiêm chỉnh chào chiếc tàu của chúng tôi. Có lẽ họ biết tàu từ Côn Đảo và lại khiến tôi ngạc nhiên thêm.

Tàu di chuyển rất chậm rồi dừng hẳn. Trên bến Bạch Đằng, người chen chúc, cảnh sát đứng sát nhau dưới lều cô lập hẳn một đoạn đường. Một rùng tay chen chúc đưa lên cao chào mừng chúng tôi cùng tiếng reo mừng chen lẫn những tiếng rang rang từ máy phóng thanh tạo thành một âm thanh ồn ào náo nhiệt không thể phân biệt. Cảnh sát không ngăn chặn nổi đoàn người quá đông ùn ùn tiến đến cầu tàu. Cầu tàu vừa hạ xuống, đám ký giả vượt qua hàng rào cảnh sát tiến tới quay phim, chụp hình, chen lấn vây quanh bác sĩ Phan Quang Đán. Tôi nghe phỏng vấn bằng cả tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh. Có lẽ tôi là người trẻ nhất trong đám, lại vẫn mặc bộ áo tù nên một số ký giả xúm lại hỏi tôi nghĩ gì về Côn Đảo. Tôi cười trả lời gọn "*Rất đẹp, rất lý thú.*" Một nữ ký giả có lẽ người Anh đề nghị chụp chung với tôi tấm hình. Cô ta đưa máy hình cho người bạn chụp và hỏi tôi tại sao đen quá và ở tù mà sao có vẻ khỏe quá. Tôi trả lời vì tắm nắng và tắm biển suốt ngày khiến cô ta ngạc nhiên hỏi có thực không.

Khoảng ba chục phút sau, chúng tôi mới theo cầu thang xuống bến. Hai người đứng ngay đầu cầu tàu hỏi tên và liền theo đó loa phóng thanh xướng tên chúng tôi "*Đây là bác sĩ ... Đây là ... Đây là ...*" Mỗi lần xướng danh, tiếng hoan hô, tiếng reo hò trỗi lên náo nhiệt khu bến Bạch Đằng. Hàng trăm cánh tay chen lấn đưa ra bắt tay chúng tôi. Tôi chụp lấy tay Lê Sử nắm chặt và đứng ngay tại chỗ, mừng như không còn cách gì mừng hơn. Sử hôn hờ, quần áo xốc xếch, tóc rối bời. Chưa bao giờ tôi

thấy Sử xóc xếch như vậy. “Chen lán từ 6 giờ sáng đến giờ. Có sao không mà trễ dữ vậy. Đai phát thanh bảo khoảng 8 giờ sáng đoàn tù Côn Đảo về mà.” Sử nói lớn cho tôi nghe, còn hỏi sao cả đoàn đều mập, trắng mà tôi đen quá vậy. Vì phía sau đang chờ để xuống bến nên tôi vội vã bước. Cự và Tạ Ký đứng chờ tôi phía dưới, không thể chen lán để tới bắt tay được. Tôi chỉ nghe Ký la lớn “*Tao bỏ dạy, tối nay Chợ Đũi!*” Một sĩ quan mời tôi lên chiếc xe lớn trên đó nhiều người đã ngồi chờ những người kế tiếp.

Xe chạy về Tổng Tham Mưu.

Ôi Sài Gòn nhớ thương, Sài Gòn đẹp, Sài Gòn tấp nập, náo nhiệt trẻ trung. Lâu rồi quên mất cảnh xe cộ chen chúc thế này và quên là lúc mình sống trong tối tăm, cực khổ, dơ dáy hay trong cảnh tịch mịch của bờ biển Côn Sơn thì...Sài Gòn vẫn đông đúc, vẫn xe cộ, vẫn có những đoàn nữ sinh xinh đẹp đến trường!

Lần đầu tiên, tôi vào Tổng Tham Mưu.

Không rõ các tòa nhà đẹp đẽ này xây cất từ thời nào. Đâu đâu cũng sạch, rất sạch. Một số sĩ quan cấp úy trẻ tuổi, nói năng lễ độ tiếp chúng tôi. Tất cả đều mặc đồng phục kaki vàng nhạt làm cho đáng người thư sinh càng thư sinh hơn. Họ mời chúng tôi uống nước ngọt và chúng tôi được biết vì phải dự cuộc họp đặc biệt nên trung tướng chưa thể ra gặp chúng tôi. Chúng tôi đi lại trong phòng đến gần 3 giờ chiều. Bực bội vì chờ quá lâu, tôi nói với người trung úy trong phòng:

- Chúng tôi mất tự do lâu năm, anh trình lên cấp trên của anh không nên để chúng tôi mất tự do nữa. Gia đình chúng tôi đang chờ ở nhà, nếu một lát nữa không có ai ra tiếp, chúng tôi tự động ra về.

Người sĩ quan trẻ có vẻ bất ngờ, xin lỗi chúng tôi và bảo sẽ vào trình thiếu tá trưởng phòng.

Vài phút sau những tiếng hô “*nghiêm!*”, “*nghiêm!*”

Hai ông tướng từ trên lầu xuống. Nhìn bản tên trên túi áo, tôi biết là tướng Trần Thiện Khiêm và tướng Lê Văn Kim. Tướng Khiêm dáng như nhà giáo, da trắng, đeo kiếng trắng, không đội nón, tóc hớt cao, mặc kaki vàng ối rất thẳng, chemise cụt vể trẻ trung khó đoán nổi độ tuổi. Tướng Kim hơi mập và hơi đen hơn. Hai ông tướng tươi cười đi bắt tay chúng tôi luôn luôn nói xin lỗi vì xuống trễ. Tướng Khiêm nói nhỏ nhẹ như đàn bà. Tướng Kim

rất hoạt bát, giọng Bình Định. Ông bảo:

- Chúng tôi nhà binh không làm chính trị. Đảo chánh là bất đắc dĩ vì phải đương đầu với cộng sản không thể để dân chúng xáo trộn quá, bọn cộng sản sẽ lồng vào thì tai hại vô cùng. Ổn định rồi giao lại cho các ông, chúng tôi chỉ biết đánh giặc thôi.

Ông hỏi thăm sức khỏe bác sĩ Phan Quang Đán và nói sẽ mời bác sĩ đóng góp vào việc xây dựng quốc gia. Bác sĩ cảm ơn quân đội đã đảo chánh để cứu dân tộc và anh em được tự do. Sau cùng, tướng Lê Văn Kim hỏi ai có ý kiến gì xin cho biết. Không thấy ai có ý kiến gì, tôi nói:

- Kính thưa trung tướng, chúng tôi xin cảm ơn trung tướng và cảm ơn quân đội nói chung đã đứng ra đảo chánh chấm dứt một chánh quyền độc tài gia đình trị. Nhân tiện xin phép trung tướng cho tôi có một đề nghị, (nói đến đây tôi dừng lại, cả phòng im phăng phắc, hướng về tôi) xin chánh quyền cách mạng ân xá cho người đã giết hụt cựu tổng thống Ngô Đình Diệm. Theo tôi, tổng thống Diệm đã hành động rất cao thượng là tha chết cho người cố giết mình, thì không có lý do gì chúng ta lại giam giữ người đó. Tôi xin thưa, dù người giết hụt tổng thống Diệm ở phe phía nào không quan trọng, hành động giết tổng thống Diệm đã là không trái ngược với chúng ta rồi. Tôi cũng xin thưa tiếp là yêu cầu chánh quyền cách mạng đại xá cho tù nhân, vì có nhiều người ở tù quá lâu, nhất là ở Côn Đảo, và cũng rất nhiều người bị nhốt lâu năm mà không được xét xử. Một lần nữa xin cảm ơn trung tướng.

Tôi nói tha thiết và quyết liệt, trong lúc tướng Kim ghi ghi chép chép điều tôi yêu cầu. Tướng Kim trả lời và chốc chốc tướng Khiêm xen vào, hỏi tôi có biết tên người giết hụt ông Diệm và hiện nhốt ở đâu. Cuối cùng, ông hứa sẽ đưa ra Hội Đồng Cách Mạng ý kiến của tôi. Ra về, tôi nhẹ người vì đã nói được nguyện vọng của anh em còn ở trong tù. Từ khi biết chúng tôi sắp được tự do, nhiều anh em tù còn ở lại tìm chúng tôi nhờ đề đạt ý kiến xin cho họ sớm được giảm án.⁽⁵²⁾

Việc đầu tiên tôi làm là gửi điện tín báo cho cha mẹ biết tôi đã ra tù và về ở nhà anh tôi tại đường Nguyễn Huỳnh Đức, Phú

⁽⁵²⁾ Sau đó chừng nửa năm có quyết định đại ân xá, nhiều người được về và một số giảm án. Hà Minh Trí, người ám sát hụt tổng thống Diệm cũng được trả tự do.

Nhuận, có khi ở nhà Cự tại cư xá Lò Heo.

Dân chúng Sài Gòn vẫn đang phấn khởi, nhất là các chùa người ra vào như ngày hội. Tuy vậy tại các quán cà phê đã có những lời phê phán chánh phủ mới, vì theo họ thay vì làm thủ tướng, lẽ ra ông Nguyễn Ngọc Thơ vào tù mới đúng. Có người cho đây là sự trả ơn của Big Minh⁽⁵³⁾ vì suốt thời tổng thống Diệm, có lẽ ông Thơ nâng đỡ Minh. Có người bảo ông Minh không quen biết ai đủ trình độ làm thủ tướng, trong khi có người cho rằng đặt ông Thơ vào ghế thủ tướng để công chức, cán bộ từ áp xã trở lên thuộc mọi ngành từ giáo dục, y tế đến cảnh sát yên tâm làm việc. Bởi trước đó, tất cả đều phải vào đảng Cần Lao và không ít người đã tin tổng thống Diệm là tổng thống cho tới khi qua đời thì Ngô Đình Nhu kế vị và triều đại nhà Ngô sẽ bền vững nên họ mất tinh thần khi hai ông Diệm - Nhu đều bị bắn chết. Tôi nghĩ lý do này đúng hơn, vì khi ông Thơ lên thì trừ mấy tỉnh miền Trung có Quốc Dân Đảng như Quảng Ngãi, Quảng Nam, một số đảng viên Cần Lao, ở nhiều nơi chẳng những không ăn năn mà còn muốn ngóc đầu trở lại, nhất là những vùng có nhiều giáo dân. Ngoài số đó, đại đa số dân chúng thất vọng vì thấy không có gì thay đổi. Nhiều tờ báo chạy các hàng tít lớn "*Chánh quyền Diệm không có Diệm*" hoặc "*binh mới rệu rã*"... Mới chỉ một tuần lễ đầu, chánh phủ gọi là cách mạng đã mất hết sinh khí. Đồng bào Thiên Chúa giáo bất mãn, dân chúng thất vọng, đồng bào Phật giáo thì quá phấn khởi luôn tập trung về chùa để nghe các thầy thuyết pháp, nhưng thật ra là nghe nói đủ thứ chuyện đã phá chế độ cũ. Trong giai đoạn bị đàn áp, hầu hết tu sĩ Phật giáo tìm nơi ẩn tránh sự lùng soát của công an và người lãnh đạo tối cao, linh hồn của cuộc tranh đấu là thượng tọa Trí Quang cũng phải trốn vào tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, có thầy phải để tóc dài mặc thường phục để qua mắt công an. Khi chánh quyền họ Ngô bị lật đổ, những tu sĩ ẩn tránh lâu nay bung ra hồ hởi quá trớn. Tôi đến chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quang còn gọi là Phật Học Nam Việt, có lẽ chùa có lâu đời ở Sài Gòn, cố gắng lắm mới vào được trong chùa. Người người chen lấn, khói nhang nghi ngút khiến chảy nước mắt. Không vào được chánh điện, tôi qua phòng bên, tiếng cười

⁽⁵³⁾ Cách gọi của người Mỹ để phân biệt tướng Dương Văn Minh với tướng Trần Văn Minh.

đùa rần rật. Một đám nữ sinh với một số tu sĩ trẻ thân mật không còn khoảng cách. Tôi nghĩ có lẽ “*bại không nản*” dễ thực hiện hơn “*thắng không kiêu*”. Quá nửa đêm hôm đó, tôi với Tạ Ký đến chỗ Hoà Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, nơi ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng. Tạ Ký ngồi trên xe Lambretta ngậm ống vỏ phi phà. Tôi vào ngay chỗ Hoà Thượng tự thiêu, ngồi bệt xuống đất để tưởng niệm và tri ân một vị anh hùng dân tộc.

Tôi đang ngủ, anh tôi gọi lớn hót hải:

- Liệu ơi ! Tổng thống Kennedy bị ám sát.

Tôi vùng dậy hỏi:

- Chết hay bị thương, tin tức ở đâu?

Anh tôi vừa khóc nói:

- Chết rồi, đang chờ xác chết từ tiểu bang Texas về thủ đô Washington. Phó tổng thống Johnson đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống trên máy bay, tin đài VOA.

Tôi mở radio. Đài Sài Gòn cũng nói vậy nhưng chưa có chi tiết. Đó là ngày 22 tháng 11 năm 1963. Hôm đó, báo ở Sài Gòn có tờ in ba lần vì tin Kennedy bị ám sát. Anh em chúng tôi, người Việt miền Nam nói chung, rất kính trọng tổng thống Kennedy, một tổng thống dám quyết định đưa quân sang giúp Việt Nam đánh cộng sản, một tổng thống trẻ nhất trong lịch sử nước Mỹ từ trước đến nay. Rất tiếc chưa trọn một nhiệm kỳ đã bị ám sát. Tôi còn nhớ một câu nói của ông với người dân Mỹ: “*Đừng hỏi nước Mỹ làm gì cho bạn, hãy hỏi bạn sẽ làm gì cho nước Mỹ*”

BÁO XUÂN VIỆT NAM

Tết năm đó, chúng tôi làm báo Xuân, lấy tên *Xuân Việt Nam*. Tờ báo do Lê Sử và tôi đứng ra làm. Lê Sử và vợ anh Tạ Ký, chị Nguyễn Thị Hồng lo tài chánh, nhà in. Tôi lo bài vở. Tôi cố gắng thực hiện một tờ báo xuân đặc biệt, mời những chính khách mới từ Chí Hòa ra, từ Côn Đảo về, cùng một số văn thi sĩ nổi tiếng với hi vọng lâu nay chưa có tờ báo nào đặc sắc như vậy. Mỗi dịp Tết, các báo ở Sài Gòn đều ấn hành tạp chí xuân nên nhà in, nhất là giấy rất khan hiếm.

Tôi tiếp xúc với các chính khách, nhân sĩ tên tuổi, trình bày mục đích của tờ đặc san xuân, mọi người đều tán thành và danh sách người viết bài cho tờ báo gồm: Dương kim quốc trưởng

Phan Khắc Sửu, đảng trưởng Quốc Dân Đảng, nguyên bộ trưởng quốc phòng trong chánh phủ liên hiệp 1946 Vũ Hồng Khanh, luật sư Trần Văn Tuyên, luật sư nguyên bộ trưởng bộ quốc phòng Lê Ngọc Chấn, nhà văn Trương Bảo Sơn, nhà văn Hồ Hữu Tường, ông Trần Văn Ân, nhà văn Nguyễn Thị Vinh, nhạc sĩ Vĩnh Lợi, các nhân sĩ Trần Văn Văn, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thành Vinh, Vũ Kỳ, các thi sĩ Lam Giang, Bùi Giáng, Tạ Ký, Lê Vinh Thiệu, Lê Khắc Lý, nhà văn Chu Tử, nhạc sĩ Trúc Phương ... Hầu hết những người viết bài đều từ trong tù mới ra. Quảng cáo cho tờ Xuân hàng tháng trước nên nhiều người chú ý. Có những người có danh nhưng không có thì giờ viết, không quen viết, hoặc không quen viết tiếng Việt (như cụ Nguyễn Thế Truyền) thì tôi đến tận nhà nghe nêu đề tài muốn viết và ý tưởng rồi tôi hành văn để họ coi, sửa lại. Tờ báo in đẹp, khổ lớn dày hơn những tờ Xuân của các báo, in tại nhà in Ban Mai trước kia đã in truyền đơn cho vụ đảo chánh tháng 11 năm 1960. Chúng tôi có người đi tới các tòa tỉnh yêu cầu mua, hầu hết đều nhận lời mua, có tỉnh mua vài trăm số.

Thời đó, báo chí hoặc tự phát hành hoặc qua hệ thống phát hành của hai công ty Thống Nhất và Đồng Nai. Nhà phát hành Đồng Nai chỉ phát hành ở Sài Gòn, nhà phát hành Thống Nhất phát hành toàn quốc.

Có ba người tìm tới gặp chị Hồng và Sửu, nói do kính mến những người mới ra tù nên đến giúp việc liên lạc với các tỉnh gặp tỉnh trưởng để bán tờ báo và đem giấy đặt hàng về giao lại cho chị Hồng, khi báo in xong thì gửi đến cho họ. Ban quản lý tờ báo rất lạc quan vì nghe biết dân chúng chờ xem tờ báo có những nhân vật được kính mến lâu nay không viết bây giờ viết chắc có nhiều điều hay, nhiều điều lý thú. Hầu hết các tỉnh đều mua.

Hai mươi tháng چاپ in xong báo, một số chờ tới nhà phát hành, một số gửi đi tỉnh. Ba người bạn giúp việc kia cũng chờ báo đi các tỉnh. Công việc tới tấp làm đêm làm ngày thật vui. Chúng tôi gửi báo đi tỉnh bằng đường bưu điện. Hai mươi sáu Tết còn gửi báo đi. Các sạp báo ở Sài Gòn đủ mấy chục tờ báo Xuân nhưng chưa có tờ Xuân Việt Nam. Hỏi nhà phát hành, họ bảo đã chuyển nhưng các sạp chưa nhận hoặc sao đó rồi họ sẽ cho biết. Ngày nào chúng tôi cũng đến nhà phát hành hỏi, nhưng không gặp ông chủ nên không biết vì sao báo không có ở các

sạp bán lẻ. Ngày hai mươi tám mới thấy một ít sạp có bán báo Xuân Việt Nam, nhưng có tờ nào người ta mua tờ đó, theo lời chủ sạp. Ngày cuối năm, tờ Xuân Việt Nam bán với giá chợ đen gấp ba giá ghi sau bìa. Chúng tôi rất bất mãn nhà phát hành.

Theo lệ thường, sau Tết một tuần nhà phát hành mới trả tiền. Tết đó chúng tôi rất thiếu thốn vì chị Hồng và Sử đã vét sạch túi vào tờ báo. Tuy vậy ngày Tết vẫn vui, nhất là cái Tết mới ra khỏi tù.

Sau Tết, ban quản lý đến nhà phát hành đòi tiền mới biết báo còn chất đống trong kho. Chúng tôi ngạc nhiên vô cùng, không ngờ nhà phát hành đim tờ báo bằng cách chỉ gửi rất ít ra các sạp. Chúng tôi chưa vào nghề báo chí nên không rõ hết mảnh khoé làm ăn. Giữa nội qui được chánh quyền chấp nhận và cách thực hiện của nhà phát hành luôn có một khoảng cách: Nói vậy nhưng không phải vậy. Bởi nhà phát hành luôn theo một số thể cách riêng gần như hối lộ đút lót thì được ưu tiên phát hành còn ngây ngô như chúng tôi thì may lắm là được phát hành sau cùng. Tờ báo, nhất là báo Xuân, phát hành trước và sau rất quan trọng vì ngày Tết độc giả không có thì giờ chờ đợi, chọn lựa. Ông giám đốc phần hành phân phối báo tránh mặt không gặp chúng tôi. Về sau chúng tôi mới biết tờ báo nào cho nhà phát hành hoa hồng cao hơn nhà nước qui định thì được ưu tiên phát hành. Chúng tôi không biết cách làm ăn đó hoặc nếu biết cũng không thể chấp nhận sự mờ ám phi pháp. Trên thực tế, nếu chúng tôi biết được mặt trái đó của phát hành thì chắc chắn sẽ tự phát hành và có thể có kết quả tốt hơn so với tình trạng chỉ còn cách mượn xe chở báo cũ về bán theo kiểu giấy ve chai.

Chưa hết, chúng tôi chờ ty tài chánh ở các tỉnh gửi tiền về theo giấy đặt hàng và giá bán cho chánh quyền gấp đôi giá bán ngoài. Không thấy tiền gửi về và một số tỉnh còn gửi trả lại báo với lời giải thích đã nhận báo rồi. Thì ra ba người tình nguyện đi tiếp xúc với các tỉnh cũng là kẻ lường gạt. Họ đưa một bản copy cho chúng tôi và khi báo vừa in xong, nhận báo chở đến một số tỉnh giao báo, lấy tiền rồi trốn biệt. Chúng tôi gửi báo theo bưu điện xuống sau nên báo bị trả lại. Bị nhà phát hành phá, rồi bị lường gạt, số báo chúng tôi bán được không đủ tiền in và tiền giấy! Sử và chị Hồng lỗ sạch tay. Tôi bảo đúng như lời chồng chị Hồng, thi sĩ Tạ Ký đã viết: *“Đời gian ngoa mà mình không qui quyệt, nên đành thua đến trắng cả hai tay.”*

VỀ THĂM NHÀ

Hơn năm năm, tôi chưa về thăm nhà. Xuống phi trường Quảng Ngãi vào buổi sáng mùa đông, bầu trời xám rất ảm đạm. Mỗi tuần hai chuyến bay từ Sài Gòn ra Quảng Ngãi, ngoài ra phi trường vắng vẻ hoặ hoàn mới có những chuyến bay quân sự. Chừng vài chục hành khách, còn bỏ ghế trống một số. Tôi hỏi người lái máy bay tại sao mua vé rất khó mà trên máy bay còn nhiều ghế trống. Anh cho biết phải chờ nhiên liệu đi và về nên không thể cho ngồi hết số ghế. Lâu không về quê, tôi thấy cảnh quê nhà tiêu điều quá. Anh rủ tôi, anh Lê Vinh Thiệu và một số bạn bè cũ lên phi trường đón. Mọi người vui mừng vì lâu ngày gặp lại, hơn nữa dù ở tù về nhưng thấy tôi khỏe mạnh. Cha mẹ tôi già thấy rõ, nhất là trong những ngày đông gió bắc mưa phùn. Cha tôi vui thấy tôi dần thân vào con đường chính trị, thường nói chuyện về thời thế. Ông rất tin ở Mỹ, và theo ông nhất định phải thắng cộng sản, vì tướng lãnh lên nắm quyền, họ chỉ lo một việc đánh giặc lại thêm sự yểm trợ tích cực của Mỹ. Còn mẹ tôi tuy mừng nhưng bà lo lắng không muốn tôi ở tù, bà bảo *“Con có ăn học, đi dạy học có lương sống đầy đủ rồi có vợ kéo cha già con muộn thì khổ, làm chính trị chi cho cực.”*

Ông Phạm Đình Nghị tổ chức cho tôi nói chuyện với thanh niên Quảng Ngãi. Nói thanh niên nhưng thực ra chỉ có học sinh các lớp trung học. Tại hội trường trước tòa hành chánh tỉnh, học sinh ngồi chật như nêm, một số phải đứng ngoài sân nghe qua máy phóng thanh. Buổi nói chuyện có trung tá tỉnh trưởng tham dự cùng các tu sĩ Phật giáo, Thiên Chúa giáo và rất đông giáo sư. Tôi không có đề tài nhất định, nói những điều gì mà các bạn trẻ hỏi. Buổi nói chuyện rất vui, rất hào hứng. Hầu hết yêu cầu tôi nói về cuộc đời tù tội, nhất là tù Côn Đảo. Tôi tả cảnh Côn Đảo, những cuộc vượt ngục điển hình rồi đưa ra một quan niệm sống khi gặp hoàn cảnh đen tối nhất như tù tội, lưu đày. Gặp cảnh khó khăn như thế, theo tôi, nên đem tâm hồn lãng mạn, tâm hồn thi ca ra sống, hoặ cố sống cuộc sống của những bậc anh hùng... ví dụ khi ra Côn Đảo nên nghĩ đến các chí sĩ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh... tự nhiên sẽ thấy mình lớn lên, sự hiện diện của mình quan trọng hơn, trách nhiệm bổn phận cao lên... Tóm lại, những điều trên sẽ chiếm hết

tâm hồn chúng ta, xua đuổi hết phần bần tiện, nhút nhát ích kỷ. Có như vậy mới sống thoải mái, vui vẻ trong tù, nếu không cuộc sống sẽ buồn bã đau khổ một cách thê lương. Có lẽ vì ở tỉnh nhỏ ít dịp nghe nói chuyện và chưa bao giờ nghe một người trẻ nói chuyện rất tự do, rất lạ như buổi nói chuyện hôm đó, lớp trẻ rất thích thú và mến tôi. Ngay chiều hôm đó, tôi gặp Nguyễn Văn Minh, Huỳnh Đoàn Mai, Chế Quân... và một số bạn trẻ khác, những bạn này thích tôi và sau này làm việc cùng tôi. Kết thúc, tôi khuyên bạn trẻ gắng học, học càng cao càng tốt vì học là con đường ngắn nhất, ít mạo hiểm nhất dẫn đến thành công. Tôi cũng khuyên bạn trẻ phải biết mơ mộng vì mơ mộng sẽ tạo mục đích cho mình cố vươn tới đồng thời cố gắng cởi mở, dẹp bỏ tư tưởng bè phái, chỉ nên hãnh diện đất Quảng Ngãi có nhiều anh hùng và tin rằng trong huyết quản của mình có dòng máu đó. Cuối cùng tôi khuyên nên đọc sách và nên tập viết văn, nhất là viết nhật ký để tạo cuộc sống tinh thần phong phú.

Ở nhà một tuần lễ, tôi trở lại Sài Gòn. Thú thật tôi nhớ Sài Gòn. Sau cuộc đảo chánh, dân chúng phần khởi ít ngày. Niềm phần khởi tiêu tan vì ông Thơ lên làm thủ tướng. Nhân lúc đại tướng quốc trưởng Dương Văn Minh đi thăm tỉnh Quảng Ngãi, tôi có gặp ông và phàn nàn vụ đưa ông Thơ làm thủ tướng. Ông Minh trả lời đơn giản là ông Thơ rất giỏi về hành chánh nên thích hợp với vai trò thủ tướng.

Cộng sản lợi dụng tình thế, quấy phá các vùng quê hẻo lánh. Tất cả ấp chiến lược bị đốt phá. Chỉ sau vài tuần thoải mái, người dân lại mất an ninh. Các tướng đảo chánh không đủ khả năng điều khiển chánh quyền. Giữa lúc đó, tướng Nguyễn Khánh tổ chức cuộc đảo chánh không đổ máu ngày 30 tháng 1 năm 1964. Tướng Dương Văn Minh bị quản thúc tại nhà dù vẫn được gọi là Quốc Trưởng. Chánh phủ Nguyễn Ngọc Thơ bị giải tán, các tướng trong uỷ ban cách mạng bị bắt nhốt trên Đà Lạt gồm tướng Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân và tướng Nguyễn Văn Vỹ⁽⁵⁴⁾. Ngày 8 tháng 2 năm 1964,

⁽⁵⁴⁾ Tướng Vỹ vì chống ông Diệm nên năm 1955 phải lưu vong qua Pháp và chỉ trở về Sài Gòn sau cuộc đảo chánh 1.11.1963. Việc trở về và được trở lại quân đội của tướng Vỹ đã khiến có dư luận là các tướng trong Ủy Ban Cách Mạng chủ trương trung lập, muốn bắt tay với CS. Đây cũng là một lý do được báo chí nêu ra khi có cuộc đảo chánh của tướng Nguyễn Khánh.

tướng Khánh lập chánh phủ và làm thủ tướng. Khi đảo chánh tổng thống Diệm, tướng Minh không cho tướng Khánh biết có lẽ không tin tướng Khánh vì trong cuộc đảo chánh năm 1960, tướng Khánh lúc ấy mang lon đại tá đã kéo quân về cứu tổng thống và vẫn coi ông Diệm là cha nuôi. Do đó, khi tướng Khánh đảo chánh, nhiều người nghĩ tàn dư của chế độ Diệm hành động trả thù cho chủ. Ông Khánh không muốn mang tiếng đó nên cho lệnh xử và hành quyết ông Ngô Đình Cần và một thủ hạ đắc lực của ông Cần là Phan Quang Đông. Có lẽ thấy sự xảo trá của ông Khánh, một số đồng bào Thiên Chúa giáo biểu tình ở Sài Gòn phản đối chánh quyền đàn áp tôn giáo.

Tình hình trong nước thật rối loạn, giáo dân biểu tình, Phật tử biểu tình, sinh viên biểu tình...

Trong thời gian này lại xảy ra một biến cố quan trọng trực tiếp ảnh hưởng đến Việt Nam.

Ngày 2 tháng 8 năm 1964, lúc 8 giờ tối hạm trưởng chiến hạm Maddox, ở ngoài khơi vịnh Bắc Việt báo cáo các tiểu đĩnh của cộng sản Bắc Việt đã dùng ngư lôi tấn công tàu Maddox. Đến 10 giờ đêm với sự yểm trợ của máy bay, chiến hạm Mỹ khai hỏa bắn các tàu có ý đánh phá tàu Mỹ, kết quả hai chiếc tiểu đĩnh bị chìm.

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, tổng thống Johnson quyết định oanh tạc trả đũa Bắc Việt. Sau đó hàng ngày máy bay Mỹ dội bom các căn cứ quân sự Bắc Việt...

Ngày 26 tháng 10 năm 1964, nhân danh chủ tịch Hội Đồng Cách Mạng, tướng Dương Văn Minh chuyển quyền cho quốc trưởng Phan Khắc Sửu. Cụ Phan Khắc Sửu giao cho ông Trần Văn Hương lập nội các vào ngày 30 tháng 10. Chánh phủ này vẫn bị sinh viên biểu tình chống đối.

NHẬP NGŨ KHÓA 20 TRƯỜNG BỘ BINH THỦ ĐỨC

Lẽ ra tôi nhập ngũ khóa 13 nhưng lúc ấy ở trong tù nên mãi khóa 20 mới gọi lại. Vẫn có sức khỏe, lại độc thân và từng chịu đựng gian khổ trong tù nên đời lính ở quân trường không khiến tôi khó chịu như đại đa số thanh niên khác. Học gần hết giai đoạn một, một hôm tôi được gọi lên văn phòng bộ chỉ huy trường. Đại úy chánh văn phòng mời tôi ngồi nói chuyện rất tử tế

không có tính chất gì của quân đội. Tôi rất ngạc nhiên. Đại úy mời tôi hút thuốc rồi nói:

- Còn tuần nữa hết giai đoạn một, nhưng anh có giấy gọi về trình diện văn phòng quốc trưởng. Đây là điều quá tốt cho anh. Tôi đang làm giấy xuất ngũ cho anh, nhưng trước khi anh về, đại tá chỉ huy trưởng cần gặp. Ông đang có khách, anh chờ tí.

Đại tá tiễn khách ra ngoài, chúng tôi đứng nghiêm.

Khi trở vào, đại tá bắt tay tôi nói:

- Anh được về văn phòng quốc trưởng. Tôi nghĩ ở đó thích hợp với anh vì anh là nhà giáo mà. Ở đâu cũng phục vụ, thôi anh đi mạnh khỏe.

Nói xong, ông bắt tay tôi rồi vào phòng. Đại úy tiễn tôi ra cửa, đưa cho một xấp giấy thủ tục ra trường, dặn tôi đem trả quân trang quân dụng trước khi ra cổng chính.

Sáng hôm sau, tôi vào phủ quốc trưởng ở dinh Gia Long. Từ ngày dinh Độc Lập bị hai phi công oanh tạc, phủ tổng thống phải dời về dinh Gia Long. Tôi vào gặp chánh văn phòng, thì ra ông Hoàng Hồ, người tôi quen khi ở Côn Đảo, thuộc đảng Dân Chủ của bác sĩ Phan Quang Đán. Thấy tôi, Hoàng Hồ vui vẻ nói:

- Ông cụ muốn gặp anh, hỏi thăm anh hoài nhưng tôi không biết anh ở đâu. Sau nhờ anh em cho biết anh trong quân trường nên tôi rút anh về đây làm việc cho vui, bọn mình phải giúp ông cụ chứ bọn kaki⁽⁵⁵⁾ nó lẩn lớt quá.

Hoàng Hồ dẫn tôi vào gặp quốc trưởng.

Dinh nằm trên đường Gia Long nên gọi là Dinh Gia Long. Kiến trúc theo lối cổ điển với những hàng cột to cao tạo vẻ đồ sộ nguy nga. Hai bên là những phòng làm việc với toàn quân nhân có lẽ loại lính kiểng, lính văn phòng. Trung úy, thiếu úy rất nhiều đi lạo xạo, tất cả đều đồng phục kaki vàng, quần áo sít sao, nếp ủi thẳng cứng, rất “thư sinh” nước da trắng. Nhìn đám nhân viên này khó có thể nghĩ Việt Nam đang có chiến tranh dữ dội.

Vào trong mới biết dinh rất rộng và tôi có cảm tưởng đi vào thăm cung của một cung điện ngày xưa. Cửa lớn đóng kín, bên ngoài hai người lính y phục kỳ lạ y như lính đời Napoléon, nhất là cái mũ đội giống quá. Hai người lính đứng nghiêm như hai

⁽⁵⁵⁾ Chỉ phía quân đội.

pho tượng. Hoàng Hồ nhẹ đẩy cửa bước vào, có lẽ anh là người “xuất nhập bất cảm”. Một phòng không rộng nhưng dài, sâu thẳm bên trong một ông già y phục cổ truyền Việt Nam ngồi trước cái bàn nhỏ đang cúi húi đọc xấp giấy đánh máy chằng chịt, dưới ánh sáng chói của cây đèn bàn. Gần đến bàn, Hoàng Hồ nói lớn:

- Thưa cụ, anh Liệu vào thăm cụ.

Cụ quốc trưởng nhìn lên:

- À, em, ngồi chơi.

Cụ đưa tay bắt tay tôi và chỉ tôi ngồi cái ghế đối diện cụ qua cái bàn nhỏ. Trên mặt bàn ngoài xấp giấy cụ đang đọc và cái giá nhỏ cắm vài cây bút, không có thứ gì nữa. Tôi cung kính hỏi thăm:

- Cụ và cụ bà vẫn khỏe?

Cụ nói chậm chậm, giọng Cần Thơ:

- Qua vẫn thường còn bả thì đau ốm luôn. Từ ngày qua nhận chức, anh em vào thăm đông đủ, không thấy em, hỏi thăm mới biết em đi lính. Việc là việc chung, anh em xúm nhau mà làm, sao em lại bỏ đi lính?

- Dạ, thưa cụ, tôi đi lính là theo lệnh động viên, chứ không phải tôi tự động, đáng lẽ đi từ hai năm trước, bây giờ phải đi cho hợp lệ.

Tôi lễ phép thưa, nhưng cụ như không nghe câu nói của tôi, tiếp tục chậm rãi nói:

- Bọn nó giao cho mình, vì muốn trấn an dân chúng, chứ thực sự bọn nó nắm trọn, qua chỉ có mấy anh em làm công cán còn tất cả đều là bọn nó, muốn làm gì cũng thật khó. Bởi vậy, em bàn với anh Vinh, với Hoàng Hồ mỗi người đóng góp cho đại sự, nếu không thì hỏng mất.

Tự dưng tôi thấy cụ cô đơn như lạc lõng vào một nơi xa lạ. Tôi hỏi:

- Anh em sĩ quan ở Côn Đảo về có ghé thăm cụ?

Cụ tươi cười đáp:

- Có đủ cả, qua đưa Phan Trọng Chinh làm chánh võ phòng và một số anh em, hôm thằng Tường, đại úy Tường em biết không, cưới vợ, nó mời qua làm chủ hôn. Nó nói cha mẹ đều qua đời, hôm đám cưới đầy đủ anh em có cả ông Đán.

Tôi hỏi tiếp về trường hợp bác sĩ Phan Quang Đán:

- Dạ thưa, sao cụ không mời bác sĩ Đán cộng tác? Bác sĩ

Đán rất có tài chắc sẽ giúp cụ được nhiều việc.

Cụ đáp:

- Tôi có đặt vấn đề đó với anh em. Anh em bảo bác sĩ Đán rất có khả năng nhưng lúc này chưa thuận lợi vì bọn nhà binh nó không ưa ông Đán.

Tôi hơi bực vì trực cảm thấy có sự bao vây, không muốn bác sĩ Đán gần ông cụ, không hẳn từ phía quân đội mà ở ngay phía dân sự. Tôi nói:

- Thưa cụ, tôi thấy cụ nên tìm cách xử dụng tài bác sĩ Đán. Không dùng ông Đán, cụ rất thiệt thòi trong lúc nước lửa cần tranh đấu, cần cho ngoại quốc biết mà thiếu bác sĩ Phan Quang Đán thua gì bàn cờ mất một xe. Xin cụ coi lại, một số anh em sợ ông Đán lấn át nên họ không muốn cụ dùng ông Đán. Tôi quả quyết chính một số anh em đang bao vây cụ, không muốn cụ dùng bác sĩ Phan Quang Đán rồi đổ cho bên quân đội.

Sắc mặt cụ thay đổi trước sự trình bày có vẻ quyết liệt của tôi khiến tôi thấy cần chuyển qua vấn đề khác:

- Thưa cụ, tôi vào thăm cụ, tôi tuân theo dạy bảo của cụ là đóng góp cho đại sự, nhưng trong dinh hiện nhiều người rồi, bây giờ xin cụ giúp cho tôi được giấy phép làm một tờ nhật báo. Nhiều anh em sinh viên trẻ đang muốn qua sinh hoạt báo chí để góp một phần giúp cụ tức đại sự.

Cụ tươi cười đáp:

- Cái đó dễ quá, để qua bảo Hoàng Hồ lo cho. Nhưng bây giờ báo quá nhiều, mình ra sau làm sao sống? Anh em trẻ có tờ báo hay lắm chứ, hỏi trước anh Nguyễn An Ninh làm tờ *La Cloche Félée* để tranh đấu trong đám thợ thuyền rất có tác dụng, nay mình nên lấy tên "*Thất Nghiệp*" vì nạn thất nghiệp lớn quá, em nghĩ sao?"

Tôi hân hoan trả lời:

- Thưa cụ, tôi có tên báo và hồ sơ rồi, tôi cùng anh em sinh viên và đám ký giả trẻ lấy tên tờ báo là "*Người Mới*". Nhưng, tôi làm mất nhiều thì giờ của cụ rồi, xin kính chúc cụ sức khỏe tốt để phục vụ tổ quốc, cầu trời Phật phù hộ cụ thành công. Riêng chúng tôi lúc nào cũng hết lòng trung thành trên công cuộc cứu quốc, xin phép cụ tôi về.

Cụ Sừu chậm chậm đưa tôi hết chiều dài của căn phòng. Bên ngoài, trời nắng chói chang. Nhìn tít trong xa, ánh điện chiếu sáng trên cái bàn của cụ quốc trưởng, tôi có cảm tưởng

ánh sáng le lói từ cõi nào, cách biệt hẳn một xã hội đang sống xô bồ nhộn nhịp. Tôi cảm thấy buồn buồn rời dinh quốc trưởng.

Thực sự tôi thất vọng vì tình thế ngày càng đen tối thêm, ngược hẳn với hy vọng lật đổ chánh quyền gia đình trị Ngô Đình sẽ đem lại những bước tiến tốt đẹp hơn. Cán bộ cơ sở xã ấp dưới chế độ cũ đều bị dân tố nên hầu hết đi ẩn các nơi khác với lòng bất mãn hận thù, nhiều khi họ còn mong cho cộng sản thắng. Đồng bào Phật giáo lật đổ được chánh quyền và đấm Càn Lao từng làm khó họ, thì kiêu hãnh, một số tu sĩ ở địa phương lại theo bước nhiều tu sĩ Thiên Chúa giáo trước kia, đóng vai những ông vua không ngai trong làng, xã. Trước đảo chánh, áo đen hay ra vào các cơ quan công quyền thì sau đảo chánh là áo nâu ra vào những nơi đó. Với cộng sản, đây là thời cơ quá tốt để đánh chiếm các vùng quê “*ban ngày quốc gia ban đêm cộng sản*”. Khi cơ sở đã mất an ninh, chánh quyền xã ấp phải đi hàng hai để tránh nguy hiểm cho mạng sống. Số cán bộ xã ấp yêu nước chống cộng sản bị đe dọa bị ám sát nên chỉ có thể làm việc từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều rồi trốn ra các thị xã. Tại thủ đô Sài Gòn, dân chúng nhất là sinh viên, luôn xuống đường biểu tình gần như chuyên nghiệp. Yên được vài hôm lại có người xuống đường. Một số tướng lãnh nhòm ngó các chức vụ dân sự, bên ngoài bảo là quân đội không làm chính trị nhưng bên trong ngấm ngấm quấy phá gây thêm khó khăn cho chánh quyền. Chán ngán đô thị, tôi trở về Quảng Ngãi.

Ngày 19-2-1965, đại tá Phạm Ngọc Thảo đem quân về chiếm đài Sài Gòn, yêu cầu cải tổ chánh phủ. Một ngày sau, quân đội trung thành với chánh phủ đánh chiếm lại, Phạm Ngọc Thảo bỏ trốn. Ba ngày sau tướng Nguyễn Khánh phải rời Việt Nam với chức đại sứ lưu động.

Ngày 6-3-1965, quân Mỹ đổ bộ 3500 thủy quân lục chiến tại Đà Nẵng với lý do bảo vệ hải cảng này để lính Việt Nam đi đánh giặc. Thế là chính thức quân Mỹ đã đổ bộ lên Việt Nam trực tiếp tham chiến. Tôi nghĩ đây là cơ hội quá tốt để phe quốc gia thắng cộng sản.

Nhưng tình hình vẫn rối loạn. Cụ Trần văn Hương làm thủ tướng, Phật giáo xuống đường chống đối phải từ chức. Bác sĩ Phan Huy Quát lên thay chỉ mấy ngày thì đồng bào Thiên Chúa giáo xuống đường chống đối. Cái gì đến rồi phải đến, ngày 11-6-1965 quốc trưởng Phan Khắc Sửu và thủ tướng Phan Huy Quát

đều từ chức vì không làm việc được nên giao trả quyền lãnh đạo cho quân đội.

Hội Đồng Quân Lực bầu trung tướng Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương tức thủ tướng. Chỉ trong hai chục tháng đã có chín chánh phủ khiến dân chúng chán nản không còn tin tưởng người cầm quyền. Phải nói thật từ ngày tổng thống Diệm bị giết, xã hội rối loạn chưa từng có, vì một nhóm tướng lãnh thiếu khả năng lãnh đạo và xem tham nhũng, cướp bóc của công, tiền Mỹ viện trợ là mục đích chính biến việc chống cộng sản thành thứ yếu. Đám tướng lãnh kiêu hãnh này dựa vào thế Mỹ, tranh giành cấu xé nhau, vô tình tích cực làm lợi cho cộng sản. Có lẽ vì mặc cảm dốt nát, bất tài phải cố tỏ ra đặc biệt nói năng khác thường nên tướng Nguyễn Khánh đã nói một câu ngu xuẩn nhất lịch sử Việt Nam: “*Quân đội là cha mẹ*”. Nhưng dị hợm nhất có lẽ là thiếu tướng thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ luôn nói năng vung vít, cố đóng vai người hùng kiêu cao bồi Texas, đóng vai giới trẻ nhưng lại hành xử trái ngược. ⁽⁵⁶⁾

Tâm trạng chúng tôi lúc ấy rất chán nản. Dưới thời Ngô Đình Diệm, bà Trần Lệ Xuân đã làm nhiều điều gây khó chịu, xem chánh quyền như của riêng gia đình bà. Khi đám tướng lãnh nắm chánh quyền, tham nhũng trở thành “quốc sách”. Chánh quyền nào cũng nói vì dân nhưng xem dân như cỏ rác, không hề để ý đến thực tế đời sống của mọi người. Bởi thế, không ít thanh niên bết tắc đã nhảy theo cộng sản vì họ chưa biết đó là một hỏa ngục của loài người. Đó cũng là lý do tại sao một số trí thức ở Sài Gòn bỏ cuộc sống êm ấm chạy theo mặt trận “*giải phóng*” miền Nam. Riêng tôi, may mắn từ lúc mười ba tuổi đã biết thế nào là cộng sản không qua sách vở hay qua tuyên truyền chống cộng mà biết bằng mắt thấy tai nghe những việc xảy ra hàng ngày...nên khi mười sáu, mười bảy tuổi đã ý thức rõ nếu đứng vào hàng ngũ cộng sản thì phải hủy hoại tâm hồn và khó tránh khỏi tạo ra tội ác với gia đình, với bạn bè, với dân tộc nên dứt khoát phải chống cộng sản. Vì lẽ đó, dù chánh quyền

⁽⁵⁶⁾ Ông Kỳ tuyên bố chính phủ do ông lãnh đạo là “*chính phủ của người nghèo*” trong khi hai vợ chồng thủ tướng và em út dùng máy bay quân sự đi ăn sáng ở Hồng Kông!

quốc gia thối nát, bất lực tôi vẫn bám lấy với hi vọng tìm cách góp ý sửa sai để tạo một chánh quyền hữu hiệu có thể đánh bại cộng sản và kiến thiết xứ sở trong ánh sáng dân chủ tự do.

Trong tâm cảnh này, tôi luôn cố nhìn rõ các chánh quyền để tìm hiểu nguồn cội những khuyết điểm. Chỉ một thời gian ngắn sau hiệp định Genève 1954, tôi đã nghĩ tổng thống Diệm không đặt quyền lợi tổ quốc và dân tộc lên trên hết. Dù chịu ơn mưa móc tới mức nào, dù là bà con thân thiết tới mức nào, cũng khó thể biện giải anh em ông Diệm yêu nước, yêu dân tộc Việt Nam. Bởi, có thể gọi là yêu nước được không, khi để cho người em dốt nát Ngô Đình Cẩn tác oai tác quái như bạo chúa ở miền Trung, tự lập mật vụ chuyên đàn áp lực lượng quốc gia đối lập như Đại Việt, Quốc Dân Đảng..., muốn sát hại ai cũng được? Có thể gọi là yêu nước được không, khi để cho người em dẫu tung hoành trong nghị trường, làm nhiều chuyện lố lăng dị hợm? Có thể gọi là yêu nước được không, khi để cho người anh là một Đức Cha dựa thế quyền lực chèn ép Phật giáo, đồng thời tạo uy tín với tòa thánh La Ma bằng cách chấp nhận bừa bãi đả tù nhân cộng sản vào hàng ngũ tín đồ để đạt số lượng giáo dân tăng nhanh bất chấp tác động nguy hại cho đất nước? Nếu ông Diệm là người yêu nước thì trong hai năm đầu cầm quyền, nhất là lúc dân chúng miền Nam một lòng quý mến ông, ông đã có thể tạo đủ điều kiện chiến thắng cộng sản ngay cả trường hợp chấp nhận tổ chức tổng tuyển cử vào năm 1956.

Nhưng sau khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hoà sụp đổ, các tướng lên cầm quyền có yêu nước không? Sau các cuộc xô xé tranh giành, cuối cùng tướng Nguyễn Văn Thiệu là người nắm chánh quyền lâu dài nhất. Ông Thiệu không có thời danh cũng không có tài năng gì nổi bật, chỉ do các tướng lớp đàn anh loại trừ nhau nên có cơ hội bước lên đỉnh cao tốt cùng. Khác với tổng thống Diệm, ông Thiệu không chủ trương gia đình trị nhưng cũng cố địa vị bằng chiêu bài dân chủ giả hiệu. Điều chắc chắn là ông Thiệu cũng như nhóm tướng lãnh đàn anh không đặt trọng tâm theo đuổi vào mục tiêu chấm dứt chiến tranh. Thê thảm nằm ở điểm này. Vận mạng đất nước hoàn toàn tùy thuộc nỗ lực chống cộng sản, nhưng chống cộng sản lại gần như được coi là việc của Mỹ còn nỗ lực chủ yếu của chánh quyền là những mục tiêu phe nhóm hoặc cá nhân hướng về củng cố quyền lực, địa vị và tiền bạc. Vì thế, trước kẻ địch cộng sản có tổ

chức chặt chẽ, có quyết tâm giành chiến thắng bằng mọi giá, nhiều viên chức chánh quyền từ hạ tầng tới thượng tầng chỉ chăm lo gây thế lực, tạo tài sản, chuyển tài sản ra ngoại quốc không cần biết vận mạng đất nước sẽ ra sao. Có thể nói không quá lời là sau sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hoà, toàn bộ miền Nam gần như dấy lên một phong trào tham nhũng từ ấp xã lên tới tổng thống. Tôi nghĩ là từ năm 1945, cả hai phe cộng sản và quốc gia tại Việt Nam đều không có nhà lãnh đạo thực sự yêu nước, một thực tế thê thảm cho số phận dân tộc chúng ta.

Lúc bấy giờ, năm 1964, bác sĩ Bùi Hoàn làm tỉnh trưởng Quảng Ngãi. Tôi đã gặp bác sĩ Bùi Hoàn trong trại giam của mật vụ miền Trung. Ông là người Quảng Nam, là một lãnh tụ Quốc Dân Đảng và cũng là người rất tích cực làm việc xã hội. Tuy chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, nhưng ông rất giản dị, luôn luôn có sáng kiến, ưa sáng tạo, ưa cải cách. Ông đã chế ra những kiểu súng cối giản dị cho các trung đội nghĩa quân và địa phương quân dùng rất hiệu quả. Sáng kiến này được thí nghiệm trước sự chứng kiến của một số tướng lãnh Việt - Mỹ, tất cả đều công nhận tốt, nhưng lúc ấy vũ khí đầy đủ, các nhà lãnh đạo Việt Nam với tinh thần ỷ lại Mỹ nên không lưu ý đến sự tự túc tự cường. Do đó sáng kiến của bác sĩ Bùi Hoàn không được lưu ý. Hậu quả thê thảm là khi viện trợ Mỹ bị cắt giảm thì con đường duy nhất còn lại là đầu hàng! Bác sĩ Bùi Hoàn cố làm cho người dân Quảng Ngãi có cuộc sống khá hơn nhưng bên quân đội sợ ông thành công có thể giải pháp dân sự thay thế quân quản — điều nhiều tướng lãnh và sĩ quan cao cấp không muốn. Bởi vậy tỉnh trưởng Bùi Hoàn chỉ là một thiện chí cô đơn.

Tôi bàn với tỉnh bộ Quốc Dân Đảng của anh Võ Trọng nên tìm cách thiết thực cộng tác với bác sĩ Bùi Hoàn để thứ nhất giúp ích cho người dân Quảng Ngãi, thứ hai có công tác thực tế cho anh em đảng viên bảo đảm cuộc sống và như vậy sẽ tạo sự hào hứng gia nhập đảng. Từ lâu rồi đảng không có việc làm cụ thể chỉ thụ động như một nhóm ngồi nói suông không làm chết một cây cỏ. Tôi đề nghị thực hiện các kế hoạch thực tế phù hợp với từng địa phương để chiến đấu với du kích cộng sản như dành lại đất cho dân, bảo vệ dân trong đó có đảng viên các đảng phái quốc gia, tạo uy tín cho đảng, tạo niềm tin trong dân chúng. Thứ ba, nếu bác sĩ Bùi Hoàn thành công thì giải pháp dân sự có thể thi hành từ từ để chặn đứng sự độc tài của đám tướng

lãnh coi trọng quyền uy hơn vận mạng tổ quốc và dân tộc. Anh em hoàn toàn đồng ý và đòi hỏi tinh bộ phải có kế hoạch cụ thể để thi hành.

Thực tế đời sống nông thôn lúc đó thật bi đát. Dân chúng bỏ ruộng vườn, chen chúc tại các trại tản cư, sống nhờ sự giúp đỡ của ty xã hội. Một số đồng đảng viên các đảng phái cũng như dân chen chúc tại các trại tản cư. Chúng tôi vào thăm các trại và thấy có nhiều điều không thể chấp nhận. Trước hết là quá chật chội, chất chội tới mức không có chỗ ngồi nói chuyện trong khi đa số là các gia đình đông con lại đèo thêm cha mẹ già. Trẻ con chơi đùa trước cửa như họp chợ. Đánh lộn, chửi bới, ví chày ầm ĩ liên tục. Dân quê dù nghèo nhưng quen sống trong không khí khoáng đạt, rộng rãi, nay phải sống trong căn phòng hẹp, mái lợp tôn nóng như thiêu đốt. Khi ra đi, một số lớn bỏ lại tất cả chỉ mang theo các thứ cần thiết nên luôn tiếc cửa. Trong trại tản cư lại hay xảy ra đụng chạm, gây gỗ chửi bới, có khi đánh lộn... tạo nên tâm trạng chán nản khiến cuộc sống ngày càng sa sút. Tệ hại hơn nữa, đám tuổi trẻ thiếu chỗ học hoặc thiếu tiền đóng học phí thành ra thất học, không có việc làm, trở thành hư hỏng. Từ đó sinh ra băng đảng cướp bóc, xì ke ma túy, đĩ điếm và *chạy núi* tức chạy theo cộng sản...

Trước thực tế đó, tôi thấy phải tìm cách đưa dân hồi hương tái dựng đời sống thoải mái. Sau khi bàn luận, chúng tôi quyết định tạo kế hoạch đưa dân về quê. Chúng tôi đem ý kiến này bàn với bác sĩ Bùi Hoành và ông rất tán đồng, nhất là sau khi tôi trình bày kế hoạch của Quốc Dân Đảng nhóm Võ Trọng. Là người bèn nhậy và luôn muốn đem lại lợi ích cho dân chúng, bác sĩ Bùi Hoành chấp nhận hoàn toàn kế hoạch của chúng tôi.

CHIẾN DỊCH VỀ LÀNG

Hai chữ “Về Làng” do Lê Vinh Thiều đặt, giản dị, hấp dẫn và rất thơ. Bác sĩ Bùi Hoành nói với anh Thiều:

- Toa ⁽⁵⁷⁾ đúng là thi sĩ. Hai chữ Về Làng hay quá, hấp dẫn quá, nhất định chúng ta phải thành công.

⁽⁵⁷⁾ *Bác sĩ Hoành thượng xưng hô với chúng tôi “moi, toi” thời bấy giờ là tiếng xưng hô thân thiết giữa bạn bè, anh em đã được Việt hoá từ tiếng Pháp thành “toa, moa” theo nghĩa mày, tao.*

Anh Trần Diễm đột cảm hai câu thơ thật có ý nghĩa:

- *Trông vờ đồng lúa xa xa*

Đất ta ta giữ làng ta ta về.

Tuyệt hảo, tôi bắt tay anh, hỏi:

- Anh xuất khẩu hai câu hay quá. Xin lỗi, anh người Quảng Ngãi có biết Trần Tế Hanh không?

Anh tươi cười trả lời:

- Biết chứ, bà con mà, tôi ở Bình Sơn cùng quận với Tế Hanh. Rất tiếc người có tài nhưng lại theo cộng sản.

Từ đó tôi quen với Diễm. Anh cho biết rất phấn khởi khi nghe bác sĩ tỉnh trưởng bảo sẽ phát động phong trào đưa dân về làng, lần này có anh em ngoài chánh quyền tham gia, một chiến dịch có tánh nhân dân, anh rất thích thú. Sau nhiều cuộc họp giữa đại diện đảng phái với chánh quyền, chúng tôi phân công phân nhiệm:

- Chủ tịch chiến dịch: Bác sĩ tỉnh trưởng Bùi Hoàn.

- Tổng thư ký chiến dịch: Nguyễn Liệu

- Phó tổng thư ký đặc trách văn nghệ, thông tin và hành chánh tài chánh: Trần Diễm.

Một số làm cố vấn trong đó có Lê Vinh Thiều.

HUẤN LUYỆN CÁN BỘ

CHIẾN DỊCH VỀ LÀNG

Thực sự tôi muốn chiến dịch hoàn toàn do dân và có tính tự nguyện tức là người dân tự đứng ra tổ chức cuộc đi về cho bản thân mình, cho bà con xóm làng mình. Xa hơn nữa là nỗ lực tự tạo cuộc đời mới no ấm hơn, an lành hơn.

Do chán cảnh sống chen chúc xô bồ ở các trại tản cư nên dân chúng náo nức tham gia chiến dịch đáp ứng đúng mong muốn là trở về làng cũ để sống. Thông cáo vừa đọc trên đài phát thanh thì số người xin gia nhập rất đông, vượt hơn dự tính của chúng tôi.

Chúng tôi gọi “cán bộ Về Làng” là những người tình nguyện không lương trong thời gian ba tháng, chỉ được phụ cấp ăn uống tập thể và phải qua khóa huấn luyện một tuần lễ, ăn ở tại nơi huấn luyện. Gặp dịp hè, chúng tôi mượn trường trung học thị xã làm nơi huấn luyện.

Tôi và anh Trần Diễm túc trực ngày đêm tại khóa huấn

luyện. Nhiều nhân vật quân sự, dân sự, một số trưởng ty liên hệ đến chiến dịch như ty giáo dục, công chánh, thông tin, cảnh sát, y tế đều được mời làm thuyết trình viên. Trần Điem vốn có năng khiếu văn nghệ nên thành lập ban văn nghệ tạm thời phục vụ cho khóa học và cho chiến dịch. Anh có tài điều khiển một cuộc họp đông người, làm xướng ngôn viên, tạo không khí vui vẻ hứng khởi học tập. Anh còn dễ dàng ứng khẩu những câu thơ lục bát, những câu ca dao, những bài hò, bài chòi nhất là những điệu hò tập thể thật sống động. Sau giờ thuyết trình là văn nghệ, là hát hò náo nhiệt hội trường. Một số sĩ quan tiểu khu tập cho cán bộ cách xử dụng vũ khí, cụ thể là Carbine M1 (lúc ấy quân đội dùng súng trường Garant M1) và lựu đạn. Ty cảnh sát chỉ cách thức điều tra, theo dõi kẻ tình nghi làm việc ngầm cho cộng sản...Ty y tế hướng dẫn các phương pháp cấp cứu cùng cách sống hợp vệ sinh, phòng bệnh...Tóm lại, đó là những thứ chuyên môn cần thiết cho chiến dịch.

Tôi chịu trách nhiệm huấn luyện về tác phong cán bộ với mục đích thu phục lòng dân. Theo tôi, đây là điều quan trọng nhất cho chiến dịch, vì người dân trải qua nhiều giai đoạn lịch sử đã mang tâm trạng hoài nghi tất cả nên bây giờ làm cho họ tin không phải việc đơn giản. Tôi không soạn bài vở, chỉ nói lại những kinh nghiệm mắt thấy tai nghe mà mọi người trải qua. Có những loại lính khi ngang qua làng thì dân làng bỏ chạy, nhất là đàn bà con gái, quán xá đóng cửa, giấu cất nữ trang, đồ ăn... Đó là loại lính lê dương của thực dân Pháp ngày xưa. Cổ nhiên cán bộ Về Làng không phải loại lính đó. Ngược lại, có loại lính nịnh bợ luôn cuối để lợi dụng tiện nghi như lính cộng sản mà lúc nhỏ tôi đã chứng kiến. Tôi kể lại những việc đã thấy trước 1954 thời ở thôn quê Quảng Ngãi, người lính Việt Minh (lính cộng sản) khi vào nhà dân cúi xuống để chinh phục, gặp người đàn bà lớn tuổi gọi má tự xưng là con, hoặc gọi chị xưng em như người ruột thịt trong nhà. Khi thấy bà già đang quét nhà họ giành "*Má để con quét má nghĩ cho khoẻ má...*", thấy trong nhà đang làm việc gì như gánh rạ ngoài đồng, anh ta nhanh như chớp cầm cây đòn xóc ra đồng ngay và gánh gánh rạ gấp đôi người ta thường gánh. Gia đình nông dân ban đầu e dè nhưng lập tức thấy dễ chịu, thân mật, đúng là quân đội của nhân dân cùng ăn, cùng ở, cùng làm... Nhưng dần dần trái mít chưa chín cũng hạ xuống, trái đu đủ định đem bán cũng hái vội đãi con nuôi, rồi con

gà dành cho kỳ cúng giỗ tới cũng đem thịt sớm hơn dự định và khi người lính ra đi thì có khi để lại đũa con rơi. Xóm dưới xóm tôi ở là một xóm giàu có, nhà ở gần nhau đông dân, con gái nhiều... là nơi bộ đội hay về nghỉ dưỡng bệnh khi ra đi để lại cảnh đổ nát cho một số gia đình và tạo nên sự oán hờn của dân chúng. Tôi nhớ có lần ba người bộ đội vào nhà tôi. Nghe tiếng gõ cửa, tôi mở cửa. Ba người tươi cười chào mẹ tôi bằng má. Tuy còn nhỏ nhưng tôi chĩnh ngay: *"Xin ba ông đừng gọi mẹ tôi bằng má, vì ngay chúng tôi thường gọi bằng mẹ không gọi má. Các ông là lính chúng tôi rất trọng nhưng nhà cha mẹ tôi có khuôn phép không để người ngoài ăn nói lộn xộn."*

Ba người thấy thẳng nhỏ cứng rắn khó chịu nên ngỡ ngàng nói ít câu giả là rồi ra đi bảo nhà cha tôi rộng thật nhưng xa xóm làng, không tiện cho việc tập họp nên đi tìm chỗ khác... Tôi nhấn mạnh, chúng ta dứt khoát dù đói, dù thèm khát, nhất định không theo kiểu nịnh dân để ăn cướp của dân một cách ti tiện, một cách bần thiêu và nhẫn tâm như bộ đội cộng sản thường làm. Người cán bộ phải có tư cách cán bộ, nếu để mất tư cách thì không thể chinh phục lòng dân. Tôi đưa ra một trường hợp khác nữa, trường hợp lính Mỹ cho kẹo trẻ con. Khác với lính phát xít và lê dương, lính Mỹ không cướp giật vì họ quá đầy đủ, nhưng họ đã sai lầm khi cho người dân hoặc trẻ con như một sự bố thí. Nhiều khi lính Mỹ rải kẹo bánh, thuốc lá cho đám trẻ con nghèo đói ở nhà quê để xem chúng chen lẫn chụp giật. Tôi phản đối hành vi thiếu văn hóa như thế, và cố nhiên đây không thể là hành vi của cán bộ Về Làng.

Không theo kiểu phát xít, lê dương, không theo kiểu cộng sản, kiểu lính Mỹ, vậy phải thế nào? Theo tôi, cán bộ Về Làng cần giữ tư cách của mình, trọng nhân phẩm người dân và công bình sòng phẳng. Không hách dịch như bọn lê dương, không bừa bãi như lính Mỹ coi rẻ nhân cách của dân chúng, nhưng cũng không lợi dụng dân chúng để làm mất phẩm cách của mình như lính cộng sản. Cố giúp dân chứ không lợi dụng dân. Dù một cây kim sợi chỉ, một cây củi, một cọng rau của dân nhất nhất không đụng. Trên thực tế, người dân nông thôn sợ nhất việc đụng đến tài sản của họ. Cho nên, chỉ cần tránh điều đó đã đủ để họ vui vẻ, hoan nghênh lắm rồi, chưa nói đến giúp đỡ họ. Thật chua chát là lâu nay họ chưa gặp một cán bộ, một binh sĩ nào đáp ứng điều đó, ngoại trừ lính Mỹ (thực tế là vậy, dù cộng

sản luôn tuyên truyền ngược lại), nhưng lính Mỹ lại coi thường họ, không tôn trọng tư cách của họ.

Để khỏi mang tiếng lợi dụng tài sản của dân, cán bộ không nên ở nhà dân, không mua bán với dân, trừ ngoài chợ, nơi cửa hàng. Phải tự túc chỗ ăn chỗ ở. Lui tới nhà dân thăm viếng thì tốt, nhưng không ăn ngủ trong nhà dân để tránh gây chuyện mất lòng dân, đồng thời bảo vệ cho bản thân. Về ngôn ngữ phải thận trọng, không ba ba, má má dị hợm xảo ngôn như cán bộ cộng sản. Người nấu ăn cho tập thể tùy trang lứa mà xưng hô ông, bà, chú, bác ... không nên gọi chung là *anh nuôi, chị nuôi*, chẳng những vô nghĩa mà còn khinh rẻ công việc của họ...

Dù là cán bộ thiện nguyện vẫn phải tuân hành kỷ luật nghiêm khắc. Một tập thể thiếu kỷ luật là một tập thể chết. Người cán bộ nào không làm đúng các qui định nêu ra phải bị loại khỏi đoàn ngũ. Tôi và Trần Điềm ăn ngủ chung với cán bộ suốt bảy ngày tại nơi huấn luyện.

Trong bảy ngày, tình trường đến thăm mấy lần rồi đại tá sư đoàn trưởng và đại diện nhiều đoàn thể tôn giáo đến thăm. Một phong trào thực sự gây hào hứng.

Tôi tuyên bố phong trào không mang màu sắc đảng phái, ai thấy việc làm cần thiết thì cùng chung lo. Một số đảng viên Quốc Dân Đảng phái Trần Hoàng vẫn tham gia, dù cán bộ tỉnh ủy phái này bực bội, chỉ chờ có sơ hở để chống phá, ngoại trừ hai anh tỉnh ủy viên Phạm Viết Tùng, Nguyễn Ân đã tìm gặp tôi biểu tỏ sự tán đồng và cầu chúc thành công. Phạm vi hoạt động của chúng tôi là miền đông quận Tư Nghĩa, phía đông quốc lộ 1, giữa sông Trà Khúc và sông Vệ. Chúng tôi chia làm ba đoàn mỗi đoàn chừng một trăm năm chục người do các anh Lê Mỹ Đại, Nguyễn Hữu Thống, Trần Thời làm đoàn trưởng.

LỄ XUẤT PHÁT

Từ sáng sớm, chúng tôi hàng ngũ chỉnh tề trên khu đất rộng trước tòa tỉnh. Trung tướng Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh quân đoàn I chủ tọa lễ xuất phát. Dân chúng đến dự thật đông, nhất là đồng bào bỏ làng mạc lâu năm, đang mong về với ruộng vườn. Bác sĩ Bùi Hoàng đọc diễn văn khai mạc buổi lễ, với giọng thiết tha, với niềm tin sự thành công của chiến dịch. Bài diễn văn ngắn, súc tích. Không khí đang sôi nổi, vui vẻ bỗng nhiên những

lời đả kích phê phán lung tung của ông chủ tịch hội đồng tỉnh dội xuống làm mọi người ngơ ngác. Ban đầu tôi tưởng ông đọc lộn điển văn, bởi vì trong túi ông có nhiều điển văn, anh em trong nhóm của ông (nhóm Quốc Dân Đảng Trần Hoàng) viết sẵn để tùy lúc ông đem ra đọc. Nhưng tôi nghĩ lắm, vì ông đã kích thẳng chiến dịch Về Làng, mà lý ông Võ Trọng (một nhóm Quốc Dân Đảng khác). Tôi nổi điên trước sự ngu xuẩn của kẻ gần trọn đời không làm nổi một chút nhỏ gì có ích cho xã hội nên nói với Trần Thời đứng bên cạnh: *“Tên già này ngu quá. Tôi cho nó ít đập bỏ mẹ, nếu cảnh sát giữ tôi lại, anh thay thế tôi đưa anh em xuống làng như đã dự định.”* Trần Thời hoảng hốt: *“Không được, anh phải trọng chiến dịch hơn chứ, hời nào chấp nê anh già Diêu lẫn này. Bọn nó giựt dây nói bậy chứ chả có biết gì đâu”*. Lê Mỹ Đại cũng chạy tới cản tôi: *“Chú nóng không được, chú làm hư chiến dịch đấy. Ông già Diêu có biết gì, bọn nó xúi dại ông nói theo chứ có hiểu gì đâu mà chú giận ông.”*

Chiều hôm đó, bác sĩ Hoàn xuống làng gặp tôi cho biết khi trưa tướng Thi la ông già chủ tịch hội đồng tỉnh, bảo ông đại diện cho quốc gia hay cho cộng sản và nếu lộn xộn lần nữa sẽ bắn tại chỗ. Ông Diêu run lập cập thưa không có ý gì hết vì anh em viết và bảo ông đọc chứ ông không ngờ tác hại như vậy.

Việc đầu tiên của chúng tôi là tạm thời làm những cây cầu chính với vật liệu sẵn có như những cây đường rầy xe lửa... để xe có thể qua lại, chuyên chở cho người hồi cư. Đông người, lại có dân chúng yếm trợ chỉ trong một ngày chúng tôi bắc xong cây cầu tạm qua kênh rạch chừng ba chục mét. Hoàn thành công việc, ngồi trên thành cầu nhìn đồng bào hớn hở qua cầu về làng, xe cộ qua lại thật lý thú và hiểu được niềm vui sướng thanh thoát lâu dài của những người làm công tác thiện nguyện.

Nhiều vùng mưa 1 năm không có bóng người, cây cỏ um tùm lấp hết lối đi, chúng tôi khai quang bằng cách rong cây giấy cỏ, sửa đường, tạo lối đi. Rắn rết chồn chuột quá nhiều khiến mấy anh em bị rắn cắn phải chở đi bệnh viện. Những đêm đầu, tối tới phát ớn giữa cảnh vật âm u bí mật, nhưng dần dần chúng tôi cũng quen với ban đêm ở đồng quê. Chỉ một tuần lễ, dân làng trở về gần hết. Chúng tôi lo vét giếng để có nguồn nước và khuyến khích dân chúng lọc nước qua các lớp cát sỏi và than. Ban ngày, cán bộ chiến dịch chia thành các tổ nhỏ vào từng nhà giúp đỡ các việc cần thiết. Ban đêm cũng chia thành tổ đi phục

kích đề phòng du kích cộng sản phá hoại. Hầu hết nhà bị cháy, bị sập đổ vì chiến tranh, chúng tôi giúp dân sửa lại. Vật liệu như tôn, xi-măng... do chánh quyền giúp. Những mái nhà đơn sơ nhưng gọn gàng sạch sẽ được dựng lên. Chúng tôi kiểm soát chặt chẽ vật liệu chánh quyền cung cấp để tránh bị tham nhũng, ăn cắp, vì lâu nay những việc từ thiện gần như luôn bị lợi dụng. Nhà cửa sửa xong, chúng tôi xây chợ và trường học cho trẻ em. Bác sĩ Bùi Hoàn đêm đêm thường về khu chiến dịch sinh hoạt với chúng tôi và dân chúng. Các đoàn chiếu phim, văn nghệ của ty thông tin cũng về khu chiến dịch sinh hoạt. Các ngày nghỉ cuối tuần, công chức tòa tỉnh, học sinh trung học kéo về giúp dân, gần như cả tỉnh đều hướng về khu chiến dịch. Dân ở các trại tạm cư khác cũng kéo đến xem vùng Về Làng. Bên quân đội lúc ấy tiểu khu phó là thiếu tá Lê Bá Khiếu cũng tích cực tiếp sức. Thiếu tá Khiếu (chức vụ sau cùng là đại tá) là người Huế từ khi rời quân trường bắt đầu phục vụ tại Quảng Ngãi và xem Quảng Ngãi như quê hương. Người sĩ quan trẻ tuổi này làm việc hăng say, tính tình hiền hòa vui vẻ. Bất cứ giới nào từ tu sĩ đến nhà giáo, anh em văn nghệ sĩ đều có cảm tình với ông nên ông rất thành công trong khi làm chánh quyền. Phải nói thiếu tá Khiếu đã góp một phần rất lớn cho chiến dịch Về Làng thành công, khi thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa công tác quân sự và dân sự. Điều này không đơn giản, bởi công tác dân sự và quân sự thường khó phối hợp sít sao hoặc do đổ kỵ hoặc do khinh thường nhau hoặc nhiều khi do ganh ghét về quyền lợi.

PHÁ ĐỊA ĐẠO

Nhờ dân chúng chỉ, chúng tôi khám phá được những địa đạo ở Thu Xà. Thu Xà xưa là phố nhỏ của người Tàu. Trước 1945, tôi hay theo cha xuống Thu Xà bán đường. Khoảng 1932, năm tôi ra đời, cha tôi bỏ nghề buôn tạp hoá qua buôn thổ sản, buôn đường. Cha tôi mua đường của các địa chủ có đất trồng mía, đổ vào muống. Các muống đường được chở về nhà rút mật cho khô hơn và trắng hơn. Đường được chà thành bột, phân loại trắng, vàng, đen, cho vào bao từng 60 ký chở xuống Thu Xà bán cho người Hoa. Nhờ buôn đường, chỉ trong mấy năm, cha tôi thành giàu có. Mức sống ở phố Thu Xà cao hơn mức sống của chúng tôi rất nhiều về hình thức và cách sống. Tôi thấy trẻ con

đồng trang lúa lúc ấy ăn mặc sang hơn chúng tôi ở nhà quê rất nhiều. Qua thời tiêu thổ kháng chiến, Thu Xà đổ nát, người Tàu bỏ đi nơi khác. Thu Xà thành đồng gạch vụn, nhiều nơi cỏ mọc um tùm. Vì là thế đất cao, cộng sản lợi dụng địa đạo, một yếu tố quan trọng trong chiến tranh du kích. Thấy bóng quân đội quốc gia kéo đến thì lập tức cán bộ, du kích chui ẩn dưới địa đạo là những đường ngầm dưới đất rộng độ một mét cao cỡ một mét rưỡi, phải chạy khom lưng mới khỏi đụng đầu. Nhiều chỗ lên xuống địa đạo thường được nguy trang thật cẩn thận và bất ngờ. Có khi đẩy cái tủ quần áo qua một bên phía dưới là ngõ xuống địa đạo, có khi cửa lên xuống ở ngay dưới cái bếp đang nấu nướng, có khi dưới đế trụ rơm nơi chát rơm rạ hoặc chỗ dờ nhộp như trong chuồng heo, nơi đi tiểu v.v... Có lần chúng tôi đuổi theo hai du kích. Cùng đường, họ nhảy xuống vực rồi biến mất, do đó mới biết lặn sâu dưới vực có ngách chui lên địa đạo. Địa đạo khác hầm bí mật. Hầm bí mật chỉ để một, hai người trốn không di chuyển được, các ngõ ngách lên xuống cũng nguy trang như ngõ ngách địa đạo.

Đi trong địa đạo, chúng tôi phải dùng đèn pin thận trọng đánh dấu khi gặp đường rẽ để lúc trở lui khỏi lạc. Năm 1954, số cộng sản nằm vùng, tức chỉ đổi vùng chứ không tập kết ra Bắc, thường trốn dưới hầm bí mật, nhưng đa số bị bắt hoặc chịu không nổi ra đầu thú, một số bị dân chúng tố giác, một số gia đình che chở cho người nằm vùng sợ liên lụy phải tố cáo. Tóm lại, trên 90% bị phát hiện. Khi gặp hầm bí mật hoặc địa đạo, việc đầu tiên là kêu gọi đầu hàng. Nếu không chịu đầu hàng, dân chúng đốt lửa cho khói xông vào hầm như xông chuột, chịu không nổi sẽ phải bò ra. Xông khói xong nếu không thấy người bò ra thì cho chất nổ xuống hầm và lấp hầm.

Chúng tôi luôn cố gắng tối đa gây tin tưởng trong dân chúng về ý hướng thực sự chăm lo cho người dân của chính quyền quốc gia. Chúng tôi nhìn nhận trong hàng ngũ quốc gia vẫn có một số gây phiền toái cho dân, nhưng đó là các cá nhân xấu chứ không phải đường lối của quốc gia. Cán bộ Về Làng chúng tôi bằng thái độ, bằng việc làm cụ thể với phương châm "*làm chứ không nói*". Phải làm, làm cho dân tin. Bởi dân không bao giờ có thể tin những kẻ chỉ nói suông, hứa hão trong khi không làm một việc gì có lợi cụ thể, dù rất nhỏ. Dành từng người dân về với chính nghĩa quốc gia bằng hành động chứ không

bằng lời nói, bằng khẩu hiệu là quyết tâm của cán bộ Về Làng. Mục tiêu lúc đó của chúng tôi là cùng với chánh quyền nỗ lực xây dựng một vùng điển hình về an ninh và phồn thịnh. Chúng tôi cố gắng thể hiện hai chữ “*vi dân*” bằng thực tế theo hướng không phá của dân, không gây thiệt hại quyền lợi của dân, không làm dân bất bình và tôn trọng ý dân, tôn trọng nhân quyền. Nói gọn lại là dân ưng thích gì thì làm cho họ, trừ việc họ theo cộng sản. Mức thành bại của chiến dịch tùy thuộc việc thực hiện được hay không những điều đó. Giúp dân dựng nhà, sửa nhà, khai quang vườn tược để lấy đất sản xuất, trợ giúp vật liệu xây cất cho các gia đình nghèo khổ, đào giếng nước, lập trường học, lập chợ, xây chùa, nhà thờ... là những việc cần hoàn thành. Chỉ một tháng sau, khu đất từ lâu không người ở biến thành làng mạc, dân kéo về đông đúc, không còn ruộng vườn bỏ hoang. Chúng tôi tổ chức bầu cử hội đồng xã, cơ quan áp... để dân chúng tự chọn đại diện. Các tặng phẩm viện trợ Mỹ được phát tận tay người nghèo, không còn nạn “*cường hào ác bá*” như trước. Dân chúng trong vùng phấn khởi vì thấy rõ họ được thực sự tôn trọng.

XỬ BẮN CỘNG SẢN

Trước khi có chiến dịch Về Làng, trong vùng vẫn có một số người, phần nhiều là lớp già, theo cộng sản hoặc có liên hệ với cộng sản. Khi có chiến dịch, những gia đình này có vẻ không vui và lo lắng. Chúng tôi đặc biệt lưu ý để tìm cách chuyển hóa họ. Qua thực tế, chúng tôi biết họ bị chi phối bởi một cán bộ cộng sản nằm vùng. Cán bộ này phụ trách hai ba xã trong vùng chiến dịch nhưng ẩn núp ở những làng ngoài vùng, ngầm liên lạc để vừa kêu gọi vừa đe dọa dân chúng phải tấy chạy chiến dịch. Không lâu sau, chúng tôi bắt được y và quyết định đem ra xử bắn để dân vùng chiến dịch được sống yên lành.

Dân chúng kéo về chứng kiến xử bắn hai cộng sản ác ôn luôn xúi giục phá xóm phá làng. Một cán bộ “tự quản” ở Mộ Đức và một ở Tư Nghĩa.

Họa sĩ Phạm Cung điều khiển lập pháp trường cát trước một ngày. Ngày đó Trần Kinh Luân, người bạn lớn tuổi của tôi, một cán bộ chiến dịch, uống rượu say, chửi bới lung tung. Anh em cho tôi biết anh Luân bất bình vì ngày mai xử bắn anh rể của

anh mà theo anh Luân thì anh này chỉ làm phó chứ không làm chánh tự quản và đã nghỉ việc nửa năm rồi. Tôi gặp Trần Kinh Luân và anh quả quyết như vậy. Do đó, tôi quyết định không xử người phó tự quản Mộ Đức, cho giữ lại điều tra thêm.⁽⁵⁸⁾ Tôi lựa ba cán bộ can đảm, lập trường chống cộng vững vàng làm xạ thủ. Ba anh vui vẻ nhận nhiệm vụ, nhưng tôi đoán họ vẫn có thể lo lắng về việc làm ngày mai. Kinh nghiệm năm 1954, một số cán bộ xã ấp hăng say làm theo khẩu lệnh cấp trên, khi bị ra tòa, cấp trên chối không ra lệnh khiến họ phải chịu án tù. Tôi thông cảm điều đó nên gọi ba xạ thủ tới gặp và bảo tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật, cụ thể tôi viết giấy ký tên trước mặt ba người, giao cho mỗi anh giữ một tờ làm bằng chứng. Cả ba ngạc nhiên cầm tờ giấy mừng đến phát run, ôm chầm lấy tôi, nói:

- Bọn em làm vì lệnh và cũng vì lý tưởng, nhưng không ngờ anh che chở đến thế, bọn em xúc động quá.

Dân chúng đến dự rất đông, đứng chật sân vận động, đứng cả ngoài đường và trong sân trường bên cạnh. Có người đến vì hận thù cộng sản, có người đến vì hiếu kỳ và cũng có một số đến vì sợ. Nhìn chung, sau vụ xử bắn, dân chúng tin tưởng sự dứt khoát chống cộng sản của chiến dịch khác với thái độ lấp lửng lâu nay của chánh quyền thường gây khó khăn cho cán bộ cơ sở. Đã nhiều lần, xã ấp bắt cán bộ cộng sản phá hoại giải về quận, về tỉnh nhưng không lâu sau người tù đó lại được tự do và cán bộ xã ấp phải đổi vùng để tránh bị trả thù. Bởi khi một cán bộ cộng sản bị bắt thì cơ sở của cán bộ đó cấp tốc lo lót bằng tương quan tình cảm hoặc tiền bạc.

Sau vụ xử bắn, cả vùng chiến dịch vững tâm hơn trong việc xây dựng đời sống. Nhiều gia đình vốn lưng chừng cũng bắt đầu tham gia chiến dịch vì tin chắc chiến dịch cương quyết diệt cộng sản để bảo vệ quyền lợi cho họ. Trong vòng hai tháng, cả vùng chiến dịch tại miền đông quận Tư Nghĩa, hầu hết dân chúng đều về định cư, trồng trọt sản xuất. Trường học, chợ được xây cất. Chánh quyền được dân chúng bầu, thành lập các trung đội nghĩa quân bảo vệ xã ấp. Nhiều phái đoàn chánh

⁽⁵⁸⁾ Sau 1975, chính người tự quản được tôi tha tội chết, đứng ra tố cáo tôi “có nợ máu với cách mạng”, một số lớn dân chúng bắt bớ về vụ tố cáo này và một lần nữa cho thấy tâm địa người cộng sản.

quyền trung ương và báo chí từ Sài Gòn ra thăm chiến dịch, có cả phái đoàn ngoại quốc. Do báo chí, đài phát thanh và truyền hình, toàn quốc bắt đầu biết tới chiến dịch Về Làng.

Một điều đáng buồn là vì đi thăm chiến dịch Về Làng mà ông bộ trưởng Xây Dựng Nông Thôn bị tử nạn máy bay. Một ngày trong tháng 8-1964, phái đoàn chánh phủ ghé thăm Quảng Ngãi trong vòng một giờ rồi đi các tỉnh khác. Kỹ sư Nguyễn Tất Ứng, bộ trưởng Xây Dựng Nông Thôn nghe thuyết trình chiến dịch Về Làng rất thích thú nên muốn gặp tôi là người trực tiếp điều khiển chiến dịch. Bác sĩ Bùi Hoành cho người đi gọi tôi về. Tôi về trễ nên ông bộ trưởng quyết định ở lại Quảng Ngãi sáng hôm sau dùng máy bay dân sự về Sài Gòn.

Máy bay cất cánh ở phi trường Quảng Ngãi chừng vài phút thì bốc cháy. Tất cả hành khách đều chết trong đó có ông bộ trưởng. Tôi rất thương tiếc ông chỉ vì lưu tâm tới chiến dịch và vì tôi về chậm nên phải đi “chuyến bay định mạng”. Trên bốn mươi năm rồi, giờ đây ngồi viết những dòng này tôi vẫn bùi ngùi xót xa nghĩ tới ông.

Tổng kết đợt một chiến dịch Về Làng là tốt đẹp. Các làng miền đông quận Tư Nghĩa đã có cảnh sống an lành. Trẻ con được đi học, người lớn tích cực trồng trọt dựng lại làng mạc và tin tưởng hàng ngũ quốc gia chống cộng sản. Thí điểm cho thấy ai làm lợi cho dân, tôn trọng dân, thực sự vì dân sẽ thu phục được lòng cảm mến của dân để giành phần thắng cuộc chiến tranh này.

Nhóm cố vấn Mỹ trong tình được khích lệ bởi kết quả chiến dịch quyết định trả phụ cấp cho cán bộ chiến dịch. Họ không ngờ cán bộ chiến dịch làm việc không lương suốt ba tháng và làm việc bất kể giờ giấc. T

ôi giao cho Trần Điềm đi phát tiền cho anh em và dặn Điềm thận trọng vì đây là chỗ “*thập mục sở thị, thập thủ sở chi*”. Do có một số cán bộ bỏ cuộc và một số đã có lương của chánh phủ nên số tiền còn dư trên hai trăm ngàn. Điềm hỏi tôi cách giải quyết số tiền dư này, tôi bảo đem trả lại cho cố vấn Mỹ.

Tôi và Điềm đem trả số tiền. Tôi còn nhớ Điềm nói một câu như tặng cho tôi một phần thưởng: “*Chỉ có anh mới hoàn trả số tiền này, thực sự tôi phục anh.*”

Trên bốn mươi năm rồi đôi lúc trà dư tửu hậu, Điềm vẫn nhắc chuyện đó mỗi khi chúng tôi nhớ đến quê hương.

LÀNG ĐỨC HẢI

Ba làng Kỳ Tân, An Chuẩn và An Mô nhập lại thành làng Đức Hải. Con sông Vệ gần đến biển chia hai, nhánh chính nhập với sông Trà Khúc ra Cổ Lũy tức cửa Đại, nhánh nhỏ ra cửa Lở thuộc An Chuẩn. Dân hai làng An Chuẩn, Kỳ Tân chuyên nghề đánh cá. Trước năm 1960, An Chuẩn là nơi dân cư đông đúc làm ăn có tiền hơn dân đồng ruộng. Sau thời chánh quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, chiến tranh lan tràn, An Chuẩn thành bãi chiến trường, nhà cửa tan nát, dân phải bỏ làng đi tị nạn.

Tôi muốn biến An Chuẩn thành làng đánh cá điển hình, vì nơi đây là một bãi đất trống rất dễ xây cất và dân An Chuẩn đông, ham làm việc, thích có cuộc sống cao và sau cùng nói chung dân đánh cá rất khỏe mạnh. Thuở trước dân An Chuẩn làm việc chăm chỉ, tuy có tiền nhưng mức sống thấp, nhà ở chật chội chen chúc, thiếu vệ sinh. Tôi trình lên tỉnh dự án biến An Chuẩn thành làng đánh cá kiểu mẫu. Dự án được bác sĩ Bùi Hoàn và cố vấn Mỹ ủng hộ gồm 5 điểm chính:

1- Tái thiết làng An Chuẩn: An Chuẩn phía đông giáp biển, phía tây giáp sông An Mô, nhánh con sông Vệ. Đắp một con đường dọc theo bờ biển đặt tên Đường Biển, một con đường dọc theo bờ sông đặt tên Đường Sông. Bề ngang đường rộng 4 mét. Con đường xương sống giữa 2 đường trên theo hướng Nam Bắc, rộng 8 mét, là đường chính trong làng, đặt tên đường An Chuẩn, nối dài tới con đường lên Đức Phụng, Đức Quang đi quốc lộ 1. Chúng tôi chừa đất làm cơ quan hành chánh, trường học, sân vận động, chợ, bến xe, đình, chùa, nhà thờ... Đất còn lại chia cho dân, mỗi nền nhà 4 mét x 8 mét.

2- Vật liệu xây cất nhà cửa: Vật liệu nhẹ, tôn chống nóng, sườn sắt, xi-măng tráng nền, ván ép...do cơ quan viện trợ Mỹ cung cấp. Nhân công do chủ nhà tự túc có cán bộ chiến dịch giúp đỡ và ty công chánh cố vấn kỹ thuật.

3- Đường sá: Do ty công chánh thực hiện. Đường chính mang tên An Chuẩn trải dầu, hai bên làm lề đường bằng xi-măng để đi bộ. Đường Biển và đường Sông trải đá. Cây trồng bên đường do ty canh nông trách nhiệm.

4- Cơ quan hành chánh, trường, sân vận động: Ty công chánh phối hợp các ty liên hệ chịu trách nhiệm.

5- Sinh hoạt kinh tế: Mười gia đình họp thành một tổ hợp đánh cá. Mỗi tổ hợp sẽ được giúp đỡ ghe máy, lưới, dụng cụ và được vay một số vốn để khởi sự làm ăn. Việc cho vay vốn thực hiện theo một nội qui chặt chẽ ...

Những nét chính trên của dự án tái thiết xã Đức Hải được tỉnh trưởng, cố vấn viện trợ Mỹ chấp thuận. Dân Đức Hải ồ ạt kéo về chuẩn bị nhận nền nhà. Xưa An Chuẩn là nơi đông đúc chật chội, nhiều nhà ổ chuột, đường sá hẹp nhớp nhúa. Thê thảm nhất là tình trạng đi cầu ngoài bãi biển. Mấy ngàn người phóng uế trên bờ biển tạo một thảm cảnh khó tả nổi. Đó là điều đầu tiên tôi nghĩ tới và thấy không dễ giải quyết do thói quen từ lâu của mọi người. Cuối cùng, đi tới quyết định khi phát nền nhà, mỗi nền có sẵn một cầu tiêu làm đúng tiêu chuẩn của ty công chánh. Nếu không làm sẵn, chủ nhà sẽ không làm vì theo thói quen, họ chưa thấy cần thiết. Phải làm được như vậy, bãi biển mới sạch sẽ, mới có thể đi trên bờ biển.

Thời gian đợi bốc thăm nhận nền nhà, mọi người phải dùng cầu tiêu công cộng tạm do ty công chánh làm dọc bờ sông. Có lẽ không đâu nhiều trẻ con bằng ven biển, nhất là An Chuẩn. Cán bộ chiến dịch đi từng nhà giải thích gần như bắt buộc mọi người không được đi cầu bừa bãi. Chuyện đơn giản nhưng cực kỳ khó vì đã phá một tập quán lâu đời ở vùng biển. Thời gian đầu, mỗi buổi sáng, cán bộ chiến dịch phải đi dàn hàng hai chục mét một người đứng canh chừng không cho phóng uế bậy bạ. Ai vi phạm sẽ bị phạt bằng cách dọn vệ sinh chỗ đó hoặc gần đó và loa phóng thanh sẽ đọc tên người vi phạm. Khó ngờ là chỉ riêng việc giữ vệ sinh mà cũng cần quyết liệt.

Rồi mỗi ngày mỗi khác, xây dựng một làng điển hình thành một công trường lớn, xe cộ tấp nập, người tập trung đông đúc, nhiều phái đoàn báo chí, xã hội ở Sài Gòn lui tới. Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ, tướng Nguyễn Đức Thắng bộ trưởng Xây Dựng Nông Thôn bay đến hiện trường quan sát, góp ý. Ai ai cũng tin tưởng là một thí điểm tốt. Anh em chúng tôi say sưa làm việc từ sáng sớm đến mờ tối, nhiều anh em cả tháng không về thăm gia đình. Nóng mùa hè thiêu đốt chúng tôi thành đen thui. Nhưng chưa bao giờ tôi hào hứng làm việc tay chân như lúc ấy, có thể nói tôi mê công việc, tối ngủ trông mau sáng để làm hầu giúp đồng bào sớm trở về quê. Không tham gia chiến dịch Về Làng lúc đó sẽ khó tin lời tôi nói là sự thật. Chiều ba mươi Tết chúng

tôi vẫn say mê đóng cọc căng dây, chia từng lô đất. Hầu hết anh em chúng tôi đều như vậy.

Tôi viết bài, đọc trên đài phát thanh kêu gọi người cộng sản, nhất là cộng sản ở Quảng Ngãi, nếu thực sự vì giai cấp vô sản, giai cấp bản cổ nông hãy tham gia với chúng tôi xây dựng xã An Chuẩn, hoặc chọn một làng nào đó làm thí điểm lo cho người nghèo, đem lại hạnh phúc cho dân và cuối cùng hứa dành cho họ tự chọn địa điểm ở An Chuẩn hay ở nơi nào tùy ý. Tôi nhấn mạnh rằng nếu người cộng sản không dám chấp nhận thách thức trên thì họ thực sự chỉ phá hoại đời sống dân chúng chứ không đúng như họ thường rêu rao là mang chủ nghĩa Marx xây dựng xã hội. Bác sĩ Bùi Hoành ngày nào cũng xuống khu chiến dịch. Ông nói với tôi:

- Mỗi ngày ít nhất moa phải xuống một lần, xuống nhìn tận mắt thật là vui.

Bởi vậy, tôi bám sát chiến dịch không cần về tỉnh để bàn công việc. Thời tướng Lãm giữ chức Tư Lệnh Vùng I, có lần tôi tâm tình với bác sĩ Bùi Hoành:

-Tôi nghĩ đám tướng tá, nói chung là phía quân sự, không thích mình thành công, sợ phải nhận giải pháp dân sự hóa chánh quyền sẽ mất nhiều quyền lợi. Bác sĩ nhớ rằng cụ quốc trưởng Phan Khắc Sửu đưa chức tỉnh trưởng cho bác sĩ là một thí điểm dân sự, nếu không có tướng Hoàng Xuân Lãm⁽⁵⁹⁾ ủng hộ thì hôm nay bác sĩ đâu còn ở đây làm tỉnh trưởng. Mà tướng Lãm ủng hộ bác sĩ vì cảm tình cá nhân chứ đâu phải ông ta thích giải pháp dân sự.

Bác sĩ Hoành không đồng ý:

- Moa không đồng ý điểm đó. Theo moa, nếu mình làm được việc thì báo chí và phía cố vấn Mỹ ủng hộ, dù các ông tướng có muốn phủ nhận cũng không được.

Một thời gian sau, bác sĩ Hoành nhìn nhận là phía quân đội không bao giờ muốn có giải pháp dân sự. Thời gian này, mỗi lần tổng thống Thiệu ra Quảng Ngãi, bài diễn văn chào mừng của tướng Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh Sư Đoàn 2, luôn yêu cầu tổng thống cố gắng làm tiếp nhiệm kỳ nữa, mặc dầu nhiệm kỳ còn lâu mới hết và tướng Toàn cũng không cần biết hiến pháp

⁽⁵⁹⁾ Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 tại Quảng Ngãi, thay tướng Nguyễn Chánh Thi làm Tư Lệnh Vùng I sau biến cố miền Trung 1966.

qui định tổng thống nhiệm kỳ mấy năm.

Trước thực tế đó, tôi luôn đề nghị bác sĩ Hoàn kết thân với các sĩ quan cấp úy, nhất là các sĩ quan có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ chiến dịch vì chỉ riêng thiếu tá Lê Bá Khiếu ủng hộ chiến dịch thì dù tích cực tới đâu cũng không đủ.

Tôi đưa ra mấy điểm chính để hợp lệ hoá tư cách là người dân Đức Hải:

1- Là người trước kia từng sống ở Đức Hải.

2- Khi về lại Đức Hải phải tham gia tổ hợp hoặc đánh cá, hoặc buôn bán, tức là không được ở không. Trước kia số người không làm gì cũng khá đông.

3- Ba năm đầu không bán căn nhà được trợ cấp.

Mục đích của chúng tôi là thúc đẩy mọi người trong khu làng kiều mẫu này đều phải làm việc để có tài sản, có cuộc sống lành mạnh, tương lai mỗi ngày mỗi khá hơn.

Trong khi An Chuẩn hăng say xây dựng thành một thí điểm về xã hội và dân chủ thì ở Tư Hòa bên kia sông Vệ, cộng sản ám sát áp trướng. Do đó, chúng tôi khám phá một hầm bí mật chứa năm cán bộ nằm vùng. Bị bắt, năm tên đổ tội cho nhau, tên này chỉ tên kia, tên kia chỉ tên nọ. Bực quá, tôi nói:

- Bọn chó bay hèn quá, không đưa nào đủ can đảm chịu, tao bắn hết. Nhớ rằng cộng sản bọn bay dã man thì tao tàn bạo, chỉ có tàn bạo mới khiến bọn bay bớt dã man.

Ngay chiều hôm đó, pháp trường lập trên sân bóng làng Tư Hòa. Dân chúng về đông nghịt chứng kiến trừng trị bọn phá hoại an ninh cuộc sống của họ. Suốt mấy năm sau đó, vùng này không còn tên cộng sản nào hoạt động. Dân chúng phấn khởi xây dựng làng xã và tin vào đường lối quyết liệt của quốc gia.

Thuở đó, tôi nghĩ nhược điểm lớn nhất của phe quốc gia là tánh dễ dãi gần như nhu nhược. Cộng sản lợi dụng nhược điểm này để tranh đấu và thành công. Bởi, mỗi khi một cán bộ cộng sản bị bắt thì chỉ vài giờ sau, vì nhiều lý do kể cả tương quan tình cảm, đã có người tới xin, có khi là vị linh mục đáng kính hay hòa thượng uy tín trong vùng và chánh quyền do thiếu quyết liệt hoặc mắc mưu quyền lợi thường sẵn sàng chấp nhận.

Hậu quả là khi kẻ bị bắt được thả về thì dân chúng không còn mạnh dạn tố cáo đám cán bộ nằm vùng bởi sợ bị tai họa. Thực tế này khiến người dân ở xã áp trở nên tiêu cực, không dám hé môi, nhất là còn thấy nếu thiên về cộng sản may ra sẽ

tồn tại vì phe quốc gia dễ dãi hơn, hiền hoà hơn, bảo đảm nhân quyền, sợ dư luận, người Mỹ luôn tôn trọng pháp lý và tự do dân chủ...trong khi bị tình nghi theo phe quốc gia mà bị cộng sản ban đêm về bắt thì chắc chắn không toàn mạng, vì cộng sản không nương tay, giết lầm hơn để sống.

Cộng sản không có luật pháp chỉ dựa vào căm thù mà xử sự. Lý tưởng chính trị nào cũng không thể sánh bằng mạng sống cho nên dù bất đắc dĩ cũng ngã theo cộng sản để khỏi bị chém giết. Với ý nghĩ này, tôi thấy cần phải chứng tỏ thái độ quyết liệt để người dân và cả đám cán bộ cơ sở cộng sản hiểu chúng tôi không chỉ chống cộng bằng truyền đơn, bằng lý thuyết. Chúng tôi dứt khoát với mọi cám dỗ về quyền lợi, dứt khoát với tình cảm yếu đuối và sẵn sàng vượt mọi giới hạn pháp lý đã trở thành nhược điểm cho cộng sản lợi dụng. Kẻ nào phá hoại cuộc sống an lành của dân, xâm phạm tính mạng người dân lập tức phải trả giá bằng mạng sống. Chúng tôi sẽ xử bắn những kẻ đó, bất kể là ai, để trừ khử tai họa cho dân chúng và bắn công khai, giữa thanh thiên bạch nhật trước sự chứng kiến của dân chúng.

Đài VOA, đài BBC loan tin xử bắn cộng sản tại vùng chiến dịch Về Làng. Một tuần sau, luật sư Thu từ bộ Nội Vụ ra gặp bác sĩ Bùi Hoàn và tôi. Luật sư bảo:

-Tôi rất hoan nghênh tinh thần chống cộng sản của anh, nhưng về mặt pháp lý, anh sẽ bị kẹt. Tôi là một luật gia nên tôi khuyên anh cần làm một biên bản ghi là anh dẫn tù đi làm khâu, bọ nó bỏ chạy, khiến lính anh phải bắn. Cũng cần có ba người chứng ký tên xác nhận đạn bắn từ sau lưng trở ra trước ngực. Để mai sau, nếu có phe phái khác kiện thì anh không bị tội. Tôi nhấn mạnh là với tư cách một luật gia tôi khuyên anh như vậy.

Thú thật tôi rất bực khi nghe lời khuyên khôn ngoan này. Tôi nhìn thẳng vào mặt vị luật sư và đứng dậy nói:

- Thừa luật sư, tôi cảm ơn luật sư đã có ý tốt giúp tôi. Tôi rất cảm ơn, nhưng thừa luật sư, tôi cũng có học luật và biết việc đó là vi luật. Thậm chí người không học luật cũng biết thế. Cho nên lâu nay người ta đã từng làm như luật sư vừa khuyên tôi. Nhưng tôi không thể làm trái với lương tâm, không thể hèn nhát khai là tù bị bắn vì bỏ chạy. Xin lỗi, làm thế tôi xấu hổ với tôi, với linh hồn những người bị bắn, vì tôi đã cho xử bắn họ công khai, xử bắn ban ngày trước sự chứng kiến tận mắt của đồng bào, của ký giả. Như luật sư đã biết, từ 1954 đến nay chánh quyền

miền Nam có bắn cộng sản nhưng bắn lên lút, ngoại trừ ở mặt trận. Chỉ riêng chiến dịch Về Làng bắn cộng sản công khai, có dân chúng chứng kiến. Nếu phải bị tù về tội bắn cộng sản công khai, Nguyễn Liệu này xin vui về chịu tội. Một lần nữa, xin cảm ơn luật sư và xin chào luật sư, chào bác sĩ.

Tôi bước ra. Luật sư Thu đưa tôi ra tới cửa, nói:

- Tôi rất phục anh, nếu lâu nay ai ai cũng chống cộng như anh có lẽ ta thành công rồi. Tôi nói với anh như vậy chỉ vì tính pháp lý thôi. Tôi biết anh rất cô đơn, tôi chia xẻ với anh điều đó. Thôi, chào anh và chúc anh thành công.

Trên đường về, tôi ôn lại những lời đã nói với vị luật sư già không thấy có điều nào xúc phạm ông nhưng tôi nghĩ ông vẫn có thể buồn vì tôi nói hơi xốc, trong khi ông chỉ vì thiện chí lo cho tôi.

Một hôm, bác sĩ Bùi Hoàn nói với tôi là tướng Thi tư lệnh vùng I khen chiến dịch Về Làng, tán đồng việc công khai bắn cộng sản và khuyên nên tiếp tục.

Phần khởi, bác sĩ đề nghị *“Xin trung tướng viết giấy ra lệnh để anh em mạnh dạn làm việc”* thì tướng Thi khoát tay lia lia *“Không nên, không nên, đừng để bút tích giấy tờ nguy hiểm, cứ nói miệng anh em họ làm”*.

Phạm Viết Tùng một lãnh tụ Quốc Dân Đảng nhóm Trần Hoàng bảo đệ tử chờ anh theo kịp xe tôi đề anh nói:

- Trong thành phố thấy anh đi qua, tôi phải theo ra tới đây gặp anh để nói một câu cho hả dạ: “Tôi mới thấy có một người dám bắn cộng sản như anh, nhưng tôi lo cho anh quá, cộng sản thù anh, quốc gia sẽ phá anh.”

Một hôm, cha Ngoan, nhà thờ thị xã Quảng Ngãi, cho người tìm tôi nói cha muốn gặp tôi ngay. Cha ôm choàng lấy tôi giới thiệu trong một bữa họp của các cha, các thầy. Cha bảo rất xúc động thấy tôi dám xử tử cộng sản một cách công khai và nói Chúa chấp nhận việc làm của tôi vì *“bọn vô thần cộng sản không phải là người”*.

CỘNG SẢN TẤN CÔNG CHIẾN DỊCH VỀ LÀNG

Khoảng 11 giờ khuya ngày 10-2-1966, cộng sản tấn công làng Đức Hải. Từ lâu, chúng tôi đoán cộng sản sẽ đánh chiến

dịch Về Làng vì sợ uy tín của chiến dịch đối với nông dân. Nếu nông dân nghèo mà tin tưởng và theo chiến dịch thì cộng sản hết chỗ đứng. Nhiều lần tôi đề nghị bác sĩ Bùi Hoàn có kế hoạch cụ thể đặc biệt với tiểu khu để bảo vệ khu chiến dịch khác với các vùng bình thường. Kế hoạch chưa có thì điều tôi nghi ngờ đã thành sự thật.

Đêm đó, tôi ở đoàn làng Long Phụng, cách làng Đức Hải chừng ba cây số. Từ ngày có chiến dịch, vì an ninh, đêm nào chúng tôi cũng chia từng toán nhỏ ở rải rác vừa phục kích vừa tự bảo vệ. Được tin cộng sản đánh, tôi cấp tốc báo về tiểu khu và tỉnh trưởng biết để đối phó. Một đại đội địa phương quân đóng ở núi Đất cách chừng ba cây số phía nam Đức Hải, chặn con đường dọc bờ biển là đường cộng sản di chuyển từ phía Nam. Một đại đội đóng ở Đức Phụng, chặn cộng sản bên kia bờ sông Vệ tiến sang. Như vậy theo cách bố trí lý thuyết thật chặt chẽ.

Tại khu chiến dịch Đức Hải, chúng tôi có trên một trăm cán bộ vũ trang biết chiến đấu, năm chục tù làm tạp dịch, một trung đội “nhân dân tự vệ” mới thành lập trang bị vũ khí đầy đủ nhưng chưa có kinh nghiệm chiến đấu.

Nghe tiếng tiểu liên nổ ran và tiếng đại bác các vùng lân cận bắn tới, tôi biết đụng độ khá mạnh. Trái sáng rực cả vùng trời. Tôi liên tục liên lạc với trưởng đoàn ở Đức Hải là anh Bùi Vạn Đạt. Anh cho biết cộng sản tấn công từ hướng Kỳ Tân tức từ phía Nam và hỏi tôi nên lui phía nào cho an toàn. Anh nhấn mạnh:

- Tôi hỏi vậy thôi, chứ anh em đang bám sát địch để đánh, chúng có vẻ ngờ ngáo không đáng sợ, hiện trước mắt tôi đã thấy hai tên bỏ xác, không thằng chó nào dám nhào vào lấy xác.

Tôi nói nếu có lui nên lui ra bờ biển vì không ai nghĩ mình lui ra nơi cùng đường nên đó là sinh lộ thay vì lui qua vùng An Mô sẽ nguy hiểm, vì cộng sản có thể phục kích ở bờ sông chặn đường lui an toàn của mình. Đạt cười trong máy, bảo cũng nghĩ vậy. Đến 3 giờ sáng, tôi không còn liên lạc được với Đạt. Tôi hơi lo vì đã dặn luôn giữ liên lạc với tôi, nếu máy truyền tin trực trực thì dùng máy phụ.

4 giờ sáng, tiếng súng thưa dần.

Tôi đoán cộng sản sợ máy bay nên rút trước khi sáng và báo tiểu khu ngưng bắn đại bác để chúng tôi bắt đầu tiến đến

Đức Hải. Tiếng tiêu liên thỉnh thoảng vang vài loạt rồi im. Đoàn Đức Phụng thận trọng hàng ngang tiến đến mục tiêu. Gần mờ mờ sáng, chúng tôi vào Đức Hải.

Một người lom khom dựa theo hàng dứa đại chạy lên hướng chúng tôi. Chúng tôi thật mừng khi nhận ra đó là cán bộ chiến dịch. Anh cho biết có lẽ bị nội tuyến, thiệt hại rất nặng và anh em tản lạc có lẽ chạy về phía Long Phụng, còn anh chạy lên đây. Theo anh, cán bộ chết nhiều lắm và hình như đoàn trưởng bị thương nặng hay chết anh không rõ chỉ nghe đồng bào nói. Tôi bảo anh ngồi nghỉ cho khỏe rồi chúng tôi tiếp tục đi xuống. Dân chúng ùn ùn gánh đồ đạc chạy giặc ngược hướng chúng tôi. Họ sợ sáng sớm máy bay tới thì nguy hiểm. Thấy tôi, họ đều mừng. Tôi bảo tất cả dừng đi nữa nhưng cũng khoan về chờ tình hình thực sự ra sao. Chúng tôi không cần thận trọng, chạy ào xuống nơi đựng đồ nặng khi hôm. Chừng ba trăm thước, chúng tôi gặp đại đội địa phương quân đang lục soát. Trung úy đại đội trưởng cho biết khi hôm anh được lệnh chặn nút ở vùng Kỳ Tân, phục kích chờ cộng sản rút, nhưng không gặp địch, sáng nay được lệnh lục soát phía Nam mục tiêu. Trung úy dặn tôi coi chừng mình bọn chúng gài — coi cách nào khi tôi không có máy dò mìn. Tôi cứ theo đường chạy tới tìm anh em trong đoàn chiến dịch. Xe cứu thương của tiểu khu bắt đầu tiến vào để tải thương và dân chúng vẫn đang di tản khỏi vùng chiến dịch.

Thật thâm, chúng tôi mất chín người trong đó có anh Bùi Vạn Đạt. Anh bị bắn nát mặt. Có lẽ bọn chúng biết anh là đoàn trưởng nên dù anh đã chết, chúng còn bắn bồi nhiều phát. Chúng tôi khiêng xác chín cán bộ để tại hội trường, chờ gặp thân nhân và làm lễ an táng. Quả là một thất bại nặng nề. Bùi Vạn Đạt là đảng viên Quốc Dân Đảng nhóm Trần Hoàng. Anh rất trực tính, có lần anh nói với tôi:

- Tôi cộng tác với anh vì thấy anh là người quyết liệt diệt cộng, mặc cho đàn anh của tôi nói gì thì nói. Họ chỉ nói chứ không làm, còn anh thì miệng nói tay làm. Tôi thích chỗ đó nên tôi tích cực diệt cộng với anh, và rất đồng ý cộng sản đã man thì mình tàn bạo, thử ai hơn ai.

Nhìn chín tử sĩ nằm trên chín cái mền một hàng dài trong hội trường, chín người còn trẻ quá có người chưa có gia đình, nước mắt tôi chảy ròng. Đưa tay vuốt mắt chín người bạn đã ra đi, tôi nguyện trước linh hồn người quá cố là tôi diệt cộng sản

đến phút chót của đời tôi.

Vài năm sau, khi làm Xây Dựng Nông Thôn, tôi mở một chiến dịch cũng giống như chiến dịch Về Làng, lấy tên chiến dịch Bùi Vạn Đạt. Một số người trong nhóm Quốc Dân Đảng không ưa tôi, loan truyền là Bùi Vạn Đạt vì theo tôi nên mới bị cộng sản giết. Một kiểu phê phán ngu xuẩn nghe đến nhảm tai giữa cảnh đối đầu sinh tử với cộng sản mà không ít phần tử quốc gia vẫn u tối do đầu óc bè phái.

Điều làm tôi ngạc nhiên là sau trận đánh, gần một trăm người tù làm tạp dịch tại Đức Hải đều tập hợp đầy đủ. Tôi đề nghị trả tự do ngay cho số người này, vì nếu là cộng sản thì họ đã chạy theo ngay hôm đó. Bác sĩ Hoành đồng ý và sáng hôm sau tất cả được tự do.

Tôi phân nản với bác sĩ Bùi Hoành:

- Bác sĩ đã thấy đúng như tôi nói là cộng sản sẽ đánh phá Đức Hải dù Đức Hải không phải cứ điểm quân sự, không là nguồn sản xuất, không là điểm chiến thuật. Đức Hải chỉ là bãi cát trắng nhưng giá nào cộng sản cũng đánh, vì sợ Đức Hải là thí điểm thành công, dân chúng no ấm, có phương tiện làm ăn, sản xuất, người dân được tôn trọng... các địa phương khác sẽ dựa theo thực hiện thì cộng sản nói gì được với dân nghèo, với công nhân, với bản cổ nông. Chúng ta lo cho người nghèo có đời sống no ấm, tự do là ngược với chủ trương bản cứng hoá, đốt nát hoá của cộng sản. "*Dân ngu dốt, nghèo đói dễ trị*" là mục đích chung của thực dân và cộng sản. Tôi rất tiếc là chỉ một làng nhỏ nằm trong vị thế rất dễ bảo vệ mà quân đội quốc gia không bảo vệ được. Điều đó chứng tỏ quân đội không thực sự hợp tác với chúng ta.

Bác sĩ Hoành buồn rầu nói với tôi:

- Những điều anh nói tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi sẽ đề đạt những ý đó lên ông tướng vùng và tôi tin ông Lãm là người tốt, hiểu chúng mình và chính ông cũng muốn làm những điều có lợi cho dân chúng.

LÀM QUẬN TRƯỞNG

Tôi gặp trung tướng Lãm tại văn phòng tỉnh trưởng. Ông khích lệ tôi có lẽ sợ tôi nản. Ông cho biết đã đề nghị tặng tôi "*Đệ Nhất Đẳng Chương Mỹ Bội Tinh*", và bảo đó là huy chương cao

quí bậc nhất phần nhiều chỉ người chết mới được lãnh. Tôi khó chịu khi nghe ông nói và biết ông chưa hiểu tôi. Tuy nhiên, tôi phải nhận rằng ông là người có lòng giúp dân chúng, nhất là người Quảng Ngãi. Trong cuộc nói chuyện đó, ông đề nghị tôi làm quận trưởng quân Mộ Đức để hoàn thành kế hoạch ở Đức Hải vừa bị cộng sản đánh phá. Ông hứa chắc là quân đội dưới quyền ông sẽ tích cực giúp tôi về việc phòng thủ không sơ hở như vừa rồi. Bác sĩ Hoàn nói tiếp bảo tôi nên nhận, vì cương vị quận trưởng dễ làm việc hơn, có điều kiện thực hiện một vùng kiểu mẫu, tiếp tục xây dựng lại Đức Hải. Sự việc quá đột ngột, nhưng trước thiện chí của tướng Lâm và bác sĩ Hoàn, tôi nhận lời với một điều kiện, nếu không thành tôi xin thôi, phải chấp nhận cho tôi thôi ngay, tướng Lâm cười trả lời “*Xin làm thì khó chứ xin thôi thì dễ. Khi anh chán không muốn làm thì báo cho ông bác sĩ Hoàn biết để cho người thế anh trong ngày*”.

Chưa bao giờ tôi nghĩ tôi làm hành chánh, nhất là làm công chức. Không hiểu sao từ nhỏ tôi đã không thích mà còn bài bác “*làm công chức và đi buôn*”. Có lẽ ý nghĩ kỳ lạ ấy khởi từ câu nói “*giá áo túi cơm*” hay lời thơ “*trời chân Kỳ Kỳ tra vào rọ, rút ruột tơ tằm nợ áo cơm*” và câu thơ của Tạ Ký “*áo cơm thay thế chuyện giang hồ*” v.v... tạo nên một quan niệm không thực tế đã làm khổ tôi không ít. Tôi nhớ năm tôi đậu tú tài, trước mắt tôi có nhiều đại học đang chờ vì lúc ấy đại học mở rộng cửa đón học sinh. Vài trường của nhà nước tổ chức thi tuyển, nhưng số thí sinh nộp đơn thường ít hơn số định lấy. Đó là các trường Quốc Gia Hành Chánh, Y Khoa muốn học chỉ cần nộp đơn. Trước 1960, khi mở Đại Học Sư Phạm, tôi còn nhớ giáo sư Phan Thế Roanh vào trường Văn Khoa kêu gọi chúng tôi vào thẳng năm thứ hai vì chúng tôi đã có vài ba chứng chỉ cử nhân văn chương. Đó là cơ hội tốt cho những ai muốn làm nhà giáo, vì lương đại học sư phạm lúc ấy rất lớn, một giấc mơ của tuổi trẻ, thế mà tôi vẫn không theo lời kêu gọi của thầy Roanh. Vào trường Luật và Văn Khoa là trường không có việc làm, là “đi con đường đói” nhưng tôi ưa thích. Tôi còn hãnh diện đã chọn những ngành không vì cơm áo. Vậy mà nay nhận chức quận trưởng thì thật khôi hài. Nhưng tôi tự an ủi là vì công việc chiến dịch Về Làng nên cần thử một thời gian.

Tôi nhớ câu bác sĩ Bùi Hoàn nói: “*Người ta phải chạy chọt đút lót, cạy thế cạy thần mới được cái chức quận trưởng*”.

Anh không nghĩ tới nhưng ông Lâm thấy anh có tinh thần xã hội, tinh thần yêu nước, đưa cho anh chức quận trưởng, thì anh nên nhận..”

ĐOÀN NGƯỜI NGHÈO

Lúc ấy, tôi luôn nghĩ giản dị trong cuộc nội chiến đẫm máu ở Việt Nam, ai thực sự đem lại ấm no và tự do cho người nghèo thì chiến thắng. Đồng thời, tôi biết chắc trăm phần trăm là cộng sản chỉ dụ dỗ chứ không bao giờ đem lại cơm áo, tự do cho người nghèo.⁽⁶⁰⁾

Tôi cũng khó tin nổi những nhóm lãnh đạo chánh quyền miền Nam Việt Nam từ vua Bảo Đại đến người cuối cùng đầu hàng cộng sản là Dương Văn Minh đều yêu nước, lo cho dân và tôn trọng giá trị thực của tự do dân chủ. Theo tôi, phần lớn trong số họ chỉ củng cố quyền lợi riêng tư, bè nhóm và cố làm vừa lòng các thế lực quốc tế Pháp, Mỹ mà họ coi như quan thầy để kéo dài càng lâu càng tốt vị thế của mình. Trong huyết quản của họ như đã sẵn dòng máu “*ở mướn, đánh thuê, làm nô lệ, mặc cam tụy ty của dân tộc bị trị...*” không tin ở sức mạnh quần chúng nên lo cho dân là điều chỉ nói chứ không làm. Bởi thế, khi thua trận hầu hết không tự thấy lỗi của mình mà chỉ thấy quan thầy đều giả, bỏ rơi. Nhưng dù sao phe quốc gia cũng chân thành hơn, vì ít người nói vì người nghèo, ngoại trừ tướng Nguyễn Cao Kỳ đưa ra khẩu hiệu “chánh phủ của người nghèo”

Tóm lại cộng sản lợi dụng sự đói khổ, dốt nát của người nghèo để tranh giành chánh quyền, còn phe quốc gia thì không thèm nghĩ đến người nghèo.

Trong nhiều năm đảng đảng, việc đem lại quyền lợi thực tế cho người nghèo không bao giờ được đặt ra, hoặc chỉ được đặt ra như một chiêu bài xảo trá. Hơn thế nữa, không chỉ người nghèo mà toàn thể dân tộc còn phải nhận chịu mọi thảm họa

⁽⁶⁰⁾ *Đến bây giờ, bốn mươi năm sau, nhận xét của tôi vẫn đang được chứng minh bằng thực tế không thể chối cãi trong cuộc sống dân quê Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba, Trung Quốc. Nếu Marx - Lenine còn sống cũng phải nhìn nhận mực sống đó không hơn mực sống chó, mèo, chim, nói chung là súc vật nuôi trong nhà ở những nước Âu Mỹ...*

tang, oan nghiệt do cuồng vọng đam mê quyền lực của cộng sản và sự vô tâm của những người lãnh đạo phe quốc gia.

Quyết định tham dự guồng máy chánh quyền, tôi ý thức rõ phạm vi nhỏ hẹp của mình và cũng thấy rõ mình đứng ở phía thực sự thuận lợi cho việc thực hiện những việc làm phù hợp nguyện vọng tha thiết của người dân. Phe quốc gia dù với mọi nhược điểm trong hành động đấu tranh vẫn không chủ trương biến cải con người thành một loại cộng cụ tuyệt đối tuân hành đòi hỏi của tập thể cầm quyền. Nhờ thế, bất kỳ ai trong hàng ngũ quốc gia vẫn có thể theo đuổi ý hướng của mình nếu đủ tinh thần và nghị lực đối phó với trở ngại thách thức.

Ngoài ra, khuôn khổ mục tiêu chiến dịch Về Làng mà chúng tôi đang theo đuổi chỉ đơn giản là ngăn chặn mọi hành vi cướp bóc, bức hại người dân theo hướng "*cái gì của dân trả lại cho dân*". Công việc đơn giản đó, tôi đặt vào hoàn cảnh thực tế trước mắt để hình dung ra một loạt hành động cụ thể.

Trước hết, không thể ép buộc người dân biến thành tôi tớ tận trung, thậm chí phải bỏ mạng sống cho các mưu đồ riêng tư của bè phái. Kế tiếp, không thể bằng bất kỳ hình thức nào cướp đoạt tài sản nhà cửa, ruộng vườn của người dân mà phải bảo vệ quyền sở hữu chính đáng của họ. Ngoài ra, những cửa viện trợ nhắm giúp dân phải đưa đến tay dân. Việt Nam vốn chịu nhiều thiên tai, bão lụt, người dân luôn gặp cảnh khốn khó cùng cực nên các quốc gia giàu có, các hội từ thiện quốc tế thường cấp tốc cứu trợ... Mỗi dịp như thế vẫn luôn là cơ may cho một số giới chức chánh quyền gom góp làm giàu. Tôi nguyện không làm được gì vĩ đại ít nhất cũng phải ngăn chặn việc ăn cướp của dân ngay địa bàn trách nhiệm của mình.

Trước hết, tôi tập họp các xã trưởng, ấp trưởng, các hội đồng xã về quận nói rõ công việc tôi sắp làm. Tôi nói thẳng mọi người phải cố làm cho người dân được ấm no, an ninh và có nhân cách. Chỉ làm những gì có lợi cho đồng bào, nhất định không làm điều có hại. Đường lối giản dị có chừng ấy. Nếu thực sự quyết tâm theo đường lối giản dị đó thì cùng tôi bắt tay vào việc. Nếu không đồng ý hoặc kẹt cần vì lý do gì thì tạm nghỉ, chờ một thời gian ngắn khi tôi thôi việc hãy trở lại. Tất cả được tự do chọn lựa. Tất cả đều là anh em cùng chí hướng, dựa vào sự phân công, không câu nệ chức vị, dứt bỏ tư tưởng quan liêu phong kiến. Tôi nhấn mạnh tôi không phải công chức chuyên

nghiệp về hành chánh, chỉ là một người dân ở Mộ Đức, cùng anh em xắn tay áo góp sức làm việc cho đồng bào ở địa phương mình. Tôi cũng nói luôn nếu lâu nay bạn nào dính đến tham nhũng hoặc ăn hối lộ của dân chúng thì giờ này cần chấm dứt. Nếu biết mình thiếu nghị lực, thiếu ý chí chấm dứt thì hãy xin nghỉ việc như tôi đã nói, còn cứ gian dối tiếp tục các tệ đoan thì tôi sẽ trừng trị bằng cách đưa ra tòa, hoặc theo “luật rừng”, như các bạn đã từng biết, từng nghe và từng thấy. Cả phòng họp im phắc, khi tôi nói rõ:

-Tôi đây, Nguyễn Liệu, dám nói dám làm. Người nào cảm thấy không hứng thú làm việc với tôi thì ngày mai cho biết để tôi tìm người khác thay. Người nào tư tưởng chống cộng sản không dứt khoát cũng phải nghỉ việc, nếu không, tôi xem là kẻ phản bội còn tồi tệ hơn cộng sản và tôi sẽ bắn bỏ trước sự chứng kiến của dân chúng. Tôi nghĩ tất cả các bạn hiện diện hôm nay đều hiểu tôi. Tôi tin chắc các bạn sẽ tích cực hoạt động cùng tôi trong tinh thần bình đẳng, tinh thần anh em, tinh thần chiến hữu.

Tiếp theo, tôi nêu những điều chính phải làm:

- Thứ nhất, củng cố trung đội nghĩa quân, bỏ hết lính ma, lính kiếng. Tệ nạn lính ma lính kiếng hiện rất nhiều, bắt đầu từ ngày mai chấm dứt. Cán bộ xã ấp ban đêm không đi trốn nữa, phải nhập vào đội nghĩa quân và ban đêm biến thành một nghĩa quân, cùng chiến đấu với anh em. Trên danh nghĩa, xã trưởng là chỉ huy trưởng nghĩa quân trong xã, nhưng thực tế, chiều chiều đưa số cán bộ xã ấp tìm nơi an toàn để trốn. Từ nay chấm dứt tình trạng này. Người nào sợ chết không dám ở lại với dân chúng với trung đội nghĩa quân thì bắt đầu ngày mai nghỉ việc.

Thứ hai, phải đoàn ngũ hóa những người nghèo khổ nhất, cụ thể là giới cổ nông, lớp người không có một tấc đất để cày, chuyên làm mướn, chuyên đi ở đợ, chưa bao giờ được một quyền lợi gì ngoài quyền chết đói, quyền bị phỉnh dụ, bị hà hiếp... Số người này chiếm gần nửa dân số thôn quê. Mỗi ấp tổ chức một toán, gọi là toán người nghèo, có toán trưởng, toán phó. Mỗi xã có đoàn người nghèo có đoàn trưởng, đoàn phó. Như thế, mỗi làng có một đoàn người nghèo. Toán trưởng, đoàn trưởng do trong đoàn, trong toán bầu ra. Lâu nay thành phần này là thành phần cốt cán của cộng sản, nhưng cộng sản chỉ lợi dụng chứ không đem quyền lợi lại cho họ. Chúng ta phải đem đến cho họ quyền lợi thiết thực về vật chất và tinh thần. Chúng

ta không nói suông, phải thực tế xây dựng lớp người này. Nói cách khác, phải lôi kéo lớp người này bằng cách thực sự đem cho họ quyền lợi vật chất lẫn tinh thần.

Quyền lợi vật chất là gì?

Vì họ là nông dân, phải chia ruộng cho họ bằng cách ghép thành những tổ hợp sản xuất. Mỗi toán người nghèo là một đơn vị sản xuất, nếu xã có công điền, công thổ thì chia cho các tổ hợp đó để họ sản xuất. Dụng cụ sản xuất, phân bón do chánh quyền cung cấp. Ngoài trồng trọt, tạo cho họ nghề chăn nuôi, giống và thực phẩm chánh quyền cung cấp. Kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi chánh quyền chịu trách nhiệm. Đó là kế hoạch tư hữu hoá người vô sản. Ủy viên kinh tế quận, xã vốn chỉ ngồi chơi nay có việc làm cụ thể giúp đoàn người nghèo.

Đồ viện trợ Mỹ cho dân chúng hàng năm rất nhiều nhưng số lớn bị hao hụt do phần nhiều đến cán bộ xã, kể tiếp đến bà con thân thế với cán bộ, sau cùng mới đến dân nghèo. Từ nay, đồ viện trợ thay vì đến hội đồng xã, sẽ đến đoàn người nghèo. Xã chỉ giữ vai trò kiểm soát. Làm vậy may ra của viện trợ, cứu trợ, mới tới tận tay người nghèo.

Còn quyền lợi tinh thần?

Từ lâu, lớp người cùng khổ luôn bị coi nhẹ, không có tiếng nói nào, ý kiến nào được chánh quyền lưu ý. Nay phải tạo cho họ có giá trị tinh thần, có quyền sống của con người. Cụ thể mỗi khi xã áp có việc gì nhất là các công tác trong địa phương, chánh quyền xã áp phải mời đại diện đoàn người nghèo họp, thảo luận rồi mới thi hành. Chuyện có vẻ lật vật nhưng tạo cho người nghèo bớt mặc cảm tự ti. Mỗi khi quận họp mời xã áp thì mời đoàn trưởng, toán trưởng người nghèo tham dự. Tiếng nói của người nghèo bắt đầu có giá trị. Như thế lớp người cùng khổ không bị sách nhiễu, không còn nạn cường hào ác bá và dần dần quyền lợi về vật chất, về tinh thần của họ sẽ càng phát triển. Khi lớp người đói hết nghèo đói bước lên hàng có tài sản, có quyền sống, có tự do thì cộng sản hết phương lợi dụng và lúc ấy có thể nói toàn dân ở phía bên ta. Tất cả những điều tôi nêu trên không phải lý thuyết sâu xa, cũng không phải việc làm khó khăn. Thực tế phe quốc gia chúng ta có thừa điều kiện để làm, vì chúng ta có nguồn viện trợ Mỹ về kinh tế rất thừa thãi. Do không có người nghĩ đến, sự biếng nhác ngày càng tăng, rồi nạn tham nhũng ngày càng phát triển tạo nên mức tụt sa đọa tởm

thuận với thời gian đã khiến chúng ta không thắng được cộng sản.

ĐẠI HỘI NGƯỜI NGHÈO

Trong hai tuần lễ, chúng tôi tổ chức xong đoàn, toán người nghèo trong quận. Không có cán bộ xã ấp nào xin nghỉ việc sau những lời nói thẳng thắn của tôi. Tất cả đều quyết tâm cùng tôi làm việc với tinh thần hăng say. Tìm một địa điểm rộng đủ cho người nghèo tụ tập thật khó và còn phải đề phòng cộng sản pháo kích. Chúng tôi loan báo địa điểm tập họp ở đồi Quán Lác nhưng vào giờ chót đổi qua bãi cát phía dưới cầu sông Vệ. Anh Phạm Cung làm tượng người nghèo bằng rơm cao 8 mét, mặc áo cánh quần đùi, bộ quần áo hàng ngày của người lao động nghèo khổ, đội nón cời đứng sừng sững giữa bãi cát trắng. Xung quanh là những khẩu hiệu “*Đại hội người nghèo quận Mộ Đức*” và “*Lần đầu tiên người nghèo tập họp dưới cờ bàn việc nước*”. Tôi khoái câu khẩu hiệu sau, vì chưa bao giờ có chuyện đó, chưa bao giờ người nghèo đóng góp ý kiến vào việc bảo vệ làng xóm và sản xuất, chống cộng sản phá hoại. Tôi mời báo chí Sài Gòn ra dự trong đó có tờ *Sóng* của Chu Tử. Quan khách Việt Mỹ trong tỉnh đều đến. Khai mạc, tôi tuyên bố tóm tắt mục đích của đại hội người nghèo:

- Thứ nhất, mọi người nghèo phải có cơ hội đoàn kết để bảo vệ cuộc sống, đóng góp thiết thực vào việc diệt cộng sản nằm vùng để bảo vệ xóm làng.

- Thứ hai, đánh tan tự ti mặc cảm, giành lại quyền sống của con người, bình đẳng với mọi người trong xã hội.

- Thứ ba, lập các tổ hợp sản xuất để phát triển kinh tế gia đình nhờ sự trợ giúp của chính quyền quốc gia và các nước bạn.

- Thứ tư, tích cực diệt tham nhũng để tạo một chính quyền lành mạnh hầu sớm chiến thắng cộng sản, đem lại thanh bình thịnh vượng cho quốc gia.

- Thứ năm, có bốn phận tích cực góp ý, bàn bạc, quyết định mọi công tác địa phương với làng, xóm đồng thời chấm dứt tệ quan liêu cường hào ác bá ...

Bắt đầu từ nay, tại quận Mộ Đức, người nghèo khổ được đoàn ngũ hóa để phát triển đời sống về vật chất và tinh thần. Bắt

đầu từ nay, quận Mộ Đức là thí điểm tiên phong diệt tham nhũng củng cố chánh quyền lành mạnh, diệt cộng sản. Tất cả quyền lợi của người dân đều phải đến tận tay người dân không bị cắt xén, không bị ăn cắp.

Đại hội diễn trong không khí phấn khởi và tin tưởng. Sau khi đại diện người nghèo phát biểu cảm tưởng và nói lời nguyện ước là phần phát tặng phẩm. Mỗi người đi qua lãnh một cái mền, tất cả đều nhận đủ. Cố vấn về viện trợ cho biết lần đầu chúng kiến tặng phẩm trực tiếp tới tay người dân. Ông phải đứng suốt 4 tiếng đồng hồ nhưng rất phấn khởi thấy người dân vui vẻ tham gia công tác diệt cộng sản. Ông bảo người nghèo khổ thường đứng vào hàng ngũ kẻ thù của chúng ta, nếu họ đứng về phía chúng ta thì nhất định chúng ta sớm chiến thắng và nói sẽ trình bày cho thượng cấp hiểu rõ những điểm quan trọng của đại hội để từ đó phổ biến ra toàn quốc. Ông hứa sẽ ủng hộ tối đa cho quận Mộ Đức thành công.

Riêng tôi tin sẽ thắng cộng sản bởi cộng sản chỉ nói và lợi dụng chứ không làm điều gì có lợi thiết thực cho dân. Còn phe quốc gia, có đủ điều kiện vật chất giúp người dân đưa mức sống cao lên. Tôi quyết làm được vì tôi không tham nhũng và tin là diệt nổi tham nhũng ở địa phương. Với kế hoạch thực tế, chúng tôi sẽ cố biến người dân vô sản thành hữu sản, nâng mức sống vật chất và tinh thần cùng mức hiểu biết của họ lên cao hơn. Tất nhiên việc này không dễ dàng vì gặp rất nhiều kẻ thù. Ngoài cộng sản, ngay tại hàng ngũ chánh quyền cũng không ít người sẽ ngăn trở, kể cả một số người đang tỏ ra đồng ý với tôi chỉ vì họ sợ. Tôi biết vậy nhưng làm như mọi người đều thực tình ủng hộ để cố đẩy công việc tới đích mà tôi tin là khi đó sẽ khiến cộng sản không còn lợi dụng phỉnh dụ nổi người nghèo nữa.

TỊCH THU LÚA CỦA VIỆT CỘNG

Miền đông quận Mộ Đức nhiều làng mất an ninh và dân chúng phải ra các trại tạm cư bỏ ruộng đất không thể canh tác. Cộng sản cho người canh tác thu hoạch chứa trong kho rồi chở lên miền núi. Năm chắc tình hình, tôi tổ chức tịch thu lúa của cộng sản. Lính quận không đủ sức bảo vệ một vùng lớn rộng để dân về lấy lúa trong thời gian một tuần lễ. Tôi cũng không tin lực lượng địa phương quân có thể bảo vệ cho dân gặt lúa, nhất là

tôi vẫn nghĩ bên quân sự không thích bác sĩ Hoàn và tôi thành công. Nếu dân chúng đi gặt lúa bị du kích cộng sản sát hại thì công tác xem như thất bại và uy tín chúng tôi không còn. Cuối cùng, tôi kiếm ra giải pháp nhờ quân đội Mỹ bảo vệ an ninh cho dân gặt lúa. Tôi trình bày với thiếu tá cố vấn của tôi, thiếu tá Weaver. Ông ta đồng ý và tôi làm tờ trình tỉ mỉ. Lợi ích của công tác về vật chất là phá hủy nguồn lương thực của cộng sản, tịch thu số lúa cộng sản tích trữ đem về chia cho dân. Về tinh thần làm cho dân thấy rõ quân đội Mỹ trực tiếp giúp đỡ dân và uy tín của chánh quyền quận sẽ được tăng cao. Bản tường trình do tôi và cố vấn Mỹ ký gửi bộ tư lệnh sư đoàn Mỹ ở Chu Lai.

Ba ngày sau, tôi được thư trả lời của tư lệnh sư đoàn Mỹ, tướng Walt, tướng ba sao. Thư ngắn gọn cho biết vui vẻ giúp quận tôi bằng cách cho hai tiểu đoàn bảo vệ dân Mộ Đức gặt lúa, thời gian do quận trưởng quyết định.

Hai tiểu đoàn Mỹ đóng hai ngày tận hang cùng ngõ hẻm, chúng tôi mới bắt đầu báo cho dân chúng có ruộng tại vùng hành quân về gặt lúa trong thời gian một tuần có quân đội bảo vệ. Chúng tôi cũng cho dân biết gặt được bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Sáng hôm sau, dân chúng rộn rập kéo đi gặt lúa. Không đủ liềm, nhiều người đem theo dao rựa hoặc bất cứ thứ gì có thể cắt được. Khi nghe tin khám phá nhiều kho lúa ngầm dưới đất, dân chúng ngưng cắt để đi hốt lúa trong kho. Chỉ ba ngày, lúa các kho đã hốt sạch và dân trở lại cắt lúa. Nghe tin hành quân gặt lúa và gặt cho mình chứ không đóng góp cho chánh quyền huyện xã, không riêng người dân Mộ Đức mà dân các quận lân cận cũng tới tham gia.

Cuộc hành quân gặt lúa này thực sự đem lại nhiều thành quả tạo uy tín lớn cho chánh quyền:

- Dân chúng có được một số lúa đáng kể, những người không có ruộng, chưa biết làm nông cũng tham gia để tự do lấy lúa của cộng sản

- Tất cả lúa, lúa ở trên ruộng chưa gặt, lúa chứa trong kho, người dân hoàn toàn tự do lấy, chánh quyền chỉ lo an ninh, không lấy một hạt lúa nào, đó là một điểm bắt đầu khiến dân chúng tin tưởng chánh quyền lo cho họ.

- Trong khu vực rộng lớn do hai tiểu đoàn Mỹ bảo vệ không ai bị thương tích khi gặt lúa. Người dân tin khả năng cũng như tác phong quân kỷ của quân đội Mỹ.

- Một số báo chí trong và ngoài nước ca ngợi chiến dịch gặt lúa do quân đội Mỹ yểm trợ.

Nhưng thành công này đem lại cho tôi sự khó khăn từ bên quân đội, cụ thể là tiểu khu và sư đoàn. Giả sử khi đó tôi yêu cầu tiểu khu hay sư đoàn làm công tác này chưa chắc họ tích cực và nếu họ giúp cũng chưa chắc có kết quả bằng lính Mỹ vì Mỹ đầy đủ phương tiện, quân số đông hơn. Làm sao quên được khi tôi nhận chức quận trưởng chưa tới mười ngày, thiếu tá Sơn Thương chỉ huy tiểu đoàn hành quân ở quận tôi. Ông mời tôi đến gặp nơi chỉ huy hành quân, hỏi xin tôi con bò gọi là ủy lạo chiến sĩ. Tôi trình bày thật với ông là tôi không có tiền mua bò vì tôi làm chưa có lương, quận không có ngân sách. Ông cho tôi là người không thông cảm anh em chiến sĩ, và sau đó một giờ ông ra lệnh lui quân. Thiếu tá Sơn Thương nghĩ đòi hỏi như thế quá nhỏ đối với các quận trưởng khác, tại sao tôi không làm được. Câu chuyện lan ra, dân chúng thích tôi, nhưng giới quân sự cao cấp không thích.

BỊ BẮN TRONG CHIẾN DỊCH GẶT LÚA

Tôi vốn quan niệm không cần hình thức nên vẫn mặc giản dị. Hơn nữa, mặc như vậy dễ trà trộn trong dân chúng không thành mục tiêu cho du kích cộng sản nhắm vào. Chiếc xe jeep để trên quốc lộ 1, tôi và một truyền tin đi bộ xuống vùng đang gặt lúa. Tôi đi trong đám đông không ai biết tôi, vì vùng này lâu nay là vùng mất an ninh. Bỗng có đứa nhỏ độ mười bốn mười lăm tuổi chấp tay lễ phép chào tôi bằng thầy rồi hẩn biến mất. Tôi cùng đoàn người tiếp tục qua cây cầu tre trên con kênh. Cầu thật khó đi vì chỉ là một cây tre, bên trên có cây ngang để vịn cho khỏi rớt xuống sông. Khi còn nhỏ ở quê tôi đã qua lại những cầu như thế này, nhưng bây giờ dò từng bước hơi ngại ngại. Tôi gặp một bà già bên kia cầu đang khăn khăn năn nỉ người qua lại gánh hộ bà gánh lúa qua cầu, nhưng không ai để ý lời năn nỉ của bà vì người nào cũng đang gánh lúa đầy tràn và nặng. Tôi xia vai gánh cho bà, cố gắng dò từng nửa bàn chân rất chậm từ từ qua cầu. Tôi vừa đặt gánh lúa xuống thì bên kia lại có người thấy tôi còn trẻ gọi tôi bằng cậu kêu qua gánh hộ. Tôi qua gánh tiếp, lần này có kinh nghiệm tôi gánh nhanh hơn. Cứ thế, bảy tám gánh giúp cho những người già yếu. Tôi đang gánh đến nửa

cầu bỗng tiếng súng nổ. Lăn lộn với chiến tranh, ai cũng biết phân biệt loại súng và hướng bắn nên tôi nhận ra ngay tiếng carbine hướng vào tôi. Mấy phát đạn xẹt dưới nước, nhưng tôi cố bình tĩnh gánh qua cây cầu. Đặt gánh lúa xuống đất tôi bắt đầu chạy ngược hướng về quốc lộ 1. Tôi nghĩ rất nhanh là du kích bắn do biết tôi là quận trưởng và có lẽ thằng nhỏ chào tôi khi nãy là tình báo. Tôi chạy vài chục thước thì một loạt đạn khác bắn theo đường tôi chạy, đạn rơi trên đường tóe khói. Tôi chạy rất nhanh cho khỏi tầm đạn trong khi mọi người nằm rạp xuống. Đám du kích này quá nhát vì nếu chúng bình tĩnh đến gần thì hoặc tôi bị bắt sống, hoặc chết. Tôi chạy thẳng ra quốc lộ nằm xuống nghĩ chờ tài xế đến. Người tôi lấm bùn từ tóc đến giày, nhưng tôi thoát chết.

Ngày 12-6-1966, tướng Williams Westmoreland đến thăm quận tôi. Vị tướng bốn sao đầy kiêu hãnh đến thăm một quận xa tít miền Trung là điều rất hiếm, sở dĩ có vì báo chí ca tụng chiến dịch gạt lúa của cộng sản ở Mộ Đức do quân đội Mỹ yểm trợ. Việc này chưa hề xảy ra, bởi trong vùng có một sư đoàn bộ binh, một tiểu khu địa phương quân và nghĩa quân, quân số rất đông nhưng tôi lại yêu cầu Mỹ hành quân yểm trợ. Ngày chám dứt hành quân, hai tiểu đoàn rút khỏi quận trước sự hoan hô nồng nhiệt của dân chúng Mộ Đức với nhiều biểu ngữ cảm ơn tướng Westmoreland. Bởi vậy, tướng Westmoreland mới đến thăm. Cố vấn Mỹ chỉ cho tôi biết trước chừng 30 phút. Ba chiếc trực thăng hạ ngay trên đồng trước quận tôi.

Giữa mấy vị tướng vẫn nhận ra tướng Westmoreland ngay vì ông ốm, cổ rất cao. Nắm chặt tay tôi, ông nói: *"Tôi đến thăm ông quận trưởng không nằm trong chương trình công tác của tôi, nhưng vì tôi biết ông rất lo lắng cho dân chúng trong quận. Ông làm việc với tinh thần tự do, kết hợp chặt chẽ với đoàn cố vấn. Tôi rất thích nên ghé mừng ông và khen ông"*.

Phái đoàn vừa lên quốc lộ 1, tôi chỉ ngôi nhà ngói bên đường về hướng Bắc cho biết là nhà của thủ tướng cộng sản Bắc Việt Phạm Văn Đồng. Tôi nói với phái đoàn chính tôi ra lệnh bảo vệ ngôi nhà đó dù là nhà của kẻ thù số một của dân tộc Việt Nam và nói thêm, nếu tôi có một ngôi nhà ở Bắc Việt có lẽ bị đốt từ lâu rồi. Đó là khác biệt giữa người cộng sản và người tự do.

Không khí hào hứng vui vẻ, tôi hỏi vị tướng tư lệnh:

- Tại sao chiến tranh Việt Nam kéo dài quá, chúng ta đã

mất nhiều thì giờ cho chiến tranh?

Ông tướng cười to tiếng đáp:

- Ông hỏi chánh quyền Việt Nam và hỏi Việt Cộng.

Tôi nghiêm nghị nói với ông:

- Chính chánh quyền Mỹ không chống cộng sản tích cực.

Nếu chống, dù đối với Trung Cộng chừng một tuần lễ là xong, huống chi đối với Việt Cộng.

Tướng Westmoreland hơi đổi sắc mặt, gương cười:

- Sao ông nóng dữ vậy!

Sau khi gặp vị tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam, tôi có mấy nhận xét về lực lượng quân sự đồng minh ở Việt Nam nhưng có thể gom lại là lực lượng to lớn này không sử dụng hết sức mạnh của họ. Vì vậy, sự hiện diện của quân đội đồng minh tại miền Nam bất lợi nhiều hơn có lợi. Tôi nghĩ đến việc dành số chi phí quá lớn cho sự hiện diện của quân đội Mỹ và đồng minh ở Việt Nam để dùng xây dựng một quân lực Việt Nam thuần túy về kỹ thuật tác chiến, đào tạo lớp sĩ quan trẻ có trình độ hiểu biết, có khả năng điều khiển một quân đội tân tiến, đồng thời loại hẳn đám sĩ quan già nua thiếu khả năng và đám người lợi dụng chiến tranh tham nhũng làm giàu trên xương máu binh sĩ, đồng thời tăng lương quân nhân, nâng cao mức sống gia đình binh sĩ v.v... Nếu làm điều đó tức là đào tạo một đạo quân Việt Nam thuần túy hùng mạnh về vật chất, tinh thần, có kỹ thuật cao với vũ khí và phương tiện tối tân thì cuộc chiến đã nghiêng hẳn phần thắng về phe quốc gia tự do.

Đem nửa triệu quân Mỹ đóng ở miền Nam Việt Nam để đối phó với đám du kích kém cỏi về mọi thứ là phí phạm và sai lầm kinh khủng vì thực sự không chống được du kích. Xưa nay quân đội chính quy dù hùng mạnh tới đâu, dù vũ khí tối tân cũng không bao giờ diệt được du kích mà chỉ dân chúng mới chống được du kích. Một cuộc chiến không giới tuyến, không có mặt trận thì đưa quân đội Mỹ đến để làm gì. Bộ tham mưu Mỹ có vẻ không hiểu gì về cộng sản Việt Nam ngay cả khi Hồ Chí Minh đã nói rõ về chính sách trường kỳ kháng chiến: *“năm năm, mười năm, hai mươi năm, hay lâu hơn nữa...”* nghĩa là kéo dài bằng mọi giá để chờ cơ hội *“chó ngáp nhằm ruồi.”*

Thêm nữa, quân Mỹ hiện diện khiến miền Nam mất chính nghĩa vì dễ bị gán cho nhóm từ *“đánh thuê”*. Kinh tế Việt Nam cũng bị thay đổi vì tất cả đều dựa vào viện trợ, không sản xuất

chỉ có tiêu thụ sẽ càng ngày càng lệ thuộc Mỹ. Có thể nói không sợ quá lời là mọi nguồn sản xuất của Việt Nam bị tiêu hủy hoàn toàn. Về xã hội càng tệ hại hơn do tình trạng đĩ điếm phát triển nhanh song song với nạn xì ke ma túy, du đãng, trộm cướp... Nền móng gia đình nông nghiệp vững chắc từ xưa khó tránh rạn nứt, đi đến đổ vỡ. Tuy không như trong xã hội cộng sản — tổ cha mẹ biến thành con gương mẫu đúng lập trường — nhưng con bắt đầu cãi lời cha mẹ, thậm chí không còn trọng cha mẹ. Do đó, dân chúng không tin người lãnh đạo vì người lãnh đạo mang tiếng làm tay sai ngoại bang. Trên thực tế, người lãnh đạo mất thế độc lập, tổng thống, thủ tướng luôn luôn chờ tòa Bạch Ốc “*bật đèn xanh*”.

Với ý nghĩ đó, tôi nhìn việc quân đội Mỹ qua Việt Nam theo cách như đã nói thắng với tướng Wesmoreland là Mỹ không dứt khoát diệt cộng sản, mà không diệt tức là dung túng cộng sản. Người quốc gia yêu nước thuở ấy rất bức về thái độ của quân đội Mỹ. Oanh tạc Bắc Việt, nghe thật kinh khủng, nhất là tính số bom dội lên miền Bắc chia cho đầu người... mỗi người dân miền Bắc phải chịu mấy trăm ký bom! Nhưng phần chính chỉ phá trực lộ lưu thông, cụ thể chỉ phá cầu đường bộ và đường xe lửa. Một phi công Mỹ đã than phá hủy một cây cầu dễ hơn chỉ phá một đầu cầu vì lệnh không cho phá hủy hoàn toàn cây cầu. Rồi một phi công nữa than không còn cầu để thả bom phải tìm công để thả. Lại nữa, do mục tiêu cố định, địch đoán trước được nên tập trung hỏa lực vào đó khiến số máy bay bị bắn hạ rất nhiều, nhất là lúc ấy, thả bom phải nhờ cặp mắt và sự ước tính của phi công, chứ chưa có máy bay tối tân.

Có lẽ Tòa Bạch Ốc lúc ấy không có người tài năng mà chỉ có loại kiêu ngạo điển hình như Henry Kissinger độc hiểm ích kỷ, xem thường tánh mạng của chính người Mỹ. Nếu các tài liệu mật trước kia được công bố là hoàn toàn chính xác thì phải coi Kissinger là kẻ thù của người Việt Nam yêu nước, vì đã đẩy miền Nam vào tay cộng sản qua chủ trương đổi chác miền Nam với Trung Cộng.

Nhiều lúc chúng tôi nghĩ nếu lúc ấy, tư lệnh Mỹ là Mac Arthur và tổng thống Mỹ là Ronal Reagan, miền Nam Việt Nam đã không lọt vào tay cộng sản.

Một thắc mắc của nhiều người Việt Nam là “*Tại sao không đổ quân đánh chiếm Bắc Việt?*” Tôi vẫn nghĩ nếu đào tạo quân

đội Việt Nam hùng mạnh, cho tràn ra Bắc tiêu diệt cộng sản với sự yểm trợ của không quân, hải quân Mỹ thì nhất định chấm dứt chiến tranh từ lâu và đỡ tổn sinh mạng. Có người bảo nếu làm thế, Liên Xô - Trung Cộng nhảy vào và đại chiến thế giới sẽ bùng nổ. Vậy, suốt thời gian Mỹ oanh tạc Bắc Việt có máy bay nào của Nga, Tàu lên nghênh chiến không? Có người bảo Mỹ tôn trọng hiệp định Genève nên không dám tiến quân ra Bắc, nhưng dội bom Bắc Việt có tôn trọng hiệp định không?

Về chánh quyền miền Nam thì không chỉ bất lực, tham nhũng mà còn hoàn toàn ỷ lại vào Mỹ. Nhiều lúc chúng tôi vô cùng nản vì tham nhũng bành trướng mà chánh quyền không có biện pháp nhỏ nào để ngăn cản, thậm chí phó tổng thống Trần Văn Hương phải phát biểu gần như tuyệt vọng về việc bãi trừ tham nhũng: *“Nếu diệt tham nhũng thì còn làm việc với ai!”* Câu nói chân thật đã cho thấy một nhà lãnh đạo bạc nhược và tự thú chánh quyền của ông là tham nhũng. Điều này cũng chứng tỏ lực lượng cộng sản rất yếu kém, vì chánh quyền miền Nam bất lực như vậy mà không đánh xum nổi, phải chờ tới cơ hội “sung rụng vào miệng” mới có chiến thắng 1975.

Ý đồ thu hút lớp người nghèo khó và cổ đem lại cơm áo, tự do cho họ trong chủ trương của chúng tôi tại quận Mộ Đức đã khiến cộng sản đặt vùng này thành mục tiêu đánh phá. Một số ấp trưởng, xã trưởng bị ám sát ban ngày và cầu Bồ Đề trên quốc lộ 1 bị giật sập. Bắt được tên giật sập cầu, tôi ra lệnh bắn tại chỗ, treo xác trên cầu một buổi để cảnh cáo kẻ phá hoại. Thực ra, số cầu và cống trên quốc lộ qua quận tôi đã bị phá khá nhiều, nhưng sau vụ trên không cây cầu nào bị phá nữa.

Một buổi sáng được tin báo cho biết dân vùng mất an ninh bị cộng sản xúi giục biểu tình. Bắt đầu nghe tiếng “*đả đảo*” xa xa, tôi cho một tiểu đội đem đại liên chặn trước đường hướng về đám biểu tình. Tôi nhắc xạ thủ đại liên nhiều lần *“Tôi ra lệnh nhắm ngay tâm ngực, bắn vào đám biểu tình, không bắn trên cao để dọa. Tuyệt đối thi hành lệnh tôi!”* Trước tình thế đó, đám biểu tình khiếp sợ giải tán, không dám tiến lên quận như thời gian trước khi tôi làm quận trưởng. Thú thực, sáng hôm đó nếu đoàn biểu tình dạt dột tiến lên sẽ bị đại liên của tôi quét sạch, vì tôi chủ trương *“cộng sản dã man thì chúng tôi tàn bạo”*. Cộng sản lợi dụng pháp luật của người quốc gia, lợi dụng sự dè dặt của người tiểu tư sản, lợi dụng tinh thần bè phái chia rẽ của phe

quốc gia, lợi dụng lòng nhân từ của con người... để lần từng bước. Tôi nhất định không mắc mưu cộng sản, dù mang tiếng sát nhân tàn bạo, tôi vẫn thực hiện, dù vi luật tôi chịu, thay vì bạc nhược yếu đuối trong việc chống cộng sản.

Đêm nào cũng vậy, tôi thức đến 4 giờ sáng. Vì cộng sản luôn quấy phá nên phải thức để đối phó bằng cách gọi pháo binh yểm trợ và luôn nhắc nhở các trưởng đồn, trưởng toán đang bám chặt ở xóm làng. Thường sau 4 giờ sáng, cộng sản không còn dám đánh phá là giờ bắt đầu ngủ của tôi.

QUẬN MỘ ĐỨC CHỈ CÒN MỘT ÁP AN TOÀN

Mười hai chiếc trực thăng chở phái đoàn trung ương ra thăm quận tôi đáp xuống sân bóng làng Long Phụng. Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ cùng một số bộ trưởng, một số sĩ quan Việt Mỹ, phóng viên nhà báo tụ tập dưới bóng của tàng cây mận ở sân nhà cha tôi. Phía địa phương gồm ban cố vấn quận, tất cả cán bộ xã ấp, các đoàn trưởng, toán trưởng người nghèo đều tham dự. Trong lúc thuyết trình, tôi không giấu tình hình chiến sự bị đất trong quận:

- Tại quận Mộ Đức, chúng tôi xin trình bày thật chỉ một thôn duy nhất gọi là an toàn, đó là thôn quận lý, ngoài ra đều mất an ninh! Tôi nghĩ không chỉ an ninh tại quận Mộ Đức mới tồi tệ như vậy mà nhiều quận khác cũng thế nhưng người ta không báo hết sự thật. Sự báo cáo láo, theo tôi, cực kỳ tai hại cho quốc gia, bởi vậy hôm nay chắc quý vị có thể ngạc nhiên khi nghe tôi báo cáo như vậy.

Tôi dứt lời, một không khí nặng nề im phắc.

Tướng Kỳ, tướng Hoàng Xuân Lãm mặt đỏ như gấc chín. Thiếu tá cố vấn quận tôi phát biểu tiếp, yêu cầu tiểu khu và sư đoàn tích cực yểm trợ quận Mộ Đức. Ông nói lâu nay ông có cảm tưởng bên quân sự không lưu ý nhiều đến an ninh quận, rồi ông nêu ví dụ cụ thể là vụ thiếu tá Sơn Thương đòi hỏi con bò không có nên lui quân.⁽⁶¹⁾

Tối hôm đó, tướng Lãm gặp tỉnh trưởng Bùi Hoàn, bực bội bảo tôi làm mất uy tín quân đoàn và tiểu khu. Ông ra lệnh cách chức tôi. Sau đó một giờ, ông lại đổi ý, bỏ lệnh cách chức

⁽⁶¹⁾ Khi ông nói đến đây, tất cả cố vấn Mỹ và ký giả đều cười ồ.

và nhắc khuyên tôi nên “*cẩn thận*” khi phát biểu. Bác sĩ Bùi Hoàn nói với tôi:

- Chỉ toa mới dám nói thẳng như thế, moa rất thích. Phải nói vậy may ra mới có cách thẳng cộng sản, chứ báo cáo láo mãi thì làm sao thẳng. Chính moa cũng nói thẳng với ông Lãm như thế nên ông ta nghĩ lại mới để toa tiếp tục làm việc.

Tôi nói với ông tình trường đầy chân tình:

- Vì có bác sĩ tôi mới làm, nếu không thành, tôi thôi ngay, không cần đợi ý kiến cấp trên. Tôi làm để thí nghiệm đường lối của mình có thích hợp không, nếu không kết quả, tôi thôi ngay, vì bác sĩ đã biết, làm quận trưởng không phải là việc có trong đầu tôi.

Tình hình an ninh Quảng Ngãi lúc ấy nói chung thật bi đát. Tôi không hiểu tại sao lính quốc gia quá nhiều, chỗ nào cũng thấy lính mà ban đêm chỉ thực sự có an ninh trong các doanh trại, trong khu lỏm của thị trấn còn khắp nơi đều mất an ninh. Tại thị trấn Quảng Ngãi, có bộ chỉ huy sư đoàn II, tại Mộ Đức có trung đoàn 4, Đức Phổ có lính Mỹ, Sơn Tịnh có lính Đại Hàn, Bình Sơn có căn cứ lớn của Mỹ. Hỏa lực quân đội quốc gia và Mỹ quá mạnh, nếu cố vấn Mỹ gọi xin chỉ vài phút sau hải pháo từ các tàu ngoài biển đập ngay toạ độ mình muốn, hoặc chỉ 5 phút sau đã có máy bay oanh tạc. Ngoài ra, còn nhiều đại đội địa phương quân, mỗi xã ít nhất có một trung đội nghĩa quân ... Nhưng gần như khi đêm xuống thì không chỗ nào có an ninh! Mỗi ngày từ 3 giờ chiều đến 5 giờ chiều, hàng loạt xe Honda, xe đạp đùm túm chạy về thị xã rồi sáng hôm sau 7 giờ trở về địa phương làm việc. Chuyện kéo dài quá lâu khiến người có trách nhiệm không thấy khó chịu. Cho nên tôi nghĩ chỉ dân chúng chứ không phải lực lượng chánh qui có thể diệt được du kích. Theo tôi, bởi rất nhiều lý do nhưng trên hết là phần lớn giới lãnh đạo miền Nam bất tài, không yêu nước, không đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi cá nhân, bè nhóm. Từ 1954 đến 1975, hai người lãnh đạo chánh quyền là tổng thống Ngô Đình Diệm và tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Đến nay, nhiều sách viết khen chê hai nhân vật này, nhưng khó thể chối cãi sự bất tài, óc bè phái và tham nhũng.

Tổng thống Ngô Đình Diệm khó thể chối tính bè phái gia đình, đặt thân tộc lên trên. Thuở ông mới về nước, hầu hết dân chúng miền Nam, và theo tôi, cả dân chúng miền Bắc đều kính

trọng vì hào quang quá khứ “rũ áo từ quan”. Nhưng chỉ sau thời gian ngắn, từ kính trọng sinh ra oán hận. Ông chỉ tin nhiệm ba loại người là anh em ruột của ông, các cha cô và kế tiếp là con cái của giới cựu quan lại.

Tổng thống Thiệu với chủ trương “*làm chính trị phải biết li*” nên luôn làm thỉnh chịu đấm ăn xôi, cố vừa lòng Mỹ để giữ ghế tổng thống. Ông cũng theo chính sách tạo “gia nô” hơn là dùng người có khả năng, lấy tham nhũng làm phương tiện thu hút và lấy lòng đàn em. Cho nên khi Mỹ rút quân thì miền Nam rơi vào tay cộng sản là điều đương nhiên. Nếu tình thế còn kéo dài, ông Thiệu và nhóm của ông sẽ chia nhau bao thầu chánh quyền miền Nam. ⁽⁶²⁾

ĐÈN BÙ NHÀ CHÁY

Khi làm quận trưởng, tôi mới biết từ mấy năm trước, những nhà bị cháy, bị tiêu hủy vì chiến cuộc đều được đền bù. Đây là cơ hội quá tốt cho tị nạn tham nhũng. Xã lập hồ sơ căn nhà cỡ bao lớn, bị cháy trong cuộc hành quân ngày nào, đem lên quận cho quận trưởng ký, cố vấn Mỹ ký, đem ra tiểu khu xác nhận, thế là hồ sơ hợp lệ. Gửi hồ sơ lên bộ quốc phòng chờ vài ba tháng, chủ căn nhà cháy được đền bù một số tiền có thể làm hai căn nhà mới như nhà đã bị cháy. Chánh quyền Mỹ thật tốt khi nghĩ người nông dân bị cháy nhà tức là khánh tận nên cần đền bù cho họ để họ tạo lại cuộc sống để tránh họ bất mãn dễ chạy theo cộng sản. Nhưng thực sự số tiền đền bù khi đến tay người dân nhiều khi chỉ còn chừng một phần tư! Vì chánh quyền xã chặn một số, người làm hồ sơ chặn một số, quận chặn một số. Cố vấn Mỹ rất khó biết việc bớt xén này. Ngày lãnh tiền, chủ nhà đi với nhóm làm hồ sơ có “ăn chịu” với Nha Xã Hội ở vùng, ra Đà Nẵng. Sau khi chi phí đãi đảng, đồng tiền đem về không còn bao nhiêu. Đó là nhà thực sự bị cháy. Trên thực tế đã có một số “nhà ma” tức là không có nhà nhưng dựng hồ sơ ma hợp pháp vì có đủ các chứng từ, đủ hơn cả hồ sơ nhà cháy thật.

⁽⁶²⁾ Hồi ký của một thủ hạ thân tín của ông Thiệu là Nguyễn Bá Cán đã ghi rõ ông Thiệu có ý sửa hiến pháp để tiếp tục làm tổng thống và còn trữ liệu sau đó sẽ giao lại cho Trần Thiện Khiêm. Trong hồi ký, Nguyễn Bá Cán không bao giờ dùng danh từ tham nhũng chứng tỏ không coi tị trạng này là một tham họa cho miền Nam.

Người dân đều biết sự việc. Như thế chánh quyền còn đâu uy tín nữa. Từ ngày tôi làm quận trưởng, việc xin đền bồi nhà cháy ở quận tôi gần như ngưng hẳn. Vì nhà cháy thực sự đã lãnh từ lâu và một ít chủ bỏ xứ vào Nam, còn nhà ma thì không dám xuất hiện. Một hôm xã trưởng làng tôi, là bạn học với tôi thuở học trường làng, đem một tập hồ sơ nhà cháy nhờ tôi ký, bảo đó là nhà của người anh ruột thứ bảy của tôi bị cháy trong lúc tôi chưa về quê. Tôi không đề nổi cơn giận nặng lời: *“Tôi biết đây là hồ sơ ma, vì chỗ bạn học cũ nếu không tôi nhốt anh ngay.”* Nhà của cha tôi là ngôi nhà lớn nhất trong làng, bị bom cháy rụi và có lẽ là ngôi nhà lớn duy nhất bị chiến tranh tiêu hủy không có đền bồi, vì tôi không để cha tôi làm hồ sơ. Nhiều người trong họ trách tôi lo giữ tiếng sạch mà làm thiệt cho gia đình. Bây giờ nghĩ lại, thấy tội nghiệp cha mẹ tôi lúc ấy đã già yếu và cũng như nhiều người dân khác phải tản cư sống rất thiếu thốn.

Mỗi tháng một lần, các xã ấp, các đoàn trường người nghèo về quận họp. Trong các cuộc họp tôi thường nhắc *“Trong thời gian làm việc với tôi, ai làm tay sai cho cộng sản hoặc tham những mà tôi biết được chính tôi sẽ cầm súng bắn tức khắc không cần pháp luật, không cần tòa án. Nguyễn Liệu dám nói dám làm.”* Qua cuộc sống của tôi lúc ấy, anh em tin tôi, biết tôi bất kể pháp lý nên không ai tham những trong một nước cực kỳ tham nhũng.

HOÀN NGÂN

Củi ném vào lò thật khó lấy ra, nhưng tôi đã lấy ra được. Có những món tiền lớn phát cho dân gọi là tiền cứu trợ. Thường thường, quận lập danh sách gửi ra tòa tỉnh, lãnh số tiền về. Để kịp thời gian thanh toán gấp, quận phải ký đại hàng ngàn dân, rồi từ từ phát. Đó là một hình thức tham nhũng, vì trong danh sách gửi ra tòa tỉnh để xin tiền có rất nhiều người không còn ở quận do đã chuyển đi nơi khác vì an ninh, vì làm ăn và một số đã chết, không kể một số “người ma”. Số “người ma” quá nhiều. Riêng trong giới ăn lương chánh phủ, không có vợ khai có vợ, chưa có con khai có con, có vài đứa con khai có bảy tám đứa... để lấy phụ cấp. Từ khi làm quận, tôi chỉ phát tiền cho người nào hiện diện, không phát cho người vắng mặt nên số tiền còn dư đến hơn một phần ba. Nếu không quyết tâm giữ gìn tư cách,

nếu không ước mơ một sự nghiệp lớn và thiếu ý chí, nghị lực rất khó hoàn thành, vì số tiền ấy xem như đúng nguyên tắc, có đủ chữ ký nhận như từ lâu và cấp trên cũng bảo làm thế để thanh toán cho mau. Nhất là lúc ấy, tôi không có lương chỉ có phụ cấp đủ ăn hàng tháng vì chưa phải chính thức ngạch trật quận trưởng và cha mẹ tôi tản cư sống rất thiếu thốn.

TỈNH ĐOÀN TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN

Đã hai lần, tôi nói với bác sĩ Bùi Hoàn, tỉnh trưởng Quảng Ngãi, tôi không thể tiếp tục công việc vì quân đội không tích cực yểm trợ. Từ đầu tôi đã nói với tướng Lâm, tôi làm một giai đoạn nếu không thành công tôi thôi. Tôi làm không vì chức quận trưởng mà vì tiếp tục chiến dịch Về Làng lữ dờ ở Đức Hải.

Tình hình an ninh trong vùng lúc ấy có thể lấy đoạn đường Mỏ Cà làm tiêu biểu. Nhiều lắm là hai cây số, một khúc quốc lộ 1 cách quận lỵ chừng bốn cây số. Có lẽ đoạn đường ấy cong cong như cái mỏ cà nên gọi tên như thế. Đó không phải địa thế quân sự, trái lại, chỉ là cánh đồng bằng phẳng, trồng trái, nhưng là trục lộ giao liên từ miền núi xuống miền biển về ban đêm. Năm 1945, du kích Ba Tư đã đánh quân hàng binh Nhật tại đây. Thuở đó, tôi nghe đồn dân và lính khởi nghĩa chết quá nhiều không kịp kiểm số, vội vã chôn để tránh dư luận xấu về cách mạng. Một thời gian sau, tôi đọc được tin chiến thắng Mỏ Cà, kể ra tiêu hủy gần một đại đội phát xít Nhật, một số lớn bị bắt làm tù binh... Khi tôi làm quận, nếu không có lính mở đường không thể qua đoạn này, trừ thường dân.

Nói chung, Mộ Đức cũng như các quận khác, đã mất gần hết nhưng không ai dám nói thẳng, tiếp tục lừa gạt lẫn nhau. Dưới báo cáo láo lên trên, trên thông báo láo xuống dưới rồi báo láo với Mỹ và chánh phủ Mỹ cũng thông báo láo với chánh quyền Việt Nam... Cứ thế, chạy vòng quanh đối trá. Cuộc sống trở nên bấp bênh, các chức tước đều tạm thời nên hốt được là cứ hốt, lớn hốt lớn nhỏ hốt nhỏ, tiền tử tuất tiền cô nhi quả phụ cũng bị cắt xén!

Sống ở địa phương nên tôi biết rõ. Dân chúng bất mãn cùng cực. Sở dĩ họ không theo cộng sản chỉ vì thấy cộng sản còn thê thảm hơn nữa nên đành chịu đựng ở lại với hy vọng

“kiếm được chút cháo” do Mỹ viện trợ. Ở lại với quốc gia dù khó chịu cỡ nào vẫn có thể sống, có chút tự do chứ chạy theo cộng sản là vào chỗ chết, chết đói, chết bom đạn và xấu hổ với làng xóm, với bà con ...

Trước tình thế đổ vỡ cùng cực đó, chánh quyền vẫn thân nhiên, bộ trưởng thông tin Ngô Khắc Tĩnh vẫn hãnh diện tổ chức cuộc thi hoa hậu ở Sài Gòn, tướng Kỳ vẫn tổ chức những cuộc “nhảy đầm” ở căn cứ không quân Biên Hòa đến nỗi cộng sản bỏ sát bờ rào bắn B40 mới giải tán, còn tướng Toàn có biệt danh “*Quế tướng công*” luôn tổ chức ăn chơi tại tư thất ở thị xã Quảng Ngãi và có một thương gia là Huỳnh Văn chuyên tìm gái đẹp cung cấp. Khi khám phá ra những vụ bán thuốc tây cho cộng sản thì do cơ sở “kinh tài” của các bà lớn, theo tin tức báo chí Sài Gòn lúc ấy. Chỉ cần còn một chút lòng nghĩ đến nước nhà không ai có thể chấp nhận cảnh thê thảm mà người dân phải gánh chịu.

Một buổi sáng tháng 7-1966, thư ký vào báo có một người Mỹ xin gặp tôi. Đó là ông Harrison Reed cố vấn lực lượng Biệt Chính và Xây Dựng Nông Thôn tỉnh Quảng Ngãi. Ông vào ngay vấn đề chính là mời tôi làm tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn. Ông bảo qua chiến dịch Về Làng và một thời gian ngắn làm quận trưởng của tôi, ông hiểu tôi là người tích cực chống cộng sản và có sáng kiến làm những điều tốt cho dân chúng. Theo ông, tất cả cố vấn Mỹ ở vùng I đều thích và ca ngợi tôi. Chính ông cho tôi biết ông bộ trưởng Xây Dựng Nông Thôn vì muốn gặp tận mặt tôi để mời tôi vào bộ giúp ông ta nên rời phái đoàn ở lại một đêm và chết vì máy bay rớt sáng hôm sau. Ông cũng cho biết quân đội không ủng hộ tôi và bác sĩ Bùi Hoành nên làm việc chẳng những không kết quả mà còn nguy hiểm, nhất là tôi chủ trương chống tham nhũng. Bởi những lẽ đó, ông gặp tôi và mời tôi về chỉ huy cán bộ Xây Dựng Nông Thôn tại tỉnh. Tôi còn nhớ ông nói thêm: “*Ông sẽ điều khiển hàng ngàn người dưới tay ông có vũ khí, tôi chắc ông sẽ thành công nhiều hơn.*” Tôi nhận lời không cần suy nghĩ bởi đã hai tuần tôi luôn báo với tỉnh trưởng xin thôi không làm quận trưởng nữa.

Trước khi bàn giao, Harrison có mời tôi ăn trưa với một số bạn ông tại nơi ông ở và làm việc hỏi đó gọi là “*sứ quán Mỹ*” gần tiểu khu Quảng Ngãi. Trong bữa ăn, ông cho biết sự đổ nát của tỉnh đoàn Xây Dựng Nông Thôn Quảng Ngãi, vì tỉnh đoàn trưởng

là một đại úy do bộ Xây Dựng biệt phái không được anh em nghe theo nên cán bộ muốn làm gì thì làm, ban ngày tới đoàn, ban đêm về tỉnh ngủ. Tỉnh đoàn trưởng thì cờ bạc, trai gái không xuống đoàn và “cán bộ ma” khá nhiều.

Cũng như lúc mới nhận làm quận trưởng, tôi thường nói cách làm việc của tôi và mục đích của việc xây dựng nông thôn. Quảng Ngãi có nhiều đoàn xây dựng nhất vì trước đó là nơi thí điểm tổ chức “biệt chính” của người Mỹ. Người Mỹ muốn tổ chức một toán quân lo cả về quân sự lẫn chánh trị, vừa đánh giặc vừa lấy lòng dân, nghĩa là cả công tác quân sự và dân vận. Người Mỹ nghĩ đến Quốc Dân Đảng là đảng có thành tích chống cộng sản, muốn xử dụng tinh thần đảng phái chống cộng vào loại lính đặc biệt này. Toán lính này nằm ngoài bộ quốc phòng, do Mỹ trả lương, huấn luyện và trang bị. Mấy tháng đầu đánh giặc rất hăng, thành tích rất khá, sau được lệnh phải nhập vào Xây Dựng Nông Thôn không còn riêng rẽ gọi là Biệt Chính Mỹ nữa. Bởi vậy Quảng Ngãi có gần tám chục đoàn Xây Dựng Nông Thôn. Tôi không nhớ số chính thức chỉ nhớ lúc đó thường so sánh nhiều hơn lính một trung đoàn.

Bữa đầu tiếp xúc với các đoàn trưởng, đoàn phó và toán trưởng tôi nói vấn đề đại ý:

- Tôi nói với các bạn bằng lời nói của một nông dân nghèo khổ mộc mạc, vì tôi và các bạn đều là người đồng ruộng. Chúng ta xắn tay áo tích cực làm việc giúp người dân không phải ai xa lạ mà là bà con họ hàng xóm giềng của chúng ta. Chúng ta không phục vụ các giới giàu có quyền quý ở thành phố, ở thủ đô. Chúng ta không xây dựng cho các đại khách sạn, các hộp đêm, các tửu quán, các nơi ăn chơi. Chúng ta xây dựng thiết thực cho bà con nông dân đói rách, thiếu học, thiếu an ninh ở xóm làng hẻo lánh. Chúng ta giúp cho người làm ruộng nghèo đói nhất những việc thiết thực, như đào cái giếng, vét con mương, nuôi con heo con gà. Chúng ta chỉ cho trẻ em biết đọc, biết viết. Chúng ta về làng để giúp, tôi nhấn mạnh giúp, chứ không phá. Chúng ta là bạn, là em của dân chứ không là “thầy dân”, là “cha dân”. Dân chúng những vùng chúng ta xây dựng là những vùng bán an ninh, ban ngày quốc gia ban đêm cộng sản. Họ phải chịu “một cổ hai tròng” bởi ban ngày lính quốc gia nhiều khi coi thường dân chúng, phá phách dân chúng, ban đêm cộng sản đến vợ vét cái gì còn có thể vợ vét, hiếp đáp, bắt đi cải tạo,

đi thủ tiêu... kêu trời không thấu, còn chánh quyền thì bận những công tác tài chánh lớn lao không có thì giờ đoái hoài tới đám dân đen. Bây giờ anh em chúng ta giúp đỡ an ủi họ, hoà cuộc sống với họ. Chúng ta không bỏ họ vì họ là chúng ta, là cha mẹ, là anh em chúng ta. Chúng ta cần có tác phong đứng đắn, cực kỳ đứng đắn, thì mới đem lại cho người nghèo niềm tin ở chính thể quốc gia. Công việc chỉ đơn giản thiết thực như thế, không cần kế hoạch vĩ đại, lý thuyết sâu xa, không cần những lời dao to búa lớn. Đứng đắn, vì dân nghèo, làm việc thiết thực. Chỉ có thể thôi. Nếu bạn nào không đáp ứng được những điều tôi nói trên thì tốt hơn hết bước ra khỏi đoàn. Tôi được phản ảnh tình đoàn tuy đồng nhưng năm qua sa sút kinh khủng, có thể nói là gần tan rã. Lỗi đó không do anh em mà do người điều dắt thiếu tích cực, thiếu quyết tâm, thiếu can đảm nên đã bị thay thế...

Những lời nói không chãi chuốt của tôi làm cho anh em xúc động và kết quả không một người nào bỏ cuộc.

Một dịp học tập, tôi nêu vấn đề ở mỗi làng nhiều lắm chỉ năm bảy tên du kích súng ống sơ sài, thiếu ăn, thiếu áo quần, trong khi chúng ta có năm mươi chín người vũ khí đầy đủ, có cả hai cây trung liên, lựu đạn thì vô số... Chúng ta ăn uống đầy đủ, áo quần đầy đủ, có cả máy truyền tin để khi đụng độ có pháo binh yểm trợ... thế mà ban đêm sợ bỏ trốn về tiểu thị trấn! Như thế là thế nào?

Mọi người ngỡ ngàng trước điều tôi nói, và tất cả có vẻ đều thấy vô lý tại sao lâu nay cứ 4 giờ chiều là di tản chờ sáng mai trở lại làm việc. Tôi nhắc lại năm vừa rồi có mấy lần bị thiệt hại nặng vì lý do giản dị là anh em tập trung ca hát trong một ngôi trường gọi là nơi an toàn, cộng sản biết thói quen đó nên chỉ cần một tên du kích liệng một quả lựu đạn là chết chín, mười người, bị thương một số khá đông. Việc chiều đi trốn, sáng hôm sau trở lại rất nguy hiểm vì trong đêm đó du kích tự do hoành hành và đủ mọi thứ... Riêng chúng ta, vì đi trốn nên mặc cảm hèn nhát, bị dân chúng coi thường, không tin có thể bảo vệ cho họ, bởi vậy họ phải đứng hàng hai, nếu không chạy theo cộng sản. Tôi đề nghị chấm dứt việc đi trốn để ở lại với dân, bảo vệ dân ngăn cản cộng sản về sách nhiễu, vơ vét của dân. Ở lại với dân phải có kế hoạch, ở lại ban đêm, canh gác phục kích, truy tầm sinh hoạt của cộng sản, chứ không phải ở lại là vào nhà dân tổ chức ăn nhậu, bài bạc trai gái, làm hại dân. Khi dân đã tin thì

dân không chấp chứa hay giúp đỡ cộng sản nữa và như vậy là thành công.

Từ đó bộ chỉ huy tỉnh đoàn ban đêm chia nhau xuống các đoàn để kiểm soát và giúp đỡ thiết thực từng đoàn một. Tôi suốt ngày với bộ bà ba đen, một cây súng, một bi đông nước, một tấm áo mưa cùng người bạn truyền tin đi hết đoàn này đến đoàn khác, ít khi ngồi ở văn phòng tỉnh đoàn. Công tác văn phòng có người lo. Tỉnh trưởng, cố vấn Mỹ muốn gặp thì gọi tôi về hoặc ra đoàn gặp. Bác sĩ Bùi Hoàn thường dành buổi chiều ra đoàn còn Harrison gần như ban đêm đều có mặt tại đoàn, ban ngày làm văn phòng. Những ngày đó tôi sống đúng như một chiến sĩ của dân, thật thích thú.

Ban điều hành tỉnh đoàn gồm có tôi, tỉnh đoàn phó Nguyễn Duy Bé nguyên chỉ huy quân sự Biệt Chính đoàn, một người can trường vui tính. Năm 1954, anh làm cảnh sát xã đã bắt cán bộ cộng sản nằm vùng Từ Ty, nguyên bí thư huyện Tư Nghĩa và là cái máy chém năm khởi nghĩa 1945 trực tiếp giết Tạ Thu Thâu. Anh Bé chết trong trại tù cải tạo sau 1975. Trưởng phòng hành chánh là anh Lê Vinh Thiệu, bạn thân của tôi, người có trình độ hiểu biết, cha anh bị cộng sản giết năm 1945. Sau 1975, qua bảy năm bị giam cầm, anh về và chết vì đói khổ sau một năm.

Ban kế hoạch là anh Hồ Sĩ Sanh, người Quảng Nam, một người nghiêm khắc, có lý tưởng lo cho lớp người nghèo khổ. Sau 1975 cũng chết trong tù cộng sản. Ban tâm lý chiến là anh Đào Đức Nhuận, người Bắc, bình tĩnh, nhã nhặn, có khả năng văn học. Các anh em kể trên đều cùng quan điểm với tôi về giúp đỡ người nghèo khổ, đều cùng một nhận định về quốc sự và đều quyết tâm chống đối tham nhũng. Yên tâm có những anh em đó trông coi văn phòng và giao tiếp với các cơ quan khác, tôi luôn bám sát các đoàn để tạo không khí hăng say làm việc.

Tôi làm được tuần lễ đến kỳ phát lương. Tôi dặn anh em chỉ phát cho những người hiện diện tại đoàn có đủ giấy tờ chứng minh là cán bộ, những cán bộ đang bị bệnh thì đem tận nhà trực tiếp phát. Sau đợt phát lương, anh em hoàn ngân gần một phần ba số lương. Harrison Reed cùng các người Mỹ khác rất ngạc nhiên về số cán bộ ma trong năm qua và rất nể sự ngay thẳng của chúng tôi. Lương đoàn trưởng 5900 đồng, lương tỉnh đoàn trưởng 14 ngàn, lương trưởng ban 10 ngàn đồng. Lúc ấy tôi độc thân nên quyết định chỉ lấy ngang lương đoàn trưởng là

5900 đồng. Harrison tìm tôi bảo lãnh đủ lương 14 ngàn. Tôi cho biết các đoàn trưởng phần nhiều có gia đình mà lương chỉ có 5900, tôi độc thân không cần lãnh nhiều hơn. Ông bảo ở nước ông không có chuyện tự bớt lương, tùy chức vụ, tùy khả năng mà lãnh lương. Tôi hơi bực nói thẳng với ông:

- Tôi lãnh lương như thế để chia xẻ sự thiếu thốn của các đoàn trưởng, để anh em vui vẻ làm việc, bắt đắ dĩ tôi mới lãnh lương nơi các ông và ông nên nhớ rằng không phải người Việt Nam nào cũng mê đô la đâu ...

Lời tôi nói có vẻ khó nghe nhưng dù sao cũng là lời thành thật khiến người cố vấn Mỹ nhìn tôi hơi khác.

Qua chiến dịch Về Làng và qua thời gian làm quận trưởng, tôi biết vấn đề an ninh là vấn đề quan trọng nhất. Nếu thiếu an ninh, mọi công trình xây dựng đều xem như không có. Chúng tôi bàn với tỉnh trưởng và tiểu khu trưởng làm cách nào bảo vệ cho những ấp “đời mới”, nếu không, chương trình xây dựng xem như thất bại. Điều này tôi đã thiết tha nói với trung tướng Nguyễn Đức Thắng nhiều lần.

TRUNG TƯỚNG NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Khi làm quận trưởng, tôi gặp tướng Thắng một lần vào dịp tập họp dân chúng tại sân bóng thị xã Quảng Ngãi.

Bác sĩ tỉnh trưởng vừa giới thiệu, tướng Thắng đập vai tôi một cái mạnh như người bạn lâu ngày gặp nhau: *“Hoan hô chiến dịch Về Làng. Tôi theo dõi rất kỹ và đồng ý với anh nhiều điểm”*.

Người cao to, ăn mặc giản dị, nói lớn tiếng và lưu loát. Quảng Ngãi có nhiều cán bộ nên tướng Thắng hay ra thăm để nhắc nhở. Ông thường mặc bà ba đen xuống tận đoàn để thấy tận mắt những gì cán bộ đã làm và không thể làm. Mỗi làng xây dựng một “Ấp Đời Mới” kiểu mẫu rồi dân chúng dựa vào đó tự xây dựng ấp của mình. Ấp là đơn vị nhỏ nhất về tổ chức hành chánh, mỗi làng thường có từ ba đến năm ấp, có ấp trưởng, ấp phó, an ninh ấp. Ba nhân viên này do hội đồng xã chỉ định. Phụ cấp thù lao chút ít do ngân sách xã đài thọ.

Trong một “Ấp Đời Mới” có con đường chính từ đầu đến cuối ấp, gọi là đường xương sống. Đường rộng đủ để xe hơi chạy được. Mỗi ấp có ít nhất một trường mẫu giáo hoặc tiểu học. Cán bộ giúp dân chúng sửa sang nhà cửa. Nhà nào đổ nát

xiêu vẹo quá thì tìm cách giúp làm lại để tuy nghèo nhưng sạch sẽ gọn gàng. Các giếng nước được vét sạch, xây thành, làm nền bằng xi-măng ngăn nước dơ khỏi chảy xuống giếng. Cán bộ đào thêm giếng cho dân chúng đủ dùng. Giếng phải có buồng tấm che kín. Phát heo giống, gà giống và các loại rau đậu cho dân, giúp họ chăn nuôi đúng phương pháp. Mỗi đoàn có một cán bộ lo về chăn nuôi với mục đích giúp thôn dân có thêm nghề phụ ngoài nghề làm ruộng. Phát vật liệu cho những gia đình đã có chuồng heo nhưng chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Ty chăn nuôi và nông nghiệp lo việc này. Trong một tháng đầu hoàn tất hết những công tác chính cho Ấp Đồi Mới. Dọc theo con đường xương sống, bắt đầu có tiệm may, vài tiệm bán tạp hoá, vài quán nước... Ban đêm, điện sáng choang, nhà nhà đều có điện do ty điện lực cung cấp miễn phí. Lúc ấy ở nông thôn chưa có điện. Nhìn cảnh sinh hoạt thật là thanh bình, nhưng tôi luôn cảnh giác anh em về mặt phòng thủ. Khi dân về đông, chúng tôi tổ chức nhân dân tự phòng thủ, lập trung đội nghĩa quân, nhân dân tự vệ ... Đoàn ở mỗi Ấp Đồi Mới sáu tháng, hoàn tất mọi việc kể cả việc phòng thủ rồi qua xây dựng ấp khác. Có những làng dù có cán bộ nhưng vì hẻo lánh quá chỉ một số dân chúng trở về còn một số vẫn bám trại tản cư. Chúng tôi vẫn ở đó xây dựng hi vọng dần dần dân sẽ trở về.

ĐOÀN PHÁT LƯƠNG BỊ PHỤC KÍCH

Mùa đông, 8 giờ sáng trời còn mù, hơi lạnh. Đang ở Phú Thọ, tôi được tin đoàn phát lương của tỉnh đoàn bị phục kích ở Thanh Khiết. Tôi cùng ba cán bộ băng các đám mía chạy đến chỗ bị phục kích. Truyền tin cho biết đoàn gồm bốn người trên chiếc Jeep bị cộng sản đánh ngay trong quán gần trụ sở ủy ban hành chánh xã. Tôi chạy gấp đến vì kinh nghiệm cho biết cộng sản luôn đánh nhanh rồi bỏ chạy vì sợ máy bay, nhất là sợ tiếp viện và nếu có phục kích đoàn tiếp viện thì chặn hướng từ tiểu khu, từ tỉnh đoàn đến. Tôi từ Phú Thọ chạy lên tức ngược hướng, vả lại chạy băng đồng mía nên rất an toàn. Chúng tôi đến nơi, chiếc xe còn nghi ngút, một cán bộ tỉnh đoàn chết trong xe, giấy bạc rải đầy trên đường. Tôi báo về ông tỉnh trưởng tình hình trước mắt và xin xe chở xác chết về tỉnh đoàn. Tôi cùng hai cán bộ đi lượm những xấp giấy bạc trên đường, trên bờ mía. Tôi

thắc mắc chỉ có một xác chết nằm trên xe đang cháy còn mấy cán bộ khác không thấy. Trong quán cũng không có người. Chừng mười phút sau, cán bộ, dân làng từ đồng mía dần dần bước ra. Một cán bộ thấy tôi mừng quá:

- Bọn em hôm nay ba đoàn tập họp tại đây để lãnh lương, hai đoàn kia chưa đến kịp, xe tỉnh đoàn vừa xuống anh em tính vào quán uống nước, kiếm gì ăn không ngờ một quả lựu đạn trong mía vụt mạnh vào xe, bất ngờ quá tất cả đều bỏ chạy...không ngờ anh đến sớm hơn bọn em.

Cũng may vì chúng tôi chạy theo đường tắt nên đến sớm và lượm đủ số bạc vung vãi quanh chiếc xe. Nếu chậm, số tiền đó chắc không còn. Chiều về, tôi trả lại số tiền cho sủi quán Mỹ. Những người Mỹ tại đây đều biết tôi sống rất thiếu thốn nên sững sờ trước hành động ngay thẳng đó. Với tôi, vượt qua thử thách này luôn tạo một cảm giác hãnh diện và là món ăn tinh thần tuyệt vời.

Báo chí ở Sài Gòn đề cao thành tích Xây Dựng Nông Thôn tỉnh Quảng Ngãi. Tổng bộ Xây Dựng Nông Thôn lưu ý giúp đỡ, vì Quảng Ngãi là nơi nhiều cán bộ xây dựng nhất. Tướng Nguyễn Đức Thắng thường ra thăm và ở lại đêm với đoàn. Có lần tướng Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh sư đoàn II tại Quảng Ngãi, xuống đoàn mời tướng Thắng về câu lạc bộ sư đoàn dự tiệc có chương trình giải trí nhưng tướng Thắng từ chối. Sự từ chối của tướng Thắng làm anh em càng phấn khởi. Tướng Thắng hi vọng rút kinh nghiệm binh định nông thôn ở Quảng Ngãi áp dụng cho các tỉnh hầu phối hợp “quân, dân, cán, chính” thành một khối hỗ tương tạo sức mạnh toàn diện diệt cộng sản.

Tuy nhiên qua thực tế, theo tôi, rất khó khăn. Vì cũng như chiến dịch Về Làng, khi cộng sản cảm thấy nguy hiểm do chiến dịch chiếm được lòng dân thì cộng sản sẽ tập trung đánh phá. Xây Dựng Nông Thôn cũng vậy. Nếu cán bộ ngày xuống nông thôn tối trốn về thị trấn thì cộng sản dễ yên, nhưng cán bộ nằm tại nông thôn ban đêm không đi trốn thì cộng sản sẽ tập trung vào từng đoàn để đánh phá. Bởi vậy khi tôi bắt buộc cán bộ phải ở lại cùng dân chiến đấu đồng thời xây dựng cho dân thì cộng sản đánh phá tới tấp và cả hai bên đều thiệt hại nặng. Cán bộ xây dựng chết nhiều và cộng sản nằm vùng chết cũng nhiều. Việc bám đất bảo vệ cho dân yên tâm trở nên cực khó vì cộng sản tập trung di động còn cán bộ xây dựng cố định nên ở thế bị

động. Cộng sản cố tạo bất ổn để dân chúng bỏ làng trở lại trại tản cư tức việc xây dựng bất thành. Quân đội có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho dân để cán bộ lo xây dựng, nhưng quân đội không làm được điều này! Ở tỉnh và quận có các đại đội địa phương quân là lực lượng chỉ bảo vệ cho địa phương với địa bàn hoạt động trong tiểu khu tức trong tỉnh, khác với chủ lực quân có thể di chuyển khắp nước. Thường thường, ban đêm các đại đội địa phương quân cho một số ít ra ngoài gọi là *đi kích để bảo vệ đồn*, và thực tế mỗi đại đội chỉ bảo vệ an toàn trong phạm vi đồn bót và vài xóm nhỏ ven đồn. Mỗi quận có chừng ba hay bốn đại đội thì bảo vệ quận lỵ hết một đại đội rồi nên quân số quá ít so với diện tích toàn quận. Tình trạng tham nhũng lại quá nặng, lính ma lính kiếng nhiều, con số thực dụng và con số báo cáo lãnh lương khác biệt, do đó lính rất hoang mang. Người nào có tiền lo lót được về văn phòng hoặc được vào loại không trực tiếp chiến đấu. Đơn vị nào lo lót nhờ do tiền lính đóng góp sẽ được ở nơi ít nguy hiểm như gác cầu, gần thành phố, huyện lỵ ... gây tâm trạng bất mãn ngay trong quân đội. Dù kích cộng sản thường tránh né các đơn vị chủ lực, dồn sức đánh phá xây dựng nông thôn và địa phương quân. Bởi vậy gần như đêm nào cũng có cán bộ Xây Dựng Nông Thôn tử thương.

SUÝT CHẾT Ở ÁP ĐÒI MỚI MIỀN ĐÔNG QUẬN TƯ NGHĨA.

Sáng hôm đó được tin cộng sản tấn công áp Đồi Mới tôi cùng cố vấn Mỹ, Harrison Reed tức tốc lái xe trực chỉ nơi bị đánh. Trên xe có một thanh niên Mỹ cỡ tuổi học trò trung học mới qua du lịch Việt Nam mang máy quay phim, máy hình hí hờn sắp được chứng kiến chiến tranh mà lâu nay chỉ thấy trên truyền hình. Tôi bảo người bạn trẻ không nên đi vì nguy hiểm, không thể đùa với chiến tranh, nhất là anh chưa có một ngày huấn luyện quân sự. Anh ta năn nỉ bảo đây là cơ hội tốt để anh được biết thế nào là đánh giặc, và anh sẽ mô tả cảnh này trên báo chí ở trường anh. Cuối cùng, chúng tôi để anh đi. Người cố vấn đưa cho anh một khẩu súng lục chỉ qua cách xử dụng. Anh bảo ở nhà anh có súng nên đã biết dùng. Chúng tôi xuống xe cách nửa cây số đi bộ đến áp. Tôi điều động ba đoàn cán bộ bao vây áp thận trọng tiến vào. Đi trong đám mía ngang tầm vai

chúng tôi phải lom khom để địch khỏi thấy. Im lặng quá, im lặng một cách rợn người. Kinh nghiệm cho biết sự im lặng như thế thường là nơi ở trong vùng bị phục kích, hình như có trực giác báo cho thấy điều đó.

Tôi bước lên sân nhà một người mà hàng ngày tôi thường ghé thăm vì chủ nhà vui tính ưa nói chuyện. Khác hẳn ngày thường, chủ nhà như bức tượng ngồi im mặt xanh như tàu lá chuối, nhìn tôi trờn trờn bất động. Tôi biết không xong, nhanh như chớp lùi ra ngõ la lớn “*nằm xuống!*” Tức thì những loạt tiểu liên khạc như mưa vào chúng tôi. Nằm xuống các rãnh rau muống, chúng tôi bắn trả vào nhà và cả một vùng lớn rộng ầm ầm tiếng súng đủ loại, xen vào tiếng nổ của lựu đạn, của súng cối về hướng chúng tôi. Nghe tiếng các loại súng, chúng tôi biết không chỉ có vài tên du kích đánh phá rồi bỏ chạy mà ít nhất phải cỡ một đại đội địch. Tôi bò lui lại nhắc người cố vấn là khi chúng tôi lia lựu đạn vào sân trước nhà, đồng thời thụt M79 vào nhà thì cấp tốc lui vào đám mía chạy về chỗ xe đậu, nơi ấy an toàn. Nói vừa xong, tức khắc những quả lựu đạn nổ trời long đất lở trên sân, trên hè nhà, những quả M79 xuyên mạnh vào trong nhà như muốn bưng cái nhà lên cao. Quả nhiên súng liên thanh trong nhà im bặt. Tôi yên tâm là cố vấn Mỹ và chú bé Mỹ rút lui an toàn. Chừng một phút sau, các loạt súng cối tới tấp rót vào chỗ chúng tôi, vài quả trúng ngay nhà làm mái nhà sập hẳn một bên. Tôi được lệnh cho các đoàn lui khỏi phạm vi nhà chừng trăm mét dừng lại và tiếp tục chiến đấu. Năm phút sau, hai chiếc máy bay xé bầu trời chúi xuống. Tiếng nổ của hai quả bom giạt mạnh khiến chúng tôi như nhóm người khỏi mặt đất. Những trái hỏa tiễn trên máy bay dập tắt các ổ súng cối cộng sản. Chừng vài chục phút, máy bay mất dạng về hướng Chu Lai. Tiếng súng im lặng, chúng tôi thận trọng tiến vào mục tiêu. Ngôi nhà không còn, tường ngã sụp sập đất. Hai quả bom rớt ngay sau vườn tạo thành hai cái ao, đất tung toé rải khắp vườn. Ông chủ nhà nằm chết ngoài vườn máu ướt đầm áo quần, đầu đập nát khó nhận dạng. Ban đầu tôi tưởng xác chết một tên cộng sản nhưng nhìn lại chính là chủ nhà ngồi phía trước báo động ngầm bằng ánh mắt cho chúng tôi thoát chết. Chúng tôi đang lục soát thì được tin một cố vấn Mỹ chết và theo tin sơ khởi tám cán bộ xây dựng chết trong có đoàn trưởng đoàn 38 trực tiếp xây dựng ấp đó. Xác cộng sản thì chưa rõ nhưng theo anh em, có lẽ nhiều lắm.

Liên sau đó, cố vấn Mỹ cho tôi biết người Mỹ chết là người học sinh buổi sáng tôi đã không muốn cho đi theo. Tôi hỏi hận sao quá dễ dãi cho đi để rồi anh không còn trở lại quê hương gặp lại cha mẹ. Tôi chắc cha mẹ anh buồn lắm, đau khổ lắm và sẽ phàn nàn sự dễ dãi của chúng tôi. Trong khi chúng tôi lo đưa những người bị thương đi bệnh viện và đưa thi hài cán bộ về tỉnh đoàn làm lễ mai táng thì dân chúng trong ấp gồng gánh tản cư trở lại. Thế là ấp Đồi Mới của chúng tôi ra công xây dựng đã tan nát.

Hơn nửa năm nay là như vậy. Chúng tôi gắng xây được ấp nào thì thời gian ngắn sau lại bị cộng sản phá. Trên thực tế, xây một ấp dễ hơn bảo vệ ấp đó, vì chỉ cần vài du kích quấy phá, dân chúng hoảng sợ bỏ ấp đi là xây dựng thất bại. Tôi còn nhớ trong Đại Hội Xây Dựng Nông Thôn Toàn Quốc, tôi đưa vấn đề ra, muốn cả nước thấy thiếu an ninh thì không thể xây dựng. Nói cách khác muốn bảo vệ hữu hiệu công tác xây dựng, phải có an ninh. Trong thời chiến tranh khốc liệt, việc xây dựng cực kỳ khó khăn vì dân chúng không thể tự bảo vệ dù có phát vũ khí cho họ. Vậy quân đội phải có trách nhiệm bảo vệ dân. Nhưng thực sự quân đội không làm được việc đó. Tại sao?

Nói chung, người lính miền Nam được huấn luyện đầy đủ, quân trang quân dụng đầy đủ, lương hướng có phụ cấp vợ con nên thời bấy giờ đủ sống. Tinh thần chiến đấu ban đầu rất khá nhưng dần dần sa sút vì nhiều lý do, nổi bật là nạn tham nhũng lan tràn khắp nước.

Tôi đã đọc nhiều hồi ký của những người từng làm trong chánh quyền nhưng chưa thấy ai nói sự thật về tham nhũng thuở ấy, chỉ đổ cho vì Mỹ bỏ rơi, vì không cho thêm 350 triệu dollars nên thua cộng sản năm 1975. Một số nhà lãnh đạo chạy ra nước ngoài chắc chắn dư tiền thuê người viết sách để gột bớt các vết nhơ tội lỗi. Ngoại trừ một số ít, muốn có chức quận trưởng, ty trưởng, tỉnh trưởng, tư lệnh trung đoàn, sư đoàn v.v.. đều phải lo lót chạy chọt tới cái giá nào đó. Như thế, khi có chức rồi thì việc đầu tiên là vợ vét để bù lại số tiền đã mượn để lo lót, vợ vét trong quyền hạn của mình, trong ngành mình. Thuở ấy báo chí đã đưa một cách chua chát là nếu một tỉnh trưởng tiêu tiết kiệm trong đồng lương của mình để dành chút ít trả tiền lo lót thì vị đầu tỉnh đó phải làm hai trăm năm mới đủ! Trong phạm vi tỉnh, một đại đội địa phương quân muốn đóng nơi an toàn ắt phải trả một giá nào đó. Chẳng hạn đơn vị gác cầu Trà Khúc giá

cao hơn gác cầu sông Vệ. Đơn vị nào không tiền phải nằm những vùng mất an ninh nặng. Tiền ở đâu đơn vị lo lót cấp trên? Anh em binh sĩ vì sinh mạng phải bớt tiền lương để đóng góp. Thậm chí tiền tử tuất cũng bị xén. Nếu vợ con hay cha mẹ tử sĩ không chịu “thông cảm” thì gặp rất nhiều trở ngại trong việc nhận tiền. Muốn trốn lính phải lo lót cho quân cảnh, cho cảnh sát địa phương. Muốn từ trực tiếp chiến đấu về ngành không chiến đấu như hành chánh tài chánh, công binh kiến tạo, cảnh sát... phải lo lót cho một đường dây nào đó. Tại Quảng Ngãi, khó ai quên vụ tướng Toàn độc quyền buôn bán quế cho bọn gian thương người Tàu, lộ liễu đến nỗi báo chí đặt cho cái tên “*Quế tướng công*”. Khi dân chúng tố cáo, thay vì bị điều tra, bị kỷ luật, tướng Toàn có chính tổng thống Thiệu che chở bằng cách thăng chức cho Toàn từ tư lệnh sư đoàn lên tư lệnh quân đoàn như một thách thức với dân chúng! Một phó tỉnh trưởng như Trần Huỳnh Châu cùng trưởng ty nông nghiệp tham nhũng, kết quả trưởng ty bị án tử hình (để trấn an dân chúng địa phương rồi một thời gian sau tha cho về) còn Châu được đưa về miền Nam, rồi làm chánh văn phòng cho bộ nội vụ! Thiếu tá Lê Khắc Lý tỉnh trưởng Quảng Ngãi vì tham nhũng lộ liễu, dân chúng tố cáo lại được đi Mỹ học lớp tham mưu. Tư lệnh quân đoàn Nguyễn Chánh Thi muốn lấy lòng dân tìm cách kéo Lý về nước đưa ra tòa nhưng không được. Bất bình, báo chí hỏi phó tổng thống Hương sao để tham nhũng hoành hành trắng trợn, cụ Hương đáp như than thở chán nản: “*Diệt tham nhũng thì làm việc với ai!*”

Lời thú thật của vị phó tổng thống có nghĩa nếu dân chúng muốn diệt tham nhũng thì chỉ còn các nhân viên hạ cấp và cá nhân ông mà thôi thì làm sao làm việc! Lời thú tội đáng thương của người số hai trong bộ máy chánh quyền chúng tỏ chánh quyền thối nát tới mức nào. Vậy mà tới nay vẫn không ít người tránh nhắc đến thực trạng như nhuốc này. Tôi chỉ kể một số trường hợp mà tôi biết rõ ở địa phương mình và chắc khó ai kể hết nỗi sự thối nát tham nhũng của chánh quyền sau thời kỳ sụp đổ của tổng thống Diệm... Cho nên người lính không muốn chiến đấu vì thấy vô nghĩa khi phải chết cho bọn tham nhũng sống phè phỡn. Đó là lý do chính không giữ được an ninh và cũng là lý do chính đưa miền Nam rơi vào tay cộng sản. Dù mai này còn xuất hiện những luận điệu thanh minh, tô vẽ thì thực tế tội lỗi trong giai đoạn lịch sử đó vẫn khó lu mờ.

Vi lý do tham nhũng mà bộ máy chánh quyền đã đi lạc hướng. Bỏ tiền để chạy một chức tước cố nhiên khi đạt rồi sẽ chú tâm vào việc vơ vét để bù lại số tiền đó. Biết chức tước của mình có tiền bảo đảm nên không cần cố gắng làm việc, chỉ dồn sức vào vơ vét và cố lách sao cho tánh mạng được an toàn. Làm cho cấp trên vui lòng, nhất là phu nhân các cấp trên thỏa mãn là kết quả bảo đảm nhất. Thay vì ngày đêm chú tâm vào việc diệt cộng sản thì phần lớn xem việc đó là thứ yếu. Riêng người ở giai tầng lãnh đạo thì kinh nghiệm đã dạy cho họ biết địa vị rất mong manh, nhất là sau vụ đảo chánh tổng thống Diệm, nên họ cũng dành thì giờ củng cố địa vị bằng cách thoã mãn mọi đòi hỏi của thượng cấp. Thấy trên ăn thì dưới nếu có điều kiện cũng ăn. Tôi nhớ lúc tôi ở đoàn thanh tra địa phương quân, nghĩa quân quân đoàn 3 đi thanh tra tiểu khu Phước Long. Cả đoàn đều sửng sốt khi biết một trung sĩ ở một chi khu mà dám lập một trung đội nghĩa quân ma suốt 6 năm, nghĩa là vị trung sĩ đó hốt trọn lương của trên 30 lính ma, mỗi người đều có vợ và ít nhất 6 con, ngoài ra còn “quân tiếp vụ”... Cố nhiên vị trung sĩ ấy phải chi cho cấp trên mới tồn tại. Trong 6 năm đó, luôn có các đoàn thanh tra, nhưng thanh tra là loại người nào? Phần nhiều trưởng toán là các sĩ quan đang mất chức được đưa về “ngồi chơi xơi nước”, những loại lính kiểng có thể lực hoặc giàu có tránh tác chiến, tệt hại hơn nữa, có những vị mà toà án đang điều tra về tham nhũng. Chúng tôi đã nói đùa chua chát là thằng tham nhũng lớn đi thanh tra thằng tham nhũng nhỏ! Tại quân đoàn 3, số sĩ quan loại như tôi vừa kể đông lắm, không có ghế ngồi, phần nhiều ra câu lạc bộ uống cà phê tán chuyện kiếm hiệp Kim Dung, chừng 3 giờ chiều về Sài Gòn sáng hôm sau xuống lại, cứ thế hết ngày này qua ngày khác, lâu lâu đi thanh tra... trong khi cộng sản đánh lung tung. Hàng năm, ít nhất vài lần trung đội nghĩa quân ma tôi nói trên được thanh tra nhưng cứ đem việc mất an ninh ra đe dọa toán thanh tra là toán thanh tra bạc nhược không bao giờ dám đến. Nhưng khi tôi đến thanh tra, tôi quyết định dùng trực thăng chở người trung sĩ đó ra tận nơi. Đó là sự bất ngờ khiến người trung sĩ không đối phó được. Hàng giờ trực thăng bay quanh các đồi núi không thấy một người lính. Cuối cùng, anh thú thật vì lệnh quận trưởng, anh làm liêu một trung đội nghĩa quân ma....

Từ nạn tham nhũng, sự ăn chơi tội lỗi càng phát triển.

Người nào tham nhũng thì sống xa hoa, ăn tiêu phung phí, còn lính hoặc loại sĩ quan đứng đắn thì mức sống rất thấp kém nên có sự rạn nứt trong quân đội giữa người tham nhũng và không tham nhũng. Cố nhiên những sĩ quan đứng đắn thường cô thế không được nâng đỡ. Nguyên nhân làm cho quân đội mất khả năng chiến đấu chính là do đó. Các cấp chỉ huy, chỉ trừ một thiểu số, đều bận tâm làm giàu và lo bảo vệ địa vị, bảo vệ ghế ngồi của mình. Thê thảm đến độ người chết sống ngoài mặt trận không được khen thưởng, không có huy chương trong khi biết chạy chọt lo lót thì chỉ ở văn phòng vẫn được huy chương và thăng cấp. Không có gì ngạc nhiên nếu tinh thần người lính bị sút giảm không bảo vệ được dân chúng miền quê. Tinh thần đã sa sút thì báo cáo láo là điều cần thiết để che giấu sự thất bại, sự bất lực... Những tờ báo dám nói sự thật thì bị kiểm duyệt, bị đóng cửa gán tội “làm lợi cho cộng sản”, cá nhân nào nói thẳng, phê bình thẳng thì bị ghép “đâm sau lưng chiến sĩ”... Gọn lại là cuối cùng chánh quyền phải chọn con đường độc tài để cai trị.

DIỆT THAM NHŨNG

Như đã nói và khó thể nói hết mức độ tham nhũng dưới thời tổng thống Thiệu. Chánh quyền gần như chỉ gồm các bè nhóm cấu kết vì mục đích làm giàu chứ không có chuyện yêu dân yêu nước. Vì không thể là người yêu nước khi là kẻ tham nhũng. Người nghĩ đến quốc gia dân tộc, người không đội trời chung với cộng sản không thể kìm nổi bất bình. Riêng tôi ý thức rằng một nước thanh bình mà chánh quyền tham nhũng sẽ suy đồi mọi thứ từ kinh tế đến đạo đức, giáo dục... còn một nước đang có chiến tranh sẽ khó tránh khỏi thất bại nặng nề. Do đó, với những sự kiện trước mắt, chúng tôi thấy miền Nam đang đi trên con đường thất bại, dù tương quan lực lượng miền Bắc không bằng một phần ba miền Nam nhưng miền Nam đã nằm trong thế bị động, trong thế thua.

Tới ngày giờ này, nhiều người có trách nhiệm về cuộc chiến vừa rồi vẫn cố trốn tránh tội lỗi bằng sự trút bỏ cho thái độ bỏ rơi của Mỹ. Trên thực tế, Mỹ đã tận lực giúp miền Nam không chỉ trong một tuần, một tháng, một năm mà suốt mười lăm năm. Tất cả chỉ vì lạc hướng, thiếu trách nhiệm, tham nhũng và ỷ lại, nên khi Mỹ lui quân là tan tành trong khoảnh khắc. Tổng thống

Thiệu luôn nhắc một câu gần như vô nghĩa “*J’ai la responsabilité mais pas de coupable*” — *Tôi có trách nhiệm nhưng không có tội*. Trách nhiệm, công, tội liên hệ với nhau, nhất là ở cương vị lãnh đạo một nước.

Tham những thành như thông lệ và trắng trợn. Lớn tham những lớn, nhỏ tham những nhỏ. Ban đầu là tiền “thông cảm”, rồi có giá cả đảng hoàng, từ trên xuống tức từ các cơ quan trung ương. Đồng tiền dễ mất giá nên thường lấy đơn vị lượng vàng, ngoài dân chúng thường gọi là cây vàng, dần dần bỏ chữ vàng, gọi là cây. Chức trưởng ty ở đô thành bao nhiêu cây, ở tỉnh nhỏ bao nhiêu cây. Thị trấn Đà Nẵng nhiều cây hơn thị trấn Quảng Trị chẳng hạn. Tùy theo địa điểm, tùy theo ngành làm ăn được nhiều hay ít để quyết định con số. Bên quân đội cũng có giá của tư lệnh sư đoàn, trung đoàn đến các đơn vị thấp hơn. Động viên, hoãn dịch có giá thậm chí trốn lính, lính kiểng đều có giá.

Tôi không vợ dứa cả nắm, vì vẫn có những người đảng hoàng, không tham những, không hối lộ. Nhưng số đáng kính này thường yếu thế, cô đơn, dễ bị mất chức, bị đưa đến những chỗ nguy hiểm khó khăn hoặc không được yểm trợ đúng mức trong công việc. Hiệu quả của nỗ lực chống cộng sản do đó đương nhiên giảm sút.

Như đã nói, năm tôi làm quận trưởng, 1966, thiếu tá Sơn Thương tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân, binh chủng có tinh thần và kinh nghiệm chiến đấu cao từng khiến lực lượng cộng sản điêu đứng, đã bỏ dở cuộc hành quân kéo về đồn chỉ vì tôi không có cặp bò dâng cho ông. Tôi không che giấu nên sự việc được một nhật báo ở Sài Gòn đăng. Bản tin bị kiểm duyệt đục bỏ với lý do làm lợi cho cộng sản, còn vị sĩ quan gốc Miên, thiếu tá Sơn Thương, không lâu sau đó, được đặc cách lên trung tá chuyển về Nam. Tôi chắc tới lúc này, đại tá Sơn Thương (cấp bậc cuối cùng) và bộ tham mưu của ông chưa thể quên vụ lui quân đó và cũng chưa quên vụ cãi cọ với quận trưởng Mộ Đức về cái lỗi “thiếu thông cảm” với tiểu đoàn của ông. Nhưng mức tác hại của loại hành vi sách nhiễu trên không là gì so với hành vi trực tiếp buôn bán với cộng sản mà chủ trương là các gian thương có sự yểm trợ của các bà lớn. Báo chí thuở đó từng tố giác các vụ buôn đồ la xanh, đồ la đỏ⁽⁶³⁾ và cả đồng bạc quốc

⁽⁶³⁾ Đồ la đỏ chỉ dùng trong quân đội Mỹ lúc ấy.

gia, các tổ chức cung cấp bột ngọt, gạo, thuốc men, thậm chí cung cấp cả vũ khí cho cộng sản trong đó vụ “còi hụ” đã gây xôn xao dư luận nhiều ngày.⁽⁶⁴⁾ Thê thảm nhất là cộng sản có thể dùng tiền lo lót để giải cứu những cán bộ quan trọng bị bắt.

Tình trạng này không chỉ triệt tiêu hiệu quả mọi nỗ lực của những người đang trực tiếp chiến đấu ở cấp hạ tầng, phá vỡ lòng tin của quần chúng mà còn tiếp thêm sức mạnh cho kẻ thù. Chính vì tình trạng này mà nhiều nhân viên chánh quyền kể cả quân đội cấp thấp khi bắt được cộng sản thường muốn bán ngay, khỏi nộp lên trên để tránh hậu họa và cũng đáp ứng lòng yêu nước, lập trường diệt cộng sản của mình.

Thuở ấy, Quảng Ngãi là một tỉnh mất an ninh nhất, dân chúng đói khổ nhất vì có tới trên 90% phải chen chúc tại các trại tản cư vốn dĩ đã thiếu thốn lại gặp cảnh gian thương đầu cơ tích trữ tràn lan.

Năm 1966-67 tôi làm tỉnh đoàn trưởng tỉnh đoàn Xây Dựng Nông Thôn Quảng Ngãi, cán bộ xây dựng khoảng ba ngàn người. Thú thật, tôi khó chịu đến xấu hổ vì bó tay trước cảnh dân chúng bất bình vì đói khổ như vậy. Câu hỏi phải làm gì luôn lớn vồn trong đầu và đặt chúng tôi trước ba hướng chọn lựa.

Thứ nhất là chạy theo chánh quyền kiếm ăn, tức cũng tham nhũng, ăn cắp để bảo đảm địa vị, mau thăng quan tiến chức, tạo cuộc sống vật chất cao sang. Con đường này là con đường dễ theo nhất, hợp thời nhất và đã có nhiều người chọn với lời tự an ủi “*Gặp thời thế thế thời phải thế*” hoặc “*Phải biết tùy thời, vì tùy thời là đạo lớn*” để chống lại lương tâm khi lương tâm cắn rứt.⁽⁶⁵⁾

Lựa chọn thứ hai là không tham nhũng cũng không chống

⁽⁶⁴⁾ Xảy ra tại Long An, cả đoàn xe chở đồ đi bán cho Cộng Sản có xe hụ còi mở đường.

⁽⁶⁵⁾ Người theo chọn lựa thứ nhất có thể vẫn bằng cách so sánh hiện trạng VN với miền Nam trước 1975 để biện giải mức tham nhũng, thối nát, độc đoán của CSVN hiện nay kinh khủng gấp nhiều lần so với chánh quyền miền Nam trước 1975, sao CS không sụp đổ? Vậy có thể trút hết trách nhiệm làm sụp đổ miền Nam cho tham nhũng chăng? Câu trả lời rất dễ hiểu: Tại VN hiện không có đối kháng trực tiếp bằng vũ lực, không có cả đôi lập trên chính trường. Do đó, dân chúng bất bình cỡ nào cũng vô ích. Thêm nữa, dân chúng đã quá mệt chỉ câu an phận, nhất là người đã sống dưới hai chế độ và thấy chế độ nào cũng ăn cướp, thối nát, mọi lý tưởng nêu ra chỉ là chiêu bài gạt gẫm nên xoay lưng với mọi kêu gọi đấu tranh, kể cả sự đấu tranh đích thực vì sự sống của mình.

tham nhũng, mặc cho thế sự diễn biến chỉ cần giữ cho mình tư cách đứng đắn trong sạch là được.

Lựa chọn thứ ba là chống tham nhũng. Nhưng chống bằng cách nào khi từ tổng thống trở xuống phần lớn là tham nhũng? Một số không tham nhũng từng được ca ngợi như các tướng Nguyễn Đức Thắng, Phan Trọng Chinh lại khó vượt qua quan hệ tình cảm bạn bè đồng thời không ở những vị thế trọng yếu và cũng mang tâm trạng cầu an. Lối thoát duy nhất là vận dụng dư luận tức là sờ cậy báo chí. Nhưng không phải báo nào cũng dám lên tiếng mà thực tế thuở đó chỉ có tờ *Sóng*, rồi tờ *Sóng Thần* của Chu Tử và Uyên Thao nhập cuộc.

Nhưng Chu Tử và Uyên Thao tích cực ủng hộ diệt tham nhũng thì các tờ báo trên liên tục gặp khó khăn, bị kiểm duyệt đực bài, tịch thu, đưa ra tòa với lý do làm lợi cho cộng sản. Cái mũ “làm lợi cho cộng sản” đã úp tới đa lên đầu những người vì quyết tâm chống cộng sản nên không chấp nhận kéo dài tệ trạng tham nhũng... Lựa chọn chống tham nhũng trở thành lựa chọn thế đứng tứ bề thọ địch. Bởi chánh quyền bị cản trở việc làm ăn phải tìm cách trừng trị, trong khi cộng sản cố triệt hạ bằng mọi giá để duy trì một chánh quyền quốc gia tham nhũng hầu dễ dàng tranh thủ dân tâm. Đồng thời, hàng ngũ gian thương, đầu cơ tích trữ, chợ đen, buôn lậu với cả giới chức quyền lẫn cộng sản để kiếm lời cũng tận dụng mọi ưu thế do tiền bạc và tương quan với xã hội đen để ứng phó.

Tình trạng cực kỳ khó khăn, thậm chí nguy hiểm đến tánh mạng nhưng chúng tôi thấy không còn con đường nào khác để ngăn chống hiểm họa cộng sản tràn lấn khắp miền Nam, ngoài nỗ lực thúc đẩy phong trào quần chúng đứng lên diệt tham nhũng. Chúng tôi cho rằng chỉ sức mạnh của tiếng nói quần chúng mới đủ buộc chánh quyền không thể tiếp tục làm lơ trước các đòi hỏi chánh đáng. Bởi đây là tiếng nói có thể tác động nổi vào dư luận quốc tế để khắp nơi thấy đang có tình trạng cấu kết giữa các viên chức chánh quyền Việt Nam với một số cố vấn Mỹ, kể cả thái độ dung túng của tòa đại sứ Mỹ trong sự lan tràn tệ trạng tham nhũng. Thực tế này đi ngược ý nguyện của quần chúng và đóng góp lớn cho kẻ thù cộng sản dành chiến thắng.

Đó là năm 1967 và địa bàn cố nhiên là Quảng Ngãi.

Trước hết, tôi in truyền đơn kêu gọi các phần tử tham nhũng, gian thương chấm dứt tệ đoan đang hành hạ dân chúng

và làm suy giảm tiềm năng chống cộng sản. Chúng tôi nêu kỳ hạn trong ba mươi ngày, các trưởng ty kinh tế, tài chánh và các chủ sự hai ty đó phải từ chức. Ngoài ra, gian thương Huỳnh Văn phải ngưng đầu cơ tích trữ, chấm dứt việc chứa đĩ và mỗi giờ buôn bán quế cho tướng Toàn. Các đối tượng được kêu gọi mà không thực hiện đúng thời hạn sẽ bị bắn bỏ.

Truyền đơn viết ngắn gọn và dứt khoát.

Tôi còn viết thêm hai cáo trạng trên vải, lớn bằng nửa tấm đắp. Một nêu đích danh các trưởng ty và chủ sự phòng và một ghi tội trạng của gian thương Huỳnh Văn. Tôi và Hồ Văn Mãng, phó ty cảnh sát lúc ấy, đem cáo trạng đặt ngay tòa hành chánh Quảng Ngãi, vào buổi trưa. Trên mỗi cáo trạng đặt ba trái lựu đạn Mỹ. Huỳnh Văn bỏ trốn vào Sài Gòn và vĩnh biệt Quảng Ngãi từ hôm đó.

Các truyền đơn và cáo trạng ký tên Độc Nhân để tạo vẻ bí mật đã gây xôn xao và chờ đợi trong dân chúng. Tôi cũng họp các đoàn trưởng trong tỉnh đoàn Xây Dựng Nông Thôn để phát động phong trào diệt tham nhũng. Tôi đưa hai chục đoàn với khoảng một ngàn cán bộ vũ trang diễn hành trong thành phố, bao vây tòa hành chánh, tiến vào bắt trưởng ty kinh tế, trưởng ty tài chánh và các chủ sự. Chỉ một chủ sự đầu não tham nhũng không đi làm hôm đó nên không bị bắt. Đại đội gác tòa hành chánh bỏ chạy tới chiều tối mới tập họp được. Công chức tòa hành chánh cũng bỏ chạy, chỉ còn một người ở lại là ông Lê Đảnh, anh rể tôi. Ba người bị bắt gồm trưởng ty kinh tế, trưởng ty tài chánh và một chủ sự được đưa về trụ sở tỉnh đoàn và cạo đầu. Khi bị bắt, bị bịt mắt ngay tại chỗ, ba người nghĩ họ sẽ bị xử bắn nên mất tinh thần chỉ còn lạy và xin tha chết. Cán bộ của tôi khuyên họ an tâm vì chúng tôi không giết mà chỉ bắt buộc họ dừng tham nhũng và đừng tiếp tay cho gian thương và tham nhũng nữa. Cuộc tuần hành chừng một tiếng đồng hồ, dân chúng nhất là học sinh bỏ lớp ra hưởng ứng rất đông. Từ đó, không khí diệt tham nhũng sôi nổi trong dân chúng. Báo chí Sài Gòn đều đăng tin diệt tham nhũng ở Quảng Ngãi, nhất là tờ *Sóng* của Chu Tử, đã đặt cho tôi biệt danh "*người hùng diệt tham nhũng*".

Tất nhiên chánh quyền phản ứng. Trước hết, tướng Toàn, tư lệnh sư đoàn 2, báo khẩn cấp cho Tổng Tham Mưu ở Sài Gòn cộng sản tấn công thị xã Quảng Ngãi có Xây Dựng Nông

Thôn yếm trợ. Bộ Tổng Tham Mưu liên lạc ngay với tướng Nguyễn Đức Thắng, tổng trưởng bộ Xây Dựng Nông Thôn. Tướng Thắng tức khắc điện cho tướng Toàn và tướng Lãm, tư lệnh quân đoàn I, yêu cầu chờ ông bay ra Quảng Ngãi. Tướng Toàn lệnh cho thiết giáp chiếm đài phát thanh và các điểm xung yếu quanh thị xã, đồng thời xin Không Đoàn ở Đà Nẵng yểm trợ. Máy bay cất cánh từ Đà Nẵng chỉ cần mười phút sẽ tới Quảng Ngãi, nhưng vì tướng Thắng đã bay ra Quảng Ngãi nên bộ Tổng Tham Mưu tốp lại.⁽⁶⁶⁾ Tướng Nguyễn Đức Thắng đến tỉnh đoàn chúng tôi, họp với mọi người và tuyên bố ông rất đồng ý diệt tham nhũng vì đó cũng là mục tiêu chính của Xây Dựng Nông Thôn. Nhưng, ông hỏi “tại sao không báo cho tôi biết để tôi ra tận nơi trực tiếp điều khiển”.

Tôi trình bày vấn đề về lý do thúc đẩy hành động:

- Tôi biết đã làm trái pháp luật, nhưng pháp luật hiện không dám bước vào lĩnh vực tham nhũng để trừng trị vì chánh quyền và quân đội tràn đầy tham nhũng. Cho nên, tôi phát động quần chúng đứng ra diệt tham nhũng, bởi nếu dân tự động đứng ra chắc chắn sẽ bị buộc là cộng sản và bị đàn áp. Tôi thấy chỉ có Xây Dựng Nông Thôn thích hợp nhất để đóng vai trò này và nếu Xây Dựng Nông Thôn không phát động phong trào diệt tham nhũng thì chính Xây Dựng Nông Thôn bao che cho tham nhũng.

Cuối cùng, tôi nói thẳng với tướng Thắng:

- Sống trong một chế độ tham nhũng mà không diệt tham nhũng tức là thỏa hiệp với bọn ăn cắp, bọn tiếp tay cho cộng sản, bọn phản quốc. Trong trường hợp này, tôi xin rút lui khỏi hàng ngũ Xây Dựng Nông Thôn, vì không thể tiếp tay với bọn phản quốc. Tôi xin cảm ơn trung tướng và xin cảm ơn tất cả anh em Xây Dựng Nông Thôn đã làm việc với tôi. Tôi cũng cần nhắc lại, cá nhân tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn việc bạo động diệt tham nhũng này.

Tướng Nguyễn Đức Thắng đứng dậy, mặt đỏ bừng như muốn khóc, nói với tôi: “Cảm ơn anh, những lời anh nói đều đúng hết. Tôi hoàn toàn đồng ý. Chính tôi cũng cảm thấy xấu hổ,

⁽⁶⁶⁾ Về sau, tin từ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 cho biết, ban đầu tướng Toàn, tướng cộng sản đột nhập bất ngờ vào thị xã và đã chiếm tòa tỉnh, hoàng hôn định dùng trực thăng trốn đi, giao cho tham mưu trưởng sư đoàn lo liệu. Tin này trở thành đề tài giễu cợt của cả dân chúng lẫn binh sĩ tại Quảng Ngãi trong nhiều ngày.

thấy bất lực.”

Một thời gian sau, trung tướng Thắng xin nghỉ không lương và lúc đó trong dân chúng đã có câu về ca tụng 4 vị tướng sạch ở miền Nam: “*Nhất Thắng, nhì Chinh, tam Thanh, tứ Trường*” là các tướng Nguyễn Đức Thắng, Phan Trọng Chinh, Nguyễn Việt Thanh, Ngô Quang Trường.

Hiện tướng Thắng sống trong âm thầm ở Mỹ.

QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC

Năm 1968 là năm cộng sản công kích toàn miền Nam. Do truyền thống, Tết Nguyên Đán là dịp dẹp bỏ mọi ưu tư, lo lắng, mọi công việc bình thường để dành trọn cho sự bày tỏ tình thân ái chung vui giữa mọi người. Do đó, hai phe thoả thuận ngưng chiến ba ngày Tết để dân chúng thoải mái hưởng không khí đón mừng xuân mới. Cộng sản đã lợi dụng dịp này tấn công vào các thành phố, thị trấn kể cả thủ đô Sài Gòn và các căn cứ quân lực miền Nam. Cộng sản tin sẽ chiến thắng với chiến lược “*nhân dân vùng lên*” do nỗ lực kích động dân chúng nổi dậy ủng hộ và với yếu tố bất ngờ do quân đội miền Nam tin ở lệnh ngưng bắn không phòng bị. Nhưng cộng sản đã thảm bại. Dù vậy, từ thủ đô Sài Gòn tới cựu đô Huế đều chịu thiệt hại nặng dưới bom đạn.

Cho tới nay cộng sản vẫn ca ngợi chiến thắng Tết Mậu Thân, nhưng lời lẽ tuyên truyền không xoá nổi hình ảnh lực lượng cộng sản rút chạy khắp nơi và bỏ lại không biết bao nhiêu xác chết. Số tử vong cộng sản từ các tài liệu của chính Hà Nội cho thấy riêng trong trận Tết Mậu Thân đã gần ngang nửa số tử vong của toàn cuộc chiến và hầu hết cơ sở tạo được từ trước tại miền Nam đều bị triệt hạ. Trong khi đó, không nơi nào có cảnh dân chúng nổi dậy mà ngược lại đã có không ít trường hợp dân chúng tiếp tay với quân đội miền Nam chống lại cộng sản.

Tất nhiên, phe quốc gia rất tự hào về khả năng bề gãy mưu đồ của địch qua việc quét sạch toàn bộ lực lượng cộng sản khỏi mọi mục tiêu tấn công. Dù vậy, thực tế này không biện giải nổi cho những yếu kém chết người đã có. Bởi bằng lập luận nào cũng không thể trả lời hợp lý về tình trạng cộng sản đưa người tới trước sân toà đại sứ Mỹ, tới sát bờ thành dinh Độc Lập, nhất là chiếm giữ thành phố Huế hàng tháng. Một vị tướng miền Nam đã tuyên bố một câu khó ai dám nghĩ tới: “*Chúng tôi thả lỏng*

thành phố Huế như cộng sản vào để tiêu diệt”.

Niềm tin mù loà của cộng sản vào khả năng thúc đẩy “*quần chúng tự động vùng lên*” và lời chối tội đần độn của một ông tướng miền Nam có thể gọi nhắc một phần thực chất của cả hai phe. Phía cộng sản, không còn lời lẽ tự khoe nào chưa được dùng trong khi đã gom hết khả năng mở trận đánh quyết định cuối cùng với mức tổn thất ngót 300 ngàn binh sĩ, nhưng kết quả vẫn là lá cờ quốc gia pháp phới khắp miền Nam. Phía quốc gia thì tài đức và tinh thần trách nhiệm của giới lãnh đạo gần như hiển lộ chỉ là con số không qua việc cộng sản thoải mái xâm nhập kéo dài hàng nửa năm tới bất kỳ nơi nào, đặc biệt là qua các sự kiện xảy ra lúc bùng nổ trận đánh. Đó là tổng thống vắng mặt tại dinh Độc Lập và tại nhiều đơn vị, nhiều trung sĩ, thượng sĩ trở thành “*tư lệnh*” của đồn bót vì các sĩ quan đang tập hợp ở những tụ điểm vui chơi. Chuyện như hài hước được kể lại là một sĩ quan cấp úy trở thành tư lệnh quân đoàn tại Biên Hoà vì tướng tư lệnh bận đón xuân.

Trên thực tế, cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân đã trút mọi tai họa lên đầu đám chiến binh trực tiếp đối mặt với súng đạn và người dân miền Nam ở mọi nơi mà cuộc tàn sát dân chúng tại Huế nói lên trọn vẹn nét bi thảm.

Cho tới thời điểm đó, dân chúng đã vô cùng khốn khổ vì sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn và vì đủ loại hiểm họa từ bom đạn. Cuộc sống thiếu thốn, tính mạng bị đe dọa thường xuyên, nhất là tại nông thôn. Viên chức xã ấp luôn là mục tiêu ám sát của cộng sản trong khi lương bổng quá ít vẫn phải lo sinh kế của gia đình không thể dành trọn thời giờ chu toàn trách nhiệm. Kết quả là hầu hết cứ đến chiều phải rời làng xóm ra thị trấn hoặc tới các đồn bót qua đêm chờ sáng mới dám trở về. Do đó nạn hối lộ, tham nhũng càng dễ bành trướng. Vì tìm nơi an toàn và hưởng thụ đã trở thành mong ước của nhiều người trong cảnh đời bấp bênh nay sống mai chết. Tâm trạng tìm nơi an toàn và hưởng thụ khiến không ít nghĩa quân, nhân dân tự vệ, cán bộ xây dựng nông thôn... thay vì bám xã ấp để bảo vệ thôn xóm, bảo vệ người dân đã rút về nơi thị tứ rồi báo cáo gian dối lên cấp trên. Cho nên đã có câu nói về nông thôn “*ban ngày là quốc gia, ban đêm là cộng sản*”. Tình trạng thê thảm này nổi bật nhất ở các tỉnh miền Trung trong đó có Quảng Ngãi, quê hương của tôi.

Kết quả là lớp trẻ thất học ngày càng đông, sống lêu lổng, không việc làm, thiếu cơm ăn áo mặc và chỉ có hai ngõ thoát, hoặc gia nhập quân đội quốc gia hoặc “chạy núi” tức đi theo cộng sản. Không chọn hai ngõ thoát đó thì phải đối phó cả hai bên bằng cách lo lót để trốn lính quốc gia và ban đêm phải tránh xa vùng mất an ninh để khỏi bị bắt, bị giết vì cộng sản cho là tình báo, thám sát của quốc gia còn quốc gia nghi là cộng sản nằm vùng. Những em muốn đi học cũng không dễ tới trường bởi tham nhũng đã tạo nhiều khó khăn và gần như con em thành phần có quyền chức, giàu có luôn chiếm nửa số học sinh trúng tuyển vào các trường công. Những em bị gạt ra đều thuộc thành phần nghèo khó không đủ điều kiện học các trường tư lúc đó đã biến thành một ngành thương mại bị mĩa mai là “kỹ nghệ trường tư” ... Số trẻ bụi đời, tham gia các băng đảng sống bên lề xã hội vì thế cũng gia tăng.

Tôi từng đi dạy, từng lo việc học cho lớp trẻ nên nghĩ phải tìm cách tạo điều kiện cho bất kỳ trẻ em nào muốn đi học mà vì quá nghèo khổ không thể đến trường được.

Tôi bàn với một số bạn bè và được hầu hết tán đồng, coi là việc đáng làm, nên làm và phải làm khẩn cấp.

Nhưng làm như thế nào?

Một số đề nghị mở tư thực lấy học phí bằng nửa mức học phí các trường tư đang lấy. Do ý kiến này, tôi thấy nếu mở tư thực dù chỉ lấy học phí bằng nửa hay phần tư mức học phí tại các trường tư cũng mang tiếng “kinh doanh học vấn”. Hơn nữa, theo thực tế chắc chắn có không ít trẻ em muốn học mà không thể đủ khả năng trả khoản học phí thấp nhất. Và, tôi nghĩ phải làm thế nào mở một trường miễn phí cho học sinh. Ý nghĩ này tức khắc mở ra trước mắt tôi một con đường rực sáng với sức cuốn hút mãnh liệt. Nhưng cũng ngay lập tức, tôi thấy mình đứng trước hàng trăm trở ngại. Đất ở đâu để dựng trường? Tiền ở đâu để mua vật liệu, thuê nhân công?... Duy nhất tôi chỉ có ý muốn dựng một trường tư miễn phí dành riêng cho học sinh nghèo, ngoài ra, thứ nào tôi cũng không có.

Tôi đi tìm người bạn cùng quê Long Phụng, cùng thôn với tôi hiện tản cư về sống ở ngoại ô thị xã là anh Lê Vinh Thiều. Anh hơn tôi một tuổi, chơi thân với nhau như anh em ruột từ năm 1945, khi cha anh bị cộng sản chém. Anh đang là giáo sư tư thực dạy các trường Chấn Hưng, Hùng Vương ở thị xã Quảng

Ngãi. Uống trà, làm thơ, sinh hoạt Quốc Dân Đảng là công việc hằng ngày của anh. Tôi đến, anh đang ăn bữa chiều với hai đứa bé sinh năm một, đứa thiếu quần, đứa thiếu áo, mặt mũi lấm lem, chỉ có cặp mắt to tròn linh hoạt. Anh bỏ đĩa nhắc vợ:

-Thôi, em dẹp đi, anh uống trà.

Người vợ trẻ vào dẹp cái mâm nhôm, cười nhắc tôi:

- Chào chú, mời chú vào uống trà.

Tôi vẫn đứng ngoài sân hút thuốc nhìn các cây kiểng đem từ quê lên, chứng tỏ một thời sung túc của bố anh, một lý trưởng giàu có ở làng tôi. Tôi nói băng quơ:

- Máy ăng kiểng này bán có tiền lắm đấy.

Anh vừa súc bình trà, vừa trả lời:

- Có thằng chó nào mua đâu mà bán, cho cũng chưa chắc có người lấy. Chúng bạn ăn nhậu, hối lộ, đập phá nhau rồi chết, chứ thì giờ đâu ngắm cây kiểng.

Vào nhà, ngồi trên chiếc sạp gỗ, tôi vào đề ngay:

-Tôi muốn bàn với anh một việc. Tôi muốn mở một trường học tại tỉnh mình.

Anh nhướng mắt chăm chăm nhìn tôi, hỏi:

- Mà đi dạy lại à?

Tôi đáp:

- Đúng, đi dạy lại. Nhưng tôi muốn mở trường. Anh nghĩ sao, có được không, có nên làm không?

- Nên thì nên quá đi chứ, đợi lúc nào nữa mới nên. Từ ngày tao nghỉ dạy đến nay, mày biết không, tao sống không lương, con không có sữa bú chỉ ăn cháo, còn vợ tao cả tuần không biết chợ là gì. Thế mà vẫn sống, vẫn làm thơ, nhất là thiếu gì thì thiếu, nhất định trà và thuốc rê không thiếu. Tao mà thiếu hai thứ đó là đi ra nghĩa địa rồi. Mày mở trường đi, tao chắc chắn thành công trăm phần trăm, cho bỏ mẹ các trường tư khác, tao hận bọn chúng lắm. Minh trả khá một chút là có giáo sư giỏi, tao với mày thầy hết Việt văn, Sử Địa v.v... Tao nghĩ dù bỏ lâu, sức mày kiêm luôn Toán Lý Hóa từ lớp 10 trở xuống như chơi. Tao còn nhớ năm mày dạy ở Mỹ Tho mà, học sinh kéo vào nghe giảng không có chỗ ngồi, mày phải dùng micro giảng như giảng thuyết trước đám đông. Nay mà mày dạy tại tỉnh nhỏ chó má này, tao chắc các trường khác phải chết, cho nó chết đi...

Tôi ngắt lời anh:

- Trên 30 tuổi rồi không còn lửa như hồi trẻ đâu anh ạ, nhất là qua những năm tù tội, lính tráng đâu còn hùng hồn hấp dẫn được. Nhưng, tôi phải nói rõ với anh là tôi mở trường không phải tư thực mà là một trường miễn phí dành cho học sinh nghèo thất học.

Anh đỏ mặt, rồi tái nhợt, mắt không chớp, nói lớn:

- À... À té ra là một nghĩa thực, một nghĩa thực!

- Phải, phải một nghĩa thực, một trường miễn phí.

Lê Vinh Thiều cười một tràng khoái trá:

- Phải, đúng đấy! Tao tưởng mày tự nhiên đổi hướng 180 độ. Mày chống bọn học phiệt, bọn cai thầu trường tư, bọn bán chữ, chả lẽ mày cũng mở trường tư! Đúng, mày vẫn là mày. Vậy mày định làm thế nào. Một đề tài hứng thú cao cả, chưa làm đã thấy khoái chí rồi. Mày nói đi, làm như thế nào?

Tôi trình bày:

- Trước hết, phải tìm địa điểm. Trong thành phố thì chắc không được, vì hết chỗ trống mà xa thành phố thì cộng sản sẽ phá, mình làm cho dân nghèo nó càng phá, vì nó “độc quyền” làm cho dân nghèo dù chỉ làm bằng cái miệng, nghĩa là chỉ nói chứ không làm. Phải tìm chỗ tương đối có an ninh mới được. Theo anh, chỗ nào còn đất để làm trường. Anh nghĩ rồi chỉ cho tôi một địa điểm.

Thiều đáp:

- Không cần suy nghĩ. Theo tao, quanh thị xã, sông núi đều có, thắng cảnh có. Nhưng núi Thiên Bút là một kho đạn lính canh gác ngày đêm, kẽm gai rào kỹ như nhà tù. “Thiên Ân Niêm Hà” là cơ sở của Phật giáo hàng trăm năm nay. Chỉ còn trái đồi ở Cầu Cát là chưa ai động tới, làm trường trên đó tuyệt đẹp. Trường nhìn xuống quốc lộ, cánh đồng xanh ngắt, con sông thơ mộng uốn khúc phía trước v.v... sơn thủy hữu tình đấy.

Tôi bàn:

-Tôi cũng nghĩ đến Cầu Cát, nhưng nơi đó không có an ninh. Cộng sản sẽ phá, hoặc bọn trường tư phá rồi đổ cho cộng sản thì mình lãnh đủ. Chỉ cần một quả lựu đạn nổ trong sân là cả thầy lẫn trò hết dám bước đến trường và trường chết tức khắc. Địa điểm đó mình có thể dùng sau này bằng cách biến thành một thắng cảnh, một nơi cho học sinh cắm trại, chơi thể thao. Đó là chuyện hạ hồi, bây giờ vẫn lo điểm chính là địa điểm...

Sáng hôm sau, tôi đến ty điền địa.

Lần đầu tiên tôi đến ty này. Chừng mười nhân viên trong một phòng nhỏ, hình như không có việc làm. Trưởng ty là người Bắc, vui vẻ mời vào phòng riêng của ông, hỏi:

- Thưa ông, ông "hạ cố" đến ty tôi có điều gì chỉ dạy?

Tôi vội đáp:

- Dạ, không dám... Tôi hiện muốn làm một trường miễn phí cho học trò nghèo, nhưng chưa có địa điểm. Vậy xin ông chỉ vẽ cho phải làm thế nào để có địa điểm.

Ông rót nước mời tôi uống rồi nói:

- Chà, ông muốn làm công tác từ thiện, hay quá. Đó là điều tôi mơ ước từ lâu nhưng tài đức tôi không đủ thực hiện được, nay nghe ông nói, tôi rất cảm kích. Vậy ông muốn ở vùng nào, chừng bao lớn để tôi tìm cho ông. Chắc ông muốn đất công chứ không phải đi mua đất tư?

Tôi mừng quá, gặp người thứ hai sau anh Thiều hưởng ứng việc làm của mình. Tôi phấn khởi trả lời:

- Thưa ông trưởng ty ...

Ông ngắt lời ngay:

- Chỗ anh em mà, ông gọi chức tước làm gì. Ông có lòng lo việc từ thiện là tôi quý và kính trọng ông rồi.

Tôi tiếp:

- Tôi muốn mở một trung học miễn phí, nhưng quan niệm của tôi là phải đào tạo các em mọi mặt, trí, đức, thể dục nên cần khu đất càng rộng càng tốt. Tôi không biết bao nhiêu cho vừa nên phải đến xin ý kiến ông trưởng ty.

Ông đáp:

- Trong thành phố thì không có. Đất ở đây quý như vàng, và lại mình cần rộng rãi, thì phải ở ngoài thành phố.

Ông cầm cây viết chì màu vàng nghệ, hoành ngay vào bản đồ, nói tiếp:

- Còn hai chỗ, một là trên sân bay, nơi còn rất nhiều công điền, và một chỗ gần sát thành phố, trước núi Bút. Chỗ này rất tốt, nhưng khó xin, hình như đại tá tỉnh trưởng tính làm bến xe hay làng phé binh, nhưng cũng chỉ mới nói thôi chứ chưa xúc tiến, còn những nơi khác thì quá xa và mất an ninh...

Ông tiến tôi ra tận cổng, nói:

- Ông cố gắng thực hiện, tôi là người ủng hộ chương trình của ông. Tôi khuyên ông nên đến gặp và xin thẳng đại tá tỉnh trưởng. Tôi sẵn sàng trả lời rất lợi cho ông khi đại tá hỏi tôi.

Tôi bắt chặt tay ông và đi thẳng đến núi Bút, quan sát khoảnh đất cấm. Tôi đi chậm chậm không dám dừng chân, vì có những tảng dựng trên hàng rào kẽm gai cảnh cáo người qua đường không được dừng lại. Khoảnh đất rộng bỏ hoang lâu ngày, cỏ mọc cao, chỗ nào cỏ không mọc thì đất nứt nẻ, kẽm gai rào xung quanh. Tôi quan sát kỹ, nhìn lên núi Bút. Hai chòi gác cao có lính ngồi, đại liên sẵn sàng nhả đạn. Con đường chạy quanh núi Bút bị rào kín từ hơn mười năm. Kẽm gai chằng chịt khoảnh đất rộng từ quốc lộ đến chân núi đã thành bãi mìn. Bên trái là cổng lên núi, một bót canh nghiêm ngặt, xe cộ đậu phía ngoài để đi bộ vào. Người đi trên quốc lộ 1 dọc chân núi không được dừng lại, xe cộ cũng vậy. Hai đầu đường trước núi hai tấm bảng lớn viết chữ đỏ “*cấm dừng*”. Tôi nghe nói nếu một chiếc xe dù xe hai bánh dừng lại, lập tức súng trên núi nhả đạn và lính chạy ra khám xét...

Đúng như lời ông trưởng ty điền địa, khu đất đẹp thật, nếu dựng trường trên đó thì trước mặt trường là quốc lộ 1, bên kia đường là Thiên Bút Phê Vân. Tôi bỗng nghĩ các cụ ngày xưa dùng chữ hay quá, vừa uy nghiêm, cao quý vừa lãng mạn. Nay nó là kho đạn, một nơi được canh gác nghiêm ngặt từng giây, một mục tiêu thêm khát phá hoại của cộng sản. Nhưng tôi bị ám ảnh mạnh về hình ảnh ngôi trường trước thẳm cảnh ấy và ôm hình ảnh ngôi trường trong đầu về đến nhà anh Thiệu mà không hay.

Vừa thoáng thấy tôi, Lê Vinh Thiệu hỏi:

- Mà tìm ra chỗ nào chưa? “

Tôi kể hết cho anh nghe việc lên ty điền địa, thái độ tốt đẹp của ông trưởng ty và việc tôi đi xem khu đất trước kho đạn. Tôi phát biểu như chuyện đã thành:

- Mình sẽ làm trường ở Thiên Bút Phê Vân, một thắng cảnh đầy tính cách văn hóa.

Thiệu ngắt lời:

- Trước kho đạn sao làm được. Người đi đường, xe qua lại không được dừng, làm sao làm trường là nơi tập họp hàng trăm học sinh tấp nập ra vào, biến nơi đề phòng cẩn mật thành nơi bình thường. Sao mà nghĩ ngây cuồng như vậy? Theo tao nên tìm chỗ khác cho chắc. Hơn nữa, khi bọn nó đọc đơn xin miếng đất, bọn nó cười vỡ bụng cho mày là thằng lãng mạn, ngờ nghệch không hiểu chiến tranh là gì, không hiểu tầm quan

trọng của kho đạn.

Tôi nói chắc nịch như đinh đóng cột:

- Tôi nhất định dựng trường đối diện với Thiên Bút. À, à một nghĩa thực đối diện Thiên Bút Phê Vân thì thật tuyệt, thật hay là hay!

- Mà có cách nào, nói cho tao biết.

- Việc này anh đừng nói với ai, để tôi làm đến đâu, anh biết đến đó. Cố nhiên đây là -việc làm liều, nhưng do thực sự chỉ vì mục đích tốt đẹp, không vị kỷ, không tư lợi nên có thể vượt qua mọi trở ngại. Tôi nghĩ gặp hoàn cảnh này, mình làm kiểu “vô chiêu thức” nghĩa là không dựa theo nguyên tắc thông thường. Vì nếu theo nguyên tắc thì công việc mình làm đã phi nguyên tắc rồi. Một trường miễn phí là “không giống ai”. Vậy, phải dựa trên cái “không giống ai” mà thực hiện nó (Thieu cầm chén trà để trước miệng nhưng không uống, như nín thở, chờ nghe những điều kỳ lạ như tôi đang nói đùa). Ví dụ nếu tôi làm đơn đến xin khoảnh đất ấy, dù khoảnh đất ở chỗ an ninh trăm phần trăm, người ta cũng không cho với hàng trăm lý do có lý có tình. Nếu tôi lên quận, lên tỉnh để xin, cũng sẽ chỉ nghe lời từ chối rất dễ mến: tiếc quá, gần kho đạn nếu không thì anh làm gì cũng được, miếng đất bỏ hoang cả chục năm mà, bậy quá, anh thông cảm cho v.v... Cho nên tôi không dại gì đi làm một việc biết trước sẽ bị từ chối.

Thieu nóng ruột hỏi:

- Vậy mà làm sao nói tao nghe thử?

Tôi giờ giọng hài hước:

- Chuyện đâu còn đó, anh bình tĩnh, cứ uống trà và hút thuốc để nghe các màn sau. Tôi được biết trung úy đại đội trưởng coi kho đạn là bạn thằng Nghĩa, là người biết làm thơ, thích âm nhạc. Hai yếu tố đó khiến tôi tin chắc, dù là nhà binh nó vẫn cởi mở, không nguyên tắc cứng nhắc. Mình sẽ đem cái “máu giang hồ nghệ sĩ” tới bàn với một người có máu nghệ sĩ thì chắc thành trên năm mươi phần trăm, rồi từ đó đẩy dần lên cho tới cuối.

Sáng hôm sau, người bạn nhỏ tuổi của chúng tôi, đại úy Lê Văn Nghĩa chở tôi lên gặp trung úy Thanh, đại đội trưởng đại đội kho đạn. Nghĩa bỏ thẻ sĩ quan tại bót gác, xe nhà binh của anh được tự do lên thẳng chỗ trung úy Thanh. Một căn phòng làm bằng thùng đạn đơn sơ, bàn ghế cũng bằng thùng đạn.

Nghĩa giới thiệu tôi với Thanh. Người trung úy trẻ tuổi, cao, to hơi cục mịch, nước da đen, tất cả đều đối chọi với cặp mắt to, mày rất đậm và miệng cười thật dễ thương. Trong tiếng cười, Thanh mau miệng:

- Chào thầy, lần đầu tiên gặp thầy, nhưng em nghe danh thầy từ ngày vào Quảng Ngãi. Hôm nay được gặp thầy thật là một niềm vui cho em.

Tôi xen vào:

- Ồ! chỗ anh em cả, đừng gọi tôi là thầy, anh bạn với Nghĩa thì cũng là bạn với tôi. Nghe Nghĩa nói anh thích làm thơ, thích âm nhạc, có viết truyện ngắn nữa nên tôi mới là người hân hạnh được gặp anh.

Ba chúng tôi ngồi uống bia và nói về thơ. Nghĩa và Thanh đọc các bài thơ tình... Trên bàn, có tạp báo *Đời*. Tôi liếc thấy bài kỷ niệm Nguyễn Du nên hỏi Thanh:

- Các anh lớp trẻ có thích Kiều không?

Thanh đáp:

- Em chẳng những thích mà còn có thể nói là say mê nữa anh ạ. Trong ba lô của em lúc nào cũng có cuốn Kiều, hễ rảnh rỗi là em lôi ra đọc như người ta đọc kinh vậy.

Tôi và Thanh đi vào truyện Kiều, “tranh luận” về Kiều. Nghĩa ít nói ít cười, lằm lằm lì lì, luôn châm rượu đầy ly cho chúng tôi. Rượu càng vào, càng say mê đi sâu vào truyện Kiều. Tôi nói với Thanh, mỗi khi đụng đến Kiều, tôi như bị thôi miên không còn bình tĩnh, cứ như mê man, bị lôi cuốn, như bị nước lũ cuốn đi. Thanh thương xót Kiều, hận Mã giám sinh và Thúc sinh, giận hai tên lưu manh lừa gạt Kiều. Tôi đồng ý với Thanh về Mã giám sinh, nhưng bênh vực Thúc sinh. Tôi bảo hai người khác nhau xa. Tôi nói tuy là lưu manh, là ma cô, nhưng Mã giám sinh có đi học, có lẽ là con nhà khá giả nên được học trường quốc tử giám. Nhưng anh sinh viên họ Mã này ăn chơi đố đốn rồi bỏ học trốn nhà, làm ma cô cho lâu xanh của Tú bà. Thanh ngạc nhiên khi nghe tôi giải thích theo cách anh chưa nghe ai nói, kể cả các thầy dạy anh hồi học đệ tứ, đệ nhị. Anh bán tín bán nghi, nhưng thấy có lý, hay hay. Tôi nói tiếp về Thúc sinh, sai về đạo đức do ăn chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con, với gia đình, nhưng thật ra “rất người” như phần đông chúng ta. Thúc sinh ham mê sắc đẹp, đâu phải là cái tội, vì ai trong chúng ta không mê sắc đẹp? Cho nên Mạnh tử mới than rằng ước gì con người mê đạo như

mê sắc đẹp. Thúc sinh đặt tình yêu trên mọi thứ, đặt việc làm ăn, buôn bán, gia phong, kính dưỡng thân phụ, kể cả luật pháp ... đều dưới tình yêu đối với giai nhân quốc sắc, tốn bao nhiêu cũng chịu, để rước người đẹp về nhà, khóc lóc thương xót Kiều mệnh bạc bị chết cháy trước không khí uy nghiêm của tòa án đến nỗi quan án cũng xúc động ...

Chúng tôi thao thao về Kiều quá ba giờ, dưới chân bàn la liệt hai ba chục vỏ bia. Nghĩa đứng dậy nói:

- Thôi, khi khác tiếp, bây giờ về, tối nay phiên trực.

Ra sân đồn, tôi mới nói với Thanh:

- Anh Thanh, tôi với Nghĩa có một việc xin anh.

Thanh ngạc nhiên trố mắt:

- Có gì anh cứ nói, em sẵn sàng “thi hành lệnh”.

Tôi nói nhỏ nhẹ, vừa nói vừa đưa tay chỉ khoảnh đất bên kia quốc lộ dưới chân núi:

- Tôi xin Thanh cho phép tôi xây ngôi trường nhỏ bên kia quốc lộ ở miếng đất bỏ hoang kia.

Thanh ngạc nhiên nói:

- Cái đó anh hỏi xã, chứ bọn em chỉ coi quả núi này thôi, ngoài núi không phải phạm vi của đại đội em, nhiệm vụ chính là không để bọn cộng sản đốt phá kho đạn thôi.

Tôi mừng quá nói:

- Tuy không phải phạm vi của Thanh nhưng trước hết phải xin Thanh đồng ý thì lính của Thanh khỏi làm trở ngại khi bắt tay vào việc. Vì Thanh nhớ, khu đất đó, ngay tầm súng của Thanh.

- Em sẽ ra lệnh cho lính của em không gây trở ngại cho các anh, nhưng anh cho biết anh làm trường gì ở đó.

Tôi đáp:

- Một số anh em, rồi sẽ mời Thanh tham dự càng đông càng tốt, làm một trung tâm giáo dục miễn phí dành cho trẻ em nghèo, con em gia đình binh sĩ ...

- Miễn phí hả anh, anh mở cấp nào?

- Miễn phí, công tác từ thiện mà, mở dần dần cấp thấp lên cao tùy hoàn cảnh.

Thanh nói:

- Mới nghe em đã thích rồi, các anh văn nghệ quá! Các anh làm, em sẽ ủng hộ hết mình.

Siết chặt tay Thanh, tôi nói:

- Cảm ơn Thanh rất nhiều, tôi không còn cách nào để nói

hết sự biết ơn đối với Thanh. Không có sự thông cảm, đồng ý của Thanh, thì công tác văn hóa giáo dục này khó tiến hành được. Thay mặt cho tất cả anh em và cá nhân tôi chân thành cảm ơn Thanh.

Thanh chận lời:

- Ô! chết, sao anh lại cảm ơn em, cảm ơn một người đã tự nguyện theo anh mà.

Tôi tiếp lời:

- Tuần sau, thứ 5, chúng ta khởi hành, nhớ dặn lính đừng nổ súng vào người bước xuống đầu tiên đấy nhé.

Thanh cười:

- Em sẽ có mặt ở giờ phút quan trọng đó, và sẽ bước xuống đầu tiên cho, anh chịu chưa?

Hớn hờ lên xe về, Nghĩa nói với tôi:

- Tôi tưởng anh nói Kiều, uống bia rồi quên việc chính lên gặp thẳng Thanh.

Tôi cười:

- Mình vẫn nghề một chút để tạo không khí cởi mở, thân thiện, nòng chày rồi đặt vấn đề mới thuận lợi chứ. Nếu anh chàng trung úy đó từ chối bảo đó là vùng cấm địa để bảo vệ kho đạn thì bỏ mẹ mình rồi, có nước đẹp tiệm.

Nghĩa cười:

- Bái phục đại ca, đại ca sẽ thành công vì thu hút được nhiều anh em trẻ, nhất là anh em có tâm hồn.

Không một xu dính túi, không một chiếc xe đạp để đi, lấy gì làm trường? Làm sao khởi đầu? Kinh nghiệm dạy cho tôi, muốn làm gì cứ làm đại rồi sẽ tính. Vì vậy bạn bè thường chê tôi ít suy nghĩ, ít chín chắn. Tôi lại cho rằng suy nghĩ kỹ quá nhiều khi là một trở ngại. Bởi càng nghĩ càng thấy khó khăn sẽ dễ nản chí. Tôi cứ làm đại, chỉ cần theo đúng mục đích tốt đẹp.

Khoảnh đất tức địa điểm, tôi có trong tay rồi, bây giờ làm sao khởi hành? Mặt đất sâu quá so với quốc lộ, sâu hơn chiều cao một người, nghĩa là phải đổ đất lấp bớt chiều sâu mới làm được, nếu không mùa mưa sẽ biến thành hồ. Tôi nghĩ đến nghiệp đoàn, vì chỉ nghiệp đoàn mới có phương tiện chở cát từ sông Trà Khúc vào. Tôi liền đi tìm anh Được, chủ tịch nghiệp đoàn tỉnh Quảng Ngãi.

Vừa thấy tôi bước vào văn phòng, anh bắt tay nói trong

tiếng cười:

- Họa, giáo sư tìm tôi có việc gì? Thôi, ra đây uống cà phê rồi nói chuyện.

Mới gặp lần đầu nhưng anh vốn vãi, tự nhiên như người thân lâu ngày. Vừa ngồi xuống bàn, chủ quán đem ra hai ly cà phê sữa nóng. Sau này tôi biết đây là nơi anh tiếp khách thường lệ, cứ cuối tháng chủ quán tính sổ và anh trả tiền không cần kiểm lại. Anh Được là vậy, xem tiền nhỏ hơn giá trị con số ghi trên tờ giấy bạc. Tưởng anh cao ráo, ăn mặc gọn gàng, không có chút gì là người lao động chân tay. Anh nói liên hồi hỏi tôi bây giờ ở đâu, dạy trường nào, anh thao thao bất tuyệt về ông Trần Quốc Bửu ở Sài Gòn gọi là “*anh Tám*”, cho biết mới đi họp ở Sài Gòn về, “*anh Tám*” bảo về tình hình người trí thức giới thiệu để xây dựng đảng Công Nông v.v. Đợi anh ngừng, tôi xen vào:

- Tôi đến ông chủ tịch nghiệp đoàn để xin một việc.

Anh nhìn thẳng tôi, nói:

- Anh mà có việc gì tới nghiệp đoàn lao công, chỗ anh em mà, đừng gọi tôi là chủ tịch, tôi rất quý anh, anh đến văn phòng tôi có gì cho tôi biết.

Tôi nói:

- Tôi sắp làm một việc không có lợi trực tiếp cho các anh, nhưng chắc chắn có lợi trực tiếp cho con cái các anh, con cái người lao động chân tay nghèo khổ, để khỏi mất thì giờ, tôi đi ngay vào vấn đề. (Tôi thấy anh cầm điếu thuốc cháy sát tay mà anh không bỏ, chăm chú nghe.) Tôi định xây một trường miễn phí cho học sinh nghèo khổ thất học, con em giới lao động, binh sĩ. Tôi muốn nhờ anh cho anh em nghiệp đoàn xe benne chở cát lấp khoảnh đất cao ráo để làm trường. Cố nhiên, tôi sẽ lo tiền công cho anh em khỏi thiệt thòi ...

Anh Được ngắt lời tôi:

- Sẵn sàng, sẵn sàng trăm phần trăm giúp anh, chúng tôi chỉ lấy tiền xăng, nhưng đồ ở đâu, xa không?

- Núi Bút, đám đất trước núi Bút.

Nghe tôi đáp, anh Được ngạc nhiên:

- Anh nói sao? Núi Bút là vùng cấm địa mà. Tất cả xe lam, xe bốn bánh... không được ngừng trước núi Bút. Tôi nhận được lệnh của đại tá tỉnh trưởng bốn năm nay, luôn luôn dặn anh em phải nhớ kỹ không được dừng ở đoạn đường “tử địa” đó. Năm ngoái một chiếc xe lam bốn bánh dừng lại, lính canh kho đạn bắn

xối xả làm khách đi xe, người đi bộ phải nằm rạp sát đất. Khi lính trên núi xuống khám kỹ, biết xe bị bẻ bánh thật, mới cho kéo đi. Anh bảo tôi đổ cát chỗ đó... là thế nào.

Tôi giải thích:

- Trung úy đại đội trưởng kho đạn là anh em với tôi mà, tôi đã xin và anh ta đồng ý, còn nói rõ hôm nào đổ cát, anh ta xuống đứng ngay đó cho anh em yên tâm mà đổ.

Anh Được càng ngạc nhiên:

- Thiệt à, anh giỏi thật, chỗ đó mà anh “ngoại giao” được thì tôi xin bái phục đại ca, sự phụ thì đúng hơn!

Bắt tay anh, tôi ra về, phơi phới, xong được bước đầu công việc. Bước đầu khó nhất mà qua được nhất định những bước sau cũng phải qua. Tôi về báo cho anh Thiệu biết thành quả tốt đẹp. Lê Vinh Thiệu nói:

- Mày phải làm sao xin tỉnh trưởng và xã trưởng chấp nhận thì mới tiến hành được. Nếu không, tao sợ cảnh sát nó chặn lại không cho đổ cát.

Tôi thú thực:

- Điều này tôi đã nghĩ nhiều. Nếu không xin phép tỉnh trưởng, nói chung là chánh quyền thì làm sao tiến hành mà nếu xin, chánh quyền không cho thì sụp đổ hoàn toàn nên tôi chưa biết phải làm sao.

Lê Vinh Thiệu cười khà khà ngắt lời:

- Mày dẹp cái ngậy thơ đi chớ, nếu mày làm công việc thương mại, kinh tài, tóm lại là mày làm giàu thì không trở ngại, vì chánh quyền nó ủng hộ mạnh để chia chác với mày. Đảng này mày làm một việc chết đói, “ăn cơm nhà vác ngà voi” thì thằng chó nào giúp mày. Yểm trợ mày ăn cái giải gì. Tắt một lời, mày nhớ “không ăn không làm”. Chính vì thế tao thấy trước mày gặp một trăm một ngàn lần trở ngại. Tao xem thử mày có đủ sức vượt qua nổi không. Ngoài chánh quyền ra, còn đảng phái nữa. Tuy mày không còn sinh hoạt đảng phái, nhưng mày cựa quậy là bọn Quốc Dân Đảng Trần Hoàng sẽ phá. Chưa đủ, bọn chó má trường tư nó cũng đập. Rồi bọn thù oán riêng tư nó sợ mày có uy tín nên nó diệt trước. Tao quên nói đến bọn cộng sản. Nếu mày chỉ dựa vào từ thiện để kiếm ăn thì may ra nó tha, rồi ban đêm lén lút cho người tới ăn xin gọi là góp công “giải phóng”. Nếu nó biết mày thực sự lo cho dân nghèo thì nó triệt ngay, vì nó độc quyền chiêu bài “tranh đấu cho vô sản”, tuy nó đ.. làm gì

cho vô sản. Mà thấy chưa, không phải tứ bề mà trăm bề thọ địch. Tao biết mà khi mê rồi thì đeo như đĩa nên tao nói toạc hết các trở ngại. Mà có nản không?

Tôi đáp:

- Gặp cảnh nào hay cảnh ấy. Lái thuyền qua sóng to gió lớn, lái xe qua đèo qua dốc, mới lý thú chứ phẳng lý êm xuôi ai làm không được. Tất cả điều anh nói, tôi đều biết, đều tiên liệu. Đây là ý kiến của tôi, anh xem thử để bổ túc. Tôi sẽ lên thăm ông tỉnh trưởng. Nghe nói ông ta là lính chuyên nghiệp nhưng ưa bàn về báo chí, chính trị đảng phái... Nếu quả vậy thì dễ nói chuyện. Tôi sẽ xin phép ông ta làm một trường học nho nhỏ cho con em binh sĩ học. Tôi phải nói khiêm nhường, cho ông ta thấy là quá nhỏ, không cần nghĩ đi nghĩ lại, không cần hỏi cố vấn, nhất là không cần thỉnh thị cấp trên. Không nản nỉ van nài, chỉ xin ông ta đồng ý bằng miệng thôi, khỏi cần giấy tờ minh xác. Cứ xem như thông báo với ông ta một việc không quan trọng, cho cũng được mà không cũng được.

Tôi tới toà tỉnh buổi chiều thứ sáu lúc công chức chuẩn bị ra về. Tòa tỉnh vắng vẻ. Anh thư ký riêng của đại tá ngồi bàn ngoài đang sắp xếp giấy tờ trên bàn chuẩn bị ra đi.

Thấy tôi, anh cười tươi:

- Giáo sư muốn gặp đại tá.

Tôi bắt tay anh ta một cách thân mật, nói:

- Anh xin phép đại tá cho tôi gặp ít phút...

Anh ta đáp:

- Mời giáo sư ngồi, buổi chiều nay đại tá rảnh đang đọc báo ở trong, tôi sẽ vào báo đại tá có giáo sư đến thăm.

Cửa lớn mở. Đại tá lộ đầu ra cười rất tươi:

- Mời giáo sư vào.

Đại tá Bình trạc 55 tuổi, nước da ngăm ngăm, người hơi lùn có vẻ mạnh bạo, xốc vác. Ông siết chặt tay tôi, kéo vào phòng khách, vừa đi vừa nói:

- Giáo sư hạ cố, có điều gì chỉ vẽ.

Tôi lễ độ:

- Dạ, không dám, đại tá. Tôi xin phép được vào thăm đại tá ít phút và làm phiền đại tá một chút.

Ông ngất lời, cười ha hả:

- Phiền gì. Chỗ anh em mà, tôi vào đây được sáu tháng,

các vị tôn giáo, nhân sĩ đều mến, ủng hộ tôi. Tôi cũng làm được vài việc cấp trên vừa ý nên tôi rất vui khi được gặp một nhân sĩ như giáo sư vào thăm. À, giáo sư có thích kiếm hiệp của Kim Dung không?

Tôi đáp:

- Dạ thưa đại tá, tôi có đọc một ít.

Đại tá xuống giọng:

- Nói ông đừng cười, tôi mê quá ông ạ. Ban ngày bận công việc, ban đêm tôi đọc đến 3 giờ sáng, ông ạ.

Tôi góp lời:

- Đại tá đọc trong báo *Tiền Tuyến* hay đọc sách ?

Đại tá đáp:

- Nói ông đừng cười, đọc báo thèm quá, ông ơi, mỗi ngày đăng một chút, đọc thấy ngứa ngáy quá, giống như uống một ly bia nhỏ, làm sao chịu nổi trong lúc mình uống cả két mới đủ đồ. Báo tôi cũng đọc mà chính là đọc sách.

Tôi đưa vào mê hồn trận:

- Lời bình luận về *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của báo *Tiền Tuyến* rất đặc sắc, hấp dẫn. Nhưng ít quá không đã thèm. Khi còn ở quân đoàn 3 không giấu gì đại tá, tôi mê kiếm hiệp đọc suốt đêm, xin lỗi, mót tiểu muốn chết, cầu tiêu sát bên mà cứ nín để đọc ngấu nghiến.

Đại tá cười cười mở:

- Vậy thì giáo sư và tôi cùng một điểm rồi đó. Chúng mình rất thích Kim Dung, có thể nói say mê Kim Dung, bữa nào cuối tuần tôi mời giáo sư lên tôi, uống rượu bàn chuyện Kim Dung chơi.

Tôi biết cần chấm dứt để vào vấn đề kéo tội anh thư ký ngồi bên ngoài. Tôi vừa đứng dậy vừa nói:

- Tôi nhận lời đại tá, hôm nào xin lên bàn về kiếm hiệp Kim Dung, luận về Kiều Phong, về Thạch Phá Thiên, về Lệnh Hồ Xung..

Đứng dậy, đại tá cười như hoa nở, nói:

- Trời ơi, tôi mê Lệnh Hồ Xung quá. Cả Kiều Phong nữa, đúng là anh hùng kiệt xuất.

Tôi trả lời trong tiếng cười thân mật:

- Cảm ơn đại tá, tôi đã làm phiền đại tá gần nửa giờ, xin phép tôi về, có dịp ghé thăm đại tá để phiếm luận thêm về Lão Ngoan Đồng, Tây Độc Âu Dương Phong, Hoàng Dược Sư, nhất

là Hoàng Dung... À, mà suýt tôi quên, hôm nay vào thăm đại tá để xin phép tôi xây một chỗ dạy cho trẻ em nghèo, cho con em binh sĩ ở địa phương mình. Tôi biết đại tá thích văn học, thích giáo dục và lo cho binh sĩ, tôi chắc đại tá cho phép.

Đại tá đáp:

- Có gì mà phép tắc, giáo sư lo cho binh sĩ tôi mừng lắm. Tôi cũng lo mà không biết làm gì, vì nói ông thương, bận rộn hành quân suốt ngày, “trên đe dưới búa” ông ạ, trên thì khiển trách dũa thẳng tay, dưới thì đòi hỏi đủ thứ, ba thằng du kích cộng sản lại liên tục quấy phá, nhiều lúc tôi thực không biết phải làm cái gì trước. Bây giờ ông định làm một tư thực ưu tiên cho con em binh sĩ thì dĩ nhiên tôi là người đầu tiên hoan nghênh hai tay (đại tá cười giơ hai tay lên trời). Vậy cần gì, ông cứ nói với trường ty xã hội và phòng điều hợp xây dựng, tôi sẽ lệnh cho bọn nó giúp ông.

Tôi bước ra khỏi phòng, đại tá còn vọng ra:

- Nhớ gặp nhau bàn về Kim Dung nhé.

Tôi ngoảnh lại dơ cao tay chào:

- Dạ, tôi tuân lệnh đại tá, phải có một két bia 33 nữa.

Tôi vừa bước vào cửa, Lê Vinh Thiều hỏi liền:

- Tỉnh trưởng có đồng ý không?

- Chẳng những đồng ý mà còn hứa giúp đỡ.

Tôi thuật tỉ mỉ câu chuyện với tỉnh trưởng, và lời tỉnh trưởng mời bình luận về Kim Dung. Thiều khoái chí cười:

- Mà biết gì về kiếm hiệp mà xạo nhưng mà đã khôn khéo áp dụng thức vô chiêu trong kiếm hiệp để xin phép xây trường. Tuyệt hay, mà đưa cái chính thành phụ, rất phụ, cái phụ thành chính. Nếu mà khệ nệ nghiêm túc xin phép xây một trung tâm giáo giục, rồi dùng danh từ đao to buá lớn để đề nghị xin phép... thì mười anh tỉnh trưởng cũng không dám chấp nhận. Đẳng này mà làm như việc đến bàn về Kim Dung là chính, việc xin xây một lớp học cho con nít là việc nhỏ. Hay, tuyệt chiêu, tuyệt chiêu!

Tôi ngắt lời:

- Thượng cấp kể như yên rồi, còn hạ cấp thì sao?

Thiều đáp:

- Mà muốn nói chánh quyền xã hả? Theo tao phải tìm tên nào ở phe Trần Hoàng vào nói mới được, xã trưởng Tạ Đình

Liên là phe Trần Hoàng có thể gây trở ngại đó. Đừng coi thường viên sạn nhỏ trong giày.

Tôi đáp:

- Tôi biết nhiều khi đã qua được cửa lớn vẫn kẹt cửa nhỏ. Một anh tùy phái hay gác cửa có khi làm hỏng việc của mình. Vào xin xã chắc xã không dám cho, nên tôi nghĩ vãi quả mù luôn. Tôi chỉ báo cho đại đội trưởng kho đạn biết đại tá tỉnh trưởng OK rồi để anh ta giúp mình một cách tự nhiên. Khi rào kẽm gai khu tử địa bị cắt, xe đổ cát ồ ạt đổ, chắc chắn địa phương đoán đây việc là của tỉnh, của quân sự mới dám táo bạo vậy. Khi họ đang dò tung tích công việc, thì mình đã xây cất “đặt sự đã rồi”, hạ hồi tính sau. Còn chờ phép tắc đâu ra đấy mới bắt tay vào việc, có lẽ chờ 5, 7 năm không chừng. Còn sở giáo dục, ty công chánh, nha trung học, bộ giáo dục nữa chứ. Cứ xem như điếc không sợ súng, đi một cách bình thản, tới đâu hay đó.

Tôi lên nhà Phạm Cung, một họa sĩ trẻ, rất tự do và ngang tàng. Năm 1966, tôi làm chiến dịch Về Làng, Phạm Cung khoái công tác tự do, không gò bó, luôn theo giúp mọi việc. Viết khẩu hiệu, vẽ cảnh, vẽ người... anh làm rất nhanh, rất đẹp. Tôi trình bày việc dựng một trung học miễn phí cho học sinh nghèo tại núi Bút, anh khoái chí la lớn:

- Tôi nhất định theo anh, đem hết tài sức ra phục vụ. Việc anh vừa trình bày là mơ ước của tôi nhưng không bao giờ tôi nói ra vì quá sức mình, nay nghe anh định làm tôi khoái quá. Tôi sẽ dẫn thân hết mình với việc từ thiện văn hoá này. Anh giao việc gì tôi cũng làm, đã biết từ trong chiến dịch Về Làng rồi chứ.

Sáng hôm sau, Phạm Cung đến nhà tôi. Lúc đó, tôi tá túc nhà đưa em gái ở ngoại ô thành phố. Thật bất công! Trời cho Phạm Cung biết làm nhiều thứ quá, chẳng những viết đẹp, vẽ đẹp, còn làm thợ mộc cũng rất giỏi. Đục đẽo, ghép nối, miếng gỗ đến tay anh, biến thành vật đẹp. Anh ghép các miếng gỗ nhỏ thùng đạn pháo binh thành tấm bảng lớn hình chữ nhật bề 2 mét bề 16 mét sơn trắng viết chữ xanh và đỏ “*Địa điểm xây cất QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC, trung tâm văn hoá giáo dục ngoài chính trị, ngoài tôn giáo. Trung học miễn phí, dành cho học sinh nghèo, con em gia đình tử sĩ, binh sĩ và người tị nạn cộng sản.*”

Bốn chữ đỏ QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC trên nền trắng nổi bật, dù đi xe qua với tốc độ nhanh vẫn đọc được. Chỉ một buổi Phạm Cung làm xong việc. Chúng tôi để cái bảng ở sân

sau nhà để người qua lại khỏi để ý.

Lê Vinh Thiều phát biểu:

- Nhìn cái bảng tao đủ sượng rồi, tuyệt, tuyệt, một công tác “vô tiền khoáng hậu”. Liệu, mày làm công trình này rồi, cộng sản nó có bắn mày chết, mày cũng thoả mãn.

Chúng tôi cân nhắc kỹ các câu trên tấm bảng lớn, nói lên đường hướng, chủ trương của một trường miễn phí. Tại một địa phương nhiều khó khăn như Quảng Ngãi, có những lúc phải liều, phải ầu, nhưng thiếu thận trọng cũng bị gãy ngay. Một địa phương nghèo, đông dân, lúc nào cũng bùng bùng quật khởi, một vùng đất rất tự hào về tranh đấu. Những năm dạy học ở Mỹ Tho và các tư thực ở Sài Gòn, với tất cả sáng khoái, tôi đã nói với học trò:

- Nếu các em muốn biết thế nào là nghèo và thế nào là tinh thần bất khuất, đấu tranh của người Việt Nam thì ra quê hương của thầy, ra Quảng Ngãi để biết.

Rồi như cao hứng tôi kể:

- Người xứ thầy nghèo thật, nhưng họ chất phác, chất phác gần như cọc lóc. Người Bắc thông minh nhạy cảm, hay dùng tính tự trọng tự, câu nói rất xuôi nghe êm tai, dễ chịu. Người Nam thì vui vẻ rộng rãi. Còn người xứ thầy, nói ngắn gọn, một là một, hai là hai, như rựa chém xuống đất. Có phải vì địa lý khí hậu hay không, vì miền Trung con người phải vật lộn với thiên nhiên quá nhiều, một giải Trường Sơn càng vào Nam càng sát biển gần như ép con người lộn xuống biển. Đất xấu, khí hậu gay gắt, thiên tai bão lụt liên miên. Bốn chữ “*bão lụt miền Trung*” gần như câu châm ngôn để nói nỗi bất hạnh của người Trung. Mỗi năm chín mười trận lụt lớn, vài chục cơn lốc, bão lớn cũng là thường. Mùa gió bắc lạnh như xương, mưa dầm hàng tháng tối mặt tắt đèn. Mùa nóng thì như thiêu như đốt, đứng đâu cũng nóng, chỗ nào cũng nóng, thậm chí nhảy xuống sông cũng gặp nước nóng như sôi. Khí hậu thật nghiệt ngã chỉ có hai mùa nắng gắt mưa dầm, chứ không rõ rệt bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông như miền Bắc, như trong tiểu thuyết. Cái thơ mộng của gió thu, trăng thu, nước mùa thu, người Quảng Ngãi chỉ thấy trong sách, trong thi ca. Có lẽ những khắc nghiệt đó đã tạo nên tinh thần tranh đấu quyết liệt, tinh thần bất khuất, sự hiên ngang dũng cảm, xem mạng sống nhiều khi rất nhẹ. Lòng yêu nước ở người Quảng Ngãi rất cao và sự hận đời cũng không kém. Suốt hơn

tám mươi năm người Pháp cai trị Việt Nam, mọi phong trào yêu nước chống ách đô hộ, người Quảng Ngãi đều tham gia tích cực và luôn có những anh hùng kiệt xuất lên đoạn đầu đài. Tinh thần quật khởi, ý chí bất khuất, cộng với sự bất mãn gần như trường kỳ nên rất dễ bị những hào quang, những danh từ đao to búa lớn như đánh đuổi thực dân, triệt hạ bóc lột, thực hiện bình đẳng tự do, xóa bỏ giai cấp ... của chủ nghĩa cộng sản lôi cuốn, truyền truyền dụ dỗ. Bởi vậy, người Quảng Ngãi, phải mạnh dạn nói thật, đã hi sinh rất nhiều cho đảng cộng sản Việt Nam và đã đóng các vai trò cực kỳ quan trọng trong đảng. Chính những tù nhân bị nhốt ở quận Ba Tơ, hầu hết là người Quảng Ngãi, đã phá ngục tù, chạy lên núi lập căn cứ tạo thành chiến khu Ba Tơ chống Pháp và Nhật, trong lúc Pháp đang cai trị nước ta. Cũng chiến khu đó đã đào tạo nhiều cán bộ cao cấp đóng góp đáng kể vào mặt trận “giải phóng miền nam” để đánh phá miền Nam quốc gia. Từ 1945 đến 1954, chỉ Quảng Ngãi là tỉnh duy nhất không bị quân “Liên Hiệp Pháp” chiếm. Có người sẽ bảo nói thế là ca tụng cộng sản, vì họ không thấy được tính chất tranh đấu quyết liệt của người Quảng Ngãi. Tại sao các tỉnh khác cũng có đảng cộng sản điều khiển nhưng vẫn bị quân liên hiệp Pháp chiếm? Những ai từng trực tiếp chống cộng sản ở Quảng Ngãi thì thấy rõ, cộng sản ở đây cực kỳ tàn ác nhưng cũng cực kỳ kiên trì và can trường. Tôi từng trực tiếp bám sát cơ sở, dành từng mảnh vườn, miếng ruộng, từng bụi khoai bụi mía với du kích cộng sản Quảng Ngãi, nên tôi biết rõ về tính chất quyết liệt của người vùng này. Chúng tôi chống cộng sản cũng với tinh thần quyết liệt, can trường, nhiều khi bất chấp mọi nguyên tắc dân chủ, bất chấp mọi hậu quả tai hại về tương lai cho riêng cá nhân mình. Đồng đội chúng tôi ngã gục rất nhiều và cũng không ít cộng sản bị tiêu diệt. Hai thứ gỗ cứng như nhau gây kết quả kinh khủng và cái chất cứng ấy có lẽ là đặc trưng của vùng Quảng Ngãi chứ không do học thuyết nào...

Nhớ lại những lời lẽ mình từng nói, tôi thấy mình đã may mắn như được Trời giúp để còn mạng sống sau bao nhiêu nguy khốn. Như thế, để đền đáp lại bất buộc phải làm một điều lợi ích, ít nhất là cho những người chung làng xóm với mình.

Tôi hình dung ngôi trường sẽ mở ra cho tất cả trẻ em nghèo, dù là cộng sản hay quốc gia, người có tôn giáo hay không tôn giáo. Tôi thực sự mong tạo một cơ sở giáo dục cho

lớp trẻ không phân biệt. Chủ trương này có thể giúp tôi hy vọng giữ an toàn cho trường khi trên ghế học sinh có con em các gia đình theo cộng sản. Tôi không nói rõ điều này nhưng chắc chắn nhiều gia đình theo cộng sản vẫn gửi con em tới học. Còn nói rõ việc dành ưu tiên cho con em binh sĩ và tị nạn cộng sản thì đó là chủ trương thực sự của chúng tôi và cũng là yếu tố cần thiết để nhận được sự giúp đỡ của quân đội cùng chính quyền. Không phân biệt xu hướng chính trị và nêu rõ thành phần ưu tiên thực sự không đi sai hướng mà còn giúp chúng tôi vượt qua nhiều trở ngại để đạt mục tiêu cứu vớt lớp trẻ bị đời bỏ quên, bị xã hội ruồng bỏ đang bị vây hãm trong nghịch cảnh nghèo đói, rách nát có thể tìm lại nụ cười vẫn vắng thiếu trên môi để xua tan ý nghĩ hận thù đời. Tôi tin nếu giúp lớp trẻ thiếu may mắn này có căn bản học vấn vững chắc thì nhiều triển vọng kéo nổi chúng khỏi cảnh đời tối tăm không chỉ gây bi phẫn cho riêng chúng mà còn di họa cho đời.

Chỉ một tuần, tôi đã qua mấy bước đáng kể: có địa điểm tốt, có phương tiện đồ cát, có sự đồng ý dù chỉ bằng lời của vị tỉnh trưởng. Tôi định đúng 9 giờ sáng thứ năm tuần sau khởi công và sống 3 ngày chờ đợi thật hồi hộp.

Tôi không có trong tay một đồng bạc nhưng đã đổi diện với những việc làm cụ thể. Dù luôn tin tưởng mục đích không vụ lợi, thuần túy vì giáo dục sẽ được sự yểm trợ của nhiều người, nhưng tôi không thể bó tay chờ đợi. Tôi nghĩ cần viết một bản nói về mục đích của trường, vạch kế hoạch rõ ràng, lập bản kế toán, định ngân sách thiết thực rồi in thành tập, viết lời kêu gọi thống thiết để gửi mọi người. Việc này chắc chắn tốn một số tiền giấy mực, tiền in, tiền gửi nhưng tôi lại thấy chưa chắc có ai hưởng ứng. Trước mắt tôi, thiên hạ đều mỗi mết, chán ngán, nhiều khi ghê tởm với những lời kêu gọi đóng góp làm việc nghĩa do tị nạn tham nhũng, cắt xén, lừa gạt dưới chiêu bài “từ thiện” quá nhiều khiến dân chúng luôn hoài nghi.

Tôi bỏ ý nghĩ viết lời kêu gọi, tự nhủ cứ lặng lẽ làm cho được việc để mọi người thấy thành quả, bớt nghi ngờ rồi tin tưởng thì lúc đó họ sẽ giúp đỡ. Tôi thấy chỉ nên tới gõ cửa các Mạnh Thường Quân, các hội từ thiện, khi đã dựng được ngôi trường, học trò thực sự không đóng học phí, giáo sư không ăn lương, thực sự con nhà nghèo được vào học, không phân biệt màu sắc chính trị bạn thù vv.. Vậy, làm cách nào để dựng

trường? “Đến đâu hay đó!” Câu trả lời vô nghĩa nhưng là câu trả lời duy nhất.

Tôi nhắc Nghĩa báo với trung úy Thanh, chỉ huy đại đội bảo vệ kho đạn, đúng 9 giờ sáng thứ năm 14-7-1969, khởi công xây cát và mời Thanh có mặt để cắt kềm gai cho xe đổ cát. Anh Được, chủ tịch Nghiệp Đoàn Lao Công, cho biết sẽ có 15 xe “ben” đổ cát đúng giờ cắt kềm gai.

Sáng hôm ấy, một buổi sáng trời thật đẹp, chúng tôi gồm Lê Vinh Thiều, Nguyễn Cao Can, Nguyễn Văn Minh, Hà Nguyên Thạch, Phạm Cung, đại úy Nghĩa, trung úy Thanh, anh Được có mặt cùng một số anh em nữa. Trước khi cắt rào kềm gai, tôi hỏi Thanh nửa đùa nửa thật:

- Trung úy Thanh, có mìn dưới này không?

Thanh cười:

- Không có đâu, phía bên này hoàn toàn không có, chỉ rào kềm gai thôi, anh ngại thì để em cắt cho.

Tôi đặt chiếc kìm bấm vào sợi kềm gai chính, vừa bấm mạnh vừa nói:

- Phút khởi đầu quan trọng cho một công trình cách mạng giáo dục.

Lúc ấy đúng 9 giờ 45 sáng.

Tất cả anh em đều vỗ tay.

Đoàn xe ào ào xuống đổ cát, chúng tôi đào lỗ chôn trụ dựng bảng do Phạm Cung làm từ nhiều ngày trước:

QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC

Trung tâm giáo dục, ngoài chính trị, ngoài tôn giáo.

Trung học miễn phí dành cho học sinh nghèo,

con em gia đình tử sĩ, binh sĩ và tị nạn cộng sản.

Nhiều năm rồi, đoạn quốc lộ gần nửa cây số dưới chân núi Bút là đoạn đường chết, xe qua lại không được phép ngừng, lúc nào cũng canh phòng nghiêm ngặt, lính gác sẵn sàng nhả đạn vào các mục tiêu nghi ngờ để bảo vệ kho đạn lớn nhất của tiểu khu. Sáng hôm ấy, đoạn đường được bình thường hóa. Người qua lại thấy lạ đứng xem, trong phút chốc đông nghẹt trên khoảng lộ hồi sinh này. Trung úy Thanh tươi cười nói:

-Thầy Liệu ạ, đoạn đường này trở thành đoạn đường hoà bình rồi đấy.

Câu nói từ đáy lòng của Thanh, một ước vọng từ lâu bỗng nhiên đến. Danh từ Hòa Bình gần như biến mất trong đầu Thanh

đã vụt sống lại.

Chiều hôm đó, một ông già tìm đến nhà tôi.

Tôi vừa vào nhà, ông đứng dậy lễ phép nói:

- Thầy, thấy cái bảng Quảng Ngãi Nghĩa Thục dưới núi Bút, tôi thích quá, mạnh dạn tới gặp để xin thầy cho tôi đóng góp. Tôi biết thầy làm việc nghĩa nên tôi xin theo thầy làm việc nghĩa. Tôi có biết xây cất, xin thầy để tôi đứng trông coi việc xây cất. Tôi quen biết nhiều toán thợ hồ, tôi tình nguyện giúp thầy như tôi làm công quả vậy.

Tôi quá mừng:

- Xin lỗi, mời bác ngồi. Trước hết, xin bác đừng gọi tôi là thầy, tôi là con cháu của bác mà, bác gọi bằng gì cũng được, đừng gọi bằng thầy, nặng nề quá. Tôi rất hoan nghênh bác có lòng thiện nguyện, xin bác xem Quảng Ngãi Nghĩa Thục là của bác, bác lo kỹ thuật xây cất cho. Bọn cháu không biết gì về xây cất, giao trọn bác quyết định.

Ông tên là Nguyễn Tình, quăng 60 tuổi dáng người thanh thanh, gương mặt có vẻ lạnh lùng trái với giọng nói tích cực và chân thành. Ông cho biết đã từng bị bắt lên bắt xuống vì bị tình nghi cộng sản và nói:

- Tôi chết vì cái miệng, thấy gì ngựa tai ngựa mắt là nói liền. Bà nhà tôi can mãi không được nên tôi luôn bị rủi ro, nhưng người ta có số ông ạ, rồi cũng tai qua nạn khỏi.

Ông có một ngôi nhà đẹp ở ngay thị xã, theo ông, do ông bà để lại chứ đời ông chưa làm ra một xu, chỉ thừa kế tài sản cha mẹ, ăn rồi đi “nói bậy” bị bắt lên bắt xuống hoài.

Tôi hết sức cảm ơn ông, nói sự tình nguyện của ông là một khích lệ lớn và thiết thực cho việc xây dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục là công việc phải do nhiều người góp sức mới làm được. Tôi báo cho ông biết ba ngày nữa ông cho thợ vào đào móng trường và chính ông là người đặt viên đá đầu tiên xây một công trình giáo dục.

Tôi rất sung sướng dành phần danh dự “*đặt viên đá đầu tiên*” không phải cho ông đầu tình mà cho một người có óc thiện nguyện vô tư như ông Nguyễn Tình.

Có đất, có cát đổ cao nền rồi, có thợ, có người trông coi xây cất rồi, nhưng vật liệu thì sao? Tiền đâu mua xi-măng, gạch, đá, gỗ, tôn? Cái này thật là khó, vì phải có tiền? Tôi đi gặp đại tá tỉnh trưởng lần nữa.

Vừa thấy tôi, ông tươi cười nói:

- Anh đã gặp trường ty xã hội chưa? Tôi bảo ông ta rồi, anh cần gì thì ông giúp. À, nghe nói anh làm trường ở núi Bút. Ở đó đẹp đấy, hôm nào tôi vào chơi, đừng cho học trò qua kho đạn nguy hiểm nhé.

Tôi đáp:

- Chưa xây cất làm sao có học trò, hơn nữa đại tá sẽ thấy học sinh của tôi có kỷ luật như lính, đại tá yên tâm.

Tôi đi gặp trường ty xã hội, tên là Lê Đạm, thế hệ đàn anh của tôi, xưa làm thừa phái dinh tuần vũ, một công chức dưới thời Pháp thuộc trước 1945. Ông ít nói, hiền lành và gần như luôn cũng bệnh hoạn. Ông cho biết đại tá tỉnh trưởng có dặn sẵn sàng giúp tôi làm công tác xã hội, từ thiện. Ông nói phải theo đúng nguyên tắc là chỉ cho tôi hai mươi lăm tấm tôn, hai chục bao xi-măng để làm một lớp học và một cái giếng như cho một lớp “đời mới”. Thật là buồn cười, hai mươi lăm tấm tôn, hai chục bao xi-măng, làm sao xây một trường cấp 3 có từ lớp 6 đến lớp 12. Tiến tôi ra cổng, ông còn nói:

- Bao giờ anh cần, tôi cho bọn nó chở tới. Chỉ cần anh biên nhận và cho một tấm hình lúc đào móng và lúc hoàn thành với cái bảng “trường ấp tân sinh” là đủ, để tôi bỏ vào hồ sơ, bỏ về thanh tra hàng năm.

Tôi bắt bàn tay lạnh ngắt và rời rã của ông, ra về.

Dù sao ông tỉnh trưởng cũng có ý tốt với việc làm.

Tôi đi gặp Phạm Huệ, giáo sư trường Trần Quốc Tuấn ở thị xã Quảng Ngãi. Huệ nhỏ hơn tôi bốn tuổi, bạn với tôi lúc còn học tiểu học. Gia đình chúng tôi thông gia với nhau, anh ruột tôi là anh rể của Huệ. An Mô, quê quán của Huệ, là một làng nhỏ cạnh làng tôi, Long Phụng. Sau cuộc khởi nghĩa 1945, An Mô nhập với làng tôi gọi chung là làng Đức Thắng. Huệ thường tự hào về bên ngoại vì có hai ông cậu từng về vang khoa bảng thời nho học, một đậu thủ khoa cử nhân, một đậu tú tài. Không riêng Huệ mà cá nhân tôi cũng hãnh diện vì trong làng có người thành đạt khoa bảng. Như Lê Vinh Thiệu, Phạm Huệ luôn gần gũi, liên hệ với tôi từ khi học trường làng đến khi học trường Lê Khiết 1948-1952, rồi vào Sài Gòn học lại khoảng 1957 và sau này sống lưu vong vẫn gần gũi nhau ở Mỹ.

Huệ có nhà ở thị xã, có bệnh xá tư, có thể nói anh thuộc lớp giàu có và đang sản xuất gạch xi-măng. Huệ rất thích việc

lập một trường tư cho học sinh nghèo. Anh cùng một số anh em trong gia đình Phật tử, giáo chức từng làm nhiều công tác hè rất kết quả và có nhiều kinh nghiệm về công tác xã hội. Anh cũng quen trung úy đại đội trưởng ở núi Bút và nhiều lần cùng đi với tôi đến nhà xã trưởng Tư Chánh về việc xin đất làm trường. Tôi đem chuyện đi gặp trường ty xã hội nói với anh. Anh bảo:

- Hiện tôi có mấy trăm viên gạch xi-măng, anh đem vào xây, rồi đến đâu hay đến đó.

Thế là có được số gạch xi-măng để khởi sự xây cất.

Một số anh em góp ý chỉ làm một lớp 6 rồi dần dần tiến lên lớp 7, lớp 8... Làm thế có nhiều cái lợi. Thứ nhất, việc xây cất ít tốn kém. Thứ hai, vài ba người đủ dạy, khỏi cần mời người ngoài nhất là thời buổi khó khăn khó tìm ra người dạy không lương. Thứ ba, ít đụng chạm các trường tư, tránh bị họ đập mình chết vì sợ mình cạnh tranh. Về chuyên môn thì mở một lớp ít học sinh, dạy dễ chu đáo, sẽ tạo được uy tín so với các trường mở lớp chứa nhiều học sinh, dạy bừa bãi nên kết quả thấp. Ý kiến hay, chín chắn, nhắm tiến từng bước chắc chắn, nhưng tôi không đồng ý vì nhiều lý do. Bởi làm thế dễ thành công, nhưng có vẻ khiêm nhường quá, chỉ vồn vện một lớp năm ba chục học trò ra vào, vài ba giáo sư. Cảnh tượng như vậy khó tạo tiếng vang, khó biểu lộ sự lớn mạnh nên khó gây được niềm tin, niềm phấn khởi trong dân chúng. Tôi muốn phải tạo cho được một hình ảnh mạnh có tính phong trào đủ sức thu hút mọi người để từ đó dễ ngoại giao, dễ xin giúp đỡ của các cơ quan từ thiện, các Mạnh Thường Quân. Theo cách này có phần nguy hiểm, liều lĩnh nhưng khi thành công sẽ thành công lớn. Chỉ một điều quan trọng cần luôn thận trọng giữ gìn đứng đắn, trong sạch. Tôi quyết đi theo cách này là phát triển đồng loạt và tới đa.

Sau ít ngày, khoảnh đất chết chỉ có cỏ hoang và dây kẽm gai biến thành công trường xây cất, xe đổ cát ra vào nhộn nhịp, từ sáng sớm đến mờ tối, thợ hồ tích cực xây cất. Tôi lập một ban quản trị theo ý hướng giao cho phụ huynh học sinh thực sự quản trị cơ sở này, trước nhất phần tài chánh do ban quản trị cai quản và chịu trách nhiệm. Ban quản trị gồm ban giáo huấn lo việc giáo dục, ban tài chánh lo việc chi tiêu, ban kiến trúc và ban ngoại giao. Tôi mời ông Phan Tiên làm trưởng ban quản trị.

Ông Phan Tiên là một nhà giáo lâu năm đã gần 70 tuổi. Tuy tuổi cao nhưng ông rất khoẻ. Ông đã theo học trường thế

dục Phan Thiết trước 1945, từng đoạt giải vô địch môn đi bộ toàn Đông Dương. Ông rất có uy tín về giáo dục, nói tiếng Pháp lưu loát. Trong cuộc khởi nghĩa 1945, ông suýt bị chết chém và sau đó vẫn tiếp tục ngành giáo dục. Ông rất hân hoan nhận lời mời làm trưởng ban quản trị Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Ông mất sau năm 1975.

Nguyễn Văn Minh bút hiệu Phan Nhự Thức, người bạn đàn em của tôi, lúc ấy là chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân tỉnh, một người tích cực từ đầu đến cuối cho Quảng Ngãi Nghĩa Thục cùng với Nguyễn Văn Đồng, giáo sư trung học, bút hiệu Hà Nguyên Thạch, một thi sĩ lớp trẻ thời ấy, thanh tra ty giáo dục, rất thích văn nghệ, làm thơ, ca hát. Nguyễn Cao Can giáo sư, đã dành hết thì giờ cho Quảng Ngãi Nghĩa Thục, ngoài giờ dạy làm bất cứ việc gì trường cần, đặc biệt là sắp thời khoá biểu. Sắp thời khoá biểu cực kỳ khó với trên một trăm giáo sư, mỗi người dạy một ít giờ tùy ý, phần nhiều là giờ thừa, giờ lồi và hay thay đổi. Nguyễn Cao Can thường nằm dài trên nền gạch, có khi thức suốt đêm, xếp sao cho hợp lý hợp tình, thuận tiện cho việc học của học trò và phù hợp ý muốn của giáo sư nhưng lúc nào cũng vui vẻ, hăng say. Lê Tấn Dụng, nhà giáo trẻ, xem Quảng Ngãi Nghĩa Thục như lẽ sống. Anh say mê đến nỗi đặt tên cho con là Nghĩa Thục. Anh là tổng giám thị của trường. Phạm Văn Niên, trường ty thanh niên, một huấn luyện viên thể thao thể dục, là hiệu đoàn trưởng của trường. Chính anh đã đào tạo các đội bóng tròn, bóng chuyền của trường thành những đội bóng xuất sắc. Lê Văn Nghĩa, đại úy thiết giáp, tích cực xây dựng trường từ phút đầu, tử trận năm 1973. Các anh em đó đều ở trong ban giám đốc của Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Mái chưa lợp, vách chưa tô, nền chưa tráng xi-măng mà phụ huynh học sinh ra vào tấp nập, hỏi thể lệ để xin cho con em vào học. Con em binh sĩ thì dễ, chỉ cần một giấy xác nhận cha hay anh, chị là binh sĩ. Nhưng con em nhà nghèo thật khó xác nhận. Lúc ấy, hầu hết đều nghèo, chúng tôi đề cơ quan xã xác nhận hoặc do các thân hữu, giáo sư và người trong ban quản trị giới thiệu. Điều kiện dễ dãi nên học sinh ghi danh quá đông tạo một trở ngại lớn cho chúng tôi vì không đủ phòng học. Chúng tôi có tám phòng. Học sinh học một buổi cũng chỉ thành mười sáu phòng. Loại bớt học sinh? Không thể được, vì tất cả đều đúng tiêu chuẩn nghèo, con em binh sĩ. Cuối cùng, tôi quyết định thu

nhận tất cả học sinh, bành cách dựng tạm một số phòng bằng tôn, vách ván nơi đất còn trống và chấp nhận một lớp trên 80 em. Che thêm phòng thi được, vì các lớp luân chuyển nên có khi học phòng kang trang, cao thoáng, có khi học phòng mái tôn thấp lè tè, nhưng học sinh đông quá, lớp trên 80 em rất trở ngại cho các thầy. Một giáo sư phàn nàn vì theo sự phạm lớp đông không có kết quả tốt. Tôi phải giải thích nhiều và luôn nhắc nếu loại các em thì mình vô tình làm trái với đường lối của Quảng Ngãi Nghĩa Thục là nơi có lẽ duy nhất dành cho các em nghèo thất học. Thà đông còn hơn để các em lang thang ngoài đường. Cuối cùng, anh em chấp nhận ý kiến của tôi. Tuy hết hạn nộp đơn, phụ huynh vẫn vào xin hoặc các giáo sư giới thiệu đến.

Tôi phải nhận và mỗi khi nhận thêm một em mới tôi thấy như mình “phạm lỗi” với giáo sư, nhưng lại thích thú. Rất cuộc có lớp đến 120 em, nhưng vì tiện chí tràn đầy trong không khí chung khiến tất cả đều vui vẻ làm việc dù dạy một lớp ở Quảng Ngãi Nghĩa Thục bằng ba lớp ở các trường khác.

Học sinh học được ba tháng mới làm lễ khánh thành, vì các công việc xây cất chưa hoàn tất. Thợ hồ tô vách, tráng nền, xây hè, xây bậc cấp, học sinh vẫn học, vì học trễ gần hai tháng so với các trường khác.

Ban quản trị quyết định ngày 20-1-1970 là ngày khánh thành Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Đó cũng là ngày gần Tết Nguyên Đán. Ngay ngày nhập học, tôi đã khuyên học sinh mỗi em trồng một giỏ hoa. Để trồng được và gần như không tốn kém, các em trồng các loại hoa thường có như hoa vạn thọ, hoa cúc, hoa nở ngày, thược dược... Mỗi em phải tự tay mình trồng cây hoa trong một cái giỏ. Tất cả học sinh đều vui vẻ vâng lời và đều hiểu sự đóng góp đó có ý nghĩa xây dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục, vì các em xem ngôi trường này là của chính mình.

Phần lớn các em ở đồng quê, các trại tản cư cũng ở đồng quê, do đó việc trồng một giỏ hoa, không khó khăn. Mỗi cuối tuần, các trường lớp thường nhắc nhở các em phải lưu ý chăm sóc giỏ hoa Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

HỌC SINH TỰ TRỒNG HOA CHUẨN BỊ LỄ KHÁNH THÀNH

Ngày 19, buổi sáng, tất cả học sinh đều mang giỏ hoa đến

trường để góp vào buổi lễ đúng sáng 20 tháng Giêng. Trên 1300 giỏ hoa, hầu hết đều có hoa nở, sắp đầy hè trường, xung quanh sân trường. Nhìn trường học như một chợ hoa Tết. Màu sắc của hoa, cộng với niềm vui hồn nhiên của tuổi học trò do đã tự tay trồng hoa tạo nên một không khí trẻ trung yêu đời.

Tối 19 học sinh ở lại, đốt lửa trại, thành một đêm liên hoan toàn trường của thầy trò Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Như một phép lạ, vùng đất chết, vùng cấm địa bỗng chốc trở thành nơi thanh bình, an lạc. Dân chúng kéo tới xem học sinh diễn kịch, cảnh vui vẻ về đêm từng biến mất mười mấy năm đã sống lại và đêm nay chiến tranh biến mất.

Từ mờ sáng ngày 20, phụ huynh học sinh tập nập đến dự cuộc họp đầu tiên của QNNT để hiểu chủ trương của trường và cũng để hiểu nhiệm vụ đặc biệt của phụ huynh với con em họ, nhất là hiểu vai trò quan trọng của họ với ngôi trường đặc biệt này. Họ cần thực sự ý thức chính họ là chủ của nhà trường, phải xây dựng, bảo vệ, tìm mọi cách củng cố, vì đây không phải trường của nhà nước, không phải tư thực của tư nhân, cũng không phải trường bố thí của nước ngoài mà là trường của đám nông dân nghèo, những nạn nhân thể thảm của chiến tranh.

Ông Phùng Kim Diệp, phó chủ tịch nghiệp đoàn Quảng Ngãi, được cử làm hội trưởng Hội Phụ Huynh QNNT. Hàng năm đến ngày 20-1 sẽ bầu lại hội trưởng. Vị hội trưởng này đưa đề tài *“thế nào là đứng ngoài chính trị, ngoài tôn giáo”* để thảo luận.

Có người bảo nếu đứng ngoài chính trị có thể bị chính quyền làm khó, chụp mũ cộng sản và trường sẽ bị đóng cửa...

Cuối cùng, mọi người đi đến kết luận là ngoài tôn giáo không có nghĩa là không có tôn giáo mà chỉ không để tôn giáo ảnh hưởng, chi phối đường lối của trường. Ngoài chính trị có nghĩa là bất cứ ai có đảng phái hoặc không đảng phái chính trị cũng được tham gia Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Nói cụ thể, trường không phân biệt, không để ý đến đảng phái chính trị nên dù học sinh là con em cộng sản vẫn được vào học, không bị kỳ thị. Quảng Ngãi Nghĩa Thục là trường dành cho học sinh nghèo tự do vào học.

Trước 9 giờ sáng, học sinh hàng ngũ chỉnh tề.

Tất cả đều mặc đồng phục quần xanh áo trắng, áo có phù hiệu, do nhà trường cung cấp. Dù nghèo, học sinh cũng phải gắng có một bộ đồng phục, kể cả rách vá nhiều chỗ. Áo phải bỏ

vào quần nịt đàng hoàng. Theo tôi, hình thức đồng phục rất quan trọng, cần thiết cho tổ chức học đường. Bộ đồng phục và huy hiệu khiến học sinh chững chạc, tạo một tác phong đứng đắn, đưa dần đến tinh thần tập thể, giúp tạo tinh thần kỷ luật. Khác với một đám đông quần áo lộn xộn, đủ màu sắc, một đám đông đồng phục tự nói lên sức mạnh đoàn kết và tinh thần nhất trí. Bởi vậy Quảng Ngãi Nghĩa Thục buộc học sinh mặc đồng phục và nếu mang dép phải có quai sau, còn nghèo quá thì đi chân trần. Phải nói nhiều lần, phải kiểm soát, học sinh mới tuân hành. Đầu tóc hớt ngắn như sinh viên các trường, dù lúc ấy thanh niên thích để tóc dài chấm vai nên không dễ buộc học sinh cắt tóc ngắn. Tôi mời một số thợ hớt tóc tình nguyện hớt không lấy tiền hoặc lấy nửa giá vào trường hớt cho học trò. Ban đầu, một số học sinh tỏ vẻ khó chịu, có em nước mắt rùng rùng, nhưng sau khi giải thích, hầu hết đều chấp nhận và thấy đúng, vì đầu tóc phải gọn gàng sạch sẽ, nhất là học sinh thời chiến.

Đại tá tình trường, chánh án, chủ tịch hội đồng tỉnh, các giáo chức lão thành... đều được mời dự lễ cùng một số ký giả từ Sài Gòn.

Chủ tịch ban quản trị đọc diễn văn khai mạc, nhấn mạnh ý nghĩa của Quảng Ngãi Nghĩa Thục và cổ súy công tác từ thiện về giáo dục này. Tôi nhớ trong năm đầu, trường bị một trận bão quét sập gần hết. Nhờ báo chí ở Sài Gòn, nhất là tuần báo *Đời* của Chu Tử kêu gọi đồng bào toàn quốc giúp đỡ, từ Quảng Trị tới Cà Mau đâu đâu cũng gửi tiền về. Cảm động nhất là các em học sinh tiểu học ở Quảng Trị, nơi bị chiến tranh tàn phá nặng vẫn dành tiền ăn sáng hàng tháng để giúp và toán y tá một bệnh viện ở Cà Mau dành mười ngày lương để giúp sửa lại trường.

Chúng tôi vô cùng xúc động và cũng vô cùng phấn khởi khi thấy chiến tranh ác liệt, dân chúng xơ xác thể lương, nhưng vẫn tích cực hưởng ứng ủng hộ một công tác giáo dục đặc biệt lo cho người nghèo, đứng ngoài mọi tranh chấp ý thức hệ.

SÁNG LẬP VIÊN CỦA QNNT

Học sinh vào học, giáo sư dạy đều đặn, làm lễ khánh thành xong, chúng tôi kêu gọi sáng lập viên QNNT. Tôi viết một bài nói về tình hình đặc biệt của quê nhà, nhất là tình cảnh thất học của số học sinh ở nông thôn đã trở thành mối ưu tư nặng nề

của phụ huynh và là lý do hình thành QNNT với tư cách một trung tâm giáo dục miễn phí. QNNT đã hoạt động được ba tháng, có trên 100 giáo sư tình nguyện dạy không lương, thu nhận 1800 học sinh và mọi việc tiến hành tốt đẹp. Tôi cam kết QNNT luôn trung thành với đường lối phục vụ người nghèo, đứng ngoài mọi xu hướng chính trị, tạo cho lớp trẻ có chỗ học và học theo đường hướng mới thực tiễn lành mạnh, tạo căn bản kiến thức vững vàng để xây dựng cuộc đời của mình và xã hội tốt đẹp hơn.

Một khó khăn lớn vẫn chưa giải quyết được là chưa có tiền trả nhân công, vật liệu xây cất. Vì thế, chúng tôi thiết tha kêu gọi những người tin tưởng việc làm cụ thể của QNNT hãy tham gia sáng lập viên, đóng góp tài chánh để giúp trả các phí khoản trên...QNNT sẽ là một cơ sở không phải của chánh quyền, không phải của cá nhân nào mà là của tập thể sáng lập viên đại diện bởi một ban quản trị do sáng lập viên bầu.

Trong vòng mười lăm ngày, gần một ngàn người tham gia ban sáng lập, thêm một bất ngờ với chúng tôi. Nhiều người không có con vào học hoặc ở tỉnh xa vẫn tham gia ban sáng lập. Thành quả này là một khích lệ cực lớn, củng cố ý nghĩ từng có của chúng tôi về sự cần thiết của việc hoạch định một chủ trương minh bạch và thái độ phục vụ trong sạch kiên quyết thể hiện chủ trương đó.

GIÁO SƯ QNNT

Làm thế nào để có giáo sư dạy không lương trong lúc giá sinh hoạt đắt đỏ? Đó là câu hỏi luôn ám ảnh tôi và là vấn đề làm tôi lo nhất. Nhiều anh em cũng hỏi tôi câu đó và tôi thường tránh né trả lời, vì thực tình chưa biết giải đáp ra sao.

Một hôm, Thiều nói với tôi:

- Liệu, mấy đêm nay tao không ngủ được vì vấn đề giáo sư cứ ám ảnh hoài. Mình xây nhiều lớp quá, không có giáo sư thì làm sao? Nếu chỉ có vài lớp thì tao, mày và số anh em quen ráng mà dạy... Từ đầu, tao vẫn lúng chùng giữa ý kiến anh em và ý kiến của mày, không dứt khoát được. Biết đâu ý kiến của anh em là đúng, vì ban đầu mình chỉ xây một lớp rồi hàng năm tiến từ từ lên, vừa chắc ăn vừa khỏe, đỡ phải chạy tiền, chạy giáo sư...

Nghe Thiệu nói tôi bực, dù biết điều anh lo lắng cũng là điều đang làm tôi điên đầu. Tôi đưa sang vấn đề khác:

- Anh coi thử nên sơn tường màu gì, trắng, trắng nhợt, hồng, hồng nhợt hay màu gì?

Thiệu biết tôi chưa muốn đi vào vấn đề giáo sư nên làm thinh. Nhớ lại khi tôi bắt đầu làm trường, cha tôi nói:

- Tao nghe thầy Tiên nói mày làm trường cho học không tiền, vậy lấy gì trả giáo sư? Có thực mới vực được đạo, mày nghĩ ai cũng như mày sao? Mày có sức, mày ăn gì cũng được, năm đâu cũng được. Hơn nữa, con vợ mày nó dễ chịu, nó chiều mày, chưa bao giờ tao thấy nó nhăn nhó, phàn nàn mày, nó luôn tươi cười với mày, với bạn bè mày, rồi mày cứ đứng đưng xem như người ở trọ, chả để ý gì con đâu vợ ốm, mày tưởng gia đình nào cũng được may mắn như mày sao?

Tôi ngắt lời:

- Con biết, cha lo chi cho mệt, bọn con tính hết rồi.

Tôi nói một cách vu vơ như thế rồi đứng dậy đi.

Từ đầu đã nhiều người hỏi tôi làm sao có người dạy.

Thực sự, tôi không thể trả lời, vì ngoài chuyện tiền lương còn nhiều vấn đề khác như không khí tích cực của trường, mức hấp dẫn của trường...trong sự lôi cuốn người dạy tham gia. Tôi vẫn biết nếu khởi đầu chỉ mở một lớp rồi dần dần về sau mỗi năm mở thêm lớp sẽ tránh được khó khăn về vấn đề giáo sư. Nhưng tôi lại luôn hứng khởi với ý nghĩ thúc đẩy một phong trào, tạo sự bột phát thay vì tiệm tiến. Nếu tạo được tiếng vang do kết quả ban đầu ngoạn mục, nếu đánh tan được nỗi hoài nghi đây chỉ là hình thức trá hình để buôn bán chữ nghĩa một cách bần thiú, nếu gây được nơi mọi người niềm tin về giáo dục, về lợi ích cộng đồng ... thì nhất định mọi việc đều tiến hành tốt đẹp, kể cả số người tới giúp dạy học.

Nhưng làm sao để đạt được những điều đó, nhất là giữa lúc những chữ “từ thiện”, “vô vi lợi” v.v... đã mất ý nghĩa tốt đẹp, luôn bị giễu cợt mỉa mai như lời lừa gạt?

Dù sao không thể vì sợ mang tiếng “cá mè một lứa” đồng lõa với tham nhũng mà bó tay trước nghịch cảnh. Dấn thân vào nơi sinh lầy, cát bụi, nơi bần thiú để tạo một khu sạch sẽ tinh khiết, cố nhiên cực khó, nhưng phải đi tới. Tôi thấy trở ngại lớn nhất không hẳn từ ngoại cảnh mà từ chính bản thân và vì thế tự nêu một loạt câu hỏi:

- Mình có thực sự muốn làm một việc hoàn toàn từ thiện không?

- Mình có đủ can đảm không tham nhũng, không dĩ công vi tư không?

- Mình có đủ quyết tâm chịu đựng mọi gian khổ để tiến đến thành công không?

- Mình có đủ “tàn nhẫn” bỏ trách nhiệm làm con, làm chồng, làm cha, đặt nhẹ gia đình, bản thân để tận hiến cho công việc văn hoá giáo dục này không?

- Mình có đủ can đảm phớt lờ mọi dèm pha, bôi xấu kể cả nguy hiểm tính mạng để luôn dốc lòng tin tuyệt đối vào tính chính đáng của công việc đề ra không?

- Mình có đủ sức chịu đựng nổi cô đơn khi lợi ngược dòng thời đại không?

Những câu hỏi trên luôn dẫn vật tôi có lúc tới mức gây choáng váng, nhiều khi dao động, nhưng cuối cùng tôi quyết định không thể dừng bước.

Việc đầu tiên tôi thấy cần thể hiện là tránh độc tài độc đoán, nhất là về tài vật. Cụ thể, tôi thành lập ban quản trị để cai quản nhà trường. Ban quản trị gồm đại diện các sáng lập viên. Tôi cố mời những người hiểu biết về giáo dục và xác định quyền quyết định của ban quản trị luôn được tôn trọng tuyệt đối để tránh trò ban quản trị ma. Trường xây cất xong không phải tài sản hay công trình của cá nhân tôi mà là của một tập thể đồng đức gồm hàng ngàn sáng lập viên. Tôi phân công phân nhiệm tỉ mỉ để tránh dẫm đạp lên nhau, mỗi phần hành dồn sức lo việc của mình để đạt kết quả tối đa. Tôi tự biết bản thân vốn mê việc, nôn nóng đạt kết quả, ưa tiên liệu và đề phòng bất trắc, do đó dễ dẫm chân người khác, dễ xoá bỏ sáng kiến của người khác và rất dễ biến thành độc tài. Bởi vậy, cần tránh ôm đồm nhiều việc để chỉ lo việc giáo dục. Tôi lãnh nhiệm vụ hiệu trưởng với phần vụ rõ ràng là bảo đảm giữ đúng đường hướng nghĩa thực trước bất kỳ trở ngại nào.

Về tài chánh, ban tài chánh đặt dưới sự kiểm soát của ban quản trị. Tôi không dự ban tài chánh, tức không có quyền chi tiêu một món tiền nhỏ nào. Ban tài chánh quyết định chi tiêu và chịu trách nhiệm trước ban quản trị, trước pháp lý. Tôi có ý kiến trên do nhớ lại hai kinh nghiệm.

Khoảng 1946-48, cha tôi được mời làm chủ tịch Ủy Ban

Hành Kháng xã Đức Thắng quê quán của chúng tôi. Mẹ tôi và chúng tôi nhắc cha tôi nên từ chức vì xã nhiều công điền, có tài sản lớn nên nhiều người mưu mô giành giật có thể bày đặt bồi bác v.v. Cha tôi chỉ nói vồn vện: *“Người ta nói quá, nhất là ở quận bắt phải làm, nhưng bà (mẹ tôi) và bọn bay (chúng tôi) cần luôn nhắc tao đừng đụng đến tiền là được, đừng đụng đến tiền thì không bao giờ bị mang tiếng.”*

Năm 1965 khi làm quận trưởng Mộ Đức, tôi nhớ mấy tiếng *“đừng đụng đến tiền”* nên đã thoát sự cố tình làm nhục của ban giám sát dưới thời tổng thống Thiệu. Nhận chức quận trưởng, tôi mới biết quận không có ngân sách riêng như xã và tỉnh. Tôi về toà tỉnh hỏi tỉnh trưởng và trưởng ty tài chánh. Tỉnh trưởng cho biết quận không có ngân sách riêng, nếu cần chi tiêu chút ít thì linh động và chỉ cần tiêu sao cho hợp pháp là được. Lời giải đáp lơ mơ quá. Tôi tìm trưởng ty tài chánh, lúc ấy là anh Lê Tuấn Như, một người đàn anh trong làng tôi. Ông cho biết quận ít chi tiêu lắm, vì văn phòng phẩm do tỉnh cấp, nhân viên do tỉnh trả lương, xe cộ xăng nhớt do tỉnh đài thọ... nên không có ngân sách riêng, nếu cần phí tổn xã giao thì... linh động xin các xã giàu có giúp. Tôi yên tâm về câu trả lời rõ ràng, cụ thể đầy tính chuyên môn của ông trưởng ty. Nhưng tôi nhất định bỏ mục xã giao mơ hồ, vì rõ ràng là môi trường tốt của vi trùng tham nhũng. Trong nhiều cuộc họp, các xã trưởng luôn yêu cầu tôi: *“Ông quận phải chi tiêu để chúng tôi dựa vào đó mà chi tiêu, nếu không chúng tôi thiếu tiền quá.”* Như vậy, nếu tôi hỏi tiền của xã để tiêu thì tôi tiêu một, xã sẽ dựa vào đó tiêu mười. Tôi phá cái lệ xin tiền xã để chi tiêu về giao tế. Nhờ đó, năm 1967, sau khi tôi phát động phong trào diệt tham nhũng, tạo tiếng vang toàn quốc, được nhiều người, nhất là báo chí nhiệt liệt ủng hộ nhưng bị chánh quyền dập tắt và thay vì điều tra những người bị tố tham nhũng, đầu cơ buôn bán đồ quốc cấm như quế Trà Bồng ở Quảng Ngãi v.v., giám sát viện của ông Ngô Xuân Tích⁽⁶⁷⁾ cho một phái đoàn ra điều tra tên quận trưởng tham nhũng là tôi. Họ xuống mười hai xã của quận Mộ Đức điều tra ngân sách xã xem tôi đã xin ở xã bao nhiêu. Dù chỉ một đồng của ngân sách xã cho tôi cũng là bằng cớ phi pháp. Suốt tuần lễ, họ cố tìm nhưng không thấy xã cho quận tiền để chi tiêu, đành về Sài Gòn.

⁽⁶⁷⁾ Là cậu và cũng là người thân tín của Tổng Thống Thiệu.

Cụ Lý Xuân Lâm, một nhân sĩ, đảng viên Quốc Dân Đảng kỳ cựu ở Bắc Việt, năm 1945, vụ Quốc Dân Đảng bị cộng sản đàn áp dã man, gọi là vụ “Ôn Như Hầu”, cụ thoát chết cùng một số đồng chí chạy sang Trung Hoa và tôi đã có ít ngày ở tù chung với cụ tại trại Võ Tánh sau vụ đảo chánh 1960. Cụ được tổng thống Thiệu mời vào giám sát viện và cụ đã viết cho tôi một lá thư có câu: “*Anh ơi tôi xấu hổ ở trong ban giám sát, vì không phải để trị bọn tham nhũng mà che cho bọn tham nhũng gộc và chỉ diệt bọn tham nhũng tép riu.*” Dù cụ Lâm không nói, toàn dân ai cũng thấy điều này. Nếu hỏi đó tôi xin một số tiền của xã, để thực hiện công tác dù cần thiết như treo giải thưởng cho học sinh, ủy lạo binh sĩ ... thì đã bị giám sát viện bỏ tù với tội tham nhũng, và việc tôi diệt tham nhũng sẽ được kể như một quả mù để che lấp sự tham nhũng của mình. Nếu không phá cái lệ xin tiền xã, tôi đã bị “đốt cháy” rồi

Từ kinh nghiệm đó, tôi không vào ban tài chánh, để tránh trở thành mục tiêu nhắm bắn của những người chống phá.⁽⁶⁸⁾ Hằng ngày ban quản trị thường gặp chúng tôi dù không có chuyện gì cần, nhưng vì thích công việc, thích quang cảnh nhà trường nên thường vào trường. Riêng tôi ngày nào cũng ở trường từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối, kể cả chủ nhật và ngày lễ. Đêm giao thừa, tôi ở lại trường lập bàn thờ đốt đèn, nhang, xông trầm và thường đúng giao thừa Nguyễn Văn Minh vào với tôi để cúng và uống trà. Dù vậy, chúng tôi vẫn tự hỏi: “Đã tích cực làm việc đúng mức chưa? Đã làm sáng tỏ về tài chánh chưa?”

Nhờ không ngừng cảnh giác và nỗ lực, chúng tôi tạo được niềm tin trong dân chúng rồi dần dần một số đồng giáo sư vào thăm trường tỏ ý hoan nghênh việc giáo dục miễn phí và họ xung phong dạy cho QNNT. Điều mà bản thân tôi lo lắng từng giờ từng phút và một số người quả quyết khó có thể xảy ra thì chỉ một thời gian ngắn sau, đã hiện ra một cách tốt đẹp: 108 vị giáo sư tình nguyện dạy cho học sinh nghèo không nhận một đồng xu lương. Tôi mừng đến hoang mang, không biết đây là

⁽⁶⁸⁾ *Cách đây vài năm, con trai út của tôi cùng một số bạn bè lập hội từ thiện “Việt Hope”, giúp đỡ học sinh nghèo ở Việt Nam. Tôi khuyên nó hai điều, một là cương quyết theo đúng đường hướng chủ trương tốt, hai là lập một ban tài chánh và người lãnh đạo tổ chức không ở trong ban đó, để vô hiệu hoá mọi ý đồ bôi xấu đánh phá...*

thực hay chiêm bao. Cụ Phan Tiên vào văn phòng đọc kỹ danh sách, hớn hờ bắt chặt tay tôi nói:

- Gần 70 tuổi rồi tôi chưa bao giờ nghĩ tới hàng trăm giáo sư dạy không lương. Quả là Trời Phật phù hộ chúng ta, phù hộ dân Quảng Ngãi nghèo đói. Không giấu anh, cả tháng nay tôi cứ lo ngay ngáy vấn đề này. Theo kinh nghiệm tôi đã trải thật khó tin có chuyện làm việc không lương. Tôi không dám nói sợ anh mất tinh thần, nhưng bây giờ quả là sự thật, quả là 108 vị thánh.

Tin trên một trăm giáo sư tình nguyện dạy không lương lan truyền nhanh chóng khiến ai bước vào khuôn viên trường đều hớn hờ. Lâu nay, tôi ngỡ chỉ riêng tôi và một số trong ban giám đốc lo lắng, không ngờ rất nhiều người cũng lo lắng. Điều này khiến tôi vừa xúc động vừa phấn khởi.

Chiều về nhà, cả nhà tôi như có gì khác. Khi tôi hỏi, vợ tôi tươi cười cho biết hỏi chiều anh Trần Minh, giám thị của trường, cho biết là rất nhiều giáo sư tình nguyện dạy đến nỗi không có giờ sắp cho họ, cha ở nhà mừng quá qua thầy Tiên bàn tán vui vẻ bên đó. Thấy tôi, cha tôi nói:

- Lâu nay cha không nói sợ con bực mình, cha nhắc hoài ông Tiên là phải bàn với con chỉ nên làm vài lớp rồi tiến dần cho chắc chắn bày ra lung tung lỡ không có ai dạy thì làm sao. Ngay trường tư họ trả tiền mà có khi không kiếm ra người dạy, hưởng hồ dạy không lương, nhưng chiều nay cha mừng quá, cha không ngờ, không ngờ...

Nước mắt tôi trào ra. Tôi sung sướng xúc động. Lâu nay tôi chưa hề bàn với cha về việc tôi làm, bởi nghĩ cha đã già rồi nên gác bỏ mọi sự để tâm thần được thanh thản. Tôi cũng không hề cho vợ tôi biết việc làm của tôi, những dự định, những giấc mơ, những điều không giống ai, vì sợ vợ tôi phải quần quật suốt ngày lo cho cha mẹ, cho con cái, cho bản thân tôi sẽ không đủ sức chịu đựng. Thì ra tôi làm, cha tôi và vợ tôi luôn theo dõi hàng ngày công việc tôi làm, chia xẻ với tôi những lo âu, những hồi hộp và xúc động mãnh liệt khi công việc tôi thành công. Tôi siết chặt vợ tôi hôn nồng cháy, lâu lắm rồi tôi mới có phút này.

Thiện chí cao đẹp của hàng trăm giáo sư còn giúp phá tan ý nghĩ bi quan về con người, vì rõ ràng con người lúc nào cũng có một phần thiện đáng kể sẵn sàng trở dậy khi gặp môi trường tốt. Ý nghĩ này trở thành niềm tin tuyệt đối suốt đời tôi. Từ chỗ lo thiếu người dạy, không tiền đến chỗ thừa giáo sư, không đủ lớp

cho thầy dạy, có những người chưa từng đi dạy vì là công chức hay sĩ quan nhưng vẫn tình nguyện. Số thầy không chuyên nghiệp này dạy rất tích cực, rất chăm chỉ, kết quả rất tốt lại là một điều ngạc nhiên nữa. Giáo sư Nguyễn Diễm, nguyên là thầy tôi ở trường Lê Khiết thời 1946-1953, từng nổi tiếng có lương tâm, dạy môn Pháp văn và Việt văn các trường trong tỉnh, viết cho tôi: “...Anh em vào tham gia QNNT đông lắm, tôi biết anh không thiếu người dạy, tuy tôi già và dạy quá nhiều giờ rồi, nhưng nếu anh sắp vài giờ Pháp văn cuối tuần để tôi vào gặp anh em cho vui thì quý quá, nếu không được cũng không sao, anh xem như tôi hoàn toàn ủng hộ thiện chí của các anh”

Lời của thầy Diễm đơn sơ nhưng tôi vô cùng xúc động. Thiếu tá Trần Ngọc Tấn, chỉ huy trưởng liên đội địa phương quân cũng mỗi ngày dành vài giờ vào trường đánh bóng chuyền với anh em, và dạy hai giờ Sử lớp 9 một cách thích thú, được học sinh mến phục, nhất là nghe thầy kể chuyện lịch sử. Bác sĩ Sang, trưởng ty y tế dạy hai giờ Sinh Vật lớp 12. Trưởng ty thuế vụ, trưởng ty công chánh, trưởng ty điền địa, trưởng ty khí tượng đều là giáo sư khoa học ở trường. Đại úy pháo binh Trần Anh Lan là giáo sư Thực Vật Học lớp 11, biến môn học khô khan này thành một “thi đàn của lớp 11” vì đại úy là thi sĩ, thuộc nhiều thơ, tương người dễ thương, duyên dáng học trò rất mến. Các anh Huỳnh Văn Hòa, Đặng Lai là thông dịch Anh văn, dạy nhiều lớp và ngày nào cũng hiện diện ở trường, nhất là anh Đặng Lai gần như say mê QNNT. Mỗi giáo sư, đều có một vẻ riêng không thể nói hết được. Điều chắc chắn là dù cảnh chiến tranh, nghèo túng với đủ mọi ưu tư sầu não, nhưng khi bước vào khu trường nghĩa thực, mọi người hầu như đều trút hết u phiền, biến thành vui tươi thoải mái trong khung cảnh trẻ trung hồn nhiên. Từ thầy đến trò đều hớn hờ như đang đón nhận những trao gửi êm đềm chan chứa tình thương và đều hướng về tương lai tốt đẹp. Do cảm giác này mà ngoài giờ học, QNNT là nơi tụ họp rất đông để gặp gỡ, chơi thể thao, bóng bàn, bóng chuyền, tập thể dục...

Trên ba mươi năm rồi, nay nhắc đến giáo sư QNNT, tôi vẫn nao nao xúc động như lần mới gặp nhau. Tôi luôn kính trọng tấm lòng từ thiện, sự hi sinh và nhất là sự quyết tâm của anh em trong việc góp phần xây dựng tương lai cho lớp trẻ không may lâm vào những cảnh ngộ khó khăn.

HỌC SINH QNNT

Ngoài một số con em các giáo sư dạy nghĩa thực, trên chín chục phần trăm học sinh là con em các gia đình nghèo khổ, có em đã bỏ học nhiều năm, sống cay cực trong các trại tản cư, trại gia binh nay gặp cơ hội trở lại học. Thiếu khuyến khích của cha mẹ, thiếu sách vở và thiếu không khí học nên trình độ các em rất kém. Trước thực tế này, chúng tôi đưa đề tài cho các giáo sư thảo luận để tìm cách đưa trình độ học vấn của các em tiến kịp học sinh các trường công lập. Một đề tài thực tế nhưng rất khó. Các sách giáo khoa sư phạm lâu nay đều đưa ra đủ phương cách, nhưng chẳng có kết quả gì, vì chủ yếu là việc áp dụng phương pháp. Tôi thường dự thảo luận với các giáo sư, nhắc lại những điều căn bản. Trước hết là lòng yêu nghề. Điều này có vẻ mơ hồ nhưng cần thiết, vì không yêu nghề, việc làm không thể có kết quả. Đã từng đi dạy, tôi hiểu nhiều vị miễn cưỡng phải nhận việc dạy học và thực tế này rất tai hại cho học sinh. Tiếp đến là sự xem thường môn dạy vì đa phần chủ quan, tự cho có đủ kiến thức, không cần xem kỹ điều mình dạy đúng sai thế nào, nhất là các môn dạy không phải toán học, khoa học... Cho nên yêu cầu quan trọng với người thầy là khiêm nhường, thận trọng khi giảng giải: biết chắc thì hãy nói biết, lờ mờ thì nói chưa biết, không nên cương ầu, giảng ầu. Nếu thầy lờ nói hớ điều gì mà không đính chính điều chỉnh thì trò sẽ quên hết mọi điều được dạy và chỉ nhớ riêng điều lờ hớ đó. Cách giảng dạy cũng cần dựa theo mức độ tiếp nhận của học trò để sửa đổi sao cho thích ứng. Giáo sư QNNT càng cần thận trọng tối đa trong giảng dạy và đối xử với học sinh để tránh tiếng xấu không lương nên dạy ầu và nên tâm niệm thầy là người hướng dẫn, chỉ vẽ cho học sinh, người giúp cho học sinh tự khám phá để học hỏi, chứ không phải cảnh sát hay chánh án trừng trị kẻ phạm tội.

Bốn phận của tôi là theo dõi sự giảng dạy của giáo sư trong số có nhiều người dù trình độ học vấn cao nhưng thiếu kinh nghiệm sư phạm. Tôi rất mừng khi thấy hầu hết các thầy đều chịu khó soạn bài, chấm bài rất kỹ. Một số thầy còn nôn nóng giúp học trò mau giỏi đã dạy quá nhiều, ngoài chương trình khiến tôi phải yêu cầu bỏ các phần đó vì vượt khỏi trình độ của học sinh. Nói chung, phần giáo sư không chỉ cho tôi cảm giác

yên tâm mà còn lạc quan nữa. Nhiều giáo sư đã nói với tôi: “*Dạy nghề thực, tôi cố gắng gấp đôi so với dạy ở các trường khác, vì ở đây trình độ học sinh không đồng đều do nhiều học sinh lâu nay thiếu điều kiện học và cũng rất quan trọng là ở đây, nhiều người để ý theo dõi để xem có phải vì dạy không tiền mà dạy bừa dạy ẩu không, nên chúng tôi phải cố gắng tối đa.*”

TRÍ DỤC

Để đạt kết quả tốt trong một lớp mà trình độ học sinh quá chênh lệch, chúng tôi yêu cầu giáo sư đặc biệt lưu ý số học sinh kém nhất, cố giúp các em này không nản. Phải nhắm vào học sinh kém nhất mà dạy, làm thế nào cho người kém nhất cũng hiểu bài, làm bài và theo kịp các học sinh khác. Để giúp cho việc giảng dạy, mỗi lớp chia thành nhiều tổ, có tổ trưởng, tổ phó. Những giờ nghỉ, các tổ dưới sự điều khiển của tổ trưởng, tổ phó phải họp để thảo luận, tìm hiểu về bài học và bài tập. Việc học tổ có lợi cho cả hai thành phần giỏi và không giỏi. Học sinh giỏi sẽ có điều kiện tìm tòi, trình bày, tập nói, tập diễn tả trước các tổ viên và học sinh không giỏi sẽ có cơ hội tìm hiểu kỹ bài và biết làm bài tập. Phương pháp học tổ không có gì mới lạ, bởi một số trường đã đề ra, nhưng trên thực tế ít trường áp dụng, hoặc áp dụng cũng chỉ cho có lệ. QNNT áp dụng triệt để phương pháp học tổ, có sự kiểm soát của giáo sư phụ trách lớp một cách nghiêm túc để tạo một hồ tương hữu ích giữa giảng dạy và học tập. Ngoài ra, tại QNNT, mỗi lớp đều có một giáo sư phụ trách chịu trách nhiệm dắt dẫn. Việc làm của giáo sư phụ trách lớp được đề ra một cách thực tế và mỗi tháng, ít nhất một lần, giáo sư phụ trách lớp họp với toàn lớp, kiểm tra sự tiến triển, tìm kiếm những trở ngại. Học sinh nào có gì thắc mắc, có gì không hiểu sẽ được giáo sư phụ trách giúp tìm cách giải quyết. Các cuộc sinh hoạt này không chỉ cần thiết cho việc học của học sinh mà còn tạo sự thân mật giữa bạn bè và thầy trò.

Nhờ phương pháp học tổ nghiêm túc và sinh hoạt lớp, tỷ số học sinh hiểu bài, làm bài ở trường rất cao.

ĐỌC SÁCH

Số học sinh ham đọc sách thường rất ít nên tạo thói quen

đọc sách cho học sinh cũng là một vấn đề. Trước hết chúng tôi mua, mượn, mua rẻ và xin sách từ những người quen biết. Ông chủ nhà sách Khai Trí ở Sài Gòn tận tình giúp đỡ trong việc này và chúng tôi tạo một thư viện cho học sinh.

Về sau, ông Khai Trí giúp chúng tôi mở một tiệm sách ở thị xã, giao cho anh Nguyễn Khắc Minh phụ trách. Tôi giải thích cho học sinh hiểu cần phải đọc sách, vì không đọc sách không bao giờ giỏi được. Tôi nêu chỉ tiêu bắt buộc mỗi tháng mỗi học sinh phải ít nhất đọc một cuốn tiểu thuyết bất kể loại tiểu thuyết gì và kiểm soát gắt gao việc này.

Tôi yêu cầu mỗi học sinh có một chiếc cặp, bằng da, bằng giấy, vải, bìa carton thứ gì cũng được để tránh viện lý do nghèo quá mua không nổi. Đến trường, phải mang theo cặp, trong cặp lúc nào cũng có cuốn sách đang đọc và một cuốn vở tóm lược câu chuyện đang đọc. Tôi và các giáo sư có trách nhiệm kiểm soát cuốn sách và cuốn vở đó. Qua tháng khác, phải đọc một cuốn mới và cũng ghi chép cẩn thận.

Ngày thứ bảy của tuần cuối tháng, từng lớp đến trường để thuyết trình về sách. Giáo sư phụ trách lớp và giáo sư Việt văn chịu trách nhiệm việc này. Tất cả học sinh đều chuẩn bị sẵn sàng để thuyết trình, dù mỗi lớp sẽ chỉ có mười học sinh ra trình bày do bốc thăm lúc bắt đầu giờ thuyết trình. Như vậy, mỗi năm mỗi học sinh ít nhất phải đọc chín cuốn sách. Sách do thư viện nhà trường cung cấp theo cách luân chuyển từ người này qua người khác do trường ban học tập trong lớp chịu trách nhiệm ghi chép và chuyển giao. Vì số sách quá giới hạn nên học sinh không thể chọn lựa sách theo ý muốn, trái lại gặp cuốn nào đọc cuốn ấy. Mục đích chỉ nhằm tạo cho học sinh tánh đọc sách để dần dần ham thích đọc sách. Vài tháng đầu, một số học sinh không thi hành đúng, viện lẽ này lẽ nọ, nhưng sau cùng phải tuân hành nghiêm chỉnh.

Việc này xem qua có vẻ đơn giản nhưng đòi hỏi rất nhiều nỗ lực nhắc nhở, khuyến khích và kiểm soát.

Tôi nhờ tất cả giáo sư dù dạy môn văn chương hay bất cứ môn nào, kể cả môn thể thao, môn nấu ăn... đều khuyên học sinh dành thì giờ đọc sách, nói cho học sinh rõ giá trị to lớn của việc đọc sách để tạo phong trào đọc sách toàn trường.

Sau này, một số học sinh cho biết ham mê đọc sách nhờ phong trào đọc sách của trường.

VIẾT NHẬT KÝ

Hoàn cảnh nghèo đói thường khiến hầu hết học sinh mất thời thơ mộng của tuổi học trò. Chúng tôi cố giúp các em trở lại tuổi trẻ trung quý báu ấy được phần nào hay phần ấy bằng việc khuyến khích viết nhật ký. Theo tôi, viết nhật ký giúp tạo cho mình một cuộc sống tinh thần, một cuộc sống tình cảm phong phú, biết nhìn cái hay cái đẹp dù trong cảnh nghèo. Tôi chỉ dẫn cho học sinh giá trị của nhật ký và cách viết nhật ký. Mỗi học sinh phải có một cuốn vở để viết nhật ký, khác với các cuốn vở các môn học khác, phải là cuốn vở đẹp nhất, để nó tồn tại mãi mãi với cuộc đời mình. Ý nghĩ, tư tưởng tình cảm, nhận xét và sự việc... hàng ngày đều được ghi chép vào cuốn vở đó một cách trung thực và tự do, vì mình viết cho mình, viết chỉ cho riêng mình. Tôi muốn học sinh khi hạ bút xuống giấy là viết được ngay, diễn tả được ngay chứ không e dè và cuối cùng bỏ giấy trắng dù công việc cực khó và vạn sự khởi đầu nan.

Tôi cho biết sẽ kiểm soát cuốn nhật ký. Học sinh ngỡ ngác khi nghe tôi nói hai chữ kiểm soát, nên tôi phải giải thích rõ việc này. Tôi bắt buộc trong cặp hàng ngày học sinh mang đến trường phải có một cuốn nhật ký, một cuốn sách đang đọc và một cuốn vở ghi chép về cuốn sách đang đọc đó luôn luôn có trong cặp. Tôi sẽ kiểm soát ba thứ đó bất cứ lúc nào. Riêng cuốn nhật ký, cố nhiên do tôn trọng việc riêng tư, tôi không đọc nội dung, chỉ xem coi có viết hay bỏ giấy trắng, thế thôi. Tôi khuyên các em nên viết những điều thực, không bịa chuyện.

Tôi nhớ những năm học tiểu học, không hiểu sao tôi cũng viết nhật ký dù không có ai khuyên tôi làm việc này. Tôi viết không đều, có khi viết liên tục sáu, bảy ngày, có khi ngưng cả tuần, có khi viết dài, có khi chỉ viết vài câu. Lúc đó, việc viết thật lý thú với tôi, nhất là đêm khuya, một mình trước đèn, ghi lại những chuyện thầm kín nhất, những ham muốn, những ước mơ, rồi giật mình sợ có ai đang đứng sau lưng nhìn đọc... Sau này lớn lên có dịp đọc lại, những dòng chữ đó vẫn đem về nhiều lý thú do gặp những bất ngờ, những ngạc nhiên, những kỷ niệm... gần như đã tan hết.

Tôi rất sung sướng khi trong chiếc cặp mang theo của học sinh QNNT luôn có cuốn sách và cuốn nhật ký...

THỂ DỤC THỂ THAO

Tôi đặt nặng vấn đề thể thao thể dục không do tôi ham mê thể thao thể dục mà thực sự thấy sự cần thiết của hai thứ đó cho sức khỏe. Tôi tin tuyệt đối giá trị câu *“một tâm hồn trong sạch trong một thân hình tráng kiện”*, nên giải thích, kêu gọi, khuyến khích rồi bắt buộc bằng mọi cách. Môn thể thao thể dục được đưa lên hàng đầu tại QNNT. Buổi sáng trước khi vào lớp cũng như sau giờ học buổi chiều, học sinh đều ra sân tập thể dục theo điệu nhạc 30 phút. Khi nhạc trỗi lên, không trừ một ai, không có ngoại lệ nào, hết thấy đều phải ra sân tập thể dục để tạo thói quen tập thể dục không chỉ trong cho thời gian ngắn ở trường mà cho cả đời. Mỗi học sinh phải ghi tên vào ít nhất một bộ môn như bóng tròn, bóng bàn, bóng rổ, bóng chuyền, vũ cầu, bóng bàn... là những môn thông thường và có sẵn ở trường.

Trường ban thể thao của lớp sắp xếp thì giờ huấn luyện, phần nhiều ở cuối tuần, lập lịch thi đấu giữa các lớp. Hàng ngày trên sân trường luôn có những trận đấu giao hữu giữa lớp này, lớp khác. Bởi vậy trường lúc nào cũng sôi động về thể thao thể dục, rất trẻ trung, khoẻ mạnh và yêu đời. Ngoài việc học, học sinh phải đạt một sức khỏe tốt. *“Khỏe trước đã”, “yếu là hèn”* là những châm ngôn thúc đẩy. Loa phóng thanh ở sân trường luôn nhắc: *“Không tập thể dục đều đặn và không chơi thể thao không phải là học sinh QNNT”*. Dây leo, xà ngang, parallel... các dụng cụ thể thao căn bản đều có ở sân trường. Tôi buộc mỗi học sinh tối thiểu phải leo được 6 mét dây và hện sau 3 tháng tập luyện sẽ kiểm soát, nếu học sinh nào không đạt kể như ra khỏi QNNT. Chưa đầy 2 tháng, tất cả học sinh đều đạt mức tối thiểu đó! Tôi biết có một số học sinh lười nhác thiếu tự tin, thiếu ý chí nếu không nghiêm khắc không bao giờ chịu thi hành, dù việc ấy có lợi cho bản thân, và cũng theo tôi, sức khỏe do con người, do chính bản thân mình quyết định. Tôi hoàn toàn đồng ý với nhà thể thao Hebert, *“yếu là hèn nhất”* cho nên tôi tích cực kêu gọi, kiểm soát và nghiêm khắc bắt buộc. Chỉ trong vòng một năm, tình trạng sức khỏe của học sinh tăng rõ rệt. Số học sinh nghỉ học vì đau ốm rất ít, không còn những học sinh lè phè, mỗi mẹt rã rượi như những ngày đầu. Thay cho tình trạng đó là các nét mặt vui tươi, khoẻ khoắn, yêu đời. Hàng năm, các cuộc thi thể

thao thể dục trong tỉnh, trong nước học sinh QNNT đều đạt thành tích đáng kể. Nhiều khi chính tôi cũng ngỡ ngàng tự hỏi: *“Nhờ đâu mà có nổi kết quả như vậy trong khi hầu hết học sinh nghĩa thực đều nghèo túng tới mức cùng quẫn?”* Không ít học sinh có dịp được ăn no, thường chỉ có một bộ quần áo để đi học, không đủ tiền hớt tóc, hàng ngày phải đi bộ sáu bảy cây số để đến trường... nhưng vẫn yêu đời, vẫn tích cực học, nhất là vẫn chơi thể thao, tập thể dục, vẫn viết nhật ký và mơ mộng?

Tôi nghĩ tới những khác biệt giữa QNNT và các trường khác trong tổ chức và sinh hoạt. Chúng tôi đã đặt nhà trường ở tầm mức quan trọng với vai trò thực hiện lý tưởng về đào tạo con người chứ không phải cơ sở kinh doanh hay thuần túy trau dồi kiến thức. Chúng tôi đã có sự chia xé của nhiều người làm việc bất kể giờ giấc không vì thù lao mà chỉ do mong mỗi đạt kết quả tốt. Giáo sư đều tự nguyện vào dạy với tinh thần cao đẹp là thực sự giúp đỡ cho các em thiếu may mắn. Trong khi đó, không khí sinh hoạt trong trường luôn thể hiện tinh thần anh em thân mật, tinh thần đồng đội gắn bó do cùng chung mục đích, cùng chung lý tưởng, không có phân biệt nào giữa mọi thành phần từ hiệu trưởng, ban giám đốc, giáo sư v.v ... Chính không khí sinh hoạt này đã tạo ảnh hưởng tốt với học sinh và trở thành động lực thúc đẩy thái độ tích cực trong học tập, chín chắn lễ độ trong cư xử, lạc quan vui vẻ trong cách sống. Tất cả học sinh đều ý thức đang có những người thiện chí, hoàn toàn vô vị lợi nỗ lực giúp đỡ mình, diu dắt mình, mong muốn mình sẽ có cuộc đời tốt đẹp nên tất cả đều cố gắng tối đa đáp ứng mọi đòi hỏi để vươn lên. Thái độ này của các em trở thành một sức đẩy ngược lại với nhà trường vì là một khích lệ vô cùng lớn lao để mọi người củng cố niềm tin và phát huy thêm khả năng đóng góp cho công việc đã chọn lựa. Đó là những phương diện tương quan hỗ trợ, quần quít với nhau, tiếp sức cho nhau để cùng tiến đến kết quả tốt đẹp của cả ba thành phần là ban giám đốc, giáo sư và học sinh.

KỶ LUẬT

Trong một tình thế cực kỳ loạn lạc, chiến tranh lan tràn khắp nước, mạng sống bấp bênh, tính chất bất sá của con người phát triển mạnh, xã hội gần như vô kỷ luật, kể cả những tập thể đáng lẽ phải có kỷ luật nghiêm minh. Bởi vậy, việc đầu

tiên chúng tôi lưu ý là bằng mọi cách phải giữ cho được kỷ luật. Ngay từ tuần đầu, học sinh đã được học tập, thảo luận đường hướng của QNNT về kỷ luật và phương pháp áp dụng kỷ luật. Thật ra hầu hết các trường đều nêu vấn đề kỷ luật nhưng thường lơ là coi nhẹ việc thi hành. QNNT không phải cơ sở kinh doanh cung cấp phương tiện sinh nhai cho chúng tôi mà là nơi để chúng tôi thực hiện lý tưởng về giáo dục nên bắt buộc phải duy trì được kỷ luật tối đa.

Mỗi lớp đều có trưởng lớp và chia thành nhiều toán — thường một lớp có bốn toán — có trưởng toán rồi mỗi bàn có trưởng bàn... là những người có nhiệm vụ nhắc nhở, kiểm soát việc thi hành kỷ luật. Trưởng lớp, trưởng toán, trưởng bàn do chính học sinh bầu chọn cũng được gọi là các uỷ viên kỷ luật. Khi có học sinh nào xem thường kỷ luật, thì trước hết, trong toán khuyến nhắc sửa đổi. Sau nhiều lần khuyến nhắc mà không kết quả, vấn đề sẽ được đưa cho toàn lớp cùng giúp giải quyết. Nếu không kết quả thì đưa lên văn phòng để giám thị giải quyết và nếu vẫn không kết quả thì đưa lên hiệu trưởng. Hiệu trưởng có thể mời phụ huynh học sinh đó đến trường cùng tìm phương cách nhắc nhở khuyến bảo. Giai đoạn này mà vẫn không thu kết quả, thì học sinh đó bắt buộc phải rời trường. Trên thực tế, rất ít học sinh gặp trường hợp này, phần nhiều đều giải quyết xong ở phạm vi toán hoặc lớp.

Theo phân công, mỗi ngày có một toán trực kiểm soát trật tự toàn trường. Học sinh phải ăn mặc gọn gàng, quần áo rách, sờn phải được vá mành ngay ngắn, đầu tóc hót ngắn gọn. Trong lớp phải ngồi đúng chỗ, ngồi ngay ngắn, không nằm dựa lên bàn, không đùa dỡn, nói chuyện, gây ồn ào. Mỗi bàn có trưởng bàn ngồi ở đầu bàn chịu trách nhiệm về trật tự trong bàn. Đúng 8 giờ kém 15 sáng, sau một hồi chuông, học sinh sắp hàng trước lớp, trưởng lớp xem xét hàng lối, rồi trật tự vào lớp. Vào lớp, học sinh đứng tại chỗ, hát bài *Việt Nam, Việt Nam*. Dứt bài, hô to "*Quyết Tâm*" rồi ngồi xuống chờ giáo sư. Trước khi ra về, học sinh đứng dậy hát bài *Việt Nam, Việt Nam* và hô to "*Quyết Tâm*" rồi theo thứ tự từ bàn đầu đến bàn cuối, ra khỏi lớp, tuyệt đối không chen lấn, không rời hàng mất trật tự. Xe đạp của học sinh lớp nào để trước lớp đó, sắp thành hàng thẳng từ hè trường ra ngoài sân. Những hàng xe đạp, đầu theo đầu, đuôi theo đuôi, thẳng tắp là hình ảnh ngoạn mục. Người qua lại trên

lộ trước trường nhìn những hàng xe đạp của từng lớp đã hơn một lần khen tinh thần kỷ luật và tính ngăn nắp của học sinh.

Học sinh vắng mặt phải có giấy xác nhận của phụ huynh. Nếu nghỉ quá ba ngày toán trưởng học tập phải liên lạc với gia đình học sinh ấy để rõ nguyên nhân. Luôn luôn có sự liên lạc trực tiếp giữa gia đình và nhà trường để theo dõi việc học của học sinh. Trên thực tế về kỷ luật, QNNT đạt kết quả cao khiến các phụ huynh thực sự phấn khởi. Nhiều người đã nói với tôi là họ rất thích kỷ luật nghiêm của QNNT và tiếc con em họ không được vào học.

Học sinh không chỉ giữ kỷ luật khi ở lớp mà biểu hiện tinh thần kỷ luật ở mọi nơi, mọi lúc. Di chuyển trên đường, nếu bằng xe đạp phải đi sát lề mặt nên mỗi khi trường tan học, không gây trở ngại lưu thông. Điều tầm thường này không dễ thực hiện với tuổi học trò, vì hầu hết học sinh thường thích đạp xe song song, có khi dàn hàng ba, hàng năm... nghênh ngang trên đường phố. Học sinh nghĩa thực làm được điều này vì nhà trường liên tục theo dõi việc thực hành từng đòi hỏi đã đề ra.

Thời gian đầu, nhiều học sinh cảm thấy khó chịu vì bị gò bó, nhưng dần dần ý thức được tính hợp lý và mức cần thiết của vấn đề nên đều tự nguyện thực hiện và tạo thành một thói quen khuôn nếp rất tự nhiên. Cuối cùng chính học sinh cảm thấy khó chịu nếu không giữ khuôn nếp đó. Khi đến cổng trường, nếu đi xe đạp, học sinh đều tự động xuống xe, dắt vào sân, không bao giờ đạp xe vào sân trường. Khi đến trước tượng cụ Lương Văn Can, học sinh đều kính cẩn dõ nón cũng như lễ độ cúi chào bất kỳ người lớn tuổi nào bắt gặp trong sân trường...

Tất cả những việc này học sinh làm gần như phản ứng tự nhiên đã đem lại một khích lệ lớn cho trường đồng thời tạo tin tưởng cho giới phụ huynh và nâng cao hơn uy tín của trường.

Tôi đã đi dạy nhiều năm ở miền Nam, ở Sài Gòn, ở miền Trung và đi học qua nhiều thời kỳ, thời Pháp trước 1945, thời kháng chiến 1945-1954, thời quốc gia sau 1954, thậm chí kể cả thời lưu vong đi học lại ở Hoa Kỳ...

Thẳng thắn mà nói, tôi chưa thấy học sinh ở đâu có kỷ luật và lễ độ như học sinh QNNT trong giai đoạn 1970-75. Tôi tin chắc các học sinh nghĩa thực, nếu đi học thêm ở các trường khác trong nước hay ngoài nước, hoặc có dịp đi dạy ở đâu cũng đồng ý với tôi về nhận xét đó.

MÔN TINH THẦN DÂN TỘC

Mục tiêu chủ yếu của QNNT là củng cố và khích động lòng yêu nước, yêu quê hương của lớp trẻ. Tôi vẫn nghĩ mọi người Việt Nam đều thiết tha yêu nước nên Việt Nam không bị Trung Hoa đồng hoá dù bị Trung Hoa đô hộ hàng ngàn năm. Lòng yêu nước đó cũng trải những thời kỳ thăng trầm, khi biến khi hiện và phải un đúc, nuôi dưỡng để khơi dậy khi cần, hầu tạo một sức mạnh phi thường. Môn học “tinh thần dân tộc” trong chương trình của QNNT nhắm mục đích này — mục đích un đúc, nuôi dưỡng lòng yêu nước của lớp trẻ để tiếp nối ông cha xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Môn học không có trong chương trình của bộ Quốc Gia Giáo Dục và duy nhất chỉ áp dụng tại QNNT do cá nhân tôi đảm trách, mỗi lớp hai giờ một tuần.

Dựa vào lịch sử Việt Nam, nhất là những trang sử vẻ vang, tôi phân tích cho thấy hết thảy những chiến công lừng lẫy, những bước tiến tuyệt vời đều nhờ lòng yêu nước. Ngược lại, khi người lãnh đạo thiếu lòng yêu nước và khi lòng yêu nước nơi người dân không được nuôi dưỡng để giữ vững tầm mức là lúc đất nước lâm cảnh nguy vong, tan nát.

Tôi kể lại những phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của người Quảng Ngãi, dù bị đàn áp rất dã man nhưng vẫn tiếp nối liên tục với tinh thần quật khởi cao độ qua nhiều tấm gương anh hùng sáng chói của các nhân vật như Lê Khiết, Lê Trung Đình, Phạm Cao Chấm, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Thú, v.v...

Ngoài ra, tôi nhờ nhiều người ở Sài Gòn như giáo sư Nguyễn Đăng Thục, giáo sư Lam Giang, các anh Chu Tử, Lý Đại Nguyên, Uyên Thao... và một số anh em khác giúp cho những tài liệu về tinh thần bất khuất của dân tộc. Thú thực, tôi say mê xây dựng môn học mới mẻ này với hi vọng một thời gian sau sẽ trở thành môn học cho mọi trường ở Việt Nam đồng thời cũng hy vọng có thể hoàn thành một tập tài liệu giáo khoa hoàn chỉnh cho môn học. Tôi cố truyền đạt cho học sinh thấy các em tuy nghèo khổ, thiếu cơm thiếu áo, nhưng được sinh trưởng trong một vùng đất nói riêng, và một xứ sở nói chung, luôn tràn ngập tinh thần bất khuất. Do đó, các em đừng vì nghèo khổ mà thiếu tự tin hay mặc cảm tự ti, bởi các em đã có sẵn một tài sản quý

báu là tinh thần bất khuất từ nhiều thế hệ ông cha để hiên ngang đứng thẳng nhìn về tương lai với ý chí vượt qua các thử thách gian nan nhất. Vấn đề chủ yếu với các em là quyết tâm học tập hầu tạo những khả năng cần thiết để đối đầu với mọi khó nguy.

Tóm lại, môn tinh thần dân tộc trong giáo trình của QNNT không rời xa mục đích đào tạo con người qua bốn lĩnh vực giáo dục thiết yếu: Đức – Trí – Lý – Lực.

Về Đức, trên nguyên tắc gần như hết sức giản dị.

Bất kỳ ai cũng hiểu ngay phạm vi bao gồm của Đức là đạo nghĩa và đức hạnh. Cụ thể hơn, Đức Dục là rèn giũa cho con người luôn có lòng nhân ái đối với tha nhân, luôn bảo tồn nhân cách bản thân và tôn trọng nhân cách của đồng loại tức là sống với lòng yêu thương chân thật và ý chí quyết liệt giữ gìn phẩm giá con người. Đây là những tính năng chủ yếu để biểu hiện con người cho nên đã có câu nói *“Thiếu đạo đức là thiếu tất cả”*. Đạo đức là nền tảng của cuộc sống và đạo đức cũng chính là căn tính bất buộc để được gọi là con người. Thiếu đạo đức không chỉ thiếu nền tảng kiến tạo cuộc sống mà còn thiếu cả căn tính để được gọi là con người. Cho nên sẽ vô cùng bất hạnh cho dân tộc nào có người lãnh đạo là kẻ thiếu đạo đức. Nhưng hiểu rõ về Đạo Đức mà không thể hiện qua chính hành vi hàng ngày không thể gọi là có đạo đức. Do đó việc giảng dạy không chỉ gói tròn trong các lời lẽ ca ngợi đạo đức mà luôn bao gồm đòi hỏi thể hiện bằng sự cảm thông, nhường nhịn, đùm bọc, thương mến lẫn nhau, bằng cử chỉ, ngôn ngữ lễ độ, tôn trọng lẫn nhau, bằng cách luôn tự nhìn vào bản thân để nhận rõ những sai trái... cần xa lánh bằng cách tạo điều kiện cho học sinh ứng dụng để sẽ tiến tới hình thành một thói quen tốt đẹp trong hành xử và suy nghĩ. Thực tập ngay trong lớp học vì lớp học là một xã hội nhỏ. Yêu cầu cụ thể đặt ra là gần một trăm người trong lớp phải gần gũi, giúp đỡ nhau mọi phương diện, từ học vấn, tánh tình, sức khỏe, kể cả về cả kinh tế tài chánh nếu cần. Giáo sư phụ trách dựa trên những điều cụ thể kể trên để tạo cho học sinh tinh thần tập thể, loại trừ trước hết tính ích kỷ chỉ tuân theo đòi hỏi riêng tư bất kể do đó có thể xâm hại tới người khác. Vượt khỏi phạm vi lớp, toàn trường là xã hội lớn hơn nên học sinh phải xây dựng, bảo vệ, củng cố, phát triển sinh hoạt cùng uy tín của trường bằng cách chọn lựa bạn bè có khả năng, tư cách để bầu vào các ban chỉ huy lớp, trường... Đây là bước thực tập ban đầu

về sinh hoạt theo tinh thần dân chủ, tự do... Ngoài trường học, học sinh còn có cuộc sống gia đình và làng xóm nên cũng cần đáp ứng nhiều đòi hỏi tương tự về suy nghĩ và hành xử như ở trong lớp nhưng với những đối tượng khác là cha mẹ, anh em và bà con láng giềng... Một người tích cực ủng hộ QNNT là bác sĩ Phan Quang Đán, tổng trưởng xã hội, đã tặng trường một ngàn cây chuối, một số máy cày để học sinh thực sự lao động và thiết thực giúp đỡ nông dân bằng hành động cụ thể...

Về Trí, tức kiến thức, là sự hiểu biết. Theo chúng tôi, nhà trường chỉ có thể giúp học sinh có những quan niệm căn bản, học sinh phải tự học là chính. Một triết gia Trung Hoa từng nói: *"Học như đi thuyền ngược nước, không tiến tức là lùi."* Bởi vậy, kể cả khi ra đã rời trường, lúc nào cũng phải tìm tòi học hỏi, nhất là giữa thời đại khoa học tiến bộ quá nhanh luôn có những phát kiến mới. Không học sẽ lập tức trở thành lạc hậu và bị đào thải. Trừ bậc thánh nhân, không ai không đọc sách mà có thể giỏi nên đọc sách giữ một phần chính trong việc học để mở mang kiến thức. Ít nhất mỗi tháng phải đọc một cuốn sách.

Tóm lại, bên cạnh Đức Dục là Trí Dục. Phải trau dồi đức hạnh để giữ vững tư cách con người thì cũng không thể lơ là việc trau dồi kiến thức để trở thành con người thực sự hữu ích. Có đức hạnh mà thiếu kiến thức tức thiếu hiểu biết sẽ khó thể giúp đời, nhiều khi còn tác hại cho đời. Thiếu hiểu biết mà lại giữ vai trò chỉ đạo xã hội thì chắc chắn đưa xã hội xuống vực thẳm. Đây là điều có thể lý giải nguyên do khiến các nước áp dụng chủ thuyết cộng sản đều có đời sống thảm hại về mọi mặt. Diễn giải vấn đề này cần phải hàng ngàn trang sách, thậm chí cần nhiều hơn nữa, nhưng cũng có thể tóm gọn chỉ trong một câu vắn tắt: Cộng sản tôn sùng bạo lực, coi bạo lực là phương tiện duy nhất trong khi miệt thị kiến thức tới mức đã có hẳn một phương châm *"trí thức chỉ là cục cứt"*.

Nhưng, có Đức, có Trí chưa đủ nếu thiếu hướng nhắm rõ rệt để đi tới trong cuộc sống. Nói một cách giản dị, bên cạnh Đức, Trí còn cần có Lý hay Lý Tưởng. Theo cách hiểu thông thường, lý tưởng là một ý hệ chính trị nào đó đề ra một phương hướng xây dựng xã hội. Cách hiểu này không sai nhưng có thể tạo nhiều ngộ nhận dẫn đến thu hẹp ý nghĩa chứa đựng trong hai chữ lý tưởng. Trên thực tế, không nhất thiết phải tham gia các đoàn thể chính trị mới có lý tưởng. Lý tưởng trước hết là

một giấc mơ, rồi biến thành mục tiêu, chủ đích trong cuộc sống. Chủ đích chung của con người trong cuộc sống chắc chắn không ngoài mong ước đạt tới cảnh đời an hoà, hạnh phúc, dù quan niệm về an hoà và hạnh phúc có thể không hoàn toàn tương hợp giữa mọi người. Vì thế, không thể gọi là con người nếu thiếu chủ đích tức thiếu lý tưởng để theo đuổi. Không bao giờ có con người sống ngu ngơ không biết gì, không nghĩ gì, không mong gì về ngày mai của chính mình. Cho nên thuở thiếu thời của mỗi người luôn hiện lên những mộng mơ và theo năm tháng với đà tăng trưởng về đức hạnh, về kiến thức sẽ chuyển hoá thành ước nguyện đồng thời xác định rõ phương hướng đi tới. Không thể coi nhẹ lý tưởng hay hướng sống, nếu muốn tránh rơi vào cảnh sống mù loà, bất định.

Tuy nhiên, Đạo – Trí – Lý tồn tại hay không hoàn toàn dựa vào sự tồn tại của bản thân, tức dựa vào yếu tố Lực. Có đạo đức, có hiểu biết đầy đủ, có hướng sống rõ ràng vẫn khó tới đích nếu thiếu sức khoẻ để đi tới hoặc duy trì sự tồn tại của bản thân.

Không ai xa lạ với những câu “*sức khoẻ là vàng*”, “*sức khoẻ trước đã*”... Giá trị những nhắc nhở này không còn nằm trong vòng ngờ vực mà đã hiển hiện như một chân lý bất biến. Không có sức khoẻ thì con người gần như trở thành vô dụng. Cho nên giữ gìn và tăng cường sức khoẻ đã được con người theo đuổi từ ngàn xưa qua không biết bao nhiêu sáng kiến bao gồm trong lãnh vực được gọi tên là thể thao thể dục. Thân xác ốm yếu, bệnh hoạn mà luôn luôn thoải mái yêu đời, luôn luôn cởi mở với mọi người, sẵn sàng dấn thân chấp nhận đương đầu với mọi thử thách để đem lại những điều tốt đẹp cho cuộc sống là điều chưa từng có và chắc chắn không bao giờ có.

May mắn là sức khoẻ phần lớn do nỗ lực của con người và tạo sức khoẻ tương đối dễ dàng hơn tạo kiến thức. Ngày nay có hàng trăm cách tạo sức khoẻ, nhưng thể thao thể dục vẫn là cách hữu hiệu nhất. Cho nên ở QNNT, chúng tôi đưa thể thao thể dục lên hàng đầu, đòi hỏi lớp trẻ phải nỗ lực rèn luyện để thực sự khoẻ. Khỏe mạnh mới hi vọng có một ý chí kiên cường, một lý tưởng cao đẹp, một sự hiểu biết rộng rãi.

Với quan niệm đó, chúng tôi đặt bốn yếu tố Đức-Trí-Lý-Lực là các lãnh vực đào tạo chủ yếu trong chủ trương giáo dục của QNNT và tin là sẽ cung ứng cho xã hội những công dân thực sự hữu ích nếu chúng tôi đi trọn được con đường đã vạch.

GIÚP ĐỠ QNNT

Sau khi tạo được niềm tin trong quần chúng, QNNT đã nhận nhiều sự giúp đỡ, trước hết là nhiều người tham gia danh sách sáng lập viên với ý hướng chia xẻ công việc bằng bốn phận xây dựng, củng cố trường.

Ngoài ra, nhờ báo chí ở Sài Gòn, đặc biệt là tuần báo *Đời* và nhật báo *Sóng Thần* của các anh Chu Tử, Uyên Thao tích cực quảng bá, khiến cả nước đều biết đến QNNT, có thiện cảm và tin tưởng vào cơ sở văn hoá giáo dục này.

Đồng thời QNNT cũng nhận sự trợ giúp đặc biệt của bác sĩ Phan Quang Đán ngay từ những ngày đầu tiên hành tổ chức. Bác sĩ Phan Quang Đán quê ở Nghệ An, lúc còn là một sinh viên trường thuốc trước 1945, khi quân phiệt Nhật cướp phá đất đai, hủy hoại mùa màng tại miền Bắc tiếp nối là những thiên tai khiến đồng bào Bắc Việt chết đói tới hai triệu người, đã tích cực phát động phong trào toàn dân cứu đói. Vì hành vi đầy lòng từ thiện này, người sinh viên họ Phan đã được biết đến trên khắp nước. Sau tháng 8 năm 1945, Phan Quang Đán xuất ngoại, nghiên cứu học hỏi về y học và chính trị tại nhiều nước Âu Mỹ

Năm 1957, bác sĩ Đán về nước lập đảng Dân Chủ đối lập với chính quyền Ngô Đình Diệm. Do không còn giữ vẹn niềm tin ở chánh quyền, rất đông dân chúng tín nhiệm bác sĩ Phan Quang Đán và ủng hộ đảng Dân Chủ.

Thực tế này khiến bác sĩ Đán luôn bị chính quyền gây khó khăn trong mọi hoạt động. Dịp tranh cử dân biểu quốc hội tại quận Nhì ở Sài Gòn, bác sĩ Đán thắng cử với số phiếu tối đa, nhưng chính quyền loại ông khỏi danh sách trúng cử và đưa ông vào tù. Có lần bác sĩ Đán nói với tôi: *“Khi ông Diệm ở Mỹ, ông thường ở các nhà thờ, có những lần ông nhờ tôi làm thông dịch khi nói chuyện với các chính khách Hoa Kỳ, vì ông nói được tiếng Pháp nhưng không rành tiếng Anh, nhưng khi về nước ông lại ưa đưa tôi vào tù”*. Tôi còn nhớ một năm bão lụt ở miền Trung, số người màn trời chiếu đất quá nhiều, chánh quyền cứu trợ chậm chạp, báo chí phê phán chỉ trích kịch liệt. Bác sĩ Đán nói với tôi: *“Anh quen nhiều bên quân đội, ráng nói với mấy ông giao cho tôi việc cứu trợ bão lụt miền Trung. Tôi tình nguyện làm không lương, chức vụ gì cũng được, nhất định tặng phẩm đến*

tận tay nạn nhân một cách nhanh chóng” Tôi vừa ngạc nhiên, vừa mừng. Sau khi biết chắc thực tâm của bác sĩ Đán, tôi tìm cách gặp trung tướng Thiệu lúc ấy đang là Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

Trưa hôm sau, tôi vào tư dinh ông Thiệu trong khu tổng tham mưu. Trung tướng Thiệu cho biết ông đã khiển trách tổng trưởng xã hội rồi, và nói thêm đại ý *“bạn báo chí có một nó nói mười, hơi nào nghe, còn bác sĩ Đán thì để xem lại vì anh em trong quân đội không ai thích ông ta”*. Tôi nói thẳng với ông Thiệu rằng bác sĩ Đán vì lo cho dân chúng nên mới tình nguyện làm bất cứ việc gì và làm không lương để đưa tặng phẩm tới tận tay nạn nhân bão lụt, nên ông không xử dụng ông Đán là điều thiệt thòi lớn cho dân chúng và cho sự nghiệp của ông.

Mấy năm sau, bác sĩ Đán giữ chức phó thủ tướng kiêm tổng trưởng xã hội đặc trách khai hoang lập ấp.

Bác sĩ Đán ủng hộ QNNT ngay từ ngày đầu, có lần dẫn cả một phái đoàn gồm đại diện các đại sứ ở Sài Gòn ra thăm trường để họ thấy tận mắt. Kết quả, toà đại sứ Tây Đức cho QNNT 10 ngàn Mỹ kim để xây trường dạy nghề cho học sinh. Chúng tôi xây trường dạy nghề dưới chân núi Bút bên kia đường, đối diện với trường chính. Tại đó, chúng tôi mở lớp sửa máy nỏ và lớp dạy may cho nữ sinh. Hai toà đại sứ Tân Tây Lan và Pháp tặng sách vở để thưởng cho học sinh. Các toà đại sứ khác giúp đỡ về vật liệu đã cho vài chục ngàn tấm tôn, hột mè loại tốt... Riêng bác sĩ Đán tặng một triệu đồng, một ngàn lười cước, mười máy cày để học sinh giúp đỡ nông dân trong vùng, năm mươi máy may để dạy nghề cho nữ sinh và còn giúp cho học sinh được ăn bữa trưa tại trường trong những ngày học... Ngoài sự tận tình giúp đỡ, bác sĩ Đán luôn dành thì giờ ghé thăm trường mỗi khi đi công tác miền Trung. Theo tôi, bác sĩ Đán là một chính khách có nhiều ưu thế về tài năng, ý chí, kinh nghiệm đấu tranh, từ nhỏ đã có lý tưởng, có hoài bão lớn, nói chung, có đầy đủ khả năng tham dự hàng ngũ lãnh đạo đất nước. Rất tiếc, việc ông tham gia liên danh cùng cụ Phan Khắc Sửu ra tranh cử tổng thống đã không thành vì các trở ngại dễ hiểu trong giai đoạn đó!

Tổng thống Thiệu vào một dịp viếng thăm Quảng Ngãi, từ khán đài thấy một đoàn học sinh đồng phục, hàng ngũ nghiêm chỉnh, hết một toán lính ở quân trường, phía trước căng một

biểu ngữ lớn với hàng chữ đỏ: “QNNT trung tâm giáo dục miễn phí, dành cho con em binh sĩ” trong khi các đoàn học sinh khác đứng ngồi lộn xộn. Tổng thống quay sang hỏi đại tá tỉnh trưởng ngồi bên rồi đứng dậy, xuống khán đài, đi đến ngay trước đoàn học sinh QNNT. Học sinh vỗ tay chào mừng vị nguyên thủ. Tổng thống hỏi chuyện vài giáo sư và học sinh ở hàng đầu, đoạn trở về khán đài, tuyên bố tặng QNNT một triệu đồng để xây thêm phòng học và hứa sẽ đến thăm trường.

Hội Lion cho một triệu đồng theo đề nghị của chủ tịch chi nhánh Hội, Ngô Công Minh. Ông Minh người Quảng Ngãi, thiếu thời nghèo khổ, bỏ quê vào Sài Gòn, tá túc tại một ngôi chùa, sau đi Pháp vừa làm vừa học, tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại. Về nước, anh xuất bản nhật báo *Lẽ Sống* có thời là tờ báo lớn nhất tại Sài Gòn. Anh ra dự lễ phát phần thưởng cuối năm của trường, thuyết trình về ca dao Việt Nam và xúc động nói với học sinh khi anh đọc báo biết về QNNT, đã nghĩ nếu có một trường như thế này lúc anh còn nhỏ thì anh đỡ khổ biết bao...

Chủ tịch Ngân Hàng Nam Việt, ông Phạm Sanh, cho một triệu đồng. Phạm Sanh cũng là người Quảng Ngãi, con nhà nghèo, làm thợ dệt, nhờ tích cực làm ăn trở thành giàu có và làm chủ một ngân hàng.

Ông Phạm Kim Ngọc, bộ trưởng kinh tế, tặng một triệu đồng và cho trường được độc quyền phân phối đường của nhà máy đường Quảng Ngãi.

Một người cũng tích cực giúp đỡ QNNT từ những ngày đầu là ông Trần Quốc Bửu, chủ tịch nghiệp đoàn công nhân Sài Gòn. Ông Trần Quốc Bửu từng cùng cụ Phan Khắc Sửu ở trong nhóm lãnh đạo cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa trước 1945 và cùng bị đày đi Côn Đảo nên tôi được cụ Sửu giới thiệu với ông. Ông là người có thể lực với chính quyền nên can thiệp giúp trường rất hiệu quả mỗi khi gặp trở ngại và chính ông cũng ra lệnh cho nghiệp đoàn Quảng Ngãi tận lực hỗ trợ.

Nhà văn Chu Tử, chủ biên tuần báo *Đời*, có lẽ là người gần bó đặm đà hơn hết với QNNT. Tuần báo *Đời* gần như theo dõi sát từng bước tiến hành xây dựng QNNT để thông báo với mọi người. Nhờ có số độc giả lớn, nhất là chủ trương thẳng thắn phê phán mọi việc làm của chính quyền, tiếng nói của tuần báo *Đời* rất được độc giả hưởng ứng nên đã giúp nhiều người biết đến QNNT với thiện cảm tin cậy.

Giữa thời điểm đó lại nổ ra vụ bác sĩ Hà Thúc Nhơn tại quân y viện Nguyễn Huệ, Nha Trang chống tham nhũng dẫn đến cái chết tức tưởi của vị bác sĩ quân y này vào ngày 30-8-1970 khiến xuất hiện tại Sài Gòn một tập thể chống tham nhũng là Nhóm Hà Thúc Nhơn quy tụ một số bạn bè của bác sĩ Hà Thúc Nhơn cùng một số người đang đòi hỏi trong sạch hoá guồng máy chánh quyền để tăng cường nỗ lực ngăn chống cộng sản. Tôi đã có mặt trong Nhóm Hà Thúc Nhơn cùng bác sĩ Phạm Văn Lương, võ sư Trần Huy Phong, ký giả Lý Đại Nguyên, nghị viên Hà Thế Ruyệt và hai anh Chu Tử, chủ biên tuần báo *Đời*, Uyên Thao, tổng thư ký tuần báo *Đời*. Với chủ trương đầy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh đòi trong sạch hoá guồng máy chánh quyền, Nhóm Hà Thúc Nhơn quyết định xuất bản một nhật báo và cuối tháng 9 năm 1971, nhật báo *Sóng Thần* chính thức ra mắt. Sự có mặt của nhật báo *Sóng Thần* giúp quảng bá mạnh mẽ hơn mọi tin tức liên quan tới QNNT. Tờ báo với chủ trương trong sạch hoá chánh quyền, khẳng định thể đứng bên vực mọi quyền sống chính đáng của người dân, đặc biệt là thành phần nghèo khổ, thất thế, nạn nhân của các tệ nạn ngược đãi, bất công, đồng thời trực diện đối đầu với mọi thế lực tham nhũng, cụ thể là tổ giác mọi hành vi lạm quyền, xâm hại đời sống người dân, tạo điều kiện cho cộng sản lợi dụng gây nguy hại tới vận mạng miền Nam. Tờ báo trở thành kẻ thù của các phần tử đầu cơ thời thế, mua quan bán tước... nên gần như luôn bị vây hãm giữa vòng vây khó khăn, nguy hiểm. Chẳng hạn khi tờ báo phanh phui hành vi làm giàu phi pháp của vị tướng tư lệnh sư đoàn có tên "*Quế tướng công*" ngang nhiên khai thác quế tại Quảng Ngãi đem bán lậu cho giới gian thương Trung Hoa thì Bộ Thông Tin tịch thu báo và đưa ra toà với tội danh làm giảm uy tín quân đội. Đồng thời, vị tướng trên còn sai người về trực tiếp đe dọa cho nổ tung toà báo bằng lựu đạn. Đổi lại, tờ báo giành được sự tin cậy của độc giả khắp nước, đặc biệt nhiều chiến binh đang có mặt tại các mặt trận coi tờ báo như người bạn đồng hành, và trở thành tờ báo hàng đầu miền Nam cả về uy tín lẫn số báo in. Từ đây, QNNT càng được thêm nhiều giới biết tới và đã nhận được sự tán trợ từ hầu khắp mọi miền đất nước.

Tôi cần nói thêm về hai anh Chu Tử và Uyên Thao.

Chu Tử là người Sơn Tây, Bắc Việt, trước 1945 anh đậu

cử nhân luật, từng dạy trường tư thục Thăng Long ở Hà Nội. Sau 1954, anh di cư vào Nam vẫn dạy tư, làm báo, viết sách. Các tác phẩm của anh được lớp trẻ thời ấy rất ưa thích, nhất là hai tác phẩm *Yêu*, *Sống* gần như không học sinh nào không đọc, đến nỗi Chu Tử trở thành “*một hiện tượng*”. Anh thường nói là anh rất ghét chánh quyền, từ trước 1945 cho đến sau này. Anh bất cần mọi hậu quả và nhiều khi sống bạt mạng. Anh luôn luôn chống đối, nhất là chống đối với tham nhũng. Đó là lý do anh tích cực ủng hộ các việc làm của tôi từ việc chống tham nhũng đến việc xây dựng QNNT. Anh chết trong chuyến tàu di tản ngày 30 tháng 4 năm 1975 do một trái đạn pháo kích rơi trúng boong tàu khi chưa ra khỏi sông Sài Gòn.

Giống như Chu Tử, Uyên Thao cũng chuyên nghiệp làm báo và nhỏ hơn Chu Tử hơn mười tuổi. Uyên Thao người gốc Tuyên Quang nhưng sinh trưởng tại Hà Nội, vào Sài Gòn cuối năm 1953, viết báo *Đời Mới* của ký giả Trần Văn Ân rồi tham gia Lực Lượng Liên Minh Quốc Gia Kháng Chiến tại Bà Đen. Suốt cuộc đời gần như lúc nào anh cũng gắn bó với báo chí và viết lách. Lúc còn đi học, lúc trong quân đội và ngay cả bây giờ tại Mỹ, bệnh nan y khiến mạng sống của anh chỉ còn được tính từng ngày, nhưng anh vẫn tích cực viết sách, xuất bản sách, lập tủ sách Tiếng Quê Hương. Có lẽ đến giờ phút cuối cùng, trên nét mặt Uyên Thao lúc nào cũng đăm chiêu, cũng suy nghĩ và hận thù những bất công trong xã hội. Anh là một người can trường, quyết liệt, dám nói, dám làm, dám viết và không bao giờ khoan nhượng, thoả hiệp. Với tư cách trực tiếp điều hành tuần báo *Đời*, nhật báo *Sống Thần*, anh tích cực ủng hộ QNNT và đã dành nhiều thì giờ xây dựng công trình văn hoá giáo dục này.

Niên khóa 1973-74, lần đầu tiên QNNT có học sinh thi tú tài. Sáu chục học sinh dự thi, trúng tuyển ba mươi. Tỷ lệ tuy không cao, nhưng là khích lệ lớn. Trong số thi đậu chúng tôi chọn bảy học sinh cho vào Sài Gòn tiếp tục học đại học. Theo dõi suốt bốn niên khóa, chúng tôi chọn ưu tiên một là đạo đức và lý tưởng do luôn khẳng định con người sau khi học hành có kiến thức, có hiểu biết rộng mà thiếu đạo đức, thiếu lý tưởng thì chẳng những không đem lại ích lợi mà còn tác hại kinh khủng cho xã hội, cho tổ quốc. Không cần tìm chứng cứ cho khẳng định trên ở đâu mà chỉ cần nhìn vào lớp người cầm quyền ở cả

hai miền đất nước là đủ thấy rõ. Bởi vậy, chúng tôi đặt nặng mục tiêu đào tạo về đạo đức cho lớp trẻ.

Theo suy nghĩ của chúng tôi, chừng mười lăm, hai mươi năm sau, QNNT có thể đào tạo vài trăm người, nếu bị đào thải vì thiếu ý chí, thiếu khả năng hoặc do cơm áo... ít nhất cũng còn vài mươi người đầy đủ điều kiện để tham gia hàng ngũ lãnh đạo.

Thiếu chuẩn bị thì bậc thiên tài như Nguyễn Trãi cũng đành nhìn trời mà than "*Hào kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu*". Chính vì thiếu chuẩn bị nên khi lập nội các, tìm không ra người đủ tin cậy, cụ Trần Văn Hương, một chính khách khả kính ở miền Nam phải phát biểu "*Đi chợ không có cá đành phải mua tôm*" và thảm hơn nữa, phải thú thật: "*Nếu diệt tham nhũng thì còn ai làm việc!*" Lời than của cụ Hương cho thấy miền Nam lọt vào tay cộng sản không có gì khó hiểu.

Nhiều lúc chúng tôi tiếc nếu Hồ Chí Minh có kiến thức đủ để nhìn xa thấy rộng, không mù quáng cuồng tín một chủ thuyết phản lại mọi quy luật sinh hoá tự nhiên, nhất là không có đám đàn em chỉ biết cúi đầu nhắm mắt nghe theo thì đất nước đã tránh khỏi thảm cảnh hàng triệu người phải chết một cách oan uổng. Người lãnh đạo thiếu học hành, thiếu hiểu biết, nhất là thiếu đạo đức, không có lòng thương yêu dân chúng, không quý mạng sống con người chắc chắn chỉ đem lại những tai họa kinh hoàng.

Cho nên bắt buộc phải coi đào tạo đạo đức và lý tưởng cho lớp trẻ là ưu tiên số một.

Tuy nhiên, chỉ lựa bảy học sinh chuyển vào Sài Gòn học đại học còn do chúng tôi chưa vượt nổi mức giới hạn về phương tiện và chưa có kinh nghiệm xin chỗ ở, chỗ ăn cho học sinh.

Trên thực tế, tôi chỉ dựa vào sự tiếp sức của bạn bè và thân nhân. Tôi gửi gia đình anh Tạ Ký nuôi một em, gia đình Nguyễn Cự, em tôi, nuôi một em do hội ái hữu Quảng Ngãi tài trợ. Năm em khác được anh Trí Đăng nhận nuôi. Cũng như Tạ Ký, anh Trí Đăng là bạn chúng tôi, là giáo sư ở Sài Gòn, hiện anh ở Mỹ làm ăn rất phát đạt.

Tôi luôn cảm phục và biết ơn các Mạnh Thường Quân kể trên, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh đầy rẫy khó khăn, vẫn sẵn sàng mở rộng từ tâm giúp đỡ học sinh QNNT.

Một hội từ thiện ở Tây Đức hứa cho một số học bổng và chúng tôi đã lo chuẩn bị cho các em đó sang Tây Đức du học.



Học sinh QNNT tập dượt chuẩn bị lễ khánh thành



Những giỏ hoa do học sinh tự trồng



*Lễ khánh thành Trường
ngày 20 tháng 1 năm 1970
và Phù hiệu học sinh QNNT*





*Nguyễn Văn Minh, ban giám đốc QNNT,
phát biểu ngày khánh thành QNNT 20.1.1971*



*Nguyễn Liệu, trong ngày khánh thành QNNT
20-1-1971*

**DANH SÁCH GIÁO SƯ
QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC**

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 001. Bùi Hoàng Minh | 002. Bùi Hoàng Nam |
| 003. Bùi Thị Trâm | 004. Bùi Văn Nho |
| 005. Cao Màng | 006. Cao Văn Cảnh |
| 007. Dương Ngọc Thành | 008. Dương Phương |
| 009. Dương Thái Phát | 010. Đào Mạnh Xuân |
| 011. Đào Minh Châu | 012. Đặng Thế Lai |
| 013. Đặng Thị Huệ | 014. Đinh Hoàng Sa |
| 015. Đinh Thiên Hải | 016. Đoàn Hiến |
| 017. Đoàn Ngọc Quế | 018. Đỗ Đăng Sơn |
| 019. Đỗ Phú Lạng | 020. Đỗ Sâm |
| 021. Hà Quốc Tống | 022. Hà Thúc Chương |
| 023. Hoàng Đình Tùng | 024. Hoàng Kim Ngô |
| 025. Hoàng Sơn Phụng | 026. Hoàng Thái Huy |
| 027. Hồ Xuân Phong | 028. Huỳnh Bồng |
| 029. Huỳnh Châm | 030. Huỳnh Châu |
| 031. Huỳnh Hồng | 032. Huỳnh Ngàn |
| 033. Huỳnh Quý Ngọc | 034. Huỳnh Quốc Tín |
| 035. Huỳnh Văn Chương | 036. Huỳnh Văn Hòa |
| 037. Lâm Thế Hảo | 038. Lê Cao Sơn |
| 039. Lê Chức | 040. Lê Hồng |
| 041. Lê Hữu Liệu | 042. Lê Ngọc Anh |
| 043. Lê Ngọc Hoàng | 044. Lê Nhuận |
| 045. Lê Tài | 046. Lê Tiến Thanh |
| 047. Lê Thị Thương | 048. Lê Tấn Dụng |
| 049. Lê Thị Xuân Đài | 050. Lê Trung Kiệt |
| 051. Lê Trọng Bút | 052. Lê Văn An |
| 053. Lê Văn Nghĩa | 054. Lê Văn Thành |
| 055. Lê Văn Trung | 056. Lê Xuân Kính |
| 057. Lê Yên | 058. Lương Văn Bá |
| 059. Lương Văn Tường | 060. Nguyễn Ái |
| 061. Nguyễn An Ninh | 062. Nguyễn Bình Hoàn |
| 063. Nguyễn Cao Can | 064. Nguyễn Đình Chương |
| 065. Nguyễn Đình Cương | 066. Nguyễn Đồng |
| 067. Nguyễn Đức Luận | 068. Nguyễn Đức Thanh |
| 069. Nguyễn Đức Thịnh | 070. Nguyễn Hiệp |

071. Nguyễn Hữu Sang
073. Nguyễn Khoa Phương
075. Nguyễn Mạnh
077. Nguyễn Minh Đường
079. Nguyễn Nhân
081. Nguyễn Nhung
083. Nguyễn Phước Hòa Tân
085. Nguyễn Tấn Ninh
087. Nguyễn Thanh Hậu
089. Nguyễn Thị Hiếu Tâm
091. Nguyễn Văn Bu
093. Nguyễn Văn Đồng
095. Nguyễn Văn Kính
097. Nguyễn Văn Lộc
099. Nguyễn Văn Phú
101. Nguyễn Văn Thịnh
103. Nguyễn Vinh Lý
105. Nguyễn Vỹ
107. Ngô Xuân Vũ
109. Phạm Đình Hiệu
111. Phạm Ngọc Khuê
113. Phạm Ngọc Vinh
115. Phạm Thị Hồng Hạnh
117. Phạm Văn Bảy
119. Phạm Văn Tường
121. Phan Ái Đông
123. Phan Kỳ Mỹ
125. Phùng Quốc Hanh
127. Tạ Thanh Hối
129. Thái Mạnh Tiến
131. Tô Diễm
133. Trần Anh Lan
135. Trần Cao Bằng
137. Trần Công
139. Trần Dương
141. Trần Hữu Huy
143. Trần Ngọc Bích
145. Trần Ngọc Tấn
147. Trần Sáng
072. Nguyễn Hữu Sung
074. Nguyễn Lập
076. Nguyễn Mậu Bân
078. Nguyễn Minh Hưng
080. Nguyễn Nhất Ngôn
082. Nguyễn Phước Lai
084. Nguyễn Tấn
086. Nguyễn Tấn Thanh
088. Nguyễn Thị Ái Tuyết
090. Nguyễn Thị Lan Hồng
092. Nguyễn Văn Chất
094. Nguyễn Văn Hoàng
096. Nguyễn Văn Khánh
098. Nguyễn Văn Minh
100. Nguyễn Văn Tín
102. Nguyễn Vinh
104. Nguyễn Xuân Ái
106. Ngô Đức Kế
108. Phạm Có
110. Phạm Ngọc Anh
112. Phạm Ngọc Khương
114. Phạm Thanh
116. Phạm Thị Khiêm
118. Phạm Văn Niên
120. Phạm Xuân Tấn
122. Phan Huy
124. Phan Văn Bình
126. Tạ Nguyên Phú
128. Tạ Thị Nga
130. Thái Từ
132. Tôn Thất Minh
134. Trần Bật
136. Trần Cao Lượng
138. Trần Công Đồng
140. Trần Đức Hoàng
142. Trần Nghi
144. Trần Ngọc Diêu
146. Trần Phong
148. Trần Tuyết

149. Trần Văn Đạt
151. Trần Văn Kỳ
153. Trần Văn Trình
155. Trịnh Quang Thuộc
157. Trương Cung
159. Võ Hữu Cảnh
161. Võ Tấn Nhơn

150. Trần Văn Hưng
152. Trần Văn Thanh
154. Trần Văn Vạn
156. Trịnh Văn Phát
158. Võ Hồng Tiên
160. Võ Hữu Phụ
162. Võ Xuân Kim

**BAN GIÁM ĐỐC
QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC**

*** Hiệu trưởng:**
NGUYỄN LIỆU

*** Giám đốc:**
NGUYỄN VĂN MINH

*** Giám học:**
NGUYỄN CAO CÁN

*** Hiệu đoàn trưởng:**
TRẦN HỮU HUY

*** Hiệu đoàn phó:**
PHẠM VĂN NIÊN

*** Trưởng khối học tập:**
LÊ NGỌC ANH

*** Trưởng khối sinh hoạt:**
HỒ XUÂN PHONG

*** Trưởng khối văn nghệ:**
HUỶNH QUÍ NGỌC

*** Trưởng khối báo chí:**
TRẦN VĂN HƯNG

*** Trưởng khối thể thao:**
NGUYỄN ĐỒNG

*** Quản thủ thư viện:**
LÊ KHẮC MINH

*** Các ủy viên**

NGUYỄN VĂN ĐỒNG — LÊ VĂN NGHĨA — ĐẶNG LAI
CHẾ QUÂN — TRẦN NGỌC TÂN — NGUYỄN KHẮC MINH

VĂN PHÒNG

*** Văn phòng trưởng:**

LÊ TẤN DỤNG

*** Tổng giám thị:**

ĐÀO MINH CHÂU

*** Giám thị:**

TRẦN MINH — BÙI VĂN CHƯỚC

*** Thư ký:**

NGUYỄN THUYẾT — LÊ THỊ ĐOÀN



*Tượng cụ cử Lương Văn Can
hiệu trưởng Đông Kinh Nghĩa Thực 1907*

DỰNG TƯỢNG LƯƠNG VĂN CAN

Nói đến nghĩa thực là phải nói đến phong trào yêu nước Đông Du, trong đó cụ Lương Văn Can làm hiệu trưởng Đông Kinh Nghĩa Thực năm 1907 tại Hà Nội. Bởi thế, chúng tôi quyết định dựng tượng Lương Văn Can ở sân trường để tưởng nhớ người anh hùng dân tộc, đồng thời cho học sinh thấy QNNT quyết tâm noi theo đường hướng và lòng yêu nước của các cụ.

Tôi nhờ hai anh Chu Tử, Uyên Thao của tuần báo *Đời*, nhật báo *Sóng Thần* ở Sài Gòn tìm một điêu khắc gia nổi tiếng để thực hiện pho tượng này. Anh Chu Tử gặp điêu khắc gia Lê Thành Nhơn, người từng được báo chí ca tụng về việc dựng tượng Đức Mẹ ở Quảng Trị, dựng tượng Phan Bội Châu ở Huế.

Anh Nhơn bay ngay ra Quảng Ngãi gặp chúng tôi.

Chúng tôi thuê khách sạn để anh ở nhưng anh từ chối. Anh bảo thấy cuộc sống của chúng tôi giản dị quá và ý nghĩa cao đẹp của QNNT nên anh không thể ở khách sạn. Anh yêu cầu được sống như chúng tôi, và chỉ cần cho anh một cái giường ở hội trường nhà trường là đủ. Tôi rất cảm phục sự thâm cảm và chia sẻ của anh. Để anh hiểu rõ thêm về chí sĩ Lương Văn Can, tôi đưa cho anh một cuốn sách, một số tài liệu về Đông Kinh Nghĩa Thực và phong trào Đông Du, trong đó có nhiều hình ảnh Lương Văn Can. Sau một tháng làm việc gần như đêm ngày, anh hoàn thành pho tượng tuyệt đẹp.

Tượng cao 7 mét, dựng trên một đài cao 5 mét đặt trong bồn nước lớn giữa sân trường. Tượng đắp bằng xi măng trắng, một cụ già gương mặt hiền từ, vui vẻ, tay trái ôm cuốn sách, mặt hướng nhìn xa xa về phía trước chan hoà nét tự tin.

Nhân ngày kỷ niệm một năm thành lập QNNT, chúng tôi tổ chức long trọng lễ khánh thành và thắp nhang tưởng niệm Lương Văn Can. Đông đảo phụ huynh, giáo sư, nhân sĩ, các vị nhà giáo lão thành đã đến tham dự buổi lễ. Tôi mời cha tôi, một nhân sĩ 80 tuổi, lên đèn thắp nhang lễ bái. Buổi lễ đầm ấm trang nghiêm phủ khắp khuôn viên trường một không khí thiêng liêng đậm lòng yêu nước.

Từ đó, mỗi khi học sinh vào sân trường tới trước tượng Lương Văn Can đều giở nón bày tỏ sự thành kính. Mỗi học sinh

QNNT đều thuộc lòng tiểu sử Lương Văn Can và hiểu rõ công việc cụ làm cho Đông Kinh Nghĩa Thục, cùng đường lối chủ trương của phong trào Đông Du.

ĐẬP TƯỢNG LƯƠNG VĂN CAN

Ngày 23 tháng 3 năm 1975, cộng sản chiếm Quảng Ngãi và sau đó ít ngày đã cho đập tượng Lương Văn Can, bảo đó là một lão cường hào phong kiến. Đám người đến chiếm trường, gọi là ty giáo dục thừa lệnh tỉnh ủy, không biết Lương Văn Can là ai. Cả mấy chục cán bộ chỉ huy trong tỉnh đều không ai biết đến tên Lương Văn Can, mặc dầu trong sổ có vài ba người có cấp bằng tiến sĩ, phó tiến sĩ! Họ chỉ nghe nói đến những nhân vật lãnh đạo đảng cộng sản từ năm 1930 trở lại. Lúc ấy, tôi đã bị giam tại nhà lao Quảng Ngãi nên chỉ nghe anh em bị bắt sau kể.

Sáng hôm đó, một toán người đem búa vào trường để đập tượng có hai công an võ trang đi theo. Học sinh đang học bỏ lớp chạy ra phản đối. Học sinh la lớn đây là tượng của một người yêu nước, chống thực dân, lập trường học dạy dân từ 1907, là một vị anh hùng chứ không phải người của chế độ Sài Gòn.

Số người đập tượng hoang mang quay về hỏi ý kiến cấp trên. Hai ngày sau, họ trở lại để đập tượng. Học sinh tiếp tục ngăn lại. Số người ấy nói đây là tàn tích của Mỹ-Ngụy, của văn hóa đồi trụy. Học trò âm ỉ phản đối, bất mãn. Hiệu trưởng phải tập họp học sinh nói rõ cấp trên đã ra lệnh đập tượng để xoá tàn tích phong kiến. Ông hứa sẽ dựng tượng của một công nhân vô sản đặt vào chỗ đó và khuyên học trò không được ồn ào, làm mất trật tự, vì trường học là nơi được lãnh đạo chứ không phải nơi muốn làm gì thì làm. Ông đe học sinh nào còn tư tưởng đòi trụy của Mỹ-Ngụy, ông sẽ báo công an đưa vào trại cải tạo. Học trò không dám phản đối, nhưng tùm năm tùm ba bàn tán và tiếu lâm hoá chuyện cụ Lương Văn Can là Mỹ-Ngụy. Không khí căng thẳng giữa thầy và trò khởi từ đó.

Sân trường QNNT không còn tượng Lương Văn Can, nhưng cũng không có tượng công nhân vô sản như ông hiệu trưởng nói, chỉ thấy một cái trang nhỏ đặt trên đế tượng còn sót lại giữa bồn nước, trong trang đặt bức ảnh Hồ Chí Minh bằng nửa cuốn vở học trò...

Năm 1984, tôi ra tù, vào ở Sài Gòn.

Một học trò nghĩa thực cũ tìm tới thăm tôi, kể lại:

“Thầy có biết không, hôm đập tượng thê thảm lắm. Buổi sáng hôm đó, không bao giờ bọn em quên được. Sắp tới giờ ra chơi, bỗng nhiên một toán người, đông lắm, không biết bao nhiêu. Hai người vác hai búa tạ đi trước, trẻ nhỏ theo sau cũng đông, đến bên bồn nước, họ dừng lại, chỉ vào tượng nói nói gì đó. Bọn em bỗng có linh tính sắp xảy ra việc gì không hay. Tất cả không ai bảo ai ủa chạy ra sân, không cần nghe thầy dạy đang nói cái gì đó. Một anh nào không biết la lớn “đừng phá, đừng phá!”. Lập tức tụi em tự động la theo “đừng phá, đừng phá”. Cùng lúc ấy, trời ơi, thầy biết không? Hết thấy học sinh các lớp đều tuôn ra la lớn “đừng phá, đừng phá”. Cả khu trường ồn lên như nổi loạn. Hai người đã đặt hai cái búa lớn xuống, đang xắn quần chuẩn bị bước vào bồn nước. Tụi em lao tới níu tay họ, năn nỉ “Thôi đi chú, thôi đi, ông này là người yêu nước cách nay 60 năm rồi, chú ơi. Không phải ngục quân ngục quyền đâu. Bọn con xin chú đừng đập, tội nghiệp” Hai người cầm búa im lặng không hất tay bọn em ra, ngoảnh mặt nhìn người chỉ huy. Hình như ông chỉ huy này là người làm lớn, em thấy ông ăn mặc sạch sẽ, da trắng dúng người thanh thanh, đoán ông là cán bộ lớn, da mặt tái xanh, hàm răng trên cắn môi dưới ra chiều suy nghĩ. Lúc ấy tất cả học sinh la hét quá sá, số thuộc loại nhất như thỏ bầy giờ lại la to hơn ai hết, ồn hơn cái chợ. Người chỉ huy đưa hai tay cao lên, khoát khoát như yêu cầu im lặng để cho ông nói gì đó. Hai người công an ráng sức hét “im lặng, im lặng”... Đám đông vẫn ồn ào rồi ai ai cũng lên tiếng “im đi chớ, im đi chớ, im để cho người ta nói chuyện chứ”. Cứ thế kéo dài tới mấy phút. Khi mọi người im lặng rồi, ông ta nói: “Tôi sẽ về báo cáo lại các đồng chí thường vụ, sự việc này rắc rối, sẽ tính sau”. Bọn em mừng quá như trúng số. Giờ ra chơi cũng vừa hết, chuông réo, cả bọn hớn hờ vào lớp, ồn như ong vỡ tổ. Ông thầy dạy vẫn mặt nhăn như khi ăn gừng, la bọn em quen cái thói tự do xô bồ của Mỹ-Ngụy miền Nam. Ông nói đủ thứ, em không hiểu gì hết, nhưng các anh lớn ngồi các bàn dưới nói lại quá xá. Các ảnh lập đi lập lại hoài câu “tại sao đập tượng người yêu nước”. Ông thầy ổng nổi nóng hét “yêu nước gì, lão già đó là địa chủ phong kiến, chỉ có giai cấp vô sản mới yêu nước, các anh chị bị Mỹ-Ngụy đầu độc nhiều quá”. Tự nhiên bọn em cười ồ và cũng đứng lúc chuông

réo đến giờ về. Bọn em tự động ào ào ra về, mặc ông muốn nói gì thì nói. Bọn em mừng hết lớn, nghĩ là mình chiến thắng rồi. Trời ơi, quý thần ơi, ba ngày sau họ vô lại. Lần này họ không nói gì. Đang giờ ra chơi, bọn em chạy ùa tới la ó như cắt họng “ngưng tay, đừng đập, ngưng tay, đừng đập”. Họ cứ đập thỉ mạng. Hai cái búa tạ ác ôn nện tới vào thân tượng cụ Lương Văn Can. Bọn em la khản tiếng, tiếng búa tạ vẫn phình, phình, phình ... Nước mắt em chảy tràn trề. Cả trường đều khóc, thầy ơi. Tượng ngã xuống nước cái ầm, như núi lở. Bọn em muốn xỉu, đưa đứng, đưa ngồi, đưa nằm xuống cỏ, khóc suốt suốt. Chuông réo vào lớp nhưng chỉ một số ít vào thôi. Bọn em ở luôn ngoài sân trường đến khi tan học vào lấy cặp về. Hôm đó... là ngày cuối cùng đời học sinh của em đấy, thầy ạ!”

Em ngưng nói, nhìn xuống đất khóc.

Chín năm rồi mà như mới hôm qua vẫn làm em xúc động.

Tôi gượng cười:

- Tội nghiệp các em còn nhỏ, chưa biết cộng sản, chứ thầy biết cộng sản lúc 13 tuổi từ 1945 đến 54, cho nên việc họ đập tượng cụ Lương Văn Can, thầy không lạ.

Viết đến đây, bất giác tôi nghĩ đến vài vụ gần đây: đập tượng Lenine ở Mạc Tư Khoa, đập tượng Phật ở Afghanistan.

Hai nhà lãnh đạo Gorbachev và Yelsin đã can đảm mở một sinh lộ cho dân tộc Nga để giải thoát khỏi dân Nga đang quần quại trong vũng lầy đen tối của chủ nghĩa xã hội. Dân chúng Nga vùng lên đập tan những tàn tích cũ. Họ hận thù kẻ mang chủ nghĩa cộng sản áp đặt lên đầu họ non một thế kỷ nên đập tượng Lenine vì ông ta là kẻ thù đích thực của họ.

Nhóm Taliban nắm quyền ở Afghanistan coi các tôn giáo khác là kẻ thù nên đập tượng đức Phật Thích Ca, khiến nhiều nước phê phán, tiếc xót.

Hai trường hợp trên tuy ý nghĩa tương phản nhưng về tính chất không khác trường hợp người cộng sản đập tượng cụ Lương Văn Can. Bởi cộng sản chỉ xem giai cấp vô sản là chính, ngoài ra tất cả là kẻ thù. Ý thức quốc gia, ý niệm dân tộc, theo họ, là ý niệm phản động của bọn phong kiến, tư sản.

Cụ Lương Văn Can suốt đời phục vụ dân tộc và tổ quốc Việt Nam nên trở thành kẻ thù của người cộng sản quá khích và ngu dốt như cộng sản Quảng Ngãi là điều không có gì lạ.

TRONG TÙ VIẾT HỒI KÝ VỀ QNNT

Trong năm đầu tại nhà lao Quảng Ngãi, ban chấp pháp lựa khoảng ba chục người trong số tù mà họ cho rằng “*những người quan trọng trong tỉnh*” bắt viết “hồi ký” Họ bắt viết từ lúc nhỏ cho đến ngày bị bắt, và thời gian viết là ba tháng.

Một số anh em hơi lo vì bị liệt vào loại “*ác ôn trong tỉnh*”.

Với tôi, đó là những ngày dễ chịu nhất ở nhà lao Quảng Ngãi, vì được ngồi riêng mỗi người một bàn trong hội trường rộng, được thở không khí trong sạch, tránh khỏi cảnh chen lấn ở phòng giam chật hẹp, dơ dáy. Tôi không biết ban chấp pháp học ở đâu để cho đây là lối điều tra hay nhất vì cho rằng viết tự do cuộc đời từ nhỏ đến lớn thế nào cũng có những kẽ hở và từ đó họ tìm ra các sự việc quan trọng. Nhưng tôi nghĩ người ít học thường ghét đọc, nhất là đọc nhiều trang lê thê. Đánh vào nhược điểm đó, tôi viết lung tung, viết đông dài, viết khó hiểu, viết lạc đề càng nhiều càng tốt, tạo một “*mê hồn trận*” cho người đọc để họ mất thì giờ đọc mà rốt cục chẳng hiểu gì hết.

Riêng về QNNT, tôi nghĩ tôi không bị xử bắn cũng khó có ngày ra tù nên tôi viết chính xác và thành thực, thẳng thắn với hi vọng biết đâu sẽ có lúc có người học hành đàng hoàng đọc.

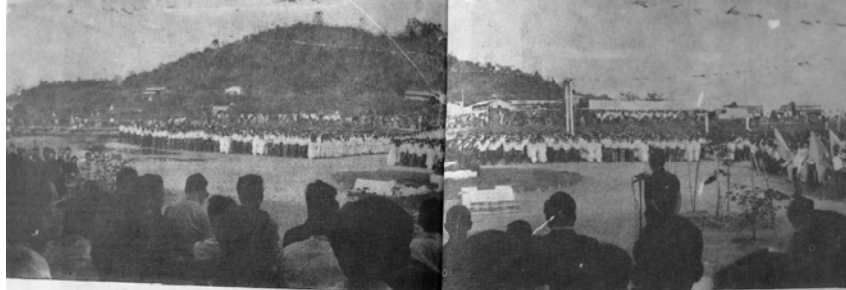
Sau khi mô tả về QNNT từ hoàn cảnh thành lập, những đặc tính tới thành quả, tôi kết luận dứt khoát, không khiêm nhượng: “*QNNT là một trung tâm giáo dục “vô tiền khoáng hậu*”.

Tôi dẫn giải cho phát biểu thẳng thừng, khó nghe đó bằng nhiều sự thật cụ thể. Cá nhân tôi đã học ba thời kỳ: tiểu học dưới thời Pháp trước 1945, trung học dưới thời kháng chiến trước 1954, đại học dưới thời quốc gia sau 1954. Cả ba thời kỳ đó, không thời kỳ nào có một trường như QNNT.

Không có trường nào mà giáo sư không lãnh lương vẫn vui vẻ dạy. Không có trường nào mà học sinh tự khép mình vào đường lối chung, tự giác giữ kỷ luật và được dạy biết lễ phép, biết tôn kính người lớn tuổi. Không có trường nào chỉ dành ưu tiên cho học sinh nghèo khổ nhất. Không có trường nào đưa môn thể thao lên ngang tầm với các môn học khác. Không có trường nào tạo cho học sinh xóa bỏ mặc cảm nghèo hèn để hướng về cuộc sống trí thức cao hơn, dám mơ mộng một cuộc đời tinh thần tốt đẹp. Không có trường nào đặt tinh thần dân tộc

thành một môn học quan trọng. Không có trường nào mà hiệu trưởng, ban giám đốc, giám học, thư ký, giám thị cũng không có lương vẫn hùng hục làm suốt ngày với sự hăng say không mệt mỏi. Bình tĩnh nhìn lại, không có trường nào như QNNT.

Thực ra, từ năm 1907 từng có Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội, nhưng vừa tổ chức đã bị thực dân Pháp bóp chết và hiệu trưởng Lương Văn Can bị bắt đày đi Côn Đảo ...



HÌNH ẢNH TỔNG QUÁT MỘT BUỔI LỄ TẠI QNNT
Hình tổng quát của QNNT nhìn từ trường ra ngoài về ngọn Thiên Bút Phế Ván – Một trong những thắng cảnh của Quảng Ngãi .



Đại Hội toàn thể Phụ-Huynh Học-Sinh QNNT bầu Ban-Chấp-Hành niên khóa 1972-1973.
(Ông Phùng Kim-Diệp đắc cử chức vụ Hội-Trưởng).

NHỮNG CHUYỆN BÊN LỀ QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC

QNNT ra đời hơn một năm thì ở Nha Trang cũng có Nha Trang Nghĩa Thực. Nghĩa thực này do bác sĩ Can sáng lập và làm hiệu trưởng. Trường mới lập một lớp, lớp 7 đầu tiên của bậc trung học. Lớp học được tổ chức trong nhà bác sĩ Can, một nhà lầu lớn rộng ở thành phố Nha Trang. Tôi có vào Nha Trang thăm trường vào dịp nghỉ lễ nên trường đóng cửa. Bác sĩ Can rất nồng nhiệt, cho biết anh là bạn của bác sĩ Hà Thúc Nhơn.

Do tham nhũng lan tràn, bác sĩ Hà Thúc Nhơn nhiều lần yêu cầu thượng cấp trừng trị bọn thói nát trong hệ thống quân y nhưng cấp trên thay vì diệt tham nhũng lại muốn diệt Hà Thúc Nhơn bằng cách chụp cái mũ tham nhũng lên đầu anh. Trong thể cùng, Hà Thúc Nhơn cùng một số thương bệnh binh trong quân y viện ở Nha Trang tử thủ yêu cầu cấp trên phải làm sáng tỏ vấn đề. Thượng cấp làm sáng tỏ bằng cách cho quân đội đàn áp. Biết chống không nổi nên Hà Thúc Nhơn tử.

Dân chúng vô cùng thương tiếc vị bác sĩ tài hoa dũng cảm và ngày 31 tháng 8 năm 1971, Nhóm Hà Thúc Nhơn, nhật báo *Sóng Thần* phối hợp với nhiều đoàn thể nhân dân địa phương dựng tượng bác sĩ Hà Thúc Nhơn tại thành phố Nha Trang.

Theo bác sĩ Can, anh làm từng lớp tiến từ từ cho chắc và đang tìm mua khoảnh đất rộng ở ngoại ô để lập một trường rộng rãi qui mô. Anh cho biết một số bạn bè trong giới bác sĩ cũng có ý định lập nghĩa thực như anh.

Đầu năm 1974, một số anh em giáo chức ở Quảng Trị và Bình Định đến QNNT gặp tôi để tìm hỏi kinh nghiệm lập nghĩa thực. Chúng tôi thảo luận rất kỹ và tôi hứa khi anh em khởi công chúng tôi sẽ đưa người đến giúp.

QNNT trở thành nơi gặp gỡ của những tâm hồn sôi nổi. Anh em chúng tôi xem trường như nhà của mình, bởi vậy ngày học hay không học, chúng tôi luôn có mặt tại trường. Một căn nhà một cột, hình bát giác rộng, lợp tranh, ở góc sân trường, thật là thích hợp ngồi nơi đó nói đủ thứ chuyện. Ông chánh án Vương Quốc Cường, ông biện lý Trọng, thiếu tá Đặng Diệu, thiếu tá Trần Ngọc Tấn... và một số đồng anh em gần như chiều nào cũng hiện diện để chuyện trò và chơi bóng chuyền.

Thật khó nén xúc động khi nhắc đến anh Cường và anh Tấn, hai người đã quá cố. Anh Tấn chết trong ngục tù cộng sản, anh Cường sau khi ra tù đã vượt biên bằng thuyền và chết vì hải tặc. Cường là người có tâm hồn. Cởi chiếc áo đen chánh án ra, anh thuần túy là một nghệ sĩ, thích ca hát và luôn ca hát, uống rượu, ngâm thơ, thương mến anh em, trọng nghĩa tình, rất thiết tha với nghĩa thực.

Riêng Trần Ngọc Tấn ngay lần đầu nghe tôi bàn về QNNT cùng một số anh em, Trần Ngọc Tấn đã nhiệt liệt ủng hộ. Vui vẻ, hoạt bát, anh chơi bóng chuyền rất khá, dạy môn sử tại QNNT rất được học trò thích. Anh có biệt tài kể chuyện tiếu lâm. Chiều chiều, anh captain một đội bóng chuyền, tôi một đội, đấu quyết liệt để uống bia, la hét cười đùa thật hồn nhiên. Tôi buồn tới tôi lặng người khi nghe tin anh chết.

Thầy Nguyễn Minh, một tu sĩ Phật giáo trẻ tuổi, dạy trường Bồ Đề, một tư thực của Phật giáo, mặc dầu công việc bề bộn vẫn dành nhiều thì giờ vào nghĩa thực gặp gỡ chúng tôi. Thầy ngâm thơ rất hay, nhất là ngâm giọng Bình Trị Thiên. Nguyễn Minh đồng quan điểm với tôi trong rất nhiều vấn đề. Một lần trên sân thượng tại nhà một người bạn, chúng tôi nói chuyện từ chạng vạng đến mờ sáng, áo ướt đầy sương mới ra về, kỷ niệm đơn sơ nhưng tôi còn nâng niu mãi.

Phạm Duy, Lê Uyên - Phương, Khánh Ly, Bạch Tuyết đều đến thăm QNNT và hứa hẹn giúp đỡ trường. Riêng Phạm Duy và Lê Uyên - Phương đã trình diễn hai đêm văn nghệ không lấy thù lao, dành trọn số tiền thu được giúp QNNT. Người nhạc sĩ dân tộc lừng danh Phạm Duy không giấu nổi xúc động khi thấy tận mắt QNNT, nhất là khi tiếp xúc với giáo sư và học sinh. Ông hứa sẽ viết một bản nhạc về QNNT...

KỶ YẾU QUẢNG NGÃI NGHĨA THỰC

Năm 1973, Nguyễn Văn Minh hình thành và cho in tập kỷ yếu QNNT, phát hành nhân ngày lễ đệ tam chu niên ngày thành lập QNNT. Tờ bìa do Nguyễn Văn Minh trình bày và trang đầu là bài nói về chủ trương, đường hướng của QNNT:

***Chủ trương đường hướng giáo dục
của Quảng Ngãi Nghĩa Thực***

Nền giáo dục Việt Nam bằng hoại một cách khủng khiếp.

Ngày nay nếu có ai làm một việc gì có ích cho quê hương xứ sở, có ai lo lắng cho đồng bào hoặc có những hành vi cao đẹp, nhất định không phải do nền giáo dục đào tạo nên. Nền giáo dục Việt Nam từ lâu không đóng đúng vai trò giáo dục, nói cách khác đó là nền giáo dục phi giáo dục. Người ta đua nhau học theo Tàu, rồi theo Tây và gần đây theo Mỹ. Chưa có một nền giáo dục thuần Việt Nam, mà muốn cứu một nước, phát triển xây dựng một quốc gia nhất định phải dựa vào căn bản giáo dục.

Một đám người vô giáo dục (dù có đến trường dù có bằng cấp cao) nhất định không thể làm việc giáo dục, và một đám người như thế nếu nắm vận mệnh quốc gia nào nhất định dân tộc đó phải lẩn quẩn trong vòng sa đọa không lối thoát.

Bởi những nhận định bi quan về nền giáo dục hiện tại, bởi ý thức vai trò quan trọng đúng mức của lớp trí thức là lương đồng của quốc gia, nên QNNT ra đời.

Trước hết và gần nhất, QNNT là một trung tâm giáo dục không học phí dành ưu tiên cho học sinh nghèo, cho con em của những gia đình quá đau khổ vì chiến tranh.

QNNT không dừng nơi bước gần nhất của một trường miễn phí, mà còn củng cố, phát huy tinh thần kỷ luật, và nhất là trau dồi đức hạnh của lớp trẻ.

Điều giản dị và quan trọng ấy người ta thường đề cập đến, nhưng hầu như chưa nơi nào thực hiện được, và người ta thường đổ lỗi cho chiến tranh.

QNNT nhắm đào tạo cho lớp trẻ tin tưởng ở truyền thống bất khuất của dân tộc, hãnh diện về quá trình lịch sử vàng son, đủ tạo một niềm tin vững chắc vào tương lai dân tộc. Đó là những mục tiêu thiết yếu mà học sinh nghĩa thực phải đạt một cách nhập diệu để trở thành người trí thức có đầy đủ ý chí, tinh thần phục vụ hữu hiệu cho quốc gia cho dân tộc, để tiến tới lớp người có lý tưởng cao đẹp lãnh đạo quốc gia Việt Nam và đưa nước Việt Nam ra ngoài ngõ cụt: Độc lập và phát triển trên căn bản văn hóa đạo đức thuần Việt Nam.

Để thực hiện từ bước đầu, bước gần nhất đến tột đỉnh, QNNT lúc nào cũng là của dân — của dân nghèo. Ai cùng một nhận định như trên, ai từng chua xót và lo âu cho nền giáo dục ở VN thì người đó, dù trực tiếp hay gián tiếp, là chủ QNNT.

Đã là của dân thì QNNT không thể bị thuộc, hoặc chịu ảnh hưởng bất cứ khuynh hướng chính trị hay tôn giáo nào. Đối

tượng của QNNT là học sinh nghèo, không phân biệt gì hết, dù là ở phe phái nào. Với tinh thần vô tư minh bạch đó, QNNT sẽ là điểm xuất phát của một cuộc cách mạng văn hóa giáo dục và xã hội thuần túy quốc gia.

Ở bình diện con người, QNNT “dĩ văn hội hữu dĩ hữu phụ nhân” tức là lấy văn hóa đạt đến công bằng nhân ái.

Tóm lại, hành động sau cùng của QNNT là thực hiện cho kỳ được cuộc cách mạng văn hóa xã hội để tiến tới một xã hội không còn thù hận, không còn bất công, mọi người đều sống tự do thực sự, hạnh phúc thực sự.

QNNT quyết tiến theo đường hướng đó và đạt cho được mục tiêu đó.

— *Đệ nhị chu niên QNNT*
20 tháng 1 năm 1973
(Trích trong kỷ yếu
Quảng Ngãi Nghĩa Thục)

Từ Đông Kinh Nghĩa Thục đến Quảng Ngãi Nghĩa Thục

PHÉP LẠ DO CON NGƯỜI

● Bó đuốc Đông Kinh Nghĩa Thục

Sau khi phong trào Văn Thân tan vỡ, ách thống trị của người Pháp củng cố, thực tế xã hội Việt Nam đã được cụ Phan Chu Trinh mô tả như sau: “Ở trong chốn triều đình thì mấy anh quan đại thần khúm núm cho qua ngày, làm việc vụ tại cho chiếu lệ thì thôi, còn các quan ở các tỉnh thì ăn đút, ăn lót, cầu cạnh, chạy chọt không còn biết liêm sỉ là cái gì. Máu thịt của dân càng ngày càng bị khoét, làm cho dân đến hết thế làm ăn. Hiện tình trong nước bấy giờ, cảnh tượng thì tiêu điều, lương dân thì ly tán, phong tục đồi bại, lễ nghĩa mất hết ...” (trích thư đề ngày 15-8-1906 gửi Toàn Quyền Pháp)

Ước muốn chuyển đổi thực trạng đó đã đưa đến cuộc gặp gỡ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can và kết quả là sự thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội vào năm 1907. Mục đích của Nghĩa Thục là nâng cao dân trí, khích động tinh thần yêu nước và phổ biến sâu rộng trong quảng đại quần

chúng những trào lưu tư tưởng mới.

Không đầy một năm sau, Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, nhưng ảnh hưởng của Nghĩa Thục vang động khắp nước. Phong trào Duy Tân nhờ ảnh hưởng trên đã lan rộng mau lẹ, mở đường cho nhiều thế hệ tiếp nối đẩy mạnh nỗ lực đấu tranh giải phóng dân tộc.

Nhưng Đông Kinh Nghĩa Thục không chỉ đáng kể qua ảnh hưởng đã có. Vượt lên khỏi ảnh hưởng đã có đó, Đông Kinh Nghĩa Thục còn phải được nhìn như một kinh nghiệm và cũng là một bó đuốc rực sáng cho mọi dự tính đấu tranh. Trước hết, sự thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục đã cho thấy tầm vóc quan trọng vô lường của lãnh vực văn hoá trong cách mạng. Kế tiếp, sự thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục chứng tỏ rằng tinh thần hy sinh vô vị lợi không bao giờ hoàn toàn vô ích.

Nói khác đi, không một dự tính đấu tranh nào có thể tiến hành nổi nếu những người đấu tranh không sẵn sàng chấp nhận hy sinh. Được biết khi quyết định thành lập một Nghĩa Thục làm cơ sở quảng diễn tư tưởng cách mạng, những người chủ trương đều ở vào hoàn cảnh hết sức chật hẹp về phương diện vật chất. Thiện chí tuy có thừa nhưng tiền nong vô cùng thiếu thốn. Và, để khắc phục khó khăn, cụ Lương Văn Can cùng các đồng chí đã tập trung tất cả đồ thờ đem bán. Quyết tâm đó đã khích động nhiều người và cuối cùng, trở ngại đầu tiên được vượt qua. Tác lòng sắt son của những người thiện chí đã tạo thành phép lạ nhiệm màu.

● **Phép lạ lại xảy ra**

Phép lạ trên thêm một lần nữa lại xảy ra.

Vào giữa năm 70, dưới chân núi Thiên Bút Phê Vân tại Quảng Ngãi, người ta vẫn bắt gặp những vùng đồng ruộng lầy lội. Nhưng chỉ 6 tuần lễ sau, quang cảnh ở đây đã chuyển đổi hoàn toàn. Khoảng đồng ruộng ngập nước buổi nào đã biến mất để nhường chỗ cho một ngôi nhà lớn. Đó là trường sở của Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Ngày nay, Quảng Ngãi Nghĩa Thục là nơi trau dồi học vấn của ngót 2000 học sinh trong gần 20 lớp, hết thầy các học sinh trên đều thuộc thành phần con em thương phế binh, cô nhi tử sĩ và nạn nhân chiến tranh. Chỉ ba ngày sau khi niêm yết bản thông cáo đầu tiên, Quảng Ngãi Nghĩa Thục đã nhận được hơn

3000 đơn xin theo học và được 108 giáo sư ghi tên xin dạy giúp. Song do điều kiện trường sở nên Quảng Ngãi Nghĩa Thục chỉ có thể thu nhận lỏi 2000 học sinh và chỉ có thể nhận lời dạy giúp của 78 giáo sư. Học sinh theo học tại Quảng Ngãi Nghĩa Thục đều được miễn phí trong khi các giáo sư dù dạy nhiều giờ tới đâu cũng không lãnh một phụ cấp nào. Hàng ngày, ngoài giờ học, cả thầy lẫn trò cùng nhau góp sức sửa sang, chuẩn bị mở mang thêm trường sở để tiếp nhận thêm bạn mới cho Nghĩa Thục. Chính tay các học sinh và giáo sư ở trường đã khơi đắp thêm diện tích cho nhà trường và vun xới những hàng cây để lấy bóng mát cho một vùng biển nắng chói chang.

Đặt chân vào thành phố Quảng Ngãi bây giờ, người ta bắt gặp những đám học sinh ăn mặc chỉnh tề trong sắc phục quần kaki xanh, áo sơ mi trắng với một băng màu xanh trên tay. Những đám học sinh này tuy hết thấy đều thuộc những gia đình nghèo khó, nhưng đã mang trong cặp mắt ngây thơ trong sáng của tuổi trẻ một niềm kiêu hãnh ngấm ngấm: niềm kiêu hãnh là học sinh Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Niềm kiêu hãnh này phải chăng đã tạo thành từ một ý thức minh bạch rằng hướng đường tương lai của các em được vạch sẵn là một hướng đường phụng sự nhiệt thành cho đất nước và dân tộc? Tuổi trẻ đã hết bơ vơ và tìm được lẽ sống của mình ngay từ lúc còn cắp sách đến trường. Niềm kiêu hãnh này ít ra đã có nhiều thế hệ trước đây bị cướp mất.

● *Trắng tay nhưng không hề chi*

Để đem lại niềm kiêu hãnh cho tuổi trẻ, đem lại niềm tin cho hết thấy mọi người, thực ra không phải là một việc dễ dàng. Cũng như những người đã sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, nhóm người dựng nên Quảng Ngãi Nghĩa Thục hôm nay hết thấy đều chỉ là những người tay trắng. Ngoài tấm lòng thành khẩn phụng sự quê hương, ngoài thiện chí đóng góp tích cực vào cuộc vận động đổi đời cho dân tộc, hết thấy đều như không có một phương tiện nào khác. Tiền bạc, thế lực là những thứ hết sức xa vời với những người sáng lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Thêm vào đó, công cuộc thành lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục cũng không được đỡ đầu bởi bất kỳ một tổ chức giàu có nào. Người Mỹ viện trợ cho VN hàng tỉ bạc, nhưng chắc chắn là chỉ viện trợ cho các cơ quan Nhà Nước. Trong khi đó, chánh

quyền cũng hoàn toàn bình thản với các chương trình giáo dục đã có nên thấy không cần thiết phải tiếp tay với dự tính như dự tính thành lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Thế nhưng, khó khăn đầu tiên cũng được vượt qua.

Ngay sau khi dự án thành lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục được đề ra, những người sáng lập tìm được lối thoát và kêu gọi tinh thần tự lập tự cường của chính mình. Sự đóng góp của từng người được coi như một bồn phận trong khi nhóm sáng lập cũng thiết lập một kế hoạch để có thể đón nhận sự tiếp tay của bất kỳ ai thiết tha tới vấn đề tạo dựng một thể hệ tương lai vững chắc về khả năng cũng như về tinh thần.

Trong khuôn khổ kế hoạch này, nhóm sáng lập Nghĩa Thục đã kêu gọi sự góp cổ phần của nhân dân trong tỉnh và sự tiếp tay của bạn hữu trên toàn quốc. Mỗi cổ phần để dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục là 5000\$ và chỉ với một thời gian ngắn, nhóm sáng lập đã có thể thanh toán những món nợ do việc xây dựng trường sở.

Sau khi Quảng Ngãi Nghĩa Thục khánh thành vào tháng 1-1971, nhóm sáng lập đã có thể lưu ý những kế hoạch mở rộng nhà trường bằng cách thiết lập thêm các cơ sở kinh tài như mở nhà in, lập xưởng đúc, tổ chức quán cà phê và thiết lập kế hoạch cho học sinh tự túc chăn nuôi, trồng trọt ...

Tất cả những công việc này đòi hỏi toàn thể nhóm sáng lập Nghĩa Thục phải dành trọn thời giờ cho Nghĩa Thục. Niềm vui của những người sáng lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục bây giờ là được làm việc trong tinh thần vô vị lợi. Đem không còn dài nữa đối với người của Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Đó là ý nghĩ loé lên trong đầu chúng tôi trước không khí sinh hoạt đầy ắp niềm hân hoan của ngôi trường tuy nhỏ bé nhưng luôn luôn toả rạng hào khí này.

● *Tiếng gọi cho khắp nơi*

Từ Đông Kinh Nghĩa Thục đến Quảng Ngãi Nghĩa Thục có một khoảng cách thời gian là 64 năm — già nửa thế kỷ. Trong khoảng thời gian xa thẳm đó, đất nước đã liên tục bị đày đoạ trong những cảnh huống bi thương. Tình trạng hỗn loạn của một xã hội nghèo đói bị chà đạp dẫn đến sự đổ vỡ tan nát của đời sống tinh thần. Vì thế, đã có không ít người nghĩ rằng khó lòng có thể tìm gặp một thiện chí xây dựng tại miền Nam nói riêng và

tại VN nói chung. Cuộc sống chất chứa quá nhiều tai ương bất trắc khiến con người dễ dàng đầu hàng tội lỗi để mưu cầu những thú vui nhất thời. Quảng Ngãi Nghĩa Thục là tiếng nói quyết liệt phủ nhận ý nghĩ trên.

Niềm kiêu hãnh trong ánh mắt của những em nhỏ mang trên ngực huy hiệu của nhà trường, niềm kiêu hãnh trong thái độ bất chấp khó khăn của những người sáng lập Nghĩa Thục đã cho thấy rằng thực ra xã hội này chưa giẫy chết và sẽ không bao giờ giẫy chết. Bó đuốc sáng được thắp lên từ già nửa thế kỷ trước vẫn còn nhiều cánh tay quyết giữ vững.

Quảng Ngãi Nghĩa Thục còn là tiếng nói hào hùng của một dân tộc không bao giờ sao lãng vun bồi ý chí tự cường. Những bàn tay trắng trong một thế đứng chênh vênh giữa xã hội sa hoa ngày nay đã xác nhận rằng lửa nhiệt tình của những con tim yêu nước có thể làm cạn khô được những mặt nước mênh mông và biến ruộng đồng thành lâu đài tráng lệ.

Nhưng vấn đề của mỗi người Việt Nam ngày nay chắc chắn không phải là nhìn về Quảng Ngãi Nghĩa Thục để tỏ lòng ngưỡng mộ một phép nhiệm màu. Vấn đề chính yếu phải là từ Quảng Ngãi Nghĩa Thục, những ngọn lửa tự lực tự cường khác sẽ được thắp lên. Quảng Ngãi Nghĩa Thục dù có là một vùng hào quang thì đó cũng là một vùng hào quang nhỏ bé. Bóng đen dày đặc từng bao phủ đất nước này suốt nhiều năm qua có thể sẽ vẫn còn dày đặc nếu chỉ có riêng Quảng Ngãi Nghĩa Thục.

Muốn đem lại cho đất nước một ngày mới huy hoàng, muốn thể hiện được tròn đầy ý chí tự cường của dân tộc, tinh thần Nghĩa Thục truyền nói từ Đông Kinh qua Quảng Ngãi cần phải được truyền nói không ngừng và lan rộng khắp mọi miền đất nước.

Chúng ta đã có những bàn tay trắng đang tạo nên phép lạ tại Quảng Ngãi. Trong tương lai, chúng ta phải có nhiều bàn tay trắng khác tạo nên phép lạ ở khắp mọi nơi.

Hãy nghĩ ngay đến một Sài Gòn Nghĩa Thục, một Tây Đô Nghĩa Thục, một Cao Nguyên Nghĩa Thục, một Hậu Giang hay Tiền Giang Nghĩa Thục ...

Mỗi Nghĩa Thục được dựng lên, tương lai đất nước sẽ có thêm một bàn tay vững chắc gìn giữ.

Mỗi Nghĩa Thục được dựng lên, đời sống dân ta sẽ thêm một sức mạnh xây dựng nhiệt thành.

Quảng Ngãi Nghĩa Thục đang cất tiếng gọi thiết tha hướng về phía mọi công dân Việt Nam yêu nước. Vấn đề còn lại hiện nay chỉ là sự cất lên của những lời hô hào đáp ứng.

* **BÚT THÉP** ⁽⁶⁹⁾
Tuần báo *Đời* số 79
– Ngày 22.4.1971



⁽⁶⁹⁾ Một bút hiệu của Uyên Thao trên tuần báo *Đời*.

PHẦN 4

SAU 1975

Tôi đang ở Sài Gòn để gặp bác sĩ Phan Quang Đán nhận cái check một triệu tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh QNNT. Học sinh QNNT sắp được ăn bữa trưa không tiền do ty xã hội Quảng Ngãi và trường QNNT phối hợp tổ chức.

Tại nhà riêng của bác sĩ Đán, tôi hỏi về tình hình đất nước. Bác sĩ rất bi quan nói đất nước đang ở những phút cực kỳ nguy hiểm. Thiếu súng đạn, thiếu tiền trả lương cho lính..., tinh thần tổng thống Thiệu xuống thấp. Phần lớn tướng lĩnh, bộ trưởng ngu ngơ không có kế hoạch gì hết. Nguy hiểm nhất là chánh phủ biết quá ít về biến chuyển quốc tế, nhất là của Mỹ. Bác sĩ nhấn mạnh vì tham nhũng nên không chiến thắng được cộng sản khiến chiến tranh kéo dài quá làm người dân Mỹ chán ngán nên phong trào phản chiến lan tràn khắp nước Mỹ, tinh thần vô cùng bi quan. Một ký giả ngoại quốc ước đoán nếu cộng sản chiếm miền Nam thì miền Nam biến thành biển máu. Lời dự đoán vu vơ của ký giả đó *“khiến một số người lo sợ trong đó có ông Tổng Thống nhà mình”*.

Sáng nay, tin miệng từ phủ tổng thống cho biết tổng thống Thiệu đang tìm người giao chức tổng thống rồi đi ngoại quốc. Trong số người định giao lại, cụ Lắm đứng đầu danh sách. Tôi hỏi tin đó có chính xác không. Bác sĩ cười bảo tin vịt nhiều lắm. Bác sĩ Đán hỏi tôi chừng nào về Quảng Ngãi, tôi bảo đang tìm cách mua vé máy bay nhưng chưa được. Ông cho biết nếu mất thì miền Trung mất trước vì thiếu đạn và hiện bị áp lực nặng nề.

Rời nhà bác sĩ Đán, tôi đi gặp anh Chu Tử.

Không như bác sĩ Đán, anh cho biết thẳng thừng ông Thiệu sẽ bỏ chức tổng thống đi trốn cùng với đồ đệ trong đó có tướng Khiêm. Anh chửi thề *“Đ.m... nó, bảo hết làm tổng thống nó làm lính chiến đấu tới hơi thở cuối cùng, bây giờ thực sự lâm nguy, nó sẽ chạy trốn, mà nó bỏ trốn thì tinh thần quân đội xuống như thế nào anh biết chứ. Mấy anh quen với tôi cũng chuẩn bị ra đi. Tôi có hỏi ông Lắm, Thiệu giao chức tổng thống có dám nhận không, ông ta trả lời nó ăn đã, bảo tôi dọn, tôi đại*

gì. Đ.m. trước đây thằng nào cũng thích làm tổng thống, nay đến có thằng chó nào nhận. Nếu không có thằng chó nào nhận, Thiệu sẽ giao lại ông già Hương rồi ra đi cho an toàn, nghe nói mụ Thiệu thúc ngày thúc đêm ra đi. Đời là thế đấy, đến chịu được...”

MẮT BAN MÊ THUỘT

Tin Ban Mê Thuột mất khiến Sài Gòn rúng động. Người không để ý tới thời sự cũng không thể làm ngờ trước biến chuyển quá nhanh. Một số chuẩn bị ra đi.

Tôi nhờ đủ chỗ mà chưa mua được vé máy bay. Người ta bảo có mua được cũng không chắc về đến nơi vì máy bay khó hạ cánh do mất an toàn. Máy bay về Chu Lai hủy bỏ chỉ còn máy bay ra Đà Nẵng. Cuối cùng tôi nhờ anh Chu Tử gọi thẳng văn phòng ông Trung, giám đốc Nha Hàng Không Việt Nam xin nhường cho một vé về Đà Nẵng hoặc Qui Nhơn. Tôi được một vé đi vào năm ngày sau.

Đài phát thanh giải phóng miền Nam diễn tả buổi lễ mừng chiến thắng của cộng sản Ban Mê Thuột và giới thiệu thành phần hành chánh tỉnh, chủ tịch, bảy phó chủ tịch và các ngành phần lớn tên người Thượng. Tổng thống Thiệu ra lệnh tái chiếm Ban Mê Thuột nhưng không thành. Dân chúng Sài Gòn xôn xao chuẩn bị chạy trốn, nhất là khi các nhật báo Sài Gòn đăng tin một số sĩ quan cấp tá đi họp ở ngoại quốc không trở về, bộ quốc phòng ra lệnh áp tải những quân nhân vô kỷ luật này về nước để đưa ra tòa án quân sự.

Tổng thống Thiệu ra lệnh “phối trí” quân đội, nhưng thực ra là rút lui quân đoàn 2 đóng ở Pleiku do tướng Phú làm tư lệnh. Tướng Phú bị tổng thống la rầy khiển trách. Các đơn vị thuộc tướng Phú tháo gở mạnh ai nấy chạy, cộng sản phục kích làm thiệt hại nặng. Những người quen biết đều khuyên tôi không nên về, vì Quảng Trị đã thất thủ.

Nhưng tôi đã nhiều lần hứa với anh em QNNT chết sống có nhau, nay gặp lúc khó khăn nguy hiểm lại bỏ anh em thì còn ra sao. Đó là lý do chính thúc tôi bằng mọi cách mua cho được vé máy bay về Quảng Ngãi. Hơn nữa, tôi không ngờ thua quá nhanh. Tổng thống Thiệu đã để lực lượng sa sút ngoài tưởng tượng. Riêng việc quân đoàn 2 tháo chạy đủ thấy trách nhiệm và

tài năng cũng như tinh thần chống cộng sản của ông Thiệu cùng đám cận thần.

ĐÊM CUỐI CÙNG Ở CHỢ ĐŨI

Nói chợ nhưng đây không phải chợ mà chỉ gồm vài quán sê sài ngay ngã tư Trần Quý Cáp - Lê văn Duyệt.⁽⁷⁰⁾ Tạ Ký thường uống bia ở đó. Hầu hết bạn bè đều coi nơi này như điểm hẹn hò của anh với mọi người. Thơ Tạ Ký có câu “*Thà bắt chước ta ngồi chợ Đũi, uống năm ba chén cho qua ngày*”. Đêm đó, tôi, Tôn Thất Trung Nghĩa và Tạ Ký như có linh tính là đêm rượu cuối cùng. Tự nhiên chúng tôi khóc — điều chưa từng có ở chúng tôi. Tạ Ký khóc, bảo tôi về thì sẽ chết với Việt Cộng và nếu về thì xem như vĩnh biệt. Lúc ấy tôi nghĩ có lẽ uống nhiều quá nên dễ xúc động, không ngờ lại là sự thật, vì từ đó tôi không còn dịp nào gặp lại Tạ Ký, người bạn thân nhất của tôi. Sau chuyển về đó, tôi bị tù gần tám năm và khi ra tù thì được tin Tạ Ký đã chết trong tù.

Tôi không quên Lộc, giáo sư triết học thường xuất hiện vào giờ chót các cuộc rượu vì hình như Lộc đã uống nhiều chỗ và chỗ chót là chợ Đũi. Lộc đến, mặt đỏ bừng bừng trông thật dễ thương. Một hôm trong cuộc rượu, tôi nói “*tao có bị tù hay chết bọn bay gắng nuôi hộ tao đưa con để nó lớn và học hành đến nơi đến chốn*”. Tôi còn nói đùa “*bọn bay đừng tập cho nó nhậu hư như tui mình*”. Nói chơi trong khi có men chén choáng không ngờ Lộc nhớ lời nên khi nghe tôi bị tù, Lộc tìm ra Quảng Ngãi, ghé nhà tôi, nói với vợ tôi xin nuôi hộ đưa con theo lời tôi đã dặn. Vợ tôi rất cảm động nhưng không thể rời con nên không để cho Lộc dẫn con tôi đi. Vợ tôi bảo “*Rất cảm ơn anh còn nhớ lời anh Liệu, lặn lội từ Sài Gòn ra đây để nhận nuôi đưa con tôi, nhưng thưa anh, cháu còn nhỏ quá vả lại nó sẽ không chịu nổi nếu nó phải xa anh chị em nó nên dù đói khổ tôi cũng gắng nuôi nó, tôi không thể xa nó được, xin ghi nhận tấm lòng tốt của anh..*”

Sáng hôm sau, anh tôi, Tạ Ký, Nghĩa, Cụ em tôi đưa tôi

(70) *Nay là ngã tư Võ Văn Tần – Cách Mạng Tháng 8.*

lên máy bay. Tạ Ký nói lần đầu tiên anh đưa một người ra sân bay và nghĩ không bao giờ còn gặp tôi.

Khoảng 3 giờ chiều máy bay lượn trên thành phố Đà Nẵng như e dè không dám hạ cánh vì người lố nhố quá đông ở sân bay. Bởi hạ cánh thì được, nhưng chưa chắc cất cánh lên nổi do đám đông đúc chen chúc vô trật tự sẽ tràn lên máy bay tạo cảnh hỗn loạn và những người không lên được có thể bất bình bắn đại vào máy bay. Trước đó mấy ngày, ở Phan Rang một ông tướng, tướng Vĩnh Nghi, cùng đoàn lính tháo chạy đứng chờ máy bay đến vớt đi nhưng khi máy bay đến, lính của ông bất bình nổ súng, máy bay không dám hạ cánh và ông tướng thiếu trách nhiệm, thiếu lòng thương đồng đội đành phải ở lại.

Sau khi lượn nhiều vòng, cuối cùng máy bay đáp xuống phi đạo, thẳng gấp dừng lại xa chỗ đậu thường lệ. Một đoàn người chen lấn ào đến chiếc thang vừa thả. Một toán cảnh sát bao vây máy bay cố cản không cho người tràn lên. Chúng tôi vội chạy xuống thang, lách qua đám đông thoát nhanh khỏi phi đạo. Đó là chuyến bay cuối cùng và chắc chắn những người có vé cũng khó lên nổi nếu không đủ sức chen lấn với đám đông.

“Đạp nhanh ra bến xe lô về Quảng Ngãi, tôi cho thêm tiền, gắng nhanh lên may còn kịp chuyến xe chót”. Tôi vừa nói vừa bước lên chiếc xích lô gần tôi nhất. Người đạp xe đạp hết sức cho xe chạy thật nhanh. Gần đến bến xe, thấy một chiếc traction rời bến chạy chậm chậm, tôi vẫy tay. Tuy cách xa, nhưng khi rời bến, tài xế thường ngó chừng khách đến trễ nhất là đường từ phi trường ra, nên chiếc xe tấp vào lề đường. Xe còn đứng một chỗ cho tôi và chạy nhanh ra quốc lộ 1, hướng Nam, về Quảng Tín, Quảng Ngãi. Trên xe người ta kể đủ chuyện, toàn chuyện chiến tranh, thua cuộc, bỏ chạy, đốt phá... Hình như duy nhất một xe này chạy xuôi về Quảng Ngãi, còn ngược chiều là hàng đoàn dài xe nối đuôi chờ người di tản đến Đà Nẵng, xe nào cũng chật cứng, chen chúc kê đứng người ngồi và đủ thứ đồ dùng. Ngoài xe hơi, xe ngựa, xe bò, xe máy cày... tất cả đều chờ người di tản ngược chiều xe tôi. Đến gần Quảng Tín, chiếc xe bị cảnh sát ra lệnh dừng lại vì phía trước đang có hành quân, mùi thuốc súng còn khét lẹt, vài ba lá cờ giải phóng miền Nam đang bị đốt cháy trên lề đường. Xe dừng độ nửa tiếng được cho phép chạy tiếp, lúc ấy vào quãng 5 giờ chiều. Nắng chiều chiếu trên các hàng cây dọc đường có vẻ lơ là lạnh nhạt, hình như cảnh

vật và con người không liên hệ với nhau. Vào địa đầu Quảng Ngãi, xe lại phải dừng vì rào kẽm gai lấp ngang đường — hết giờ lưu thông, đến giờ giới nghiêm đặc biệt. Tôi thấy cỡ một tiểu đội địa phương quân canh gác với vẻ mặt lo lắng, đăm chiêu. Người tài xế thở dài:

- Trễ quá rồi, thế này phải quành lại, không thể vào được, cánh cửa này đã đóng là có chết cũng không mở.

Tôi bảo để tôi xuống xem thử. Tài xế chán nản nói có năn nỉ cũng vô ích, vì sau khi khóa, người chỉ huy bọc chìa khóa đi mất có khi sáng mới trở lại nên lính có muốn mở cũng không được. Tài xế quanh đầu xe trở ra hướng bắc sẵn sàng về lại Đà Nẵng. Tôi bảo anh dừng chừng vài phút chờ tôi. Những người trong xe đều đồng ý với tôi. Miễn cưỡng, tài xế xuống xe hút thuốc. Tôi đi thẳng đến cổng kẽm gai. Mấy người lính cho biết không thể mở vì không có chìa khóa. Vậy là tài xế nói đúng. Tôi chán nản quanh lại xe, bỗng có người gọi “Thầy Liệu” và một người lính bên trong rào vẫy tay. Tôi trở lại, người lính nói “*Em tưởng ai té ra thầy, đi đâu mà thầy về tối vậy, em mở cửa cho xe thầy qua.*” Thế là chiếc xe được qua cổng. Người lính còn dặn lớn: “*Khi ra, thầy ghé em chơi rồi hãy vào Sài Gòn.*”

Xe đến cầu Trà Khúc lại phải dừng vì đã kéo kẽm gai, lính hằm hằm gác xung quanh. Tôi nghĩ sẽ phải ở lại bên này cầu chờ sáng hôm sau vào thị xã nên định xuống xe vào nhà người quen thì gặp anh trung úy đại đội trưởng biết tôi, chào hỏi có vẻ thân mật, dù tôi không nhớ đã gặp anh ở đâu. Anh hỏi về tình hình Sài Gòn, rồi hỏi sao người ta bỏ đi hết mà tôi lại trở về. Tôi nói vợ con còn ở đây, nhất là tôi thường nói với anh em trong ban giám đốc QNNT là chết sống có nhau nên tôi về. Nếu cộng sản có chiếm thì cùng anh em di tản có nhau. Cuối cùng tôi chưa xin nhưng anh tự động kéo kẽm gai cho xe tôi qua cầu.

Tôi vừa vào sân, vợ tôi chạy ra sừng sốt, khóc hỏi:

- Tại sao anh về, trời ơi, người ta bỏ đi hết, em đánh bốn năm cái điện tín mà anh không nhận được hay sao?

Phần lớn người tôi quen biết đều đi khỏi tỉnh, nếu ai còn bận công việc thì vợ con họ đã đi rồi. Tôi nói với vợ là ở Sài Gòn, tôi phải khó khăn lắm mới mua được vé máy bay và tất cả người quen đều cản không cho tôi về, nhưng vì vợ con và vì anh em Quảng Ngãi Nghĩa Thục mà tôi về, nếu có gì thì mình cùng anh em tản cư. Tôi nói thêm:

- Anh vẫn nói với anh em chết sống có nhau, nay trốn ở Sài Gòn không về thì hóa ra hèn nhất. Em biết anh ghét nhất tánh hèn nhất nên dù anh Ký, anh Xáng, Cự, Nghĩa đều như năn nỉ ở lại, nhưng anh không thể ở. Về, có em, có gia đình, có cha mẹ, có các con, có bạn bè, tại sao không về.

Vợ tôi không nói nên lời, nước mắt tràn gò má. Các con tôi, đứa lớn nhất, Hòa Đàm chưa đầy bảy tuổi, vui mừng thấy tôi về. Cha mẹ tôi buồn buồn:

- Sao con lại về trong lúc này! Người ta bỏ đi hết rồi, cha mẹ già liệu ở lại không sao, chứ con làm sao ở lại được, rủi chạy không kịp thì sao! Nhưng thôi, tất cả đều có số mạng.

Sáng hôm sau, tôi vào trường thật sớm.

Ông phu trường đem nước trà ra nói với tôi:

- Họ chạy hết sao thầy lại về làm gì, nói giấu gì thầy, tôi lo cho thầy lắm. Bọn nó ghét thù thầy lắm, tôi ở xóm nghèo ở nhà quê, tôi biết rõ. Tôi làm cho thầy đây mà bọn nó tới nhà nói với vợ con tôi tại sao đi làm cho thầy, nó nói bậy bạ lắm, thầy nên để ý.

Lâu nay ông phu trường không nói gì về chính trị, hôm nay ông phải thổ lộ.

Trong một thành phố nhỏ, tiếng đồn rất nhanh. Anh em giáo sư tuy không có giờ dạy vẫn vào trường gặp tôi để hỏi tình hình. Tôi trả lời anh em theo dõi đài BBC, đài VOA là đủ rồi. Còn tổng thống Thiệu thì chuẩn bị ra đi ngoại quốc. Một giáo sư là trung úy nói dù tổng thống từ chức ông cũng trở về quân đội theo lời bình luận của đài Úc nghe khi hôm. Cũng theo đài Úc, tổng thống là quân nhân chứ không phải một chánh khách dân sự và nhiều lần đã nói nếu không làm tổng thống thì ông trở về cầm súng chiến đấu. Vài anh em khác bảo nghe ông Thiệu nói thì bán lúa giống mà ăn. Tổng thống Thiệu thường bảo "*Đừng tin những gì tôi nói*" mà. ⁽⁷¹⁾

Những ngày đó thật thê thảm, Huế mất, tướng Trường "phối trí", nghĩa là bỏ chạy. Lính làm loạn đốt chợ Đông Ba, cướp phá và làm mọi thứ do bất mãn. Quảng Tín mất. Quảng Tín là một tỉnh nhỏ phía bắc Quảng Ngãi, nguyên là một phần tỉnh Quảng Nam. Trưa ngày 23 tháng 3 năm 1975, đều đều cách

⁽⁷¹⁾ Câu nói của TT. Thiệu là: "*Đừng tin những gì cộng sản nói...*"

khoảng chừng mười phút một quả pháo rơi vào bộ chỉ huy sư đoàn 2. Dân chúng thành phố hốt hoảng. Quận Nghĩa Hành mất ngay chiều hôm đó.

Những quả pháo bắn vào thị trấn Quảng Ngãi xuất phát từ quận Nghĩa Hành và phía tây phi trường. Tiểu khu, sư đoàn im lặng vì các vị chỉ huy không còn ở đó hoặc đang bận sắp xếp đi trốn.

Ông phó tỉnh trưởng khi ở tù chung với tôi kể lại ông được lệnh sẽ có máy bay trực thăng đến vớt ông. Gia đình ông cũng như gia đình các sĩ quan và công chức đã ra khỏi Quảng Ngãi cả tuần rồi. Chờ mãi không thấy, ông chạy vào sư đoàn mới hay trực thăng đã vớt đại tá tỉnh trưởng đi rồi. Khi chiếc trực thăng lên cao an toàn, đại tá còn ra lệnh cho các quận trưởng tự định đoạt và bảo vệ lệnh, ông phải ra đi! Thật khó nói về tình "*huynh đệ chi binh*" qua sự kiện gặp nguy hiểm thì máy bay đến vớt các vị chỉ huy và gần như không biết đến sĩ quan cấp dưới cùng binh sĩ. Đại úy Lê Văn Nghĩa, bạn thân của tôi, lâm trận ở Quế Sơn, Quảng Nam, máy bay trực thăng đến vớt bộ chỉ huy và cố vấn Mỹ, số sĩ quan cấp úy và lính thì... giao cho địch! Kết quả, Nghĩa chết cùng một số binh sĩ.

Có ra trận mới thấy được nỗi đoạn trường này. Theo lẽ thường của bất cứ quân đội nào, khi yếu thế, người chỉ huy phải ở lại điều khiển việc lui quân thế mà máy bay đến bốc người chỉ huy đưa về chỗ an toàn, bỏ mặc binh sĩ ở lại với cái chết. Xưa nay chưa có binh thư nào giống như binh thư dưới thời các ông Thiệu, Khiêm, Viên. Ai ai cũng phải thừa nhận binh sĩ miền Nam chiến đấu rất anh dũng, vũ khí tối tân, được huấn luyện kỹ, nhưng những người chỉ huy trung ương quá kém về khả năng, về tinh thần yêu nước chỉ giàu lòng ỷ lại Mỹ, giàu lòng tham những, nên mất nước là lẽ đương nhiên.

Trước cảnh nước sôi lửa bỏng của miền Nam, tổng thống Thiệu gần như chỉ lo củng cố quyền vị thay vì nỗ lực tìm phương ngăn chống cộng sản. Ở thời điểm Mỹ đang tìm cách rút chân khỏi Việt Nam, ông Thiệu không nghĩ tới an nguy của đất nước mà lo tìm cách sửa hiến pháp ⁽⁷²⁾ để làm tổng thống thêm một

⁽⁷²⁾ Xin đọc hồi ký của Nguyễn Bá Cẩn, một thủ hạ thân cận của tổng thống Thiệu để thấy rõ nhiều chi tiết về những việc này.

nhệm kỳ, lo lập đảng Dân Chủ để tạo vây cánh bằng cách bắt buộc công chức và kín đáo bắt buộc quân nhân vào đảng, bắt chức cộng sản dùng chính sách độc đảng để cai trị. Công chức vào đảng Dân Chủ sẽ được ưu đãi, được giao quyền điều khiển trong các ty, sở, bộ. Quân nhân vào đảng Dân Chủ thì được về nơi an toàn tránh sự chiến đấu. Trên thực tế, việc bày ra đảng Dân Chủ chỉ thu hút những phần tử cơ hội khai thác thời thế để kiếm lợi, và tệ hơn nữa, tạo cơ hội xâm nhập cho bọn cộng sản nằm vùng. Hết như dưới thời tổng thống Ngô Đình Diệm, tân tông Thiên Chúa giáo, đảng Cần Lao Nhân Vị là nơi ẩn núp an toàn của nhiều cán bộ cộng sản. Tất nhiên, không thể nói đảng Cần Lao hay Thiên Chúa giáo là cộng sản nhưng vì quá muốn gia tăng nhanh đảng viên, tin đồn nên đã thu nạp bừa bãi và bị cộng sản lợi dụng. Tuy lúc nào cũng rêu rao chống cộng sản nhưng sự thiếu cẩn và quá nặng lo về quyền vị cá nhân của người lãnh đạo chánh quyền đã đem lại ưu thế cho cộng sản. Đáng kể hơn là việc làm này đã trực tiếp phá vỡ tinh thần chiến đấu của binh sĩ và dân chúng, vì gây ra tệ nạn chia rẽ, tham nhũng khiến tất cả đều chán nản. Thật khó quên câu nói diễn tả trọn vẹn tư cách những người làm chánh quyền mà cụ Trần Văn Hương đã phải thốt lên *“Nếu diệt tham nhũng thì lấy ai mà làm việc”*. Các vị làm chánh quyền từ cấp xã lên tới tổng thống, các sĩ quan từ tiểu đoàn trưởng lên tới tham mưu trưởng toàn binh lực quốc gia, ba mươi năm nay hẳn đã có thì giờ xét bản thân để thấy câu nói cụ Hương chính xác cỡ nào. Và, hãy cùng chung góp ý viết một cuốn sách lớn với đề tài *“Làm thế nào để mau mất một quốc gia”*, cho hậu thế rút kinh nghiệm.

CHẠY GIẶC

Nếu bảo chánh quyền không chuẩn bị hẳn không đúng. Có chuẩn bị nên có những đơn vị Biệt Động Quân đóng từ quận lỵ Sơn Tịnh ra quận lỵ Bình Sơn. Chiều 22-3 từ Đà Nẵng về tôi thấy rất nhiều chiến sĩ Biệt Động Quân lạng lẽ dọc quốc lộ vùng Sơn Hương, vùng nặng nề nhất.

Khoảng 7 giờ tối, trực thăng bốc vị đại tá tỉnh trưởng Quảng Ngãi tẩu thoát. Phó tỉnh trưởng, tiểu khu phó cùng một số trưởng ty thân tín thì lên xe thiết giáp chạy ra Chu Lai. Một người được may mắn ngồi trong chiếc xe chạy trốn đó cho biết, vì quá

sợ Việt cộng bắn B40, cho nên xe chạy hết tốc lực, đồng thời đại liên trên xe bắn hết cỡ dọc hai bên quốc lộ để phòng bị phục kích. Đó là lý do khiến binh sĩ Biệt Động Quân chết dọc theo lề quốc lộ nhiều quá, trong khi du kích cộng sản không dám động đến Biệt Động Quân. Sáng hôm sau không thoát được, chúng tôi từ Bình Sơn trở về lại thị xã Quảng Ngãi, trên quốc lộ ngổn ngang xác Biệt Động Quân và thường dân di tản. Những ai di tản đêm đó đều có thể xác nhận du kích cộng sản không dám phục kích đánh đoàn di tản vì mãi đến gần sáng mới nghe ít phát súng của cộng sản từ dưới làng xa bắn lên và lúc đó đoàn người chạy tán loạn.

Gia đình tôi gồm có tôi, vợ tôi, bốn đứa con nhỏ, đứa lớn 7 tuổi, đứa nhỏ mới mấy tháng và thêm hai học sinh QNNT cùng di tản. Tôi dắt đứa 7 tuổi, cồng một đứa, vợ tôi cồng một đứa, còn hai học sinh thay đổi giúp cho tôi một đứa. Chúng tôi mỗi người một bao quần áo, đồ dùng cần thiết. Tôi nhờ Trần Sáng, người bạn đàn em, dùng chiếc Honda hai bánh của tôi chở cha mẹ tôi đi trước. Tôi dặn Sáng đừng chờ đợi, đừng nghĩ gì đến bọn tôi, vì biết đâu rồi có thể không bao giờ gặp nhau, gắng đưa cha mẹ tôi vào Sài Gòn gặp anh tôi. Nếu trời không dung thì Sáng xem cha mẹ tôi cũng như cha mẹ Sáng, lo lắng giúp cho hai ông bà trong những ngày chót của cuộc đời. Năm đó cha tôi đúng tám mươi, mẹ tôi bảy mươi lăm tuổi.

Cảm giác đầu tiên đến với tôi là mệt mỏi chán nản cùng cực khi men theo bờ đường, dẫm từng bước chậm chạp nặng nề. Người ta đồn Mỹ rút kinh nghiệm di tản xô bồ ở Quảng Trị, Huế, Pleiku... chết quá nhiều nên lần này đưa tàu thủy lớn đến bến Chu Lai để đón dân vào Sài Gòn. Rất nhiều người tin lời đồn này là có thật và tất cả ùn ùn kéo ra Chu Lai, một căn cứ lớn của quân đội Mỹ nằm giữa Quảng Ngãi và Quảng Tín.

Chúng tôi đi sát lề vì quá đông và xe cộ chen lấn giữa đường. Xe nào cũng chở đầy ắp. Người bu vào xe như bầy ruồi bu vào miếng thịt thối. Chiếc xe ben của công binh với cái thùng sau chứa đầy đá sỏi chưa kịp trút bỏ vẫn đầy người bám hai bên. Ra khỏi cầu Trà Khúc có lẽ tài xế mới hoàn hồn biết đang chở một xe đầy đá sỏi, liền day ngang đỗ đại xuống bất chấp bên lề đường người đang chen chúc nối đuôi đi. Nếu tôi không kịp dừng lại thì gia đình tôi đã bị chôn dưới đám đá sỏi đó. Xe vừa trút xong sỏi đá, lập tức số người đi bộ tràn lên khiến chiếc

xe lại ì ạch nặng nề chạy tiếp. Thiết giáp, xe tăng cũng chạy như các loại xe khác với đầy người bu quanh. Lính, dân, đàn bà, trẻ con, già cả chen nhau chạy để kịp ... xuống tàu Mỹ. Gia đình tôi cùng gia đình cô em gái luôn rút lại phía sau. Em tôi có ba đứa con, đứa lớn nhất cũng cỡ bảy tuổi nên không thể bám đoàn xe đủ loại, xe nhà binh, xe tư nhân, xe các ty sở, xe hội đồng tỉnh, xe sứ quán Mỹ, xe lam v.v... ùn ùn kéo ra. Gia đình tôi không khá hơn vì trẻ con đứa ngủ đứa thức, đứa khóc trên tay, trên lưng... Tôi biết với cách di chuyển này thì chúng tôi khó thể đến được Chu Lai nên chán ngán cùng cực. Gần như tôi không còn nhớ điều gì ngoài việc toàn bộ mộng ước của tôi về ngôi trường Nghĩa Thục đã thành mây khói. Tôi gần như bước không nổi khi thấy mình đang lê từng bước bên một lè đường với hành trang là mấy bộ quần áo và không một đồng xu trong túi. Phút giây đó, tôi bỗng hối hận sao suốt mười mấy năm chỉ lo đâu đâu, phó thác hết cho vợ gánh vác nặng gia đình và bây giờ với hai bàn tay trắng không có nổi một chiếc xe đến đổi lết đi nặng nề thế thảm.

Đi mới đến Sơn Hương, một khoảng đường chỉ bốn cây số mà mệt như đi hàng ngàn cây số, nhưng vẫn phải tiếp tục vừa đi vừa nghỉ trọn đêm tới mờ sáng mới tới gần Bình Liên. Bỗng đoàn người dừng lại vì có tiếng súng nổ xa xa. Khi trời rạng sáng hơn, chúng tôi nhận ra có nhiều xác chết dọc đường bị dập nát tả tơi do xe cán hoặc nhiều người đi bộ đạp qua. Nhìn màu áo quần, chúng tôi nhận ra phần lớn xác chết là Biệt Động Quân. Chúng tôi dò dẫm bước, cố tránh đạp lên các xác chết bê bết máu đông đen. Rồi, con tôi mệt quá gần xỉu, vợ tôi, em tôi đều không bước nổi nữa nên chúng tôi đành ghé một căn nhà bên lè đường. Căn nhà bỏ trống, phía sau có lu nước lạnh với chiếc gáo dứa. Tôi uống liền mấy gáo nước lạnh, thấy khỏe trở lại. Đứa con nhỏ khóc vì quá đói. Vợ tôi lôi ra một lon sữa đặc ông Thọ nhưng khi đi hoảng hốt lật đặt quá, vợ tôi quên đem theo đồ khai sữa. Tôi phải đập vào cạnh hòn đá cho lon sữa bể rồi phải mút sữa chảy lai láng sủ lại cho con. Lần đầu tiên tôi làm cái việc con chim mẹ sủ cho chim con. Có chút sữa vào người, đứa nhỏ ngưng khóc nhưng đó là lúc có nhiều nhóm người chạy ngược trở lại. Có người nói Việt Cộng đã chặn ở ngoài Châu Ổ không cho chạy trốn. Vợ tôi lo lắng nhắc tôi:

- Anh tìm cách đi trốn đi. Em và con ở đây cho tỉnh khỏe

rồi theo đồng bào trở về. Em nghĩ em và con không sao chứ anh không thể về được.

Tôi cũng nảy ra ý nghĩ một mình xuống đường biển tìm cách đến Chu Lai, vì những năm làm cán bộ xây dựng nông thôn tôi tương đối biết rõ vùng này. Tôi đang định chia tay vợ con thì đoàn người từ phía biển chạy tán loạn lên quốc lộ. Số người này đã nghĩ đi như tôi nhưng phải chạy lên vì khu dưới bị Việt Cộng chiếm rồi, cờ giải phóng miền Nam cắm đầy. Vừa cùng đường lại thấy vợ con thê thảm quá, tôi không nỡ bỏ mặc để lo cho phần mình. Tôi nói ở lại. Vợ tôi khóc bảo nếu tôi trở về nhất định sẽ bị giết nhưng tôi không còn muốn làm gì nữa, ngồi lặng với ý nghĩ chết cũng được. Lúc đó tinh thần tôi xuống tới tận cùng chỉ biết nhìn đoàn người đang quay trở về. Các con tôi đều mệt lả nằm bên lề đường ngủ thiếp. Bỗng em tôi la lớn:

- Thầy Minh kia, anh Liệu.

Minh - Phan Nhự Thức trong đám đông từ đường biển chạy lên. Minh còn bơ phờ xơ xác hơn tôi. Mới một đêm mà như lâu lắm không gặp. Minh cho biết suýt bị bắt bởi đám cộng sản đứng chặn phía dưới và một số người di tản hướng đó đã bị bắt. Minh quả quyết tôi không thể gặp bọn nó được, nó thấy là bắn liền chứ không như Minh và mọi người bắt quá là tù chứ chưa đến nỗi chết. Dù vậy, Minh bảo nên về rồi tính sau. Bỗng Minh hỏi:

- Anh có nghe tin thằng Sáng không? Có người nói nó chết rồi, họ thấy xác nó dọc đường ở Sơn Hương.

Tôi hoảng hốt:

- Chết cha! Thằng Sáng chết thì cha mẹ tôi cũng chết rồi, vì Sáng chở cha mẹ tôi chạy trước tôi.

Như cái lò xo tôi bung dậy nói với vợ là tôi phải đi tìm xác thằng Sáng để biết chắc về cha mẹ. Tôi chạy lao đi, nước mắt ròng ròng và Minh lật đật chạy theo. Chuyến ở, đi trở thành quá nhỏ so với số phận cha mẹ tôi. Gặp xác chết nào, tôi cũng dừng coi. Nhiều xác bị dập nát, nhưng rất dễ nhận ra không phải Sáng và cha mẹ tôi. Trước xác một bà già, tôi hơi nghi nhưng xem lại không phải mẹ tôi, vì hai bàn chân lớn quá, ống chân tương đối đầy đặn trong khi chân tay mẹ tôi chỉ là xương bọc da. Tuy vậy, tôi vẫn lật xác qua coi kỹ hơn và thấy bà này có răng vàng. Hầu hết tử thi kế tiếp là xác lính Biệt Động Quân bị đạn rồi bị xe cán nhiều lần, dập nát thật thảm thương. Nhưng tôi như vô cảm chỉ

chăm chú tìm xác Sáng. Bỗng Minh vấy tay la lớn:

- Đây, thằng Sáng đây!

Tôi chạy tới trước cái xác. Từ bụng trở lên không nhìn được vì dập nát bê bết máu và bùn đất, nhưng cái quần dài màu nâu dợt dợt hơi ngắn và bàn chân thì đúng là Sáng. Tôi khóc òa, bảo Minh tìm coi có xác cha mẹ tôi không. Xung quanh đều là xác lính và xác một đứa con nít cỡ ba tuổi. Vậy là thế nào? Sáng chết nằm đây, còn cha mẹ tôi đâu? Tôi khóc rống trước đoàn người đang từng nhóm kéo về, mệt mỏi, không để ý đến chúng tôi. Tôi nhắc Minh tìm xa hơn vì biết đâu ông bà già yếu quá chết trước, còn Sáng thanh niên nên lết thêm một khúc nữa. Trong lúc chen vào một toán đồng, quần đùi chân trần, vẻ mặt hốt hải lê những bước nặng nề, tôi bỗng loé một tia hi vọng xác nằm kia không phải Sáng. Tôi quay lại nhìn kỹ cái đầu bị xe cán dập nát, máu đông đặc bết đầy đất với lẫn bánh xe hơi còn in rõ trên mặt và thấy rõ mái tóc hốt ngắn như tóc trong quân trường. Tôi gọi Minh:

- Lại xem, Minh! Không phải thằng Sáng!

Minh vừa chạy tới vừa hỏi “Sao anh biết?” Tôi đỡ cái đầu xác chết cao lên chỉ cho Minh xem mái tóc ngắn quá trong khi Sáng luôn giữ tóc dài thật đẹp. Minh cũng nhận ra ngay như tôi vì Sáng không bao giờ chịu hốt tóc ngắn, từng phản đối việc bắt học trò hốt tóc ngắn. Hồi đó, Sáng bảo con người đẹp do mái tóc chiếm phần quan trọng, nay bắt bọn nó hốt ngắn như thầy chùa, tội nghiệp. Minh chỉ vào tay xác chết còn đeo cái vòng đồng to bằng mút dừa con để thêm bằng chứng xác này không phải Sáng. Như vậy, chúng tôi đã làm cũng như đã có người làm nên mới có tin Sáng chết. Lập tức tôi nghĩ là cha mẹ tôi còn sống và bình tĩnh cùng Minh nhập đoàn người đang đi trở về.

Có lẽ đây là lần đầu, đoàn người trên đường về nơi sinh chốn ở quen thuộc mà không đoán nổi những gì sẽ xảy ra khi về đến nhà và chìm giữa mối ám ảnh về những bất trắc thế lương. Mỗi bước chân như đến gần cái chết, nhưng hết phương chọn lựa, cứ phải bước trong im lặng, sợ hãi, buông xuôi cho số phận. Rồi tất cả đều dừng lại.

Trước tôi, hai người đàn bà mặt hầm hầm đang dùng dây dừa trói xâu khoảng vài chục người. Bên lề đường lá cờ giải phóng miền Nam cột vội vã trên một nhánh tre khẳng khiu không trảy hết lá. Người đàn bà ra lệnh:

- Đứng im, chờ chúng tôi trở lại, xem ai là nguy quân nguy quyền. Không được đi!

Lâu rồi tôi mới nghe cái giọng Quảng Ngãi cộc cằn dễ ghét như thế. Mọi người sợ sệt dừng lại. Một người đàn bà nắm mỗi dây dắt đám người bị trói xuống đường ruộng về hướng Tây có lẽ đưa lên những nhà gần đó chừng vài trăm thước. Người đàn bà thứ hai mang AK đi sau. Không còn người nào đứng gác. Tôi nói nhỏ nhỏ “đi đi” và làm như tự nhiên không có gì xảy ra. Minh e dè nhưng cũng bước theo, đi thật nhanh khỏi chỗ này và đoàn người tiếp tục lên đường trở về địa ngục.

Khát nước quá, chúng tôi ghé vào căn nhà bên đường. Qua mảnh vườn hẹp, tôi bước vào. Nhà vắng hoe, có lẽ cũng di tản chưa về. Ra đường, chúng tôi đứng dưới bóng cây cổ thụ hút thuốc và tôi hy vọng sẽ gặp vợ con tôi trở vào. Nhìn đoàn người kéo dài lê thê tôi liên tưởng đến cảnh thấy trên TV chiếu nhà máy giết bò lấy thịt. Một hàng bò, từng con qua chiếc cầu không quay lại được, để tuần tự vào lò sát sinh. Hình như những con bò già mắt ướt ướt buồn buồn, còn những con bò con thân nhiên đi như đi trên đồng cỏ.

Minh bảo tôi:

- Không nên đứng đây, bọn nó tưởng mình không chạy ở lại với cộng sản.

Tôi đáp:

- Không đứng đây sao thấy được vợ con tao đi về.

Trên thực tế, số người kéo về thừa thớt vì hầu hết vẫn e dè vừa đi vừa dò nghe tin tức. Một số khác do quá mệt mỏi phải ngừng lại hai bên lề đường. Cha mẹ, vợ con tôi thuộc loại người này. Có những người cưỡi Honda, xe đạp chạy ra, đi tìm thân nhân. Trên xe đạp, Honda cầm lá cờ giải phóng nhỏ.

Bỗng một chiếc Honda thắng gấp gần chỗ tôi đứng:

- Chào thầy! Cô và các em không đi?

Tôi giật mình, nhìn ra đó là Ngọ, nữ sinh QNNT đã đậu tú tài năm vừa rồi, hiện ở nhà giúp cha mẹ buôn bán. Tôi hỏi em đi đâu, Ngọ trả lời đi tìm người anh di tản chiều qua. Minh nhắc tôi nên nhờ Ngọ chở đi tìm cha mẹ. Tôi đang phân vân thì ông Truật từ ngoài vào vừa đi vừa khóc:

- Chú ra đưa ông bà già về, tôi thấy hai ông bà kiệt sức rồi, ngồi bên lề đường ngoài kia, tôi cũng đuối quá nên không giúp gì được.

Tôi liền bảo Ngọ chở tôi chạy ra. Ngồi trên xe, Ngọ cho biết người ta chạy hết khi hôm, bỏ trống thành phố. Người anh làm cảnh sát dã chiến khi hôm cũng chạy chưa về nên Ngọ đi tìm và tính đi đến Chu Lai nếu dọc đường không thấy. Tôi hỏi miếng vải đỏ ở đâu mà có, Ngọ cho biết sáng nay trạm giải phóng ở đầu cầu Trà Khúc phát cờ giải phóng nhỏ bằng bàn tay và miếng vải đỏ cho ai cần đi lại trên đường, miếng vải ghim vào tay áo thì còn, lá cờ cắm trên xe gió bay không hay. Ngọ phải xin một miếng vải đỏ để dễ đi lại, nếu không sợ bị làm khó. Xe chạy chừng ba trăm mét tôi thấy cha mẹ tôi không phải ngồi như ông Truật nói, mà đi xiên xiên như muốn té sát mép lề quốc lộ, tụt xa đám đông trên đường. Tôi xuống xe ứa nước mắt:

- Để con Ngọ chở cha mẹ về. Thành Sáng đâu?

Cha tôi nói như mèo:

- Mẹ mày mệt quá rồi, đi ít bước phải ngồi nghỉ, khát nước quá, có nước không?

Ngọ nói:

- Em đưa ông bà về nhà thầy, rồi trở ra đưa thầy đi tìm cô và mấy em.

Sau đó, tôi được biết do xe hết xăng nên Sáng phải dắt vào gửi nơi nhà dân để đi mua xăng. Ngọ quay ra chở vợ tôi và hai đứa con nhỏ nhất, rồi thêm một chuyến nữa chở tôi và hai đứa con lớn. Đến ngã ba Sơn Tịnh, Ngọ bảo tôi ngồi tự nhiên, xe chạy chậm chậm, nếu không hỏi thì qua luôn, nếu hỏi thì bảo đi tìm người nhà. Ngọ còn dặn nếu bị hỏi giấy tờ thì nói bỏ ở nhà không đem theo, "*họ không biết thầy là ai đâu, cứ tự nhiên*". Tại trạm kiểm soát này, một số đồng bị giữ lại đứng bên lề đường, có người cầm súng đứng canh.

Khi hôm bỏ nhà ra đi, tôi thấy tội tội, nghĩ không bao giờ còn trở lại, nay trở lại ngôi nhà, tôi có cảm tưởng đã phủ phàng với một người thân, một ân nhân. Chiều xuống thật buồn, một buổi chiều không biết ngày mai ra sao. Đêm đó, đêm đầu mất quê hương, mệt quá chúng tôi ngủ sớm.

- Liệu, Liệu, dậy con, dậy có ai kéo cửa hỏi nãy giờ.

Mẹ tôi run run thăm thì sát tai tôi. Tôi ngồi dậy, định thần mới hay là đêm đầu tiên bị cộng sản chiếm đóng. Mẹ tôi lập lại có ai hai lần cạy cửa lớn, nhưng không được. Tôi nghĩ có thể là bọn trộm nghĩ chúng tôi đi không trở lại nên kéo cửa vào nhà. Lỡ giấc ngủ, tôi và mẹ tôi thức đến sáng.

Sáng hôm sau, tôi vào trường như thường lệ.

Một học sinh vừa khóc vừa chạy đến cho biết có người anh khi hôm bị bắt lúc nửa đêm dẫn đi, sáng ra thì hay anh bị bắn chết ở bờ tre. Tôi hỏi anh làm gì, em học sinh cho biết làm cảnh sát đặc biệt. Em báo chạy tin cho ông chú biết để giúp chôn cất, qua trường thấy tôi nên chạy vào. Ông Mai, phu trường sợ sệt hỏi lại tôi câu ông đã hỏi hôm trước:

- Thầy ở Sài Gòn sao lại về?

Tôi không trả lời, bảo bây giờ đổi đời rồi, nhưng ông cứ ở đây coi trường, bề nào người ta cũng cần người coi trường, còn chúng tôi thì...hết rồi. Ông nói *“Tối hôm qua, quá nửa đêm có một ông lính cộng sản vào trường ngồi ngoài nhà dù. Tôi sợ quá nhưng vẫn ra gặp và người lính đó hỏi thầy có ở đây không, tôi bảo thầy không ở đây”*.

Thắc mắc của tôi được giải ngay sau đó khi Phong, giáo sư Anh văn vào nói:

- Anh còn nhớ thằng Mai? Nó muốn gặp anh, nó bảo tôi tìm anh.

Huỳnh Đoàn Mai, bạn học với Hồ Xuân Phong cùng làng cùng lớp, nhưng người theo cộng sản, người đi lính quốc gia. Tôi đi cùng Phong ra trường Trần Quốc Tuấn gặp Mai. Công trường đông nghẹt người.

Chị Lương H. Ngọc dạy trường nữ trung học điều khiển việc nấu nướng chiếm một lớp học rộng. Tôi nghĩ Việt Cộng giỏi thật, có ai ngờ những người này theo cộng sản. Mà họ theo lúc nào? Gia đình họ rõ ràng không phải cộng sản hoặc thân cộng sản. Phong chạy lên lầu và cùng Huỳnh Đoàn Mai xuống.

Vậy là đúng mười năm, tôi mới gặp lại Huỳnh Đoàn Mai, người bạn trẻ, người em, một đứa em có lý tưởng có tâm hồn biết làm thơ và làm thơ hay. Tư tưởng nhỏ thó, lùn. Đặc biệt cặp mắt sắc. Khác với mười năm trước, gương mặt không còn ngây ngô học sinh mà đầy vết sẹo. Đây là dấu tích của bom napal, một vũ khí lợi hại của *“đế quốc sùng sỏ Mỹ”*. Tôi thực sự mừng gặp lại người thân sau mười năm, ôm chầm Mai và Mai cũng ôm chặt tôi:

- Em muốn gặp anh, anh biết không, khi hôm ngồi trên xe tăng về thành phố em luôn nghĩ đến anh, sợ anh đã theo bọn chúng bỏ chạy ra nước ngoài thì hết.

Tôi biết đó là lời chân thật của Mai. Tôi xúc động quên

mình đang mệt mỏi nhưng không biết phải làm gì, chỉ nghe. Theo Mai lên lầu, người chen chúc chờ chỉ thị của Mai. Ông Tùng Minh vẽ quảng cáo, cầm tờ giấy đánh máy khúm núm trình Mai nhưng Mai đang nói chuyện với tôi nên ông chờ đợi có vẻ nóng ruột. Ông chào tôi hơi ngượng như người có lỗi bị bắt quả tang. Tôi vẫn giữ lối nói quen thuộc với Mai: “*Toa khỏe mạnh chưa, vợ con gì chưa?*” Mai mời tôi hút thuốc, trả lời: “*Em vẫn vậy, chỉ suyt chết. Trong gang tấc thôi, anh thấy trên mặt em đó. Có dịp em sẽ kể cho anh nghe, anh được mấy con rồi.*” Và, Mai hỏi tiếp: “*Lâu nay anh có thường gặp thằng Minh, MêKung không.*”

Tôi nói gặp Minh hằng ngày. Mai cho biết khi hôm nọ vào đầu tiên là trường QNNT, định mượn làm nơi làm việc, nhưng vào đó không thấy ai, chỉ gặp một ông già hỏi gì cũng không biết nên đoán ra trường Trần Quốc Tuấn là trường cũ Mai đã học ngày trước. Tôi nói với Mai sẽ gặp lại vào lúc Mai rảnh rồi bắt tay Mai, sau khi mời Mai nhờ Phong đưa vào nhà tôi chơi. Ra về, tôi nghĩ nhiều người chen chúc mua sự an toàn, bất kể liêm sỉ.

CHẾT HỤT

Chiều 24-3, xem như qua một ngày trong bàn tay cộng sản. Quảng 5 giờ chiều, một học sinh QNNT đi cùng mấy người lớn tuổi vào thăm tôi. Học sinh đông nên tôi không biết em này tên gì, học lớp mấy. Thực sự, tôi ít biết mặt học sinh. Phần nhiều tôi chỉ biết lớp lớn nhất với số học sinh học giỏi hoặc chơi thể thao, văn nghệ giỏi. Tôi hỏi thăm gia đình và bà con của em. Chờ em học sinh và bà con em ra về, tôi cỡi Honda ra phố đến nhà Minh. Trước đây, đêm nào tôi cũng ra phố ngủ, thường ngủ ở Trùng Khánh, để tránh cộng sản ban đêm. Đêm nay trong tay cộng sản rồi mà vẫn còn đi tránh cộng sản thì thật khôi hài. Nhưng tôi vẫn đi, vì mẹ tôi lo lắng bảo tôi nên đi sớm, khi hôm có ai kéo cửa hai lần mẹ sợ ngủ không được chỉ trông trời mau sáng. Mẹ tôi bảo tôi nên đi để cha tôi yên tâm, nếu tôi ở nhà ông sợ quá không ngủ được. Tôi còn một lý do nữa là ra nhà Minh nói chuyện cho vui.

Độ một giờ sau, cũng những người đó vào nhà tôi.

Lần này không còn đi thăm nữa mà là đi bắt tôi. Hỏi tôi đâu, vợ tôi bảo ra phố rồi. Những người đó không tin, bảo ra gặp

họ có chuyện cần. Vợ tôi bảo sáng mai tôi bảo chồng tôi đến gặp các ông chứ bây giờ thực sự không có nhà. Không tin, họ soát nhà tìm tôi, soát rất kỹ. Vợ tôi nói lại *“Biết chắc anh không có nhà, thế mà khi họ soát tìm, em cũng sợ quá, và cả đêm đó em không chợp mắt được, cha mẹ cũng vậy, không ai ngủ được.”*

Sáng ngày 24, Vỹ, em tôi, ra tìm bảo người ta còn đi theo đường biển được, tôi nên đi. Đó là lời ông bố vợ nó bảo nó ra nói nhỏ với tôi như vậy.

Vì vậy, tôi lại hi vọng.

Phải ra đi, ở lại là chết.

Nhưng trong nhà không đủ gạo ăn, tiền đâu làm lộ phí, nhất là đi ghe?

Sau này trong những ngày tù, tôi ở chung với anh Nguyễn Chí Vy, phó tỉnh trưởng Quảng Ngãi. Anh kể hôm chạy trốn, anh kẹt ở Bình Liên, chạy xuống bờ biển anh cho vợ chồng ông già có chiếc ghe con đi đánh cá ở sông, hai lượng vàng. Hai vợ chồng già mừng quá, có lẽ lần đầu thấy vàng. Ông bà cho anh thay bộ đồ rách rưới của dân chài nghèo khó, vác lưới với ông già ra ghe, qua nơi kiểm soát đường biển. Ghe ra tới đảo Lý Sơn, ông phó tỉnh lên đảo nhập bọn với giới lãnh đạo quân đoàn 1. Ông vào Sài Gòn, nghỉ dưỡng sức cả tháng ở đó chờ máy bay trực thăng rước, vì địa điểm đã được chỉ định rồi. Nhưng chờ đến quá 12 giờ trưa 30 tháng Tư, đành ở lại.

BỊ BẮT

Chiều 24, tôi ra nhà Minh, bàn với Minh tìm cách trốn khỏi Quảng Ngãi. Minh nghĩ tìm giấy tờ giả dùng Honda đi từng chặng thì không ai nhìn mặt được chúng tôi. Tôi thấy đi Honda không được vì các trạm gác đều đặt trên quốc lộ 1, nên đi bộ và đi theo đường xe lửa, xem như người địa phương đi trong xóm thôn. Không mang gì hết, mỗi đứa một cái cuốc như đi ra ruộng gần đó, nhưng phải đi trên đường xe lửa. Nếu gặp trạm kiểm soát thì rẽ xuống ruộng rồi từ từ vòng qua. Cứ như vậy đi hết địa phận Quảng Ngãi gần sáu chục cây số. Phải đi vào không nên đi ra. Đi vào rồi tìm cách đi mãi đến Sài Gòn. Minh đồng ý cách của tôi chắc ăn, để qua mặt công an hơn.

Chúng tôi đã có một tia hi vọng.

Tôi nói với Minh sờ dĩ vì vợ con, vợ còn trẻ, con còn quá nhỏ, vì lời hứa với anh em QNNT nên tôi về và về rồi bị kẹt, chứ nếu không thì đại gì về trong khi biết phe quốc gia thua quá nhanh. Từ lâu chúng tôi vẫn đánh giá chánh quyền Thiệu quá kém, nhưng không ngờ kém kinh khủng vậy. Qua trận tháo chạy của quân đoàn II, mới ngã ngựa người về thực tế Thiệu - Khiêm - Viên không có chút khả năng quân sự. Cách thua trận thảm hại cho thấy các cấp lãnh đạo tối cao không hề biết gì về lui binh.

Phải chăng vì tham những quá mà đàn độn?

Khoảng một giờ sáng, nghe gõ cửa dữ dội, Minh gọi tôi dậy. Tôi xuống bếp theo dự tính từ lâu sẽ nhảy xuống vực sâu nếu có sự bất bớ ban đêm. Nhưng nghe người quen lên tiếng nên tôi và Minh yên tâm mở cửa.

Lê Thanh đi với một học sinh QNNT bằng Honda. Lê Thanh nói có lệnh công an bảo ban khởi nghĩa đi tìm tôi:

- Sáu toán tình nguyện đi tìm anh, vào nhà anh, vào nhà em anh ở Sông Vệ, toán thàng Đào Mạnh Xuân tình nguyện vào Sông Vệ lần nữa. Em nghĩ có thể anh ngủ nhà anh Minh nên em ra đây. Vạy mời anh về gặp anh Hiến, anh Mai.

Hiến là giáo sư triết trường Trần Quốc Tuấn và cũng là giáo sư QNNT. Tôi mới biết Hiến những năm sau này. Hiến thông minh, dễ thương, vui tính, tửu lượng vào loại khá. Một hôm, trong lúc có hơi men tôi hỏi Hiến: *"Hiến có theo cộng sản không?"* Hiến hỏi lại tôi: *"Anh nghĩ thế nào, tôi có phải Việt Cộng không?"* Tôi đáp: *"Tôi không bao giờ nghe tin đồn nên mới hỏi Hiến, và tôi biết chỗ anh em với nhau, Hiến nói thật với tôi."* Hiến cười *"Em không phải là cộng sản đâu, đại ca"*.

Tôi tin như vậy. Hiến không phải cộng sản dù người ta bảo anh là nằm vùng. Chất ngang tàng nghệ sĩ của Hiến không thể là kẻ nằm vùng. Nếu Hiến làm cộng sản thì bỏ gia đình lên núi chứ không lén lút nằm vùng. Khi tôi ra tù, gặp lại Hiến, một lần nữa Hiến nói với tôi *"Trước sao sau vậy, Hiến này không bao giờ theo cộng sản"*.

Nay anh đã qua bên kia thế giới, tôi vẫn tin như vậy. Lúc nào tôi cũng tin Hiến, một người tài của Quảng Ngãi.

Tôi cởi chiếc đồng hồ đeo tay đưa cho em học sinh ngồi sau tôi *"Em đưa đồng hồ này cho cô, nói cô gắng nuôi con."* Tôi nghe tiếng chép miệng thờ ra của Lê Thanh đang lái chiếc Honda hai bánh. Tôi được đưa lên lầu gặp Huỳnh Đoàn Mai.

Tôi, Mai và người “chị nuôi”, là vợ hay bạn gái, Mai không giới thiệu. Cô ta cỡ ba mươi, rắn chắc vì sương gió, ngồi cạnh bàn thường phàn nàn Mai hút thuốc nhiều quá. Mai bảo:

- Thời gian qua, em sống giữa quần chúng, họ nghèo quá sức anh ạ, em làm thơ nhiều lắm, khi nào thuận tiện em đọc cho anh nghe.

Tuy đối diện với Mai nói chuyện thơ, nhưng tôi lo không biết những ngày sắp tới thể thảm khổ đau tới mức nào.

Một công an lên đưa cho Mai, miếng giấy nhỏ.

Nhìn qua, Mai nói với tôi:

- Đây là chánh sách đối với công chức quân nhân chế độ cũ, (Mai không dùng từ nguy quân, nguy quyền với tôi), học tập một thời gian, ai cũng học hết, anh cũng vậy.

Mai có vẻ muốn nói nữa, nhưng lại thôi, bảo tôi theo người công an. Tôi bắt tay Mai, theo người công an xuống sân trường. Chiếc xe Jeep và sáu bảy công an có vũ khí đang chờ. Lúc ấy 3 giờ khuya 24 rạng ngày 25 tháng 3 năm 1975, sau đúng một ngày một đêm tỉnh Quảng Ngãi lọt vào tay cộng sản. Hơn một tháng sau, ngày 30 tháng 4 Sài Gòn mới mất.

Công an đưa thẳng tôi vào nhà lao Quảng Ngãi.

Một nhân viên nhà lao đang giặt quần áo ghi vội tên tôi vào cuốn sổ, bảo người gác tù đưa tôi vào phòng A.

Nhà lao Quảng Ngãi hình vuông, bên ngoài đi vào, cạnh ngoài cùng hai phòng lớn, nhốt năm sáu chục người. Những cạnh khác có những phòng nhỏ hơn. Nhà bếp, phòng ăn bên cạnh trái. Cạnh phải có hội trường rộng, phòng kỷ luật, cầu tiêu. Văn phòng, nhà thăm nuôi ở sân trước. Giữa là sân rộng, chính giữa là trụ còi. Cũng như những nhà lao khác, xung quanh xây tường cao, bốn góc có bốn chòi gác đêm ngày. Người lính khóa cửa lại, đi ra. Tiếng khóa sắt kêu chát chúa, lạnh lùng, báo hiệu bắt đầu cuộc đời tù tội. Trong phòng ngổn ngang mùng mền rách, chiếu rách, các ca nhựa, bàn chải đánh răng vứt bỏ lung tung. Mới trước đây hai đêm, những người tù ở các phòng này được “giải phóng” vội vã chạy về và tham gia chánh quyền mới, với tất cả oán thù trút lên đầu chúng tôi, những người tù sớm nhất của cộng sản tại nhà lao Quảng Ngãi.

Từ đó, cứ mỗi ngày hàng chục người bị bắt đưa vào. Mười lăm ngày sau, Lê Vinh Thiệu, Nguyễn Văn Minh vào, rồi lần lượt số công chức chánh quyền cũ, cảnh sát, quân nhân, Quốc Dân

Đảng... vào chạt cứng nhà lao. Đại đa số được đưa lên trại lao động Hành Tín, cách nhà lao Quảng Ngãi trên mười cây số về phía tây. Bị nhốt chạt chội được đưa đến trại lao động là điều mừng của người tù, vì dù phải làm việc nhưng được đi lại, được thở không khí trong sạch hơn, kể như tự do hơn bị cầm cố. Thời gian cầm cố ở nhà lao Quảng Ngãi, một số chúng tôi bị chụp hình triển lãm gọi là những tên ác ôn ở Quảng Ngãi. Chúng tôi cũng bị buộc làm bản tự khai viết dưới hình thức hồi ký trong vòng ba tháng. Ngày hai buổi lên hội trường nhà lao viết cuộc đời mình từ lúc thiếu thời đến năm 1975 khi bị bắt.

Tại nhà lao Quảng Ngãi, chưa đầy mười ngày đầu, tòa án nhân dân xử tử hai người, một tên Lê Văn Trinh, thư ký đánh máy chi công an quận Mộ Đức. Năm 1966, tôi làm quận trưởng Mộ Đức thì Trinh đã là thư ký đánh máy của chi công an. Người thư ký già này an phận xin ở gần nhà cho đỡ tốn kém vì lương quá ít. Tòa án nhân dân đầu tiên thiết lập tại sân vận động thị xã Quảng Ngãi. Dân đến dự để học tập như loa phóng thanh thông báo. Người đau ốm nhưng gắng đi được cũng phải đi vì đây là quyền lợi. Chiều hôm ấy không đủ chỗ khiến nhiều người phải đứng ngoài đường nghe qua loa phóng thanh. Công an vừa dẫn Trinh ra trước tòa thì lập tức nhiều người nhất là những bà già ở nhà quê nhào đến vừa chửi vừa đánh. Công an phải khó khăn lắm mới ngăn chặn được sự căm hờn của dân chúng. Nhiều bà bảo chính tên ác ôn Mỹ - Ngụy này đã tra tấn bà đến chết đi sống lại. Có bà chỉ vào mặt nói bà đã bị tên ác ôn này hiếp dâm nhiều lần. Tiếng đả đảo vang dội sân vận động, đặc biệt có mấy bà ngất xỉu khi thấy Trinh, vì nhớ lại hình ảnh khủng khiếp ngày xưa bị tra tấn. Nhưng màn kịch này trình diễn vụng đến độ đám đông dân chúng cười rộ từng hồi thay vì bày tỏ sự căm hờn. Người thứ hai bị kết án tử hình là một người ăn cướp theo lời buộc tội của chánh án. Mười lăm ngày sau, cả hai bị xử bắn dưới chân núi Thiên Ấn.

Phiên tòa đầu tiên ấy khiến tôi nghĩ ngay đến cái chết của mình. Tôi là quận trưởng còn Lê Văn Trinh chỉ là thư ký. Một thư ký già an phận làm việc kiếm chút lương sống qua ngày mà bị tử hình thì tôi, một quận trưởng từng sát hại cộng sản nhiều đến độ gần như người dân Quảng Ngãi nào cũng biết Nguyễn Liệu lập pháp trường công khai xử tử Việt Cộng... thì chỉ có phép lạ xảy ra mới thoát chết. Tôi cảm chắc trên một triệu phần trăm sẽ bị ra

toà án nhân dân, rồi cũng bị những bà già ở nhà quê nhào ra đòi đánh, cũng sẽ có nhiều người tố cáo đã tra tấn, hiếp dâm họ. Với Việt Cộng, khi nhắc tới ngục quân ngục quyền luôn phải tiếp liền các từ hiếp dâm, tra tấn, cướp của, giết người... Và kết thúc phiên toà, chắc chắn tôi sẽ bị xử bắn.

Tự nhiên tôi choáng váng thấy căn phòng quay tròn và tất cả xảm tối lại. Mồ hôi toát ra như tắm, người tôi nóng ran như bị sốt. Tôi hỏi hận tại sao lại trở về để chịu cảnh hành hình. Hình ảnh hiện ra rất rõ trước mắt là tôi bị xiềng tay, bị mắt như tôi đã thấy tận mắt khi hai người công an dẫn ông Trình bị kín mắt bằng chiếc chemise trắng của ông, đưa ông lên chiếc jeep nhà binh theo sau là chiếc xe chở cỗ quan tài ra khỏi nhà lao. Tôi cố xua hình ảnh khủng khiếp ấy khỏi đầu nhưng khó quá. Nguyễn Cao Can, giáo sư QNNT, người bạn trẻ ở cùng phòng giam như có cùng ý nghĩ về số phận của tôi nên áp úng nhắc: "*Anh em họ bảo vì ông Trình ký bản cung, tức chịu tội. Theo tôi, nếu họ bắt ký cung anh đừng ký*". Tội nghiệp anh bạn trẻ thương tôi nên góp ý nhưng tôi nghĩ có ích gì. Ký hay không cũng vậy khi đang áp dụng thứ luật rừng...

Tôi giật mình nghĩ đến vợ trong cảnh đơn côi như con nai tơ giữa bầy chó sói. Tôi nhắm mắt, người nóng bừng nhưng quay cuồng giữa hàng loạt câu tự hỏi. Vợ tôi mới hai mươi sáu tuổi, đẹp, dễ thương sẽ ra sao sau khi tôi chết? Có thể vợ tôi sẽ có chồng khác, nhưng người này có thương yêu em như tôi không...và còn các con tôi? Trời ơi, tôi không dám nghĩ nữa, nước mắt chảy giàn giụa...

Tuy nhiên, dần dần tôi như tỉnh lại, tự trách mình hèn nhát. Tôi nhớ khi mới mười sáu mười bảy tuổi đã ý thức về chính trị, có tinh thần chống đối, năm ra tòa án nhân dân ở Phú Thọ, chỉ mười tám tuổi vẫn hiên ngang trước tòa chịu tội bao luôn cho bạn, và năm 1963, ra tòa, hãnh diện với bản án đầy đi Côn Đảo... rồi những năm làm chiến dịch Về Làng, làm quận trưởng, làm tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn, ở tuổi ngoài ba mươi, luôn xem cái chết rất nhẹ, bám sát cơ sở xã ấp, tranh từng góc rạ, từng tấc đất với Việt Cộng, bị phục kích bị bao vây, chưa bao giờ nao núng, sợ sệt, dù rất nhiều phen chết hụt. Người ta vẫn ngán Quảng Ngãi là nơi cộng sản có tổ chức vững chắc với tinh thần cực đoan, chiến đấu liều lĩnh nhưng tinh thể hung hiểm ấy không ngăn nổi tôi tình nguyện trở về xây dựng lại

quê hương với miệng nói tay làm, chứ không chỉ bằng lý thuyết suông để đẩy gánh nặng cho người khác. Không ít người từng nói có nguy hiểm là có Nguyễn Liệu đối đầu, có bất công là có Nguyễn Liệu chống đối, bất kể kẻ thù là cộng sản hay không cộng sản. Tôi nhớ nhanh về những ngày bắt chấp luật lệ đứng lên chịu trách nhiệm xử bắn những tên cộng sản khát máu, đồng thời quyết liệt lên án tệ trạng lộng quyền, tham nhũng bằng hành động bắt các viên chức thối nát trong tỉnh đem ra cạo đầu và cảnh cáo nếu còn tiếp tục sẽ bắn bỏ trước dân chúng. Khi rời khỏi mọi chức vụ trở lại đời sống bình thường, chỉ với tư cách một công dân, tôi vẫn không ngần ngại đứng lên công khai tố cáo đích danh một ông tướng vô đạo đức dù ông tướng đó là bạn thân của tổng thống đương quyền và đang nắm quyền tư lệnh một sư đoàn tại Quảng Ngãi. Những ngày tháng không xa đó, cảnh tử bệ thọ địch và trở thành tử thù của mọi phía từ cộng sản tới tập đoàn tham nhũng có quyền thế nhất... vẫn không khiến tôi nao núng thì cái chết lúc này có phải là điều đáng sợ không? Hơn nữa, từ lâu tôi vẫn coi cộng sản như một tập thể dốt nát đê hèn tàn ác thì nhận cái chết từ tay một tập thể như thế có gì đáng ngạc nhiên? Tôi phân tích và tự mạt sát thậm tệ về những dòng nước mắt đã trào ra. Sau những lời tự nguyện rửa, tôi gặp lại mấy tiếng bình thường “*dám nói, dám làm*” mà thuở nào tôi đã được nhiều người trao tặng và trở về với tâm trạng bình thản chờ đón cái chết.

Tuy vậy, phải thú nhận là tôi vẫn phải qua nhiều thì giờ đạo diễn để đóng tròn vai người tử tội đầy tình cảm, thương cha mẹ già, thương người vợ trẻ đẹp, thương bốn đứa con thơ, nhớ bạn bè, nhất là nhớ QNNT với đám học trò nghèo rất dễ mến. Tự hiểu mình không là gỗ đá, không là người máy nên tôi phải tập luyện để tránh cảnh quá xúc động yếu đuối. Anh hùng kiệt xuất như nhà cách mạng Pháp năm 1789 Georges J. Danton mà khi lên đoạn đầu đài vẫn xúc động đến nỗi bị thể nhân cho là hèn nhát.

Từ 1945, tôi đã chứng kiến không ít vụ xử tử và thấy nhiều tử tội mất tinh thần đi không nổi, phải dìu đỡ trong dáng điệu nã nề. Có lẽ một phần họ quá sợ, một phần do họ thiếu chuẩn bị cho cái chết. Tôi thấy cần chuẩn bị đầy đủ để tránh sa vào cảnh thê thảm trong giây phút cuối cùng. Không sợ hãi, giữ dáng đi thẳng, mỉm cười nhìn lần chót loài người đang chứng kiến buổi

hành quyết là điều cần làm, vì đó là gia tài duy nhất để lại cho các con. Đó cũng là cách giữ niềm tự hào dù là bất đắc dĩ cho những người từng tin cậy mình, nhất là cho người vợ thương yêu và bạn bè thân thiết. Tôi không quên cân nhắc về điều cần nói trước khi chết và thấy các lời hô “*tổ quốc muôn năm*”, “*đảng muôn năm*”... là kịch cỡm. Những lời này không phát xuất từ trái tim, chỉ có tính tuyên truyền. Ngược lại, những lời chửi bới, hận thù sẽ gây tổn hại chính nhân cách bản thân và cũng không phản ảnh chính xác nỗi xúc động bậc nhất trong lòng. Tôi nghĩ đến lý do thúc đẩy tôi lội ngược dòng tim về đất chết — từ bỏ Sài Gòn để trở về Quảng Ngãi — và thấy rõ không có gì khác hơn lòng thương yêu gia đình và tình cảm thiết tha với ngôi trường QNNT. Từ đây, tôi nghĩ lời nói cuối cùng của tôi nếu còn cơ hội cất lên sẽ là lời nhắc tới những đối tượng thương yêu vô giá đó. Tôi sẽ gọi tên các con tôi, gọi tên vợ tôi, sẽ nhắc đến QNNT... trước khi đi vào cõi chết. Sau những suy tư đó, cảnh pháp trường mà tôi là nhân vật chính hiện ra như một cảnh bình thường với hình ảnh một tử tù thoải mái bước những bước đều chậm rãi tới điểm nhận lãnh phần thưởng oan nghiệt nhất dành cho một con người...

Nhưng mọi chuyện đã diễn ra như có phép lạ.

Tôi không bị kêu ra toà án nhân dân như từng tin chắc mà đúng một năm rưỡi sau nhận được lệnh chuyển đến trại cải tạo Kim Sơn thuộc tỉnh Bình Định.

ĐẾN TRẠI KIM SƠN.

Kim Sơn thuộc Bình Định, cách quốc lộ 30 cây số về phía Tây. Tại đây, nghe nói Đặng Hai có thể chuyển ra lò gạch nên tôi nói với anh: “*Nếu anh ra lò gạch thì xin cho tôi ra với, tôi hứa sẽ không làm phiền anh đâu.*” Đặng Hai vui vẻ: “*Được, người đầu tiên tôi kéo ra là anh, dù anh không biết làm gạch nhưng tôi sẽ nói là anh trước kia có làm gạch. Khi cán bộ có hỏi thì anh nói như vậy, vì họ bảo tôi lựa những người đã biết làm gạch, trước kia có làm gạch.*”

Đặng Hai là một thương gia ở Quảng Ngãi và như anh nói “*Tôi không làm chính trị không đi lính, cái gì cũng không, thế mà tôi bị bắt đầu tiên, nhà cửa bị tịch thu, vợ con phải về phía mẹ tá túc. Tôi không hiểu tại sao cộng sản lại thiếu sáng suốt như*

vậy..”

Sáng hôm sau, lúc điểm danh đưa người đi lao động, giám thị trưởng tên Quảng, một đại úy cộng sản, khoảng 60 tuổi gọi anh Hai, ra lệnh chuẩn bị ra lò gạch. Người kế tiếp được gọi tên là tôi. Giám thị trưởng trại hỏi:

- Anh Liệu có biết làm gạch không?

Tôi đứng dậy đáp:

- Dạ, tôi chưa bao giờ làm gạch, nhưng gạch ngói là việc dễ làm, nếu cho tôi làm thì chắc chắn sẽ làm được, nhất là có sự chỉ vẽ của anh Đặng Hai, một người chuyên làm gạch ngói trên hai mươi năm.

Nói xong, tôi hỏi hận tại sao không nói đại là biết làm gạch như anh Hai đã dặn trước. Tôi đứng chờ lệnh. Viên quản trại già ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Được, anh cố gắng lao động cho tốt, anh chuẩn bị ra lò gạch.

Tôi hú hồn, mừng không mất một cơ hội tốt. Quản trại kêu tên tiếp trên mười người, phần lớn anh em đều nói không biết làm gạch nhưng sẽ cố gắng. Chúng tôi ra lò gạch sau đó chùng một tiếng đồng hồ.

Lò gạch ở trên đồi thấp. Một dải nhà tranh lợp xúp nằm giữa những đám mì, đám mía. Có độ ba mươi người tù toàn là quê quán Bình Định. Đội trưởng lò gạch là một người tù già ốm yếu, nguyên xã trưởng ở Qui Nhơn, tỉnh lỵ tỉnh Bình Định. Ông vui vẻ tiếp chúng tôi, chỉ chỗ ở và nói qua loa về nội qui, kỷ luật lò gạch. Chúng tôi cảm thấy dễ chịu gần như được tự do, vì hơn một năm chúng tôi — đám mười người ra lò gạch do anh Đặng Hai giới thiệu — đều bị nhốt tại nhà lao thị xã Quảng Ngãi. Được đi lao động là mong ước của người tù quản thúc. Tại nhà lao Quảng Ngãi một số lớn tù cải tạo đã được đưa lên Hành Tín, một làng miền núi để lao động riêng chúng tôi chờ sau hơn một năm mới được đi Kim Sơn và được ra lò gạch. Tôi hít thở không khí đầy lồng ngực, thấy như mạnh hẳn lên, yêu đời. Từ trên lò gạch nhìn tứ phía xa tít một màu xanh mơn mơn lá non của mì, con suối uốn khúc chảy vòng hiền lành. Xa hơn nữa là núi và núi, một màu xanh lam đẹp đẽ của trời mùa xuân. Nơi đây tuy ở trên trái đồi nhưng là một thung lũng phì nhiêu bao quanh bởi những dải núi vút cao là dãy Trường Sơn mà lâu nay tôi chỉ biết trên bản đồ. Đội trưởng lò gạch dẫn chúng tôi đi vòng quanh trại

chỉ cho biết chỗ làm đất, làm gạch ngói, lò nung, chỗ được phép tới và chỗ không được tới. Tôi hơi thất vọng, phạm vi đi lại ít quá, chỉ được tới nơi làm việc mà ông dùng chữ “hiện trường sản xuất”. Tôi hỏi:

- Thưa anh, xin lỗi, còn đi cầu ở đâu?

Ông cười lớn đáp:

- Thì... nhắm đâu đó xa xa chỗ ở mà phóng uest.

Tôi rùng mình nhớ lại lúc nhỏ học trường Lê Khiết tại Sông Vệ, điều khổ tâm nhất là đi cầu, vì không có cầu tiêu phải ra các bờ miá bờ lúa. Ía riết rồi hết chỗ ía.

Một người trong bọn chúng tôi hỏi tiếp:

- Ban đêm có đi cầu được không?

- Tự do, nhưng không được đi quá trăm mét. Vì đi xa có thể bị cán bộ đi tuần tưởng mình vượt ngục bắn chết.

Chiều hôm đó chúng tôi bắt đầu “sản xuất”.

Đặng Hai và một anh người Bình Định chỉ cách làm gạch, làm đất, phơi gạch...Việc đơn giản nhưng tôi vốn vụng về, đúc được viên gạch thẳng góc cạnh quá khó. Lại thêm đau lưng vì phải ngồi chồm hổm. Nhưng, mọi việc rồi cũng qua. Tôi hỏi thăm tình hình sinh hoạt và được biết nước ở đây độc lắm, rất dễ bị sốt rét rùng, vì thế mấy chục anh em gần như ai da cũng vàng xạm, ốm gầy. Đa số họ là viên chức xã ấp, nghĩa quân cùng một số nhà giáo. Tất cả đều e dè khi tiếp xúc với người mới đến và nói thầm nội qui nghiêm khắc lắm.

Tối đến, chúng tôi nhập bọn để sinh hoạt và kiểm điểm công việc hàng ngày. Mọi người đều đạt tiêu chuẩn tốt rồi chúng tôi được giới thiệu với anh em cũ ở trại. Đêm đó tôi thấy được trăng sao sau trên một năm trong phòng nhà lao không nhìn thấy bầu trời đêm. Nhưng mùi nước tiểu khó chịu qua vì không có cầu tiêu nên ai muốn đái đâu thì đái, chỉ tránh chỗ nằm, chỗ làm việc. Nhiều anh em đứng tiểu ngay bên lề đường hoặc ngoài mái tranh nơi mình nằm. Lúc mới ra lò gạch thì phấn khởi vì bắt đầu là tù “tự giác” nhưng khi mọi việc lắng xuống thì mùi cứt đái xông lên khó chịu quá. Hình như người ở lâu quen dần không còn khó chịu nhưng tôi thấy khó thể kéo dài tình trạng này. Tôi hỏi ông đội trưởng:

- Sao bác không đề nghị cán bộ cho làm cầu tiêu?

Người tù già ngẩng đầu ngạc nhiên như chưa nghe rõ câu hỏi của tôi. Rồi ông lắc đầu lia lịa:

- Ấy chết, ở tù mà đề nghị thì chỉ có bị cùm thôi. Trên cho cái gì thì nhờ cái đó, tuyệt đối không có ý kiến. Anh ở tù hơn cả năm rồi mà chưa biết sao?

Tôi nghĩ nước đã độc mà tự do phóng uế thể này thì thật nguy cho sức khỏe, nhất là thấy một số anh em trùm chặn rên hừ hừ vì sốt rét, tôi càng lo. Đói, nước độc, dơ dáy, lao động nặng... toàn là thứ đe dọa mạng sống. Nhưng là tù còn biết nói làm sao. Một năm sau số tù từ vài ba chục lên gần một trăm vì tù trong trại lớn, gọi là trại I, trại II tìm cách xin ra lò gạch, nhất là trại Hành Tín giải tán nên toán làm gạch ở đó dời về Kim Sơn, nhập vào lò gạch ở đây. Đặng Hai không còn độc quyền kỹ thuật nữa vì có Trần Đốc, chủ lò gạch ở Sông Vệ, từ Hành Tín mới đến.

ĐỘI TRƯỞNG LÒ GẠCH

Gần Tết một số tù được phóng thích, trong đó có đội trưởng lò gạch. Cán bộ điều khiển lò gạch bảo anh em chọn người thay thế. Ông bảo chọn ba người đưa lên ban giám thị quyết định. Anh em chọn Phạm Tường nguyên thiếu tá cảnh sát, Phạm Văn Chất nguyên chánh sở học chánh Quảng Ngãi, và tôi. Lúc đó tôi đang ở toán chụm lò với anh em Bình Định và được toán này chọn.

Khi chờ ban giám thị quyết định, tôi hỏi anh Lê Vinh Thiều, người bạn thân của tôi từ lúc còn nhỏ cũng ở trong toán chụm lò *“Nếu ban giám thị quyết định tôi có nên làm đội trưởng không?”*. Anh Thiều cực lực phản đối *“Không nên làm, không đại gì làm chuyện bậy bạ vậy”*

Rồi anh thao thao:

- Đây là thằng chống cộng sản sắt máu. Ai cũng biết mày từng công khai xử bắn bọn nó, từng không đội trời chung với bọn nó, từng làm cho bọn nó khiếp đảm. Cả nước ai cũng phục mày can đảm dám làm, thế mà mày đành chịu “bó thân về với triều đình, hàng thần lơ láo phận mình ra sao”. Mày theo cộng sản à, coi sao được, ăn cái giải gì, dẹp đi để cho tụi nó làm...

Tôi đọi anh ta thở không ra hơi, mới lên tiếng:

- Chuyện đâu còn đó, anh biết một mà không biết hai. Tôi làm cũng có cái lợi chứ ...

Thiều ngắt lời:

- Lợi cái gì, làm cho cộng sản mà lợi à? Anh em sẽ chịu mày, mày sẽ mang tiếng. Tao biết mày không luôn cúi được, mày thất bại mất cả chì lẫn chài, cuối cùng thân bại danh liệt. Đẹp đi, nghe lời tao.

Tôi tiếp:

- Anh bình tĩnh, mình tính thử, có làm ngay hôm nay đâu và chắc gì tôi được chọn mà anh nóng dữ vậy.

Thiều im lặng quán thuốc rít vài hơi dài dịu cơn nóng.

Tôi chậm rãi:

- Nói gọn, nếu được chọn tôi sẽ làm, vì các lý do sau: Thứ nhất, tôi khỏi đi lao động vì đội trưởng khỏi lao động. Như anh biết, tôi không có thăm nuôi, không có tiếp tế, sức khỏe tôi xuống kinh khủng. Thứ hai, tôi sẽ cải thiện cuộc sống ở đây nhất là nước uống, vệ sinh. Thứ ba, *cải thiện* ⁽⁷³⁾ cuộc sống vật chất và tinh thần của gần một trăm anh em ở đây.

Thiều im lặng nghe trình bày từng điểm với vẻ ngạc nhiên về những ý tưởng có vẻ to lớn và khoáng đạt quá.

Tôi kết lại bằng một câu hỏi:

- Bỏ điều một đi, anh xem thử điều hai, điều ba có cần thiết cho anh em và tôi có làm được không?

Thiều chậm rãi trả lời:

- Mày chết tới nơi mà vẫn còn cái giọng đao to búa lớn. Mày cải thiện cuộc sống vật chất và tinh thần à, mày là đức chúa Trời à! Đẹp mẹ nó đi, mày từng ở tù nhiều chế độ, mày đã đi đủ nhà lao, tới cả Côn Đảo mà không biết tù là gì à? Thằng tù là thằng chỉ có một cái quyền là quyền chết một cách tử toại, chết dần chết mòn, “đéo” có quyền gì hết. Bộ mày là tỉnh ủy, trung ương ủy hả, mày nói giám thị họ tuân hành à? Hôm mới đến đây, tao nghe mày hỏi thằng đội trưởng sao không làm cầu tiêu để tù đi ỉa, hấn hốt hoảng phản đối: chết chết, tù mà đề nghị, bị cùm một gông. Tao tưởng mày sáng mắt rồi chứ, nay mày còn đề nghị, còn ý kiến...Trời ơi, thôi đẹp đi, mày. Được như vậy là tốt rồi, tao mày cứ chụm lò, hút thuốc uống trà nếu có, đêm khuya ở đây vắng lạnh một cách thơ mộng, mình làm thơ, kể chuyện kiếm hiệp ... Không khí núi rừng âm u bí ẩn này, nhất là về đêm an ủi mình nhiều lắm. Kệ nó ráng chịu, họ sao mình vậy, càng im lặng càng tốt rồi may còn sống ngày nào đó mình được

(73) *Danh từ của cộng sản hay dùng lúc bấy giờ.*

về... chắc gì ở ngoài đời bây giờ lại vui vẻ... Mày lộn xộn đời hỏi cái này, tranh đấu cái kia chỉ khổ cho mày, có khi nguy tới cả mạng sống đấy. *Tri mệnh thức thời duy tuấn kiệt!* Mày nên nhớ, lúc nào cũng nên nhớ, tù như mày bị nhiều kẻ theo dõi và để ý lắm, họ coi thử mày có động tịnh gì không, mày không như các anh em khác, tao nói thể mày hiểu chứ?

Tôi trả lời:

- Những điều anh nói không có gì mới lạ với tôi. Tôi có nghĩ đến. Tôi biết tôi làm đội trưởng nếu không đạt các mục tiêu trên thì tôi bị đốt cháy. Tôi biết các mục tiêu trên ở ngoài đời có tự do đã khó rồi, huống chi trong cảnh tay bị trói, miệng bị bịt, thật là thiên nan vạn nan. Nhưng anh biết tôi là người tự tin, rất thích thú làm những việc trong nghịch cảnh. Dân chúng đã gán cho tôi bốn chữ mà người Quảng Ngãi đều biết là "*dám nói dám làm*". Vậy với tinh thần và tính chất đó, tôi sẽ làm cho anh xem.

Hơn một tuần sau ngày ông đội trưởng mang gói ra về cũng là ngày ban giám thị bảo tôi thay thế. Tối hôm đó, tôi họp anh em có cán bộ phụ trách lò gạch chủ tọa. Tôi tuyên bố nhiệm vụ của tôi và của anh em. Không biết anh cán bộ có hiểu gì không, ông ta im lặng từ đầu đến cuối cuộc họp, không chỉ thị như nhiều lần trước. Trong cuộc họp tôi nhắc lại nội qui: "*Học tập tốt, lao động tốt, cải tạo tốt.*" Những câu nhắc đi nhắc lại biết bao nhiêu lần rồi gần như không còn xúc động nghĩa là cũng không còn bực bội như khi nghe nói những lần đầu nữa. Rồi tôi yêu cầu làm các việc cụ thể:

- Anh em Quảng Ngãi hay Bình Định đều là một, hãy thương nhau giúp đỡ nhau trong những ngày cải tạo.

- Bắt đầu từ giờ này, anh em nào đi ỉa cũng phải vác cuốc đào lỗ rồi lấp kỹ lại, xem như bón phân cho cây mì.

- Bắt đầu từ giờ này, đi đái phải đi xa chỗ ở, không đứng trên hè đái đại xuống sân như lâu nay. Dọc theo bờ hè meo xanh đóng dày là vì nước đái của chúng ta.

- Các chú nhỏ ⁽⁷⁴⁾ nghe lời các chú, các bác đừng vi phạm nội qui.

- Tóm lại tạo một cuộc sống sạch sẽ vệ sinh để lao động tốt cải tạo tốt.

⁽⁷⁴⁾ Tức một số thanh niên không phải tù chính trị.

Từ đó một số anh em đi cầu vác theo cuốc nhưng một số khác vin có thiếu cuốc để không thi hành. Thực tế vẫn dơ bẩn, nhất là không ai dám đi xa nên có khi còn tệ hơn vì cảnh đào lên lộn xuống những chỗ gần trại quá. Tình hình không thay đổi mà mùi hôi thối còn nặng hơn. Tôi nghĩ phải xin phép làm cầu tiêu. Tôi mạnh dạn bước vào phòng ban giám thị. Tôi nói mạnh dạn vì tù không được vào gặp ban giám thị nếu không được cho phép trước. Văn phòng cũng là chỗ ở của giám thị và phó giám thị.

Một căn nhà nhỏ, hai giường kê sát vách, giữa đặt một chiếc bàn. Trên bàn, một kỷ gỗ đặt một bình trà bốn cái chén. Hai cái bàn kê sát bàn làm ghế ngồi. Đứng trước cửa nhìn vào không thấy ai, tôi nghĩ đã liệu đến đây thì đành chờ. Tôi không phải chờ lâu vì từ dưới chân đồi phó giám thị chậm rãi bước lên tay cầm cái chén ăn cơm, đôi đũa vừa đi vừa nhìn chăm chú xuống đất như sợ vấp các hòn đá lờm chờm nên gần đến tôi mà ông vẫn không thấy. Tôi lên tiếng trước:

- Dạ chào ban giám thị.

Luật ở đây gọi cá nhân các giám thị bằng ban, gọi cán bộ bằng ông, bà. Ông ta giật mình ngược lên hỏi:

- Có việc gì đó!

Tôi trả lời cụt ngắn: "Dạ!"

- Anh vào nhà.

Giọng nói nặng chứng tỏ ông quê Quảng Ngãi chứ không phải Bình Định. Tôi theo vào nhà đứng bên cạnh bàn. Ông cất chén đũa trên góc đầu giường nằm, hỏi:

- Anh ở đâu đến?

- Dạ ở lò gạch

- Có việc gì?

Ông có vẻ khó chịu, không nhìn tôi, rót nước trong bình ra chén và uống tiếp luôn mấy chén nước trà nguội.

- Dạ thưa ban, vào xin phép ban cho phép chúng tôi làm cái cầu tiêu.

- Để chi?

- Dạ, để anh em ở lò gạch dùng để cải thiện vệ sinh cho anh em, vì...

Ông ngắt lời:

- Các anh lúc nào cũng tiểu tư sản, phải có cầu tiêu mới là được à? Hai mươi mấy năm trên rừng, chúng tôi có mấy cầu

tiêu mà đánh thắng Mỹ - Ngụy. Nay các anh đi cải tạo mà đòi cầu tiêu. Các anh quen cách sống sang trọng tội lỗi, lúc nào cũng cầu tiêu, buông tằm xa hoa trong lúc nhân dân đang thất lưng buộc bụng chống Mỹ cứu nước. Bây giờ xây dựng hòa bình. Đáng lẽ các anh phải thấy được tội ác của mình, ăn năn hối cải để trở thành người lương thiện về sống với nhân dân, nhân dân lúc nào cũng tha thứ cho các anh nếu các anh cải tạo tốt ...

Ông thao thao những câu thuộc lòng mà mọi cán bộ luôn nói tại các buổi học tập. Biết gặp lúc không thuận tiện, tôi đợi ông hơi yếu giọng vì nói dài quá, lễ độ chào và lui khỏi phòng. Về đến lò gạch, Thiều hỏi:

- Mà vào gặp ban xin làm cầu tiêu có được không?
- Không gặp ông giám thị trưởng nên tôi không nói.

Tôi không muốn kể lại việc xảy ra vì sợ Thiều bảo tôi thiếu thực tế... và do đó một số anh em sẽ bàn nên dẹp ý định làm cầu tiêu.

Lò gạch được gọi là trại "tự giác", chỉ có một cán bộ trông coi tổng quát. Các toán tự đi làm theo giờ giấc qui định của ban giám thị. Có năm toán, toán làm đất, toán làm gạch, toán làm ngói, toán đốn củi, toán chụm lò. Mỗi toán đều có toán trưởng, toán phó. Có một người coi về kỹ thuật. Đội trưởng chịu trách nhiệm tổng quát, đôn đốc thi hành nội qui trại, cùng việc ăn uống của cải tạo viên. Một cán bộ phụ trách lò gạch sáng ra tối về. Ban đêm và ngày nghỉ hoàn toàn do đội trưởng chịu trách nhiệm.

Anh em phàn nàn về anh đầu bếp. Anh tên là Thạch người Bình Định. Tướng mạo khảnh đẹp trai, ca hát rất hay. Tôi thích nhất giọng ngâm thơ của anh nên tôi và Thiều đêm đêm thường bảo Thạch ra lò gạch rĩ rả ngâm thơ. Thạch cho biết anh có bằng tú tài, rất thích văn nghệ, trốn lính, làm thư ký trong xã nên phải đi cải tạo. Thạch hi vọng về chuyển vừa rồi nhưng lọt sổ, lại hi vọng chuyển kể tiếp. Tôi không rõ hư thật thế nào, nhưng chắc chắn là anh thư sinh này lười biếng nên không hợp vai trò đầu bếp. Tôi quan niệm người làm bếp trước hết phải chịu khó, công việc không nặng, nhưng phải làm gần như suốt ngày, phải là người lương thiện, có tinh thần tập thể, vì hột gạo lúc ấy quý hơn vàng. Tôi thưa với cán bộ phụ trách lò gạch đưa Thạch ra toán làm ngói và theo ý kiến anh em đưa Nguyễn Chấn vào làm

bếp. Chấn là người Bình Định, nguyên bán thịt heo, đi cải tạo vì là nghĩa quân. Anh khỏe mạnh, làm việc tích cực. Mỗi ngày anh gánh ba chục gánh nước từ suối lên một dốc cao để vào bếp. Ngay bữa đầu do Chấn nấu, anh em đã phẫn khởi vì phần cơm có vẻ nhiều hơn mấy hôm trước. Tôi luôn khuyến khích, nói tại sao phải đưa anh vào thế anh bếp cũ. Từ đó, tôi thường xuyên để ý đến các thùng phuy đựng gạo của anh em. Mỗi lúc lấy gạo vào chảo nấu Chấn phải báo cho tôi biết để tôi trực tiếp kiểm soát. Tôi nói làm vậy để Chấn khỏi mang tiếng với anh em là “ăn cắp gạo”. Anh vui vẻ không tự ái, luôn gọi tôi kiểm soát lúc lấy gạo, vo gạo và trút gạo vào chảo. Tôi vẫn bực bội về vấn đề vệ sinh không làm khá hơn được. Mỗi khi vác cuốc đi cầu thật khó chịu khi cuốc phải nơi đã chôn cất cách đó mấy ngày. Thật là tai họa khi phải lấp đi cuốc chỗ khác vẫn gặp như cũ để phải lấp rồi đào lại mấy lần. Gần một trăm người đi cầu trên một năm quanh trại nên chuyện đó luôn xảy ra.

Một buổi sáng, giám thị trưởng Quảng, ông già Bình Định ra thăm lò gạch. Mặt lầm lì, ít nói, đen như người Thượng. Năm tháng và khổ cực làm cho lưng ông còng hẳn, bước đi chậm chạp như lúc nào cũng sợ vấp té. Từ ngày theo cộng sản vào công an rồi luôn làm cai tù, ông thường kể lại một cách hãnh diện từng dẫn hàng trăm tù chạy trốn B52. Bây giờ hòa bình rồi, ông được hưởng thụ, lên lon thiếu tá, cai quản một trại tù cải tạo lớn là Kim Sơn, Nghĩa Điền điều khiển hàng trăm cán bộ. Mỗi kỳ Tết, trại tù gói hàng trăm cây bánh tét, làm vài ba con heo, vài chục ang nếp hồ chớ về nhà ông tận quận Tây Sơn để gia đình ông ăn Tết và đãi cán bộ từ thị xã Qui Nhơn lên. Những ân đãi ấy khiến ông vui vẻ dễ chịu. Tướng làm lì chậm chạp như một người nham hiểm, nhưng ông rất hiền lành. Tôi biết ông hiền lành vì đã từng tiếp xúc với ông.

Ông ra lò gạch để xem xét, nói với tôi:

- Anh phải quản lý chặt chẽ nhé, đừng để anh em cải tạo vi phạm nội qui, đừng để các ông cán bộ xuống đây tự do lấy gạch ngói. Anh bảo họ là chính tôi dặn anh như vậy, đừng cho cán bộ dẫn anh em cải tạo vào rừng tìm gỗ quý về làm nhà. Anh làm không được, tôi kỷ luật anh đấy nhé.

Ông cười mời tôi hút thuốc. Tôi biết đây là cơ hội tốt để trình bày xin làm cầu tiêu. Tôi liền thưa:

- Thưa ban trưởng, tôi cố gắng tuân hành các điều ban

trường vừa nói...

Ông ngắt lời:

- Được, vậy là tốt!

Tôi tiếp:

- Xin ban trường cho phép tôi thừa một việc, là xin làm chỗ cho anh em ở đây họ đi cầu cho hợp vệ sinh và hợp với “hai mươi điều nếp sống mới” của cách mạng đề ra mà anh em chúng tôi từng học thuộc.

- Vậy lâu nay anh em đi ỉa đái như thế nào?

- Dạ, ỉa đái quanh quất xung quanh trại, hơi thối quá, ruồi lẩn nhiều có thể gây bệnh hoạn và ảnh hưởng xấu cho việc học tập lao động. Xin ban vui lòng chấp thuận cho chúng tôi làm cầu tiêu.

- Anh làm như thế nào, nhân công đâu mà làm, hiện đang phát động thi đua làm tốt khâu lao động đạt chỉ tiêu để báo cáo cuối năm lên tỉnh để tỉnh báo lên trung ương, lấy công đâu mà làm?

Tôi đáp:

- Dạ, tôi không dám lấy nhân công của trại. Chính cá nhân tôi rảnh rỗi chỉ trông coi anh em, nhưng có các toán trường rồi, tôi có thể đào làm cầu tiêu nếu ban cho phép.

- Được, nếu anh làm được thì tốt, nhưng mình anh làm thì cả tháng không xong. Thôi, anh làm đi rồi tôi tính.

Nói xong, ông ta rời lò gạch. Tôi mừng quá, báo tin vui cho anh em và ngay chiều hôm đó bắt tay vào việc.

Tôi chọn vùng đất cao cách trại vài trăm thước, bắt đầu đào. Gặp mùa hè đất cứng, tôi phải gánh nước đổ dần dần cho nước thấm để dễ đào hơn. Tôi báo cáo với cán bộ lò gạch là “ông giám thị trường ra lệnh lò gạch phải đào cầu tiêu nhưng anh em đều bận công việc duy có tôi rảnh rỗi nên tôi đào dần dần.”

Người cán bộ suy nghĩ rồi bảo:

- Anh đào bao giờ cho xong, hơn nữa anh còn phải trông nom mọi thứ. Để tôi xin bọn tư pháp ⁽⁷⁵⁾ ra làm.

Tôi rít rít cảm ơn ông ta.

Trong vòng hai tuần, tôi hoàn thành một cầu tiêu rất tốt, rộng 2 mét, sâu 3 mét, dài 24 mét, có hai chục chỗ ngồi. Xung quanh cầu có vách che, có ống thông hơi cao và trên lợp tranh

(75) Từ hình sự phần nhiều còn nhỏ tuổi khỏe mạnh.

che mưa nắng. Thế là tôi giải quyết xong một điểm quan trọng. Tôi yêu cầu tất cả anh em phải dùng cầu tiêu, tuyệt đối cấm đi ỉa như trước. Tuy vậy vẫn còn một số đi ỉa bậy bạ, nhất là về đêm.

Trại có máy điện riêng nên tôi xin bắt trong cầu một ngọn điện. Tôi nêu rõ trong cuộc họp nếu ai đi cầu ngoài cầu tiêu sẽ phải dọn vệ sinh cầu trong ngày chủ nhật. Một số anh em thà thì phản đối bảo tôi gay gắt quá, anh em đã mất tự do rồi còn làm mất thêm nữa. Thật là khó! Và, dù tôi kêu gọi nhiều lần và đa số anh em luôn nhắc nhở, nhưng vẫn còn một số lén lút ỉa bậy. Làm xong cầu, tôi xin đào giếng, viện cớ suối xa quá, gánh nước lên dốc quá cao, nhất là về mùa mưa trơn trượt. Cán bộ đồng ý dễ dàng. Mỗi ngày ông dẫn năm tù hình sự giao cho tôi trông coi để đào giếng và chịu trách nhiệm giữ năm người đó. Tôi đưa thuốc lá cho năm anh em đó hút và năn nỉ:

- Tôi xin các em đừng chạy nhé, nếu một em chạy thì tôi bị cùm tội nghiệp, nếu muốn chạy chờ lúc có cán bộ quản chế thì tôi khỏi bị cùm.

Số tù trẻ này không hề vi phạm nội qui suốt thời gian bốn tuần lễ đào giếng. Giếng lớn như cái ao, đường kính bốn mét. Tôi làm một loại gạch hình thang để dựng thành giếng. Các viên gạch chỉ sắp ôm sát vào nhau, không cần hồ mà thành giếng vẫn vững. Chúng tôi làm loại gạch này khá đặc biệt, nung rất chín, có thể nói cái giếng đời đời không hư sụp. Thành giếng cao độ một mét ngăn cóc nhái rắn rết không rớt xuống giếng. Chúng tôi cũng làm một cần vọt để kéo nước lên cao hơn mực ngang nhà bếp. Cần vọt gồm một cây dài, đặt trên hai trụ cao. Cần có thể di chuyển theo đường thẳng đứng xuống và lên. Một đầu cần cột cây sào dài, đầu sào cột một gàu múc nước. Đầu kia của cần cột một vật nặng đủ đưa gàu múc đầy nước lên cao hai phần ba chiều cao của giếng. Người xử dụng cần đứng ở thành giếng kéo cây sào đưa gàu xuống múc nước, múc xong kéo mạnh cây sào, gàu nước được đưa lên ngang mức mình muốn và đổ vào cái máng dẫn nước vào nơi chứa.

Cách lấy nước này, nông dân Quảng Ngãi hay dùng. Tôi áp dụng vào lò gạch để tránh cho anh làm bếp khỏi phải hì hục gánh nước từ suối lên qua con dốc cao.

Làm cầu tiêu, làm giếng, tôi phải xin phép và được phép mới làm, nhưng khi làm hệ thống lọc nước, tôi im lặng không cho cán bộ biết, cũng không phổ biến trước cho anh em. Tôi bàn

với Trần Văn Hưng, người tù rất khéo tay, hàng ngày nắn những cái muỗng để đổ đường. Hưng là một giáo sư trẻ dạy triết tại trường nữ trung học và cũng là giáo sư QNNT. Anh thông minh khéo léo mọi mặt và luôn suy nghĩ cân nhắc. Hưng đồng ý ngay và anh thổ lộ:

- Lâu nay tôi rất ngại vụ nước đục. Nước vùng núi rừng Trường Sơn này đục quá mà chả lẽ mình không uống nước. Như thế tránh sao cho khỏi bệnh. Nhìn dân làng xung quanh không thấy người nào khỏe mạnh.

Tôi bảo Hưng làm sáu cái ảng lớn, nung rất chín để lọc. Tôi dùng cát sạn, nhất là than để lọc theo kiểu cổ điển. Một số anh em và cán bộ bảo tôi làm việc vô ích vì nước trong, quá sạch rồi cần gì lọc. Tôi phải giải thích tuy nước trong nhưng vẫn còn nhiều độc tố vì ở núi rừng, mọi người mới dần dần đồng ý. Dùng than để hút cho nước giảm hoặc hết độc. Thế là khi vọt nước lên đổ vào máng qua sáu cái lọc rồi nước tốt theo máng khác chảy vào bếp. Tuy nước đã lọc tốt, tôi vẫn yêu cầu nhà bếp nấu sôi và phải sôi vũng⁽⁷⁶⁾, ít nhất phải sôi mười lăm phút mới đổ ra cho anh em dùng. Việc đơn giản nhưng cả tuần vẫn không thể thực hiện tốt, vì theo thói quen nước sắp sôi vừa kêu vo vo, anh nhà bếp đã múc ra. Cuối cùng, tôi phải dậy thật sớm lúc gà vừa gáy theo dõi và buộc anh nhà bếp nấu sôi thực sự — sôi vũng và sôi mười lăm phút mới múc ra. Sau đó anh quen dần và làm đúng như thế. Tôi yêu cầu anh em phải uống nước trong ảng có đề chữ “đã sôi”, không uống nước ngoài ảng đó. Thế là cả hai việc mà tôi rất bi quan là chỗ đi cầu và nước uống đã được giải quyết.

Hàng ngày, trong lúc mọi người làm việc từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa và từ 2 giờ trưa đến 5 giờ chiều, tôi dọn sạch quanh trại, trước hết cào hết những meo xanh do nước tiểu tạo nên. Tôi làm những chỗ để tiểu, đổ tro vào đó để làm phân bón rau. Cảnh tiểu bậy nhờ đó giảm dần dù vẫn có một số không tuân, bất kể tôi phải nói đi nói lại nhiều lần trong các cuộc họp.

Đọc theo hè trại, bên đường đi tôi trồng các loại hoa, nhất là cúc vạn thọ nở vàng, mỏng gà, bông trang và các loại hoa rừng vô danh. Hoa được bón phân nước tiểu rất tốt.

Một cán bộ bảo tôi:

⁽⁷⁶⁾ Nước sôi tạo những bong bóng lớn.

- Anh tiểu tư sản quá, ở tù mà cũng bông hoa, chỗ ở của chúng tôi không có một cái hoa, anh phí phạm công lao động của anh em.

Tôi đáp:

- Bông hoa cùng các việc giữ vệ sinh, ngăn nắp có mục đích giúp anh em đỡ nhớ nhà, vui với cảnh sống ở đây để lo học tập cải tạo tốt chứ có hại gì đâu. Còn lao động để tạo ra bông hoa là do tôi làm hằng ngày chứ tôi đâu có dùng sức lao động của anh em.

Cái giếng lớn, hệ thống lọc nước cho hàng trăm người uống, cây cảnh vọt và nhiều bông hoa dọc đường đi trở thành cái lạ được đồn đại về lò gạch... Ban giám thị ra xem và tôi phải giải thích về sự cần thiết của các thứ đó. Ông giám thị trưởng có vẻ hiểu, nói đại để:

- Tốt, rất tốt! Tạo điều kiện cho an tâm cải tạo là điều tốt, tạo điều kiện cho có sức khỏe để học tập lao động là điều tốt. Tôi sẽ báo cáo lên tỉnh để họ đến xem, bắt chước cách tổ chức của chúng ta ở lò gạch và phổ biến các nơi khác. Vừa rồi tôi có theo phái đoàn đi một vòng các trại cải tạo từ Bắc chí Nam, không chỗ nào tốt như ở lò gạch về cách sống vệ sinh theo nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Tôi nghe anh em, chọn anh làm đội trưởng lò gạch rất đúng.

Ban giám thị rõ ràng vui về thành tích của lò gạch: trại ngăn nắp sạch sẽ, bông hoa cây cảnh làm đẹp trại tù chúng tôi chính sách cải tạo rất khoan dung, rất xây dựng không hận thù đúng như lý thuyết. Trên một trăm cải tạo viên đều tuân hành nội qui với tinh thần tự giác. Trại viên được tôn trọng vì luôn giữ tư cách, không bao giờ ăn cắp, phá phách, đánh lộn. Lao động đạt chỉ tiêu đề ra, có nhiều người được bầu xuất sắc về nội qui và lao động. Có lần, tôi nói với ban giám thị rằng suốt lịch sử Việt Nam từ thời làm đồ gốm đến nay chắc chắn không có lò gạch nào có nhiều trí thức như lò gạch này. Trong lò gạch, trên vài chục người có cấp bằng đại học, vài chục sĩ quan và công chức cao cấp. Tôi luôn nhắc với anh em rằng mình mất hết rồi, chỉ còn tư cách, hãy gắng giữ như “*quân tử thận kỳ độc*” — người quân tử phải thận trọng lúc một mình.

Nhờ thành tích tốt của lò gạch tôi xin ban giám thị cho anh em “bồi dưỡng” bằng cách ra ngoài dân mua heo về làm thịt, chia cho anh em có tiền đóng góp. Vài tháng tổ chức một lần.

Tết, lễ đều tổ chức mua heo. Những buổi đó, hàng trăm cái bép con con, mùi thịt nướng bay thơm phức. Một số anh em còn có cả rượu để mua của người Thượng, đúng là “đại tiệc”. Mãi tới bây giờ, trên hai mươi năm, tôi chưa gặp dịp nào, thứ nào hấp dẫn như khi người mùi thịt nướng ở lò gạch. Chỉ một ít người không có tiền đóng góp, trong đó có tôi. Nhiều anh em thấy vậy, mời tôi tham gia với họ nhưng tôi luôn từ chối, lặng lẽ ra một góc, đung đưa chiếc võng, hút thuốc nhìn trời, nghĩ đến vợ con đang đói ở quê nhà, ngâm nga vài câu thơ xưa. Từ chối một bữa ăn ngon trong lúc quá đói là điều cực khó, phải tận dụng hết nghị lực mới vượt qua được, nhất là cảm giác đói kéo suốt hai mươi bốn giờ, thức cũng đói, ngủ cũng đói, ăn xong cũng đói!

Thừa thắng xông lên, tôi xin cho anh em được dùng tiền trong trại. Điều này bị cấm ngặt với tù, nhưng riêng ở lò gạch, chúng tôi được dùng vì ban giám thị tin chúng tôi tôn trọng kỷ luật không bao giờ nghĩ tới vượt ngục. Do đó, cứ vài ngày có người đem thịt heo vào trại bán. Tôi nhớ lúc ấy có cô Ngọc ở tuổi chưa chồng, quá đẹp. Tôi không hiểu tại sao vùng đèo heo hút gió này mà có người đẹp đến thế. Cô mặc bà ba đen tóc xoã rối bời theo gió, nước da trắng hồng, thân hình nở nang của tuổi mười tám đôi mươi và có nụ cười hồn nhiên của người miền núi.

Trưa nào chúng tôi cũng ngắm chừng bên kia bờ suối, người đẹp gánh thịt lợn suối vào lò gạch. Tôi ngỡ như một tài tử đóng phim đang diễn cảnh cô hàng bán dạo trong một trại tù. Khi cô gánh ra khỏi lò gạch, tôi hay nhớ đến câu thơ của Tạ Ký “*Một kẻ quay đi, một người chết khát*” và tôi nhại lại “*Một kẻ quay đi trăm người chết khát*”. Sự hiện diện của cô giúp chúng tôi vui lên một chút nhưng cũng khiến nhớ nhà thêm. Dù chưa bao giờ tôi mua thịt, nhưng trưa nào cô không đến tôi thấy như thiếu thiếu một cái gì.

Ngoài người đẹp bán thịt còn có chị bán cá là chị của cán bộ phụ trách lò gạch. Chị ở Bồng Sơn, cách trại mấy chục cây số. Vì có em làm cán bộ ở lò gạch nên chị thỏ hai giỏ đầy cá ngừ hấp, bán cho anh em và có lẽ lần đầu tiên vùng núi này có người bán cá biển.

Tạo được tin tưởng với ban giám thị, chúng tôi được thăm nuôi ngay ở lò gạch. Trước đó, mỗi lần thăm nuôi phải vào trại lớn — trại chính — chịu kiểm soát gắt gao của cán bộ và vì đông quá nên thường thăm không quá 15 phút. Bây giờ, ban giám thị

tin nên giao cho tôi chịu trách nhiệm việc thăm nuôi. Cố nhiên khi có cán bộ, tôi làm như xét kỹ nhưng thật ra không có thứ gì không được vào trại, kể cả rượu là thứ cấm ngặt, nhất là thư từ mà ai cũng có thể hiểu không lá thư nào giá trị bằng thư người thân gửi cho tù. Rồi anh em ở lò gạch có thêm việc chuyển thư cho anh em quen biết và lò gạch biến thành nơi chuyển thư cho anh em ở trại lớn. Tôi luôn dặn anh em cố gắng giữ, đừng làm mất sự tin tưởng tức là mất “quyền lợi” của chính anh em. Anh em cũng biết tôi không nhắc vì lo cho quyền lợi của tôi, vì tôi rất ít có thăm nuôi, không có tiền để mua thịt, mua cá, mua rượu, chuối, đường... Mỗi chủ nhật tôi xin cho hai người đi chợ cách trại năm, sáu cây số. Chợ nghèo ở miền núi cũng có mắm, có gạo, có thịt và rau. Phải nói tù ở lò gạch không thiếu thứ gì nếu có tiền và có thăm nuôi, vì bất cứ thứ gì cũng có thể đem vào qua thăm nuôi và qua mua bán với người Thượng. Vì con đường chính đi qua trại lò gạch, dân chúng phần đông là người Thượng qua lại nên chúng tôi nhờ mua rượu và cứ hai ngày có một buổi chợ của người Thượng nên họ thường mang chuối trên núi xuống ngang qua trại. Chúng tôi dậy sớm chùng gà gáy đầu, đón mua chuối, mua rượu. Đặc biệt người Thượng không biết nêu giá, nải chuối nào cũng một đồng không căn cứ vào tốt xấu, trái ít, trái nhiều... Chúng tôi theo may rủi vớ được nải nào lấy nải đó... Tù ở lò gạch cũng được mua đường của trại, mua vịt của trại và có khi mua heo của cán bộ. Viện cố làm gạch nặng nề, tôi xin ban giám thị tặng khẩu phần gạo ngang thợ rèn.⁽⁷⁷⁾ Sau nhiều cuộc họp bàn đi tính lại, ban giám thị cho chúng tôi tiêu chuẩn gạo ngang thợ xẻ gỗ chứ không như thợ rèn, cụ thể là tặng phần củ mì còn phần cơm từ lượng chén bây giờ được sắc chén tức ngang mặt chén. Tôi cử hai người chuyên trồng rau và xin đất cho anh em trồng tự túc. Chừng một tháng sau, với phân nước tiểu, phân hóa học ... một khoảnh đất lớn đã ngập màu xanh tươi của các loại rau, cải, bí, cà chua, ớt, đu đủ... Nhờ rau đầy đủ nên bớt đói, nhờ được mua thịt cá, nhờ tặng tiêu chuẩn mì gạo, nhờ không khí sạch sẽ, nước uống tốt ..., tất cả tương đối khỏe mạnh ít đau ốm. Rau là chính, cơm là phụ, chúng tôi vui vẻ qua ngày. Ngoài giờ làm việc hoặc ngày chủ nhật, các nhóm nhỏ vài ba anh em tụ quanh “cái bàn” đặt dưới

(77) *Thợ rèn ăn tiêu chuẩn gạo gấp đôi tù thường.*

gốc cây, uống trà nói chuyện, ca hát ngâm thơ, kể kiếm hiệp, nhất là Kiều, chỗ nào cũng ngâm Kiều, đọc Kiều, vì Kiều không phải văn chương “Mỹ - Ngụy đầu độc”. Những lúc đó, ai đi ngang lò gạch ắt không nghĩ đó là nhà tù mà là nơi an dưỡng vì hầu hết ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, nhiều anh em ung dung đi đứng nói chuyện, hút thuốc, uống trà có vẻ tự do thoải mái. Một cán bộ nói với tôi:

- Ở lò gạch vui vẻ sạch sẽ quá, hơn chỗ chúng tôi ở.

Nhiều lần, ông giám thị trưởng thổ lộ:

- Anh em ở lò gạch không vi phạm nội qui, an tâm học tập cải tạo như thế là tốt lắm v.v...

Được tin tưởng, tôi tìm cách đòi hỏi thêm. Nhân lúc giám thị trưởng khoái trá nhìn nhận kết quả tốt của lò gạch, tôi xin cho gia đình đi thăm nuôi được ở lại lò gạch một đêm. Trước đó, người được thăm nuôi phải đến trại thăm nuôi, một căn nhà lớn dành cho việc thăm nuôi, và nếu gia đình đến trễ hoặc vì lý do gì phải ở lại đêm thì có thể ở lại nhà thăm nuôi đó nếu có sự đồng ý của ban giám thị. Tôi đã xin cho anh em được thăm nuôi tại lò gạch, bây giờ lại xin được cho thân nhân thăm nuôi ở lại một đêm với anh em. Thành quả này là “quyền lợi rất lớn” với chúng tôi, vì thông thường chỉ được thăm nhiều lắm là nửa giờ, nay chúng tôi có thể được gần thân nhân một ngày rưỡi. Khoảng xế chiều gia đình gồng gánh đến, tù được nghỉ việc gặp gia đình. Tại lò gạch có hai dãy trại dài dùng để chứa gạch ngói khô chưa vào lò, nhiều chỗ vắng vẻ rất thích hợp cho những cuộc xum họp hiem có riêng tư.

Thường thường, chúng tôi biết trước hàng tháng có gia đình đến thăm nuôi, nhờ người quen đi thăm nuôi nhắn lại. Gần như ai cũng biết ngày đó, gia đình đó lên thăm. Biết để mừng cho bạn và viết thư gửi thân nhân chờ nhờ mang lên về. Từ đó anh em cũng bắt đầu nói đùa với tánh chất mừng cho người sắp có “đêm hạnh phúc”. Những câu thanh tục đều có, nào “*vừa vừa thôi nhé cha!*”, “*bồi dưỡng cho khá lên kéo lỗ tiền mỗi*”, nào “*tối thứ bảy này có trận động đất lớn ở lò gạch*” v.v...

Riêng người được thăm cũng chuẩn bị đón đêm “hạnh phúc”. Trước hết là chọn chỗ trong hai nhà dài dùng để chứa gạch xem chỗ nào vừa ý nghĩa là vừa kín đáo vừa thoáng, nơi thật im lặng không nghe tiếng nói bên ngoài. Lót những tấm tranh lọc nhà làm nệm, trải những tấm đắp, căng mừng. Nếu

ngoài vợ còn có cha mẹ anh em và con theo thăm thì dọn thêm một chỗ nữa. Chiều hôm đó có bữa ăn gia đình mà từ lâu không thể có. Đồ ăn ngon nhưng nghẹn ngào nuốt không vô, vợ nhường chồng, chồng mời vợ và những đứa con nhỏ vui mừng được ăn bữa sung sướng đầy đủ... Rồi đêm ái ân, trời ơi, đêm ái ân không thể nói hết vì khát khao quá lâu, thương nhớ quá lâu, vì dịp quá hiếm có rồi biết còn đêm nào nữa không, vừa khoái lạc, cái khoái lạc của kẻ sắp chết đói được bữa ăn ngon, vừa xót xa hận thù, vừa thương hại, vừa lo âu. Tôi còn nhớ trời gần sáng, vợ tôi ôm chầm lấy tôi vừa khóc vừa nói *“Nếu ngay bây giờ trong lúc cực điểm hoan lạc này anh và em cùng chết thì sung sướng biết bao, chết để ngày mai khỏi thấy cảnh thế lương buồn thảm...”*

Không ở trong hoàn cảnh này khó thấy hết được nỗi vui của người tù từ phút chuẩn bị cho đến lúc chờ đón rồi gặp thân nhân, tâm tình, ăn uống chung với thân nhân, hỏi mọi chuyện, hỏi không còn gì để hỏi nữa, dặn đủ điều, không còn gì để dặn nữa, nhắc về tất cả những bạn thân, bạn sơ, về những láng giềng quen biết và không quen biết, rồi hỏi đến những điều cực kỳ nguy hiểm lâu nay không dám hé môi hỏi ai. Sáng hôm sau, nếu là chủ nhật thì thân nhân nán nã đến quá trưa mới về. Mỗi tháng ở lò gạch có vài ba chục thân nhân ở đêm lại như vậy... Cũng từ đó biết bao nhiêu tin tức thực có, bịa có được tung ra như sắp được về, như mặt trận “Phục Quốc” rải truyền đơn, Trung Quốc đánh chiếm gần hết Bắc Việt, Liên Hiệp Quốc can thiệp cho tù, Mỹ lên tiếng... Phần nhiều nói theo ước muốn tưởng tượng. Tuy biết vậy nhưng ai ai cũng hỏi và cũng muốn nghe. Việc thân nhân được ở đêm ở lò gạch đã tạo niềm vui vẻ cho cho anh em, nhưng sau đó cũng gây nhiều phiền toái cho một số gia đình. Vì từ đó người tù may mắn có thêm một đứa con thì thật là tai họa. Vợ khó tránh mang tiếng xấu chồng ở tù mà ở nhà có con, thậm chí có người bị mạt sát chửi bới. Tội nghiệp những người vợ phải câm miệng chịu đựng vì không ai tin là đi thăm nuôi được ở lại ngủ với chồng. Chưa hết, khi làm hồ sơ và nhất là lúc phỏng vấn đi định cư nước ngoài cũng khó giải thích cho người phỏng vấn hiểu tại sao thời gian chồng ở tù mà có con? Người phỏng vấn khó tin việc tù được ngủ với vợ tại trại tù. Nhưng đó là sự thực ở lò gạch.

Tôi cũng ở tình trạng đó. Tuy hai năm ở lò gạch, vợ tôi chỉ

ở lại một lần nhưng tôi đã có thêm một đứa con trai. Vợ tôi chịu nhiều lời phê phán nặng nề kinh khủng. Người thương, người ghét tôi, thù tôi đều trút lên đầu vợ tôi lời chê bai mạt sát tối đa. Người anh trong họ vợ tôi là một bác sĩ tập kết về khuyên vợ tôi:

- Em ạ, ngoài Bắc chuyện này thường xảy ra nhưng rủi như vậy người ta phá thai ngay. Anh là bác sĩ từng làm việc đó, anh khuyên em nên phá thai vì người ta phê phán em nhiều quá. Và lại, em có bốn con rồi, đang đói khát, nay thêm một đứa nữa chắc chết đói. Tư cách một bác sĩ anh khuyên em như thế, anh bảo đảm cho em an toàn một trăm phần trăm.

Vợ tôi đã khóc, dứt khoát không nghe lời người anh và khẳng định "*Dù phải đói dốt bầy con năm đứa đi xin ăn, em vẫn dưỡng nó...*" Bất kể búa rìu dư luận ác độc, vợ tôi lấy địa danh nhà tù tôi ở đặt tên cho con là Kim Sơn và lúc này nó là sinh viên trường y khoa Harvard ở Hoa Kỳ.

Tôi rất phục và cảm ơn vợ tôi đã can đảm chịu đựng mọi "tai tiếng" và can đảm nuôi đứa con trong lúc cực kỳ đói khát. Nó trở thành phần thưởng lớn cho gia đình chúng tôi vì việc học hành xuất sắc của nó. Nó là niềm hi vọng và tự hào lớn của tôi. Chính tôi mang ơn nó.

Thời kỳ ở lò gạch trại tù Kim Sơn, tôi có hai lần ngộ nghèo. Số là hàng năm hoặc lâu hơn tôi mới được gia đình thăm nuôi. Tôi trồng rau đủ ăn, trồng thuốc lá đủ hút nhưng vẫn trông chờ những ngày cuối tháng. Hầu hết anh em ở đây đều có thăm nuôi mỗi cuối tháng. Chỉ tôi, anh Thiệu và vài người nữa không có. Phần lớn anh em đều trông mong tôi được thăm nuôi để an tâm về gia đình. Nhưng tôi biết rất rõ chỉ một mình vợ tôi ốm yếu phải lo nuôi bốn đứa bé và trợ giúp cho ông bà già thì các con tôi khỏi chết đói là may lắm rồi, làm gì còn sức đi thăm tôi hàng tháng. Hiểu vậy nên tôi rất an tâm. Nhưng bạn bè còn lo lắng cho tôi về sự đổ nát tình cảm gia đình nên không có thăm nuôi. Một hôm giám thị trưởng gọi tôi lên văn phòng. Rút thuốc mời tôi hút, rót chén nước đưa cho tôi và mời tôi ngồi, ông chậm rãi như khó tìm ra lời mở đầu câu nói, áp ứng:

- Anh Liệu, chúng tôi cũng vậy, đất nước gặp chiến tranh thì gia đình tan nát. Năm 54 chúng tôi tập kết ra Bắc, một số anh em phải mất vợ, tuy vậy khi trở về, một số hiệp trở lại bỏ qua những lỗi lầm ở thế kẹt của các bà vợ còn trẻ, có nhan sắc. Tôi có nghe anh em đồn về anh, về gia đình anh, tôi rất thông cảm

hoàn cảnh của anh nên gọi anh lên đây để an ủi anh mong anh an tâm cải tạo đừng để việc xáo trộn gia đình làm phân tán tư tưởng học tập. Tôi hi vọng anh là người trí thức, người đàn ông can trường, anh đủ ý chí vượt qua chuyện gia đình thường tình.

Ông rót thêm nước vào chén. Tôi liền lên tiếng:

- Xin cảm ơn ông giám thị trưởng. Ông nghĩ đến tôi, đến gia đình tôi, tôi rất cảm ơn. Nhưng thưa ông, những tin đồn ông nghe đó tôi cũng nghe, đều sai hết. Tôi xin thưa rằng vợ tôi là người có giáo dục, đứng đắn không bao giờ có ý tưởng sai bậy, phản bội tôi. Dù có qua bên kia thế giới tôi vẫn tin như thế. Vì nghèo quá, chỉ mình vợ tôi lao động nuôi sáu miệng ăn gồm con bốn đứa, đứa đầu mới bảy tuổi và cha mẹ già trên bảy mươi. Hơn nữa, tôi vẫn nhắn về cho vợ tôi cố gắng lao động nuôi con, nuôi cha mẹ già, đừng lo gì cho tôi, vì ở đây tôi đủ no đủ sống. Cảm ơn ông đã có ý nghĩ tốt về tôi, nhưng sự thật là thế xin tin ông rõ.

Ông đứng dậy bắt tay mừng tôi:

- Nếu vậy tôi rất mừng! Lâu nay tôi sợ anh phân tâm không lo học tập có hại cho anh và cho cả anh em lò gạch nữa. Vậy thì tốt, tốt, thôi anh về đi, bây giờ tôi phải đi họp.

Ánh nắng buổi sáng chói chang sườn núi, không khí mát nhẹ, tôi cảm thấy vui vui và tự nghĩ:

- Một người cộng sản trên bốn mươi năm, lại là công an mà sao vẫn giữ cái tâm hồn chất phác của người nông dân Việt Nam? Ông ta đã tâm tình với tôi, một kẻ thù bất cộng đới thiên, những lời chân tình quá. Vậy là lúc lột cái áo chủ nghĩa, cái áo giai cấp đấu tranh, cái áo chính trị thì bản chất chân thật của con người vẫn là tánh thiện đúng như thầy Mạnh Kha đã nói.

Tôi về đến lò gạch, thấy một số anh em lo lắng chờ tôi, trong đó có anh Thiều:

- Nó gọi mày có việc gì?

- Ông ta an ủi tôi vì nghe tin đồn vợ tôi bỏ tôi, ông sợ tôi phân tâm không an tâm học tập.

Thiều hết lo lắng, cười một cách thoải mái:

- Thì ra bọn nó sợ mày buồn chán bỏ lò gạch, bọn nó mất điếm chứ gì. Bọn chó đẻ thật, lúc nào cũng giả nhân giả nghĩa, nó lo cho nó chứ không lo gì cho mày đâu.

Tôi ngắt lời pha giọng hài hước:

- Anh lúc nào cũng thấy một chiều. Bây giờ không gian tới

bốn chiều. Kẻ thức giả phải biết chỗ nào là chân, chỗ nào là giả. Anh là một Báo Thúc Nha chứ không phải Quản Trọng, ghét ai thì ghét tới kỳ cùng, không bao giờ bình tĩnh xem thử kẻ thù có điểm nào tốt không. Anh đã biết tôi là người chống cộng sản cỡ nào chứ? Tôi không lớn láo nhưng anh tìm thử coi có tên nào chống cộng như tôi? Thiệu, Kỳ, Minh, Hương, hả? Còn lâu! Ông Diệm hả? Còn khuya! Cứ nhìn việc làm của họ, bè nhóm của họ sẽ biết họ không yêu nước, không chống cộng sản. Họ là những người chỉ nói chứ không làm tích cực. Kể từ 1954 đến giờ, ai là người thực sự yêu nước Việt Nam, anh chỉ cho tôi coi? Có người nào không? Sau này có ngày về tôi sẽ tìm đủ bằng chứng tố cáo cho toàn dân rõ những bộ mặt bịp bợm lộng dưới chiêu bài yêu nước nhưng thực ra chỉ là một lũ trục lợi một cách thấp kém mà thôi...

Như nổi máu điên tôi thao thao không ngừng, Thiệu mặt đỏ sầm như nặng xuống, bập điếu thuốc to bằng ngón tay cái liên tục. Anh chậm rãi:

- Không nên nổi máu anh hùng nữa, dẹp đi, đũa nào nó báo cáo bậy lên trên rằng mình thảo luận về chính trị thì bỏ mẹ đấy.

Tôi dịu lại và trở về thực tại là cảnh tù đang chùng lên đầu. Tuy trả lời cứng cáp với giám thị về việc gia đình, nhưng tôi cũng hơi lung lay. Ra một góc ở lò gạch đung đưa chiếc võng lặng lẽ hút thuốc, tôi thả hồn về quá khứ, về quê nhà. Tự nhiên tôi thấy niềm tin không vững vàng, liệu vợ mình có chống nổi hoàn cảnh mới hay không...

Rất rõ ràng một buổi sáng tôi đang ký một số giấy tờ tại văn phòng quận, người tùy phái bước vào:

- Dạ thưa, có cô nào xin gặp ông quận.

- Mời vào.

Cánh cửa mở, người con gái mảnh khảnh trong bộ quần áo trắng muốt thướt tha, mái tóc dài phủ vai, che khuất một phần mặt. Cặp mắt, ôi! đẹp quá! Đột nhiên người con gái còn nhỏ quá, đẹp quá, làm tôi choáng váng. Em áp úng:

- Dạ, chào ông quận.

Tôi mời:

- Em ngồi.

Tôi buột ra tự nhiên như thường nói với học trò của tôi vì

em cũng cùng trang lứa. Tôi mời một lần nữa nhưng em không ngò, hơi mất tự nhiên. Tôi đứng dậy:

- Em có việc gì ?

Em rút tập giấy kẹp trong cuốn sách nhỏ, đặt lên bàn trước mặt tôi, lễ phép:

- Dạ, thưa ông quận trưởng, xin ông làm ơn ký hộ giấy này cho em.

- Giấy gì đó mà em bảo tôi ký?

- Dạ, ngoài Ty gửi cho em, bảo nhờ ông quận ký xác nhận trường em dạy mất an ninh không thể dạy được.

Tôi hỏi trống:

- Để làm gì?

- Dạ để về Ty làm việc, chờ nơi nào có an ninh thiếu thầy, Ty sẽ cho em về chỗ đó dạy.

Tôi xem kỹ tờ giấy, thấy ấp Văn Bản quả có mất an ninh nhưng dân chúng vẫn qua lại học sinh vẫn đi học và mỗi giáo viên phải dạy hai lớp lựa thừa chừng mười lăm học sinh, vì đa phần tản cư ra trại định cư. Tôi im lặng. Không khí như đặc lại. Mặt em hồng hào hơn, một vẻ đẹp lộng lẫy, có lẽ em bực mình hay hơi thất vọng. Tôi nắm cả xấp giấy đưa thẳng cho em với giọng nghiêm trang:

- Tôi không ký, vì ấp này có an ninh có thể dạy được, nếu em không dạy ở đó thì học trò ở đó thất học.

- Cảm ơn ông.

Nước mắt rơm rớm, em cầm xấp giấy bước ra, không thêm một lời. Tôi sững sờ như hụt tay để mất một vật quý không bao giờ tìm lại được. Cánh cửa phòng đóng.

“Ầm!”

Tôi nghe tiếng em xé cái đơn khi vừa ra khỏi cửa.

Tôi tự trách mình sao vội vàng, cứng rắn với một nữ sinh dễ thương, mảnh mai như vậy. Tự nhiên, tôi muốn gặp lại người con gái cứng cỏi đó và thấy mình đại dột để mất một cơ hội. Thì ra, tôi thua cuộc, chứ không phải em thua cuộc. Và sau đó em là vợ của tôi.

Tôi nói tiếp hết điều thuốc này đến điều khác.

Về khuya trăng sáng vàng vạc. Ánh trăng rọi sáng khu lò gạch nổi bật giữa cảnh rừng núi âm u. Lặng lẽ, lặng lẽ quá. Sương đêm lạnh tạo một cảm giác mênh mông. Tâm hồn tôi lắng vào cảnh thiên nhiên bí ẩn này. “Biết đâu lời đồn là đúng”.

Tôi rùng mình không dám nghĩ tiếp. Hình ảnh em và bốn đứa con nhỏ hiện ra. Em yếu quá, mảnh khảnh quá khó thể lao động được, biết lấy gì cho con ăn. Tôi nhắm mắt cố xua đuổi hình ảnh thể lương ấy. Tôi nghĩ nếu vợ mình già hơn, không nhan sắc, mạnh khỏe hơn...thì an tâm biết bao. Vợ tôi thua tôi mười lăm tuổi! Phải chăng đây là một sai lầm, một hình phạt? Các ý nghĩ lộn xộn xoáy vào tâm trí tôi cho đến khi kèng báo thức ở trại lớn kéo tôi trở về thực tại cảnh tù. Thế là thêm một đêm không ngủ. Tôi bơ phờ cuốn vở, về chuẩn bị một ngày như mọi ngày...

MỘT NGỖ NGÀNG

Gần hai năm ở lò gạch hai lần tôi ngỗ ngang.

Lần thứ nhất, vào một buổi chiều, cả trại gần như ngưng làm việc. Người nào cũng nhón nháo hồi hộp chờ gia đình đến. Cả đoàn người dài lũ lượt qua con suối lên dốc để vào nhà thăm nuôi. Một số người rời đường chính rẽ qua đường mòn bên trái lội vào đám mía tức là vào lò gạch. Anh em vừa làm việc vừa đắm đắm vào *"ngã ba hạnh phúc"* đó. Mía mới cao đến lưng quần, nên đứng ở lò gạch trông rất rõ. Mỗi khi có người rẽ qua đám mía là anh em la lớn, nói đúng phóc gia đình anh nào. Cả trại ồn ào vui vẻ, như ngày xướng danh trúng tuyển trong các kỳ thi. Ngoài việc được phóng thích, cái vui nhất của tù là thăm nuôi, nhất là ở lò gạch, thăm nuôi được ở đêm, đêm xum họp đầm ấm hạnh phúc... Gần một năm, tôi không được thăm nuôi và không hi vọng vì biết hoàn cảnh ở nhà, tuy vậy cũng lóng ngóng như hầu hết anh em. Một người đàn ông gánh một gánh theo sau bốn đứa nhỏ, rẽ đường lớn vào đám mía: không phải!. Một bà già theo sau hai đứa bé: không phải! Một đoàn bốn năm người rẽ vào: không phải! Bỗng một anh la lớn: *"Gia đình anh Liệu, gia đình anh Liệu!"* Cả trại đều trở mắt la lớn: *"Anh Liệu có thăm nuôi! thăm nuôi!"*

Như điện giật, tôi đứng phất dậy la lớn *"Anh Thiệu, anh Thiệu, tôi có thăm nuôi"* Tất cả đều mừng cho tôi vì lâu rồi tôi không gặp gia đình. Từ xa nhìn rõ chiếc áo bà ba màu xanh vợ tôi thường mặc trong mỗi kỳ đi thăm nuôi. Đứa con đầu, Hoà Đàm tám tuổi xách chõng bánh tráng nặng lạch bạch đi trước. Vợ tôi gánh một gánh nặng, chiếc nón dặt vào quang gánh phía

trước. Mái tóc dài phủ lên trán tỏa ra hai bên lộ rõ khuôn mặt sáng quá, vui quá. Bất kể nội qui, tôi vừa hét vừa phóng xuống dốc bằng qua lò vôi, vượt con suối đầm thẳng vào đám mía. Con bé cứ đi vài ba bước dừng lại đợi má nó cách chừng mười thước, tôi hét lớn: “*Đứng lại, đứng lại! để ba xách cho*”. Cả mẹ con đều không nghe cứ tiến tới. Tôi bất kể gai góc chạy theo đường thẳng cho mau và tiếp tục hét lớn: “*Dừng lại, ba đây, dừng lại, em để đó anh chạy tới đây!*”

Nghe tôi hét lớn con bé dừng lại, má nó cũng dừng lại. Tôi hoa mắt thờ hỏn hển nhào vội đến đưa bé. Tay tôi gần đụng đến con bé, trố mắt tôi choáng váng. Nó không phải con tôi. Trời ơi, không phải con tôi, không phải vợ tôi. Con bé bối rối, người đàn bà đứng như pho tượng sừng sốt. Tôi chỉ nói được tiếng “*Xin lỗi chị*” và xấu hổ quay nhanh về lò gạch.

Tôi cảm thấy dị quá, trẻ con quá rồi một nỗi bực bội buồn buồn tủi tủi xâm chiếm. Sợ tôi dị, khó chịu, anh em tăng lơ nhìn chỗ khác, im lặng.

Chỉ anh Thiều nói nhỏ nhỏ “*Cô mặc áo xanh giống vợ mày quá, tao và anh em đều tưởng là vợ mày*”. Anh đưa cho tôi điều thuốc quán sẵn. Cười gượng đốt điều thuốc, tôi lên vống nằm.

Tôi nhờ anh nói với anh em ai có thăm nuôi cứ đem đồ vô, cán bộ có hỏi nói đã xét kỹ rồi. Nằm nặng nề trên vống, tôi khó chịu tự trách tới tuổi này rồi, đã từng dày sương dạn gió mà vẫn bằng bột như trẻ con.

NGŨ NGÀNG THỨ HAI

Cũng chiều chủ nhật và một buổi chiều thăm nuôi.

Anh Trần Đốc vui vẻ tìm tôi bảo “*Chị có gửi bánh xèo cho vợ tôi đem vào cho anh*”. Tôi cảm ơn anh Đốc, vội vã chạy ra lò nung gạch báo tin cho anh Thiều “*Con Ánh nó gửi bánh xèo cho vợ anh Đốc*”. Thiều hỏi:

- Sao mày biết?

- Ánh đã đem để trên giường tôi, thôi mình về ăn đi.

Thiều vụt đứng dậy :

- Để tao đi xin chút mắm và kiếm trái ớt ăn cho đã, mày đi kêu đưa nào nữa đến ăn.

- Kêu thằng Tỏa!

Tôi la lớn. Tỏa là một trong vài người chưa bao giờ có

thăm nuôi. Hắn là cảnh sát đặc biệt, ở miền Hậu Giang, không liên lạc được với gia đình nên không rõ vợ con còn hay mất. Hắn ít nói, sống cô đơn, ở toán chụm lò với tôi trước đó.

Tôi tìm Tỏa bảo:

- Lại anh ăn bánh xèo, em.

- Chị vào thăm nuôi anh à?

- Không, chị gửi anh Đốc.

- Mừng cho anh, không đủ điều kiện đi thăm thì gửi chút ít, thế là yên tâm rồi. Để em kiếm trái ớt ăn cho ngon.

Tôi định kêu vài anh em con bà Xơ⁽⁷⁸⁾ nhưng thấy đĩa bánh xèo chỉ độ mười cái ít quá, nên thôi. Thực sự tôi rất mừng được một bữa đại tiệc lâu nay không dám mơ, nhất là ẩm trong lòng vì nghĩ gia đình quá nghèo vẫn gắng gửi quà tức thiết tha đến mình. Anh Thiều có ý kiến ra sân ăn cho mát. Chúng tôi ra sân đặt bánh trên cái bàn nhỏ ở góc cây của anh em nào đó. Tỏa tìm đủ ba cái đòn ngồi để sát bàn. Thiều giã một chén ớt đỏ, mùi cay bốc lên nồng cả mũi, đổ vào chén mắm. Tỏa và anh Thiều đã ngồi vào ghế, chờ tôi đi mượn thêm hai đôi đũa. Tôi sắp sửa ngồi xuống thì anh Phạm Công Đồng, người ăn cùng mâm với anh Đốc, chạy tới bối rối nói:

- Xin lỗi anh Liệu! Anh Đốc nghe lộn, theo tờ giấy ghi đồ thăm nuôi thì số bánh xèo này của chị Hai gửi cho anh Hai chứ không phải của anh. Tôi xin lỗi và lỗi này do anh Đốc thờ mớ chứ không phải tui.

Anh Thiều và Tỏa bỏ đũa đứng dậy, mặt đỏ sầm.

Đồng nói thêm:

- Anh để lại một ít ăn cho vui. Anh em cả mà.

Tôi nắm tay Đồng đưa trả đĩa bánh xèo, nói:

- Lộn là thường! Anh đem về, chúng tôi chưa đụng chút nào vì nãy giờ lo chuẩn bị mắm ớt nên chưa ăn.

Đồng cầm đĩa bánh có vẻ bất đắc dĩ. Tỏa trả hai cái đòn, bưng chén mắm lạng lẽ đi, sau khi nói:

- Em xin chén mắm này để mai ăn cơm.

Thiều và tôi ra lò gạch hút thuốc. Thiều lẩm nhẩm đọc bài thơ say của Tản Đà, trong đó có câu thơ tôi thích nhất:

"Nhìn non sông chẳng thấy lại là say".

(78) Không có thăm nuôi.

SÓNG GIÓ Ở LÒ GẠCH

Mỗi lần có cuộc tập hợp lớn toàn trại, lò gạch đều được tuyên dương giữ nội qui tốt, lao động tốt, an tâm cải tạo, nhất là sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp phù hợp với “*hai mươi điều lệnh nếp sống văn hoá mới xã hội chủ nghĩa*”. Quả thật tù ở lò gạch chưa bao giờ đánh lộn, chưa bao giờ bị tội ăn cắp vặt, một tội thường có trong nhà tù, nếu nhà tù đó có đủ thành phần v.v... Hầu hết tù ở lò gạch đều lớn tuổi, học hành khá, có chức vụ trong xã hội và tôi luôn luôn nhắc nhở kiểm soát thường xuyên một cách chặt chẽ với các toán trưởng nên không có những vụ lật vặt xảy ra. Thế nhưng một hôm, cán bộ phụ trách lò gạch, thường gọi là ông Tám nói với tôi:

- Vài anh em ở đây lên trại Hai nói bậy bạ đến tai ban giám thị, họ bảo phải kiểm thảo đấy.

Ông Tám là cấp bậc thiếu úy, độ năm mươi tuổi, gầy còm ốm yếu, đi xẹo một chân. Ông ít nói, luôn buồn chán. Có lẽ vì tự ti mặc cảm, ông rất kén kè không muốn gặp chúng tôi. Suốt mấy chục năm theo cộng sản, ông chỉ ở hậu cứ, lo việc nuôi heo nuôi gà cho đảng. Ông từng kể:

- Ai làm gì làm, tôi chỉ nuôi heo, gà mà nuôi heo nuôi gà của tôi rất giản dị. Tôi chỉ băm củ mì rải ra bờ suối, heo nó ăn mì uống nước suối và lớn lên. Lâu lâu có người đến bắt đưa lên cấp trên làm thịt. Tôi cứ cột võng dưới gốc cây nằm hút thuốc qua ngày. Khi nghe tiếng súng hay tiếng máy bay, tôi bước vào hang đá thế là xong. Công tác của tôi là vậy đó. Bây giờ hết chiến tranh, ở trại tổ chức nuôi heo kiểu công nghiệp, nào chích thuốc, nào ăn thứ này thứ kia, heo có lớn hơn heo tôi nuôi trong rừng đâu. Máy ồng bày bày làm khó thêm, tốn kém nhiều chứ có ích gì. Các ông bây giờ sướng quá, tranh nhau về thành phố ăn nhậu còn tôi, như các anh thấy đó, sốt rét hết nửa ngày, không có một viên thuốc, ngày hai bữa cơm tiêu chuẩn.

Có lần ông nói với tôi lúc tôi hì hục đào đất làm cầu tiêu và lọc nước uống:

- Chi cho mệt anh Liệu, ỉa cha nó ở đâu cũng được, suốt đời bọn tui có biết cầu tiêu là cái gì. Còn nước suối trong như gương thế mà lọc cái nổi gì cho mệt. Sốt rét thì ai không sốt, anh khéo làm chuyện vu vơ.

Nói vậy nhưng ông không cản tôi làm các việc đó.

Cán bộ Tám nói với tôi là anh Tường, anh Đồng và một số anh em khác lên trại Hai chơi và “*phát ngôn phản động*”. Tôi hỏi: “Ở đây có hai Đồng, vậy anh nào nói bậy? Nhờ cán bộ xem người báo cáo lên ban giám thị là người ở đây hay người ở trại Hai. Nếu biết được người báo cáo mới biết việc có thực hay oán thù báo cáo bậy và mới biết anh Đồng nào”. Ông ngẫm nghĩ chưa trả lời và tôi nói tiếp:

- Báo cáo là việc tốt, đáng khen thưởng vì đã khắc phục được tư tưởng, mạnh dạn thấy được những điều sai trái. Theo tôi nghĩ nên phát huy người báo cáo chứ không nên giấu tên vì đây là việc làm tốt mà.

Tôi nói đúng kiểu lý luận cộng sản nên ông ta đáp:

- Anh Hai báo cáo! Nhưng bậy quá, đáng lẽ báo cáo lên tôi để tôi báo lên ban giám thị, thì đỡ cho tôi biết mấy, đằng này anh ta qua mặt tôi đi thẳng lên cấp trên làm cho tôi bị các ông chê trách là tiêu cực, không kiểm soát được các anh. Anh dặn anh em có gì cứ trực tiếp nói với tôi, chùng nào tôi không làm được thì mới báo cáo lên trên. Chuyện lỡ rồi. Thôi, chúng ta hãy kiểm điểm các anh đó để nêu rõ các mặt yếu, mặt mạnh của các anh.

Tôi biết sóng gió đã đến lò gạch và trách thềm các anh toàn là người lớn, người già từng làm nọ, làm kia mà nói năng bừa bãi để gây khó khăn chung, vì như vậy là ban giám thị hết tin lò gạch và mọi yêu cầu sẽ bị trở ngại. Phần tôi, một đội trưởng, nếu không đứng ra kiểm điểm thì ban giám thị sẽ cho là tôi “*ném đá giấu tay*”⁽⁷⁹⁾, bao che tư tưởng phản động, ít nhất bị đưa ra khỏi lò gạch về lại trại lớn. Nhưng nếu đứng ra kiểm điểm theo ý ban giám thị thì anh em sẽ thù ghét cho là đầu hàng cộng sản. Tôi nghĩ nên xin thôi làm đội trưởng trước khi có cuộc kiểm điểm, lấy lí do bất lực đã để một số anh em vi phạm nội qui. Tôi thấy các việc làm được lâu nay đã đem lại lợi ích cho cuộc sống anh em như vệ sinh sạch sẽ, thăm nuôi được ở lại, được bồi dưỡng qua việc mua thịt cá đem ngay đến trại v.v... kể như đủ rồi. Tôi đem ý này trình bày với cán bộ Tám và hi vọng vốn sẵn tánh bi quan ông ta sẽ chấp nhận, trình lên ban giám thị giúp tôi vì tôi không muốn qua mặt ông lên thẳng ban giám thị như ông đã dặn. Nhưng vừa nghe xong, ông xua tay phản đối:

(79) *Cụm từ cán bộ hay dùng để chỉ người nói xuôi mà làm ngược.*

- Ấy chết, không được, không được! May cho anh là anh nói với tôi trước, chứ anh nói thẳng lên ban giám thị thì anh chết rồi. Lâu nay ban giám thị tin tưởng anh, cho anh là người tuy trước đây có nhiều tội ác với nhân dân, đáng lẽ để cho nhân dân trừng trị, nhưng cách mạng khoan hồng đánh người chạy đi chứ không đánh người chạy lại, đem anh vào cải tạo để bảo vệ mạng sống của anh, nếu để anh ngoài đời thì nhân dân oán thù anh họ đòi uống máu anh, chắc anh rõ chứ. Bây giờ anh xin nghỉ làm đội trưởng vì đầu hàng cuộc đấu tranh chống với tư tưởng phản cách mạng, ban giám thị sẽ cho anh là người ném đá giấu tay, thì chết cho anh. Lâu nay tôi nể anh vì anh là người có học, được anh em mến phục, lại có óc tổ chức, làm cho trung ương khen trại cải tạo của chúng ta, nên tôi sẽ cảm miệng không nói với ai điều anh mới thổ lộ. Tôi nói vậy anh rõ rồi chứ. Thôi, lo cuộc kiểm điểm đi. Tối mai ban giám thị cho người ra dự.

Tôi không ngờ ông Tám có thể nói một hơi dài đủ thứ như vậy vì hàng ngày chỉ thấy ông cứ nằm co trên tấm tranh sẵn làm chiếu và rên hừ hừ.

Tôi liền gọi anh Đặng Hai ra lò nung gạch gặp tôi.

Anh Hai là thương gia ở Quảng Ngãi, to lớn mập mạp, đi lại nặng nề, nhưng ăn nói rất nhỏ nhẹ. Anh không nóng giận, không cãi vã to tiếng với ai. Anh ngâm thơ và hát rất hay, tối tối thường ngâm thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên cho anh em nghe. Khi còn ở nhà lao thị xã Quảng Ngãi, anh nằm cạnh tôi và thường tâm sự: *“Như Liệu ở tù thì đúng vì Liệu chống cộng sản dữ quá, ai ai cũng biết. Tôi sợ tụi nó giết Liệu ngay bữa đầu chứ có ai ngờ nay còn sống. Còn như tôi thì thật là oan quá. Liệu đã biết tôi không làm một chức nhỏ nào, không xã ấp, không công chức, không lính tráng... quân, công, chính, cán, tôi đều không có. Năm 1954, tôi khai lớn 5 tuổi để khỏi đi quân dịch. Liệu biết không, tôi cho tiền quân cảnh, cảnh sát hàng tháng. Bọn quân cảnh bước vào quán cà phê Anh Đào của tôi là tôi chiêu đãi, không bao giờ lấy tiền có khi còn tìm cách dúi khéo cho chúng vài bao thuốc thơm. Tôi không làm chính trị, không đi lính, cái gì cũng không thể mà tôi bị bắt đầu tiên, nhà cửa bị tịch thu, vợ con phải về phía mẹ tá túc. Tôi không hiểu sao cộng sản lại thiếu sáng suốt như vậy.”* Anh ta ứa nước mắt và không nói thêm được. Tôi an ủi: *“Anh Hai, như anh nói, tôi là đủ thứ quân, cán, chính, đảng phái và là loại tích cực mà còn sống thì anh sợ gì*

mà khóc, mà than. Có lẽ họ bẽ bộn công việc nên chưa xét đến anh, thế thôi. Tôi tin nay mai anh sẽ về". Khi đến lò gạch, vài lần tôi tâm sự với anh: "Anh Hai, anh khỏe như lực sĩ, lại thăm nuôi đầy đủ nên lao động xuất sắc. Tôi có ý kiến là... mình cũng vừa vừa thôi, cho anh em họ theo. Một số không có thăm nuôi, như tôi chẳng hạn, sợ còn không đủ sức, may là tôi khỏi lao động chứ như anh Thiều, thằng Tỏa thì chịu không nổi. Chỗ chân tình, nếu tôi nói có gì sai anh bỏ qua cho vì mình là anh em mà." Anh trả lời tôi: "Anh khéo nói quá, một số cho tôi làm hại anh em, nhưng thực sự anh là người biết hơn ai hết, tôi làm phần tôi, đạt tiêu chuẩn của tôi, còn anh em tôi hiểu, một số không thăm nuôi, già yếu, tôi có bảo anh em theo tôi đâu. Tôi có mẹ già yếu, đau bệnh kinh niên, như tôi đã nói với anh hồi còn ở trại Quảng Ngãi, tôi rất muốn xin phép về thăm bà một lần vì vợ tôi vào nói mẹ tôi nhớ tôi, khóc nhiều quá, ai có an ủi gì bà cũng không nghe. Tôi gắng lao động tốt, để ban giám thị cho phép về thăm mẹ, như vậy theo anh, việc làm tích cực của tôi là sai à?"

Lúc này, tôi hỏi thẳng anh:

- Anh cho tôi biết ở đây có hai thằng Đồng, Đồng lớn và Đồng nhỏ đưa nào lên trại Hai phát biểu bậy bạ?

- Sao anh lại hỏi lạ vậy? Hai hơi cáu mặt đỏ như gấc.

- Không, tôi hỏi đúng đắn đấy. Thật ra là ông cán bộ Tám bảo tôi hỏi anh nên tôi mới nói anh ra đây gặp tôi. Không có ai ở đây, anh cho tôi biết để tôi tổ chức kiểm điểm chúng nó, vì ban giám thị ra lệnh như vậy.

- Ông Tám đã nói với anh?

- Đúng, ông ta nói và la tôi sao làm đội trưởng mà không biết gì hết để anh em phản động. Ông còn dặn tôi nói với anh là lần sau anh nên báo cáo cho ông ta trước rồi hãy báo cáo cấp trên của ông, nếu muốn.

Nghe tôi nói, Hai bình tĩnh lại, chậm rãi kể:

- Việc này tôi đâu có biết, có bao giờ tôi lên trại Hai làm gì, nhưng thằng Thanh toán xẻ gỗ xuống thăm tôi và cho tôi biết. Thanh quen biết lò gạch nhiều, nó nói thằng Phạm Tường, thằng Đồng, thằng Đồng cao đó, nói bậy bạ ở trại Hai chủ nhật vừa rồi.

- Nói bậy là nói gì, anh Hai?

- Mấy ảnh nói hiện có một sư đoàn Phục Quốc hoạt động ở An Khê và sẽ đánh về khu mình đang ở đây.

- Anh có tin các anh đó nói vậy không?

- Làm sao biết, nó nói sao tôi nói vậy chứ tôi có lên trại Hai đâu. Rồi hôm sau đó, ông Cầm (ban giám thị) ra đây gặp tôi, tôi báo cho ông ta biết, và yêu cầu ông ta xem thử thiệt hay không thiệt, có thể thôi.

- Anh Hai, tôi xin anh tất cả cái gì tôi nói với anh ở đây đừng cho ai biết, anh em họ hoang mang ảnh hưởng đến cải tạo. Đây là một điểm của anh đấy, còn tôi đã bị ông Tám la là không giữ được nội qui tốt. Nhưng không sao có thánh cũng không giữ nổi mấy ông nói bậy ấy.”

- Anh nói thật hay mịa tôi đó.

- Bậy mà anh Hai, tôi với anh mà không nói thật thì còn ai để nói. Thôi, anh về đi, cảm ơn anh, anh chuẩn bị buổi kiểm điểm cho có kết quả tốt, mọi việc đều nhờ anh.

Đặng Hai ra về, tôi đi tìm anh Tường. Anh là trưởng ty cảnh sát dưới thời tổng thống Diệm, đã làm chỉ huy trưởng cảnh sát quân khu II lúc bấy giờ. Sau khi tổng thống Diệm bị lật đổ, anh ra khỏi ngành cảnh sát rồi làm tình báo CIA. Anh tâm sự với tôi khi anh đi cùng cố vấn Mỹ gặp tôi ở thôn ấp. Anh là người vui tính, kín đáo và nhỏ nhẹ. Hàng tháng, tôi cùng Nguyễn Văn Minh, lúc ấy là chủ tịch hội đồng tỉnh, với anh thường uống rượu ở nhà ông chánh án Vương Quốc Cường ngâm thơ và nghe nhạc. Sau khi Sài Gòn bị mất vài tháng, anh cùng một số anh em khác trong đó có anh Võ Trọng, các cựu dân biểu Nguyễn Ân, Nguyễn Biên, Đinh Rói dân biểu người Thượng, Nguyễn Chí Vy, cựu phó tỉnh trưởng bị bắt ở Sài Gòn và bị giải về Quảng Ngãi để cải tạo. Khi gặp ở nhà lao Quảng Ngãi, tôi hỏi nhỏ sao anh ở Sài Gòn mà không đi, anh bảo một số bị lừa, có dịp anh sẽ nói cho rõ nhiều cái phức tạp lắm. Tôi vào đề ngay khi Tường vừa ngồi xuống gốc củi chụm lò gần võng tôi:

- Anh Tường, người như anh kinh nghiệm đầy đủ sao còn nói bừa bãi để bọn nó báo cáo lên ban giám thị và họ sẽ kiểm điểm anh đấy.

- Nói gì mà bậy?

- Chủ nhật tuần trước anh với thằng Đồng lên trại hai chơi và nói về sự đoàn Phục Quốc gì đó ở An Khê.

- Tôi nói đâu có hại gì vì anh nghe không rõ tưởng tôi nói bậy.

- Tôi chỉ nghe nói lại. Cố nhiên nói đi nói lại chắc gì là đúng, nhưng nếu nói đến một sự đoàn Phục Quốc đánh ở An

Khê, dù có thật, bọn nó vẫn cho mình là phản động.

- Không, tôi không nói, anh em nói có nghe tin một sư đoàn, tôi liền bác, làm gì có một sư đoàn, quân số bao nhiêu và cất giấu đâu. Tôi bảo nói thế là sai, nếu có thì chỉ một nhóm nhỏ thôi, làm gì có sư đoàn, chính tôi không tin mà. Nói vậy là phản động à!

- Anh làm như anh bàn cãi với bọn mình. Với họ, anh chỉ cần nói có một tiểu đội, một người lính Phục Quốc là đủ bị kết tội tuyên truyền phản động rồi. Tôi đề nghị với anh, nghe hay không nghe tùy anh, xin anh giữ kín cho. Tôi nghĩ lúc anh em mình có Minh, có anh Cường nhậ nhệ tại nhà anh Cường vui vẻ thân mật nên tôi đề nghị với anh, nhưng anh phải hứa không có trường hợp nào dù tôi và anh có hận đến đâu cũng không hở môi.

- Thì anh nói đi chứ vòng vo mãi chỉ làm tôi sốt ruột.

- Nếu anh hứa thì tôi xin nói. Tối mai tối mốt gì đây, ban giám thị kiểm điểm anh, theo ý tôi, anh nên chối, bảo là không bao giờ nói bậy. Anh cứ nói mạnh anh là một sĩ quan, có học, lại chuyên về tình báo nên dù có phản động anh sẽ không bộc lộ, không bao giờ nói một chuyện quá vô lý, quá trẻ con là có một sư đoàn tức có trên mười ngàn lính đánh phá cách mạng ở An Khê. Anh cứ mạnh dạn “tấn công” nếu cán bộ là tôi, là một sĩ quan cao cấp về công an tình báo có bao giờ cán bộ phát ngôn như vậy không? Vả lại, tôi biết nhất cử nhất động của tôi đều có người theo dõi để báo cáo lên cán bộ, thì tôi dại gì đi nói bậy bạ bừa bãi, lại nói với người lạ ở trại Hai. Cán bộ xem lại tôi nói có lý không? Cán bộ bảo tôi không tiến bộ, có tư tưởng phản động, tôi chịu, chứ bảo tôi phát ngôn bừa bãi chửi lạ, tôi không chịu. Xin cán bộ xét lại. Anh cứ nói thế cho tôi, rồi anh em tiếp vào, nhất là tôi, tôi sẽ nói anh là người lớn tuổi, lao động chăm chỉ, tôi mô tả anh chịu khó gánh nước từ suối vào bếp trộn trộn bị té mà vẫn cố gắng phục vụ tốt, anh lúc nào cũng vui vẻ học tập v.v.. Tôi sẽ bồi vào thì họ không có lý do gì kết tội anh, anh nên nghe tôi.

- Cảm ơn anh, nhưng tôi không nói như vậy. Cán chi phải chối, chuyện nhỏ mà. Được, để tôi sẽ cho bọn nó rõ.

- Tùy anh, họ không cần bằng chứng mà chỉ cần mình hờ một chút là quạet liền. Anh và tôi là người phải thận trọng ngay cả với người thân trong này nữa. Anh rành hơn tôi, chắc anh hiểu điều đó.

Tường ra về. Tôi thất vọng nghĩ cha này chưa hiểu cộng sản đúng mức. Nếu nhận có bàn tán, dù bàn tán để phản đối cũng là bàn tán, là có vấn đề. Tôi mong anh ta chối hoàn toàn, chối trăm phần trăm. Tôi nằm hút thuốc nghĩ vợ vẫn về vai trò khó xử của mình. Tôi biết một số anh em được lệnh theo dõi tôi vì tôi vẫn bị nghi là “cải tạo ném đá giấu tay” tức cải tạo nguy trang để che đậy tính phản động bên trong, cải tạo giả, nên từ lâu tôi luôn thận trọng. Khi cần nói với ai điều gì có thể bất lợi cho mình thì phải dông dài giấu đầu giấu đuôi, tỏ ra triu mến năn nỉ, tỏ ra tâm huyết, hoặc cũng tỏ ra cứng rắn một cách tàn nhẫn để răn đe người nghe đi tở ngược sẽ gánh hậu quả nặng. Quá nửa đêm, tôi vẫn suy nghĩ vẫn vợ thì anh Phạm Công Đồng ra tìm tôi. Tất cả anh em đều ngủ im, cảnh vật thật buồn bã. Sương khuya lạnh, trăng mờ mờ bao trùm cảnh vật. Phạm Công Đồng là một giáo viên có tiệm bán sách ở thị xã Quảng Ngãi, ít nói, hiền lành, vui tính chưa bao giờ làm mất lòng anh em. Vì là tỉnh ủy viên đảng Dân Chủ nên anh bị bắt đi cải tạo. Tuy ở Quảng Ngãi, tôi chưa bao giờ gặp Đồng. Tôi hỏi trước:

- Chưa ngủ à, có gì ngồi đợi gốc củi nói chuyện.

Rất lễ phép Đồng nói nhỏ:

- Anh Liệu, anh là đàn anh, là bậc thầy thì đúng hơn. Anh hơn em ít nhất trên mười tuổi, tuy ngoài đời và cả ở đây chưa bao giờ nói chuyện với anh, thật lòng em rất kính trọng anh, kính trọng tuổi tác, học thức và thành tích xã hội của anh, nhất là việc sáng lập QNNT. Với sự kính trọng đó, xin anh giúp cho một việc, việc này nguy cho em quá...

Tôi ngắt lời:

- Việc gì, Đồng ?”

Đồng đáp ứng có vẻ khó vào đề:

- Bọn nó báo cáo bậy, bảo em nói Phục Quốc đánh phá cách mạng, nói đủ thứ ghê quá, xin anh có cách gì giúp em.

- Nó báo cáo Đồng nói ở đâu?

- Chỉ nghe anh em xầm xì nó báo em nói ở trại Hai.

- Có biết ai báo cáo không?

- Dạ, không!

Tôi nói rất nhỏ với Đồng:

- Trước hết, dù ở trường hợp nào, cũng đừng nói với ai là gặp tôi để hỏi ý kiến về vụ đó. Anh phải thề là không bao giờ cho ai biết tôi đã góp ý bày anh đối phó.

Đồng ngắt lời:

- Dạ, không bao giờ, mang ơn anh suốt đời, em lớn rồi, đại gì đi nói bậy để bị vạ cho em và cả cho anh nữa.

Tôi tiếp:

- Dù sau này có lúc anh thù ghét tôi tới mức nào cũng thế không thổ lộ việc này với ai.

- Dạ, em thề với Trời Đất, không bao giờ nói với ai.

Đồng xúc động như nín thở nghe từng tiếng của tôi:

- Anh nghe tôi, nếu bị đưa ra kiểm điểm, anh phải cương quyết chối, nói không bao giờ phát ngôn bậy bạ. Dù bọn nó có ép gì anh cũng chối. Khi đó, tôi sẽ lên tiếng cứu anh, tôi sẽ bảo anh là người hiền lành đứng đắn, chưa bao giờ vi phạm một điều nhỏ, lao động rất tốt và luôn luôn an tâm học tập để sớm được khoan hồng về xum họp vợ con... Tóm lại, anh cứ chối mạnh, tôi bênh vực đủ lý do, tôi hi vọng anh khỏi bị kỷ luật. Nếu anh không chối, ngồi im, hoặc chịu có nói, nhưng nội dung khác, thì tôi không cứu anh được, vì với họ, mình nhận chỉ một chút cũng bị buộc tội rồi nên anh phải chối hoàn toàn. Ráng nhớ điều tôi nói. Thôi, vào đi, kéo lỗ anh em thấy họ lại nghi ngờ. Nếu có ai hỏi tại sao đêm khuya ra đây, anh bảo đi tiểu, thấy tôi còn nằm hút thuốc, anh ghé xin điếu hút cho đỡ lạnh.

Đồng đứng dậy nói "*Cảm ơn anh. Em không bao giờ quên ơn anh*" rồi khuất trong bóng đêm về chỗ nằm.

Sáng hôm sau, cán bộ ra gặp tôi:

- Tối nay anh tổ chức kiểm điểm. Có mấy ông ra, tổ chức cho nghiêm túc.

Chụp cơ hội tốt, tôi nói liền:

- Hôm trước cán bộ nói có anh Đồng phát ngôn bậy bạ, tôi đi hỏi kỹ, lên cả trại Hai hồi, không ai xác nhận anh Đồng nói bậy bạ. Theo tôi biết, anh Đồng là nhà giáo hiền lành, chưa hề vi phạm nội qui, luôn xuất sắc gương mẫu cho anh em, luôn được bình bầu hạng nhất. Tôi cam đoan là anh Đồng không bao giờ nói bậy để vi phạm nội qui. Tôi xin cán bộ tin tôi, tối nay không kiểm điểm anh Đồng bởi làm thế sẽ gây hoang mang vì ai ai cũng thừa nhận anh Đồng là người tốt. Tôi nói sai, xin cán bộ kỷ luật tôi.

Suy nghĩ một chút, cán bộ nói một cách dễ dãi:

- Vậy thì thôi, tối nay khỏi cần kiểm điểm anh Đồng.

Tối đó, cán bộ Tám và đại úy Anh, giám thị phó chủ trì

cuộc kiểm thảo. Vì là đội trưởng tôi phải tuyên bố lý do:

- Tối nay theo lệnh ban giám thị, chúng tôi tổ chức buổi kiểm điểm anh Phạm Tường, vì cán bộ quản chế cho biết anh Tường lên trại Hai phát ngôn bừa bãi có hại cho việc cải tạo của anh em. Vậy, anh em hãy tích cực đóng góp ý kiến để xây dựng anh Tường nếu thực sự anh có khuyết điểm, và đó cũng là bài học chung cho chúng ta để tôn trọng nội qui, học tập tốt, lao động tốt để sớm được về với gia đình. Riêng anh Tường nếu quả có khuyết điểm phải khắc phục để cải tạo tốt, nếu đó là báo cáo sai, cũng phải trình bày rõ trước ban để được ban thông cảm cho chúng ta an tâm, sau đó anh em rút kinh nghiệm học tập.

Tôi nói kiểu chung chung như cán bộ thường nói dù vẫn cố ý ngầm nhắc anh Tường nên chối tội như tôi đã bàn với anh trước đó vài ngày. Cả hội trường chưa hiểu chuyện gì nên nói lung tung những câu nhai đi nhai lại như cải tạo tốt, học tập tốt, lao động tốt, tuân thủ nội qui...

Thấy thế, cán bộ Tám liền lên tiếng:

- Hôm nay có đồng chí Anh ra làm việc với anh em ở đây. Bậy quá, việc này do anh Hai ở đây không báo cáo qua tui, lại báo lên đồng chí Quảng nên treo căng ngồng làm tôi không biết xử lý ra sao, phải mời đồng chí ban ra đây xây dựng cho có kết quả tốt, học tập tốt, lao động tốt để trở thành người lương thiện sớm về với gia đình...

Cán bộ Tám có vẻ đi lạc đề nên ông Anh cắt ngang:

- Anh đội trưởng báo cáo rõ ràng sự việc ra sao rồi mỗ xê vấn đề sâu sắc mới xây dựng được chứ. Chưa ai rõ điều gì hết mà đồng chí Tám đi vào kết luận quá sớm.

Vậy là lại đến phiên tôi:

- Tôi xin xác nhận đây là khuyết điểm của đội trưởng, của tôi, vì nếu không có anh Đặng Hai tích cực đóng góp bằng cách báo cáo lên giám thị trưởng như cán bộ quản giáo vừa phát biểu về việc sai trái của anh Phạm Tường thì chúng tôi cũng không biết, cho nên tôi xin nhấn mạnh trước ban giám thị, cán bộ quản giáo và tất cả anh em ở lò gạch đây là một công lao của anh Đặng Hai, anh đã chịu khó tìm tòi sai trái của anh em. Thay mặt anh em tôi cảm ơn anh Hai và xác nhận một lần nữa, đây là công trình của anh Đặng Hai chứ không phải của đội trưởng là tôi.

Tôi nhấn mạnh nhiều lần để anh em thấy rõ về anh Đặng Hai và không thể nghi ngờ đội trưởng, vì đội trưởng thường bị nghi ngờ là người hay báo cáo bậy bạ lên ban giám thị. Trước khi làm đội trưởng, tôi đã biết rõ nếu không khéo sẽ mang tiếng là tay sai của ban giám thị. Tôi đã bàn với Lê Vinh Thiệu rất kỹ là tôi sẽ làm vừa lòng ban giám thị đồng thời không để anh em coi mình là tên đầu hàng, làm tay sai. Hai điều này gần như cực kỳ mâu thuẫn nhưng tôi quyết làm. Bởi vậy, tôi phải nói rõ việc làm của Đặng Hai để người không ưa tôi cũng nhìn đúng sự việc. Tôi tiếp:

- Theo anh Đặng Hai và một số anh em ở trại Hai cho biết, chủ nhật tuần trước, anh Phạm Tường lên trại Hai và nói hiện có một sư đoàn Phục Quốc Quân đánh phá ở An Khê, ở quốc lộ 19 và sẽ đánh đến trại này. Xin anh Tường cho biết hư thật ra sao để anh em góp ý xây dựng.

Anh Tường đứng dậy một cách hiên ngang nói:

- Anh em tăng công báo cáo bậy bạ. Tôi không nói có sư đoàn gì hết, tôi chỉ nói có nghe một số tàn binh phản động cướp phá dọc quốc lộ 19. Tôi nghe bàn tán giữa đám đông là có một sư đoàn nên tôi bảo làm gì có tới sư đoàn, mỗi sư đoàn chín mươi ngàn người, nếu có thì chỉ ít tàn quân mà thôi. Tôi chỉ dính chính chữ không phát ngôn bừa bãi. Anh em có vợ con, có mẹ già. Tôi cũng vậy, ai dại gì phát ngôn bừa bãi để kéo dài ngày cải tạo. Xin ban và anh em xét cho tôi và đồng thời xin trừng trị những tên báo cáo bậy bạ làm anh em không an tâm học tập. Tôi xin hết.

Phạm Tường ngồi xuống, anh em im phắc.

Ông Anh lên tiếng phê phán anh em tiêu cực, thiếu mạnh dạn mở xẻ để rút tĩa một bài học và kết luận chỉ người tiểu tư sản mới hèn nhát, sợ oán thù không dám thẳng thắn phê bình nên không tiến bộ.

Tôi đề nghị các toán trưởng phát biểu trước, nhưng tôi biết tất cả đều ở cảnh rất khó xử. Nói thẳng thì không thể nói được vì đây là vấn đề chánh trị chứ không phải đánh lộn hay ăn cắp vặt. Không nói thì bị cho là tiêu cực tức đồng nghĩa với phản động hay dung túng phản động, theo quan niệm của cán bộ. Anh em tránh né bằng cách phát biểu chung chung, lạc đề rồi lặp đi lặp lại cải tạo tốt, lao động tốt v.v... Tôi sợ không qua mặt nổi giám thị Anh bằng cách để cho anh em kéo dài đà lạc đề nên chỉ định

anh Đặng Hai phát biểu. Đặng Hai đứng dậy khúm núm ra về lễ độ với ban giám thị ,trả lời:

- Thừa ban, thừa cán bộ quản giáo, thừa anh đội trưởng cùng tất cả anh em. Tôn trọng nội qui, tôi không bao giờ đi liên hệ với anh em cái tạo ngoài lò gạch nên tôi không lên trại Hai, nhưng anh em ở trại Hai xuống lò gạch cho tôi biết anh Phạm Tường đã nói như vậy, nghĩa là anh bảo có một sư đoàn Phục Quốc đang đánh ở quốc lộ 19. Theo tôi, chúng ta là người có tội với cách mạng, đáng lẽ phải đền tội, nhờ chánh sách khoan hồng của chánh phủ được cải tạo để trở thành người tốt, người lương thiện thì chúng ta có bốn phạm phải gọt bỏ hết lỗi lầm ở quá khứ để tạo con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhưng còn một số anh vì tư tưởng tiểu tư sản, tiêu cực phát ngôn bừa bãi có tính phản động nên tôi can đảm vạch trần sai lầm ấy để cải tạo thành con người tốt hữu dụng cho xã hội. Tôi xin hết.

Tôi hướng về hai cán bộ nói:

- Lời của anh Hai cũng là lời kết thúc cuộc kiểm thảo. Tôi xin cán bộ chỉ thị để cuộc họp được chấm dứt.

Ông Anh im lặng chỉ ông Tám quản giáo lò gạch nói:

- Thế là đủ rồi, nói hoài cũng bấy nhiêu. Chúng tôi sẽ trình lên ban giám thị quyết định kỷ luật anh Tường.

Nói xong cả hai ra về.

Anh em mỗi một rẽ rời ai về chỗ nấy, buồn bã không nói nên lời. Tôi ra lò gạch hút thuốc nói với anh Thiều:

- Anh Tường kệt rồi, tôi có nói trước, bảo từ chối không nên nhận có nói dù không nói phản động, nhưng anh ta chủ quan, không nghe tôi, vụ này chắc không xong.

Thiều trả lời:

- Hấn có chịu đâu mà kỷ luật, hấn nói chỉ cãi không thể nào có một sư đoàn, nếu có chỉ ít tên tàn quân mà thôi, thế mà phạt hấn à?

Tôi đáp:

- Rồi anh xem, bọn nó sợ mình lắm, nhất là anh em lò gạch, công chức, sĩ quan, đảng phái... toàn thứ có học, lớn tuổi, khôn ngoan... nên nó mong mình hớ một lời, một li nhỏ là nó xé to ra và kỷ luật. Lúc này nói thật với anh nếu cần được thì tốt. Càng nói càng chết. Cũng lời nói đó ở miệng bọn tù hình sự thì không sao, ở miệng mình thì kệt lắm. Tôi nghĩ chưa bao giờ câu cách ngôn của người Pháp đúng như lúc này "*trước khi nói phải*

uốn cái lưỡi bảy lần”.

Quả nhiên sáng hôm sau, Tường rời lò gạch vào trại Một chịu biệt giam mười lăm ngày vì vi phạm nội qui. Tôi báo cho Tường biết quyết định của ban giám thị và nói:

- Qua cuộc kiểm điểm khi hôm, anh đã biết do Đặng Hai báo cáo và ở cương vị đội trưởng tôi phải điều khiển cuộc kiểm điểm. Tại anh không theo ý kiến của tôi nên anh bị kỷ luật. Tôi nghĩ tội mình còn nhiều năm tháng trong tù, chúng ta hãy học kỹ bài học tối hôm qua.

Sau vụ kiểm điểm này, cán bộ Tám bị chi bộ đảng khiển trách, không cho làm quản giáo lò gạch nữa vì không điều khiển được tù ở đây. Cán bộ Tám buồn rầu nói với tôi như vậy. Cán bộ Chạy là người thay thế cán bộ Tám. Riêng tôi xin thôi làm đội trưởng thì giám thị trưởng nói:

- Các anh còn tàn dư tiểu tư sản quá, mới thất bại là đòi thôi ngay. Anh phải phấn đấu để làm việc, để cải tạo chứ. Tôi không cho anh thôi chức, tôi đưa một cán bộ trung cấp có học đảng hoàng ra coi các anh. Phải tích cực góp sức với ông Chạy để quản trị lò gạch rồi đây tôi sẽ cho nhiều người ra lò gạch và phát triển lò gạch hiện đại hóa.

Tôi nhớ hồi mới đến lò gạch, ông Chạy có gặp tôi một lần khi tôi đang đưa củi vào đốt lò. Ông trừng trừng nhìn tôi có vẻ căm hờn bảo:

- Anh Liệu, anh biết ai đây không?

Tôi hơi lo ngại trả lời nho nhỏ:

- Dạ, không.

- Tôi là thằng Chạy đây mà! Anh quên à, chiến dịch Về Làng các anh đuổi tôi quá, tôi phải chạy núi mà...

Ông ta cười gằn:

- Ráng cải tạo đi, tội ác các anh trời không dung đất không tha mà.

Bây giờ ông ra thế cán bộ Tám. Chúng tôi tiếc đã mất ông Tám, một cán bộ hiền lành. Hàng ngày ông bị sốt rét kinh niên, thường nằm trên tấm tranh lợp nhà, run lập cập gần hết buổi sáng. Hết run, ông hút thuốc kể chuyện tiểu lâm, thể thôi, mặc ai làm gì làm. Có lần ông nói với tôi:

- Các anh tội nghiệp thật, nhà giàu ăn học, sướng từ nhỏ bây giờ phải ở tù ăn củ, ăn khoai đói khát. Như bọn tôi quen rồi, con nhà nghèo, từ nhỏ đi chăn trâu, ở mướn kiếm cơm ăn áo

mặc, lớn lên theo cách mạng mong được sung sướng, nhưng như các anh thấy, cách mạng thành công, ai sướng ở đâu không biết, tôi vẫn vậy đó, vẫn hai bữa lưng lưng, sốt rét cả ngày không có viên thuốc. Nói với anh thôi, tôi chán mớ đời rồi. Bây giờ các ông thành công nhà ngói hết, tôi không có cái chòi để nằm

Sự bi quan buồn rầu của ông Tám khiến tất cả tù ở lò gạch đều mến ông, thương ông có khi quên ông là cộng sản. Cán bộ Chạy trái ngược hoàn toàn với ông Tám. Cán bộ Chạy nói nhiều, ba hoa khoe là người có học bổ túc trung cấp, biết toán, biết văn thơ dù ông không phân biệt được hai chữ “công dân” và “công nhân”. Ông thường nói các anh cố gắng cải tạo tốt để được có *quyền công nhân*.

Cảm giác đầu tiên giúp tôi biết ông không ưa tôi, nhưng ban giám thị không cho tôi thôi làm đội trưởng nên hình như ông hơi ngán tôi. Một hôm, ông tập họp tất cả để giảng đủ điều, rồi ông rút một xấp giấy bảo:

- Đây là một bức thư của các anh gửi ra ngoài tôi bắt được, một bức thư vi phạm nội qui.

Tất cả đều ngạc nhiên. Ông ta tiếp:

- Đây là thư anh Thiều gửi về cho vợ, không khuyến khích việc học tập cải tạo, lại trích dẫn một bài thơ của thi sĩ Chế Lan Viên. Các anh biết thi sĩ cách mạng yêu nước Chế Lan Viên là một thi sĩ chúng tôi kính mến, học hỏi rất nhiều điều bổ ích thế mà anh Thiều dám trích thơ gửi về cho vợ đọc chơi cho vui. Các anh hãy nghe anh Thiều viết như thế này: “*Anh mới biết bài thơ Chế lan Viên hay quá, vợ tôi vả chép gửi về em đọc cho vui.*” Anh Thiều không có quyền lấy thơ cách mạng gửi về cho vợ đọc cho vui, nói vậy rõ ràng là xem thường cách mạng, không thấy cái giá trị tuyệt đối, cái đỉnh cao của Xã Hội Chủ Nghĩa. Cho nên tôi tịch thu thư này và bảo cho anh em biết phải tôn trọng tuyệt đối những sản phẩm của Xã Hội Chủ Nghĩa.

Ông thao thao không ngừng còn cả trại im lặng như ngủ. Nói chán có vẻ khô cổ, ông liền quát:

- Các anh có ý kiến gì, phát biểu. Phải mạnh dạn để thấy rõ tật hư tật xấu của tiểu tư sản mà sửa chữa.

Không ai nói một lời khiến tôi đành dơ tay:

- Xin cán bộ, tôi có ý kiến.

- Anh nói đi.

Tôi nói chậm:

- Xin cán bộ xét lại trường hợp của anh Thiều. Tôi biết anh Thiều lúc còn nhỏ. Anh là một thi sĩ, người biết làm thơ, thích thơ và thấy được giá trị của thơ. Anh Thiều và cả tôi lúc còn là học trò đã mê thích thơ Chế Lan Viên, một thi sĩ nổi tiếng trước năm 1945. Vì vậy, khi biết được Chế Lan Viên mới sáng tác bài thơ, anh Thiều đọc thuộc một cách thích thú và gửi về cho vợ. Theo tôi nghĩ, xin lỗi cán bộ, đó là ý tốt đáng phát huy vì anh Thiều đã phổ biến một bài thơ cách mạng, vâng, một bài thơ của một thi sĩ phục vụ cách mạng suốt trên hai mươi năm. Tôi xin nói đây là một bài thơ cách mạng, một bài thơ tích cực chứ không phải bài thơ u sầu ủy mị của những thi sĩ “tiểu tư sản”. Theo tôi, cán bộ nên phát huy tinh thần tiến bộ của anh Thiều để tất cả anh em ở đây học tập bắt chước ...

Cán bộ Chạy đỏ mặt, đưa tay ra lệnh tôi ngừng nói:

- Thôi, thôi im đi, các anh quả là một bọn tiểu tư sản từ trong xương cốt, lúc nào cũng già mòm già miêng xuyên tạc sự thật. Tôi là người đã học nhiều năm lớp trung cấp, có học văn, học văn phạm, thi ca đủ thứ, tôi hiểu tư tưởng phản động của các anh đã bị văn học đòi truy Mỹ - Ngụy nhồi nhét trong đầu óc, nên các anh luôn tránh né sự thật, các anh chỉ biết xu phụ, bọn thống trị, bọn phong kiến, bọn xét lại, bọn địa chủ bóc lột, các anh luôn làm tay sai cho đế quốc mà nguy hiểm nhất là đế quốc sừng sỏ Mỹ, tội ác của các anh trời không dung đất không tha...

Cả tràng bài thuộc lòng được lặp đi lặp lại hàng trăm ngàn lần... lại được nhắc trong khi cả hội trường thả hồn theo ý nghĩ triền miên của mình. Tôi nghĩ đến mấy đứa con nhỏ đang tiêu điều trong các lớp học ở xóm làng và vợ tôi đang làm cỏ ngoài đồng ruộng nắng gắt v.v... Cán bộ Chạy bỗng quát lớn lời chúng tôi trở về thực tại.

- Các anh ngủ hết à, không nghe điều tôi nói à!

Bất đầu có tiếng ho và tiếng thảm thì nghe không rõ. Bực tức đỏ mặt, cán bộ Chạy nói đến phun nước miếng:

- Anh Thiều có tư tưởng xấu, không tiếp thu cách mạng, các anh phải đấu tranh kiểm điểm tư tưởng đó.

Nói xong, cán bộ Chạy rời phòng họp. Mọi người tự tản hàng về nơi làm việc. Không ai nói gì với ai, nhưng tất cả đều buồn, một nỗi buồn triền miên ngày này qua ngày kia, tháng này qua tháng nọ. Gặp anh Thiều, tôi nói:

- Tội đánh gì chép thơ của bọn chó đẻ đó, làm cho nó quá ngu dốt mà cứ dạy bọn mình hoài.

Thiều đáp:

- Mình còn trong tù, còn sống trong xã hội này là phải luôn luôn nghe những lời ngu dốt, lạc đề, vô duyên ấy, hà tất chép hay không chép thơ. Tao chỉ chép một đoạn, mấy câu thôi, mấy câu sâu sắc thật, chứ đâu có chép hết bài.

Lò gạch vẫn thánng ngày qua, nhưng tôi linh cảm bất trắc sắp đến. Khác với ông Tám, cán bộ Chạy luôn bám sát, xông vào trại, tới tận nơi tù đang nói chuyện, đang ăn uống quan sát trừng trừng như tìm kiếm tội phạm. Nét mặt ông luôn cảm hờn.

Thái độ hận thù của ông gây không khí căng thẳng.

Mỗi khi chúng tôi ngồi nói chuyện thường qui định trước, nếu cán bộ Chạy đến và kêu riêng từ người hỏi chúng tôi nói gì thì anh em phải nói cho đúng một ý. Nếu ngồi uống trà nói chuyện không có gì chống đối bất mãn thì có sao nói vậy, nếu nói điều gì đụng chạm đến ban giám thị, đến chánh quyền thì nhất định câm miệng.

Để giữ thống nhất lời khai, tôi dặn anh em ngồi uống trà chung với chúng tôi nếu cán bộ bắt riêng từng người hỏi tụ tập nói gì thì trả lời là nói về cách trồng rau muống, cách tưới nước... Điều tôi đoán không sai. Cán bộ Chạy ghét tôi muốn tìm tôi vi phạm một điều gì để phạt và đuổi tôi khỏi lò gạch. Ông ta phải cực khổ như vậy vì ban giám thị tin tôi. Họ tin tôi vì tội ác nhiều bấy giờ ăn năn hối cải, và họ tin tôi đã cố gắng phát huy lò gạch tạo điểm tốt cho ban giám thị vì thượng cấp có giấy ban khen ban giám thị v.v...

Một hôm, tôi, anh Thiều, Trần Văn Hưng và một người tôi quên tên, ngồi uống trà nói chuyện. Mới vừa ngồi tôi nói liền, nếu cán bộ Chạy hỏi tụ tập nói gì thì anh em nhất loạt nói cho đúng là nói về truyện Kiều, đoạn bà Tú bà hành hạ Kiều bắt Kiều làm gái điếm.

Quả thật ngồi được một lúc, cán bộ Chạy xồng xộc tới chỗ chúng tôi gọi anh Thiều ra hỏi và bảo anh đứng tại đó rồi ông gọi người khác ra hỏi. Xong, ông bỏ đi. Tôi biết kế mình trúng rồi nên thản nhiên ngồi uống nước, chờ hai người kia trở về tiếp tục. Ý kiến ấy được ngấm ngấm truyền ra nên cán bộ Chạy cố tìm tòi nhưng không ai bị gì hết. Hơn nữa, từ ngày cán bộ Chạy ra lò gạch cảnh ngồi uống trà tán gẫu đã giảm bớt.

CÁN BỘ ĐÁNH TÙ

Một buổi chiều chủ nhật, tôi treo võng ở một góc lò gạch vắng vẻ, nằm nhìn trời, nghĩ đến vợ con, bạn bè... nỗi buồn của người tù gần 50 tuổi mà cuộc đời xem như chấm dứt. Bỗng nhiên có tiếng gọi thất thanh:

- Anh Liệu, anh Liệu! Cán bộ đánh anh em.

Tôi vùng chạy vào trại, anh em lần lượt chạy đến vây kín. Cán bộ Thiên có lẽ vì mặc cảm là kẻ không có chức vụ nên thường hách dịch la rầy, có khi đánh đập. Với lò gạch thì đây là lần đầu ông đánh tù. Vừa thấy tôi, ông la lớn:

- Anh làm cái gì mà để có người viết tài liệu phản động, tài liệu chống phá cách mạng gửi về cho gia đình.

Tôi chưa rõ sự việc thế nào nên im lặng trong khi ông thao thao nói về chính sách khoan hồng của đảng, của nhà nước. Trước mặt ông là anh Hồ Bảng cao lẳng không nhìn xuống đất im lặng. Hồ Bảng người cùng huyện với tôi, còn ở tuổi thanh niên là trung úy biệt phái cảnh sát. Anh hát hay, chơi guitar tuyệt vời, đánh bóng chày xuất sắc. Tính chất tài hoa vui vẻ dễ thương của anh khiến cả trại đều mến. Vì sinh hoạt khác nhau và tuổi tác cách biệt, tôi chưa bao giờ nói chuyện với anh, ngoài những buổi chơi bóng chày ở lò gạch.

Thấy trong tay cán bộ Thiên một tờ giấy bằng nửa trang giấy học trò nhàu nát, tôi thẳng thắn hỏi:

- Thừa cán bộ, tài liệu phản động mà cán bộ bắt được để ở đâu, có thể cho chúng tôi xem qua.

Câu hỏi có vẻ bình đẳng giữa tù nhân và cai tù khiến ông nổi nóng, la lớn:

- Anh ngon hả, anh quen tánh hách dịch ngày trước, ngồi trên đầu trên cổ nhân dân, nộ nạt nhân dân, nên bây giờ ở tù mà còn tánh xấu cũ. Lấy tư cách gì anh bảo tôi đưa tài liệu cho anh xem. Bộ anh là thủ trưởng của tôi hả.

Biết mình lỡ lời tôi im. Ông nói tiếp ra lệnh:

- Tất cả vào trong, tôi làm biên bản. Anh gọi các toán trưởng vào.

Lúc ấy cán bộ Chạy đi phép một tuần, trong nhà chỉ có một cái bàn, hai cái ghế. Cán bộ Thiên ngồi vào bàn viết biên bản. Chúng tôi gồm toán trưởng toán lò Lê Văn Thạnh, người An

Khê, toán củi Nguyễn Em, người Bình Định, toán ngói, Phạm Văn Chất, người Quảng Ngãi là bà con thân thích với Bảng cùng ăn uống chung với Bảng... đứng trước bàn chờ lệnh. Ông loay hoay viết rồi xóa rồi viết đến ba chục phút cũng chưa xong. Tôi kéo chiếc ghế vào sát vách ngồi đối diện với ông ta, nói:

- Xin phép đầu lưng quá tôi phải ngồi.

Tôi nói lễ độ trước khi ngồi vào ghế nhưng cán bộ Thiên tỏ vẻ bực bội. Tuy vậy, ông không nói gì chỉ lo viết biên bản. Các toán trưởng chờ mãi quá nhưng không dám ngồi vả lại cũng không có ghế. Bỗng nhiên cán bộ Thiên bỏ bút xuống xìa tờ giấy về phía chúng tôi, ra lệnh:

- Các anh ký vào!

Các toán trưởng và Hồ Bảng ngó tôi. Tôi nói:

- Thưa cán bộ, xin cán bộ đọc cho chúng tôi nghe trước khi ký.

Ông lờm lờm nhìn tôi, lưỡng lự rồi cũng đọc. Đại cương ông viết ngày giờ đó, nhân danh cán bộ trực trại, ông đi kiểm soát. Các trại đều tốt, không xảy ra vụ gì, chỉ tại lò gạch có Hồ Bảng viết tài liệu chống phá cách mạng gửi ra ngoài. Ông bắt quả tang nên lập biên bản trình ban giám thị quyết định thi hành kỷ luật Hồ Bảng để làm gương cho kẻ khác... Đọc xong ông nói:

- Đó, xong rồi, hiểu chưa? Ký vào, tôi còn phải đi kiểm soát nhiều nơi nữa.

Tất cả đứng lặng thinh như những bức tượng, ông mặt đỏ bừng bừng nổi nóng quát:

- Ký lẹ lên, a tòng phản cách mạng à, tôi nhốt hết!

Nghe cán bộ nổi nóng dọa nhốt, nhất là nghe mấy tiếng “phản cách mạng” các toán trưởng lần lượt ký vào biên bản và lui lại đứng chờ lệnh. Thấy tôi vẫn ngồi bất động, ông đứng dậy quát lớn:

- Đội trưởng ký vào, ký lẹ, mất thì giờ quá, lẹ lên!

Tôi chân chờ không trả lời, ông hét:

- Anh điếc hả, có nghe tôi nói không, ký vào!

Tôi đứng dậy lễ phép đáp:

- Thưa cán bộ, các toán trưởng ký rồi, tôi sẽ ký, nhưng xin cán bộ một điều.

- Điều gì?

- Thưa cán bộ xin cán bộ viết thêm cho vài câu nữa rồi tôi ký cũng không muộn.

Ông hỏi:

- Câu gì nữa, tôi chép quá kỹ rồi, anh còn đòi thêm gì nữa, thêm cái gì anh nói mau cho tôi biết

Tôi đáp:

- Dạ, thưa cán bộ, biên bản cán bộ chép rất đầy đủ, nhưng còn thiếu một phần...

Ông ta ngắt lời

- Phần gì? Anh còn dạy tôi cách viết biên bản à. Mấy chục năm nay, trong các cuộc sinh hoạt tôi thường được chỉ định làm thơ ký, nhiều biên bản quan trọng tôi còn viết được, huống hồ cái biên bản nhỏ này mà tôi không viết được à. Anh xác lăm, quen lối ăn trên ngồi trước, làm thầy thiên hạ, nay còn lên mặt với tôi, anh xem thường cách mạng à...

Nếu để yên ông sẽ tuân bắt tận bài thuộc lòng nên tôi ngắt lời:

- Dạ, không, không! Tôi đâu dám xem thường cách mạng, nhưng cán bộ khi viết biên bản thì viết cho hết các sự việc xảy ra. Còn một sự việc rất quan trọng mà cán bộ chưa viết, nên tôi nhắc để cán bộ viết cho đủ.

- Còn gì nữa?

- Dạ, việc cán bộ đánh anh Hồ Bàng mà tất cả anh em ở đây, kể cả tôi đều thấy rõ. Xin cán bộ thêm điều đó để biên bản đầy đủ, và tôi sẽ vâng lời cán bộ ký ngay.

Mặt ông đỏ như viên gạch nung chín. Ông đứng dậy chỉ tay vào mặt tôi nói lớn:

- Anh nói cái gì, anh cố tình phá hoại cuộc viết biên bản à, anh là cải tạo mà có ý kiến à? Tôi là cán bộ, là đại diện đảng và nhà nước, tôi có quyền viết và bỏ những chi tiết không cần thiết. Anh nghe chưa, hiểu chưa. Ký đi!

Tôi vẫn bình thản đáp:

- Dạ, tôi đâu dám không tuân lệnh cán bộ, chỉ xin cán bộ một điều nhỏ là viết thêm việc đánh cải tạo viên. Xin cán bộ bớt giận và xét lời xin thực tế của tôi vì việc cán bộ đánh anh Hồ Bàng, tất cả anh em ở đây đều thấy rõ, bây giờ làm sao bỏ được.

Ông hỏi gắt gao:

- Ký hay không ký, nói đi!

- Dạ, ký chứ, xin cán bộ thêm vào.

Ông gầm lên nhào tới như muốn tát vào tôi.

Tôi vụt đứng dậy và ông tự kiểm được, bảo:

- Tôi chỉ hỏi anh ký hay không, trả lời gọn.

Tôi đáp:

- Dạ, ký, nhưng cán bộ viết thêm vào.

Ông gắt gao:

- Nếu tôi không viết, anh có ký không?

Tôi nhỏ nhẹ:

- Dạ thưa cán bộ, xin phép cán bộ được phát biểu. Nếu cán bộ không viết đầy đủ biên bản như tôi đã nhiều lần thưa thì tôi không ký, dù cán bộ có thi hành kỷ luật, có cùm tôi, tôi cũng không ký, xin cán bộ rộng lòng xét cho.

Như cái lò xo bung ra, ông đứng lên cầm biên bản vừa xếp làm tư, vừa nói:

- Tôi không cần anh ký, các toán trưởng ký đủ rồi, thôi các anh về trại.

Vừa nói, ông vừa bước ra về mặt hầm hầm tái mét.

Sáng hôm sau anh Hồ Bằng rời lò gạch về trại lớn.

Sau đó, anh cho tôi biết sự thật không có tài liệu gì hết, anh chỉ viết cái thư đơi người vào thăm nuôi đưa lên cho vợ. Khi cán bộ Thiên bắt gặp bất ngờ, anh bỏ chạy và đã lạnh tay ném lá thư cho anh em. Cán bộ Thiên lo đuổi bắt Bằng không thấy lá thư đã chuyển cho người khác. Khi chụp được Bằng, cán bộ Thiên đánh mấy bạt tai, soát trong người anh chỉ có tờ giấy nhàu nát viết dở một đoạn nhạc. Anh nói với cán bộ anh chỉ sáng tác nhạc chứ không viết gì bậy bạ. Nhưng cán bộ Thiên vẫn bảo Hồ Bằng viết tài liệu phản động chống đối cách mạng.

KIỂM ĐIỂM TRƯỞNG NGỌC HỒNG

Trưởng Ngọc Hồng là thiếu tá quận trưởng một quận ở Quảng Ngãi. Hồng không phải người Quảng Ngãi, rất hiền lành, ít nói, chưa bao giờ nghe anh khoe về quá khứ, về thành tích, về sự nghiệp. Trong trại lò gạch anh là người có cấp bậc cao nhất lại là người khiêm nhường nhất. Anh hiền đến độ mâu thuẫn với binh chủng của anh — Biệt Động Quân, một binh chủng can trường kiêu bạt nhất. Vậy mà anh bị báo cáo “phát ngôn bừa bãi, nói xấu cách mạng”. Chuyện xảy ra chỉ vì sau khi đốn củi, nghỉ giải lao, Hồng đùa: “*Bọn đế quốc Mỹ ác thật, ngày trước nó đem thực phẩm tới ép mình ăn cho quá no, cho chết chơi, bây*

giờ cách mạng nhân đạo hơn không ép mình ăn như bọn Mỹ".
Câu nói đùa tới tai ban giám thị và Hồng bị kiểm điểm. Tôi nói với Hồng:

- Anh thận trọng không nên đùa bừa bãi. Ở đây anh và tôi là cựu quân trưởng, bọn nó để ý nên phải ăn nói thận trọng. Tối nay nó kiểm điểm anh về những câu nói bừa bãi trên rừng. Anh nhớ là tuyệt đối không nhận tội, nghĩa là không bao giờ nhận nói bừa bãi, rồi tôi sẽ phát biểu có lợi cho anh.

Tối hôm đó, Đặng Hai phát biểu kiểm điểm Trương Ngọc Hồng. Anh em vốn ghét Đặng Hai và có cảm tình với Hồng nên đều phát biểu bình vực Hồng. Kết quả Hồng khỏi bị kỷ luật.

Hiện Hồng định cư ở San Jose.

THÊM MỘT SÓNG GIÓ

Đến lượt anh Quỳ — Đặng Quỳ thì phải — tôi quên mất họ của anh vì lúc bấy giờ anh là một thanh niên tuổi tác cách xa tôi quá. Anh làm thông dịch rồi làm giáo sư dạy tiếng Anh, có lớp dạy Anh văn tại thị xã Quảng Ngãi. Có lẽ vì làm thông dịch nên bị ghép là CIA, tình báo Mỹ. Cộng sản quá sợ tình báo Mỹ CIA và sợ nhất là người không thuộc thành phần nào, không quân nhân, không đảng phái, không công chức... Tôi còn nhớ mấy tháng đầu mới bị bắt, trong khi tập hợp anh em làm lý lịch, hồ sơ tội ác. Một số thắc mắc không biết điền thành phần tội ác của mình ra sao. Là quân đội thì có mục “ngụy quân”, là công chức thì điền ở mục “ngụy quyền”, là đảng phái quốc gia thì điền “đảng phái phản động”. Một người Hoa đứng lên thắc mắc:

- Thưa ông, tôi điền chỗ nào?

Cán bộ Tự, một cán bộ già, khó khăn nhất, hận thù nhất, lấy kính ra nhượng mắt, hỏi:

- Anh có đi ngụy quân không ?

Anh kia hững hờ trả lời:

- Không, không, ngụy trốn lính mà, hàng tháng ngụy đóng tiền cho nó để trốn lính mà.

Cán bộ Tự chậm rãi hỏi:

- Vậy anh là ngụy quyền chứ gì ?

- A, ngụy không pao giờ làm chánh quyền, ngụy có piết viết đâu mà làm Chánh quyền!

- Anh có đi cảnh sát cho bọn ngụy không?

- Không, không ngộ ghét nhất là cảnh sát mà, không bao giờ ngộ được làm cảnh sát.

- Anh có vào đảng phái phản cách mạng không ?

- Ngộ đâu có làm chánh trị, không piết chữ, không ai cho ngộ làm chánh trị, ngộ cũng không piết chánh trị là gì, ngộ chỉ piết puôn pán thôi.

Suy nghĩ một chút, cán bộ Tự hỏi tiếp:

- Như vậy là anh không theo nguy quân, nguy quyền, không cảnh sát, không theo đảng phái phản động, có thật như thế không ?

Ông người Hoa cảm thấy quá khỏe, hớn hờ cười:

- Dạ thưa phải, xin ông xét cho, ngộ chỉ piết puôn pán làm ăn thôi mà, ngộ ghét nguy quyền lắm, hà hiếp ngộ lắm, ngộ không làm gì có hại cho cách mạng mà, ngộ ưa cách mạng mà.

Cán bộ Tự nghiêm nghị nói:

- Nếu anh không dính vào nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động thì ... ghi vào mục tình báo CIA Mỹ.

Như bị điện giật, ông người Hoa bật la lớn:

- Trời ơi, chết ngộ rồi, chết ngộ rồi!

Cả hội trường cười ầm như đang xem hài kịch.

Tôi chưa hề quen anh Quỳ, chỉ biết anh tù ở lò gạch. Anh ở toán củi, ít nói, ít tiếp xúc với anh em. Một hôm, cán bộ Chạy gọi tôi lên báo:

- Anh làm gì mà để phát ngôn bừa bãi, tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu cách mạng mà không biết gì hết, hay chính anh chủ xướng, nuôi dưỡng phản động.

Tôi đáp:

- Thưa cán bộ, nếu quả tôi có làm bậy với anh em toán củi mà tôi giấu không nói ra, thì xin cán bộ thẳng tay thi hành kỷ luật tới mức tối đa tôi chấp nhận.

Ông lạnh nhạt đáp:

- Khỏi lo, chúng tôi có đủ biện pháp trừng trị các anh. Tối mai anh tập họp có ban giám thị ra dự, để kiểm điểm các anh Quỳ, anh...anh...

Ba người trong toán củi tôi chỉ nhớ tên anh Quỳ thôi.

Đã nhiều lần tổ chức kiểm điểm nên tôi nghĩ anh em rút kinh nghiệm tránh ăn nói bừa bãi, không ngờ vẫn xảy ra, và mỗi lần xảy ra là lại mất sự yên tĩnh "thanh bình". Tôi nghĩ Quỳ còn non nớt chưa có kinh nghiệm gì rất dễ bị kỷ luật và bị đuổi khỏi

lò gạch, đi trại khác.

Tôi đang suy nghĩ thì thấy ông Thục đi ngang, liền vẫy tay gọi. Trần Thục là người tù già nhất ở lò gạch, trước làm chánh lục sự tòa án Bình Định, một trí thức e dè gần như nhút nhát nhưng là người bất cộng đái thiên với cộng sản, lập trường không mấy may di chuyển. Tôi rất thích và mến ông nên ông là người tôi thường nói chuyện không chút sợ sệt nghi ngờ. Ông xem tôi thân mật như một đứa em. Ông đã biết về Quảng Ngãi Nghĩa Thục và tôi qua báo chí, bây giờ gặp trong tù ông rất mến tôi, thương tôi. Lần tôi bị đau nặng, ông lén đưa cho tôi mấy viên thuốc mà ông vẫn cất kỹ để phòng thân.

Một buổi chiều, ông tìm tôi nói nhỏ *“Tôi để dưới đầu giường anh một lon gạo, anh nấu ăn thêm, hết đưa lại cái lon cho tôi”* Cảm động muốn rơi nước mắt tôi nói *“Cảm ơn chú, cánh này hạt gạo quý hơn vàng mà chú nhin cho tôi, không bao giờ tôi quên ơn chú. Nhưng chú hiểu cho, nếu tôi nấu cơm, kẻ xấu miệng có thể nghĩ tôi ăn cắp gạo của lò gạch, vì tôi không có thăm nuôi nên tôi không thể nấu, chú lấy về đi, chú cho tôi nắm thuốc rê là đủ rồi”*. Tôi thường nhắc ông *“Chú đừng sợ, mình có làm gì sai nội qui đâu mà sợ. Gặp cán bộ, chú cứ mạnh dạn đứng thẳng xem bọn nó chả ra cái gì, bọn nó không dám làm gì chú đâu”*. Từ đó ông mạnh dạn hơn. Sau vụ Hồ Bàng, ông nói *“Hôm anh không ký biên bản, bọn nó hận ghét anh, tôi lo quá ngủ không được, cứ sợ anh sẽ bị bọn nó tru thi hành kỷ luật. Tôi chừng này tuổi, kinh nghiệm nhiều rồi, tôi làm ở tòa án lâu năm nên thấy hết. Tôi đã bị tù thời Nhật và tù Cộng Sản, tôi biết phần đông chỉ nói dóc cái miệng, thấy cai tù thì sợ bỏ mẹ, cầm như hén, dạ dạ bầm bầm đến khi ra ngoài đời thì kẻ nào đánh cai tù, chửi cai tù v.v.. Tôi chỉ mới thấy một mình anh bình tĩnh, lễ độ nhưng cương quyết, không ký biên bản, dù cán bộ đe dọa ép buộc. Tôi phục anh nhưng cũng rất lo cho anh”*. Tôi cảm động đáp *“Cảm ơn chú, tôi không đủ liều lĩnh đánh cán bộ, đốt nhà lao, lãnh đạo chống ban giám thị, tôi chỉ theo lương tâm của người tù làm thế nào để quyền lợi anh em tù trong đó có mình, được bảo vệ, nhất là giữ được tư cách. Chú thấy trong nhiều cuộc họp tôi luôn nhắc dù ở hoàn cảnh nào cũng phải giữ tư cách. Đời tôi lần này là lần thứ ba bị ở tù, chú ạ. Tôi đã bị ở Chí Hòa, bị đày đi Côn Đảo rồi mà, nên tôi cũng có kinh nghiệm tù nhiều lắm. Tôi không hốt hoảng, không sợ sệt hay lụy bụi quá*

mắt sáng suốt. Càng cực khổ, nguy hiểm, thất thế thì càng phải bình tĩnh sáng suốt để suy nghĩ và quyết định. Tuy vậy, bọn mình là cá nằm trên thớt rồi, chú ạ. Mình cũng nên tin vào số mệnh một phần”.

Ông Thục đưa bàn tay che ánh nắng chiều, nhìn ra chỗ tôi đứng, vội vã chạy lại:

- Cái gì đó anh Liệu?

Tôi nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Chú vào nói nhỏ với thằng Quỳ ra đây gặp tôi, chỉ mình nó thôi.

Ông hỏi lại:

- Quỳ nào? Phải thằng Quỳ trắng trắng ít nói ở toán củi của thằng Em đó không?

- Phải, chú đi đi, coi chừng thằng Chạy.

Độ mười phút sau, Quỳ ngơ ngác tới tìm. Tôi từ từ đi xuống trũng đất sâu, nơi đào đất làm gạch sâu như cái ao, để người xung quanh không nhìn thấy.

Quỳ theo xuống có vẻ sợ hãi hỏi:

- Anh Liệu gọi em?

Tôi nhắc ngay:

- Nếu ông Chạy có hỏi xuống đây làm gì thì nhớ nói thấy tôi đang nhổ rau má, anh chạy xuống xin điều thuốc rồi lên chứ không nói chuyện gì hết. Dù ông Chạy có dọa trước nói anh Liệu đã nói hết rồi đừng giấu nữa cũng đừng tin mà khai thật thì bỏ mẹ cho cả anh và tôi, nhớ chưa?

Quỳ đáp:

- Dạ em hiểu, anh khỏi lo. Nhưng anh gọi em có việc gì, em sợ quá, anh em xàm xì bảo toán củi sắp bị kiểm thảo, trong đó có em.

Tôi đi ngay vào đề:

- Vì việc đó tôi gọi anh ra đây, nhưng anh phải hứa tuyệt đối không kể lại phút gặp gỡ này và điều tôi sắp nói.

Quỳ rối rít:

- Dạ, dạ, em hiểu. Em hứa không nói với ai, anh yên tâm. Dù chưa nói chuyện với anh, nhưng em rất mến phục tư cách đứng đắn, bình tĩnh của anh. Việc anh không ký biên bản của cán bộ Thiên đũ làm cho cả người không ưa anh cũng phải phục anh, thương anh huống hồ là em.

Tôi chậm rãi nói:

- Tối mai kiểm thảo anh về việc các anh phát ngôn bừa bãi trên rừng.

Quý vội vã đáp:

- Bọn nó nói nhiều em chỉ...

Tôi ngắt lời:

- Không cần nghe anh thuật lại, vì tôi thấy anh còn trẻ chưa có kinh nghiệm cộng sản nên tôi vẫn tất khuyên anh, dù có nói hay nói ít, nói nhiều không quan trọng, quan trọng nhất là khi kiểm điểm anh hoàn toàn chối, chối 100%. Bọn nó to tiếng dọa nạt, anh vẫn vững tinh thần để chối hoàn toàn. Anh cứ bảo không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ nói chính trị, ngay nói chơi chuyện ăn uống bồ bịch anh cũng không nói huông chi chuyện chính trị. Anh chỉ lo đủ gánh củi để gánh cho kịp anh em, không dư thì giờ nói bậy bạ, yêu cầu cán bộ xét lại. Tóm lại, dù bị ép tới đâu dọa nạt tới đâu, anh cũng không nhận đã phát ngôn bừa bãi và cũng không nghe ai nói bậy bạ vì anh không chuyên đốn củi phải mất nhiều thì giờ mới đủ một gánh củi hạng nhẹ nên anh không có thì giờ nói chuyện dù là nói chuyện chơi. Sau khi nghe anh chối mạnh rồi, tôi sẽ bồi vô cứu anh bằng cách xác nhận anh là người tốt, rất cố gắng lao động, không vi phạm nội qui, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh của ban giám thị, của cán bộ để kết luận anh không bao giờ có tư tưởng lệch lạc phát ngôn bừa bãi v.v..Tóm lại, phần tôi sẽ tích cực binh anh, anh hiểu chưa, thôi vào đi. Nhớ ông Chạy có hỏi chỉ nói gặp tôi xin thuốc hút và không thổ lộ với anh em dù bạn thân với anh, Hiểu chưa?

Quý cảm động cảm ơn rồi chậm chậm bước lên bờ cao không quên cầm điếu thuốc quần sắn của tôi.

Đêm kiểm thảo, cán bộ Đấy thay mặt ban giám thị điều khiển cuộc họp. Tôi chưa bao giờ gặp cán bộ này nhưng nghe nói ông ta là người tàn ác, là người hận thù nhiều nhất. Hơn một tiếng đồng hồ, ông phát biểu thuộc lòng về chính sách khoan hồng, đấu tranh giai cấp, đảng và nhà nước v.v...

Đến phiên hỏi Quý thì Quý một mực chối dài không bao giờ phát ngôn bừa bãi v.v...

Sau đó như đã nói trước với Quý, tôi nhân danh đội trưởng xác nhận Quý chưa bao giờ vi phạm nội qui, tích cực học tập cải tạo, luôn luôn đạt chỉ tiêu và vượt chỉ tiêu, đã sáu lần được bình bầu xuất sắc của toán và của đội được ban giám thị và ông giám thị trưởng khen...

Quá khuya cán bộ Đấy chấm dứt cuộc kiểm thảo hẹn sẽ kiểm thảo tiếp. Nhưng rồi sau không tiếp tục nữa và Quỳ không bị kỷ luật. Ngày nay anh Quỳ định cư tại Mỹ, ở Boston. Khi mới đến Mỹ, anh có gọi phone thăm tôi và tôi chắc anh chưa quên câu chuyện giữa chúng tôi khi ở lò gạch dù đã hai mươi mấy năm qua.

VƯỢT NGỤC LÒ GẠCH

Từ ngày cán bộ Chạy quản chế lò gạch, số tù ở đó lên tới con số 200. Không còn tự do thoải mái như trước bởi đặc tánh người cộng sản Quảng Ngãi là cực kỳ tàn ác, cực kỳ ngu xuẩn, cực kỳ bất tiện. Cán bộ Chạy không muốn cho tù thoải mái một chút, trong khi cũng là cộng sản nhưng người Bình Định dễ chịu hơn, hiểu biết hơn và có vẻ người hơn. Cho nên anh em tù ở lò gạch ban đêm phải vào phòng khóa cửa kỹ, trừ toán chụm lò vì công việc.

Một buổi tối, chừng 11 giờ khuya trời rất lạnh, Chạy dẫn một tiểu đội công an ra bao vây lò gạch. Ông đọc danh sách năm người đưa ra khỏi trại trói tay với nhau thành một dây. Chúng tôi biết có biến cố, đều im phắc trong phòng. Cán bộ Chạy hỏi từng người một chỉ nơi tôi nằm:

- Trong đó có người nào không?

Chỉ nghe câu hỏi lớn tiếng, câu trả lời của những người bị trói nghe không rõ, nhưng không ai bị bắt thêm. Chúng tôi biết đó là một cuộc vượt ngục thất bại. Đó là một nhóm anh em Bình Định vượt ngục. Năm anh em đó đều trong toán củi, tức lên rừng đốn củi rồi chuyển về để nung gạch. Anh Tôn Thất Tùng là người tổ chức vượt ngục. Anh là phó tỉnh trưởng Bình Định, người cao ốm lẳng không độ bốn mươi tuổi, luôn luôn nhăn nhó, hình như lúc nào cũng bất bình, hằn học, không chịu nổi cảnh tù. Một hôm, anh tìm tôi nói một cách tội nghiệp:

- Anh Liệu, như thế này tôi yếu quá, anh cho tôi qua toán làm gạch chứ đốn củi vác củi không nổi.

Thấy vẻ mặt thê lương của anh, tôi giấu sự cảm động, bảo anh theo tôi ra lò đun gạch nói chuyện, vì nơi đó thường vắng vẻ. Tôi nói vừa đủ nghe:

- Anh Tùng, vì nội qui chúng ta ít “quan hệ”, nhưng đồng cảnh ngộ, chúng mình lại là trí thức tiểu tư sản nên rất hiểu

nhau, thông cảm nhau tuy không nói ra lời. Vấn tất tôi khuyên anh nên ở lại toán củi vì nhiều lý do. Thứ nhất, đồn củi sinh hoạt trong môi trường rộng, tự do vì không có cán bộ theo dõi kiểm soát. Thứ hai, anh Nguyễn Em người An Khê, hiền lành dễ thương, không bao giờ báo cáo bậy bạ, người mình tin tưởng được. Anh chưa quen lao động nên dễ mệt mỏi, một thời gian rồi anh quen. Điều quan trọng tôi chỉ nói với anh, là tuy chỉ tiêu đề ra lung tung như vậy nhưng đừng dại gì gánh nặng. Anh đừng dùng củi suông nên dùng nhánh nhóc quanh quẹo bó xỏm để bó củi lớn nhưng vẫn nhẹ. Gánh về gần lò gạch, anh đứng nghỉ, nếu thấy ông Chạy hay cán bộ áo vàng nào ở đó thì đừng đi tiếp, nếu không có ai thì chất đống củi của anh em, thế là xong. Nếu anh đòi về toán làm ngói, tuy thấy như nhẹ, nhưng không bằng toán củi vì cán bộ lảng vảng luôn, nếu tôi bị phải đi lao động tôi xin vào toán củi. Anh nghe tôi thử một tuần nữa, nếu anh còn thấy mệt thì tôi đổi anh qua toán làm gạch.

Sau lần đó, anh vui vẻ làm việc với toán củi, không gặp tôi để yêu cầu đổi nữa.

Anh Chương, một cảnh sát đặc biệt, người An Khê. Sau này anh cho tôi biết ý kiến vượt ngục đầu tiên nảy ra trong anh. Anh tính nhiều lần rồi, nhưng nghĩ nếu vượt được mà chắc chắn phải được, rồi sau đó thì sao? Nghĩ tới đó anh bế tắc nên trù chừ mãi cho đến khi gặp anh Tùng cũng có ý đó. Kế hoạch vượt ngục như thế này: mỗi bữa đi đồn củi đem một ít đồ vật như áo quần, gạo chôn giấu trên rừng. Bữa cuối cùng sẽ đem mỗi người một cái bao để mang các vật giấu lâu nay. Anh định trong những đêm không trăng sẽ khởi hành. Năm anh em quyết định sáng thứ bảy là ngày tù cuối cùng vì ngày đó đi đồn củi không trở lại nữa. Chọn ngày cuối tuần vì ngày đó cán bộ đi phép, đi chơi nên khi phát giác, số cán bộ đi tìm không đông. Cứ nhắm hướng An Khê quốc lộ 19 mà đi, len trong rừng thưa tối đi ngày trốn ngủ, độ 15 ngày tới quốc lộ 19 rồi từ đó tìm cách về Sài Gòn. Tin tưởng anh Tùng là trí thức, biết ngoại ngữ nên dễ dàng đi ra nước ngoài. Năm anh em rút kinh nghiệm toán người Thượng đã vượt ngục suốt hai tháng nhưng bị bắt lại, bốn người Thượng đó là Đình Nga, Đình Em, Đình Ba Nhí... Đình Nga là cựu dân biểu, Đình Em là sĩ quan cấp tá. Bốn anh em can trường đó cũng đi đồn củi để nấu cơm của trại tù Hành Tín, Quảng Ngãi. Nương vào rừng rậm của dải Trường Sơn, bốn

người ngày ngủ đêm chạy suốt một tháng thì đến Khánh Dương gần Ban Mê Thuột. Họ cố tìm liên lạc với nhóm FULRO, lực lượng người Thượng ở Ban Mê Thuột lâu nay luôn tranh đấu đòi tự trị. Do thiếu lương thực đói quá họ tìm cách ra dân kiếm ăn và bị bắt. Trong đám anh em vượt ngục ở lò gạch chỉ có anh Chương người Tây Sơn là can trường, mạnh khỏe nhất. Anh là cảnh sát đặc biệt, to lớn vui tính, rất tích cực làm việc. Anh là người cải tạo rất tốt, luôn được bình bầu xuất sắc, đứng đầu không hề vi phạm nội quy của trại. Khi biết anh là người chịu trách nhiệm dẫn đường và là người cương quyết ra đi, chúng tôi rất phục sự kín đáo và việc đóng kịch cải tạo tốt.

Anh em cho biết một trong năm anh em tâm sự kín với một người bạn thân cùng trong toán củi. Người bạn đó báo cáo cán bộ Chạy và ngay đêm thứ Sáu, cán bộ Chạy bắt trọn ổ. Khi biết anh em thất bại, tôi buồn quá, tội nghiệp cho năm anh em can trường nhưng không may. Tôi rất hãnh diện cho số anh em tù chánh trị, vì lâu nay nếu có vượt ngục đều không phải tù chánh trị. Chỉ lần này mới có tù chánh trị ở trại Kim Sơn vượt ngục.

Tôi có người học trò, một nữ sinh tên Cúc cũng ở tù. Một hôm, toán tù nữ độ năm mươi người đi ngược chiều tôi bỗng la lớn: *"Thầy Liễu, thầy Liễu! Vậy mà họ bảo thầy chết rồi, em mừng quá"*. Tôi không biết người nữ tù ấy là ai chỉ nghĩ hầu hết người ở Quảng Ngãi, nhất là học sinh đều biết tôi nên ngạc nhiên khi gặp tôi đứng bên lề đường chờ toán tù đi qua. Rồi một hôm, người nữ tù ra lò gạch thăm tôi và cho tôi một mớ rau má. Với thái độ rụt rè Cúc nói:

-Thưa thầy, hôm thấy thầy em mừng quá la lên vì ai ai cũng đồn thầy chết rồi, bị giết ngay đêm cộng sản đến. Bọn em lớp Tám Nghĩa Thực đã khóc thương tiếc thầy. Em nghĩ không còn bao giờ được thấy thầy nữa không ngờ lại thấy thầy ở đây. Em xin phép được ra thăm thầy và đem cho thầy nắm rau má, em hái và để dành cả tuần lễ mới được nhúm chừng này. Thầy có mạnh không thầy?

Em nghẹn lời, nước mắt chảy trên hai má rám nắng, cúi mặt xuống đất khóc. Tôi rất cảm động vì ở cảnh một người học trò nhỏ, tôi không biết tên còn nhớ đến tôi hái từng cộng rau má để dành đem cho tôi. Rau má là thứ rau vô cùng quý đối với tù. Nó là loại rau ăn đỡ đói, ăn ngon và là một vị thuốc Nam giá trị. Chỗ nào có tù bị cộng sản nhốt chỗ đó rau má không mọc lên

nổi, vì bị diệt ngay từ ngày đầu. Đi làm chung với anh em, tôi là người ít khi hái được rau má, có lẽ vì tôi chậm. Đang phân biệt rau nào ăn được hay không thì người bên cạnh lẹ tay hái mất rồi.

Chỉ khi nghỉ lao động gọi là nghỉ giải lao, một số ngồi hút thuốc, một số đi hái rau nhưng không đi quá năm mươi thước cách chỗ làm việc, thế thì rau đâu mà hái. Trên đường di chuyển, đi làm và về trại, theo nội qui tù phải đi ngay hàng. Cúi xuống lề đường hay chạy xuống lề đường rất dễ bị kỷ luật, vì có thể bị kết tội bỏ hàng chạy trốn. Bởi vậy người học trò cho tôi nắm rau má, quý quá. Tôi hỏi:

- Em làm gì mà bị tù?

Cúc hơi e dè trả lời:

- Dạ, em bán con bò của ba em.

Tôi ngạc nhiên:

- Bán bò mà cũng bị cầm à?

- Dạ, cầm đấy, thầy ạ, vì họ bảo bò quý hơn người. Bò sản xuất được, bò lao động tốt, và không có tư tưởng phản cách mạng v.v... họ nói đủ thứ rồi bắt em đi cải tạo.

- Sao ba má em không bán mà em lại bán con bò?

Cúc trả lời:

- Nói giấu gì thầy, em bán lén ba má để lấy tiền xài, vì ở nhà không có đồng tiền. Và lại, người ta đồn những ngày sắp tới bò trâu bị tịch thu hết nên ở ngoài người dân họ sợ, họ cũng bán lén thầy ạ.

Tôi không hỏi nữa chỉ khuyên:

- Thôi lờ rồi, em cố gắng đừng vi phạm nội qui trại một thời gian rồi về vì thật ra em có tội gì đâu. Cần thận đừng vi phạm vì họ sẽ kéo dài thời gian cải tạo nếu em vi phạm kỷ luật.

Cúc ứa nước mắt đứng dậy lễ phép:

- Dạ em nghe lời thầy, nhưng em nhớ nhà nhớ mẹ em quá, thầy ơi. Thôi, xin phép thầy em về trại, cầu mong thầy giữ được sức khỏe, em xin chào thầy.

Thời gian sau đó Cúc vượt ngục.

Nghe nói nhân buổi thăm nuôi người lên xuống đồng đúc, Cúc theo đoàn thăm nuôi, mượn chiếc Honda thò đi thẳng về nhà không bị ai để ý. Về đến nhà ăn một bữa thật no nói dối cha mẹ là được cho về vì không có tội, đi uốn tóc và xem chiếu bóng trong rạp với bạn trai. Công an đi thẳng vào rạp bắt Cúc và giải

về trại. Chuyện vượt ngục của Cúc, học sinh của tôi, thành đề tài kể đi kể lại như tiểu lâm. Ai ai cũng thương cho con bé khờ dại ngây thơ.

Lần vượt ngục của anh Tùng khiến số “tù hình sự” nhỏ tuổi, công an đều đổi thái độ với tù chánh trị, vì lâu nay tất cả tưởng tù chánh trị lớn tuổi, nhất, an phận, bi quan ...

Sau khi vụ vượt ngục bị phát hiện, không khí lò gạch hết sức ngột ngạt. Cán bộ Chạy lúc nào cũng hằm hằm, mang khẩu tiểu liên trên vai như hăm dọa sẵn sàng nhả đạn vào đám tù đang chống đối ngầm. Tôi nghĩ nên tìm cách phô trương hình thức sản xuất của lò gạch để lu mờ sự hắc ám của đám cán bộ gốc Quảng Ngãi ngu dốt hầu giảm bớt không khí nặng nề. Tôi xin cán bộ tài chánh trại một tờ giấy lớn để vẽ đồ biểu sản xuất gạch ngói của lò gạch. Cán bộ tài chánh tên Hùng là một học sinh có bằng tú tài một, trốn lính, sau 1975 theo cộng sản, nhờ ông chú làm công an lâu năm đem vào làm tài chánh cho trại vì họ nghĩ có bằng tú tài tức biết kế toán và đủ khả năng làm kế toán kiểu “công nghiệp”. Hùng hàng ngày ra lò gạch gọi là kiểm soát sản xuất bằng cách đếm ghi số gạch sống, số gạch chín, số hư bể, số bán, số dùng cho trại... Ghi chưa được một tuần, anh ta tẩu hỏa không biết làm sao cho đúng, cho hợp với thực tế. Tôi biết chắc điều đó, nghĩa là cậu nhóc này không đủ sức kiểm soát số gạch ngói ở lò gạch vì chưa biết gì về kế toán căn bản và bị tôi đưa vào “mê hồn trận”. Hùng nói nhỏ với tôi:

- Anh Liệu, xem lý lịch của anh tôi biết anh là bậc thầy nên xin anh giúp bằng cách hàng ngày tôi ra đây, anh cho tôi mượn sổ xuất nhập của anh, tôi ghi vào sổ tôi cho phù hợp, để khi ban giám thị có thanh tra họ thấy hai sổ trùng nhau tôi khỏi bị kiểm điểm. Xin anh đừng cho ai biết điều này, cứ xem như tôi kiểm rất kỹ nên phù hợp sổ của anh. Tôi đề nghị như vậy anh có đồng ý không?

Tôi quá mừng đồng ý ngay và từ đó nào chỉ tiêu đạt mấy phần, vượt chỉ tiêu, nào bao nhiêu ngói sản xuất, vào lò bao nhiêu, hư hao, thành phẩm loại A, B, C...chi bao nhiêu, bán bao nhiêu, cho bao nhiêu, tồn kho bao nhiêu ...Tôi thêm nhiều mục không cần thiết để nhìn sổ kế toán chằng chịt đủ mục cộng trừ, nhân chia đủ thứ... Mỗi sáng cán bộ Hùng ôm cuốn sổ dày khổ lớn, bìa cứng có dán nhãn ghi kế toán sản xuất lò gạch bằng những nét viết cẩn thận chứng tỏ cán bộ tài chánh sổ sách đàng

hoàng và rất “khoa học”. Anh ta không còn mệt mỏi phải đếm, phải tính toán, chỉ ghi các số thành từ sổ của tôi thế là xong nên thường trả ơn cho tôi bằng những nắm thuốc lá rế. Phần tôi, tôi trưng tờ giấy trắng lớn nơi chỗ tôi ở ghi đồ biểu xanh đỏ, nào cột sản xuất, cột hư hao, cột vào lò, cột thành phẩm cột tiêu thụ, cột tồn kho v.v... Nhìn vào thấy rất “khoa học”. Giám thị trường chăm chú nhìn tấm bảng tôi treo trên vách và tỏ vẻ khoái chí: *“Như vậy tốt lắm, phải hạch toán kinh tế như vậy chứ có đâu xô bồ rồi không biết đường nào rờ, bên nông nghiệp, bên mộc, bên rèn cũng nên làm rõ ràng như lò gạch để nhìn đâu thấy đó chứ ghi xóa rồi xóa ghi trong cuốn sổ lèo nhèo biết đâu mà tìm.”*

Từ đó mỗi lần ra lò gạch, ông vào nhìn tấm đồ biểu của tôi để biết gạch còn bao nhiêu, bán bao nhiêu và sắp vào lò bao nhiêu. Cổ nhiên những con số đó phần nhiều là số ma không cách gì kiểm soát được. Tôi tạo “mê hồn trận” nên lò gạch luôn được khen, nào lao động tốt, cải tạo tốt, nào đạt chỉ tiêu, vượt chỉ tiêu. Sự thực không ai biết chỉ tiêu là bao nhiêu, kể cả giám thị trường. Trong bản sơ đồ của tôi và trong các bản báo cáo của cán bộ kế toán đều ghi đạt chỉ tiêu và có khi vượt chỉ tiêu.

Một hôm đoàn thanh tra trung ương về thanh tra trại Kim Sơn. Ban giám thị rất hãnh diện đưa ra thăm lò gạch, và tôi thuyết trình về sản xuất, cách tổ chức vệ sinh trong trại... Phái đoàn rất hài lòng, nhất là sổ sách kế toán đồ biểu sản xuất và sản xuất vượt chỉ tiêu. Tóm lại, toàn nhờ giả dối, nhờ báo cáo láo mà lò gạch được tiếng khen. Biết rõ việc báo cáo láo này chỉ có tôi, các toán trưởng gồm anh Nguyễn Văn Thạnh toán chum lò, hai anh Phạm Văn Chất, Nguyễn Thạch thuộc hai toán ngói, anh Hồ Xuân Tiểu toán gạch ống, anh Nguyễn Em toán củi. Tôi luôn dặn các toán trưởng trong cuộc họp có cán bộ mình đề cao thi đua lao động, đề cao nội qui, nhưng thực tế cứ tà tà tới đâu hay đó, ăn thua ở sự báo cáo khôn ngoan, bởi may mắn là bọn cán bộ không biết gì hết, dù luôn luôn nói “hạch toán kinh tế”, “khoa học kỹ thuật”... Ngoài các toán trưởng và một số anh em thân mà tôi biết chắc không phản bội biết điều đó, còn đa phần để tự anh em tìm hiểu vì chúng tôi không dám phổ biến sự đóng kịch của tôi và các toán trưởng. Cho nên một số anh em ở lò gạch và các trại khác nghe ban giám thị lúc nào cũng khen lò gạch nên lấy làm lạ tại sao tôi đại dột đẩy anh em làm việc vượt chỉ tiêu đến mức trung ương về khen và phát huy lò gạch.

Một hôm, anh Lê Vinh Thiều nói với tôi:

- Tao đi thăm anh em ở trại Hai, một số bảo lò gạch sao đại đột làm việc nhiều như vậy. Tao không dám nói sự thực vì bọn nó báo cáo thì thấy mẹ mình. Khi biết mình đóng kịch thì trước hết nó trị mầy, thứ hai nó kiểm soát kỹ lại và bắt anh em làm việc đàng hoàng thì bỏ mẹ anh em. Tao thấy mầy đang ngồi trên lửa đấy và mầy mang tiếng ghê lắm, vì mầy không thể thanh minh cho anh em hiểu cái lao động tốt, cái đạt cái vượt chỉ tiêu là do đóng kịch chứ thực tế không phải như vậy, mầy nghĩ sao?

Tôi chỉ còn biết nói với anh:

- Nói thật với anh, may cho mình là nhờ cán bộ ngu dốt và chủ quan, thành mình qua mặt dễ dàng. Tôi nghĩ từ từ rồi anh em ở lò gạch họ biết, vì họ làm việc thế nào chính họ biết, vượt chỉ tiêu cái con mẹ gì. Còn anh em trại khác họ nói kệ họ, chả lẽ mình giải thích cho họ hiểu à.

Sự thực lúc tôi mới đến lò gạch chỉ có chừng bốn chục người, bây giờ con số tăng lên hai trăm. Ban đầu một lò nung gạch bây giờ hai lò. Ban đầu một dải nhà tranh lều tèo, bây giờ ba dải nhà ngói vách gạch qui mô nên số lượng gạch ngói tăng lên nhiều. Chỉ mình tôi biết con số rất tương đối mà thôi. Giám thị trường gọi tôi vào bảo:

- Tôi rất mừng anh em sản xuất vượt chỉ tiêu nhưng anh phải kiểm soát kỹ xuất nhập. Tôi báo cáo lên tỉnh, họ cho thanh tra về coi lại, nếu mình sơ sót, chẳng những anh bị kỷ luật mà tôi bị phê bình nữa.

Để giám thị trường tin tưởng, tôi nói chắc nịch:

- Thưa ban, gạch ngói sản xuất số tốt, số xấu, số bị hư, số ra lò, số bán, số làm cho trại... đều ghi rất rõ, không sai một viên, ghi cả ngày giờ xuất nhập đúng phương pháp hạch toán kinh tế và khoa học kỹ thuật. Chẳng những gạch ngói mà ngay cả đất sét, máy đồng nhồi nhuyễn, máy đồng chưa... Củi cũng vậy, củi bó tồn kho còn bao nhiêu, củi cây còn bao nhiêu v.v.. đều ghi rất kỹ. Trước đây, tôi có học môn kế toán của đại học nên ban đừng lo. Hơn nữa ông Hùng cán bộ kế toán của ban giám thị hàng ngày kiểm soát chặt chẽ, đối chiếu sổ của ông Hùng và của tôi không sai một viên. Từ sổ sách ra thành phẩm trên hiện trường cũng không sai, ban cho người ra đếm thì biết ngay.

Giám thị trưởng cười một cách khoái trá, vui vẻ khác thường của người thành công lớn, nói:

- Tôi dặn hờ thôi chứ tôi biết các anh có học cao biết rành các môn hạch toán kinh tế, hơn nữa có thằng Hùng hàng ngày theo dõi thì làm sao mà sai lộn được.

Một số anh em lo lắng, nhất là anh Nguyễn Em, toán củi hỏi tôi:

- Vượt chỉ tiêu là bọn tôi phải đốn củi nhiều hơn sao?

Vì tin tưởng anh toán trưởng này, tôi nói:

- Nếu anh nói ra ngoài thì tôi có nước chết thôi. Tôi báo anh biết là vẫn đốn củi như lâu nay, cứ làm tà tà, trong khi đó mình la lớn đã đạt chỉ tiêu, đã vượt chỉ tiêu. Chỉ tiêu là cái con mẹ gì, tôi cũng chả biết nó bao nhiêu mà vượt. Tôi biết ban giám thị mơ ước vượt chỉ tiêu nhưng họ cũng không biết chỉ tiêu là cái gì và bao nhiêu. Chỉ nghe nói vượt là họ mừng rồi nên họ dễ dãi cho lò gạch và đã báo lên thượng cấp, đã tuyên dương lò gạch.

Nguyễn Em cười bảo:

- Thì ra thế, hôm được tuyên dương, tôi lấy làm lạ lâu nay vẫn tà tà như vậy không nghe nói gì tự nhiên la lớn vượt chỉ tiêu. Tôi hơi lo, bây giờ anh nói tôi hiểu. Cố nhiên điều gì anh đã nói không bao giờ tôi nói với ai. Nhưng trong toán củi của tôi một số phần nản, cho là anh chạy theo cộng sản, đưa sản xuất vượt chỉ tiêu. Họ không hiểu anh có mưu đồ phỉnh cán bộ để lò gạch được dễ dãi. Để rồi lần lần họ hiểu, nếu họ không hiểu, tôi cũng chịu không thể thanh minh vì tôi hứa không tiết lộ ý đồ của anh mà.

Biết Nguyễn Em là người nhạy bén, tôi bảo:

- Kệ họ hiểu sao cũng được. Bây giờ họ không hiểu thì sau này có lúc họ hiểu, hay họ cố tình không hiểu cũng được. Anh nhớ tôi làm việc luôn luôn có suy nghĩ, có kế hoạch và lập trường. Đến nay hơn một năm ở lò gạch rồi, tuy anh ở Bình Định nhưng anh hiểu tôi rồi đó.

Nguyễn Em cười:

- Chẳng những hiểu mà còn phục anh nữa. Anh em tôi thường nghĩ về anh và tất cả đều kính anh, bên ngoài anh như một nhà tu mà bên trong anh kinh khủng.

Từ khi lò gạch vượt chỉ tiêu không khí có phần dễ chịu hơn. Ngày nào ban giám thị cũng ra lò gạch chuyện trò vui vẻ. Giám thị trưởng gặp tôi đưa cho tôi một gói thuốc rê to bằng cái

bát gói giấy báo cẩn thận, nói:

- Anh cầm mà hút, đây là cây nhà lá vườn. Vợ con tôi trồng tự túc ở nhà, hút không hết còn thừa đem bán ngoài chợ. Anh đừng ngại gì hết, anh là ngụy quân ngụy quyền nhưng đảng chỉ đánh người chạy đi, không đánh người chạy về, anh an tâm học tập cải tạo tốt, lao động tốt, anh đã chỉ huy anh em vượt chỉ tiêu và phẩm chất gạch ngói ở đây đứng nhất toàn quốc, chỉ đạo ở trên phát huy ưu thế của chúng ta nên tôi rất mừng đây là chiến thắng lớn. Đại hội toàn đảng năm nay chắc chắn là trại cải tạo của chúng ta sẽ được phát huy. Tuy vậy đừng chủ quan khinh địch, chúng ta phải nắm vững phương châm xã hội chủ nghĩa ưu việt tiến lên.

Thấy giám thị trưởng cho tôi thuốc lá, nói chuyện thân mật, cán bộ Chạy càng bức nhưng không biết làm cách nào để trị tôi.

Nguyên từ ngày tôi không chịu ký biên bản, cán bộ Chạy và một số cán bộ “trung cấp” ở đó cho là tôi chỉ lấy lòng cấp trên và khinh thường họ. Thêm vào đó, vụ Tôn Thất Tùng vượt ngục khiến cán bộ Chạy để ý nhiều đến tôi, cho vài anh em theo dõi. Một anh ở Bình Định, tên Thanh ra lò gạch gặp tôi, nói nhỏ:

- Anh coi chừng, ông Chạy đang theo dõi anh, cẩn thận lắm mới được. Bọn em đang lo cho anh, đừng nói với bất cứ ai việc em nói tin đó cho anh.

Tôi đáp:

- Cảm ơn Thanh. Em cho tôi biết là điều quý hóa, tôi luôn luôn mang ơn em. Nhưng tôi có làm gì đâu mà sợ. Biết mình có tội lỗi nhiều với cách mạng nên chỉ cố gắng học tập để trở thành người lương thiện, được về với gia đình đang đói khổ ở ngoài.

Thanh ngắt lời tôi:

- Đối với em mà anh nói kiểu vậy sao? Lâu nay em rất mến anh, hiểu anh dù không dám liên hệ nhiều. Trên rừng, bọn em đồn củi xong ngồi nghỉ ngơi uống nước hút thuốc, thường nói về anh và kính phục anh. Anh em vẫn nói nếu anh không làm đội trưởng thì anh em làm gì có nước lọc để uống, làm gì được chỗ ở sạch sẽ thế này, nhất là thăm nuôi dễ dãi và được nhiều lần bồi dưỡng.

Tôi vội nói:

- Thế là đủ rồi, ý tại ngoại ngôn. Thôi cảm ơn em, về đi, nếu ai hỏi thì nói đi ngang anh gọi xin điều thuốc.

Lúc bấy giờ thực sự tôi lo lắng nhiều, vì cán bộ Chạy luôn

theo sát và nếu dùng nhiều người đếm kỹ thành phẩm thì tôi kẹt kinh khủng. Hoàn cảnh thật bất lợi, đúng hơn là rất nguy hiểm cho tôi. Dem sự lo lắng bàn với Lê Vinh Thiều, anh chậm rãi vừa uống trà vừa nói:

- Mày chỉ còn một cách “tam thập lục kế”...

Tôi ngắt lời gấp:

- Im, đừng nói ý đó. Cực kỳ nguy hiểm với hiện tình. Có dịp khác tôi sẽ nói với anh sau, cố nhiên là không có việc gì tôi không nói với anh dù anh phản đối tôi cũng nói.

Rồi tôi tiếp:

-Thực tế bây giờ thì cán bộ Chạy ghét tôi, rất bất lợi cho tôi là việc thứ nhất. Việc thứ hai, phải làm sao dù cả trại ra kiểm số gạch ngói vẫn không biết ý đồ giả tạo của mình, anh hiểu ý tôi rồi chứ.

Lê Vinh Thiều trả lời:

- Thánh cũng không kiểm tra nổi số gạch ngói ở đây, vì từ lâu mày đã sửa sổ sách lộn xộn theo ý mày, nó luôn luôn phù hợp số xuất và số tồn. Nếu đếm và đếm được thì theo tao, gạch ngói dư chứ không thiếu vì mày đã đưa cao con số xuất và phé phẩm nhiều quá. Vả lại, bọn chúng là một lũ vừa lười vừa dốt thì làm sao kiểm tra được. Mày thấy không, thằng Hùng cán bộ kế toán ban đầu ra đây vênh vênh vào vào cái mặt đi kiểm tra, nhưng mày đã đưa nó vào mê hồn trận của kế toán ma, nó không biết đường nào mò, đành đầu hàng bằng cách xin con số kết quả cho phù hợp với cái sổ theo ý muốn của mày. Nếu là tao hoặc một tay kế toán rành của chế độ cũ, có học hành đàng hoàng, thì mày chết từ đời nào rồi.

Giám thị trưởng nhiều lần dặn tôi:

- Bọn nó ⁽⁸⁰⁾ bảo mua ngói, nhất định anh không cho một viên. Bọn nó bảo anh em toán củi vào rừng đốn gỗ quý cho nó làm nhà, nhất định anh không cho anh em đi. Anh nói thẳng với bọn nó rằng tôi, giám thị trưởng ra lệnh như vậy. Rõ chưa? Nếu anh nghe bọn nó thì tôi phạt anh đấy.

Tôi đáp:

- Dạ, tôi luôn luôn tuân lệnh ban giám thị.

Ông cười đáp:

- Đời tôi, tôi ghét bọn ỷ thế cậy quyền ép người dưới làm

⁽⁸⁰⁾ Chỉ đám cán bộ.

bậy. Tôi theo cộng sản cũng vì căm ghét bọn xã áp hương lý ăn trên ngồi trước xem dân như chó lác, muốn làm gì thì làm. Ngày nay cách mạng đã thành, nhưng tệ đoan đó đâu có hết. Nói giầu gì anh, nhiều lúc tôi cũng muốn về hưu cho khuất mắt, chẳng lẽ than thở với anh là người đang cải tạo, nhưng tôi hiểu anh là người đảng hoàng, tôi có biết qua việc của anh làm trong chế độ cũ, tội ác cũng có mà vì dân nghèo cũng có, nên tôi mới thổ lộ lòng tôi cho anh rõ. Các ông thấy ở Qui Nhơn, Đà Nẵng, nhiều nơi nữa, cán bộ đua nhau kiếm ăn làm giàu quên mất việc học tập Đảng, đâm ra sốt ruột, bất mãn rồi cũng đua nhau mua gạch giá rẻ ở đây về bán lại, hoặc chở gỗ tốt ở đây do tù đốn về làm nhà, biểu xén cấp trên, hoặc bán kiếm lời. Ngày nào tôi còn ở đây, tôi tuyệt đối cấm các việc bá láp đó. Anh hiểu chưa?

Không biết thực tới mức nào, nhưng từ những lời có tính tâm sự của một cán bộ già, thật lòng tôi quý mến đáp:

- Cảm ơn ban, tôi hiểu và cảm thông tâm trạng của ban là người suốt đời hi sinh cho cách mạng, cho tầng lớp vô sản, nhưng cuối cùng lại nhận những phũ phàng của thời cuộc. Tôi hiểu sâu sắc tâm can của ban, tôi chia sẻ nỗi niềm ấy, nhưng vì là người của chế độ cũ tôi không dám nói ra.

Mặt ông đỏ gay. Ông lấy tay dụi vào mắt rồi đưa tôi bao thuốc Vàm Cỏ còn vài điếu, vừa nói vừa quay đi:

- Anh cầm lấy hút, nhẹ quá tôi hút không được.

Điếu Vàm Cỏ thơm và ngon quá, lâu lắm rồi tôi mới có điếu thuốc thơm. Nhìn người cán bộ già, lưng hơi còng, chậm chậm khuất dần trong bờ mía, tôi thương cho một người trệt đường không còn cách quay lại, phải cứ thế đi dần vào bóng tối triền miên. Còn tôi đang đi vào ngõ chết.

Sáng hôm sau, cán bộ Chạy tìm tôi cười có vẻ hớn hờ, mời tôi điếu thuốc rê và nói:

- Mai có xe của trại đến, anh xuất cho tôi hai ngàn viên ngói tốt nhé, về lợp nhà. Tôi mới làm cái nhà cho vợ con ở. Anh nhớ miếng nào rạn nứt hoặc cong queo đừng đưa lên xe.

- Dạ, con số chính xác là bao nhiêu để tôi ghi vào sổ.

Suy nghĩ một chút ông ta đáp:

- 1850 miếng ngói lợp, 20 miếng ngói úp nóc, đúng với biên lai đây.

Ông rút trong cặp đưa tôi xem để ghi vào sổ. Tôi lựa ngói tốt cho ông đúng con số ghi trong biên lai, chỉ thêm mười miếng

phòng khi chuyên chở có thể bị bể. Tôi làm hơi quá đáng và cũng muốn chọc tức ông vì chính ông là cán bộ coi lò gạch mà không có chút quyền hành gì về việc xuất ngói, kể cả cho ông. Tôi biết ông bực lắm nhưng chính giám trị trưởng đã dặn tôi về việc xuất ngói bán cho cán bộ không được thêm một miếng dù họ năn nỉ hay bắt buộc. Nhưng cán bộ khác mua ngói tôi thường thêm cả trăm viên nếu họ mua cỡ một ngàn viên. Có những cán bộ sau khi chở ngói về nhà trở lại gặp tôi cảm ơn vì tôi đã cho thêm hàng trăm viên dù họ không xin. Cũng có những cán bộ tìm tôi năn nỉ:

- Anh giúp cho tôi, vì lần đầu tiên trong dòng họ, tôi là người có nhà ngói. Máy đời đi ở đợ là cố nông, nay may mắn tạo được cái nhà ngói, nhưng thiếu thốn đủ thứ, anh giúp cho hai trăm viên để tôi lợp cho đủ.

Nghe tôi kể các chuyện như vậy, Lê Vinh Thiệu bảo:

- Thật ngược đời. Bọn nó cán bộ, kẻ thắng trận, lại năn nỉ mày, thằng tù, xin từng viên ngói để lợp nhà, xem mày như ông chủ tư bản. Đấy, mày thấy chưa, khi cần chút lợi lộc là người ta sẵn sàng quì xuống ngay. Tư hữu nó mạnh như vậy đó, đéo mà thực hiện xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa được. Các danh từ đao to búa lớn chỉ để phỉnh bọn bản cố nông làm bia đỡ đạn, làm gạch lót đường. Hễ đưa nào ngói đầu lên được thì nó đá đít bọn vô sản ngay để nó chen lấn bước lên bậc thang tư hữu.

KẾ HOẠCH A VÀ B

Thương tiếc cho các anh định vượt ngục bị bắt, nhưng tôi chê trách sự trống trải và thời gian chuẩn bị vượt ngục lâu quá. Tiếc rẻ về sự thất bại của anh em, tôi nghĩ vượt ngục mà y như đi cắm trại! Phải đợi đủ lương thực đủ đồ dùng mới ra đi. Anh Tùng có học mà quên yếu tố tâm lý chờ đợi lâu, đầu óc căng quá, nhiều khi xảy ra ý tưởng ngược lại. Vì chờ đợi lâu nên có thì giờ cân nhắc đi cân nhắc lại nhiều lần có thể sinh nhút nhát, do đó rất dễ thay đổi ý kiến. Hoặc trong lúc chờ đợi, viết thư cho vợ con, khi hạ bút thì cảnh bi thảm của gia đình hiện lên nếu ra đi thất bại bị bắn chết chẳng hạn... lá thư như lá thư tuyệt mệnh, lá thư cuối cùng nên quá xúc động khiến người bạn thân, người nằm gần bên dễ nhận thấy. Hoặc dặn dò người bạn thân những lời cuối cùng trước khi ra đi, lại thêm một ngõ lộ bí mật v.v...

Rồi tôi thấy không khí ở lò gạch căng thẳng do cán bộ Chạy lúc nào cũng hằm hằm, nhưng lại là lúc rất thuận lợi cho việc tổ chức vượt ngục, vì mọi người đều nghĩ sau cuộc đổ vỡ như vậy không còn ai dám lo vượt ngục nữa. Tôi nghĩ cần lợi dụng cơ hội tốt đó và bàn với Trần Văn Hưng. Hưng là giáo sư triết học trường trung học Quảng Ngãi, rất thông minh, vui tính và tinh thần chống cộng sản rất cao. Thân phụ anh bị cộng sản hạ sát nên mối thù đó không bao giờ nguôi. Anh gầy ốm nhưng lạnh lẽo và gan lì. Anh cũng là giáo sư triết học Quảng Ngãi Nghĩa Thục và là người tôi rất mến. Tôi tin tưởng anh, không ngần ngại đem việc vượt ngục bàn với anh. Vừa thấy tôi, Hưng nói:

- Anh có vẻ dăm chiêu, hình như có cái gì bất ổn?

Tôi cười:

- Giáo sư triết học đoán trật rồi. Tôi không có gì bất ổn, chỉ đói quá thôi. Nhưng đói còn chịu được chứ thiếu thuốc hút, thì thảm quá nên mới đến Hưng xin viện trợ.

Hưng cười đưa tôi nắm thuốc rê. Hai anh em ngồi hút thuốc nơi vắng vẻ, tôi vào đề:

- Hưng nghĩ thế nào vụ vượt ngục vừa rồi?

Hưng trả lời ngay không dừng một giây phút:

- Rất hào hứng, tôi phục anh em Bình Định, họ hiền lành ít nói, không gây sự như anh em khác nhưng khi hành động họ làm rất ngoạn mục, rất tiếc họ bị phản bội.

Tôi hỏi:

- Hưng có thấy anh em đó sơ sót chỗ nào không?

Không đợi Hưng trả lời, tôi nói tiếp:

- Các anh ấy rất can trường, đóng kịch giỏi che được mắt cán bộ, nhưng anh Tùng tuy lớn tuổi mà thiếu kinh nghiệm về đi trốn. Theo tôi, thời gian chuẩn bị không được kéo dài, không tổ chức nhiều người, càng ít càng tốt, phải nhẹ nhàng không nên chuẩn bị công kênh. Ví dụ định đi năm người nhưng hai người chuẩn bị đến phút chót mới tin cho ba người kia, không để họ kịp suy tính gì hết. Có thể mới khỏi bị lộ. Anh em toán củi chuẩn bị lâu quá, gần một tháng trời, vì căng đầu óc quá nên mới có chuyện tâm sự với bạn thân dẫn đến bị lộ.

Hưng nói:

- Anh nói đúng, đông người quá dễ bị lộ, hơn nữa phải chọn người kín đáo liều lĩnh, người dám đi, dám tàn nhẫn khi

gặp bất trắc, năm mươi chết, năm mươi sống, không thể lộ với ai dù là bạn thân nhất.

Tôi vào ngay vào điểm chính:

- Không vòng vo dông dài nữa, tôi hiểu kỹ Hưng nên đến đây rủ Hưng trốn trại chứ không phải đến xin thuốc.

Hưng ngạc nhiên ngồi xồm dậy hỏi:

- Anh định thật à? Từ lúc bị bắt đến giờ tôi luôn có ý trốn, nhưng chưa gặp lúc thuận tiện, hơn nữa chưa biết trốn rồi đi đâu, làm gì. Thật phức tạp nếu chưa biết chắc sẽ làm gì, sinh hoạt ra sao, sau khi vượt ngục thành công.

Tôi đưa tay ngắt lời Hưng:

- Nếu Hưng đồng ý tôi mới nói tiếp, nếu không, xem như không có buổi gặp gỡ này. Thành Chạy có hỏi nhớ nói tôi đến xin thuốc và hỏi thăm việc bà già Hưng đau nặng.

Hưng trả lời chắc nịch:

- Tán đồng ý định của anh nhưng anh cho biết kế hoạch để tôi góp ý cho kết quả một trăm phần trăm, đây là việc chết sống không sơ sót được.

Tôi chậm rãi trả lời:

- Không chi tiết dông dài, có hai chương trình gọi là A và B, gặp cái nào mình làm cái đó. A là chương trình đi phép như một số anh em lâu nay đã đi rồi mình không trở lại. Chương trình này chỉ một mình tôi hoặc một mình Hưng mà thôi nhưng phối hợp được hai thì tốt. Chi tiết mình sẽ bàn sau. Chương trình A rất dễ dàng không nguy hiểm, nhưng mình không chủ động vì phải chờ ban giám thị cho phép. Chương trình B là chương trình do mình chủ động, chuẩn bị bằng rừng hướng về quốc lộ 19 rồi đi Sài Gòn. Chương trình này nguy hiểm, gian khổ đủ thứ.

Hưng đồng ý với tôi về cả hai chương trình và bắt đầu tiến hành ngay. Tôi đi gặp Nguyễn Em, toán trưởng toán củi, là người mà tôi rất tin nhiệm. Sau vài câu hỏi thăm vớ vẩn, tôi vào ngay vấn đề:

- Tôi tin anh, biết anh không bao giờ phản bội nên trình bày với anh một việc quan trọng.

Nguyễn Em vẫn làm lì, không một nét ngạc nhiên, nhỏ nhẹ hỏi:

- Có việc gì anh cứ nói, giúp được anh điều gì tôi sẵn sàng giúp miễn là điều tôi có thể làm được.

Tôi tiếp:

- Anh có thể dẫn tôi và một người nữa, tôi sẽ nói sau, bằng núi rừng về quốc lộ 19?

Câu nói nặng như ngàn tấn dội lên đầu Nguyễn Em. Anh nín thở, mím môi, nét mặt xanh nhạt trả lời gọn:

- Được!

Một tiếng “được” chắc nịch như mũi dao đâm thẳng vào tim tôi làm tôi đứng phất dậy ôm lấy anh ta, cười nói:

- Anh hùng! Quả anh là anh hùng, tôi đã đoán biết được từ ngày mới đến lò gạch.

Tôi nói tiếp:

- Thôi, anh về đi. Nếu thằng Chạy có hỏi anh bảo ra gặp tôi để báo cáo khu đồn củi trên rừng hết củi khô rồi kéo nó nghi mình bàn chuyện phản động.

Nguyễn Em cười, chậm chạp bước về phòng, vừa đi vừa nói:

- Chờ lệnh đại ca đấy.

Nguyễn Em nhận lời khiến tôi phấn khởi, tưởng như được tự do một nửa rồi. Tôi chưa vội nói với Hưng việc gặp Nguyễn Em, vì để Hưng cũng tìm một người rồi chúng tôi bàn định. Thực sự tôi hơi ngại về sức khỏe của Hưng vì anh ốm yếu, đau bao tử, tuy rất thông minh, lạnh trí, nhiều mưu kế trong khi gặp khó khăn bất trắc. Bởi vậy chúng tôi tiến mạnh kế hoạch A vì dễ thực hiện. Tôi định lần này gặp giám thị trưởng, tôi sẽ xin phép về thăm mẹ già đau yếu. Tôi hi vọng được ông đồng ý vì một số anh em đã được về thăm gia đình. Riêng anh Đặng Hai đã về ba lần để thăm và mua máy móc dụng cụ làm gạch ngói. Tôi đem kế hoạch A bàn với Lê Vinh Thiệu. Anh đỏ mặt phản đối:

- Không được, nếu mày không lọt thì sẽ bị xử bắn chứ không như bọn hình sự hoặc những anh em khác. Bọn nó sẽ kết tội mày mấy lâu nay tích cực làm việc, tôn trọng nội qui... là nguy trạng che mắt chúng nó. Mày là thằng trí thức mà sao không hiểu chữ “thời” chữ “thế”. Hiện nay dân chúng còn hoan hô cộng sản tức là còn có người cộng tác với bọn nó, tự nhiên biến thành một mạng lưới “công an nhân dân” làm sao mày lọt được. Thời trước 1975, nhất là thời Pháp thuộc, vượt ngục tuy khó mà dễ. Khó ở chỗ làm thế nào ra khỏi bờ tường nhà lao luôn có lính gác đêm ngày, tường cao dày, hào nước rộng xung quanh, nhưng dễ là khi ra khỏi nhà tù là kẻ như tự do vì không ai tố cáo, vì ở xã hội mặc ai nấy sống, ít ai xen vào cuộc đời người khác. Nay

mày vượt ngục dễ mà khó. Dễ ở chỗ nhà tù canh gác sơ sài, cho đi lao động, lại có lao động tự giác không cần người canh gác và có khi được về thăm nhà, nhưng rất khó vì thoát ra ngoài rồi đi đâu, ai dám chữa. Dân họ thấy người khả nghi là báo cáo công an xã ấp hoặc chính họ bắt có khi. Theo tao mình gắng nhẫn nhục chịu đựng rồi cũng có ngày về. Thực sự về lúc này mình tránh được cái bộ mặt hắc ám ở đây thì gặp nhiều bộ mặt hắc ám dễ ghét ở xã ấp có khi còn khổ hơn ở đây.

Biết anh không đồng ý, tôi lảng qua chuyện khác, chờ có dịp sẽ bàn lại, nếu không, đợi đến ngày cuối cùng, anh là người duy nhất tôi cho biết, và nhờ anh giúp cho khi chúng tôi ra khỏi trại cao bay xa chạy. Tôi thản nhiên đáp:

- Nói cho vui vậy thôi chứ mình lớn tuổi rồi, mấy năm đói quá, sức mòn lực cạn đi không nổi nói chi đến chạy mà là chạy trốn nữa.

Lê Vinh Thiệu cười:

- Ít nhất mình cũng phải “tri kỷ tri bỉ” chứ !”.

Tôi vừa đốt điếu thuốc nói:

- Nói chơi chứ đừng nói với ai nhé cha!

- Tao chưa lần mà.

Thực ra điều Lê Vinh Thiệu vừa nói, tôi và Hưng đã cân nhắc kỹ lưỡng và cuối cùng đáp số vượt ngục vẫn là số dương, một việc phải làm nếu chậm sẽ mất cơ hội. Tôi nghĩ nếu bị đưa vào trại lớn thì không còn dịp may vì hết được tin nhiệm, bị theo dõi kỹ. Nay tôi được ban giám thị đánh giá là người cải tạo tốt, là người biết được tội lỗi quá khứ nên hối cải để trở thành công dân tốt của Xã Hội Chủ Nghĩa. Lợi dụng cơ hội này ra đi là thích hợp, là thuận lợi nhất. Tôi bàn với Hưng đừng để một điều gì dù nhỏ nhất, có thể gây nghi ngờ. Tôi bảo Hưng bớt suy nghĩ, bớt dăm chiêu và ít gặp tôi hơn. Hưng nhiều khi ngồi thừ người hàng giờ, chăm chăm nhìn vào tường như bị thôi miên, không biết đến người hoặc sự việc xung quanh. Tôi đề nghị Hưng chỉ nên dành sự suy nghĩ vào ban đêm trong lúc nằm chờ giấc ngủ, tránh sự chú ý của anh em.

Một buổi trưa chủ nhật, giám thị trưởng ra lò gạch gặp tôi và đi vòng vòng quanh trại. Ông bảo:

- Lò gạch nay lớn rộng, số cải tạo lên trên hai trăm mà giữ được gọn gàng sạch sẽ thế này là tốt quá. Tôi nói với các ông cố làm tốt ở trại Một, trại Hai mà các ông không làm được. Tôi cho

anh biết tôi về tỉnh họp rồi về thăm nhà một tuần hay mười ngày gì đó, trong lúc tôi vắng mặt, anh có gì có ông Chạy ở đây hoặc báo cáo ông Cầm tạm thay tôi.

Không bỏ lỡ cơ hội tôi vào vấn đề:

- Thưa ban trưởng, lâu nay tôi có ý định nhưng chưa dám trình bày.

Ông ngắt lời:

- Có gì anh cứ nói thẳng can chi mà ấp úng.

Tôi lễ độ đáp:

- Cảm ơn ban, vừa rồi gia đình anh em vào thăm nuôi có cho biết mẹ tôi đang đau nặng rất mong được gặp tôi. Bởi vậy kính xin ban làm ơn cho phép tôi theo xe về thăm bà già vài giờ rồi theo xe trở lại. Tôi sợ bị la nên ấp úng không dám nói, xin ban thông cảm.

Về mặt ông đang tự nhiên trở thành đăm chiêu, mắt như nhắm lại, chậm rãi từng tiếng, ông nói:

- Hoạ, tôi nghe mẹ anh ở thành phố Hồ Chí Minh mà!

Những tiếng chậm chắc nịch, lạnh ngắt như nước đá dội vào tôi làm tôi hơi mất bình tĩnh.

- Dạ, thưa ban, cả năm nay như ban biết tôi không có thăm nuôi, không được tin tức gì về gia đình nên tôi không rõ ở nhà như thế nào.

Tôi biết câu trả lời có vẻ thật thà tội nghiệp của tôi khó lướt được sự đa nghi của viên giám thị già đầy kinh nghiệm giữ tù. Ông nói:

- Thôi được, đợi tôi trở lại rồi sẽ tính. Anh cố gắng coi anh em đừng để họ làm bậy như bọn thằng Tùng, thằng Chương đấy nhé.

Tôi đáp:

- Dạ, xin ban tin tôi.

Tôi hơi loạng quạng, không hiểu do đâu giám thị biết mẹ tôi không còn ở Quảng Ngãi và đang ở Sài Gòn. Khi tôi ở nhà lao thị xã Quảng Ngãi, nhà tôi bị niêm phong, vợ tôi và bốn đứa con nhỏ bị đuổi khỏi nhà, phải tá túc bờ hè nhà bên cạnh, sau đó về quê phía vợ tôi, sống âm thầm tăm tối làm ruộng. Các em tôi ở Sài Gòn về đưa bà già rời Quảng Ngãi. Chuyện nhỏ nhặt và âm thầm như thế mà cũng đến tai giám thị, quả là đáng ngạc nhiên. Tôi hơi lo nếu ban giám thị biết cha mẹ tôi ở Sài Gòn mà tôi còn xin về Quảng Ngãi để thăm mẹ thì ban giám thị sẽ nghĩ

sao về sự thành thật của tôi. Đó là một trở ngại lớn cho kế hoạch A của tôi. Nằm thừ trên võng, tôi nghĩ liên miên về những việc vừa xảy ra và đang tìm cách lý luận cho ổn để tạo lại niềm tin tưởng thì Lê Vinh Thiều đến, nói:

- Mày bị cảm à, sao đừ người ra thế!

Tôi không nhìn anh, nho nhỏ đáp:

- Có lẽ khi hôm bị lạnh bây giờ đau cái đầu quá xá.

Lê Vinh Thiều cười đùa:

- Bình đông phong của Chu Du chứ gì?

Tôi xăng giọng:

- Lúc nào anh cũng đùa được, để tôi yên một chút.

Thiều tiếp:

- Hồi này thằng Chạy hỏi mày đâu, có người nói mày ở ngoài lò, tao thấy nó ra lò đi nửa đường nó quanh lại lên văn phòng. Theo tao linh cảm sẽ có chuyện gì không bình thường, tao nói cho mày biết vậy.

Đêm đó, trần trọc suốt đêm, ý nghĩ xáo trộn mãi trong đầu óc tôi. Cảm thấy phải nhanh lên, thời gian không chờ nữa, nhanh lên kẻo mất một cơ hội tốt, tôi đâm ra lo lắng. Khoảng 10 giờ sáng hôm sau, cán bộ Chạy tìm tôi bảo lên văn phòng có việc. Tôi biết có sự không lành xảy đến, vội đi gặp Trần Văn Hưng báo tin và dặn:

- Nếu tôi có bị gì thì Hưng cứ tiến hành A, B. Nhớ sống để bụng chết mang theo, không bao giờ cho ai biết.

Trần Văn Hưng đáp:

- Chắc ông Chạy sanh sự với anh rồi, thôi chúc anh gặp lành.

Tìm anh Thiều nhưng không gặp, tôi lên văn phòng cán bộ quản giáo Lê Văn Chạy. Có lẽ chờ tôi lâu quá, ông đỏ mặt hầm hầm quát lớn:

- Tôi tưởng anh chống lệnh không lên gặp tôi chứ.

Tôi bình thân xem như không có chuyện gì đáp:

- Tôi cần dặn anh em chụm lò phải un cho kỹ vì gạch không được khô, nếu un dối chụm thét thì gạch sẽ nổ và số hao tổn sẽ lên cao, cho nên lên đây hơi chậm, xin lỗi cán bộ.

Thấy tôi không có ý chống đối, ông dịu giọng, đẩy cho tôi xấp giấy trắng và cây bút chì gọt sẵn, nói:

- Ban giám thị ra lệnh anh tự kiểm thảo, anh ngồi đây không được ra ngoài, thành khẩn viết hết tội lỗi và tư tưởng

chống đối cách mạng của anh.

Quả nhiên việc chẳng lành đang đến nhưng tôi kéo ghế ngồi một cách tự nhiên và đồng dục đáp:

- Mấy năm nay tôi đã làm bản cung và ký bản cung mấy chục lần, còn gì đâu nữa mà nay bảo tôi kiểm thảo.

Cán bộ Chạy nổi nóng, mặt đỏ như gấc:

- Anh còn ngoan cố à, không thấy tội ác của mình à, nhất là trong những ngày gần đây, anh có tư tưởng chống đối cách mạng, hãy thành khẩn khai báo nếu không ban giám thị sẽ trừng trị anh.

Tự nhiên tôi thấy thích thú chọc tức tên cán bộ này nên đổi giọng cộc lốc không cần lễ độ nữa:

- Tôi có công chứ không có tội. Tôi đã đưa lò gạch từ chỗ dơ dáy lên chỗ sạch sẽ hợp vệ sinh. Tôi giữ anh em lao động tốt, nội qui tốt, chính giám thị trường đã tuyên dương lò gạch đứng nhất toàn quốc về vệ sinh ngăn nắp, sản xuất... nếu không phải tôi là đội trưởng thì làm gì có được thành tích tốt đẹp mà ông giám thị trường luôn luôn phát huy. Vậy, tôi có công, sao cán bộ gọi tôi có tội. Tôi yêu cầu cán bộ đi hỏi ban giám thị để biết rõ công của tôi.

Cán bộ Chạy run run tay quẩn điều thuốc, vội vã nói:

- Anh phải thành khẩn kiểm thảo, tìm kiếm tội ác của mình, bây giờ tôi phải đi họp, không nghe anh ngụy biện che đậy lỗi lầm.

Nói xong ông ra khỏi nhà.

Không cần suy nghĩ nhiều, tôi và một số anh em đã biết cán bộ Chạy không muốn cho tôi ở lò gạch nữa. Thứ nhất ông luôn mặc cảm tự ti vì biết chúng tôi khinh thường ông. Quan trọng hơn nữa là nếu tôi còn ở lò gạch thì cán bộ mất nhiều quyền lợi, ví dụ muốn mua gạch ngói giá rẻ, muốn ban phát ân huệ cho các cán bộ cùng phe sẽ bị tôi cản với lý do tuân hành lệnh của giám thị trường. Ông cũng không thể dẫn tù đi tìm gỗ quý ở rừng sâu vì tôi đã mấy lần cản điều này. Do vậy ông không muốn tôi ở lò gạch nhưng chưa có lý do gì để báo cáo lên ban giám thị. Nhân vụ anh em vượt ngục bị bắt, ông cố đẩy tôi vào thế giúp đỡ kẻ trốn trại, hoặc biết âm mưu này mà không ngăn chặn, hoặc ít nhất là bắt lực không theo dõi sát mọi người để có chuyện động trời như thế. Với những lý do như thế ông có thể trình lên ban giám thị không cho tôi ở trại tự giác nữa. Một số

anh em lên đi qua lại trước cửa nơi tôi ngồi để chia xẻ nỗi lo lắng của tôi.

Không thể để giấy trắng tờ ra khiêu khích quá, tôi đành ghi đại khái mấy điểm:

Tôi hoàn toàn không vi phạm lỗi làm, trái lại suốt thời gian dài ở lò gạch tôi đã thực hiện được các điểm sau:

1- Tổ chức một trại cải tạo vệ sinh rất tốt, từ việc đi cầu đi tiểu đến việc uống nước lọc đun sôi, việc ăn uống tuy còn thiếu thốn nhưng rất công bình.

2- Sắp xếp ngăn nắp, sạch sẽ rất lợi ích cho sức khỏe của cải tạo viên.

3- Giữ nội qui rất tốt và lao động sản xuất rất tốt.

Kết quả lò gạch đã được tuyên dương toàn quốc về các điểm trên.

Viết xong mấy điều như thế, tôi ký tên, bỏ tờ giấy trên bàn rồi về trại. Độ một giờ sau, cán bộ Chạy cho gọi tôi lên gặp ông. Ông làm bộ như không quan tâm đến việc này, chậm rãi nói:

- Anh về dọn đồ vào trại.

Thế là tôi phải vào trại Một.

Tính tới hôm đó, tôi ở lò gạch đúng hai mươi lăm tháng mười một ngày.

Sáng hôm sau, cán bộ Chạy gọi tôi lên phòng hỏi cung ở trại Một. Suốt ba chục phút, tôi không nói một tiếng dù ông la hét om sòm. Ông nhấn mạnh điểm cải tạo giả tạo, bảo tôi làm bộ ngoan ngoãn vâng lời ban giám thị nhưng bên trong luôn luôn chống đối cách mạng. Ông nói:

- Chính anh bảo các toán trưởng rằng trước cuộc họp anh kêu gọi cố gắng lao động nhưng anh em làm việc vừa vừa thôi, không đại gì mất sức. Anh dám chối không, chính anh toán trưởng nói, bạn với các anh báo cho tôi biết. Anh dám chối không, tôi kêu anh Chát lên đây để lời cái mặt phản động của anh ra. Dám chối không?

Ông la lớn như để kích tôi lên tiếng nhưng tôi vẫn im như không nghe thấy gì hết. Ông gầm tiếp:

- Anh còn nói nhiều nữa, anh nói với anh Chấn, toán bếp rằng Trung Quốc đang đánh ngoài Bắc và sẽ thắng, chịu khó ít bữa rồi về. Có không, dám đối chất không? Tôi kêu hai anh đó lên ngay đây để anh trả lời, dám không? Còn nữa, anh nói với anh Thạch, chê anh Tùng không biết cách trốn trại, nếu anh trốn

thì tròi bất cũng không được, có không? Dám đối chất không?

Tôi bực quá, vì tin tưởng anh em nên mới thổ lộ như vậy, không ngờ anh em lại báo cáo lên cán bộ Chạy. Tôi im lặng. Cán bộ Chạy bực tức la lớn:

- Anh dám đối chất không? Dám không?

Tôi vẫn không trả lời, nghĩa là không chịu đối chất, vì thực sự tôi có nói, chấp nhận thì chắc chắn tôi thua, và thực sự tôi cũng không muốn thấy mấy bộ mặt phản bạn.

Sau đó tôi đem chuyện này nói với anh em quen và rút kinh nghiệm là dù làm lợi cho anh em, khi cần chút lợi nhỏ anh em vẫn tố cáo nên thật khó lường đoán lòng người nhất là lúc gian khổ! Nếu cán bộ Chạy không thách thức đối chất, tôi cũng không bao giờ biết có số anh em ở lò gạch báo cáo những lời tôi đã tâm tình với họ. Tôi tin những anh đó là người đang hoang và những lời tôi nói có tính riêng tư như vậy thì trong suốt thời gian ở tù không có thể tiết lộ với ai. Vậy mà các anh đó báo cáo lên với cán bộ Chạy. Tới nay, tôi cũng không hiểu tại sao có hiện tượng như vậy.

BỊ KIỂM THẢO

Tôi vào trại Một được một tuần thì chuyển qua trại Nghĩa Điền cùng bốn người Thượng. Trói tay bốn người Thượng xong, đến tôi người cán bộ dừng lại như suy nghĩ rồi không trói. Có lẽ ông nghĩ tôi không có ý trốn trại. Đi ngang lò gạch, anh em dừng làm việc nhìn tôi có vẻ lo ngại. Anh Thiều đứng sững như tròi tròng, cặp mắt lủng tròng như anh đang khóc. Tôi gượng cười la lớn: *“Anh em ở lại mạnh khỏe.”* Từ đó, mãi mãi không bao giờ tôi còn gặp Lê Vinh Thiều, người bạn thân nhất đời của tôi, vì sau đó mấy năm anh qua đời.

Trại Nghĩa Điền cách trại Kim Sơn độ bốn cây số.

Trại này vẫn chịu sự kiểm soát của ban giám thị trại Một, trại Hai. Không còn là tù “tự giác” nữa, tôi trở lại như hầu hết anh em bị quản chế. Ban ngày lao động, ban đêm vào trại cửa đóng kín, mỗi người nằm độ nửa chiếc chiếu. Cố nhiên không còn được trồng rau tự túc hay trồng thuốc để hút và cố nhiên không được mua bán, nấu thức ăn, nhất cử nhất động đều chịu sự kiểm soát của cán bộ quản chế. Sau đó, có thêm một số anh em ở lò gạch chuyển qua Nghĩa Điền. Gặp tôi, họ kể lại những việc

xảy ra ở lò gạch sau khi tôi ra đi và thuật tỉ mỉ vụ tôi bị kiểm thảo. Đứng ra đây là một cuộc đấu tố tôi trong lúc tôi vắng mặt. Cán bộ Chạy rất hồ hởi phấn khởi khi tổng tôi ra khỏi lò gạch. Chạy tổ chức cuộc đấu tố tôi có ban giám thị chứng kiến. Để chuẩn bị đầy đủ ý kiến cán bộ Chạy kêu một vài anh em trong đó có Đặng Hai chỉ cho cách tố cáo tôi. Tập họp anh em, Chạy tuyên bố:

- Sẽ kiểm thảo Nguyễn Liệu, đội trưởng lò gạch, kẻ “cải tạo ném đá giấu tay”, bên ngoài giả vờ cải tạo nhưng bên trong cực kỳ phản động, chống phá cách mạng. Tôi bắt buộc tất cả không trừ người nào ai cũng phải có ý kiến xây dựng, bởi vậy cho các anh một tuần chuẩn bị đầy đủ để cuộc kiểm thảo có kết quả tốt. Tôi nói lại, tất cả không trừ một ai đều phải có ý kiến vạch trần những ý đồ chống phá cách mạng...

Chiều thứ bảy tất cả tù ở lò gạch tập họp đông đủ để tố tôi. Sau khi nói lý do buổi họp, anh Đặng Hai là người đầu tiên đứng lên tố tôi. Anh tả tỉ mỉ việc tôi bắn giết cộng sản như thế nào. Cố nhiên là anh bịa chuyện rất nhiều, anh mô tả như một cuốn phim giết người đại đề: *“Một buổi sáng anh Nguyễn Liệu, quận trưởng Mộ Đức, quận trưởng ác ôn nhất, nổi tiếng là người tàn sát cộng sản, đem một tù nhân ra một cái cầu vừa tối hôm trước bị du kích giật sập, trói vào cầu bằng dây kẽm gai và xử bắn. Người anh hùng trước khi chết còn hô to “Hò chủ tịch muôn năm, đảng cộng sản muôn năm”. Sau khi quận trưởng ra lệnh bắn, sáu người lính của quận quì xuống và cùng nổ dòn vào người chiến sĩ cách mạng. Dân chúng vì sợ quận trưởng ác ôn nên ra xem rất đông, nhưng ai ai cũng thương xót kính phục người anh hùng liệt sĩ và oán hận không ra lời tên quận trưởng tàn bạo Nguyễn Liệu.”* Vừa mô tả một cách thảm thương, Đặng Hai vừa chảy nước mắt ròng ròng. Cả phòng im phăng phắc. Cán bộ Chạy mặt đỏ phừng phừng uất hận, la lớn: *“Đã đảo bọn Mỹ-Ngụy ác ôn, đã đảo bọn tay sai Mỹ-Ngụy...”* Không ai hô theo, trừ Đặng Hai. Anh em phân lớn ngó xuống đất để chịu đựng không khí nặng nề. Cán bộ Chạy lên tiếng:

- Đây là lúc thực tế nhất chứng tỏ các anh có tiến bộ hay không, có đủ can đảm vạch trần tội ác Mỹ - Ngụy hay không. Không có Nguyễn Liệu ở đây, các anh không sợ trả thù hãy mạnh dạn tố cáo tội ác của tên Liệu.

Không khí vẫn im lặng nặng nề, không một người nào phát biểu. Cán bộ Chạy không ngờ qua sự mô tả một cách rõ ràng và

tàn ác dã man về vụ sát hại “*một chiến sĩ yêu nước*” mà tất cả vẫn thản nhiên như không, buộc ông phải kêu tên từng người đứng dậy phát biểu. Phần đông anh em bảo vì xa cách nên không rõ hành vi tội ác của Nguyễn Liệu. Một số anh em không biết nói gì cứ lặp đi lặp lại vì không ở gần nên chỉ nghe người ta đồn Nguyễn Liệu tàn sát cộng sản quá nhiều và nếu vậy là sai. Anh Chấn toán trưởng toán bếp phát biểu: “*Một buổi sáng, anh Liệu vào bếp nói nhỏ vào tai tôi là Trung quốc đang đánh mạnh ngoài Bắc, chắc chắn mình sẽ về nay mai, anh còn dặn đừng nói với ai điều này*”. Nguyễn Thạch, đội trưởng thế tôi, phát biểu: “*Anh Liệu quá khôn khéo, làm vừa lòng ban giám thị, anh ta bảo sản xuất vượt chỉ tiêu nhưng mấy tuần nay tôi dò sổ sách, tôi và cán bộ Hùng cán bộ kế toán của ban giám thị như vào mê hồn trận, không biết đâu mà mò, không biết đâu mà tính, mà kiểm soát hư thật như thế nào, tôi có bảo các toán trưởng kiểm kê kỹ về gạch ngói, củi, số đã xuất, số mới nhập, số phế thải... các toán trưởng cũng không biết đâu mà tính và cho biết mỗi buổi tối chỉ báo cáo miêng với anh Liệu số sản xuất hàng ngày rồi anh Liệu ghi vào sổ. Theo tôi bây giờ có thánh cũng không kiểm soát được, rốt cuộc anh Liệu suốt hai năm ở đây đã dối trá báo cáo láo lên ban giám thị và ban giám thị dựa vào đó hồ hởi phần khởi báo lên cấp trên để được ban khen*”.

Cả hội trường cười. Cán bộ Chạy bực tức quát:

- Cười cái gì, các anh vui à? Không ý thức gì hết, trước tội ác của Nguyễn Liệu ở quá khứ và hiện tại lừa dối ban giám thị, lừa dối cách mạng mà các anh cười à!

Sau đó cán bộ Chạy chỉ định những người mà ông biết là quen thân với tôi nói:

- Bây giờ đến phiên anh Thiệu phát biểu. Cả mấy tiếng đồng hồ anh ngồi câm như hến, anh cố bao che tội ác của bạn anh. Anh là người cùng tỉnh, cùng quê quán, anh tố cáo tội lỗi của Nguyễn Liệu cho cuộc họp rõ.

Lê Vinh Thiệu thản nhiên nói đại để:

- Thừa cán bộ, thừa anh em, tôi là người quen thân anh Liệu lúc mười tuổi. Tôi biết rõ gia đình thân thế và con người Nguyễn Liệu. Cán bộ ra lệnh tôi phải phát biểu tôi tuân lệnh, có mấy ý kiến. Thứ nhất Nguyễn Liệu là người có công với anh em ở đây chứ không có tội. Một đội trưởng can đảm thẳng thắn lên ban giám thị xin cho anh em được ở với gia đình một đêm hay

một ngày, xin ban giám thị cho anh em được mua thịt cá bồi dưỡng là có tội à? Tôi xin phép cán bộ hỏi anh em ở đây, Nguyễn Liệu tổ chức uống nước lọc đun sôi để cho anh em tránh bệnh tật, là có tội à? Nguyễn Liệu xin đất cho anh em trồng rau cải thiện, kiểm soát nhà bếp để chén cơm anh em đầy hơn, đồ ăn khá hơn là có tội à? Nguyễn Liệu bắt anh em không được đi ỉa bậy đái bậy để trại khỏi hôi thúi như lúc chúng tôi mới tới đây, đó là tội à? Nguyễn Liệu bắt anh em giữ chỗ nằm gọn gàng sạch sẽ ngăn nắp, Nguyễn Liệu trồng bông hoa tươi tốt xung quanh trại là một cái tội à? Nguyễn Liệu thường nhắc nhở anh em càng khổ càng giữ tư cách và anh em đã làm cho các trại khác kính nể vì không ăn cắp vặt, không đánh lộn...đó là tội à? Thưa cán bộ, vì cán bộ ra lệnh tôi phải nói, qua việc anh Đặng Hai tả tỉ mỉ Nguyễn Liệu bán chiến sĩ du kích, tôi lấy làm lạ vì tôi ở cùng một quận, cùng một làng, một thôn với Nguyễn Liệu mà không biết chuyện ấy, trái lại anh Đặng Hai ở khác quận, khác làng mà rõ mồn một việc Nguyễn Liệu làm, tôi xin cán bộ sáng suốt xét lại thử việc báo cáo của anh Đặng Hai đúng, hay vì lý do gì khác. Tôi và một số anh em thân quen Nguyễn Liệu chưa bao giờ nghe Nguyễn Liệu nói chính trị trong trại cải tạo, trong khi đó anh Chấn nhà bếp là người ở Bình Định chưa bao giờ biết Nguyễn Liệu thế mà Nguyễn Liệu lại nói chính trị, lại là chính trị phản động với anh Chấn. Điều đó trái với tự nhiên quá, xin cán bộ xét lại. Theo tôi, Nguyễn Liệu là người có học không bao giờ nói bậy bạ với các toán trưởng là “*đừng đại đột lao động nhiều*” để cho có người đi báo lại cán bộ. Thưa cán bộ, tôi mong cán bộ xét lại những điều đã tố cáo Nguyễn Liệu, có như vậy mới rút ra bài học chân thực giá trị. Tôi xin hết.

Cán bộ Chạy trưởng Lê Vinh Thiều cũng như anh em khi bị chỉ định phát biểu thì nói chung chung cho có chuyện không ngờ Lê Vinh Thiều lại bình vực tôi. Lời nói giản dị rõ ràng, dẫn chứng cụ thể hợp lý hợp tình làm cho cán bộ Chạy không kịp đối kháng. Ông vội vã nói:

- Anh Thiều nói rồi, còn anh Sang nữa người biết nhiều về anh Liệu.

Anh Thạnh toán trưởng toán lò lẽ phép thưa:

- Thưa cán bộ, anh Sang đang canh lửa ngoài lò, cán bộ có cần gọi anh vào không?

Suy nghĩ một chút Chạy đáp:

- Thôi được, để ảnh coi lò.

Sau này, anh Thạnh cho tôi biết không phải ca của Sang coi lò, nhưng anh xin thế ca để tránh khỏi phải trực tiếp kiểm điểm tôi. Sang thật là khôn.

ĐẾN TRẠI XUÂN PHƯỚC

Như thường lệ, khoảng một giờ tập hợp đi lao động buổi chiều. Tôi có tên trong danh sách không đi lao động, ở lại để chuyển trại. Tôi vừa buồn vừa mừng. Buồn vì xa anh em đã ở chung tù lâu. Mừng vì may ra gặp nhà tù mới khá hơn, nhất là tránh được các bộ mặt hắc ám dễ ghét của cán bộ Quảng Ngãi. Người buồn như muốn khóc là anh Hoàng Ngọc Uẩn, một công chức người Huế làm việc ở Quảng Ngãi trên hai mươi năm nên tôi quen biết anh từ lâu. Vào tù ở chung lò gạch, sang trại Nghĩa Điền, tôi nằm bên cạnh anh. Anh tuổi đàn anh của tôi, rất hiền lành, tôi chưa bao giờ thấy anh giận ai. Phòng tôi ở khoảng năm chục người. Tất cả đều xúc động khi biết tôi phải đi trại khác. Trong tù, nhất là tù cộng sản, mỗi lần chia tay chúng tôi có cảm tưởng không còn bao giờ gặp nhau nữa, mỗi lần ra đi là vĩnh biệt, nên ai nấy đều bùi ngùi. Anh em góp tiền cho tôi tới một trăm năm chục đồng — lúc ấy một đồng mua được hai nải chuối. Anh em bày cách giấu nhưng cuối cùng tôi vẫn bọc trong túi và hi vọng đến trại mới dễ dãi hơn may ra mang theo được, nhưng khi đến nơi, tôi tuân hành nội qui, nộp cho cán bộ ở trại. Tôi nhớ có anh Trần Ngọc Ảnh người Quảng Ngãi, tuy ở khác phòng nhưng mền tôi nên cho tôi đến mười đồng, nhiều hơn những anh em khác. Lúc ấy, nhất là trong tù, số tiền rất lớn đối với tôi và đã nói lên tình cảm của anh em dành cho tôi.

Dù qua trên hai mươi năm rồi, tôi còn nhớ rõ buổi chiều thật buồn hôm đó. Chúng tôi hai mươi bảy người, dây dừa cột hai cánh tay ra phía sau và người này dính với người kia. Khó khăn lắm chúng tôi mới leo được lên xe vận tải. Anh em cả trại bất kể nội qui đều đưa tay vẫy chào từ giã. Tôi muốn rơi nước mắt dù rất muốn rời trại này, vì nghĩ đi trại khác có thể tốt hơn, tệ lắm thì cũng chỉ như trại này, nhất định không thua. Thật lạ, tù là nơi thê thảm nhất ai cũng muốn xa, muốn rời nhưng khi xa nó vẫn cảm thấy buồn buồn.

Năm năm rồi bây giờ chúng tôi được xuống đồng bằng.

Chiếc xe hí hục vượt suối đổ dốc rồi lại vượt suối đổ dốc. Chúng tôi khi dồn về bên trái, khi đổ về bên phải như xem tuột xuống hố. Núi non sừng sững. Rừng cây xanh rì tiếp nối, không một bóng người. Tôi nhớ cũng trên con đường núi hiểm hóc này năm năm trước từ nhà lao Quảng Ngãi lên, xe chạy khỏi đồng lúa xanh rì bò lên dốc bên các con suối của dải Trường Sơn lần đầu tiên tôi thấy tận mắt, trong cái tâm trạng lo âu. Bây giờ trên con đường gập ghềnh hiểm trở này, nhưng ngược chiều, chiếc xe cũ kỹ già nua, tận tụy cẩn thận từng bước khi đổ những cái dốc dữ dội, chúng tôi cảm thấy vui vui vì càng lúc chúng tôi càng thấy gần cuộc sống, gần con người hơn. Bên đường núi đã thấy lơ thơ những chòi đơn sơ của người Thượng. Một ông già ngồi ở cửa nhìn ra im lặng như pho tượng, một đứa bé không áo quần đang bò lê lét trước nhà. Nhìn cảnh đơn sơ này, tự nhiên tôi thèm được như ông già Thượng im lặng đó vì dù sao ông đang sống, đang có tự do hơn chúng tôi. Tôi lại nghĩ đến cha mẹ, vợ con tôi không biết bây giờ như thế nào. Tôi đang miên man về bức tranh gia đình, xe đã xuống đường bình và êm ru quanh co trên con đường có trải nhựa.

Chiếc xe như vui hơn vì đã dùng sức quá nhiều từ đỉnh cao của Trường Sơn xuống đồng bằng an toàn. Nhà cửa nhiều hơn và tôi đã thấy một trường học có lẽ là trường tiểu học. Đám học trò đứng hai bên đường ngơ ngác nhìn chúng tôi. Có lẽ các em biết chúng tôi là ai do bị trói ké phía sau bằng dây dừa thô bạo. Đồng lúa xanh tốt hai bên đường như giúp chúng tôi hồi sinh. Chỉ mới năm năm mà tôi thấy như quá lâu, như qua một đời người rồi, vì cái gì cũng mới lạ cũng tái sinh. Trời ơi, quốc lộ, có phải quốc lộ 1 không? Anh em nhao nhao la lên. Một dải đen đậm vạch từ tầm mắt bên trái mắt hút ở tầm mắt bên mặt, khi thẳng khi cong giữa hai hàng cây cổ thụ, xẻ ngang qua cánh đồng làng mạc.

Chiếc xe chậm lại và bắt đầu lăn bánh trên mặt đường trơn tru quốc lộ 1. Trụ cây số bên đường ghi chữ Nha Trang màu đen đã loang lổ, cây trụ tháp cũ kỹ này được dựng trên một trăm năm từ ngày có con đường. Nó chỉ khoảng cách không gian, nhưng chính nó cũng mang màu sắc thời gian xa xưa và đã “trơ gan cùng tuế nguyệt”, một nhân chứng âm thầm làm li qua các thời đại. Tôi muốn nằm trên quốc lộ, chắc là êm lắm mát lắm, muốn hôn lên mặt đường, muốn hôn lên trụ cây số ngàn

này. Lần đầu tiên, những cảm xúc không ngờ được, không tưởng tượng được. Tôi thương, tôi yêu con đường nhựa, tôi thương trụ cây số!

Năm năm qua, hình ảnh nó chưa bao giờ hiện ra trong tôi dù những lúc trống trải nhất, những lúc không còn gì để suy nghĩ. Trên đường lơ thơ người đi bộ. Xe chúng tôi vụt qua hình như họ không thấy gì. Vài người đi xe đạp có lẽ là cán bộ vì tôi thấy chiếc nón cối đã cũ trên đầu họ. Tất cả như âm thầm buồn bã. Bất giác những ý nghĩ tôi thường nói với anh em hiện thực một cách rõ ràng *“chắc hẳn người cộng sản có một cái tài, một thành tích không ai địch nổi là làm cho cả một dân tộc nghèo mệt rệp trong một thời gian rất ngắn”*.

Một chiếc xe đồ ngược chiều và tôi thấy nhớ nhớ chiếc xe đồ ngày trước tôi thường đi từ Sài Gòn về Quảng Ngãi. Xe đồ chạy nhanh quá, tôi trườn đầu ra ngoài để quan sát. Chiếc xe to lớn màu vàng đậm bị bùn đất và bụi đường trường bám đầy như sơn một màu loạn xạ ngẫu. Tôi nín thở, không nháy mắt cố thu hút hết hình ảnh Sài Gòn như con bò cổ gặm thật nhiều cỏ để về đêm rảnh rỗi nhai lại chậm rãi một cách lý thú. Xe vụt qua. Hai xe ngược chiều, gần như tiếp giáp, tiếng không khí ré lên. Tôi không thấy gì hết, chỉ thấy đám đông chen chúc trong xe, vài mái tóc uốn của con gái và một người đàn ông lộ đầu ra cửa bên hông xe như cố nhìn chúng tôi có lẽ vì thấy đám người bị trói. Cửa kiếng phía sau của xe lấm đầy đất bùn nhưng tôi còn đọc được chữ *Thành phố Hồ Chí Minh*. Ba chữ *Hồ Chí Minh* đậm nét và kiểu cách, phía dưới ghi giờ khởi hành đọc không được.

Bỗng dừng tim tôi như thất lại, ba chữ *Hồ Chí Minh* thay thế chữ Sài Gòn thân yêu của chúng tôi. Cuộc đời chúng tôi bị tả tơi bị xoá bỏ như tên thủ đô Sài Gòn bị thay thế bởi ba chữ *Hồ Chí Minh*. Tôi buột miệng *“Hết rồi!”*, nước mắt lăn trên gò má. Không đưa bàn tay lên được, tôi phải cúi mặt sát đùi lau trên quần. Người bạn tù cột chung sát tôi giật mình, hỏi: *“Cái gì anh Liệu?”*. Tôi im lặng không trả lời.

Người bạn tù cạnh tôi người Bình Định, cho biết gần tới quốc lộ 19. Anh mong xe sẽ quanh mặt trên quốc lộ lịch sử đó về An Khê, Tây Sơn, quê của vua Quang Trung để lên trại Gia Lai Kontum, lúc đó gọi là Gia-Công. Tôi bắt đầu lo lo vì nếu lên Gia Công thì có khác gì trại Kim Sơn. Ở đó vẫn do những quản chế quản giáo Quảng Ngãi điều khiển. Hình như chỉ trừ tôi, hầu

hết anh em đều mong lên trại Gia Công để gia đình thăm nuôi cho gần, còn tôi thì muốn đi thật xa Nghĩa Bình ⁽⁸¹⁾ để tránh những bộ mặt hắc ám nhất thế giới.

Bên lề đường hiện ra bảng đề “Quốc lộ 19”. Tim tôi đập mạnh, xe tự nhiên giảm tốc độ. Ba bốn anh la lớn “*Gia Công rồi! Rồi!*” Xe chạy chậm gần như bò. Tôi nghĩ người tài xế cần thận quan sát để quẹo mặt... Nhưng xe không quanh, qua khỏi ngã tư, tăng tốc lại. Tôi chưa biết là thế nào, thì người bạn cạnh tôi thở dài chán nản:

- Bỏ mẹ rồi không đi Gia Công!

Tôi mừng hỏi:

- Hay nó lên đường khác?

- Không còn đường nào nữa, bọn chó đẻ thật.

Anh ta nhăn nhó. Tôi thầm nghĩ xa khỏi Nghĩa Bình là tốt rồi còn nước ăn với nước huề chứ không có thua.

Xe dừng bên lề đường dưới bóng cây cổ thụ sum xuê trước cái quán sơ sài, vừa là chỗ ở vừa là quán bên đường. Mái lợp tôn, vách cũng bằng những miếng tôn cũ ráp lại, một cửa sổ, một cửa lớn. Phía trước cửa sổ kê cái giường bằng tre, trên giường để vài món hàng tôi có thể đếm được gồm vài chục trứng vịt, vài chai nước mắm một thau kẹo, hai chồng bánh trắng sống, vài cây thuốc lá, vài nải chuối, một thúng gạo, một thúng bắp đã đập nhỏ. Dưới mái hiên, trên chiếc giường treo một số bánh trắng đã nướng chín, trên cùng ở một góc mái hiên cắm lá cờ Giải Phóng Miền Nam bằng trang vở học trò rách xơ phía dưới. Năm năm rồi bây giờ tôi mới thấy cái quán. Người cán bộ ngồi ghế trước bên tài xế bước xuống bảo:

- Các anh ăn cơm đi rồi đi.

Tôi yêu cầu được cột một tay còn tay kia mới ăn cơm được. Người cán bộ nhìn chúng tôi có vẻ ái ngại rồi ra lệnh cho thuộc hạ mở một tay cho chúng tôi ăn cơm. Chúng tôi mỗi người được một vét cơm phát từ sáng sớm. Đặc biệt nắm cơm khá lớn có lẽ gấp ba tiêu chuẩn, vì trưởng toán nhà bếp là nhà thơ Mê Kung, Phan Nhự Thức bạn thân của tôi chiều hôm qua ngang cửa sổ chào tôi chia tay và nói nhỏ :

- Anh ráng giữ sức khỏe, em được lệnh nấu cơm vất làm hai chục vắt, em nấu gấp ba tiêu chuẩn để anh em no một bữa.

(⁸¹) *Quảng Nghĩa — Bình Định.*

Trong quán chỉ có một thiếu phụ khoảng ba mươi tuổi. Khác với những người đàn bà tôi thấy trong các vụ thăm nuôi hoặc những người đi ngang qua lò gạch, cô này ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ nước da không rám nắng, vẻ mặt không đăm chiêu, không hẳn học.

Cô vui vẻ chạy ra chạy vô đưa cho các cán bộ áp tải chúng tôi mượn cái chảo nhỏ để chiên trứng và nồi để nấu cơm dưới gốc cây. Hai mươi người chúng tôi, bốn chục con mắt đăm đăm nhìn cô làm cho cô hơi mất tự nhiên.

Cô hỏi lớn trong tiếng cười:

- Các chú có nấu đồ ăn không, cháu cho mượn.

Người cán bộ quát liền:

- Không được liên hệ, mỗi người có nắm cơm rồi.

Cô gái có vẻ bực mình:

- Tôi hỏi vậy thôi chứ có liên hệ gì đâu, nhưng các ông trời như vậy làm sao người ta ăn.

Khi đám cán bộ áp tải xúm xít quanh cái bếp, tích cực ăn uống, mùi thơm của trứng chiên ngào ngạt, chúng tôi thấy khó chịu quá. Lâu lắm rồi, tôi mới ngửi được cái mùi này. Một anh em la lớn:

- Cán bộ cho uống nước!

Một cán bộ ngưng nhai cơm quát:

- Uống rồi đái trong quần à, đến trại hãy uống!

Tôi tiếp:

- Cán bộ cho uống một hớp thôi sáng giờ ngồi phơi nắng khát nước quá!

Cán bộ làm thinh không trả lời, nhưng tôi thấy cô gái bưng một thau nước và cái ly nhỏ bằng nhựa đặt xuống đất sát thành xe. Cô múc từng ca nhỏ đưa cho chúng tôi. Tôi ngồi ở thành phía bên nên khi cô phải đi vòng đưa ly nước cho tôi. Tôi hỏi nhỏ cô thuộc gia đình chế độ cũ phải không, cô bảo chồng và cha cô đang cải tạo ở Gia Công. Cán bộ ăn uống xong, nói với chúng tôi có mua thuốc lá thì mua rồi đi. Trong đám chúng tôi có một người mua hết hai cây thuốc.

Xe chuyển bánh chúng tôi gục gặc đầu chào cô chủ quán. Cô nói lớn:

- Các chú đi mạnh khỏe, sớm về với gia đình, để vợ con chờ tội lắm!

Hình như cô khóc. Tôi thấy cô đưa tay lau nước mắt. Câu

nói giọng Bình Định dễ thương quá. Tôi cắn xuống môi dưới và mắt tôi cũng cay cay. Xe chạy xa rồi, cô gái vẫn đứng ở lề đường nhìn chúng tôi. Tôi cảm thấy âm ảm trong lòng. Mấy tiếng “*để vợ con chờ tội lắm*” thật là tội nghiệp, thật là dễ thương. Hình ảnh cô chủ quán cùng câu nói như nghẹn lời của cô ám ảnh tôi mãi. Đường tốt, xe chạy nhanh. Nhìn những tượng chạm lờ lỏi xiêu vẹo bên đường, tôi nhớ đến câu thơ của Chế Lan Viên :

- *Lũ ma Hời sờ soạng rủ nhau về.*

Nghe tôi ngâm khe khẽ, người bạn cạnh tôi nói:

- Bọn ma Hời sượng hơn bọn ma cải tạo của mình đấy. Bọn nó còn sờ soạng về được. Bọn ma cải tạo của mình trói tê tay, mốt đái ráng chịu, cuộc đời chó đẻ thật.

Xe đến Phú Yên, tôi không nhớ rõ hình như đến ga La Hai, thì quẹo trái theo con đường rải đá lên núi. Trời nắng, tay tê cứng, khát nước quá, chúng tôi đừ người, im lặng không ai nói gì. Đồng lúa Phú Yên chín vàng mênh mông không còn làm cho tôi lưu ý tới nữa.

Trại Xuân Phước cách quốc lộ bao xa tôi không rõ. Chỉ biết xe lên dốc xuống đèo vượt nhiều con suối một thời gian độ vài giờ.

Đúng như lúc còn nhỏ sách địa lý dạy, dải Trảng Sơn càng về Nam càng ăn lan ra biển. Rừng núi đầy âm u hiểm trở và bí mật. Thật là mĩa mai, các địa danh hay quá nào Hành Tín, Kim Sơn, Nghĩa Điền, Xuân Phước ... lại là nơi ngục tù của những người yêu nước!

Hình như xe đến gần ga La Hai thì quẹo trái theo con đường rải đá loang lổ chạy lên núi. Chạy một khoảng ngắn xe bắt đầu lên dốc, và núi nào cũng như núi nào, tôi không muốn nhìn ra ngoài nữa. Hình như tôi chán cảnh rừng núi rồi. Xe quanh quá gấp làm cho chúng tôi đổ dồn qua một bên như muốn trút ra ngoài. Tôi nghĩ con đường núi này thật hiểm trở. Vài ngôi nhà người Thượng cheo leo tồi tàn, chỉ thấy một đứa bé ngồi buồn thiu nhìn ra ngoài, không hề ngạc nhiên khi xe rú máy vượt trước nhà nó.

Tự nhiên hình ảnh thằng bé ám ảnh tôi. Thằng bé cô đơn kinh khủng giữa cảnh không một bóng người chỉ có rừng núi âm u nối tiếp chằng chịt. Tôi so sánh cuộc đời cô đơn tuyệt đối của thằng bé với cuộc đời tù của chúng tôi. Thằng bé cũng bị khép

giam trong cảnh cheo leo hoang vắng. Tôi đang miên man với ý nghĩ so sánh đó bỗng nghe tiếng la “*Tới nơi rồi!*”.

Trước mặt chúng tôi hiện ra một dải đất rộng, đúng hơn là một cánh đồng trồng toàn mì. Cây mì mới cao chừng vài tấc tây, lá xanh pha vàng nhạt trải dài như một tấm thảm mềm mông. Xe đậu trước một dải nhà tranh — một trại tù rào bằng những cây cao vút, bên ngoài nhiều hàng kẽm gai chằng chịt. Chòi gác cao ở một góc không thấy lính gác. Một cổng lớn có mái lợp lợp bằng lá rừng. Các toán tù bắt đầu đi làm về. Những bước chậm chạp nặng nề, gương mặt buồn thảm, nước da xám xịt như chì. Tất cả âm thầm đi trong im lặng, mắt nặng nề nhìn chúng tôi như không còn cảm xúc. Tất cả đều mặc quần dài, bộ quần áo màu xanh mốc phát cho tù, một điểm khác cách ăn mặc của tù ở Kim Sơn.

Khác với trại Kim Sơn, Xuân Phước có ba trại A, B, C lợp bằng tranh vách đất, và cũng khác với trại Kim Sơn, cán bộ ở đây toàn người Bắc, còn rất trẻ vì trại trực thuộc bộ công an tức thuộc trung ương chứ không thuộc tỉnh. Với tôi, chắc chắn ở Xuân Phước dễ chịu hơn các trại quê tôi, vì nơi đây tù đến từ khắp nơi nên cán bộ không thể biết rõ quá khứ lý lịch của tù. Tôi đã ở cả ba trại, cuối cùng là trại B, nằm giữa hai trại kia. Xuân Phước là một thung lũng bốn bề núi cao vây kín. Cán bộ trẻ ở Bắc vào có vẻ lè phè không gặt gao với tù. Ở đây tù bắt buộc mặc quần áo tù và khi đi lao động phải mặc quần dài, không mặc quần cụt.

Chúng tôi kẻ ngồi, người nằm dựa gốc cây trong sân gần nhà bếp làm thủ tục nhập trại. Nhìn toán nhà bếp toàn thanh niên khỏe mạnh độ hai chục người và toán củi cũng độ vài chục toàn tù hình sự, một anh bạn nói:

- Thấy mẹ! Toán bếp, toán củi đông cả đại đội lại toàn thứ ăn như cọp thì bọn mình đói là cái chắc.

Anh bạn nói có lý vì thánh cũng không giữ nổi bọn chuyên nghiệp ăn cắp này. Đồ bọc kỹ trong túi áo mà còn bị mất huống chi bọn nó tự làm chủ số gạo để nấu cho hàng trăm người ăn. Tôi bỗng thấy mình vớ vẩn vì nghĩ tới chuyện như vậy. Có lẽ lâu nay đói quá khiến tinh thần sa sút nghĩ những chuyện không đáng nghĩ. Tôi mở cái túi bao cát đựng quần áo, thấy hai cây thuốc lá và một số thuốc điều vẩn ròi lộn xộn trong áo quần. Tôi nhớ ra lúc ở quán cô gái Bình Định, quán bên đường, một số

anh em mua thuốc lá, thuốc quẩn từng bó, có cán bộ xé kiểm soát, vớt lên xe ngay chỗ tôi ngồi nên tôi bỏ hết vào túi để khỏi bị đập nát chờ đến nơi sẽ đưa lại. Tôi lảm nhảm cha nào mua thuốc không nhận được thuốc cũng làm thình không hỏi, có lẽ mệt quá chẳng nhớ gì hết. Tôi bỏ thuốc lá vào cái nón, hỏi lớn anh nào lúc nãy mua thuốc bỏ vào bao của tôi. Một người lên tiếng:

- Của tôi đấy, lúc nãy nhờ cán bộ mua, thế mà tôi quên mất, cảm ơn anh. Có lẽ tôi bị con nhỏ chủ quán hớp hồn rồi nên quên ráo hết.

Anh ta cười, vừa nói vừa lấy thuốc trong cái nón lá của tôi. Tôi thấy vui vui. Thì ra cô nhỏ đó làm cho nhiều người mê rồi. Tôi lại nghe vẳng mấy tiếng dễ thương “*đừng để vợ con chờ tội nghiệp*”. Người mua thuốc là đại úy bộ binh Nguyễn Tấn Yên, nước da trắng, người ốm mảnh sau này trở thành bạn thân của tôi. Anh hiền lành và dễ xúc động. Anh thường cho tôi ăn mỗi khi có gia đình vào thăm. Cái ơn này quá lớn, tôi không thể nào quên. Mãi tới bây giờ anh vẫn là bạn thân của tôi. Có lần tôi hỏi anh tại sao thân với tôi, anh cho biết do chuyên mua thuốc khi mới đến Xuân Phước. Anh mua thuốc rồi quên luôn cho tới khi nghe tôi hỏi. Sau đó đếm lại số thuốc, anh rất ngạc nhiên không mất một điếu nào dù tôi ghiền thuốc và không có thuốc để hút. Anh ngạc nhiên và từ đó, thích tôi, trở thành thân với tôi.

Chiều đó, ngay bữa đầu nhận phần cơm, tôi thấy anh bạn đã đoán đúng. Mỗi phần chừng nửa chén cơm với một chén mì Ấn Độ H34 không lột vỏ.

Tôi và Yên được sắp cùng phòng với số sĩ quan từ vùng IV đưa ra và vài ba đại tá già trong đó có một đại tá là giám đốc bệnh viện Cộng Hoà, quân y viện lớn nhất ở Sài Gòn. Đám sĩ quan này có vẻ quá sợ nên rất kỷ luật.

Trại giam nào cũng vậy thường vài ba tháng lại di chuyển tù từ phòng này qua phòng khác, để phân tán các tổ chức ngầm nếu có và cũng để xét phòng, phá vỡ mọi âm mưu.

Suốt thời gian ở trại này, chúng tôi chỉ làm một việc đào ao nuôi cá. Cán bộ ở đây dễ chịu hơn cán bộ ở Quảng Ngãi nên chúng tôi lao động khỏe hơn chỉ có điều đói quá. Tôi làm quen với một ông già đau bao tử, đổi một chén cơm lấy hai chén mì để bữa trưa tôi được ăn ba chén mì. Ăn mì nuốt luôn vỏ. Vì mì phơi trên mặt đất nên gần như miếng nào cũng có cát dù đã

ngâm một đêm trước khi nấu. Gặp cát cũng nuốt luôn vì nhả ra thì còn gì để ăn.

Tôi lại bị đổi phòng và lần này gặp một số bạn tù có án ở miền Tây, thuộc nhóm “*Bảo Long phục quốc*”. Người nào cũng án nặng từ mười năm tới chung thân. Một số bị tử hình đã bị xử bắn. Tôi rất thương những bạn này và hận những người nằm bên Pháp đề xướng không thực tế, xem thường sinh mạng những người hận cộng sản ở quê nhà. Tôi vẫn nghĩ vua Bảo Đại có tội nhiều với quốc gia hơn là có công, vì không làm nổi một điều gì có lợi cho đất nước thì Bảo Long, con vua Bảo Đại, một sĩ quan trong quân đội Pháp làm được gì cho Việt Nam? Nhưng những người bạn yêu nước, những người Việt Nam hận thù cộng sản không biết Bảo Long ra sao, chỉ tin theo để cuối cùng bị tử hình và lãnh các án tù. Một toán tù gồm ba chục người từ miền Nam ra trại Xuân Phước đưa vào phòng chúng tôi, do đó tôi biết khá nhiều về tổ chức phình gạc với danh xưng là “*Bảo Long phục quốc*”. Những anh em đáng thương này biết họ bị gạc, nhưng cộng sản không cần biết điều đó nên họ lãnh án rất nặng, người nhẹ nhất là mười lăm năm tù khổ sai. Những người đó đều được phong chức tước, cấp bậc, cấp thấp nhất là thiếu tá và chức thấp nhất là quận trưởng! Hầu hết đều không làm gì hết dưới chính thể quốc gia, chỉ có một anh trung sĩ giải ngũ được phong chức trung tướng tư lệnh quân đoàn! Một anh người Hoa nằm cạnh tôi, nói tiếng Việt chưa sõi cho tôi biết:

- Ngộ đầu có chính trị, ngộ trốn lính mà, ngộ nấu pép cho nhà hàng, thế mà nó dụ ngộ cho ngộ làm thiếu tá. Ngộ mới nhận lời là pị pất liền, ra toà xử ngộ mười lăm năm, hết đời ngộ rồi, ngộ puồn quá ...

Nói chuyện với anh nấu bếp này tôi cũng buồn và hận bọn lưu manh chánh trị lợi dụng hoàn cảnh dân chúng đang hận cộng sản.

Một buổi sáng trong giờ tập hợp đi lao động, tôi bị kêu tên đứng riêng ra ngoài toán. Tôi lo lắng lại có chuyện gì sắp xảy ra. Nếu không bị kỷ luật, bị hỏi cung thì sẽ đưa đi trại khác hoặc đổi phòng...Việc gì cũng mệt và việc gì cũng phải xa anh em quen biết.

Khi đám tù ra khỏi sân đi lao động, một cán bộ đến hỏi tên tôi và bảo vào dọn hết đồ để di chuyển. Vậy là tôi phải di chuyển, nhưng đi đâu, đổi phòng hay chuyển trại? Việc dọn đồ

chỉ là bỏ cái chén và đôi đũa vào bao quần áo. Tôi chào vài anh em đang bị bệnh không đi lao động, nhờ chuyển lại với tất cả anh em lời chào và chúc gặp nhiều may mắn rồi ra khỏi phòng. Người cán bộ đang chờ có lẽ không ngờ tôi làm lạ quá. Không nói một lời, anh ta đi trước và tôi theo sau. Thấy không ra cổng chính, tôi biết không đưa đi xa trại và không lên văn phòng nên tôi loại trừ việc hỏi cung lại và kỷ luật.

Theo sau người cán bộ, tôi đi vòng phía sau khu biệt lập rồi cánh cửa sắt mở ra và tôi bước vào khu vực nhốt mấy vị tu sĩ, các cha, các thầy... Một nhà tranh trên nền cao, sân trước rộng sạch sẽ xung quanh bờ thành có trồng hoa. Vắng lạnh đúng là một nhà tù trong nhà tù. Tại sao tôi bị đưa vào đây? Chỗ này không phải phòng kỷ luật mà là phòng cấm cố dành riêng cho các tu sĩ phạm tội phản động, tội chống đối chánh quyền. Trong số này có những cha, những frères dính dáng vụ nhà thờ Kim Sơn, vụ chống đối đầu tiên sau khi cộng sản vừa chiếm Sài Gòn. Tôi hơi lo nhưng cũng thấy thích cái cảnh yên tịch này. Vào trong sân rồi tôi quan sát kỹ. Có lẽ đây là nhà tù đầu tiên ở vùng núi non này vì bốn phía tường cao quá, cao gấp đôi, gấp ba tường thường thấy, trên cùng thêm mề chai cắm đầy và những cuộn kẽm gai tròn dẹt rất thẳng. Trong khu vườn có một giếng nước có thành, có nền tráng xi măng. Sân đất nện cứng quét sạch quá, sạch đến gần như không có chút bụi. Khi tôi chưa vào khu này, bên ngoài anh em thăm thì cho biết đó là khu biệt lập dành cho những tội phạm nặng. Anh em còn dặn dò đừng bao giờ lại gần bức tường cao ngăn cách đó sẽ bị kỷ luật vì bị nghi lén lút liên hệ với tội phạm hạng nặng. Rồi những thông tin động trời nào trong đó có vụ cha Minh, vụ nhà thờ Vinh Sơn, nào trong đó có những tử tù sắp bị xử tử v.v..

Tù ở đây không ai dưới bốn mươi tuổi. Thấy tôi họ gục gặc đầu ra hiệu chào, im lặng không nói một tiếng. Người tù trưởng phòng gương mặt lạnh như tiền nói:

- Anh vào để đồ lên đây.

Vừa nói vừa chỉ tôi nằm ở trong cùng từng sạp trên. Ở đâu cũng vậy, tù mới vào thường phải nằm ở chỗ tệ nhất. Chỗ tôi nằm rộng nhưng sát tường trong cùng và không có ánh sáng. Mùi mốc ẩm bốc lên và đầy bụi chứng tỏ lâu lắm rồi không có ai ngự trị vùng hoang vu này.

Với tôi, được nằm rộng thế này là quý rồi còn mốc, bụi, ẩm

tôi không quan trọng. Bao quần áo của tôi chỉ đựng vài bộ quần áo tù, một chemise cụt tay màu xanh đậm, tôi chưa bao giờ mặc trong tù. Tôi đã tính nếu có dịp có thăm nuôi sẽ xin phép gửi về nhà sửa lại cho con tôi mặc vì tôi biết chúng đang rách rưới. Do không có thăm nuôi nên cái áo biến thành của gia bảo của tôi trong tù. Hồi bị thủng nặng, tôi có ý gửi anh em đi làm ngoài bán giùm lấy tiền ăn vài bữa cho no rồi chết cũng được nhưng tôi lại thôi vì tiếc cái kỷ niệm duy nhất còn lại. Lần phù thủng đó, hai chân nặng quá đi lại khó khăn, chờ bị đưa vào phòng riêng để đợi ngày ra nghĩa địa, tôi đã viết một miếng giấy cột vào cái áo: *“Đây là vật kỷ niệm cuối cùng của tôi, xin ân nhân gửi về cho vợ con tôi, tôi hi vọng ân nhân xót xa đến ý muốn cuối cùng của người chết.”* Trong hoàn cảnh này, trong xã hội này, lời khẩn cầu của tôi quá mong manh, gần như không có, nhưng tôi vẫn làm và cảm thấy an lòng đôi chút. Nhưng sau đó tôi khời vào căn phòng cuối cùng và còn giữ được cái áo.

Thông thường mỗi khi có người tù mới nhập phòng, anh em nhao nhao bu lại hỏi đủ thứ. Ở đây, anh phòng trưởng chỉ hỏi tôi ở đâu đến, tôi bảo ở phòng B bên ngoài. Rồi thôi, không ai hỏi nữa. Phòng rất yên lặng. Vài người đang đánh cờ cũng rất yên lặng. Một số khác nằm ngó lên trần. Tôi thầm nghĩ như thế này làm sao chịu nổi những ngày tù triền miên. Nhưng có điều rất sướng, vì không phải đi lao động nên đỡ đói, đỡ mệt. Hồi ở nhà lao thị xã Quảng Ngãi bị nhốt trong phòng cả năm chịu không nổi, mỗi lần cần vài người ra ngoài làm việc anh em tranh giành mong được ra thoáng khí một chút, thế rồi mấy năm lao động tuy được hít thở khoáng đạt, nhưng mệt mỏi quá, lại muốn nhốt trong phòng khời đi lao động. Bây giờ vào cái phòng yên tĩnh này, tôi thấy dễ chịu dù xung quanh lạt lẽo bi quan quá. Có lẽ vì một phần là tu sĩ, một phần lớn tuổi nên phòng này rất tôn trọng nội qui, rất sợ kỷ luật, vì vậy ít người “liên hệ” với nhau.

Tôi thường ra giếng tắm và phơi nắng. Một người nói không nên tắm nhiều vì đói mà tắm nhiều rất có hại do mất nhiều calorie quá. Tuy vậy tắm cũng là một cái thú không vi phạm nội qui ở đây, nhất là trong khu cấm cố này. Trong số tù có ba tu sĩ Phật giáo, còn trẻ, có lẽ trẻ nhất trong nhà cấm cố này. Một người tới nói chuyện, cho biết cũng gốc Quảng Ngãi nhưng bỏ xứ từ lúc nhỏ vào miền Nam ở vùng Biên Hòa. Thầy nói có nghe tên tôi, bây giờ gặp lần đầu. Tôi hỏi tại sao bị bắt, thầy cho biết

là sĩ quan tuyên úy và bị cho là tình báo Mỹ. Thầy bảo: “Tôi nói gì họ cũng không nghe, cứ bảo tôi là tình báo, là chính trị viên cho quân đội chống cách mạng...” Tôi hỏi ở đây có ăn chay không, thầy trả lời “Chay đâu mà ăn, đói thấy mẹ, xa quá đâu có ai thăm nuôi. Ăn chung với hai anh kia.” Vừa nói vừa chỉ hai người đang đánh cờ tướng. Thầy cho biết nội qui ở đây cấm gọi thầy, gọi cha, chỉ gọi anh mà thôi. Thầy cho biết trong nhà này toàn tu sĩ và hỏi tôi đạo gì. Tôi trả lời chả có đạo gì. Thầy cười nói vậy mà khỏe đấy, có tôn giáo cũng mệt làm tu sĩ còn mệt hơn ở thời đại cách mạng này. Hai thầy kia bắt đầu lên tiếng “hoàn”, “không hoàn”. Một thầy nói “đánh cờ có hoàn mới cao nước chứ”. Thầy kia nói “hoàn cũng hoàn vừa vừa chứ hoàn liên tục thì đẹp mẹ chứ cờ xí gì”. Rồi cả hai cùng đến chỗ tôi chuyện trò vui vẻ. Ba thầy rất hồn nhiên nói năng không cần ý tứ, không cần dè dặt. Tôi thấy hay hay. Một thầy hỏi tôi tội gì mà vào đây, tôi trả lời tôi đủ thứ tội quân, cán, chính, đảng phái quốc gia. Một thầy hỏi tôi Quốc Dân Đảng hay Dân Chủ. Tôi cười không đáp, một thầy nói có người cha làm Quốc Dân Đảng bị cách mạng ban đêm vào nhà bắn chết do đó cả gia đình vào miền Nam ở Sa Đéc, tu ở Sa Đéc rồi bị bắt đưa ra đây, lâu nay không ai hỏi gì hết, họ dám quên lắm. Một thầy nữa có lẽ trẻ nhất trong ba thầy, nói lung tung bảo không có tội, không nguy quân, nguy quyền, không gì hết mà giáng cho mấy năm rồi không ai cứu xét tới. Rồi thầy tự kể có người anh sĩ quan không quân năm 75 bay qua Thái Lan rồi đi Mỹ. Bà mẹ không cho thầy đi lính, nhưng chánh quyền cũ làm dữ quá thầy bị bắt lính mấy lần nhờ người anh lãnh ra, sau đó thầy làm thầy tu cho khỏi bị bắt lính. Thầy nói “Tôi mà tu cái gì”. Tôi bảo thầy không đi lính thì cộng sản họ thích chứ, sao lại bắt. Sao thầy không khiếu nại nói hết để họ tha cho thầy. Một thầy khác nói chả nói không đi lính chớ quá cha đi lính. Chả lấy đồ lính của anh, áo mao đảng hoàng đeo hai mai trung úy, lấy Honda phóng như điên. Ngày cộng sản tới, con nít nó tố cáo chả là trung úy chả đảng miện, càng chối nó càng bảo thiếu thành khẩn nên cụp chả mút mùa.

Cả ba cười hồn nhiên. Tôi thấy ba thầy hay hay, dễ thương, không buồn, không lo, khác hẳn mấy tu sĩ khác luôn có vẻ sợ sệt. Ba thầy suốt ngày đánh cờ, hai người ngồi đánh một người ngồi coi. Chơi vui và cũng hay cãi ồn ào, chỉ một bài hoàn, không hoàn mà la cả ngày, có lúc cha trưởng phòng phải đưa

một ngón tay ngoài miệng làm dấu giữ im lặng.

Đêm Noel khác với mọi đêm bình thường, có vẻ nặng nề quá. Khoảng 8 giờ, các cha, các thầy về chỗ nằm không ai nói với ai. Tất cả im lặng.

Gần khuya các tu sĩ ngồi trong mùng đọc kinh thầm thì. Trời về đêm, lạnh. Tôi buồn xa xăm.

MỘT CUỘC KIỂM ĐIỂM CHUA XÓT

Cha nhà trường bảo tối nay kiểm điểm có cán bộ quản giáo đến dự. Nói vậy nhưng cán bộ không đến. Chờ mãi, cha nhà trường đành cho kiểm điểm lập biên bản gửi lên trên. Kiểm điểm anh Thảo. Do nội qui tuyệt đối cấm xưng hô theo chức tước, tuổi tác... nên tôi chỉ nghe gọi anh Thảo và không biết gì về anh. Nhìn nét mặt mọi người, tôi đoán việc kiểm điểm này khá quan trọng, chắc là một vụ ghê gớm. Tôi loại ngay âm mưu vượt ngục vì nhìn qua không thấy ai đủ táo bạo làm việc này. Mưu hại cán bộ càng không vì toàn người ốm yếu già nua. Quan hệ phụ nữ thì ở đây không có nữ tù, không ai được ra ngoài dân. Phát ngôn bừa bãi cũng khó có, vì ai ở đây cũng không chỉ uốn lưỡi bảy lần mà uốn lưỡi cả trăm lần. Có lẽ chỉ là viết thư ra ngoài không qua kiểm duyệt của cán bộ. Tôi kể sát tai thầy sư trẻ hỏi nhỏ vụ gì và được trả lời ngay: “*Chuyện ruồi bu*”. Câu trả lời không giúp tôi hiểu gì hơn.

Cha nhà trường mở đầu với những lời nhắc về nội qui, về hai mươi điều nếp sống văn hoá mới rồi vào đề. Tôi thấy ông vừa ái ngại vừa hết sức khó khăn như phải đề cập tới một sự vạ bất đắc dĩ. Cuối cùng ông nói:

- Thừa các anh, hôm nay cán bộ quản giáo bảo tôi tập họp anh em, kiểm điểm rút ưu khuyết điểm về vụ anh Thảo liên quan vụ...lon chà bông của anh Tâm. Sự vụ như thế này: anh Thảo nằm kế anh Tâm và thứ năm vừa rồi anh Tâm ra hớt tóc vào, định lấy ít muống chà bông cho anh thợ hớt tóc, khi dở nắp lon thấy lon hao hụt gần một nửa. Anh Tâm quả quyết bị mất cắp và nghi người nằm gần là anh Thảo, vì anh Tâm nằm sát vách trong cùm nên không thể nghi ngờ người khác. Bởi vậy, chúng ta đem ra mổ xẻ, rút ưu khuyết điểm để xây dựng cho nhau. Đó là lý do cuộc họp bất thường này. Xin anh em cho ý kiến, trước hết là ý kiến anh Tâm và anh Thảo.

Nghe đến đây tôi toát mồ hôi. Thê thăm đến mức này ư! Tôi từng dự nhiều buổi kiểm thảo ác liệt, nhưng toàn việc chính trị, phe cánh hạ nhau và chưa bao giờ tôi xúc động bằng khi nghe mấy lời tường trình của cha nhà trường. Anh Tâm và anh Thảo đều trên sáu mươi, ốm yếu đạo mạo một cách đáng thương. Không ai có ý kiến, dù cha nhà trường nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Rồi anh Thảo phát biểu :

- Tôi không có thăm nuôi, lại nằm bên anh Tâm nên anh Tâm nghi là phải. Nhưng Lạ Chúa, tôi chưa bao giờ làm chuyện bậy bạ như vậy. Nếu các anh không tin, xin các anh soát xét và hình phạt gì tôi cũng chịu. Tôi xin hết.

Không khí im lặng thê thảm, nước mắt tôi trào ra.

Tôi đứng dậy nói mặc dù cha nhà trường chưa cho phép. Tôi nói trong nước mắt:

- Thưa các cha, các thầy. Tôi lạy các cha, các thầy. Xin thôi đi, chúng ta đau quá, xót xa quá, đau hơn bị đánh, bị nhốt kỷ luật. Trời ơi, tại sao lại như thế này! Tủi đày chưa đủ sao mà chúng ta còn tự dìm xuống bùn, xuống ô nhục. Tôi lạy các cha, xin ngưng ngay đi. Lời nói của cha Thảo tội nghiệp quá, nữ nào chúng ta còn hành hạ nhau nữa. Cha Tâm không mắt, cha Thảo thê không đặng tới. Tôi yêu cầu đừng nhắc tới nữa, xin cha nhà trường chấm dứt nơi đây đi. Như thế là tốt đẹp, một hiểu lầm nhỏ thôi.

Cả phòng tự động vỗ tay quên luôn nội qui.

Cha Tâm đứng dậy ôm cha Thảo.

Tôi thấy hai cha kéo áo lau nước mắt.

CÁ THIỀU

Tôi ở Xuân Phước gần ba năm, bốn lần được ăn cá thiều. Buổi sáng, các toán ngồi trước sân nghe phân công đi lao động. Toán nhà bếp dùng xe cải tiến⁽⁸²⁾ kéo con cá to bằng đũa bé lên mườì. Mùi cá, mùi mắm bay thơm cả sân trại. Toán tù tự pháp reo lên mừng rỡ như chào một tài tử đóng phim hoặc một cầu thủ nổi danh. Các toán tù chánh trị rậm rì bàn tán “*cá thiều, trưa*

⁽⁸²⁾ Xe bò, theo cách gọi lúc đó.

nay có cá thiều, cá thiều thơm quá". Cả trại đều vui, đi làm hăng hái vì *"trưa nay có cá thiều"*. Trên đường đi, nghe đủ thứ về cá thiều, nào cá thiều kho tộ, cá thiều muối rồi chưng với trứng vịt rắc tiêu thật nhiều ăn với cơm nóng vào mùa đông... Hình ảnh con cá thiều buổi sáng như làm bừng dậy sức sống của mọi người. Khu cấm cố chúng tôi tới quá nửa buổi mới tiếp nhận tin vui: *Trưa nay có cá thiều*. Ba thầy trẻ liền kiểm chứng tin tức, hỏi người lấy nước sôi dưới bếp có thật thấy cá thiều không hay là tin vịt. Người lấy nước tươi như hoa tả *"Cả khu nhà bếp thơm phức"* làm chúng tôi nuốt nước miếng ực ực.

"Trưa nay có cá thiều, cá thiều". Không khí trong phòng sinh động khác hẳn. Có người sang đồ ăn trong lon guy-gô ra bao nylon để xem kỹ lon có bị mọt, bị dò chảy không. Ai cũng có kinh nghiệm cá chia rất ít, may mắn lắm thì được cục cá bằng ngón chân cái, bình thường là cục cá cỡ hai ngón tay. Nhưng mỗi người sẽ được nửa lon nước cá có thể để dành ăn vài ngày.

Phía dưới tôi về bên trái cách hai người là một ông mập, to lớn một con mắt bị miếng vải trắng băng chặt. Ông hay nằm, ngay hôm tập họp ông cũng được miễn vì bệnh con mắt. Ông đang đau mắt nên tôi đến cả tháng chưa nói chuyện với ông. Ông có người đệ tử lấy cơm nước đem về tận chỗ nằm để khỏi ra ngoài chói nắng. Người đệ tử hớn hỡ vào tận nơi ông đang ngồi hỏi nhỏ: *"Trưa nay có cá thiều, cha đau mắt ăn được không?"* Tôi nghe từng tiếng của câu hỏi và không hiểu tại sao, tôi hồi hộp, lo lo. Im lặng đến một phút, hai phút không chùng, người đau mắt nói trong tiếng cười như cời mỏ: *"Ăn đạ!"* Tôi nghe tiếng *"đạ"* nho nhỏ như ngõ ngàng rồi người đệ tử đi ra. Một cảm giác chua cay bỗng ập tới và tôi không chận nổi ý nghĩ xót xa, tội cho người đau mắt, cho người đệ tử, cho tất cả chúng tôi. Hai tiếng *"ăn đạ"* làm sụp đổ trong tôi nhiều quá. Kẻ chiến thắng đã dồn chúng tôi vào cánh đỏi và thêm cùng cực đến mức tôi tả cả tinh thần.

Hơn hai mươi năm qua rồi, khi viết những dòng này tôi vẫn không xóa nổi cảm giác căm hận, không vì chính kiến, vì lý tưởng mà vì cung cách đối xử giữa con người. Thân nhiên trước nỗi đau của đồng loại đã biểu hiện thú tính thì điên cuồng tự đắc với việc tạo ra nỗi đau cho đồng loại, xô đồng loại xuống đáy vực đoạ đày thật khó có lời để diễn tả. Cho nên tôi biết chắc là cá nhân tôi không bao giờ thỏa hiệp nổi với cộng sản, kể cả khi

họ tạo nỗi cho mọi người cảnh đời ám no. Cuộc sống luôn có các đường ranh rõ rệt trong đó đường ranh giữa con người và ác thú chắc chắn sẽ còn mãi mãi.

Ở nhà cầm cố được vài tháng, tôi lại bị di chuyển và trở về với anh em quen cũ trong số có anh Yên trong một toán tù lao động.

ĐƯỢC THĂM NUÔI

Chiều hôm đó, một toán lao động đi ngang nhà thăm nuôi về trại loạn báo tôi được thăm nuôi. Quá mừng nhưng tôi cũng nghi ngờ không biết có ai trùng tên không. Đã hổ một lần ở lò gạch Kim Sơn rồi nên tôi dè dặt chờ đợi. Một số anh em cùng toán mừng cho tôi, nhưng tôi nói chưa có gì chắc chắn cho đến sáng mai khi cán bộ kêu tên. Dù vậy, tôi vẫn ra mé rào hỏi nhà bên cạnh vì khi chiều họ đi ngang nhà thăm nuôi. Anh em xác nhận có một người đàn ông ở nhà thăm nuôi hỏi anh em có biết Nguyễn Liệu không. Người được hỏi nói nghe rõ là *Nguyễn Liệu*.

Tôi chưa hết nghi ngờ nhưng không ngủ được, cứ thắc mắc tại sao không phải vợ mà lại là người đàn ông đi thăm mình. Hay là... Tôi không dám nghĩ bậy nữa.

Sáng hôm sau, quả thật tôi được kêu tên, rời hàng khối đi lao động chờ cán bộ dẫn đi thăm nuôi. So với các trại địa phương trong vùng như Kim Sơn chẳng hạn, số người thăm nuôi ở các trại không trực thuộc địa phương rất ít. Sáng đó chỉ mình tôi được thăm nuôi. Toán tù chúng tôi chỉ đào ao nuôi cá gần trại nên tôi chưa bao giờ tới khu nhà thăm nuôi này. Đường đi nhỏ quanh co theo mé suối, hai bên cây xanh rậm rạp thật đẹp và tôi càng thấy đẹp hơn vì có niềm vui được thăm nuôi. Đến nơi mà tôi không biết vì ngôi nhà lợp lá này núp dưới chòm cổ thụ sum xuê.

- Anh Liệu!

Tôi giật mình nhận ra Chế Quân. Chế Quân thăm tôi!

Quá mừng và ngạc nhiên, tôi quên hết mọi thứ, quên cả người cán bộ đang đi trước, hỏi lớn:

- Chị Ảnh không đi?

Quân không kịp trả lời vì cán bộ đã đưa tay bắt và xem giấy tờ của Quân. Tôi đứng sau hỏi họ, nước mắt lăn trên gò má. Sau khi đốt điều thuốc đầu lọc do Quân mời, cán bộ bước

vào phòng trong, chỉ cho Quân và tôi tới chiếc bàn dài ngay cửa ra vào, hai bên bàn là hai cái bàn gỗ bào láng. Quân một bên, tôi một bên bàn. Tôi không nói được gì. Quân cũng nghẹn ngào. Tôi run run hỏi lại:

- Sao chị Ảnh không đi?

Quân cũng không ngờ xúc động mức đó, nói nhỏ:

- Chị bận mấy đứa nhỏ, vả lại xa quá, tốn lắm không đi được. Ở nhà tất cả đều bình thường, anh đừng lo gì hết.

Tôi cắn môi dưới như chảy máu vẫn không cầm được nước mắt, bật khóc. Không lau nước mắt tôi nức nở:

- Sao chị Ảnh không đi? Hay có gì Quân nói thật cho anh, sao chị Ảnh không đi? Sao vậy, Quân?

Quân nhìn xuống mặt bàn nói lấp vấp:

- Tôi đã nói rồi, chị cả ngày phải làm lấy công điếm, lo mấy đứa nhỏ, làm sao đi được, tôi đi cho chỉ đây mà.

Quân rút thuốc đưa tôi, quẹt lửa. Kéo một hơi thuốc dài tôi bình tĩnh lại. Quân đốt một điếu rồi cầm cả bao thuốc bước qua bàn người cán bộ đang đọc báo mời hút và để bao thuốc ở đó. Tôi nghe giọng Bắc cảm ơn lễ độ. Quân kể nhỏ nhỏ ở ngoài khổ lắm, vợ con tôi không thể đủ sức mượn xe đi thăm nên tôi gắng chịu đựng. Quân bảo thấy tôi gầy ốm nhưng vẫn còn thần sắc như xưa. Quân cho biết vợ chồng Võ Hữu Cảnh - Phạm Thị Hồng Hạnh đi quyên góp cho Quân vào thăm tôi. Quân nói thật nhỏ:

- Tôi báo anh tin buồn bác trai qua đời rồi, mất ở Sài Gòn, bác già rồi...

Quân còn nói nhưng tôi ù tai không nghe được. Tôi sửng sò, choáng váng, im lặng. Rồi tôi bật khóc, mặt gục xuống bàn. Cha tôi qua đời rồi! Làm sao còn thấy được cha! Bao năm rồi xa cách cha và mãi mãi không còn gặp cha nữa... Hình như Quân ân hận nói ra điều này sớm quá. Tôi ngừng đầu lên hỏi trong nước mắt: "*Còn mẹ anh ?*"

- Bác gái thì khỏe, ở Sài Gòn.

Người cán bộ trả lại bao thuốc cho Quân sau khi lấy thêm một điếu đốt ngậm phì phà đi ra ngoài. Tôi liên tiếp hít những hơi thuốc, cố đè cảm xúc tiếp tục hỏi thăm. Tôi hỏi thăm ba má Quân, hai người anh của Quân tập kết về, nhắc đến bạn bè, cả mẹ vợ Quân và biết bà về Nha Trang với chồng rồi. Tôi hỏi Sáng, Ni, hai anh này đi Sài Gòn từ lâu, nghe nói Minh Đường

chết rồi... Quân bảo tôi gắng giữ sức khỏe, chắc không có dịp nào vào thăm được nữa. Tôi thấy mắt cay cay. Tôi nói rất nhỏ với Quân: *"Làm sao cho mấy đứa con anh ra nước ngoài, anh có ông anh ở Mỹ."* Quân tái mặt lắc đầu: *"Không được! Không được! Em không nghe nói chuyện này, nguy hiểm lắm, không được."*

Người cán bộ bước vào cho biết hết giờ.

Quân đứng dậy cảm ơn.

Tôi ôm choàng Quân siết chặt:

- Cảm ơn em, em về nói với chị Ảnh và các con anh... Anh mạnh đừng lo gì cho anh. Chị cố lo cho con, anh thăm Thu, vợ em nhé và ba má em ...

Quân vội vã nói *"À, còn xách đồ ăn"*. Vừa nói vừa đưa cho tôi. Tôi bảo trình cán bộ kiểm soát trước. Người cán bộ xem qua loa rồi ra đi. Tôi theo sau, mặt ngoảnh lại nhìn Quân. Như cây trụ trồng giữa sân bất động, Quân đứng sững nhìn tôi đến khi khuất lùm cây. Tôi thở dài mệt mỏi người. Tôi lẩm nhẩm không ngờ thăm nuôi mệt như thế. Người cán bộ đưa tôi cái thư bị xé bì, nói chững chạc:

- Vì người bạn anh đã báo ông già qua đời nên tôi đưa thư này cho anh chứ theo nội qui của trại lá thư nào có tin báo thân nhân qua đời không đưa cho các anh.

Tôi về phòng, anh em đi làm chưa về, phòng vắng quá. Tôi nằm thư, mệt mỏi rã rời. Lấy thư ra đọc. Đúng là chữ của Ảnh, vợ tôi viết trên nửa trang giấy học trò bỏ trong cái bì cũng làm bằng giấy học trò.

Anh,

Anh Quân vào thăm anh. Em cầu mong anh mạnh và sớm về với gia đình. Ở nhà các con đi học bình thường. Chúng thiếu lắm nhưng không sao, anh đừng lo. Mẹ con em gắng qua ngày, anh đừng lo gì cho em và con. À, cha qua đời ở Sài Gòn. Em cũng mới biết đây do Hạnh, ông Cảnh vào thăm báo cho biết. Em không có gì gửi cho anh chỉ hót năm thuốc hút của ông ngoại gửi cho anh.

Thôi, em mong anh mạnh khỏe và sớm về với gia đình.

Em, Ảnh.

Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần và thầm trách tại sao viết ngắn quá vậy? Tại sao hà tiện chữ vậy? Tại sao không âu yếm thương yêu gì hết? Tại sao lạnh như tiền? Còn giấy trắng nhiều

quá tại sao không viết cho hết, lần viết lần khó mà sao tẻ dữ vậy? Rồi tôi dừng lại với mấy chữ “*chúng thiếu lắm nhưng không sao anh đừng lo*”. Con tôi đói quá, trời ơi! Vợ tôi cũng đói quá, khổ quá nên không đủ sức kéo dài lá thư, vì còn gì để viết nữa! Chắc em buồn chán và hận tôi lắm! Làm sao còn nổi những lời triu mến ướt át đầy tình cảm như ngày trước!..Nhưng, em có biết tôi đang cần tình thương của em như thế nào không, hơi người em lạnh nhạt của anh? Cuối cùng, tôi mỉm cười thấy mình rõ lẫn thân. Hoàn cảnh quá khổ cực, lại là thư gửi vào trại giam bị kiểm duyệt gắt gao thì làm sao viết như lúc còn ở lớp học tự do ngày xưa. Tôi tự an ủi vậy và an tâm hơn.

MÃN TÙ

Bây cái Tết rồi. Tết nào cũng vậy, khoảng đưa ông Táo về trời là anh em xôn xao về tin sắp được tha. Tin tức thật phong phú. Nào năm nay về nhiều, vì chánh quyền đã mạnh rồi, nào về nhiều để ngoại giao với nước ngoài, nào về nhiều vì có Liên Hiệp Quốc can thiệp, có Mỹ can thiệp... Thậm chí còn biết con số mấy trăm người được ân xá ... Từng nhóm, từng nhóm bàn tán xôn xao. Tuy biết tin xạo, tin vịt rất nhiều nhưng nghe cũng khoái, bởi vậy ai nấy đều đi hỏi, đi tìm tin tức. Tôi cũng ửng nghe những con vịt cổ đỏ nhưng thú thực, chưa bao giờ tôi nghĩ tôi được về. Tôi biết rất rõ tôi không bị giết là may rồi. Nhiều lần tôi nghĩ cộng sản xử bắn tôi cũng là điều công bằng, không có gì oan ức. Thế mà tôi còn sống, còn nhớ con nhớ vợ, còn nhìn những đêm trăng đẹp, còn thưởng thức những bình minh tươi thắm thì cộng sản nói riêng ở Quảng Ngãi là ân nhân của tôi rồi. Phải sòng phẳng, phải có lương tâm mà nói vậy. Thù là thù, hận là hận, ân là ân, oán là oán, đâu đó phân minh không lẫn lộn. Cho nên tôi không nôn nao mất ngủ rồi qua một cuộc thả về không có tên phải buồn chán nhiều ngày như anh em. Không hi vọng nên tôi không chờ đợi, không hỏi hạp và không thất vọng. Tôi đứng vững.

Tại hội trường, tù đông nghẹt nói đủ thứ, khói thuốc mịt mù. Có lẽ không đâu hút thuốc nhiều bằng nhà tù.

Trung tá giám thị trưởng đến nói về chính sách Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa hết những bài tôi nghe suốt gần tám năm. Cũng ba đồng thạc cách mạng, cũng khoa học kỹ thuật, cũng

nếp sống văn minh văn hoá mới, cũng đỉnh cao trí tuệ loài người... Tám năm chưa thêm mục nào mới.

Tôi ngồi xa thẳm phía sau, thấy ông trên sân khấu nhỏ và thấp chỉ nổi bật cái nón lưỡi trai đồ chói. Một tràng vỗ tay vang dậy cho biết giám thị trường đã hoàn thành thắng lợi một cuộc nói chuyện.

Phó giám thị bước ra để đọc danh sách cải tạo được tha về như tin tức cho biết. Tất cả ào ào kéo sát sân khấu để nghe cho rõ. Lại một phen mất trật tự la ó. Nhưng ông phó chỉ nói về chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà Nước đối với người cải tạo tốt. Ông nói đi nói lại chừng một tiếng đồng hồ rồi lui vào trong uống nước lấy lại sức. Một ông phó nữa bước ra nói về cách ăn ở với dân chúng, sau khi được tha cho về. Tài liệu này nhắc nhở người mới về phải nghe theo chỉ bảo của dân và phải học từ dân vì dân làm chủ, đảng lãnh đạo. Ba ông nói từ đúng 8 giờ đến quá 11 giờ trưa. Vỗ tay lần thứ ba lơ thơ mệt mỏi.

Tôi dựa lưng vào tường. Gió núi hơi lạnh lạnh của những ngày cuối đông khiến tôi lim dim ngủ.

Lúc đó mới thực sự đọc tên người được tha.

Người đọc là thư ký trại giam. Trước khi đọc, ông dặn ai có tên thì đứng dậy cho biết rồi về phòng thu xếp đồ đạc lên tập họp tại hội trường để ra về.

Chưa lúc nào cả hội trường im lặng lắng nghe như lúc này. Khi đọc dứt một tên, tất cả đều ồ lên như chia xẻ nỗi mừng của người tốt số. Qua chừng năm sáu chục tên, bỗng người xung quanh tôi la ồ!

Tôi giật mình không hiểu gì hết trước những tiếng gọi lớn "*Anh Liệu, anh Liệu*".

Người thư ký ngừng lại nhìn quanh hội trường. Tôi như thất thần đứng dậy một cách e dè. Người thư ký đọc lại một lần nữa tên tôi, chúc vụ quê quán. Tôi như từ trên trời rớt xuống trong lúc anh em la lớn "*về phòng lấy đồ về*".

Trong phòng tôi chỉ có hai người được về chuyến đó, là anh Châu, đại úy cảnh sát và tôi. Châu nằm ngay sát bên tôi và cũng cùng quê với tôi.

Tôi không có gì cần thu xếp, cũng không có gì để lại cho anh em. Tôi chỉ bỏ lại vài bộ đồ tù, mặc cái áo lính cũ ra về. Tôi siết chặt tay anh em và hầu hết đều rưng rưng. Tôi chào Yên, anh khóc đưa tôi ra cổng.

Quanh phòng một vòng, tôi ứa nước mắt, mừng và buồn, nỗi buồn từ già, nỗi mừng được tự do.

NGHĨ VỀ NHỮNG NGÀY TÙ

Đời tôi chịu hai lần tù của hai chế độ — Cộng Sản trước 1954, Cộng Sản sau 1975 và thời chánh quyền quốc gia Ngô Đình Diệm.

Từ năm mười bảy tuổi còn là một học sinh trung học Lê Kiết, tôi đã chống cộng sản. Kết quả bị đuổi khỏi tất cả các trường ở Việt Nam. Trốn ra vùng tự do ⁽⁸³⁾, bị bắt đưa ra tòa án nhân dân liên khu V.

Thời tổng thống Ngô Đình Diệm, tôi bị tòa án quân sự đặc biệt cho lãnh năm năm cấm cố đày đi Côn Đảo vì tham gia cuộc đảo chánh của đại tá Nguyễn Chánh Thi.

Như thế là thời nào tôi cũng bị đưa ra tòa và bị án tù.

Những ngày tù bị tra tấn, đánh đập, bị chửi rủa tục tằn nhất là thời gian bị giam giữ bởi mật vụ Ngô Đình Cẩn tại một nhà tù bí mật giữa đô thành Sài Gòn.

Nhiều đảng viên Cần Lao Nhân Vị, hầu hết sinh trưởng ở Huế, cố đồ lễ nghi cổ kính, đã biến thành những hung thần dưới trướng Ngô Đình Cẩn vốn thiếu học, không hiểu biết chỉ theo ý riêng bất chấp pháp luật, bất kể quốc gia. Thật khó mà quên những cái tên Dương Văn Hiếu, Lê Văn Giai, nhất là tên Lưu, từng làm mưa làm gió ở trại tù mật vụ Ngô Đình Cẩn.

Nhưng những ngày tù làm cho tôi cay đắng nhất, làm cho tôi nhục nhã nhất, làm cho tôi xấu hổ nhất, làm cho tôi thấy được cái ti tiện vô lương tâm của con người nhất, là giai đoạn tù cộng sản sau 1975.

Vì tôi làm đội trưởng toán tù lò gạch nên mang tiếng là làm việc với ban giám thị, tức làm cho cộng sản. Điều này tôi và Lê Vinh Thiều thấy từ đầu, nhưng tôi tin việc làm của mình sẽ nói lên mình có phải là tên theo cộng sản hay không. Tôi biết tôi là người không sợ trách nhiệm. Tôi biết tôi là người tự tin và khi làm việc gì luôn quyết tâm làm cho kỳ được, dù gặp khó khăn.

Tôi nghĩ ai nói gì thì nói, chứ không thể nói tôi không quyết liệt chống cộng — nhất là người ở địa phương Quảng Ngãi. Tôi

⁽⁸³⁾ *Lúc ấy cộng sản gọi là vùng bị tạm chiếm hoặc vùng tề.*

có thể tự hào là khó tìm thấy người nào dám chống cộng sản công khai, quyết liệt như tôi.

Tôi không chống cộng sản theo lệnh trên, theo tư lợi, theo trào lưu hay tuý hứng mà chống do lý tưởng, chống bằng công việc cụ thể, chống bằng sự thi đua với kẻ thù làm lợi ích cho giai cấp vô sản, chống bằng tấm lòng trong sạch, không tham nhũng, chống bằng cả sự tàn bạo cùng sự cao thượng ngoài chánh kiến, chống bằng nền giáo dục lành mạnh để cải tổ một xã hội.

Tôi vẫn tin nếu tôi được ở vào giai tầng lãnh đạo cao cấp thì không bao giờ miền Nam Việt Nam bị cộng sản vốn là kẻ thù sút kém về mọi mặt, thôn tính. Bởi đến nay, ai ai cũng biết tương quan lực lượng hai phe quốc gia và cộng sản ở Việt Nam rất chênh lệch. Lực lượng quốc gia mạnh hơn lực lượng cộng sản rất nhiều, nhưng đã thua, chỉ vì giới lãnh đạo thiếu lòng yêu nước, thiếu ý chí đấu tranh.

Khi phải sống trong tù, tôi vẫn nghĩ như vậy và trong giới hạn nhỏ bé cùng cực của đời sống tù đầy, tôi vẫn đặt mình trước trách nhiệm với mọi người, nhất là với bạn bè cùng cảnh ngộ bi thảm. Và, do tự tin ở khả năng của mình nên tôi dứt khoát nhận vai trò đội trưởng với ý hướng cố tìm cách giảm nhẹ mức ê chề trong đời sống mà chúng tôi đang gánh chịu. Trên thực tế, dù bị vây hãm giữa khó khăn ràng buộc, cuộc sống của anh em tù ở trại lò gạch Kim Sơn đã có những nét dễ chịu rõ rệt:

- Giữ được vệ sinh sạch sẽ cho anh em tới mức có thể nói không trại tù nào ở Việt Nam sánh bằng.

- Được dùng tiền mua đồ ăn không lén lút. Thịt cá đem tận lò gạch công khai bán cho tù nhân.

- Thân nhân thăm nuôi được ở lại ban đêm với tù nhân ngay trong trại tù.⁽⁸⁴⁾

- Bảo vệ tư cách của anh em tù, không phạm các điều tệ hại như ăn cắp, đánh lộn... Can đảm góp ý với anh em bị kiểm điểm để tránh hình phạt trong nhiều vụ như đã xảy ra với các anh Lê Văn Tường, Phạm Công Đồng, Lê Văn Quý, Trương Ngọc Hồng, Hồ Bảng v.v... Những người trên hiện đều sống ở nước ngoài, hầu hết ở Mỹ.

Riêng thái độ của cá nhân tôi có thể biểu hiện cụ thể nhất

⁽⁸⁴⁾ Trước 1986, không có trại tù nào có được điều đặc biệt như thế này, nếu không ở tù ở Lò Gạch không thể tin điều này là điều có thật.

qua việc từ chối ký biên bản khi cán bộ trực trại đánh tù rồi lập biên bản ghép tù vi phạm kỷ luật. Việc này dẫn đến chuyện tôi phải chịu kỷ luật vì không nghe lời cán bộ, bị đưa ra khỏi lò gạch và đưa đi trại khác.

Thế nhưng, việc tôi làm đội trưởng một đội thường được ban khen sản xuất đạt chỉ tiêu, vượt chỉ tiêu đã trở thành điểm tựa cho những xì xào bàn tán tôi đã theo cộng sản, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của cộng sản. Trên thực tế, cái gọi là chỉ tiêu, gọi là vượt chỉ tiêu, gọi là thành khẩn lao động tốt v.v... chỉ có giá trị trên danh từ, trên khẩu hiệu, trên báo cáo, trên thuyết trình để qua mặt ban giám thị vì hết thấy đều là giả tạo mà các toán trưởng đều biết rõ cùng lời dặn phải giữ kín của tôi. Lời dặn của tôi đã bị toán trưởng toán ngói Phạm Văn Chất báo cáo với quản giáo Chạy như tiết lộ của chính cán bộ này khi gọi tôi lên kiểm điểm.

Với tôi, điều ngạc nhiên nhất là ngay những người ở trại lò gạch hưởng được nhiều thứ mà người tù khác không có, những người hiểu rõ nhất về mọi sinh hoạt ở đây lại sẵn sàng hòa theo luận điệu đó. Tôi hiểu phần lớn động cơ thúc đẩy chỉ do nhu cầu chứng tỏ tinh thần chống cộng sản. Vì thế khi còn trong trại tù, có lần tôi không nén nổi bức bối trước lời lẽ xì xào kia đã nói thẳng: *“Các anh và cả dòng họ các anh chống cộng suốt đời không bằng tôi chống cộng mười lăm phút”*. Đáng buồn là câu nói không nên nói đó lại gắn kết với thực tế.

Tôi qua cả thấy sáu trại tù và phải nói thực, chưa thấy một anh tù nào dám công khai chống đối ban giám thị hay cán bộ giữ tù. Trừ một số rất hiếm như anh Chương người Bình Định dám giết cán bộ cộng sản để vượt ngục, hầu hết gần như trăm phần trăm đều cầu an, miệng câm như hến, luôn tỏ ra ngoan ngoãn nghe lời quản giáo, không bao giờ dám cãi, dám trái ý cán bộ. Không ít người trong số này khi ra tù, nhất là ra được nước ngoài, có cuộc sống tương đối thoải mái đã cố tìm cách tự tổ điểm một quá vãng anh hùng với không ít chuyện tưởng tượng về thời sống trong tù.

Tôi vẫn thường nghe nhắc là *“có những sự thực không nên đưa ra”* nhưng tôi lại nghĩ lương tâm con người không cho phép đồng lõa với những trò lường gạt xảo trá.

Tôi không giết cán bộ, không chửi quản giáo, không đốt trại tù...như một số người thường khoe trong các quán cà phê,

các quán nhậu, nhưng tôi không hoàn toàn cảm như hén, khiếp nhược cúi đầu trước mọi đòi hỏi của kẻ thắng mà thực tế đã chứng tỏ qua trường hợp người tù trích thơ Chế Lan Viên, trường hợp Hồ Bằng ...

RA TÙ

Trong số sáu chục người được thả, chỉ có hai người quê quán Quảng Ngãi là tôi và anh Châu. Năm mươi tám người kia đều vào Sài Gòn. Tôi cũng về Sài Gòn với quyết định sẽ sống cuộc sống bất hợp pháp.

Chiếc xe ì ạch chở sáu chục người chúng tôi đổ xuống ga La Hai lúc mặt trời vừa lặn. Có lẽ không ga xe lửa nào nhỏ hơn ga La Hai vì chỉ là nơi tạm dừng, ngoài con đường sắt chính không có các nhánh phụ để đổi wagon, đầu máy.

Gia đình ông xếp ga ở ngay trong văn phòng nhà ga.

Ông xếp ga cho chúng tôi biết đến 10 giờ khuya có chuyến tàu chợ vào Nha Trang, ông sẽ cho tàu ngừng lại cho chúng tôi đi, không phải mua vé. Anh em về Sài Gòn được phát bảy chục đồng, về Cần Thơ chín chục đồng, về Quảng Ngãi ba mươi lăm đồng. Khi ký nhận tiền, tôi hỏi cán bộ tài chánh, tôi có gửi một trăm năm chục đồng khi mới đến trại, bây giờ có được nhận lại số tiền đó không. Cán bộ cho biết không thể nhận được vì không thể kiểm lại sổ sách cách đây vài năm.

Xóm ga buồn, nghèo xơ xác.

Năm ba người già, nghèo lam lũ đến hỏi mua những cái áo lính cũ anh em chúng tôi đang mặc. Nhìn những người này tôi biết dân chúng đói khổ lắm. Tôi dặn anh Châu khi về quê không cho ai biết tôi về Sài Gòn. Buổi tối nhện đói, nhưng tôi không thấy đói, có lẽ vì xúc động quá và nôn nao hồi hộp lo lắng đủ thứ. Nằm trên chiếc ghế dài trước hè ga, tôi nghe hai anh bạn nói chuyện. Một người nói mấy năm rồi tối nay mới ăn một bữa ngon lành. Người kia hỏi ăn ở đâu, anh trả lời đi vòng xung quanh đây không có quán xá gì hết, anh vào đại một nhà nói họ nấu cho bữa ăn. Họ bảo có gạo nhưng không có đồ ăn. Sau cùng chủ nhà nấu cho anh hai lon gạo bỏ chút muối, và anh ăn ngon quá. Câu chuyện râm rì tâm sự của hai anh bạn tù khiến tôi thấy buồn thương cho thân phận con người.

Ông chủ ga dặn "*phải khẩn trương lên tàu*" vì tàu chỉ dừng

không quá một phút. Trước nửa tiếng, chúng tôi nôn nao chực sẵn trên sân ga. Một hồi còi hú dài rồi từ xa đèn tàu sáng loá. Tàu chạy rất chậm, các toa đều đóng kín có lẽ chờ hàng hóa chở không chờ người. Hai toa sau cùng trống. Chúng tôi ào lên trong chớp nhoáng và tàu chuyển bánh, bỏ lại nhà ga với ông chủ ga xách cây đèn báo hiệu xanh đỏ trong đêm tối.

Tôi không nhớ bao năm rồi tôi mới bước lên xe lửa. Gió khuya lạnh, phía ngoài chìm trong đêm tối. Lâu lâu tôi lại tự nhắc "*Mình ra khỏi tù rồi, ra khỏi tù rồi*" với cảm giác lo sợ mơ hồ. Tôi nghĩ vợ con tôi nghe tin tôi được về sẽ rất mừng. Tội nghiệp vợ tôi sức yếu, không quen lao động, con còn quá nhỏ mà phải đương đầu với cuộc sống vừa tủi hổ vừa cô đơn nghèo đói. Tôi hi vọng sẽ thay thế nỗi vợ tôi để lo cho gia đình. Tôi không dám nghĩ nữa vì rời nhà tù không phải là đã được tự do. Xã hội chủ nghĩa là một nhà tù lớn. Tàu chạy thật chậm, thỉnh thoảng dừng không phải ở ga mà ngay giữa rừng núi. Tôi ngạc nhiên nhưng anh em cho biết xe dừng để xuống đồ buôn lậu, tránh thuế vụ. Anh em bảo sáng mốt, tờ mờ sáng chúng tôi mới tới Sài Gòn. Tôi chỉ mong ngay sáng mai sẽ tới và giật mình nghĩ đến mẹ tôi. Lạy trời, khi về còn được thấy mẹ dù chỉ một ngày cũng được. Nếu hôm trước không có Quân vào thăm nuôi thì tôi đâu biết cha tôi đã qua đời ba năm rồi. Tôi thấy tàu chạy chậm quá. Tờ mờ sáng hôm sau, chúng tôi mới biết toa tàu chúng tôi chen chúc lên là toa tàu chở heo. Tuy có quét dọn rồi nhưng vẫn còn ít rơm rạ lót cho heo nằm và mùi phân heo còn thoảng thoảng, dù gió thổi mạnh qua cửa khi tàu di chuyển. Tự nhiên tôi nghĩ đến lần ở tù từ Côn Đảo về năm 1963 khi chánh quyền Ngô Đình Diệm bị truất phế. Năm đó ba mươi mấy người chúng tôi được dân chúng xem như những nhà ái quốc từ Côn đảo về đất liền. Đồng bào Sài Gòn chen lấn chờ đón chúng tôi từ sáng sớm. Chúng tôi về với hi vọng được sống trong một xã hội mới không còn chính thể độc tài gia đình trị. Nhưng chiếc tàu thủy chở chúng tôi thay vì đến Sài Gòn đúng 8 giờ sáng như đài phát thanh loan báo trước đó, lại được lệnh phải về sau 12 giờ trưa. Phải trễ như vậy để dân chúng tản bót. Chi tiết nhỏ này cho thấy tâm địa thực của những người đảo chánh và những người mang tâm địa đó lại trở thành người lãnh đạo dân tộc trong cuộc chiến đối đầu với cộng sản!

Lần này cũng từ tù ra nhưng khác rất xa vì thuộc phe chiến

bại mà kẻ thắng lại không mang tim óc con người. Chúng tôi ra khỏi tù, nhưng thực sự chỉ là ra khỏi nhà tù nhỏ để bước vào một nhà tù lớn cùng với dân tộc cũng đói khổ, cũng tủi nhục không kém nhà tù nhỏ. Ý nghĩ hiện ra với tôi ngay lúc đó là nhất định phải tìm cách đi khỏi nhà tù lớn này đến một nơi thực sự của con người, không thể sống lẫn lộn với thú vật. Miên man với những ý nghĩ ấy, tôi không hay xe đã đến ga Nha Trang. Ngày xưa ga này là ga lớn, tàu qua lại nhộn nhịp bây giờ cũng tiêu điều rách nát. Tiếng rao lạnh lạnh bán nước uống, trái cây, cơm đĩa, nhưng rất ít người mua. Chúng tôi xuống tàu theo lời ông chủ ga La Hai dặn vì tàu chờ chúng tôi đến đây là hết đường phải quay về Qui Nhơn. Vừa xuống toa để chờ tàu đi tiếp vào Sài Gòn, một người đàn bà bưng một cái trảng trên sắp sáu đĩa cơm trắng thật trắng trên mỗi đĩa một con tôm lớn bằng ngón chân cái chiên vàng, đầu tôm, râu tôm, chân tôm và đuôi tôm như còn nguyên. Tôi nuốt nước miếng, nhìn nơi khác. Hai mươi bốn giờ rồi tôi không có gì ăn. Tôi bọc kỹ ba mươi lăm đồng lộ phí, không dám động đến, sợ phí phạm. Nhịn, nhịn về Sài Gòn sẽ tính.

Tàu chờ khách từ Sài Gòn ra dừng lại ga Nha Trang. Khách xuống tàu có những người rất sang trọng. Đám bán hàng rong bỏ chúng tôi chạy ủa lên chiếc tàu đó. Có người la lớn "*Tàu Thống Nhất đến*". Hai tiếng "*Thống Nhất*" bỗng khiến tôi khó chịu, cay đắng. *Khách* xuống ăn nhiều quá, tôi nhớ lại ngày trước cũng trên những chiếc tàu như thế chúng tôi về quê ăn tết với ý nghĩ lý thú là "*khách giang hồ từng trải, khách lãng mạn xây nhà trên bốn biển.*"

Tôi đang quan sát con tàu chợt nghe gọi lớn: "*Anh Liệu! Anh về hồi nào?*" Tôi chưa kịp trả lời thì người gọi đã ôm chầm lấy tôi mừng rỡ. Đó là Dũng, Bùi Dũng cán bộ Xây Dựng Nông Thôn và cũng là em út của tôi trong chiến dịch Về Làng. Dũng mừng hỏi rồi rít, còn tôi rất e dè vì mới ra tù, đang đi vào con đường sống bất hợp pháp. Dũng kêu cho tôi một tô bánh canh của người bán trước mặt, nhét vào túi tôi gói thuốc Thái Lan và một trăm bạc. Mấy cử chỉ này lạ quá, tôi không kịp gì hết. Dũng nói gọn "*Về Sài Gòn gặp anh, bây giờ tàu chạy rồi em phải đi Hà Nội, mừng cho anh.*" Dũng vừa nói vừa chạy theo con tàu đang chuyển bánh chậm chạp nặng nề.

Tôi sửng sờ nhìn con tàu khuất vào đêm tối.

Một hồi còi hú dài nhịp thêm mấy tiếng báo hiệu một con tàu sắp đến. Những người bán hàng rong náo nức như rối loạn, lại la lớn “*Tàu Thống Nhất đến*”. Tôi hỏi một em bán nước uống xách một cái ấm, tay cầm vài cái ly nhựa, ở tư thế sẵn sàng chen lấn lên tàu. Em cho biết tàu này vào Sài Gòn chỉ dừng ở đây chừng nửa giờ. Tôi nôn nao. Con tàu sang quá, y như con tàu lúc nãy Dũng đi ra. Những thiếu nữ ăn mặc chỉnh tề đứng trong toa nhìn qua cửa sổ. Tôi thấy vui vui, nghĩ thầm vẫn còn những người có vẻ lãng mạn. Con tàu ngừng hẳn. Người bước xuống, người chen lên. Tôi cũng chen lên theo lời dặn của ông chủ ga La Hai — “*lên cho lẹ, họ có hỏi vé thì nói mới ra tù, xin họ một chuyến chứ không có tiền. Nếu họ không cho, thì năn nỉ, nếu năn nỉ không được, thì xuống chờ chuyến khác...*” Trên tàu khách đông quá không còn ghé trống. Tôi đành đứng chờ. Tôi nghĩ đứng cũng được, sáng mai tới Sài Gòn rồi. Tôi sắp gặp lại mẹ tôi, các em tôi, bạn bè, bà con tôi. Tàu chậm chậm rời sân ga, rồi tăng tốc, chạy nhanh trong đêm tối mịt mù. Một hành khách thấy tôi đứng liền dẹp cái xách tay xuống sàn, bảo tôi ngồi bên cạnh. Tôi rút dè rồi cũng ngồi xuống, dựa lưng ra phía sau. Gần tám năm rồi tôi mới được ngồi trên ghế nệm êm như lún xuống thân ghế. Dựa ngửa thoải mái, tôi mỗi điều thuốc thơm Dũng mới cho, kéo dài hơi thở khó. Suốt một ngày hai đêm bảy giờ tôi mới có được phút thả thả dễ chịu. Cô gái ngồi bên tôi hỏi “*Chú ở trại nào về, ngoài Bắc hả?*”. Tôi hỏi “*Sao cô biết tôi là người cải tạo mới ra?*”. Cô cười thật dễ thương: “*Bị mất cháu cũng biết, người tù khác xa người ngoài đời?*” Tôi nói thật: “*Tôi ở trại Xuân Phước về*”. Mắt cô sáng lên “*Thật hả, ba cháu cũng ở trại Xuân Phước về trước đây hai năm, ông về rồi đau hoài, họ bảo ở trên đó nước độc lắm phải không chú?*”

Tôi trả lời bằng quơ vì thói quen e dè ít lời.

Dựa vào ghế thoải mái, tôi lim dim ngủ.

Tôi giật mình, người soát vé đập vào vai. Tôi lễ phép đứng dậy thưa, mới ra tù chiều hôm qua xin ông một chuyến xe về nhà. Ông định hỏi thêm điều gì nhưng cô nhỏ bên cạnh nói: “*Chú này ở tù mới ra, anh cho chú một chuyến chứ đuổi xuống tội nghiệp, trong túi chú không có một xu mà.*” Người soát vé vỗ vai bảo tôi ngồi xuống. Thế là tôi khỏi bị đuổi. Con tàu chạy nhanh, êm êm trong đêm tối về Sài Gòn. Cô bé nói “*Cháu về Biên Hòa, tàu dừng đó không quá mười phút rồi chạy về ga Bình*

Triệu, tôi đó chú xuống kiếm xích lô mà về”.

Trời sáng rõ, tàu dừng tại Biên Hoà là nơi tôi quá quen khi làm thanh tra ở Quân Đoàn III. Cô bé chào tôi, chúc tôi về đoàn tụ gia đình.

Tàu vào ga Bình Triệu lúc mặt trời mọc.

Ánh nắng le lói buổi sáng chiếu trên các hàng cây hai bên đường. Một buổi sáng đẹp, lý thú và tôi sắp sửa gần người thân, gần mẹ tôi. Tàu chạy chậm lại từ từ một hồi lâu rồi ngừng hẳn. Một đám đông phần nhiều trẻ tuổi, ồ ạt vừa la vừa chạy lên các toa tàu. Tôi đi xe lửa nhiều lần nhưng chưa từng thấy cảnh ồn ào xô bồ như thế này. Người chạy lên giành giật những túi xách hành lý, ôm những đứa bé, vồn vã mời, “*mời bà, mời ông, mời cô... theo tôi xuống xe tôi đang chờ đưa ông, cô, bà... về nhà giá rất rẻ*”. Miệng nói không ngừng, tay xách, tay mang, hành lý bước xuống tàu. Có người giật lại la lớn “*Tôi ở gần ga không đi xe, trả lại cho tôi...*” Nhưng phần lớn khách ngoan ngoãn bước theo để khỏi lạc mất đồ đạc. Tôi nghe vài phát súng nổ và được biết công an đuổi bắt đám cướp giật trên sân ga. Đông quá, kể lên người xuống không còn phân biệt nổi gì hết. Một số anh em chúng tôi ở Cần Thơ chen lên chiếc tắc xi thuê chuyển về miền Tây. Chúng tôi không kịp và cũng không cần chào chia tay, mạnh ai nấy đi. Tôi ra khỏi nhà ga, tính đi bộ về nhà em tôi ở Bến Tầm Ngựa, đường Yên Đổ, bây giờ là đường Lý Chính Thắng. Tôi nghĩ chịu khó đi bộ chậm lắm cũng vài giờ đồng hồ, đỡ tiền xe nên tôi từ chối mọi mời gọi của xích lô, xe thồ. Đi chừng non trăm mét thì một chiếc xích lô như chặn trước mặt tôi. Đạp xe là thằng nhỏ cỡ mười lăm tuổi lên tiếng: “*Mời chú lên*”. Tôi đã định tiết kiệm nhưng thấy thằng nhỏ ốm yếu tội nghiệp nên hỏi nó “*Về Bến Tầm Ngựa bao nhiêu em?*”. Thằng nhỏ cười: “*Chú cứ lên mà, cháu không biết Bến Tầm Ngựa, chú chỉ đường, cháu đưa chú về nhà*”. Thấy thằng nhỏ vui vui, tôi bước đại lên xe bảo đưa về khu chợ Trương Minh Giảng. Nó lại hỏi Trương Minh Giảng là ở đâu. Lỡ lên xe rồi, tôi hơi lo thằng nhỏ đòi tiền cao quá trong khi tôi đang cần tiền tặn. Thằng nhỏ im lặng không nói chuyện với tôi, hình như nó mệt lắm, tôi nghe nó thở hển hển. Gần đến nhà em tôi, tôi bảo dừng lại để đi bộ vào hẻm. Bước xuống xe, tôi hỏi: “*Bao nhiêu cháu?*” Tôi hi vọng ba mươi lăm đồng trại phát cho tôi về miền Trung đủ trả nó nên rút số tiền ra cầm sẵn trên tay. Thằng nhỏ mở hôi nhuế nhại,

quành đầu xe, cười nói: “*Chú cũng như ba cháu đi cải tạo về, cháu không lấy tiền đâu*”. Tôi sừng sốt chời vớ. Níu chiếc xe lại, tôi giơ cao nắm tiền nói: “*Không được, chú có tiền đây, trại cho chú mấy chục đồng. Chú không xài gì. Cháu còn nhỏ và ốm yếu đạp xe vất vả quá. Chú cho cháu đây, cháu phải cầm. Cháu có ý tốt như thế là đủ rồi, chú cầm ơn, nhưng cháu phải lấy.*” Thăng nhỏ một mực chối từ, rồi vụt đạp xe đi vừa nói “*Thôi, chú vào gặp gia đình đi*”. Tôi chỉ kịp nói vớ theo “*Chú nhớ ơn cháu*”. Nhìn thăng nhỏ lẩn trong đám xe cộ qua lại, tôi bàng hoàng. Bất chợt tôi vụt nhớ cảnh trước khi ra khỏi tù hồi số tiền một trăm năm mươi đồng gửi cơ quan cất giữ đã nhận được câu trả lời thản nhiên của người cán bộ “*hai năm rồi không còn sổ sách*”. Trong đầu tôi hiện lên ý nghĩ so sánh mỉa mai về sự khác biệt giữa hai thứ máu tư sản và máu cộng sản. Thăng nhỏ này quả là có máu tư sản!

Thăng nhỏ có thể không còn nhớ việc làm của mình, nhưng tôi mãi mãi không bao giờ quên. Vớ tôi, nó không chỉ tặng cho một cuộc xe miễn phí mà đã giúp giảm thiểu tâm trạng bi quan chán nản. Tấm lòng hào hiệp của nó cho thấy dù giữa một xã hội giành giật bạo tàn, những đốm lửa ấm của tình người vẫn không lụi tắt. Nhiều lần tôi kể lại cho các con nghe câu chuyện như một bài học cao quý về sự hồn nhiên làm việc thiện trong sự âm thầm, không cần ai biết, không cần ai khen.

Cự thấy tôi kéo cửa bước vào, dụi mắt tưởng đâu là chiêm bao rồi chạy ào tới ôm tôi khóc òa như con nít. Tôi thứ tám, Cự thứ chín, tôi hơn Cự hai tuổi, lúc nhỏ đi học chung với nhau nên có nhiều kỷ niệm. Nhưng Cự khác tánh tôi nhiều khi nghịch lại, cũng như những người bạn thân nhất của tôi như Lê Vinh Thiều, Lê Sử, Tạ Ký và cả vợ tôi. Trong cuộc sống, Cự luôn kỹ lưỡng, e dè nên tránh khỏi sóng gió nhưng cũng nhiều khi bỏ mất cơ hội tốt. Bởi vậy đời Cự triển miên trong tiếc rẻ.⁽⁸⁵⁾

Thấp nhang bàn thờ cha tôi là việc đầu tiên tôi làm. Sau đó anh rể tôi, anh Cấn, đưa đi ăn sáng.

Tám năm rồi, tôi mới ăn được tô phở.

⁽⁸⁵⁾ Cách đây vài năm, mấy ngày trước đám cưới đứa con trai đầu của tôi, Cự đột nhiên xuất hiện trước sự kinh ngạc kỳ thú của chúng tôi. Từ Việt Nam, Cự đã đi nửa vòng trái đất qua Mỹ để có mặt trong ngày đứa cháu cưới vợ.

Cụ chớ tôi lên gặp mẹ đang ở với em gái tôi. Hồi tôi còn ở nhà lao Quảng Ngãi, năm 1975, mẹ tôi có vào thăm mấy lần. Tôi nhớ lần chót mẹ vào thăm đã cho biết hôm sau mẹ vào Sài Gòn. Buổi thăm nuôi đó, tôi buồn quá. Mẹ tôi khóc suốt mấy chục phút có lẽ mẹ đã nghĩ đó là lần cuối cùng gặp tôi. Từ khi tôi bị bắt mẹ tôi đã nghe biết, nếu tôi không bị xử tử thì cũng khó có ngày về.

Tôi còn nhớ rất rõ như mới hôm qua, năm 1961 mẹ tôi vào Sài Gòn nhân dịp Tết Nguyên Đán, xin phép vào thăm tôi ở trung tâm thẩm vấn trong khu cảnh sát Đô Thành. Vừa thấy tôi, mẹ tôi khóc rống lên khiến tôi đứng chết trân và không đê nén nổi nước mắt trào ra đầy mặt. Hết giờ, hai mẹ con không nói được một câu, vì mở miệng thì tiếng khóc át tiếng nói. Cuối cùng, mẹ tôi chỉ nói được mấy tiếng *“Mai mẹ về, con ở lại.”*

Nhà đông con, nhưng chỉ tôi gây cho cha mẹ những phút đau buồn nhất. Hai lần thăm tôi ở tù, hai lần đều có những cảm nghĩ đặc biệt, cảm nghĩ lần cuối cùng.

Mới xa cách mấy năm mà mẹ tôi già khác hẳn. Thấy mẹ tôi già sạm suy nhược quá, tôi không ngăn được tiếng *“Trời ơi!”* rồi ôm mẹ khóc thành tiếng. Cảm ơn Trời đã cho tôi được thấy mẹ. Trong tiếng khóc, câu đầu tiên mẹ tôi nói như than như kể: *“Cha con qua đời rồi, ông luôn luôn nghĩ con đã bị họ giết nhưng ở nhà giấu ông, mẹ nói gì ông cũng không nghe. Thành Hoán, thằng Vỹ chết rồi. Nghe nói vợ con ở ngoài quê đói khổ lắm, mẹ nhớ sắp cháu ngoài đó, nhưng làm sao mà thăm.”* Tôi biết mẹ tôi khó đủ sức chịu đựng liên tiếp những khổ đau dồn dập, những mất mát do thời thế đem lại: Nhà cửa, ruộng vườn bị cướp sạch, mạng sống bị đe dọa, chồng chết, con cái ở tù, liên tiếp chết hai đứa và nhìn quanh, bà con anh em cháu chắt đều đói rách tả tơi. Bà oán hận cộng sản nhưng chỉ âm thầm oán hận nên với tuổi già, bà càng suy sụp rất nhanh. Mẹ tôi lùn hẳn xuống, lưng khòm, chân tay toàn da và xương. Nắm tay mẹ, vuốt nhẹ lên ống chân mẹ, tôi có cảm tưởng vuốt một lóng xương khô không còn chút máu. Mắt mẹ nhỏ, nhỏ quá, mẹ chỉ thấy mờ mờ không phân biệt được ngoại vật. Biết tôi còn sống và được về, mẹ tôi mừng nói trong tiếng khóc *“Mẹ tưởng con chết rồi và nếu còn sống thì mẹ già yếu quá khó mà gặp lại con, không ngờ hôm nay con được về thấy mẹ.”* Mẹ vừa nói vừa sờ vào trán, vào đầu, vào vai, vào tay tôi, như cố nhận đúng là tôi, chắc chắn là tôi và xem ốm yếu bệnh hoạn thế nào. Tôi không biết đã mấy chục năm

rồi mới được mẹ sờ lên người như để chuyển tình thương nỗi nhớ.

Tôi về gần một tháng vẫn chưa gặp vợ con. Thực sự tôi hơi buồn và lo. Khi mới ra tù tôi tính vào Sài Gòn trước để thăm mẹ và xem tình thế ra sao, rồi tôi sẽ về Quảng Ngãi. Vì thế tôi cố giữ số tiền được cấp phát khi ra về, và số tiền Dững cho để làm lộ phí về thăm vợ con. Nhưng ai ai cũng khuyên tôi không nên, không thể về quê nên tôi đành chờ vợ tôi vào Sài Gòn rồi mới tính. Cả tháng vợ tôi chưa vào khiến tôi luôn thắc mắc. Cụ không cho tôi viết thư vì sợ dễ lộ tông tích tôi đang trốn tránh.

Ngay những ngày đầu tôi dò dẫm tìm nhà thăm Cam Duy Lễ, người bạn thân của tôi còn lại. Lễ với tôi, Tạ Ký, Tôn Thất Trung Nghĩa là bạn thân, gần như đêm nào cũng uống bia ở chợ Đũi. Tôi tìm được nhà. Người giúp việc nhà của Lễ cho biết thầy bất thường, có khi khuya mới về. Tôi viết ít chữ cho biết tôi đang ở nhà Cụ.

Lễ rất mừng khi biết tôi được về. Trông Lễ già hẳn, tóc bạc khá nhiều. Lễ cho biết Tạ Ký đã chết trong tù và gia đình Ký đã trốn ra nước ngoài. Trung Nghĩa cũng vậy, cũng trốn ra nước ngoài. Lễ còn dạy tại Petrus Ký bây giờ đổi tên là Lê Hồng Phong. Lúc đó, 1984, chánh quyền cộng sản còn sát máu lắm, dân chúng sống trong khiếp sợ. Tôi thấy được nỗi khó của Lễ, bỏ tôi thì không nở, nhưng gặp tôi thì e dè lo ngại nên tôi dù nằm không cũng ít đi tìm Lễ. Khi cần, Lễ tìm tôi vì Lễ còn chiếc Honda hai bánh. Lâu dần rồi cũng quen, Lễ lại rủ tôi đi uống rượu. Chúng tôi uống rượu đế, vừa rẻ vừa mạnh mau tìm được cảm giác say. Lễ bảo tôi: *"Mày đưa con cái vào, tao sẽ lo cho về việc học, còn mày thì nên đi"*. Tình cảm chân thành của Lễ, tôi không bao giờ quên. Một hôm, tôi hỏi Lễ chất hơi bơm vào bong bóng để bay lên có phải acetylene không, Lễ cho biết ở thị trường có nhiều thứ bơm vào bong bóng. Lễ nhắc thêm coi chừng khi bong bóng bay cao áp suất thay đổi có thể nổ. Sờ dĩ tôi hỏi Lễ về chất khí nhẹ vì đài BBC loan tin một cựu sĩ quan phi công đã dùng ruột máy cày bơm khí nhẹ vào, rồi nhân đêm giao thừa cho ruột máy cày bay lên kéo anh ra khỏi nước, theo gió tấp đến không phận Nhật. Người phi công can trường này được nước Nhật đón tiếp như một vị anh hùng. Chuyện ấy rất kích động tôi nên tôi hỏi Lễ về loại khí nhẹ. Tôi nghĩ vượt biên kiểu này ít tốn kém, ít nguy hiểm ngoại trừ khi bay lên không gặp gió

đủ sức đẩy ra ngoài nước sẽ quần mãi trong đất liền rồi bị bắt.

Tôi được điện tín của Hồng Hạnh báo cho biết cuối tuần vợ tôi vào Sài Gòn. Hạnh là vợ Võ Hữu Cảnh, bạn thân như em của tôi, từng cùng tôi tích cực xây dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Hạnh có mấy lần tới thăm tôi ở trại Kim Sơn. Khi tôi vào trại Xuân Phước, Phú Yên thì Cảnh - Hạnh quyên góp anh em tạo điều kiện cho Chế Quân vào thăm tôi. Những ngày cực kỳ đen tối sau 1975, Cảnh - Hạnh thường lui tới thăm nom, giúp đỡ vợ con tôi, nhất là lo sách vở cho các con tôi đi học. Có lần Hạnh vào nhà, thấy các con tôi bơ phờ, hỏi mẹ đâu, con tôi nói mẹ đang phơi lúa cho hợp tác xã. Hạnh lên tìm thấy vợ tôi lam lũ thế lương quá, Hạnh ôm choàng vợ tôi khóc. Lần khác Hạnh vào, thấy vợ tôi đau khớp đi không được, con cái nheo nhóc, Hạnh cho hai trăm bạc. Số tiền đó vợ tôi dùng buôn bán lật vạt để kiếm sống qua ngày. Được điện tín tôi rất hồi hộp vì lâu quá không gặp vợ, nhất là chưa bao giờ gặp đứa con út của tôi, thằng Kim Sơn. Năm đó nó bốn tuổi. Nhưng Hạnh nói cuối tuần, vậy là ngày nào? Thứ Sáu, Thứ Bảy hay Chủ Nhật?

Sáng Thứ Sáu, tôi xuống ga Bình Triệu. Hỏi thăm được biết có hai chuyến từ Hà Nội vào lúc 9 giờ sáng và 1 giờ chiều.

Thời gian trở nên quá chậm, tôi luôn ngó đồng hồ.

Xích lô và Honda thồ đậu chật ngoài cổng ga. Người đi đưa đón được vào trong sân. Đám đông chen chúc nói "*hôm nay tàu đến sớm*". Hành khách từ các tỉnh miền Trung phần nhiều lên các toa tàu riêng biệt nên đi đón phải đến gần các toa đó, nếu không dễ lạc, vì nhiều chỗ ra vào do chưa làm xong hàng rào bao quanh sân ga quá rộng. Một người đạp xích lô chỉ cho tôi chỗ đứng đón khách từ Quảng Ngãi. Tôi nghe lời nhưng không yên tâm.

9 giờ kém 20, một hồi còi inh ỏi từ xa.

Thật là kinh hoàng, như một trận phục kích lớn khi quân địch đã vào vòng nổ súng. Tiếng la từ đám đông không thể phân biệt đó là tiếng gì, chỉ nghe "Ồ..a..." và đoàn người tủa vào sân ga. Xung quanh tôi toàn người là người, ai nấy vội vã chen lấn chạy vào, như sợ chậm thì mất chỗ. Tôi cũng bị cuốn theo dòng người đó. Gần như không ai để ý tới tiếng còi, tiếng súng chỉ thiên uy hiếp của công an. Mạnh dân dân chạy, mạnh công an công an chạy, tất cả ùa vào trong. Còi tàu hụ tiếp vô ích, chỉ còn một việc là tàu chạy rất chậm, vì nhiều người băng đại qua

đường rầy xem như không có xe cộ gì hết. Tàu chưa ngừng hẳn, đã có nhiều người nhảy lên các toa để dàng như nhảy lên bậc cấp nhà ở. Chỉ thấy người là người, phần nhiều còn trẻ, ăn mặc lôi thôi rách rưới. Tôi bèn lui ra xa để dễ quan sát nhiều toa tàu, may ra có thấy vợ con tôi không. Những người nhảy lên tàu mang xách hành lý bồng trẻ con chạy xuống. Khách chạy theo, vừa chạy vừa la gọi chậm lại, nhưng người chạy trước vẫn chạy, không cần để ý người chủ hành lý và các bà mẹ có con được bồng đại chạy lẫn trong đám đông. Tôi không biết có nhà ga nào trên thế giới như ga Bình Triệu. Trong đám đông la ó chạy lên tàu nếu là phu xích lô, xe thò thì sẽ chờ người chủ các xách hành lý hoặc cha mẹ các đưa bé lên xe để họ đưa về nhà. Nếu là bọn cướp thì số hành lý đó mất tiêu và đứa bé bị bỏ bên lề đường.

Tôi chờ qua hai ngày như thế đến chuyến tàu chót lúc 12 giờ trưa Chủ Nhật mới gặp vợ con.

Vợ tôi ốm xơ xác, khóc, đứa nhỏ gầy quá, chỉ có cặp mắt linh hoạt nhìn tôi ngơ ngác. Tôi ôm nó vào lòng, xót xa ngỡ ngàng. *“Biết nói gì đây, biết nói gì”*. Tôi hỏi có mệt không, vợ tôi trả lời không mệt. Rất nhiều câu hỏi, rất nhiều câu nói, những câu băng quơ. Tôi đưa vợ con ra cái quán lụp xụp trước sân ga, hỏi vợ tôi ăn gì, *“Em no không ăn, anh ăn đi cho con nó ăn ké với!”* Mấy ngày đi đón hụt, tôi có thì giờ dò xem các quán xung quanh có quán nào thích hợp với hoàn cảnh mình và thấy có quán bán cháo đủ loại từ hạng sang đến hạng rẻ nhất. Tôi gọi một tô cháo nhỏ nhất cho con, còn vợ tôi và tôi nhìn con ăn nói chuyện. Tôi hỏi thăm mấy đứa con ở nhà ra sao, lớn như thế nào. Nhìn những đứa nhỏ đi ngoài đường, tôi hỏi con Đạm cỡ đó không, thằng Bình bằng thằng ngồi trên xích lô với bà già vừa qua không...Vợ tôi luôn trả lời *“Đâu có được vậy, nhỏ và ốm hơn. Đâu mà lớn dữ vậy, nhỏ và ốm hơn nhiều ...”* Trời ơi, những đứa kia đã ốm và nhỏ vậy mà con tôi còn tẻ hơn nhiều! Tự nhiên tôi thấy mình có tội. Vợ tôi rõ ràng mệt mỏi và không giấu được những nét buồn. Với nước da xanh thắm của người thiếu ăn thiếu ngủ, vợ tôi quá ốm, không còn cách gì ốm hơn. Vợ tôi ít nói hơn ngày trước, chỉ còn cặp mắt của ngày xưa. Tôi buột miệng: *“Em oán anh lắm phải không?”* Vợ tôi mỉm cười *“Oán cộng sản chứ sao lại oán anh.”* Tôi đưa vợ con đến nhà bà Lê, con gái của bà cô ruột tôi, vì có lẽ nơi đó ổn hơn hết. Bà Lê

là vợ ông Bùi Bưu và ông Bưu đã qua đời. Lúc nào bà Lê và các con bà cũng tử tế, lễ độ với tôi, lúc nào bà cũng tỏ vui vẻ ân cần tiếp đãi tôi, hết như thuở xưa không có gì thay đổi, không có gì sợ sệt. Nhưng tôi biết phận tôi, một người quyết liệt chống cộng sản nay ra tù sống bất hợp pháp thì ai có chứa cũng là việc chẳng đáng dừng.

Tối tối, tôi đi uống rượu với Hùng, con ông Bưu. Hùng có vẻ giang hồ bạt mạng. Chúng tôi ban đêm ra chợ Trương Minh Giảng uống rượu đế. Ngồi trên những ghế thấp như cái đôn bên cái bàn thấp. Ban đêm không có chợ, gần như không có điện, một số người bán đồ nhậu rất nghèo nàn. Dưới ánh điện rất mờ, một cái ly nhỏ bằng ngón chân cái, một xị rượu cất hớt, tôi và Hùng hết ly cậu đến ly cháu, hết ly cháu đến ly cậu. Cứ thế hết xị này đến xị khác, thường đến xị thứ năm, thứ sáu đã khá khuya, chúng tôi về. Chúng tôi gần như chỉ uống, uống trong âm thầm, như uống lén, uống trộm. Chỉ uống chứ không ăn, không nói. Cậu nghĩ phần cậu, cháu nghĩ phần cháu. "*Bạn bè chín đũa mười phương*", nay về đô thành, tôi đi trong cô đơn, nhậu với đứa cháu lớn hơn nó hai chục tuổi. Hai thế hệ, một thế hệ đang tàn tạ tả tơi, một thế hệ tắc nghẽn không có ngày mai.

Những năm đó dân chúng sống trong khiếp sợ, nhất là gia đình có thân nhân đi tù, gọi là cái tạo. Tôi là người cái tạo về, lại sống bất hợp pháp ở Sài Gòn nên rất thận trọng trong việc gặp người quen. Khó khăn nhất là tìm chỗ tá túc tạm qua ngày. Tôi thấy rõ mối lo của các em tôi ở Sài Gòn. Cuối cùng tôi che cái nhà bằng lá dừa trên một khoảnh đất nhỏ núp sau các căn nhà mặt tiền. Thực sự tôi nhờ người em rể Lương Võ, người rất khéo léo, thêm đứa cháu kêu bằng cậu tên Sơn, Năm Sơn, rất tích cực nên chỉ trong một ngày, tôi có cái gọi là nhà bằng lá dừa. Anh Nguyễn Lễ, em ruột anh Trí Đăng, bạn tôi, cho tiền mua lá dừa. Vì lợp lá dừa thưa quá nên chỉ che nắng chứ trời mưa thì chúng tôi phải đội nón hoặc che ni-lông. Tuy vậy, gia đình tôi rất vui vì tôi đã ra tù. Tôi luôn tự nhắc nhở, dù sao vẫn sướng gấp triệu lần ở tù. Dù bất hợp pháp không dám chường mặt tiếp xúc với ai, dù đóng vai một ông già rách rưới, dơ dáy dốt nát, lảm cẩm... vẫn hơn hẳn cảnh tù. Tôi không thể không nhắc đến Năm Sơn, cháu gọi tôi bằng cậu. Trước 1975, Sơn là một thiếu úy, nhưng có cha đi tập kết về và hình như cha con luôn xung khắc về tư tưởng. Có lần, Sơn nói riêng với tôi: "*Nếu*

cháu đi, cháu sẽ dẫn theo thằng Bình cho cậu.” Lúc đó Năm Sơn chuẩn bị vượt biên. Dù Năm Sơn không thực hiện được nhưng lời nói chân tình ấy làm sao tôi quên. Bây giờ, Năm Sơn trở thành người giàu có vì kinh doanh nước ngọt. Tôi nghe nói Sơn có người vợ rất đẹp và kinh doanh rất xuất sắc.

Khi hoàn thành túp lều lá dứa, tôi đưa mẹ tôi về ở với tôi, để chính tay chăm sóc những chuyện lật vật hàng ngày cho bà. Lâu nay những chuyện lật vật này do em gái tôi làm gồm việc nấu cho bà ăn, giặt quần áo cho bà, đổ nước tiểu... Đây là những việc chưa bao giờ tôi làm nhưng tôi giải thích cho em tôi, cho vợ tôi là tôi quyết làm những việc ấy cho mẹ. Tôi phải giải thích khó khăn lắm em tôi và vợ tôi mới chịu để cho tôi làm. Em tôi và vợ tôi thường bảo: *“Để anh làm coi sao được, bà con xóm làng nhìn vào họ chửi bọn em, họ bảo đàn bà chết hết rồi hay sao mà để ông anh lớn tuổi mới ra tù làm những việc như vậy.”* Sau cùng cả hai phải nhượng bộ khi tôi bảo dù cả hai bị chửi cũng gắng chịu, đó là sự hi sinh cho tôi đỡ hối hận, vì suốt đời chưa bao giờ tôi làm một cái gì cho mẹ.

Có những hôm tôi bắc ghế ngồi trên đầu giường nhỏ những sợi tóc ngứa trên đầu mẹ. Tôi năm mươi ba tuổi, mẹ tôi tám mươi ba, lần đầu tiên tôi hỏi về thiếu thời của mẹ, về tình yêu của mẹ, lý do cha mẹ gặp gỡ nhau... Xã hội Việt Nam trong một gia đình lễ giáo và đông con... ít có trường hợp mẹ con nói chuyện như tâm sự, nhất là kể lại chuyện tình yêu cách hơn nửa thế kỷ. Tôi không biết anh chị em tôi có được những phút nói chuyện với mẹ về tình yêu như tôi. Một người mẹ thực sự gần đất xa trời, cuộc sống tính bằng tháng, bằng tuần, một đứa con trên năm mươi trải qua tám năm tù tử tội, kéo tám thân tàn tạ về sống chung với mẹ trong một túp lều xiêu vẹo.

Non một năm sau mẹ tôi qua đời.

Bạn cũ, bà con, anh em không thay đổi nhưng ít gặp tôi vì không ích lợi gì mà có thể bị khó khăn. Tôi biết phận mình cũng ráng giảm phiền hà cho tất cả. Tuy vậy, tôi lại có những bạn mới rất đáng quý. Anh Ngô Văn Thành, bạn với em tôi, thấy tôi trốn tránh ở Sài Gòn, anh không sợ, trái lại hay ghé chơi và rủ tôi đi uống cà phê. Tôi khó nói cho hết cái thú khi được uống ly cà phê (loại cà phê kho), hút vài điếu thuốc. Một buổi sớm, anh Thành kêu cửa đưa cho tôi một nón sắt gạo và dặn đừng cho vợ anh biết. Vợ anh trúng số, anh cho tôi hai trăm đồng, một số tiền thật

lớn. Những việc làm ấy tôi không bao giờ quên. Sau này, anh có người con trai, tên Thọ, tị nạn ở Texas. Nhớ ơn nghĩa của Thành, vợ tôi gọi Thọ về Cali ở tạm nhà chúng tôi để tiện việc học. Mấy tháng sau, Thọ dời chỗ ở, vừa làm vừa học và tích cực giúp đỡ gia đình. Tuy chậm nhưng Thọ là một thanh niên có ý chí, biết lo cho gia đình ở Việt Nam.

Người bạn mới thứ hai là anh Sáu Hói, anh thứ Sáu và tóc hói người trong xóm gọi anh là sáu Hói. Anh cũng là người thường rủ tôi đi uống cà phê buổi sáng. Tôi đã dựa vào anh, đi cất quần áo cho các tổ hợp để kiếm gạo ăn trước khi vượt biên.

Ngoài ra, còn có Ny, tên thật là Phan Đông.

Ba của Ny là bạn học với anh cả tôi nên chúng tôi xem như quen thân. Năm tôi làm tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn Quảng Ngãi, 1967, tôi và Ánh, lúc đó là vợ chưa cưới của tôi, đều ở nhà Ni không có tiền thuê. Tôi xem Ny như đứa em thân thương. Khi tôi ra tù, Ny là người thường đến thăm tôi và luôn luôn giúp đỡ tôi. Ny thường cho tôi uống cà phê, thường cho tôi những bữa nhậu đáng giá, tuy Ny không biết uống rượu. Cảm động nhất là Ny dành cho tôi và một số bạn những bữa thịt chó tuyệt trần, tuy Ny không ăn được loại thịt này, chỉ ngồi xem chúng tôi ăn rồi trả tiền.

Chỉ người ăn thịt chó mới biết, không thể ăn một mình mà ít nhất phải là hai người.

Tôi dám chắc từ cụ Tản Đà đến trước 1975, không có nhà văn nhà thơ, nhà báo nào không say mê thích thú loại thịt kỳ quái này. Có người bảo Nguyễn Tuân, một nhà văn nổi danh, là thủ lĩnh của nghệ thuật ăn thịt chó, tôi tin điều đó.

Một hôm, Lam Giang, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, quê Bình Định ra Quảng Ngãi Nghĩa Thục giảng thuyết về thi ca yêu nước. Một lát để loại ngon, một mâm thịt cày đủ loại, thao thao bất tuyệt, nhà văn viết bài nói chuyện xuất sắc. Tôi hỏi “*Theo thầy, giá sử sắp thịt cày đứng nhứt hạng, thì thịt bò loại hạng nào?*”. Không cần suy nghĩ thầy trả lời “*Thịt cày đứng nhất, nói cho công tâm, thứ hai, thứ ba, thứ tư... tới thứ mười chín không có loại thịt nào, rồi đến thịt bò loại chú quý nhất, đứng thứ hai mươi.*” Tôi nhớ có lần cùng với thi sĩ Hà Thượng Nhân đi ăn thịt chó, ăn xong thi sĩ tài hoa này nói “*Chú chưa có cái tác phong ăn thịt chó, chú còn ăn như ăn các loại thịt bình thường. Thịt chó phải dùng tay ăn miếng lớn say mê hưởng hết cái ngon kỳ diệu*

của nó, chú chưa có tác phong đó.”

Tôi cũng không quên được Trần Sáng người bạn rất dễ thương vẫn coi tôi như anh. Sáng không sợ, thường gặp tôi, tình nghĩa vẫn như xưa.

LẤY GÌ ĂN

Tôi ra tù, anh tôi ở Mỹ, anh Nguyễn Xáng, gửi cho tôi hai trăm đô la, món tiền quá lớn đối với chúng tôi. Anh tôi làm cho tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn nên sang Mỹ từ những ngày gần mất nước. Anh gửi tiền dưới hình thức thùng quà về cho các em tôi nuôi cha mẹ. Những năm đó liên lạc với bà con ở quê nhà vô cùng khó khăn, thư từ có khi một, hai năm sau mới nhận được, may mắn lắm là bốn tháng. Đúng như có người nhận xét cộng sản chiến thắng và đưa nước Việt Nam về lại thời đại trung cổ. Cũng nhờ những thùng quà đó mà em tôi gửi cho tôi chút ít khi tôi ở trại Xuân Phước.

Tôi nghĩ đến làm chao đậu nành đem ra chợ bán.

Tôi xuống anh Huy Hoàng hỏi thăm cách làm chao vì nghe nói có dạo anh bán chao, nhưng bây giờ hết bán vì đang làm công tác kinh tế cho cách mạng.

Trước 1975, Huy Hoàng có tiệm sách ở Nha Trang và là văn phòng trưởng văn phòng đại diện nhật báo *Sóng Thần* tại Nha Trang. Anh lập hội các em bé đánh giày ở Nha Trang với mục đích nâng đỡ mức sống và tạo điều kiện cho các em này khỏi cảnh thất học. Anh chưa làm được gì thì năm 1975 đến. Anh vào Sài Gòn cùng với đám sinh viên cộng sản nằm vùng, với nhóm nằm vùng Vũ Hạnh, nhân danh Phật Giáo, công khai hoạt động cướp chính quyền địa phương và chiếm chùa chiền. Đó là những điều tôi nghe nói, không rõ hư thật thế nào. Khi vào nhà Hoàng, căn nhà lụp xụp nghèo nàn sau đại học Vạn Hạnh, tôi thấy chứa rất nhiều sách, y như một tiệm sách có cả bộ bách khoa tự điển. Hoàng cho tôi mấy trăm bạc bảo để mua vé xe cho vợ tôi vào Sài Gòn.

Tôi hỏi anh việc làm chao và cách thức bỏ mồi bán. Anh khuyên tôi không nên làm chao vì ế lắm, anh nêu đủ lý do về kinh tế và tôn giáo v.v... khuyên tôi nên làm giấy, loại giấy vệ sinh và giấy tiền để cúng. Anh còn hứa mua cho tôi cái *“máy cải tiến”*, rẻ tiền làm ra giấy và rất có lợi. Máy này của một cụ

chánh án chế độ cũ, sau khi cải tạo một thời gian ngắn sáng chế ra làm giấy bán cho các hợp tác xã sản xuất giấy. Nếu mua được thì anh cựu chánh án, tên là Quả, — tôi quên mất họ — sẽ giúp cho chúng tôi biết rành về giấy. Đang không biết lấy gì ăn, nghĩa là đang đói, mà có công ăn việc làm thì may quá. Tôi quyết định làm. Chúng tôi góp lại, vợ tôi có hai chỉ vàng, một chỉ vào nhà lá đang tá túc, còn một chỉ góp làm giấy. Năm Sơn một chỉ, Ngô Văn Thành một chỉ, em gái tôi một chỉ, Lộc em vợ của Vỹ, em tôi, một chỉ, và Giao, đứa cháu trong họ, kỹ sư hóa học làm phó chủ tịch công ty cao su đồn điền Dầu Tiếng giúp cho một chỉ. Chánh án Quả bán máy giấy cải tiến năm chỉ vàng. Chúng tôi cấp tốc thiết lập lò, sắm các dụng cụ cần thiết để đặt máy. Máy chỉ là nồi đun nước dùng hơi nước nấu bột giấy đã được xay nhỏ mịn, rồi bột giấy đong trên tấm vải chạy dần ra như tráng bánh tráng, cuối cùng được cuốn vào cái trục. Đại khái chỉ là vậy, nhưng dù có nhà sáng chế trực tiếp điều khiển vẫn đủ thứ trở ngại. Trước hết và nguy hiểm nhất là nồi súp de có thể bị nổ vì nước sôi tăng áp suất. Không có đồng hồ đo áp suất, chỉ làm tự động bằng cách ống dẫn hơi bị sút ra khi áp suất cao quá và như vậy là khỏi nổ bình. Cứ chừng mười lăm phút thì ống hơi bị sút và phải hạ lửa, buộc lại ống hơi xem như máy ngưng làm việc. Như vậy, cứ mười phút, mười lăm phút một tiếng nổ mạnh ống hơi bung ra, hơi xì mạnh mọi việc phải ngưng chờ sửa lại, nấu lại.

Đó là máy, còn giấy thì thật thê thảm, không thành giấy dù chỉ để đốt củng nghĩa là không cần lán không cần đều, vì bột ra rồi đóng thành cục. Năm Sơn, là thợ chính được người sáng chế chỉ cách làm giấy, năm đầu ngón tay phòng hấn do phải cào bột giấy nóng cho tản đều. Làm suốt bảy ngày không có kết quả nhưng nhà sáng chế vẫn khuyến khích chúng tôi đừng nản chí, vì các hợp tác xã miền Trung sản xuất rất tốt.

Ngô Văn Thành được phân công giao tế, chạy vòng ngoài giao tiếp với chánh quyền, với công an, với ba Tàu. Thành đi mua bột giấy xay rồi, và tìm mối bán giấy. Mới ba ngày Thành tìm ra nguồn bột giấy ăn cắp ở một nhà máy giấy của Nhà Nước bán ra. Công an bắt đầu xin Thành đồ xăng Honda, chánh quyền xã bắt đầu nói đến môn bài và thuế sản xuất, Thành phải đưa tới các tiệm ăn sang để ngoại giao. Chúng tôi gắng sản xuất vài mươi ngày rồi phải ngưng vì không có thành phẩm, tức làm giấy

mà không ra giấy, chỉ ra bột giấy mà thôi. Cuối cùng dẹp tiệm, chưa biết phải giải quyết như thế nào thì nhà sáng chế tên Quã trốn biệt về miền Trung. Việc sản xuất giấy phá sản trăm phần trăm. Vậy là hai chỉ vàng dành dụm của vợ tôi, tôi làm tiêu tan. Vợ tôi vẫn thân nhiên nên tôi cũng an tâm. Ăn đói cũng được, miễn vợ chồng con cái vui vẻ là tốt. Vì sống bất hợp pháp tôi phải đóng vai một ông già rách rưới. Tóc dài râu dài, quần áo vá trăm tấm, đội cái mũ vải cũ sòn, mang dép hai quai, hút thuốc quăn kèn to bằng ngón tay cái. Ở tù đói khổ mới ra mà đóng vai già ốm xơ xác dễ quá, đóng ngu dốt, đần độn, càng dễ. Chỉ một điều khó là làm sao đừng phản ứng khi có ai nhận diện kêu đúng tên.

Một hôm, tôi đang lang thang gần chợ Bến Thành bỗng nghe gọi "*Anh Liệu! Anh Liệu!*" Người gọi đi xe đạp chặn trước mặt tôi la lớn: "*Sao em gọi mà anh không nghe, về bao giờ...*" Tôi thấy khó chịu quá, không nhớ giấu người quen nên thú thật mới về và sắp về quê miền Trung. Tôi năn nỉ người bạn đừng thổ lộ với ai tôi đã về, vì rất có hại cho tôi. Tôi phải nói dối về miền Trung để tránh bị hại nếu người bạn này có thay đổi. Một hôm khác, tôi đang chen lấn mua vé xe lửa cho vợ tôi về miền Trung, chị hiệu trưởng trường nữ trung học Quảng Ngãi vỗ vai tôi: "*Anh về bao giờ?*". Tôi vờ không nghe và rất bình thản. Chị hơi khó chịu vì nhìn lầm người, thăm thì với người bạn bên cạnh "*Tôi nhầm tưởng ông Liệu, té ra không phải?*" Người bạn nói: "*Ông Liệu trẻ khỏe hơn, ông này già quá mà*". Tôi mừng đã nguy trang thành công.

Người thân đều khuyên tôi không nên ra ngoài vì nếu bị khám phá và bị bắt trở lại thì hết đời do cố tình trốn tránh sự kiểm soát của chánh quyền. Tôi thấy lời khuyên đúng, nhưng nằm mãi ở nhà không chịu được. Vả lại, phải đi kiếm việc làm, nếu không lấy gì mà sống. Người có việc làm đầu tiên là vợ tôi, kiểm phẩm cho một hãng may của người bà con với bên chồng em gái tôi. Hãng may của chị Chinh. Hai vợ chồng chị Chinh trước 1975 là sinh viên ở Sài Gòn và là sinh viên tranh đấu, sinh viên "tiến bộ". Sau 1975, chị được trọng dụng nhưng anh chị không tham gia hành chánh chỉ lo về kinh tế. Vì vậy chị trở thành người giàu có. Anh cả của chồng chị là bạn học trường làng với tôi nên tôi trực tiếp nhờ anh xin việc cho. Công việc khá nhiều, vợ tôi phải làm từ sáng sớm đến chiều tối mới về.

LÀM ĐẬU HỦ

Cạnh căn nhà lá của tôi, phía mặt tiền là nhà ông Lâm làm đậu hủ. Ông cần một người phụ, tôi xin làm việc đó. Ông Lâm, người Bắc di cư 1954. Đại gia đình ông chuyên làm tàu hủ từ ngoài Bắc. Ông kể, năm di cư vào Nam, ông mười mấy tuổi, chuyên đội đậu đi bán nên không học hành được. Rồi ông đi lính nên chỉ cải tạo vài ba ngày. Ông có người vợ trẻ đẹp và có vẻ quyết định mọi việc. Hình như sau 1975, những ông chồng đi cải tạo về được trả quyền công dân thì mất quyền gia trưởng, hoặc bị giảm giá khá nhiều với vợ con. Ai may mắn có người vợ hiểu chồng thì sau khi ra tù cũng trở thành tùy viên cho vợ và tôi thường đùa là làm “tư lệnh phó”. Ông Lâm cũng nằm trong qui luật đó. Ông rất trọng tôi, có lẽ nghe Võ, em rể tôi và Thành... nói lại nên luôn gọi tôi bằng thầy. Tôi cảm thấy nguy hiểm nên nói riêng với ông rất nhiều lần nhưng ông không thay đổi.

Công việc của tôi bắt đầu từ 9 giờ tối đến 6 giờ sáng. Làm đậu hủ có ba việc chính: xay đậu, ép bỏ xác và nấu đậu. Đậu nành mua từ Long Khánh là nơi trồng đậu nành nhiều nhất. Sau khi chọn đậu tốt, loại bỏ các hạt sâu hư, đậu được ngâm cho mềm vỏ. Công việc này ông Lâm làm ban ngày. Ông dành hết phần sau nhà làm nơi sản xuất đậu hủ. Đúng 9 giờ, đèn bật sáng khu làm đậu, tiếng máy xay ù ù, tôi bước qua rào đến khu làm việc, vì tôi chỉ ở cách phía sau nhà làm đậu một hàng rào thưa. Việc đầu tiên khi tới nơi là kéo một hơi thuốc lào cho tỉnh người hết buồn ngủ.

Ông Lâm chỉ hút một thứ thuốc là thuốc lào.

Trước khi vào nơi sản xuất phải qua sân sau nhỏ. Bình hút thuốc lào để nơi đó. Một bình tròn cỡ cái chén ăn cơm lớn bằng đất nung chín trắng men, phía trên bít kín, chừa miệng nhỏ bằng đồng xu, bên cạnh miệng một cái lỗ nhỏ, lớn hơn mút đũa con. Trong bình đổ ít nước lạnh. Một cái ống thường bằng cây trúc rỗng ruột như chiếc đũa con, dài chừng ba bốn tấc tây. Bình thuốc lào đặt trên cái bàn nhỏ cao hơn mặt đất chừng vài ba tấc, một vài cái đôn ngồi đặt xung quanh. Trên mặt bàn, một đèn dầu hỏa bóng hạt vẹt, ngọn đèn tí xíu sáng bằng hạt bắp, một nắm nan tre khô làm đóm châm lửa. Một lon bằng thiếc nhỏ đựng thuốc lào. Bên cạnh, một bình trà, một chiếc tách nhỏ. Dụng cụ

hút thuốc Lào là như vậy. Thuốc Lào có nhiều loại, loại ngon nhất, mắc tiền hơn là loại say nhất. Thời kỳ đó thuốc Lào Gò Vấp là ngon nhất. Bình thuốc Lào như kể trên là loại bình dân, loại thông dụng. Thuở xưa những người quyền quý, sang trọng hoặc các quan lớn thường dùng bình thuốc Lào cầu kỳ hơn. Bình bằng gỗ quý hoặc bằng nhôm bên ngoài chạm trổ hoặc cẩn xa cừ những bức tranh thủy mặc Trung Hoa, kèm những câu thơ của các thi sĩ lừng danh, phần nhiều nhuộm mùi Lão Trang xem đời như phù vân. Cần hút bằng cây trúc uốn cong vòng. Khi hút, có người nhồi thuốc vào miệng bình châm lửa, người hút chỉ việc ngậm vào đầu ống rít một hơi dài nhả khói bay lên để mê hưởng cái tác dụng kỳ diệu của loại thuốc đặc biệt này. Bọn điệu đóm là tiếng gọi những người phục vụ cho việc hút thuốc Lào. Thời còn vua chúa, phong cách của một vị quan, một công tử, một trưởng giả, nói chung tầng lớp cao sang trong xã hội, dù không thích hút thuốc Lào nhưng lúc ra đi cũng có lớp tôi tớ, bọn điệu đóm, hai tay trang trọng bợ bình điệu chững chạc theo sau để hầu hạ.

Ngày trước người Bắc hầu hết đều hút thuốc Lào nhất là nông dân. Người Trung lớp bình dân ít người hút thuốc Lào, ngoại trừ đám giàu sang phú quý. Người Nam gần như không thấy ai hút loại thuốc này.

Dụng cụ hút thuốc Lào bình dân nhất giản dị nhất là điệu cây. Đó là một ống tre to bằng cổ tay, có khoét lỗ để ghép lỗ điệu là chỗ đặt thuốc vào đó. Trong ống có chứa một ít nước. Khi hút, ngậm một đầu ống, châm lửa đốt thuốc kéo một hơi dài. Người làm ruộng, làm thợ đều mang theo hút.

Trong tù, bình thuốc Lào là nơi tụ tập tù vừa hút vừa nói chuyện, một lý thú đáng kể trong cảnh tù đầy thê lương gian khổ. Khi đã hút được thuốc Lào rồi thì gần như không còn loại thuốc nào có giá trị nữa nhưng ngày nay không còn mấy ai hút thuốc Lào vì có phần bất tiện và không hợp thời trang. Hút thuốc Lào đã hoàn toàn đi vào dĩ vãng.

Tôi biết hút loại này từ ngày ở tù cộng sản. Chất thuốc để mê chừng vài chục giây rồi người tỉnh táo.

Việc của tôi là cho đậu vào cối xay nước. Nước đậu qua máy ly tâm rút nước tinh bột. Nước tinh bột đổ vào chảo, bắc trên lò. Nước đậu nành khi sôi rất dễ trào ra ngoài nên phải canh chừng. Khâu này quan trọng nhất, vì nếu vô ý nước đậu sẽ tràn ra ngoài hết. Khi bắt đầu sôi phải múc nhanh đổ vào cái thùng

bên cạnh. Ông Lâm đem nước đậu đã nấu, đổ vào khuôn, nguội đông thành từng miếng đậu hủ. Công việc nặng nhất của tôi là đổi chảo tức bỏ cái chảo nóng trên lò đến ảng nước để rửa và đặt cái chảo mới vào lò.

Xác đậu nành do máy ly tâm rút hết nước còn lại để bán cho heo. Tôi nghĩ heo ăn được thì người ăn được, vả lại dù rút hết chất bột rồi nhưng làm sao hết trăm phần trăm nên tôi xin một ít về ăn thử. Hơi khó ăn vì gần như không mùi không vị gì hết nhưng rồi ăn cũng quen. Một hôm đưa cháu tôi vào thăm tôi thấy tôi ăn xác đậu nành, nó khóc.

Khi tôi có thêm việc cưa củi thì đủ gạo ăn không cần xác đậu nành nữa. Tôi đi cưa củi mượn với anh sáu Hói. Khi tôi ra tù, Nguyễn Cao Can, ban giám đốc Quảng Ngãi Nghĩa Thục, đã có một quán nhậu bán bia hơi, và một vừa bán củi. Hai nhà thơ Hà Nguyên Thạch và Nguyễn Văn Minh phụ giúp trong quán để kiếm sống qua ngày. Hà Nguyên Thạch làm bếp nấu các món nhậu, Phan Nhự Thức chạy bàn. Vì không dám chường mặt ra nên tôi không thể làm ở chỗ đông người ra vào. Ban đêm tôi làm cho ông Lâm chỉ hai người âm thầm làm. Ban ngày tôi cưa củi cũng nơi vắng vẻ.

Vừa củi của Can nằm trên lề đường Trần Quốc Toàn lúc bảy giờ thưa thớt người đi. Những cây củi nhỏ nhất bằng bắp đùi, dài non hai thước. Chúng tôi cưa thành những đoạn ngắn chừng vài gang tay rồi chẻ miếng nhỏ bán cho người ta chụm lửa nấu nướng. Công việc nặng nề nhưng rồi cũng quen. Tôi nguy trang như thế nhưng vẫn có người đến tìm thăm, trong số có ông Võ Loát, người mà khi xưa Xây Dựng Nông Thôn tìm bắt ông không được và cố nhiên thuở đó ông rất hận tôi.

Tôi đang cưa củi mồ hôi đầm áo, có người vỗ vai.

Ngó lại, tôi giật mình. Ông cưỡi bảo nghe bọn cháu nói có người cưa củi giống tôi nên ông ra xem thử để thăm vì mới nghe tôi vừa ra khỏi tù. Tôi ngừng cưa nói chuyện với ông. Ông hỏi thăm vợ con tôi, bảo ông rất mừng khi biết tôi còn sống và được về sum họp gia đình. Ông nói: *“Đằng nào tôi cũng chết trước anh, năm nay tôi bảy mốt rồi già yếu rồi, muốn gặp được anh để nói rằng tôi không hận anh trái lại ở anh có những điểm tôi rất phục, ở anh có sự hào hùng, ít có”*. Tôi nói tôi chỉ còn là miếng giấy lộn không còn tái sinh, hoàn toàn vô dụng. Thời của tôi đã qua rồi. Ông bắt tay tôi ra đi.

Tôi thấy ông xúc động thực sự.

Không lâu sau, nghe tin ông qua đời.

Tháng lương đầu tiên anh Sáu trừ tiền phí tổn, chia hai. Cầm mấy tờ giấy bạc bỏ vào túi, tôi mừng có tủi có. Kể từ 1970, ra khỏi quân đội đến nay 1984, mười bốn năm nay tôi mới có đồng lương. Tôi muốn dùng đồng lương xót xa này để mua cái gì gọi là kỷ niệm cho gia đình. Tôi nghĩ đến trái sầu riêng, loại trái cây vợ tôi thích nhất. Tôi biết trước kia dù thèm sầu riêng vợ tôi cũng khó khăn lắm mới dám mua vì tôi chưa bao giờ thấy vợ tôi mua ăn một thứ gì mà không có con ăn. Tất cả cho con, đó là tâm niệm của vợ tôi. Sau khi mất miền Nam, mức sống của vợ con tôi còn tồi tệ hơn mức sống của lớp người bần cố nông ngày xưa nên trái sầu riêng chỉ có trong mơ. Bởi vậy tôi quyết định mua cho vợ tôi một trái sầu riêng thực sự là sầu riêng. Tôi cảm thấy vui vui, nghĩ sớm, đi mua sầu riêng. Tôi ở Sài Gòn từ lâu nhưng không ăn được sầu riêng. Hình như với loại trái cây này rõ ràng có hai trường hợp, hoặc vô cùng thích thú, hoặc ăn không được. Người ta bày tôi lên Chợ Lớn nơi vừa sầu riêng lựa trong đồng trái bị nứt bể giá mới rẻ mà có thể trái ngon. Tôi lội bộ lên vừa trái cây Chợ Lớn. Trời ơi, trái cây, đủ loại. Y như ở một nước nào khác chứ không phải nước tôi đang sống. Trái cây chín nhiều quá, đầy vun trên giỏ cần xé, vun trên các tấm cốt khuynh tròn, những đồng chất hình tháp cao khuất đầu người. Tôi ngỡ ngác như lạc đường, không biết người ta có bán lẻ và có mua được không. Tôi đang đứng tần ngần, một em bé có vẻ học sinh hỏi tôi: *“Bác tìm ai?”* Có lẽ em thấy tôi rách nát quá có ý nghi ngại nên tôi định lui ra khỏi *“vương quốc giàu có này”*. Nhưng tôi làm. Em hỏi tiếp: *“Sầu riêng mới về ngon lắm, bác mua trái ăn thử”*. Tôi dừng lại nói: *“Tôi muốn mua một trái loại rẻ nhất còn ăn được, chứ những thứ này chắc đắt quá sợ không đủ tiền”*. Em bé dẫn tôi vào bên trong chỉ một đồng trái nằm ngổn ngang trên nền nhà: *“Trái này còn tốt lắm nhưng vì bị nứt bể nên bạn hàng chê, bác mua ăn thì tuyệt, cháu bán rẻ cho bác một trái.”* Tôi nói thiệt: *“Cháu lựa hộ cho chứ bác không biết lựa, bác cảm ơn cháu trước.”* Thằng bé lượm lên rồi bỏ xuống mấy lần, sau cùng rút một trái trong góc, cười bảo thấy tôi già cả tội nghiệp nên cố tìm cho tôi một trái tuy nứt, nhưng múi dày cộm và ngon lắm. Tôi đưa tiền và phấn khởi xách món quà ưng ý về cho vợ. Tôi bảo mười bốn năm nay anh mới có lương chưa

củi và mua cho em món quà. Vợ tôi trở mắt bảo tôi có điên không, sao không dành tiền mua gạo, còn mua quà thì mua kẹo bánh cho con, sao lại mua cho vợ. Nói vậy, chứ vợ tôi liền lấy dao xẻ ra, mùi sầu riêng thơm đầy nhà.

Tôi nói với các con để cho mẹ ăn, tôi sẽ mua kẹo cho, đừng đụng tới rồi bỏ uống. Nhưng đứa nào cũng nhao nhao ăn được không bỏ. Quả thật chớp mắt mấy mẹ con ăn sạch trái sầu riêng, dù ăn lần đầu các con tôi vẫn say mê.

Nhìn vợ con ăn, tôi cảm động đến rơi nước mắt.

Một buổi chiều, tôi đang cưa củi, có người vỗ vai.

Tôi nhìn lại và thấy một người gầy ốm, răng rụng gần hết, da mặt nhăn nheo, nhìn tôi nước mắt chảy ròng ròng. Tôi ngờ ngàng hỏi: *“Ông là ai?”* Người ấy nói trong nước mắt: *“Trời, anh không nhìn ra tôi à?”* Tôi nhận ra, hoảng hốt thả cưa đứng dậy: *“Tuyên! Tao đã nhận ra do giọng nói. Sao mấy già dữ vậy, Tuyên? Sao biết tao ở đây, trời ơi!”* Chúng tôi ôm lấy nhau và khóc. Tuyên là em cô cậu với anh Lê Vinh Thiều, bạn với tôi thuở còn nhỏ rồi trên cuộc đời luôn gặp nhau gần nhau. Đêm cuối cùng ở chợ Đũi có Tuyên. Hút thuốc, Tuyên bảo về nhà tôi kiếm gì nhậu. Ngang qua chợ, Tuyên mua xì rọu đế và miếng thịt ba chỉ bảo về luộc hai anh em say một bữa. Tôi xắt thịt từng miếng nhỏ kho thật mặn và dọn cơm. Tuyên bảo cơm để dành cho trẻ nhỏ, tôi với anh uống. Nhìn đĩa thịt kho vụn, Tuyên ngạc nhiên *“Sao anh không luộc, nhậu ngon hơn.”* Tôi đáp *“Bây quá, quên mất, thôi lỡ rồi, tạm”*. Sau này qua Mỹ gặp Tuyên, tôi nhắc lại miếng thịt ba chỉ, và nói cho Tuyên rõ hôm ấy tôi không luộc thịt mà kho thật mặn là cố ý giữ món nhậu còn dư cho các con tôi ăn. Xót xa cho con thèm khát quá mà hóa sai với bạn. Tuyên cười: *“Tôi cảm động ngay khi anh dọn món thịt rất mặn, cha mẹ thương con có những cái như lắm cảm, nhưng cay đắng một cách sâu sắc.”*

CẮT QUẦN ÁO

Gần như suốt đêm làm đậu hủ và suốt ngày cưa củi, sức khỏe chịu không nổi, nhất là mới ra khỏi tù và dù về nhà rồi nhưng vẫn còn ăn chưa no. Tôi đang phân vân hoặc làm đậu hủ hoặc cưa củi. Làm đậu thì âm thầm kín đáo ít ai biết, ít ai để ý. Cưa củi tuy nặng nề hơn nhưng việc làm ban ngày ban đêm còn

ngủ được do đó ít mất sức khỏe. Vả lại, cưa củi vui hơn vì hay gặp bạn bè tuy rất ngại nhưng ửng gặp. Nhưng đằng nào cũng phải nghỉ một việc, chịu hết nổi. Tôi đang suy tính thì vợ tôi đề nghị làm nghề cắt quần áo cho các tổ hợp. Tôi nghe chuyện làm nghề thợ cắt may thật khôi hài. Vụng về như tôi làm sao làm nổi cái nghề có tính nghệ thuật. Tôi chưa bao giờ cầm cây kim, cầm cái kéo cắt miếng vải, nay lại bảo cắt cho một tổ hợp may để bán toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài, thì trên cả sự khôi hài nữa. Tuy nhiên vừa nghe nói việc này có tiền lại làm trong mát, anh Sáu chịu quá. Anh đề nghị bỏ ngay việc cưa củi để bớt uống nước, vì ban ngày dưới nắng kéo cưa mồ hôi ra như tắm, uống nước như voi uống, bã người.

Nhóm chúng tôi có bốn người làm việc cắt quần áo cho tổ hợp may mặc. Danh từ dùng hơi lạ, chữ *may mặc* để chỉ các tổ hợp may sẵn quần áo rồi đem bán, còn *may đo* là tiệm may đo theo kích thước của khách hàng. Cố nhiên chúng tôi cắt cho tổ hợp may mặc. Anh Sáu và tôi là tay kéo tức cầm kéo cắt. Nguyễn Văn Đồng sắp rập, vẽ lên vải làm thế nào ít vải nhất mà được nhiều áo. Việc này nhẹ nhàng nhưng quan trọng. Vấn đề là tiết kiệm vải tối đa. Cũng một miếng vải như thế nếu cắt bình thường được mười bộ, nhưng chịu khó suy nghĩ sắp sao cho tiện, có thể lên mười một bộ, hoặc mười bộ và hai bộ kích nhỏ hơn v.v.. Để được vậy những miếng vải lót bên trong như cổ chemise chẳng hạn, miếng phía trái có thể hai miếng có khi ba miếng nối lại. Làm thế nào khi cắt xong rẻo vải bỏ lớn lắm bằng ngón tay, không thể bằng bàn tay. Nhiều khi hàng mấy giờ đồng hồ mới vẽ được bản vừa ý. Nếu cắt phí phạm quá, tức là rẻo hơi lớn thì có thể mất việc nên người sắp rập rất quan trọng. Người còn lại là Lương Võ, em rể tôi, trao vải, nghĩa là sắp thành từng xấp chừng ba chục lớp vải dài cỡ mười mét. Việc của Võ có phần nhẹ nên sau khi sắp vải xong, Võ cắt phụ với chúng tôi. Kéo cắt vải lớn và nặng, lưỡi kéo mài rất bén. Tùy theo vải mỏng hoặc dày, xấp vải nhiều hay ít lớp. Dày như vải kaki chừng mười lăm đến mười tám lớp, mỏng như lụa có thể cắt đến năm chục lớp. Tuy vụng về và mới lạ đối với tôi, nhưng tôi tin sẽ làm được. Mặc dù dùng khăn quấn chặt bàn tay nhưng lớp vải dày quá, cọ xát giữa kéo và tay quá nhiều, tay chà da chảy máu như bị tra tấn. Hai bàn tay đỡ khờ không còn cảm giác, không còn lạnh lẽo nữa. Cầm đũa ăn cơm khó khăn, nhưng cầm kéo dù đau nhói

vẫn cắt được, và bàn tay lúc bấy giờ hình như chỉ để dùng cho việc cắt các xấp vải dày mà thôi. Cắt quần áo cho tổ hợp may mặc được trả rất khá, căn cứ trên số hàng đã cắt mà tính tiền, nhưng có khi mỗi tuần chỉ cắt vài ba ngày.

Rồi chủ tổ hợp báo tin mừng vừa đầu được việc may cò để phục vụ lễ mừng 2 tháng 9. Cắt dễ, may dễ, giá rất cao, do đó tổ hợp kiếm lời khá, nhưng với điều kiện phải làm cấp tốc để kịp phân phối toàn quốc. Chỉ cắt hình ngôi sao và miếng vải hình chữ nhật, thế là xong. Nhưng nghe tin cắt cò tự nhiên tôi thấy bứt rứt dù rất cần tiền. Tôi nói với Đồng và anh Sáu: *“Cắt cò hay cắt áo quần cũng vậy thôi, nhưng tôi cứ thấy buồn buồn nên anh em để tôi nghỉ tuần này. Tuần sau tôi sẽ cắt như thường lệ.”* Nguyễn Văn Đồng có vẻ thấu hiểu tôi nên đồng ý: *“Thôi, để bọn tôi cắt. Anh nghỉ tuần sau cắt áo quần như thường lệ”*. Tôi ở nhà, vợ tôi hỏi và tôi thú thật tuy rất cần tiền, nhưng ngồi cắt ngôi sao cho lá cò buồn quá, thê thảm quá nên đành ở nhà chờ tuần sau cắt áo quần.

ĐƯA CON ĐAU NẶNG

Buổi sáng tôi đang uống cà phê, vợ tôi hốt hải gọi về đem con vào bệnh viện nhi đồng.

Bệnh viện những ngày ấy thê thảm mọi bề thuốc men không có, bác sĩ dốt nát, y tá hách dịch...

Và, tôi đã ghi lại thành như một truyện ngắn với tựa đề **Rình Bác Sĩ** :

Bỏ dở ly cà phê, Thanh đứng phắt dậy chạy qua đường gặp vợ:

- Cái gì mà hốt hải dữ vậy?

- Về gấp thằng Thiên sốt nặng, mê sảng. Em sợ quá.

Hồng nói trong nước mắt. Hai vợ chồng băng con hèm chạy gấp về nhà là túp lều lợp lá dừa dựng sau nhà người em gái Thanh, núp dưới tàn cây trứng cá.

Thanh thường an ủi vợ tuy chỗ ở quá tồi tệ, nhưng che mắt được người đi đường, vì ai cũng nghĩ là chuồng heo chứ không phải nơi cư trú của con người. Thằng Thiên tuy gần mười tuổi nhưng óm và lùn như đứa bé lên sáu, nằm thờ thoi thóp, trùm kín trong cái mền rách. Thanh hốt hải bảo:

- Đem gấp ra bác sĩ!

Hồng ôm chầm đưa con cuốn trong cái mền, nước mắt chảy dài trên gò má đáp:

- Bác sĩ Tích dặn hôm qua nếu nó nóng quá thì đem gấp vào bệnh viện, đừng đem đến ông nữa, vì chỉ có bệnh viện mới có phương tiện cứu chữa.

Ra đến đường nhựa không thấy chiếc xích lô nào, Thanh vẫy tay gọi chiếc ba-gác đang dừng bên đường.

Chiếc xe quành lại, Thanh nói như ra lệnh:

- Em ôm con lên ngồi níu chặt thành xe, anh đẩy phụ.

Thằng nhỏ đạp xe ba gác về mặt non tong như cậu học trò trung học, ngỡ ngàng không hiểu gì hết, vì chưa gặp cảnh ấy bao giờ. Nó chỉ nghe tiếng Thanh hét "Chạy!" và rướn người đạp xe lên dốc cầu chữ Y.

Thanh hai tay bám vào yên xe đẩy mạnh và cho thằng nhỏ biết đi bệnh viện:

- Đạp nhanh, nếu không con chú chết, nhanh lên!

Tuy gần 9 giờ sáng nhưng đường vắng, toàn người đi xe đạp và đi bộ, không có một chiếc xe hơi nào và vì ngã ba ngã tư không có đèn đường nên chiếc ba gác chạy như điên. Thanh và thằng nhỏ đạp xe thở hổn hển, áo ướt đầm như dầm dưới nước. Đến cổng bệnh viện nhi đồng, xe vừa dừng, Thanh vội bế con chạy thẳng vào một bên cổng chính, nói với vợ:

- Em tính tiền rồi về, anh vào phòng cấp cứu.

Tiếng còi của người gác cổng ré lên.

Mặc, Thanh chạy nhanh vào hành lang bệnh viện.

Không có bảng chỉ dẫn, không có bảng ghi trên cửa ra vào các phòng, Thanh hai tay ôm con cắm đầu chạy, trong lòng khẩn vái: "Lạy Trời Phật Thánh Thần, lạy ông bà phù hộ cho con tôi được sống." Tới một phòng lớn ồn ào, Thanh ôm con chạy đại vào:

- Xin làm ơn cứu con tôi, chỉ cho tôi phòng cấp cứu.

Khoảng trên mười người đang ngồi trò chuyện, cười đùa ồn ào. Một bà lớn tuổi hơn và có lẽ có chức vụ quan trọng sầm nét mặt hét lớn:

- Ông làm gì, quấy rối à, phải tôn trọng nội qui trật tự chứ!

Thanh vội vã thưa:

- Dạ xin lỗi bà, con tôi nó gần chết nên tôi hoảng hốt xin bà tha cho.

Người đàn bà nghiêm nét mặt lên giọng:

- Đây không phải nhà của anh, muốn làm gì thì làm theo cái thói xô bồ của Mỹ - Ngụy. Anh vắc cái bệnh truyền nhiễm chạy khắp nơi tai hại như thế nào có biết không? Phải biết nếp sống vệ sinh và văn minh chứ. Chúng tôi ngồi đây để phục vụ nhân dân chứ đâu phải ngồi đây tán dóc, anh ở quận nào, đã làm hồ sơ nhập viện chưa...

Thanh mong bà ngắt câu, tức khắc chạy ra ngoài, nhưng bà không ngưng. Trong khi Thanh không biết phải làm gì cho bà câm miệng lại, một cô gái bước vào nói:

- Bác qua bên trái, vào đó là phòng cấp cứu.

Phòng cấp cứu là một phòng rộng đang có bốn đứa nhỏ nằm thoi thóp trên bốn cái giường sắt có nệm trắng. Thằng Thiên được đặt vào giường thứ 5. Cô y tá nhỏ nhẹ nói: "Mời bác ra ngoài chờ, bác sĩ sắp đến".

Thanh bước ra ngoài hành lang đứng dòm vào chiếc giường thứ 5. Cách nói nhỏ nhẹ và lễ độ của cô y tá giúp anh hơi an tâm. Cô y tá đo nhiệt độ đứa nhỏ, bước ra hành lang hỏi tên, ghi vào tấm bảng treo nơi chân giường.

Thanh thấy cô y tá có vẻ dễ chịu đánh bạo hỏi:

- Thưa cô, có lẽ cô làm ở đây lâu năm.

- Dạ, trên mười năm, hỏi còn chế độ cũ.

Cô y tá trả lời nho nhỏ vừa đủ nghe.

- Bác sĩ chế độ cũ còn nhiều không cô?

Thanh hỏi với giọng hỏi hạp. Cô y tá cười thông cảm:

- Dạ còn, nhưng không nhiều...

Cô còn muốn nói thêm điều gì đó nhưng bác sĩ bước vào nên cô vội vã vào phòng theo chân bác sĩ. Bác sĩ còn trẻ khó đoán biết cỡ tuổi, mặt trắng, đầu tóc hót thấp, chải cẩn thận, đeo cặp kiếng trắng, có vẻ chững chạc.

Nhìn qua cửa sổ, Thanh thấy tại giường số 1, số 2, bác sĩ nói gì đó với y tá rồi đến giường số 5, giường Thiên nằm. Bác sĩ để ống nghe lên ngực đứa bé, ngón tay giữa bàn tay trái đặt lên cổ tay đứa bé... Thanh hồi hộp gằn nín thở theo dõi từng cử chỉ trên nét mặt người thầy thuốc. Cô y tá theo sau ghi lia lịa vào cuốn sổ nhỏ. Cặp lông mày bác sĩ cong xuống khiến cặp mắt to trở thành hẹp lại như cổ theo dõi một triệu chứng gì trong người bệnh nhân.

Thanh bám chặt hai tay vào thành cửa sổ bất động.

Cô y tá cởi hết quần áo đứa bé còn như một bộ xương

nằm trên giường dưới chiếc quạt trần quay chậm chậm. Đưa bé mắt nhắm nghiền như cái xác không hồn. Bác sĩ lấy cây viết trong tay cô y tá viết trên miếng giấy để dưới chân giường rồi vội vã bước ra. Theo sau bác sĩ hình như vài ba người sinh viên thực tập. Thanh định hỏi bác sĩ về bệnh của con nhưng không kịp. Liên sau đó, cô y tá đẩy cái xe vào thẳng giường số 5 chuyển nước biển, đắp nước đá trên trán bệnh nhân.

Nghे tiếng người quét tháo từ đầu dưới hành lang, Thanh vội lui ra ngoài vườn bệnh viện, ngồi dưới bóng cây cổ thụ. Thanh hơi yên tâm vì thằng bé được chuyển nước biển, được đắp nước đá.

Bây giờ Thanh mới cảm thấy nhức mỗi nơi chân vì phải chạy bộ đẩy chiếc xe ba gác. Quán điều thuốc rê hút, Thanh nhớ lại đã ra tù được 5 tháng. Thường trong tù đến các ngày lễ lớn, tù nhân luôn náo nức hi vọng, rồi thất vọng, rồi lại hi vọng, vì không biết từ đâu luôn luôn có đồn đãi về số tù sẽ được ân xá. Đôi khi lời đồn cũng đúng sự thật nên ai cũng mong ước, cũng hi vọng ngày mai có tên mình. Chỉ riêng Thanh chưa bao giờ hỏi hộp trông đợi như anh em, vì nghĩ mình khó được về do bị liệt vào loại tù có “nợ máu”. Mỗi khi có tù về, anh em thường bỏ lại quần áo, thuốc Tây, có khi cả cái mền còn tốt cho Thanh vì ai cũng nghĩ Thanh còn phải ở lâu lắm, lại không có thăm nuôi tiếp tế. Vậy mà Thanh được về và, thay vì về quê ở miền Trung, anh về Sài Gòn để tránh những khó khăn khó ngờ có thể xảy ra ở quê anh. Từ đó, Thanh sống bất hợp pháp, giả dạng một nông dân già lắm cảm, nghèo khổ, dốt nát. Tóc bạc râu dài, quần áo rách rưới dơ dáy, nét mặt đờ đẫn khù khờ, quán điều thuốc rê bằng giấy báo phì phà lợm lợm. Nhờ thế, Thanh qua trót lọt các bốp gác công an, các trạm soát giấy tờ nghiêm ngặt.

Một lần đi lên cầu chữ Y mới biết công an đang xét giấy từng người qua lại, một số thiếu giấy tờ, tình nghi bị đứng qua một bên có người gác. Thanh bình thân cầm điều thuốc mới quán đến thẳng người công an, có lẽ là trưởng toán: “Cháu cho bác xin chút lửa.” Người công an giật mình, đập hai bàn tay vào túi áo túi quần tìm nhưng không thấy máy lửa, liền nói: “Bọn bay đưa nào có diêm cho ông già đốt thuốc, bay.” Một người công an quạt máy lửa, ông già phì phà hơi khói, ung dung đi qua. Thanh mỉm cười, giả trẻ đẹp, giả trí thức thì khó, chứ giả già, giả ngu ngơ dốt nát thì dễ. Thấy cô y tá đi qua có lẽ đi về vì đợi nón lá,

vai mang cái xách, Thanh đuổi theo: “Thưa cô! Thưa cô!” Cô y tá dừng lại, nhận ra ông già “Bác chưa về à?” Thanh lễ độ:

- Dạ, chưa, dạ khi nào bác sĩ đến khám cho cháu?

- Còn chờ kết quả thử máu coi có phải sốt xuất huyết hay không. Bác sĩ có đến sớm lắm cũng cỡ 11 giờ khuya.

Cô trả lời một cách ân cần rồi tiếp tục đi. Thanh lẩm nhẩm “11 giờ khuya” và trở lại gốc cây cổ thụ vừa lúc người em rể Thanh đến:

- Cháu ra sao anh, ở phòng nào? Em đi từ dưới kia phòng nào cũng dòm nhưng không thấy.

Thanh đáp mệt mỏi:

- Phòng trước mặt đây, số mấy tôi không biết. Đang thử máu chưa biết kết quả. Lạy trời, đừng sốt xuất huyết. Sáng nay họ chuyên nước biển, đắp nước đá, có lẽ nó sốt nhiều.

Thanh vừa nói vừa đến gốc cây cổ thụ, nơi ấy kín đáo ngồi hút thuốc không ai thấy. Người em rể hỏi tiếp:

- Bác sĩ khám cháu là bác sĩ tập kết về hay bác sĩ Sài Gòn?

Thanh giật mình như biết người em rể hiểu được điều lo lắng của anh từ sáng đến giờ, đáp với giọng không tự nhiên:

- Tôi không biết, nhưng cô y tá cho biết sáng nay ông bác sĩ chế độ cũ còn lại, nhưng dạng nghĩ như thế nào mà hỏi vậy?

Người em rể hơi bối rối:

- Không, không, em hỏi vu vơ vậy thôi.

Thanh ngắt lời:

- Không, dạng hỏi đúng, đúng cái điều tôi đang lo lắng, nhưng không biết làm sao, tôi phải hỏi ý kiến dạng “Nếu không may ông bác sĩ tập kết về khám cho thằng nhỏ thì sao?”

- Thì sao là sao? Ý anh muốn hỏi mình có để cho ông ta khám không, có phải anh thắc mắc như vậy hả?

Người em rể hỏi lại chậm rãi một cách thận trọng.

- Đúng, không phải thắc mắc mà chính là điều lo âu của tôi từ sáng đến giờ.

Hai anh em im lặng. Thanh hít hơi thuốc thật dài, từ từ nhà luồng khói trắng bay quyện vào gốc cây chậm chạp nặng nề như không muốn lên cao. Người em rể đầu cúi, tay cầm chìa khoá xe vẽ vẽ những hình vô nghĩa dưới mặt đất như cố tìm một quyết định quan trọng. Thanh lên tiếng:

- Dạng à, suốt thời gian đi cải tạo, anh em nói rất nhiều

về bác sĩ tập kết về nhưng tôi không tin, nghĩ vì căm hận cộng sản nên cái gì xấu đều trút lên đầu cộng sản. Họ nói đủ thứ, nào bác sĩ đọc tên thuốc bằng tiếng Pháp, tiếng Anh không được, thậm chí cho toa viết chữ Aspirin họ viết không xong, và đủ thứ tệ nữa, tôi thật tình không muốn nghe. Mãi đến khi tôi đọc bài báo của bác sĩ Tôn Thất Tùng đề nghị bác sĩ học các trường trong nước vì chiến tranh nên học rất thiếu, bây giờ phải học lại một số vấn đề và người nào không học lại hoặc học lại mà thi rớt, thì không được hành nghề... Có lúc, tôi ở chung phòng với đám tù chung thân, trong đó có một cán bộ ngoài Bắc tập kết về nhưng bị kết án tử hình vì giết một đứa nhỏ cướp chiếc Honda hai bánh. Do có công với cách mạng ba mươi năm nên ân giảm còn chung thân khổ sai, anh ta cho biết bác sĩ ngoài Bắc kém lắm, nhiều khi chỉ là y tá nhưng nhờ đảng giới thiệu, có thể được vào trường thuốc học bác sĩ, do đó họ làm bậy chết chóc nhiều lắm nhưng không ai dám khiêu nại. Tôi hỏi nghe nói lấy gan tim của người chết dầm rượu uống, có không. Anh ta bảo, dầm rượu thì có từ lâu, nhưng người ta còn đem nhúng tái trong nước sôi, rồi nhậu với loại đế cắt hót 90 chữ, thì tuyệt, vừa bổ vừa khoái khẩu, nhưng không dễ gì có, vì thân nhân họ canh người hấp hối còn hơn canh tù. Bác sĩ vừa nói “không xong, chết rồi” là thân nhân không kịp khóc, chụp xác chết vác chạy khỏi bệnh viện ngay, không kịp chờ có giấy xuất viện. Bệnh nhân nào tử cố vô thân, không bà con thân thích, không bạn bè, hoặc có mà đến trễ thì bộ lòng bệnh nhân vừa tắt thở biến mất dạng. Nói thật với dượng, vì nghe người bạn tù kể lại, nhất là bài báo của ông bác sĩ Tùng, làm cho tôi từ sáng giờ lo lắng quá, không biết phải tính thế nào!

Người em rỏ lên tiếng:

- Anh Tám (vì Thanh là con thứ tám nên anh em, bạn thường gọi là anh Tám). Em nói đại miệng anh đừng la, em không sợ bác sĩ tập kết chữa bệnh. Anh đừng lo, vì bệnh viện không có thuốc, nhất là cháu không phải con ông lớn thì được bình nước biển là may lắm rồi. Không bao giờ cháu được cho thuốc đâu mà anh sợ trúng thuốc, trật thuốc. Em chỉ sợ nếu cháu nó có điều nào mà cơ thể không toàn vẹn, thì tội cho nó và xót xa cho mình lắm...

Người em rỏ nghẹn lời, mặt cúi gằm xuống đất. Thanh cũng nghẹn nghẹn trong cổ, nước mắt lăn trên má. Cắn chặt

môi, Thanh nói với vẻ quyết liệt như thách đố:

- Dượng đừng lo, tôi thức suốt đêm ở đây canh chừng. Nếu bác sĩ tập kết bước vào định cho nó uống hay chích thuốc, tôi sẽ nhào vào cản ngay, họ hành hung tôi không sợ. Đã cùi rồi sợ gì ghê. Nếu con tôi xấu số, họ ra tay làm bậy tôi sẽ ra tay trước, tôi thí mạng với họ để bảo toàn xác chết thẳng bé. Dượng tin đi, tôi thừa sức hạ bọn chúng.

Hít hơi thuốc thật dài, thấy nhẹ người, Thanh hỏi:

- Nhưng làm sao biết họ là bác sĩ tập kết? Họ có đeo bằng đeo cờ gì không?

Người em rể cười vì câu hỏi ngộ nghĩnh nhưng khó trả lời của Thanh:

- Em đã vào bệnh viện nhiều lần thăm đau, thăm chết, thăm đẻ... nên em biết... Tự nhiên anh cứ nhìn là biết ngay đó là bác sĩ tập kết hay bác sĩ ở Sài Gòn. Trực giác cho anh biết liền. Thường bác sĩ Việt Cộng ốm thó, hai gò má cốp gần sát nhau, thỉnh thoảng có anh tra răng vàng, tóc hót cao và như luôn mới hót, hay mặc chemise cụt tay màu trắng, đeo đồng hồ dây vàng chói sáng, trên túi chemise lúc nào cũng dặt ít nhất ba cây viết Bic màu xanh đỏ, ép chặt với cuốn sổ tay dày cộm, làm cho thân áo trước sệ về phía trước... À, chemise thường bỏ ngoài không bỏ trong quần, đi giép đế xe hơi gọi là giép bác Hồ, cái bao kiếng bằng da đánh bóng thường đeo vào dây nịt bên hông như bảo vật hiếm có. Một điều quan trọng nữa là mặt lúc nào cũng khinh khinh làm vẻ như nhà bác học uyên thâm. Gương mặt nghiêm nghị khắc khổ, không có nụ cười, rất ít nói. Nói tóm lại, anh nhìn là biết liền, đàn bà ở tỉnh lên mà họ nhìn còn phân biệt được huống chi anh.

Thanh nghe người em rể mô tả ông bác sĩ ngoài Bắc hay hay, cảm thấy bớt bực bội, anh cười nói:

- Dượng nói vậy mà sao hỏi trong tù có đoàn bác sĩ và toán nữ sinh y khoa thực tập bệnh viện Bạch Mai ngoài Bắc vào chích ngừa cho bọn tui, bọn nó ăn nói dễ thương lắm, nhất là các cô gái Bắc không khác gì ở Sài Gòn, chẳng những không hận thù chúng tôi mà còn có cảm tình nữa là khác.

Người em rể cười:

- Anh nói lạ chưa, bọn nó còn con nít nghe được đi công tác miền Nam mừng bỏ mẹ, nghe đám sĩ quan ngục thích bỏ cha, chứ có đâu như mấy anh bác sĩ già cà chớn!

Thanh đứng dậy nói với em rể:

- Thôi, đừng về kéo ở nhà trông, ngày mai nếu cháu nó bớt sốt và không phải sốt xuất huyết thì tôi đem đại về.

- Đâu được, an ninh ngoài cổng nó chặn ngay nhất là anh không có giấy ra viện, nếu anh có bao ba số 5 thì may ra nó cho về.

- Tôi đi ngủ tắt. Khi trưa tôi thấy cô y tá đi qua chỗ cây trướng cá kia. Tôi sẽ ôm thằng nhỏ ra hướng đó, hay là sáng mai độ mười giờ mười rưỡi, đừng đậu Honda bên kia rào chỗ đó, tôi cặp thằng bé qua, đừng rồ ga, thế là xong.

Người em rể hỏi:

- Sáng giờ anh ăn gì chưa?

- Chưa ăn gì, nhưng không sao, tôi quen chịu đói mà. Mấy năm trong tù, đứng cũng đói, đi cũng đói, ngồi cũng đói nằm cũng đói, làm việc cũng đói, ở không cũng đói, chưa ăn thì đói ăn xong càng đói.

Người em rể vét túi còn đúng 4 đồng đưa cho Thanh:

- Anh xuống cầu lạc bộ góc đằng kia mua cơm ăn đỡ để có sức thức khuya rình bác sĩ chứ.

Gần giờ ăn tối mà cầu lạc bộ vẫn vắng vẻ. Thanh vừa bước vào nghe giọng the thé của người đàn bà có lẽ là chủ quán in hết giọng la rầy buổi sáng khi anh bế con chạy thẳng vào phòng:

- Vào làm gì mà sớm quá, chưa ai ăn mà vào làm gì, có mắt mà không thấy à.

Ngạc nhiên trong giây phút đầu, nhưng Thanh hiểu ngay và lấy làm lạ sao chỗ nào cũng hắt hủi anh. Thanh vẫn đi, thẳng đến người con gái đang đứng ở quầy hàng:

- Cô bán cho tôi ít đồng bạc cơm!

Người con gái lặng lẽ đưa bàn tay ra nhận mấy tờ giấy bạc rồi bước vào phía sau:

- Cơm đây chú, chan nước tương đừng cho bà chủ thấy, ngồi ở bàn đó ăn.

Thanh đỡ lấy tô cơm, mấy tờ bạc kín đáo nằm gọn trên lòng bàn tay anh và người con gái đi vội vào trong. Thanh ngỡ ngác, ngồi đại nơi cái bàn gần nhất, xúc động. Anh không cần nước tương, vớ cái muỗng trong ống đũa trên bàn, ngấu nghiến vài ba phút, rồi đứng dậy đi ra. Trong quầy hàng chỉ có mình bà chủ nói gì đó với người khách đang trả tiền. Trời nhá nhem tối.

Ánh điện vàng yếu ớt như để vừa đủ báo hiệu một ngày chám dứt. Thanh châm điều thuốc, lững thững về gốc cây cổ thụ.

Bây giờ trên hành lang tối thui, chỗ nào mở cửa ánh sáng lọt ra ngoài, hình như có người nằm ở đó chắc là thân nhân của người bệnh. Thanh thấy đỡ trống trải và lát nữa anh sẽ nhập cùng bọn họ.

Trời đêm như thấp xuống, mù mịt không một vì sao.

Dựa lưng vào gốc cây, phì phà điều thuốc, chuông đồng hồ bệnh viện gõ 8 tiếng, Thanh nghĩ còn phải ba giờ nữa mới biết bác sĩ nào. Bài báo của bác sĩ Tùng cứ ám ảnh Thanh, càng xua đuổi càng hiện ra rõ rệt... “Các bác sĩ trong giai đoạn đó đều phải học lại...”

Về khuya trời hơi lạnh, Thanh vào hành lang nhưng chỉ ngồi ở bậc cấp lên xuống để dễ hút thuốc.

Tiếng ngáy đều đều của số người nằm đó làm cho cảnh đêm càng tịch mịch buồn thảm. Đồng hồ điểm 11 giờ vẫn không thấy gì hết.

Nhìn xuống câu lạc bộ tối om om, Thanh nghĩ đến con bé bán cơm khi chiều. Có lẽ con bé từ thiện này thường hay giúp đỡ những thân nhân bệnh nhân tá túc xung quanh đây, làm việc thiện mà phải lén lút... Thanh buồn buồn “Cuộc đời con bé sẽ cô đơn!”

Chuông đồng hồ điểm một tiếng khàn khàn cộc lốc làm cho Thanh trở về thực tại “Hay là đêm nay không có bác sĩ?” Thanh vừa nghĩ thì đằng xa ánh đèn pin chớp chớp báo hiệu có người đang đi. Hình như ba, bốn người đang đi chậm chậm, vào phòng một lúc, rồi ra, rồi lại vào phòng, cứ thế khá lâu mới đến gần chỗ Thanh ngồi. Thanh tắt điều thuốc bước lên hành lang, ngồi trong đám người đang thản nhiên ngáy, tim đập mạnh: “Bác sĩ đến!”

Thanh hồi hộp muốn kêu người nằm bên cạnh thức dậy. Bốn người từ phòng bên cạnh bước ra. Thanh suýt la to “Trời ơi! bác sĩ tập kết!”. Ánh đèn pin tuy mờ mờ nhưng quá gần nên Thanh thấy rõ y như người em rể mô tả chỉ khác là chiếc blouse trắng che khuất phần trên thân thể, và đôi sandal chứ không giép đế xe hơi. Điện trong phòng bật sáng lên càng giúp thấy rõ một người gần sáu mươi óm như cây sậy hai gò má nhô cao khiến cái mặt như toàn bằng xương, cặp mắt lơ dờ ngái ngủ. Ba người nhìn lướt giường số 1 nhanh qua các giường kế tiếp, đến

giường số 5 dừng lại. Thanh nhóm người nín thở, mắt trừng trừng dán vào bác sĩ. Đo áp xuất máu, đặt ống nghe lên ngực thằng bé đang nằm bất động. Bác sĩ cầm cái bảng dưới chân giường bệnh nhân đưa lên tâm mắt đọc, đọc thật lâu, rồi đặt cái bảng vào chỗ cũ. Như một khúc phim câm không lời, bác sĩ vớ cái bảng lần nữa đưa lên đọc, ra chiều suy nghĩ, rồi chầm chậm, cẩn thận, lại đặt vào chỗ cũ. Bốn người bước ra sang phòng khác không nói một lời...

Đó là thiên truyện ngắn tôi đã viết sau lần đưa con đến bệnh viện. Chuyện xảy ra ít tháng trước khi mẹ tôi qua đời.

Đây cũng là thời gian tôi có dịp họp mặt với một số bạn cũ trong ngày giỗ Tạ Ký tổ chức tại nhà Cam Duy Lễ.

Bữa đó có vợ chồng anh Cam Duy Lễ, Phan Nhự Thức, anh Hà Thượng Nhân, anh Lễ cà phê và tôi.

Có thể bảo đó là một đêm dành cho thơ Tạ Ký và tôi uống rượu nhiều tới mức mệt suốt một tuần lễ sau.

MẸ QUA ĐỜI

Tôi vẫn nhớ khi ngồi trên chuyến tàu chợ ị ạch từ ga La Hai vào Sài Gòn, tôi thầm thì: *"Xin Trời Phật phù hộ cho tôi được gặp mẹ tôi dù trong một ngày."* Cuộc sống thường oái oăm. Có những người lính được đổi đi đơn vị khác, đêm cuối cùng bị chết. Có những việc kể như đã nắm thành công trong tay, phút sau cùng, bị thất bại. Biết đâu cái oái oăm đó xảy đến cho tôi khi tôi về vừa đến nhà thì mẹ tôi qua đời hôm trước...

Tôi đã may mắn, vì sau khi ra tù còn được thấy mẹ, còn được làm cho mẹ những việc mà ngày xưa do người giúp việc làm. Hình như khi con người sa cơ thất thế cùng cực mới nghĩ đến cha mẹ?

Hàng tháng, em tôi chi cho một số tiền để lo cho mẹ ăn và chữa bệnh, do anh tôi ở Mỹ gửi về. Tôi nấu cho mẹ ăn riêng, khi mẹ ăn còn lại mới dành cho đứa con út, còn chúng tôi theo một chế độ ăn uống khác. Đêm đêm nghe tiếng chó sủa mẹ tôi vỗ vào người tôi gọi: *"Liệu, dậy con, chó sủa quá, dậy con"*.

Tôi thường dậy mặc thêm chiếc áo đen đi ra vườn rau mồng của nhà bên cạnh núp cho đến khi biết chắc không có gì hết mới trở về ngủ. Có khi một đêm mẹ tôi gọi tôi hai ba lần như

vậy. Tôi biết mẹ rất mừng vì tôi ra tù nhưng vẫn lo vì tôi sống bất hợp pháp. Rồi vợ tôi bệnh phải đưa vào bệnh viện. Tôi đang ở bệnh viện chăm sóc vợ thì người gác cổng vào báo cho biết ngoài cổng có người chờ tôi. Tôi ra, thấy Huỳnh, cháu tôi. Huỳnh nói hồi hã: “*Chú về gấp bà bệnh nặng đang ở bệnh viện Sùng Chính.*” Tôi vội tin cho vợ biết rồi Huỳnh chờ tôi đi.

Những ngọn điện quá mờ không rọi đủ sáng sân bệnh viện. Vội vã chạy vào phòng cấp cứu, mẹ tôi nằm bất động đang thở bình oxygen. Cụ, Mươi, Lưu đứng khóc xung quanh giường. Anh Sáu Hói, Thành, Huỳnh, Võ đứng ngoài sân bệnh viện. Tôi báo tin cho Cam Duy Lễ, bạn tôi, có vợ là dược sĩ trông coi nhà thuốc tây bệnh viện. Vợ chồng Lễ đến bệnh viện lo các thứ thuốc cần thiết theo bác sĩ yêu cầu. Tôi biết thế là hết, ngồi trong bóng tối dưới tàng cây sân bệnh viện, buồn quá. Cha tôi đã qua đời năm 1980, bây giờ đến mẹ tôi.

Khoảng 1 giờ sáng chiếc xe hồng thập tự cũ kỹ chở xác mẹ tôi cùng mấy anh em tôi âm thầm về nhà tôi. Anh Sáu và tôi khiêng mẹ tôi trên chiếc băng ca vào nhà. Bốn phía xóm im lặng trong giấc ngủ. Lưu, em gái tôi, khóc thành tiếng, còn chúng tôi như chết lặng.

Khi người ta đưa xác mẹ tôi vào quan tài, tôi mới bật khóc. Nghĩ lại từ khi mười lăm mười sáu tuổi đến bây giờ tôi chỉ mới dành trọn thì giờ sống với mẹ được hơn một năm. Thuở trước, ngay những dịp hè về nhà chừng ba tháng, rồi sau 1954, vào Sài Gòn học hành, đi dạy, ở tù đi lính... tôi chưa hề lo được gì cho mẹ. Sau ngày ra tù, cuộc đời tàn tạ, lâm cảnh cùng đường, tôi mới thực sự sống bên mẹ nhưng cuộc sống của mẹ đã vào những ngày cuối. Buồn thật! Hôm tôi vừa về, ngay hôm sau, gặp ở nhà em tôi đưa cháu kêu bằng cậu đi vượt biên. Đứa cháu muốn tôi cùng đi nhưng tôi không thể theo nó vì tám năm rồi chưa gặp vợ con và không nở rời mẹ.

Bây giờ đã gặp lại vợ con rồi và mẹ không còn nữa. Ngay sau đám tang mẹ, ý nghĩ ra đi trở lại với tôi.

Phải ra đi!

CUỘC ĐỜI LƯU VONG

Tuần một trăm ngày mẹ xong, tôi quyết định dứt khoát vượt biên. Tôi phải đi. Đi một mình cũng được vì tuy tôi cố nguy

trang trốn tránh nhưng sao khỏi có lúc bị lộ. Đầu óc căng quá. Một hôm, người anh rể nói ông Phạm Đình Nghị nhắn cho tôi biết công an Sài Gòn hỏi về tôi rất nhiều bảo tôi đã vượt ngục trốn tránh và đang âm mưu tổ chức Quốc Dân Đảng để chống phá cách mạng. Ông Nghị nói: *“Em tìm thằng Liệu cho biết họ đang truy tâm và hỏi tôi rất kỹ về nó. Tôi nói thật tôi không biết gì vì hàng chục năm nay không gặp nó. Xem chừng họ không tin lời tôi.”* Người anh rể tôi nói với ông Nghị là từ năm mất nước đến giờ cũng không gặp tôi và nghe nói tôi còn ở tù ngoài Trung.

Lúc bấy giờ hàng đêm người ta vượt biên quá nhiều. Chúng tôi biết do tin tức từ đài BBC phát thanh ngày hai lần chương trình tiếng Việt và mục *“Thuyền Nhân”* chiếm khá nhiều thì giờ. Người ta phỏng vấn các thuyền nhân vừa đặt chân lên đảo, đất trời tự do, phỏng vấn những người còn sống sót qua cơn bão, nhất là những người còn sống qua một vụ cướp biển hãi hùng... Cả thế giới đều xúc động về việc ra đi của người Việt Nam tìm tự do. Hải tặc phần lớn là dân đánh cá Thái Lan với những hành vi man rợ ngoài sức tưởng tượng. Chánh quyền Thái Lan thừa biết điều này. Hoàng tộc Thái cũng thừa biết nhưng đều làm lơ. Thật mỉa mai là đại đa số dân Thái Lan đều theo đạo Phật! Trong giai đoạn đó, Mỹ cho Thái Lan mỗi năm năm triệu đô-la để chặn đứng nạn hải tặc nhưng số tiền ấy không đưa đến một hành động cụ thể nào vì có lẽ đã chạy hết vào túi giới lãnh đạo. Mỗi cừu hận này không bao giờ có thể quên với người Việt Nam — cố nhiên trừ bọn cộng sản. Theo thống kê Liên Hiệp Quốc, một nửa số người vượt biên chết dưới biển do hải tặc Thái Lan.

Ông Lâm, người láng giềng tốt cho tôi làm đậu hủ, cho biết các linh mục tổ chức vượt biên rất bảo đảm, nhưng mỗi người phải đóng ba cây vàng. Ông đã cho đưa con trai đi được hai tháng rồi nhưng chưa có tin tức. Nếu được tin đưa con trai thành công, cả gia đình ông sẽ liêu đi chung một chuyến. Lúc ấy cũng có lời đồn ở Phú Khánh ⁽⁸⁶⁾ tổ chức vượt biên rất táo bạo vì có sự đỡ đầu của tỉnh ủy, mỗi người hai cây rưỡi vàng. Như thế làm sao tôi vượt biên được trong khi tôi không đủ gạo ăn. Tôi đã dặn vợ nếu tôi gặp chỗ có thể đi ké vượt biên lập tức tôi đi ngay có khi không kịp hoặc không thể nhắn về nhà. Cho nên tôi đi mà

⁽⁸⁶⁾ Phú Yên, Khánh Hòa.

không về nhà thì bình tĩnh chờ xem, đừng vội nghĩ tôi bị bắt mà tìm kiếm lung tung nhiều khi bắt lợi... Nhưng tôi thường lại phải nằm nhà, chỉ khi cần thiết mới ra đường thì làm sao tìm nổi mối ra đi. Điều khó nhất là tìm ra mối cho đi không tiền, đến nơi rồi kiếm ra tiền mới trả. Tôi có một người bạn thân từ lúc nhỏ. Anh có dư điều kiện giúp tôi vì thuộc loại làm ăn có tiền, nhất là thân phụ anh vốn giàu có đang tổ chức vượt biên, là người có uy tín làm trung gian giữ vàng cho người vượt biên và chủ tàu. Nhưng tôi không thể tìm đến để xin đi, vì anh tránh không gặp sau khi tôi ra tù, khác hẳn những người bạn cũ nghèo túng khó khăn. Tôi chỉ còn trông cậy một người bạn quen thân, tin tưởng trong tù vì đã có lần cùng anh tính chuyện trốn trại là anh Trần Văn Hưng, một giáo sư ở Quảng Ngãi, có dạy triết ở Quảng Ngãi nghĩa Thục.

Nhà của Trần Văn Hưng nằm trên con đường ra ga xe lửa Bình Lợi nên tôi hay ghé trong những lúc ra ga. Nhà mặt tiền nhìn ra đường, Hưng làm tiệm bán tạp hóa. Vì là tiệm buôn nên ra vào dễ dàng không bị để ý. Hình như Hưng buôn bán cũng là một hình thức che mắt công an, tỏ rằng an tâm lo làm ăn không tiếc rẻ quá khứ, không căm hận hiện tại. Một hôm Hưng nói nếu tôi muốn đi thì đi với anh. Tôi quả thật như người chết đuối vớ được phao. Hưng mạnh dạn nói với tôi vì chúng tôi đã có thử thách và tin nhau. Hưng dặn đừng nói với ai, dù đó là người bạn thân và tin nhất. Giờ ra đi sẽ được báo trước hai mươi bốn giờ và đi tay không, không mang theo thứ gì.

Tôi mừng quá và cố nhiên báo tin này cho vợ biết. Vợ tôi tái mặt, mừng và xúc động. Một sự kiện vô cùng quan trọng, một biến cố lớn, một việc chết sống, một đổi thay kinh khủng. Lúc đó, chúng tôi như không giữ nổi tự nhiên, không thể làm gì hết và chân như bước hẫng trên không. Trong đầu chúng tôi chỉ hiện rõ một điều chắc chắn là một cuộc chia ly khủng khiếp.

Hưng lên nhà tôi cho biết sẽ báo ngày giờ chính xác trong vòng một tuần nữa. Tôi nói với Hưng về người bạn trong tù rất tốt với tôi, thiết tha đáng tin cũng muốn đi, đề nghị nên giúp. Hưng suy nghĩ rồi đồng ý. Đó là Nguyễn Tấn Yên. Hưng cho tôi đem theo một đứa con để ra nước ngoài đỡ cô đơn. Tôi đem đứa con trai lớn lúc ấy hơn mười tuổi. Thành nhỏ rất ham học và rất muốn ra đi. Tôi phải nói rõ với nó và chỉ dẫn kỹ cho nó khi bị trở ngại. Thành nhỏ ngồi nghe căn dặn từng chút một cách khoái

trá như đang tập diễn kịch. Nó chưa lường được nguy hiểm nên chưa biết sợ. Tôi luyện cho nó biết cách đóng vai đứa bé mồ côi, sống vất vưởng trong chợ, đi theo người ta chỉ muốn tới chỗ được ăn no bụng, chứ không biết chỗ đó ở đâu. Hỏi cha mẹ, nói không biết, ở trại mồ côi không ai cho ăn nên theo xe vào Sài Gòn đi xin ăn. Tôi bảo công an sẽ đập bàn, dọa đánh, dọa bắn nhưng không bao giờ họ đánh, họ bắn bọn con nít nên đừng sợ. Tuyệt đối đừng bao giờ nhận tôi là cha. Tôi tập cho nó nếu bị bắt cả đám đông dẫn đi, vì nó là con nít, nhắm chỗ nào đông người, lách vào đám đông trốn, rồi tìm đường ra bến xe về Sài Gòn. Vợ tôi may cái túi nhỏ phía trong quần đùi đựng vài trăm bạc phòng trả tiền xe. Con tôi vui vẻ, mong mau đi, không một chút e dè, xem như sắp đi ăn giỗ.

Hưng dặn tôi nhiều lần đừng nói với bất cứ ai dù là bạn thân chết sống với nhau từ lâu. Hưng trình bày cách mua bán, mua bán v.v...nhưng tôi bảo khỏi cần nghe, vì tôi tin sự suy nghĩ chín chắn của Hưng. Trong tù có lúc tôi đã phải nói với Hưng coi chừng người ta thấy mình dăm chiêu quá có thể nghi mình sắp làm một việc nguy hiểm, do đó dễ bị theo dõi. Tuy vậy, tôi tìm Minh — Phan Nhự Thức — báo cho biết tôi sắp đi và nhắc lại lời dặn của Hưng mà tôi đành vi phạm với Minh. Tôi bảo Minh “canh me”. Canh me là đi đại không có sự chấp nhận của chủ ghe. Nhiều người không tiền đã liều đi ầu như vậy do biết giờ khởi hành đi theo rồi bước đại lên ghe, vì lúc đó ai ai cũng vội vã nên không để ý, khi ghe ra khơi mới biết số người “canh me”. Nghe nói có số canh me bị đạp xuống biển, có lẽ đồn như vậy cho bớt số người đi ầu. Tôi báo cho Minh biết sắp đi và bảo Minh cứ đi ầu, tôi sẽ ra sức bảo vệ, không để bị ném xuống biển. Nhưng Minh không đi, nói chờ dịp khác. Tôi lên Trung Chánh gặp Trần Hữu Huy, người bạn thân trẻ tuổi tôi rất mến, một trong những người tích cực xây dựng Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Huy quá xúc động khi nghe tôi báo đi và rủ Huy đi theo. Suy nghĩ một hồi, anh cũng từ chối báo gấp quá không kịp bàn với người vợ mới cưới. Tôi đến quán nhậu của Nguyễn Cao Can, lúc bấy giờ anh đang làm ăn rất khá, có quán nhậu đông khách, có vừa bán cùi. Biết anh chưa tính đi nên tôi nói: *“Tao sắp đi mầy cho thằng con trai đầu theo tao, tao sẽ xem nó như con tao, tin ở tao”*. Lúc ấy, con trai đầu của Can cũng chừng mười tuổi. Can hỏi ai tổ chức. Vì muốn Can tin là chỗ đảng hoàng không phải nơi lường

gạt nên tôi nói thật là Hưng tổ chức. Tôi nhắc lại lời dặn của Hưng và lời hứa của tôi. Nhưng vốn kinh nghiệm trong cuộc sống, vợ chồng Can tìm gặp Hưng để hỏi kỹ rồi sẽ tính. Tôi đến nhà Trần Sáng, cũng là bạn thân như em của tôi, ở khu Cầu Ông Lãnh. Nghe tôi báo tin, Sáng xúc động nói như khóc “*Từ ngày nghe anh về, em mong ngày mong đêm anh vượt biên cho được, anh ở đây nó biết được, nó giết anh liền, nên em lo lắm. Lạy trời Phật cho anh đi được. Đêm nay em thắp nhang cầu cho anh đi được.*” Tôi dặn Sáng chờ một tuần lên nhà tôi mà không thấy tôi thì biết chắc là tôi đã đi được rồi ứa nước mắt chia tay. Sáng xúc động đứng nhìn tôi khuất trong đêm tối. Hưng đồng ý cho tôi dẫn thêm đứa cháu, đứa con trai đầu của em gái tôi sắp ra trường kỹ sư Công Chánh và tôi biết nó thích ra đi. Có lần nó nói với má nó “*Con đi học, đi chơi, gặp chỗ thuận tiện con đi ngay vớt xe đạp bên đường. Báo cho má biết như vậy*” Tôi thấy thằng cháu quyết tâm ra đi dù chỉ còn nửa niên khoá nữa sẽ ra trường. Thằng nhỏ dễ thương, đứng đắn chăm chỉ và có tâm hồn. Nó biết uống rượu, biết ngâm thơ, ưa hài hước. Tôi khoái thằng nhỏ này nên quyết dẫn nó đi. Tôi bảo nó hớt tóc ngắn như trẻ con đồng quê để dễ trốn khi thất bại. Má nó năn nỉ tôi: “*Anh đừng cho nó uống rượu nhé anh*”. Tôi dặn nó túc trực trong vài ngày tới, không ra khỏi nhà. Nó hớt tóc, ngồi im trước cửa ra vào. Đúng là tôi chọn không làm người. Nó tên Lương Đông Phong, đến Mỹ tích cực học, tốt nghiệp kỹ sư điện tử trường danh tiếng Berkeley, là chuyên viên kỹ thuật cao cấp của hãng điện tử danh tiếng Oracle mấy chục năm nay. Phong tận lực giúp gia đình có trên mười anh em hầu hết được qua định cư tại Mỹ và hiện thuộc hàng giàu có. Tôi nói không quá lời, Phong là người Việt Nam đứng đắn, có tư cách, nặng tình gia đình và là một người tị nạn thành công lớn. Tôi rất hạnh diện về Phong. Tôi cũng đến đưa em gái khác đang đói khổ định giúp dẫn đi đưa con trai đầu. Rất tiếc đứa nhỏ đang bệnh nên không đi được. Đúng là số mạng.

- Sáng mai đi!

Một buổi trưa, Hưng lên báo như vậy.

Xẹt xe vào nói gọn, như một lệnh, rồi đi ngay.

Bị phản ứng mạnh tôi hơi lạng quạng.

Cả tuần vợ tôi đi làm về sớm vì nôn nao chờ có tin gì không. Chiều đó cũng vậy. Vợ tôi vừa dắt xe đạp vào đến sân,

tôi liền chạy ra báo tin. “*Thiệt hả!*” Vợ tôi như đi không vững dựa vào chiếc xe đẩy vào nhà. Chúng tôi im lặng một lúc không biết phải nói gì. Trông đêm trông ngày được đi, bây giờ đến phút ra đi cảm thấy chới với. Vợ tôi ngồi thừ xuống chiếc sạp trong nhà, thờ dài nước mắt chảy trên gò má. Tôi buột miệng: “*Đêm nay là đêm ...*” Tôi muốn nói đêm cuối nhưng dừng lại ngay, dù cả hai chúng tôi đều có ý kinh khủng là đêm cuối cùng. Chúng tôi dặn nhau đủ điều, không biết còn điều gì để dặn nữa. Tôi khuyên vợ gắng lo cho con và lo cho bà già, tức mẹ vợ tôi. Câu dặn, câu khuyên nào cũng không đi đến đâu, cũng như rỗng tuếch, vô duyên. Vợ tôi nhắc tôi ra nước ngoài đừng uống rượu nhiều và nhớ tìm cách viết thư về nhà. Tôi dặn vợ nếu tôi bị bắt thì kể như đi chưa được, đừng lo vì tôi quá quen cảnh tù rồi. Còn nếu tôi chết vì sóng gió thì... vợ tôi ngắt lời bảo đừng nghĩ đến chuyện đó, kinh khủng quá.

Trời chưa sáng hẳn, xe cộ bắt đầu ồn ào ngoài đường, có người gõ cửa. Hưng đến sớm báo cho biết sáng nay chưa đi, sáng mai đi. Tôi hỏi tại sao, Hưng bảo lý do kỹ thuật. Hưng nhấn mạnh sáng mai chắc chắn trăm phần trăm và làm y những điều đã dặn. Thú thật tôi mừng quá, mừng được còn ở lại với vợ con. Tôi vui lên hẳn, vợ tôi hơn hờ thấy rõ. Chúng tôi có thêm một ngày, một đêm để bớt căng thẳng lúc phân ly. Kinh khủng thật! Chắc chắn không có cuộc chia tay nào ghê gớm như cuộc chia tay đi vượt biên, đi mà không dám tiến đưa, đi mà không dám biểu lộ sự triu mến lo âu, đi âm thầm, lén lút không dám cho ai hay dù là người thân.

Tôi mang cái cửa tay, xách cái giỏ lác đưng vài cái bèo vài cái đực y như ông thợ mộc già ở nhà quê. Tôi dặn vợ ngồi im trong nhà không bước ra ngoài, bảo con chạy vào hôn mẹ thêm lần nữa. Nó vui vẻ chạy vào, vui vẻ như đi xem phim. Hình ảnh tôi không quên được là má thẳng Phong đứng sững như pho tượng, bất động. Tôi gượng cười sang nhà ông Lâm bên cạnh, bắt tay ông, hút một điếu thuốc lào rồi ra đi. Ông vẫn nghĩ tôi đi cửa củi.

Nơi tập trung của chúng tôi là tiệm hủ tếu Thành Lợi gần phòng bán vé ở bến xe An Đông, Chợ Lớn. Theo mỗi bước chân lên cầu chữ Y, tôi nghĩ sẽ không bao giờ còn dịp trở lại cây cầu này. Thật buồn khi phải xa quê hương và không hi vọng trở về.

Nhóm do tôi chịu trách nhiệm ngoài cha con tôi và đứa

cháu còn có hai đứa con trai anh Yên, bốn đứa con anh Bún. Anh Tân nguyên là một xã trưởng ở Bình Định nghe anh em nói về tôi nên cảm mến thường ghé thăm tôi khi tôi tá túc ở Sài Gòn và giúp tôi bằng cách nhờ dạy kèm các con anh. Dịp này anh gửi bốn đứa con theo tôi. Như vậy là nhóm tôi có chín người. Đến phà Mỹ Thuận, tôi sẽ gặp Hưng và từ đó theo Hưng đến điểm hẹn.

Xe đồ đang chờ khách. Đám bán rong lật vật nhào đến năn nỉ chúng tôi *“Mua giùm đi bác, tôi biết bác ra đi lần này bác ra nước ngoài, mua giùm đi bác...”* Đám này như biết chắc ai là người đi vượt biên và mời theo kiểu đó để khách sợ mua đại cho yên. Cách mời mua vừa năn nỉ vừa như tổ cáo chúng tôi rất nhiều người đi vượt biên. Tôi im lặng, không mua cũng không thanh minh. Tôi đến bắc Mỹ Thuận gặp Ký, chủ tàu. Anh chỉ biết tôi chứ chưa thân nhau nhưng đồng ý cho tôi đi không, khi đến Mỹ mới trả tiền. Nếu không gặp được người tốt như anh làm sao tôi có thể đi ba người không tiền được. Mãi mãi tôi nhớ ơn trời biển này.

Chúng tôi không nói chuyện, không tiếp xúc xem như chưa hề biết nhau. Tôi canh chừng Hưng đi đến đâu thì theo đến đó. Người trong nhóm ngó chừng tôi, nếu ngồi uống nước trong quán, tôi dỡ nón gãi đầu là phải lo đứng dậy theo tôi. Tôi theo Hưng còn Hưng theo một người nữa tôi không biết. Chúng tôi xuống chợ Sa Đéc, xuống bến đò và xuống chiếc ghe con đã có một số người sẵn.

Bến đò này nhiều ghe đưa người đi chợ qua lại tấp nập. Chiếc ghe con chở chúng tôi xuôi dòng chừng vài cây số tấp vào ghe lớn đang chờ dưới tàng cây rậm. Tôi và Hưng lên mũi ghe ngồi còn tất cả người trong khoang. Lúc ấy vào quãng bốn giờ chiều ngày 18 tháng 4 năm 1985.

Ghe đi ngược về Mỹ Tho để ra cửa Đại, đến Mỹ Tho vào quãng 9 giờ tối. Trời tối quá ngửa bàn tay không thấy. Bỗng có tiếng gọi: *“Tất cả anh chị ai còn tiền Việt Cộng mang theo không làm gì nên cho anh lái ghe. nhiệm vụ anh lái đến đây là hết, anh ấy về nhà”* Chúng tôi rất ngạc nhiên vì anh lái ghe không vượt biên chỉ lái một khúc sông mà thôi. Hưng cho biết anh lái này cả tháng nay ở trên ghe để sửa ghe tu bổ thêm cho ghe vững chắc hơn. Một thanh niên khỏe mạnh bắt tay tôi *“Chú đi mạnh khỏe”* rồi nhanh như chớp thả chiếc thúng chai xuống nước chèo khuất

vào bóng đêm. Tài công mới nghe nói là một đại úy hải quân, to lớn có vẻ một công tử ăn chơi, có vợ hai con và đem theo người bà con. Tài công được những quyền lợi như vậy và chỉ có trách nhiệm khi tàu ra đến biển còn trong sông do một thanh niên chuyên lái tàu đánh cá. Thanh niên này rất rành trong sông, biết rõ chỗ sâu chỗ cạn, chỗ có lưới đang dăng dưới sông. Không thuộc địa thế đặc biệt đó thì không thể cho ghe đi ban đêm vì rất dễ vướng vào lưới đánh cá và bại lộ việc chở người đi trốn. Ghe chúng tôi không dùng đèn, không để lộ một ánh lửa nhỏ dù đốt diếu thuốc, âm thầm đi trong đêm tối. Vì không có đèn lửa nên đựng một chiếc ghe nhỏ hơn đi ngược chiều, may là chiếc ghe nhỏ né kịp, tránh khỏi bị đề nát xuống biển. Chúng tôi rất lạ có chiếc ghe đi âm thầm như ghe chúng tôi nhưng lại đi ngược chiều và khi suýt đụng mạnh không hề lên tiếng. Sợ nhất là gặp tàu công an tuần tiễu, nhất là phải tới trạm công an. Chúng tôi lạnh người nôn nao khi ghe qua cửa Đại. Mô Phật, ghe chúng tôi qua cửa trót lọt cùng với loạt ghe đánh cá.

Ghe hơi chao chao. Bình minh thật đẹp.

Trời trong, sóng lặn tăn nhẹ nhẹ báo một ngày êm ả.

Ghe đánh cá đầy biển, ghe nào cũng như ghe nào giúp chúng tôi yên tâm. Nhìn vào đất liền xa dần, mong càng ra khỏi sớm càng tốt, nhưng lòng đau như cắt biết không bao giờ trở lại. Trước khi đi, tôi mượn từ điển La Rousse xem kỹ cỡ các nước để phân biệt tàu các nước ở khối cộng sản. Qua hai ngày, chúng tôi ra hải phận quốc tế. Biển mênh mông, biển giáp chân trời màu xanh, không thấy tàu, không thấy ghe, không thấy chim, không thấy cá, hoàn toàn một thế giới riêng biệt. Mặt nước yên lặng, yên lặng gần như không có sóng. Mặt trời gần lặn. Chiếc thuyền nhỏ mỏng manh, quá sức mỏng manh. Mây chiều hạ thấp khiến chiếc thuyền như đi vào rừng cây cổ thụ âm u. Tôi bỗng thấy rõ cái mong manh, cái bé nhỏ, cái bất lực của con người và mãi mãi con người chỉ phó thác cho mệnh số. Khi chưa đi, nghe nói ra tới hải phận quốc tế, tàu các nước qua lại đông như người đi chợ. Nhưng suốt một ngày ra hải phận, chúng tôi không gặp chiếc tàu nào. Chiều hôm đó, từ xa có một điểm trắng hình như là chiếc tàu. Chừng nửa giờ sau, qua ống nhòm biết là chiếc tàu mang cờ Nhật chạy ngược chiều tàu chúng tôi. Đó là chiếc tàu đầu tiên chúng tôi thấy trong hải phận quốc tế. Cả tàu la ó mừng quá, hi vọng tàu Nhật sẽ vớt.

Tàu chúng tôi chạy thẳng đón đầu tàu Nhật nhưng khi còn cách chừng nửa cây số, chiếc tàu kia lách sang trái tránh tàu chúng tôi. Chiếc tàu lớn dài là tàu chở dầu không thấy người trên tàu.

Sáng ngày thứ ba khoảng 9 giờ, chúng tôi thấy từ xa một chiếc tàu nhỏ dừng tại chỗ không di chuyển. Ghe chúng tôi nhắm hướng chạy thẳng đến. Lần này, tôi mỗi tay một cái khăn trắng đánh Morse chữ S.O.S. Tàu chạy hơn một giờ mới đến chiếc tàu neo ở đó, và thấy là tàu đánh cá. Còn cách chừng trăm thước, chúng tôi đều phát hoảng vì thấy người trên tàu râu tóc lờm xờm, da đen bóng loáng thân hình vạm vỡ chỉ mặc quần cụt đen. Chúng tôi nghĩ đã gặp hải tặc nhưng không còn kịp lui tránh. Nhưng ngay sau đó, một thủy thủ trên tàu nói họ là người Indonesia. Chúng tôi mừng quá vì thường hải tặc chỉ là người Thái Lan.

Khi chúng tôi đến gần bên, tàu đánh cá nói cho hai người bơi qua. Hai người nhảy xuống biển bơi qua chừng vài chục mét. Chúng tôi nhờ tàu đánh cá kéo về đất liền nhưng họ chỉ hướng cho đi và bảo chỉ còn cỡ tám chục hải lý là đến bờ. Họ cho nước uống và nửa thùng bánh lạ.

Chúng tôi rời tàu với niềm vui chỉ còn non một ngày sẽ đến Indonesia. Hôm đó là ngày thứ tư chúng tôi lên đèn trên biển. Trời mù không nắng, biển hơi có sóng. Nhìn hai bên ghe thấy cá bơi gần mặt nước, có những con cá phóng lên không rồi rớt lại xuống mặt nước trắng xóa.

Trời mù, hơi lạnh lạnh. Đàn cá hai bên ghe khiến chúng tôi thấy như báo hiệu về một điều gì bất thường. Nhưng qua ống nhòm, chúng tôi thấy dạng một hòn đảo, mừng quá chuyền cho nhau xem và người nào cũng hớn hờ. Tuy thế phải gần 10 giờ khuya ghe mới vào sát đảo và không dám ghé bờ ban đêm. Ghe chạy rất chậm xung quanh chờ sáng mai. Tiếng máy nhỏ rì rầm và tất cả chúng tôi đều mong mau sáng, không ai ngủ được.

Tờ mờ sáng, một chiếc ghe nhỏ chở một ông già mặc áo dài có viền vàng đỏ, đầu quấn khăn đỏ đứng trước mũi thuyền, phía sau là một cô gái dưới hai mươi. Chiếc ghe nhỏ chạy thẳng đến ghe chúng tôi.

Tất cả người trên ghe chúng tôi đều tràn lên khoang ghe, lên mũi ghe, chen chúc tươi cười nhìn hòn đảo đầu tiên, hòn đảo cứu tinh. Ông già nói một tràng có lẽ tiếng Indo, dùng bàn tay ra

hiệu cho ghe chúng tôi đi theo. Chiếc ghe nhỏ chở ông già và cô gái đi trước dẫn đường.

Sau khi dừng lại, Hưng cùng vài anh em đi gặp ông già còn tất cả chúng tôi chưa được lệnh lên bờ. Độ 10 phút sau, Hưng trở về ghe kêu gọi đóng góp để tặng cho ông già chút ít và cho biết ông là trưởng hòn đảo này. Dân trong đảo kéo ra gặp chúng tôi phần nhiều hỏi mua “ring”. Hình như “ring” là tiếng Anh duy nhất mà dân đảo này biết. Nhưng trong chúng tôi, không ai có nhẫn để bán.

Cạnh đảo này còn một đảo nhỏ hơn có trụ ăng-ten cao có mái ngói. Chúng tôi bỏ ghe chia làm ba nhóm lên thuyền nhỏ chuyển lần qua hòn đảo có ăng-ten. Tôi cúi hôn từ biệt chiếc ghe với sự triu mến biết ơn chân thực.

Hòn đảo nhỏ là trạm truyền tin, có nhà, có văn phòng, có nhà máy điện và ba trụ ăng-ten bằng thép cao, sơn trắng. Hai nhân viên làm việc, vui vẻ đón tiếp chúng tôi, cho gạo để chúng tôi nấu ăn.

Bốn ngày trên biển không ăn, đói quá và còn ngày ngật khi bước trên bờ nhưng chúng tôi đều lâng lâng sung sướng do đã đặt được chân lên đất tự do. Sáu mươi mấy bộ mặt hân hoan cười nói vui tươi như chưa bao giờ được vui tươi như vậy. Vài chục người dân trên đảo ra gặp chúng tôi và cũng hỏi mua “ring”. Hòn đảo trồng toàn dứa, chỗ nào cũng dứa. Những cây dứa già cao và sai trái. Lơ thơ những quả dứa khô rụng từ hồi nào, chúng tôi đập ra ruột còn ăn được, nhưng nước không uống nổi. Cảm giác lúc ấy thật khó tả! Khoẻ, vui, mừng vì còn sống, vì đã đến bờ Tự Do, vì thực sự thoát khỏi ách cộng sản! Quả là không thể tìm ra lời để diễn tả nỗi sung sướng của người vượt biên thành công.

Liên tục mấy ngày sau, chuyển qua vài đảo nữa rồi chúng tôi được đưa tới đảo Kuku. Sự di chuyển do Ủy Ban Tị Nạn Liên Hiệp Quốc sắp đặt. Kuku là hòn đảo khá lớn, có người ở đồng làm nghề đánh cá. Chúng tôi được ở trong các trại riêng, có trạm y tế, có y tá.

Tất cả đều được khám bệnh và tôi vì lớn tuổi nên được vào trạm dưỡng sức. Chiều hôm đó con tôi lên chỗ tôi nằm nói: “*Tối nay có thịt hộp, con sẽ ăn hết một hộp!*” Lời reo mừng của thằng nhỏ thật tội nghiệp chứng tỏ nó thèm ăn kinh khủng. Hộp thịt loại lớn cung cấp cho mười người mà nó bảo sẽ ăn hết một hộp,

đúng là ăn theo con mắt, ăn theo thèm khát, ước mơ của một đứa bé sống trong vùng cộng sản. Nghe con nói tôi cười ra nước mắt. Hưng cũng nằm ở trạm xá y tế vì khi ghe chúng tôi cập vào chiếc tàu đánh cá Indo, Hưng định bước nhanh lên tàu để thương lượng, rủi ro bị chạm mạnh đầu vào be tàu, bất tỉnh rơi xuống biển, phải nhảy xuống nước vớt lên. Anh bị thương nặng ở cổ. Một thời gian rất lâu sau, vết thương đó mới lành. Con tôi gặp Lộc, bạn học thân của nó ở Sài Gòn vượt biên trước chúng tôi chừng một tuần và còn ở lại Kuku. Chúng có bạn mừng vui chạy chơi quanh đảo. Tại hội trường Kuku, nhiều bức tranh được vẽ nguệch ngoạc trên tường ghi rõ ngày đến đảo. Nhiều câu thơ, nhiều hình ảnh vẽ lên tường kỷ niệm ngày đến đảo. Cảm động nhất khi đọc những dòng chữ của người sống sót qua các vụ hải tặc Thái Lan giết người, cướp của, hiếp dâm. Có tàu trên một trăm người bị giết sạch chỉ một người sống sót. Anh này ghi lại những lời đầy nước mắt. Đến Kuku chúng tôi được sự bảo trợ của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, được phát thực phẩm và chữa bệnh.

Ba ngày sau, khoảng vài trăm người chúng tôi được lên một tàu lớn, loại chở hàng, về đảo Galan, trung tâm chính của người Việt Nam tị nạn. Lúc đó tôi được biết có nhiều tàu nhỏ đi các đảo vớt người tị nạn tập trung về Kuku rồi tàu lớn chở về Galan.

Indo có hàng ngàn đảo lớn nhỏ, có những hoang đảo, có những đảo dân sống âm thầm theo cách sống riêng, văn minh không đến được, có những đảo không có nền hành chính v.v...dân chúng sống bằng cách ăn dừa khô và họ cũng chưa bao giờ nghe đến tên vị tổng thống Indo. Chúng tôi lên tàu tại Kuku lúc 3 giờ chiều, sáng hôm sau tàu cập bến Galan.

Galan là một đảo lớn, nguyên là một căn cứ hải quân của Indo. Những người tị nạn mới đến được ở một vùng gọi là Galan I, khi được các nước nhận cho định cư thì về một vùng khác gọi là Galan II. Mỗi vùng có chừng vài chục barracks của hải quân để lại. Chúng tôi vào barracks số 17.

Đông quá, hàng ngàn người qua lại nhộn nhịp trên con đường chính và trong các quán cà phê, các quầy hàng tạp hóa, các quán nhậu... tất cả đều do người tị nạn buôn bán. Những tên quán cà phê Vũng Tàu, Đà Lạt, Nha Trang... khiến chúng tôi càng nuối tiếc quê hương vừa mất.



Những barrack đã hoang tàn và tấm bia tưởng niệm bị đục bỏ do áp lực của Cộng Sản Việt Nam với chính quyền Indonesia.

Cứ mỗi cuối tuần, người tị nạn ở Galan được ra bãi biển tắm biển, picnic. Vì mới thoát khỏi cộng sản nên nhiều đêm trong giấc ngủ chúng tôi vẫn có những cơn ác mộng đang bị cộng sản hành hạ.

Khi biết đó chỉ là ác mộng, chúng tôi càng mừng hơn vì xác định mình đang thực sự sống trên vùng đất tự do.

Hàng ngàn “thuyền nhân” trên hòn đảo với cái tên dễ thương này, lúc nào cũng vui vẻ hân hoan, sắc mặt rạng rỡ đầy tin tưởng ở tương lai. Tôi thầm ước mãi mãi mọi người giữ được gương mặt đó, niềm mơ ước đó và cuộc đời êm xuôi như mộng tưởng. Nhưng tôi hiểu mọi sự không dễ dàng. Già trẻ lớn bé đều vui tươi ôm sách đến lớp học tiếng Anh do các cô giáo xinh xinh người Indonesia dạy dưới sự điều khiển của một số người Mỹ. Anh vẫn nhiều lớp từ lớp bắt đầu đến một số lớp cao hơn. Tôi làm thông dịch cho các lớp học gọi là “văn hóa Mỹ”. Người ta dạy và trình diễn cho xem các công việc hàng ngày ở xứ sở mới lạ này, từ việc lên xe bus, việc xử dụng lò bếp, cầu tiêu, buồng tắm cho đến việc đi chợ, xin việc làm, gọi điện thoại, đề phòng cướp giật, đi xe nhờ...đến đọc mục quảng cáo, thuê nhà, mở account ngân hàng...

Để giữ trật tự trong tập thể đông đúc này, một ban đại diện được bầu ra. Cuộc bầu cử cũng khá gay gắt. Chứng kiến cuộc bầu đại diện thật khó ngờ những người này đã ở tù cộng sản lâu năm, vì không thấy sự lắng đọng của con người từng phải đau khổ nhục nhã, con người từng sống về bề sâu nhiều hơn bề nổi ồn ào mà dễ dàng bắt gặp con người nóng nảy, giận dữ, nhất là con người quá cầu cái danh nhỏ nhặt đến mức quên cả nhân vị của người cùng một cộng đồng. Trạng thái này gần như vẫn theo thời gian nảy nở trong cộng đồng tị nạn lưu vong.

Khi rời nhà ra đi, tôi cố thuộc cái địa chỉ của anh tôi ở Mỹ. Không dám chép lên giấy bỏ vào túi áo vì lỡ bị tình nghi xét hỏi mà trong túi có cái địa chỉ ở Mỹ thì hết đường chối. Học thuộc lòng lại không dám tin vào trí nhớ nếu trải qua một cuộc hải hùng kinh khủng. Cuối cùng, tôi thuộc bằng cách liên hệ với những sự việc khó quên hàng ngày, ví dụ số nhà của anh tôi là số 8453, tôi liên hệ đến tuổi của cha tôi khi qua đời là 84 tuổi, tuổi hiện tại của tôi là 53. Tôi chỉ cần nói “tuổi cha tuổi con” là nhớ 8453... Tìm cách nhớ bậy bạ như vậy, tôi cảm thấy vui vui và khi ra tới hải phận rồi tôi liền ghi kỹ vào vạt áo. Mấy ngày ở

trên vài hoang đảo trước khi được đưa tới đảo Kuku, có một người Mỹ đến thăm nhóm chúng tôi. Ông cho biết là nhân viên một giàn khoan dầu, đến chào mừng chúng tôi và bảo viết thư gửi ra nước ngoài hôm sau ông trở lại lấy thư gửi giùm. Ông cho một mớ giấy viết thư, mỗi người một cây viết bic và vài ba bì thư. Ông còn cho thêm một ít kẹo bánh bảo gửi cho các baby. Tôi hỏi thuốc lá ông trả lời không biết hút, nhưng hôm sau ông đem đến cho tôi một gói thuốc Thái Lan. Có lẽ lá thư viết cho anh tôi là lá thư sung sướng nhất của tôi. Khi tôi viết *“tin anh mừng em và cháu Bình, con trai em và Phong, con em Mười đã vượt biên thành công hiện ở trên một hòn đảo ...”* Tôi mừng tới run tay phải sửa lại cho rõ trong lúc ràn rụa nước mắt. Tôi nhờ anh tôi đánh điện về địa chỉ em gái tôi, mẹ của Phong, nội dung chỉ gồm mấy chữ *“Cầu mong gia đình em mạnh khỏe”*. Tôi đã bàn trước với vợ nếu tôi vượt biên thành công thì sẽ có điện tín nội dung như thế. Lúc ấy, Indonesia không quan hệ về bưu điện với Việt Nam nên không gửi thư trực tiếp từ Galan về Sài Gòn mà phải qua một nước thứ ba.

Do người tị nạn xây dựng, ở Galan có chùa, nhà thờ và một nghĩa địa dành cho người đi tìm tự do nhưng xấu số. Đảo này là đảo hoang và gần như tháng nào cũng có người di cư đến Mỹ, Canada, Pháp là những nước nhận nhiều người tị nạn. Ở Á Châu, Nhật cũng nhận người tị nạn nhưng rất ít.

Thời gian ở Galan, tôi thường nhận được thư có kèm dollars do anh tôi, cháu tôi Bùi Ngọc Minh, anh Phạm Huệ và Harrison Reed, cố vấn của tôi khi tôi làm tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn ở Quảng Ngãi gửi. Theo ý kiến của con tôi, tất cả số tiền nhận được tôi gửi về nhà bằng cách giao cho các con của Nguyễn Tấn Yên đi chung với chúng tôi. Các cậu đó đánh điện qua bà con ở Mỹ báo cho gia đình biết và Nguyễn Tấn Yên đem vàng lên đưa cho vợ tôi ở Sài Gòn. Cha con tôi rất vui gửi tiền cho gia đình theo kiểu này và có lẽ chưa có ai mới đến đảo Galan trong một tuần đã có tiền gửi về. Gạo đủ ăn no đối với tôi rất quan trọng và cá khô với gạo là đủ quá rồi so với khi ở Sài Gòn không đủ gạo ăn tôi từng phải ăn xác đậu nành.

Nguyễn Hòa Bình, con tôi, học Anh văn rất chăm chỉ. Bấy giờ sáng Bình đã ngồi ở hàng đầu chờ phòng lab mở cửa vào chiếm một máy cassette vì trong phòng chỉ có độ mười cái máy. Nhờ tích cực học nên qua kỳ trắc nghiệm, Bình được chọn làm

phụ giáo, lo mở máy cho học sinh nghe English và làm thông dịch cho lớp học English.

Mỗi tháng lương của Bình là một hộp thịt.

Hôm đầu tiên Bình đem hộp thịt về, chúng tôi rất vui và xúc động. Chính nhờ học Anh văn ở đảo mà khi đến Mỹ định cư, Bình không bị trở ngại, khỏi phải học ESL mà còn được đưa vào lớp Enriched English, lúc đó là lớp cao nhất ở Middle High School tại San Jose.

Tại Galan, chúng tôi phải làm hồ sơ kỹ để xin đi định cư nên được biết hoa tiêu chiếc tàu chúng tôi vượt biên thực sự không phải đại úy thuyền trưởng của hải quân Việt Nam mà chỉ là một trung sĩ bộ binh. Chúng tôi hú hồn. Trên sáu chục mạng sống gửi cho anh đại úy hải quân giả! Thì ra chiếc tàu ra biển còn đi được hoàn toàn do em nhỏ chuyên lái ở sông biết cách lái thuyền và ông đại úy giả cùng vợ con được đi khỏi đóng tiền không biết một chút gì về thuyền bè. Kiểu lường gạt ấy khá nhiều và dễ hiểu.

Tại đây, chúng tôi biết thêm một danh từ mới xuất phát từ Galan, là từ “Ghép phom”. Ghép phom — *form* — là hai người, một nam một nữ cùng đứng một đơn xin đi định cư. Cao Ủy Tị Nạn thuận cho các cặp trai gái yêu nhau tại đảo có thể xin cơ quan đại diện Cao Ủy ở Galan cho đứng chung một đơn, tức chấp nhận cặp đó trở thành vợ chồng có giá trị pháp lý. Nhiều người không thuộc diện đi Mỹ tức thiếu điều kiện hợp lệ phải tìm cách ghép phom với người có đủ điều kiện để được định cư ở Mỹ.

Galan cũng có một hiện tượng kinh khủng là “nói dóc”. Không rõ vì quá mừng sau cuộc vượt biển thành công nên không kiểm soát nổi lời nói, hay vì mặc cảm tự ti, mặc cảm tội lỗi nên cần nói quá sự thật để che giấu chân tướng, nói dóc trở thành hiện tượng tràn lan. Tại các quán cà phê, sôi nổi nhất là lời kể các trận đánh oai hùng mà đương sự hoặc trực tiếp điều khiển hoặc có tham gia. Một người kể chín, mười người bu quanh trong không khí hào hứng như nghe chuyện Đông Chu, Tam quốc. Hào hứng hơn nữa là chuyện đánh cán bộ cộng sản khi ở tù. Có anh kể lại tại các trại tù ngoài Bắc mà anh trải qua, ở trại nào anh cũng đánh vài, ba cán bộ cộng sản đến mang thương tích. Có lẽ do phải im lặng khá lâu trong nhà tù cũng như trong xã hội cộng sản hà khắc nên khi thoát đến vùng tự do,

phần nhiều nói xả căng cho bù lại những ngày xưa? Tôi vẫn nhớ một anh xưng là thiếu tá, làm trưởng Zone ⁽⁸⁷⁾. Anh luôn thao thao cần phải đi Mỹ sớm hơn ai hết, vì anh có nhiều kế hoạch đối phó với cộng sản, sẽ giúp cho chánh quyền Mỹ biết cách đánh cộng sản. Nhiều anh em thực sự kính nể.

Khi qua Mỹ, tôi gặp lại anh vài lần. Anh trở thành người trầm lặng và sau đó mấy năm anh về lại sống ở Việt Nam vì vợ anh không chịu đi Mỹ.

Khi vừa đến Galan, được vài ba bì thư có tem sẵn nên ngoài thư gửi cho các người thân, tôi gửi đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ nhờ cho biết địa chỉ người cố vấn lúc tôi làm Xây Dựng Nông Thôn là Harrison Reed, năm 1967 làm việc tại Quảng Ngãi. Tôi cũng gửi một thư cho bộ Quốc Phòng, hỏi về thiếu tá Weaver năm 1965 làm cố vấn quận Mộ Đức, khi tôi làm quận trưởng. Hai thư tôi đều gửi đại đến Washington D.C không biết địa chỉ chi tiết. Một tuần sau, không ngờ tôi được thư của bộ Quốc Phòng yêu cầu nói rõ tên thiếu tá cố vấn, vì không thể chỉ căn cứ vào chữ Weaver mà xác định. Tiếc là tôi không nhớ chi tiết gì khác.

Hai tuần sau, tôi được gọi lên “văn phòng Cao Ủy” và gặp tại đây một người Mỹ độ bốn mươi tuổi có người vợ Việt Nam làm thông dịch. Ông tên là Alan Bar, về sau, tôi biết ông cấp bậc trung tá chuyên về an ninh. Vợ chồng ông mời tôi lên nói chuyện, hỏi thăm về gia đình và con tôi tên Bình. Sau đó, ông đưa một thư của ông cố vấn Harrison Reed bảo tôi đọc và trả lời cho ông Reed rõ ở Galan có tôi. Ông tự giới thiệu là bạn của ông Reed và muốn cho chắc khỏi bị làm ông nhắc tôi hãy kể ba chi tiết đặc biệt mà chỉ có Reed và tôi biết. Tôi viết liền ba chi tiết giữa chúng tôi mà tôi chắc suốt đời Reed và tôi không quên:

- Thứ nhất, lương tỉnh đoàn trưởng 14 ngàn nhưng tôi chỉ lãnh ngang đoàn trưởng tức 5 ngàn 9 trăm vì không muốn cách biệt với anh em. Reed ngạc nhiên, nói rất nhiều nhưng tôi không nhận thêm.

- Thứ hai, cộng sản phục kích toán phát lương, người chết, bao đựng tiền lương của ba, bốn đoàn cán bộ bẻ tung toé, tôi nhặt hết bỏ vào bao, chiều hôm đó trả lại Reed không thiếu một đồng. Reed và những người quanh ông đều ngạc nhiên coi

(87) Galan có hai Zone, mỗi Zone có một trưởng Zone — Khu.

là chuyện khó tin, nói suốt đời không quên.

- Thứ ba, khi nghe tin tôi biểu tình diệt tham nhũng Reed tìm đến tôi tặng tôi hai khẩu súng lục còn trong hộp chưa mở niêm, nói *“Dùng súng này bắn bọn tham nhũng”*.

Tôi viết ba chi tiết đưa cho Alan Bar đem về cho Reed. Một tuần sau, tôi được thư mừng của Reed kể nhiều kỷ niệm ngày xưa ở Quảng Ngãi, kỷ niệm làm việc và đi kích ban đêm với tôi... Reed cũng cho biết mẫn hạn làm cố vấn, ông về nước học lại và hiện là luật sư ở California. Kèm theo thư, Reed gửi cho tôi hai trăm dollars. Suốt mấy năm sau, mỗi lần gửi thư cho tôi, ông đều gửi kèm cái check một trăm dollars cho con tôi. Ngay ngày thứ hai khi tôi đến Mỹ, ông đã đến thăm tôi...

Thật buồn thảm là ông bị tai nạn máy bay. Ông có máy bay riêng và tự lái. Khi tai nạn xảy ra, ông cùng vợ và một người con gái tử nạn trên sa mạc. Ông còn một người con gái hiện cũng hành nghề luật sư.

Trước sau, tôi có trên mười cố vấn Mỹ, nhưng chỉ Reed là người hiểu tôi, mến phục tôi vì sự thẳng thắn, không gian tham và nhất là can trường khi đụng độ với cộng sản.

Do qua Harrison Reed được biết ông Alan Bar nên tôi giúp được anh Trần Văn Chi qua định cư tại Mỹ. Tôi gặp anh Chi khi đến Galan do anh em giới thiệu và anh tự cho biết trước dạy ở đại học Hòa Hảo. Tôi vốn quen biết và sinh hoạt về nhân quyền với ông Phan Bá Cầm, một nhân vật trong giới lãnh đạo Hòa Hảo, và vốn quý phục tướng Ba Cụt thuộc giáo phái Hòa Hảo. Nói chung, tôi rất ngưỡng mộ tinh thần chống cộng sản của người Hòa Hảo nên có cảm tình với anh Chi. Anh Chi thua tôi cỡ mười tuổi và bị phái đoàn phỏng vấn Mỹ bác nhiều lần. Tôi chứng kiến từ phòng phỏng vấn đi ra cả gia đình anh đều khóc, khi bị bác lần chót. Vợ chồng anh có hai đứa con nhỏ, một đứa ngang tuổi con trai tôi, tất cả đều rất dễ thương. Đứa nhỏ này hiện đã thành tiến sĩ y khoa ở Mỹ.

Hết hi vọng đi Mỹ, anh nộp đơn xin đi Canada, vì Canada không đòi hỏi điều kiện chính trị, ngay cả cán bộ cộng sản đi tị nạn hay bất cứ lý do gì Canada, cũng như nhiều nước đều nhận. Một tuần sau, Canada nhận và anh chuẩn bị ra đi vì đã ở đảo quá lâu.

Tôi tới thăm anh, cho biết tôi có quen với ông Alan Bar là người quyết định việc cho đi Mỹ. Tôi nói sẽ trình bày trường hợp

anh không phải cộng sản, yêu cầu ông xét lại hồ sơ. Anh và cả gia đình rất vui tuy không hi vọng. Tôi gửi gấp một đơn khiếu nại lên văn phòng Alan Bar khi ông còn ở Galan. Sáng hôm sau, tôi gặp Alan Bar. Ông hứa sẽ xét lại và bảo tôi khuyên anh Chi ngưng xin đi Canada. Tuy chưa chính thức nhận nhưng như thế cũng hi vọng nhiều. Ông Alan Bar hứa sẽ hỏi kỹ tôi về Trần Văn Chi tại Singapore, vì còn một tuần nữa tôi được đi Mỹ và sẽ ghé qua Singapore.

Khi tôi đến Singapore, Alan Bar chủ tọa nghe một người Mỹ hỏi tôi về Trần Văn Chi, có thông dịch. Tôi biến thành một nhân chứng. Sự thật tôi không biết gì nhưng thấy gia đình anh Chi tội nghiệp, nhất là có thằng bé học khá. Tôi nói đại là quen biết từ trước và xác nhận Chi không là cộng sản, trái lại là người trong tôn giáo tử thù với cộng sản. Sau khi làm biên bản phỏng vấn, trung tá Alan Bar quyết định cho Trần Văn Chi định cư tại Mỹ. Phòng vấn ra, tôi viết thư gửi cho Chi và Trần Văn Hưng còn ở Galan biết tin mừng đó. Hai tuần sau, theo thủ tục khẩn cấp, gia đình anh Chi xuống tàu qua Singapore đi Mỹ. Hiện anh làm ăn rất khá tại Nam Cali.

Có điều dường như Trần Văn Chi không nhớ kỷ niệm đó nên khi viết hồi ký về Galan, anh không nhắc tới chi tiết bỏ Canada để đi Mỹ. Dù vậy, tôi chắc Chi và vợ anh khó thể quên chuyện tôi vừa kể.

Buổi chiều cuối cùng ở Galan, tôi ra nghĩa địa thăm lần chót. Thấp nhang trước một số nấm mồ, buồn quá. Trần Văn Hưng ở lại sau tôi ba tháng. Anh ứa nước mắt khi chúng tôi bắt tay xuống tàu đi Singapore. Tàu chạy chừng vài tiếng đồng hồ thì xa xa khi ẩn khi hiện trong sương mù những tòa nhà cao tầng. Đã lâu lắm, tôi mới thấy những tòa nhà cao tầng. Galan dù sao chỉ là một hòn đảo nhỏ, một căn cứ hải quân cũ... Những tòa nhà cao ẩn hiện xa xa kia mới thực sự là xứ sở tự do, một xứ sở không cộng sản.

Xe bus đưa chúng tôi đến một trại ở ngoại ô.

Trong thành phố, đường sá sạch sẽ, xe bus rất nhiều có lẽ là thứ di chuyển thông dụng ở đây. Lúc tàu chạy chậm lại để chuẩn bị cập bến, chúng tôi thấy nhiều tàu đang thả neo, đặc biệt có cả tàu mang cờ búa liềm — tàu của Liên Xô. Singapore mà ngày xưa cha tôi gọi là Tân Gia Ba là một nước không phe phái, một nước trung lập. Có lẽ do vị thế đặc biệt như cửa ngõ

qua lại của tàu bè bắt kể nước nào nên Singapore có mức giao dịch thoải mái đó.

Mấy trăm người chúng tôi được chia làm hai nhóm. Một nhóm sáng mai đi sớm, một nhóm ở lại bốn ngày mới đi. Cha con tôi thuộc nhóm thứ hai. Vì thuộc nhóm hôm sau đi sớm nên một số tuổi trẻ trong đó có hai con của Nguyễn Tấn Yên lén ra phố cho biết phố của một nước tự do. Trước khi rời Galan, chúng tôi có đọc cuốn sách mỏng nói về cách đi định cư. Tác giả là người đã định cư ở một nước nào đó nên ghi chép những điều cần làm khi đi định cư. Đại khái như chuẩn bị thế nào, nên mua hàng hóa gì ở Singapore và nếu chỉ ở Singapore một đêm thì nên lên trốn ra đường nào an toàn để đi phố cho biết v.v...

Riêng tôi còn ở lại bốn ngày.

Chúng tôi vào trại khoảng 5 giờ chiều. Trước đó chúng tôi nghe tin trại này được một vị có lòng hào hiệp ở ngoài phố mua thịt heo cho nấu cháo để anh em ăn tự do trước khi đi các nước. Thứ năm nào cũng vậy, một nồi cháo thịt cho ăn tự do. Sống lâu trong đói khổ, nghe tin như thế bán tín bán nghi vì thắc mắc sao trên đời có người hào hiệp đến thế. Cha con tôi đi tìm nồi cháo của vị Mạnh Thường Quân. Con tôi e dè nhưng tôi vốn thích ăn thịt mà trên mười năm ít khi được thấy thịt nên phải đi tìm nồi cháo thứ năm đặc biệt này ăn một bữa cho thỏa thích. Tôi hỏi và đi mãi xuống nhà bếp nằm nơi heo hút trong trại. “Trâu già đâu nệ dao phay”, tôi đi đại vào hỏi. Con tôi đứng ngoài chờ. Người con gái cũng như tôi nói tiếng Anh lụp chụp chỉ hai chào đang bốc hơi, nói chỉ còn nước hết thịt vì tôi đến trễ quá, hết hồi ba giờ chiều. Trâu chậm uống nước đục nên tôi chào cô, rút lui lẹ.

Chuẩn bị định cư, tôi sắm cho con bộ đồ gồm áo short trắng, quần xanh và đôi giày hiệu Bata. Thành nhỏ trắng treo dễ thương mặc bộ short với giày Bata không ai nghĩ nó từng đói khổ bắt cua, mò ốc ở nhà quê dưới chế độ cộng sản. Tôi vẫn mặc bộ đồ cũ của nhà thờ Tin Lành tại Galan cho với đôi dép hai quai gọi là dép Nhật cứ đi một lúc sút dây phải dùng lại sửa. Ông bà Alan Bar đến trại thăm cho con tôi mấy bộ quần áo. Bà bảo thành nhỏ chóng lớn quá nên đồ bà mua cho nó hơi chật nhưng nó cũng mặc đại. Ông bảo ngày mai có xe tới đưa cha con tôi đến văn phòng để ông hỏi vụ định cư của Trần Văn Chi.

Đôi dép của tôi sút dây mãi hết dùng được, tôi phải vào tiệm bán giày mua một đôi. Tiệm bày đủ các loại giày chất chen

chúc từ trên cao xuống. Có lẽ vì tôi rách quá nên mấy người bán hàng chỉ nhìn, không ai ra tiếp. Có lẽ đây cũng là một nét đặc biệt của các saleman Á châu luôn khinh miệt người nghèo đói quên cả bốn phận bán hàng. Tôi hơi bực mình bước thẳng tới người bán hàng gần nhất hỏi “Tôi cần mua đôi giày”.

- Loại gì, hiệu gì ?

Người bán hàng hỏi với vẻ mặt nghiêm như vị quan tòa.

Tôi trả lời “*Không cần loại không cần hiệu tôi chỉ cần giá*”.

Người bán hàng không hiểu và một người khác chạy đến chào tôi, hỏi có vẻ lễ độ:

- Thưa ông, như thế là ông cần thứ nào?

- Tôi cần một đôi giày giá thấp nhất, thấp hơn tất cả các giày khác, ông có không?

Người bán hàng bảo tôi đi theo, vòng vòng mãi đến cái tủ đựng giày dép tạp nhạp đủ kiểu, chỉ một đôi và nói:

- Đôi này giá thấp nhất, đó là loại dán chứ không may và chỉ có một lớp vải thôi.

Tôi xỏ vừa chân mang đại, trả tiền thản nhiên đi ra.

Trên xe bus, con tôi ngồi gần một bà có vẻ giàu có, kể cho bà nghe chuyện vượt biên, chuyện cộng sản... khi xuống xe, bà dúi vào tay thằng nhỏ năm chục đô la Singapore, tương đương hai mươi lăm đô la Mỹ.

Thành phố Singapore rất sạch, xe bus chen chúc nhiều khi bốn năm chiếc dòn dập tấp vào một bên. Xe hơi chạy thận trọng. Tôi đã nghe nói tổng thống Lý Quang Diệu thi hành luật lệ rất nghiêm. Những người để tóc quá dài, dị hình dị tướng không được vào nước ông. Không biết điều đó có đúng không, nhưng tôi biết ông là lãnh tụ duy nhất không tham nhũng ở châu Á. Chuyện dễ hiểu vì Lý Quang Diệu xem Singapore là sự nghiệp của ông nên tích cực làm thế nào cho nền kinh tế vững mạnh để dân chúng có mức sống cao. Nhiều lúc tôi nghĩ có lẽ Lý Quang Diệu là tổng thống trong sạch đầu tiên và cuối cùng ở Châu Á — cũng có thể của loài người! Nghe nói khi ông về hưu thì nạn tham nhũng nẩy nở không thua các nước khác, ngoại trừ các nước cộng sản.

Tôi lên tàu bay lúc 9 giờ sáng tại Singapore, đến Hồng Kông nghỉ độ một tiếng rồi bay tiếp qua Mỹ. Cả đoàn người từ lâu không đi máy bay, náo nức các phút đầu nhưng rồi hầu hết đều uể oải mỗi một. Động cơ máy bay đều đều triền miên trong

không gian, trong đêm tối. Tôi bỗng giật mình lẩm nhẩm: “*Mình đang đến Mỹ, đến thiên đường của loài người*”

Trời dần dần sáng hẳn. Phía dưới chỉ một màu trắng như bông gòn mà sau đó tôi biết là tuyết bao phủ. Máy bay giảm độ cao. Chúng tôi nhìn rõ có sóng biển dù tuyết phủ trắng xoá.

Nơi chúng tôi sẽ tới là Seattle, thành phố lớn của tiểu bang Washington. Lần đầu đặt chân lên nước Mỹ gặp lúc lạnh quá, mỗi người chúng tôi được phát một cái áo lạnh.

Ba giờ chiều hôm đó, chúng tôi đến sân bay Los Angeles. Anh chị tôi và hai cháu đón chúng tôi về nhà. Mối lo lắng về cuộc đời hoàn toàn mới và sự mệt mỏi lần át niềm vui đáng lẽ phải thật to tát. Vui thì vui nhưng khó tránh đăm chiêu suy nghĩ.

Hai ngày sau, Harrison Reed đến thăm tôi và vài ngày sau đó anh tôi đưa tôi xuống nhà thăm ông.

Tôi cũng gặp mấy người cháu con của chị Ba tôi.

Một hôm, anh tôi bảo kiếm nhà thuê cho tôi ở chứ ở Mỹ không sống chung nhiều gia đình. Tôi hơi buồn vì mới đến chưa có việc làm mà thuê nhà ở thì lo toan ra sao. Đúng lúc đó, Phạm Huệ gọi tôi lên San Jose đi bỏ báo với anh. Thế là tôi quyết định lên với Huệ. Tôn Thất Trung Nghĩa hồi trước gần như đêm nào cũng có mặt ở chợ Đũi uống rượu với Tạ Ký và tôi, báo cho Đoàn, nguyên giáo sư Anh văn ở Sài Gòn đến nhà anh tôi đón cha con tôi về nhà anh gần phi trường Los Angeles. Ở nhà Đoàn vài hôm, tôi lên San Jose ở với Huệ. Bốn đứa con của Huệ đều học High School và đều vừa làm vừa học tuy còn dưới mười tám tuổi. Ngay buổi chiều đầu tiên, tôi theo Huệ xem việc bỏ báo ra sao. Huệ chở tôi đến một cây xăng lấy mấy chồng báo người ta để từ bao giờ. Khu vực bỏ báo của Huệ là khu đại học Stanford. Huệ vừa lái xe, vừa cuộn tròn tờ báo, tròng vào sợi dây thun, rồi lia qua cửa xe vào trước nhà người mua báo. Cứ thế lia mấy trăm tờ báo vào mấy trăm nhà. Phải nhớ đúng nhà nào mua báo mới bỏ báo vào sân. Nếu báo buổi chiều thì lấy báo khoảng sau mười hai giờ trưa rồi bỏ đến hết thường là trước năm giờ chiều. Nếu báo buổi sáng thì lấy báo sau mười hai giờ khuya bỏ đến sáu giờ sáng. Bỏ báo là việc nhẹ ít thì giờ, hợp với người vừa đi làm vừa học. Nhưng đây là một nghề phụ nên kiếm ít tiền hơn những nghề tay chân khác. Trong tháng đầu, tôi còn phải thi bằng lái xe và mua chiếc xe cũ vì ở xứ này không thể đi bộ.

Ngày đêm 23 tháng 3 năm 1975, đêm mất Quảng Ngãi, rồi

30 tháng 4, mất hoàn toàn miền Nam, mất nước, tôi vô cùng đau đớn vì thấy đã mất sạch, mất hết mơ ước, mất hết sự nghiệp. Bây giờ, bỏ nước trốn đi, đâu còn gì nữa. Tôi thấy hoàn toàn bất lực, mỗi một, quyết định từ nay chỉ dành trọn những ngày còn lại cho gia đình mà từ lâu phó thác cho vợ. Với cái tuổi ngoài năm mươi, sức khỏe tàn tạ sau gần tám năm tù đày khổ, nhục nhã, thật khó rời xa cảm giác tủi buồn. Tuy vậy, tôi cố giữ tinh thần để tạo ý nghĩa tích cực cho quãng đời chót là lo cho vợ con, hầu giảm bớt ân hận về những ngày bỏ phé đã qua. Giúp gia đình đang quá thiếu thốn ở Việt Nam trở thành đích nhắm trước hết của tôi. Việc đầu tiên của tôi là theo Phạm Huệ đi bỏ báo. Ít lâu sau, tôi rửa xe với anh Lê Quang Chương, người bạn học quê cùng tỉnh cùng quận, rồi chuyển qua làm công việc thu dọn lau chùi nhà cửa vẫn được gọi là nghề janitor. Cuối cùng, tôi lấy nghề janitor làm chính và cảm ơn nước Mỹ có nghề này cho tôi. Người lớn tuổi, không có bằng cấp ở Mỹ, không cần khéo léo, chỉ cần chịu khó là hợp với nghề này.

Trong nghề, tôi gặp người bạn mới, anh Lê Văn Thất, nguyên là đại úy Biệt Động Quân, đứng đắn, lịch thiệp, có trình độ hiểu biết và rất chân tình. Anh có đủ điều kiện cho tôi mướn. Thất với tôi ban đầu làm công cho công ty Sir Thomas, một công ty chuyên về janitor của người Mỹ.

Ngày đầu Thất hỏi tôi: *“Anh có thấy tủi thân không?”* Tôi đáp: *“Tôi rất vui vì ít nhất cũng còn có một nghề cho tôi làm để cứu gia đình đang đói ở Việt Nam”*. Tôi nói rất thành thực nhưng cũng phải nói ngay là làm nghề này chẳng thích thú chút nào. Dù vậy, tôi hăng say làm việc và mượn tiền gửi thùng quà về Việt Nam. Tôi bắt đầu đem lại sinh khí, niềm vui cho gia đình đang quần quai ở Sài Gòn. Có lẽ, một trong những niềm vui tuyệt đỉnh của người tị nạn ở nước ngoài là góp nhóp gửi một thùng quà về cho người thân còn ở quê nhà. Rời cửa hàng chuyển gửi, cầm tờ biên lai trong sự hình dung mức độ vui sướng của vợ con, bạn bè khi nhận thùng quà từ nước ngoài quả là hạnh phúc. Tất nhiên vẫn có những người không thấy niềm vui trong sự đem lại niềm vui cho người khác nên đã phớt lờ những người thân đang đói khổ. Tôi không phê phán nhưng khó ngăn nổi ý nghĩ đối diện với một kẻ ích kỷ và bần tiện tới mức độc ác khi nghe ai đó viện lý do gửi quà tức giúp đỡ cộng sản và không yêu nước để xoay lưng trước cảnh ngộ bi đát của người thân.

Sau nhiều năm đến năm 1998, Thát và tôi nghĩ làm cho công ty Sir Thomas, lập công ty riêng cho mình lấy tên Mekong Janitorial Services. Tôi giải thích với Thát lấy tên Mekong cho người Mỹ dễ đọc trong khi Mekong là con sông của quê hương và nước Mekong rửa sạch mọi nhơ nhớp hợp với nghề janitor. Chúng tôi nhờ Nguyễn Thanh Chi, một học sinh Quảng Ngãi Nghĩa Thục năm xưa, đã trở thành giàu có ở Mỹ giúp đỡ về giao dịch. Một thời gian sau, chúng tôi tự làm. Chúng tôi có license, có insurance nhưng chưa đủ sức thầu những hãng xưởng lớn, chỉ thầu những cơ sở nhỏ, nên chúng tôi thầu lại — franchise — cho những công ty lớn chuyên về janitor. Chúng tôi thầu lại của công ty Town and Country theo điều kiện công ty này ăn 30% cho chúng tôi 70%. Chúng tôi mượn người làm hết 40%, trừ thêm mọi chi phí còn kiếm được 20%. Ví dụ Town and Country thầu một building 5000 đô-la thì trả cho Mekong 3500. Như thế, họ ngồi một chỗ gọi phone thầu, không cần công nhân, dụng cụ máy móc, không cần hóa chất, không chi phí gì hết mà hưởng 1500 đô. Chúng tôi trả nhân công hết 40% tức 2000 đô, chi phí về máy móc, dụng cụ, hóa chất hết 10% tức 500 đô, còn lại 1000 đô chia đôi mỗi người 500. Tôi thường hài hước với Thát: *“Tôi với anh như bọn đánh bạc, mần sòng ăn được bao nhiêu chia hai tại chỗ rồi ra về, không giữ lại một đồng cho công ty, vì tiền bạc phải sòng phẳng, phân minh, để khỏi nghi ngờ, vì tiền bạc là đầu mối rạn bể của các tổ hợp làm ăn.”*

Công ty chúng tôi hoạt động đến ngày 31-5-2005 mới chấm dứt, do kinh tế suy thoái, các hãng xưởng, đóng cửa hoặc dời đi nơi khác. Thực ra, Thát và tôi không chỉ ngồi điều hành công việc mà chính chúng tôi đứng ra tự làm, khi làm không hết mới thuê người. Chúng tôi rời nhà lúc 3 giờ rưỡi, bắt đầu làm từ 4 giờ chiều đến 2 giờ sáng, Thát nghỉ về nhà. Riêng tôi, vì còn đủ sức và cố lo cho con, cho gia đình nên gắng làm đến 7 giờ sáng, tức mỗi ngày tôi làm 15 giờ. Chúng tôi không nghỉ cuối tuần, làm suốt cả Thứ Bảy, Chủ Nhật. Tôi rời nhà lúc quá trưa hôm trước, đóng cửa kho janitor ra xe về thì nhân viên làm buổi sáng hôm sau bắt đầu vào hãng. Những ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc những ngày lễ lớn như Christmas chẳng hạn là những ngày tôi kiếm nhiều tiền nhất, nhờ nghề “care floor”, nghề làm đẹp sàn nhà bằng gạch, giặt thảm và lau kiến. Nghề này kiếm khá tiền, không nằm trong số tiền thầu lại. Tôi thực sự vui với những việc

này vì nhìn thấy kết quả của việc làm và nhiều khi có những thú vị bất ngờ. Tôi chuyên cầm cái máy đánh bóng sàn nhà loại nặng trên bốn ngàn tua một phút. Thích thú ở chỗ sau khi lột lớp hóa chất cũ trên nền, trải lớp mới lên và chiếc máy đi qua nền gạch bóng loáng như tấm gương mới. Có khi tôi cầm máy suốt mười lăm tiếng đồng hồ trong một ngày. Tôi cảm ơn Thượng Đế cho tôi sức khỏe đủ để làm công việc nặng nề nhưng khá nhiều tiền. Tôi nói với bạn bè là đến Mỹ, tôi chỉ dùng bắp thịt để kiếm ăn, chưa dùng đến trí óc. Nhiều lúc tôi nói đùa với bạn: *“Người Việt Nam, nhất là người nghèo, phải noi gương lao động của bác Liêu chứ sao lại noi gương lao động của bác Hồ. Vì suốt đời lao động của bác Hồ chưa bằng bác Liêu lao động một tuần lễ. Có thể nói bác Hồ là người trốn tránh lao động.”*

Có một thời gian tôi ghi tên học ở Community College. Thời gian đó, khoảng 4 hoặc 5 giờ sáng, tôi về ăn gói mì, chở con đến trường rồi thẳng tới college, mục đích luyện nói tiếng Anh, để được tiền grant, và tiền vay — *loan*. Tôi uống cà phê gần như liên tục để cố giữ mắt mở mà vẫn ngủ gục xuống bàn. Cũng may ở xứ sở này thầy trọng quyền sống, quyền tự do của học sinh, nên tôi không bị la bị chửi... Nhưng việc học của tôi phải chấm dứt vì mệt quá. Tôi chỉ học được ba năm đến lúc có thể transfer thì phải bỏ học do nhận làm janitor một quán ăn Ý ở San Francisco, mỗi đêm đi về hai trăm miles. Tôi nhớ có một lần thật dễ sợ, vì tôi về trễ do bị kẹt xe, ở nhà ba đứa con tôi lái ẩu một chiếc xe đến trường. Đưa con gái lớn vừa mới tập lái xe, chưa đủ sức thi bằng lái, lại ngồi trên chiếc xe cũ. Tay lái nặng quá, hai đứa hai bên phải phụ giúp chị cùng điều khiển tay lái chạy đến trường. Tôi lạnh người từ đó không dám để chìa khóa xe ở nhà nữa.

GIẤC MỘNG ĐƯA CON VÀO HARVARD

Ngay khi đến Galan, tôi đã tìm từ sách báo của thư viện ở đó, hỏi thăm những người Mỹ làm việc ở đảo và cả các vị mục sư Tin Lành về nền giáo dục và trường học ở Mỹ. Phần đông cho biết chung chung là tốt, là thực tế hữu ích. Qua mấy tờ báo, tôi biết về các trường Yale, Harvard, MIT. Tôi nhớ lúc nhỏ đã nghe nói đến Harvard. Có lần cha tôi nói Harvard là nơi đào tạo nhiều tổng thống Mỹ và nguyên thủ các nước trên thế giới.

Chính ông tổng thống trẻ tài hoa Kennedy cũng xuất thân từ Harvard. Tôi nói với Bình về Harvard và bảo nó gắng học tối đa để vào trường danh tiếng này. Lúc chưa đi vượt biên, tôi thường nghe các đài BBC, VOA nên thỉnh thoảng cũng gặp những bài nói về Harvard như cách trường tuyển chọn sinh viên hoặc việc cải cách trường y khoa Harvard. Tôi ôm ấp giấc mộng: con tôi được vào Harvard. Giấc mộng về sự nghiệp cá nhân tôi không còn nữa, bây giờ cuộc đời còn lại dành hết cho vợ con.

Tôi nghĩ việc gì cũng vậy, giai đoạn chuẩn bị là giai đoạn quyết định thành công. May là con tôi, Nguyễn Hòa Bình, rất chăm học. Nó chỉ học và đọc sách, đọc báo, ngoài ra gần như không làm gì hết, và tôi cũng không để nó làm gì. Khi ở nhà Phạm Huệ có ba phòng, hai cha con tôi ở phòng khách, Huệ một phòng, bốn con trai Huệ, mỗi phòng hai cậu. Cái TV để ở phòng khách, gần như suốt ngày đêm nóng như cục lửa than vì football, vì bóng rổ... Hòa Bình phải ra ngoài garage, mặc áo ấm ngồi học để tránh cái TV cám dỗ. Thấy thằng nhỏ không bị TV cám dỗ tôi rất vừa ý và tin nó sẽ đạt được giấc mộng về việc học. Tôi không cần khuyên vì nó đã chăm chỉ tối đa rồi. Ngay cả rửa nó đi ăn cũng thật khó khăn do nó một mực từ chối. Nhiều khi tôi mời khách đi ăn muốn cho nó theo để khỏi nấu ở nhà mà cuối cùng vẫn phải mua về cho nó. Thú thực, có lúc tôi không khỏi bực mình nhưng cố nén để tránh chi phối tinh thần ham học của con. Tôi gần như túc trực làm tài xế cho con bất kỳ lúc nào nó cần đi thư viện dù đã phải thức suốt đêm làm janitor và khi nó thích sách báo nào là tôi order liền. Khoảng 1986-88, học sinh chưa quen dùng computer, nhưng nghe nó nói cần computer, tôi lập tức đi mượn tiền mua. Lúc ấy mỗi tháng tôi kiếm được 800 đô, tiền trợ cấp có con dưới 18 tuổi là 450 đô, nhưng thuê phòng hết 550 đô mà phải mua cái computer trên một ngàn, món tiền quá lớn. Trần Ngọc Ảnh người cùng quê và cũng là bạn trong tù, cho tôi mượn 1000 đô. Không dễ mấy ai làm nổi việc này nên tôi nhớ ơn Ảnh suốt đời. Tôi còn luôn giữ cuộc sống đứng đắn, ngay thẳng, không theo đuổi niềm vui nào khác ngoài việc lo cho gia đình để tránh gây cho con mọi buồn bực có thể chi phối việc học. Sống tại Mỹ mà tôi chỉ có hai cái quần jean dài, hai áo chemise. Tôi tiết kiệm tối đa để dành gửi về cho vợ con ở Việt Nam. Bình luôn là học sinh hạng A, học các lớp advance, điểm học cuối cùng là 4.45 và điểm SAT là 1500. Bình còn gia nhập

hướng đạo và làm thiện nguyện rất nhiều. Bắt đầu lớp 9, nhà trường giới thiệu cho Bình đến đại học Santa Clara học môn toán, cố nhiên tôi hào hứng làm tài xế.

Muốn vào các trường lớn phải có ba giáo sư của trường đang theo học giới thiệu. Cô giáo dạy sử, bà giáo dạy toán và ông giáo dạy Anh văn viết thư giới thiệu cho Bình. Cả ba vị này đều nói với Bình muốn gặp tôi, nhất là giáo sư dạy Anh văn, ông Harden. Ông bảo suốt bốn chục năm dạy học ông chưa gặp một học sinh nào chăm chỉ như Bình. Có lần ông nói muốn nhận Bình là con nuôi, nhưng con tôi lễ phép từ chối bảo sợ tôi không hiểu sẽ buồn vì ra đi chỉ có một cha, một con.

Nghe con kể lại chuyện đó, tôi rất cảm động.

Khi con tôi ra trường High School, trong buổi lễ, tôi được gặp cả ba giáo sư đó. Người nào cũng khen Bình học giỏi, lễ độ, chăm chỉ. Cả ba đều có ý cho tôi biết tôi có một đứa con học giỏi và sẽ có tương lai sáng lạn. Và họ ca ngợi tối đa trường Harvard, trường vừa nhận con tôi... Thật tội nghiệp, họ chủ quan nghĩ rằng tôi chỉ là một người làm janitor nên không thể biết về giá trị của đứa con và giá trị của một trường danh tiếng ở Mỹ. Tôi bỗng nghĩ tới việc người Mỹ tham chiến ở Việt Nam, chỉ biết đổ xương máu tiền bạc vào cuộc chiến nhưng không hiểu gì về người Việt Nam nên hậu quả phải nhận không có gì ngạc nhiên.

Ban đầu là trường MIT — Massachusetts Institute of Technology — nhận con tôi. Có lẽ trường thấy các thành tích học toán và các giải thưởng toán của thằng bé nên nhận ngay và gửi kèm trong một bao thư lớn tài liệu giới thiệu về trường cùng những giúp đỡ cũng như học bổng dành cho học sinh nghèo xuất sắc. Thằng nhỏ vừa chạy vừa la lớn *“MIT nhận rồi ba! MIT nhận rồi ba!”* Cả cái building bốn uniques ai cũng ngạc nhiên, không hiểu gì hết. Lúc ấy, tôi còn ở trong apartment ở thị trấn Campbell cũng thuộc Santa Clara. Máy người láng giềng đổ xô đến cửa phòng tôi khiến tôi phải giải thích và tất cả đều mừng cho cha con tôi. Thực sự tôi cũng hết sức mừng vì mấy tuần rồi tôi luôn bồn chồn, cứ chờ giờ phát thư để ngóng tin tức. Lúc con tôi la lớn, tôi đang ngủ vì cả đêm tôi phải làm việc. Nghe tiếng con la, tôi giật mình và thật mừng khi biết chuyện. Ít nhất phải có một trường nhận con tôi. Nhưng bỗng dưng tôi lại nói với nó: *“Ba rất mừng vì MIT là trường top ở Mỹ, nhưng con yên tâm, Harvard sẽ nhận con và con sẽ học Harvard, là một trường cả thế giới ai*

cũng kính nể. Ngày ba còn nhỏ ở Việt Nam mà ông nội con còn biết danh Harvard. Ba và bác Thiều cũng đều biết Harvard. Trước đây, bác Thiều viết thư cho ba còn hỏi “Con mày nghe nói học giỏi có vô Havard được không?” Thực sự trời không phụ người chăm chỉ, quyết tâm.”

Con tôi nộp đơn vào bốn trường Harvard, MIT, Yale và Stanford. Lúc đó tôi có ý ngại và đã phàn nàn với nó “*Chắc gì các trường đó nhận con vào học. Tại sao không thêm ít trường ít tên tuổi nhưng gần nhà, học đỡ tốn và gần ba?*” Thành nhỏ chưa có kinh nghiệm đời, trả lời: “*Ba không tin có trường nào trong bốn trường đó nhận con sao. Vậy thì họ còn nhận ai nữa! Mà nếu không trường nào nhận thì con ở nhà một năm làm janitor với ba và đọc sách cho thoả mãn, rồi sẽ tính.*” Thành nhỏ quả rất tự tin. Nay MIT đã nhận khiến tôi thực sự mừng nhưng lại nghĩ con tôi “*sẽ học Harvard trường này vì trường này có danh tiếng, có quá khứ lâu dài và nhiều người trên thế giới biết hơn.*”

Có lẽ tôi chỉ nói theo ước mơ vì làm sao tôi biết Harvard có thể nhận con tôi. Nghe về Havard đã lâu nên khi đặt chân tới Mỹ, tôi thường tìm đọc tài liệu về Harvard để xem trường này chọn học sinh thế nào, chú trọng vào cái gì... Trong một tài liệu về nhận học sinh, tôi thấy viết: “*... trường không thiếu phòng học, không thiếu giáo sư, nhưng quyết chọn loại học sinh thực sự có tài và có ích cho xã hội...*” Như thế nghĩa là giỏi không chưa đủ, xuất sắc thông minh chưa đủ, mà còn đào tạo con người có óc xã hội để phục vụ cho xã hội. Tôi mừng là con tôi rất thương người nghèo khổ, thất thế, nhất là người da đen châu Phi. Có lẽ vì nó vừa sinh ra thì gặp lúc quá khổ, nước mắt nhà tan, ăn đói ăn khát, sáu tuổi đã phải đi lượm phân bò, phải đi mò cua bắt cá, đi mót lúa đổ lúa sót... nên dễ cảm thông với người trong cảnh ngộ nghèo nàn? Nhiều khi nó bình vực người nghèo một cách vô lý đến bực mình. Ví dụ xem bóng tròn nó luôn luôn đứng về phía những nước da đen nghèo như Cameroon, như Nigeria mỗi khi những đội này đấu với những đội da trắng. Tôi từng phải nói với nó: “*Con bình vực người thất thế, người nghèo yếu, người bị áp bức thì đúng. Nhưng con hận người giàu có thì sai, nhất là con đang ở Mỹ, một nước giàu có mà con hận sự giàu có thì làm sao sống ở đây được. Mình đến Mỹ, phải làm sao hòa với lớp tư bản mà sống với họ, tranh đua theo họ để có cuộc sống cao, cuộc sống văn minh. Nếu mình không muốn làm giàu*

thì cũng không thể hận, không thể ghét người làm giàu. Làm giàu là cả một công trình gay go phải thực sự có tài, thực sự có chí và cộng thêm may mắn nữa mới thành công được. Sở dĩ người ta không giàu, vì không làm giàu được, không có cơ may làm giàu chứ không phải không muốn giàu có, nhất là thời đại đòi hỏi nhiều phương tiện để phục vụ đời sống hàng ngày này”.

Con tôi luôn chăm lo việc học nên tôi phải khuyên nó dành thì giờ nghỉ ngơi, giải trí để có thể học lâu dài và đủ thành thơi để thu nhận. Tôi gần như bắt buộc nó chơi thể thao, tập thể dục. Tôi khuyên nó vào hướng đạo, điều mà thiếu thòi tôi rất mê nhưng bị cái xã hội man rợ ở liên khu V cấm vì cho hướng đạo là tổ chức gián điệp của thực dân Pháp. Tôi cũng không quên nhắc dành thì giờ làm thiện nguyện cho các hội từ thiện. Tôi rất hài lòng vì những điều tôi đề nghị có vẻ đã có trong dự định của con nên nó nghe theo một cách hứng thú ngoan ngoãn.

Không lâu sau khi nhận thư của trường MIT thì trường West Mont, trường trung học của con tôi, nhận được giấy yêu cầu từ Harvard muốn biết các điểm Anh văn của con tôi từ lớp 9 trở lên và đề nghị gửi về Harvard các bài tập Anh văn của con tôi, nếu có. Được tin này, tôi rất hi vọng vì như thế là trường đã đồng ý nhận con tôi nhưng còn e ngại về trình độ Anh văn. Sau này chúng tôi được biết quả tình nhà trường nghĩ thẳng nhỏ mới đến Mỹ hơn ba năm làm sao đủ Anh văn để học Harvard. Hai tuần sau khi trường West Mont đáp ứng các yêu cầu đó, chúng tôi nhận được giấy chấp nhận con tôi vào Harvard. Thế là con tôi đã đạt giấc mộng vào trường đại học Harvard.

HAI CON GÁI VƯỢT BIÊN ĐẾN BIDONG

Tôi luôn viết thư về khuyên vợ con tôi vượt biên. Thời gian từ 1986-90, thư gửi về Việt Nam sớm lắm là hai tháng mới đến tay người nhận, có khi hàng năm. Thư quá chậm vì bị kiểm duyệt. Lúc ấy, tất cả thư ở ngoại quốc, nhất là từ Mỹ gửi về, đều bị xem là “nguy hiểm”. Nhưng duyệt thư cũng khó phát hiện nổi điều gì vì thư thường viết theo cách riêng chỉ người viết và người nhận hiểu điều muốn nói tới. Cuối cùng, việc kiểm duyệt thư thu hẹp dần lại một số địa chỉ bị coi là có vấn đề, nhưng tất cả thư đều bị giữ một thời gian có khi dài cả năm mới phát cho người nhận để mất thời gian tính dù có ý đồ gì cũng lỗi thời.

Với tôi, viết thư cho vợ con là điều lý thú. Tôi dùng một cuốn vở ghi rõ số thứ tự từng lá thư, ngày gửi và tóm tắt nội dung. Tôi dặn vợ khi viết cho tôi nhớ cho biết đã nhận được thư thứ mấy để tôi biết thư nào tới, thư nào không tới. Từ nhỏ tôi thích viết thư nên tôi viết rất nhiều, có khi mỗi tuần vài ba lá hoặc hơn nữa nên có tháng vợ tôi nhận hai thư của tôi, dù thư đi chậm. Anh Lê Vinh Thiệu viết cho tôi biết anh nhận thư của tôi chậm tới mười lăm tháng sau ngày gửi. Vì thư quá chậm nên nhiều người không gửi nữa. Riêng tôi nghĩ dù chậm miễn tới là được. Và lại, nếu thư thường thất lạc thì càng cần viết nhiều để may ra vẫn có một số lọt được giúp không bị cắt đứt liên lạc với người thân. Quan niệm như thế nên cứ rảnh rỗi, thậm chí không rảnh rỗi mà thấy nhớ nhà là tôi viết thư. Kiểm lại, tôi bị mất mười tám lá thư và trong các thư đó tôi đều bỏ tờ hai chục đô la. Tôi chắc chắn vợ tôi không nhận được thư vì tờ giấy bạc chữ không vì nội dung thư. Vì không những tôi không dùng lời lẽ chống chế độ mà còn như tán dương kiểu sống cộng sản. Ví dụ khi khuyên nên can đảm vượt biên, tôi viết: *“Các con lớn rồi phải tập lao động, phải bỏ tánh ăn bám người khác. Nếu tìm chưa ra việc thì các con nên ra Hà Nội thăm bác Tư vì bác đang làm việc cho chánh phủ cách mạng, bác tuy giận ba vì ba bỏ theo đế quốc, nhưng bác sẽ thương các con và xây dựng cho có cuộc sống lành mạnh. Nếu bác nóng nảy mạt sát ba, các con cũng đừng nói tâm bậy mịch lòng bác. Tóm lại, các con phải can đảm tự lập, ra gặp Hà Nội xin việc làm và để học hỏi cho kịp đà tiến bộ của nhân dân...”* Chỉ vợ tôi đọc những câu như vậy là hiểu ý tôi muốn hai đứa con lớn vượt biên càng sớm càng tốt.

Rồi tôi được điện tín của vợ báo tin: *“Hai con đã thôi học ra Hà Nội, xin bác Tư cho làm việc trong nhà máy giấy. Mong anh vui vẻ.”* Tôi mừng quá, vì ba chữ *“đã thôi học”* cho biết các con tôi đã xuống ghe và bác Tư tức là Mỹ, vì anh thứ tư của tôi qua Mỹ từ 1975. Tôi chấp tay cầu Thượng Đế phù hộ cho hai đứa con vượt biên thành công. Những ngày ấy, tôi bản thân lo lắng, chỉ thấy gió thổi mạnh qua cành cây cũng giật mình. Chợp mắt là tôi chiêm bao thấy các con lên đênh ngoài biển giữa đủ thứ hiểm nghèo. Mở đài BBC, tôi lạnh người vì toàn tin thuyền vượt biên gặp hải tặc hoặc được tàu Nhật vớt mà vì mừng quá đám đông chen lấn khiến ghe chìm giữa sóng lớn chỉ còn ba chục thanh niên biết bơi sống sót. Số bị mất tích theo ước tính

của tàu Nhật tới ngót một trăm. Tôi điếng người trước những tin như thế và không dám nghe nữa. Tôi đã sống qua mấy ngày trên biển cả nên biết chắc nếu gặp trường hợp như thế rất khó sống sót, nhất là gặp lúc sóng lớn và gặp dòng nước ngầm...

Một buổi, tôi đang trong buồng tắm bỗng nghe tiếng gõ cửa như phá cửa rồi con tôi la lớn *“Ba! Ba! Vượt biên được rồi! Chị Đàm, con Tân được rồi!”* Tôi tung ra khỏi buồng tắm, nhận từ tay Bình cái thư aerogramme chỉ có mấy chữ: *“Ba, con và con Tân đến được Bidong rồi. Tin ba mừng, con sẽ có thư sau viết kỹ hơn. Con, Hoà Đàm.”*

Chỉ có mấy chữ nhưng tôi đọc đi đọc lại nhiều lần trong lúc thảng Bình vừa nhảy vừa la, đập tay vào tường. Tôi ngồi vào bàn cố trấn tĩnh, đọc kỹ thư từng chữ để khám phá thêm còn gì nữa. Tôi đã biết người vượt biên lên đảo thì các cơ quan ở đó cho mỗi người một phong bì loại nhẹ, aerogramme, có dán tem sẵn, để gửi báo cho thân nhân, thường chỉ một tuần thư đến Mỹ.

Bình tĩnh rồi, tôi liền gọi cho anh Trí Đăng đang có cửa hàng chuyên gửi quà về Việt Nam và cả dịch vụ điện tín, thư fax. Rồi tôi điện thoại báo cho bạn bè và anh tôi biết hai con gái tôi đã tới trại tị nạn Bidong, Malaysia. Mặc dầu chưa biết địa chỉ chính xác, tôi vẫn viết một thư dài dặn dò các con và gửi money order một trăm đô tới ban đại diện trại, nhờ chuyển giúp.

Về sau, con tôi cho biết trong chuyến của nó người được thư thân nhân đầu tiên là nó. Nhưng phải chờ gần một năm sau hai con tôi mới đến được Mỹ. Đứa lớn tên Nguyễn Hoà Đàm, đứa nhỏ tên Nguyễn Hòa Thanh Tân đến Mỹ vào dịp Giáng Sinh 1989. Tôi thực sự sung sướng vào lúc này. Hai con gái vượt biên an toàn đến Mỹ trong khi đứa con trai đi cùng tôi bốn năm trước được trường Harvard nhận và tôi có job vững chắc, tuy ít lương.

Hai con gái tôi đến Mỹ sau mười tháng ở Bidong và tôi đã có ba đứa con bên cạnh. Cảnh sống mới khiến tôi phải sắp xếp lại chỗ ở vì lúc đó đang ở chung với Lê Bình. Lê Bình tính tình hiền lành, không học tôi nhưng gọi tôi bằng thầy. Chỗ tôi ở có hai phòng, Bình và đứa con gái cỡ mười lăm tuổi ở một phòng, hai cha con tôi một phòng. Tôi thường nằm ở phòng khách. Lê Bình rất đau khổ vì vợ và một đứa con vượt biên bị bão chết ngoài biển. Nỗi đau đó khiến Bình chán nản cùng cực, nhiều khi bỏ việc uống rượu suốt ngày. Anh là ký giả cho báo tiếng Việt ở San Jose.

Thanh Tân, con gái nhỏ của tôi học lớp 11 trường trung học West Mont, gần nhà. Hòa Đàm học Community College West Valley. Tôi không cho con làm gì hết chỉ lo học. Tôi nhắc các con gắng học tối đa. Gắng học để có cuộc sống tốt đẹp hơn, độc lập hơn vì nước Mỹ là một trường đua công bình, ai chăm chỉ, cố gắng, nhất định thành công.

Kết quả mấy năm sau các con tôi đạt được là Hòa Đàm đậu Bs toán thuần lý — *bachelor of science* — và Thanh Tân đậu Bs sinh hóa — *bio-chemistry*. Gặp lúc ngành điện tử phát triển mạnh, job điện tử lương cao, lớp trẻ nhào qua ngành này khá đông. Hai con gái tôi cũng vậy, nhưng phải vừa làm vừa học môn này và vì tình thế nên mỗi đứa phải học thêm một bằng Bs về ngành điện tử, hiện làm cho các hãng xưởng ở San Jose.

NHỮNG CÁI MAY TRONG ĐỜI

Tại quê nhà chỉ còn kẹt lại vợ tôi và hai đứa con nhỏ một trai, một gái. Tôi vẫn luôn viết thư về với lời nhắc *“Phải ra Hanoi thăm bác Tư và xin việc làm dù bác Tư có chười tại sao để chồng làm tay sai cho Mỹ và trốn qua Mỹ...”*

Tôi nhớ lại khi làm quận trưởng Mộ Đức, một hôm đang ngồi ở văn phòng xem hồ sơ, Trữ xô cửa bước vào đưa cho tôi một tập vở bỏ trong bao ni lông, cười rất tươi nói: *“Chị gửi cho anh tập nhật ký”*. Tôi dỡ tập giấy, hỏi: *“Chị nào?”* Trữ cười *“Còn chị nào nữa, chị Ảnh chứ chị nào?”* Tôi nói bằng quơ *“Mầy lộn xộn ra vào không thêm gõ cửa, làm tao giật mình. Chuyện tao với chị Ảnh chưa có gì, mầy đừng nói với ai, bọn nó biết sẽ xuyên tạc đủ thứ, nhất là bọn cộng sản không làm gì tao được sẽ làm khó cho chị, thì tội cho chị nhé, em. Tao đang lo chỗ chị ở thiếu an ninh, nên tao ngại quá. Nó mà đại đụng đến chị, chắc tao làm cỏ hết, không tha một tên nào.”* Trữ cười *“Nó làm cỏ anh trước, chứ đâu để anh làm cỏ nó, anh muốn lên chị, nhớ cho em theo đấy, đi một mình có bữa lãnh đủ, ráng chịu”*.

Sách đóng kỹ, đẹp, khoảng vài trăm trang chữ viết nhỏ, đầy kín. Tôi hồi hộp đọc một mạch đến trang chót, ghi nhiều chi tiết về cuộc sống và cảm nghĩ của em.

Em sinh ngày 6 tháng 5 năm 1946. Cha làm nghề mộc vào loại thợ cả, tức thợ khéo và chuyên nghiệp. Theo em ghi, mẹ em rất nghiêm và khó tính. Nhưng mẹ em xem nhẹ đồng tiền, hay

xài phí nên dự định của cha làm một ngôi nhà đàng hoàng, lợp ngói vẫn là dự định. Đó là điều cha em buồn nhất, giấc mơ không thành ...

Học xong bậc tiểu học, em theo đường tắt chùng vài cây số, tới trường trung học bán công Nguyễn Công Trứ vừa xây cất ở Thi Phổ mấy năm trước. Một niềm hi vọng, một thử thách mới đối với em. Trong xóm em, gần như không ai học hành. Cuộc sống tối tăm, “cái khó bó cái khôn”, cả ngày nghe tiếng la rầy chửi bới, cãi vã về những chuyện vặt vãnh. Em sớm thấy đồng bào trong xóm đáng thương hơn đáng trách, vì họ nghèo quá, lam lũ, thiếu học hành. Em nhìn vào nhà em, có một ông cha khỏe mạnh chăm chỉ, làm hai việc, làm ruộng và thợ mộc. Có một bà mẹ lạnh lẽo tháo vát, cũng vừa làm nông vừa buôn bán lật vặt. Thế mà vẫn không giàu lên được. Em là con một nên cha mẹ cưng chiều và cũng vì mẹ dám xài tiền, một điều rất hiếm ở đồng ruộng, nên em ăn uống sung sướng và đầy đủ so với người trong làng. Trên thực tế, em không hợp với cảnh sống của dân làng. Nước da trắng mịn, cặp mắt đẹp, vẻ mặt luôn vui tươi, dáng đi thư thả khiến em như người xa lạ từ thị thành nhân dịp nghỉ hè về chơi nơi đồng ruộng. Mẹ em thường nói “*Mầy là con nhà lính tính nhà quan*” với mong ước sau này con sẽ có cuộc sống cao sang hơn cha mẹ. Bởi vậy, năm mười sáu tuổi đã có nhiều mai mối đến tận nhà xin cưới em, nhưng cha mẹ em đều từ chối, hi vọng em sẽ có chỗ xứng đáng hơn. Nỗi khổ tâm nhất của em là những ngày cuối tuần, các thầy giáo trẻ thường tới nhà nói chuyện với cha mẹ em về việc học của em nhưng mục đích chính là dò la ý kiến và có ý hỏi em làm vợ. Cha em thường bảo em còn nhỏ. Em khó tập trung vào việc học nên nghĩ có nhan sắc cũng là một trở ngại cho chuyện học hành.

Em tả cảnh nhuộm chàm, đập vải thật nhộn nhịp. Cha em ban ngày làm thợ, ban đêm đập vải tới khuya. Đập vải cần hai người, mỗi người ngồi một bên, thường là hai vợ chồng, hai tay hai cái chày ngắn bằng gỗ, đập theo nhịp đều đều, có khi buồn ngủ vô ý đập lên tay. Em bảo làm gì em cũng chịu, nhưng em không thể nhúng tay vào chàm, vì màu xanh bám vào da khó cách nào rửa sạch đúng như câu “*trót đà tay đã nhúng chàm*”.

Ngôi trường trung học mới xây thật đẹp nằm trên thửa đất rộng vuông vức bên quốc lộ ven tiểu thị trấn Thi Phổ. Từ xa đã thấy những dải nhà ngói đỏ thắm trên nền cao, phơi bày sự

vươn lên của khu làng trù phú. Em viết: “...bằng mọi giá mình phải vươn lên, nhất định không đầu hàng nghịch cảnh, nhất định không thể kéo dài đời đời như cuộc đời của cha mẹ chú bác bà con xung quanh mình...”

Em lén cha mẹ thi vào đệ thất. Em tin sẽ đậu vì em thuộc loại học sinh giỏi ở tiểu học. Khi đậu rồi, xin học thử, nếu học được, hào hứng thì lúc ấy mới “thú tội” với cha mẹ việc lén lút đi thi, đi học. Em tin khi đó cha mẹ em sẽ vui lòng cho em đi học tiếp. Tóm lại em quyết định đặt cha mẹ trước một sự đã rồi.

Những điều em dự đoán đều đúng với sự thật.

Em thi đậu, xin thầy cho học thử vài tuần, rồi thú thực với cha mẹ. Mẹ em la em kinh khủng nhưng cuối cùng vẫn may áo dài, mua phũ hiệu học sinh, mua cặp và đóng các lệ phí cho em. Em ghi lại tâm trạng khi học thử: “...mình quyết tâm như vậy mà sợ gì. Mẹ mình khó tính hay đánh ấu mình, mà mình không sợ. Muốn là làm, nhất là làm phải. Tuy chưa có áo dài, nhưng mình không sợ, vì hai lẽ, thứ nhất mình đẹp, phải nói thật là đẹp, “Em là con gái Trời cho đẹp, tuổi mới mười ba đã đẹp rồi” câu thơ M. nó hay đọc cho mình nghe đến thuộc lòng. Lẽ thứ hai là mình thuộc loại học sinh giỏi, có hai thứ vũ khí đó thì còn sợ thằng tây nào nữa, cho nên mình tình bơ vào học...”

Tôi thấy em quả là tự tin, tự cao, tự lập.

Đọc đi đọc lại cuốn nhật ký, tôi vừa thương, vừa phục em, con người cố gắng tối đa để vươn lên, cố khắc phục nghịch cảnh. Tôi tự thấy mình không sánh bằng nhưng như gần em ở điểm đó. Tôi nhớ lại buổi sáng em vào văn phòng tôi, áo dài trắng thướt tha, quần trắng dong khuất đôi giày cao gót, mái tóc dài đen lánh chấm dưới vai. Và, cặp mắt, cặp mắt u huyền... Em đưa tôi tập giấy nói nhỏ, xin tôi ký cho khỏi đi dạy một trường mất an ninh ở quận để em về ty học chánh làm việc. Tánh quen bướng bỉnh, tôi trả lời không thể ký và em quay ra, không một lời. Tôi nghe tiếng giấy bị xé ngay tại cửa. Tôi bỗng thấy thích em, yêu em. Tôi biết tôi thua em.

Một buổi trưa hè, trời nóng bức, tôi rủ Trữ đi với tôi, bắt ngờ lên xóm em. Trữ lo vùng này thiếu an ninh nhưng phải theo tôi. Tôi mặc bộ bà ba đen đạp xe đạp, Trữ cũng vậy. Xóm em ở vắng quá, vắng đến dễ sợ. Lâu lắm rồi, tôi lại nghe tiếng ve kêu trên các hàng cây xanh đen. Chúng tôi tới nhà, không thấy ai. Trữ vào thẳng nhà dưới, một lát ba em mở cửa nhà trên mời tôi

vào với vẻ lúng túng. Em không chịu gặp tôi. Tôi biết tôi phải nhẫn nại. Tôi và Trữ lui quân và vài chục phút sau, du kích cộng sản xuất hiện. Không biết may cho tôi hay may cho đám du kích còn tốt số đó, vì Trữ và tôi mỗi đứa có bốn quả lựu đạn và súng ngắn. Riêng Trữ là một thiện xạ can trường có hạng.

Một tuần sau, đúng ngày lễ Một tháng Năm, ngày lao động quốc tế, tôi mời em xuống quận gặp tôi. Em xuống và lần này em có vẻ hết bướng bỉnh. Tôi nói thẳng với em là tôi từng có những bạn gái trẻ đẹp, nhưng chưa người nào khiến tôi say mê mất hết tánh bướng bỉnh cao ngạo, biến tôi thành bị động và tôi muốn em làm vợ tôi, dù tôi hơn em mười bốn tuổi. Mặt em đỏ phừng, bối rối thấy rõ. Em chỉ cười trong e thẹn, không trả lời. Khi em về, tôi đưa em ra khỏi cổng quận. Tôi rất khổ tâm khi phải nói những câu mà khó có người đẹp nào tin, nhưng tôi phải nói, vì đó là câu nói tự đáy lòng.

Khi tôi thôi làm quận trưởng về làm tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn, em thường ra thị xã Quảng Ngãi gặp tôi. Em không còn chút nào e dè hoài nghi.

Lễ thành hôn của chúng tôi rất giản dị, giản dị hơn lễ thành hôn của bất cứ người nào. Tại căn nhà ven thị xã do cha mẹ tôi thuê ở vì phải tản cư bởi làng tôi mất an ninh, chỉ có sự hiện diện của cha em, anh Trần Quang Tấn đang là xã trưởng xã em ở, cha mẹ anh chị em tôi. Ngoài ra, có thêm Minh và mẹ Phạm Huệ. Tôi tổ chức giản dị lễ thành hôn vì cho tới bây giờ cũng chưa thấy cái đẹp, cái cần thiết của nghi lễ mà chỉ thấy rườm rà. Thêm nữa, tôi không có tiền và không muốn bạn bè, nhân viên làm việc với tôi tốn kém vô ích. Nếu tôi tổ chức đám cưới rình rang thì ba ngàn cán bộ XDNT sẽ chúc mừng bằng quà, bằng tiền. Điều đó không khác một cách tham nhũng. Đó là chưa nói đến số công chức, quân nhân quen biết, rồi tỉnh trưởng, các cố vấn Mỹ, bạn bè xa gần... phải chia vui theo phép xã giao. Như thế, tôi sẽ làm phiền nhiều người. Vợ tôi cũng đồng ý không tổ chức nghi lễ. Bây giờ, bốn chục năm sau, vợ chồng tôi vẫn thấy quyết định giản dị tối đa đám cưới của chúng tôi là đúng.

Tôi thực sự may mắn chứ không phải biết chọn lựa khi cưới vợ. Bởi chỉ gặp mặt một lần vào ngày lễ lao động, tôi đã đặt vấn đề trăm năm với em. Khi đó, tôi chưa hiểu gì về em, chưa biết tính tình em, ngoại trừ thấy em đẹp, dễ thương, bướng bỉnh.

Làn da trắng, mái tóc dài thướt tha, dáng đi chững chạc phong lưu như chưa bao giờ biết lao động, chưa bao giờ dầm mưa dãi nắng lại là vẻ ngoài tiếm ẩn của một ước muốn vươn lên, một ý chí sẵn sàng đối đầu với mọi nghịch cảnh khó khăn. Mãi tới ngày nay, đức tánh tích cực cầu tiến ấy vẫn nguyên vẹn.

Tôi rất tự hào về mức thông cảm bao dung của vợ — có thể lớn không thua tánh ngang bướng — để thấu hiểu mơ ước của tôi, vui vẻ lo việc nhà như nuôi nấng con cái, phụng dưỡng cha mẹ tôi, đối đãi tốt với bạn bè và những người cộng tác với tôi. Thiếu sự chia sẻ đó, chưa chắc tôi dựng nổi Quảng Ngãi Nghĩa Thục, vì suốt thời gian đó, tôi không làm ra một xu, nhưng chưa bao giờ phải bận tâm về cuộc sống gia đình hay phiền hà vì nghe vợ than thở. Vợ tôi lúc nào cũng vui vẻ như người giàu có sung túc dù chỉ có một phần lương của riêng mình mà phải lo cho con, cho cha mẹ và nhất là tôi luôn có bạn thân trong nhà.

Ngày 23 tháng 4 năm 1975, tôi bị tù⁽⁸⁸⁾, nhà bị tịch thu, vợ con tôi bị đuổi ra khỏi nhà. Năm ấy vợ tôi mới hai mươi bảy tuổi có bốn đứa con nhỏ, phải về quê làm việc đồng áng nuôi con dưới một chánh thể không phân biệt người với thú. Dù vậy, vợ tôi vẫn lo cho con ăn học với niềm tin sẽ có ngày sáng sủa. Tuổi trẻ, có nhan sắc, nghèo đói, thất thế... hoàn cảnh oái oăm rất dễ gây tuyệt vọng, dễ đưa đến các chọn lựa bất cần đời. Nhưng vợ tôi đã giữ vững tư cách con người trong hướng thể hiện toàn hảo vai trò người vợ, người mẹ. Qua giai đoạn thử lửa cực kỳ gay go đó, tôi cảm ơn Thượng Đế về việc gia đình còn nguyên vẹn và tự hào về ý chí phấn đấu của vợ tôi trước mọi thử thách.

Thời gian tù tại trại Kim Sơn, vợ tôi tới thăm một lần và được ở lại đêm với tôi. Do đó chúng tôi có thêm đứa con đặt tên là Kim Sơn. Việc này khiến vợ tôi chịu nhiều tai tiếng. Vì là cơ hội để người ghét tôi bêu rếu, miệt thị còn người thương tôi lại xót xa cho tôi mà trách oán vợ tôi, bởi không ai tin có chuyện chồng ở tù, nhất là ở tù cộng sản mà vợ tới thăm được ở lại qua đêm. Vợ tôi vẫn thản nhiên như đã thản nhiên trước cảnh túng đói, đau khổ, nhất là dứt khoát không theo lời khuyên phá thai của người anh họ là bác sĩ tập kết về. Nhờ sự tự tin và lòng thương bao la của người mẹ, vợ tôi đã bảo vệ, đã dưỡng dục cho tôi một đứa con mà tôi cho là phần thưởng quý giá Thượng

⁽⁸⁸⁾ *Quảng Ngãi mất 23-4-1975, Sài Gòn mất 30-4-1975.*

Đế đã dành cho tôi, cho gia đình tôi. Tháng Sáu 2007, Kim Sơn cùng một lúc nhận bằng bác sĩ y khoa trường Harvard và bằng Master về chính trị trường Kennedy cũng thuộc viện đại học Harvard. Đưa con do ân sủng của Thượng Đế đã có mặt trong cuộc sống, đã tiến bước vững chắc trên đường học vấn và xã hội rõ ràng là một công trình tuyệt vời của vợ tôi.

Thượng Đế đã ưu đãi tôi khá nhiều, khi ban cho tôi người vợ không hề sợ hãi gian nguy và luôn giữ vững ý chí vượt thoát mọi khó khăn. Với tính cách này, năm 1989, vợ tôi đã dắt hai đứa con nhỏ trên dưới mười tuổi xuống thuyền vượt biển đi tìm vùng trời của con người có tự do, có nhân cách để tránh cho các con thân phận sống trong xã hội lẩn lộn người và thú.

Thuyền ra đến hải phận hai ngày thì tắt máy. Bơm nước lại bị hư, nước chảy vào thuyền. Tất cả đều hốt hoảng, cãi vã với chủ tàu. Nước tràn vào đã ngập đến đầu gối và tiếp tục tăng dần. Nhiều người mất tinh thần và quá mệt mỏi khoanh tay chờ chết, trong khi những người khác lo chửi bới chủ tàu. Biển mênh mông, sóng lớn, trời mưa. Chết thấy rõ. Vợ tôi lao ra hô hào tát cả cùng tát nước, kể cả số tuổi nhỏ nhất. Mực nước không giảm nhưng chỉ tăng từ từ vì nước tràn vào được liên tục tát ra. Tuy vậy, nước trong thuyền vẫn cao dần lên quá đầu gối rồi gần đến bụng. Thuyền chìm dần và nhiều người đã tuyệt vọng, leo lên các chỗ cao chờ chết. Vợ tôi vẫn gắng tát nước, sau khi lấy áo buộc tay đứa con út chưa tới mười tuổi, Kim Sơn vào người với ý nghĩ khi chết có mẹ có con!...

Giữa lúc thập tử nhất sinh đó bỗng hiện ra một chiếc tàu đang chạy tới. Nhiều người la lớn khi chiếc tàu hiện rõ dần. Mọi thứ có thể làm hiệu kêu cứu đều được dùng như phát áo khăn, la ó... trong khi tiếp tục nỗ lực tát nước khỏi thuyền. Gần một giờ sau, thuyền chưa chìm hẳn và chiếc tàu cứu tinh đến nơi. Đó là một tàu đánh cá Việt Nam. Tất cả được cứu thoát lúc nước tràn vào dâng cao tới ngực, ai nấy đều dính đầy nhớt dầu cặn. Từng chiếc thùng chai vội dần người từ thuyền qua tàu đánh cá. Người khỏe mạnh chen lấn xuống trước. Vợ tôi có con nhỏ đành lên sau cùng. Lên tàu, được uống nước nóng, được ăn cháo nóng và sự sống đã trở lại.

Khi vào bờ, lấy lời khai, vợ tôi may mắn được thả về đợt đầu vì có con nhỏ. Sau cuộc vượt biên cận kề cái chết đó, Kim Sơn nói với mẹ: *“Chờ ba bảo lãnh, nếu không thì đành ở lại,*

nhất định không đi vượt biên nữa.” Tất nhiên, tôi bảo lãnh.

Ba năm sau, tháng 3-1992, vợ tôi cùng hai đứa con Thanh Hà, Kim Sơn đến Mỹ theo diện ODP.

Vậy là gia đình tôi xum họp đầy đủ sau khi tôi đến Mỹ được bảy năm. Chúng tôi vẫn ở hai phòng trong một apartment. Phòng lớn của ba đứa con gái, phòng nhỏ dành cho đứa con trai út, vợ chồng tôi ở phòng khách. Ban đầu, tôi chở các con đi học, nhưng sau đó Hòa Đàm biết lái xe, tôi mua thêm một chiếc xe để mấy chị em nó tự lo. Hai tháng sau, vợ tôi biết lái xe, thay tôi chở hai đứa con nhỏ. Ngoài việc đưa đón con, hàng ngày, vợ tôi đi học Anh văn, học nấu ăn. Kim Sơn vào trường Middle School rồi học trường tư Bellarmine, một trường của đạo Thiên Chúa. Tuy mới mười hai tuổi, nó biết chia thì giờ xử dụng nên ngoài giờ học ở trường còn học thêm lớp toán của nhóm giáo sư chuyên dạy toán để thi quốc tế ở đại học Stanford. Nó còn tập karaté và đá bóng cho đội thiếu nhi City Campbell, rồi qua học toán ở trường San Jose State, làm thiện nguyện cho cơ sở nuôi trẻ tàn tật ở San Jose. Vợ tôi vừa lái xe đưa Kim Sơn tới trường vừa phụ với tôi trong nghề janitor để lo cho con cái học hành.

Thời gian đó, hai đứa con gái lớn của tôi, Hòa Đàm -Thanh Tân học đại học ở Los Angeles (UCLA) còn đứa con gái nhỏ, Thanh Hà học ở UC Davis.

RỬA TAY GÁC KIẾM

Sau ngày mất nước là nỗi thất vọng cùng cực. Chánh quyền từ cấp tỉnh trở lên phần đông trốn ra nước ngoài. Người chậm chân hoặc không có điều kiện ra đi phải ở lại chịu chết, chịu tù, chịu nhục nhã, khổ sở. Tổng thống Thiệu, thủ tướng Khiêm, tham mưu trưởng Cao Văn Viên trốn đi từ một tuần lễ trước. Có lẽ khó thấy trong lịch sử Việt Nam, tập thể lãnh đạo nào hèn nhát hơn. Nhiều lần trước đó tổng thống Thiệu đọc diễn văn kêu gọi quân đội chiến đấu, có khi khóc nói ông không bao giờ đầu hàng và hứa nếu không làm tổng thống thì ông trở về quân đội chiến đấu cùng anh em binh sĩ. Ông cũng khóc như Hồ Chí Minh nhiều lần khóc và chỉ gây cảm giác muốn ói mửa.

Sự thật nếu Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu một lòng vì nước vì dân thì chẳng những khó mất miền Nam mà còn có thể diệt được cộng sản để Việt Nam trở thành một nước tự

do dân chủ, không thua các nước lân bang như Thái Lan, Nam Hàn và cả Nhật Bản. Bởi, người Việt Nam không những thông minh, cần cù mà còn ít tinh thần bảo thủ, không cuồng tín như nhiều dân tộc khác. Do không hết lòng vì nước vì dân, lại thiếu tầm nhìn sâu sắc về đấu tranh nên cả hai nhà lãnh đạo đó chú tâm nhiều hơn đến các mưu tính bóp chết tự do dân chủ của người dân để củng cố địa vị. Ông Diệm chỉ đặt tin tưởng vào gia đình và đám quan lại cũ còn ông Thiệu thì dành đặc quyền cho một nhóm nhỏ thuộc hạ lợi dụng chiêu bài chống cộng sản để triệt hạ các tiếng nói đối lập chính đáng vì nước vì dân trong khi dung dưỡng nạn tham nhũng, tạo điều kiện cho các phần tử đầu cơ chính trị, mở đất đứng cho các phần tử lưu manh và cả kẻ thù cộng sản khai thác.

Dù chịu ơn nhiều đời từ gia đình Ngô Đình Diệm hay trở thành vinh sang nhờ tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng khó thể phủ nhận thực tế trên. Cho nên, dân tộc Việt Nam luôn chối bỏ cộng sản và tiếng nói chống cộng là tiếng nói từ con tim của đại đa số người dân miền Nam vẫn không thắng nổi cộng sản, vì từ 1954 đến 1975, miền Nam đã có các nhà lãnh đạo như vậy.

Điểm tựa cuối cùng của miền Nam là Mỹ không còn từ khi Mỹ tìm cách bắt tay với Trung Cộng theo đối sách Kissinger được Nixon chấp thuận. Có lẽ các nhà lãnh đạo Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu cùng các bộ tham mưu nghĩ Mỹ sẽ mãi mãi yểm trợ các chính quyền miền Nam đến chừng nào hết cộng sản trên thế giới nên chỉ lo củng cố quyền uy và hưởng thụ trong niềm tin không bao giờ Mỹ để cho cộng sản chiếm miền Nam. Nếu không tin như thế và là người hết lòng vì nước vì dân, biết tận dụng hữu hiệu sự yểm trợ mọi mặt của Mỹ từ 1954 thì miền Nam không những vững vàng trước mọi mưu đồ xâm lấn của kẻ thù cộng sản mà còn dư sức chiến thắng cộng sản để tạo dựng một quốc gia Việt Nam hùng mạnh về mọi mặt. Tính tới năm 1973, Mỹ đã yểm trợ miền Nam gần 20 năm. Khoảng thời gian đó quá đủ để miền Nam tự đứng vững trước mọi sóng gió khi Mỹ lui quân hoặc ngưng viện trợ quân sự. Quyết định này của Mỹ còn có thể coi là điều mong ước của mọi chánh quyền quốc gia chân chính, vì như thế miền Nam thực sự không còn bị Mỹ chi phối nữa và chắc chắn sẽ được toàn dân tán trợ. Điều này đã hiển hiện vào năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm về nước. Gần như toàn thể dân chúng miền Nam cùng mọi tổ chức

chính trị, giáo phái đều kính trọng và tín nhiệm chí sĩ họ Ngô. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, thực tế đã tạo nên tâm trạng dân chúng chán chường, các tổ chức đổi thái độ từ ủng hộ qua chống đối tạo điều kiện cho cộng sản lợi dụng xâm nhập, tổ chức cơ sở. Kế tiếp, ông Thiệu nắm binh quyền cũng theo vết mòn cũ, chỉ tin nghe những kẻ xu phụ bợ đỡ đến mức mù tối tiếp tục duy trì một điệp viên cộng sản ngay tại dinh Độc Lập từ thời Ngô Đình Diệm là Vũ Ngọc Nhạ trong vai trò cố vấn Tổng Thống. Tương tự là trường hợp Huỳnh Văn Trọng, một điệp viên cộng sản khác, làm đồng lý văn phòng bộ nội vụ thời Ngô Đình Diệm cũng trở thành cố vấn cho tổng thống Thiệu. Chắc chắn cả hai ông Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu đều không phải cộng sản và đều chống cộng sản nhưng cả hai đã thiếu tầm lòng vì nước vì dân nên bị cuốn theo những mưu toan mù tối đến mức không còn sáng suốt để nhận ra đâu là bạn, đâu là thù, nhất là đã mù tối coi bạn là thù và nhận thù là bạn.

Quá tin tưởng và ỷ lại vào sự bao che của Mỹ đến mức chỉ lo khai thác quyền uy cho các mưu tính riêng tư, coi nhẹ công cuộc xây dựng củng cố quốc gia để có thể tự lực đương đầu với cộng sản nên khi Mỹ lui quân là sụp đổ tức khắc. Thực tế này từng xảy ra tại Trung Hoa cuối thập niên 1940 vì tính chất tương tự của chính quyền Tưởng Giới Thạch thừa đó. Nhưng họ Tưởng có tài về quân sự và vẫn còn có lòng vì nước vì dân nên không trốn chạy ra nước ngoài, vẫn giữ được quần đảo Đài Loan lập một cứ điểm cho những người Trung Hoa chối từ cộng sản. Cùng chung hoàn cảnh với Trung Hoa, nhưng Việt Nam đau đớn hơn vì bộ ba Thiệu – Khiêm – Viên đều là tướng lĩnh cao cấp đã lạng lể ra đi từ một tuần lễ trước, không chút đoái hoài tới những đồng đội ôm sùng tại các ụ chiến đấu đang đối mặt với kẻ thù trên khắp các chiến trường. Đau đớn vì đã có một tập đoàn lãnh đạo gồm những kẻ đào ngũ.

Bảy tám năm trong tù, chúng tôi có thì giờ suy nghĩ và thấy rằng cộng sản chiến thắng là do gặp nhiều may mắn hết sức lớn lao. May cho họ, vì nếu các nhà lãnh đạo miền Nam thực sự vì nước vì dân, chăm lo củng cố quốc gia, không bè phái, tham nhũng... thì cộng sản không sao chiến thắng được. May cho họ, vì thành trì cộng sản Liên Bang Xô Viết và Đông Âu không sụp đổ sớm hơn để họ tránh gặp cảnh mất điểm tựa và sẽ bị miền Nam tiêu diệt dễ như trở bàn tay. Phải chăng Thượng Đế vì một

lý do nào đó đã trừng phạt miền Nam cho lọt vào tay cộng sản, khiến hàng triệu người phải sống trong tù ngục, trong gông cùm áp chế, trong đói khổ cay cực và chết vì sóng gió giữa biển khơi, vì hải tặc khi cố trốn ách cộng sản..?

Những suy nghĩ càng cay đắng khi tôi tin không bao giờ có ngày ra khỏi nhà tù hoặc nếu có thì chắc đã gần đất xa trời. Ước nguyện của tôi chỉ còn thu gọn vào giới hạn cực nhỏ là nếu còn sống, còn được ra khỏi tù, tôi sẽ dành chút thì giờ còn lại lo cho vợ con, bù đắp lại khoảng thời gian bỏ quên gia đình để theo đuổi những hoài bão, những giấc mộng đã thành ảo mộng.

Bởi vậy khi ra tù, tôi trốn vào Sài Gòn, bắt chấp lệnh quản chế hai năm tại Quảng Ngãi, vì tuy trốn tránh, tôi vẫn có thể tìm ra việc làm để giúp gia đình. Khi vượt biên qua Mỹ, tôi làm việc quần quật bất kể ngày đêm để lo cho con cái, đúng như ước nguyện lúc còn trong tù. Do đó, tôi không sinh hoạt đảng phái, hội đoàn, kể cả các hội ái hữu. Vài người rủ tôi thành lập hội “Cựu Tù Nhân Chánh Trị”, luật sư Nguyễn Tường Bá đề nghị tôi sinh hoạt Quốc Dân Đảng, tôi đều từ chối vì không còn thì giờ trong cảnh làm việc từ 3 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau và chủ nhật cũng đi làm. Một lý do khác khiến tôi không rời ước nguyện dồn sức cho gia đình là thấy khó làm được gì khi vẫn chỉ đứng chung với những bộ mặt từng tham dự chánh quyền, tham dự cuộc chiến vừa qua và ít nhiều đã góp vào việc thua trận, việc mất nước...Hầu hết từng được thử thách và đã chạy trốn khi gặp khó khăn thì làm sao còn tin cậy được. Tôi nghĩ cần trông đợi ở những người khác, những người chưa hề tham gia cuộc chiến và những người này có vẻ chưa xuất hiện hoặc tôi chưa có cơ duyên gặp gỡ.

Tôi thường nói mình là một trong số những người thiệt thòi nhất khi mất nước. Bạn bè bảo tôi quá chủ quan khi nói vậy, vì trong tai ách chung vừa qua, ai ai cũng thiệt thòi. Một người bạn nói với tôi: *“Nếu so sánh thì mấy ông tướng tá mới mất nhiều chứ mình mất bao nhiêu”*. Câu nói này có lẽ chỉ đúng cái phần *“mình mất bao nhiêu”* với ông bạn vì ông không phải là tôi. Bạn tôi quả có mất gì đâu, ngày trước đi dạy học, cộng sản tới cũng đi dạy học, rồi qua Mỹ ăn tiền trợ cấp thì đâu có mất gì. Tuy nhiên, bảo *“chỉ các ông tướng mới mất nhiều”* thì cần xét lại. Không ít người chức vụ cao cấp thường tỏ nỗi buồn vì mất

nước, nhưng có thể đó chỉ là cách che đậy niềm vui đã thoát khỏi hiểm họa chết rụi vì chiến tranh, nhất là không còn sợ bị ai tố cáo các việc làm khuất tất để thoải mái tận hưởng cuộc sống mới thực sự an lành. Bởi với không ít người quyền thế, mất nước đã trở thành cơ hội trời cho để ra nước ngoài, ôm theo tài sản kếp xù và cái may không còn bị nhòm ngó. Thực ra đã có nhiều nhân vật “quan trọng” kẹt lại, nhưng hầu hết đều cao bay xa chạy và chạy trước cả tuần lễ để tránh mọi bắt bớ thì khó tin họ là người thiệt thòi nhất. Vì nước mất chứ họ có mất gì đâu!

Tôi vẫn nhớ đã có nhiều người thiệt thòi kinh hoàng như mất người thân trong vô vàn thảm nạn từ lao tù đến sóng gió biển khơi... nhưng khi nói mình chịu nhiều thiệt thòi, tôi đã nhìn theo hướng khác là muốn nhắc tới sự tan theo mây khói của bao nhiêu mơ ước, bao nhiêu dự định, bao nhiêu chờ mong... Tôi còn mạng sống, còn gia đình nhưng tôi thấy rõ cuộc sống đã hết với tôi, bởi tôi không còn làm được gì cho đất nước, quê hương như ý nguyện từ thuở mới vào đời. Tôi đã bị đẩy vào cảnh bó tay như mọi người bỏ nước ra đi nên dù có tận lực đóng góp cũng khó thu về hiệu quả hợp với trông chờ. Vì thế, tôi thấy mình đã mất hẳn cuộc sống dù vẫn còn hơi thở, còn bạn bè, còn người thân... Một cách thành thực, tôi thấy rõ không bao giờ có thể rời xa những người luôn gắn chặt cuộc sống vào đất nước, quê hương. Cho nên mất nước là không còn gì nữa.

Tôi viết những dòng này không phải vào thời gian đầu mất nước mà vào năm 2007, tức 32 năm sau. Khoảng thời gian thăm thẳm đó cho thấy đất nước đã trải thêm không biết bao nhiêu lần bị vùi lấp trong những tấn tuồng mạo danh nhiều khi nhuộm đầy màu sắc bi hài. Cho nên không thể nói khác là mình đã thiệt thòi nhiều nhất khi cuộc sống của mình luôn nổi chìm theo vận nước.

Câu hỏi vẫn hiện ra với tôi là suốt 32 năm qua có ai đã thực sự làm một cái gì để trực tiếp cứu nước? Thú thực, tôi chỉ thấy một người là Lý Tống. Do đó, có lần tôi đã viết về Lý Tống với sự chân thành cảm phục dành cho một người hùng kiệt xuất:

“Tôi có bốn phận giải phóng nước tôi”.

Lời hét lớn của Lý Tống khi ra tòa ở Thái Lan.

Lý Tống là sĩ quan của không lực Việt Nam Cộng Hòa. Những ngày cuối cùng của miền Nam, Lý Tống bị bắn hạ từ chiếc máy bay phản lực, bị cộng sản nhốt 5 năm. Vượt ngục, Lý Tống trốn ra nước ngoài. Dù ở Hoa Kỳ, cuộc sống khác hẳn, lúc

nào anh cũng tự thấy anh luôn đang chiến đấu vì cuộc chiến chưa chấm dứt. ⁽⁸⁹⁾

Cuộc đời Lý Tổng như một thiên anh hùng ca.

● Năm 1993, ban đầu anh định cướp máy bay Thái Lan nhưng bất thành. Anh xoay qua uy hiếp chiếc máy bay dân sự Việt Nam Airbus 300 trên chuyến bay từ Bangkok về Sài Gòn. Anh bắt máy bay lượn quanh trên bầu trời Sài Gòn nhiều vòng để anh trút hàng ngàn truyền đơn kêu gọi dân chúng đứng lên lật đổ chánh quyền cộng sản. Anh hãnh diện tự cho mình là “*Tư lệnh lực lượng cách mạng thế giới chống cộng sản — Commander-in-chief of the Revolutionary Anti-communist Forces of the World*”. Rải xong truyền đơn anh can trường nhảy dù xuống Sài Gòn, bị bắt, tù 6 năm, nhờ quốc tế can thiệp mới được trả tự do về Mỹ năm 1998.

● Năm 2000, người hùng kiệt xuất này chất đầy truyền đơn trong chiếc máy bay nhỏ ở Florida, lượn trên bầu trời La Havana, thủ đô Cuba, trút mấy ngàn truyền đơn kêu gọi dân Cuba đứng lên lật đổ tên trùm cộng sản Fidel Castro, để giải phóng dân tộc Cuba.

● Cũng trong năm 2000 dịp tổng thống Clinton đến Việt Nam, Lý Tổng thuê chiếc máy bay nhỏ ở Thái Lan để du lịch trên vùng trời Bangkok và uy hiếp phi công nhường cho anh tự lái về Sài Gòn rải hàng chục ngàn truyền đơn chống cộng sản. Khi hệ thống phòng thủ của Việt Nam phát giác thì anh đã về đến phi trường Bangkok một cách an toàn. Chánh quyền Thái bắt nhốt mới vừa đưa ra tòa và tính cho chánh quyền Việt Nam dẫn độ.

Anh dự định sẽ bay đến tất cả các nước cộng sản rải truyền đơn khích lệ dân chúng nổi lên lật đổ chánh quyền để tạo cuộc sống tự do dân chủ. Lý Tổng đã tạo một thiên anh hùng ca khiến dù ở phe phía nào cũng phải kính phục. Theo tôi, Lý Tổng có những hành động yêu nước ngoạn mục đó vì anh có đủ những đức tính sau:

- Một người yêu nước rất nhiệt thành, nguyện không đội trời chung với cộng sản.

- Một người can đảm phi thường, xem nhẹ cái chết, xem tù đày như trò chơi. Anh từng nói: “*Cuộc sống trong tù và cuộc*

⁽⁸⁹⁾ *But for Mr. Tong, nothing had changed since 1975; he was still at war — The New York Times.*

sống ngoài đời không khác lắm. Tại Mỹ tôi học hỏi, nghiên cứu... tôi vẫn làm như thế trong tù. Trong tù ở Việt Nam dù bị xiềng xích, tâm hồn tôi vẫn phơi phới tự do⁽⁹⁰⁾

- Một phi công dũng cảm tài ba.

- Một người tích cực, yêu đời, luôn tự tin, luôn học hỏi, thấy được thành tựu tương lai ắt có của tổ quốc Việt Nam.

- Một tâm hồn nghệ sĩ cao cả, nhìn thấy cái đẹp tuyệt vời trong hành động phi thường của một người hùng.

- Luôn sống đời sống người hùng “vá trời lấp biển”, không xao lãng việc giải phóng dân tộc, đồng bào...

Tôi không biết từ ngày máy bay trở thành phương tiện chiến tranh, các dân tộc từng nổi tiếng can trường như Nhật, Đức, Ý, Nga... có người nào liên tục hành động phi thường như Lý Tổng của Việt Nam — hành động tự ý, chứ không phải tuân hành quân lệnh của thượng cấp?

Hành động can trường của Lý Tổng là một kích lệ lớn lao cho mọi người yêu nước, nhất là lớp trẻ sẵn bầu nhiệt huyết. Người Việt Nam thực sự hãnh diện về Lý Tổng nhưng cũng thực sự buồn khi chỉ thấy có một Lý Tổng”.

Xin hãy thành thật với mình và hoàn toàn bình tĩnh coi lại để thấy có thể tôi bi quan, nhưng chắc không lầm. Bởi vì sao?

Bởi vì nỗi lòng hướng về đất nước quê hương, dù có thật, đã nguôi dần theo thời gian. Khó thể kể hết lý do dẫn đến thực tế này nhưng hoàn toàn không khó nhận ra qua sinh hoạt thường nhật của người Việt Nam ở khắp nơi.

Tâm trạng rã rời mệt mỏi sau các thử thách nghiệt ngã khiến không ít người chán ngán, trong khi không ít người bị ru ngủ bởi cuộc sống sung túc bất ngờ, thoả mãn với những tiện nghi đạt được, chỉ lo đáp ứng các yêu cầu riêng của bản thân.

Ngoài ra, không thể phủ nhận tình trạng xuất hiện ồn ào những nhà yêu nước giả hiệu, những anh hùng ngụy trá, những tổ chức trang trí..., nhất là tình trạng lạm dụng tự do ngôn luận để vu cáo, bôi bác triệt hạ lẫn nhau khiến tan rã lòng tin vào mọi giá

⁽⁹⁰⁾ *Life in prison and life outside, to me, are not different, he said, In America I went to school, I studied, I read. I still do the same in prison. And in Vietnam, even if they chaine me, they shackle me, I will be free in my mind. — The New York Times.*

trị đạo đức cũng như đấu tranh. Tình trạng bi thảm này thường có sự tham gia của lớp người từng hiện diện trong cuộc chiến trước 1975 nên còn tạo ra một hố sâu chia rẽ với lớp trẻ lớn lên sau 1975. Những trò giả hiệu, những cuồng nhiệt mù loà theo kiểu “*chống cộng sản ở Mỹ, chống Mỹ ở Bắc Hàn*” đã khiến diễn ra trước mắt lớp trẻ không ít tấn tuồng bi hài quái đản dẫn đến tình trạng bất phục của thế hệ con em đối với thế hệ cha anh.

Tất nhiên, không phải hết thảy những người có mặt trong cuộc chiến chống cộng sản trước 1975 đều bất xứng. Thực ra, vẫn có không ít người đáng ngưỡng mộ về nhiều mặt nhưng tình trạng giả hiệu chính nghĩa và cuồng nhiệt mù loà tràn lan đã dẫn đến cách phê phán vơ đũa cả nắm khiến những con người đáng ngưỡng mộ này cũng bị vây hãm giữa vòng vây phân lập để phải khoanh tay bất động dù luôn nặng lòng với đất nước.

Càng đáng buồn hơn là không hẳn toàn thể lớp trẻ đều thực sự vượt trội cha anh, nhất là về ý thức đấu tranh vì dân vì nước. Do còn quá nhỏ vào thời điểm 1975 hoặc sinh trưởng ở nước ngoài nên nguồn cội Việt Nam trở nên mù mịt và đất nước Việt Nam không thể là mối ưu tư hàng đầu. Hoàn toàn không ngạc nhiên về sự hiện diện của những người trẻ Việt Nam gần như không biết đến bà con, họ hàng hay quê hương Việt Nam. Cũng hoàn toàn không đáng ngạc nhiên khi gặp những người trẻ Việt Nam tỏ ra lạ lẫm trước thái độ hận thù cộng sản của thế hệ cha anh. Những người này đã quen nếp sống dân chủ tự do và đâu có trải các thảm cảnh đau đớn kinh hoàng mà cộng sản gây ra cho đất nước.

Trong khi đó, lớp trẻ lớn lên hoặc chào đời sau 1975 tại Việt Nam càng không dễ chia sẻ nhu cầu cấp thiết của công cuộc đấu tranh chống cộng sản. Ảnh hưởng của chế độ giáo dục nhồi sọ song song với tác động của nỗ lực tuyên truyền đổi trắng thành đen theo hướng tô vẽ cho tập thể cầm quyền đã tạo một nếp suy nghĩ tôn thờ hoặc ít nhất cũng tán trợ cho cái thể chế chính trị mà toàn thể dân tộc Việt Nam vẫn kiên trì chối bỏ suốt hơn nửa thế kỷ. Bên cạnh đó không thể quên tác động của những tương quan đem lại danh vị, quyền lợi để tạo thành các mối dây liên kết với chế độ.

Tuy vậy, tôi vẫn tin sẽ có một viễn cảnh tốt lành trong tiến trình diễn hoá chính tình Việt Nam.

Niềm tin của tôi dựa trước hết trên nền tảng quy luật tự

nhiên của sự sống nằm trong chính bản năng của con người. Sự ngu xuẩn tối tăm của một thiểu số, một phe nhóm, một tập đoàn nhất thời đưa một dân tộc vào vũng lầy oan nghiệt, nhưng nhu cầu sống còn cuối cùng sẽ mở ra lối thoát.

Đây không phải hy vọng, suy đoán mà là thực tế đã hiện hình qua sự sụp đổ của khối cộng sản quốc tế và sự biến hình của các chính quyền cộng sản Trung Quốc và Việt Nam. Những người cộng sản đang nắm quyền tại đây dù chưa vất bỏ danh xưng cộng sản nhưng đã vất bỏ mọi nguyên tắc cùng chủ trương của thuyết Mác-Lê mà họ từng cuồng tín từ nhiều năm qua. Họ chỉ dựa vào cái tên cộng sản để duy trì mô thức có sẵn vẫn còn tác dụng trong việc áp chế dân chúng để nắm giữ quyền lực. Tiếng nói cất lên từ đây là tiếng nói khẳng định các chính quyền cộng sản đã thấy rõ cái vũng lầy oan nghiệt mà họ tạo ra cho dân tộc đang trở thành vũng lầy chôn sống họ nếu họ không kịp biến hình để né tránh. Sẽ không làm lẫn khi bảo mơ ước lớn nhất hiện nay của chính quyền cộng sản Việt Nam không có gì khác hơn tìm mọi cách dựa vào Mỹ để tồn tại. Nhưng dù họ có thể thành toàn mơ ước thì tác động thực tế từ sự hình thành nền kinh tế thị trường cùng những đổi thay bắt buộc để hội nhập các trào lưu quốc tế sẽ không cho phép tồn tại mãi một chính thể ngu xuẩn, tham tàn luôn chà đạp đày đoạ con người.

Trên thực tế, giữa thực cảnh phân hoá đầy bi quan của cuộc đấu tranh loại trừ cộng sản ngay giờ phút này đã loé lên những báo hiệu hứa hẹn rất nhiều cho một viễn cảnh tốt lành.

Bên cạnh các đám đông bỏ rơi cộng đồng, các đám đông giả hiệu đấu tranh, các đám đông hỗn mang mê loạn, các đám đông luôn cúi bạo quyền để bám giữ lợi danh... vẫn hiện diện không ít người nặng lòng vì dân vì nước, đặc biệt đa số trong đó thuộc lớp trẻ ở cả trong lẫn ngoài nước. Với mẫu số chung vì dân vì nước, với nhiệt tình bừng bừng của tuổi trẻ, với nhận thức vững chắc về mức độ tác hại hiểm nghèo của óc cuồng tín phân ly, thù hận và tham vọng bè phái, chắc chắn lớp trẻ này sẽ hoàn tất nhiệm vụ trọng đại cứu dân cứu nước mà thời thế khắc nghiệt đã khiến nhiều thế hệ cha anh không thể làm xong.

Do nhận thức đó, nhất là do quy luật diễn hoá tất yếu trong đời sống, tôi thấy phải dứt khoát tự đẩy mình rời mọi hoạt động chính trị. Hơn nữa, hết sức thành thực với mình, tôi phải thú nhận không còn đủ sức theo dõi, học hỏi những kiến thức đổi

mới vùn vụt của thời đại điện tử để đạt tới cái nhìn đủ rộng cần thiết cho công việc và khó thể có tấm lòng bao dung sau những năm tháng dài nghiệt ngã khởi từ tuổi thiếu niên.

Thêm vào đó, tôi bị một tai nạn xe hơi suýt chết. Từ ngày tôi bị mổ đầu, vợ tôi lấy lý do đi làm với tôi cho vui và để cho tôi về sớm hơn nên thường ba bốn giờ sáng chúng tôi xong việc chứ không phải đến sáu bảy giờ sáng như khi tôi làm một mình. Hôm đó quăng 4 giờ sáng, đầy sương mù. Tôi có thói quen khi lái xe để khỏi buồn ngủ thường đọc thơ có khi ngâm lớn bất cứ câu thơ nào hiện ra trong đầu, những câu Kiều, thơ Tạ Ký, thơ Vũ Hoàng Chương. Còn chừng non trăm mét nữa, tôi quanh vào đường nhỏ về nhà bỗng giật mình nghe tiếng “cụp” như bánh xe gặp viên đá, xe loạng quạng lao qua bên trái, đảo qua bên phải. Tôi cố bẻ ngược tay lái trở vào đường, thấy cây bên lề đường lộn nhào ngọn xuống đất, sau này tôi mới nhớ lại đó là lúc xe tôi bị lật úp. Sự việc xảy ra nhanh quá, khi chiếc xe nằm im tôi cũng vừa kịp tỉnh. Tôi nghe tiếng máy xe nổ đều đều, cử động đầu tiên của tôi là tắt máy xe. Tôi chồm tới đưa tay với chìa khóa xe nhưng không tới được. Lúc đó tôi mới biết tôi đang nằm phía dưới, phía trên tôi là một ghế khác. Tôi đưa tay lên trán ươn ớt và đoán bị thương ở đầu. Tôi gọi vợ tôi bảo ra gấp nếu chậm nguy hiểm, xe có thể cháy vì xăng đổ. Cánh cửa xe phía tôi bị bật nên tôi chun ra ngoài trong khi vợ tôi bị dây seat belt treo lên. Tôi phải khó khăn mới kéo được vợ tôi ra khỏi cánh cửa đang chống lên trời. Hú hồn, tôi kéo vợ vào lề đường vì sợ xe phát nổ. Vợ tôi rờ đầu tôi bảo tôi bị thương. Một chiếc xe đang đậu giữa đường mở đèn sáng choang, một người con gái đang gọi cell phone. Cô chạy lại hỏi có bị thương không. Tôi trả lời không sao và mượn phone của cô gọi về nhà. Người con gái đậu xe giữa đường là một người Mỹ trắng bảo chở tôi về nhà nhưng tôi bảo con tôi sắp ra. Lúc ấy trời mưa lâm râm hay là sương nặng hạt, cô cầm dù che cho vợ chồng tôi, bảo đi ngang qua thấy xe tôi nằm bên bờ hồ nên cô vội ngừng xe báo cho cảnh sát. Tôi vừa cảm ơn cô thì xe còi hụ của cảnh sát và xe cứu thương đến. Xe cứu thương chở tôi vào bệnh viện vì tôi bị thương ở đầu, vợ tôi về nhà. Chiếc xe của tôi lật nằm cách bìa hồ chừng hai gang tay, chỉ ra một chút nữa rơi xuống hồ sâu chắc chắn tôi và vợ tôi khó sống sót. Một may mắn quá lớn. Mấy bữa sau, ra coi lại tôi lạnh người nhìn xuống vũng hồ thăm thẳm, cảm ơn Thượng Đế.

Thêm một điều may quá lớn cho tôi, cho gia đình tôi.

Tôi tiếp tục làm việc thêm gần một năm nhưng đã thấy cần nghỉ hẳn không làm việc nữa. Sau một bữa tiệc tại nhà mà tôi gọi là “*lễ rửa tay gác kiếm*”, tôi thực sự sống cho mình. Trong bữa tiệc, tôi nói với mọi người là sẽ dành thì giờ còn lại để viết về những gì liên hệ đến cuộc đời tôi. Từ đó hàng ngày tôi có từ một đến hai giờ buổi sáng sống với thiên nhiên bằng cách chạy bộ dọc theo con đường núi quanh co sau nhà. Tôi nói đùa với con tôi, *Je cours donc je suis*, nhại lại câu nói trừ danh của Descartes, triết gia Pháp thế kỷ 17, *Je pense donc je suis*. Và, tôi viết hồi ký.

Viết hồi ký là sống lại với quá khứ, sống lại với nhiều kỷ niệm mà lâu nay có lúc mình quên mất. Viết hồi ký cũng để ghi lại những sự kiện thực tế của một giai đoạn mà người cộng sản vẫn nỗ lực tô hồng hoặc bôi đen cho hợp với luận điệu tuyên truyền của họ. Tôi nghĩ ít nhất những trang viết của tôi sẽ giúp lớp trẻ cùng thế hệ con tôi biết rõ hơn về thế hệ cha anh hoặc hạn chế hơn nữa là giúp các con tôi biết về riêng tôi, vì năm mất nước tức năm 1975, đứa con đầu của tôi mới có 7 tuổi.

Trong cuộc đời tôi, chắc chắn có nhiều sai lầm, thiếu sót, nhưng cũng có những điểm tôi rất tự hào, rất hãnh diện ít người đạt được. Bởi vậy, tôi phải kể lại như món ăn tinh thần cần thiết cho nhu cầu suy nghiệm của những thế hệ nối sau về một giai đoạn trầm luân não nề của dân tộc, đặc biệt cho những người sẽ gắn cuộc đời với vận mạng đất nước quê hương.

Tôi phải mất bốn năm để viết cuốn hồi ký này. Phải qua một thời gian như thế vì trước hết tôi không phải là người chuyên nghiệp viết nên khi không có cảm hứng tôi không thể viết được. Có ngày viết được nhiều trang nhưng lắm khi cả tuần không viết được một câu, một chữ. Thứ hai, đầu óc không ổn định. Ngay những lúc không lo về cơm áo, về con cái, nằm một mình trên chiếc võng, nhìn trời đẹp, nhìn những đàn chim bay ngang..., nhưng tâm hồn vẫn không ổn định. Mà không ổn định thì làm sao viết! Tại Mỹ, an toàn thật, tự do thật, nhưng người như chúng tôi vẫn khó tránh xót xa vì để đất nước lọt vào tay cộng sản. Triều Nguyễn ở thế kỷ trước thua thực dân Pháp, có chua xót, có mất mát thật nhưng ít nhục nhã hơn ngày nay chúng tôi thua cộng sản.

Bởi, thực tế thuở ấy, lực lượng Pháp trội hơn hẳn về mọi phương diện, nhất là về khoa học kỹ thuật. Ngày nay chúng tôi thua cộng sản, trong khi cộng sản thua sút mọi phương diện đối với phe quốc gia, phe tự do. Ngày trước dưới chế độ phong kiến, hết triều này qua triều khác chỉ là thay đổi triều vua, thay đổi người cai trị, nhưng dân chúng không có gì thay đổi, luôn luôn được giáo dục theo những nguyên tắc đạo đức cổ truyền. Ngày nay người cộng sản chiến thắng, liền úp lên đầu dân chúng một xã hội xô bồ sa đọa không biết gọi là xã hội gì, không biết gọi là đạo đức gì. Vì hết chiến tranh những bộ mặt thực lộ ra không còn che giấu được. Những người cầm đầu trong các chánh quyền cộng sản đã lộ bộ mặt thực phản bội. Phản bội một cách ghê tởm. Họ phản bội ngay đường lối chủ trương của chính chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản ngày nay còn tồi tệ hơn giai cấp tư bản ở thời kỳ xấu xa tệ hại nhất. Họ phản bội giai cấp công nông nghèo khổ, giai cấp mà họ lợi dụng suốt 70 năm như công cụ hy sinh trong các cuộc đấu tranh cay cực và thấm đẫm máu xương tang tóc để giành đoạt quyền lực. Họ phản bội vai trò của người dân mà họ thường gọi là “nhân dân làm chủ”. Họ phản bội những nguyên tắc đạo đức căn bản. Xảo trá, tham nhũng, hối lộ, đĩ điếm, công khai đòi truy, xem thường nhân cách ... tất cả tệ nạn như nhớp đó, ngày nay như một một sống thời đại để đua nhau chạy theo. Quyền sống con người bị dày xéo, tương lai dân tộc bị xem thường. Nhìn về đất nước khó thể lạc quan, trái lại còn xấu hổ và tuyệt vọng. Trong khi đó, các cộng đồng lưu vong ở nước ngoài cho thấy gì?

Trước hết, lớp trẻ tức lớp chưa nhúng tay vào cuộc chiến trước 1975 nhờ cuộc sống ổn định, có điều kiện thuận tiện học hành nên có cuộc sống vật chất vững chắc dễ chạy đua theo tiện nghi, theo vật chất nên nhiều khi xem nhẹ phần tinh thần — Cố nhiên tôi không bao giờ nói tất cả mà chỉ nói về số đông. Lớp này rất thành công về khoa học kỹ thuật, vì đó cũng là con đường ngắn nhất để đi đến cuộc sống vật chất đầy đủ, nhưng về tinh thần cộng đồng, nhất là tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước, phải nói thật, rất kém. Nhiều cặp vợ chồng trẻ chỉ biết làm việc và lo cho tiểu gia đình, ngoài ra không biết đến người khác như cha mẹ, bà con... đừng nói chi đến dân tộc. Về sự hiểu biết cũng vậy, ngoài kiến thức nghề nghiệp chuyên môn, đại đa số rất ít đọc sách để hiểu về lịch sử, về xã hội, về văn học nghệ

thuật... Tóm lại, vì đua theo việc làm giàu không còn thì giờ học hỏi thêm những thứ khác, nhất là về lịch sử, văn học...

Lớp người già nói chung càng thâm trầm. Đa số mặc cảm là kẻ thua cuộc nên khó ăn nói với lớp trẻ. Trừ một số rất ít, phần nhiều không thành công như lớp trẻ về phương diện học hành và tạo cuộc sống ở xứ người. Tuy không nói ra nhưng đa phần hối hận ít nhiều về việc chưa làm hết sức để phải thua cuộc nặng nề, phải bỏ quê hương ra đi. Hội nhập và ham thích cuộc sống ở nước ngoài chiếm một tỷ lệ quá ít. Đa số dựa vào giúp đỡ của chánh quyền để sống nên luôn luôn thiếu tự tin, nhiều khi phải vận dụng những cách thiếu ngay thẳng để sống — cố nhiên chỉ một số nhưng không phải là số quá nhỏ. Điều này đáng thương hơn đáng trách, vì là kẻ thất thế, người thua cuộc, người phải sống bất đắc dĩ ở nước ngoài, nhưng do đó không còn được lớp con cháu nể trọng.

Từ đây để ra sự thiếu thành thật. Đây là bệnh chung của thời đại chẳng? Hay của một lớp người không dám nhìn lại quá khứ vì không có một quá khứ tốt đẹp?

Nói vậy nhưng chưa chắc là vậy!

Chuyện trò giảm phần lý thú, vì nhiều khi ngay với người thân như vợ con, cha mẹ, anh em, bạn bè... cũng thiếu chân thật. Có người bảo do xã hội cộng sản đối trá thành thói quen và đã có tình trạng lây nhiễm. Tôi nghĩ lây nhiễm nếu có chỉ là một phần thôi. Phần chủ yếu vẫn khởi từ những hạn chế trong nếp sống thiếu kiến thức cổ hữu khiến dễ nảy sinh nhiều khuyết điểm trong môi trường tự do dân chủ có khi thừa thãi. Trên thực tế, thiếu chân thực chỉ là một khía cạnh giữa nhiều khía cạnh đáng buồn như đầu óc chia rẽ bè phái, tinh thần cố chấp mù quáng, ngộ nhận hoặc lợi dụng công cuộc đấu tranh cho những mưu đồ phù phiếm, xấu xa đến mức sẵn sàng vu cáo thoá mạ lẫn nhau gây ra tình trạng hỗn loạn giữa cộng đồng trong lúc yêu cầu chung lưng góp sức vô cùng khẩn thiết. Tuy vậy, cá nhân tôi không bi quan mà chỉ thấy đây là kết quả tất yếu của một xã hội có tự do thực sự. Có điều thực tế này cũng khó giúp khơi gợi cảm giác lạc quan về một đóng góp tích cực từ cộng đồng hải ngoại vào triển vọng đổi đời của đất nước.

Chỉ nhìn riêng việc hội nhập xã hội Mỹ, tôi cũng có nhiều băn khoăn. Theo luật, một người định cư hợp pháp năm năm ở Mỹ có quyền thi để thành công dân Mỹ, nhưng xã hội Mỹ gồm

nhiều giống dân nhập lại và trở ngại lớn của hội nhập là ngôn ngữ và cách sống. Tôi nghĩ chỉ thế hệ thứ hai, thứ ba mới hy vọng hội nhập cùng người Mỹ chính cống. Thế hệ thứ nhất rất khó hội nhập dù nói rành tiếng Mỹ, có bạn bè Mỹ, được giáo dục ở Mỹ và giàu có. Vì hội nhập không chỉ đơn giản là nói được tiếng Mỹ, ăn được đồ ăn Mỹ và có bạn người Mỹ.

Thực ra, do hàng rào ngôn ngữ và các thói quen sẵn có trong nếp sống, người di dân thường tìm cách xúm xít gần nhau, dẫn tới hình thành những nhóm sinh hoạt gần như biệt lập với người Mỹ nên thời gian hội nhập càng chậm hơn. Nhưng giả dụ thời gian hội nhập được thu ngắn thì việc hội nhập sẽ đem lại hiệu quả khả quan nào?

Trong tầm nhìn giới hạn của mình, tôi đã có một số nhận xét sơ lược về người Mỹ tiêu biểu bởi người da trắng từ châu Âu, dù tập thể này chỉ chiếm tỷ lệ cỡ 70% dân số và đang giảm thấp. Điểm nổi bật của người Mỹ là óc thực tế sinh ra tánh hiếu động, tích cực làm việc và cá nhân chủ nghĩa. Họ thường chú trọng vào hiện tại, nghĩ nhiều đến tương lai còn quá khứ không quan trọng. Cách sống của họ luôn coi đại gia đình nhẹ hơn tiểu gia đình, tiểu gia đình nhẹ hơn cá nhân. Xu hướng này mở ra cho cá nhân trong xã hội Mỹ những vùng trời rộng để mặc sức vùng vẫy vươn lên chắc chắn sẽ tạo ra những chấn động tâm lý cho truyền thống Đông Phương luôn đặt cá nhân ở vị thế khiêm tốn so với gia đình và xã hội. Bởi tuyệt đối tôn trọng cá nhân thì gia đình không còn là nền tảng cần tập trung xây dựng sẽ dễ dàng đối mặt với nguy cơ đổ vỡ, trong khi bảo thủ truyền thống Đông Phương lại lâm cảnh lạc lõng vì tự cô lập giữa xã hội mới. Một câu hỏi còn phải chờ giải đáp là hội nhập cách nào để có sự hài hoà giữa tinh thần khoa học thực dụng tích cực và cuộc sống trong khuôn nếp liên hệ tình cảm thiêng liêng với những giới hạn mà cá nhân không được phép vượt qua?

Ưu điểm của xã hội Mỹ là tuyệt đối tôn trọng pháp quyền trong hệ thống tổ chức phân công bảo đảm tính độc lập của ba quyền hành pháp, tư pháp và lập pháp. Có thể nói Mỹ là một quốc gia thực sự có Dân Chủ Tự Do, thực sự tôn trọng mọi quyền sống căn bản của con người nhờ theo một chính thể pháp trị nghiêm khắc và công bình.

Tuy vậy, không hẳn xã hội Mỹ đã loại trừ hết mọi điều không tốt đẹp. Tới lúc này tôi vẫn luôn cảm thấy khó chịu trước

tình trạng luật pháp Mỹ tôn trọng và bảo vệ cho công việc lobby mà theo tôi chỉ là một ngành đặc trách đút lót hối lộ. Bởi lobby là một nhóm người có thể lực, có tên tuổi, chuyên lo đi vận động để thực hiện những công việc, những điều luật... có lợi cho người chi tiền — nói một cách giản dị là bỏ tiền vận động quốc hội hoặc chánh quyền soạn thảo, ban hành những điều luật hoặc những sắc lệnh... có lợi cho người bỏ tiền. Như thế, có tiền có thể mua được tất cả và do pháp luật đồng ý nên không thể gọi là tham nhũng. Công việc của các công ty lobby do những người thực sự có thể lực đứng ra tổ chức, tiến hành không khác đám “chạy mảnh chạy áp phe” ở các nước nhỏ. Tại các nước nhỏ, bọn chạy mảnh luôn bị xem như thiếu đạo đức, thiếu lương thiện và bị khinh bỉ. Tại Mỹ, đám này lương rất lớn chẳng hạn cựu chủ tịch thượng viện Bob Dole lương trên sáu trăm ngàn một năm và luôn được ngưỡng mộ. Dù lập luận cách nào cũng phải nhìn nhận qua sự việc này, pháp luật dù được toàn xã hội tuân thủ nhưng đã phải nhường bước trước uy lực của đồng tiền. Thú thực, tôi luôn khó chịu khi nghe nói nếu muốn chụp hình với các nhân vật tên tuổi, thí dụ các vị thượng nghị sĩ v.v..., phải trả bao nhiêu tiền, muốn ngủ tại Nhà Trắng nơi phòng và giường của tổng thống Abraham Lincoln phải trả bao nhiêu tiền ... Không thể nói khác rằng đây là điều xấu hổ cho nước Mỹ mà hình như luật pháp phải chấp nhận.

Một điều xấu hổ hơn nữa đã xảy ra trên chính trường Mỹ mấy năm vừa qua trong kỳ bầu cử Tổng Thống. Tôi ở nước nhỏ chậm tiến nên luôn thấy có bầu cử là có gian lận, nhiều khi bầu cử đồng nghĩa với gian lận. Những tưởng chuyện xấu xa quái gở này không thể có ở Mỹ, nơi mà Tư Pháp hoàn toàn độc lập. Vậy mà chuyện xấu xa quái gở là gian lận bầu cử vẫn xảy ra và xảy ra với sự tiếp tay của Tư Pháp. Năm 2000, George W. Bush thua Al Gore trên ba trăm ngàn phiếu, nhưng tại tiểu bang Florida, em ruột Bush là thống đốc, nên kiểm phiếu lại, rồi Toà Án Tối Cao quyết định cho Bush thắng.

Để tránh loại chuyện gây cảm giác muốn ói mửa này có lẽ chỉ còn đặt hy vọng vào diễn trình hoàn thiện trái tim của con người, một diễn trình không thể biết phải cần tới mấy ngàn năm hay mấy triệu năm. Bên cạnh những sự việc đó, tôi cũng luôn bị lôi cuốn trước một đặc trưng nhỏ, có thể nói hết sức nhỏ, trong nếp sống của người Mỹ. Đó là cái thú nuôi mèo, chó. Hầu hết

người Mỹ đều có cái thú này và chó mèo được luật pháp bảo vệ gần như con người. Với tôi, một nhân vật quyền quý cao sang như một vị tổng thống, một nhà đại tư bản, một hoa hậu thế giới... mà ôm chó, ôm mèo, nằm ngủ với chó mèo... đều khơi gợi cảm giác ớn ớn vì dơ dáy. Cách đây khoảng mười năm, một nhật báo đã đề cập tới cảnh dơ dáy ở kinh thành Paris là cứ mười bước thấy một bãi cứt chó. Cố nhiên, ở Paris cũng như ở Mỹ không thiếu những bằng ghi các lệnh đối với người dắt chó đi chơi, nhưng đa số dắt chó ra ngoài thường vì mục đích cho chó đi dạo xa chỗ họ ở. Tôi không biết có cách gì dẫn chó đi chơi mà ngăn nổi chó dừng đi dạo xa chỗ họ ở. Tôi đã thấy một anh đi với người yêu, một tay dắt chó, tay kia cầm cái bao ni-lông. Anh tỏ ra là người tuân hành luật lệ và vẫn minh nên mỗi khi chó ỉa, đều cúi xuống hốt bỏ vào bao xách theo. Đi chơi như thế có lý thú không? Qua TV, tôi thấy từ máy bay, ông tổng thống bước xuống. Đệ nhất phu nhân dẫn con chó đến đón tận chân thang. Tổng thống ôm con chó hôn nó, rồi thả xuống ôm hôn vợ và bắt tay đám người đứng đón. Cảm giác ớn ớn cứ đến với tôi. Nhắc chuyện này, tôi không nhắm khen hay chê mà chỉ nghĩ tới mức độ trở ngại khó lường đoán và khó tưởng tượng cho vấn đề hội nhập của cộng đồng di dân Việt Nam trước vô số vương mắc không tên.

Riêng trong ý nghĩ của tôi về nước Mỹ thì nước Mỹ không chỉ là ân nhân vì đã cứu vớt, đã cứu mang tôi mà còn là một cõi thiên đường vì đã đem lại cho gia đình tôi cuộc sống mà tôi chưa từng có tại quê hương, đã tạo cơ hội cho các con tôi có thể hướng về nhiều chân trời mới.

CUỐI ĐỜI NHÌN LẠI

Đời tôi có thể chia thành 3 giai đoạn rõ rệt và tôi vừa lòng nhất là giai đoạn từ 1932 đến 1954, đặc biệt từ sau 1946 đến 1954.

Là một học sinh chăm chỉ và thuộc loại giỏi trong lớp, nhất là về môn toán, tôi chưa bao giờ thi rớt và cũng chưa bao giờ hàng tháng đứng dưới thứ hai.

Tình bạn, tình yêu rất đẹp, tha thiết nhưng hoàn toàn lãng mạn, trong sáng. Ham mê thể dục thể thao, mơ ước một đời sống khỏe mạnh cao thượng.

Mười sáu, mười bảy tuổi đã có ý thức xã hội và quốc gia, có lòng yêu nước và nuôi hoài bão có mặt trong hàng ngũ lãnh đạo quốc gia. Điều tôi vừa lòng nhất với mình là sớm dứt khoát chọn thế đứng chống đối cộng sản và thẳng thắn biểu lộ công khai suốt thời kỳ là học sinh trường trung học Lê Khiết 1948-52. Trên thực tế, đã ba lần cùng các bạn tổ chức trốn về vùng tự do, vì thế đã bị bắt, đưa ra tòa kết tội và đuổi khỏi trường. Tuy vậy, không hề sợ hãi che giấu mà còn luôn hãnh diện về việc làm của mình và dù sống trong cảnh bị canh chừng ngay giữa vùng cộng sản sứt máu Quảng Ngãi vẫn dám tuyên truyền đề cao nhà chí sĩ quốc gia Ngô Đình Diệm... Vừa qua đất tự do cuối tháng 7-1954, đã cùng với một nhóm người theo thủ lĩnh là giáo sư Phạm Đình Nghị, trở về quê Quảng Ngãi thành lập chánh quyền quốc gia đầu tiên. Đó là giai đoạn một của đời tôi, một giai đoạn không có điều gì sai trái mà ngược lại còn luôn cho phép tôi tự hào vì sáng suốt, vì hiên ngang với một tinh thần cao đẹp.

Giai đoạn tiếp theo từ 1954 đến 1984, là giai đoạn đầy cam go quyết liệt và cũng là giai đoạn chính của đời tôi. Trong suy nghĩ của mình, tôi tự thấy đã vấp nhiều khuyết điểm đáng tiếc như:

— Năm 1954 bỏ cơ hội học trường võ bị Đà Lạt mà theo tôi, đó là môi trường đem lại nhiều thuận lợi để đóng góp hữu hiệu hơn cho miền Nam. Hoàn cảnh lịch sử lúc đó rõ ràng dành cho quân nhân vai trò chủ yếu mà tôi lại đặt mình ra ngoài hàng ngũ quân đội.

— Sau 1954, tôi là học sinh có sức khỏe, có ý chí, rất chăm chỉ, biết tiếng Pháp mà không học trường thuốc cũng là sai lầm. Nếu trở thành bác sĩ y khoa, tôi sẽ giúp cho xã hội dễ dàng hơn và cuộc sống chắc chắn bớt nhiều cay cực.

— Sai lầm khác là trong học hành không tích cực đúng mức để đạt mộng khoa bảng như đã ôm ấp từ nhỏ sẽ đậu bằng tiến sĩ. Đã thế lại không tìm cách du học nước ngoài, tự tạo thiệt thòi quá lớn cho bản thân.

— Thiếu cân nhắc và cơ duyên nên không có những bậc cố vấn cần thiết, thành ra luôn phải sắm vai đầu tàu cho bạn bè dò dẫm đi. Vì thế, vừa trải nhiều vất vả, vừa không thành công.

— Không lo giúp đỡ cha mẹ, bà con vì đã sai lầm coi thường tiền bạc, coi thường việc làm ăn, đồng thời phó mặc hết

việc gia đình, con cái cho vợ, thậm chí không sắp xếp thì giờ chăm sóc con cái.

— Tổ chức xuống đường ủng hộ phong trào diệt tham nhũng của linh mục Thanh ở một thời điểm tế nhị mà không đo lường về tác động gây suy giảm hiệu quả nỗ lực chiến đấu chống cộng sản.

Bên cạnh các khuyết điểm đáng tiếc đó, tôi ghi nhận ít nhất có 4 việc làm cho đến giờ này tôi vẫn hãnh diện:

1- Thành lập Quảng Ngãi Nghĩa thực, một trung tâm giáo dục không học phí dành cho học sinh nghèo, vô tiền khoáng hậu ở Việt Nam với trên ba ngàn học sinh mỗi năm và trên một trăm giáo sư dạy không lãnh phụ cấp.

2- Quyết liệt chống cộng sản một cách dứt khoát, không khoan nhượng, can đảm nhận lãnh hết trách nhiệm. Chống bằng phương pháp giáo dục trở thành con người yêu nước, yêu dân tộc hướng tới một đời sống trí thức văn minh trong xã hội tự do dân chủ. (QNNT làm thí điểm). Chống bằng phương pháp tích cực lo cho người nghèo, tư hữu hóa người vô sản, tạo cuộc sống xã hội công bình không quá chênh lệch nghèo giàu (thí điểm trong chiến dịch Về Làng và thí điểm kiểu mẫu tại làng Đức Hải thuộc quận Mộ Đức, Quảng Ngãi.). Chống bằng phương pháp “bảo vệ quốc gia”, đứng ngoài sự ràng buộc sự bực nhược của pháp luật đương thời, thẳng tay tiêu diệt cộng sản phá hoại, khủng bố.

3- Quyết liệt diệt trừ tham nhũng với khẩu định **chỉ có Tự Do Dân Chủ thực sự mới diệt được tham nhũng**. Các chánh quyền độc tài, quân phiệt, bắt lực, thối nát... không bao giờ diệt nổi mà còn gây ra tham nhũng. Trước các chánh quyền như vậy, chỉ có dân chúng đứng lên mới diệt được tham nhũng. Đã phát động phong trào dân chúng Quảng Ngãi đứng lên diệt tham nhũng, mặc dù sau đó bị chánh quyền tham nhũng ở trung ương đập tắt, nhưng vẫn tạo cho dân chúng một niềm tin ở chánh thể quốc gia và chặn đứng phần nào sự phát triển tham nhũng.

4- Biết miền Trung đang lọt vào tay cộng sản (mất Cao Nguyên, mất Huế, sắp mất Đà Nẵng) vẫn bằng mọi giá trở về Quảng Ngãi vì gia đình, vì anh em cùng chí hướng xây dựng QNNT. Một quyết định đi vào cõi chết và đã dắt tôi vào ngục tù nhưng giả dụ cần làm lại tôi vẫn không thay đổi vì tình nghĩa với gia đình, với bằng hữu.

Thuở ấy đồng bào Quảng Ngãi gọi tôi là “*Người dám nói dám làm*” chắc chắn do các việc kể trên và tôi luôn hãnh diện, thích thú với nhận xét đầy thân thương này.

Giai đoạn thứ ba cũng là giai đoạn cuối đời bắt đầu từ ngày tôi vượt biên tháng 4-1985. Sống lưu vong ở Mỹ, tôi làm việc tích cực để lo cho vợ con hầu bù lại những ngày bỏ phế gia đình. Mục đích này kể như đạt xong.

Đầu năm 1992, khi vợ tôi cùng hai đứa con nhỏ tới Mỹ, gia đình tôi thực sự đoàn tụ sau nhiều năm ly tán. Năm năm sau đó, tháng 8-1997, tôi mua được nhà, chấm dứt mười một năm ở nhà thuê. Nơi tôi ở rất thích hợp với người muốn sống những tháng năm thừa với cây cỏ. Chiều chiều nằm trên chiếc võng ở sân sau nhìn những đàn vịt trời bay qua, tôi sống lại cảnh đồng ruộng làng Long Phụng thuở thiếu thời. Vợ tôi mê trồng bông, trồng cây, chăm sóc vườn nên quanh nhà có hoa lá bốn mùa. Hai người bạn trẻ Lữ Đình Bông, Võ Thanh Văn cùng tôi tạo một chỗ ở vườn sau để họp mặt cùng trà rượu mà tôi lạm danh gọi là Côn Sơn.⁽⁹¹⁾ Tôi viết những dòng này ở nơi đó. Chỗ tôi ở cũng rất thuận tiện để hàng ngày tập thể dục theo kiểu thiên nhiên vì chỉ ra khỏi nhà, vòng về phía sau là cả một vùng núi rừng gần như hoang vu chờ đón, nhiều khi suốt mấy dặm đường không một bóng người. Tôi rất thích cảnh vắng vẻ im lặng này. Nhưng thành thực mà nói, tôi vui nhiều hơn trước bước đi vững chắc của các con trên đường học vấn và đường đời. Hai đứa con trai vào được trường Harvard, trở thành hai bác sĩ y khoa, ba con gái có bằng kỹ sư và tất cả đều thành gia thất.

Tôi vẫn nhớ đã mở tiệc mừng khi đứa con trai lớn, Hoà Bình, được trường Havard thu nhận. dịp đó, tôi biết thêm một nét sinh hoạt tại Mỹ khi theo lời Lê đề nghị: “*Mua con dê về em nấu đãi tiệc vừa ngon vừa lạ chứ thịt bò thì thường quá*”. Lê là người bạn trẻ share phòng với tôi. Chúng tôi vào một nông trại ở Gilroy cách nơi chúng tôi chừng ba chục miles. Nơi đó cũng là chỗ làm heo, làm bò. Người quản lý da ngăm đen như người Ấn Độ dẫn chúng tôi ra chuồng dê ngoài trời xung quanh bao lưới kẽm. Bầy dê vài trăm con đủ cỡ, đủ màu, trắng, đen, vàng, loang

⁽⁹¹⁾ Nơi ở khi về già của Nguyễn Trãi.

lở. Chúng tôi không biết lựa thế nào, chỉ đại con dê màu vàng có vẻ còn non và mập khỏe. Người quản lý rút đoạn dây cuộn gọn đất vào nịt bên hông, nắm một đầu, đầu kia là cái thông lọng và y như trong phim cowboy, liệng một đầu dây tròng vào đầu con ngựa hoang. Ông kéo con dê vào căn nhà bên cạnh, cột vào cây trụ giữa nhà, cầm súng chĩa ngay trán nó. Một phát nổ dòn nhỏ, con dê quỵ xuống. Nhúng vào chảo nước đang sôi, cột hai chân sau, xác con dê treo lên cây cột, tuột lông mổ ruột. Tất cả phần trong con dê ném vào thùng rác đặt bên cạnh. Không đầy 5 phút hoàn tất hết những điều tôi vừa kể. Con dê sạch sẽ bỏ vào cái bao, chúng tôi trả tiền chở về nhà. Lê làm đầu bếp có hai con gái tôi và cô bạn học người Lào, phụ bếp.

Bữa tiệc đó là dịp cho tôi được sống lại cảnh ngộ giữa những người bạn thân thiết từ thuở nào:

- Tôn Thất Trung Nghĩa, bạn thân với tôi và Tạ Ký thường cùng uống rượu ở chợ Đũi trước 1975. Nghĩa đậu tiến sĩ luật ở Sài Gòn, dạy trường luật, vượt biên qua Mỹ, học lại đậu kỹ sư điện tử, vừa làm cho hãng điện tử vừa học Ph.D, và qua đời vì ung thư máu lúc 52 tuổi. Năm tôi mới ra tù, Nghĩa có gửi cho tôi một thùng quà vô cùng giá trị vì chúng tôi đang đói khổ. Tôi qua Mỹ, Nghĩa thường lên chỗ tôi, khuyến khích và dạy calculus cho con tôi. Nghĩa chết tôi đau đớn vô cùng.

- Phạm Huệ, người tích cực giúp đỡ tôi trong thời gian đầu ở Mỹ. Huệ quen thân với tôi từ trước 1954 lúc còn học trường làng, tôi coi Huệ như đứa em thân thương.

- Lê Sử, bạn thuộc loại thân nhất của tôi, từ lúc còn học trường làng. Một người kiên trì vượt biên mấy chục lần, bị bắt, bị tù nhiều năm. Sử rất ít nói, hiện sống cảnh Lão Trang tại nhà, vui với hoa lá, ít tiếp xúc.

- Trí Đăng, quen thân với Ký, Nghĩa và tôi, tuy không phải bạn rượu. Anh là người giúp đỡ QNNT rất nhiều và hiện là một thương gia thành đạt ở Mỹ.

Ngoài những bạn xưa đó còn có Lê Quang Bích, anh chị Tony Dinh, Nguyễn Lợi em anh Trí Đăng, anh chị Lê Văn Thất, bạn cùng làm việc với tôi, Lê Quang Chường bạn lúc học Lê Khiết, Nguyễn Liêm, cháu gọi tôi bằng chú ruột cùng Lương Đông Phong, Lê Tuấn Đĩnh, Lê Tuấn Đông, Lê Tuấn Đường, Lê Tuấn Đoài, Bùi Ngọc Quang, Bùi Ngọc Tiến, các cháu gọi tôi bằng cậu ruột.

Niềm vui lớn hơn đến với gia đình chúng tôi vào tháng 6-1994, khi Hoà Bình hoàn tất việc học. Dịp này, vợ chồng tôi cùng Thanh Tân, Thanh Hà, Kim Sơn qua miền Đông, đến trường Harvard ở Cambridge dự lễ tốt nghiệp của Hoà Bình.

Chuẩn bị từ mấy tháng trước, Bình xin trường dành cho một phòng rộng gần như một cái nhà, có bếp, cầu tiêu, buồng tắm để chúng tôi ở đó một tuần. Mấy chục ngàn người đến dự, phần đông ở xa, lại thêm mỗi kỳ tốt nghiệp trường đều có cựu sinh viên Harvard, cứ mười năm hay năm năm trở về dự lễ. Vì thế, số người quá đông khách sạn không còn phòng trống, không còn một chiếc xe để thuê. Phố xá chật người đi lại, các cửa hàng bán đồ kỷ niệm của nhà trường chen chúc khách, quán xá phải chờ hàng giờ mới có bàn ăn. Sắp hàng từ 4 giờ sáng rông rảnh mãi đến quá 8 giờ mới qua được cửa để vào khu làm lễ là một khu rộng mênh mông, cây cối um tùm, có thành cao bao quanh, có nhiều cửa ra vào. Xe cộ bị cấm vào khu nhà trường trong các ngày lễ này nên gần như một thành phố, một khu đại học toàn đi bộ. Rất nhiều người mặc lễ phục và tùy theo bằng cấp có những tua vải màu, những viền áo khác nhau. Cả một thế giới trí thức, khoa bảng, lẫn lộn với thân nhân hân hoan chen chúc vào khu hành lễ mãn khóa, lễ đánh dấu một số người đã thành công trong việc học.

Trong một vùng rất rộng dưới tàng cây um tùm, ghé ngồi ngang dọc sắp khắp chỗ. Ngoài các lối đi chỉ toàn là ghé dựa. Với con mắt janitor, tôi nhắm tính phải bao nhiêu người, bao nhiêu lâu, mới sắp nổi hàng hà sa số ghế này, nhất là sau buổi lễ, phải mất bao lâu mới dọn sạch toàn khu vực. Sau đó, tôi mới biết hàng năm gần nghỉ hè, gần ngày lễ phát bằng, nhà trường niêm yết cần một số đông sinh viên trả công rất cao, làm tạp dịch mười lăm ngày. Những sinh viên nghèo, chưa làm ra tiền, thường ghi tên nhận làm kiếm thêm tiền xài. Khán đài thật cao, rộng, có mái che, trang hoàng bằng những lá cờ treo dọc như liễn đối ở Đông phương. Những lá cờ của các phân khoa, vì tất cả các phân khoa đều kéo về đây làm lễ trước khi về từng phân khoa để chính thức nhận văn bằng.

Ít ngày sau khi mãn khóa, Bình điện thoại báo đã xin đi Peace Corps, hỏi tôi nghĩ sao. Tôi vừa xúc động vừa bối rối. Bình bảo nó sẽ chọn tới một nước nào đó ở Phi châu. Về thời gian và công việc, nó bảo đi hai năm nhưng kể như mất ba năm

rồi về học tiếp hay đi làm, sẽ tính sau.

Theo nội qui, làm thiện nguyện không có lương chỉ được Hội lo cho ăn và cho tiền hớt tóc. Hội cũng lo vé cho chuyến máy bay đi và chuyến về khi hết hạn. Khi hết hạn, tức sau hai năm, Hội tặng bốn ngàn đô la. Công việc là đến vùng nào nghèo khổ nhất, giúp đỡ dân tại đó, tuyệt đối không có việc tại các vùng đông dân giàu có hay các thành phố, các thị trấn.

Tôi nhớ lại những ngày cơ cực mà Bình phải trải nên buồn buồn nói: *“Tùy con, con làm thiện nguyện làm sao ba lại cản. Ba chỉ thấy như không ổn, khi nhớ lại con quá khổ từ lúc hai, ba tuổi vì gặp cảnh mất nước, rồi đến Mỹ con vẫn khổ vì ba làm ít tiền quá, mình cứ dành dụm, nín nhịn để gửi về Việt Nam cho mẹ nuôi chị em con. Ba biết khi lên học Harvard, con phải đi bỏ báo, có lúc làm janitor để kiếm tiền chi phí hàng tháng do tiền grant không đủ và con cố không xài tiền của ba để ba lo cho gia đình ở Việt Nam, nghĩa là con vẫn tiếp tục khổ. Nay rời trường, dù có tiếp tục đi học thêm, đại đa số đều đi tìm Job để bù lại những ngày cực khổ, riêng con lại xin làm thiện nguyện để chịu cực suốt hai năm nữa. Ba rất hãnh diện và phục con nhưng thấy con hi sinh quá nhiều, tội nghiệp cho con.”*

Bình nói là nó may mắn khỏi chết đói dưới thời cộng sản, may mắn vượt biên thành công, rồi lại may mắn vào học tại Harvard nên nó không thể quên những đứa nhỏ như nó thuở nào đang sống khổ sở ở Phi châu và thấy cần phải bỏ chút ít thì giờ để giúp đỡ. Nó bảo vì Việt Nam là nước cộng sản không có chương trình Peace Corps, nếu có thì nó đã xin về Việt Nam, vì dù sao, giúp cho đồng bào mình vẫn hơn. Lý lẽ của con khiến tôi cảm động, nhưng thương con nên tôi vẫn hỏi *“Sao con không chờ hoàn tất việc học hoặc đợi khi tạo được cuộc sống tương đối vững vàng rồi hãy đi, đâu có muộn màng gì?”*

Bình trả lời như đã suy nghĩ kỹ về chọn lựa của nó *“Con thường nghe ba nói và con cũng cảm thấy như vậy, là càng lớn tuổi, càng giàu có, càng học cao, con người càng dè dặt, nhiều khi nhút nhát. Vì thế, con đi đại chứ chờ sau này có gia đình rồi chắc gì vợ nó vui lòng cho mình làm những việc như vậy. Con vẫn phục mẹ con khi nghe nói trước kia ba cả ngày lo QNNT không biết gì tới việc nhà, mà lúc nào mẹ cũng vui vẻ không gây trở ngại việc làm của ba, trái lại còn lo lắng giúp đỡ ba rất nhiều. Chắc gì vợ con sau này được như vậy nên con thấy lúc này là*

thuận tiện cho con làm theo ý mình.”

Tôi hết lý lẽ nên hỏi thêm một câu rất tầm thường “*Đi làm thiện nguyện cực khổ lâu như vậy có quyền lợi, có ưu tiên gì không?*” Con tôi trả lời trong tiếng cười: “*Tài liệu nói rõ không có quyền lợi, ưu tiên gì. Peace Corps độc lập với chính quyền. Làm xong hai năm chỉ nhận được bốn ngàn đô để sống trong lúc tìm Job mới. Thế thôi! Nhưng bọn con có cần ưu tiên gì đâu. Ba cứ yên tâm. Con hứa không lúc nào con ngưng việc học. Con rất thích thú và hãnh diện về Harvard vì trường cố đào tạo những con người luôn đem hiểu biết của mình ra giúp người nghèo khổ, thất thế.”*

Rồi tôi đưa con lên máy bay ở San Francisco.

Khi nó bước lên máy bay, tôi không cầm được nước mắt. Bình đến Gabon một nước ở châu Phi. Sau hai năm trở về, nó tiếp tục học, lần này không học toán mà học thuốc và hiện là bác sĩ nội khoa tại bệnh viện Baltimore, tiểu bang Maryland.

Đưa con út của tôi cũng nổi bước anh.

Kim Sơn vào Harvard dễ dàng, vì nó xuất sắc thực sự. Đặc điểm của nó là luôn bình thản. Cam Duy Lễ, bạn tôi giáo sư lâu năm ở trường Petrus Ký, Sài Gòn viết thư cho tôi có đoạn: “... *thằng Kim Sơn nó bình thản một cách lạ lùng, suốt đời dạy học, tao chưa bao giờ gặp thằng học trò kỳ lạ như vậy. Gặp bài toán khó, tao hỏi ai làm được, đứa nào cũng dơ tay dành lên làm, duy có Kim Sơn im lặng không dơ tay. Khi gặp bài toán khó quá, không đứa nào giải được, tao mới hỏi: “Kim Sơn làm được không?”, nó trả lời rất bình thản: “Dạ, làm được!” rồi nó lên bảng giải bài toán khó đó, nếu tao không kêu tên thì nó vẫn làm thình.”*

Mới bảy tuổi mẹ nó chở đến trường học Anh văn. Thấy nó nhỏ quá, văn phòng hỏi thằng nhỏ biết chữ không, nhưng rồi nó không bao giờ đóng học phí vì luôn nhất lớp.

Đến Mỹ, nó được học bổng của trường Stanford dành cho học sinh có năng khiếu toán, nó học trung học tư Bellarmine khỏi đóng học phí và vẫn có thì giờ đá bóng, học võ, trượt tuyết... và yêu. Nó mất khá nhiều thì giờ về vấn đề bạn gái. Quả là luật bù trừ, nếu không thì nó giỏi cỡ nào. Nhiều khi tôi phàn nàn, mẹ nó trả đũa: “*Cha nào con nấy, giống y như anh*”. Như bị thảng hơi, tôi đứng miệng.

Kim Sơn sinh ra trong lúc quá đói khổ, nhà không có gạo

ăn. Đến sáu tuổi nó cũng chưa biết sữa bò là gì. Có lẽ vì là út và quá đói khổ nên mẹ nó cứng vô cùng, như đội trên đầu. Khi còn ở Việt Nam, nó như cái đuôi của mẹ, thấy mẹ nó là có nó và thấy nó là có mẹ nó. Xe lửa chạy ra Quảng Ngãi có mẹ có con, xe lửa chạy vào Sài Gòn có con có mẹ. Vì cứng quá nên ảnh hưởng đến ngôn ngữ, đến giọng nói lè nhè làm nũng của nó. Bây giờ vẫn vậy, mỗi khi nói chuyện với mẹ nó lè nhè như trẻ con đến nỗi tôi bảo nó lè nhè như “*Bố già*” phim *God Father*. Tôi thích thú so sánh này vì lúc nhỏ tôi rất mê tài tử Marlon Brando.

Tuy sinh ra trong lúc cực kỳ đói, nhưng lớn lên Kim Sơn không oán hận thời đói khổ, cũng không oán hận giai cấp tư bản giàu có. Nó thích sung sướng, thích tiện nghi, ưa ăn tiem, ưa mặc đồ đẹp, đi xe sang, nhà cửa lớn. Tôi thấy tính đó cũng hay hay nên thường nói đùa con có mạng “*đế vương*” và bảo nó xứng đáng ở Mỹ là nơi đầy đủ tiện nghi. Nó thương người nghèo với cái nhìn của người sung sướng muốn người nghèo khổ cũng được sung sướng, khác biệt với Hòa Bình, anh nó, xót xa cảnh nghèo khổ vì mới ba tuổi đã phải chịu đói khát, sáu tuổi phải đi mò cua bắt cá, đi lượm phân bò. Hòa Bình có thể là đứa con duy nhất, tại Mỹ, thích mặc bính áo quần của cha. Tôi vốn không quan tâm tới hình thức nên áo quần của tôi không biết tả như thế nào, vậy mà nó thích mặc đồ của tôi, dù rộng thùng thình. Đó là một điểm rất dễ thương với tôi. Bình không thích ăn quán, ăn sao cũng được miễn đừng có nước mắm. Tôi nói với nó, không ăn được nước mắm là thiệt thòi lớn, vì theo tôi, người ngoại quốc khó tìm nổi cảm giác khoái khẩu đối với các thứ nước chấm của họ như người Việt Nam đối với các loại mắm — mắm tôm, mắm tép, mắm ruốc, mắm sò, mắm cá cơm, mắm cá nục, mắm cá ngừ, mắm cá lóc, mắm mực, mắm sặc, mắm linh.... cả trăm thứ. Người Việt Nam nghe kể các loại mắm khó tránh nuốt nước miếng ực ực trong khi người các nước khác còn khuya mới có cảm giác đó. Bình luôn lo cho cha mẹ, chị em và rất tiết kiệm. Năm nó lên học Harvard, muốn tôi dành tiền gửi về gia đình ở Việt Nam nên nói dối nó đầy đủ. Thật ra nó phải đi làm thêm như bỏ báo, làm janitor hoặc làm thư viện. Tôi rất hối hận về điểm này vì để cho thằng nhỏ học đã mệt mà còn phải làm thêm. Rút kinh nghiệm đó, lúc Kim Sơn vào Harvard, tôi dặn kỹ đừng làm gì hết chỉ lo học và tôi sẽ gửi tiền cho nó. Tôi nói “*Đồng tiền của ba mẹ có ý nghĩa nhất là giúp cho con ăn học,*

con đừng bao giờ để tiền chi phối hoặc gây trở ngại việc học". Vì thằng nhỏ xài tiền ngọt nên dù có tiền grant, tiền vay (loan) của nhà trường, tiền học bổng của Bill Gate, nhưng vẫn thiếu.

Nhiều lúc thấy Bình bình vực người nghèo hơi quá đáng, tôi bảo nếu nó sinh ở thế kỷ trước chắc nó mê Karl Marx rồi. Trái lại, tuy trước năm 1975 mới hai tuổi mà nó hận cộng sản như thế hệ chúng tôi. Có lần tại Harvard, Thích Nhất Hạnh nói chuyện, nghe ông đã kích chế độ miền Nam, nó phát biểu: *"Tuy chế độ miền Nam chưa hoàn hảo, nhưng ít nhất cũng có tự do để cho Nhất Hạnh sống và đã kích, chứ nếu Nhất Hạnh ở miền Bắc thì đâu có quyền sống và đã kích như ông thường làm"*.

Trong khi đó, Kim Sơn không bận tâm tới cuộc chiến trước 1975, dù nó không đứng trước sự đói khổ và thất học của trẻ em nghèo ở Việt Nam. Nó cùng một số bạn thành lập hội từ thiện lấy tên *VietHope*, từ bốn năm qua giúp làm trường học, thư viện ở các vùng quê Việt Nam, cấp học bổng cho một số học sinh và sinh viên nghèo. Ngoài ra, nó thường theo phái đoàn y khoa trường Harvard về Việt Nam giúp đỡ ngừa phòng bệnh AIDS, bệnh viêm gan B. Nó bảo cần đóng góp bằng việc làm cho Việt Nam khá hơn về mọi mặt, nhất là về văn hóa và kinh tế.

Tôi rất phấn khởi trước việc làm này của đám trẻ, dù với riêng tôi, giả sử — một giả sử không bao giờ có — đảng cộng sản có đem lại hạnh phúc, đem lại phú cường cho dân tộc, tôi vẫn không bao giờ thỏa hiệp với cộng sản. Từ 17 tuổi đến bây giờ gần hết cuộc đời, tôi luôn thấy cộng sản đã đưa nhân loại vào chỗ điêu linh. Trên thực tế, đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay tuy giữ danh xưng cộng sản, nhưng không còn mơ thực hiện chủ nghĩa cộng sản nữa. Sau khi khối cộng sản Đông Âu và Liên Bang Xô Viết sụp đổ, Đặng Tiểu Bình chủ trương củng cố chính quyền bằng cái giá đi ngược đường lối Mácxit, nhưng vẫn vì quyền lợi cá nhân và bè nhóm duy trì cách cai trị của cộng sản, bóp chết tự do và mọi quyền sống của con người. Họ Đặng không thể bác bỏ quyền tự hữu tự nhiên nhưng cố giữ chế độ độc tôn đảng trị. Bằng mọi giá để được tồn tại, Đặng Tiểu Bình từng phát biểu *"Mèo đen mèo trắng gì cũng được, miễn bắt được chuột"*. Một lời phát biểu mơ hồ có thể giải thích mọi cách kể cả là làm gì cũng được miễn nắm vững chánh quyền. Nói khác đi, các tập đoàn cộng sản vào lúc bị buộc phải biến hình vẫn là các tập đoàn xảo trá, tàn ác theo đuổi tham vọng bè phái

bất kể gây ra hậu quả bi thảm nào cho người dân. Kiểu biến hình đó đang hiện hữu tại Việt Nam vì với đảng cộng sản Việt Nam, Trung Quốc bao giờ cũng là tấm gương sáng để noi theo.

Quan điểm của tôi chắc không xa với số đông từng trực tiếp tham gia cuộc chiến chống cộng sản là những người chủ trương không bao giờ thỏa hiệp với cộng sản.

Tuy nhiên, thực tế cuộc sống không bao giờ dừng lại vì phải diễn biến theo tiến trình sinh hoá, đồng thời, vai trò chủ yếu trực tiếp trách nhiệm với cuộc sống cũng theo dòng thời gian chuyển giao từ thế hệ này qua thế hệ khác. Cụ thể là vận mạng Việt Nam lúc này đang đặt trên vai lớp người lớn lên hoặc sinh trưởng sau 1975 và vấn đề lớn nhất là phải đấu tranh giành lại cho dân tộc Việt Nam mọi quyền tự do căn bản để có điều kiện xây dựng cuộc sống hợp nguyện vọng của con người.

Giai đoạn tranh hùng bằng súng đạn với đường ranh ý hệ đã lui vào dĩ vãng, vì chủ nghĩa cộng sản đã thực sự bị loại trừ, sau khi được nhận diện chỉ là nguồn cội tội ác chống lại nhân loại. Chính quyền Việt Nam hiện nay dù cố choàng bộ áo đổi mới để tự tuyên dương mục tiêu vì nước vì dân vẫn không giấu nổi chân tướng một tập thể theo đuổi các tham vọng phản dân hại nước. Chính quyền này chỉ kéo dài màn kịch giả hiệu yêu nước từ hơn 60 năm trước và đang diễn thêm cả màn kịch giả hiệu cộng sản.

Do đó, cuộc đấu tranh mà lớp trẻ Việt Nam phải theo đuổi hiện nay không còn nằm trong giới hạn đối đầu bạo lực vì ý hệ nữa. Trên thực tế, cuộc đấu tranh sẽ diễn ra trên vô số mặt trận giữa toàn thể dân tộc bị đày đoạ trong tối tăm, ngột ngạt chống lại tập đoàn bạo quyền, áp bức.

Tôi không dám chỉ vẽ một phương cách đấu tranh mà chỉ khẳng định không thể chấp nhận một chính quyền phản dân hại nước dù mang danh xưng nào và không thể bỏ quên bất kỳ mặt trận nào từ kinh tế, xã hội, đến văn hoá, chính trị trong nỗ lực triệt hạ kẻ thù. Tranh thắng ra sao trên từng mặt trận là điều ngoài hiểu biết của tôi. Tôi chỉ thấy những công tác xã hội, những hỗ trợ kinh tế, văn hoá, giáo dục... đều có thể góp phần tích cực vào ý hướng đòi hỏi cho dân tộc. Cho nên, tôi nghĩ cần khích lệ lớp trẻ Việt Nam dù ở nơi đâu luôn nghĩ đến vai trò chủ yếu của mình trong cuộc đấu tranh đem lại Tự Do cho dân tộc và tham gia bất kỳ lãnh vực nào thích hợp với tinh thần tích cực

tối đa. Tôi đã nghĩ thế khi nhìn về tổ chức *VietHope* của đám sinh viên Harvard trong đó có đứa con út của tôi.

Kim Sơn tốt nghiệp năm 2007.

Tháng 6 vừa rồi, gia đình chúng tôi đi Boston dự lễ tại trường thuộc Harvard. Bốn năm trước chúng tôi cũng đến nơi này dự lễ ra trường của Sơn và lần này Sơn ra trường thuộc và trường chánh trị Kennedy cũng thuộc viện đại học Harvard.

Hai tháng trước đó, tháng 4-2007, Sơn cưới vợ.

Việc cưới vợ của Kim Sơn làm cho tôi khá xúc động, và hai ý trái ngược ray rứt tôi. Trước hết, tôi mừng thấy đứa con trai út thành gia thất, nhất là cảnh “cha già con muộn”. Năm mươi tuổi, tôi mới có đứa con út này và cuộc đời đời đời khổ, cực nhọc, nguy hiểm mà tôi phải trải khiến khó dám nghĩ tới còn sống để chứng kiến đứa con sinh sau đẻ muộn thành gia thất. Vậy mà tôi vẫn được chứng kiến đám cưới vợ của đứa con út.

Trời quả đã ban cho tôi một may mắn cực lớn và tôi đã hứng khởi mời bạn bè “*Hãy cùng ta chung cạn một hồ trường tại Nhà Hàng Dynasty số 10123 đường Wolfe # 1688, Cupertino, California từ 6 giờ chiều đến nửa đêm ngày 7 tháng 4 năm 2007. Chúng ta tìm lại cảm giác của những đêm “tắm rượu” ngày xưa ở quê nhà chúng ta. Bạn đừng câu nệ, đừng lễ nghi gì hết, “chúng ta hãy cùng nhau chung một hồ trường”. Bởi vì sự hiện diện của bạn là một lễ nghi cao quý, là một món quà vô giá, là lời chúc tụng tuyệt đẹp*”.

Những lời tâm huyết trên là thiệp mời mà tôi đã viết.

Nhưng, tôi vẫn như lo lo tiếc tiếc, bởi với thời đại này con tôi có vợ hơi sớm. Tôi sợ rồi đây “thê thẳng tử phục” — vợ bù con riu — cuộc đời nó sẽ trở nên tầm thường “*Trời chân Kỳ Kỳ tra vào rọ*” hoặc nói như Tạ Ký “*Rồi áo cơm thay thế mộng giang hồ*”. Vợ chồng tôi lo vậy, nhưng đành tin vào mệnh số.

Việc có vợ có chồng của các con tôi do chúng tự quyết định, chúng tôi chỉ “chạy theo” mà thôi. Có lần tôi đã tìm một định nghĩa khá hài hước “*làm sui là không làm gì hết*”. Tôi nhớ khi tôi có vợ cũng vậy.

Tuy nhiên có một điều khác là tôi không dám trực tiếp thưa với cha mẹ cái câu “*con muốn có vợ*”. Tôi tự cho là loại “*sạn trên đầu*” thế mà phải nhờ anh Thiệu đến nói với cha mẹ tôi về việc tôi định làm lễ cưới.

Các con tôi hoàn toàn khác.

“Ba mẹ, con có chồng”.

Đưa con gái lớn nói với chúng tôi trong sự bẽn lễn xúc động. Tôi hỏi: *“Có chồng có trở ngại việc học tiếp nữa không?”*. Con tôi bình tĩnh trả lời: *“Con nghĩ không trở ngại đâu, ba. Anh Trung hứa không cản trở việc học của con”*.

Vậy là tổ chức đám hỏi rồi đám cưới năm 1997.

Con gái đầu của tôi tên Nguyễn Thị Hòa Đàm và tên công dân Hoa Kỳ là Sylvia. Sở dĩ đặt tên Hòa Đàm vì lúc đó bắt đầu có cuộc hội đàm ở Paris thủ đô nước Pháp.

Hòa Đàm sinh sau Tết Mậu thân, năm 1968. Vừa học xong lớp 1 thì miền Nam Việt Nam lọt vào tay cộng sản. Đổi hẳn một cuộc đời. Một buổi đi học, ngoài ra phải chịu toàn bổn phận “chị cả” vì mẹ phải đi bán chuối ngoài chợ. Bổn phận bao gồm bán thuốc lá lẻ để trước nhà, coi chừng em, dọn dẹp khi em ỉa đái và nấu cơm, cho em ăn — những việc không dành cho tuổi lên 7. Khi nhà tôi bị tịch thu, vợ con tôi bị đuổi ra đường, Hoà Đàm trở thành cô gái nông thôn lo đủ thứ việc trong nhà.

“Ba biết không, con theo đám con nít như con, để bắt cua. Lần đầu con sợ quá, không dám đưa tay xuống đụng con cua, vì hai cái càng nó giương lên, há ra như chờ sẵn để kẹp tay con, thành ra bữa đầu con về không có một con. Đi không về không. Rồi con bắt được những con cua nhỏ, dần dần con quen và cũng như bọn nó, con đi tìm cua, tìm hang cua mà bắt. Thấy con cua nằm trong hang mừng đến run đấy ba, phải bước đến nhẹ đừng để cái bóng của mình làm con cua giật mình thì nó đưa càng ra để cắn mình. Phải nhẹ nhàng và vừa tầm tay rồi thì nắm nhanh trọn con cua trong bàn tay để nó không thể cử động hai cái càng, rồi bỏ vào giỏ mang theo. Có khi bề càng, nhưng thường con để nguyên đem về nhà. Ban đầu con dẫu ngoại, dẫu mẹ, nhưng sau bà ngoại cũng không la, cho con đi bắt cua.”

Đi “thăm nuôi” tôi, con tôi kể việc bắt cua một cách vui vẻ nhưng nước mắt tôi chảy, lòng tôi đau nhói. Những ngày tôi ở tù, Hoà Đàm thường theo mẹ lên núi thăm tôi. Nó lủi thủi đi trước, đội chồng bánh trắng. Khi tôi ra tù, vợ tôi kể lại Hoà Đàm ẵm em đến nỗi cái hông của nó da sần lên như có sẹo. Nhưng nó luôn nói với mẹ là em không khóc để mẹ nó yên tâm đi kiếm gạo về nuôi gia đình. Nghe những tin như vậy, tôi hết sức ray rứt về sự thiếu trách nhiệm với gia đình, với con cái. Cũng may con

tôi chưa bị chết đói. Nhớ năm nó học lớp một trước năm 1975, bị ông hiệu trưởng trường tiểu học Tư Chánh, tên Quang thì thường vì vào đảng chánh quyền, đánh nó một bạt tai, con nhỏ khóc rống té đái trong quần.⁽⁹²⁾ Tôi chưa bao giờ la rầy hay đánh con nhưng có một lần lúc Hòa Đàm 6 tuổi khóc lẹ nhẹ bảo nín không nín, tôi đập tay xuống bàn. Không ngờ nó khóc to hơn và té đái trong quần. Trong tù nhớ con, tôi rất hối hận sao làm cho con sợ tới mức đó. Khi tôi ra tù, Cảnh - Hạnh vào Sài Gòn thăm. Tôi bảo Cảnh tả tỉ mỉ về đứa con gái lớn cho tôi hình dung nó như thế nào.

Khi tôi vượt biên rồi, Hòa Đàm quyết tâm vượt biên và thuộc hạng vượt biên kiên trì bền bỉ nhất, đi gần hai chục lần mới được. Qua tuổi học High School phải lên học Community College chơi với về ngôn ngữ nhưng rồi cũng xong và nhờ thông minh nên được vào UCLA (University California of Los Angeles). Lần đầu con nhỏ đến trường đại học lớn khiến tôi lo lắng nên tôi nhờ Lê Tuấn Đoài, cháu gọi tôi bằng cậu ruột lên phi trường đón nó, đưa về ký túc xá của trường. Tôi xúc động mãi với chi tiết Đoài đưa Hòa Đàm lên lầu 8 rồi về nhưng một lúc sau lại trở lại để chỉ dặn "*khóa cửa cẩn thận*" vì thấy con tôi quá bé bỏng, xa lạ trong thế giới sinh viên có vẻ hỗn tạp ở những ngày đầu.

Hòa Đàm học BS toán, nhưng khi ra trường gặp lúc kỹ nghệ điện tử lên cao để tìm việc làm nên quay trở lại học BS điện tử Software và hiện làm nghề này.

Tuy học toán nhưng nó có khiếu văn thơ. Tôi ngạc nhiên một cách lý thú khi nghe Hoà Đàm đọc một số bài thơ của "*Bác Tạ Ký*", của "*Chú Minh*" và cũng biết làm thơ.

Phạm Huệ thường nói với tôi: "*Anh nên khuyến khích con Hoà Đàm viết văn, tôi thấy nó ăn nói vui vẻ, cứ viết cái tự nhiên nó nói tức là văn rồi*". Có lần tôi đọc đâu đó bài thơ của nó và cười tới lộn ruột, vì nó có những câu thơ cũng nói về khói thuốc, về cà phê đắng, trong khi thấy ai hút thuốc là nó bỏ tránh xa.

Hòa Đàm có lẽ giống cô ruột tức chị cả của tôi, kể chuyện rất duyên dáng rất hấp dẫn. Mẹ nó nhiều khi la cưng nó: "*Con gái đừng nói nhiều, nhất là nói tiếu lâm*." Tôi không hiểu tại sao vợ tôi bảo con gái đừng nói tiếu lâm. Hòa Đàm xem tiền bạc rất nhẹ, rộng rãi đến nỗi mẹ nó bảo "*Con Đàm tào lao ai nói tham*

⁽⁹²⁾ Hình ảnh này thật sự tôi khó quên.

thảm là nó cho tiền không tiếc, nó khó mà dành dụm được”.

Khi nghe nó báo có chồng, tôi choáng váng, nhưng kịp trấn tĩnh và gắng chạy theo. *“Cha khôn là cha chạy theo con cái”.* Một nguyên tắc đơn giản nhưng có lẽ đáng được giải Nobel về tạo nên hạnh phúc. Chồng của Hòa Đàm là Lý Trung, người Việt gốc Hoa rất dễ thương, đẹp trai và khoái làm môn đệ Lão Trang, không cạnh tranh, không bon chen, lúc nào cũng dĩ hòa vi quý. Hai vợ chồng nó chứng minh rằng không phải giàu sang mới có hạnh phúc. Đặc biệt chúng nó có hai đứa con gái dễ thương, xuất sắc mọi mặt. Đứa lớn 7 tuổi tên Alicia, đứa nhỏ tên Claudia.

Kể tiếp, đứa con gái thứ hai, Thanh Tân có chồng là một tiến sĩ Toán. Nếu kể hết họ tên nó thì phải đọc là Nguyễn Hòa Thanh Tân. Cái tên văn vẻ này do cha tôi đặt cho cháu. Thanh Tân là bên trong. Tên công dân Hoa Kỳ là Francesca Thanh Tân Nguyễn. Vợ tôi bảo nó sinh thiếu tháng. Tôi đâu có biết vì năm đứa con có đứa nào tôi chứng kiến lúc sinh. Hồi nhỏ nó có hai đặc tính. Một là rất khó ăn, phải bồng đi khắp xóm, dỗ phỉnh, nộ dọa đóng kịch cho nó ăn, giỗi lằm nửa chén cháo. Hai là khóc dai trời sợ. Vợ tôi ra đi dạy nó lệ nhẹ, khi đi dạy xong về nó còn lệ nhẹ. Là đứa con gái có nhan sắc giống mẹ, nó cũng thông minh, học rất nhanh, nhưng hơi lười. Hình như nó theo đạo “trung dung” của thầy Khổng, không thái quá, không bất cập. Mừng vui thương ghét đều có tiết độ, ít nói và cũng ít bạn bè. Vợ chồng tôi thương nó có phần trội hơn vì nó không bao giờ cãi lại cha mẹ, kể cả khi tôi nói ngang như cua. Thanh Tân sống theo một triết lý giản dị thoải mái không tham vọng cao. Thanh Tân và Hoà Đàm đều là “boat people”. Tôi hỏi vượt biển sóng gió có sợ không, Thanh Tân bảo *“Con không thấy gì phải sợ. Ba, bốn ngày ngồi dưới ghe tù túng thật, nhưng gió mát, biển đẹp lắm, rồi ghé giàn khoan dầu, họ cho ăn súp, bánh biscuit và vào đảo Pidong ở Mã lai. Con còn nhỏ, họ cho học tiểu học, các cô giáo Mã Lai đẹp, dễ thương lắm ba, không như các cô giáo ở Sài Gòn. Họ thấy con nói được chút ít tiếng Anh, bảo con làm thông dịch, rồi qua Mỹ...”* Nó kể một cách giản dị và chắc chắn nó không thể là nhà làm phim, nhà thám hiểm, hoặc nhà viết tiểu thuyết, viết hồi ký về vượt biển. Khi nó mới qua Mỹ, tôi hỏi con có mơ mộng gì không và tôi ngạc nhiên nghe nó trả lời *“Không ba”*. Tôi khuyên nó học thuốc làm bác sĩ để có cuộc sống bảo đảm. Thanh Tân

không đồng ý bảo học thuốc mất nhiều thì giờ, mệt lắm, học kỹ sư cho khỏe. Nó học điện tử và làm cho các hãng điện tử. Cũng như chị, nó học ở UCLA và tại đây nó quen thân với một sinh viên tiến sĩ Toán rồi hai đứa làm đám cưới khi ra trường. Chồng Thanh Tân tên là Nguyễn Quang Đức lúc nào cũng vui vẻ, gương mặt rất sáng, biểu tỏ sự thông minh, tánh tình hòa nhã với mọi người. Thanh Tân có hai con trai, đứa đầu sáu tuổi tên là Brandon, đứa kế, năm tuổi tên Brian. Hai đứa nhỏ thật đẹp nên tôi nói sau này nên cho chúng học trường điện ảnh để đóng phim không nên theo thông lệ cứ hễ học là bác sĩ, là kỹ sư.

Đứa con gái thứ ba, Thanh Hà, có chồng ở Nam Cali. Nó cũng là con gái út tên Nguyễn Hoà Thanh Hà, sinh ra gặp lúc mất nước nên mới một tuổi đã chịu mọi thiệt thòi từ lúc. Về quê ngoại sống những ngày thiếu thốn, Hà luôn đau ốm. Qua nhiều trận bệnh, thiếu thuốc men nhưng Hà được bình thường nhờ sự chăm sóc của mẹ. Tuy thể xác ốm yếu nhưng Hà rất ham học. Chưa tới tuổi mà Hà đòi đi học và ngày đầu tiên đến trường hoàn toàn khác với hầu hết trẻ em đều khóc đòi mẹ không chịu vào lớp. Trong lớp nó tích cực tranh đua với các học sinh giỏi để được đứng đầu lớp mới vừa lòng. Nếu không đạt thì buồn bực và vì điểm này thường bị mẹ la sức yếu mà cố gắng quá mức rất có hại.

Hình như nó âm thầm theo hướng "*đời là một cuộc tranh đấu vĩ đại*" và mình phải bằng mọi giá đạt cho kỳ được. Lớn lên cũng vậy, Hà luôn luôn hướng thượng và tích cực phấn đấu để đạt thành tích cao nhất, khác hẳn với hai chị. Hoà Đàm lúc nào cũng vui vẻ yêu đời dù không thành công như ý muốn, lấy sự hài hước, lấy văn chương nghệ thuật, lấy gia đình, bạn bè, bà con, anh em làm vui cho cuộc sống, biết người biết ta nên dù có những lúc thua cuộc vẫn xem là điều đương nhiên, không bực bội không buồn chán. Thanh Tân thì ít nói, ít biểu lộ buồn vui, và gần như không có hận thù, không nuôi cao vọng, không nhiều mơ mộng, nhất là không cạnh tranh. Trái lại, Hà luôn lo âu, nhiều khi bực bội vì tính chất chiến sĩ trong cuộc đời. Đã thế lại do trực tính nên nhiều khi lời nói quá thẳng không làm người khác vừa lòng. Được thu nhận bởi đại học danh tiếng Berkeley, nhưng tôi cần, khuyên nên học David có phần nhẹ hơn, khỏe hơn. Hà vâng lời có vẻ buồn bã vì mất cơ hội tranh đấu trên đời.

Thấy hai chị bỏ con đường y khoa, Hà không chịu thua, tiến vào mặt trận này, nhưng lỡ dở do việc gia đình chồng con. Chồng tên Nguyễn Thới Vương có bằng kỹ sư, có sức khỏe và có ý chí làm giàu ở nước Mỹ. Vợ chồng tôi thường ước mong đưa con gái út này biết dựa vào triết lý Lão Trang, triết lý Thiên, để cuộc đời thoải mái hơn, vì có bao giờ con người hoàn toàn như ý muốn? Hiện Hà mới có một đứa con gái tên Felicity thật dễ thương nhưng vì ở Nam Cali mà chúng tôi ở Bắc Cali nên rất ít khi gặp trong các cuối tuần.

Nhìn lại các con và qua ba đứa con gái, tôi thấy ba cuộc đời, ba tính tình, ba triết lý sống khác nhau. May mắn là chúng được sống trong hòa bình, trong một xã hội văn minh, tôn trọng tự do, thực sự bảo vệ quyền sống của con người để có thể theo đuổi hướng sống của mình. Chúng không phải gánh chịu những gánh nặng của thể hệ chúng tôi, tám tuổi đã nghe tiếng bom đạn, phải biết nằm xuống để né tránh, biết đào hầm để ẩn núp hoặc phải thấy những người mới vài ba phút trước còn yêu đời, còn cười vui bỗng ngã xuống chết không toàn thân... Khi lớn lên thì phải tập luyện thông thạo kỹ thuật giết người để bảo vệ đời mình, bảo vệ tổ quốc, kéo dài nỗi lo sợ, hồi hộp, hận thù ... mất hết những hồn nhiên lý thú. Cuối cùng mọi giấc mơ đều tan vỡ vì thua cuộc, chịu cuộc đời tù ngục tù đầy... cho đến khi tìm lại được cuộc sống lại là sống cảnh lưu vong với những nỗi niềm khó diễn tả hết về đất nước quê hương xa cách nửa địa cầu...

Khi Hòa Bình, con trai lớn của tôi lập gia đình thì tôi có con dâu người Mỹ. Bố mẹ vợ nó là giáo sư đại học J. Hopkins. Chúng mới có một con trai đặt tên Thiên Ân, tên quả núi cũng là một thắng cảnh ở Quảng Ngãi quê tôi.

Thế là xong, nói theo kiểu nông dân Việt Nam, tôi chết có thể nhắm mắt được, vì đã trả hết nợ đời, tức con cái đã thành vợ thành chồng đầy đủ. Tôi bỗng khám phá ra con người từ lúc sinh ra, tức làm con, rồi làm học trò, làm thầy, làm rể, làm dâu, làm cha, làm mẹ, làm chánh quyền, làm chánh trị, làm đảng phái, làm lính, làm tù, làm người tị nạn, làm người lưu vong... rất nhiều thứ làm, nhưng chỉ riêng *làm sui* là không làm gì hết. Thật vậy làm sui là không làm gì hết. Nhưng dù không làm gì hết, tôi đã nhận được nguồn vui là có năm đứa cháu ngoại và một đứa cháu nội. Dù vậy, tôi vẫn không xóa được nỗi cảm giác tôi là người đã mất tất cả, vì tôi đã hoàn toàn thất bại, đã mất quê

hương. Tôi cũng không đổi nổi ý nghĩ là suốt khoảng thời gian từ sau khi đặt chân lên đất Mỹ, tôi chỉ có một ngày để ghi nhớ đậm đà là ngày 9 tháng 11 năm 1989.

MỘT NGÀY QUAN TRỌNG: PHÁ BỨC TƯỜNG BẮC LINH

Ngày 9 tháng 11 năm 1989, bức tường Bá Linh bị đập phá. Tôi nhớ đêm ấy coi qua TV, tôi tự hỏi thực hay mơ và tôi đã lặp lại nhiều lần câu tự hỏi này.

Bức tường thê thảm có tên bức tường ô nhục do Krushev xây vào tháng 6-1962 để ngăn người dân Đông Bá Linh lén chạy qua Tây Bá Linh và cũng để bịt mắt người dân trong xã hội cộng sản Đông Đức không cho nhìn thấy cuộc sống tự do ở Tây Đức.

Xây bức tường ô nhục này, phe cộng sản đã tự biểu lộ mức độ thua kém tệ hại của chủ nghĩa xã hội mà họ đang theo đuổi so với chủ trương dân chủ tự do trong việc xây dựng cuộc sống cho con người. Bức tường cũng là lời tự thú nỗi sợ hãi tình trạng lan tràn của làn sóng từ bỏ các vùng đất do cộng sản cai trị, đồng thời là bằng chứng cụ thể xác định chính sách kim kẹp bức chế người dân của mọi chính quyền cộng sản.

Dù bức tường là một chướng ngại lớn vẫn có không ít



người tìm mọi cách vượt qua. Một số thành công qua được vùng Tây Bá Linh, nhưng không ít người đã bỏ xác do những phát đạn tàn nhẫn của đám công an cộng sản canh gác bức tường. Suốt 27 năm, nhiều người đã chết quanh bức tường này

Ngày 9-11-1989, lực lượng công an cộng sản canh gác không suy giảm. Nhưng cái công cụ sắt máu đặc lực của chế độ cộng sản Đông Đức gần như đã biến thành những kẻ chết đứng trước cảnh tượng diễn ra. Một người, hai người rồi nhiều người ào tới ngang nhiên dùng búa đập phá bức tường. Những nhát búa nện xuống một dấu tích ô nhục đã mở ra một khung cửa trống với chân trời Tự Do ngay phía trước. Công an cộng sản canh gác được trang bị đầy mình nhưng không một tiếng súng.

Thái độ can trường dứt khoát của người dân Đông Đức đã đặt cái công cụ sắt máu này vào tình trạng tê liệt.

Ngay khi bức tường sụp đổ mở ra một khung cửa, cả đoàn người gồm đủ mọi thành phần nam, nữ, già, trẻ, lớn bé ồ ạt chạy tràn qua phần đất Tây Bá Linh. Tổng thống Tây Đức tức khắc ra lệnh các ngân hàng quanh vùng tặng ngay cho mỗi người ít tiền để họ có thể mua một món quà gì đó ở vùng Tự Do. Nhìn trên màn hình TV, tôi cứ tự hỏi rồi tự nhắc hoài đây là sự thật chứ không phải chiêm bao, đây là sự thật rành rành trước mắt.

Hệ thống cộng sản ở nước Đức đã sụp đổ.

Niềm vui sướng hiện trên nét mặt của những người từ Đông Bá Linh chạy qua được vùng Tây Bá Linh không chỉ diễn tả mức khốc liệt của cuộc sống dưới chế độ cộng sản mà còn diễn tả tận cùng nỗi khao khát tự do của con người. Và những hình ảnh tôi đang thấy trên màn hình TV cho thấy nỗi khao khát đó đang thúc đẩy một thái độ can trường ngoài sự tưởng tượng để tạo thành sức mạnh đập tan mọi mưu toan áp chế tàn ác.

Tôi nghĩ chắc chắn cả thế giới đều đang hướng về Bá Linh, về bức tường ô nhục đang bị đập đổ với cảm giác chia xé nỗi hân hoan của người dân Đông Đức. Đông Đức đã được giải phóng. Nhưng với tôi, nỗi mừng cho dân tộc Đức lại khơi dậy cảm giác xót xa cho dân tộc Việt Nam.

Sau đệ nhị thế chiến, nước Đức bị chia hai và đang thống nhất dưới ánh sáng tự do. Sau hiệp định Genève 1954, Việt Nam bị chia hai và năm 1975 lại thống nhất trong bi thương là trở thành một nước cộng sản.

Trên thế giới còn Đại Hàn bị chia hai nhưng ít nhất một

nửa nước vẫn tự do sống đời sống của con người.

Cùng với nỗi xót thương, tôi đã không ngăn nỗi sự oán hận những kẻ đã đẩy đất nước Việt Nam xuống đáy vực tối tăm mà ngoài những kẻ mù quáng tôn thờ chủ nghĩa cộng sản không thể không kể đến những kẻ từng có cơ duyên nắm vai trò lãnh đạo miền Nam đã vì những lợi lộc cá nhân mà phản bội dân tộc và đất nước. Dù vậy, tối 9 tháng 11 năm 1989 với tôi vẫn là một tối sáng khoái chưa từng có trong đời.

Tôi đã uống gần hết chai Remy Martin và gục xuống sofa.
Chưa bao giờ tôi uống rượu một mình như vậy.

Cuốn hồi ký này chấm dứt lúc 5 giờ chiều ngày 28 tháng 10 năm 2007.

● NGUYỄN LIỆU





*Song thân Nguyễn Liệu
tại quê nhà Quảng Ngãi*



*Hàng sau từ trái : Vợ chồng Nguyễn Liệu, Nguyễn Cự,
anh chị Ba và Lư, em gái.
Hàng đầu : Song thân Nguyễn Liệu cùng các cháu nội ngoại*



*Ngày cưới 1967 — Từ phải : Nguyễn Liệu, Ung Thị Ảnh (vợ),
nhạc phụ (người đội khăn đen), Phan Nhự Thức, Trần Quang Tấn.*

*Nguyễn Liệu - Lê Vinh Thiều
1966 ▶*



Nguyễn Liệu khi ra tù 1983 ▼



*Vườn xưa Long Phụng
nay đã thành
nghĩa trang của Cộng Sản ▼*





*Nhà của Nguyễn
Liệu tại Sài Gòn,
sau khi ra khỏi
trại tù, 1983.*

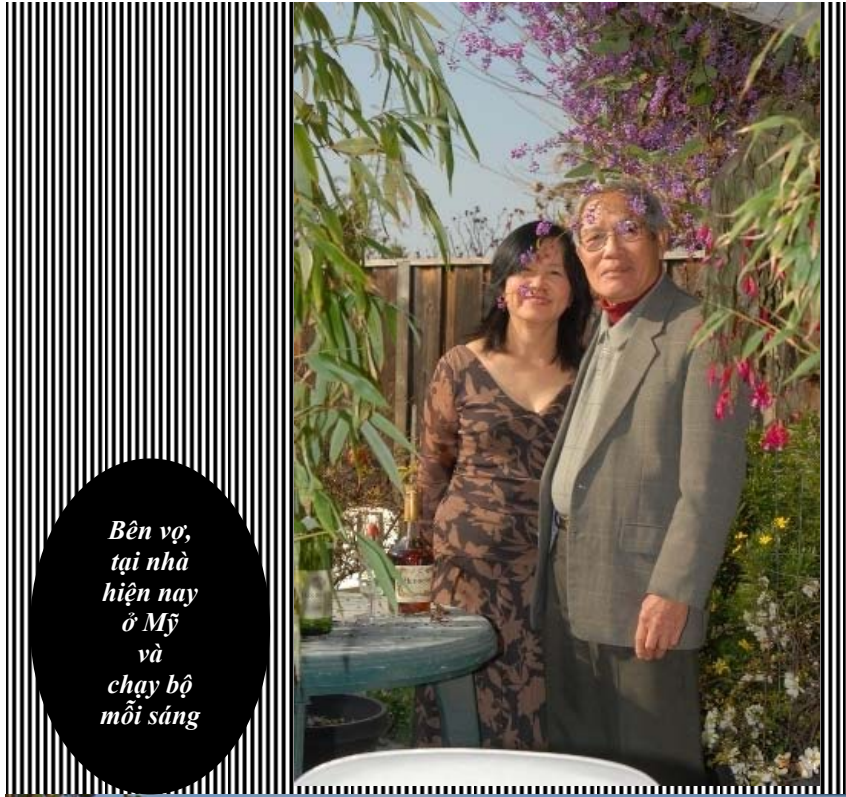


*▲ Chị Sáu
Nguyễn Thị Phán*

*▲ Nguyễn Liệu,
anh cả
Nguyễn Xáng,
bà Xáng,
bà Liệu.*

*Trước nhà
tại Mỹ
cùng vợ
và
2 cháu
ngoại.*

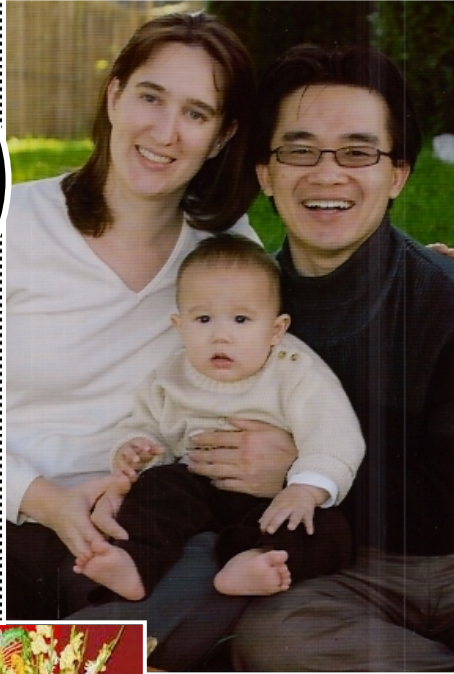




*Bên vợ,
tại nhà
hiện nay
ở Mỹ
và
chạy bộ
mỗi sáng*



*Bình — Holly
và
con trai,
Thiên Ân*



*Kim Sơn
ngày thành hôn
với
Anh Hoa*



Hoà Đàm – Trung và 2 con Alicia, Claudia.





▲ Thanh Tân — Đức và 2 con Brandon, Brian.

▼ Thanh Hà — Vương và con, Felicity.



PHỤ LỤC

LÊ VINH THIỀU

Một buổi sáng tháng 9-1945, sau ngày khởi nghĩa một tháng, tôi và chị tôi đem cơm cho cha, cho anh trong tù, tôi gặp Lê Vinh Thiều và bà kế mẫu của anh cũng đem cơm cho cha cùng một nhà lao.

Nói là nhà lao, thật ra đó là nhà nhóm, quê tôi thường gọi nhà nhóm, nơi các chức vị trong ấp nhóm họp. Làng có nhà nhóm, xóm có nhà nhóm. Nhà nhóm của làng lớn hơn, nhiều khi nằm riêng rẽ cạnh đình làng. Nhà nhóm của xóm ấp, thường chung một nhà, bên trong dùng để thờ các vị thần trong đó có vị thần thổ địa, bên ngoài dùng để nhóm họp và để các vị chức sắc ăn uống trong các ngày cúng tế thần và cũng là nơi tiếp khách của xóm trưởng.

Làng Long Phụng, quê tôi, giàu có nên những đình miếu của làng, của ấp mang tính khoe khoang thể diện của làng, của phái họ tiền hiền.

Làng tôi họ Lê là họ tiền hiền. Lê Vinh Thiều thuộc phái Lê tiền hiền. Tôi họ Nguyễn là dân ngụ cư. Dân ngụ cư lúc bấy giờ bị kỳ thị, bị khinh rẻ vì xem như không có đất sống phải đi nhờ ở nơi khác. Đó cũng là lý do khiến người ta hay bám nơi dòng họ khai phá lập làng xóm gọi là tiền hiền dù nơi đó đất đai cần cỗi khó sinh sống, vì ra đi phải chịu sự khinh rẻ... Đó là tục lệ “xã thôn tự trị” nơi “phép vua thua lệ làng” của ngày xưa.

May mắn cho gia đình tôi là cha tôi làm ăn khá giả, trở thành giàu có trong làng, lại là người có chức sắc có phẩm hàm của làng chánh quán, làng Đồng Viên bên kia bờ sông Vệ, cũng là một làng giàu có. Tuy cha tôi không trúng tuyển khoa thi Hương, nhưng có bằng tuyển sanh, dân làng gọi là “học trò thi”.

Thế hệ cha tôi học chữ nho, chữ Hán, gọi là chữ của thánh hiền, và học là học đạo đức vì “văn dĩ tải đạo” — văn dùng để chở đạo đức, đạo làm người quân tử. Bởi vậy dân làng rất trọng

người đi học, dù học không thành đạt khoa bảng. Thêm vào đó, anh tôi là một học sinh học ở Huế, ở cố đô. Dân chúng không biết học ở cố đô Huế là học cái gì chỉ biết học tiếng Tây, học “bằng Thành Chung”, học “Quatrième Année”, học “Tốt nghiệp” ... và biết rằng nếu anh tôi đậu được cái bằng đó là bắt đầu qua cuộc đời mới, cuộc đời làm quan, là bước lên giai tầng thống trị, là cả một cuộc sống huy hoàng giàu sang phú quý v.v.. Sáu bảy chục năm trước, tôi muốn nói trước 1945, người Việt Nam ở đồng ruộng đều quan niệm như vậy.

Bởi những lẽ đó, gia đình tôi là ngụ cư nhưng không bị phái Lê tiền hiền xem thường, trái lại có phần nể nang, thể hiện qua cung cách của các chức trách như lý trưởng, hương lý đối với chúng tôi. Lê Vinh Thiệu là con trai một vị lý trưởng chánh phái, tuy không thuộc gia đình giàu có nhất trong làng nhưng có một đời sống cao sang vào thuở ấy, nhà có nhiều người giúp việc, có ngựa để cưỡi, nhất là buổi sáng có cà phê uống. Tôi chưa nghe nói về những điều này ở nhà quê và cũng chưa biết cà phê là thứ gì.

Từ hôm hai chúng tôi cùng đem cơm tù cho cha, chúng tôi thân với nhau. Chúng tôi bị trễ hết ba năm học vì năm 1945, Thiệu học lớp nhất tức lớp thi tiểu học tại thị xã Quảng Ngãi, tôi học tại quận Tư Nghĩa, rồi tôi học tại Sông Vệ. Sau cuộc Việt Minh khởi nghĩa cướp chính quyền năm 1945, chúng tôi lui lại học lớp nhì trường làng Long Phụng, quê của chúng tôi. Thiệu hơn tôi một tuổi, năm 1945, tôi 13 tuổi, Thiệu 14. Tuy thua chỉ một tuổi nhưng tôi nể trọng anh, gọi Thiệu bằng anh và anh gọi tôi bằng mày tự xưng tao, chưa bao giờ xưng là anh. Tóm lại, chúng tôi là bạn, cử xử ngang nhau tuy cách xưng hô không giống nhau.

Khi cha Thiệu bị chánh quyền chém, nỗi đau khổ cùng tột này khiến chúng tôi thương yêu nhau. Cha tôi không bị chém, được tha về, nhưng gia đình tôi lúc đó cũng thuộc loại gia đình “Việt gian” nên phần lớn tránh xa sợ liên lụy.

Tôi với Thiệu cùng cảnh ngộ cùng thành phần, càng thương, càng hiểu nhau hơn. Nhà chúng tôi trong một xóm, học cùng một trường, cùng sở thích chơi bóng tròn, bóng chuyền nên chúng tôi thường gặp nhau hàng ngày. Lúc học tiểu học, Thiệu viết chữ rất đẹp, làm văn hay, nói chung môn nào cũng vào loại giỏi. Anh biết làm thơ năm 14 tuổi. Hồi còn tiểu học mỗi

bài luận của anh đều là bài mẫu được thầy đọc cho cả lớp nghe để bắt chước. Anh thông minh, tài hoa, nhưng không chăm chỉ, không chịu khó. Anh mất mẹ sớm, cha anh cưới vợ khác, tức anh có bà kế mẫu. Bà này sinh được một trai một gái. Hai em cùng cha khác mẹ nhưng với Thiều như anh em ruột và bà kế mẫu hiền lành, cũng xem Thiều như con ruột.

Rồi cha anh chết một cách quá thê thảm nên anh được bà nội, bà kế mẫu, ông chú ruột, bà cô ruột rất thương mến, rất cưng chiều. Điều này không chỉ an ủi anh mà còn ảnh hưởng với đời anh rất nhiều.

*Thưở ấu thơ không có tiếng cười
Không chim hót ở hiên nhà dịu nắng
Mây trắng mùa thu bay bốn hướng
Lá mùa thu rụng hết ước mơ xưa.*

Tôi nghĩ có thể sự đùm bọc thương yêu của anh em bà con đã giúp Thiều có cuộc sống nội tâm phong phú. Anh có nhiều đặc tính làm cho tôi thương mến và kính phục ví dụ trầm lặng, bình tĩnh. Cũng do những tính này anh được nhiều người mến chuộng, và lúc anh còn nhỏ vẫn được người lớn đối xử như đối xử với người lớn. Tôi đã nói vài lần trong cuốn hồi ký này, anh hơn tôi chỉ một tuổi mà như hơn tôi cả trăm tuổi vì anh trưởng thành, chừng chạc sớm quá.

Năm học trường làng đến giờ ra chơi, tôi cũng như những học sinh khác, đầu tóc hót ngắn, mặc quần đùi chạy nhảy đá banh, u tù đánh giặc giả, chạy nhảy suốt ba chục phút, khi vào lớp mồ hôi nhễ nhại, áo ướt, tóc ướt... còn anh thì chụm lại cùng vài ba anh đã có vợ, có con trở lại trường học lại sau cuộc khởi nghĩa. Nhóm “học sinh cụ” đó có anh hút thuốc, nói chuyện đời, chuyện vợ con, nói thi phú và thỉnh thoảng còn có thầy tới chuyện trò xướng họa thi ca với anh Thiều. Thầy Nguyễn Duy Sum còn trẻ, hơn anh Thiều cỡ bốn tuổi, thường trao đổi những bài thơ mới làm với anh.

Năm học lớp nhất, lớp cuối cùng của bậc tiểu học lúc ấy, chúng tôi có thêm bạn là Phạm Anh. Người bạn mới này người làng An Chuẩn ở bờ biển tiếp giáp làng Long Phụng. Sau khởi nghĩa, những làng nhỏ ấy hiệp chung với làng chúng tôi lấy tên mới là làng Đức Thắng, rồi sau 1954 đổi là làng Đức Phụng. Mỗi chế độ mỗi tên làng, theo tôi chẳng cần thiết gì mà nhiều khi có vẻ khôi hài.

Phạm Anh cũng thuộc loại học sinh nghỉ rồi đi học lại và cũng như Thiệu, cha mẹ đều qua đời, ở với anh cả tên là Phạm Ba. Người anh cả hiền lành và thương em. Phạm Anh có tài ăn nói, kể chuyện và thuộc khá nhiều chuyện Tàu như Tam Quốc, Đông Chu, Thủy Hử.... Tuy có tánh cao ngạo, anh vẫn chơi với chúng tôi, nhất là thích bàn về thi ca với Lê Vinh Thiệu.

Khi thi vào trung học Lê Khiết năm 1947, Thiệu đầu đầu làm vẻ vang cho trường làng Long Phụng. Sau đó một giáo sư dạy Lê Khiết cho chúng tôi biết bài luận của Thiệu đọc cho hội đồng chấm thi nghe và tất cả đều đồng ý cho điểm tối đa. Một giáo sư đã xúc động nói *“Các anh sao tôi không biết, chứ chưa chắc tôi viết được như thế này!”* Trong giới sư phạm, nhất là ở Việt Nam, ở Đông phương, ít ai dám nói thật đến mức đó.

Tại trường Lê Khiết, tôi có thêm người bạn nữa là Lê Sử. Trường Lê Khiết ở An Ba, Thiệu và Anh trọ ở một nhà, tôi với Lê Sử, Phạm Huệ, Nguyễn Cự trọ ở một nhà. Hai nhà trọ cách nhau vài cái vườn chưa tới một trăm mét. Thời gian này, Thiệu gặp và kết thân với Tạ Ký mà về sau là một nhà thơ trẻ tài hoa.

Thiệu chỉ học ở Lê Khiết đến năm 1952. Anh thôi học sau nhiều lần công an bắt giam vì “tình nghi”.

Về nhà, anh yêu một cô gái nghèo nhưng rất đẹp ở chợ Long Phụng. Cô không phải thành phần dân giả mà trong giòng giới có chức quyền ở địa phương. Ông nội thuộc hàng thất phẩm triều đình, cha là hương lý trong làng thuộc phái Nguyễn, phái hậu hiền ở quê tôi. Gia đình sa sút nên phải ở ven chợ là nơi dành cho những người thất thế cùng cực. Nhà ở là một quán ăn nhỏ nhưng xã hội như thế, dân chúng đói khổ sợ sệt như thế nên quán lúc nào cũng vắng khách.

Thiệu, Nguyễn Tấn Lương và tôi, thường ghé quán người đẹp bé bỏng đó ăn thịt nướng. Nguyễn Tấn Lương là bạn chơi thể thao của tôi và Thiệu. Thiệu và Lương thường chi tiền.

Trong họ phản đối vì vẫn chưa bỏ nổi quan niệm “môn đăng hộ đối”, nói đủ chuyện để bài bác nhưng Thiệu yêu thật sự, nên bất kể dư luận. Thiệu cưới cô vào năm 1956. Tôi là người tích cực tán đồng Thiệu với lý do cô đẹp quá, một vẻ đẹp hiền hậu chất phác. Tôi thường nói với Thiệu: *“Người đẹp nghèo khổ đáng thương đáng yêu hơn người đẹp giàu sang quyền quí”*. Thiệu đồng quan điểm với tôi. Cô tên là Rô, Thiệu đổi lại là Phượng, vì lúc đó chúng tôi đang say mê kịch *“Lôi Vũ”* của Tào

Ngu mà Phượng là nhân vật rất dễ thương dễ yêu cùng trang lứa với chúng tôi lúc đó.

Năm 1952, Thiều trốn ra vùng tự do Đà Nẵng, không thành bị bắt và ra tòa án “nhân dân liên khu V”. Vụ ra đi này có Lê Sử, Nguyễn Tuyên, em cô cậu với Thiều, và tôi. Thiều được mọi người trong gia đình cưng chiều, nhất là đang yêu da diết người đẹp mà quyết bỏ vùng cộng sản ra đi, quả là có ý chí và rất can trường. Có thể nói từ cuối năm 1945 đến mãi năm 1956, trừ những ngày bị nhốt bị bắt, không ngày nào tôi không gặp Lê Vinh Thiều, và không đêm nào tôi không ở nhà anh. Độ thân mật của chúng tôi đến nỗi dân làng đều biết “*thằng Liệu, thằng Thiều*”. Một số giáo sư Lê Khiết như các thầy Nguyễn Khải, Bùi Đức Chu, Trần Tương, Trần Như Cảnh, Nguyễn Diễm... mỗi khi gặp tôi thì hỏi Thiều, và tự nhiên hình thành “Nhóm Long Phụng” gồm Thiều, Liệu, Sử, Phạm Anh. Nhóm Long Phụng chống cộng sản khi chúng tôi chưa tới mười tám tuổi, ban đầu có tên là “nhóm phản động” dần dà có tên là “nhóm phản quốc” khi chúng tôi quyết liệt ra đi, bị bắt, bị ra tòa án. Với tâm hồn lãng mạn, với tình bạn, tình yêu, chúng tôi chẳng những không sợ mà còn hãnh diện, tự hào tới mức xem thường cả những người cùng trang lứa. Có lẽ đó là một giai đoạn đẹp nhất, lý thú nhất trong cuộc đời chúng tôi dù không ít nguy hiểm. Chúng tôi sống với những nhân vật chúng tôi say mê — Dũng, Loan ... trong *Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt, Bướm Trắng*... của văn hào Nhất Linh.

Hiệp định Genève ký kết năm 1954 cứu sống chúng tôi. Quân đội quốc gia chưa tiến vào Quảng Ngãi, Thiều đã ra Hội An vì chúng tôi không tin cộng sản tuân thủ một cam kết nào — đó là đặc tính của họ. Lúc ở Hội An, tôi muốn vào Sài Gòn học lại, vì đã bị trường Lê Khiết đuổi mấy năm rồi, nhưng Thiều một mực quyết trở về quê, vì người yêu đang chờ anh. Lúc đó anh lấy hiệu là “Qui Quảng” — về Quảng Ngãi.

Anh làm công an quốc gia trong giai đoạn đầu ở Quảng Ngãi một thời, rồi vào Sài Gòn học thi tú tài. Đậu xong, anh về lại Quảng Ngãi sống với vợ con và dạy tư.

Khoảng 1964, anh lại yêu một nữ sinh.

Chị Phượng bất bình, tủi thân, dẫn đưa con trai duy nhất vào Sài Gòn sống âm thầm buồn bã. Dân làng đều thương mến chị Phượng và bất bình Thiều. Nhưng những bà con thân thương vẫn chiều ý của anh. Người nữ sinh ấy tên là Kim Oanh

thành vợ thứ hai của Thiều và có năm con với anh.

Thiều làm trưởng phòng hành chánh tỉnh đoàn Xây Dựng Nông Thôn Quảng Ngãi khi tôi điều hành công việc đó. Anh là người đầu tiên, tôi hỏi ý kiến bàn về việc thành lập Quảng Ngãi Nghĩa Thục. Chính cái tên “Quảng Ngãi Nghĩa Thục” do anh đặt khi biết rõ ý định của tôi, cũng như năm 1964, tôi điều khiển chiến dịch Về Làng, hai chữ Về Làng do ý kiến của anh. Chuyện có vẻ đơn giản nhưng không phải người suy tư sâu sắc và tài hoa chưa chắc nảy ra những ý hay như vậy.

Lê Vinh Thiều có ba sở thích, đúng hơn là ba điều nghiện. Thứ nhất là làm thơ ca ngợi tình yêu nam nữ. Mười ba mười bốn tuổi, anh đã làm thơ và làm thơ đến ngày chót của cuộc đời. Từ nhỏ anh đã có một cuộc sống nội tâm kinh khủng, chỉ hơn tôi một tuổi mà như hơn tôi cả trăm năm, lúc nào cũng đắm chiêu, ít cười ít nói.

Chuyện xảy ra trên sáu chục năm vẫn in rõ trong ký ức tôi, không ngừng ám ảnh tôi và càng khiến tôi thương anh. Hôm đó giỗ cha anh, họ hàng đông nên tôi mới đến. Đêm mùa đông, trời lạnh và tối quá.

Vào nhà anh phải qua con đường hai bên tre phủ kín, nhiều lúc chạm mặt vào hàng tre mới hay đã bước trật. Tôi phải ngồi xuống nhìn kỹ để biết đâu là đường mà đi. Ở thôn quê, ban đêm là cảnh chết, cảnh của ma quái, tôi có cảm tưởng chỉ mình tôi là người lặn lội đi đêm, vì thích gặp bạn. Trước hết phải qua khu vườn của một người bạn học tôi có đủ thứ chuyện ma quỷ, vì người cha bất hạnh của anh đã thất cổ chết trong khu vườn rậm rạp đó. Tiếp nối là đoạn đường luồn dưới tre rồi cuối cùng phải qua một bãi tha ma.

Nhà anh là một nhà kiểu cổ, gọi là nhà đất, có ba gian, tức ba ngăn chính. Ngăn bên tay trái hướng về phía Tây nên còn gọi là chái Tây. Đây là phòng của anh Thiều ở và đọc sách. Ngăn giữa rộng gấp đôi, bên trong là bàn thờ, trên cao là cái trang để thờ ông Thành Hoàng. Phòng này cũng chia ba ngăn nhưng không có vách ngăn, chỉ có bốn cây cột gỗ lớn bên trên chạm trổ. Bên ngoài phía trái và phải kê hai cái phản lớn trên trái chiếu hoa, thường để cho khách nằm, thưở đó đàn bà không nằm hai phản này, vì phía trong là nơi thờ phượng. Giữa hai ngăn đó đặt cái bàn hình chữ nhật, hai bên hai tràng kỷ. Những thứ đồ gỗ này chạm trổ theo một điển tích xưa, có rồng có phụng. Đó là

nơi tiếp khách. Ngăn lớn phía mặt là phòng dành cho đàn bà và cũng là nơi để áo quần, những cửa quý trong nhà. Thường có một cái rương tức một loại như tủ hình khối chữ nhật, bằng gỗ tốt, dày, tám mặt đóng kín. Mặt trên cùng dùng để nằm như tấm phản, giữa mặt là một cái cửa nhỏ vừa một người có thể chun lọt, có nắp đậy và khoá kỹ. Trong rương là nơi cất các vật quý báu như nữ trang vàng bạc và tiền. Cái rương là mục tiêu chính yếu mà ăn trộm nhắm vào, bởi vậy chủ nhà thường nằm ngủ trên rương, bên cạnh có cây thước vuông làm vũ khí.

Ngày nghỉ hè, ngày Tết ngày lễ, tóm lại những ngày ở nhà không đi học xa, đêm nào tôi cũng lên nhà Lê Vinh Thiều. Chúng tôi ở chái Tây.

Chưa tới tuổi mười tám mà Thiều đã nghiện trà.

Đó là cái thích thứ hai của anh.

Anh biết tôi ăn khỏe nên dành rất nhiều đồ ăn trong bữa giỗ cho tôi. Anh ngồi đối diện, không ăn chỉ nhấp chút rượu gạo. Lúc đó, tôi chưa biết hút thuốc, nhưng biết uống rượu, tuy chưa thấy ngon nhưng thích uống và uống nhiều. Về y học có thể không tốt, nhưng về những lĩnh vực khác, chưa chắc không tốt. Tôi bây giờ tôi vẫn nghĩ nếu không biết uống rượu có khi không hiểu, không cảm hết một số bài thơ hay. Không biết uống rượu là một thiệt thòi lớn của con người về cuộc sống tinh thần, về bằng hữu và cả về chí lớn. Không biết uống rượu, làm sao phát huy cao độ tính hiên ngang và can trường.

Đêm đó anh kể cho tôi nghe cái đêm anh đi tìm xác cha ngoài bãi biển.

“Mày có biết không, giỗ cha tao lần này là cái giỗ thứ tư. Mấy lần giỗ trước không ai dám tới ăn, dù tao đi mời đàng hoàng. Người ta sợ không muốn liên lụy với nhà tao. Lần này họ đến dự gần đủ. Cha tao chết thế là năm năm rồi. Cha tao bị chém vào khoảng gần khuya... đêm thứ năm trong tuần, bởi vậy mấy năm nay thường cứ đến tối thứ năm tao cảm thấy nghẹn như có cái gì đè nơi cổ họng. Việc này tao không nói với ai, và mãi mãi tao không nói với ai, trừ mấy đêm nay tao nói và cũng là lần chót việc này được nói ra.

Một buổi sáng thứ Sáu, vừa mờ sáng, một người hót hải chạy tìm chú Sáu tao nói “Khi hôm bọn nó giết thầy xã rồi, ở bãi biển xóm Mới”.

Nói xong người ấy đi vội ra ngõ như chạy trốn. Chú Sáu

sững sốt, miệng há hốc, mắt trợn bất động một lúc, rồi ngã xuống trước sân cắn đất khóc rống lên. Tao còn nằm trên giường tung cửa chạy ra sân, linh cảm cho tao biết một cái gì ghê gớm xảy ra, nhưng chưa biết cái gì. Tao sửng sốt, run quá, đỡ chú Sáu diu vào trong nhà. Chú ôm chặt tao nói nhỏ “Cha cháu chết rồi, đừng cho ai biết, nhất là bà nội”. Chú lấy lại bình tĩnh nhưng tao như bị đui không thấy gì. Tối, tối quá, tao úp mặt xuống tấm phản, nghiêng rặng, không một tiếng động. Mấy ngón tay tao bám chặt như lũng vào tấm phản, nước mắt tuôn trào. Khi tao tỉnh dậy, không thấy chú Sáu, nhà vắng im, ánh nắng vàng vọt buổi sáng yếu ớt thê lương không đủ sức chiếu trong vườn, trong sân. Tao lặng lẽ ra sau vườn nơi ngôi cổ mộ ngời phệt xuống đất khóc...”

Tôi thấy khó chịu quá, nước mắt anh Thiều dầm dìa.

Tôi cắn môi dưới dề tiếng khóc: “Thôi đi anh...khởi lại chi nỗi đau khổ cùng cực”.

Anh như không nghe tiếng tôi nói.

“... Khóc một hồi, tao đứng dậy đi vòng trong vườn, đến phía trước, sợ bà tao gặp phải thì bà sinh nghi. Vào nhà, tao thay quần áo lấm đất, rửa mặt thật tinh tảo, tìm bà Hiệu, bà kế mẫu của tao. Bà kế mẫu của tao là một “típ” thâm lặng, can trường, không nói, chỉ chịu đựng và chịu đựng, chu toàn bổn phận với chồng, với con. Bà khổ vì cha tao khá nhiều, nhưng chưa có ai nghe bà phàn nàn điều gì. Đối với bà, ngôn ngữ như thứ không cần thiết. Suốt đời bà im lặng. Tao vào bếp. Bà đang cúi khom, miệng sát đồng tro tàn thổi lửa nấu nước nóng cho bà tao rửa mặt buổi sáng. Công việc này nghe nói bà làm ngay buổi sáng đầu tiên bà làm vợ kế cha tao, cho đến bây giờ và có lẽ đến ngày bà tao không còn sống nữa. Như mày biết, tao coi bà như mẹ. Tao mới hai tuổi mẹ tao qua đời, tao chưa biết buồn, nhưng cha tao, bà tao, cô Tuyên tao, buồn khóc nức nở và từ đó tao được nuông chiều hết mực. Cũng vì tao còn nhỏ quá, cha tao bước thêm một bước để tao khỏi cảnh mồ côi mẹ. Thấy tao bà ngừng thổi lửa, nhưng lửa bắt đầu lên ngọn, ghé tai bà, tao nói nhỏ “Họ giết cha con khi hôm, di đừng cho nội biết”. Mấy tiếng chắc nịch, lạnh ngắt, như vô cảm, như ma quái, dội vào tai bà. Như bị điện giật, bà thả chiếc đũa bếp “Trời ơi là Trời!”, Mắt trợn trắng, miệng há hốc không khép lại được. Bất động. Như một xác chết. Lần đầu tiên tao nghe bà than trời. Tao bắc ấm

nước lên bếp cho bà. Lặng lẽ, bước ra. Ra ngoài nhà, tao thấy cái gì cũng dễ ghét cũng lãnh đạm, cũng tàn ác đối với tao. Ánh sáng, cỏ cây hoa lá, thậm chí đến cuốn sách, cái ấm trà, đều lãnh đạm với tao. Mày ơi! tao khóc. Tao đau nhói trong ngực, trong ruột, chân tay tao bủn rủn tao lại ngồi bệt trên gạch cửa. Như cái xác chết dựa vào vách.

Đi tao vỗ vai tao nhẹ nhẹ như báo thức “Thiệt, vào ăn cơm”. Người trong nhà gọi tên tao là Thiệu. Tao không trả lời chỉ lắc đầu. Hai đứa em tao, thằng Ân con Hiệu, chạy qua sân ngây ngô không biết gì hết. Chúng còn nhỏ quá. Tao không biết rồi phải nói làm sao cho chúng hiểu cha đã chết rồi, chết một cách tức tưởi. Rồi mày có biết không, suốt ba ngày tao không ăn uống gì hết. Hàng ngày bà nội vẫn hỏi cha tao ăn được không, có ốm lắm không. Mỗi lần bà hỏi là bà khóc. Tao trả lời qua loa rồi tránh bà. Tao không biết bà tao sẽ như thế nào khi nghe cha tao chết! Tao không dám nghĩ tiếp. Ba ngày đó thấy chú Truật là tao né, không dám gặp ông, vì thế thâm quá, một gánh quá nặng úp lên đầu chú. Mày biết từ lâu mọi việc trong nhà đều do cha tao. Từ chuyện nhỏ kêu người lợp nhà, bán đám tranh sẵn sau vườn, nhất nhất đều do cha tao quyết định. Thế rồi qua một đêm kinh hoàng, chú Truật biến thành người chủ chốt trong gia đình. Tao không dám nhìn khuôn mặt thế lương của chú. Hình như chú muốn hỏi hay nói với tao cái gì đó nhưng lại thôi.

Đến trưa ngày thứ ba, tức trưa chúa nhật, tao nghe tiếng ai rầm rì sát hè. Tao lắng tai nghe thì ra chú đang nói với ông hai Hượ. Ông già này từ nhỏ đã ở nhà cha tao giúp mọi việc trong nhà, xem như người nhà. Người con trai đầu của ông chưa đầy mười tám tuổi đang ở chẵn ngựa cho cha tao. Tao đã yếu mà nó còn yếu hơn, thấy nó gánh gánh cỏ ngựa tao tội cho nó quá. Tao lắng tai nghe tiếng được tiếng mất, hình như hai người bàn về cái xác của cha tao. Quả đúng như thế, rồi chú Sáu dặn ông Hượ chờ chú đi một thể, một mình chú không dám đi. Ông Hượ bảo để gần nửa đêm hãy đi, vì lúc đó thiên hạ đều ngủ, hơn nữa, đi bằng đồng vừa gần vừa không gặp trở ngại. Rồi hai người nói những gì nhỏ quá, nghe không được. Tuy trời mùa đông mà mồ hôi toát ra đầm áo. Tự nhiên tao vụt ra ý đi theo chú ra xem chỗ cha tao chết. Để ít nhất tao cũng rờ được xác cha tao lần cuối. Nếu tao xin theo, chắc chắn không bao giờ chú cho. Biết như vậy mà vẫn xin là thật, nên tao quyết định đi theo, đi ầu, không

cho chú biết. Quyết định xong, tao bình tĩnh hơn và như bắt đầu có sinh khí. Tối đó, ăn cơm xong tao đi ngủ sớm để nửa đêm theo chú Sáu. Nhưng tao không ngủ được, trăn trở mãi. Gần nửa đêm, tao dậy mặc thêm chiếc áo đen bên ngoài cho đỡ lạnh và ban đêm không nhìn ra. Cũng lúc đó tao nghe tiếng động ở nhà ngang. Chú Sáu dậy, quẹt lửa sáng rồi vụt tắt. Tao nghe tiếng múc nước trong cái lu tức chú đang rửa mặt. Tao hé cửa ra ngoài vườn ngồi núp dưới bụi chuối nước ở cổng. Chú Sáu bập phò điếu thuốc bước ra ngõ gặp ông Hượ. Hai người im lặng đi thật nhanh qua nghĩa địa trước nhà rồi băng đồng thẳng hướng ra biển. Trời tối quá. Ngửa bàn tay không thấy. Tao chỉ thấy dạng hai cái bóng lom khom vội vã phía trước. Lâu lâu tao phải ngồi xuống để thấy rõ đường đi trên ruộng. Tao đi sau hai người chừng mười thước, xăm xăm tiến lên cồn cát đi vào rừng dương liễu. Vào rừng tối quá, tao suýt lạc may nhờ ngồi xuống nhìn lên nền trời tao thấy dạng các hàng thông. Nghe sóng biển gầm thét, tao biết gần đến nơi rồi. Ánh sáng máy lửa bật sáng rồi tắt, tao thấy rõ hai người ngồi xuống đang định hướng. Tim tao đập mạnh, hồi hộp quá. Gần bờ sóng, tao biết sắp đến nơi và hình như hai người ngồi xuống không đi nữa. Tao nhẹ nhàng đến góc dương liễu núp vào những cây con. Cảnh vật vô cùng im lặng. Chỉ có tiếng gió rì rào qua rừng dương cùng với tiếng sóng tạo nên một bản nhạc hỗn độn. Chú Sáu bật lửa lần nữa. Tao thấy rõ ông già đang nhẹ nhẹ dùng hai bàn tay đào cát dưới cái hố lấp lờ dờ. Thì ra người ta dập xác cha tao trong cái hố này. Tao cắn môi để đè sự cảm động. Hình như tiếng sóng lớn hơn và gió mạnh hơn giúp tao không sợ bị lộ. Tao ngồi ngay trên miệng hố cách chú Sáu chừng một sải tay nhưng hai người chăm chú cúi đầu và tiếng thông réo tiếng sóng gầm, làm cả hai không thể ngờ có tao ngồi sát bên cạnh trên miệng hố. Sáng tắt, sáng tắt, máy lửa quẹt lia lịa cho đủ ánh sáng, ông già như nằm sát cát, hai tay kéo cát qua một bên. Chú Sáu ngồi im chỉ quẹt lửa cho ông già hì hục kéo cát. Tao ngồi lâu quá sốt ruột, hay là... tao không dám nghĩ tiếp. Bỗng ông già la lên: "Trời ơi, đây rồi. Mô Phật, đây rồi". Hai tay ông bọ như bọ trái banh dính đầy cát. Đó là cái đầu của cha tao. Suýt tao la thành tiếng, may tốp lại kịp. Tóc dài tung tóe, tao không thấy rõ gương mặt. Chú Sáu khóc thành tiếng, đưa hai tay đỡ cái đầu cha tao kéo vào người chú, một tay chú phủi cát, chú đặt trên cái mền đã trải sẵn. Rồi, hai

người đưa xác cha tao lên đặt trên cái mền đó, ghép sát cái đầu vào. Ông già lẹ làng lấy vải quấn cái đầu liền thân. Phủi cát lần nữa, hai người vội cuộn mền lại, mỗi người một đầu khiêng lên khỏi hố và đi về hướng cũ. Vẫn im lặng, nhưng tao biết chú tao đang khóc. Nước mắt chảy đầm đìa, tao cắn nát môi dưới chận đứng tiếng khóc đi theo hướng cái mền hai người lom khom khiêng... Mày biết không, hôm ấy chú Sáu dòi xác cha tao chôn tạm trên đám đất công ở gần đó, chờ lệnh của ủy ban xã cho phép thì chôn chính thức. Vì suốt ba ngày, chú tao đến từng người một trong ủy ban hành chánh năn nỉ lạy họ xin xác đem về chôn. Không ông nào dám cho phép cứ hẹn sáng hẹn chiều, chú tao sợ bọn họ lấy xác làm bậy nên cướp xác đem chôn tạm, khi được phép sẽ chôn có quan quách đàng hoàng. Một tuần lễ sau, cha tao được chôn chính thức vào xé chiều, có tao, có mợ tao đi theo....”

Không kể được nữa, Thiều khóc thành tiếng.

Anh cho biết rất nhiều đêm trong giấc chiêm bao anh thấy cảnh ông già cùng chú Sáu ráp cái đầu của cha anh vào thân xác. Nhiều lần anh tự hỏi làm sao quên được cảnh tối hôm đó, làm sao dụi bớt nỗi hận thù.

Cha anh bị chết chém năm ba mươi sáu tuổi...

Tối nào tôi cũng lên anh Thiều uống trà, nói chuyện, đọc thơ. Tôi biết uống trà từ đó. Tây phòng của anh có cái bếp nấu bằng dầu hỏa có ấm nước sôi, bình trà mới có, cổ có. Anh có bộ chén Thế Đức nhưng ít dùng vì chén nhỏ quá không hợp với kiểu uống của chúng tôi. Không phải một tuần trà, hai tuần trà mà chúng tôi gần như lúc nào cũng uống. Với chúng tôi, uống là một sự hưởng thụ, chứ không phải uống vài ba chén theo lễ. Bởi vậy bộ trà cổ Thế Đức chỉ để trang trí.

Thiều uống trà rất sành. Uống chén trà, anh biết thuộc loại gì, hiện thời giá bao nhiêu. Chú Sáu Truật cũng là loại vua uống trà. Như người cháu, chú thường nói có thể thiếu cơm chứ không thể thiếu trà. Thiều uống trà mãi tới phút chót.

Những ngày ở tù cộng sản, Thiều và tôi trông coi lò gạch là nơi rất thuận tiện cho việc uống trà. Người thợ ng du sáng sáng ngang lò gạch bán trà bán chuối, Thiều thường mua trà lá tươi giã dập phơi khô, rồi bỏ vào cái lon guy-gô vừa là ấm đun nước, vừa là bình ché trà. Những ngày tù cực khổ, nhưng tôi và Thiều vẫn tìm được cái thú uống trà. Người ta nói trà ngon chỉ

một chén cũng đủ. Thật ra không phải thế. Trà ngon phải uống nhiều chén, uống cho đã mới thỏa mãn chứ. Có người nói trà phải uống vào sáng sớm mới ngon, mới có ý vị. Cũng là một cách nói nhiều khi chỉ tỏ cáo người không rành uống trà. Khi bạn đã nghiền trà nghiền rượu rồi, uống lúc nào cũng ngon, chỗ nào cũng ngon. Kể từu đồ hạng nặng, trước hoa quỳnh đang nở, dưới trăng thanh gió mát, hoặc trong đêm mưa gió bão táp, uống vẫn ngon. Tôi là môn đệ uống trà của Lê Vinh Thiều. Nhưng ngày nay ở một xứ đầy đủ mọi thứ rất thuận tiện cho việc uống trà ngon mà tôi khó uống trà rành được như anh Thiều. Hình như anh có giác quan đặc biệt để nhận thức loại trà, độ trà ngon. Rất nhiều hôm dậy sớm pha bình trà, tự nhiên tôi nhớ anh, nhớ quá. Nếu còn anh Thiều, cuộc sống về già của chúng tôi lý thú biết bao.

Khoảng 1986-87, ở Việt Nam còn đói khổ nhiều, tôi gửi về cho anh Thiều “thùng quà”. Lúc ấy Mỹ chưa bang giao với Việt Nam, không có các dịch vụ gửi quà nên phải gửi qua Pháp rồi từ Pháp mới chuyển về. Một số bị thất lạc, và sớm lắm phải bốn tháng mới đến nơi.

Anh viết thư cho tôi có đoạn “...*Liệu, ngày mai tao về, trà mày cho uống ngon quá, trong lúc không đủ gạo ăn mà có trà ngon như thế này uống càng lý thú. Tao chỉ còn dành lại mấy ấm đem về cho chú Sáu...*”

Anh viết tiếp: “...*Được thư mày trễ quá tao bán cái áo Jacket rồi, tao đâu ngờ cái áo ấy sự tích như vậy và ý mày muốn như vậy, tiếc quá. Tao nghe lời mày để cái quần Jean cho thằng Vũ mặc, tao không bán ...*”

Thư từ Mỹ gửi về thường sáu tháng mới tới vì qua các chỗ kiểm duyệt. Khi Thiều mở thư ra xem mới hay tôi nói cái áo Jacket khi tôi vừa xuống Seattle, nơi đầu tiên tôi đến Mỹ, vì mùa lạnh, cơ quan di trú phát cho và tôi mặc mùa đông đầu tiên ở Mỹ, tôi muốn anh giữ nó. Nhưng anh thiếu thốn quá không thể giữ trong lúc đói khổ.

Anh còn viết: “*Liệu ơi, mày có biết không, nhờ thùng quà của mày tao mới thấy lại Sài Gòn. Hai mươi sáu năm nay, tao cứ tưởng khó có dịp vào lại Sài Gòn. Tao vào Sài Gòn gặp lại má thằng Xương, tao lấy một xấp vải của mày cho, làm quà cho con dâu của tao. Tội nghiệp, nếu không có thùng quà của mày, tao không gặp được má con thằng Xương và con dâu của tao. Tao*

cũng gặp được con Oanh, nó bỏ tao trên mười năm nay. Anh em có người khuyên nó nên về lại Quảng Ngãi nhưng nó nói chưa thuận tiện....”

Đọc những câu như thế, tội nghiệp quá, thương quá.

Bây giờ trên hai mươi năm, đọc lại, tôi muốn khóc.

Anh Thiệu ơi, anh có biết tôi đang viết những dòng này đầy nước mắt không!

Lúc đó, 1986, tôi làm nghề lau cầu tiêu, tháng chưa tới sáu trăm đô. Tôi gửi thùng quà không quá bốn trăm đô cho Thiệu và là thùng thứ hai. Thùng thứ nhất cho vợ tôi. Thường tôi viết cho vợ một thư là tôi viết cho Thiệu một thư. Xa nhà, viết thư cho vợ, cho bạn thân là một lý thú không gì so sánh được.

Có lần tôi viết cho anh có ý xem thằng Vũ như con trai tôi, anh hiểu và viết liền cho tôi *“Liệu, tao muốn thằng Vũ làm đệ tử của mày. Mày hiểu tao muốn nói cái gì rồi chứ!”* Tôi cùng Phạm Huệ lúc ấy ở chung, tính chuyện lo cho Vũ vượt biên. Giá vượt biên ít nhất là hai lượng vàng — khoảng một ngàn rưỡi đô.

Chúng tôi đánh điện thẳng về Quảng Ngãi cho Lê Vinh Thiệu, bảo vào Sài Gòn lo cho thằng Vũ đi học. Ký tên Liệu - Huệ. Điện xong, chúng tôi gửi tiền về người trung gian để lo.

Sau đó qua cái thư của chú Sáu Truật cho biết, Thiệu được điện tín hiểu, mừng quá, báo cho chú Sáu chuẩn bị vào ngay Sài Gòn lo cho thằng Vũ ra đi. Ngày ấy, ra đi là huy hoàng, là cứu vớt cả gia đình, nhưng ra đi cũng là vĩnh biệt, cũng là chết. Cho nên được điện tín, Thiệu run người, nói không ra tiếng, vì xúc động, không ngờ điều mong ước ngoài tưởng tượng đến quá sớm, quá nhanh. Anh hoảng hốt, lính quỳnh, không biết phải làm gì, mượn xe đạp ra tỉnh hỏi vé xe mua trước vài ngày để chuẩn bị. Anh ra nhà Võ Hữu Cảnh mượn tiền và báo tin mừng cho Cảnh.

Là thi sĩ, có lẽ anh đã tưởng tượng ra cảnh đưa con trai đang tuổi học trò đến được Mỹ, nơi có Liệu - Huệ và anh em, đến được thiên đường, nó sẽ như cá gặp nước, như rồng gặp mây. Ôi! sung sướng quá!... Anh té ngất xỉu trên đường đạp xe về. Người đi đường cứu cấp anh, đưa vào bệnh xá.

Mấy tháng sau, anh qua đời!

Lê Sử báo tin *“Ông Thiệu chết rồi!”* Tôi hỏi ai cho biết. Sử đáp *“Cha tôi gọi phone qua báo cho biết”*. Tôi vội báo cho Huệ.

Thế là hết rồi, còn gì nữa đâu. Thiều chết!

Hôm đó, tôi khóc suốt buổi chiều.

Tôi và Huệ cảm thấy mình có tội.

Có phải vì điện tín của chúng tôi, anh xúc động quá mà ngất xỉu rồi chết hay là một sự ngẫu nhiên trùng hợp số của anh tới đó, là chấm dứt, ngay cái giờ đi tỉnh về.

Thật sự tôi cảm thấy tôi có tội. Biết đâu không có cái điện tín đó, ngày nay anh Thiều còn sống và vợ con đề huề ở Mỹ như những gia đình đi theo diện H.O.

Nhưng nói về Lê Vinh Thiều phải nói về thơ.

Anh làm thơ từ lúc còn rất nhỏ vì cha anh cũng là người biết làm thơ, biết xướng họa. Anh có đọc những bài thơ của cha xướng họa với một ông bạn ở bên kia sông, ông xã A và ông hương bộ Trang. Rất tiếc tôi không nhớ. Một bài thơ dài của cha anh, tôi chỉ nhớ mãi hai câu:

...Tây nữ đến khi về Phạm Lãi

Nước Ngũ Hồ rửa sạch bụi binh đao

Đọc câu “Nước Ngũ Hồ rửa sạch bụi binh đao” thật nhẹ người. Một người suốt đời xông pha trận mạc, một đời binh đao khói lửa, bây giờ rửa tay gác kiếm ngao du với người đẹp trên Ngũ Hồ, sống với thiên nhiên với tình yêu. Tuổi trẻ mơ mộng, yêu thương lãng mạn, đọc câu thơ lý thú quá, bởi vì thấy được quá khứ hào hùng của một khách giang hồ già từ vũ khí để sống với người yêu. Đó cũng là sự khôn ngoan của kẻ sĩ biết tiến thoái, và từ đó, loài người tồn biết bao giấy mực để ca tụng để viết nên những dòng thơ xuất sắc về cuộc đời đẹp đẽ của Phạm Lãi và mỹ nhân Tây Thi. Trong gia đình có người cha làm thơ, hay ngâm vịnh với bạn bè nên Thiều sớm biết làm thơ. Năm mười lăm tuổi, anh đọc cho tôi nghe bài thơ:

Thôi đi, đừng nói nữa mây ơi

Nước mắt chiều nay đã ngập trời.

Ở tuổi mười bốn mười lăm, nhất là ở nhà quê, là tuổi bắt chim, bắt bướm, bắt cá lia thia, tuổi đá banh, phá phách các vườn cây ăn quả...mà Thiều như người lớn uống trà, làm thơ và lúc nào cũng như suy nghĩ mung lung. Về mặt thờ thần xa xăm.

Tôi hoàn toàn khác biệt nhưng rất quý và thương mến anh, có lẽ một phần do tôi biết anh đau khổ quá. Làm sao tránh khỏi đau khổ khi mới hai tuổi đã mồ côi mẹ, mười lăm tuổi cha chết

một cách rùng rợn. Rồi xóm làng tránh né khiến anh rất cô độc. Tôi thân với anh từ giờ phút đó cho tới khi anh qua đời, chỉ những ngày tôi ở tù dưới thời Ngô tổng thống, những ngày tôi trong quân đội ở quân đoàn 3 Biên Hòa và khi tôi ở Mỹ, mới sống xa anh. Thời thơ ấu, trời mưa chúng tôi vui đùa tắm mưa, nước lụt chúng tôi đồn chuối làm bè chèo chống khắp xóm. Thiều ngồi lặng lẽ nhìn mưa:

Mưa tầm tã tuôn rơi như lệ chảy

Nước mắt ngập trời, nước mắt như mưa dầm. Tuổi thiếu niên của anh buồn quá, buồn thê lương, buồn dai dẳng. Có những buổi chiều, tôi đến nhà anh, qua cái sân rộng vắng vẻ, con chó già nằm trên hè nhìn tôi, không cử động, không phản ứng, như không có gì hết. Tôi nhìn qua cửa sổ thấy Thiều ngồi như bất động, nhìn lên trần nhà. Tôi ngạc nhiên và kính trọng những giờ trầm tư của anh. Nhìn một lúc tôi gọi. Anh giật mình như tỉnh mộng.

Mùa xuân đến, cây lá đâm chồi nảy lộc, vạn vật tươi vui, nhưng Thiều vẫn buồn, vẫn cô liêu.

Hãy xem Thiều khai bút:

*Đi tìm xuân biếc trên cành vắng
Tôi gặp điu hiu tận lá đầu
Thôi hết, rồi đây năm tháng lạnh
Rồi đây năm tháng ngã về đâu.*

Xuân có biếc thật, nàng Xuân có về đó, nhưng Xuân trên cành vắng, Xuân trên cô liêu. Thi nhân thơ ấu này, ngay trong chiếc lá đầu đã thấy điu hiu, đã thấy buồn tẻ. Rồi ngày mai ra sao, ngày mai là một chuỗi dài năm tháng lạnh. Rồi ngày mai về đâu “*Lạc phương rồi lòng biết nói năng chi*”. Ngày mai của Thiều là tối tăm giá lạnh, buồn thảm vô phương hướng. Cha anh ra đi một cách tức tưởi, không có báo hiệu, không có triệu chứng báo trước, một nhát dao tàn bạo bay qua, tức khắc đầu lìa thân, tức khắc chấm dứt cuộc đời nhanh như cúp dòng điện bóng đèn vụt tắt, để lại cho anh cuộc đời không còn ánh sáng, cuộc đời vô định, triền miên trong lạnh lùng, “*Thôi hết*”, anh chưa biết sống, thì đã hết rồi, cái bóng tối ma quái khủng khiếp của đêm anh mò mẫm sờ soạn đi tìm xác cha in sâu trong đầu óc thơ ngây người niên thiếu và báo hiệu trước một cuộc đời “*năm tháng lạnh*”, cuộc đời đầy nước mắt.

Thương Thiều, những câu thơ trên, không còn là thơ nữa, mà là nước mắt, là tiếng khóc triền miên, in hằn trong tim, trong óc tôi. Cảm hết nỗi đau cùng cực, nỗi cô liêu kinh khủng của người bạn thân thương nhất đời, nhiều lúc, rất nhiều lúc, tôi cũng cô đơn, cũng buồn tủi và ngâm lên “*Thôi hết rồi đây năm tháng lạnh, rồi đây năm tháng ngã về đâu*”. Tôi thấy lòng mình như tê cóng, như bị đày về miền Bắc cực băng tuyết tối tăm, không có ánh sáng, không có thời gian, không có cõi đời.

Thiều lớn lên yêu người con gái rất dễ thương ở xóm chợ Long Phụng, đẹp mảnh mai, hiền lành, ít nói. Em nghèo quá, hàng ngày lên giếng đình gánh nước ngang qua cổng nhà tôi. Em mặc chiếc áo cụt cánh màu nâu đã phai màu, cái quần dài đen cao hồng trên cổ chân. Bộ y phục nghèo nàn duy nhất suốt bốn mùa trong năm. Thật sự tôi rất xao xuyến, thầm trách trời đất sao bắt công với em, đày đọa em trong cảnh quá nghèo khổ. Y như chuyện công chúa lạc vào túp lều xiêu vẹo trên một hoang đảo nào. Em đẹp, đẹp quá, đẹp tự nhiên của tuổi trắng tròn. Nàng là hương hay nhan sắc mộng lên hương! Thiều yêu mê người đẹp thầm lặng đó, một giai nhân, một Bao Tự của quê hương thân thương Long Phụng chúng tôi. Bất chấp mọi dư luận, bất chấp mọi dèm pha, bất chấp tất cả, người nghệ sĩ tuổi trẻ này quyết cưới nàng làm vợ. Tôi chới với, rồi tôi tích cực yểm trợ tinh thần, thặng hoa mỗi tình có ngang trái nhưng rất nên thơ rất lãng mạn này. Một mối tình tuyệt đẹp. Lúc này Thiều làm rất nhiều thơ. Đêm đêm tôi lên Thiều uống trà ngâm thơ và luôn có những vần thơ mới về mối tình nồng nàn nóng bỏng này. Nàng tin yêu Thiều như tin Thượng Đế, hiến trọn tất cả cho Thiều, không một giây một phút hoài nghi lưỡng lự. Tính chất ngây ngô khờ dại của nàng làm cho Thiều trân quý nàng, làm cho Thiều đắm đuối nàng, và lần đầu tiên cặp tuổi trẻ này biết thế nào là tình yêu, thế nào là tận hưởng tột đỉnh của ái tình. Trên sáu mươi năm rồi, tẻ quá, tôi không còn nhớ vườn thơ của Lê Vinh Thiều lúc ấy. Người ta bảo rừng thơ của anh hiện còn nằm trong ngăn kéo của người con trai anh ở Sài Gòn.

Rồi thời thế đổi thay. Trời tự do đến, tháo cồng, chúng tôi bung ra, hít thở không khí mới. Một xã hội hoàn toàn mới, một đời mới mở rộng chào đón chúng tôi năm 1954. Làm sao quên được cái năm tháng Trời cho này. Năm 1957, Thiều vào Sài Gòn vào thủ đô của tự do của văn minh, tiếp tục đèn sách.

Thương nhớ người vợ bé bỏng ở quê nhà Thiều viết :

*Mười năm trước tôi thương cô gái ấy
Mười năm sau tôi mới thấy nàng buồn.
Suốt mười năm dài một khoảng cô đơn
Nắng đập mưa vùi căn mái tóc
Gió ngã trắng nghiêng nhiều khổ nhọc
Gây tội tình cho hai đứa vô can
Nên mười năm là mãi mãi đau buồn ...*

Buồn, buồn quá, lúc nào cũng buồn. Dù trong cảnh phồn hoa đô thị, dù giữa Sài Gòn tráng lệ, dù bên cạnh là chúng tôi, Lê Sử, Phạm Anh, Trần Đình Thám...thế hệ trẻ này như những chiến sĩ đang vật lộn trong cuộc đời mới để bù lại những ngày phí phạm thì giờ vô ích của chế độ gồng cùm, anh vẫn buồn bã luôn nghĩ về quê làng, về người vợ trẻ đau buồn nhưng nhớ, người dì im lìm cặm cụi suốt ngày, về bà nội già lưng còng với cái tang tức tưởi của đứa con trai, vì đứa cháu nội nuông chiều nhất của bà bỗng xa nhà vào Nam mịt mù... Nhìn mười năm qua, mười năm đau buồn, mãi mãi đau buồn... Qua bảy câu thơ, một gia đình lẻ loi tiêu điều, bà buồn, dì buồn, vợ buồn... Thiều sống trong môi trường buồn, và hình như anh chuốt mãi nỗi cô liêu. Anh mặc cho chúng tôi đua bơi, chìm nổi trong cuộc đời mới, về quê, về lại cảnh cũ người xưa.

*Có kẻ ra đi nhớ ngày tháng cũ
Xoè bàn tay đếm lại những ưu tư*

Rời đô thành hoa lệ anh trở về ngôi nhà cũ. Cảnh cũ người xưa vẫn còn đó, đón chờ anh. Có thể nói lúc này là lúc ổn định nhất của đời anh. Với chiếc xe gắn máy sáng đi chiều về, anh dạy các trường tư ở thị xã Quảng Ngãi. Vợ anh sinh đứa con trai đầu lòng, làm cho cảnh gia đình vui tươi hơn, nhất là bà nội anh mừng thấy rõ. Lâu lắm rồi bà mới có lại nụ cười vì có đứa cháu đích tôn nối dõi tông đường. Vợ anh lấy lại danh thể làm dâu một giòng họ lớn tiền hiền trong làng. Anh an vui cuộc sống của một trí thức tiểu tư sản và tạo lại được sự đề huề của bà con họ hàng của xóm làng. Khi đó chúng tôi chìm đắm trong không khí xô bồ ở đô thị Sài Gòn. Cuộc đời học hành khoa bảng, cuộc đời chánh trị, đã đưa tôi đến những bước cực kỳ đen tối và cuối cùng là tù đày. Đó là lúc tôi sống xa anh và cũng mừng cho

anh tạo được cuộc sống êm ấm. Chúng tôi thường liên lạc nhưng ít khi về gặp lại anh.

Sau khi chánh quyền cụ Ngô sụp đổ, tôi từ Côn Đảo về, anh cùng số bạn bè thân thuộc chờ đón tại phi trường Quảng Ngãi. Về nhà anh, chị Phượng, vợ anh vẫn như ngày nào đẹp, giản dị tuy có vẻ trưởng thành của một người làm mẹ làm dâu trong một gia đình cổ xưa. Gặp lại tôi, anh mừng quá, bảo anh đã cầu Trời Phật phù hộ cho tôi, nhất là khi nghe tin tôi sắp ra toà án quân sự ở Sài Gòn và đọc báo thấy tên tôi trong danh sách đầy đi Côn Đảo. Anh nói một câu rất tội nghiệp và rất là thơ: *"Nghe mày đi Côn đảo, tao ngồi nhà mà tao thấy "chòng chành trong biển cả mênh mông"*. Rồi anh cho biết tuy cuộc sống bình yên no ấm nhưng anh vẫn như thiếu thiếu cái gì, nhất là những chiều yên lặng, trời nhè nhẹ, hoặc những đêm trăng sáng anh thấy có cái gì ray rứt *"...làm tao áy náy khó tả lại cho mày hiểu và tao đã viết những câu này"*. Anh đọc lên để tặng tôi có chị ngồi bên :

*Đợi chờ đã tím giàn hoa đậu
Chờ đợi mười năm chẳng thấy gì
Riêng gió quê nhà hiu hắt quá
Và tình đò hội nắng nghiêng mi.
Chờ đợi mười năm sao vẫn chớp
Trăng thề nửa mảnh vẫn chành chành
Bút đã mười năm dầm mực lạnh
Mình thương rồi lại tự thương mình.
Hoa lá mười năm xao xuyến rụng
Con chim vườn cũ vẫn kêu thương
Gió về bờ giậu băng khuâng quá
Chẳng tiễn đưa mà cũng vẫn vương.
Nhà ai động khói hoàng hôn xám
Giọng hát hoàng hôn lại nã nê
Giàn đậu từ lâu hoa nở tím
Ruộng đồng nhàn nhạt bóng trăng quê.
Từ tiễn quan san người dạo ấy
Và rồi lại đến chuyện quan san
Nhớ xưa từng hát câu thơ cũ:
Tháng ba, sương muối, đậu lên giàn...
Bây giờ hoa đậu màu thôi tím
Đã héo mười năm trên tóc xanh*

*Đã quá mười năm tay vẫn trắng
Bài thơ thân thể viết chưa thành.*

Bài thơ hay quá tôi buột miệng nói lớn như vậy. Lâu lắm rồi tôi chưa được nghe những câu thơ truyền cảm và hay đến như vậy. Những câu thơ này đâu phải chỉ nói cho mình anh, mà cho cả chúng tôi, cả thế hệ của chúng tôi :

*Bút đã mười năm dầm mực lạnh
Mình thương rồi lại tự thương mình*

Đến như hai câu này:

*Gió về bờ giậu băng khuâng quá
Chẳng tiễn đưa mà cũng vẫn vương*

Tuy không đưa sang sông nhưng thi sĩ Thâm Tâm có đưa người đi thật:

*Đưa người ta không đưa qua sông,
Mà sao tiếng sóng ở trong lòng.*

Ở đây, gió chiều hiu hắt qua bờ dậu, Thiều cảm thấy như vẫn vương, như nuối tiếc sự chia tay người ra đi. Hình như anh có linh cảm, hay có sự lo âu rồi sẽ có ngày ra đi, có sự phân kỳ.

*Từ tiễn quan san người đạo ấy
Và rồi lại đến chuyện quan san*

Năm 1964, tôi về Quảng Ngãi đến nhà gặp anh đang nói chuyện với một nữ sinh thật đẹp. Tôi sửng sờ trước sắc đẹp của cô nữ sinh này. Thiều giới thiệu cô tên là Vũ Kim Oanh học sinh lớp đệ ngũ trường anh dạy. Tôi thăm nghĩ cha này đào hoa thật. Người nữ sinh này chừng mười sáu mười bảy tuổi, mái tóc bồng bênh khuôn mặt tròn tròn phình phính vừa chớm tuổi đẫy đà. Nước da trắng càng trắng vì bộ quần áo đen kiểu cách. Người đẹp không tự nhiên đứng dậy lễ phép gục đầu chào tôi bẽn lẽn không phát thành lời, rồi lui vào chiếc ghế phía trong nhường ghế cho tôi ngồi nói chuyện với anh Thiều. Nghĩ thế nào cô ta lại đứng dậy xin phép đi về. Đưa ra cổng rồi, anh Thiều nói chuyện với tôi cho biết anh yêu cô nữ sinh này từ đầu năm học. Anh rất hãnh diện cô ta có sắc đẹp “khuyh quốc, khuyh thành” rất yêu anh và hiện gần như ở chung cùng nhà với anh. Tôi im lặng nghe không có ý kiến gì, không biết buồn hay vui, chỉ biết con bé

đẹp quá. Tôi hỏi anh, quá thị thường như thế này chị Rô, tôi thường quen gọi chị Rô, biết thì sao, và nhà trường biết thì sao. Anh không trả lời vào câu hỏi của tôi, anh nói qua chuyện khác bằng cách hỏi tôi về Tạ Kỳ và Bùi Giáng ở Sài Gòn.

Tôi làm chiến dịch “Về Làng” đêm ngày ở với cán bộ trong xóm. Từ nhà quê tin đồn tới tai tôi chuyện thầy Thiều với cô học trò. Người ta bài bát chề bai có người lên án nhà giáo Lê VinhThiều. Hầu hết đàn bà binh vực thương hại chị Rô.

Tôi đặt vấn đề với anh Thiều, bảo chị Rô là người anh yêu bất kể sự bài bác của giòng họ, chỉ có tôi và anh tám Lương tán đồng ý kiến của anh và bây giờ đã có con với chị Rô nếu anh công khai yêu cô bé này thì gia đình tan nát và anh không thể tiếp tục dạy trường tư thực đó nữa.

Mấy tháng sau, Thiều thôi dạy và trò cũng thôi học.

Rồi một hôm, chị Rô lặng lẽ dẫn con vào Sài Gòn sống với bà chị ruột...

Năm 1983 ra tù tôi có ghé thăm chị ở Sài Gòn. Chị nói chuyện nhỏ nhẹ “*Chú ra tù không có chỗ ở thì về đây ở tạm, nếu chú ngại thì ở đâu đó ghé đây tôi nấu chú ăn cơm mắm gi đó qua ngày, tôi biết chú không có tiền và người ta sợ không dám gần chú*”. Tôi không làm phiền chị nhưng tôi mang ơn chị lời nói chân tình đó. Trên ba mươi năm rồi, chị vẫn còn cặp mắt hiền lành dễ thương. Nay, chị qua đời mấy năm rồi. Người làng tôi mến chị, binh vực chị, thương chị và phục chị vì khi anh Thiều đau nặng nằm ở bệnh viện quận Mộ Đức, Quảng Ngãi, chị trở về chăm sóc anh suốt mấy tháng trước khi anh qua đời. Một lần nữa dân làng bàn tán ca tụng lòng tốt và sự hiền hòa của chị.

Như vậy cuộc đời Thiều có hai người đẹp. Hầu hết thơ của anh nói về tình yêu. Người đẹp thường là người bướng bỉnh, tôi vẫn nói người đẹp là thiên tài, là phần thường lớn từ Thượng Đế. Người đẹp tựa như ngựa “Xích Thố”, phải có bản lĩnh mới cưỡi được. Thiều yêu người đẹp là một nữ sinh mười sáu tuổi, vợ anh âm thầm bỏ ra đi. Anh chới với hốt hoảng, không ngờ người vợ ngoan hiền của anh có quyết định dứt khoát, cứng rắn, hành động không khoan nhượng.

Mất người vợ chánh thức rồi, anh hoài nghi, sợ sệt người tình mới bé bỏng và cũng khá bướng bỉnh này. Người nữ sinh liều lĩnh này làm cho anh ngây ngất, nhưng rồi anh hoảng hốt lo sợ. Tin anh, yêu anh, dám bỏ gia đình, bỏ trường học, đổi tất cả,

bất kể dư luận, để tận hưởng ái tình với anh, với một ông thầy tuổi gấp đôi. Tâm trạng đó anh viết nên những dòng thơ tuyệt tác vào cuối năm 1964, **Tôi Còn Em** :

*Tôi đi trong thành phố nhỏ
Sao như đi vào mông mênh
Tôi gọi tôi rồi tôi gọi em
Con bướm ngày xưa cánh buồn bay mất
Còn đây: Hư ảo cuộc đời.
Có con chim vàng bé nhỏ
Bay vào bối rối lòng tôi
Dòng tháng năm bỗng vô cùng thương nhớ
Tôi còn em hay cũng mất em rồi?
Có phải em mất sâu sa mạc
Chưa in một dấu lạc đà
Tôi đứng bên ngoài gọi vào vô vọng
Lời gọi kêu thành bản tình ca.
Âm thanh buồn vượn lên ánh mắt
Thành phố đêm run rẩy ánh đèn
Tôi tìm hướng em sao trời vụt tắt
Em đâu rồi? Thành phố bỗng không quen.
Trong ly rượu đầy bóng ai chệnh choáng
Tiếng ai nói cười thoang thoảng xa xôi.
Đêm tối mông lung ngàn sao hun hút
Tôi còn em hay cũng mất em rồi?*

Buồn, một nỗi buồn thoang thoảng, buồn lãng mạn. Tình yêu đã vào vòng tay nhưng thi nhân cảm thấy mỏng manh đâm ra sợ. Bởi vì:

*Con bướm ngày xưa cánh buồn bay mất
Còn đây hư ảo cuộc đời !*

Người vợ anh yêu quý, anh đã bắt sá mọi dèm pha, anh đã trân quý, đã tạo cho anh sự êm ấm của một gia đình có hạnh phúc, nhưng rồi “*Cánh buồn bay mất*”, như thế thì cuộc đời là thực hay là hư ảo.

Khó khăn ở chỗ anh không hát hủi, không quên, không từ bỏ người vợ trên mười năm, nhưng anh không thể không yêu đam mê người yêu bé nhỏ:

*Có con chim vàng bé nhỏ
Bay vào bối rối lòng tôi...*

Không chỉ “bối rối” mà anh hoảng hốt, như điên như dại, không biết phải làm gì. Anh không ngờ người đẹp nào cũng kiên cường, cũng cao ngạo, thích là ở, không là đi, bỏ ngoài tai mọi ý kiến người ngoài khuyên bảo phải trái. Một người đẹp dứt khoát bỏ gia đình, bỏ cha mẹ, bỏ bà con, bỏ quê hương, bỏ tất cả. Một người đẹp mới cũng vậy, bỏ gia đình, bỏ trường học, bất chấp dư luận, bất chấp tuổi tác đi theo tiếng gọi của lòng mình. Đúng là những thứ gỗ cứng, những thép cứng không bị nóng chảy. Kinh hoàng, người đẹp là thế !

Hãy bình tĩnh đọc lại bài thơ trên với cảm giác nhẹ nhàng nhẹ, như cùng với thi nhân đi trong đêm vắng của một thành phố nhỏ, e dè, hoài nghi, sờ sờ, tìm bóng dáng người yêu:

*...Tôi đi trong thành phố nhỏ
Sao như đi vào mộng mêh...*

Rồi:

*Dòng thác năm bóng vô cùng thương nhớ
Tôi còn em hay cũng mất em rồi!*

Cái ý mới lạ, lãng mạn tội nghiệp quá:

*Tôi đứng bên ngoài gọi vào vô vọng
Lời gọi kêu thành bản tình ca...*

Đến câu này:

*Âm thanh buồn vờ lên ánh mắt
Thành phố đêm run rẩy ánh đèn*

Tôi dám chắc, không có câu thơ nào hay như hai câu trên. Tôi nghĩ đã không quá lời. Hình ảnh, âm thanh, động tác, thi nhân điêu luyện mười bốn chữ vẽ nên bức tranh: Trên một gác trọ, dưới ánh đèn mờ, thi nhân cùng người đẹp, người yêu, nhìn qua khung cửa sổ xuống thành phố về khuya, sương phủ mờ các ngọn đèn đường, người yêu hát khe khẽ bài hát buồn buồn, đôi mắt đẹp buồn buồn, vì lời ca buồn buồn...

Cảnh đêm khuya buồn làm cho đôi mắt buồn hay chính đôi mắt khiến cảnh vật đã buồn về khuya càng thêm buồn, thi nhân không còn phân biệt “màu xanh hay sắc đỏ”.

Rất tiếc tôi không có tâm hồn đủ để diễn tả hết hai câu thơ tình trứ tuyệt trên. Nhưng “tình là dây oan”.

Nhật nhật tại tù thiên thu tại ngoại, nhưng thi sĩ Lê Vinh Thiều bị tù sáu năm hơn. Trong những năm đầu tù ở Hành Tín,

Thiều viết cho vợ bài thơ như nhắc lại cuộc đời từ lúc thiếu thời, lúc gặp người yêu, những nguyện ước...

*Buổi ấy em 18 tuổi
Môi hồng tươi và sóng tóc bồng bênh
Má đào thơ vừa độ chớm hoa duyên
Vời mắt biếc gọn u tình Việt Bắc.
Em nói với tôi những lời chân thật
Như bướm chim trò chuyện với mùa xuân.
Ta dìu nhau đi trên vạn nẻo đường
Của tình ái có gió trăng làm bạn.
Tôi trình bày cùng em
Về những chiều thu bằng lãng
Một áng mây hồng lạnh cuối trời.
Thuở ấu thơ không có tiếng cười
Không chim hót ở hiên nhà dịu nắng
Mây trắng mùa thu bay bốn hướng
Lá mùa thu rụng hết ước mơ xưa.
Rồi lớn lên, nón gió toai mưa
Tôi theo đuổi cuộc hành trình xiêu đở
Nay lều tranh, mai quán cỏ
Hồn lang thang trên sông núi tan lia
Chép thơ mình bằng tiếng giọt mưa khuya.
Hơn 30 năm, dừng lại
Tôi nghe rêu đá dựng trong hồn
Rồi gặp em rêu đá bỗng vàng son
Tôi nhớ mãi cũng chiều thu gió lộng
Gió núi Nùng thiết tha trên trán rộng
Mây Hồng Hà ăm ắp nghĩa phù sa.
Ta nấu cơm chung dưới một mái nhà
Bằng ngọn lửa tự Trời cao trở lại.
Chuyện thật chúng mình sao như huyền thoại
Năm chồi xanh làm chứng một mùa xuân
Vào mai sau, ta có sẵn hành trang
Hoa lê trắng và thơ đề áo trắng.*

(Hành Tín cuối năm 1975)

Thật tội nghiệp cho chúng tôi! Sống trong chiến tranh trong sự đổ nát, Lê Vinh Thiều viết những dòng thơ bằng nước mắt, hay cuộc đời bằng nước mắt.

*Rồi lớn lên, nón gió toi mưa
Tôi theo đuổi cuộc hành trình xiêu đở
Nay lều tranh, mai quán cỏ
Hồn lang thang trên sông núi tan lia
Chép thơ mình bằng tiếng giọt mưa khuya.*

Một tâm hồn đáng thương đáng yêu, tha thiết trân quý người yêu đến như vậy, thật sự tôi không hiểu người đẹp được ca tụng bởi những lời thơ nồng cháy thiết tha này mà còn đủ can đảm dứt áo ra đi. Chị Oanh ơi !

*Hơn 30 năm, dừng lại
Tôi nghe rêu đá dựng trong hồn
Rồi gặp em rêu đá bỗng vàng son
Tôi nhớ mãi cũng chiều thu gió lộng
Gió núi Nùng thiết tha trên trán rộng
Mây Hồng hà ấm áp nghĩa phù sa.
Ta nấu cơm chung dưới một mái nhà
Bằng ngọn lửa tự Trời cao trở lại...*

Anh có viết cho tôi: “*Tao về nhà, mở cửa vào nhà, vắng lạnh quá, nhà trống không, không còn cái gì hết, vợ tao (chị Oanh) bỏ đi từ ngày nào...*”

Kim Trọng về để tang cho chú, khi trở lại Thúy Kiều thì:

*Chung quanh lạnh ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai.*

*Hỏi ông ông mắc tụng đình
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha
Hỏi nhà nhà đã dờn xa
Hỏi chàng Vương với Vương Bà Thúy Vân
Đều là sa sút khó khăn
May thuê, viết mượn kiếm ăn lần hỏi
(Kiều)*

Cái đau của Kim Trọng mà nhiều người cho là “đoạn trường” có thấm gì với cái đau của Lê Vinh Thiệu khi tù về vợ bỏ đi mịt mù biệt tăm, không còn gì để sinh sống. Luôn luôn đối diện với cái cảnh:

*Hôm nay nhà hết gạo,
Trời vẫn đẹp, trăng mờ*

*Con tôi đói, đi ngủ sớm
Còn tôi ngồi viết mấy vần thơ.*

Nếu có ai ở tù về thấy các con nheo nhóc thiếu ăn, đói bụng mệt lả, ngủ trước mặt trời lặn, mới cảm hết được cái đau đớn đoạn trường của Lê Vinh Thiệu. Nhưng cái nghiệp thi sĩ lúc nào cũng say mê cái đẹp, nên ở tận cùng của sự đau khổ như vậy, vẫn “*Trời đẹp trăng mờ..*”

Nhưng anh viết cho tôi biết, rất nhiều bạn đàn em, học trò giúp anh. Có những bạn mới thật trẻ ở thôn quê lên đem rượu, đem những món ăn nghèo nàn ở đồng ruộng đến, cùng anh uống rượu. Anh viết “*Liệu ơi ! những lúc đó tao nhớ tới mấy quá, nhớ Quảng Ngãi Nghĩa Thục quá!*” Rồi Tết đến người ta nô nức ăn Tết, tội nghiệp anh phải ra nhà Võ Hữu Cảnh, vì vợ chồng Hồng Hạnh - Cảnh cũng như Chế Quân là bạn đàn em thương mến anh, giúp đỡ anh, nhưng không gặp Cảnh “*đến thăm em nhiều lần mà chẳng gặp...*” Mấy chữ đơn giản vậy mà làm tôi xúc động quá! Tôi thấy trước mắt sáng Ba Mươi Tết, Thiệu lủi thủi đi bộ mười lăm cây số, ra thị xã Quảng Ngãi, ngày hết Tết tới rồi, người ta đua nhau sắm Tết, vì có nghèo cũng ba ngày Tết. Thiệu vào nhà Cảnh, nhưng không gặp, anh lui ra, đi lẩn quẩn đầu đó để nhìn người đi sắm Tết. Chắc là Cảnh về rồi, mong như vậy, Thiệu đến nữa, nhưng Cảnh vẫn chưa về, thêm vài lần, Cảnh cũng chưa về “*đến thăm em nhiều lần mà chẳng gặp*”.

Tôi không tưởng tượng được nữa. Người nào có một lần nghèo trong dịp Tết, hãy đọc tiếp bài thơ dưới đây, với lời chú bên trên của thi sĩ Lê Vinh Thiệu để nghe định nghĩa về tình duyên, về đôi lứa, về tiêu thuyết, về thi ca. Hình ảnh người vợ ra đi không trở lại luôn ám ảnh trong thi ca, kể cả những lời ghi vôi vàng tại nhà Cảnh.

“Cảnh thương mến, dịp sắp sang xuân Bính Dần đến thăm em nhiều lần mà chẳng gặp - Nhân đó, cảm đề:

*Đến em nhiều lần nhưng chẳng gặp
Em chưa về chứ không là biệt biệt.
Trời sắp sửa sang xuân
Và chân chưa mỗi mệt
Nên còn đi còn lại nhiều lần.
Còn tình duyên thì còn những băng khuâng
Còn đôi lứa, còn thương còn nhớ*

*Còn tiểu thuyết vì còn tình dang dở
Còn thi ca vì còn lệ đêm mưa.
Em nhớ nghe tiếng chim lạ sang mùa
Kéo hoa nở không có người đón đợi.
Chuyện tuy cũ nhưng tình còn rất mới
Em giữ dùm lưu luyến buổi đầu tiên.*

Dù người đẹp ra đi biệt tăm mù mịt, anh vẫn hi vọng nàng đi rồi vì những lời hẹn hò ngày trước, may ra... còn chung thủy với anh.

.....
*Đã quá lâu rồi gió núi Nùng mây sông Nhị
Không còn duyên dáng đất phù sa.
Cài tóc một bông hồng
Và hạp lại những tài hoa
Từ nhiều phía để sum vầy lửa đỏ
Em sẽ về từ mênh mông biển gió
Dáng kiều thơ làm ngợp giấc chiêm bao.
Rồi xuân sang màu má đẹp hoa đào
Tài tử giai nhân phải lòng nhau buổi ấy
Giữa Trời đất thề trước sao sau vậy
Chẳng ôm đàn bước lệch xuống thuyền ai.*

Vợ anh là cô gái “núi Nùng sông Nhị”, cô gái Bắc, đã bỏ quê hương Long Phụng của anh ra đi. Nàng đã cho anh những ngày đẹp để lý thú — “Tài tử giai nhân phải lòng nhau buổi ấy.” Nhưng anh hi vọng và có lẽ hi vọng để sống những ngày thừa thãi còn lại:

*Giữa trời đất thề trước sao sau vậy,
Chẳng ôm đàn bước lệch xuống thuyền ai*

Không phải là lời mong ước không thôi, đó còn là lời cầu nguyện, cầu nguyện một cách quá mỏng manh.

Nhưng...

Tuyệt trong *Đời Mưa Gió* đã ra đi giang hồ, không trở lại,
Mưa Ngoài Sông Hồ:

*Tôi phải làm sao cho em khỏi khóc
Tôi phải nói gì cho em đi đường ấy nhẹ ưu tư.
Em mất em từ những bao giờ
Tôi mất em từ những ngày mưa gió.
Nếu tôi mời em ly rượu mừng hoa cỏ*

Mừng con sông quê chẳng đổi thay dòng
Mừng mai vàng lại nở trước mùa đông
Vàng ngổ trúc buổi hạ tuần trăng vẫn sáng
Chắc em sẽ chối từ.
Vì em đã viết một bài thơ
Có đầu, không cuối
Và đoạn giữa thiếu cay gừng mặn muối
Quên non thương biển nhớ buổi trăng tròn
Quên gốc sim già, quên cả lá mai non
Phơ phất gió những chiều xuân lịch sử.
Cho nên em phải buồn
Em đi một mình bên ấy
Biết Trời đất không dung nhưng cũng đành chịu vậy
Tôi thật tình mà nói: Rất thương em.
Bây giờ em đã thành quen
Vớ tội lỗi nên tưởng rằng không phạm tội.
Câu chuyện ngày xưa đã trở thành chỉ rối
Gỡ không ra đành quấn chặt lấy lòng mình
Nếu một mai kia Trời vẫn còn xanh
Chắc em vẫn còn buồn
Em mất em rồi nên chẳng có ai thương.
Tôi nghe mưa ngoài sông hồ nhiều lắm.

1983.

Thiều xác nhận vì hoàn cảnh đất nước nghiệt ngã nên anh mất người vợ mà anh đã đánh đổi hết cuộc đời của anh “Tôi mất em từ những ngày mưa gió”. Và anh phải đối diện với một sự thật, một sự thật cay đắng không thể giấu giếm:

*Bây giờ em đã thành quen
Vớ tội lỗi nên tưởng rằng không phạm tội*

Biết vậy rồi, biết chắc người yêu ngoài tầm tay rồi, nhưng càng mất, càng quý nàng. Ngày xuân đến, những kỷ niệm êm đềm hiện về, anh còn sống trong hoài vọng trong quá khứ, trong tưởng tượng, **Rót Chén Rượu:**

*Rót chén rượu mừng hoa xuân trở lại
Bàn tay xưa trắng muốt mộng ngày xưa
Nhà ta có hoa mai vàng nở muôn
Gió nồm quê ta run rẩy lá mai non
Nâng bàn tay em trời một phía nghiêng buồn*

Mười mấy năm đời vẫn gió mưa tuôn
Mà tình sử vẫn thơm mùi tóc lạ
Ta dìu em dưới khung trời nghiêng ngã
Lá mai non run suốt cuộc hành trình
Bàn tay em xoè rộng giữa bình minh
Trao ánh sáng cho ta ngày nguyệt tận.
Gió nồm quê ta hết thơm mùi muối mặn
Kể từ khi đôi lứa lạ lòng nhau
Một dãy trường sơn mây trắng chít ngang đầu
Ngoảnh nhìn lại tình duyên xưa đổ vỡ
Bao nhiêu giận hờn, bao nhiêu thương nhớ
Loạn sử không ghi kinh sách cũng không đề.
Mười mấy năm theo với gió nồm về
Bàn tay trắng mộng ngày xưa nở trắng
Trong mắt em xanh, xanh màu biển mặn
Ta nhìn ta, thấy sáng bóng quê hương
Ta nhìn em, môi chưa nhạt màu son
Những lưu luyến buổi ban đầu vẫn thế
Em vẫn kiêu thơ dù bao nhiêu dâu bể
Và gặp nhau bèo nước vẫn trao tình
Hái cánh hoa đầu thân tặng buổi bình minh.
Nhà ta có hoa mai vàng nở muộn
Muộn mát rồi, nhưng có, cũng hơn không.
Ta chiều em cài tóc một bông hồng
Rót chén rượu tưới thơm ngày tháng cũ.

Xuân 1982

Thất bại hiện tại, đành sống với quá khứ.
Anh kín đáo trách cứ thời cuộc đã huỷ hoại hết cái đẹp của
phong tục tập quán. Cũng vì những đổi thay đó anh là nạn nhân,
anh mất người yêu, **Trăng Đêm Nay**:

Trăng đêm nay là trăng mười tám
Gió ngã mây nghiêng lạc loài chúng bạn
Ngàn dặm sơn khê ngoảnh lại cũng bằng thừa
Ta vui hay buồn mà nhớ chuyện ngày xưa:
Ngày ấy sum vầy sông nước
Con đò tình xuôi ngược giải Hương Giang
Mái nhì mái đẩy câu hát dịu dàng
Trong tiếng hát có linh hồn sơn phấn

Ngày ấy không hờn không giận
Nên trăng xưa bình thản vô cùng
Chú cuội cô Hằng vui với cuộc đời chung
Quên mừng một, ba mươi những đêm buồn nguyệt tận
Cô gái Cửu Long nụ cười rất thắm
Thuyền chèo xuôi xe chạy ngược cũng thành duyên.
Rất thủy chung nên nhớ vị sâu riêng
Không ai quên Đồng Nai cơm gạo trắng
Không ai quên những lời hò hẹn
Mà trăng đêm nay buồn quá một chu kỳ
Sông nước dậm dài, thương kẻ ra đi
Trăng chao đảo trên tường xiêu mái dột
Đã hẹn nhau rồi sao còn mai còn một
Còn ngại ngừng cho mất vẻ si mê
Trăng năm xưa quen thuộc lối đi về
Tình để lại trên núi Nùng sông Nhị
Áo mặc tử thân mà cuộc đời hoa mỹ
Đẹp làm sao cô gái chít khăn sô.
Trăng đêm nay rét mướt 4 nẻo sông hồ ...

— Long Phụng, đêm 18 tháng 11 Âm lịch
(1985)

Đổ lỗi đổi thay cho thời cuộc để nhẹ bớt nỗi riêng tư, vì cho đó là lệ chung của xã hội đã mất những tập quán đẹp đẽ chân thật ngày xưa. Nhưng nỗi đau vẫn canh cánh bên lòng “*Riêng mình nào biết có Xuân là gì*”, và rồi nguồn thơ sẽ cạn vì “*viết cho ai ai biết mà đưa*”:

*Riêng phần tôi hoang vắng những chiều hồng
Trang thư đẹp ngập ngừng không viết nữa.*

Như ai đã nói, lời ca thất vọng là lời ca hay nhất. Lúc này là lúc Thiệu viết nhiều bài thơ thống thiết, con cuốc kêu suốt canh trường đến tắt tiếng, đến ngã gục. Cuối cùng cũng chỉ có rượu, “*dục phá thành sầu duy hữu tửu*” nhưng sầu vẫn sầu, sầu hủy hoại đến phút cuối đời người:

*Em làm lủi đi bừa vào bóng tối
Tôi uống rượu để quên đầu quên cuối
Quên chúng mình và quên cả cuộc đời luôn*

Dù kín đáo là bản tính của anh, nhưng oán trách thời thế, hận thù chế độ, có khi cũng không giấu được:

...Con sông quê hương bỗng chốc hết hiền từ.
Tôi nhận cuộc đời trong ngõ cụt
Hoàng hôn xuống rồi sông núi thực hay hư?
Ta đi chập choạng trăng hờn tủi
Mang tình sầu lên tận đỉnh quê hương
Sau lưng một bóng trăng ngờ vực
Trăng đầu non cuối bể lạnh vô cùng.
Thương kẻ bày tình bán rao giữa chợ
Bài thơ tình không yêu không thương...

Và còn nhiều nữa:

Xương máu hoa gầy, tháng chờ năm đợi
Đêm về khuya ma quỷ đón đầu đường
Rồi anh em bè bạn hết thân thương
Và chồng vợ cũng mỗi người mỗi ngã
Mạch đất khô cằn, tàn hoa úa lá
Giữa đau thương đành chí lớn phai mòn
Mưa chiều nay nhạt hết những vàng son
Nên tượng đá cũng cúi đầu than thở.
Tôi làm thơ thay lời sông núi nhớ
Và riêng mình bầu bạn với mình thôi.

Thêm một đoạn nữa:

Bên kia sông không có gì bí mật
Bên kia sông trống lạnh vô cùng
Tôi đã đi nên biết nỗi buồn chung
Gốc đa cằn thương những chuyện đời trôi nổi
Lều xiêu vẹo không có người lui tới
Mắt cô Thúy thưở còn thơ đã gờn gợn u buồn
Hàng lau sậy ven đê thì nghiêng ngửa chẳng linh hồn
Chiếc cầu gãy sau đêm trời lộng gió
Dãy phố cũ nay chỉ còn rêu cỏ
Chùa miếu hoang Thần Thánh đã đi rồi
Bên kia sông không có cuộc đời
Kẻ lữ hành đành quay trở lại
Phía sau lưng là con đường hoang dại
Bóng tối mênh mông và ma quỷ làm người
Bên kia sông không có cuộc đời ...

Tôi chấm dứt những vần thơ tình của Lê Vinh Thiệu để nói

đến bài thơ của Thiều khóc thi sĩ Bùi Giáng.

Thiều biết và quen thân Tạ Ký vào năm 1950 tại trường Lê Kiết ở Quảng Ngãi, nhưng với Bùi Giáng mãi năm 1957 vào học lại tại Sài Gòn, Thiều mới quen biết.

Gặp chỉ một thời gian ngắn, Thiều rất phục Bùi Giáng về thơ. Thiều cho tôi biết Bùi Giáng là một kỳ tài về thơ “*Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương... không nghĩa gì hết nếu so với Bùi Giáng*”, anh quả quyết như vậy.

Thấy tôi hoài nghi, anh đọc hai câu:

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau.*

Anh bảo hai câu này là thánh thơ, người phàm không thể làm được hai câu như thế. Tôi hỏi hai câu đó nói cái gì. Anh bảo hai câu ấy nói cái bi đát của kiếp người, mới xem như mùa xuân như niềm vui như phấn khởi, như hoan lạc... nhưng thực ra cả một đêm dài đen tối sẽ chụp lên cõi người ta...Tới bây giờ, tôi cũng chỉ hiểu lờ mờ hai câu anh bảo là thánh thơ đó. Hai câu thơ mang nặng mùi triết lý về đời người. Nhưng đó là chuyện khác, ở đây tôi chỉ nói đến Lê Vinh Thiều khóc Bùi Giáng.

Lúc ấy vào khoảng 1980, chúng tôi còn trong tù ở Kim Sơn, khu lò gạch. Người thăm nuôi từ Sài Gòn ra cho biết Bùi Giáng bị công an đánh chết vì giờ giới nghiêm vẫn đi lang thang, ca hát với bầy chó con. Người ta còn quả quyết anh bị đánh bể đầu máu chảy ướt cả chiếc áo trăm tấm của anh và xác anh vứt bên lề đường... Đêm đó, tôi thấy anh Thiều khóc và nằm trên chiếc võng treo trước lò nung gạch. Đêm khuya núi rừng mùa đông vắng lạnh và buồn quá. Anh rì rả suốt đêm thơ Bùi Giáng. Tôi an ủi anh “*Thời đại này nhiều tin thất thiệt lắm, khi chiều tôi có hỏi kỹ người thăm nuôi, ông ta nói chỉ nghe nói lại, chứ không thấy, nhưng theo ông, chắc là thật vì công an ở Sài Gòn tàn nhẫn lắm... hơn nữa, nếu có thật thì biết đâu đó là may cho Bùi Giáng thà chết cho khỏe, còn hơn quá đỗi khổ dưới chế độ này.*” Anh không để ý đến lời tôi nói vì đang làm thơ về người thi sĩ tâm tình với anh đã qua đời.

Tối hôm sau cũng trong giờ mọi người chìm sâu trong giấc ngủ, anh đọc cho tôi bài điệu văn về Bùi Giáng:

*Không ai nghĩ rằng anh đã mất
Vẫn còn đây buồn bã tiếng mưa nguồn*

Anh viết lại bài thơ
Rồi sau đó anh đi biên biệt
Thành phố buồn hoen giọt máu chưa khô
Tài tử nghìn sau đắp hộ nấm mồ
Và cấm cho anh bình hoa quốc sắc
Đọc điếu văn bằng những chuyện tình hay nhất
Đưa anh về vĩnh viễn với thiên hương
Xôn xao tiếng sóng Tiền Đường
Trên cõi ấy xênh xang câu hò lục bát
Cúc trúc mai lan bốn mùa thơm ngát
Quốc sắc thiên hương khuấy khoả mộng thiên tài

Tôi nhớ ngày xưa anh khóc anh cười
Anh ném vào đời những câu nghiêng vắn ngửa
Như giữa đêm Đông kẻ chẵn cừu thiếu lửa
Ngước nhìn lên không thấy một vì sao
Rồi anh đi không biết đến nơi nào
Tiếng khóc tiếng cười vẫn ngọt ngào thương nhớ
Lá hoa còn từng trang tình rộng mở
Hội mùa Xuân cỏ biếc trắng hoa lê
Gió mùa Xuân cây cỏ gọi anh về
Từng chim bướm gửi lời chào thân ái
Gió nội hương đồng lòng anh lưu luyến mãi
Cánh chuồn chuồn bay đậu thờ hoa niên
Anh làm thơ khóc bạn đa duyên
Cho mây trắng vấn vương lầu Hoàng Hạc
Anh ca ngợi tình yêu sao mà nghe tiếng khóc
Cửa lửa đôi dang dở tuổi mười lăm
Suốt cuộc đời anh vườn Thúy vắng trăng rằm
Hồn thơ đại sửng sờ trong gió loạn

Tôi đến với anh một chút tình bè bạn
Vẫn không quên thương mến buổi sơ phùng
Tôi hỏi anh rằng có rằng không
Chúng mình đó hay là hai giọt lệ
Rơi lẫn lóc từ bụi thềm Ngọc Đế
Xuống trần gian sẵn có cõi đau thương
Anh trả lời anh bằng cuộc sống lang thang
Khi phố chật lều tranh khi đầu đường xó chợ
Gửi tấm lòng đến từng con kiến nhỏ

*Giữa trang thơ dòng chữ gọi thiên thu
Đưa bất tài.. đâu đến được thâm u
Để ngó thấy chim giữa rừng gọi nắng
Anh cứ vui đi giữa trời âm lặng
Rồi mai sau làm chủ hội tiêu dao
Giữa những trời Xuân rạng rạng hoa đào
Mây Tiên Lãnh về chơi Lạc Phố.*

Nghe tin Bùi Giáng bị đánh chết một cách thâm hiểm giữa đô thành Sài Gòn, anh xúc động viết bài điệu văn gồm bốn mươi bảy câu thơ. Điểm đặc biệt là anh không lên án, không tố cáo hành vi man rợ của người đã sát hại bạn anh, bởi vì những chuyện thù hận, chuyện chính trị ân oán giang hồ... tất cả đều thấp kém, đều không đáng xuất hiện trong hồn thơ trong sáng của anh đối với thiên tài Bùi Giáng. Sau này ra tù, chúng tôi mới hay tin Bùi Giáng bị đánh chết không đúng. Mãi trên mười năm sau Bùi Giáng mới chết. Khi Bùi Giáng chết, người Việt trong nước ngoài nước đều vinh danh người thi sĩ mà khi còn sống bị xem như kẻ điên khùng đói rách.

Tôi không là nhà thơ, nhưng vì Lê Vinh Thiều, Tạ Ký là bạn với Bùi Giáng nên tôi quen thân với Bùi Giáng từ 1957. Vì vậy tôi đọc trên năm chục bài nói về Bùi Giáng, khi Bùi Giáng chết. Trừ một số rất ít, phần nhiều viết về Bùi Giáng, nhưng chỉ nghe chứ chưa thấy Bùi Giáng, hoặc chưa đọc thơ hoặc chưa hiểu gì về Bùi Giáng. Riêng bài thơ của Thiều lúc còn trong tù viết về Bùi Giáng với cảm xúc rất chân thành, theo tôi, bài chân thành nhất, hay nhất, tài hoa nhất. Thiều viết vì thương bạn, chứ không còn mục đích gì, vì lúc viết là lúc đang tủi nhục, đang đói khổ trong cảnh tù đầy.

Thiều viết điệu văn nhưng không than thở u buồn trái lại như tiễn người bạn thơ thiên tài về một thế giới mới. Đang bị tù ở miền núi rừng, trong một đêm trời mưa, anh mở đề thật độc đáo vì Bùi Giáng có tập thơ *Mưa Nguồn*:

Vẫn còn đây buồn bã tiếng mưa nguồn.

Anh biết Sài Gòn từ ngày thay ngôi đổi chủ tiêu điều lấm, và giờ đây máu Bùi Giáng lại đổ nhuộm lè đường:

Thành phố buồn hoen giọt máu chưa khô.

Và chắc chắn Bùi Giáng cũng như Đạm Tiên không ai đoán hoài tới. Đành vậy, ngàn đời sau sẽ có người đắp mộ cho anh,

nghĩa là có người hiểu được giá trị của anh:

*Tài tử nghìn sau đắp hộ nắm mồ
Và cấm cho anh bình hoa quốc sắc*

Thiên tài Bùi Giáng là người luôn ở trạng thái nửa điên nửa tỉnh — “*anh khóc anh cười*” — xử dụng ngôn ngữ cũng vậy — “*câu nghiêng vẫn ngửa*”.

*Tôi nhớ ngày xưa anh khóc anh cười
Anh ném vào đời những câu nghiêng vẫn ngửa*

Những nhà phê bình thơ, nhất là những người nhân cái chết của Bùi Giáng viết thẳng hoa Bùi thiên tài, nhưng chỉ viết về những kỷ niệm, nào Bùi Giáng múa nhảy ngoài chợ, Bùi Giáng dắt bầy chó đi ca hát ngoài đường... Bùi Giáng là học trò của mình v.v... rất ít vị đi sâu vào thơ Bùi dị nhân. Bởi vì khi Bùi Giáng còn sống, rách nát dơ dáy như gã ăn mày, đi chân trần lang thang, sống đầu đường xó chợ, tá túc tại đại học Vạn Hạnh, rất ít người để ý tới.

Trước 1975, tôi thường khen phục trường đại học Vạn Hạnh “*Cái vĩ đại của đại học Vạn Hạnh là chứa chấp Bùi Giáng*” (may cho Bùi Giáng một số thi sĩ, trí thức trẻ có tài, trốn lính tá túc các phòng sau cửa nhà trường, đó là nơi tá túc của Bùi quân). Rồi khi Bùi Giáng chết, có lẽ lương tâm người Việt Nam, nói chung cả hai phe, trong nước và ngoài nước, ít nhiều áy náy vì bỏ quên Bùi Giáng, cho nên vùng lên làm đủ thứ để cũng nhân đó tự thẳng hoa cho mình. Nhưng chưa ai đi sâu vào lĩnh vực thơ Bùi Giáng. Nếu còn Tạ Ký, còn Lê Vinh Thiều, chắc hai người này hiểu rõ Bùi Giáng, vì hai nhà thơ tài hoa này qua lại với Bùi Giáng từ lâu và xem như anh em, như đồng thanh tương ứng. Bởi vậy Bùi Giáng cô đơn kinh khủng. Đi giữa chốn phồn hoa đô thị, Bùi Giáng càng cô đơn hơn lúc còn chần dề ở quê nhà Trung Phước, Quảng Nam:

*Như giữa đêm Đông kẻ chần cừu thiếu lửa
Ngước nhìn lên không thấy một vì sao*

Hai câu trên diễn tả cảnh cô đơn dễ sợ. Đêm đông, kẻ chần cừu không có lửa, nhìn lên trời vẫn quạnh hiu không có gì hết. Đời Bùi Giáng là vậy đó. Cho nên nhiều đêm trắng ra bãi cỏ, ra bờ rào, anh nói chuyện, anh ngâm thơ, anh thuyết pháp với...đé! Hoặc những buổi chiều anh thơ thẩn quẩn luyến với

con chuồn chuồn, con kiến.

*Gửi tấm lòng đến từng con kiến nhỏ,
Giữa trang thơ dòng chữ gọi thiên thu*

Và:

*Gió mùa Xuân cây cỏ gọi anh về
Từng chim bướm gửi lời chào thân ái
Gió nội hương đồng lòng anh lưu luyến mãi
Cánh chuồn chuồn bay đậu thưở hoa niên*

Thiều gặp Bùi Giáng xem như đồng hội đồng thuyền:
“Chúng mình đó hay là hai giọt lệ”:

*Tôi đến với anh một chút tình bè bạn
Vẫn không quên thương mến buổi sơ phùng
Tôi hỏi anh rằng có rằng không
Chúng mình đó hay là hai giọt lệ
Rơi lẫn lóc từ bụi thềm Ngọc Đế
Xuống trần gian sẵn có cõi đau thương
Anh trả lời anh bằng cuộc sống lang thang
Khi phố chật lều tranh khi đầu đường xó chợ.
Bùi Giáng thấy được, cảm được, sống, nên đã viết:
Anh cứ ngỡ đầu đường thương xó chợ,
Nhưng không ngờ xó chợ cũng yêu nhau.*

Thôi, anh Thiều ạ, đêm nay tôi buồn quá.

Anh chết rồi. Chị Rô chết rồi. Tạ Ký chết rồi. Tôn Nghĩa
chết rồi. Phan Nhự Thức chết rồi. Bùi Giáng chết rồi. Nghiêu Đề
chết rồi. Đĩnh Hoàng Sa chết rồi...

Tôi không thể viết nữa.

● NGUYỄN LIỆU

Đêm đông không lạnh lắm, tôi vẫn ghi chặt chiếc cặp vào lòng. Ba tôi nhìn thẳng về phía trước, chăm chú vào con đường xa lộ vắng.

Hai ánh đèn pha của chiếc Toyota Celica màu nâu cũ kỹ không đủ pha ấm màn đêm đen bên ngoài.

- Về nhà, con nhớ kiểm gì ăn nhen.

Ba tôi chột nói.

- Dạ. Ba đừng lo. Có mẹ ở nhà mà.

Sự im lặng quay trở lại. Tôi cứ nhìn về phía trước, không muốn nói nhiều lắm. Đầu óc tôi suy nghĩ lan man, tưởng tượng sau khi chở tôi về nhà, ba tôi sẽ lại quay ra xa lộ này để đi làm. Tôi tưởng tượng ba cặm cụi hút bụi từ phòng này đến phòng khác trong đêm vắng. Đã nhiều đêm như thế và cả đêm nay nữa, đêm giao thừa.

Giờ đây, mười mấy năm sau, viết vài dòng đóng góp vào quyển hồi ký của ba tôi, tôi cứ nhớ về đêm ấy, hai cha con ngồi trong chiếc xe chạy trên xa lộ vắng, không dám nhắc đến những gì đã mất.

Ba tôi đã mất thật nhiều.

Cái buồn trong đêm giao thừa ở San Jose ấy có như nỗi cô đơn vào những buổi chiều tháng chạp ngồi trên bãi biển Côn Đảo nhìn về hướng đất liền?

Có như những khắc khoải trong những đêm cuối năm ở trại tù trên núi Kim Sơn?

Từ người có tiếng qua những việc làm xã hội ở Việt Nam cho đến khi qua Mỹ làm việc mười lăm, mười sáu tiếng mỗi ngày, lặng lẽ quét bụi trên bàn của những tên kỹ sư bằng tuổi con mình, ba tôi có nghĩ về những gì ông đã mất?

Đêm giao thừa chở tôi từ trường về nhà ấy là tiêu biểu của cuộc đời ba tại Mỹ, cuộc đời quá nhiều mất mát.

Nhưng có lẽ đêm ấy cũng là đêm của hy vọng, của tương lai, của người cha đi làm việc khổ cực cho các con có được những cơ hội thành công trên xứ người.

Không có nhiều người cha, trở về nhà vào sáng sớm, sau một đêm dài làm việc, vẫn pha trà và ngâm những bài thơ về những anh hùng hào kiệt trong lịch sử.

Vào những buổi sáng ấy, nghe ba tôi ngâm thơ, tôi đã biết được :

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan,
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới.*

Nghe ba tôi ngâm thơ, tôi hiểu được phần nào tâm hồn của ông. Và dần dần những bài thơ ấy thấm sâu vào linh huyết tôi.

Tôi hiểu được đâu ba tôi có thể đã mất mát rất nhiều trong cuộc đời đầy sóng gió này, nhưng tâm hồn ông không bao giờ bị chinh phục. Một tâm hồn luôn hào hùng và tràn đầy lãng mạn.

Giờ đây tôi càng thấu hiểu được hai câu thơ ba tặng khi tôi còn nhỏ:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông.*

● **NGUYỄN HÒA KIM SƠN, MD**
Boston, tháng mười một, 2007

I

Vì Nguyễn Liệu là người Quảng Ngãi
Nên bình thường hay cãi hay co
Suốt đời vì chữ Tự Do
Cho nên nhiều lúc cũng đành chơi ngang
Chống tham những thì chàng số dzách
Trị trường ty theo cách trường ty
Cạo đầu nắm cổ lôi đi
Dong quanh thị xã chẳng vì thù nhau
Mà bởi lẽ riêng đau việc nước
Trừng trị phường chức tước quyền uy
Dân nghe sung sướng cách gì!
Té ra có kẻ sống vì quốc dân
Vi lý tưởng cầm cân nảy mực
Giữa ban ngày sự thực không oan
Chẳng hề một phút mưu toan
Việc công thì đấu cửa quan không từ
Mến thương nhau kể từ ngày đó
Tuởng chúng mình góp gió thành giông
Bao nhiêu hoài bão uổng công
Chú toàn làm chuyện bao đồng mà hay!
Chuyện tham những ngày nay họ chống
Hỏi còn đâu thể thống quốc gia!
Nếu như bọn họ bên nhà
Có thêm nhiều kẻ như là Nguyễn quân
Không thêm trị những dân tốt đồ
Cứ đem phường đấu số ra chơi
Thằng Anh, thằng Mạnh, thằng Mười
Thằng nào tránh khỏi mắt người dân đen
Giờ gặp chú phải khen ngợi chú
Chỉ mong rằng cái thú vì dân
Để không còn nghĩ đến thân
Do tinh thần ấy mình trân trọng mình

Người tuy mất nhưng tình để lại
Chu Tử còn tồn tại trong ta
Trăm năm chưa gọi là già
Tuy rằng chóng gậy nhưng mà vẫn “ngon”

30-6-2007

II

Oi anh bạn không ngoài mặt trận,
Tuồng đâu anh lận đận suốt đời
Sang đây thấy sướng quá trời
Vợ xinh con đẹp tuyệt vời phải không
Anh sở dĩ thành công như vậy
Bởi luôn luôn tin cậy vào mình
Cùng bè cùng bạn chí tình
Ngôi trường nghĩa thực công trình chúng ta
Chỉ mong ước quốc gia hưng thịnh
Không a dua không nịnh cửa quyền
Chỉ lo toàn chuyện “hảo huyền”
Không gàn không dở không điên bao giờ
Các kẻ sĩ nào ngò chạy tới
Góp bàn tay cùng với anh em
Gương xưa nghĩa thực vẫn thêm
Phát huy trí dục lại đem ra bàn
Tôi cũng dựa vào “màn” tổ chức
Chu Tử càng nô nức say sưa
Liệu oi, chuyện ấy tuy xưa
Nhưng mình vẫn tưởng như vừa mới đây
Bao chuyện lớn ta xây ta đắp
Chỉ mong rằng cùng khắp Việt Nam
Những người thiện chí gắng làm
Lẽ nào mình lại đành cam đứng ngoài

31-6-2007

● HÀ THƯỢNG NHÂN

**CHÂN DUNG
NGUYỄN LIỆU**

1

*Nước từ rừng khơi
Đồn về trũng thấp
Tinh hoa lòng đất
Tích chứa một nơi*

2

*Muôn suối đổ về sông
Ngàn sông rót vào biển
Bút mực thơm kinh điển
Tang bồng réo mười phương*

3

*Biển tụ dòng khơi
Phân chia vạn nẻo
Lòng trai một mối
Trang trải muôn nơi
Mài ba thước kiếm xoay đời
Sá gì triều hạ, triều vơi, lệch bằng
Kể gì bão táp mưa giăng
Ngại gì lưới mối miệng lẫn thị phi*

4

*Trời sinh hào kiệt
Đất dưỡng anh hùng
Khí thiêng sông núi chập chùng
Đội trời
Đạp đất*

Vấy vũng
Quang côn

5

Tài xê đá
Chí lấp cồn
Gươm phăng kinh ngạc
Kiếm dồn sói lang
Thời oai chấn
Thuở ngang tàng
Kiếm phong gió bạt
Cung làn mây xô

6

Buổi ly loạn: ra tướng võ
Thuở thanh bình: vào quan văn
Vung đao chém tướng
Phóng kích thu thành
Kinh luân một vài túi gấm
Thao lược mấy hòm kinh thiêng

7

Vận nước ngã nghiêng
Phận người ly tán
Thế trôi hoài vọng
Thời giạt đảo điên
Quê hương gấm vóc một miền
Sông Trà
Núi Ấn
Tang điền
Bể dâu

8

*Danh là đây
Phận là đâu
Quê cha biệt cách
Đất mẹ trùng trùng xa
Mấy kẻ tương giao
Vài người tri kỷ
Sáng ngâm thơ Lương Phủ
Chiều hát khúc Ly Tao*

9

*Dãm ba bạn tri âm
Một vài vò mỹ tửu
Hận thân thế
Say mang mang
Đường gươm rượu tiễn chưa tàn
Trời chênh nắng xế
Trăng tàn sương khuya*

10

*Nước non, hê, vạn dặm
Tang bồng, hê, xa xăm
Chí lớn, hê, lở vụn
Mây tần, hê, đăm đăm
Bên trời băng giá căm căm
Còn đây thân phận tơ tằm rẽ riêng*

*Phù Hư am,
Aug. 27th, 2007*

● **VÕ THẠNH VĂN**



724 ● ĐÒI TÔI

Tủ sách
Tiếng Quê Hương

P.O Box 4653 — Falls Church — VA 22044

Chủ trương:
UYÊN THAO

với sự cộng tác của

**HÀ THƯỢNG NHÂN * DOÃN QUỐC SỸ * MINH VÕ
* TRẦN PHONG VŨ * VƯƠNG ĐỨC LỆ * LÊ THIỆP *
ĐÀM QUANG LÂM * HOÀNG HẢI THỦY
* THÁI THỦY * HÀ THỂ RUYỆT * HỒNG DƯƠNG *
HOÀNG SONG LIÊM * PHAN DIÊN * VŨ ÁNH
* TRỊNH ĐÌNH THẮNG * LÃ HUY QUÝ *
HOÀNG NGỌC LIÊN * THANH THƯƠNG HOÀNG
* TRÙNG DƯƠNG * PHÙNG THỊ HẠNH *
LÊ PHÚ NHUẬN * NGUYỄN THIÊN AN * CHU TẤN
* NGUYỄN TUYẾN * NGUYỄN HỮU ĐIỀN *
VIỆT DƯƠNG * TRƯƠNG CAM VĨNH * XUÂN BÍCH
* PHẠM QUỐC BẢO * PHẠM TRẦN *
ĐẶNG ĐÌNH KHIẾT * DU THỊ DIỄM BUỒN
* PHÓ HỒNG HÀ * MẠC LÝ HƯƠNG ***



Địa chỉ liên lạc:

**Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653
Falls Church – VA 22044**

E-mail : uyenthao1@yahoo.com
& uyenthao1@juno.com

Mời bạn hưởng ứng tham gia

NHÓM BẠN YÊU QUÍ SÁCH TIẾNG QUÊ HƯƠNG

(TiengQueHuong BookClub)

1 ● Sau hơn 30 năm định cư ở hải ngoại, đa số đồng hương đã quan tâm tới những nhu cầu tinh thần có tính lâu dài, trong đó có việc sưu tập và lưu giữ sách báo Việt Ngữ như một thứ tài sản tinh thần để lại cho con cháu. Tuy nhiên công việc này đã và đang còn gặp một số trở ngại:

- Nhiều người định cư ở những nơi xa, thừa thớt đồng hương nên ít có phương tiện theo dõi tình hình sinh hoạt sách báo Việt ngữ và gửi mua các tác phẩm theo sở thích.

- Với người cư ngụ tại các nơi đông đảo người Việt thì sự phong phú của sách báo Việt ngữ lại nảy sinh khó khăn là sách quá nhiều và đa dạng nên không dễ chọn một tác phẩm khi đứng trước cả rừng sách.

2 ● Từ cuối năm 2000, Tủ Sách Tiếng Quê Hương ra mắt với chủ trương giới thiệu các tác phẩm phản ánh mọi cảnh ngộ cũng như tâm tư của người dân Việt Nam trong một giai đoạn khắc nghiệt.

Sau 5 năm hoạt động, Tủ Sách đã ấn hành hơn 20 tác phẩm thuộc nhiều thể loại của các tác giả không quy phục bạo quyền và danh lợi. Đây là những cây bút từng chia xẻ không ít nghịch cảnh bi đát với mọi người và vẫn kiên trì thể hiện ý chí bất khuất của các chứng nhân trung thực. Tủ Sách TQH đã hết sức cố gắng để các tiếng nói trung thực trên không bị tắt nghẽn bởi bất kỳ lý do nào, đồng thời cũng để góp phần duy trì, phổ biến tiếng Việt và chữ Việt nơi cộng đồng hải ngoại trong ý hướng giữ mãi mối dây nối kết với truyền thống quê hương cho các thế hệ tiếp nối.

3 ● Để tăng hiệu năng công việc, Nhóm Chủ Trương Tủ Sách đang thực hiện một bước đi mới là vận động thành lập một tập hợp độc giả yêu quý sách Tiếng Việt lấy tên là NHÓM BẠN YÊU QUÍ SÁCH TIẾNG QUÊ HƯƠNG – TQH BOOK CLUB.

Bước đi này trước hết nhằm giúp các bạn dễ theo dõi và khỏi bận tâm về việc lựa chọn giữa cả rừng sách báo tuy phong phú nhưng cũng rất phức tạp hiện nay. Kế tiếp, sự hưởng ứng của các bạn yêu quý sách chắc chắn sẽ giúp tăng điều kiện thuận tiện cho cơ hội duy trì và phát triển tiếng Việt tại hải ngoại. Đây cũng là phần đóng góp cấp thiết vào sự thúc đẩy nỗ lực tìm một hướng đổi đời cho đất nước vốn vẫn như ngọn lửa đang hùng hực nóng trong tim mỗi người Việt Nam.

4 ● Để trở thành thành viên, bạn chỉ cần ghi các chi tiết cần thiết vào mẫu phiếu gia nhập, gửi về địa chỉ của Tủ Sách TQH và không phải trả bất cứ lệ phí nào. Thành viên TQH BOOK CLUB được thường xuyên cung cấp những Phiếu Thông Tin về Sách mới được ấn hành để dễ dàng chọn lựa tác phẩm ưa thích. Theo dự trù, khi số thành viên tham gia đông đảo, Tủ Sách sẽ ấn hành một BẢN TIN SÁCH với nội dung ngoài việc thông tin còn gồm các bài điểm sách do những cây bút chuyên nghiệp đảm trách. BẢN TIN SÁCH sẽ gửi thường xuyên tới từng thành viên. Việc giới thiệu sách sẽ mở rộng tới mọi tác phẩm giá trị của các cá nhân hoặc tổ hợp xuất bản khác để bạn đọc có thể mở rộng hơn phạm vi lựa chọn.

5 ● Thành viên đồng ý trở thành ĐỘC GIẢ DÀI HẠN của Tủ Sách TQH sẽ nhận được sách gửi tới tận nhà ngay khi sách in xong và được giảm giá mua chỉ còn bằng 75% giá đề.

Ước mong đông đảo bạn đọc hưởng ứng tham gia TQH BOOK CLUB và đồng ý trở thành ĐỘC GIẢ DÀI HẠN của Tủ Sách TQH để sinh hoạt sách báo Việt ngữ hải ngoại ngày càng phong phú, góp phần hữu hiệu cho sự hiện hình những mong mỏi hằng ấp ủ của chúng ta.

Xin ghi các chi tiết cần thiết theo mẫu sau
và gửi thư về *TIẾNG QUÊ HƯƠNG* qua 2 địa chỉ sau:
P.O Box 4653 — Falls Church — VA 22044
hoặc :
14924 Dillow St. — Westminster — CA 92683

PHIẾU GIA NHẬP TIẾNG QUÊ HƯƠNG BOOKCLUB

Họ và tên
Địa chỉ
.....
Điện thoại
E-mail (nếu có).....

Xin ghi tên tôi vào danh sách thành viên TQH BOOKCLUB.

Ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên.

* Ghi tên vào danh sách độc giả dài hạn
của Tủ Sách Tiếng Quê Hương :

ĐỒNG Ý / KHÔNG

Xin
tìm đọc
tác phẩm
của

Sách
Ti **Tiếng Quê Hương**
TIENGQUEHUONG BOOK CLUB

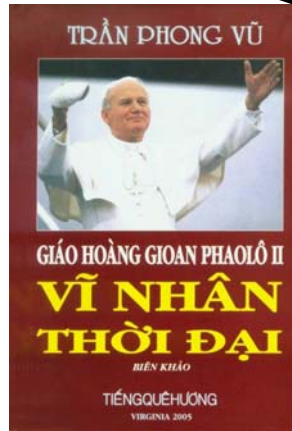


- 01> **THÂN PHẬN MA TRÔI**
*Truyện * NGUYỄN THỤY LONG* —Mười Tám Mk (Hết)
- 02> **GIỮA ĐÊM TRƯỜNG**
*Hồi ký * NGUYỄN THỤY LONG* —Mười Bốn Mk (Hết)
- 03> **THƠ VƯƠNG ĐỨC LỆ**
*Mấy vần thơ còn sót lại
trong trí nhớ* —Hai Mươi Mk
- 04> **THƠ MAI TRUNG TĨNH**
*Ngoài Vườn Địa Đàng
Những Bài Thơ Xuôi* —Mười Lăm Mk (Hết)
- 05> **NGÃ TƯ HOÀNG HÔN**
*iểu thuyết * VĂN QUANG* —Mười Tám Mk (Hết)
- 06> **Tâm Sự Nước Non : AI GIẾT HỒ CHÍ MINH?**
*Tiểu luận * MINH VÕ* —Mười Tám Mk (Hết)
- 07> **TRONG ÁNH LỬA THÙ**
*Dã sử tiểu thuyết * UYÊN THAO* —Hai Mươi Mk (Hết)
- 08> **SỐNG & CHẾT Ở SÀI GÒN**
*Hồi ký * HOÀNG HẢI THỦY* —Hai Mươi Mk

- 09> **CHÂN ƯỚT CHÂN RÁO**
*Ký sự * LÊ THIỆP* —Hai Mươi Mk (Hết)
- 10> **THƠ TÌNH VƯƠNG ĐỨC LỆ**
*Thơ * VƯƠNG ĐỨC LỆ* —Hai Mươi Mk
- 11> **TÀN TRUNG TÁC**
*Thơ * MA XUÂN ĐẠO* —Mười Lăm Mk
- 12> **HỒ CHÍ MINH – Nhận Định Tổng Hợp (Tái bản I)**
*Biên khảo * MINH VÕ* — Ba Mươi Hai Mk
- 13> **VIẾT Ở RỪNG PHONG**
*Tạp bút * HOÀNG HÁI THỦY* — Hai Mươi Mk
- 14> **VIẾT VỀ BÈ BẠN**
*Hồi ký * BÙI NGỌC TẤN* —Hai Mươi Mk (Hết)
- 15> **TRẮNG TRÊN ĐEN**
*Hồi ký * RUBEN DAVID GONZALEZ-GALLEGO*
** VŨ THƯ HIÊN dịch* —Mười Lăm Mk
- 16> **LÊN ĐỜI – Tập I**
*Phóng sự * VĂN QUANG* —Hai Mươi Lăm Mk (Hết)
- 17> **HOA PHƯỢNG**
*Thơ * NGUYỄN THỊ HOÀI THANH* — Mười Hai Mk
- 18> **THƯ GỬI VÀO KHÔNG**
*Tâm bút * MAI NGUYỄN* —Hai Mươi Lăm Mk



PHÁT HÀNH 2006



GIÁO HOÀNG
GIOAN PHAOLÔ II
VĨ NHÂN THỜI ĐẠI

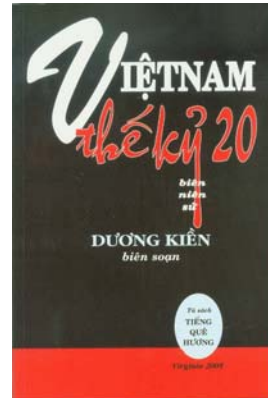
*Biên khảo * TRẦN PHONG VŨ*

• Bốn Mươi Mk

VIỆT NAM
THẾ KỶ 20

*Biên niên sử * DƯƠNG KIẾN*

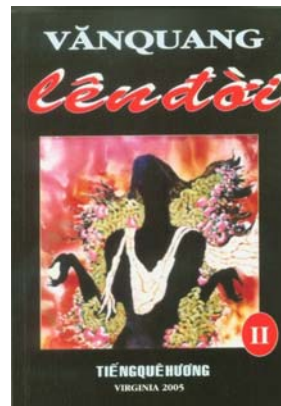
• Mười Lăm Mk



THƠ GIỮA
ĐỜI THƯỜNG

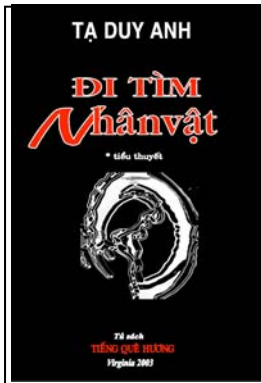
** Thơ VƯƠNG ĐỨC LỆ*

• Hai Mươi Mk



LÊN ĐỜI – Tập 2
** Phóng sự tiểu thuyết*
VĂN QUANG

• Hai Mươi Lăm Mk



ĐI TÌM NHÂN VẬT

*Tiểu thuyết * TẠ DUY ANH*

Bức chân dung toàn cảnh về cuộc sống và con người Việt Nam đã khiến tác phẩm lập tức bị tịch thu ngay khi vừa in xong năm 2002 tại Việt Nam.

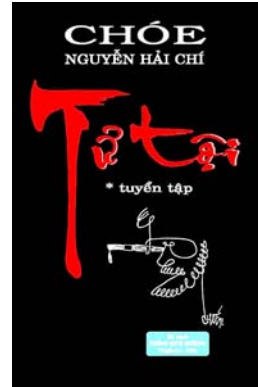
— Hai mươi Mk

TỬ TỘI

*Tuyển tập * CHOÉ*

Tâm sự của họa sĩ trước 1975 từng là một trong 10 cây biếm họa hàng đầu thế giới, sau 4-1975 đã phải sống với cặp mắt bị lóa do hậu quả từ đây nhiều năm ...

— Hai mươi lăm Mk



CHÂN TRỜI TÍM

*Tiểu thuyết * VĂN QUANG*

Tác phẩm gói đầu giường của thế hệ trẻ thập niên 60 ghi lại cuộc sống và tâm tư của tuổi trẻ VN đã bị vùi lấp từ sau 30-4-1975.

— Hai mươi Mk

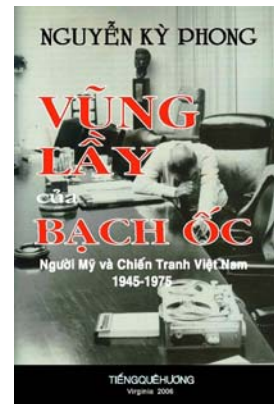
VỮNG LẦY CỦA BẠCH ỐC

Người Mỹ và Chiến Tranh VN

*Sưu khảo * NGUYỄN KỶ PHONG*

200 hình ảnh đặc biệt và tài liệu được giải mật suốt hơn mười năm qua về nhiều khía cạnh của cuộc chiến VN

— Ba Mươi Mk



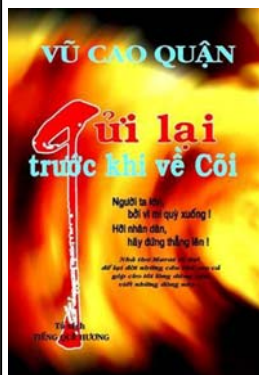
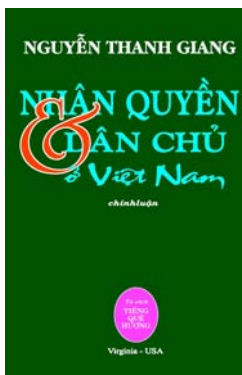
PHÁT HÀNH 2007

NHÂN QUYỀN & DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM

*Chính luận * NGUYỄN THANH GIANG*

Tiếng nói thiết tha và quả cảm đòi quyền sống của
những người trực diện tranh đấu với bạo quyền...

— Hai mươi Mk



GỬI LẠI TRƯỚC KHI VỀ CỐI

*Tâm bút * VŨ CAO QUẬN*

Tâm sự cuối đời của một người dân thân vào lửa đạn từ
tuổi 13 nhưng ở tuổi 70 lại thấy sự hy sinh của bản thân
và bạn bè chỉ bị lợi dụng tàn khốc...

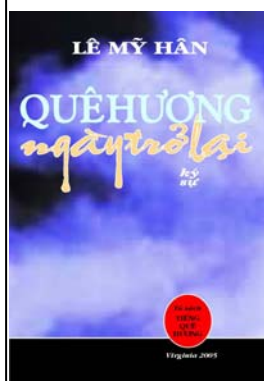
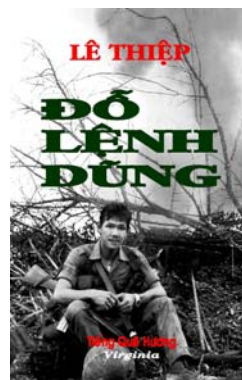
— Mười Lăm Mk

ĐỔ LỆNH DỪNG

*Truyện ký * LÊ THIỆP*

Những chặng đường của một người trẻ trong cuộc
chiến VIỆT NAM từ giữa vòng lửa đạn tới thân phận
tù binh trên đường mòn HCM và những trại giam
từ Bắc vào Nam...

— Hai mươi lăm Mk



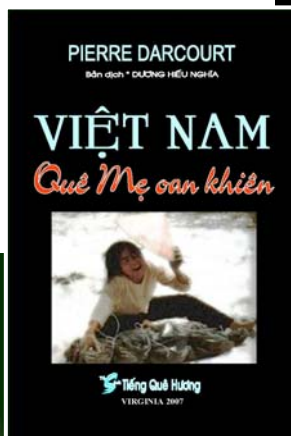
QUÊ HƯƠNG NGÀY TRỞ LẠI

*Ký sự * LÊ MỸ HÂN*

Hình ảnh thực tế VN qua ghi nhận của một phụ nữ từ
Tokyo trở lại thăm quê nhà và mái trường xưa...

— Hai mươi Mk

**BA
TÁC
PHẨM
ĐANG
PHÁT
HÀNH**



① VŨ TRỤ KHÔNG CÙNG

Tuyển truyện BÙI NGỌC TẤN

Ấn phí: Hai Mươi Mk

② VIỆT NAM – QUÊ MẸ OAN KHIÊN

Ký sự PIERRE DARCOURT – DƯƠNG HIẾU NGHĨA dịch

Ấn phí : Hai Mươi Lăm Mk

③ SAU BỨC MÀN ĐỎ

Hậu trường Chính Trị VN sau 1975

Sưu khảo HOÀNG DUNG

Ấn phí : Hai Mươi Lăm Mk



**SẮP
PHÁT HÀNH**

❶ SINH RA ĐỂ CHẾT

*Tiểu thuyết * TẠ DUY ANH*

Ấn phí: Hai Mươi Mk

❷ MỘT NGƯỜI, MỘT ĐỜI

*Truyện ký * LÊ MỸ HÂN*

Ấn phí : Hai Mươi Mk

❸ NƠI KHÔNG CÓ CHÂN TRỜI

*Truyện dài * BÙI NGỌC TẤN*

Ấn phí : Hai Mươi Mk

**2009
PHÁT HÀNH**

❶ LỮNG THƯỜNG GIỮA ĐỜI

*Tạp ký * LÊ THIỆP*

❷ SÀI GÒN CÁT BỤI

*Hồi ký * HÀNG NGỌC HÂN*

❸ MƯA NẮNG QUÊ NHÀ

*Tạp ký * UYÊN THAO*



ĐỜI TÔI

Hồi ký * NGUYỄN LIỆU

Ấn phí : Ba Mươi Mỹ Kim

Mọi giao dịch xin gửi thư về:

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653 – Falls Church – VA 22044

E-mail:

uyenthao1@juno.com hay uyenthao1@yahoo.com

* Sách giao tận nhà, thêm 3 USD lệ phí Bưu Điện

* Ngân phiếu xin ghi trả cho: TIẾNG QUÊ HƯƠNG



